

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

欽定越史通鑑綱目

Khâm
Định
Việt
Sử
Thông
Giám
Cương
Mục

Tựa sách:	Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục	Năm
Soạn giả:	Quốc Sử Quán Triều Nguyễn	1856-1881
Dịch giả:	Viện Sử Học	1957-1960
Nhà xuất bản:	Giáo Dục - Hà Nội	1998
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Thanh Quyên	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên

Quyển thứ I

Hùng Vương. Dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu

Hùng Bàng thị. Đầu là Kinh Dương Vương, tương truyền là vua trước tiên của nước Việt ta. Kinh Dương Vương sinh Lạc Long Quân. Hùng Vương là con Lạc Long Quân.

Nguyên xưa, Đế Minh, cháu ba đời Viêm đế Thần Nông thị¹, đi tuần sang Nam, đến Ngũ Lĩnh², lấy Vụ tiên nữ, sinh con là Lộc Tục có đức tính hoàn toàn. Đế Minh yêu Lộc Tục lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Bấy giờ mới lập Đế Nghi làm vua nối ngôi, thống trị phương Bắc (Trung Quốc), phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương, thống trị phương Nam.

Kinh Dương Vương sinh con là Sùng Lãm, gọi là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, sinh trăm con trai. Ấy là tổ tiên của Bách Việt³, suy tôn người trưởng lên làm Hùng Vương, nối ngôi vua, dựng nước gọi là nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu; truyền nối mười tám đời đều gọi là Hùng Vương.

Thời bấy giờ, cư dân khi xuống nước, hay bị loài giao long làm hại, Hùng Vương dạy dân lấy mực vẽ hình loài thủy quái xăm vào mình. Từ đó mới tránh khỏi nạn. Nước ta cái tục xăm mình có lẽ bắt đầu từ đây.

Lời cần án - Phong Châu: **Sử cũ** chưa "tức là Bạch Hạc". **Đường thư** Địa lý chí chép: "Phong Châu thống lĩnh năm huyện". **Thái Bình hoàn vũ ký** của Nhạc Sử triều Tống chép: "Quận Thừa Hóa Phong Châu xưa là nước Văn Lang". Như thế thì Phong Châu tức là địa hạt phủ Vĩnh Tường⁴ và phủ Lâm Thao⁵ thuộc tỉnh Sơn Tây bây giờ. Và lại, còn bằng cứ là huyện Sơn Vi có núi Hùng Vương⁶ và đền Hùng Vương⁷, vậy không thể riêng chỉ Bạch Hạc được. Còn Đế Minh chưa từng đi tuần sang Nam, việc bảo là lấy vợ tiên nữ thì thật là quái lạ lắm. Nhưng hễ cứ chép lại để truyền nghi.

Lời chưa - Sinh trăm con trai: **Sử cũ** chép Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, con gái Đế Lai, sinh được trăm con trai; tục truyền đẻ ra trăm trứng. Một hôm, Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: "Ta là loài rồng, mình là giống tiên, một người mình thủy, một người mình hỏa, xung khắc nhau, khó ở chung mãi với nhau được". Hai người bèn từ biệt nhau, chia năm mươi con theo mẹ về miền núi, chia năm mươi con theo cha về miền Nam, suy tôn người con trưởng lên làm Hùng Vương nối ngôi vua.

Truyền mười tám đời: An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng chép. "Giao Chỉ khi chưa đặt làm quận huyện, bấy giờ có ruộng Lạc, theo nước triều lên xuống mà làm ruộng, khai khẩn ruộng ấy là Lạc dân, thống trị dân ấy là Lạc Vương, người giúp việc là

¹ Thần Nông thị, một vua đời thượng cổ Trung Quốc, lấy lửa tượng trưng cho đức tính mình, nên gọi là Viêm đế, bắt đầu chế cày bừa, dạy dân làm ruộng, nên gọi là Thần Nông thị.

² Xem Tb.1, 14-15.

³ Xưa, đất vùng các tỉnh Giang, Chiết, Mân, Việt là chỗ Việt tộc ở, gọi là Bách Việt, như: Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Việt Nam.

⁴ Vĩnh Tường nay thuộc Vĩnh Phúc.

⁵ Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁶ Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

⁷ Nay ở địa phận huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

Lạc Tướng: đều dùng ấn đồng thao xanh. Nước gọi là Văn Lang. Phong tục thuần hậu, mộc mạc, chưa có chữ nghĩa, còn dùng lối thắt nút dây làm dấu ghi nhớ; truyền được mười tám đời".

Lời phê - Kinh Thi có câu: "Tắc bách tư nam" (hàng trăm con trai). Đó là chúc tụng cho nhiều con trai đầy thôi, xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy, huống chi lại nói là đẻ ra trăm trứng! Nếu quả vậy, thì khác gì chim muông, sao gọi là loài người được? Dấu đến như chuyện nuốt trứng chim huyền điểu¹, giẫm vào dấu chân người lớn² cũng chưa quái lạ quá lắm như thế. Vậy thì chuyện này dường cũng hoang đường, lơ mờ, không kê cứu như chuyện "mình răn đầu người, mình người đầu trâu đó chẳng?".

Chia trong nước làm mười lăm bộ

Bắt đầu chia trong nước làm mười lăm bộ³ là: bộ Giao Chỉ, bộ Chu Diên, bộ Vũ Ninh, bộ Phúc Lộc, bộ Việt Thường, bộ Ninh Hải, bộ Dương Tuyền, bộ Lục Hải, bộ Vũ Định, bộ Hoài Hoan, bộ Cửu Châu, bộ Bình Văn, bộ Tân Hưng, bộ Cửu Đức, còn bộ Văn Lang là chỗ nhà vua đóng đô. Địa giới nước Văn Lang bấy giờ phía đông giáp biển Nam, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình Hồ, phía nam giáp Hồ Tôn.

Lời cần án - Địa giới nước ta từ Trần (1225-1399), Lê (1428-1527) về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía nam giáp Chiêm Thành, phía bắc giáp Quảng Tây, phía đông bắc giáp Quảng Đông, phía tây nam giáp Lão Qua. So sánh với các sách dư địa quận quốc thiên hạ chép nước An Nam phía đông giáp biển, phía tây giáp tỉnh Vân Nam và nước Lão Qua, phía nam giáp nước Chiêm Thành, phía bắc giáp tỉnh Quảng Tây thì đại lược cũng giống nhau.

Đến Quốc triều⁴ ta, liệt thánh⁵ gây dựng cơ sở ở miền Nam, rồi Thế tổ Cao hoàng đế⁶ ta đại định đất nước, thống nhất cả nước Việt: đông giáp biển cả, tây giáp Vân Nam, nam giáp Cao Miên, bắc giáp Quảng Đông và Quảng Tây: bờ cõi rộng rãi, chưa có đời nào được thế. Nhưng cách hồ Động Đình và đất Ba Thục còn xa lắm, thế mà **Sử cũ** chép nước Văn Lang phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Động Đình, chẳng cũng xa sự thực lắm dư! Nay, Động Đình giáp hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc, thực ra ở về phía bắc Bách Việt; mà Ba Thục với Văn Lang còn cách Tuấn Điền (nay thuộc Vân Nam) không liền đất nhau. Chẳng qua **Sử cũ** chép quá khoa trương. Việc này với việc Thục Vương sau đây đều là hư truyền cả, mà chưa khảo cứu được. Và lại, mười lăm bộ đã chia đó đều ở trong địa hạt Giao Chỉ và Chu Diên, chứ không có bộ nào ở về phương Bắc (Trung Quốc). Như thế đủ chứng tỏ là không đúng sự thực.

Lời phê - Theo sách **Đại Thanh nhất thống chí** ngày nay, Quảng Tây với Hồ Nam, Hồ Bắc, Vân Nam và Tứ Xuyên, tức là đất Sở và Thục xưa đó. Nào biết giáp giới những đâu! Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được nữa. Mọi việc khác cũng đại loại như thế đấy.

¹ Vợ thứ Đế Cốc là Giản Dịch, cầu tự ở thần Cao Mồi, bắt được quả trứng chim huyền điểu, nuốt rồi có mang, sinh ra ông Tiết, làm quan tư đồ đời Đường, Ngu, được phong ở đất Thương, tức là tiên tổ nhà Ân Thương. (Lịch sử cương mục bổ 1, 11).

² Mẹ Phục Hi ở bến Hoa Tư, giẫm vào vết chân của người to lớn, trong bụng thấy cảm động, rồi sinh ra Phục Hi. (Thông giám tập lãm 1, 1).

³ Xem lời chua ở sau.

⁴ Triều Nguyễn.

⁵ Chỉ các chúa Nguyễn.

⁶ Miếu hiệu của Gia Long Nguyễn Ánh.

Lời chua - Mười lăm bộ: Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiên Túng có chua: Sơn Nam (bây giờ là Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên)¹ xưa là bộ Giao Chỉ;

Sơn Tây xưa là bộ Chu Diên, bộ Phúc Lộc;

Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh)² xưa là bộ Vũ Ninh;

Thuận Hóa (bây giờ là từ Hải Lăng thuộc Quảng Trị đến Điện Bàn thuộc Quảng Nam)³ xưa là bộ Việt Thường;

An Bang (bây giờ là Quảng Yên)⁴ xưa là bộ Ninh Hải;

Hải Dương xưa là bộ Dương Tuyền;

Lạng Sơn xưa là bộ Lục Hải;

Thái Nguyên, Cao Bằng xưa là bộ Vũ định nội ngoại;

Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan;

Thanh Hóa xưa là bộ Cửu Chân;

Hưng Hóa và Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng;

Còn hai bộ Bình Văn và Cửu Đức thì đều khuyết nghi. Nay khảo ở sách Tấn chí, quận Cửu Đức, do nhà Ngô đặt, nay là đất Hà Tĩnh.

Hồ tôn, Sử cũ chua tức là nước Chiêm Thành, bây giờ là đất Bình Định.

Đặt danh hiệu quan chức.

Bắt đầu đặt quan chức: tướng văn gọi là Lạc Hầu; tướng võ gọi là Lạc tướng; hữu tư⁵ gọi là Bồ chính; con trai của vua gọi là Quan Lang, con gái của vua gọi là Mị Nương. Cứ đời nọ đến đời kia, cha truyền con nối, gọi là phụ đạo.

Đế Nghiêu nhà Đường⁶ sai Hi Thúc⁷ giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, lý hội thời tiết mùa hè (lý nam ngoa).

Kinh Thư, thiên "Nghiêu điển" chép: vua Nghiêu lại sai Hi Thúc giữ việc suy trắc khí hậu ở Nam Giao, điều hoà mọi việc theo thời tiết sớm muộn về mùa hè, kính cẩn ghi bóng mặt trời lúc đến giữa trưa, theo như thời tiết hạ chí⁸, ban ngày thì ngày dài, ban đêm thì lúc chập tối sao trung tinh là đại hỏa, suy

¹ Sơn Nam nay gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình (đến Lê Cảnh Hưng thứ hai (1741) đặt làm Thanh Hoa ngoại trấn) và các huyện Kim Động, Ân Thi, Châu Giang (phần huyện Khoái Châu cũ) thuộc tỉnh Hưng Yên; Thanh Trì (Hà Nội); Thường Tín, Ứng Hòa, Phú Xuyên (Hà Tây).

² Nay là Bắc Giang, Bắc Ninh;

³ Gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

⁴ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

⁵ Quan chức nói chung, đời cổ đặt quan chức chia công việc, mỗi người chuyên giữ một nhiệm vụ riêng. Hữu tư đây có lẽ là viên chức hành chính cấp dưới.

⁶ Một vua trong ngũ đế về thời thượng cổ Trung Quốc (2257-2258 tr.c.ng.), con Đế Khốc, họ là Y Kỳ, hiệu là Phóng Huân, lúc đầu được phong là Đường hầu, khi làm vua đóng đô ở đất Đào, nên gọi là Đào đường thị, trị vì 100 năm, truyền ngôi cho Ngu Thuấn.

⁷ Một trong bốn viên quan (Hi Trọng, Hi Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc) giữ việc làm lịch về đời Đế Nghiêu. Khi lịch đã làm xong, Đế Nghiêu sợ suy trắc hoặc có chỗ sai lầm, nên lại phân phối bốn viên quan ấy mỗi người giữ việc suy trắc kỹ lại khí hậu ở một phương, về phần Hi Thúc chịu trách nhiệm ở Nam Giao.

⁸ Vào giữa tháng 5 âm lịch, ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch, ngày hôm ấy ở Bắc bán cầu ngày rất dài, đêm rất ngắn, ở Nam bán cầu thì trái lại.

trắc lại cẩn thận, để cho tháng trọng hạ¹ được đúng với thời tiết; lại phải xem xét đến việc thay đổi của người và vật: lúc ấy dân ở phân tán, chim muông lông thưa thớt và thay đổi.

Lời chua - Theo tập truyện của họ Thái²:

Nam Giao: Đất Giao Chỉ ở phương Nam.

Nam Ngoa³: Mùa hè là mùa mọi vật sinh sản phần thịnh, cần suy trắc kỹ để thay đổi những việc nên làm. - Theo sách Thông chí của Trịnh Tiều⁴, Hi Thúc đóng ở Nam Giao, lý hội thời tiết về mùa hè, để cho đúng tiết hạ chí.

Lần đầu tiên sai sứ sang nhà Đường (2357-2258 tr.c.ng.) dâng con rùa thần.

Sách Cương mục Tiền biên của Kim Lý Tường chép rằng: Năm Mậu Thân thứ năm đời Đường Nghiêu, Việt Thường thị sang châu, dâng con rùa thần.

Lời chua - Rùa thần: Theo Thông chí của Trịnh Tiều, về đời Đào Đường, phương Nam có Việt Thường thị qua hai lần sứ dịch sang châu, dâng con rùa thần; có lẽ nó được đến nghìn năm, mình nó hơn ba thước⁵, trên lưng có văn khoa đầu⁶ ghi việc từ khi trời đất mới mở mang trở về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy, gọi là Quy lịch (lịch Rùa).

Sai sứ sang nhà Chu, dâng chim trĩ trắng.

Sử ký (Trung Quốc) chép: Năm Tân Mão thứ sáu (1110 tr.c.ng.) đời Thành Vương nhà Chu, phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng. Chu công nói: "Đức trạch chưa thấm khắp đến phương xa, người quân tử không nhận đồ lễ ra mắt; chính lệnh chưa ban ra tới, người quân tử không bắt người ta thần phục". Theo lời thông dịch, sứ giả muốn nói: "Ông già trong nước chúng tôi có nói: "Trời mưa không dầm gió dữ và biển không nổi sóng đã ba năm nay, ý chùng Trung Quốc có thánh nhân chăng?". Vì thế, chúng tôi sang châu". Chu Công đem dâng lễ vật lên nhà tôn miếu. Sứ giả không thuộc đường về, Chu Công cho năm cỗ xe biên⁷ đều làm theo lối chỉ nam. Sứ giả đi xe ấy theo ven biển nước Phù Nam và nước Lâm Ấp, vừa một năm mới về đến nước.

Lời chua - Phù Nam: Theo Phương dư ký yếu, nước Phù Nam ở trong cù lao lớn về phía tây Nam Hải thuộc quận Nhật Nam và ở về phía Tây Nam nước Lâm Ấp, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, cách nước Lâm Ấp hơn ba nghìn dặm về phía Tây, diện tích được hơn ba nghìn dặm.

Lâm Ấp: Tên nước. Xem năm Vĩnh Hòa thứ 9 khi thuộc Tấn, Mục đế (Tb 3, 20-21)

Thục vương Phán đem quân sang xâm. Hùng Vương nhay xuống giếng chết. Nước Văn Lang mất.

Trước kia, Hùng Vương có con gái gọi là Mị Nương. Thục vương nghe tin, sai sứ đến cầu hôn. Hùng Vương muốn gả cho, nhưng Lạc Hầu can rằng: "Ý nó muốn toan tính ta đây, chẳng qua mượn tiếng cầu hôn đó thôi". Thành thử việc đó thôi hẳn. Thục vương căm giận lắm, dặn con cháu sau thế nào

¹ Âm lịch chia mỗi mùa 3 tháng, theo thứ tự mạnh, trọng, quý; trọng hạ là giữa mùa hè, tức tháng 5 âm lịch.

² Tên là Trừng, tự là Trọng Mặc, người huyện Kiến Dương, phủ Kiến Ninh, tức đạo Kiến An thuộc tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc bây giờ). Thái Trừng là người làm **Tập truyện kinh Thư**.

³ Phần Cương trong nguyên văn có ba chữ "lý nam ngoa", nên trong **Lời chua** này mới nói đến.

⁴ Tên tự là Nghi Trọng, người ở Phú Điền, tức đạo Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến bây giờ, Trịnh Tiều làm quan Khu mật viện biên tu triều Tống, có làm sách **Thông chí** 200 quyển.

⁵ Thước cổ, độ 32 công phân (0m32).

⁶ Lối chữ cổ đời nhà Chu (1134-250 tr.c.ng.): đầu to, đuôi nhỏ, giống con nòng nọc, nên tục gọi là lối chữ "khoa đầu" (nòng nọc).

⁷ Thứ xe dùng cho phụ nữ, có vài che.

cũng phải diệt nước Văn Lang. Đến bấy giờ, cháu là Thục Phán có sức mạnh và mưu lược, nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương. Hùng Vương quân giỏi, tướng mạnh, hễ ra đánh, quân Thục thua liền. Hùng Vương nói: "Ta đây có thần lực, Thục không sợ ư?". Rồi cứ lễ mễ chè chén để mua vui, không lo đến việc vũ bị. Quân Thục kéo đến, Hùng Vương hầy còn say mềm chưa tỉnh. Kịp khi giặc đến gần, bức bách gấp rồi, nhà vua thổ ra huyết, gieo mình xuống giếng; còn quân thì quay giáo đầu hàng. Nước Văn Lang mất.

Lời cần án - Sử cũ phần **Ngoại kỷ** chép Hồng Bàng thị bắt đầu từ Kinh Dương Vương thụ phong năm Nhâm Tuất (2879 tr.c.ng.?) cùng thời với Đế Nghi, truyền đến Hùng Vương đời cuối cùng là năm Quý Mão (258 tr.c.ng.?), tức năm thứ năm mươi bảy đời Noãn Vương nhà Chu thì mất nước, tất cả là hai nghìn sáu trăm hai mươi hai năm. Sự đó không biết Sử cũ khảo cứu ở đâu, bây giờ cũng hầy cứ chép lại để phòng khi tra xét.

Năm Giáp Thìn (267 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 1; Chu Noãn vương năm thứ 58).

Thục Vương đã lấy được nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Sử cũ chép: vua, họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục. Bấy giờ nhà vua đã lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Lời cần án - Nước Thục, từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 tr.c.ng.), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn có vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, đất Cùg, đất Tác và đất Nhiễm Mang (những đất này xưa là đất rợ mọi ở về phía tây và nam, nay thuộc Vân Nam), cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang? Sử cũ đã chép "cháu Thục Vương là Phán", lại chép "An Dương Vương họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục", hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang, còn có họ Thục khác mà **Sử cũ** liền nhận là Thục Vương chăng? chứ nếu bảo Thục Vương đây lại là người ở Ba Thục thì không phải.

Lời chua - Phong Khê: Bây giờ là thành Cổ Loa, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh¹.

Âu Lạc: Theo Dư địa chí của Cổ Hi Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngô. Theo Giao Quảng ký của Hoàng Sâm, Giao Chỉ có ruộng Lạc Điền, khai khẩn theo nước triều lên xuống. Người "ăn" hoa lợi ruộng ấy là Lạc Hầu. Các huyện² tự gọi là Lạc tướng. Sau này con Thục Vương đem quân đánh Lạc Hầu, tự xưng là An Dương Vương, lỵ sở ở đất Phong Khê.

Năm Bính Ngọ (255 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 3; Chu Đông - chu quân năm thứ 1).

Tháng ba, mùa xuân, đắp xong Loa thành.

Vua Thục đắp thành ở Phong Khê, rộng đến nghìn trượng, xoáy tròn như hình trôn ốc, nên gọi là Loa thành, lại gọi là thành Tư Long.

Lời chua - Loa thành: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Loa thành, ở huyện Đông Ngàn, xoáy tròn chín vòng như hình trôn ốc, kiểu làm do An Dương Vương sáng tạo, lại gọi là thành Khả Lũ³. Trong thành còn nền cung vua An Dương ngày trước.

¹ Hiện nay, Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

² Huyện đây là một danh từ để gọi chung cho khu vực ở từng địa phương, chứ không phải như tên các quận huyện, châu huyện phủ huyện sau này.

³ Trong An Nam chí nguyên còn thêm: "Chỗ đóng đô của An Dương Vương vốn là đất Việt, nên người sau gọi là Việt vương thành". (tr. 135)

Thành Tư Long: Người Đường¹ gọi là thành Côn Luân, ý nói thành ấy cao lắm.

Năm Đinh Hợi (214 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 44; Tân Thủy Hoàng năm thứ 33).

Nhà Tần sai Đồ Thư và Sử Lộc sang lấy đất Lĩnh Nam, đặt ra Tượng quận.

Bấy giờ nhà Tần hám đất Việt có nhiều ngọc trai và ngọc cơ², muốn chiếm lấy đặt làm quận huyện³, mới bắt kẻ trốn tránh, người gửi rế và lái buôn ở các đạo đi làm lính, sai hiệu úy là Đồ Thư làm tướng, Sử Lộc thì khơi cừ lấy lối tải lương, đi sâu vào cõi Lĩnh Nam, cướp lấy đất Lục Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận để đày những kẻ phải đi thú⁴. Người Việt bấy giờ đều rú nhau núp vào trong rừng rậm, không ai chịu để cho người Tần dùng. Lại ngầm bầu những người tài giỏi lên làm tướng, đánh nhau với người Tần, giết được hiệu úy Đồ Thư.

Lời chua - Việc Sử Lộc khai cừ lấy lối tải lương: Theo Lĩnh Nam di thư của Âu Đại Nhân, tiên tổ Sử Lộc là người nước Việt. Khi nhà Tần sang đánh Bách Việt, sai hiệu úy Đồ Thư chia binh sĩ làm năm quân, cắt Lộc tải lương, khai cừ để tiện lối chở lương thực. Lộc bèn khơi nguồn nước từ núi Dương Sơn (thuộc Phiên Ngung) xuôi xuống, thấy rằng theo sông Tương chảy về phía Bắc, đổ vào sông Sở Dung, là hạ lưu sông Trường Kha chảy về phía nam đổ ra biển mà vận tải lương thực thì thật vất vả. Lộc bấy giờ mới lượng tính làm ra cái đập để nước sói mạnh vào trong bãi cát sỏi, rồi xếp đá làm vũng, lái nước sông Tương đổ ra. Nước chảy xói đi hàng 60 dặm. Lại đặt ra 36 cửa đập, hể thuyền qua một cửa đập thì đóng cửa đập ấy lại, khiến cho nước tụ lại, đầy lên dần dần. Vì thế thuyền có thể lần theo sườn núi mà lên, dễ dàng mà xuống. Không những thuyền bè đi lại được, mà lấy nước vào ruộng cày cấy cũng tiện. Người ta gọi cừ ấy là Linh Cừ. Theo Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, nhà Tần có đào cái cừ ở về phía Nam huyện Hưng An (nay thuộc Quế Châu) hai mươi dặm. Gốc tận sông Ly, từ phía Bắc núi Thác Sơn, chảy về Tây Bắc, đến phía Tây Nam huyện Hưng An, hợp với Linh Cừ năm dặm mới chia ra hai dòng. Xưa, nhà Tần sai ngự sử giám, tên là Lộc, từ huyện Linh Lăng đào cừ đến Quế Lâm tức là đây.

Lục lương: Như Thuấn có nói: "Ở miền Giang Nam, bài Chính nghĩa về Sử ký (Trung Quốc) cho rằng người Lĩnh Nam phần nhiều ở về đất núi, tính mạnh tợn, nên gọi là "Lục lương"⁵.

Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận: Theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi nhà Tống, ba quận ấy là đất Bách Việt ngày trước, từ Tân Thủy Hoàng lấy được thiên hạ, mở núi dọn đường, cướp lấy đất Dương, Việt, đặt ra Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Bấy giờ tỉnh Quảng Tây tức là Quế Lâm, tỉnh Quảng Đông tức là Nam Hải, đất Giao Chỉ tức là Tượng Quận đời Tần. Đến Hán Vũ đế bình định được Nam Hải mới tách Quế Lâm đời Tần làm hai là Uất Lâm và Thương Ngô; tách Tượng Quận làm ba là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lại xăn bớt đất Nam Hải và Tượng Quận đặt ra quận Hợp Phố. Rồi, từ huyện Từ Văn, vượt biển sang lấy hai quận Chu Nhai và Đam Nhĩ ở phía Nam biển, đặt thứ sử tại Giao Châu. Tiếng rằng nhà Hán chia ra chín quận, nhiều hơn nhà Tần, nhưng cầm quyền thống trị thì chỉ có một thứ sử ở Giao Châu thôi. Đến nhà Ngô chia ra

¹ Tức người Trung Quốc, nói chung. Thời đại nhà Đường lúc toàn thịnh, uy danh vang dội các nước ở phía Tây phía Nam Trung Quốc, lúc bấy giờ người Trung Quốc ra trú ngụ ở nước ngoài thường tự xưng là "người Đường _____", nay các Hoa Kiều ở Nam Dương vẫn còn giữ tên gọi ấy. Ở Quảng Đông họ gọi người trong nước là người Đường, bữa cơm ăn gọi là bữa cơm Đường.

² Thứ ngọc trai không tròn gọi là "cơ".

³ Giới hạn khu vực của từng địa phương, Tân Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, chia trong nước ra làm 36 quận, các huyện tùy theo địa thế thống thuộc ào quận, chính trị quận huyện bắt đầu từ đây.

⁴ Những người có nhiệm vụ phải giữ biên giới gọi là "lính thú"; người có tội phải đày đi làm việc ngoài biên giới gọi là "đày đi thú".

⁵ Đời Tần gọi Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ là đất Lục Lương (Tứ nguyên, tuất tập, tr. 126).

làm đôi, tên gọi Giao Châu, Quảng Châu mới có từ đó. Bây giờ Giao Châu thì lỵ sở ở Long Biên, Quảng Châu thì lỵ sở ở Phiên Ngung, quy mô cũng như nhà Hán trước, duy có tòa sứ phủ khác chỗ thôi. Đường Cao Tông bắt đầu đặt An Nam đô hộ phủ ở Giao Châu. Giữa niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1053) bản triều (triều Tống) đặt chức An Phủ và chức Kinh Lược ở Quế Lâm. Tòa sứ phủ ở Tây Đạo lập lên là trước từ đấy. Đến bây giờ, Bát Quế¹, Phiên Ngung và Long Biên đứng đối nhau như ba chân vạc là theo kiểu cũ của Tần.

Phụ lục - Sử cũ chép: bấy giờ (đời Thực) Lý Ông Trọng, người huyện Từ Liêm², Giao Chỉ nước ta, mình dài hai trượng ba thước³, sang làm quan nhà Tần, đến chức Ty Lê hiệu úy, đem quân giữ huyện Lâm Thao⁴, danh tiếng lừng khắp Hung Nô. Khi tuổi già, thôi làm quan về, mất ở quê nhà. Tần Thủy Hoàng cho là một sự lạ, mới đúc tượng đồng để ở cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Tượng ấy ruột rỗng, trong chứa được vài mươi người, có máy rung động được. Hung Nô tưởng là Hiệu Úy sống, không dám đến xâm phạm. Về sau, đến đời Đường, Triệu Xương sang làm đô hộ Giao Châu, thường có đêm nằm chiêm bao cùng ông Lý Ông Trọng giảng sách **Xuân thu Tả truyện**, nhân thế mới hỏi thăm đến chỗ nhà cũ Ông Trọng, lập đền để thờ. Kịp khi Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, Ông Trọng thường hiển linh giúp cho thắng trận. Cao Biền lại tu sửa đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là đền Lý Hiệu Úy.

Lời chua - Lý Ông Trọng: theo sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, Lý Ông Trọng, mình dài hai trượng ba thước, khí lượng nghiêm trang, thể chất trọng hậu, khác hẳn người thường. Thừa trẻ, làm chức huyện lại, bị viên Đốc Bưu⁵ đánh đòn, Ông Trọng than rằng: "Người ta ở đời mà phải chịu như thế dư!". Bấy giờ mới sang Trung Quốc, học sử sách, rồi làm quan với nhà Tần. Tần Thủy Hoàng sai Ông Trọng đem quân giữ Lâm Thao: danh tiếng ông rung động cả Hung Nô. Nhà Tần cho đó là việc tốt lành. Kịp khi ông mất, nhà Tần đúc đồng làm tượng, đem đặt ở ngoài cửa Tư Mã cung Hàm Dương. Trong ruột pho tượng ấy có thể chứa được vài mươi người. Hung Nô vào đất Tần, trông thấy pho tượng, tưởng Ông Trọng hãy còn sống. Sách Đại Thanh nhất thống chí và sách Quảng dư ký (của Lục Bá Sinh) đều chép là Nguyễn Ông Trọng.

Đền Lý Hiệu Úy: Ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, nay hãy còn.

Lâm Thao: Tên huyện. Đời Tần thuộc quận Lũng Tây; đời Thanh là đất phủ Lâm Thao tỉnh Thiểm Tây⁶ (Trung Quốc).

Nam Chiếu; Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6. (Tb. 4, 35-36).

Nhà Tần dùng Nhâm Hiêu⁷ làm chức úy⁸ quận Nam Hải và Triệu Đà làm chức lệnh⁹ huyện Long Xuyên.

Nhà Tần sai Nhâm Hiêu và Triệu Đà đem năm mươi vạn dân bị tội đày sang thú ở đất Ngũ Lĩnh. Hiêu và Đà mới âm mưu làm việc cát cứ kiêm tính.

¹ Ở phía tây Phiên Ngung; nay là Quảng Tây (Trung Quốc).

² Làng Chèm, nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

³ Thước cổ, ước chừng 32 công phân (0m32).

⁴ Xem Lời chua ở sau.

⁵ Một chức quan, đặt ra từ đời Hán, giúp viên thái thú trong quận, giữ việc xem xét sự lầm lỗi của những người dưới quyền mình.

⁶ Nay thuộc tỉnh Cam Túc (Tứ Hải, tr. 1107).

⁷ Có âm nữa là Ngao.

⁸ Chức quan thời nhà Tần, đứng đầu một quận.

⁹ Chức quan đứng đầu một huyện.

Lời chua - Long Xuyên: Tên huyện, thuộc quận Nam Hải; nay là đất Tuần Châu (Trung Quốc).

Ngũ Lĩnh: theo sách Nam Khang ký của Đặng Đức Minh, Ngũ Lĩnh có năm quả núi: Đài Lĩnh là quả núi thứ nhất, ở đất Đại Dũ; Kỵ Điền là quả núi thứ hai, ở đất Quế Dương; Đô Bàng là quả núi thứ ba, ở đất Cửu Chân (nay là tỉnh Thanh Hóa); Manh Chử là quả núi thứ tư, ở đất Lâm Hạ; Việt Thành là quả núi thứ năm, ở đất Thủy An. Theo sách Quảng châu ký của Bùi Uyên, Ngũ lĩnh là Đại Dũ, Thủy An, Lâm Hạ, Quế Dương và Yết Dương, bây giờ trong địa phận tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây. Phương Dĩ Trí có nói: "Kể đến Cửu Chân thì xa quá, nên cho thuyết sau là phải hơn". Sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi chép rằng: "Từ nhà Tần, có vấn đề Ngũ Lĩnh, mọi thuyết đều cho là chỉ vào núi mà gọi tên cả. Bây giờ xét ra, đó là năm đường đi vào Ngũ Lĩnh, chứ không cứ phải là núi đâu: Con đường từ tỉnh Phúc Kiến qua sông Thịnh, vào tỉnh Quảng Đông, sang núi Tuần Mai, là một; con đường từ tỉnh Giang Tây đi Nam An, qua núi Đại Dũ, vào Nam Hùng, là hai; con đường từ tỉnh Hồ Nam đi sang đất Thâm rồi vào đất Liên, là ba; con đường từ Đạo Châu vào Quảng Tây rồi đi huyện Lâm Hạ, là bốn; con đường từ Toàn Châu vào Tỉnh Giang, là năm.

Năm Tân Mão (210 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 48; Tân Thủy Hoàng năm thứ 37).

Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm. Thục vương cùng Triệu Đà giảng hòa, rút quân về.

Khi Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang¹, Thục vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bấy giờ Nhâm Hiêu đóng chu sư² ở tiểu giang, mắc bệnh, trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Triệu Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh. Thục vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang trở về Bắc để giảng hòa. Hai bên đình chiến, rút về.

Sử cũ chép: Triệu Đà sang xâm lược, đóng quân ở núi Tiên Du thuộc Bắc Giang, đánh nhau với vua Thục. Vua Thục đem nỏ thần ra bắn. Đà thua chạy. Khi ấy, Nhâm Hiêu đóng chu sư ở tiểu giang, vì mắc bệnh, phải trở về. Lúc về, Nhâm Hiêu có dặn Triệu Đà rằng: "Nhà Tần mất rồi. Nếu ông biết dùng mưu đánh lấy Thục thì có thể lập được nước đấy". Triệu Đà biết vua Thục có cái nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đi xin hòa. Vua Thục mừng, chia đất cho Đà từ sông Bình Giang trở về Bắc; còn từ Bình Giang trở về Nam thì vua Thục cai trị. Triệu Đà cho con là Trọng Thủy sang làm con tin, nhân tiện cầu hôn; vua Thục gả con gái là Mị Châu cho Trọng Thủy. Sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu cho xem vụng cái nỏ thần, ngầm đổi mất lấy nỏ, rồi nói thác là về Bắc thăm cha mẹ. Lúc Trọng Thủy từ biệt, dặn Mị Châu "Mai sau ta lại sang, muôn một mà hai nước bất hòa, thì có dấu tích gì để xét nghiệm, khiến chúng ta lại có thể gặp nhau không?". Mị Châu nói: "Thiếp có cái chần gấm bằng lông ngỗng, đi đâu cũng thường mang theo, nếu đến những chỗ đường rẽ, thiếp sẽ nhổ lông ngỗng ấy mà rắc xuống để làm ghi, thì sẽ biết chỗ thiếp ở". Trọng Thủy trở về, báo với Triệu Đà. Triệu Đà quyết tâm sang xâm lược.

Lời chua - Núi Tiên Du: theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Tiên Du còn một tên là núi Lạn Kha, ở huyện Tiên Du, trên núi ấy có hòn đá hình bàn cờ, tương truyền ngày xưa có một người đi kiếm củi, xem hai ông tiên đánh cờ, cán rìu nạt ra lúc nào không biết.

Tiểu giang: Tức là con sông nhỏ ở phủ Đô Hộ, sau lắm là bến Đông Hồ. Bây giờ không biết sông này ở đâu.

Núi Vũ Ninh: Theo An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng, núi Vũ Ninh ở châu Vũ Ninh, trên núi ấy có cái sông núi gọi là Tỉnh Thủy Cương, ở sông núi ấy có con rắn đá, tên gọi Ngọc Kinh. Vũ Ninh bây giờ là huyện Vũ Giàng.

¹ Tiên Du nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

² Toán quân điều khiển các thuyền chiến mà chiến đấu.

Sông Bình Giang: Tức sông Thiên Đức, là phân lưu về phía Đông của sông Lô¹, dưới thông với sông Bình Than, lại gọi là sông Đông Ngàn.

Nỏ thần: Sử cũ, phần Ngoại kỳ, chép: Ban đầu, vua Thục đắp Loa Thành, đắp rồi lại lở. Nhà vua mới trai giới cầu khẩn. Khi sắp đắp lại, bỗng có thần nhân hiện ở cửa Nam, vua Thục hỏi, thần nhân đáp: "Xin đợi sứ Thanh Giang đến". Sớm hôm sau, thấy có con Kim Quy (Rùa vàng) nổi trên mặt sông, bơi đến, nói được tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang. Vua Thục mừng rỡ, mời vào, hỏi duyên cớ sao thành đắp xong rồi lại đổ. Kim Quy bảo cho vua Thục cái thuật yểm trừ yêu quái. Do đó đắp vừa nửa tháng thì xong thành. Kim Quy từ giã đi. Vua Thục cảm tạ, lại hỏi Kim Quy có cách gì để chống được giặc. Kim Quy trút cái móng lại cho vua. Vua Thục mới sai bầy tôi là Cao Lỗ chế ra cái nỏ, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên nỏ ấy là "Linh quang kim trảo thần nỏ", hễ bắn thì giặc phải lui. Nhưng, xét ra, việc này là chuyện hoang đường, nên nay bỏ đi.

Theo sách Thái bình hoàn vũ ký, phần Nam Việt chí, của Nhạc Sử nhà Tống, An Dương Vương cai trị Giao Châu, Úy Đà đem quân sang đánh. An Dương Vương có thần nhân là Cao Thông giúp đỡ, chế ra cái nỏ, bắn một phát giết chết quân Việt hàng vạn người, bắn ba phát giết đến ba vạn. Triệu Đà biết rõ duyên cớ, liền lui về đóng ở Vũ Ninh, rồi cho con là Trọng Thủy sang làm tin, xin hòa hảo với nhau. Về sau, An Dương Vương đối xử với Cao Thông không được hậu, Cao Thông bỏ đi. An Dương Vương có người con gái là Mị Châu, thấy Trọng Thủy đẹp trai, liền phải lòng. Về sau, Trọng Thủy dụ dỗ Mị Châu đòi xem nỏ thần, Mị Châu đem cho xem. Trọng Thủy nhân đấy bẻ hỏng cái lẫy nỏ, rồi lập tức sai người ruổi về báo tin cho Triệu Đà. Triệu Đà lại đem quân sang đánh úp. Khi quân Triệu kéo đến, An Dương Vương đem nỏ ra bắn như trước, nhưng nỏ hỏng rồi! Quân Thục chạy tan tác. Triệu Đà phá được Thục.

Năm Quý Tỵ (208 tr.c.ng.) (Thục An Dương Vương năm thứ 50; Tân Nhị thế năm thứ 2).

Triệu Đà nhà Tân lại sang xâm lược. Vua Thục thua, chạy, chết. Nhà Thục mất.

Trước kia, Nhâm Hiêu mắc bệnh, lúc gần mất, có dặn Triệu Đà: "Nhà Tân vô đạo, thiên hạ phải khổ sở, nghe đâu bọn Trần Thắng đã nổi loạn, lòng dân chưa biết theo về ai. Đất này hẻo lánh xa cách, tôi sợ những đám giặc khác sẽ xâm phạm đến đây. Ý tôi muốn dấy quân cắt đứt các đường sạn đạo² để tự phòng bị lấy mình, rồi chờ xem sự biến của các chư hầu. Và lại, Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) là chỗ núi sông hiểm trở, đông tây đều vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ thì có thể lập thành một nước được đấy. Vì các trưởng lại trong quận không có ai đáng để bàn tính việc này, nên tôi đặc biệt mời ông đến để nói chuyện". Hiêu nói xong, lập tức viết thư cử Triệu Đà làm chức úy quận Nam Hải. Khi Hiêu chết rồi, Đà liền truyền hịch đi các cửa quan ải, như Hoàng Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, rằng: "Quân giặc đến nơi rồi, mau mau cắt đứt đường sạn đạo, rồi họp quân lại, tự phòng thủ lấy". Hịch đi đến đâu, các châu các quận đều hưởng ứng cả. Nhân đấy, Triệu Đà dần dà đem pháp lệnh buộc tội để giết các trưởng lại do nhà Tân đã đặt, rồi đem những người họ hàng và bè đảng ra giữ hết chức thú lệnh để cai trị dân. Triệu Đà đem quân sang đánh vua Thục, vua Thục không ngờ lẫy nỏ đã hỏng, vẫn cứ nhơn nhơn đánh cờ, cười rằng: "Triệu Đà không sợ nỏ thần của ta ư?". Kịp khi quân Triệu Đà đã bức bách tận nơi, vua Thục mới giương nỏ, thì lẫy nỏ hỏng rồi, liền thua chạy, cho nàng Mị Châu cưỡi ngựa cùng chạy về phía Nam. Trọng Thủy cứ nhận dấu lông ngỗng mà đuổi theo. Vua Thục đến bãi biển, hết đường chạy, nhảy xuống biển chết. Nhà Thục mất.

Lời phê - Vua Thục trước đây vì hôn nhân mà được thắng lợi, rồi cũng vì hôn nhân mà bại vong, đạo trời báo phục không sai, kể cũng chóng quá!

¹ Tên gọi một khúc Nhị Hà xưa.

² Bắc cây làm đường, gọi là sạn đạo. Đời xưa, đường sá chưa thông đồng, những nơi rừng núi hiểm trở xa xôi, người ta phải dựa vào núi bắc cây làm đường để đi lại cho tiện. Những cây bắc đường nếu đã bị phá hủy thì ngoài không có lối vào được.

Lời chua - Đền Thục vương: Ở núi Mộ Dạ, xã Hương Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Nhà Thục, từ An Dương Vương khởi lên năm Giáp Thìn (257 tr.c.ng.) đến năm Quý Tị (208 tr.c.ng.) mất nước, cộng 50 năm.

Năm Giáp Ngọ (207 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 1; Tân Nhị thế năm thứ 3).

Triệu Đà tự lập làm vua Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung.

Nhà vua họ Triệu, tên Đà, người huyện Chân Định nhà Hán. Bấy giờ nhà vua đã kiêm tính được đất Lâm Ấp và Tượng quận, tự lập làm Nam Việt vương.

Lời chua - Phiên Ngung: Xưa thuộc quận Nam Hải, tức đất phủ Quảng Châu tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bây giờ.

9). Năm Quý Mão (198 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 10; Hán Cao hoàng đế năm thứ 9).

Triệu Vương mới sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Nam Việt vương Triệu Đà đã đánh và diệt được An Dương Vương rồi, sai hai sứ thần coi giữ quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân.

Lời chua - Giao Chỉ: Xưa là đất các bộ Giao Chỉ, Chu Diên, Phúc Lộc, Vũ Ninh, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định và Tân Hưng. Nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 10 huyện; về sau noi theo hay thay đổi mỗi thời một khác. Bây giờ là đất các tỉnh Bắc Kỳ.

Cửu Chân: Xưa là ba bộ Cửu Chân, Hoài Hoan và Việt Thường. Nhà Tần đặt làm đất Tượng quận; nhà Triệu đặt làm quận, thống trị 12 huyện; đến nhà Hán khoảng năm Nguyên Đĩnh (116-111 tr.c.ng.), tách năm huyện Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm và Chu Ngô đặt làm quận Nhật Nam; còn bảy huyện Tư Phố, Cư Phong, Đô Bàn, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết và Vô Biên thì vẫn để làm quận Cửu Chân. Đến Ngô, Tần, Tống, Tề cũng đều noi theo như trước. Nhà Lương đổi làm Ái Châu; về sau, noi theo hoặc thay đổi mỗi lúc một khác. Bây giờ là đất Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Năm Ất Tị (196 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 12; Hán Cao hoàng đế năm thứ 11).

Nhà Hán sai sứ sang ban ấn và thao cho Triệu Vương.

Nhà Hán đã bình định được thiên hạ, nghe tin Triệu Đà cũng đã xưng vương ở đất Việt, bèn sai Lục Giả sang phong Đà làm Nam Việt Vương, trao ấn và thao, chia cho một nửa phủ tín¹, hai bên sứ thần đi lại giao hảo với nhau, để Triệu Đà hòa thuận tập hợp cả Bách Việt, đừng gây ra tai hại cướp bóc.

Sứ nhà Hán đến, Đà ngồi xồm mà tiếp kiến. Lục Giả thấy thế, bảo Đà: "Vương vốn là người Hán, họ hàng phần mộ ở cả huyện Chân Định, bây giờ lại trái chúng, bỏ cả văn hóa lễ nghĩa, ý muốn nổi lên ở đất này, hòng làm một nước địch, chống đối với bên Hán, chẳng cũng lầm lẫn dư! Vả lại, nhà Tần mất nước, những người hào kiệt đều nổi dậy, nhưng chỉ có Hán để vào Quang Trung trước, giữ được Hàm Dương, nổi ở Ba Thục, cuối cùng diệt được Hạng Vũ, trong vòng 5 năm bình định được cả nước. Như thế cũng là lòng trời gây dựng chứ không phải sức người. Bây giờ thiên tử nhà Hán nghe tin vương xưng vương ở đây, mà không giúp Hán thiên tử trừ những kẻ bạo nghịch! Ý các tướng văn, tướng võ đều muốn đem quân sang Nam để đánh, nhưng Hán thiên tử nghĩ thương trăm họ mới qua vòng nhọc mệt,

¹ Một dấu hiệu làm bằng chứng để làm tin, chế bằng ngọc, hoặc loài kim, hoặc tre, gỗ, trên mặt có khắc chữ, cắt ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ một nửa. Triều đình có việc gì cần trao đổi với viên quan ngoài biên trấn nào thì sai sứ cầm một nửa phủ tín của triều đình giữ đến biên trấn ấy, viên quan ngoài biên trấn đem một nửa phủ tín của mình giữ khắp hợp với nhau, để phân biệt thật giả; khi viên quan biên trấn có việc sai người vào triều đình cũng dùng cách thức khắp hợp phủ tín như trên.

nên mới bãi binh, mà sai sứ giả sang trao cho vương ấn và thao đây. Đáng lẽ vương nên ra ngoài thành nghinh tiếp, bái yết, hướng mặt về bắc mà xưng thần là phải, thế mà bây giờ vương lại muốn cậy có cái nước Việt mới dựng, chưa củng cố, mà dám khinh nhờn sứ giả của thiên tử nhà Hán! Nếu nhà Hán nghe biết chuyện này, sẽ đào mồ mả và tru di họ hàng của nhà vương rồi đem quân sang đánh, thì vương nghĩ sao?".

Triệu Đà vội đứng dậy, nói: "Tôi ở đây đã lâu ngày, quên mất cả lễ nghĩa!". Rồi nhân tiện hỏi Lục Giả: "Ta đây với Tiêu Hà và Tào Tham, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Có lẽ vương giỏi hơn". Đà hỏi: "Ta đây với vua Hán, ai giỏi hơn?". Lục Giả đáp: "Vua Hán nổi nghiệp Ngũ đế¹ và Tam Vương², cai trị Trung Quốc, người Trung Quốc kể có hàng ức vạn, đất Trung Quốc hàng muôn dặm, của nhiều, người đông, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi khai thiên lập địa đến giờ chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của vương chẳng qua được mươi vạn ở lẫn vào nơi núi non và miền biển, tựa hồ như một quận bên Hán, vậy sao lại dám so sánh với Hán thiên tử được?". Triệu Đà cười, nói: "Ta chỉ phàn nàn không được nổi lên ở Trung Quốc, nên phải làm vua ở đây, chứ sao ta lại không bằng bên Hán?". Rồi giữ Lục Giả ở lại đến vài tháng trời. Đà bảo rằng: "Ở bên này không nói chuyện với ai được, bây giờ có ông sang đây làm cho tôi hằng ngày được nghe những điều chưa từng nghe". Đà cho Lục Giả một cái đũa, trong chứa các đồ đáng giá nghìn vàng. Đến lúc Lục Giả về, Đà lại cho thêm nghìn vàng nữa.

Lời chua - Đồ đựng trong đây: Ý nói lấy những đồ châu báu trang trí vào trong đó.

Năm Mậu Ngọ (183 tr.c.ng.) (Triệu Dũ Vương năm thứ 25; Hán Cao hậu năm thứ 5).

Mùa xuân, Triệu vương Đà tự xưng là hoàng đế, đem quân đánh Trường Sa.

Bây giờ Lữ Hậu nhà Hán cấm không cho bán đồ sắt ở cửa quan ải Nam Việt. Triệu Vương nghe tin, nói: "Hồi Cao đế làm vua, ta vẫn cho sứ giả thông hảo, hai nước cùng nhau trao đổi đồ vật. Bây giờ Lữ Hậu nghe bầy tôi gièm pha, chia rẽ Hán với Việt, làm ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Mưu này chắc là do Trường Sa vương muốn cậy uy quyền nhà Hán, mưu lấy nước ta để chứa làm vua tất cả và lập lấy công lao cho mình đấy thôi". Triệu Đà bèn tự lập làm Nam Việt hoàng đế, đem quân sang đánh những nơi biên ải của Trường Sa, chinh phục được vài quận rồi trở về.

Năm Canh Thân (181 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 27; Hán Cao Hậu năm thứ 7).

Nhà Hán sai Lâm Lữ hầu Chu Táo sang đánh, nhưng không qua được núi, phải bãi binh.

Nhà Hán sai Chu Táo đi đánh Việt, để báo thù lại việc đánh Trường Sa. Bây giờ gặp mùa nắng nóng ầm thấp, quân chết dịch nhiều, không thể vượt qua Ngũ Lĩnh được, nên phải bãi binh. Đà nhân dịp ấy, dùng binh lực và của cải chiêu dụ Mân Việt và bắt Tây Âu lệ thuộc, phục dịch mình, đất đai chu vi được hơn vạn dặm, đi xe hoàng ốc³, dùng cờ tả đạo⁴, nghi vệ cũng ngang với thiên tử nhà Hán.

Lời chua - Tây Âu lệ thuộc phục dịch: Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt.

Năm Nhâm Tuất (179 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 29; Hán Văn đế năm thứ 1).

Nhà Hán lại sai Lục Giả đến. Triệu Vương nhân đưa thư xin cho sứ giả đi lại như trước.

¹ Năm vị hoàng đế đời cổ Trung Quốc. Có ba thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất: Thái Hiệu, Thần Nông, Hoàng đế, Thiệu Hiệu, Chuyên Húc. Thuyết thứ hai: Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn. Thuyết thứ ba: Thiệu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn.

² Các vương có hiền đức ở Tam Đại (Hạ, Thương, Chu).

³ Theo chế độ xưa, xe của thiên tử trong lát lụa vàng gọi là "hoàng ốc xa".

⁴ Lá cờ lớn làm bằng đuôi con Ly ngư, vì lông đuôi nó nhỏ mà dài. Cờ này để cắm vào phía tả đầu trục bánh xe thiên tử, nên gọi là "cờ tả đạo".

Văn đế nhà Hán đã lên ngôi, liền đặt người thủ ấp trong coi những mồ mả của nhà Triệu ở Chân Định và, hằng năm, theo thời tiết, làm lễ thờ cúng; lại cho những anh em của nhà Triệu làm quan to, ban thường ưu hậu. Khi ấy, Hán Văn đế hỏi tể tướng Trần Bình có ai sang sứ bên nước Việt được. Trần Bình nói: "Lục Giả, về đời tiên đế¹, thường sang sứ bên ấy". Văn đế mới cho Lục Giả làm thái trung đại phu và một viên yết giả² làm phó sứ, đưa thư cho Triệu vương. Đại ý bức thư ấy thế này: "Kính thăm Nam Việt vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm đây là con vợ thứ vua Cao hoàng, phải xa lánh ở ngoài, vâng mạng triều đình giữ phiên trấn miền Bắc ở đất Đại³, đường xá xa xôi, kiến thức hẹp hòi què kệch, chưa có dịp nào gửi thư thăm hỏi được. Kịp khi vua Cao Hoàng lia bỏ quần thần, vua Huệ đế qua đời. Lữ Hậu tự ý lên cầm quyền chính, rồi chẳng may có bệnh, bọn họ Lữ chuyên quyền, làm loạn, không thể chế trị được, bèn đem người khác họ vào làm con thừa tự vua Huệ đế. May nhờ tông miếu khôn thiêng, công thần giúp sức, dẹp yên được loạn. Trẫm, vì có vương hầu và các quan trong nước không chịu buông tha, nên buộc phải lên nối ngôi báu. Mới đây, nghe nói vương có gửi thư cho tướng quân Lâm Lư hầu, xin nhờ bảo toàn cho anh em vương và xin bãi bỏ hai tướng quân ở Trường Sa. Theo thư của nhà vương, trẫm đã bãi bỏ tướng quân Bắc đương hầu. Còn anh em nhà vương ở Chân Định thì trẫm cũng đã sai người trông nom chăm hỏi. Lại sai tu sửa phần mộ tiên nhân của nhà vương. Trước kia, nghe nói vương cứ đem quân đi cướp phá ở ngoài biên giới, gieo tai họa mãi, làm cho dân Trường Sa đã đau khổ mà dân Nam quận lại càng khổ hơn. Như thế nước của nhà vương phỏng được lợi ích riêng à? Chắc phải chết nhiều quân lính, hại lắm tướng tài, làm cho vợ người ta phải góa, con người ta phải cô, cha mẹ người ta phải cô độc. Thế là lợi một hại mười: trẫm đây không nở làm thế. Trẫm đây chỉ muốn định lại những chỗ địa giới, lồi ra lõm vào, chen kẽ nhau như nanh chó. Đã đem việc này hỏi ý kiến các quan thì họ nói: vua Cao hoàng sở dĩ đặt phân giới ở Trường Sa, là đất của nhà vương đấy, nên trẫm không dám tự tiện thay đổi. Ngày nay, ví bằng lấy được đất đai của vương cũng chẳng rộng là mấy; tước được của cải của vương cũng chẳng giàu thêm vào. Vậy thì từ Hoang Phục và Ngũ Lĩnh⁴ trở về Nam, cho vương được quyền tự trị. Dẫu vậy, vương tự xưng là hoàng đế, hai hoàng đế cùng đối lập mà lại không sai sứ giả đi lại để thông tình nghị với nhau, thế là có ý tranh nhau đấy. Tranh nhau mà không chịu nhường nhau, điều đó người nhân giả không làm. Bây giờ trẫm nguyện với vương xóa bỏ những hiểm oán cũ, từ nay trở về sau, lại cho trao đổi sứ giả như xưa. Vậy nên sai Lục Giả sang giải bày bản ý của trẫm cho vương rõ. Vương cũng nên nghe theo, đừng có gây sự giặc cướp tai vạ nữa. Nay xin biểu vương: 50 áo thượng trử (Sư Cổ giải nghĩa: áo có trang sức bằng bông gọi là "trử"), 30 áo trung trử, 20 áo hạ trử. Vậy mong vương nghe âm nhạc, quên nỗi buồn, thăm hỏi đến nước láng giềng". Khi Lục Giả đến, Triệu Đà cảm tạ, nói: "Tôi kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên thần, giữ mãi lễ cống".

Bấy giờ Triệu Vương mới hạ lệnh cho người trong nước biết: "Trẫm nghe: hai hiền tài không thể cùng ở đời với nhau, hai anh hùng không thể cùng đứng với nhau. Hoàng đế nhà Hán là bậc hiền thiên tử, vậy từ nay ta bỏ để chế, không dùng xe hoàng ốc, cờ tả đạo nữa". Rồi Triệu Vương viết thư gửi sang nhà Hán, xưng là "Người đại trưởng lão phu ở man di, tên là Đà, mạo muội đành cam tội chết, hai lạy dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu là kẻ cố lại⁵ ở đất Việt, may được vua Cao hoàng ban cho ấn và thao, phong làm Nam Việt vương. Kịp khi Huệ đế lên làm vua, giữ ân nghĩa không nở dứt tình, ban tặng lão phu rất hậu. Đến khi Cao Hậu chuyên quyền, chia rẽ Hán với Di, ra lệnh: không bán cho Nam Việt những đồ làm ruộng bằng loài kim, loài sắt. Nếu bán trâu, bò, dê, ngựa thì chỉ bán cho những con đực, chứ không bán cho những con cái - Lão phu ở nơi hẻo lánh, trâu, bò, dê, ngựa đã già cả rồi; tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai nội sử Phiên, trung úy Cao và ngự sử Bình, tất cả ba bọn sang dâng thư tạ lỗi, đều không thấy trở về cả. Lại mong manh nghe nói mồ mả cha mẹ của lão phu đều bị bạt phá, anh em họ hàng của lão phu đều bị khép tội chu di. Vì thế, các lại viên của lão phu mới bàn với nhau: Bây giờ, ở trong, ta bị nhà Hán chèn ép; ở ngoài, ta không có gì để đề cao mình cho đặc biệt, cho nên đổi hiệu là hoàng đế, nhưng chẳng qua chỉ xưng đế ở trong nước mình, chứ có dám

¹ Hán Cao tổ.

² Chức quan giữ việc giao thiệp ứng đối với các người nước ngoài do nhà Tần đặt ra, nhà Hán noi theo.

³ Hán Văn đế, lúc trước, được phong làm tước vương ở đất Đại.

⁴ Nguyên văn là "Phục lĩnh _____". Xem lời chua ở sau của Cương mục.

⁵ Người làm quan lại ngày trước.

làm gì hại đến thiên hạ đâu. Hay tin ấy, Cao Hậu cả giận, xóa bỏ tên nước Nam Việt, làm cho sứ giả không được trao đổi đi lại. Lão phu trộm ngờ việc này là do Trường Sa vương gièm pha, nên có đem quân đi đánh biên giới Trường Sa. Và lại, phương nam đất thấp, ẩm ướt, trong đám man di như Đông Mân và Tây Âu đều xưng vương cả; lão phu xưng đế, gọi là tạm để vui lòng, đâu dám để lọt đến tai thiên vương? Lão phu ở đất Việt đến nay được 49 năm, đã có cháu ẵm rồi, nhưng vẫn thức khuya, dậy sớm, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám nhìn sắc đẹp yếu điệu, tai không dám nghe tiếng vui trống chuông, đó chỉ vì chưa được thần phục nhà Hán. Nay may được bệ hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, lại được trao đổi sứ giả đi lại như trước, thì lão phu dẫu chết cũng không mục xương. Vậy, xin đổi hiệu, không dám xưng là đế nữa. Nhân tiện có sứ giả, xin kính dâng một đôi ngọc bích trắng, nghìn chiếc cánh trả, mười cặp tê giác, năm trăm chiếc tử bối¹, một hộp sâu quế², bốn mươi đôi chim trả sống, hai đôi công. Lão phu mạo muội liều chết, hai lạy, tâu lên Hoàng đế bệ hạ".

Lục Giả đem thư ấy về tâu, vua Hán hài lòng lắm. Từ đó hai bên Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghỉ. Sau đó, Triệu vương hể sai sứ sang Hán thì xưng là vương, gặp các lễ triều sảng³ thì sảng hàng với chư hầu; còn ở trong nước vẫn dùng hiệu đế.

Lời chua - Phục Linh: Theo Nhan Sử Cổ, Phục, là ngoài cõi hoang; Linh, là phía Nam Ngũ Lĩnh.

Không sai sứ giả đi lại (vô nhất thặng chi sứ): Ý nói không có một xe sứ giả nào được sai đến.

Sắc đẹp yếu điệu (mĩ man chi sắc): Theo Lâm Hi Dật, mĩ man tức là yếu điệu.

Năm Giáp Thìn (137 tr.c.ng.) (Triệu Vũ Vương năm thứ 71; Hán Vũ đế năm Kiến nguyên thứ 4).

Triệu vương Đà mất, táng ở Ngung Sơn. Đích tôn là Hồ lên nối ngôi.

Hồ là con Trọng Thủy và là đích tôn Vũ Vương, nay lên làm vua, ấy là Văn Vương, truy đặt tên thụy cho Triệu Đà là Vũ đế.

Lời chua - Ngung Sơn: Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Ngung Sơn cách huyện Nam Hải một dặm về phía Bắc. Theo sách Ngô Lục, Phiên huyện ở Ngung Sơn, là chỗ táng Úy Đà.

Năm Bính Ngọ (135 tr.c.ng.) (Triệu Văn Vương năm thứ 2; Hán, năm Kiến Nguyên thứ 6).

Mân Việt vương Sính sang xâm lấn. Triệu Vương sai sứ đi báo cáo với nhà Hán. Nhà Hán đem quân đi đánh và giết chết Mân Việt vương. Triệu Vương sai thế tử Anh Tê sang Hán làm con tin.

Mùa thu, Mân Việt vương Sính sang xâm lấn những nơi biên ải nước Việt. Triệu vương giữ điều ước của Hán, không dám tự tiện dấy quân, mới sai người đem thư nói việc này với nhà Hán. Vua Hán khen là người biết giữ nghĩa, bèn vì Triệu vương mà rầm rộ ra quân: sai Vương Khôi đem quân ra huyện Dự Chương; Hàn An Quốc đem quân ra huyện Cối Kê để đánh Mân Việt. Bấy giờ quân Hán chưa vượt qua Ngũ Lĩnh, Sính xuất quân chống cự với nhà Hán. Em Sính, là Dư Thiện, cùng với họ hàng giết Sính, rồi đầu hàng. Vương Khôi đóng quân lại, sai người về báo với nhà Hán. Vua Hán sai Trang Trợ sang bày tỏ ý chỉ cho Triệu vương nghe. Triệu vương khẫu đầu, nói: "Thiên tử đã vì quả nhân⁴ mà dấy quân giết Mân Việt vương, quả nhân dẫu phải chết cũng không đủ đền ơn báo đức", bèn cho con là Anh Tê sang làm con tin. Rồi Triệu vương bảo Trang Trợ: "Nước tôi mới bị giặc cướp; sứ thần cứ về trước đi, quả

¹ Một thứ vỏ ốc biển trắng như ngọc, có vân tia tia, bóng láng, sạch sẽ, đáng yêu. Cổ nhân dùng làm tiền tệ.

² Nguyên văn là "quế đồ", tức sâu cây quế to bằng ngón tay trỏ, màu tía mà thơm, ngâm mật, dùng làm một món ăn rất quý.

³ Theo luật lệ đời Hán, chư hầu đối với thiên tử, mùa xuân đi châu gọi là "triều", mùa thu gọi là "sảng".

⁴ Lời khiêm tốn của vua thứ hầu đời cổ tự xưng mình, ý nói mình là người ít tài đức.

nhân đang ngày đêm lo sửa sửa đồ hành trang, sẽ vào yết kiến Thiên tử đây!". Trang Trọ về rồi, quần thần đều can Triệu vương: "Nhà Hán đem quân giết Sính, là có ý muốn để cho nước Việt ta phải kinh sợ nao núng. Và lại, đức tiên đế¹ có dặn lại rằng: đối với nhà Hán cốt đừng thất lễ; nhưng rốt lại chớ có nghe lời ngon ngọt mà vào yết kiến vì hễ đã vào thì không về được đâu. Ấy là lâm vào tình thế mất nước". Triệu vương mới cáo bệnh, cuối cùng không vào chầu.

Năm Bính Thìn (125 tr.c.ng.) (Triệu Văn vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 4).

Triệu vương Hồ chết, con là Anh Tề lên nối ngôi.

Văn vương đau nặng. Thái tử Anh Tề từ bên Hán về; đến đây, lên nối ngôi, ấy là Minh vương, truy đặt tên thụy cho Triệu vương Hồ là Văn vương.

Năm Đinh Tị (124 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 5).

Nhà Triệu dùng Lữ Gia làm thái phó. Năm Mậu Ngọ (123 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 2; Hán, năm Nguyên Sóc thứ 6).

Triệu vương lập Cù Thị làm hoàng hậu, con thứ là Hưng làm thế tử.

Trước kia, Minh vương còn là thế tử, vào làm con tin bên Hán, ở đất Trường An, có lấy nàng Cù Thị, người huyện Hàm Đan, sinh con là Hưng. Kịp khi lên ngôi, vương dâng thư sang Hán, xin lập Cù Thị làm hoàng hậu. Hưng làm thế tử. Nhà Hán thường sai sứ sang khuyên bảo vương vào chầu. Vương sợ vào chầu, chắc mình sẽ phải theo phép nhà Hán, bị liệt vào hạng nội chư hầu. Vương cố ý cáo bệnh, không theo lời dụ của vua Hán, chỉ sai con là Thứ Công vào làm con tin.

Năm Mậu Thìn (113 tr.c.ng.) (Triệu Minh vương năm thứ 12; Hán, năm Nguyên Đĩnh thứ 4).

Triệu vương Anh Tề chết. Con là Hưng lên nối ngôi.

Truy đặt tên thụy cho Triệu vương Anh Tề là Minh vương. Hưng là con thứ của Minh vương; mẹ là Cù Thị, người Hán. Hưng trị vì được một năm, bị bày tội là Lữ Gia giết chết, tên thụy là Ai vương.

Nhà Hán sai sứ sang dụ Triệu vương vào chầu.

Hưng lên làm vua, tôn mẹ là Cù Thị làm thái hậu. Trước kia, Cù Hậu khi chưa lấy Minh vương, đã từng tư thông với An Quốc Thiếu Quý (An Quốc là họ, Thiếu Quý là tên), người đất Bá Lăng. Đến năm này, nhà Hán sai Thiếu Quý sang dụ bảo vương và thái hậu vào chầu, lại sai bọn biện sĩ gián đại phu là Chung Quân giữ việc du thuyết, dững sĩ là Ngụy Thần giúp việc quyết định, vệ úy là Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi tin sứ giả. Bấy giờ vương còn thơ dại; Cù Hậu lại tư thông với Thiếu Quý. Người nước đều biết rõ chuyện, nên nhiều người không theo về với Cù Hậu. Cù Hậu sợ trong nước nổi loạn, muốn dựa vào uy quyền nhà Hán, khuyên vương và các quan nên phụ thuộc vào Hán. Nhân có Hán sứ đây, thái hậu liền dâng thư xin liệt vào hàng nội chư hầu: cứ ba năm một lần vào chầu, xóa bỏ cửa quan ải nơi biên giới. Vua Hán ưng thuận, ban ấn bạc cho thừa tướng Lữ Gia và các ấn cho nội sử, trung úy và thái phó; còn các quan chức khác đều được tự ý xếp đặt. Từ bỏ những hình phạt thích chữ vào mặt và xẻo mũi; dùng pháp luật nhà Hán. Về chính tị thì theo như các nội chư hầu; đặt sứ giả đóng ở trong nước để trấn thủ và vỗ về.

Lời phê - Việc làm của Hán Vũ đế so với Hán Văn đế, đáng chính đáng (chỉ Văn đế), đáng quý quyết (chỉ Vũ đế), đã khác hẳn nhau rồi, nhưng đọ với việc nghĩa mà Vũ đế đã làm trong khoảng năm Kiến Nguyên (140-135 tr.c.ng.)² lại thật trái nhau quá! Thế mà **Bắc sử** khen Vũ đế là một vua có "tài lớn, mưu cao", vậy ra cho rằng như thế là đủ xứng đáng rồi sao?

¹ Chỉ Triệu Đà.

² Chỉ việc Hán Vũ đế giúp Triệu vương đánh Mân Việt vương.

5). Năm Kỷ Tị (112 tr.c.ng.) (Triệu Ai vương năm thứ nhất; Hán, năm Nguyên Đinh thứ 5).

Tháng 11, mùa đông. Thái phó nhà Triệu là Lữ Gia giết Triệu vương Hưng và thái hậu Cù Thị; lại giết cả sứ giả nhà Hán, rồi lập Thuật Dương hầu¹ Kiến Đức lên làm vua.

Triệu vương và thái hậu sắm sửa hành trang, đem nhiều lễ vật quý trọng để làm đồ lễ vào châu vua Hán. Bấy giờ tể tướng Lữ Gia đã có tuổi, từng giúp ba triều vua, họ hàng làm quan to đến hơn bảy mươi người, các con trai đều lấy công chúa, các con gái thì gả cho con em họ nhà vua hoặc thông gia với Tần vương ở Thương Ngô. Lữ Gia ở trong nước rất được lòng người. Lữ Gia thường can ngăn Triệu vương chớ có phụ thuộc vào nhà Hán, nhưng vương không nghe. Vì thế, ông có lòng phản bạn, thường cáo bệnh, không hội kiến với sứ giả nhà Hán. Sứ giả vẫn định giết ông nhưng chưa có đủ thế lực làm được. Triệu vương và thái hậu sợ bọn Lữ Gia khởi sự trước, nên muốn dựa uy quyền sứ giả nhà Hán để mưu giết bọn Lữ Gia, bèn đặt tiệc, mời sứ giả đến uống rượu, các quan đại thần đều ngồi hầu. Em Lữ Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Đến lúc ăn tiệc, thái hậu bảo Lữ Gia: "Nam Việt phụ thuộc vào Hán là lợi cho nước, vậy mà tướng quân cho là bất tiện là có làm sao?". Nói vậy cốt khích cho sứ giả tức giận, song sứ giả hồ nghi, giữ miếng; chẳng ai dám hành động. Lữ Gia liền đứng dậy, đi ra. Thái hậu nổi giận, toan rút ngọn mâu đâm theo, nhưng Triệu vương ngăn lại. Lữ Gia lui ra được, liền cáo bệnh, không vào châu, ngầm bàn với các đại thần để khởi loạn. Triệu vương không có ý giết Lữ Gia. Lữ Gia biết thế, nên còn để chậm lại đến vài tháng không khởi sự. Thái hậu muốn độc lực giết Lữ Gia, lại không đủ sức. Vua Hán hay tin Lữ Gia không thuận, mới sai Tể Bặc tướng là Hàn Thiên Thu và em Cù hậu là Cù Lạc đem hai nghìn người lặn vào bờ cõi. Lữ Gia hạ lệnh bảo người trong nước: "Vương còn ít tuổi; thái hậu vốn là người Hán, lại tư thông với sứ giả nhà Hán, chăm chăm chỉ chực nội phụ, đem dâng hết cả đồ vật quý báu của tiên vương để bợ đỡ nhà Hán, hòng chuốc lấy cái lợi chốc lát, không đoái đến xã tắc nhà Triệu, chẳng có ý lo nghĩ đến mưu chước sâu xa muôn đời". Bấy giờ Lữ Gia mới cùng em đem quân sĩ đánh giết vương và thái hậu, lại giết hết cả các sứ giả nhà Hán. Rồi sai người đi báo cho Tần vương Thương Ngô và các quận ấp đều biết, lập con cả Minh vương là Thuật Dương hầu, tên gọi Kiến Đức, lên làm vua.

Lời chua - Kiến Đức: Con cả Minh vương, mẹ Kiến Đức là người Việt.

Đâm bằng ngọn mâu: Ý muốn dùng ngọn mâu chực đâm chết Lữ Gia.

Mùa thu. Nhà Hán sai bọn tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem quân sang đánh.

Khi Lữ Gia lập Kiến Đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên Thu đã sang đến bờ cõi Nam Việt, phá được vài ấp nhỏ rồi. Lữ Gia bèn mở ngay một con đường để tải lương cho quân, còn cách Phiên Ngung 40 dặm, đem binh đánh giết được bọn Hàn Thiên Thu, sai người gói cờ sứ tiết của nhà Hán để trả ở núi Tái thượng. Lại khéo làm những lời giả trá để tạ tội; đóng quân canh giữ những nơi xung yếu. Hay tin ấy, vua Hán sai Phục Ba tướng quân, Lộ Bác Đức, đem một toán quân ra huyện Quế Dương, đi xuống mạn sông Hoàng Thủy; Lâu Thuyền tướng quân, Dương Bộc, đem một toán quân ra huyện Dự Chương đi xuống mạn sông Hoàng Phố; Qua Thuyền tướng quân, Nghiêm, đem một toán quân ra huyện Linh Lăng đi xuống mạn sông Ly Thủy; Hạ Lại tướng quân, Giáp, đi xuống quận Thương Ngô; Trì Nghĩa hầu nước Việt, Quý, đem quân của nước Dạ Lang đi xuống mạn sông Tường Kha. Rồi tất cả đều hội binh ở Phiên Ngung.

Lời chua - Tái thượng: Sách ǎn² có chép: theo sách Nam khang ký, núi Đại Dũ tên là Tái thượng.

Lâu thuyền: Theo Ứng Thiệu, bấy giờ muốn đánh nước Việt, không đi đường thủy thì không đến được, nên phải đóng thuyền lớn, trên thuyền có làm cái lầu, gọi là "lâu thuyền".

¹ Có sách chép là "Vệ dương".

² Tức là *Sử ký sách ǎn*, gọi tắt, một bộ sách chú giải *Sử ký*, gồm 30 quyển, do Tư Mã Trinh, đời Đường, soạn.

Qua thuyền: Theo Trương Yển, người Việt dùng thuyền lớn đi trong nước; lại vì có nạn giao long làm hại, nên phải cắm cây giáo ở dưới đáy thuyền; vì thế gọi là "qua thuyền". Toàn (tên người) nói rằng: Trong thư của Ngũ Tử Tư có nói dùng qua thuyền để chở lá mộc và giáo mác. Do đó có tên gọi là "qua thuyền".

Hạ Lại: "Lại" là tên sông. Ở đất Việt, nước chảy qua trên bãi cát. Có thuyết cho rằng "Lại" là dòng nước chảy xiết.

Tướng quân Nghiêm, Giáp: Nghiêm và Giáp đều là tên người. Sử cũ đều không chép họ. Sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống chép là Triệu Nghiêm. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Trịnh Nghiêm và Điền Giáp.

Trì nghĩa hầu Quý: Quý là người Việt, Sử cũ không chép họ. Sách Bách Việt tiên hiền chỉ chép là Hà Di.

Dạ Lang: Tên nước. Nay là đất Kiện Vi thuộc Bá Châu. Đời Hán, ở Tây Di, có đến hàng chục người làm quân trưởng. Dạ Lang là nước lớn nhất, ở ngoài cõi Thục quận: Phía Đông giáp Giao Chỉ, phía Tây giáp Điền Quốc. Đời Hán Vũ đế, Đường Mông dâng thư nói có thể tuyển được hơn mười vạn tinh binh ở Dạ Lang, bởi thuyền vượt sông Tường kha, xuất kỳ bất ý mà đánh, đó là một lối dùng kỳ binh để chế trị nước Việt...

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên

Quyển thứ II

Năm Canh Ngọ (111 tr.c.ng.) (Triệu vương Kiến Đức năm thứ 1; Hán, năm Nguyên Đĩnh thứ 6).

Mùa đông. Bọn Lộ Bác Đức tiến quân đánh phá Phiên Ngung, đuổi bắt được Triệu vương Kiến Đức và Lữ Gia.

Dương Bộc nhà Hán đem quân tinh nhuệ trước tiến đánh hãm Tâm Hiệp, phá Thạch Môn, bắt được thuyền chở lương của nước [Nam] Việt¹. Nhân thế, tiến quân đánh tràn, làm nhụt được uy lực sắc bén của đất Việt², rồi dùng mấy vạn người Việt³, chờ Bác Đức. Bác Đức vì đường xa, nên sau kỳ hạn mới đến. Khi gặp Dương Bộc, có hơn một nghìn người, rồi hai bên đều tiến. Quân Dương Bộc tiến thẳng đến thành Phiên Ngung. Vua Kiến Đức và thái phó Lữ Gia đóng giữ ở trong thành. Dương Bộc tự chọn lấy chỗ tiện lợi đóng ở mặt Đông Nam; Bác Đức đóng ở mặt Tây Bắc. Giời sấm tối, Dương Bộc đánh bại quân địch, phóng lửa đốt thành. Trong thành vẫn nghe đồn uy danh Bác Đức, lại nhân trời tối, không biết Bác Đức có bao nhiêu quân. Bác Đức đóng doanh trại, rồi sai sứ chiêu dụ những người ra đầu hàng và đều cho họ ẩn có thao. Sau lại cho về để họ chiêu dụ lẫn nhau. Một mặt Dương Bộc lại cứ cố sức đánh, đến tang tảng sáng, người trong thành đều ra hàng cả. Kiến Đức và Lữ Gia, nhân đêm tối, cùng với mấy trăm người trốn ra, đi về mạn biển. Bác Đức dò hỏi những người đã đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người đuổi theo. Quan hiệu tư mã Tô Hoảng bắt được vua Kiến Đức, chức lang nước [Nam] Việt, Đô Kê, bắt được Lữ Gia. Thương Ngô vương Triệu Quang, người cùng họ với vua [Nam] Việt, nghe tin quân Hán đến, ra đầu hàng. Quan giám quận Quế Lâm của Nam Việt là Cư Ông khuyên dụ Âu Việt và Lạc Việt đều đầu hàng cả⁴. Lúc bấy giờ quân của hai tướng Hạ Lai và Qua Thuần, với quân Dạ Lang do Trì Nghĩa hầu chỉ huy, chưa đến nơi, nước Việt đã bị Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. Khi ấy hai quan sứ trong nước [Nam] Việt đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và thân mạng sổ hộ hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ đến đón hàng. Bác Đức phong cho hai quan sứ ấy làm thái phó quận Giao Chỉ và quận Cửu Chân, vẫn được cai trị dân như trước. Từ đây Nam Việt thuộc Hán.

Lời cần án - Trước kia, nhà Triệu khi diệt được nhà Thục, sai hai quan sứ trông coi hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, thế mà, về đoạn này, **Sử cũ** lại chép là "ba quan sứ đem sổ hộ tịch ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam ra hàng", thì thực trái ngược nhau. Nay tra sách **Thủy kinh chú** của Lịch Đạo Nguyên⁵ có chép: "Năm Nguyên Đĩnh thứ 6 (111 tr.c.ng.), Vũ đế nhà Hán đặt lỵ sở chức đô úy. **Sách Giao Chỉ thành ký**⁶ chép rằng:

¹ Chỉ nước Nam Việt nhà Triệu.

² Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

³ Riêng chỉ địa bàn Quảng Đông lúc bấy giờ.

⁴ Nguyên văn là "Âu, Lạc giai hàng".

⁵ Lịch Đạo Nguyên, tên tự là Thiện Trường, người đất Phạm Dương đời Bắc Ngụy, làm ngự sử trung úy, có soạn **Thủy kinh chú** 40 quyển. Sách này rất được giới văn học quý trọng.

⁶ Vì **Sử Cương mục** dẫn theo một bản **Thủy kinh chú** khác (Phường bản), nên có vài điểm dị đồng như: **Giao Châu ngoại vực ký** chép là **Giao Chỉ thành ký**. Câu "cập nhị quận dân hộ khẩu bạ nghệ Lộ tướng quân..." chép là "cập nhị quận dân hộ bạ hàng Lộ tướng quân..." và trên chỗ "chư Lạc tướng" không có chữ "chủ"... Vậy nay, để tiện tham khảo, xin theo một thiện bản khác mà dịch lại cả đoạn văn **Thủy kinh chú** ấy như thế này: "Năm Nguyên Đĩnh thứ 6 (111 tr.c.ng.) đời Hán Vũ đế, lập lỵ sở cho chức đô úy (ở huyện Mi Linh). **Sách Giao Châu ngoại vực ký** chép rằng: [Nam] Việt vương sai hai sứ giả coi quản nhân dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đánh [Nam] Việt vương Lộ Bác Đức đến Hợp Phố, [Nam] Việt vương sai hai sứ giả đưa đến Lộ tướng quân trăm con trâu, nghìn chung rượu và sổ hộ khẩu của dân hai

Vua Triệu [Đà] sai hai quan sứ trông coi dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân. Về sau, nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh vua [Nam] Việt, quân Lộ Bác Đức đến quận Hợp Phố, vua Việt sai hai quan sứ đem trâu một trăm con, rượu một nghìn chung và sổ hộ tịch hai quận ra hàng. Lộ Bác Đức phong cho hai quan sứ làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân, làm chủ các quan Lạc tướng là những người cai trị nhân dân như trước¹". Nay cải chính mấy điều sai ấy của **Sử cũ**.

Lời chua - Tâm Hiệp: Tên đất. Sách **Sử ký** chép là "Hiệp". Đất này ở phía Tây huyện Thủy Hưng (thuộc tỉnh Quảng Đông).

Thạch Môn: Cách huyện Phiên Ngung 20 dặm về phía Bắc. Xưa kia, Lữ Gia xếp đá ở sông để chống nhà Hán, vì thế gọi là Thạch môn.

Đóng doanh trại (Vi doanh): Theo **Nhan Sư Cổ**, nghĩa là đóng doanh trại để chờ đón người đến đầu hàng.

Hiệu Tư Mã: Theo **Nhan Sư Cổ**, chức Tư Mã trong một hiệu quân, cũng như chức **Tổng Quản Tư Mã** của một tướng quân đời Đường.

Lang Đô Kê: Theo **Mạnh Khang**, lang: tên chức quan, do nước Nam Việt tự đặt ra. Theo **Bách Việt** tiên hiền chỉ, **Đô Kê** là họ và tên người.

Giám Cư Ông: **Quan giám quận Quế Lâm**; **Cư Ông**: họ và tên người.

Nhà Hán diệt nhà Triệu rồi, chia đất đặt làm chín quận, liệt làm bộ Giao Chỉ.

Nhà Hán đã bình được nhà Triệu, mới lấy đất đặt làm chín quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ. Mỗi quận đặt một thái thú để cai trị. Tên gọi "Giao Chỉ bộ" có từ đây.

Lời phê - Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta bị mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa, tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại cũng nhiều người lỗi lạc hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể nào lấy lại được một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng thương tiếc.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Từ khi Vũ đế nhà Hán diệt nhà Triệu, lấy đất của nhà Triệu, đặt ra chín quận: Châu Nhai, Đam Nhĩ ở trong biển. Hai quận ấy hợp với các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Hợp Phố đều liệt làm bộ Giao Chỉ. (Theo **Quận quốc chí** trong **Hậu Hán thư**, kể từ Giao Chỉ trở xuống, 7 quận gồm 55 huyện đều thuộc bộ Giao Chỉ). Sau đó chưa từng chia sẻ, mãi đến nhà Ngô mới chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường mới đặt An Nam đô hộ, lỵ sở ở quận Giao Chỉ, do đó ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam mới riêng hẳn là An Nam. Về đời Hán, chín quận này đều thuộc về Nam Việt, Triệu Đà chuyên giữ quyền hành trong các đất này; duy có ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (theo các sử sách đã trình bày, chỉ có hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân thôi, còn Nhật Nam mãi đến đời Hán mới tách ra. Đây chép làm 3 quận là lầm) thì dùng ba (đáng phải nói là hai) quan điển sứ quản lĩnh cai trị. Khi nhà Triệu bị nhà Hán diệt, ba (nên nói là hai) quan điển sứ đem sổ đình ra đầu hàng. Nhân thế, nhà Hán đặt ra các chức thú và úy gọi cả đất Nam Việt là Giao Chỉ. Có lẽ trong chín quận ấy ba quận thuộc Giao Châu, còn sáu quận thuộc Quảng Châu.

Lời chua - Chín quận: Theo **Địa lý chí** trong **Tiền Hán thư**, chín quận ấy như sau:

quận. Lộ Bác Đức phong hai sứ giả làm thái thú Giao Chỉ và Cửu Chân. Các Lạc tướng lại làm chủ, cai trị nhân dân như cũ". (Thủy kinh chú, quyển 37, tr. 62).

¹ Xem chú thích 3, 4 trang trước.

Quận Nam Hải thống trị 6 huyện: Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương.

Quận Thương Ngô thống trị 10 huyện: Quảng Tín, Tạ Mộc, Cao Yếu, Phong Dương, Lâm Hạ, Đoan Khê, Phùng Thặng, Phú Xuyên, Lê Phổ, Mãnh Lăng.

Quận Uất Lâm thống trị 12 huyện: Bồ Sơn, An Quảng, A Lâm, Quảng Uất, Trung Lưu, Quế Lâm, Đàm Trung, Lâm Trần, Định Chu, Tăng Thực, Lĩnh Phương, Ung Kế.

Quận Hợp Phố thống trị 5 huyện: Từ Văn, Cao Lương, Hợp Phố, Lâm Doãn, Chu Lư.

Quận Giao Chỉ thống trị 10 huyện: Liên Thụ¹, An Định, Cầu Lộ, Mi Linh, Khúc Dương, Bắc Đái, Kê Từ, Tây Vu, Long Biên, Chu Diên.

Quận Cửu Chân thống trị 7 huyện: Tư Phố, Cư Phong, Đô Bằng, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên.

Quận Nhật Nam thống trị 5 huyện: Chu Ngô, Tị Ảnh, Lư Dung, Tây Quyển, Tượng Lâm.

Nam Hải: Quận cũ của Tần. Xem thêm An Dương vương, năm thứ 44 (Tb.I, 11).

Thương Ngô: Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm, nay là Ngô Châu.

Uất Lâm: Đời Tần, thuộc đất quận Quế Lâm nay thuộc đất Quảng Tây.

Hợp Phố: Đời Tần, thuộc đất Tượng quận, nay là đất Liêm Châu.

Giao Chỉ, Cửu Chân: Đều xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 12).

Nhật Nam: Xưa kia là bộ Việt Thường. Đời Tần, là đất Tượng quận. Đời Triệu, thuộc quận Cửu Chân. Đầu đời Hán, tách ra đặt làm Nhật Nam. Các đời Ngô, Tấn, Tống vẫn để nguyên thế. Sau đó bị Lâm Ấp chiếm mất. Đời Tùy bình Lâm Ấp, lấy đất ấy đặt làm Đãng Châu, rồi đổi làm quận Tị Ảnh. Sau nữa mất vào đất Chiêm Thành, bây giờ là đất Quảng Bình và Quảng Trị. Theo Nhan Sư Cổ, Nhật Nam nghĩa là ở về phía Nam mặt trời, tức gọi là mở cửa về phương Bắc để hướng về chiều mặt trời. Như Thuần nói: Đương lúc giữa trưa, mặt trời tròn bóng, đứng giữa đầu mình, nên gọi là Tỵ Ảnh.

Châu Nhai: Ở trong biển lớn, gần bên bờ biển. Đời Đường đổi Châu Nhai làm Nhai Châu; bây giờ là đất Nhai Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Đam Nhĩ: Cũng là một bãi nổi ở trong biển lớn. Đời Đường đổi gọi Đam Châu; nay là đất Đam Châu thuộc phủ Quỳnh Châu nhà Thanh.

Nhà Triệu đến đây mất. Kể từ Triệu Vũ vương năm Giáp Ngọ lên làm vua, đến Thuật Dương vương năm Canh Ngọ mất nước, tất cả được chín mươi bảy năm (207 đến 111 tr.c.ng.).

Năm Tân Mùi (110 tr.c.ng.) (Hán, năm Nguyên Phong thứ 1).

Triều Hán dùng Thạch Đái làm thứ sử bộ² Giao Chỉ.

Theo chế độ nhà Hán, viên quan giữ chức ở châu có quyền thống lĩnh cả các quận thuộc châu mình. Chín quận của Giao Chỉ, trừ hai quận Châu Nhai và Đam Nhĩ ở trong biển không kể, còn 7 quận thuộc Giao Chỉ, do Thạch Đái làm thứ sử trong cả bộ. Về thời Tây Hán, trị sở của thứ sử ở Long Uyên; thời Đông Hán, trị sở ở Mi Linh.

¹ Đây theo Cương mục chưa âm là "Liên thụ" (c.2, t.5). Nhưng ở Phương Đình địa chí quyển 1 từ 11b có cho biết rằng: Nguyên ở Hán chí âm là La Lũ; đến đời Nam Tề vì viết lầm, nên người sau mới lầm là Liên và đọc là thụ.

² Ở đây chắc là có sự nhầm lẫn. Thứ sử là chức quan đứng đầu một châu (bộ). Nhà Hán bắt đầu đặt từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.). Năm Tân Mùi, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.). Thạch Đái không thể làm thứ sử Giao Chỉ được.

Lời cần án - Chế độ nhà Hán, ở châu thì đặt thứ sử, ở quận thì đặt thái thú. *Sử cũ* chép: "Thạch Đái làm thái thú chín quận". Có lẽ nào một người mà làm việc cai trị cả chín quận? Nay theo bản sử của Ngô [Thì] Sĩ, cải chính lại. Lại còn việc: khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lỵ sở ở Liên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.) dời trị sở sang huyện Quảng Tín ở quận Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15 (210), đóng lỵ sở ở huyện Phiên Ngung. Nhà Ngô lại dời lỵ sở sang Long Biên, còn ở lỵ sở cũ (chỉ Phiên Ngung) đặt làm Quảng Châu. Như thế thì về đời Tây Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Long Uyên; đời Đông Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Mi Linh. Việc này e rằng *Sử cũ* chép lầm, nhưng cũng hãy ghi lại để tra xét.

Lời chua - Liên Thụ: Tên huyện, thuộc quận Giao Chỉ; nay ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại, Bắc Ninh, còn có vết cũ thành xưa.

Long Uyên: Tức là Long Biên, tên hiệu về đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ, trị sở của quận về thời Đông Hán. Theo sách Thủy kinh chú, nhà Hán, năm Kiến An thứ 13 (208), khi mới đắp thành, có giếng giao long lượn đi lượn lại ở hai bên bờ sông; nhân thế đổi gọi là Long Uyên. Nhà Lý đóng kinh đô ở đây, đổi tên là Thăng Long; nhà Trần, nhà Lê cũng đóng kinh đô ở đây cả. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Mi Linh: *Sử cũ* chua là An Lãng thuộc Sơn Tây. Sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi chép rằng: Mi Linh tức là huyện Phúc Thọ (xưa là Phúc Lộc). Trong sách Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn chép: Mi Linh tức là đất Phong Châu. Lại nói: Mi Linh tức là An Lãng. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Mi Linh ở địa phận hai huyện Phúc Lộc và Đường Lâm. Sách Văn hiến thông khảo chua rằng: "Các đất Gia Ninh, Thừa Hóa và Tân Xương đều là đất huyện Mi Linh đời Hán. Lại còn Đường thư chép: Phong Châu thống trị năm huyện: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Thượng, Châu Lục. Vậy thì Mi Linh tức là Phong Châu mới phải.

Huyện Quảng Tín - Theo sách Phương dư kỷ yếu, Quảng Tín thuộc quận Thương Ngô; nay đổi làm huyện Thương Ngô thuộc phủ Ngô Châu.

Năm Kỳ Sừu (29 s.c.ng.) (Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 5).

Quan mục¹ Giao Chỉ là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến triều Hán.

Cuối đời Vương Mãng, quan mục Giao Chỉ, Đặng Nhượng, cũng như các quận khác, đóng biên giới, giữ lấy đất quận của mình. Tướng nhà Hán, là Sầm Bành, vốn quan thân Đặng Nhượng, gửi thư cho Đặng Nhượng kể rõ uy đức nhà Hán, bấy giờ Đặng Nhượng mới bảo thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và các thái thú các quận khác như là bọn Đỗ Mục, v.v... sai sứ sang cống hiến nhà Hán. Vua Hán phong cả cho mọi người ấy tước hầu.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Nhà Hán dùng Nhâm Diên² làm thái thú³ quận Cửu Chân.

Theo Hậu Hán thư, hồi đầu năm Kiến Vũ (25-39 s.c.ng.), Nhâm Diên được triệu ra làm thái thú quận Cửu Chân. Tục Cửu - dân làm nghề săn bắn, không biết dùng trâu cày ruộng, nên nhân dân phải đong ăn ở quận Giao Chỉ, thường bị khốn khổ thiếu thốn. Nhâm Diên mới sai rèn đúc đồ làm ruộng, dạy dân khai khẩn đất hoang, ruộng nương mỗi ngày mỗi mở rộng, nhân dân đều được no đủ.

¹ Mục là chặn dắt. Quan mục Giao Chỉ tức là người chặn dắt dân ở quận Giao Chỉ. Ở đây chỉ chức quan đứng đầu một quận, tức Thái thú.

² Chữ "Nhâm" họ của Nhâm Diên chép ở đây, cũng như họ của Nhâm Hiêu chép ở quyển I, âm là nhâm như ta thường đọc, nhưng về tự dạng, thì sử Trung Quốc và Đại Việt sử ký của ta đều chép nhân bên nhâm Đại Việt sử ký toàn thư thì bớt nét số chữ nhâm đi, còn sách Cương mục này thì bớt chữ nhâm đi mà chỉ chép nhâm ____, vì sử thần triều Nguyễn kiêng tên húy Tự Đức.

³ Chức quan đứng đầu một quận do nhà Hán đặt ra từ năm Nguyên Phong thứ 5 (106 tr.c.ng.).

Lại nữa, dân Lạc Việt bấy giờ không có lễ pháp gì về việc lấy vợ gả chồng. Nhâm Diên mới gửi thư đi các thuộc huyện, những người con trai từ 20 đến 50 tuổi, con gái từ 15 đến 40 tuổi, cứ theo từng hạng tuổi, phải đôi lứa thì lấy nhau; người nào nghèo không lo được lễ cưới thì được trợ cấp. Khoản trợ cấp ấy do các viên chức từ trường lại trở xuống bớt một phần lương bổng để giúp cho. Ngay lúc bấy giờ có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Năm ấy mưa hòa gió thuận, thóc lúa phong đăng. Từ đấy, những người sinh ra con cái bấy giờ mới biết con cái là dòng dõi nhà nào. Họ đều nói rằng: "Ta được có đứa con này là nhờ có ông Nhâm". Nhiều người lấy chữ "Nhâm" đặt tên cho con.

Nhâm Diên làm quan được bốn năm, được vua Hán gọi về. Người quận Cửu Chân lập sinh từ thờ sống Nhâm Diên.

Trước kia, về đời Hán Bình đế (1-5 s.c.ng.), Tích Quang, người đất Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, đem lễ nghĩa dạy dân. Hồi đầu niên hiệu Kiến Vũ, Tích Quang được phong Diêm thủy hầu. Phong tục hoa hạ lan trên đất Lĩnh Nam là bắt đầu từ đời hai thái thú này.

Lời chua - Nhâm Diên: Người huyện Uyển, thuộc Nam Dương.

Lời phê - Triệu Đà vốn là người Trung Quốc, làm vua trên nước Nam Việt và truyền nối đã ngót trăm năm. Xem bức thư trả lời Văn đế nhà Hán thì Triệu Đà vốn là người có học thức; có lẽ nào lại chưa biết dạy dân phép cấy cày và lễ giá thú mà phải đợi bắt đầu từ hai thái thú ấy? Huống chi, lại bảo đồng thời có tới hơn hai nghìn người lấy nhau. Xem thế đủ thấy rõ rằng ghi chép thất thực, không đủ tin.

Năm Giáp Ngọ (34 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 10). Triều Hán dùng Tô Định làm thái thú Giao Chỉ.

Năm Canh Tí (40 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Người con gái quận Giao Chỉ là Trưng Trắc khởi binh đánh đuổi thái thú Tô Định; tự lập làm vua.

Vương vốn họ Lạc, lại có một tên họ nữa là Trưng. Là con gái quan lạc tướng huyện Mi Linh, quận Giao Chỉ, và là vợ Thi Sách¹ người huyện Chu Diên, bà là người rất hùng dũng. Lúc bấy giờ thái thú Tô Định cai trị tham lam và tàn bạo, giết mất chồng bà. Bà bèn cùng với em gái là Trưng Nhị dấy quân, đánh hãm chỗ châu ly. Tô Định phải chạy về Nam Hải. Quân Bà đi đến đâu, như gió lướt đến đấy. Các dân tộc man, lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo. Lấy lại và dẹp yên được 65 thành ở đất Lĩnh Nam. Bà tự lập làm vua, đóng đô ở Mi Linh. Các thứ sử, thái thú ở quận Giao Chỉ đều chỉ bảo toàn được mình thôi.

Lời chua - Huyện Chu Diên: Đặt từ đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ; nhà Đường đổi làm Diên Châu; nhà Lê đổi làm phủ Tam Đái. Bấy giờ là đất phủ Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây².

Năm Tân Sửu (41 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 17).

Tháng 12, mùa đông. Nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu Thuyền Tướng quân là Đoàn Chí, sang đánh Trưng Vương.

Nhà Hán cho rằng Trưng thị tự xưng làm vua, đem quân đánh các thành ấp, làm cho các nơi biên giới bị khổ sở, bèn bắt các đất Trường Sa, Hợp Phố và Giao Chỉ sắm sửa đủ xe, thuyền, sửa sang cầu đường, khơi thông các khe suối, chứa sẵn lương thóc; phong Mã Viện làm Phục ba Tướng quân, Phủ Lạc hầu Lưu Long làm Phó tướng, đốc xuất bọn Lâu thuyền Tướng quân là Đoàn Chí sang đánh Trưng Vương.

Năm Nhâm Dần (42 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 18).

¹ Trong Thủy kinh chú quyển 37, tờ 62 chép chồng bà Trưng tên là Thi: "... Chu Diên lạc tướng tử danh Thi, sách Mi Linh lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thê...": Con Lạc tướng ở Chu Diên, tên là Thi, hỏi lấy (sách) con gái lạc tướng ở Mi Linh, tên là Trưng Trắc, làm vợ.

² Nay là tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 3 mùa xuân. Quân Mã Viện đến Lăng Bạc, cùng quân Trưng Trắc đánh nhau và phá tan được. Trưng Trắc lui giữ đất Cấm Khê.

Mã Viện ven theo đường biển tiến quân, qua núi đốn cây, đi hơn nghìn dặm đến Lăng Bạc, đánh nhau với quân Trưng vương. Trưng vương thấy thế quân bên Hán mạnh nhiều, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không thể chống lại được. Quân của bà cũng cho rằng bà là đàn bà, không địch nổi với Hán; vì thế quân bà tự tan vỡ.

Lời chua - Lăng bạc: Còn có tên là Dâm Đàm, ở về phía Tây con đường mặt Tây thành Đại La. Về đời Lê, đổi gọi là Tây Hồ tức là Hồ Tây tỉnh Hà Nội ngày nay.

Cấm Khê: Sách Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chua rằng: Theo sách Việt chí, Cấm Khê là Kim Khê, ở phía Tây Nam huyện Mi Linh. Theo sách Nam Việt chí của Thẩm Hoài Viễn, Trưng Trắc chạy vào trong hang Kim Khê, hai năm mới bắt được. Theo sách Phù Nam Ký của Trúc Chi, trên chỗ khe núi nước chảy xói vào gọi là hang. Chương hoài thái tử Lý Hiền chua rằng tức là đất huyện Tân Xương, thuộc Phong Châu bây giờ. Theo thế, thì Cấm Khê phải ở vào địa hạt Vĩnh Tường tỉnh Sơn Tây, nhưng chưa rõ đích là nơi nào. Sử cũ cho là ở huyện Chân Lộc thuộc Nghệ An là nhầm.

Năm Quý Mão (43 s.c.ng.). (Hán, năm Kiến Vũ thứ 19). Tháng Giêng, mùa xuân. Trưng Trắc cùng em gái là Nhị cự chiến với quân án. Hai bà bị thua và mất.

Trưng vương cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán, quân vỡ, thế cô, đều bị thất trận chết. Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương (chữ "Dương" trong Hán thư chép chữ là dê), đến huyện Cư Phong thì hàng phục được họ. Mã Viện lập cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán. Khi Mã Viện về rồi, người trong nước thương nhớ Trưng vương, lập đền thờ bà.

Lời phê - Hai bà Trưng thuộc phái quần thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình Hán. Dẫu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phấn khởi lòng người, lưu danh sử sách. Kìa những bọn nam tử râu mày mà chịu khép nép làm tôi tớ người khác, chẳng cũng mặt dày thẹn chết lắm dư!

Lời chua - Cư Phong _____: Còn có tự dạng là Cư Phong _____. Tên đất, do Hán đặt ra, thuộc quận Cửu Chân. Đời Tam Quốc, nước Ngô 222-280 đổi làm huyện Di Phong. Từ sau đời Tống (420-479), đời Tề (479-502), đây là lỵ sở của quận Cửu Chân. Nhà Tùy (581-619), bình được triều Trần¹, bỏ quận Cửu Chân, lấy huyện ấy cho thuộc Ai Châu. Đầu đời Đường (618-907), đất ấy lệ thuộc Nam Lục Châu. Đầu niên hiệu Thiên Bảo (742-755) bỏ tên đất ấy, cho vào huyện Nhật Nam. Theo sách Giao Châu ký của Tăng Cố, ở huyện Cư Phong có núi, cứ đến đêm thường thấy trâu vàng hiện ra. Lại nói trên núi ấy có hang gió, cửa hang thường có gió thổi. Bây giờ ở về địa hạt tỉnh Thanh Hóa. Sử cũ chép là ở địa giới châu Vũ Ninh thuộc Bắc Giang là lầm.

Cột đồng: Sách Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chép rằng: Mã Văn Uyên (Mã Viện, tên tự là Văn Uyên), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía nam Trung Quốc. Mốc đồng ấy tức là cột đồng. Theo Tùy sử, Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp, qua cột đồng của Mã Viện, đi về phía nam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, An Nam đô hộ là Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba². Theo sách Thông điển của Đỗ Hữu, từ nước Lâm Ấp đi về phía nam, đi thủy, đi bộ hơn hai nghìn dặm đến đây có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng hai cột đồng để nêu địa giới đây. Theo Tân Đường thư, ở châu Bôn Đà Lăng của Lâm Ấp, phía Nam là năm bãi lớn, có núi "cột đồng" (đồng trụ sơn), hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía Tây có nhiều núi đá, phía Đông là biển lớn. Cột đồng đó là do Mã Viện

¹ Trần (557-589) là một triều đại thuộc Nam triều (Trung Quốc) bị Tùy diệt năm 589.

² Chỉ Mã Viện, vì khi sống, Viện được phong làm Phục Ba tướng quân.

dựng lên¹. Theo sách Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, Mã Viện đi đánh Lâm Ấp, đi từ Nhật Nam hơn 400 dặm đến Lâm Ấp, lại đi hơn 20 dặm nữa có nước Tây Đồ Di. Viện đến nước ấy rồi lập hai cái cột đồng ở nơi phân giới giữa Tượng Lâm và Tây Đồ Di. Về đường thủy, đi từ Nam Hải hơn 3000 dặm đến Lâm Ấp, rồi đến cột đồng ở Giao Châu phải 5000 dặm nữa. Sách Nhật Thống chí nhà Đại Thanh có chép: Tượng truyền (cột đồng) ở về động Cổ Sâm châu Khâm, Mã Viện có thề rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt", nghĩa là "Cột đồng ấy gãy thì Giao Chỉ bị diệt", nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đồng cao. Đó vì sợ cột đồng ấy bị đổ gãy.

Nay xét dã sử thấy có chép tỉnh Phú Yên có sông Đà Diễn. Phía Nam sông ấy có bãi lớn. Phía Tây Nam bãi ấy có núi Thạch Bi. Núi này chu vi tới mười dặm; phía Tây tiếp Đại Lĩnh, nhiều rừng trùng điệp, phía đông ra mãi bờ biển. Trên đỉnh núi ấy có một phiến đá trơ trọi cao hình như bị chẻ dọc. Thao lời ghi chép trong các sách Thông điển, Đường thư, ngỡ rằng cột đồng có thể ở chỗ ấy. Chỉ có một điều, một phiến đá trơ trọi ở trên đỉnh núi ấy, cao chừng 10 trượng, rộng tới 6,7 trượng. Nhân dân ở quanh núi ấy nói rằng phiến đá ở trên đỉnh núi là một chòm đá tự nhiên, không phải của ai lập thành cả. Vậy e rằng ta không thể bảo đây là cột đồng. Sách Thủy kinh chú có nói: núi sông biển đổi, cột đồng bị lở mất vào trong biển. Lẽ ấy có lẽ đúng.

Đền Trưng vương: Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ² ngày nay.

Mã Viện nhà Hán đắp thành Kiến Giang.

Vì thấy huyện Tây Vu có đến ba vạn ba nghìn hộ, Mã Viện xin chia ra làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải. Vua Hán y cho Mã Viện lại lập thành quách, đặt tỉnh ấp (xóm làng), đắp thành Kiến Giang ở Phong Khê. Thành này hình tròn như cái tổ kén, nên gọi là thành Kiến Giang. Ba năm sau, Mã Viện về nước. Từ đấy về sau, trải qua các đời Minh đế (58-75 s.c.ng.), Chương đế (76-88), Hoa đế (89-105), Thương đế (106), An đế (107-125) gồm 5 đời vua, cộng tám mươi hai năm, mà chỉ thấy về đời Minh đế có Lý Thiện, người huyện Nam Dương, làm thái thú Nhật Nam có lòng yêu dân, làm chính sự có ơn huệ với dân, hấp dẫn được người phương xa. Về sau, Lý Thiện đổi đi làm thái thú Cửu Giang. Các quan lại có tài giỏi của mấy đời vua Hán chỉ thấy nói có một Lý Thiện. Đó có lẽ là những thiếu sót của việc ghi chép sử sách vậy.

Lời chua - Thành Kiến Giang: Theo Đại Thanh Nhất thống chí, thành Kiến Giang, thành Vọng Hải đều ở huyện An Lãng. Khoảng năm Kiến Vũ (25-56), trong khi Mã Viện nhà Hán sang bình Giao Chỉ, đắp hai thành ấy ở huyện Phong Khê và huyện Vọng Hải.

Huyện Tây Vu: Do nhà Hán đặt, thuộc quận Giao Chỉ.

Lý Thiện: Theo Độc hạnh truyện (truyện những người có đức tính đặc biệt) trong Hậu Hán thư, Lý Thiện là người có hạnh có nghĩa. Về thời Quang Vũ (25-57), Lý Thiện được triệu làm chức thái tử Xá Nhân. Về thời Minh đế (58-75), Thiện được cử làm quan ở Công phủ; vì có tài giải quyết việc phiến kịch, được thăng làm thái thú Nhật Nam. Vì làm chính sự theo đường ân huệ, yêu mến nhân dân, hấp dẫn được người phương xa, Thiện được thăng làm thái thú Cửu Giang, nhưng chưa đến nơi thì bị bệnh mất.

Năm Nhâm Dần (102). (Hán, Hòa đế, năm Vĩnh Nguyên thứ 14).

Nhà Hán bắt đầu đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm.

Theo Hậu Hán thư, trước kia, huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam đem hơn ba nghìn người cướp bóc nhân dân, đốt cả các dinh thự công; các quận huyện đem quân ra đánh, chém được người

¹ Xem thêm Phương đình địa chí loại, quyển 2, tờ 34-36, chỗ khảo về "thuyết đồng trụ".

² Thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

đứng đầu, còn dư đảng ra hàng cả. Bấy giờ mới đặt ra quan tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm, để đề phòng mối lo biến loạn.

Lời chua - Tượng Lâm: Tên huyện, nguyên thuộc quận Nhật Nam; cuối đời Hán, là đất nước Lâm Ấp.

Tướng binh Trưởng sử: Tên chức quan đóng ở quận Nhật Nam (theo sách Thập tam châu chí của Hám Nhân).

Năm Giáp Dần (114). (Hán, An đế, năm Nguyên Sơ thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Quận Nhật Nam đất nứt xé ra.

Sách Cương mục (Trung Quốc) chép rằng: Ở quận Nhật Nam đất nứt xé ra dài hơn trăm dặm.

Năm Bính Tí (136). (Hán, Thuận đế, năm Vĩnh Hòa thứ 1).

Nhà Hán dùng Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ.

Trước kia, thái thú Chu Xưởng cho rằng quận Giao Chỉ ở ngoài phạm vi chín châu¹, và ở xa mãi về ngoài Bách Việt², nên dâng biểu xin đặt chức phương bá³; đến bấy giờ vua Hán mới dùng Chu Xưởng làm thứ sử quận Giao Chỉ, trông coi cả công việc các quận huyện.

Lời cần án - Thiên Bách quan chí trong Hậu Hán thư chép rằng: 12 châu ở ngoài (ngoài chín châu, Trung Quốc), mỗi châu đặt một thứ sử, phẩm trật lương bổng là sáu trăm thạch⁴. Bởi vì bắt đầu từ Vũ đế đặt ra 13 thứ sử, dùng 6 điều trong chiếu thư để xét công việc thứ sử các châu, vạch ra việc làm trái phép. Thứ sử tức cũng như giám quận ngự sử đời Tần vậy. Đến đời Thành đế, năm Tuy Hòa thứ nhất (8 tr.c.ng.), triều đình cho rằng chức thứ sử ở dưới hàng đại phu mà lại trông coi việc các quan ăn lương tới hai nghìn thạch, thì không hợp với chức vị khinh, trọng; vì thế mới thay đổi đặt ra chức châu mục. Chức này vào bậc lương hai nghìn thạch, địa vị liền dưới hàng cửu khanh. Đời Ai đế, năm Kiến Bình thứ 2 (5 tr.c.ng.) bỏ chức châu mục, lại đặt thứ sử. Năm Nguyên Thọ thứ 2 (I tr.c.ng.), lại đặt châu mục. Đời Quang Vũ năm Kiến vũ thứ 18 (42 s.c.ng.), lại đặt mười hai thứ sử, mỗi thứ sử đứng đầu coi giữ một châu. Một châu trong đó thuộc về quan (binh là) tư lệ hiệu úy. Đến đời Linh đế, khoảng năm Trung Bình (184-189), bốn phương đều có giặc nổi lên, là vì uy quyền của thứ sử quá nhẹ. Vì vậy, lại đổi đặt làm chức mục bá, chọn các quan thượng thư vào hàng khanh bỏ đi làm châu mục. Không bao lâu, Hiến đế lại bỏ Giao Châu để thuộc về Kinh Châu, nhưng châu mục là Lưu Biểu lại tự đặt ra chức thứ sử. Việc vừa có châu mục vừa có thứ sử là bắt đầu từ đây. Như thế thì các chức quan cai trị đặt ra (ở Giao Châu) có khi gọi là thứ sử, có khi gọi là châu mục, dẫu trước sau hoặc theo cũ hoặc thay đổi, tên gọi khác nhau, nhưng cũng vẫn là một chức quan đứng đầu coi các hàng quận huyện.

Đến như cái tên gọi là Giao Châu, xét theo sách Cương mục (Trung Quốc) thì từ năm Kiến An thứ 8 (203) trở về sau, mới gọi là Giao Châu, còn trước đây chỉ gọi là quan mục Giao Chỉ, quan thứ sử Giao Chỉ. Khảo thêm sách Tấn Chí, thấy chép: khoảng đời Hán Thuận đế (126-144), thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu; triều đình bàn định không nghe, lại phong Chu Xưởng làm thứ sử Giao Chỉ. Đến đời Hiến đế, năm Kiến An thứ 8 (203), thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập làm châu. Lúc đó triều đình Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu,

¹ Đời cổ, Trung Quốc chia thiên hạ làm chín châu, tên các châu mỗi đời có hơi khác nhau, như: Ký, Duyện, Thanh, Từ, Úng, Dự, Lương, Kinh, Dương, là chế độ nhà Hạ; Ký, Duyện, U, Tứ, Úng, Dự, Dinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Ân; Ký, Duyện, Thanh, U, Úng, Dự, Tinh, Kinh, Dương, là chế độ nhà Chu. Tóm lại, chín châu là khu vực trung nguyên của Trung Quốc.

² Đời cổ những đất Giang, Chiết, Mân, Việt là chủng tộc người Việt ở, nên gọi chung là Bách Việt. Như U Việt ở Chiết Giang; Mân Việt ở Phúc Kiến; Dương Việt ở Giang Tây; Nam Việt ở Quảng Đông; Lạc Việt ở Việt Nam; v.v...

³ Tên một chức quan to đời cổ, đứng đầu các chư hầu trong một phương.

⁴ Đơn vị đo lường xưa của Trung Quốc. Mỗi thạch ăn 10 354 688 công thăng (lít).

phong Trương Tân làm quan mục Giao Châu. Tên gọi là Giao Châu thực bắt đầu từ đây. Thế mà **Sử cũ**, vào năm Kiến Vũ thứ 5 (29), đã chép rằng quan mục Giao Châu là Đặng Nhượng sai sứ sang cống hiến nhà Hán; vào năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137), đã chép rằng Trương Kiêu làm thứ sử Giao Châu. Chép như thế, là chưa chịu tra xét kỹ. Nay xin cải chính lại.

Lời chua - Sáu điều: Điều thứ nhất: Những nhà cường hào chiếm ruộng vườn trái phép, cậy mạnh đè nén người yếu, lấy nhiều người bắt nạt ít người. Điều thứ hai: các quan bậc lương hai nghìn thạch không vâng theo chiếu thư mà tuân giữ phép tắc, trái phép công, thoả ý riêng mình, vợ vét của dân làm sự gian phi. Điều thứ ba: Các quan bậc lương hai nghìn thạch không lo nghĩ xét các án nghi ngờ, chỉ nghe tin phao đã buộc người ta vào tội chết, ghét ai thì phạt, yêu ai thì thưởng, phiền nhiễu tàn bạo, giết hại dân đen, làm cho nhân dân oán ghét. Nhân dịp núi lở đá nứt, phao đồn các tin sai ngoa. Điều thứ tư: Các quan bậc lương hai nghìn thạch tuyển bổ không công bằng, a dua với người mình yêu, ghét bỏ những người tài giỏi, tin yêu kẻ gian ngoan. Điều thứ năm: Các quan bậc lương hai nghìn thạch, những con em cậy mình quyền thế, thỉnh thác quan trên. Điều thứ sáu: Các quan bậc lương hai nghìn thạch làm trái phép công, bè đảng với người dưới, về hòa với kẻ cường hào, thông nhau ăn tiền lấy của, hại đến chính lệnh.

Đô giám quận, huyện: Trương Cửu Thiệu nói rằng: "Nhà Hán đặt thứ sử Giao Chỉ cai trị An Nam, trông coi cả việc hành chính bảy quận: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố.

Năm Đinh Sửu (137). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 2).

Tháng tư, mùa hạ. Người Man ở Tượng Lâm quận Nhật Nam, là Khu Liên, làm phản.

Theo sách Hậu Hán thư, người Man ngoài cõi xa thuộc Tượng Lâm quận Nhật Nam, là bọn Khu Liên, đem vài nghìn người đánh huyện Tượng Lâm, đốt thành quách công sở, giết người trưởng lại. Thứ sử quận Giao Chỉ là Phàn Diễn đem hơn một vạn quân ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đến đây cứu viện. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh nơi phủ lỵ. Phàn Diễn dẫu có đánh phá được bọn quân sĩ làm phản, nhưng thế lực quân Man mỗi ngày một mạnh.

Lời chua - Khu Liên ____: Họ tên người Man Sách Tấn thư và Cương mục tập lăm đều chép là chữ ____ (Khu Liên): Có lẽ vì chữ Liên ____ đồng âm với chữ ____ ... nên mới lăm chữ nọ ra chữ kia đấy thôi.

Năm Mậu Dần (138). (Hán, năm Vĩnh Hòa thứ 3).

Tháng tư nhuận, mùa hạ. Nhà Hán dùng Trương Kiêu làm thứ sử Giao Chỉ, Chức Lương làm thái thú Cửu Chân, để chiêu hàng những đám giặc người Man. Đặt ở Lĩnh Nam đều yên cả.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Lúc bấy giờ thị ngự sử¹ Giả Xương sang có việc ở quận Nhật Nam, liền cùng với các châu quận hợp sức lại đánh bọn Khu Liên. Đánh không được, lại bị bọn Khu Liên đánh lại và bao vây. Hơn một năm, quân Hán thiếu lương ăn. Vua Hán lấy làm lo, triệu tập các công khanh, trăm quan và tư tào bốn phủ, hỏi về phương kế đối phó. Mọi người đều bàn nên sai tướng đem bốn vạn người các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự đi ứng phó việc này. Trong đó có đại tướng quân sung chức trung lang là Lý Cố bác đi mà rằng: "Hiện nay châu Kinh, châu Dương giặc cướp vẫn lẫn quất tụ họp; đất Trường Sa, đất Quế Dương thường phải đóng góp binh lương. Nếu nay lại làm cho dân Kinh, Dương bị náo động, thì tất sinh loạn. Còn người các châu Duyện, Dự cũng bị bắt ra lính và nộp quân nhu, đi xa hàng muôn dặm, nay trát đòi, mai giấy bắt, tất gây ra phản loạn. Và lại, ở phương nam, khí hậu nắng nóng ẩm thấp, lại thêm có lam chướng, số quân lính đến đây có thể chết đến bốn năm phần mười. Lặn lội hàng muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, kịp lúc đi đến Lĩnh Nam, không còn hơi sức đâu chiến đấu nữa.

¹ Chức quan đứng đầu Ngự sử đài.

Quân đi mỗi ngày được ba mươi dặm, mà các châu Duyện, Dự cách Nhật Nam hơn chín nghìn dặm, như thế phải đi ba tám ngày mới đến nơi. Tính đến lương ăn, mỗi người năm tháng, thì phải dùng đến sáu mươi vạn斛 gạo; đó là chưa kể lương ăn của tướng lại và lừa ngựa, chỉ tính số lương của quân sĩ có mang khí giới mà đã tốn đến thế. Nói hẳn ngay quân đã đến nơi rồi, số tử vong hao tổn tất nhiều, đã không đủ chống lại với địch, lẽ tất nhiên rồi lại bắt lính gửi thêm. Như thế có khác gì cắt ruột gan mà vá vào chân tay. Quận Cửu Chân cách Nhật Nam có độ nghìn dặm, đem quan và dân Cửu Chân đi đánh Nhật Nam còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân sĩ bốn châu¹ để đi chịu cái nạn ở nơi muôn dặm hay sao? Trước đây, Trung lang tướng Doãn Tự sang đánh quân rợ Khương làm phản ở Ích Châu, nhân dân Ích Châu có lời ngạn rằng: "Giặc đến còn khá, nếu Doãn Tự đến, thì nó giết chúng ta!". Sau đó, Doãn Tự bị gọi về, đem quân sĩ giao cho thứ sử (Sử cũ chép "châu phán" là lầm) là Trương Kiêu. Trương Kiêu dựa vào những tướng lại sẵn có ấy, chỉ trong khoảng hàng tuần (10 ngày), hàng tháng, dẹp yên giặc cướp. Đó là một kinh nghiệm về việc sai tướng đi đánh giặc xa không có ích gì, mà có thể dùng ngay quân ở châu quận ấy. Nay nên chọn lọc những người có dũng lược, nhân huê, có thể dùng làm tướng được, để cho làm thứ sử thái thú, rồi sai cùng đi sang Giao Chỉ. Hiện nay ở quận Nhật Nam, quân ít, lương không có, giữ thế thủ đã không xong, thế chiến cũng chẳng được; vậy nên đem tất cả lại dân dời ra mặt bắc nương nhờ vào quận Giao Chỉ. Sau khi yên tĩnh rồi, lại cho họ trở về nơi cũ. Một mặt khác chiêu dụ người Man di để cho chúng đánh lẫn nhau; lấy được vàng lụa làm của tiêu dùng; nếu đũa nào biết phản gián chặt được đầu tướng giặc đem nộp thì sẽ được thưởng bằng cách cắt đất và phong cho tước hầu. Thứ sử Tinh châu ngày trước là Chúc Lương có tính dũng cảm quả quyết; Trương Kiêu, người quận Nam Dương, trước kia, đã ở Ích Châu, có công đánh được giặc. Cả hai người này đều nên dùng. Vậy nay nên cho ngay bọn Chúc Lương tiên đường phó nhậm làm quan". Các quan trong bốn phủ đều theo như lời bàn của Lý Cố. Vua nhà Hán lập tức bổ Chúc Lương làm thái thú quận Cửu Chân, Trương Kiêu làm thứ sử quận Giao Chỉ. Khi Trương Kiêu đến nơi, hễ điều võ về dẫn dụ. Quân giặc đều ra hàng và giải tán cả. Chúc Lương đến Cửu Chân, một mình đi xe vào trong đám quân giặc, xếp đặt mưu mẹo, lấy uy tín chiêu dụ dân; số người ra hàng có đến mấy vạn. Vì thế những đất ngoài Ngũ Lĩnh lại được yên.

Lời chua - Trương Kiêu: Người quận Nam Dương. Chúc Lương người đất Lâm Tương thuộc Trường Sa.

Năm Giáp Tân (144). (Hán, năm Kiến Khang thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Người quận Nhật Nam làm phản. Thứ sử quận Giao Chỉ là Hạ Phương hàng phục được họ.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Hơn một nghìn người ở quận Nhật Nam lại nổi dậy, đánh đốt các huyện ấp, họ cổ động và liên kết với cả người quận Cửu Chân. Thứ sử Giao Chỉ, Hạ Phương, dùng ân nghĩa chiêu dụ; quân giặc đều hàng phục. Lúc đó thái hậu họ Lương nắm quyền triều đình, khen Hạ Phương là người có công, thăng cho làm thái thú Quế Dương; cử Lưu Tảo sang thay.

Lời chua - Hạ Phương: Người quận Cửu Giang nhà Hán.

Năm Canh Tí (160). (Hán, Hoàn đế, năm Duyệt Hi thứ 3).

Tháng 11, mùa đông. Nhà Hán lại dùng Hạ Phương làm thứ sử Giao Chỉ. Dư đảng đánh giặc ở Nhật Nam đến doanh trại Hạ Phương xin hàng.

Sách Hậu Hán thư chép rằng: Trước kia, huyện lệnh huyện Cư Phong là người tham lam, tàn bạo, không biết tế nào là chán. Người trong huyện là bọn Chu Đạt họp nhau với quân Man đánh giết huyện lệnh. Họ có đến bốn năm nghìn quân, tấn công vào quận Cửu Chân. Thái thú Cửu Chân, Ngô Thức, ra đánh, bị tử trận. Nhà Hán sai đô úy quận Cửu Chân là Ngụy Lăng đi đánh, phá tan được. Nhưng tướng giặc vẫn còn đóng chiếm Nhật Nam, thế lực ngày càng cường thịnh. Đến đây, triều Hán lại cho Hạ Phương làm thứ sử. Hạ Phương vốn là người có uy tín, khi đến quận, có hơn hai vạn quân giặc kéo nhau đến đầu hàng.

¹ Chỉ bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự nói trên.

Lời chua - Ngụy Lăng: Người đất Thượng Ngu quận Cối Kê, có tính công bằng, trung thực và trí sáng suốt, sau thăng làm thượng thư, rồi vì đình nghị khép vào vụ bê đàng, phải bãi chức về.

Cư Phong: Tức là huyện Cư Phong. Xem lời chua ở năm Kiến Vũ thứ 19 đời Hán. (Tb.2, 12).

Năm Mậu Ngọ (178). (Hán, Linh đế, năm Quang Hòa thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử nổi dậy làm phản. Nhân thế người Giao Châu là Lương Long khởi lên làm loạn, đánh phá, vây hãm các thành ấp.

Năm Tân Dậu (181). (Hán, năm Quang Hòa thứ 4).

Mùa hạ. Nhà Hán dùng Chu Tuấn làm thứ sử, đánh tan được bọn giặc nói trên.

Thời bấy giờ, quận Giao Chỉ, quận Hợp Phố và Mán Ô Hử làm loạn mãi, mục thú là Chu Ngung không chống nổi. Nhân đó bọn Lương Long là người Giao Châu cũng khởi quân đánh phá các quận huyện. Họ có đến mấy vạn quân. Đến nay, nhà Hán sai huyện lệnh huyện Lan Lăng là Chu Tuấn sang cứu Chu Ngung, nhân tiện đường đi qua quận nhà (Cối Kê), Chu Tuấn mộ thêm gia binh, hợp với quân của mình mang đi tất cả được năm nghìn người, chia ra hai đạo kéo vào Giao Châu. Khi đến địa giới Giao Châu, đóng quân lại, không tiến, trước hết sai người đi dò xem hư thực, và tỏ bày uy đức để làm nao núng quân địch; rồi hợp cùng quân bản quận kéo sát đến đánh, giết được Lương Long; số người ra hàng có tới mấy vạn. Trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, bình định xong cả.

Lời chua - Chu Tuấn: Người quận Cối Kê.

Ô Hử: Theo truyện Tây Mai di trong sách Hậu Hán thư và theo sách Nam châu dị vật chí của Vạn Chấn, Ô Hử, là tên đất, ở về phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu, thường hay đón đường rình những hành khách qua lại, ập ra đánh, cốt bắt lấy người ăn thịt, không thiết đến của cải; có khi lấy thịt người ướp làm món ăn. Cho nên lại gọi là Hám nhân quốc (nước ăn thịt người).

Năm Giáp Tí (184). (Hán, năm Trung Bình thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Binh sĩ quận Giao Chỉ nổi loạn. Nhà Hán dùng Giả Mạnh Kiên (Sử cũ chép là Giả Tông) làm thứ sử.

Quân đóng ở quận Giao Chỉ bắt giết thứ sử Chu Ngung, rồi sai người sang triều Hán kể tội trạng của Chu Ngung. Vua Hán thấy thế, hạ chiếu kén người tài giỏi sang làm thứ sử. Trong các quan có người tiến cử ngự sử Giả Mạnh Kiên, vua Hán bổ Mạnh Kiên sang làm thứ sử. Trước kia, ai sang làm thứ sử, thấy đất Giao Chỉ có nhiều hạt châu, cánh trả, gà voi, tê giác, đồi mồi, hương lạ, gỗ quý, đều không giữ được thanh liêm; khi của đầy túi rồi, lại xin đổi đi nơi khác. Cho nên lại và dân đều hay làm phản. Kịp khi Mạnh Kiên đến nơi, dò hỏi tình trạng gây ra phản bội, thì mọi người đều nói: "Chính lệnh trước kia bắt đóng thuế khóa rất hà khắc, nhân dân khổ khó, đường sang kinh đô thì xa, không biết kêu đâu được. Nhân dân không sao sống nổi, cho nên họp nhau để kháng cự lại chính sách ấy, chứ không thực là làm phản". Giả Mạnh Kiên mới sai người chia đi các nơi phủ dụ để cho dân chúng yên nghiệp làm ăn. Lại chiêu tập vỗ về những người lưu vong, tha cả thuế khóa. Rồi giết những quan lại đầu sỏ về tội tham ngược, chọn lấy người quan lại lương thiện cho đi cai trị các quận huyện. Do đấy nhân dân mới được yên ổn. Nơi đường sá họ có làm câu hát, đại ý nói: "Người cha chúng ta là họ Giả đến muộ, khiến ta trước kia làm phản, nay được thanh bình, ai dám còn lòng phản bội?" (Sử Cương mục [của Trung Quốc] chép câu cuối là "... kẻ nha lại không dám hạch sách cơm rượu của dân nữa"). Giả Mạnh Kiên làm việc được ba năm thì triều Hán gọi về, phong làm nghị lang, cho người bản châu (Giao Châu) là Lý Tiến lên thay làm thứ sử.

Lời phê - Xem đây, ta thấy rõ triều Hán có nhiều nhân tài, đời sau không thể sánh kịp được. Thời đó chưa có khoa cử mà được nhiều nhân tài như thế, lại càng thấy rõ khoa mục chỉ vụ cái danh về việc học, chứ có bổ ích gì cho chính trị lắm đâu?

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Xét sách **Hán thư** có chép đến tên Mạnh Thường là người ở Thượng Ngưu quận Cối Kê, cuối đời Hán làm thái thú quận Hợp Phố. Quận này không sản xuất thóc gạo, mà hải phận thì sản châu báu. Quận này giáp giới Giao Chỉ, người trong quận thường sang buôn bán và đong thóc gạo ăn. Trước kia, bọn thú tể ở đây nhiều người tham tàn, bắt ép nhân dân Hợp Phố đi tìm kiếm hạt châu, không có mức độ nào! Hạt châu do đấy dần dần chuyển sang địa giới Giao Chỉ. Khi Mạnh Thường đến nhậm chức, sửa bỏ những tệ hại trước; hơn một năm, hạt châu đã đi mấy ấy lại trở về chốn cũ. Nhân dân đều yên nghiệp làm ăn, gọi Thường là bậc "thần minh". Than ôi! nếu các thú mục trong mấy quận này, ai cũng được như Mạnh Thường cả, thì dân ta việc gì phải khổ sở làm phản nữa.

Lời chua - Mạnh Kiên: Người Liêu thành thuộc Đông quận, đậu Hiếu Liêm, rồi thăng làm Kinh Triệu Doãn, có thành tích chính trị; đến đây, các quan cử sang làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Năm Đinh Mão (187). (Hán, năm Trung Bình thứ 4).

Triều Hán dùng Lý Tiến làm thứ sử Giao Chỉ.

Sử cũ chép: Lý Tiến dâng thư nói với vua Hán: "Khắp cả thiên hạ, đâu chẳng là bầy tôi của nhà vua, thế mà bây giờ làm quan ở trong triều đều là người Trung Châu¹, chưa thấy nhà vua khen thưởng, khuyến khích những người phương xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, có viện dẫn nhiều lý do. Vua Hán hạ chiếu cho người Giao Châu ta ai đỗ Hiếu Liêm hay Mậu Tài được bổ làm chức trưởng lại thuộc Giao Châu, chứ không được làm quan ở Trung Châu. Lý Tiến lại dâng sớ "xin cho những người đã đỗ Hiếu Liêm được như các bác sĩ 12 châu: chỉ căn cứ vào nhân tài để nhận xét"². Nhưng các quan trong triều sợ rằng người phương xa hay nói suông, chê bai bắt bẻ triều đình Trung Quốc, nên không ưng cho. Khi bấy giờ, người Giao Châu ta có Lý Cầm làm túc vệ ở điện đài, mới rủ người đồng hương là bọn Bốc Long năm sáu người, giữa mồng một Tết là ngày các nơi đến triều hội, bọn Lý Cầm phục ở sân điện kêu rằng: "Ơn vua thắm ra chưa khắp". Các quan trong triều hỏi cơ sao. Lý Cầm đáp: "Nước Nam Việt ở lánh về một phương xa, không được trời che đất chở, nên không được hưởng gió mát mưa lành!". Lời lẽ rất là đau khổ, thiết tha. Vua Hán hạ chiếu yên ủi rồi cho nước ta một người đỗ Mậu Tài làm quan lệnh huyện Hạ Dương, một người đỗ Hiếu Liêm làm quan lệnh huyện Lục Hợp. Về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy; Trương Vọng làm đến thái thú Kim Thành. Như thế thì nhân tài nước Việt ta được cùng thăng tiến như người bên Hán là do từ Lý Tiến, Lý Cầm mở đường lối trước.

Lời cần án - Theo sách **Lĩnh Nam di thư**, Trương Trọng người quận Hợp Phố, chăm học, nói giỏi, là một người có danh vọng ở đất Lĩnh Biểu, được thứ sử kén chọn cất lên làm việc cố kố ở quận Nhật Nam, đem dâng sổ sách vào Lạc Kinh. Vua Minh đế (8-75) thấy vóc người nhỏ bé, lấy làm kỳ dị, hỏi rằng: "Tiểu lại quận nào?". Trương Vọng, với giọng thẳng thắn cứng cáp, thưa rằng: "Tôi là kẻ lại giữ chức cố kố ở quận Nhật Nam, không phải là tiểu lại. Nhà vua muốn được có nhân tài, hay chỉ cần xướng độ thịt thòi?". Vua Hán khen câu trả lời của Trương Trọng là phải. Buổi đại hội ngày mồng một Tết, vua Hán hỏi: "Có phải rằng ở quận Nhật Nam người ta hướng về phía bắc để chào mặt trời không?". Trương Trọng thưa: "Tên các quận có quận Vân Trung là trong mây, có quận Kim Thành là thành vàng, vị tất phải có sự thức. Như thế ở quận Nhật Nam mặt trời cũng mọc ở phương đông; còn như khí hậu ấm áp, mặt trời đi ngang đỉnh đầu vẫn đứng bóng. Nhà ở của quan dân tùy theo ý muốn đông tây nam bắc muốn hướng chiều nào thì hướng, không có nhất định, vì thế gọi là lĩnh vực mặt trời ở về Nam". Vua Hán thấy Trương Trọng nói thế, lại càng thêm trọng, ban thưởng vàng lụa. Nếu ta xét kỹ lời chép trong **Lĩnh Nam di thư**, và xét về đời Hoàn đế (147-167), người đất Lê Phố là Từ Trưng lúc thường vẫn hay so sánh với Trương Trọng, thì biết Trương Trọng là người về đời Minh đế nhà Hán, quyết không còn nghi ngờ gì nữa. Còn như việc Lý Tiến sang làm

¹ Chỉ Trung Quốc.

² Ý nói xét tài năng mà bổ dụng, chứ không phân biệt người Bắc người Nam.

thứ sử thì lại ở về sau Trương Trọng, cách nhau đến hơn mấy chục năm. Về đoạn này, **Sử cũ** lại chép "về sau, Lý Cầm làm đến chức Tư Lệ hiệu úy, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành, là do từ Lý Tiến đã mở đường lối trước". Như thế là vì **Sử cũ** nhận Minh đế nhà Hán lẫn với Minh đế nhà Tấn (323-325), nên đoạn này mới chép lầm; nay xét kỹ, cải chính lại.

Lời chua - Lý Tiến: Theo sách Bách Việt tiên hiền chí, Tiến, người đất Cao Hưng, quận Giao Chỉ, là người thông minh, hiểu khắp Kinh Truyện, được bổ làm chức công tào ở quận, sau thăng dần đến chức kỵ đô úy. Năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137 s.c.ng.), quân Man ở Kinh Châu làm phản, Lý Tiến được sai làm thái thú quận Linh Lăng, đánh tan được giặc ấy. Khoảng năm Trung Bình (184-189), Lý Tiến được thay Giả Mạnh Kiên làm thứ sử quận Giao Chỉ, tâu xin theo đúng lệ cống sĩ bên Trung Châu. Về sau, có Nguyễn Cầm do đồ mậu tài làm đến chức tư lệ hiệu úy. Nhân tài quận Giao Chỉ được tuyển bổ cùng với người Trung Châu thực là bắt đầu từ Lý Tiến.

Lý Cầm: Sách Bách Việt tiên hiền chí chép là Nguyễn Cầm, người Giao Châu. Sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng chép Lý Cầm, Trương Trọng đều là người do khoa mục xuất thân.

Nhà Hán dùng Sĩ Nhiếp làm thái thú quận Giao Chỉ.

Truyện Sĩ Nhiếp trong sách Ngô chí chép rằng: Nhiếp tên tự là Nghiện Uy, người đất Quảng Tín quận Thương Ngô. Tiên tổ Sĩ Nhiếp gốc người đất Văn Dương nước Lỗ, đến hồi loạn Vương Mãng, lánh nạn sang ở Giao Châu. Sau đó sáu đời đến cha Sĩ Nhiếp, tên là Tứ, làm thái thú quận Nhật Nam ở thời Hán Hoàn đế. Sĩ Nhiếp, lúc còn nhỏ, du học ở kinh sư, tôn thờ Lưu Tử Kỳ, người đất Dĩnh Xuyên, làm thầy, chuyên học sách Tả thị Xuân thu, đồ Hiếu Liêm, được bổ làm thượng thư lang, vì việc công, phải bãi chức. Khi mất tang cha là Tứ rồi, lại đậu Mậu tài, được bổ làm huyện lệnh huyện Vu Dương, rồi thăng làm thái thú quận Giao Chỉ.

Xét ra, Sĩ Nhiếp chỉ là một thái thú nhà Hán, chưa hề xưng vương. Sử cũ chép riêng làm một kỳ, đem so với nghĩa lệ chép Cương mục của Chu Tử thì không hợp, nay tước bỏ đi.

Năm Tân Tị (201). (Hán, Hiến đế, năm Kiến An thứ 6).

Nhà Hán dùng Trương Tân làm thứ sử quận Giao Chỉ.

Trước kia, thứ sử Chu Phù dùng nhiều người đồng hương chia cho làm trưởng lại, hà hiếp nhân dân, thuế khóa nặng nề.

Mọi người đều ta oán, khởi lên làm phản, đem quân đánh phá châu quận. Chu Phù phải chạy về mạn biển, bị dân giết chết. Vua Hán mới sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Chỉ.

Năm Quý Mùi (203). (Hán năm Kiến An thứ 8).

Nhà Hán đặt Giao Chỉ làm Giao Châu.

Trước kia, về đời Hán Thuận đế (126-144), Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập Giao Chỉ làm châu, triều đình nhà Hán bàn định không nghe. Đến đây, thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập Giao Chỉ làm châu, nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu; Giao Châu được ngang hàng với các châu khác ở Trung Quốc, và phong Trương Tân làm quan mục ở Giao Châu. Bắt đầu từ đây có tên Giao Châu.

Năm Đinh Hợi (207). (Hán, năm Kiến An thứ 12).

Nhà Hán bổ Sĩ Nhiếp làm tụy nam trung lang tướng, quản đốc cả bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ; kể đó lại cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Đệ đình hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong sách Ngô Chí, trước kia, thứ sử Giao Châu Chu Phù bị giặc Man đi giết chết, các quận trong châu đều rối loạn. Vì thế Sĩ Nhiếp dâng biểu xin cho em là Nhất lĩnh chức thái thú quận Hợp Phố, em thứ hai trước làm huyện lệnh huyện Từ Văn, tên là Vĩ (___ ... Sử cũ chép ___ ..., là lầm), lĩnh chức thái thú quận Cửu Chân, em Vĩ là Vũ lĩnh chức thái thú quận Nam Hải. Sĩ Nhiếp, tính

nết khoan hậu, khiêm tốn, nhã nhặn, trọng đãi nhân sĩ, nên những nhân sĩ từ Trung Quốc sang, phần nhiều tới đó nương nhờ. Sĩ Nhiếp ham đọc sách *Xuân thu*, có làm lời chú giải. Viên Huy, người nước Trần, (lúc bấy giờ ở ngụ tại Giao Châu), viết thư cho thượng thư lệnh là Tuấn Úc, có nói: "Ông Sĩ Nhiếp ở quận Giao Chỉ đã là người học giỏi, biết rộng, lại trộ về chính trị. Đang lúc loạn lạc, bảo toàn được một quận hơn 20 năm, giữ cho bờ cõi được vô sự, nhân dân được làm ăn yên ổn. Những người lữ khách đều được đội ơn. Dẫu họ Đậu (Sử cũ chép là Đậu Dung) xưa kia giữ đất Hà Tây, cũng không hơn được thế. Khi rảnh việc quan một chút, lại chăm xem sách vở, nhất là *Xuân thu Tả thị truyện* lại càng suốt hết mọi nghĩa tinh vi. Tôi thường hỏi những nghi ngờ trong *Tả truyện*, thì Sĩ Nhiếp đều có lời dẫn giải riêng đáng làm khuôn mẫu, ý tứ rất sát. Lại như sách *Thượng thư* thì Sĩ Nhiếp kiêm thông cả đại nghĩa đời xưa lẫn đời nay. Nghe nói ở kinh sử đang có cuộc tranh luận phải trái về nghĩa cổ văn kim văn, Sĩ Nhiếp có ý muốn điều trần những nghĩa phải trong các sách *Tả thị* và kinh *Thượng thư* để dâng vua". Ấy, Sĩ Nhiếp được người ta khen ngợi là thế.

Anh em Sĩ Nhiếp đều là bậc hùng trưởng ở các quận. Sĩ Nhiếp giữ một châu ở ngoài muôn dặm, uy tôn, quyền trọng, không còn ai hơn: khi đi ra đi vào đều có chuông, có khánh, rất oai nghi. Thời bấy giờ ai cũng quý trọng, đám Man di cũng phải sợ phục, dẫu Triệu Úy Đà khi xưa cũng không hơn thế.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán sai Trương Tân sang làm thứ sử Giao Châu được ít lâu, Trương Tân lại bị bộ tướng là Khu Cảnh giết chết. Quan mục Kinh Châu, Lưu Biểu, sai huyện lệnh huyện Linh Lăng là Lại Cung sang thay Trương Tân. Bấy giờ thái thú quận Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Lưu Biểu lại sai Ngô Cự sang thay, cùng với Lại Cung cùng đến một lúc. Nhà Hán nghe tin Trương Tân mất, ban cho Sĩ Nhiếp bức tì thư¹ trong có nói: "Đất Giao Châu bờ cõi xa xăm, phía nam gần sông giáp biển, ơn bề trên chưa được thắp khắp, tình dân khó giải tỏ. Ta vẫn biết nghịch tặc Lưu Biểu đã cho Lại Cung sang rình lấy đất miền Nam. Bây giờ cho nhà ngươi làm Tuy Nam trung lang tướng, quản đốc bảy quận, lĩnh chức thái thú quận Giao Chỉ như trước". Sau đó Sĩ Nhiếp sai kẻ lại là Trương Mân đem lễ vật sang cống tận kinh đô Hán. Hồi ấy, thiên hạ loạn lạc, đường đi đứt nghẽn, thế mà Sĩ Nhiếp vẫn không bỏ cống hiến, vì thế Hán lại hạ chiếu cho làm An Viễn tướng quân, phong tước Long Độ đình hầu. Về sau Ngô Cự với Lại Cung ghét nhau, Ngô Cự đem quân đánh đuổi Lại Cung chạy về huyện Linh Lăng.

Lời chua - Từ Văn: Theo Quận quốc chí trong Hậu Hán thư, huyện Từ Văn thuộc quận Hợp Phố.

¹ Bức công văn có đóng ấn để làm tin.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên

Quyển thứ III

Năm Canh Dần (210). (Hán, năm Kiến An thứ 15).

Tháng 12, mùa đông. Chúa Ngô, Tôn Quyền, dùng Bộ Chất làm thứ sử Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Sĩ Nhiếp làm thái thú Giao Chỉ, có dâng biểu xin cho ba em làm thái thú các quận Hợp Phố, Cửu Chân, Nam Hải, hùng trưởng một phương. Còn thứ sử Giao Châu là Trương Tân mê mãi việc quý thần, thường đầu đội khăn màu đỏ sẫm, đọc sách đạo Lão, bị bộ tướng giết chết. Đến đây, Tôn Quyền dùng Bộ Chất làm thứ sử, Sĩ Nhiếp đem anh em ra vâng theo mệnh lệnh nhà Ngô; do đấy đất Lĩnh Nam mới phụ thuộc Tôn Quyền.

Lời chua - Bộ Chất: Người đất Hoài Âm thuộc Lâm Hoài.

Giao Châu, Cửu Chân: Xem Triệu Vũ Vương năm thứ 10 (Tb.I, 20).

Thái thú quận Giao Chỉ nhà Hán, là Sĩ Nhiếp, sai con vào làm tin ở nước Ngô. Nước Ngô phong Sĩ Nhiếp làm Long Biên hầu.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí, lúc bấy giờ Sĩ Nhiếp sai con là Hâm vào làm con tin, Tôn Quyền cho Hâm làm thái thú Vũ Xương; còn các con của Sĩ Nhiếp và của Sĩ Nhất ở bên Nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ cường hào Ích Châu, là bọn Ung Khải, đem nhân dân trong quận xin với danh nghĩa ở xa mà phụ thuộc Đông Ngô. Tôn Quyền lại càng ngợi khen Nhiếp, thăng cho làm vệ tướng quân, phong tước Long Biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Nhất làm thiên tướng quân, tước Đô Hương hầu. Mỗi lần Sĩ Nhiếp sai sứ giả sang Ngô Tôn Quyền, không năm nào là không đem cống các thứ hương thơm, vào nhỏ kể có hàng nghìn, hạt trai sáng, vỏ xà cừ, ngọc lưu ly, chim trả, đồi mồi, ngà voi, tê giác và các thứ quả lạ như chuối tiêu, dưa, nhãn. Lại còn cống cả hàng mấy trăm ngựa. Mỗi khi như thế, Tôn Quyền lại viết thư khen ngợi, ban cho rất hậu để yên ủi lại.

Lời cần án - Con Sĩ Nhiếp là Hâm, **Sử cũ** chép sai là Ngâm.

Lời phê - Sĩ Nhiếp chẳng qua là một thái thú nhà Hán, tùy thời nịnh hót, cầu sao cho mình được an toàn, chứ không có mưu lược tài cán gì giỏi cả, đến nỗi truyền được hai đời đã mất, có gì đáng khen! Thế mà **Sử cũ** cho rằng Uy Đà cũng không hơn được, chẳng cũng là lời khen quá đáng dư!

Năm Bính Ngọ (226). (Ngô, Tôn Quyền, năm Hoàng Vũ thứ 5; Hán, năm Kiến Hưng thứ 4; Ngụy, năm Hoàng Sơ thứ 7).

Sĩ Nhiếp mất, con là Huy tự động quyền làm thái thú Giao Chỉ.

Theo truyện Sĩ Nhiếp trong Ngô chí, Sĩ Nhiếp làm quan ở quận Giao Chỉ hơn 40 năm, thọ 90 tuổi mới mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Người nước ta thông Thi Thư hiểu lễ nhạc, trở thành một nước văn hiến¹ là bắt đầu từ Sĩ Nhiếp. Tục truyền: sau khi Sĩ Nhiếp mất, đến cuối đời nhà Tấn cách xa hơn 600 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mả Sĩ Nhiếp lên, thấy thân thể diện mạo vẫn nguyên như lúc sống, liền đắp trả lại. Nhân dân vùng ấy cho thế là thần, dựng miếu để thờ, gọi là Sĩ Vương tiên.

¹ Danh từ văn hiến ở đây theo nghĩa cũ: văn là sách vở học hành; hiến là nhiều người hiền tài, tức là một nước có một nền văn minh cổ.

Mùa đông. Nước Ngô chia tách đất Giao Châu đặt ra Quảng Châu, dùng Lữ Đại và Đái Lương làm thứ sử. Lữ Đại dụ Sĩ Huy ra hàng rồi giết đi. Ít lâu sau, nước Ngô bỏ Quảng Châu, lại cứ để làm Giao Châu như cũ.

Chúa Đông Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp đã chết, cho rằng quận Giao Chỉ cách xa, mới chia từ Hợp Phố trở về phía bắc thuộc Quảng Châu, cho Lữ Đại làm thứ sử; từ Hợp Phố trở về phía nam thuộc Giao Châu, cho Đái Lương làm thứ sử. Tôn Quyền lại sai Trần Thi¹ sang thay Sĩ Nhiếp làm thái thú. Lữ Đại lưu lại Nam Hải, còn Đái Lương và Trần Thi đều đi trước đến Hợp Phố. Lúc ấy con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự động quyền làm thái thú, đem quân ra chống lại. Đái Lương ở lại Hợp Phố. Người quan lại cũ của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân khấu đầu can Sĩ Huy, khuyên nên ra đón Đái Lương. Sĩ Huy nổi giận, lấy roi đánh chết Hoàn Lân. Anh Hoàn Lân là Trị, con Hoàn Lân là Phát (Sử cũ chép lầm là các con nhà anh của Lân là Trị và Phát), họp quân trong họ lại đánh Sĩ Huy. Sĩ Huy đóng cửa thành cố thủ. Bọn Hoàn Trị đánh mãi mấy tháng, không hạ được thành, mới giao ước hòa hảo với nhau; hai bên cùng rút quân. Về phần Lữ Đại nhận được tờ chiếu chúa Ngô bảo giết Sĩ Huy, Đại mới từ Quảng Châu đi gấp vào Hợp Phố, cùng với Đái Lương cùng tiến thẳng đến nơi, dụ dỗ con Sĩ Nhất là trung lang tướng Sĩ Khuông, để Sĩ Khuông bảo Sĩ Huy ra thú tội, thì dẫu mất chức quận thú, nhưng không có sự gì khác đáng lo. Lữ Đại cũng đi theo luôn Sĩ Khuông đến, thì bọn anh Sĩ Huy là Chi, em là Cán và Tụng sáu người cỡi trần² ra đón Lữ Đại. Lữ Đại từ chối³, bảo mặc áo lại (Sử cũ chép sai là mặc áo thường), rồi Lữ Đại tiến thẳng đến trước quận. Sớm ngày hôm sau, xếp đặt màn trướng, cho mời anh em Sĩ Huy theo thứ tự tiến vào. Trong khi quan khách ngồi đầy cả, Lữ Đại đứng lên, cầm phù tiết⁴, tuyên đọc chiếu thư, kể tội Sĩ Huy, rồi sai trói lại đem chém, đưa thủ cấp về Vũ Xương. Còn Sĩ Nhất, Sĩ Vĩ và Sĩ Khuông ra hàng sau, vua nước Ngô tha tội cho; bọn này cùng với con Sĩ Nhiếp là Hâm đang làm con tin bên Ngô, đều bị cách chức làm dân thường. Mấy năm sau, Nhất và Vĩ phạm pháp, đều bị giết; chỉ có Sĩ Khuông bị bệnh chết trước. Khi Sĩ Hâm mất, bộ tướng của Sĩ Huy là Cam Lễ cùng với Hoàn Trị đem các quan lại và nhân dân đánh Lữ Đại. Lữ Đại ra sức đánh phá được, nên được thăng phong lên làm Phiên Ngung hầu. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, lại để làm Giao Châu như cũ.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Khi cha mất rồi, Sĩ Huy đã không xin mệnh trên, tự lập làm thái thú, lại đem quân ra cự lại! Như thế, đối với lẽ phải, cố nhiên là nên đánh Sĩ Huy rồi; nhưng Lữ Đại dụ người ra đầu hàng để mà giết đi thì là trái lẽ. Giữ tin thực, là việc quý của một nước. Sĩ Huy đã ra hàng, nên trói đưa về Vũ Xương, để quyền sinh sát cho người trên định. Như vậy, mình có uy tín đối với kẻ dưới, chẳng cũng hay lắm dư! Tôn Thịnh có nói: "Hòa người phương xa, được lòng người gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại kết thân với Sĩ Khuông như thầy, như bạn để thông tin tức và thề ước với Sĩ Huy, khi anh em Sĩ Huy cỡi trần chịu tội, dốc lòng gửi mạng, thế mà Lữ Đại lại nhân đây diệt đi, để cầu lấy công lợi. Do việc này, người quân tử biết rằng Tôn Quyền là người không biết cách kinh lý nơi xa và họ Lữ không được lâu dài.

Lời chua - Lữ Đại: Tên tự là Đinh Công, người đất Hải Lăng thuộc Quảng Lăng, trước được bổ làm trưởng đất Dư Diêu, đến khi Cối Kê có giặc, Tôn Quyền cho Lữ Đại làm đốc quân hiệu úy, đem quân dẹp yên, được thăng làm thái thú Lư Lăng; đến đây, sang thay Bộ Chất, làm thứ sử Giao Châu.

Nước Ngô thăng chức cho Lữ Đại làm trấn nam tướng quân, rồi lại cho làm Giao Châu mục⁵.

¹ Bản in Cm. tránh tên húy Tự Đức, chép đổi là Thời, theo sách Toàn thư và Sử ký đều in là "Thì", nay cải chính cho đúng âm.

² Nguyên văn chép là "nhục đàn", nghĩa là không mặc áo, để mình trần, xin chịu tội chết.

³ Lữ Đại từ chối không nhận việc anh em Sĩ Huy cỡi trần chịu tội, mà bảo mặc áo lại.

⁴ Mỗi khi triều đình đặc mệnh viên quan nào đi ra nước ngoài được giữ toàn quyền hành động mọi việc, thì giao cho phù tiết để làm tin.

⁵ Làm chúa một phương, uy quyền cũng như vua các chư hầu. Chữ "mục" nghĩa đen là chặn dất, người giữ chức châu mục có nhiệm vụ chặn dất dân trong địa phương mình.

Lữ Đại đã dẹp yên loạn Sĩ Huy ở Giao Châu, lại tiến quân đánh quận Cửu Chân, vừa giết vừa bắt được kể có hàng vạn người, rồi lại sai người làm việc tuyên dương giáo hóa Trung Quốc vào miền nam cho cả vùng ngoài biên thùy. Các vua nước Phù Nam, nước Lâm Ấp và nước Đường Minh đều sai sứ dâng cống. Chúa nước Ngô, Tôn Quyền, ngợi khen công của Lữ Đại, phong lên làm trấn nam tướng quân. Năm Hoàng Long thứ 3 (231) dân Mán Ngũ Khê quận Vũ Lăng (nước Ngô) làm phản. Chúa Ngô cho rằng đất đai về mặt nam đã yên rồi, cho triệu Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Kính Văn (Sử cũ chép là Tông) sợ rằng người sang thay Lữ Đại không được tốt chăng, bèn dâng sớ sau đây lên vua Ngô: "Xưa kia, vua Thuấn đi tuần phía Nam, mất ở quận Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận, thì bốn quận ấy thuộc vào đất Trung Quốc cũng đã lâu lắm. Triệu Đà khởi lên ở Phiên Ngung, vỗ về thuần phục được vua Bách Việt. Đây là những nước về phía nam quận Châu Quan¹. Vũ đế nhà Hán giết Lữ Gia, mở rộng ra làm chín quận, đặt quan thứ sử để trấn thủ và cai quản, rồi đưa người Trung Quốc sang ở lẫn với dân bản thổ, cho dân bản thổ học viết qua loa và vỗ về biết được ngôn ngữ Trung Quốc; lại có sứ thần thời thường đi lại, (họ) trông thấy lễ nghi mà tự thay đổi theo. Đến khi Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm thái thú Cửu Chân, dựng ra trường học, diu dắt nhân dân theo đường lễ nghĩa. Nhưng mà, (ở đây) là nơi đất rộng, người nhiều, rừng hiểm, nước độc, dân dễ khởi loạn. Và lại, đất này ở ngoài hẳn chín cõi², cách lựa chọn chức quan cầm đầu việc cai trị phần nhiều không được kỹ mấy. Như tôi được biết có các việc sau đây: Nam hải Hoàng Cái sang làm thái thú Nhật Nam, khi mới xuống xe, thấy cách đón tiếp không được long trọng, đánh chết người chủ bạ, rồi Hoàng Cái cũng bị dân đuổi đi. Thái Thú Cửu Chân, Đàm Manh, làm chủ tiệc rượu của bố vợ là Chu Kinh, mời cả các quan to đến dự. Lúc rượu đã say, nổi khúc nhạc vui, Công Tào³ Phiên Hâm đứng lên múa, mời Chu Kinh múa. Chu Kinh không chịu đứng dậy, Phiên Hâm còn cứ ép Kinh mãi. Đàm Manh tức giận cầm trượng đánh Phiên Hâm. Em Hâm là Miêu đem dân chúng đến đánh phủ lỵ. Đàm Manh đến nổi phải chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp (thầy thầy), sai quân đến đánh, cuối cùng vẫn không dẹp được. Lại như việc thứ sử trước đây là Chu Phù, người quận Cối Kê, phần nhiều đem người làng, như bọn Ngũ Bao, Lưu Nghiêm ra làm trưởng lại, chiếm đoạt những nhiều nhân dân, cưỡng bức dân phải nộp phú thuế: cứ mỗi một con cá vàng, thu một học lúa. Nhân dân ta oán, kéo nhau đánh châu này, phá quận kia. Chu Phù phải bỏ chạy về đường biển, rồi trôi giạt đầu mất. Sau đó đến Trương Tân, người quận Nam Dương, không có uy lực mấy, bị người ta khinh nhờn, rồi bị giết chết. Sau nữa, Lưu Biểu sai Lại Cung là bậc cao tuổi sang làm quan, Lại Cung là người cẩn thận, nhưng hiền lành, không hiểu việc đời. Kế đó lại sai Ngô Cự làm thái thú quận Thương Ngô, Ngô Cự là người vũ phu nóng nảy. Lại Cung không phục tùng, rồi hẳn học lẫn nhau, Ngô Cự đuổi Lại Cung ra khỏi Giao Châu. Khi Bộ Chất đến nơi rồi, thì lúc đó bộ tướng cũ của Trương Tân trước, như bọn Di Liêu, Tiên Bác, vẫn còn khá nhiều. Bộ Chất tiểu trừ được dẫn, xếp đặt vừa mới tạm ổn, thì lại bị gọi về. Lữ Đại bình xong đám loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại, làm sáng tỏ cương kỷ, uy thanh ra các muôn dặm, đâu đấy đều vâng theo cả. Xem như thế thì việc yên ủi dân ngoài biên cương, vỗ về người cõi xa xôi, cần phải có người giỏi. Chức mục⁴ bá⁵, nên lựa lấy người thanh liêm. Ngoài nơi hoang phục⁶, thì việc họa hay phúc lại càng quan hệ ở quan lại. Ngày nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn có bọn giặc cũ ở Cao Lương. Còn biên giới bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm và Châu Quan chưa yên, giặc cướp vẫn thường tụ họp quấy nhiễu. Nếu Lữ Đại không trở lại phương Nam nữa, thì nên chọn người có thao lược, mưu kế, cho làm thứ sử để phủ dụ dân chúng. Đối với người ấy, nên cho họ có uy quyền, được tùy tình thế à tìm cách đối phó, cốt phải làm được có hiệu quả tốt, như thế thì may ra mới có thể hàn gắn được. Còn những hạng người thường, chỉ biết giữ lễ lối cũ, không

¹ Nhà Ngô đổi tên quận Hợp Phố làm Châu Quan. Thành cũ quận Châu Quan ở phía nam huyện Hợp Phố thuộc tỉnh Quảng Đông bây giờ. Xem thêm *Lời chùa* của Cm. ở sau.

² Ý nói nơi xa xôi ngoài Trung Quốc.

³ Một chức quan huyện ghi chép công lao mọi người.

⁴ Xem chú thích chữ "mục" ở trang 137.

⁵ Xem chú thích chữ "phương bá" ở trên (Tb.2, 16).

⁶ Vương kỳ là đô thành thiên tử, ngoài vương kỳ cứ năm trăm dặm chia ra một khu vực gọi là phục, có hầu phục, điện phục, tuy phục, yêu phục và hoang phục. Như thế là hoang phục ở xa vương kỳ 2500 dặm, vì những khu vực này đều ở xa vẫn phải thần phục thiên tử, nên gọi là "phục".

có mưu hay chước lạ gì, thì lũ ác nghịch ngày thêm nảy nở, lâu ngày thành hại. Vì thế, sự an nguy trong nước quan hệ ở việc dùng người. Vậy việc này không thể không xét kỹ được". Chúa nước Ngô nghe theo lời sớ này, lại cho Lữ Đại làm Giao Châu mục.

Lời chua - Tiết Kính Văn: Người ấp Trúc, quận Bái, khi còn nhỏ, theo người trong họ, lánh loạn sang ở Giao Châu, theo học Lưu Hi. Khi Sĩ Nhiếp đã quy phụ Tôn Quyền, Kính Văn được vời làm ngũ quan trung lang tướng, thăng lên làm thái thú Hợp Phố. Khi Lữ Đại đem quân sang đánh Giao Châu, Kính Văn với Lữ Đại cùng đi, vượt biển sang đánh phương Nam.

Châu Quan: Nguyên là quận Hợp Phố nhà Hán, đến Ngô đổi làm Châu quan.

Phù Nam: Tên nước. Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Lâm Ấp: Tên nước. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Đường Minh: Tên nước. Ở trong vùng biển, cách quận Nhật Nam bảy nghìn dặm về phía Bắc, tức là nước Đạo Minh.

Cao Lương: Tên huyện, thuộc quận Hợp Phố.

Năm Mậu Thìn (248). (Ngô, năm Xích Ô thứ 11; Hán, năm Diên Hi thứ 11; Ngụy, năm Chính Thủy thứ 9).

Bà Triệu Ẩu¹, người quận Cửu Chân, họp dân chúng đánh phá các quận huyện. Thứ sử Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Người quận Cửu Chân lại đánh phá thành ấp. Các châu quận đều dậy đều náo động, chúa nhà Ngô cho đốc quân đô úy châu Hành Dương là Lục Dận làm thứ sử kiêm chức hiệu úy. Lục Dận đến nơi, dùng ấn tín hiệu dụ, hơn ba vạn nhà ra đầu hàng; đất Giao Châu lại yên. Bây giờ có người con gái quận Cửu Chân là Triệu Ẩu tụ họp dân chúng, giành cướp các quận huyện; Lục Dận đi đánh, dẹp yên.

Lời chua - Lục Dận: người đất Ngô quận, cháu họ Lục Tồn, người nước Ngô. Lục Dận trước làm tuyển tào lang, sau làm đốc quân đô úy Hành Dương. Đến khi giặc Man Di quận Cửu Chân đánh và hạ được các thành ấp, Giao Châu náo động, chúa nước Ngô dùng Lục Dận làm thứ sử Giao Châu.

Bà Triệu Ẩu: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, trong miền núi quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước, không lấy chồng, tụ họp đồ đảng đánh cướp các quận huyện thường mặc áo vải một màu vàng, đi guốc, cưỡi đầu voi, xông ra trận đánh. Sau khi chết, thành thần. Nay có đền thờ ở xã Phú Điền, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lời phê - Con gái nước ta, nhiều người hùng dũng khác thường. Bà Triệu Ẩu cũng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng². Xem như vậy thì **Bắc sử** chép chuyện thành Phu Nhân³ quân nương tử¹, há có phải chỉ Trung Quốc là có đàn bà nổi danh tiếng đâu? Nhưng nói là vú dài ba thước thì cũng quái gở, đáng cười!

¹ Theo Hán văn, chữ "Ẩu" có hai nghĩa: a) tiếng gọi chung các bà già, có ý tôn kính, thí dụ: bà mẹ đại thần nhà Hán được tôn gọi là Vạn Thạch Ẩu; b) nghĩa cũng như Ẩu chiếu, là bảo vệ nhi đồng. Theo Thanh Hóa kỷ thắng (t.65) của Vương Duy Trinh, bà Triệu tức là Lệ Hải Bà vương, họ Triệu, húy Trinh, tiểu tư là Nữ Ẩu, là em gái Triệu Quốc Đạt.

² Trưng Trắc và Trưng Nhị (x. Tb.II, 9-14).

³ Theo sách Trung Quốc, có nhiều nơi gọi là "Phu nhân thành", nhưng thành Phu nhân nói đây là ngôi thành ở Tây bắc huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, do chuyện sau đây trong Tấn thư: "Khi Chu Tự đóng quân ở Tương Dương, có Phù Phi đem quân đến đánh. Lúc đó bà mẹ Tự là Hàn Thị lên mặt thành, đi bộ xem xét. Bà bảo rằng góc Tây bắc là nơi sẽ bị đánh trước. Bà đem các tì thiếp và phụ nữ ở trong thành ra đắp thêm một cái thành ở góc thành cũ, để chống cự với giặc. Khi giặc đánh Tây bắc, thành cũ quả nhiên bị vỡ, quân đội cố giữ ở nơi thành mới, quân Phù Phi đánh không được, phải rút đi. Vì thế người Tương Dương gọi thành ấy là "Phu nhân thành" (Tứ Hải, trang 367).

Năm Quý Mùi (263). (Ngô, năm Vĩnh An thứ 6; Hán, năm Viêm Hưng thứ 1. - Năm này nhà Hán mất. Ngụy, năm Canh Nguyên thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Kê lại quận Giao Chỉ là Lữ Hưng giết Thái thú quận ấy là Tôn Tư, đem quận Giao Chỉ đầu hàng nhà Ngụy (Sử cũ chép lầm là hàng nhà Tấn).

Trước kia, nhà Ngô dùng Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ. Tôn Tư là người tham lam bạo ngược, thường chọn bắt hàng hơn nghìn người thợ thủ công khéo ở trong quận đưa sang Kiến Nghiệp²; nhân dân khổ sở về việc đó. Đến đây, chúa nước Ngô sai Đặng Tuân đến quận, Đặng Tuân lại tự tiện bắt dân phải nộp ba mươi con công đưa sang Mạt Lăng³. Nhân dân sợ phải làm lực dịch ở nơi xa, do đấy định mưu làm loạn. Kê quận lại là Lữ Hưng giết cả Tôn Tư và Đặng Tuân, rồi xin với nhà Ngụy đặt Thái thú khác và cho quân sang đóng. Quận Cửu Chân và Nhật Nam đều hưởng ứng việc này.

Năm Giáp Thân (264). (Ngô, Tôn Hạo, năm Nguyên Hưng thứ 1; Ngụy, năm Hàm Hi thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Ngô lại chia đất Giao Châu, đặt ra Quảng Châu.

Năm ấy, nhà Ngô cắt ba quận Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm đặt làm Quảng Châu, châu lỵ ở Phiên Ngung; Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố làm Giao Châu, châu lỵ ở Long Biên. Việc chia ra Giao Châu và Quảng Châu bắt đầu từ đây.

Lời chua - Nam Hải: Xem An Dương Vương, năm 44 (Tb.1, 11).

Thương Ngô, Uất Lâm, Nhật Nam, Hợp Phố: Xem Triệu Vương, Kiến Đức, năm thứ 1. (Tb.2, 4...).

Nhà Ngụy dùng Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng Hoắc Giặc ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu.

Nhà Ngụy phong Lữ Hưng làm An Nam tướng quân, đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu; dùng nam trung giám quân là Hoắc Giặc, ở xa lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, được quyền tùy tiện kén bổ các trưởng lại. Hoắc Giặc đề cử Thoán Cốc (có chỗ chép là Phàn Cốc) làm Thái thú Giao Chỉ, thống suất thuộc lại trong nha môn mình là Lữ Đồng Nguyên và Vương Tổ đem quân đến giúp đỡ Lữ Hưng. Quân chưa đến nơi, Lữ Hưng đã bị công tào Lý Thống giết chết; Thoán Cốc cũng chết.

Năm Ất Dậu (265). (Ngô, năm Cam Lộ thứ 1; Tấn, Vũ đế, năm Thái Thủy thứ 1).

Nhà Tấn dùng Mã Dung làm Thái thú Giao Chỉ. Mã Dung bị bệnh mất. Hoắc Giặc đề cử Dương Tắc sang thay.

Lời chua - Mã Dung: người Ba Tây.

Dương Tắc: người Kiện Vi.

Năm Mậu Tí (268). (Ngô, năm Bảo Định thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ 4).

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử Giao Châu, đánh lại Dương Tắc nhà Tấn. Dương Tắc đánh phá được quân Lưu Tuấn ở Cổ Thành.

Nhà Ngô dùng Lưu Tuấn làm thứ sử, cùng với bộ đốc trước là Tu Tắc (Sử cũ chép lầm là đại đô đốc Tu Tắc), tướng quân là Cố Dung, trước sau ba lần đánh vào Giao Châu, nhưng Dương Tắc đều đem quân chống cự lại và đánh phá được cả. Quận Uất Lâm, quận Cửu Chân đều phụ theo với Dương Tắc.

¹ Theo Đường thư, Bình Dương công chúa là con gái Đường Cao Tổ. Chồng công chúa là Sài Thiệu cũng là một tay võ tướng. Khi Cao Tổ bình định thiên hạ, Bình Dương công chúa đứng ra chiêu mộ dân chúng, lập một đội quân có tới bảy vạn, thanh thế ngang với quân họ Sài. Cả hai đội quân cùng kéo vào kinh đô cùng giúp Cao Tổ, cho nên thời đó người ta gọi đội quân của Bình Dương công chúa là Nương tử quân. (Tứ Hải, trang 386).

² Kinh đô của nhà Ngô.

³ Tên cũ của Kiến Nghiệp, do nhà Tấn đặt.

Dương Tắc sai tướng quân là Mao Quế (Sử cũ chép lầm là Linh), Đổng Nguyên, nha môn tướng là bọn Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tùng, Vương Tố, Thoán Năng, đi từ đất Thục sang Giao Chỉ, đánh phá quân Ngô ở Cổ Thành, giết được Tu Tắc và Lưu Tuấn quân còn sót lại đều tan rã cả. Nhân thế, Dương Tắc để cử Mao Quế làm thái thú Uất Lâm, Đổng Nguyên làm thái thú Cửu Chân.

Lời chua - Cổ Thành: Tức là thành Hợp Phố.

Năm Kỷ Sửu (269). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 1; Tấn, năm Thái Thủy thứ 5).

Tháng 11, mùa Đông. Nhà Ngô đem quân sang đánh Dương Tắc nhà Tấn.

Nhà Ngô sai giám quân là Ngu Phiếm, úy nam tướng quân là Tiết Hủ và thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng đi đường Kinh Châu; giám quân là Lý Húc (Sử cũ chép sai là Đình) và đốc quân là Từ Tồn đi đường biển Kiến An. Cả hai đạo gặp nhau ở Hợp Phố để sang đánh Dương Tắc. Lý Húc, vì thấy đi đường biển không được tiện lợi, bèn giết tướng đưa đường là Phùng Phi, rồi đem quân về. Chúa nhà Ngô cho rằng Lý Húc đã giết uống Phùng Phi và tự tiện rút quân về, nên bắt cùng với Từ Tồn đều phải tội chết.

Năm Tân Mão (271). (Ngô, năm Kiến Hành thứ 3; Tấn, năm Thái Thủy thứ 7). Đào Hoàng nhà Ngô đánh và bắt được bọn Dương Tắc nhà Tấn. Nhà Ngô lại lấy được đất Giao Chỉ, chia đất ấy ra làm quận Tân Xương.

Trước kia, Đào Hoàng và bọn Ngu Phiếm, Tiết Hủ chống nhau với Dương Tắc ở trên sông Phần. Đào Hoàng thua, lui giữ quận Hợp Phố, chết mất hai tướng. Tiết Hủ tức giận, bảo Đào Hoàng: "Người tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để mất hai tướng, trách nhiệm ấy tại ai?". Đào Hoàng thưa: "Tôi là quan cấp dưới, không được làm theo ý muốn của mình, quân sĩ không hòa thuận nhau, nên đến nỗi bị thua đó thôi". Tiết Hủ chưa nguôi giận, muốn đem quân về. Đêm hôm ấy Đào Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đổng Nguyên, bắt được của báu đưa xuống thuyền chở về. Tiết Hủ thấy thế mới xin lỗi Hoàng, dùng Hoàng lĩnh chức đô đốc quân tiền bộ ở Giao Châu, Đào Hoàng lại đi đường biển, nhân lúc không ngờ, đi tắt đến Giao Châu. Đổng Nguyên đem quân ra chống cự. Các tướng của Hoàng đều muốn ra đánh, nhưng Hoàng ngờ trong chỗ cầu đố có lẽ có quân mai phục, mới để toán quân sử dụng trường kích¹ dàn riêng hàng ngũ ở phía sau. Khi quân hai bên mới giáp trận, Đổng Nguyên giả cách rút lui; Đào Hoàng đuổi theo, quả nhiên quân mai phục đổ ra. Quân trường kích của Hoàng đón đánh, phá tan được quân địch và giết Đổng Nguyên tại trận. Lúc đó Đào Hoàng lấy tất cả những thuyền chở của báu và mấy nghìn tấm thổ cẩm² mà trước kia cướp được, đem gửi cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ (Sử cũ chép sai là Lương Tề). Lương Kỳ đem hơn một vạn người đến giúp Đào Hoàng. Bấy giờ Dương Tắc dùng bộ tướng là Vương Tố thay Đổng Nguyên. Dũng tướng của Đổng Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Đào Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ; lại sai Tượng đi xe độc mã, có người thổi sáo, đánh trống, hộ vệ điếu đi. Bọn Vương Tố thấy thế, bảo nhau: "Tên Tượng là em Giải Hệ còn được như thế, chắc hẳn Giải Hệ cũng có ý muốn đi theo". Họ bèn giết Hệ. Đào Hoàng nghe tin ấy, lập tức đem quân đánh gấp, phá được châu lỵ, bắt được bọn Dương Tắc và Mao Quế. Mao Quế ngầm lập mưu đánh úp Đào Hoàng. Việc ấy tiết lộ, Đào Hoàng bắt giết Mao Quế, rồi cho đưa bọn Dương Tắc về nước Ngô. Đi đến Hợp Phố, Tắc bị bệnh chết. Còn bọn Mạnh Cán, Lý Tùng, Thoán Năng khi về đến Kiến Nghiệp, thì Mạnh Cán trốn về với nhà Tấn; nhà Tấn dùng làm thái thú Nhật Nam. Lý Tùng và Thoán Năng đều bị nhà Ngô giết cả. Nhà Tấn truy tặng cho Dương Tắc chức thứ sử Giao Châu, các con của Mao Quế, Lý Tùng và Thoán Năng đều được phong tước quan Nội hầu. Viên Công Tào³ quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ toàn được quận, đem quận ấy phụ thuộc về nhà Tấn. Đào Hoàng sai tướng đến đánh không được. Cậu Lý Tộ là Lê Hoàng (có chỗ chép là Lê Minh) đi theo quân thứ nhà Ngô, khuyên Lý Tộ ra hàng. Lý Tộ đáp: "Cậu cứ việc làm tướng bên Ngô, tôi cứ việc thần phục bên Tấn, người nào cũng chỉ nhìn vào sức mạnh mà mình cho là có thể trông cậy được". Lý Tộ giữ thành không hàng. Quân của Đào Hoàng đánh mãi mới hạ được thành.

Lời chua - Đào Hoàng: Con Đào Cơ, người Mạt Lăng thuộc Đan Dương.

¹ Cây kích dài, một thứ binh khí xưa.

² Gấm bản thổ.

³ Xem chú thích ở trang 140.

Tân Xương: Theo chú thích của Hồ Tam Tỉnh, Tân Xương tức là Phong Châu, nay là đất tỉnh Sơn Tây.

Nhà Ngô dùng Đào Hoàng làm thứ sử, giữ phù tiết¹ tiên tướng quân, Giao Châu mục², đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu.

Sau khi Đào Hoàng phá được bọn Dương Tắc, bình được Giao Châu, nhà Ngô dùng luôn làm chức Châu mục. Đào Hoàng là người có mưu chước, biết thương kẻ khó, sẵn lòng bố thí, được lòng dân. Người ta ai cũng thích giúp việc, nên Hoàng đi đến đâu cũng được thành công. Bấy giờ tại các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, vì thế đất hiểm trở, dân Di, Lạc hung hăng mạnh tợn, đã từ lâu vẫn không chịu thần phục. Đào Hoàng đem quân đi đánh, dẹp yên, mở thêm đất, đặt làm ba quận và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân. Sau đó, nhà Ngô gọi Đào Hoàng về làm đô đốc quận Vũ Xương, và dùng Tu Doãn là thái thú quận Hợp Phố, sang thay. Có đến hàng nghìn người dân bản thổ (Giao Châu) xin giữ Đào Hoàng ở lại. Chúa nhà Ngô lại cho Hoàng trở về châu lỵ cũ.

Lời chua - Vũ Bình: Vốn là đất huyện Phong Khê, đặt ra từ nhà Ngô, Vũ Bình thống trị 7 huyện: đời Tùy bỏ quận, đổi làm huyện Long Bình; đời Đường đổi làm huyện Vũ Bình rồi lại đặt làm Đằng Châu. Triều Đinh, Lê đổi làm phủ Thái Bình; triều Trần đổi gọi Khoái Lộ; triều Lê đổi đặt làm hai phủ Tiên Hưng và Khoái Châu. Nay là địa hạt Hưng Yên³.

Cửu Đức: Đất của Việt Thường thị xưa, nhà Ngô lấy đặt làm quận Cửu Đức, thống trị 8 huyện. Đời Tấn, Tống, Tề vẫn cứ theo cũ; nhà Lương bỏ quận, đổi làm huyện Cửu Đức thuộc quận Nhật Nam; nhà Đường đổi cho thuộc Hoan Châu. Nay là đất Hà Tĩnh.

Năm Canh Tí (280). (Tấn, năm Thái Khang thứ 1).

Quan mục ở Giao Châu của nhà Ngô là Đào Hoàng đầu hàng nhà Tấn. Tấn hạ chiếu cho Hoàng làm chức cũ.

Chúa Ngô là Tôn Hạo, khi đã đầu hàng nhà Tấn, tự tay viết thư khuyên Hoàng nên về với Tấn. Nhận thư ấy, Hoàng sụt sùi ứa nước mắt đến mấy ngày, rồi sai đưa nộp ấn và thao về Lạc Dương. Vua Tấn hạ chiếu cho Hoàng giữ chức cũ, phong tước Uyển Lăng hầu, đổi làm quán quân tướng quân.

Khi nhà Tấn đã đánh được nhà Ngô, giảm bớt số quân ở các châu quận (Sử cũ chép sai là bắt lính Giao Châu). Đào Hoàng dâng thư trình bày: "Giao Châu ở trợ trội một nơi, liền sát núi, biển, cách nước Lâm Ấp ở ngoài chỉ độ 700 dặm (Sử cũ chép sai là mấy nghìn dặm). Tướng người Di ở Lâm Ấp là Phạm Hùng, suốt đời làm kẻ cướp lẩn lút, thường đánh cướp nhân dân. Hắn lại còn liên kết với Phù Nam, thường làm giặc cướp đánh phá các quận huyện, giết hại quan và dân. Tôi trước làm quan nước Ngô, được cử đem quân đóng ở bên Nam có đến hơn mười năm. Trước sau nhiều phen đi đánh dẹp, tuy có giết được tướng lĩnh họ, nhưng vì ở chỗ núi sâu hang cùng, nên còn có kẻ ẩn núp được. Và lại, quân lính thuộc dưới quyền tôi tất cả có hơn tám nghìn người. Thủy thổ phương Nam nóng nực, ẩm thấp, (Sử cũ chép lầm là ôn nhuận), có nhiều khí độc; thêm vào đó nhiều năm phải đi đánh giặc, quân lính ngày một hao mòn, hiện còn có hai nghìn bốn trăm hai mươi người. Ngày nay bốn biển hợp nhất, đâu cũng thần phục cả, đáng lẽ nên cuốn áo giáp, hủy bỏ gươm, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà, người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn. Và lại, về phía nam Quảng Châu, cả vùng có đến hơn sáu nghìn dặm, trong đó có đến hơn năm vạn hộ không phục theo và không phụ thuộc. Những bọn ngang tàng ở Quế Lâm cũng có đến một vạn hộ nữa. Nói đến những người chịu phục dịch việc quan chỉ có hơn năm nghìn nhà. Hai châu Giao và Quảng, hình thế như môi với răng, phải có quân đóng mới giữ được. Lại còn đất Hưng Cổ thuộc Ninh Châu ở mạn thượng lưu, cách quận Giao Chỉ một nghìn sáu trăm dặm, đường thủy, đường lục đều tiện, hộ vệ lẫn nhau. Vậy thì số quân đóng ở châu chưa nên giảm bớt,

¹ Xem chú thích chữ "phù tiết" ở trang 136.

² Xem chú thích chữ "mục" ở trang 139.

³ Nay Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên, Tiên Hưng thuộc tỉnh Thái Bình.

để có vẻ yếu đuối cô đơn". Vua nhà Tấn theo lời Đào Hoàng. Đào Hoàng ở Giao Châu 30 năm, tỏ ra người có ân, có uy, được dân Giao Châu yêu mến. Khi Hoàng mất, vua Tấn dùng viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Nghiện (Sử cũ chép chữ "Ngô" là họ "Ngô") làm chức nam trung đô đốc, thứ sử Giao Châu. Hồi Đào Hoàng mới mất, lính thú ở quận Cửu Chân nổi loạn, đánh đuổi thái thú Cửu Chân. Tướng giặc là Triệu Chỉ bao vây quận. Ngô Nghiện dẹp yên được cả. Ngô Nghiện làm quan được 25 năm, dân Giao Châu được yên ổn. Ngô Nghiện tự dâng biểu xin đổi người khác thay mình. Vua nhà Tấn cho Cố Bí sang thay. Cố Bí cũng là một quan tốt, cả châu ai cũng yêu mến. Kịp khi Cố Bí chết, người Giao Châu ép con Bí là Tham quản lĩnh công việc Giao Châu. Khi Cố Tham chết, em là Thọ cố ý cầu xin lên thay. Thọ giết người trưởng lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân thuộc dưới quyền mình là Lương Thạc. Lương Thạc chạy thoát, cất quân đánh giết được Cố Thọ. Sau đó, Lương Thạc chuyên quyền, nhưng sợ dân tình không thuận, mới đón con Đào Hoàng là Uy, đương làm thái thú Thương Ngô, về lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Đào Uy làm quan, rất được lòng dân, giữ chức được ba mươi năm thì chết. Em Uy là Thục, con Uy là Tuy, kế tiếp nhau làm thứ sử. Từ Đào Cơ đến Đào Tuy tất cả bốn đời, đều làm thứ sử. Đào Cơ là cha Đào Hoàng (Sử cũ chép sai là ông nội Đào Hoàng).

Lời chua - Phù Nam: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 7).

Năm Mậu Dần (318). (Đông Tấn, Nguyên đế, năm Đại Hưng thứ 1).

Tháng 10, mùa Đông. Nhà Tấn hạ chiếu gia phong cho thứ sử Quảng Châu là Đào Khả đô đốc các việc quân ở Giao Châu.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, thời bấy giờ người Trường Sa là Vương Cơ cùng với giặc đất Thục là Đỗ Hoảng, và tú tài ở Giao Châu là Lưu Trầm cùng nhau làm phản. Đào Khả sai đốc hộ đánh phá, bắt được Lưu Trầm, chém được Vương Cơ. Vì có công ấy, Khả được phong chức nói trên.

Lời chua - Đào Khả: Người Phiên Dương.

Vương Cơ: Theo Tấn thư, trước kia có người ở Trường Sa tên là Vương Cơ, cha Vương Cơ tên là Nghị làm thứ sử Quảng Châu, rất được lòng dân chúng. Sau người Quảng Châu đón Vương Cơ làm thứ sử. Khi ấy gặp dư đảng giặc đất Thục là Đỗ Hoảng đem vàng cho Vương Cơ, xin đi đánh giặc Quế Lâm để tự lập công. Vương Cơ đem việc ấy bày tỏ lên triều đình. Vương Đôn cho Vương Cơ là người khó chế ngự, vì có công hàng được Đỗ Hoảng, cũng muốn nhân đó sai đi đánh Lương Thạc. Vì vậy đổi Vương Cơ sang làm thứ sử Giao Châu. Lương Thạc nghe tin ấy, sai con đón Vương Cơ ở Uất Lâm. Vương Cơ giận việc đến đón chậm, trách rằng: "Đợi khi đến châu, sẽ hỏi tội cho!". Con Lương Thạc vội sai người về báo cho cha biết. Lương Thạc nói: "Chàng Vương¹ đã làm hại Quảng Châu rồi, lại còn đến đây phá Giao Châu nữa sao!". Nói rồi liền cấm người trong châu không ai được ra đón. Quan Tư Mã² ở phủ là Đỗ Tấn thấy Lương Thạc không cho đón Vương Cơ, liền đem quân đánh Lương Thạc, bị Thạc đánh thua. Lương Thạc lại sợ những người kiêu ngạo bên vực Vương Cơ, bấy giờ đem bao nhiêu người khá giết đi hết, rồi tự lĩnh chức thứ sử Giao Châu. Vương Cơ đã bị Lương Thạc chống cự lại, liền đi sang Uất Lâm. Khi ấy Đỗ Hoảng đi đánh được giặc Quế Lâm về, gặp Vương Cơ ở giữa đường. Vương Cơ khuyên Đỗ Hoảng đánh lấy Giao Châu. Đỗ Hoảng vẫn có ý lấy Giao Châu đã lâu, mới cầm lấy phù tiết của Vương Cơ, bảo rằng: "Ta nên thay đổi nhau cầm, sao nên một người cầm!". Vương Cơ mới đưa phù tiết cho Đỗ Hoảng. Bấy giờ Vương Cơ với Hoảng và bọn Ôn Thiệu, Lưu Trầm đều làm phản. Liền đó, Đào Khả đến Quảng Châu, đánh giết được Ôn Thiệu, Lưu Trầm trước; rồi sai đốc hộ đánh Vương Cơ. Vương Cơ chạy, bị chết. Đào Khả sai quật thầy lên đem chém.

Năm Quý Mùi (323). (Tấn, Minh đế, năm Thái Bình thứ 1).

¹ Chỉ Vương Cơ.

² Quan chuyên coi về việc binh.

Lương Thạc đánh giết thứ sử là Vương Lượng. Đào Khả sai quân đánh chém được Lương Thạc. Nhà Tấn dùng Đào Khả lĩnh chức thứ sử Giao Châu.

Trước kia, Vương Đôn dùng Vương Lượng làm thứ sử Giao Châu để đánh Lương Thạc. Lương Thạc đem quân vây Vương Lượng ở Long Biên, hạ được thành, cướp lấy phù tiết của Vương Lượng; Vương Lượng không cho, Lương Thạc chặt mất cánh tay trái của Lượng. Vương Lượng nói: "Chết, ta còn không sợ, chặt mất tay thì có làm gì!". Được hơn 10 ngày, Lượng chết. Lương Thạc giữ Giao Châu, vì hung bạo, nên mất lòng dân chúng. Đào Khả sai tham quân là Cao Bảo ánh chém được Lương Thạc. Vua Tấn cho Đào Khả lĩnh chức thứ sử Giao Châu, tiến phong cho hiệu là Chinh nam đại tướng quân khai phủ nghi đồng tam ti.

Lời chua - Long Biên: Còn tên gọi là Long Uyên. Xem thuộc Hán, Vũ đế, năm Nguyên Phong thứ nhất. (Tb.2, 7).

Năm Quý Sửu (353). (Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Phu đánh phá được nước Lâm Ấp.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Phật thường sang xâm lấn quấy nhiễu. Nguyễn Phu đem quân đi đánh, phá được hơn năm mươi lũy.

Lời chua - Lâm Ấp: Quốc giới của Việt Thường thị xưa; đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng Quận; đời Hán đổi làm huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Cuối đời Hán, con viên Công tào ở huyện ấy là Khu Liên, giết huyện lệnh, tự lập làm vua nước Lâm Ấp. Sau vì Khu Liên không có con kế tự, cháu ngoại là Phạm Hùng lên thay làm vua, truyền ngôi đến con là Phạm Dật. Người gia nô Phạm Dật là Phạm Văn dạy Phạm Dật xây đắp thành trì, nhà cửa, đặt bày binh trận, chế tạo khí giới. Phạm Văn được Phạm Dật tin yêu. Kịp khi Phạm Dật chết, Phạm Văn cướp ngôi làm vua. Phạm Văn chết, con là Phạm Phật nối ngôi. Phạm Phật chết, cháu là Hồ Đạt lên làm vua. Đến Văn Địch, cháu năm đời của Phạm Phật, bị con vua Phù Nam là Dương Côn Thằng (có chỗ chép là Thuần) giết chết. Đại thần là Phạm Chư Nông bình được loạn ấy, tự lập làm vua. Chư Nông chết, con là Dương Mai lên kế vị. Dương Mai chết, con là Đốt lên làm vua, vẫn lại lấy tên là Dương Mai, thường sang lấn cướp quận Nhật Nam. Nhà Tấn sai Đàn Hòa Chi đi đánh. Dương Mai sợ, sai sứ sang triều cống; về sau, không triều cống nữa. Nhà Tùy sai Lưu Phương sang đánh. Chúa Lâm Ấp là Phạm Chí sai sứ sang tạ lỗi. Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán (627-649) nhà Đường, vua Lâm Ấp là Đầu Lê chết, con là Trấn Long bị giết, người trong nước lập con nhà cô của Đầu Lê là Gia Cát Địa lên làm vua, đổi quốc hiệu là Hoàn Vương, thường sang xâm lấn An Nam. Bị đô hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá, nước ấy mới bỏ Lâm Ấp, dời đến Chiêm, gọi là nước Chiêm Thành.

Liệt Thánh¹ bản triều², trước mở cơ nghiệp ở đất này, sau thống nhất được toàn quốc; việc đóng đô ở đây đã xem xét kỹ càng, không khác gì các vua đời Tam đại dùng ngọc thổ khuê để đo bóng mặt trời ở Lạc Thủy³, đem con linh quy để bói chỗ đóng đô ở Hoàng Hà⁴. Kinh đô đóng ở đây, có cửa ải Hải Vân¹, có đèo Ngang², có cửa Thuận³, có

¹ Chỉ các chúa Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến Duệ Tông, Nguyễn Phúc Thuần.

² Triều Nguyễn.

³ Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là căn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư, (thiên Lạc cáo).

⁴ Ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Tam Đại) đều đóng đô ở khoảng đất giữa Lạc Thủy và Hoàng Hà, khi bắt đầu dự định đóng đô ở nơi nào thì dùng ngọc thổ khuê để suy trắc, dùng rùa thần để bói. Chu công Đán khi bói về địa thế ở Lạc Thủy có nói: "Ta đã bói phía Đông Giản Thủy, cũng chỉ có Lạc Thủy là căn mực. Vì thế ta mới sai người vẽ địa đồ Lạc Thủy và dâng lời bói lên vua". Kinh thư, (thiên Lạc cáo).

núi Thương Sơn⁴. Thật là nơi kín đáo hiểm trở cũng như một cái kho của nhà Trời. Do đấy, thanh danh văn vật ngày thêm phồn thịnh, không triều đại nào trước đây có thể sánh kịp. Bây giờ, thành Phật thệ ở Phủ Thừa Thiên, thành Chà Bàn ở tỉnh Bình Định đều là di tích cổ đô của Chiêm Thành đó.

Năm Canh Thìn (380). (Tấn, Hiến Vũ đế, năm Thái Nguyên thứ 5).

Tháng 10, mùa đông. Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tồn chiếm giữ châu, làm phản.

Năm Tân Tị (381). (Tấn, năm Thái Nguyên thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Thái thú quận Giao Chỉ là Đổ Viện đi đánh, dẹp yên được loạn Lý Tồn.

Theo Liệt truyện trong Tống thư, trước kia, Thái thú quận Cửu Chân là Lý Tồn, cha con khỏe mạnh, và có quyền thế, uy danh không chế được đất Giao Châu. Nghe tin thứ sử Đăng Độn Chỉ sắp đến, Tồn sai hai con chia đi chẹn những chỗ hiểm yếu về đường thủy và đường bộ. Đổ Viện thu thập quân sĩ đánh chém được Lý Tồn. Đất Giao Châu được yên. Nhà Tấn phong Đổ Viện làm Long nương tướng quân.

Lời chua - Đổ Viện: Người huyện Chu Diên quận Giao Chỉ, gốc tích là người đất Kinh Triệu. Ông nội là Nguyên làm thái thú quận Ninh Phố, di cư sang ở quận Giao Chỉ.

Năm Kỷ Hợi (399). (Tấn, An đế, năm Long An thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt (có chỗ chép là Tu Đạt) vào lần cướp. Đổ Viện đánh phá được. Nhà Tấn thăng Đổ Viện làm thứ sử Giao Châu.

Theo Lương thư, năm ấy, vua nước Lâm Ấp, là Phạm Hồ Đạt, lần cướp quận Nhật Nam, bắt thái thú là Quế Nguyên; lại tiến sang cướp quận Cửu Đức, bắt thái thú là Tào Bính. Thái thú Giao Chỉ, Đổ Viện, sai đốc hộ là bọn Đặng Dật đi đánh, phá tan được. Nhà Tấn liền thăng cho Đổ Viện làm thứ sử.

Lời cần án - Tống thư và Lương thư đều chép năm Long An thứ 3 (399), thăng Đổ Viện làm thứ sử Giao Châu, dính liền với năm có việc đánh phá Lâm Ấp. **Sử cũ** lại chép việc thăng Đổ Viện làm thứ sử vào năm Thái Nguyên thứ 6 (381)⁵. Như thế là sai, nay theo sự thực đổi lại.

Năm Tân Hợi (411). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 7).

¹ Cửa ải Hải Vân ở trên đỉnh núi Hải Vân, thuộc địa phận huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên, lập ra từ năm Minh Mạng thứ 7 (1826), đằng trước cửa ải có khắc ba chữ "Hải Vân quan", đằng sau cửa ải khắc 6 chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", có quân lính canh giữ, có kính thiên lý để chiếu trông ra ngoài biển. Tàu thuyền muốn vào cửa biển Đà Nẵng, trước hết phải báo ở cửa ải này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình cửa ải này đúc vào "dụ đỉnh" (tên một trong chín cái đỉnh). Đèo Hải Vân rất hiểm, người đi phải như vượn leo, chim chuyền, mới có thể vượt qua được. Chân đèo liền với bãi biển, ở đây có hang dơi. Tương truyền: ngày trước, chỗ hang dơi, có sóng thần, làm thuyền bè bị đắm, nên ngạn ngữ có câu: "Đi bộ thì sợ Hải Vân, đi thủy thì sợ sóng thần hang dơi". (Đại nam nhất thống chí, mục Sơn xuyên và Quan tấn phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 25 và 48).

² Ở giữa địa phận huyện Bình Chính tỉnh Quảng Bình và huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh, núi non chông chênh, kéo dài từ đất liền đến bãi biển, trông như một bức tường thành. Đèo Ngang là nơi hiểm yếu giữa hai miền Nam và Bắc. Giữa thế kỷ thứ XVI, Nguyễn Bình Khiêm (Trạng Trình) bảo Nguyễn Hoàng: "Hoành sơn thất đại, khả dĩ vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn, có thể dung thân được muôn đời), tức là chỗ này. Năm 1836, Minh Mạng đúc chín cái đỉnh, lấy hình núi này đúc vào "huyền đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên tỉnh Quảng Bình, quyển 8 tờ 20).

³ Ở địa phận huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, hình thế khúc khuỷu quanh co, thác ghềnh phục gầm ở dưới nước, rất là hiểm trở. Gia Long có đặt tấn thủ để phòng ngự, có 3 đội quân đi tuần ngoài biển và hộ vệ thuyền quan khi ra khi vào. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) dựng vọng lâu ở trấn sở, có kính thiên lý để dò xét tàu thuyền ngoài khơi. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng cho vẽ hình thế cửa Thuận này đúc vào "nghị đỉnh". (Sách dẫn trên, mục Quan tấn phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 50).

⁴ Ở địa phận huyện Hương Trà, thế núi gỗ ghề hung vĩ, trông như hình kho lúc, nên gọi là Thương Sơn. Trên chót có giếng nước rất trong. Thương Sơn là một núi vừa đẹp vừa lạ. Khi đúc chín cái đỉnh, Minh Mạng lấy hình núi này đúc vào "chương đỉnh" (Sách dẫn trên, mục Sơn xuyên phủ Thừa Thiên, quyển 2, tờ 21).

⁵ Xem Toàn thư, Ngoại kỳ, 4, 8b.

Tháng 4, mùa hạ. Giặc bên Tấn là Lư Tuần chạy sang Giao Châu. Thứ sử Giao Châu là Đổ Tuệ Độ đánh và giết, đưa thủ cấp về Kiến Khang.

Trước đây, cháu họ Lư Tuần là Ân làm giặc. Ân chết, Lư Tuần đầu hàng nhà Tấn, được làm thứ sử Quảng Châu; đến đây, Tuần lại làm phản, bị bộ tướng của Lưu Dự là Lưu Phiên đánh bại, phải chạy sang Giao Châu. Khi bấy giờ thứ sử trước là Đổ Viện đã mất, vua Tấn cho con Viện là Tuệ Độ lên thay làm thứ sử. Khi tờ chiếu chưa đến nơi, Lư Tuần đã đánh úp và phá được Hợp Phố, đi tắt sang Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở các châu phủ chống nhau với Lư Tuần ở trấn Thạch Kỳ, phá tan quân Lư Tuần. Tàn quân của Lư Tuần còn tới ba nghìn người, lại có dư đảng của Lý Tồn là bọn Lý Thoát, liên kết với dân Lý, Lạo tới hơn năm nghìn người để hưởng ứng với Lư Tuần. Lư Tuần đến bến sông bên Nam thành Long Biên. Tuệ Độ đem hết của nhà thưởng cho quân sĩ. Em Tuệ Độ là Tuệ Kỳ, thái thú Giao Chỉ, cùng với Chương Dân, Thái thú Cửu Chân, cùng đốc suất quân thủy, quân bộ. Tuệ Độ tự trèo lên chiếc thuyền cao cùng với Lư Tuần đánh giáp lá cà, dùng mỗi tấm đầu châm lửa ném đốt thuyền giặc, rồi cho quân bộ đứng hai bên bờ bắn xuống. Quân Lư Tuần bị vỡ. Lư Tuần trúng tên lặn xuống nước chết. Tuệ Độ vớt xác Lư Tuần, đem chém, sai đóng hòm đựng thủ cấp Lư Tuần, thủ cấp vợ con hắn và thủ cấp bọn Lý Thoát, đưa về Kiến Giang¹.

Lời chua - Tuệ Độ: Con thứ năm Đổ Viện.

Thạch Kỳ: Tên trấn, ở phía Tây Nam phủ trị Giao Châu. Họ Hồ cắt nghĩa rằng: bờ cong queo gọi là Kỳ.

Năm Quý Sửu (413). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Lâm Ấp lại sang cướp Cửu Chân. Đổ Tuệ Độ đánh tan được.

Theo *Lương thư*, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt lại sang cướp Cửu Chân. Tuệ Độ đi đánh phá được, chém con nó là Giao Long vương Chân Tri và tướng nó là bọn Phạm Kiện, bắt sống được hơn trăm người trong có con nó là Na Năng.

Năm Ất Mão (415). (Tấn, năm Nghĩa Hi thứ 11).

Nước Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu. Tướng ở Giao Châu đánh bại quân Lâm Ấp.

Năm Canh Thân (420). (Tấn, Cung đế, năm Nguyên Hi thứ 2; Tống, Vũ đế, năm Vĩnh Sơ thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Đổ Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá tan được, bắt Lâm Ấp phải hàng.

Theo *Lương thư*, khi bấy giờ Tuệ Độ đi đánh, cả phá được nước Lâm Ấp, số người bị giết có tới quá nửa; nước Lâm Ấp phải xin hàng, dâng nộp voi lớn, vàng, bạc, vải hoa, mới được tha. Những người Lâm Ấp trước sau bị bắt đều được cho về. Sau đó, Tuệ Độ sai trưởng sử là Giang Du dâng biểu sang Tống báo tin thắng trận.

Tuệ Độ ở Giao Châu, ăn cơm rau, mặc áo vải, cấm những đền thờ thần nhảm nhí, dựng trường dạy học. Gặp phải năm đói thì lấy lương bổng riêng của mình phát chẩn cho dân. Tuệ Độ làm việc tinh tế chu đáo, coi việc công như việc nhà. Các quan lại và nhân dân ai cũng kính nể và yêu mến. Cửa thành đêm bỏ ngõ, ngoài đường không ai nhặt của bỏ rơi. Khi Tuệ Độ mất, vua nhà Tống tặng chức Tả tướng quân và cho con là Hoảng Văn làm thứ sử. Hoảng Văn cũng là người khoan hòa, được lòng mọi người, nổi tiếng phong là Long Biên hầu.

Lời chua - Hoảng Văn: Con trưởng Tuệ Độ. Trước kia, Vũ đế nhà Tống đi đánh miền bắc, Tuệ Độ dâng "phủ bản"² xin cho Hoảng Văn làm thái thú Cửu Chân; đến đây, lại được kế chân Tuệ Độ làm thứ sử.

¹ Kinh đô nhà Tấn.

² Công văn của cơ quan để ở trong hai mảnh ván gỗ. Xem thêm lời chua của *Cương mục* ở dưới.

Bản: Tức là phủ bản. Theo Tống chí, được nhà vua bổ dụng thì làm chức tham quân, do quan tiến cử bằng "phủ bản" thì làm chức hành tham quân.

Năm Đinh Mão (427). (Tống, Văn đế, năm Nguyên Gia thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Hoằng Văn chết. Nhà Tống dùng Vương Huy là thứ sử.

Nhà Tống với Hoằng Văn về làm đình úy. Bấy giờ Hoằng Văn đang bị bệnh, cũng tự mình cố gắng đi kiệu lên đường. Có người khuyên Hoằng Văn nên đợi khi bệnh khỏi sẽ đi. Hoằng Văn trả lời: "Nhà tôi ba đời giữ phủ tiết, tôi vẫn muốn đem thân cống hiến để đình, huống chi bây giờ lại có lệnh triệu". Nói rồi, nhất quyết đi, đến Quảng Châu thì mất.

Năm Tân Mùi (431). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 8). Nước Lâm Ấp cướp Cửu Chân. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi đánh không được, kéo quân về.

Theo Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, bấy giờ vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai hơn một trăm thuyền lều sang cướp Cửu Chân, vào cửa sông Tứ Hội. Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Tướng Đạo Sinh đem quân đi đánh. Đánh thành Khu Lật không được, kéo quân về.

Lâm Ấp, từ sau khi thứ sử Giao Châu là Đỗ Viện mất, không năm nào không vào cướp các quận Nhật Nam và Cửu Chân, giết hại nhiều lắm, đến nỗi Giao Châu bị hư nhược. Đầu năm Nguyên Gia (424-453), Dương Mại lại càng xâm lấn dữ lắm. Hoằng Văn định đi đánh, nhưng nghe tin có người sang thay mình, nên lại thôi. Đến đây (Nguyên Gia thứ 8), Lâm Ấp lại đem lực lượng toàn quốc sang cướp. Hai biên giới Nhật Nam và Cửu Chân từ đấy mới sinh ra nhiều sự rối loạn.

Lời chua - Thành Khu Lật: Ở phía Bắc nước Chiêm Thành. Theo sách Thủy Kinh chú, sông Lư Dung phát nguyên từ núi cao ở phía Nam thành Khu Lật thuộc huyện Lư Dung, quận Nhật Nam, về mặt đông chảy qua phía Bắc thành Khu Lật¹. Binh khí chiến cụ của nước Lâm Ấp để ở cả trong thành ấy. Sau này Đoàn Hòa Chi từ đồn Chu Ngô, tiến quân vây Phạm Phù Long ở thành Khu Lật, tức là thành Khu Lật này.

Năm Quý Dậu (433). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang nhà Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống không cho.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhà Tống, xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì cố ở xa, không cho. Ngay năm ấy, nhà Tống dùng Hữu quân tham quân là Lý Tú Chi làm thứ sử Giao Châu.

Năm Bính Tuất (466). (Tống, năm Nguyên Gia thứ 23).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà Tống sai thứ sử Giao Châu là Đoàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp, thu được toàn thắng. Hòa Chi kéo quân vào kinh thành Lâm Ấp.

Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống hiến nhà Tống, nhưng vẫn cướp bóc Giao Châu luôn luôn. Vua Tống mới sai Đoàn Hòa Chi đi đánh. Bấy giờ có người quận Nam Dương là Tông Xác, vốn là dòng dõi nhà Nho, nhưng riêng về phần Tông Xác lại thích võ nghệ, thường nói: "Muốn giông ruổi theo luồng gió, phá tan làn sóng muôn dặm". Đến khi Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp, Tông Xác hăng hái quyết xin tòng quân: vua Tống cho Tông Xác làm chấn vũ tướng quân. Hòa Chi sai Tông Xác làm tiên phong. Phạm Dương Mại nghe tin quân Tống đã xuất phát, sai sứ dâng biểu xin trả lại những dân quận Nhật Nam trước kia đã cướp về và xin nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống hạ

¹ Đây là dịch đúng nguyên văn dẫn trong Cương mục, không biết Cương mục dùng bản Thủy kinh chú nào. Nay theo bản Thủy kinh chú hiệu đính đời Kiến Long thì thấy như sau "Ở huyện Lư Dung thuộc quận Nhật Nam. Sông Lư Dung phát nguyên ở phía tây nam, miền núi cao ở phía nam thành Khu Túc. Phía nam các núi dài liên tiếp, ở phía Tây Thiên chướng lĩnh, có sông Lư Dung chảy ra, đi lẩn vào khe núi, vòng ra phía Bắc Tây vệ, rồi đi sang Đông qua phía Bắc thành Khu Túc rồi lại sang Đông" (c.33, trang 50).

chiếu cho Hòa Chi: "Dương Mại nếu quả thực lòng hàng phục cũng nên ứng cho quy thuận". Sau Dương Mại bị mê muội về lời can ngăn của đại thần là Đốc Tăng Đạt, nên không cho quy thuận nữa. Khi Đoàn Hòa Chi đến đồn Chu Ngô, sai bọn hộ tào tham quân ở phủ thứ sử Giao Châu là Khương Trọng Cơ đi thẳng đến chỗ Dương Mại. Trọng Cơ bị Dương Mại bắt giữ lại. Đoàn Hòa Chi giận lắm, tiến quân vây tướng Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Lật. Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu, bị Tông Xác bí mật đem quân đón đánh, phá tan. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ thành Khu Lật, chém được Phù Long, nhân thắng thế, đánh vào Tượng Phố. Dương Mại đem cả quân trong nước ra đánh, và trang bị đầy đủ cho các thớt voi, trước sau không chỗ nào sơ hở. Tông Xác nói: "Nghe nói nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Nói rồi, liền chế ra hình sư tử, để chống lại voi: quả nhiên voi sợ, chạy. Quân nước Lâm Ấp bị thua to. Vì thế, Đoàn Hòa Chi đánh được nước Lâm Ấp. Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân. Hòa Chi lấy được của báu lạ không biết bao nhiêu mà kể, lại phá hủy những tượng đúc bằng vàng được mấy mươi vạn cân vàng. Tông Xác không lấy một thứ gì, khi về đến nhà khăn áo có vẻ tiêu điều.

Lời chua - Đoàn Hòa Chi: Người đất Kim Hương thuộc Cao Bình. Đến năm Hiếu Kiến thứ 3 (456), đổi đi làm thứ sử Duyện Châu, can tội say rượu và những loạn của công, bị bãi chức. Lúc bị bệnh, Hòa Chi thấy ma quỷ rợ Hồ hiện hình hành hạ, rồi chết.

Chu Ngô thú: Chu Ngô: tên huyện, từ nhà Hán về sau, thuộc quận Nhật Nam; bây giờ ở đây có đặt ra đồn lính thú ở phía bắc nước Chiêm Thành.

Tượng Phố: Tên huyện, ở phía tây bắc nước Chiêm Thành, vốn là huyện Tượng Lâm, về đời án, thuộc quận Nhật Nam. Đến đời Tùy, năm Đại Nghiệp (605-616) đổi thuộc về quận Lâm Ấp.

Tượng người vàng: Theo Tống thư, tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiên¹, đúc tượng người vàng người bạc, to đến mười vòng².

Năm Mậu Thân (468). (Tống, Minh đế, năm Thái Thủy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Người Giao Châu là Lý Trường Nhân chiếm giữ châu trị, tự xưng là Thứ sử.

Trước đây, nhà Tống dùng Lưu Mục làm Thứ sử Giao Châu. Lưu Mục bị bệnh chết. Người trong châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của Lưu Mục đem từ Trung Quốc sang, rồi chiếm giữ đất Giao Châu làm phản, tự xưng làm Thứ sử. Nhà Tống lại dùng Nam Khang tướng là Lưu Bột làm Thứ sử Giao Châu. Khi Lưu Bột đến nơi, bị Trường Nhân chống cự lại; chưa được bao lâu, Lưu Bột mất. Nhân thế Trường Nhân sai sứ xin hàng, tự giáng chức mình xuống làm người chấp hành công việc Giao Châu. Vua Tống y cho.

Năm Kỷ Mùi (479). (Tống, Thuận đế, năm Thăng Minh thứ 3; Tê, Cao đế, năm Kiến Nguyên thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Nhà Tê dùng Lý Thúc Hiến là Thứ sử Giao Châu.

Thúc Hiến là em họ Trường Nhân. Trước kia, Trường Nhân mất, Thúc Hiến, do chân quyền Thái thú Vũ Bình, lên thay Trường Nhân, lĩnh việc Giao Châu. Vì hiệu lệnh của mình chưa được thi hành, nên sai sứ sang nhà Tống xin làm thứ sử. Nhà Tống dùng Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu và cho Thúc Hiến làm Ninh viễn quân tư mã, giữ chức thái thú hai quận Tân Xương và Vũ Bình. Khi Thúc Hiến đã nhận được lệnh triều Tống, dân chúng vui lòng phục tùng. Thúc Hiến liền đem quân giữ nơi

¹ Ni Kiên hay Ni Kiện, một tên riêng của Ấn Độ dùng để gọi phái đạo gia tu luyện khổ hạnh, nghĩa là thoát ly sự bó buộc của tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới). Phái này tu luyện bằng cách ở trần truồng, lấy tro than trát vào thân thể. Vì thân thể trần truồng không biết hổ thẹn, nên Kinh Phật gọi phái này là "vô tâm ngoại đạo". Môn đồ ngoại đạo ấy gọi là "Ni Kiện tử". (Từ Hải trang 446).

² Dịch nghĩa nguyên văn là chữ "thập vi". Chữ "vi" là danh từ hình học, tính vòng tròn. Có nhiều thuyết: một thuyết nói 5 tấc là một vi; một thuyết nói 3 tấc; lại một thuyết nữa nói một ôm là một vi. (Từ Hải trang 306).

hiếm yếu, không nhận Thảm Hoán sang nhậm chức; Thảm Hoán phải lưu lại Uất Lâm rồi chết ở đấy. Nhà Tề cho ngay Thúc Hiến làm thứ sử, để vỗ về đất miền Nam cho được yên ổn.

Lời chua - Tân Xương, Vũ Bình: **Đều xem thuộc Ngô, năm Kiến Hành thứ ba. (Tb.3, 15).**

Năm Ất Sửu (485). (Tê, Vũ đế, năm Vĩnh Minh thứ 3).

Lý Thúc Hiến đi đường tắt sang châu nước Tê.

Bấy giờ Thúc Hiến đã phụng mạng nhà Tề làm thứ sử, nhưng không cống hiến gì cả. Tháng giêng mùa xuân năm ấy, nhà Tề dùng đại tư nông là Lưu Khải làm thứ sử, điều động quân các quận Nam Khang, Lư Lăng và Thủy Hưng sang đánh. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng mũ đầu mâu bằng bạc nguyên chất, đủ dùng cho hai mươi đội, và lông công để trang sức. Vua nước Tề không nghe. Thúc Hiến sợ bị Lưu Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang châu nước Tê¹. Còn Lưu Khải thì vào trấn giữ Giao Châu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Do việc này ta nhận thấy hình pháp nước Tề thực là sai hỏng. Thúc Hiến là họ với kẻ bạn thân, lân la xin làm chức châu mục. Khi uy lệnh chưa thi hành được thì xin với Tề cho làm thứ sử; khi đã nhận được mệnh triều đình, thì lại chống cự thứ sử Thảm Hoán ở Uất Lâm. Thế mà, Tề đối với Thúc Hiến khi chống cự lại, thì lại thực thụ cho làm thứ sử. Khi đã được nhà Tề trao cho cờ lệnh và ấn phù, Thúc Hiến lại thôi không cống hiến nữa. Đến khi Lưu Khải lĩnh mệnh sang đánh, nhà Tề lại để cho Thúc Hiến đi tắt vào châu. Sau đó cũng không nghe nói nhà Tề tuyên bố tội trạng Thúc Hiến. Việc Đãng Chi xảy ra sau này cũng thế. Thường, phạt như vậy thì làm thế nào cho lòng người phục tùng và tỏ rõ được thể thống một nước?

Lời chua - Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng: **Nam Khang và Lư Lăng, hai quận này thuộc Giang Châu. Quận Thủy Hưng thuộc Tương Châu.**

Tương Châu: Là Kinh Châu xưa, nhà Tấn chia đất 8 quận làm Tương Châu; nay thuộc đạo Hồ Nam.

Năm Mậu Thìn (488). (Tê, năm Vĩnh Minh thứ 6).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Tề dùng Thái thú Thủy Hưng là Phòng Pháp Thừa làm thứ sử Giao Châu.

Năm Canh Ngọ (490). (Tê, năm Vĩnh Minh thứ 8). Tháng 10, mùa đông. Trường sử² Giao Châu là Phục Đãng Chi bắt giam thứ sử Phòng Pháp Thừa. Nhà Tề cho Đãng Chi làm thứ sử.

Trước kia, nhà Tề cho Pháp Thừa sang thay Lưu Khải. Pháp Thừa đến trấn, mượn cớ ốm đau, không trông nom đến việc quan, chỉ thích đọc sách. Vì thế, trường sử Phục Đãng Chi chuyên quyền, tự tiện thay đổi tướng và quan lại, không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Quý Văn đem việc ấy nói với Pháp Thừa. Pháp Thừa giận lắm, bắt giam Đãng Chi vào ngục đến hơn mười ngày. Đãng Chi đút lót cho em rể Pháp Thừa là Thôi Cảnh Thúc, nên được thả. Sau khi ở ngục ra, Đãng Chi đem quân thuộc dưới quyền mình đánh úp châu ly, bắt Pháp Thừa, bảo Pháp Thừa rằng: "Sứ quân³ đã là người có bệnh hay yếu đau, không nên làm việc nhọc mệt". Hãm giam lỏng Pháp Thừa ở một nhà riêng. Pháp Thừa không có việc gì, lại đến nói với Đãng Chi cho sách để đọc. Đãng Chi trả lời: "Sứ quân nghỉ ngơi yên tĩnh, còn sợ bệnh lên cơn, lại còn xem sách thế nào được?". Rồi không cho sách. Đãng Chi liền tâu với triều Tề rằng Pháp Thừa bị bệnh tim, không thể trông nom việc quan được. Nhà Tề lại dùng Đãng Chi làm thứ sử Giao Châu. Pháp Thừa về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

¹ Nhà Tề lúc đó đóng đô ở Kiến Nghiệp, tức là Nam Kinh hiện nay.

² Một chức có từ đời Hán, liền dưới thừa tống. Về đời Lục triều, trường sử là chức quan đứng đầu các quan giúp việc một thứ sử. Chức ấy cũng tương tự chức trưởng phòng hiện nay. (Từ Hải, trang 1399).

³ Chỉ Phòng Pháp Thừa.

Năm Ất Dậu (505). (Lương, Vũ đế, năm Thiên Giám thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thứ sử Giao Châu nhà Tề là Lý Khải chiếm giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương, bị trưởng sử Lý Tắc giết chết.

Lý Khải thay Đặng Chi làm thứ sử. Khải thấy nhà Lương mới được nhà Tề truyền ngôi vua cho, bèn giữ Giao Châu, chống lại nhà Lương. Đến đây, Lý Tắc đem quân giết Lý Khải. Nhà Lương dùng Lý Tắc làm thứ sử Giao Châu.

Lời cần án - Lý Khải, **Sử cũ** chép lầm là Lý Nguyên Khải.

Năm Bính Thân (516). (Lương, năm Thiên Giám thứ 15).

Tháng 11, mùa đông. Thứ sử Giao Châu nhà Lương là Lý Tắc đánh dư đảng của Lý Khải là bọn Nguyễn Tôn Hiều, chém được Tôn Hiều, dẹp yên được đất Giao Châu. Nhà Lương tha hết tội cho tất cả người theo đảng làm loạn ở Giao Châu.

Lời chua - Tôn Hiều: **Sử cũ** chép lầm là Tôn Lão.

Năm Quý Mão (523). (Lương, năm Phổ Thông thứ 4).

Nhà Lương chia đất Giao Châu, đặt ra Ái Châu.

Theo **Sử ký** của Ngô [Thì] Sĩ, từ đời Hán trở về sau, cho đơn vị châu kiêm quản các quận. Suốt đời Lục triều¹ vẫn theo như thế, hễ gọi là Giao Châu tức là lỵ sở của thứ sử, thống lĩnh cả Thái thú bảy quận; các quận thú không được gọi là châu.

Lời chua - Ái Châu: **Tức là đất quận Cửu Chân.**

Từ đây trở lên, nước ta bị thuộc về Tây Hán, Đông Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương. Kể từ Tân Mùì, thuộc Hán, Vũ đế, Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.) đến năm Canh Thân, thuộc Lương, Vũ đế, Đại Đồng thứ 6 (540), cộng sáu trăm bốn mươi chín năm (110 tr.c.ng. - 540 tr.c.ng.).

¹ Theo **Tống Sử**, truyện **Trương Thủ**, Lục triều là danh từ gọi gộp cả mấy triều đại của Trung Quốc: Ngô (222-280), Đông Tấn (317-420), Tề (479-502), Lương (502-556), Trần (557-589). Sáu triều đại này kế tiếp nhau đóng đô ở Kiến Khang, tức Nam Kinh bây giờ.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên

Quyển thứ IV

Năm Tân Dậu (541). (Lương, năm Đại Đồng thứ 7).

Tháng 12, mùa đông. Người Giao Chỉ là Lý Bôn khởi binh, đánh đuổi thứ sử triều Lương là Tiêu Dư, rồi đóng giữ thành Long Biên.

Tổ tiên Lý Bôn gốc ở phương Bắc (Trung Quốc), cuối đời Tây Hán, tránh loạn sang ở phương Nam, đến Lý Bôn là đời thứ bảy đã thành người phương Nam. Lý Bôn tài kiêm văn võ làm quan triều Lương, coi đạo quân Cửu Đức. Vì bất đắc chí, nên về Thái Bình khởi binh. Tù trưởng huyện Chu Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo Lý Bôn. Tiêu Tư biết rõ việc ấy, đem tiền của đút lót cho Lý Bôn rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bôn liền giữ thành Long Biên.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Lý Bôn là dòng dõi nhà hào trưởng. Lúc ấy có Tinh Thiều là người học giỏi, văn hay, đã sang triều Lương ứng tuyển để ra làm quan, nhưng Thượng thư¹ bộ Lại triều Lương là Thái Tổn cho rằng tiên tổ họ Tinh không có người hiển đạt, nên bổ cho làm Quảng Dương môn lang². Tinh Thiều lấy làm xấu hổ, trở về; mưu bàn việc khởi binh với Lý Bôn. Giữa lúc đó thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư vì tàn bạo khắc nghiệt mất lòng dân. Hai người, Lý Bôn và Tinh Thiều, nhân đây liền kết với mấy châu, các tay hào kiệt đều hưởng ứng, theo cả.

Lời chua - Giao Chỉ: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ 10 (Tb.I, 20). Sử cũ chép Lý Bôn người Thái Bình thuộc Long Hưng. Nay xét: tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ tư (621) triều Đường, tên Long Hưng đặt từ đời Trần (1225-1400). Đời Lương không có tên đất này. Sử cũ chỉ theo đó mà truy gọi thôi. Bây giờ ở xã Từ Đường, huyện Thụy Anh, phủ Thái Bình, tỉnh Nam Định³ còn có đền thờ Lý Bôn.

Long Biên: Tức là Long Uyên. Xem thuộc Hán, năm Nguyên Phong thứ nhất (Tb.2, 7).

Chu Diên: Xem thuộc Hán năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Quảng Châu: Tên mới đặt từ triều Ngô (222-280), đất Giao Châu bị chia lấy một số thuộc về Quảng Châu.

Thái Tổn: Người Khảo Thành, quận Tế Dương.

Tiêu Tư: Tước Vũ Lâm hầu, người cùng họ vua Lương.

Năm Quý Hợi (543). (Lương, năm Đại Đồng thứ 9).

Quân nước Lâm Ấp xâm lấn quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng Phạm Tu đi đánh và phá được ở Cửu Đức.

Lời chua - Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Ngày Nam: Xem Triệu Thuật Dương vương, năm đầu (Tb.2, 5-6).

¹ Chức quan đứng đầu một bộ được đặt ra từ thời Hán. Thời kỳ đầu Thượng thư còn gọi là Tào.

² Một chức quan trông coi cổng thành ở thời nhà Lương. Quảng Dương môn lang là canh gác cổng thành thứ nhất ở phía tây nam thành Kiến Khang.

³ Nay là thôn Từ Các thuộc xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Cửu Đức: Xem thuộc Ngô, Kiến Hành năm thứ 3 (Tb.3, 15).

Năm Giáp Tí (544). (Lý, Nam Việt đế Bôn, năm Thiên Đức thứ 1; Lương, năm Đại Đồng thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, tên nước là Vạn Xuân.

Lý Bôn nhân thắng quân địch, tự xưng đế, đặt niên hiệu gọi tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời; dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội.

Lời chua - Vạn Xuân: Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử triều Tống, huyện Long Biên có đài Vạn Xuân¹. Đài này của Lý Bôn ở Giao Chỉ làm năm Đại Đồng triều Lương. Nay ở xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, có hồ Vạn Xuân, còn gọi là đầm Vạn Phúc. Vậ điện Vạn Xuân có lẽ ở đây.

Đặt ra trăm quan.

Dùng Triệu Túc làm thái phó², Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ.

Năm Ất Sửu (545). ([Tiên] Lý, năm Thiên Đức thứ 2; Lương, năm Đại Đồng thứ 11).

Tháng 6, mùa hạ. Triều Lương sai Dương Phiếu, Trần Bá Tiên sang đánh. Nam Việt đế Lý Bôn chạy sang Gia Ninh.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), trước kia, Lý Bôn giữ thành Giao Châu, nhà Lương sai thứ sử Cao Châu là Tôn Quỳnh và thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân sang đánh. Bấy giờ là mùa xuân, đương có khí lam chướng, bọn Quỳnh xin đợi đến mùa thu; nhưng tước Vũ Lâm hầu là Tư cú giục tiến quân. Đến quận Hợp Phố, thì quân bị vỡ, chúng lại quay về. Đến năm này, nhà Lương sai thứ sử Giao Châu là Dương Phiếu sang đánh Lý Bôn, cử Trần Bá Tiên làm tư mã; thứ sử Định Châu là Tiêu Bật cùng hợp với Dương Phiếu ở Tây Giang. Tiêu Bật biết ý các tướng sĩ sợ phải đi đánh xa, nên nói dối để Dương Phiếu ở lại. Dương Phiếu tập họp các tướng lại để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói: "Quan thứ sử Định Châu muốn tạm an nhàn trước mắt, không nghĩ đến mưu kế lớn, Tiết hạ³ vâng mạng vua đi đánh kẻ có tội, dù sống chết thế nào cũng không quản ngại, lẽ nào dùng dằng không tiến quân để nuôi cho thế giặc thêm mạnh mà làm cho quân mình nản chí hay sao?". Bá Tiên liền thúc quân mình đi trước. Dương Phiếu cử Bá Tiên làm tiên phong; đến Giao Châu, Lý Bôn bị thua to, chạy sang thành Gia Ninh. Quân Lương tiến vây thành.

Lời chua - Gia Ninh: Theo Đường Nguyên Hòa (806-820) Quận huyện chí, Gia Ninh vốn là đất huyện Mĩ Linh do Hán đặt; nhà Ngô chia lập thành huyện Gia Ninh; sau để theo như thế.

Hợp Phố: Xem Thiệu Thuật Dương vương năm thứ 1 (b.2, 5).

Tây Giang: ở cách nửa dặm về phía Tây huyện Vĩnh Phúc thuộc phủ Quế Lâm (Trung Quốc).

Dương Phiếu: Người Tây Huyện thuộc Thiên Thủy.

Bá Tiên: Người Trường Thành thuộc Ngô Hưng, tức là Trần Cao Tổ sau này.

Tiêu Bật: Tôn thất nhà Lương.

Định Châu: Chỉ Tiêu Bật.

Tiết hạ: Nghĩa cũng như các hạ, chỉ Dương Phiếu.

¹ Nguyên văn là Vạn Xuân đài. "Đài" là một kiến trúc vật xây cao, có thể nhìn ngó xuống dưới thấp.

² Chức quan đứng đầu triều, như Tể tướng.

³ Chỉ Dương Phiếu.

Năm Bính Dần (546). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 3; Lương, năm Trung Đại Đồng thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Dương Phiến đánh được thành Gia Ninh, Nam Việt để Lý Bôn chạy đi Tân Xương.

Lời chua - Tân Xương: Tức là Phong Châu. Xem thuộc Ngô, năm Kiến Thành thứ 3 (Tb.3, 14).

Mùa thu, tháng tám. Nam Việt để Lý Bôn đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Quân Lương đến đánh, quân Lý Bôn bị vỡ, rút vào giữ động Khuất Lạo.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Lý Bôn lại đem quân từ trong xứ người Lạo ra, đóng đồn ở hồ Điển Triệt. Quân Lương sợ, cứ đóng ở cửa hồ, không dám tiến. Bá Tiên bảo các tướng: "Quân ta ở đây đã lâu, mà lại không có quân tiếp viện. Bây giờ đã đi sâu vào trong nước người ta, nếu một trận đánh nào bất lợi, còn mong gì sống mà về được nữa? Chi bằng bây giờ nhân dịp quân địch đang thua luôn mấy trận, lòng người chưa cố kết, ta nên liều chết gắng sức quyết đánh bằng được. Nếu vô cơ cứ đóng ở đây thì việc hỏng mất!". Các tướng không ai trả lời. Đêm hôm ấy, nước sông bỗng lên to đến bảy thước, chảy rót vào trong hồ. Bá Tiên đốc thúc quân bản bộ mình theo dòng nước tiến đi trước. Quân Lương đánh trống, reo hò, kéo tràn vào. Quân Lý Bôn bị vỡ, lại trốn vào trong vùng người Lạo.

Sử cũ chép: Nam Việt để Lý Bôn lại rút lui, giữ trong động Khuất Lạo, điều chỉnh binh lính, mưu tính chiến đấu về sau; giao cho tả tướng quân Triệu Quang Phục giữ nước, cầm quân chống nhau với Bá Tiên.

Lời chua - Hồ Điển Triệt: Theo lời chua của Hồ Tam Tỉnh trong sách *Thanh Tông giám tập lãm*, hồ này ở Tân Xương, tức là Phong Châu. Theo sách *Phương dư kỷ yếu*, của *Cổ Tổ Vũ*¹ đời Minh thì hồ Điển Triệt ở về phía Tây phủ Thái Nguyên, nay đã bị lấp. Trong hai thuyết ấy, chưa biết rõ ai phải, nay hãy ghi cả hai để cùng tham khảo.

Động Khuất Lạo: Không rõ ở đâu.

Năm Đinh Mão (547). (Nhà [Tiền] Lý, Năm Thiên Đức thứ 4; Lương, năm Thái Thanh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Quang Phục đóng giữ Dạ Trạch.

Quang Phục cầm cự với Bá Tiên, chưa phân thua được. Quân Bá Tiên nhiều và mạnh lắm. Quang Phục liệu mình không chống nổi, bèn lui giữ Dạ Trạch. Dạ Trạch là cái chằm, chu vi không biết bao dặm mà kể, cỏ cây rậm rạp, giữa chằm có bãi ở được, bốn mặt thì bùn lầy. Người ở đây thuộc đường, dùng sào đẩy thuyền độc mộc để đi lại. Quang Phục đem hơn một vạn người vào giữ trong chằm ấy: ban ngày thì bật hần khói bếp thổi nấu, đến đêm thì đem quân ra đánh úp trại quân Lương giết chết và bắt được địch rất nhiều; trông vào những lương thực bắt được để làm kế duy trì lâu dài. Bá Tiên cứ theo dõi để đánh nhưng rút cục vẫn không thắng được. Người trong nước bấy giờ gọi Quang Phục là Dạ Trạch vương.

Lời chua - Dạ Trạch: Bây giờ thuộc huyện Đông An, phủ Khoái Châu. Theo sách *Thanh Nhất thống chí*, Dạ Trạch thuộc huyện Đông Kết, phủ Kiến Xương. Thời Lương Vũ đế, Trần Bá Tiên đánh Lý Bôn, Lý Bôn trốn vào trong chằm này, đêm đến đem quân ra đánh; nhân thế gọi là Dạ Trạch. Huyện Đông An trước kia gọi là Đông Kết.

Sử cũ chua: Tục truyền: con gái Hùng Vương là Tiên Dung mị nương² ra chơi ngoài cửa biển, khi thuyền trở về đến bãi Chử Gia, gặp Chử Đồng Tử, hai người kết làm

¹ Tức là tên gọi của *Độc sử phương dư kỷ yếu*. *Cổ Tổ Vũ* (1624-1680), tên tự là Phục Sơ, lại có tự nữa là Cảnh Phạm, quê ở Vô Tích thuộc Giang Tô, người cuối đời Minh đầu đời Thanh. Sách này gồm 130 quyển, trong có 9 quyển chép về hình thế cương vực châu quận các triều đại, 114 quyển chép về Nam Bắc trực lệ 13 tỉnh, 6 quyển chép về nguyên ủy núi sông, 1 quyển chép về phân dã thiên văn. (theo *Trung Quốc văn học gia đại từ điển*, trang 1354-1355, *Từ nguyên tập dậu*, trang 59).

² Tiếng "mị nương" ở đời Hùng Vương cũng như tiếng công chúa ở đời sau, chứ không phải tên riêng.

vợ chồng, ở ngay trên bãi ấy, rồi bãi ấy trở thành một nơi đô hội. Bỗng một hôm, đương nửa đêm, tự nhiên mưa to gió lớn lôi cuốn cửa nhà đang ở, dân cư và gà chó bay mất cả, nên người thời đó gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, chằm ấy là chằm Dạ Trạch. Việc này xuất xứ ở sách Lĩnh Nam trích quái, là một việc hoang đường, nay phụ chép để tham khảo.

Năm Mậu Thìn (548). ([Tiền] Lý, năm Thiên Đức thứ 5; Lương, năm Thái Thanh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nam Việt đế Lý Bôn mất ở động Khuất Lạo.

Nam Việt đế Lý Bôn ở động Khuất Lạo, bị cảm mạo khí lam chướng đến năm này mất.

Lời phê - Nam đế nhà [Tiền] Lý dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nổi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh tể mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này. Vậy việc làm của Lý Nam đế há chẳng hay lắm sao?

Lời cần án - Sử cũ chép năm Giáp Tí, niên hiệu Đại Đồng thứ 10 (544) nhà Lương, Lý Bôn tự xưng đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đến tháng 3, năm Mậu Thìn (548) thì mất. Như vậy năm Mậu Thìn còn là năm Thiên Đức thứ 5, Quang Phục vẫn chưa xưng vương. Sử cũ vội đem năm ấy chép làm năm đầu của Triệu Việt vương thì không hợp nghĩa và lệ, nay xin chép năm Mậu Thìn vẫn là năm Thiên Đức thứ 5, đến hẳn năm Kỷ Tị (549) mới chép làm năm thứ nhất của Triệu Quang Phục, để cho đúng khỏ ngang trái nghĩa và lệ (như phạm lệ ở đầu sách đã nêu ra) và không sai sự thực.

Nhà [Tiền] Lý khởi từ năm Giáp Tí (544), mất năm Mậu Thìn (548), cộng được 5 năm.

Năm Kỷ Tỵ (549). (Triệu, Việt Vương Quang Phục năm thứ 1, Lương, năm Thái Thanh thứ 3).

Triệu Quang Phục tự xưng là Việt vương.

Quang Phục là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, là người có oai và hùng dũng, theo Nam Việt đế Lý Bôn đi đánh dẹp, có công, được phong làm tả tướng quân. Khi Lý Bôn mất, Quang Phục tự xưng làm vua. Lúc bấy giờ Quang Phục đóng quân ở Dạ Trạch, thấy quân Lương không rút lui, bèn đốt hương khẩn trời thì có điềm tốt là được móng rồng để dính lên mũ đầu mâu, dùng để uy hiếp quân giặc. Từ đó thanh thế quân đội lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Lời chua - Chu Diên: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 16 (Tb.2, 10).

Móng rồng: Sử cũ chua rằng: tục truyền trong chằm Dạ Trạch có người tiên là Chủ Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời bay xuống trút cái móng rồng trao cho Quang Phục bảo đem dính lên trên mũ đầu mâu để đi đánh giặc.

Đầu Mâu: Theo sách Thuyết Văn, đầu mâu là mũ trận. Thiên Duyệt mệnh trong kinh Thư chép: "Áo giáp mũ trụ là thứ gây ra việc binh hung". Sách đó chua rằng mũ trụ tức là mũ đầu mâu.

Năm Canh Ngọ (550). (Triệu, Việt vương, năm thứ 2; Lương, Giản Văn đế, năm Đại Bảo thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Triệu Việt vương đánh bại được tướng nhà Lương là Dương Sàn; vào đóng ở thành Long Biên.

Khi ấy nhà Lương cho Bá Tiên làm Uy Minh tướng quân, thứ sử Giao Châu. Triệu Việt vương vẫn còn đóng giữ Dạ Trạch, Bá Tiên định làm kế cầm cự lâu, cắt đứt đường tiếp viện lương thực để làm mòn mỏi quân đội Triệu Việt vương. Bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi Bá Tiên về, để tỳ tướng của Bá Tiên là Dương Sàn ở lại đánh Triệu Việt vương. Triệu vương đem quân ra đánh: Dương Sàn bị thua và chết, quân Lương tan vỡ, kéo nhau về Bắc (Trung Quốc). Trong nước được yên, Triệu Việt vương vào đóng ở thành Long Biên.

Lời chua - Hầu Cảnh: Người trấn Hoài Sóc nước Ngụy, phản bội nhà Ngụy, đầu hàng nhà Lương, được Lương Vũ đế thu nạp. Hầu Cảnh lại làm phản nhà Lương, đánh vây đài thành¹. Bá Tiên hội quân đánh Hầu Cảnh.

Lý Thiên Bảo giữ động Dã Năng, tự xưng là Đào Lang vương.

Trước kia, Lý Bôn lánh vào ở động Khuất Lạp, anh ruột Lý Bôn là Thiên Bảo cùng với một viên tướng người cùng họ là Lý Phật Tử rút vào Cửu Chân. Bá Tiên đuổi đánh, quân Thiên Bảo bị thua, mới thu thập quân còn lại chạy sang vùng người Di, Lạp ở biên giới Ai Lao. Thiên Bảo thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang là chỗ đất bằng phẳng và màu mỡ, bèn đắp thành ở đấy; nhân tên đất đặt hiệu nước, được dân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang vương.

Lời chua - Ai Lao²: Tên nước. Theo sách Hậu Hán thư, người Di Ai Lao gốc tính trước ở Lao Sơn³, sau dần sinh nở mãi, mới chia đặt ra các tiểu vương, thường hay ở rải rác những nơi khe núi. Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký, của Nhạc Sử nhà Tống: "Nước Ai Lao, khoảng giữa niên hiệu Hán Vĩnh Bình (58-75), thuộc trong khu vực nhà Hán. Nhà Hán lấy đất của họ đặt ra hai huyện Ai Lao và Bác Nam, hợp lại làm quận Vĩnh Xương. Sách ấy chưa tức là quận Vân Nam bây giờ. Nước Lào phía tây thông với Đại Tân⁴, phía nam thông với Giao Chỉ. Theo sách Điền tái ký của Dương Thận⁵ nhà Minh, đất Điền⁶ trước kia ở về miền rừng núi Ai Lao thuộc Vĩnh Xương, tộc loại mỗi ngày một sinh nở nhiều, dòng giống tràn lan, cắt giữ từng vùng chia làm 99 bộ. Họ có sáu người tù trưởng, đều gọi là Chiếu. Đến đời Đường, họ Mông mới xưng là nước Nam Chiếu. Theo sách Quảng dư ký của Thái Phương Bính nhà Minh, Vĩnh Xương quân dân phủ thuộc Vân Nam trước là nước Ai Lao. Sau năm Khai Nguyên (713-741) đời Đường, mới bị nước Nam Chiếu chiếm giữ. Đến đời Tống, bị họ Đoàn, họ Cao chiếm giữ. Nhà Nguyên khai thác Vân Nam, lập ra Kim Xí tuyên phủ ti. Nhà Minh đổi đặt Vĩnh Xương quân dân chỉ huy sứ. Trong sách Dư địa chí, của Nguyễn Trãi nhà Lê, có chua rằng: "Bộ lạc Ai Lao nhiều lắm, đầu đầu cũng có, đều gọi là Lào".

Hợp các sách lại mà khảo cứu, thì Ai Lao này thuộc Vân Nam. Chỉ vì loài giống họ nhiều lắm, họ ở rải rác các nơi khe núi, nên các dân tộc ở ven biên giới nước ta, như là Lão Qua, Vạn Tượng cho đến cả các man ở Trấn Ninh, Trấn Man và Lạc Biên, tục đều gọi là Lao cả.

Về đoạn sử này, Sử cũ phần trên thì chép là chạy vào Cửu Chân, phần dưới thì chép là chạy sang vùng Di, Lạp ở biên khu Ai Lao. Vậy có lẽ là Trấn Man hay Nam Chưởng bấy giờ chăng?

Dã Năng động: Không biết ở đâu.

1). Năm Ất Hợi (555). (Triệu, Việt vương, năm thứ 7; Lương, Kính đế, năm Thiệu Thái thứ 1).

Lý Thiên Bảo mất, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên làm chủ soái.

Thiên Bảo mất ở động Dã Năng, không có con thừa tự, mọi người mới suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thay để thống suất quân và dân.

¹ Tức là cấm thành, nơi vua ở.

² Tức là Lào.

³ Miền núi nước Lào.

⁴ Tức là Đại Tân Bà La Môn gọi tắt, ở biên giới Ấn Độ (theo Tập san bác tử, tập IV, năm 1904, trang 371).

⁵ Dương Thận (1488-1559), tự Dụng Tu, hiệu Thăng An, người Tân Đô đời Minh. Ngài cuốn Điền tái ký này, Thận còn có cuốn Điền trình ký và nhiều tác phẩm nữa (theo Trung quốc văn học gia đại từ điển trang 1083-1084).

⁶ Một tên riêng tỉnh Vân Nam.

1). Năm Đinh Sửu (557). (Triệu, Việt vương, năm thứ 9; Trần, Vũ đế, năm Vĩnh Định thứ 1).

Lý Phật Tử đánh nhau với Triệu Việt vương, không thắng được, xin giảng hòa.

Phật Tử kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở Thái Bình, năm lần giáp chiến chưa phân được thua. Quân Phật Tử phải lùi một ít rồi xin hòa. Việt vương nghĩ Phật Tử là người cùng họ với Lý Bôn trước, không nỡ tuyệt tình, mới lấy châu Quân Thần làm địa giới chia cho Lý Phật Tử ở về phía Tây nước mình. Lý Phật Tử mới dời sang ở thành Ô Diên.

Lời chua - Thái Bình: Tên đất. Thời bấy giờ Lý Phật Tử từ trong vùng Di Lạp kéo quân xuống phía đông, đánh nhau với Triệu Việt vương ở đây; sau cắt chia địa giới ở châu Quân thần thuộc huyện Từ Liêm, thì Thái Bình phải thuộc về Phong Châu xưa, tức là Sơn Tây bây giờ. Có thể khảo thêm ở Địa lý chí trong Đường thư mà lấy làm bằng chứng: "Huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói: "Phong Khê thuộc Phong Châu". Nhưng các sách chép không rõ, nên chưa biết đích xác ở đâu. Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình sẽ thấy sau này, có lẽ cũng là ở đây. Có nếu bảo đây là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải.

Quân Thần châu: Nay là hai làng Thượng Cát, Hạ Cát thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Nội. Có thuyết cho rằng hai làng ấy xưa kia gọi là Thượng Cát Giới và Hạ Cát Giới, về sau đổi lại¹.

Ô Diên: Đất Giao Chỉ xưa, năm Vũ Đức thứ tư (621) nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên, cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là ba huyện đều thuộc Giao Chỉ. Sử cũ chua Ô Diên là xã Hạ Mỗ ở Từ Liêm. Xã ấy có đền thờ Bát Lang thần, có lẽ là Nhã Lang (con Lý Phật Tử) chăng.

2). Năm Tân Mão (571). (Lý, Hậu đế Phật Tử, năm thứ 1; Trần Tuyên đế, năm Đại Kiến thứ 3).

Lý Phật Tử đánh úp, lấy được nhà Triệu.

Sử cũ chép: Trước kia, Phật Tử giảng hòa với nhà Triệu, rồi cầu hôn cho con trai là Nhã Lang. Việt vương gả con gái là Cảo Nương cho Nhã Lang, và cho ở gửi rể. Nhã Lang nhân lấy trộm được cái móng rồng, trở về nước mưu với Phật Tử đánh úp nhà Triệu. Khi Phật Tử kéo quân đến đánh, Việt vương vội ra đối địch, thì cái móng rồng đã mất rồi, mới cùng với con gái là Cảo Nương chạy về phía nam. Bị quân Lý Phật Tử đuổi sát, Việt vương chạy đến cửa biển Đại Nha, hết đường chạy, gieo mình xuống biển chết.

Lời cần án - Sử cũ chép việc Triệu Việt vương được cái móng rồng của Chủ Đổng Tử cho; việc Nhã Lang sang gửi rể rồi lấy trộm móng rồng; việc Triệu Việt vương vì mất cái móng rồng mà bị thua. Đem những việc ấy khớp với chuyện Thục An Dương vương và Triệu Trọng Thủy trước kia giống nhau như hệt, kỳ quái trái thường không cần phải biện bạch cho lắm. Nhưng Sử cũ chép phần nhiều trùng điệp nhau, sai hẳn sự thực, đại loại như thế đấy. Nay muốn tìm ở Sử cũ lấy chuyện có thể tin ở đời này và truyền lại đời sau, thật cũng khó lắm.

Lời chua - Cửa biển Đại Nha²: Xưa gọi là Đại Nha³, lại gọi là Đại Ác; nhà Lý đổi là Đại An. Nay ở cửa Liêu thuộc xã Quần Liêu⁴ huyện Đại An có đền thờ Triệu Việt vương⁵.

¹ Hai chữ "cát" khác nhau: chữ cát ở tên cũ ___ nghĩa là cát; chữ cát ___ ở tên sau nghĩa là dây sắn.

² Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

³ Hai chữ "nha" theo tiếng Việt thì âm như nhau, nhưng theo chữ Hán, mặt chữ khác nhau.

⁴ Tên nôm là Côn Liêu, nay thuộc Nam Định.

⁵ Cửa biển Đại Nha nay là cửa Tam Tòa lục bộ, đây cũng có đền thờ Triệu Việt vương, lại có bia chép chuyện rõ lắm.

Nhà Triệu mất. Nhà Triệu khởi năm Kỷ Tỵ, mất năm Canh Dần, cộng hai mươi hai năm (549-570).

Lý Phật Tử tự xưng đế, đóng đô ở Phong Châu.

Phật Tử đã diệt nhà Triệu, bèn theo hiệu Nam đế trước xưng là Hậu Nam đế, dời từ thành Ô Diên đến đóng ở Phong Châu.

Năm Nhâm Tuất (602). (Lý, Hậu đế, năm thứ 32; Tùy, Văn đế, năm Nhân Thọ thứ 2).

Đế Phật Tử sai Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên, Lý Phổ Đĩnh giữ thành Ô Diên.

Lời chua - Lý Đại Quyền: Con người anh Lý Hậu đế. Sử cũ chép chữ Đại Quyền (___: quyền lớn) là Đại Quyền (___: thay quyền). Nay căn cứ vào Tùy thư, đính chính lại.

Phổ Đĩnh: Một tướng họ Lý khác.

Nhà Tùy sai Lưu Phương sang xâm lấn. Đế Phật Tử ra hàng.

Theo Tùy thư, Phật Tử giữ châu, tự xưng đế. Dương Tố tiến cử thứ sử Qua Châu là Lưu Phương có tài lược làm tướng. Vua Tùy dùng Lưu Phương làm hành quân tổng quản đạo Giao Châu, thống lĩnh quân sĩ 27 dinh sang đánh. Quân tiến đến núi Đô Long, gặp hơn hai nghìn quân Phật Tử, Lưu Phương đánh phá được ngay. Khi kéo quân đến Phong Châu, Lưu Phương sai người hiểu dụ về họa phúc, Phật Tử sợ, xin hàng. Lưu Phương bắt Phật Tử đem về Bắc (Trung Quốc), còn những tướng cũ bắt được người nào kiệt liệt đều giết chết cả.

Lời chua - Dương Tố: Người Hoa Âm thuộc Hoảng Nông.

Lưu Phương: Người đất Trường An thuộc Kinh Triệu.

Qua Châu: Đồi Đường, thuộc đạo Sơn Nam.

Núi Đô Long: Theo Thanh Nhất thống chí, ở phủ Khánh Viễn đời Đường, thuộc An Nam quản, có núi Đô Long.

Nhà Hậu Lý mất. Nhà Hậu Lý khởi lên năm Tân Mão¹, mất năm Nhâm Tuất, cộng ba mươi hai năm (571-602).

Năm Ất Sửu (605). (Tùy, Dạng đế, năm Đại Nghiệp thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Tùy cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản² đạo Hoan Châu, đi đánh Lâm Ấp, phá tan được nước ấy.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), các quan nhà Tùy bảo nước Lâm Ấp có nhiều của báu lạ. Khi đó, thiên hạ (đất nước Trung Quốc) đâu đấy không có giặc giã gì cả, Lưu Phương mới bình được Giao Châu. Dạng đế cho Lưu Phương làm chức hành quân tổng quản đạo Hoan Châu, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Quân Lưu Phương tiến đến cửa biển, vua Lâm Ấp là Phạn Chí sai quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Lưu Phương đánh đuổi được bọn này. Quân Lưu Phương vượt qua sông Chà³ Lê, gặp quân Lâm Ấp cưỡi voi từ bốn mặt kéo ra đánh: quân Phương thua. Phương sai đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, rồi đem quân ra đánh, giả cách thua: quân Lâm Ấp đuổi theo, voi sa xuống hố, nhiều con ngã què. Quân Phương lấy nỏ bắn voi, voi lùi chạy, chà đạp cả vào trận địa Lâm Ấp. Nhân đó Phương tung quân tinh nhuệ ra đánh kịch liệt: quân Lâm Ấp bị thua. Phương thúc quân đuổi theo, vượt qua phía nam cột đồng của Mã Viện, tám ngày thì đến kinh đô nước Lâm Ấp. Tháng tư, Phạn Chí bỏ thành, chạy ra phía biển. Lưu Phương vào thành, tước lấy 18 cái thần chủ thờ ở miếu. Những thần chủ ấy đều đúc bằng vàng. Sau đó

¹ Sách Cương mục in gọi sai là Kỷ Mão, thật ra phải là Tân Mão mới đúng: Kỷ Mão là năm 559 (Triệu Việt vương năm thứ 11), tính đến Nhâm Tuất là năm 602 thì sẽ là 44 năm, chứ không phải là 32 năm. Vậy xin chữa là Tân Mão.

² Một chức quan mang tính thi hành nhiệm vụ, không đặt thường xuyên.

³ Còn có âm nữa là "đồ", nên cũng đọc là "đồ", nhưng theo âm "chà" mới đúng với tên đất mà ta còn biết được.

Lưu Phương đục bia ghi công rồi kéo về. Trong trận này quân Tùy bị chân phù thũng, chết đến bốn năm phần mười; Lưu Phương cũng bị bệnh, chết ở dọc đường.

Lời phê - Binh đao là hung khí, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng để ngăn bọn gian bạo, giữ cho dân được yên ổn, đâu lại hám của, tham lợi, cầu làm thỏa thích lòng ham muốn của mình, để cho dân tàn nước hại, không hề tơ hào đoái hoài thương xót, sao lại nhẩn tâm đến thế được? Cổ nhân nói: "Một tướng thành công, hàng vạn xương cốt người khác phải khô héo", điều ấy không cần nói đến, huống chi tướng Tùy cũng không khỏi chết đường, nước Tùy rồi cũng mất theo. Việc này thực đáng là bài học sâu cay cho những kẻ sinh dùng võ lực!

Lời chua - Hoan Châu: Đời Hùng Vương xưa là bộ Hoài Hoan; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; nhà Lương đổi là Đức Châu; nhà Tùy năm Khai Hoàng (581-600) đổi là Hoan Châu đến năm Đại Nghiệp (605-616), đổi là Nhật Nam. Nhà Đường, năm Trinh Quán (627-649) lại đặt làm Hoan Châu. Triều Đinh, Lê cũng theo tên này. Đến nhà Lý đổi là châu Nghệ An; nhà Trần đổi là trấn Lâm Giang; thuộc Minh đổi làm các phủ Nghệ An và Diễn Châu; nhà Lê, năm Quang Thuận (1460-1469) đặt làm Nghệ An thừa tuyên. Nay là tỉnh Nghệ An.

Lâm Ấp: Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20-21).

Chà Lê: Sách Thông giám tập lãm chua là ở phía bắc nước Chiêm Thành, nay chưa rõ chỗ nào.

Kinh Đô nước Lâm Ấp: Nay xét các xã sau đây đều có di tích thành cũ vua Chiêm, còn kinh đô nước Chiêm thì không rõ ở đâu: xã Trung Ái ở huyện Bình Chính và xã Uẩn Áo ở huyện Lệ Thủy thuộc tỉnh Quảng Bình; xã Nguyệt Biểu ở huyện Hương Thủy và xã Thành Trung ở huyện Quảng Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên; xã Thăng Bình ở huyện Diên Phúc thuộc tỉnh Quảng Nam; hai thôn Nam An, Bắc Thuận ở huyện Tuy Viễn thuộc tỉnh Bình Định.

Đồng Trị (cột đồng): Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.2, 12-14).

Năm Tân Tị (621). (Đường, Cao tổ, năm Vũ Đức thứ 4).

Nhà Đường cử Khâu Hòa làm đại tổng quản¹ Giao Châu.

Theo Đường thư, cuối năm Đại Nghiệp (605-616), trong nước (Trung Quốc dưới triều Tùy) khổ sở vì nạn quan lại tham nhũng, xâm hại, thường thường nổi dậy làm phản. Dượng đế thấy Khâu Hòa nhận chức ở đâu cũng tỏ ra là người tốt, bèn bổ làm thái thú Giao Chỉ. Khâu Hòa gần gũi nhân dân, hết lòng vỗ về chúng; những miền biên viễn đều được yên ổn. Các nước ở về phía tây nước Lâm Ấp thường đưa biểu Khâu Hòa hạt trai sáng, văn tê vàng bạc, của báu. Vì thế, Khâu Hòa giàu ngang với bọn vua chúa. Vua nhà Lương là Tiêu Tiển nghe thấy vậy, sai Ninh Trường Chân đem quân Man, Lý sang đánh Khâu Hòa, Khâu Hòa sợ, muốn ra đón tiếp xin hàng, trường sử Cao Sĩ Liêm bảo Khâu Hòa rằng: "Quân của Trường Chân dẫu nhiều thực, nhưng từ xa đến đây, chắc cũng không thể ở lâu được. Quân sĩ trong thành còn có thể đánh nổi, việc gì mà phải chịu người ta áp chế!". Khâu Hòa theo lời Sĩ Liêm, cho Liêm làm hành quân tư mã, đón đánh đuổi được quân Trường Chân. Người quận Giao Chỉ thấy thế dựng bia ghi công Khâu Hòa. Khi nhà Tùy mất, Khâu Hòa xin thần phục nhà Đường, nhà Đường cho Khâu Hòa làm đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm quốc công.

Lời chua - Khâu Hòa: Theo truyện Khâu Hòa trong Đường thư, Khâu Hòa, người đất Lạc Dương, trước làm quan nhà Chu đến chức khai phủ nghi đồng tam tị; sau theo nhà Tùy, làm quan ở ba châu Tư, Lương, Bồ, đều có tiếng là người khoan hòa.

Tiêu Tiển: Cháu bốn đời Tuyên đế nhà Lương. Theo Cương mục (Trung Quốc), năm Đại Nghiệp thứ 13 (617) đời Dượng đế nhà Tùy, Tiêu Tiển khởi binh tự xưng là

¹ Chức quan đứng đầu Giao Châu, trông coi quân dân, như chức Thứ sử các đời trước.

Lương vương; đến đời Cung đế năm Nghĩa Ninh thứ hai (618), tự xưng là đế, chiếm địa vực phía đông từ Cửu Giang, phía tây đến Tam Hiệp, phía nam đến tận Giao Chỉ, phía bắc tới Hán Xuyên. Về sau, Tiêu Tiển đầu hàng nhà Đường.

Ninh Trường Chân: Theo Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, Trường Chân là con Ninh Mãnh Lực, thứ sử Khâm Châu. Khi Mãnh Lực chết, Trường Chân thay cha làm thứ sử. Trường Chân có quân đội mạnh, gồm có cả mấy quận Uất Châu. Sau Trường Chân hàng nhà Đường, từ đó mấy châu Giao (châu), Ái (châu) mới giao thông được với nhau.

Cao Sĩ Liêm: Người đất Tu thuộc Bột Hải. Khoảng năm Nhân Thọ (601-604), đậu văn tài giáp khoa, được bổ làm tri lễ lang, sau vì can cửu, bị giáng chức làm chủ bạ Chu Diên, Khâu Hòa cử lên làm tư pháp thư tá; về sau, cùng với Khâu Hòa cùng ra hàng nhà Đường, làm quan đến chức hữu bộc xạ.

Năm Kỷ Mão (679). (Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Đường bắt đầu đặt ra An Nam đô hộ phủ, phủ lỵ ở Giao Châu.

Theo Đường thư, An Nam đô hộ phủ vốn là quận Giao Chỉ, phủ lỵ ở Giao Chỉ, thống trị 12 châu, là: Giao Châu, Lục Châu, Phong Châu, Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu, Phúc Lộc châu, Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Diên Châu, Vũ An châu.

Lời cần án - Theo Sử của Ngô [Thì] Sĩ, nhà Đường đổi quận Giao Chỉ làm An Nam đô hộ phủ gồm có An Nam (nên chép là Giao Châu), Ái Châu, Phúc Lộc châu, Hoan Châu, Phong Châu, Lục Châu, Diên Châu, Trường Châu. Các châu trên đây đều ở trong địa giới nước ta. Còn như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga châu, Vũ An châu, chưa chắc đã phải là đất An Nam cả. Vì tại cương giới các châu ấy giáp với Nam Giao nên cũng để thuộc về đô hộ phủ đó thôi. Nay xét: Theo sách **Thái Bình hoàn vũ ký** của Nhạc Sử nhà Tống, đất Trường Châu cùng với Cửu Chân là một, thì Trường Châu phải ở gần đất Thanh Hóa bây giờ, nhưng chưa biết đích xác là chỗ nào. Theo sách **Thanh Nhất thống chí**, ở Khâm Châu có ba huyện Ô Lô, Hoa Thanh và Ninh Hải, hiện còn có thành cũ bỏ hoang. Vậy thì Lục Châu thuộc về Khâm Châu nhà Thanh, nếu bảo là ở địa giới nước ta cả thì e lầm chằng. Lại như Địa dư chí trong **Lịch triều hiến chương** của Phan Huy Chú bảo Hưng Hóa là Chi Châu đời Đường, Tuyên Quang là Thang Châu đời Đường; Thái Nguyên là Vũ Nga châu đời Đường; An Bang tức bây giờ là Quảng Yên, đời Đường gọi là Vũ An châu. Không biết Phan Huy Chú căn cứ vào đâu mà chép thế, nhưng cũng ghi lại để tham khảo.

Lời chua - Theo **Địa lý chí** trong Đường thư:

Giao Châu thống lĩnh 8 huyện là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo và Vũ Bình.

Lục Châu thống lĩnh 3 huyện, là: Ô Lô, Hoa Thanh và Ninh Hải.

Phong Châu thống lĩnh 5 huyện, là: Gia Ninh, Thừa Hóa, Tân Xương, Cao Sơn và Châu Lục.

Ái Châu thống lĩnh 6 huyện, là: Cửu Chân, An Thuận, Sùng Bình, Quân Ninh, Nhật Nam và Trường Lâm.

Hoan Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường và Hoài Hoan.

Trường Châu thống lĩnh 4 huyện, là: Văn Dương, Đồng Thái, Trường Sơn và Kỳ Thường.

Phúc Lộc châu thống lĩnh 3 huyện, là: Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc.

Thang Châu thống lĩnh 3 huyện, là: Dương Tuyền, Lục Thủy và La Thiều.

Chi Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Hân Thành, Phú Xuyên, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diễm, Đa Vân và Ân Long.

Vũ Nga thống lĩnh 7 huyện, là: Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Di, Vũ Duyên, Vũ Lao và Lương Sơn.

Diễn Châu thống lĩnh 7 huyện, là: Trung Nghĩa, Hoài Hoan, Long Trì, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung và Vũ Kim.

Vũ An châu thống lĩnh 2 huyện, là: Vũ An và Lâm Giang.

Năm Điều Lộ thứ nhất: Sử cũ chép lầm là năm Vũ Đức thứ năm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Giao Châu: Đặt từ đời Hán, lấy 7 quận ở Giao Chỉ lệ thuộc Giao Châu.

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb, 1, 2, ...)

Ái Châu: Xem thuộc Lương, Vũ đế, năm Phổ Thông thứ 4 (Tb.3, 33)¹.

Chi Châu: Bộ Tân Hưng xưa, nay là tỉnh Hưng Hóa.

Diễn Châu: Bộ Việt Thường xưa, nay là phủ Diễn Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

Phúc Lộc châu: Nay ở địa giới tỉnh Thanh Hóa, nhưng chưa rõ chỗ nào.

Trường Châu, Thang Châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Tuyên Quang.

Vũ Nga châu: Bộ Vũ Định xưa, nay là Thái Nguyên. (Hoài Hoan nguyên thuộc Hoan Châu, đầu năm Trinh Quán (627-650) đổi tên là Diễn Châu, rồi lại bỏ. Năm Quảng Đức thứ hai (764) lại tách đất ở Hoan Châu đặt ra Hoài Hoan).

Năm Đinh Hợi (687). (Đường, Trung Tông, năm Tự Thánh thứ 4).

Tháng 7, mùa thu. Đám người Lý² làm loạn, giết đô hộ Lưu Diên Hựu. Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đi đánh, bình được.

Theo Đường thư, trước kia, đám người Lý hằng năm nộp tô có một nửa số đã quy định. Diên Hựu bắt phải nộp cả số ấy. Mọi người đều oán, mưu định cùng nhau dấy loạn. Diên Hựu giết chết người cầm đầu là Lý Tự Tiên. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến nổi lên làm phản, họp nhau lại vây phủ thành. Trong thành quân ít, không thể chống lại được, bèn đóng cửa thành, đợi quân cứu viện. Phùng Tử Du là một đại tộc ở Quảng Châu, nhân dịp đó, mong để lập công, đóng quân lại không đi cứu. Diên Hựu bị giết. Về sau, tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đem quân sang đánh, chém được Đinh Kiến.

Lời chua - Diên Hựu: Theo truyện Lưu Diên Hựu trong Đường thư, Hựu là người đất Bành Thành thuộc Từ Châu, đậu tiến sĩ có sở năng về nghề làm quan lại, trước đã làm thứ sử Cơ Châu, sau đổi sang làm đô hộ An Nam.

Huyền Tĩnh: Sử cũ chép là Trục Tĩnh.

Tự Tiên: Sử cũ chép là "Tiên".

Tử Du: Sử cũ chép là Do đều lầm; nay theo Đường thư, đổi lại.

Năm Nhâm Tuất (722). (Đường, Huyền tông, năm Khai Nguyên thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Ở Hoan Châu Mai Thúc Loan giữ lấy châu, tự xưng đế. Nhà Đường, sai bọn nội thị Dương Tự Húc sang đánh, phá được.

¹ Sách Cương mục in sai là năm Phổ Thông thứ 6, thực ra là năm Phổ Thông thứ 4 (523) (Tb.3, 33). Vậy xin đính chính lại.

² Tên một dân tộc thiểu số xưa.

Theo Đường thư, khoảng năm Khai Nguyên (713-741), An Nam có Mai Thúc Loan làm phản, tự xưng là Hắc đế, chiêu tập quân 32 châu, ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp và Kim Lân, giữ vùng biển nam, quân số có đến 40 vạn. Tư Húc xin đi đánh, chiêu mộ 10 vạn quân, cùng với Quang Sở Khách tiến quân theo đường cũ của Mã Viện, nhân lúc bất ý, sập đến đánh. Thúc Loan hoang mang nao núng, không kịp mưu tính cách đối phó, bị thua to. Tư Húc mới chôn những xác chết chung vào một nơi, đắp thành cái gò cao (Kinh quán), để ghi chiến công của mình, rồi rút quân về.

Lời cần án - Khoảng năm Khai Nguyên (713-741) nhà Đường, An Nam đô hộ phủ vẫn còn ở Giao Châu, thống trị 12 châu, 59 huyện, đều đặt các quan thú, tể để quản trị; Việc đánh thuế tô¹, thuế điệu² và bắt lính đều tuân theo lệnh nhà Đường; lúc Mai Thúc Loan khởi lên, thì phủ đô hộ với các châu Phong, Ái, Lục, Diễn chưa nghe thấy có đâu là thuộc về Mai Thúc Loan đóng giữ, như vậy Mai Thúc Loan làm thế nào mà chiêu tập được người 32 châu, có số quân đến 40 vạn? Trộm nghĩ Thúc Loan chẳng qua giữ được một châu, thế lực cũng nhỏ. Bấy giờ Đường Huyền Tông thích lập công ở biên giới, bọn Tư Húc và Sở Khách thì lợi dụng xứ này ở nơi hiểm trở xa xôi, nên mới thổi phồng thanh thế bên địch để cầu lấy công cán và phong thưởng đó thôi. Nếu không phải thế thì sau giáp binh và đất đai như thế, mà quân nhà Đường mới thoát kéo đến đã vội kinh hãi tan rã ngay? **Sử cũ** cũng chép Thúc Loan ngoài liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân có 30 vạn có lẽ cũng cứ dựa qua vào Đường thư, chứ chưa xét đến sự thực.

Lời chua - Dương Tư Húc: Theo truyện Dương Tư Húc trong Đường thư, Tư Húc là hoạn quan người Thạch Thành thuộc La Châu, gốc tích là họ Tô.

Quang Sở Khách (Sử cũ chép Nguyên Sở Khách là lầm): Người Giang Lăng, hồi đầu niên hiệu Khai Nguyên, sang làm An Nam đô hộ.

Chân Lạp: Tên nước. Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb.4, 39).

Kim Lân: Tên nước. Theo sách Thái Bình ngự lãm đời Tống nước Kim Lân còn có tên gọi là Kim Trần. Ngoại quốc truyện chép: từ phía tây Phù Nam đi hơn 2.000 dặm thì đến Kim Lân.

Đường cũ của Mã Viện: Theo sách Khâm Châu chí của Chu Xuân Niên, núi Ô Lợi liên tiếp chạy ra biển lớn, (đứng đó) nhìn về phía tây thấy Hải Đông phủ thuộc Giao Chỉ. Mã Phục Ba khi vào An Nam đi theo đường này. Ở đây có miếu thờ Mã Phục Ba. Theo sách Quận quốc lợi bệnh thư của Cổ Viêm Vũ, triều Minh: từ Mã Phục Ba về sau, thủy quân (Trung Quốc) đều đi từ phía nam Khâm Châu ra biển lớn, giương buồm đi một ngày tới trấn Triều Dương thuộc Giao Châu. Nơi đường cũ Mã Viện, tức là đường này.

Mai Thúc Loan: Người Mai Phụ, huyện Thiên Lộc huyện Hoan Châu, bây giờ thuộc huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thúc Loan người đen lẫm, nên người Hoan Châu gọi là Hắc đế. Nay còn có vết thành cũ ở núi Vệ thuộc huyện Nam Đường và có đền thờ ở xã Hương Lãm thuộc huyện ấy. Đền này được liệt vào hàng đền thờ để vương các triều đại.

Năm Đinh Dậu (757). (Đường, Túc Tông, năm Chí Đức thứ 2).

Nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ làm Trấn Nam đô hộ phủ.

¹ Chế độ tô, điệu nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai học thóc, gọi là tô; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu.

² Chế độ tô, điệu nhà Đường mỗi suất đinh được một khoảnh ruộng, hàng năm, phải nộp hai học thóc, gọi là tô; mỗi năm lại phải nộp hai tấm lụa, ba lạng bông (nếu không nộp lụa mà nộp vải thì phải tăng thêm một phần năm), ba cân gai, hoặc nộp bạc thì phải mười bốn lạng, gọi là điệu.

Lời chú - Trấn Nam đô hộ: trị sở và các châu thống trị, xem: thuộc Đường, Cao Tông Điều lệ năm đầu (Tb.4, 18).

Năm Đinh Mùi (767). (Đường, Đại Tông, năm Đại Lịch thứ 2).

Nước Côn Luân, nước Chà Bà¹ vào lấn cướp. Kinh lược sứ² là Trương Bá Nghi đánh phá được; đắp La Thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Côn Luân và Chà Bà đánh hãm châu thành. Trương Bá Nghi cầu viện với đô úy quận Vũ Định là Cao Chính Bình. Viện binh đến đánh phá được quân giặc ở Chu Diên. Bá Nghi lại đắp La Thành.

Lời chua - Chà Bà: Theo Nam Man truyện trong Đường thư, nước Chà Bà, phía đông giáp Lục Chân Lạp, phía tây giáp Đông Thiên Trúc, phía nam liền với biển, phía bắc giáp Nam Chiếu. Chà Bà có 18 nước phụ thuộc; lại có bộ Tiểu Côn Luân và nước Đại Côn Luân.

Côn Luân: Theo Quận quốc lợi bệnh thư của Cố Viêm Vũ, Côn Luân ở về phía nam nước Lâm Ấp. Căn cứ vào tài liệu đó thì đất đai của nước Chà Bà bao gồm cả các nước Tiêm La, Diến Điện; chỉ vì nước Chà Bà không có thống thuộc, xứ sở nào hùng trưởng ấy, đều sống về nghề đi cướp bóc; nay bị các nước Tiêm La, Diến Điện kiềm tính mất rồi. Những xứ Tất Lực, Hạ Liêu, Giang Lưu Ba và Ma Lục Giáp cũng đều bị người Tây Dương chiếm cứ cả. Người ta hãy còn gọi người bản thổ là Chà Bà. Côn Luân lại là thuộc quốc của nó. Nay về hải phận Vĩnh Long, còn có cù lao Đại Côn Luân, Tiểu Côn Luân, dân Hán³ đến ở làm ăn tại đó cũng đã lâu đời.

Vũ Định: Theo Địa lý chí trong Đường thư, là tên một cơ mi châu⁴.

Bá Nghi: Theo Truyện Lý Quang Bật trong Đường thư, Bá Nghi người Ngụy Châu, lúc trước vì có chiến công, nên lệ thuộc vào quân Lý Quang Bật.

Chu Diên: Xem Hùng Vương (Tb.I, 3...)

La Thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb.5, 10...).

Vua nhà Đường hạ chiếu nêu khen người đàn bà tiết nghĩa ở Giao Châu là Kim thị.

Theo truyện Liệt Nữ trong Đường thư, tiết phụ Kim thị là mẹ tướng giặc Đào Tề Lượng. Kim thị thường lấy điều trung nghĩa khuyên bảo Tề Lượng, nhưng Tề Lượng ngoan ngạnh, không chịu vâng lời, Kim thị liền từ con, tự làm ruộng lấy thóc ăn, tự dệt vải may áo mặc, xóm làng đều cho là một người gương mẫu. Vua Đường hạ chiếu cho hai người đến hầu hạ nuôi nấng, và quan sở tại phải thường lui tới thăm hỏi suốt đời Kim thị.

Lời chua - Đào Tề Lượng: Người Giao Châu.

Năm Mậu Thân (768). (Đường, năm Đại Lịch thứ 3).

Nhà Đường lại đổi Trấn Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Năm Tân Mùi (791). (Đường, Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Người Đường Lâm thuộc Phong Châu là Phùng Hưng khởi binh, đánh phủ đô hộ và chiếm giữ phủ lý.

¹ Cũng đọc là Bồ Đà hoặc Xà Bà.

² Một chức quan ở thời nhà Đường, đứng đầu miền đất nước ta, như chức Thứ sử thời trước.

³ Tức là nhân dân theo văn hóa Hán tộc (Trung Hoa).

⁴ Theo nghĩa đen, cơ là cái dây giàng đầu con ngựa; mi là cái giàng hai má trâu bò. Cơ mi là giàng buộc lòng lèo, có đặt ra châu nhưng không bắt theo đúng kỷ luật chế độ.

Trước kia Phùng Hưng người Đường Lâm thuộc Phong Châu, vốn là nhà hào phú, lại có sức khỏe, có thể vật nổi trâu, đánh được hổ. Khoảng năm Đại Lịch (766-779) nhà Đường, nhân thời buổi loạn lạc, Phùng Hưng cùng với em là Phùng Hải đem quân uy phục được các ấp láng giềng, tự xưng là đô quân; Phùng Hải xưng là đô bảo. Khi bấy giờ chính sách của đô hộ¹ là Cao Chính Bình, đánh thuế nặng lắm. Phùng Hưng đánh Chính Bình mãi không được, mới dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân đến vây phủ: Chính Bình vì lo sợ mà chết. Phùng Hưng vào ở trong phủ lạy, được ít lâu thì mất. Dân chúng lập con là An lên làm đô phủ quân, tôn Hưng làm Bồ Cái đại vương.

Lời chua - Cao Chính Bình: Theo sách An nam kỷ yếu, Cao Chính Bình người thời Đại Tông nhà Đường, trước làm đô úy Vũ Định, vì có công đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm đô hộ.

Đường Lâm: Tên xã xưa. Sử cũ chua ở huyện Phúc Lộc. Phúc Lộc nay đổi tên là Phúc Thọ thuộc tỉnh Sơn Tây. Xét theo Sơn Tây tỉnh sách², xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, xưa gọi là Đường Lâm³. Phùng Hưng và Ngô Quyền đều là người xã này cả. Bấy giờ vẫn còn đến thờ.

Phong Châu: Sử cũ chép lầm là Giao Châu, nay sửa lại. Xét Đường thư, bản kỷ, đời Đức Tông, năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), chỉ chép rằng tù trưởng An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản, chứ không chép việc Phùng Hưng, có lẽ vì ở cách xa nước ta, nên không rõ có việc Phùng Hưng.

Bồ Cái: Sử cũ chua tục cổ nước ta gọi cha là bố gọi mẹ là cái, nên đặt Bồ Cái làm tôn hiệu.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Triệu Xương làm đô hộ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, bấy giờ Giao Châu chưa yên, Triệu Xương đến nơi, vỗ về phủ dụ, lòng dân mới yên. Triệu Xương sai sứ đến dụ Phùng An, Phùng An đem quân ra hàng, Triệu Xương được gia phong làm kinh lược chiêu thảo xử trí sứ, Triệu Xương đắp thêm La Thành, đi thăm khắp nơi núi sông danh thắng, cổ tích, đền miếu ở các đô quận, chép làm sách Phủ chí. Triệu Xương ở phủ được mười năm, vì đau chân, dâng biểu xin người khác sang thay.

Lời chua - Triệu Xương: Theo Đường thư, Triệu Xương tên tự là Hồng Tô, người Thiên Thủy, được thăng dần đến chức thứ sử Kiền Châu. Khi Đỗ Anh Hàn ở An Nam làm phản, nhà Đường dùng Xương làm đô hộ, dân Giao Châu hưởng ứng giáo hóa, không dám ngang ngược, Xương làm được mười năm, vì đau chân, xin về.

Năm Tân Tị (801). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 17).

Nhà Đường dùng Bùi Thái làm đô hộ.

Triệu Xương xin người sang thay, nhà Đường sai lang trung bộ Binh là Bùi Thái sang thay. Bùi Thái đến nơi, bắt quân sĩ lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một thành, lại đắp thành ở các châu Hoan và Ái. Sau đó Bùi Thái bị bộ tướng trong châu là Vương Quý Nguyên đuổi đi.

Năm Quý Mùi (803). (Đường, năm Trinh Nguyên thứ 19).

Tháng 12, nhà Đường lại cử Triệu Xương sang làm đô hộ.

Theo Đường thư, bấy giờ Triệu Xương về triều làm tế tửu chưa được bao lâu, bộ tướng Giao Châu đánh đuổi Bùi Thái. Đức Tông vời Triệu Xương tới để hỏi tình hình. Triệu Xương bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, râu bày rõ ràng không lẫn; Đức Tông lấy làm lạ, lại cử sang làm đô hộ. Khi tờ chiếu đến nơi, người Giao Châu cùng nhau mừng rỡ; quân làm phản liền yên ngay. Triệu Xương sau thăng làm tiết độ

¹ Một chức quan được đặt ra từ thời nhà Đường. Đứng đầu phủ An Nam đô hộ, tức cai quản toàn bộ quân dân miền đất nước ta.

² Tập khai về địa chí của tỉnh Sơn Tây.

³ Nay thuộc thị xã Sơn Tây (ngoại thị).

sứ¹ đất Lĩnh Nam, dẹp yên và hàng phục được những nơi biên viễn. Vì có công, Xương được thăng thượng thư bộ Công, tước thái tử thiếu bảo, năm chết đã tám mươi năm tuổi, vua Đường truy tặng cho Xương chức Dương Châu đại đô đốc.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Diên Hựu ngược đãi dân Lý, gây ra cuộc khởi loạn của Đinh Kiến. Chính Bình đánh thuế dân Giao Châu quá nặng², đã thúc đẩy Đỗ Anh Hàn khởi binh. Triệu Xương đến lần trước, yên ngay được dân; đến lần sau, dẹp xong được loạn. Quan lại ở biên cảnh tốt hay xấu, quan hệ đến như thế. Chẳng qua hồi đó người Bắc (Trung Quốc) cho Giao Châu ta là nơi hẻo lánh xa xôi, coi nhẹ việc kén chọn người giỏi, nên dân thời bấy giờ phải cảnh lâm than, không kêu đâu được. Đọc sử đến đây, đáng vì dân thời ấy mà ngâm ngùi than thở!

Năm Mậu Tí (808). (Đường, Hiến Tông, năm Nguyên Hòa thứ 3).

Nhà Đường dùng Trương Chu làm đô hộ. Trương Chu sửa đắp lại thành Đại La.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Trương Chu làm kinh lược phán quan, khi thăng lên làm đô hộ, hẳn sửa đắp lại thành Đại La, đóng chiến thuyền "mông đồng" ba trăm chiếc mỗi chiếc có 25 quân chiến, 23 tay chèo. Khi thuyền đang chèo, xuôi ngược như bay. Hai thành Hoan Châu và Ái Châu trước kia bị Hoàn vương³ đánh phá, bấy giờ đều sửa đắp lại.

Lời chua - Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử nhà Tống, năm Nguyên Hòa thứ 4 (809) đô hộ An Nam là Trương Chu đánh viên Hoan - Ái đô thống giặc của Hoàn vương quốc, giết được hơn ba vạn người.

Mông đồng: Thù thuyền hẹp mà dài, dùng để xông đánh thuyền giặc.

Hai thành Hoan, Ái: Trước kia do Bùi Thái đắp.

Hoàn vương: Tên gọi vua nước Lâm Ấp.

Năm Kỷ Hợi (819). (Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14).

Thứ sử Hoan Châu là Dương Thanh làm phản, đánh úp phủ thành, giết đô hộ Lý Tượng Cổ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), Tượng Cổ là người tham lam khắc nghiệt, mất lòng mọi người. Dương Thanh là nhà nhiều đời làm tù trưởng dân Man. Tượng Cổ cho làm nha tướng⁴ sai đi đánh Man Hoàng Động, Dương Thanh nhận thấy lòng người ai cũng oán giận Tượng Cổ, đang đêm, quay về đánh úp lấy phủ thành, giết Lý Tượng Cổ.

Theo Đường thư, Dương Thanh là Man Tù⁵, vẫn uất ức muốn khởi loạn. Nhân dịp đi đánh giặc Hoàng Động, được Lý Tượng Cổ giúp cho binh sĩ, Dương Thanh liền đem quân quay lại đánh úp lấy phủ thành, giết Lý Tượng Cổ. Nhà Đường hạ chiếu tha tội Dương Thanh và cho làm Thứ sử Quỳnh Châu, dùng Quế Trọng Vũ làm Đô hộ. Dương Thanh chống cự lại, không tuân lệnh. Quế Trọng Vũ đi dụ riêng từng người đầu sỏ trong đám dân Man, rồi đánh chém được Dương Thanh, tru di cả họ.

Lời chua - Tượng Cổ: Theo Đường thư truyện Tào Vương Minh, Tượng Cổ là con Lý Cao, tông thất nhà Đường, năm Nguyên Hòa thứ 14 (819), làm đô hộ An Nam.

Quế Trọng Vũ: Sử cũ chép sai là Quế Trọng; nay chữa lại.

¹ Một chức quan ở thời Đường, đứng đầu cai quản toàn bộ miền đất nước ta.

² Bắt dân hằng năm đóng thuế vào cả một kỳ.

³ Tức vua nước Chiêm Thành.

⁴ Một chức võ quan cấp bậc thấp.

⁵ Tù tức là Tù trưởng, người đứng đầu các người Man.

Hoàng Động: Theo Đường thư, Nam man truyện, các người Man ở Tây Nguyên có họ Hoàng ở động Hoàng Chanh, đất giáp với Nam Chiếu, gọi là Man Hoàng Động, đánh mười tám châu Quế Quán, đi đến đâu đốt cướp đến đấy; người Đường gọi là Hoàng tặc. Khi quân phủ đô hộ nổi loạn, Hoàng tặc giúp Dương Thanh giết Lý Tượng Cổ.

Quyền Châu: Theo Thanh Nhất thống chí, là đất Châu Nhai đời Hán, nhà Đường chia đặt ra Quyền Châu, thuộc Lĩnh Nam đạo.

Nhà Đường dùng Mã Tổng làm đô hộ.

Theo Đường thư, Mã Tổng, do chức thứ sử Kiến Châu thăng lên làm đô hộ An Nam, là người thanh liêm, không quấy nhiễu dân, đem học thuật nho gia rèn luyện phong tục, chính sự tốt đẹp, người Lý người Lạc đều yên cả. Mã Tổng dựng hai cột đồng, ghi chép công đức nhà Đường và tỏ ra mình là con cháu Phục Ba (Mã Viện).

Lời cần án - Mã Tổng làm Đô hộ, chính sự tốt đẹp, **Sử cũ** bỏ sót không chép. Nay khảo trong **Đường thư**, xin bổ sung vào; Nhưng chính truyện **Mã Tổng** chỉ cho biết là vào khoảng năm Nguyên Hòa (806-802) chứ không chép rõ năm, tháng, cho nên nay chép luôn vào cuối năm Nguyên Hòa để giữ lấy sự thực.

Lời chua - Mã Tổng: Theo truyện Mã Tổng, Tổng tên tự là Nguyên Hội, người Phù Phong.

Kiến Châu: Theo địa lý chí trong Đường thư, Kiến Châu thuộc đạo Giang Nam.

Đồng trụ: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb.II, 12).

Năm Giáp Thìn (824). (Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4).

Tháng 11, mùa đông. Đô hộ là Lý Nguyên Gia dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan.

Theo sách **An Nam kỷ yếu**, Lý Nguyên Gia cho rằng trước cửa thành là dòng nước chảy ngược, sợ người Giao Châu hay làm phản. Vì thế dời phủ trị (tới trên bờ) sông Tô Lịch. Khi đang đắp cái thành nhỏ, có người đến xem bảo rằng: "Nhà ngươi không đủ sức đắp cái thành lớn, 50 năm nữa có người họ Cao sẽ đóng đô dựng phủ ở đây". Đến giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873), Cao Biền đắp La Thành, đúng như lời người ấy.

Lời chua - Tô Lịch: Một nhánh của sông Nhị Hà. Theo Thanh nhất thống chí, sông Tô Lịch đi từ phía đông thành phủ Giao Châu, chuyển sang phía bắc rồi đi sang phía tây, thẳng đến sông Nhuệ. Xưa kia có người tên là Tô Lịch ở đấy, cho nên gọi sông ấy là sông Tô Lịch. Hồi đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) nhà Minh, Hoàng Phúc lại đào thêm, nhân đổi tên gọi là sông Lai Tô. Nay ở phía đông tỉnh Hà Nội, đất huyện Thọ Xương có cái cửa sông, đấy là chỗ phân lưu từ sông Nhị Hà.

Năm Ất Tỵ (825). (Đường, Kinh Tông, năm Bảo Lịch thứ 1).

Nhà Đường dời phủ lỵ đô hộ sang Tống Bình.

Lời chua - Tống Bình: Theo sách Phương dư kỷ yếu¹ của Cố Tổ Vũ, Tống Bình ở phía nam phủ lỵ. Nó là đất huyện Long Biên đời Hán; đầu đời Lưu Tống tách ra đặt làm huyện Tống Bình, đời Tùy thuộc về Giao Châu. Vậy thì Tống Bình phải ở miền ngoại ô phủ Đô hộ cũ. Theo Thanh nhất thống chí, huyện Tống Bình thuộc Giao Châu xưa, ở đây còn có thành cũ Liên Thụ ở phía tây huyện 75 dặm. Nay xét thành Liên Thụ là trị sở quận Giao Chỉ hồi đầu đời Hán, ở vào xã Lũng Khê huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh hiện nay, cách tỉnh thành Hà Nội hơn 30 dặm.

Năm Mậu Thân (828). (Đường, Văn Tông, năm Thái Hòa thứ 2).

¹ Xem chú giải ở trên, năm 546.

Thứ sử Phong Châu là Vương Thăng Triều làm phản. Đô hộ là Hàn Ước đánh giết được.

Theo Đường thư, Hàn Ước là người có chí dũng quyết, lổm bổm sử sách, có tài hành chính; trước đã làm thứ sử Kiền Châu. Đến khi Thăng Triều làm phản, Hàn Ước lĩnh chức An Nam đô hộ, đánh dẹp yên, Thăng Triều bị giết. Sau, quân phủ đô hộ nổi loạn, Hàn Ước bị đuổi, chạy về Quảng Châu.

Lời chua - Hàn Ước: Theo truyện Vương Phan trong Đường thư, Hàn Ước người Vũ Lăng thuộc Lăng Châu, tiến thân bằng tiền và thóc¹.

Năm Bính Thìn (836). (Đường, năm Khai Thành thứ 1).

Nhà Đường dùng Mã Thực làm đô hộ.

Theo Đường thư, hồi đầu năm Khai Thành (836-840), Mã Thực làm An Nam đô hộ, là người giỏi việc hành chính, cách ăn ở văn nhã, làm việc quan thanh liêm trong sạch, không phiền nhiễu, dân các động đều được yên ổn. Thủ lĩnh các châu cơ mi² đều thần phục, xin chịu theo khuôn phép về việc thuế má. Năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực tâu xin đổi huyện Vũ Lục, làm châu Vũ Lục, kén người thủ lĩnh ở đấy cho làm thứ sử. Vua Đường y theo lời xin ấy. Nhưng rồi ra lại bỏ, không đặt làm châu nữa. Lúc ấy có điềm: một cái ao trước vẫn sản ngọc châu, rồi một dạo tự nhiên mất đi, nay trong cái ao ấy lại sinh sản ngọc châu như cũ. Vì Mã Thực là viên quan có chính tích tội nhất nên được thăng làm quan sát sứ ở Kiềm Trung.

Lời cần án - Theo Liệt truyện trong Đường thư, Mã Thực làm đô hộ, chính sự trong sạch, dân các động được yên. Hạt châu ở ao lại sinh sản như xưa: đó là tiết thanh bạch cảm đến cả loài vật. Sách Thanh nhất thống chí liệt tên Mã Thực vào hàng các quan có tiếng ở An Nam, cùng với Triệu Xương, Vương Thúc đều xứng đáng là những người tội nhất trong đám thú lệnh. Lại theo Địa lý chí trong Đường thư, năm Khai Thành thứ ba (838), Mã Thực dâng biểu xin đặt châu Vũ Lục. Việc ấy có chứng cứ rõ ràng, thế mà Sử cũ bỏ sót không chép, chỉ chép "Thuộc Đường, năm Hội Xương thứ nhất (841), Vũ Hồn thay Hàn Ước làm kinh lược sứ". Nay xét Đường thư Bản kỷ, đời Văn Tông, năm Thái Hòa thứ ba (829), Ước bị quân nổi loạn đuổi. Kể từ năm Thái Hòa thứ hai (828) đến năm Hội Xương thứ nhất (841), trong khoảng đó còn có niên hiệu Khai Thành (836-840) gồm 5 năm phải còn có Mã Thực làm đô hộ. Vậy thì Vũ Hồn kế chân Mã Thực, chứ không phải thay chân Hàn Ước. Nay theo Đường thư, xin bổ chính để nêu rõ người thú mục tốt và chữa chỗ sai lầm.

Lời chua - Mã Thực: Theo truyện Mã Thực, Thực là người Phù Phong, đậu tiến sĩ, lại đậu khoa chế sách.

Cơ mi: Theo Địa lý chí trong Đường thư, Thái Tông nhà Đường, sau khi bình định các Phiên Quốc³ thì Man Di các nơi dần dần nội thuộc, lúc ấy nhà Đường lấy ngay các bộ lạc của họ đặt thành châu, huyện, dùng người thủ lĩnh bộ lạc làm đô đốc, làm thứ sử, họ đều được cha truyền con nối, gọi là "cơ mi". Theo sách Cương mục tập lãm dẫn thiên Hán quan nghị nói rằng: (đồ vật làm đầu) ngựa gọi là cơ, (đồ vật dằm hai má) trâu gọi là mi. Ý nói kiềm chế các rợ mọi (tử di) phải lỏng lẻo như đem buộc "cơ", "mi" cho loài trâu ngựa.

Vũ Lục châu: Tên một châu cơ mi, nay không biết ở đâu.

Trì châu: Theo Hán Thư, khi Mạnh Thường làm Thái thú Hợp Phố, hạt châu (ngọc trai) đã mất đi ở Hợp Phố, lại thấy trở lại. Trong Thanh Nhất thống chí có chép

¹ Quyên tiền và thóc để được làm quan.

² Xem chú giải ở trên, năm 757.

³ Các nước ở ngoài Trung Quốc mà thần phục Trung Quốc như: Cao Ly, Bách Lẽ, Thổ Phồn, Đột Quyết, v.v...

"Châu trì" (hồ sản hạt trai) ở phía đông nam huyện Hợp Phố, là nơi người trong quận đến mò hạt châu.

Năm Tân Dậu (841). (Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 1).

Nhà Đường dùng Vũ Hồn làm Kinh lược sứ.

Vũ Hồn đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành; quân lính ở phủ Đô Hộ lại khởi loạn, đốt lầu thành, cướp kho đạn. Vũ Hồn phải chạy về Quảng Châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc dẹp yên đám quân lính làm loạn, Giao Châu mới được yên.

Năm Bính Dần (846). (Đường, năm Hội Xương thứ 6).

Tháng 9, mùa thu. Quân Man Nam Chiếu vào lấn cướp. Kinh lược sứ Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo đánh bại được địch.

Lời chua - Đường thư Bản kỷ chép là "tháng 9 năm Hội Xương thứ 6", Sử cũ chép sai là tháng 7, mùa thu.

Nam Chiếu, theo Lời chua của sách Cương mục (Trung Quốc), gốc tích người Nam Chiếu vốn là giống Man Di ở Ai Lao. Vị trí ở phía tây Diêu Châu. Theo Địa lý chí trong Đường thư, Nam Chiếu ở quận Vân Nam thuộc Diêu Châu, phía đông nam giáp Giao Chỉ, phía tây bắc giáp Thổ Phồn. Tiếng Man gọi vua là Chiếu. Trước kia có 6 Chiếu, tức là: Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đẳng Đạm, Thi Lãng và Mông Xá. Mông Xá ở mãi về phía nam, nên gọi là Nam Chiếu. Đến năm Khai Nguyên (713-741) nhà Đường Nam Chiếu dưới đời Bì La Cáp, mỗi ngày một mạnh lớn thêm lên, còn năm Chiếu kia thì suy yếu đi. Lúc đó, Bì La Cáp mới lấy tiền của đút lót cho tiết độ sứ Kiếm Nam là Vương Dục, xin hợp 6 đất Chiếu làm một. Triều đình ưng theo và đặt tên cho là Quy Nghĩa. Từ bấy giờ chúng mới lấy vũ lực phục được các Man khác, phá được Thổ Phồn, dời sang ở thành Thái Hòa, thành ra sau này Nam Chiếu làm mối lo cho miền biên giới. Theo Đường thư, truyện Nam Chiếu, Nam Chiếu từ năm Khai Nguyên (713-741), Bì La Cáp hợp 6 Chiếu làm một, truyền mãi đến con Phong Hựu là Từ Long, năm Hàm Thông thứ I (860), tiếm xưng đế, đặt niên hiệu là Kiến Cực, gọi tên nước là Đại Lễ, thường sang lấn cướp Giao Châu, bị Cao Biền đánh, thua chạy về nước.

Năm Đinh Sửu (857). (Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 11).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Đường dùng Chu Nhai làm kinh lược sứ.

Khi bấy giờ ở Giao Châu thường hay có giặc cướp ở nơi biên giới, Chu Nhai đang làm hữu can ngưu vệ đại tướng quân, đổi sang làm kinh lược sứ, không bao lâu lại về Quảng Châu.

Năm Mậu Dần (858). (Đường, năm Đại Trung thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường dùng Vương Thúc làm kinh lược đô hộ sứ.

Theo Đường thư, Vương Thúc đang làm thứ sử Tấn Câu, vì có tiếng giỏi, được thăng làm An Nam đô hộ: Người làm đô hộ trước, gặp lúc đang đại hạn, ruộng bị khô, lại làm lũy gỗ¹ (để ngăn ngừa giặc cướp), bắt dân hàng năm nộp tiền. Đã không làm hoàn thành cho kịp thời, lại hạch sách và bắt dân đóng góp rất gắt gao! Đến khi Vương Thúc sang làm đô hộ, Thúc trích lấy tiền thuế một năm mua cây táo gai (cức mộc)², ken làm lũy suốt 12 dặm, bãi bỏ thuế ngoại phụ hàng năm để nhẹ cho thường dân; lại đào hào, rào lũy, ngoài trồng tre gai, giặc cướp không thể vào được. Sau, quân Man cướp Cẩm Điền bộ, Vương Thúc sai người dịch lời mình hiểu dụ họ, một đêm kia quân Man kéo đi, sai người đến tạ rằng: "Chúng tôi tự đến bắt quân Lạc làm phản, chứ không phải làm giặc đâu".

¹ Nguyên văn là "một sách".

² Xem Lời chua ở dưới.

Theo Cương mục (Trung Quốc), Vương Thúc là người có tài năng và mưu lược, khi mới đến phủ, thấy đô hiệu là La Hành Cung đã từ lâu vẫn chuyên giữ chính quyền, số quân tinh nhuệ dưới cờ chỉ huy của hắn có tới hai nghìn người, còn quân của phủ đô hộ chỉ có mấy trăm người gầy yếu. Vương Thúc đến nơi đem Hành Cung ra phạt trượng và cách chức.

Lời chua - Vương Thúc: theo truyện Vương Bá trong Đường thư, Vương Thúc người đất Thái Nguyên, đậu khoa hiền lương phương chính¹ khoảng giữa niên hiệu Đại Trung (847-859), làm thứ sử Tấn Châu, cứu sống được mấy nghìn dân xiêu giạt, vì thế nổi tiếng được thăng làm đô hộ An Nam.

Cúc mộc: Tên một thứ cây, dùng làm lũy, bền được vài mươi năm. Theo lời chua trong Cương mục², khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh, thượng thư Trần Hiệp, khi ở Giao Chỉ tìm được sách An Nam chí (có chép) Vương Thúc đời Đường trồng cây táo gai làm chiến hào chìm³, xung quanh hào trồng tre gai, giặc cướp không xâm phạm được. Nay ở Giao Chỉ có cây táo gai.

Cầm Điền: Chưa biết rõ ở đâu.

Bộ: Tức là bến đò; Cầm điền bộ tức là bến đò Cầm Điền. Theo sách Thanh Xương tạp ký, ở Lĩnh Nam gọi Tân (bến sông) là Bộ.

Tháng 5, mùa hạ. Quân Thổ man đến lấn cướp. Vương Thúc đánh lui được địch.

Theo truyện Nam Chiếu trong Đường thư, trước kia Lý Trác làm kinh lược sứ, khắc nghiệt tham ô, tự tư tự lợi, cứ mỗi đầu muối đổi lấy một con trâu, người Man Di không chịu nổi. Họ liên kết với tướng Nam Chiếu là Đoàn Tù Thiên cướp phủ đô hộ. Họ tự xưng là Bạch Y một mệnh quân (Quân Áo trắng liễu mạng). Lý Trác lại giết tù trưởng người Man là Đổ Tôn Thành; dân chúng Thổ Man đều oán giận, dắt người Nam Chiếu vào cướp vùng biên giới. Vì thế Giao Châu mới xảy ra mối lo ở biên cương; đến đây người Man lại vào cướp. Vương Thúc đánh lui được quân Man.

Tháng 7, mùa thu. Dân Giao Châu nổi loạn, vây phủ thành Vương Thúc bắt giết dân nổi loạn.

Theo sách An Nam kỷ yếu, khi bấy giờ có gian dân⁴ họp nhau làm loạn. Nhân ban đêm, họ đánh trống reo hò, kéo đến vây thành, phao đồn là quan kinh lược sứ Chu Nhai sai đạo binh dưới cờ là Hoàng đầu quân⁵ vượt biển sang đánh úp, xin đưa quan đô hộ⁶ về Bắc (Trung Quốc). Nay ta đến đóng ở thành này để chống lại với Hoàng đầu quân từ Bắc phương kéo sang. Vương Thúc đang ăn cơm; có người khuyên nên lánh đi. Vương Thúc trả lời: "Ta nếu dời chân một chút thì thành này vỡ ngay". Vương Thúc cứ ngồi ăn thong thả đến xong bữa. Đoạn, Vương Thúc đóng áo giáp, đem những kẻ tả hữu lên thành,

¹ Tên một khoa thi để kén nhân tài có từ đời Hán. Khoa thi này chuyên tuyển lấy những người có tài văn học để bổ làm quan. Đời Đường, Tống vẫn còn noi theo.

² Cương mục là một bộ sử Trung Quốc mà sách Cương mục ta theo dùng làm mẫu (xem phần lệt). Sách Cương mục (Trung Quốc), tác giả là Chu Hi đời Tống (thế kỷ XI): thế mà lời chua ở đây lại nói: "Theo lời chua trong Cương mục thì khoảng năm Vĩnh Lạc (1403-1424) đời Minh v.v...". Mới xem, có thể ngờ là không đúng. Nhưng xét kỹ về lại lịch sách Cương mục, ta cũng có thể tin là không sai. Khoảng thế kỷ XI, Chu Hi nhân sách Tự Trị thông giám của Tư Mã Quang làm thành sách Thông giám Cương mục (gọi tắt: Cương mục), phỏng theo lối Xuân thu, chia ra phần cương và phần mục. Sau giao cho học trò là Triệu Sư Uyên làm trọn bộ gồm 59 quyển. Sau nữa Kim Lý Tường làm thêm Tiền Biên. Đến đời Minh, Thương Lạc làm tục Hậu biên. Đến hồi Kiền Long (thế kỷ XVII). Tất Nguyên lại theo lối Tự Trị thông giám làm tiếp từ Tống đến Nguyên, gồm 320 quyển. Sách này tuy không tinh tường bằng sách của Tư Mã Quang, nhưng rất thông dụng.

³ Nguyên văn là "Đường Vương Thúc thụ cúc mộc vì một hào, chu thực chính trúc".

⁴ Theo nghĩa đen, gian dân là người dân không làm ăn chính đáng theo đúng pháp luật.

⁵ Vì ai nấy bịt đầu bằng khăn màu vàng, nên gọi là "Hoàng đầu quân" (theo chú thích của Đại Việt sử ký, quyển 6, tờ 14b) xem thêm Lời chua của Cương mục ở dưới.

⁶ Chỉ Vương Thúc.

kéo cờ đại tướng, ngồi đẩy quả trách dân nổi loạn, thì chúng trở tan chạy. Ngay hôm sau Vương Thức cho bắt và giết hết.

Giao Châu bấy giờ luôn luôn đói kém và loạn lạc, đến nỗi hàng 6 năm không có thuế nộp lên trên, trong quân lính không có khi nào khao thưởng. Vương Thức mới sửa lễ cống, khao các quân sĩ. Từ đấy các nước Chiêm Thành, Chân Lạp đều sai sứ đi lại và trả lại những dân đã cướp đi từ trước.

Lời chua - Hoàng đầu quân: Theo Đường thư, lính thú đóng ở Trung Vũ mặc áo cánh rộng vạt ngắn đầu đội khăn vàng, nên phương nam gọi là Hoàng đầu quân, đó là tứ lính tinh nhuệ trong nước. Lúc đó kinh lược sứ là Chu Nhai đã về Quảng Châu, nên đám dân nổi loạn phao đồn như vậy.

Chiêm Thành: Tức là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.3, 20).

Chân Lạp: Tên nước, ở về phía nam Lâm Ấp. Theo Đường thư, Chân Lạp còn có tên là Cát Miệt (Khơ Me). Chân Lạp vốn xưa là thuộc quốc của Phù Nam, sau năm Thần Long (705-706) đời Đường, chia làm hai: nửa về phía bắc có nhiều gò núi, gọi là Lục Chân Lạp, tức nay là Cao Miên; nửa ở về phía nam liền biển, nhiều hồ, nhiều chằm, nên gọi là Thủy Chân Lạp, nay là sáu tỉnh Nam Kỳ¹.

Năm Canh Thìn (860). (Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Nhà Đường cho Lý Hộ sang làm đô hộ.

Theo Cương mục (Trung Quốc), giặc ở Chiết Đông là Cửu Phủ làm loạn, vua Đường bàn với các quan kén tướng đi đánh, Hạ Hầu Ti nói: "Vương Thức, con nhà nho, trước làm quan ở An Nam, đã có công, có thể dùng được". Vì thế mới vời Vương Thức cho làm Quan sát sứ Chiết Đông, dùng Lý Hộ sang thay Vương Thức làm Đô hộ.

Tháng 12, mùa đông. Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Đô hộ Lý Hộ bỏ châu lỵ chạy.

Theo sách Thông giám, khi Lý Hộ mới đến Đô hộ phủ, giết người tù trưởng dân Man là Đổ Thủ Trừng. Đồng đảng của Thủ Trừng mới xui người Nam Chiếu đánh phá phủ thành, Lý Hộ chạy về Vũ Châu.

Năm Tân Tị (861). (Đường, năm Hàm Thông thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường dùng Vương Khoan làm Kinh lược sứ.

Lý Hộ bị thua, nhà Đường đem quân Ung quản và quân các đạo lân cận sang cứu.

Theo sách Thông giám, Lý Hộ từ Vũ Châu tập hợp lính thổ, kéo về đánh các quân Man, lấy lại được châu thành. Vua Đường trách Lý Hộ về tội bỏ thành trì, giáng chức cho làm tư hộ Đam Châu. Sau đó vua Đường cho rằng họ Đổ của Thủ Trừng hãy còn mạnh lắm, cốt sao nhuế nhóa để mong thu dùng được họ, bèn cho Tôn Thành, cha Thủ Trừng, làm Kim ngô tướng quân. Vua Đường lại quả trách Lý Hộ về tội giết Thủ Trừng, liền đày đi Nhai Châu một thời hạn, lâu dùng phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan sang thay Lý Hộ.

Lời chua - Ung Quản: Tức là Ung Châu một khu vực hành chính do nhà Đường đặt. Theo sách Cương mục tập lãm, quản cũng như phủ.

Đam Châu: Tức là Đam Nhĩ, đời Đường thuộc về đạo Lĩnh Nam. Xem: Triệu Thuật Dương vương, năm Kiến Đức thứ nhất (Tb.2, 4-6).

Đây trở lên, từ năm Tân Dậu, thuộc nhà Lương, niên hiệu Đại Đồng thứ 7, đến năm Tân Tỵ thuộc nhà Đường, niên hiệu Hàm Thông thứ 2, cộng ba trăm hai mươi một năm (541-861).

¹ Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Tiền Biên

Quyển thứ V

Năm Nhâm Ngọ (826). (Đường, năm Hàm Thông thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Nam Chiếu lại vào lấn cướp. Nhà Đường cho Thái Tập sang làm kinh lược sứ, đem quân chống nhau với quân Nam Chiếu.

Theo Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chiếu vào lấn cướp, Vương Khoan nhiều lần cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường dùng Thái Tập, nguyên quan sát sứ Hồ Nam, sang thay Vương Khoan, vẫn điều động quân các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, tất cả là ba vạn người, giao cho Thái Tập để chống nhau với Nam Chiếu. Thế lực quân Đường đã mạnh, người Man phải rút lui.

Lời chua - Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc: **Tên tám châu (Trung Quốc).**

Tháng 5, mùa hạ. Nhà Đường chia đất Lĩnh Nam làm hai đạo; Đông và Tây. Dùng Vi Trụ và Thái Kinh sang làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), tả thứ từ¹ Thái Kinh có tính tham tàn, hay dối trá. Tể tướng bấy giờ tưởng hẳn là người có tài cai trị, tâu xin cho Kinh đi khu xử các việc ở Lĩnh Nam. Đất Lĩnh Nam trước kia chia làm năm quản² là Quảng, Quế, Ung, Dung và An Nam, đều lệ thuộc Lĩnh Nam. Theo lời tâu xin của Thái Kinh, nhà Đường chia Quảng Châu làm Đông Đạo, Ung Châu làm Tây Đạo, giao cho Vi Trụ và Thái Kinh mỗi người coi một đạo. Thái Tập bấy giờ cầm quân các đạo đóng ở An Nam. Thái Kinh ghen ghét, sợ Thái Tập lập công, bèn tâu với vua Đường rằng quân Man đã lánh xa, nơi biên viễn không có gì đáng lo ngại, xin bãi bỏ lính thú. Vua Đường nghe theo lời Thái Kinh. Thái Tập nhiều lần tâu rằng quân Man vẫn rình chỗ sơ hở của ta, không thể không có quân đóng để phòng bị; vậy xin lưu lại năm nghìn quân. Vua Đường không nghe. Thái Tập có làm bài trạng nói mười điều tất chết gửi lên tòa Trung thư. Tể tướng lúc đó cả nghe lời Thái Kinh, không xét gì lời trạng cả. Thái Kinh cai trị làm nhiều điều hà khắc thâm hại. Nhân dân khắp nơi ai cũng ta oán. Rồi bị quân sĩ đuổi đi, Kinh phải giáng chức làm tư hộ Nhai Châu, nhưng hẳn không chịu đến Nhai Châu nhận chức, khi hẳn về đến Linh Lăng, vua Đường hạ lệnh bắt phải tự tử.

Lời chua - Quảng, Quế: Sử cũ chép sai là Liêm, Quế. - Vi Trụ: Người Vạn Niên thuộc Kinh Triệu. Theo truyện Vi Đan trong Đường thư, con Đan là Trụ được thăng làm tiết độ sứ Lĩnh Nam.

Năm Quý Mùi (863). (Đường, năm Hán Thông thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nam Chiếu đánh phá phủ đô hộ. Kinh lược sứ Thái Tập và ngu hộ Nguyên Duy Đức đều bị chết.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), nước Nam Chếu thống suất quân các Man gồm năm vạn người đến lấn cướp. Thái Tập cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường hạ sắc điều động hai nghìn quân ở Kinh, Hồ và ba nghìn quân ở Quế Quán sang cứu viện. Các quân ấy chưa đến nơi, Nam Chiếu đã vây thành phủ; quân cứu viện không tới được, thành liền bị phá. Thái Tập quanh mình không còn ai, đi bộ gắng sức cố đánh, khắp mình bị mười mũi tên. Tập muốn chạy xuống thuyền giám quân, thì thuyền đã lìa khỏi bờ, liền nhảy xuống sông chết. Các tướng sĩ Kinh Nam hơn 400 người, chạy đến bến nước ở phía

¹ Một chức quan đời Đường.

² Năm khu vực hành chính, giống như năm phủ.

đông thành; ngu hậu là Nguyên Duy Đức bảo mọi người: "Bọn ta không có thuyền, xuống nước thể nào cũng chết, chi bằng quay lại cùng đánh nhau với quân Man, cứ một mạng đổi lấy hai quân Man, cũng vẫn có lợi". Nói xong, liền kéo về phía thành, tung quân ra giết được hơn hai nghìn người Man. Đêm đến, tướng Man là Dương Tư Tấn kéo ra tiếp cứu, bọn Duy Đức bị thua trận bị chết. Nước Nam Chiếu hai lần đánh phá phủ đô hộ, vừa giết vừa bắt làm tù binh tổng số đến mười lăm vạn người. Chúng lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng là Dương Tư Tấn ở lại giữ thành phủ. Các Di, Lạc ở miền Khê động đều đầu hàng chúng.

Lời chua - Theo sách Điền tá ký của Dương Thận, năm Hàm Thông thứ 4 (863) đời Đường, người Nam Chiếu là Mông Thế Long cướp Giao Chỉ, vừa giết vừa bắt làm tù binh gần mười lăm vạn người, lưu lại hai vạn quân Man, sai tướng của chúng là Dương Tư Tấn ở lại chiếm đóng. Các Di, Lạc ở miền Khê động đều ra hàng cả. Đến năm Hàm Thông thứ 5 (864), chúng lại sang cướp Ung Châu, bị thua, rút về. Năm Hàm Thông thứ 7 (866), tiết độ sứ Cao Biền đánh phá tan hẳn, Giao Chỉ lại yên. Xem thể thì Nam Chiếu lúc bấy giờ là Nam Chiếu dưới thời Mông Thế Long.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Đường bãi bỏ phủ đô hộ, đặt ra Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn; dùng Tống Nhung làm thứ sử, Khang Thừa Huấn giữ chức kiêm Lĩnh Nam chư quân hành doanh.

Theo sách An Nam kỷ yếu, bấy giờ Nam Chiếu đánh phá phủ thành, nhà Đường gọi quân các đạo về giữ Lĩnh Nam Tây Đạo, bãi bỏ phủ đô hộ, đặt Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn, dùng hữu giám môn vệ tướng quân Tống Nhung làm chức Hành Giao Châu thứ sử, Vũ Nghĩa tiết độ sứ Khang Thừa Huấn kiêm tiết độ sứ Lĩnh Nam và chư quân hành doanh.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Khang Thừa Huấn đến Ung Châu, không đặt quân xích hậu¹. Khi Nam Chiếu đem sáu vạn người sắp tiến vào địa giới, Thừa Huấn sai quân ra chống cự, thì cả tám nghìn người trong năm đạo quân đều bị chết, duy có quân Thiên Bình đến sau được thoát. Thừa Huấn không biết xoay xử ra sao. Phó sứ Lý Hành Tố đem quân sửa hào lũy vừa mới xong; quân Man bỗng vây đến bốn ngày. Lúc khí giới chuẩn bị gần đủ, các tướng xin: đêm đến, chia từng đạo quân đánh phá đánh phá vào doanh trại quân Man. Khang Thừa Huấn không nghe. Có viên tiểu hiệu trong quân Thiên Bình, hai ba lần cố tranh cãi, Thừa Huấn mới chịu nghe. Viên tiểu hiệu này đem ba trăm dũng sĩ đang đêm dòng dây từng người một ra khỏi thành, phóng lửa đốt các dinh trại quân Man, chém được hơn năm trăm thủ cấp. Quân Man phải cởi vòng vây, rút đi. Khang Thừa Huấn mạo nhận lấy công ấy, tâu tin thẳng trận lên triều đình. Nhà Đường thăng Thừa Huấn lên chức kiêm hiệu hữu bộc xạ, các con em thân cận của hắn đều được tâu là có công và đều được thưởng. Còn viên tiểu hiệu có công đốt dinh trại địch không được thăng một cấp bậc nào cả. Vì thế, trong quân ai cũng oán giận.

Lời chua - Khang Thừa Huấn: Theo truyện Khang Nhật Tri trong Đường thư, Thừa Huấn là người Linh Châu, con Khang Nhật Tri. Vì ông cha có công, Thừa Huấn được bổ làm quan, dần lên đến chức hữu thần vũ tướng quân, thăng làm Vũ Nghĩa tiết độ sứ, rồi đổi sang Lĩnh Nam Tây Đạo.

Hải Môn: Theo Thanh nhất thống chí, trấn Hải Môn ở cách 15 dặm về phía tây huyện Bác Bạch thuộc châu Uất Lâm bây giờ, xưa kia là đường đi vào đất An Nam. Cao Biền luyện tập quân lính ở đó, và từ đấy tiến quân lấy lại An Nam. Có người bảo Hải Môn trấn ở Hải Dương, đó là nhận lầm chữ Hải Môn là nơi cửa biển (hải môn) mà Ngô Quyền trồng cọc để đánh Hoảng Tháo.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường lại đặt phủ đô hộ ở Hành Giao Châu; dùng Tống Nhung làm kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông sang đóng giữ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), quân các đạo nhà Đường sang cứu viện An Nam thường tụ tập đóng đồn ở Lĩnh Nam, việc vận tải lương thực vừa nhọc vừa tốn. Trần Bàn Thạch, người Nhuận

¹ Quân do thám binh tình bên địch, tức là tình báo.

Châu, dâng sớ xin đóng thứ thuyền lớn trọng tải được nghìn斛, để trở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển không đầy một tháng đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, nên lương ăn của quân lính mới đầy đủ. Nhưng các quan cứ mượn tiếng "hòa cô"¹, chiếm đoạt thuyền buôn, khi đi ra biển, có chiếc bị sóng gió làm chìm đắm thì viên chức có trách nhiệm lại giam giữ viên cương lại² và bắt người chủ thuyền phải đền số gạo bị mất. Người ta phải khổ về việc này.

Lời chua - Cương Lại: Cũng như Cương Điền, theo lời chua của Cương mục tập lãm, là Lại Viên giữ giấy má sổ sách về việc chở lương thực.

Năm Giáp Thân (864). (Đường, năm Hàm Thông thứ 5).

Nhà Đường dùng tổng quản kinh lược sứ Trương Nhân kiêm giữ cả các công việc Giao Châu.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), bấy giờ Nam Chiếu lần cướp Ung Châu, quan quân nhà Đường thua thiệt nặng. Thừa Huấn mạo nhận có công, được thăng chức Kiểm hiệu Lĩnh Nam tiết độ. Vì Trụ biết rõ việc làm của Thừa Huấn, viết thư trình bày lên tể tướng. Nhà Đường bèn bãi chức Thừa Huấn, dùng Trương Nhân sang thay, và thêm ba vạn năm nghìn quân cho trấn Hải Môn, sai Trương Nhân tiến lấy thành phủ đô hộ.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Đường dùng Cao Biền làm đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Trương Nhân dùng dăng không chịu tiến quân Hạ Hầu Ti tiến cử Kiêu Vệ tướng quân Cao Biền sang thay; Trương Nhân giao lại cho Cao Biền tất cả những quân mà Nhân đã coi quản.

Lời chua - Cao Biền: Theo truyện Cao Biền trong Đường thư, Biền, tiểu tự là Thiên Lý, người U Châu, là cháu Sùng Vãn, một nhà truyền đời làm quân Cấm Vệ. Cao Biền, từ khi còn nhỏ, rất chịu khó trau dồi về văn học. Giao du với các nho sĩ, Biền bàn luận đường lối chính trị một cách rành ròi. Những người trong hai quân Cấm, Vệ³ lại càng khen ngợi Biền. Biền theo hầu Chu Thúc Minh, làm tư mã⁴. Bấy giờ có hai con chim diều (thuộc loại chim cắt) đang song song bay với nhau, Cao Biền giương cung định bắn và khẩn: "Nếu ta sau này làm nên sang cả, thì bắn trúng nhé!". Khẩn rồi bắn một phát trúng cả đôi. Mọi người đều quá đỗi kinh ngạc, nhân thế gọi Biền là Lạc Diều thị ngự (quan thị ngự bắn rơi chim diều). Biền làm quan, được thăng dần đến hữu thần sách đô ngu hậu, vì có công, lại được thăng làm phòng ngự sứ Tấn Châu. Hồi Nam Chiếu đánh phá Giao Châu, Biền được cử sang thay Trương Nhân đánh Nam Chiếu.

Hạ Hầu Ti: Theo truyện Lưu Triện, Hạ Hầu Ti tên tự là Hiếu Học, người đất Tiêu thuộc Bạc Châu.

Năm Ất Dậu (865). (Đường, năm Hàm Thông thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Cao Biền tiến quân sang Phong Châu, đánh và phá tan được quân Man.

¹ Thuê mượn bằng điều kiện hai bên cùng thỏa thuận.

² Xem Lời chua ở dưới của Cương mục.

³ Nguyên văn theo Đường thư chép là "lưỡng quân trung nhân" (người trong hai quân). Đến chỗ Lời chua lại dẫn Cương mục (Trung Quốc), nêu dị đồng: "Lưỡng kinh hoạn quan" (quan thị ở hai kinh đô Trường An và Lạc Dương). Chúng tôi tham khảo các bản sử khác, thấy sử Toàn thư ngoại kỷ, 5, 12b chép là "quân trung chi nhân" (người trong quân đội) và Đại Việt sử ký, Ngoại kỷ 6, 18a cũng chép là "lưỡng quân trung nhân". Cho nên chúng tôi dịch là người trong hai quân Cấm, Vệ (tức Vệ binh và Cấm quân). Vì đời Đường bấy giờ chia quân Cấm Vệ làm hai: Nam Nha và Bắc Nha. Nam Nha gọi là Vệ binh, Bắc Nha gọi là Cấm quân.

⁴ Quan chế đời Đường, các tiết độ sứ đều có hành quân tư mã, và ở mỗi châu lại có đặt một tư mã, cấp bậc bằng chức đồng tri phủ đời sau. Vệ chức tư mã Cao Biền làm đây chỉ là hành quân tư mã, chứ không phải là tư mã trong tam công.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Cao Biền đang rèn luyện quân lính ở trấn Hải Môn, chưa tiến quân; giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn hại Biền, nên nhiều lần cứ thúc Biền tiến quân. Biền đem hơn năm nghìn người vượt biển đi trước, hẹn Duy Chu cho quân tiếp ứng viện trợ cho. Khi Biền đem quân đi rồi, Duy Chu giữ chặt quân còn lại, không chịu điều động xuất phát. Tháng chín, quân Cao Biền đến Nam Định¹, thấy dân Man Phong Châu ngót năm vạn người đang gặt lúa ở đồng ruộng, Biền ập lại đánh tan được, chém được Man tướng là bọn Trương Thuyên, thu lấy lúa của dân đã gặt để làm lương ăn cho quân.

Lời chua - Nam Định: Theo Địa lý chí trong *Đường thư*, Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 (621), thuộc Giao Châu. Theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử đời Tống, ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu. Theo Thanh nhất thống chí, núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Nay xét núi Đông Cứu ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, vậy huyện Nam Định phải ở địa giới Gia Lâm và Gia Bình.

Phong Châu: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 2).

Năm Bính Tuất (866). (Đường, năm Hàm Thông thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Cao Biền đánh lấy lại được thành Giao Châu. Nhà Đường thăng cho Biền lên chức kiểm hiệu Công bộ Thượng thư.

Theo *Đường thư*, bấy giờ thủ lĩnh man Nam Chiếu tên là Tù Long, bỏ Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ ở Thiên Xiển, sai Dương Tập Tư giúp Tù Thiên sang lấn cướp, cho Phạm Ni Ta làm phủ đô thống, Triệu Nặc Mi làm đô thống ở Phù Da.

Theo sách *Cương mục* (Trung Quốc), Cao Biền tiến quân thường đánh phá được quân Nam Chiếu. Những tin thắng trận ấy gửi đến trấn Hải Môn đều bị Duy Chu dìm đi cả. Chu lại tâu với vua Đường rằng Biền có ý nuông giặc, không chịu tiến quân. Vua Đường nổi giận, muốn giáng chức Cao Biền, dùng hữu vũ vệ tướng quân Vương An Quyền sang thay và gọi Biền về triều. Ngày tháng ấy, Biền lại đánh thắng quân Nam Chiếu được một trận lớn, vừa giết vừa bắt được nhiều lắm, rồi bao vây thành Giao Châu đến hơn mười ngày; quân Man bị khốn quẫn lắm. Khi thành sắp sửa bị hạ thì Biền nhận được công văn của Vương An Quyền cho biết rằng An Quyền đã cùng với Duy Chu đem đại quân do cửa biển xuất phát rồi. Biền lập tức giao việc quân cho Vi Trọng Tế, rồi cùng với hơn trăm người thủ hạ trở về Bắc. Trước đây, tiểu sứ Vương Tuệ Tán do Trọng Tế sai phái và tiểu hiệu Tăng Cổn do Cao Biền cất cử, cùng nhau đem thư báo tin thắng trận về tâu với vua Đường. Khi đi trên biển, hai người trông thấy bóng cờ từ phía đông sang, hỏi những thuyền đi biển, họ cho biết đây là quan kinh lược mới² và quan giám quân³ sang đây. Hai người bàn nhau: Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu này của ta. Họ liền cùng nhau trốn vào trong hải đảo, đợi Duy Chu đi khỏi, lập tức lên đường đi gặp về kinh đô. Vua Đường nhận được sớ biểu, mừng lắm, thăng chức cho Cao Biền lên kiểm hiệu Công bộ thượng thư, lại cho trở lại trấn. Bấy giờ, Cao Biền mới đến trấn Hải Môn, lại trở lại. An Quyền là người mờ tối biếng nhác, Duy Chu là người tàn ác, tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên đã bỏ lỏng vòng vây, quân Man trốn thoát mất quá nửa. Cao Biền khi đến nơi, lại đốc thúc tướng sĩ đánh và hạ được thành, chém hơn ba vạn thủ cấp, giết được Tù Thiên và thổ man là Chu Cổ Đạo đã làm người dẫn đường cho quân Nam Chiếu. Quân Nam Chiếu phải chạy trốn. Cao Biền lại phá được hai động thổ mán hòa theo Nam Chiếu và giết những tù trưởng của họ. Các thổ mán khác đem dân chúng đến quy phục với Cao Biền có tới một vạn bảy nghìn người.

Lời chua - Thiên Xiển: Theo Nam Man truyện trong *Đường thư*, Thiên Xiển là một kinh đô của nước Nam Chiếu, ở về phía tây bắc Giao Châu.

¹ Có bản chép không có chữ Nam Định.

² Chỉ Vương An Quyền.

³ Chỉ Lý Duy Chu.

Phù Da: Theo Thanh nhất thống chí, phủ An Nam đô hộ có huyện Phù Da thuộc châu Vũ Định. Lại theo Vân Nam cổ tích, Vân Nam có thành Phù Da ở huyện La Thứ¹.

Tháng 11, mùa đông. Giặc Man đã dẹp yên. Nhà Đường đặt Tĩnh hải quân, dùng Cao Biên làm tiết độ sứ.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), kể từ khi Lý Trác sách nhiễu nhân dân, dân các Man nổi lên gần 10 năm; đến nay mới bình định xong, nhà Đường đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam, dùng Cao Biên làm tiết độ sứ. Bắt đầu từ đây, An Nam đổi tên là Tĩnh Hải quân tiết trấn.

Cao Biên vào ở phủ lý, đắp Đại La thành.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Biên đắp Đại La thành, và làm ra sổ sách chép rõ bờ cõi, số lính thú trong trấn và các thuế má cống nạp. Người Giao Châu kính sợ Cao Biên, gọi Biên là Cao vương.

Sử cũ chép: La Thành của Cao Biên đắp chu vi một nghìn chín trăm tám mươi hai trượng linh trăm thước (1982 trượng, 5 thước)²; thân thành cao hai trượng, sáu thước (2 trượng, 6 thước); chân thành rộng hai trượng, năm thước (2 trượng, 5 thước); nữ tường³ bốn mặt cao năm thước, năm tấc (5 thước 5 tấc); năm mươi năm lâu vọng địch; sáu nơi úng môn⁴, ba cái hào nước, ba mươi tư đường đi. Lại còn đắp con đê vòng quanh ngoài thành dài hai nghìn một trăm hai mươi năm trượng, tám thước (2125 trượng, 8 thước), đê cao một trượng, năm thước, chân đê rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà.

Cao Biên đi tuần xem xét đến hai châu Ung, Quảng thấy trên đường biển có nhiều đá mọc ngầm, làm cho việc vận tải lương thực không được thông đồng. Biên sai trưởng sử là Lâm Phúng và Hồ Nam tướng quân là Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn một nghìn người đi khai đào. Lúc đi, Biên có dụ bảo họ rằng: "Đạo trời thường giúp lẽ phải, thần linh hay phò người ngay. Bây giờ đi khai đường biển để giúp đời sống cho nhân dân, nếu ta không vụ lợi riêng thì việc làm có gì là khó?". Lâm Phúng ra đi, khởi công làm việc khơi đục, giữa vơi vấp phải có hai hòn đá lớn đặng đặng dài đến mấy trượng, riu búa đục mãi cũng không ăn thua gì, tự nhiên có sấm sét đánh luôn mấy trăm tiếng: tảng đá lớn đều bị vỡ tan. Về phía tây lại có hai hòn đá lớn mọc sừng sững đối nhau, các thợ đều phải bó tay. Thế rồi lại có sấm sét đánh như trước, làm tan cả ra. Đường biển do đấy mới được thông đồng. Nhân thế gọi tên nơi ấy là Thiên Uy cảng (cảng oai trời).

Lời phê - Nay xét: trong Đường thư, Cao Biên bị liệt vào truyện Bạt thần⁵; do vì Biên ăn ở hai lòng, nên mắc phải tai vạ, chứ có gì đáng khen! Còn như việc dẹp yên Nam Chiếu chẳng qua chuyên nhờ oai võ mà thẳng được chúng đó thôi. Con sông mà Biên đứng đào nay ở vào đâu cũng không biết rõ. Nếu bảo ở tỉnh Nghệ An bây giờ thì vẫn còn nghẽn tắc, nào đã thông suốt được đâu? Lời Sử cũ chép đây so với lời truyện Cao Biên trong Đường thư khen là thần tiên cũng chỉ là một lối hoang đường tầm bậy giống nhau mà thôi. Vậy mà Sử cũ khen việc Biên đào cảng là được trời giúp, tưởng cũng là chuyện nghe theo truyền văn mà vội tin đấy.

Lời cần án - Đại La ở Long Biên là cái thành do Trương Bá Nghi nhà Đường đã đắp trước, Triệu Xương, Lý Nguyên Gia tiếp tục sửa đắp lại, chứ không phải bắt đầu từ Cao Biên. Sử cũ chép rằng Cao Biên đắp La Thành, làm nhà cửa có tới hơn bốn mươi vạn gian, tưởng cũng là lời truyền văn không đúng sự thực e khó tin được hết cả. Sử cũ lại chép: "Cao Biên đi tuần xem xét Ung Châu và Quảng Châu, khơi thông đường biển, gọi là Thiên Uy cảng". Nay xét Địa lý chí trong Đường thư, ở huyện Bắc Bạch có cái ghềnh Bắc thú (Bắc thú than). Khoảng giữa niên hiệu Hàm Thông (860-873) nhà Đường, Cao

¹ Huyện La Thứ nay thuộc đạo Diên Trung tỉnh Vân Nam (Tứ Nguyên, Tập mùi, trang 106).

² Một trượng là 10 thước, mỗi thước Trung Quốc bằng 0 m 3333; vậy một trượng bằng: 0,3333 x 10 = 3 m 33.

³ Bức tường nhỏ đắp trên tường thành lớn: đê con chạch đắp trên mặt đê tức là một thứ nữ tường.

⁴ Thứ thành đắp vòng ngoài cửa thành. Nghĩa đen chữ "úng môn" là nơi cửa có thành đắp đê để bảo vệ.

⁵ Phần tiểu sử những bầy tôi phản nghịch.

Biên mộ người đục phẳng những đá mọc ngầm để cho thuyền bè được thông đồng qua lại. Theo **Thanh nhất thống chí**, huyện Bác Bạch nay thuộc châu Uất Lâm. Vậy thì nơi mà Cao Biền khơi đục không phải ở địa giới nước ta. Có người bảo đó là Thiết Cảng ở Nghệ An, vì nó có tên nữa là Thiên Uy cảng; nhưng không phải. Việc **Sử cũ** chép đó e cũng không đúng. Nay xin lược bớt, ghi phụ sơ qua ở đây để tiện tham khảo.

Lời chua - Đại La Thành: Thành này do Trương Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 (767) đời Đường; năm Trinh Nguyên thứ 7 (791), Triệu Xương đắp thêm; năm Nguyên Hòa thứ 3 (808), Trương Chu lại sửa đắp lại; năm Trường Khánh thứ 4 (824), Lý Nguyên Gia đời phủ trị tới bên sông Tô Lịch, đắp một cái thành nhỏ, gọi là La Thành; năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đắp ngoài thành bao quanh "kim thành"¹, cũng gọi tên là La Thành. Theo Thanh nhất thống chí thành Đại La ở ngoài phủ thành Giao Châu, quận trị Giao Chỉ đời Hán, phủ trị đô hộ đời Đường đều ở đấy. Lâu ngày đổ nát, vết cũ khó xét thấy. Đó tức là những lũy đất ở bốn mặt ngoài tỉnh thành Hà Nội ngày nay. Những thành đất mà các đời Lý, Trần về sau đã sửa đắp nhiều lần, tục cũng gọi là La Thành. Nếu bảo đấy là vết thành cũ của Cao Biền thì thật không đúng.

Năm Ất Mùi (875). (Đường, Hi Tông, năm Kiên Phù thứ 2).

Nhà Đường đổi Cao Biền đi làm tiết độ sứ Tây Xuyên, dùng Cao Tâm sang thay.

Theo sách An Nam kỷ yếu, Cao Tâm là cháu họ Cao Biền, đã từng làm tiên phong, xông pha tên đạn, nêu gương mẫu cho các quân sĩ. Cao Biền tiến cử Cao Tâm sang thay cho mình. Vua Đường nghe theo. Cao Biền ở phủ đô hộ tất cả được chín năm.

Năm Canh Tí (880). (Đường, năm Quảng Minh thứ 1). Tháng 3, mùa xuân. Quân phủ đô hộ nổi loạn. Tiết độ sứ Tăng Cồn phủ dụ được yên.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Tăng Cồn làm chức tiểu hiệu dưới quyền Cao Biền, Tăng Cồn là người giỏi về chính trị. Khoảng giữa niên hiệu Kiên Phù (874-879), nhà Đường dùng Tăng Cồn thay Cao Tâm làm tiết độ sứ. Năm này (880) quân trong phủ nổi loạn, các thuộc hạ xin Tăng Cồn rút ra ngoài thành để lánh nạn. Cồn không nghe, đem điều uy đức ra phủ dụ: quân nổi loạn yên ngay, đến quy phục với Cồn. Cồn không nhắc hỏi đến lỗi của họ nữa. Vì thế, trong số quân các đạo đi thú ở Ung Quán hể ai theo về với Cồn thì đều được dung nạp cả. Tăng Cồn là người có tiếng khéo vỗ về cai trị nhân dân, được người Giao Châu gọi là "ông thượng Tăng" (Tăng thượng thư). Cồn có soạn sách Giao Châu ký lưu hành ở đời. Cồn làm việc ở trấn 14 năm. Đến đời Đường Chiêu Tông, năm Cảnh Phúc thứ 1 (892), Chu Toàn Dục mới sang thay Cồn làm tiết độ sứ.

Lời cần án - **Sử cũ** chép quân trong phủ nổi loạn, tiết độ sứ Tăng Cồn trốn ra ngoài thành. Nay xét Tăng Cồn là người có tiếng về chính trị, e **Sử cũ** chép lầm chằng, nên nay căn cứ vào sách An Nam kỷ yếu của Cao Hùng Trưng mà cải chính lại.

Năm Bính Dần (906). (Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Đường gia phong chức đồng bình chương sự² cho quan Tĩnh Hải quân tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ.

Họ Khúc là một họ lớn lâu đời ở Hồng Châu. Thừa Dụ, tính khoan hòa, hay thương người, được dân chúng suy tôn.

Gặp thời buổi loạn lạc, nhân danh là hào trưởng một xứ, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ và xin mệnh lệnh với nhà Đường; nhân thế vua Đường cho làm chức ấy.

Lời chua - Theo sách Thông giám, tháng giêng năm Thiên Hựu thứ 3 (906), nhà Đường gia phong cho Thừa Dụ chức đồng bình chương sự. Sách Văn Đài loại ngữ, Lê

¹ Ý nói thành lũy kiên cố như đúc bằng loài kim vậy.

² Chức quan đứng vào hàng đầu triều, tương đương với Tế tướng. Ở đây là gia thêm.

Quý Đôn chép: Thừa Dụ tức là Khúc Tiên chúa. Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ đều là con cháu.

Hồng Châu: Tên đất xưa, đời Lê là hai phủ Thượng Hồng và Hạ Hồng, nay là hai phủ Bình Giang và Ninh Giang, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Năm Đinh Mão (907). (Đường, năm Thiên Hựu thứ 4; Lương, Thái Tổ, năm Khai Bình thứ 1).

Khúc Thừa Dụ mất, con là Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Khúc Hạo nhờ vào cơ nghiệp cũ, giữ lấy La Thành, tự xưng là tiết độ sứ, chia đặt các lộ, phủ, châu, và xã ở các xứ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng¹, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch; lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị. Nhân dân đều được yên vui. Khi đó, nhà Lương dùng tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ẩn kiêm lĩnh chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và phong cho tước Nam Bình vương. Lưu Ẩn giữ thành Phiên Ngung. Khúc Hạo giữ Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ, hai bên chực thôn tính lẫn nhau.

Lời chua - Khúc Hạo: Theo sách An Nam kỷ yếu, Khúc Hạo người Giao Chỉ. Cuối đời Đường, Khúc Hạo làm tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tổn: đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt mỗi giáp một quản giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Khúc Hạo giữ chức tiết độ sứ được bốn năm thì mất. Nay xét việc chép trong An Nam kỷ yếu có hơi khác với lời Sử cũ, xin ghi cả hai để tham khảo.

Quảng Châu: Tên đất, đặt từ đời Ngô. Xem Lương, Đại Đồng năm 7 (Tb.4, 2).

Phiên Ngung: Xem Triệu Vũ vương, năm thứ nhất (Tb.I, 19).

Năm Đinh Sửu (917). (Lương, Mạt đế, năm Trinh Minh thứ 3).

Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ sang thông hảo với nhà Nam Hán.

Khi bấy giờ Lưu Ẩn đã chết, em là Lưu Nham nối ngôi đặt quốc hiệu là Hán, niên hiệu là Kiến Hanh. Đó là nhà Nam Hán. Khúc Hạo sai Thừa Mỹ sang Nam Hán kết mối hòa hảo. Thực ra, đó là mượn tiếng hòa hảo để dò xét tình hình hư thực.

Khúc Hạo mất, con là Thừa Mỹ lên thay.

Năm Kỷ Mão (919). (Lương, năm Trinh Minh thứ 5).

Nhà Lương trao chức tiết độ sứ cho Khúc Thừa Mỹ.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin lĩnh "tiết việt"²; nhân thế, nhà Lương cho làm tiết độ sứ, coi quản Giao Châu.

Năm Quý Mùi (923). (Lương, năm Long Đức thứ 3; Đường, Trang Tông, năm Đồng Quang thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Chúa Nam Hán là Lưu Cung sai Lý Khắc Chính sang xâm lấn. Khúc Thừa Mỹ đánh chống lại, không được, bị bắt.

Theo sách An Nam kỷ yếu, trước kia, Lưu Cung nghe nói Thừa Mỹ đã nhận "tiết việt" của nhà Lương, giận lắm, sai tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh, bắt được Thừa Mỹ đưa về.

Lời chua - Chúa Nam Hán trước tên là Nham, sau đổi là Cung là vì có điềm "rồng trắng" hiện hình. Về sau cho tên Cung không lợi, lại đổi là Yêm, nghĩa là có vẻ cao sáng vì lấy nghĩa "rồng bay trên trời".

¹ Tá tức như phó, có nhiệm vụ giúp việc cho viên chánh lệnh trưởng.

² "Tiết" nghĩa là cờ tiết mao; "việt" nghĩa là lưỡi búa lớn có cán dài. Khi xưa, một ông vua phong ai làm đại tướng thì giao cho hai thứ ấy để làm tượng trưng cho sự thay quyền mình. Do đó, chữ "tiết việt" đã trở nên danh từ và các đồ vật ban cho ai khi cho người ấy làm một chức quan to, đầu một xứ.

Nha tướng¹ của Khúc Hạo là Dương Diên Nghệ nổi quân đánh đuổi Lý Khắc Chính.

Theo sách An Nam kỷ yếu, chúa Nam Hán sau khi bắt được Thừa Mỹ, sai tướng là Lý Tiến sang làm thứ sử, cùng với Khắc Chính đóng giữ Giao Châu. Dương Diên Nghệ lấy tư cách là tướng cũ của Khúc Hạo, tập hợp quân sĩ, đánh bại Khắc Chính. Khắc Chính phải chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán ý muốn chiêu dụ, tạm phong tước vị cho Diên Nghệ. Chúa Nam Hán bảo những kẻ tả hữu mình rằng: "Dân Giao Châu thích nổi loạn, ta chỉ có thể cơ mi² được thôi".

Lời chua - Dương Diên Nghệ: Người Ái Châu. Sách An Nam kỷ yếu chép là Đình Nghệ. Nay theo sách Cương mục (Trung Quốc) đổi lại là Diên Nghệ.

Năm Tân Mão (931). (Hậu Đường, Minh Tông, năm Trường Hưng thứ 2).

Tháng 12, mùa đông. Dương Diên Nghệ đánh đuổi Lý Tiến, giết Trần Bảo, lấy lại Giao Châu, tự xưng là tiết độ sứ.

Trước kia, Diên Nghệ vẫn có chí định khôi phục Giao Châu có nuôi ba nghìn tráng sĩ làm nha binh³. Lý Tiến biết việc đó, cho người gấp về báo với chúa Nam Hán. Diên Nghệ liền kéo quân vây đánh Lý Tiến. Chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo đem quân sang cứu. Quân Trần Bảo chưa đến nơi thì thành đã bị đánh phá, Lý Tiến phải trốn về. Trần Bảo đến nơi, cho quân vây thành; Diên Nghệ ra đánh, Trần Bảo bị thua và chết. Diên Nghệ tự xưng là tiết độ sứ, quản lĩnh công việc Giao Châu.

Năm Đinh Dậu (937). (Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nha tướng của Dương Diên Nghệ là Kiều Công Tiện giết Diên Nghệ và lên thay Diên Nghệ.

Lời chua - Kiều Công Tiện: Theo sách An Nam kỷ yếu, Tiện là người Phong Châu.

Năm Mậu Tuất (938). (Tấn năm Thiên Phúc thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. Một nha tướng khác của Diên Nghệ là Ngô Quyền khởi binh, đánh giết Kiều Công Tiện. Chúa Nam Hán, Lưu Cung sai con là Hoảng Tháo sang cứu viện. Ngô Quyền đón đánh ở sông Bạch Đằng: quân Nam Hán bị thua, Hoảng Tháo bị chết đuối.

Ngô Quyền, người xã Đường Lâm, thuộc dòng quý tộc đã lâu đời, cha là Mân trước làm quan mục ngay châu nhà. Khi Ngô Quyền mới sinh, có điềm sáng rực cả nhà, trạng mạo đặc biệt khác thường, trên lưng có ba nốt ruồi đen. Người xem tướng lấy làm lạ, bảo rằng sau này có thể làm chúa một phương. Vì thế mới gọi tên là Quyền. Khi Quyền lớn lên, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như chớp, chân bước khoan thai như dáng con hổ, có trí dũng, sức khỏe cất nổi cái vạc, làm nha tướng của Diên Nghệ. Diên Nghệ gả con gái cho. Ngô Quyền coi giữ Ái Châu. Khi Công Tiện giết Diên Nghệ, Ngô Quyền đem quân từ Ái Châu ra đánh, giết được Công Tiện.

Theo sách Cương mục (Trung Quốc), Công Tiện sai sứ đem của đút lót cho chúa Nam Hán để xin cứu viện. Chúa Nam Hán là Lưu Cung định nhân dịp rối loạn ấy sang lấy Giao Châu, mới cho con là Vạn vương Hoảng Tháo làm Giao vương, đem quân sang cứu Công Tiện. Lưu Cung có hỏi Sùng Văn sứ là Tiêu Ích về sách lược; Tiêu Ích trả lời: "Hiện này mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi; Ngô Quyền lại là người giỏi lắm, chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến". Lưu Cung không nghe, sai Hoảng Tháo đem thuyền chiến kéo thẳng sang đánh Giao Châu. Khi ấy, Ngô Quyền đã giết được Công Tiện, đem quân đón đánh. Trước hết lấy các cọc gỗ đầu đẽo nhọn và bịt sắt trồng ngầm ở cửa biển, nhân lúc nước triều lên cho các thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Hoảng Tháo đuổi đánh, thành linh nước triều rút cạn, thuyền chiến mắc phải cọc bịt sắt, không trở về được: quân Nam Hán bị thua to, Hoảng Tháo bị chết đuối.

¹ Xem chú giải ở trên, năm 819.

² Giữ lòng lẻo. Xem thêm chú giải chữ "cơ mi châu" ở trên.

³ Chữ "nha" này cũng như chữ "nha" trong nha tướng, tức là tướng và quân tinh nhuệ như nanh vuốt sắc bén hùng mạnh.

Theo Ngũ đại sử, tướng cũ của Diên Nghệ là Ngô Quyền đánh Giao Châu, Công Tiễn cho người sang Nam Hán xin quân cứu viện. Lưu Cung phong Hoảng Tháo làm Giao Vương, xuất quân tới sông Bạch Đằng để đánh Ngô Quyền. Lưu Cung thì đem quân đóng ở trấn Hải Môn. Ngô Quyền ra đón đánh, Hoảng Tháo bị thua và chết, Lưu Cung thu quân kéo về.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Trận thắng lợi trên sông Bạch Đằng là cơ sở sau này cho việc phục lại quốc thống. Những chiến công các đời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào uy thanh lẫm liệt để lại ấy. Trận Bạch Đằng này là vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lừng lẫy ở một thời bấy giờ mà thôi đâu?

Lời phê - Ngô Quyền gặp được nguy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoảng Tháo là tướng hèn kém, nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen. Nếu gặp phải tay Trần Bá Tiên, mà bảo rằng Ngô Quyền không phải theo gót Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, thì ít có lắm!

Lời chua - Đường Lâm: Tên xã xưa. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.4, 26). Theo sách An Nam kỷ yếu, Ngô Quyền, người Ái Châu. Vậy rõ sách nào chép đúng.

Sông Bạch Đằng: Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chạy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: Một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại này gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí¹ của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển. Ngô vương Quyền đời Tiên Ngô đánh bại Hoảng Tháo, Hưng Đạo vương đời Trần chiến thắng quân Nguyên đều ở trên sông Bạch Đằng này.

Năm Kỷ Hợi (939). (Ngô vương Quyền, năm thứ 1; Tấn, năm Thiên Phúc thứ 4).

Mùa xuân. Ngô Quyền tự xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Lời tán tụng của Ngô [Thì] Sĩ - Vua Ngô Quyền giết giặc nội phản để trả thù cho chúa, đuổi quân ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, đem lại chính thống, công nghiệp thực là vĩ đại.

Lời chua - Cổ Loa: Xem An Dương vương năm thứ 3 (Tb.I, 9).

Lập Dương thị làm hoàng hậu.

Dương Hậu là con gái Diên Nghệ. Trước kia, Ngô Quyền làm nha tướng của Diên Nghệ, Diên Nghệ gả con gái cho; đến đây lập Dương thị làm hoàng hậu.

Đặt trăm quan, dựng nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc.

Năm Giáp Thìn (944). (Ngô vương năm thứ 6; Tấn, Tê vương, năm Khai Vận thứ 1).

Ngô vương Quyền mất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nhà Tiên Ngô khởi lên, không những có công đánh giặc thắng lợi, lại còn đặt ra trăm quan, dựng ra nghi lễ trong triều, định màu sắc các đồ mặc, ta cũng đã thấy sơ qua về quy mô đế vương; thế mà hưởng ngôi vua không được lâu dài, chưa thấy có kết quả gì về chính trị, thật là đáng tiếc!

Năm Ất Tị (945). (Tấn, năm Khai Vận thứ 2).

Tam Kha, em Dương hậu, tự xưng là Bình Vương.

¹ Thực ra tên sách này là Dư địa chí.

Lời chua - Dương Tam Kha: Theo lời chua trong Sử ký của Ngô [Thì] Sĩ, Tam Kha người làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Con cả Ngô vương Quyền là Xương Ngập chạy đến Nam Sách, nương nhờ Phạm Lệnh Công.

Trước kia, Ngô vương Quyền, khi bệnh kịch, có trời trăng dặn Tam Kha giúp con mình là Xương Ngập. Tam Kha liền cướp lấy ngôi, tiếm xưng là Bình vương. Xương Ngập sợ, chạy đến Nam Sách Giang, ẩn náu tại nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương. Tam Kha nuôi con thứ hai của Ngô vương Quyền là Xương Văn làm con mình. Các con vợ thứ của Ngô vương là Nam Hưng, Kiên Hưng còn nhỏ, đều theo Dương hậu. Tam Kha sai Dương Cát Lợi và Đổ Cảnh Thạch đem quân đi lùng Xương Ngập: trước sau đến ba lần đều không bắt được. Phạm Lệnh Công đem Xương Ngập giấu vào trong động núi. Tam Kha biết tin, lại cho sục sạo, cuối cùng vẫn không tìm thấy.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Việc làm của Phạm Lệnh Công thật là trung nghĩa. Tam Kha là kẻ bầy tôi, đuổi con cả của vua đi mà cướp lấy ngôi, thế mà Phạm Lệnh Công dám giấu Xương Ngập một chỗ, là có ý muốn bảo toàn lấy dòng dõi họ Ngô. Tại đây ta thấy việc Chủ Cửu và Trình Anh¹ lại tái diễn. Ai dám bảo trong cả một nước to lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ hay sao?

Lời chua - Nam Sách Giang: Nay là phủ Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương.

Trà Hương: Tức là huyện Kim Thành, xưa gọi là Trà Hương, đều thuộc tỉnh Hải Dương.

Đổ Cảnh Thạch: Người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông.

Trình Anh, Chủ Cửu: Theo Sử ký của Tư Mã Thiên, về đời Cảnh Công nước Tấn năm thứ 3, Đồ Ngạn Giả (quan tư khấu nước Tấn) giết con Triệu Thuần là Triệu Sóc và diệt cả họ Triệu, Trình Anh và Chủ Cửu, là bạn của Triệu Sóc, cùng nhau liều chết đem giấu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để bảo tồn lấy dòng dõi họ Triệu.

Năm Canh Tuất (950). (Hán, Ân đế, năm Kiên Hựu thứ 3).

Ngô Xương Văn đánh Tam Kha truất bỏ đi.

Tam Kha sai Xương Văn cùng hai quan sứ là Dương Cát Lợi và Đổ Cảnh Thạch đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Khi đi đến huyện Từ Liêm, Xương Văn bảo hai quan sứ rằng: "Đức trạch của Tiên vương² ta thăm khắp lòng dân, tất cả các chính lệnh thi hành không ai là không vui lòng theo cả. Chẳng may Tiên vương ta mất đi. Bây giờ Bình vương là kẻ bất nghĩa, tự cướp lấy ngôi, còn tội gì hơn nữa! Nay lại sai chúng ta đi đánh các ấp vô tội kia, may mà được đã vậy, nếu họ không phục thì làm thế nào?". Hai quan sứ trả lời: "Tướng quân bảo sao chúng tôi cũng xin vâng mệnh". Xương Văn bảo: "Ý tôi muốn đem quân quay về đánh úp Bình Vương để phục lại cơ nghiệp của tiền nhân, có nên không?". Hai quan sứ đều lấy làm phải. Bấy giờ mới trở về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, nhưng Xương Văn bảo rằng: "Bình vương đối với ta cũng có ơn, nỡ nào đem giết?". Rồi giáng Tam Kha xuống làm Trương Dương công, nhân chỗ ở ấy cho làm thực ấp³. Tam Kha tiếm ngôi được 6 năm.

Lời chua - Hai thôn Thái Bình: Sử cũ chép là hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình.

Thái Bình: Xem Triệu Việt vương năm thứ 9 (Tb.4, II).

Trương Dương: Sử cũ chua: tức là bến đò Chương Dương, bây giờ ở huyện Thượng Phúc.

¹ Xem Lời chua ở dưới của Cương mục.

² Chỉ Ngô Quyền.

³ Cũng như thái ấp, đất được phong, có đặc quyền thu thuế và hưởng hoa lợi về thuế ruộng đất.

Năm Tân Hợi (951). (Ngô, Nam Tấn vương Xương Văn, năm thứ 1; Chu, Thái tổ, năm Quảng Thuận thứ 1).

Ngô Xương Văn lên ngôi xưng là Nam Tấn vương.

Xương Văn, là con thứ Ngô Vương Quyền, sau khi truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua. Ấy là nhà Hậu Ngô.

Sai sứ giả đón anh là Xương Ngập về. Xương Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Đón Xương Ngập ở Trà Hương về kinh đô, cùng nhau trông coi việc nước.

Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở Hoa Lư. Vua Nam Tấn đánh không được.

Bộ Lĩnh, người Hoa Lư, từ bé đã có chí khí lớn. Bấy giờ trong nước rối loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đi theo sứ quân Trần Minh Công. Minh Công thấy Bộ Lĩnh là người khôi ngô, khác thường, và có độ lượng, nên giao cho binh quyền. Sau khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh cả các quân, về giữ Hoa Lư. Nam Tấn vương cùng với Thiên Sách vương đem quân đến đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vương liền bắt cả Đinh Liễn đem đi đánh, hơn một tháng cũng chưa đánh được, mới treo Liễn lên đầu ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh: "Nếu không hàng thì sẽ giết Liễn!". Bộ Lĩnh giận, nói: "Tài trai đã quyết chí công danh, khi nào lại chịu bắt chước như đàn bà con trẻ!". Rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhắm chực bắn vào Liễn. Hai vương thấy thế, kinh hãi bảo nhau: "Ta treo con hắn là cốt muốn cho hắn đầu hàng ngay, nay hắn tàn nhẫn như vậy, thì dầu giết con hắn đi cũng chẳng ích gì". Hai vương bèn không giết Đinh Liễn nữa, rút quân về. Sau, Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư.

Lời cần án - Hoa Lư ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế thuộc Ninh Bình. Nơi đây bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư. Theo sách **An Nam kỷ yếu**, Hoa Lư ở về huyện Lê Bình. Lê Bình bây giờ là Gia Viễn, trong lòng động rộng hàng hai trượng có một cái lạch nước quanh co khuất khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư. Thành Hoa Lư cũng ở huyện Lê Bình. Họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy chu vi năm trăm trượng. Vết thành cũ vẫn còn. Như thế thì động Hoa Lư là chỗ Đinh Tiên Hoàng khởi binh; Thành Hoa Lư ở Trường Yên là nơi đóng đô của họ Đinh. Có thuyết cho rằng hai phủ Yên Khánh và Thiên Quan xưa kia đều gọi là Hoa Lư cả; nếu bảo động Hoa Lư ở trong núi Trường Yên thì lầm.

Năm Giáp Dần (954). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 4; Chu, Thế tông, năm Hiến Đức thứ 1).

Xương Ngập mất. Nam Tấn vương sai sứ sang Nam Hán.

Trước kia, Thiên Sách vương Xương Ngập chuyên quyền, Nam Tấn vương không tham dự chính sự nữa. Hai bên do đấy có sự xích mích. Đến nay, Xương Ngập mất, Nam Tấn vương mới chính mình cầm chính quyền, sai sứ sang xin mệnh lệnh chúa Nam Hán là Lưu Thạnh. Nam Hán phong cho Nam Tấn vương chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ.

Theo **Ngũ đại sử** (Nam Hán thế gia) có chép về Ngô Xương Tấn, người Giao Châu: Xương Tấn là con Ngô Quyền. Ngô Quyền giữ Giao Châu, khi mất rồi, Xương Ngập lên thay. Xương Ngập mất, em là Xương Tấn lên thay, sai sứ đến Lưu Thạnh xin "tiết việt"¹ Lưu Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ "tinh" sang để chiêu dụ. Lý Dư đi đến Bạch Châu, Xương Tấn sai người đến ngăn lại, bảo rằng: "Giặc biển làm loạn, đường sá khó đi", thành thử Lý Dư không sang được tới nơi.

Lời cần án - **Sử cũ** chép Nam Tấn vương Xương Văn xin mệnh lệnh chúa Nam Hán; còn **Ngũ đại sử** chép tên là Xương Tấn: sự việc hơi giống nhau, nhưng tên gọi mỗi đảng một khác. Có lẽ bấy giờ Xương Văn đổi tên là Xương Tấn để giao thiệp với nhà Nam Hán, mà người chép **Ngũ đại sử** ở đương thời không biết được rành mạch tường

¹ Xem chú giải ở Tb.V, 16.

tận nên mới trái ngược nhau như thế. Việc này thuộc về nước ta, nên theo **Sử cũ** là phải. Đến như **Sử cũ** chép chúa Nam Hán bấy giờ là Lưu Xương, có lẽ vì chưa khảo kỹ chăng. Vì xét: Lưu Xương nối ngôi nhằm đời Chu Thế Tông năm Hiên Đức thứ 5 (958), thì năm Hiên Đức thứ 1 (954) Lưu Thạnh vẫn còn làm chúa Nam Hán.

Năm Ất Sửu (965). (Ngô, Nam Tấn vương năm thứ 15; Tống, Thái tổ; năm Kiên Đức thứ 3).

Nam Tấn vương Xương Văn đi đánh Thái Bình, mất tại trận.

Nam Tấn vương đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Quân đến nơi, cắm thuyền, lên bộ đánh nhau. Nam Tấn vương bị trúng tên nỏ mai phục bắn chết! Trị vì được 15 năm.

Theo **Sử ký** của Ngô [Thì] Sĩ, khi bấy giờ có người quận Thao Giang là Chu Thái quật cường không thần phục. Nam Tấn vương thân đi đánh, chém được Chu Thái. Do trận thắng ấy, Nam Tấn vương quen mui sinh kiêu, nên mới mắc nạn về việc đi đánh hai thôn này.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nam Tấn nhà Ngô dùng chính nghĩa trừ kẻ tàn bạo, lấy lại được cơ nghiệp cũ. Công việc ấy cũng đã yên ủi vong linh tiên tổ mình, làm nguôi lòng bức tức của quý thần, của nhân dân. Thế mà, chỉ vì hiên lành nhũ nhờ, đã không trừng trị Tam Kha về tội cướp nước, lại còn gây ra chiến tranh bản thiu ở Thái Bình, cuối cùng tự rước lấy tai nạn, thật đáng tiếc!

Nhà Ngô mất. Ngô vương Quyền khởi lên năm Kỷ Hợi, mất năm Giáp Thìn, được 6 năm (939-944); Nam Tấn Xương Văn từ năm Tân Hợi đến năm Ất Sửu, được 15 năm (951-965). Cộng tất cả là 21 năm

Năm Bính Dần (966). (Tống, năm Kiên Đức thứ 4).

Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động, cùng với thổ hào các huyện ấp tụ tập quân đánh lẫn nhau.

Từ khi Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô, thổ hào các nơi đua nhau nổi dậy. Xương Văn tuy lấy lại được nước, nhưng chính sự cầu thả, không thể thống nhất được; đến khi đi đánh Thái Bình, không được, bị chết trận, từ đó trong nước rối loạn. Một viên tướng người họ Ngô là Ngô Xương Xí tụ tập quân giữ Bình Kiều. Nha tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động Giang. Thổ hào các nơi khác cũng nổi lên mỗi người giữ một nơi, ai cũng xưng hùng trưởng. Sau Tiên Hoàng nhà Đinh nổi lên, dẹp yên được cả, từ đấy giang sơn mới thống nhất.

Trước kia, thổ hào các nơi nổi lên như sau:

- Trần Lãm, tự xưng là Trần Minh Công, giữ Bồ Hải khẩu;
- Kiều Công Hãn tự xưng là Kiều Tam Chế, giữ Phong Châu;
- Nguyễn Khoan tự xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ Nguyễn Gia Loan ở Tam Đái;
- Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm (có chỗ chép là Giao Thủy).
- Lý Khuê tự xưng là Lý Lãng Công, giữ Siêu Loại;
- Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, giữ Tiên Du;
- Lữ Đường tự xưng là Lữ Tá Công, giữ Tế Giang;
- Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ Tây Phù Liệt;
- Kiều Thuận tự xưng là Kiều Lệnh Công, giữ Hồi Hồ;
- Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu.

Các thổ hào ấy thôn tính lẫn nhau. Đến đây, bọn Ngô Xương Xí và Đỗ Cảnh Thạc lại chiếm giữ Bình Kiều và Đỗ Động, trước sau tất cả 12 sứ quân.

Lời cần án - Sử cũ chép "Ngô sứ quân¹ gồm 2 năm", để kể tiếp vào thể thứ Nam Tấn vương, vì **Sử cũ** nhận rằng sứ quân Ngô Xương Xí là con Ngô Xương Ngập. Nhưng nay xét: sau khi Nam Tấn vương mất, Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều, thế lực rất yếu ớt, không khác gì các sứ quân ở các nơi khác; cho nên đem liệt cả vào một hàng sứ quân. Lại xét: **Sử cũ** chép Nam Tấn mất rồi, mười hai sứ quân đua nhau nổi lên, bắt đầu chép Ngô Xương Xí, cuối cùng chép Trần Minh Công; dưới đoạn ấy chép tiếp Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Vạn Thắng vương rồi kể lại chuyện Bộ Lĩnh đi theo Trần Minh Công, khi Minh Công mất mới đứng quản lĩnh quân đội thay. Xét kỹ ra, thì ngay từ năm thứ nhất đời Nam Tấn, đã thấy có chép "Bộ Lĩnh giữ Hoa Lư, Nam Tấn vương và Thiên Sách vương đến đánh không được". Vậy thì Trần Minh Công khởi binh phải ở vào trước khi Xương Văn chưa lấy lại được nước. Cứ thế mà suy ra, mười hai sứ quân chiếm giữ các huyện ấy phải có kẻ trước kẻ sau, không giống nhau, chứ không phải đến khi Nam Tấn vương mất rồi, mười hai sứ quân mới đồng thời nổi dậy. Nhưng **Sử cũ** vì không biết rõ năm tháng của từng sứ quân, nên mới nói tổng hợp ở cả một chỗ ấy đấy thôi. Nay không có văn kiện chép rõ có thể chứng thực được, nên hãy xin ghi để xét sau.

Lời chua - Ngô Xương Xí: Con Thiên Sách vương Ngô Xương Ngập.

Bình Kiều: Chưa rõ ở đâu.

Đổ Động Giang: Sông Đổ Động, phát nguyên từ các đầm lớn ở xã Đoàn Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Úc Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc, thì hợp với sông Nhuệ. **Sử ký** của Ngô [Thì] Sĩ chua: "Bây giờ ở làng Bảo Đà huyện Thanh Oai còn có vết cũ thành của sứ quân"². Có thuyết cho rằng Đổ Động Giang là một tên khác của Nhuệ Giang, thế là lầm.

Bổ Hải Khẩu: Tên đất. Năm Thiên Thành thứ 3, đời Lý Thái Tông, nhà vua đi Bồ Hải Khẩu, cày ruộng tịch điền. Theo Nam Định tỉnh sách³, xã Kỳ Bồ, thuộc huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, là nơi trước kia sứ quân Trần Lãm tụ tập quân đóng giữ. Bây giờ chỗ ấy còn là cửa biển, nên gọi là Bồ Hải Khẩu.

Phong Châu: Xem đời Hùng Vương (Tb.I, 1-2). Sơn Tây tỉnh sách⁴ có chép ở xã Phù Lập, huyện Bạch Hạc, phủ Vĩnh Tường, có vết thành sứ quân, tức là thành của Kiều Tam Chế đã đắp.

Tam Đái: Tên Châu. Bây giờ là phủ Vĩnh Tường, xưa thuộc Phong Châu.

Nguyễn Gia Loan: Tên núi. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây⁵, núi ấy còn có tên gọi là núi Độc Nhĩ và tên gọi nữa là Biện Sơn, ở xã Vĩnh Mỗ huyện Yên Lạc là nơi trị sở của sứ quân Nguyễn Khoan khi giữ Tam Đái vì thế gọi là Nguyễn Gia Loan.

Đường Lâm: Tên xã. Xem thuộc Đường, năm Trinh Nguyên thứ 7 (Tb.IV, 26).

Nhật Khánh: Người họ Ngô Quyền, bị Đinh Tiên Hoàng dẹp yên được. Việc này xem năm Thái Bình thứ 10, đời Đinh Tiên Hoàng (Chb.I, 11).

Thủ Tiệp: Còn một tên hiệu nữa là Ba An quân, mình dài tiếng to, ai nghe thấy tiếng nói cũng phải giật mình, người ta gọi là ông Sấm (Lôi Công). Đến khi khởi binh, Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh công, đóng giữ huyện Tiên Du, sau lấy cả Vũ Ninh, tự xưng là Vũ Ninh vương, không rõ là người ở xứ nào.

¹ Chỉ Ngô Xương Xí.

² Đại việt sử ký, Ngô kỷ, quyển 7, tờ 13a.

³ Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

⁴ Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

⁵ Xem chú giải chữ "tỉnh sách" ở Tb.4, 26.

Tiên Du: Tên huyện. Bây giờ thuộc phủ Từ Sơn¹, tỉnh Bắc Ninh.

Siêu Loại: Tên huyện.

Tế Giang: Tên huyện xưa, bây giờ là Văn Giang², đều thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Tây Phù Liệt: Tên đất. Bây giờ là xã Tây Phù Liệt thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hồi Hồ: Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây. Cẩm Khê xưa là Hoa Khê. Theo Sổ địa danh tỉnh Sơn Tây, ở xã Trương Xá thuộc Cẩm Khê, có vết cũ thành của sứ quân Kiểu Công.

Đặng Châu: Tên đất. Nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, đều là đất này cả. Bây giờ ở xã Đặng Châu, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, còn có đền thờ Phạm sứ quân.

Trần Lãm, Kiểu Công Hãn, Nguyễn Khoan, Lý Khuê, Lữ Đường, Nguyễn Siêu, Kiểu Thuận, Phạm Bạch Hồ: **Đều không rõ người ở đâu.**

Năm Đinh Mão (967). (Tổng, năm Kiên Đức thứ 5).

Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư đánh và dẹp yên được sứ quân các bộ, tự xưng là Vạn Thắng vương.

Thế lực quân đội của Bộ Lĩnh mỗi ngày một mạnh, đánh đâu được đấy. Lại phá được đám giặc ở Đỗ Động Giang. Các bộ đều dẹp yên được cả. Quan lại và nhân dân các châu các phủ không ai không quy phục.

Theo Ngũ đại sử, năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng³, Xương Văn ở Giao Châu mất (965), người giúp việc là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên làm vua. Đinh Liễn đem quân đánh phá được. Lưu Xưởng cho Đinh Liễn làm tiết độ sứ Giao Châu.

Theo sách Thập quốc Xuân thu của Ngô Nhậm Thần nhà Thanh, thì năm Đại Bảo thứ 3 đời Hậu Chúa Nam Hán Lưu Xưởng, Đinh Bộ Lĩnh giữ công việc Giao Chỉ, hiệu là Đại Thắng vương. Trước kia, Ngô Xương Văn mất, tướng tá của Xương Văn là Lữ Xử Bình cùng với thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu gây loạn, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn đánh bại Xử Bình, được dân chúng suy tôn làm vua.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Theo khí vận (tuần hoàn) của trời đất, bĩ tắc mỗi tất có lúc hanh thông. Xem như ở Trung Quốc, sau những loạn lạc về thời Ngũ Đại (907-959) thì có Thái tổ nhà Tống nổi lên; ở nước Nam ta, sau những cuộc tranh giành của Mười hai sứ quân thì có Đinh Tiên Hoàng trỗi dậy. Những việc đó không phải là ngẫu nhiên, mà chính là khí vận do trời định đoạt.

Lời cần án - Nay xét: Đem việc chép về nhà Đinh trong Ngũ đại sử và Thập quốc Xuân thu so với Sử cũ của ta thì thấy hơi khác: năm Đại Bảo thứ 8 đời Lưu Xưởng (965) tức là năm Kiên Đức thứ 3 nhà Tống (965), những cũng xin chép cả, để giúp việc tra cứu.

Đây trở lên, từ năm Nhâm Ngọ, thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 3 (862) đến năm Đinh Mão, ngang với nhà Tống năm Kiên Đức thứ 5 (967), cộng một trăm linh sáu năm.

¹ Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

² Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

³ Chúa Nam Hán.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ I

Từ Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 đến hết Đinh Mùi (1007), Lê Long Đĩnh năm Ứng Thiên thứ 14, gồm 40 năm (968-1007).

✱

✱ ✱

Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Tổng, Thái tổ, năm Khai Bảo thứ 1).

Vạn Thắng vương lên ngôi Hoàng đế, quốc hiệu là Đại Cồ Việt (không rõ tháng nào).

Ngài, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ là Đàm thị. Công Trứ, trước kia, làm nha tướng¹ của Dương Diên Nghệ, quyền tạm chức Thứ sử Hoan Châu², sau theo Ngô Vương, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất rồi, ngài hãy còn nhỏ, Đàm thị đưa về ở động núi. Chăn trâu ngoài nội, chơi với đám trẻ con, ngài được chúng chịu phục cả. Hễ ngài đi đâu, chúng cứ phải tréo tay làm kiểu rước đi, giống như kiểu thật; lại lấy bông lau làm cờ rước kèm hai bên làm như nghi vệ thiên tử. Kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác: đi đến đâu, ở đấy cũng phải phục tùng. Đám thì kiếm củi, thổi cơm; đám thì nộp lương, giúp việc. Mẹ thấy thế, mừng lắm, giết lợn nhà để khao chúng. Khi đã hơi lớn, ngài sai bảo được những người ở ấp lân cận. Phụ lão trong các sách³ đều bảo nhau rằng: "Chú bé này có độ lượng khác thường, chắc rồi làm nên sự nghiệp kia khác". Họ liền đem con em theo ngài, lập ngài làm trùm, đóng ở sách⁴ Đào Úc, ngày ngày đi đánh những sách⁵ khác chưa chịu phục.

Bấy giờ có Thúc Dự⁶ giữ sách Bông, chống nhau với ngài. Ngài vì quân ít, không địch nổi, thua chạy, qua cầu Đàm Gia. Cầu gãy, ngài sa lầy. Dự đuổi theo, toan đâm. Bỗng thấy rồng vàng che phủ hai bên, Dự sợ, rút lui. Ngài thu lượm quân gia còn sót, lại đánh: Dự phải hàng.

Hồi ấy phương Nam, phương Bắc đương rối ren. Sứ quân các bộ thay nhau nổi lên, mỗi người xưng hùng một nơi, chia cắt đất nước. Nghe biết Trần Minh Công là người có đức, ngài đến nương tựa, Minh Công sai giữ binh quyền. Khi Minh Công mất, ngài sẵn có quân ấy, giữ luôn Hoa Lư, chiêu mộ thu dùng hào kiệt, thủ hiểm một nơi. Hai vua Nam Tấn và Thiên Sách nhà Ngô đánh mãi không được. Kịp khi nhà Ngô mất, ngài hàng phục được Phạm Phòng Át, phá được Đỗ Động, hạ thành, đánh ấp, đến đâu thắng đấy, được tôn gọi là Vạn Thắng Vương. Dẹp tan mười hai Sứ quân, tự lập làm hoàng đế.

¹ Xem Tb.IV, 29.

² Nghệ An.

³ Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

⁴ Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

⁵ Một khu vực hành chính xưa ở miền rừng núi, cũng như các bản, các trại, v.v...

⁶ Toàn thư và Sử ký đều chép Dự là chú của Đinh Bộ Lĩnh và, về đời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh, có một vài chi tiết hơi khác, như: Đàm thị đem con đến cư trú ở bên đền thờ thần nơi động núi, và chiếc cầu mà Bộ Lĩnh chạy qua đó là cầu "Nương Loan" thôn Đàm Gia (Th, 1, 1-2). Lại như: "Đinh Tiên Hoàng, khi còn bé, chơi đùa với các mục đồng, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng lấy làm sung sướng, rình lúc mẹ đi vắng, cầm đầu các trẻ chăn trâu, về nhà bắt trộm lợn của mẹ, đem làm thịt để khao chúng. Mẹ về, sợ rằng "con dại cái mang", mới nói chuyện với người chú (của Bộ Lĩnh) là Đinh Dự. Dự nổi giận, vác dao ra đồng lũng tìm cháu. Bấy giờ Tiên Hoàng và các nhi đồng, hàng nào toán ấy, đang ăn uống. Bọn Điền và Bạc xông ra chống chọi với Dự để cho Tiên Hoàng thừa cơ chạy trốn. Dự đuổi đến bên sông, thấy con rồng vàng vươn mình ngang sông làm như cầu phao để cho Tiên Hoàng vượt qua. Dự đâm sợ; ném bỏ dao, đi về. Tiên Hoàng liền chạy sang Giao Thủy (nay thuộc Nam Định), theo phường chài làm nghề chài lưới. Việc bắt được ngọc khuê là ở lúc đi chài lưới này..." (Sk.1, 2).

Lời chầu - Đại Hoàng: Tên châu, bây giờ là huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

Đàm Gia: Tên thôn, bây giờ là xã Diêm Xá, huyện Gia Viễn.

Động Hoa Lư: Xem Nam Tấn Ngô Xương Văn năm thứ 1 (Tb.V, 24-25).

Mười hai Sứ quân: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 27-28).

Đỗ Động Giang: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 29).

Đóng đô ở Hoa Lư.

Nhà vua muốn đóng kinh đô ở thôn Đàm, nhưng vì ở đấy, đất đã chật hẹp, lại không có thể hiểm trở, nên mới dựng kinh đô mới ở Hoa Lư: đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều.

Bây tôi dâng tôn hiệu¹.

Tôn hiệu nhà vua là Đại Thắng Minh hoàng đế.

Đặt vạc, nuôi cọp để ra oai với người có tội.

Nhà vua muốn dùng oai lực để chế trị thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân, nuôi hổ dữ ở cũi, hạ lệnh rằng: "Hễ kẻ nào vi phạm thì bắt bỏ vào nấu trong vạc, hay cho hổ ăn thịt". Ai nấy sợ hãi, không dám phạm pháp.

Lời phê - Đạo trời ưa kẻ khiêm nhường, đạo người răn người tự mãn. Tiên Hoàng nhà Đinh là người vô học, không có mưu mô gì, chỉ quan dữ tợn, kiêu căng, đến nỗi cuối cùng cả hai cha con đều bất đắc kỳ tử, mới được hai đời đã mất! Nhân đức và tàn bạo thật khác nhau hẳn: đáng làm gương chung. Đinh kêu là Vạn Thắng, Tần mong được vạn thế, xe trước xe sau cùng đi một vết, thương thay!

Kỷ Tị, năm thứ 2 (969). (Tống, năm Khai Bảo thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Lập con là Liễn làm Nam Việt vương.

Canh Ngọ, năm Thái Bình thứ 1 (970). (Tống, năm Khai Bảo thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt niên hiệu² sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ chúa Nam Hán là Sưởng chống lại nhà Tống. Tống sai đại tướng Phan Mỹ đi đánh. Nhà vua nghe tin, sợ, mới sai sứ sang giao hảo với Tống.

Lập năm Hoàng hậu.

Năm Hoàng hậu: 1) Đan Gia; 2) Trinh Minh; 3) Kiều Quốc; 4) Cồ Quốc; 5) Ca Ông.

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Đinh Tiên Hoàng đã không kê cứu cổ học, bày tôi lại không ai biết sửa chữa cho, đến nỗi say đắm tình riêng, lập nên một loạt cả năm Hoàng hậu! Sau này, Lê, Lý, nhiều vua cũng bắt chước, làm theo, là do Đinh Tiên Hoàng đầu tiên ra đó.

Tân Mùi, năm thứ 2 (971). (Tống, năm Khai Bảo thứ 4).

Đặt phẩm cấp cho quan văn, quan võ: Nguyễn Bặc làm Định quốc công; Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ su³; Lê Hoàn làm Thập Đạo⁴ tướng quân.

Lời chầu - Đô hộ phủ: Theo Địa lý chí trong Đường thư, nhà Đường đặt Đô hộ phủ, trị sở ở Long Biên; nhà Đinh vẫn để tên cũ ấy đặt quan cai trị.

¹ Tên hiệu đáng tôn kính để gọi nhà vua khi còn sống, phân biệt với miếu hiệu là tên hiệu đặt cho nhà vua khi đã chết, thờ cúng ở nhà thái miếu (xem thêm chú giải ở Tiền biên Tng6).

² Đặt niên hiệu là Thái Bình (970-979).

³ Chức quan coi việc hình ngục.

⁴ Bấy giờ trong nước chia làm mười đạo. Thập đạo tướng quân tương tự như Tống tư lệnh quân đội bây giờ.

Sĩ sư: Tên chức quan. Có lẽ phỏng theo tên chức quan coi việc hình phạt của đời Đường, Ngu xưa.

Nguyễn Bặc, Lưu Cơ: Đều là người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng.

Lê Hoàn: Người xã Bảo Thái huyện Thanh Liêm¹.

Ban hiệu Khuông Việt thái sư cho Tăng thống Ngô Chân Lưu.

Nhà vua tôn sùng đạo Phật, mới đặt phẩm cấp cho tăng nhân và đạo sĩ: ban hiệu Thái sư² cho Chân Lưu, lại cho Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ³, Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi⁴.

Nhâm Thân, năm thứ 3 (972). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 5).

Sai Nam Việt vương Liễn sang nhà Tống.

Dem biểu sản vật địa phương.

Quý Dậu, năm thứ 4, (973). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 6).

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ Nam Việt vương Liễn đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. Bài chế văn đại lược nói: "Họ Đinh vốn dòng họ đàn anh, giữ được đất xa, có lòng hâm mộ phong thái văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. Nay gặp buổi chín châu⁵ đã về một mối, Ngũ Lĩnh⁶ đã phẳng lặng thanh bình, họ Đinh sai sứ trèo non vượt bể tới nơi, dâng đồ tiến cống. Đáng khen con⁷ biết giữ lễ phiên thần, nên ban cho cha⁸ theo lối cắt đất phong tước. Theo cấp bậc, cho được cầm binh quyền, tự chủ trong việc đánh dẹp ở phương xa⁹. Còn về công phú thì sắp xếp vào ngạch "tinh phú"¹⁰. Thế là để khen thưởng người già cả mà có đức hạnh, chứ há có hạn chế trong điển chương pháp độ thường đâu?".

Giáp Tuất, năm thứ 5 (974). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Tổ chức quân đội trong mười đạo.

Chia trong nước làm mười đạo. Tổ chức quân đội: mỗi đạo mười quân, mỗi quân mười lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ mười người, đều đội mũ "tứ phương bình đỉnh".

Lời chúa - Mũ "Bình đỉnh": Làm bằng da, bốn bề khâu giáp lại với nha: trên hẹp, dưới rộng, chóp phẳng.

¹ Nay thuộc tỉnh Hà Nam. - Toàn thư Bản kỷ 1, 13a chép Lê Hoàn người Ái Châu. Đại Việt sử ký Bản kỷ 1, 18b cũng nêu theo như thế, nhưng đến tờ 19b có đưa ra lời nhận xét thế này: "Đại Hành là người Bảo Thái huyện Thanh Liêm, chứ không phải là người Ái Châu. Sử cũ (cựu biên) chép lầm".

² Quan đứng đầu triều.

³ Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

⁴ Các quan chức phong riêng cho các nhà sư, đạo sĩ.

⁵ Xem chú giải ở Tb.II, 16.

⁶ Xem chú giải ở Tb.I, 14-15.

⁷ Chỉ Đinh Liễn.

⁸ Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

⁹ Nguyên văn là "trật dĩ duy sư". Đây dịch theo nghĩa ở hào "Cửu nhị", quẻ "Sư" trong kinh Dịch.

¹⁰ Nghĩa là hằng năm phải nộp một phần năm (1/5) trong số binh mã hiện có để đóng góp vào việc chinh phạt. Theo Tống sử Thực hóa chí, mỗi tí suất cứ hai binh thì một mã, như binh có 6.800 người thì ngựa phải 3.400 con. Hằng năm, phải lấy ra một phần năm (1/5) đặt làm ngạch "thượng phiên" để cung cấp về chinh dịch. - Nguyên văn là "trù chi tinh phú". Cũng có thể theo nghĩa trong sách Chu Lễ mà dịch là: được kinh lý đất đai trong nước mình mà bắt nộp thuế những số ruộng đất phì nhiêu.

Mười đạo: Chia đặt thế nào không rõ.

Ất Hợi, năm thứ 6 (975). (Tổng, năm Khai Bảo thứ 8).

Mùa xuân. Quy định mũ áo quan văn, quan võ.

Mùa thu. Sứ Tống lại sang.

Bấy giờ nhà vua sai Trịnh Tú đem sản vật địa phương sang biểu nhà Tống. Tống sai hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự cùng với Vương Ngạn Phù đem chế văn sang gia phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ti Kiểm hiệu Thái sử, Giao Chỉ quận vương. Từ đây, hễ sai sứ sang Tống đều cử Đinh Liễn đứng đầu.

Lời phê¹ - Sự thực bấy giờ thế nào thật không rõ được, hoặc giả có điều gì giấu giếm mà như thế chẳng?

Lời cần án - **Sử Cương mục tục biên** (Trung Quốc) chép rằng: Bộ Lĩnh đề cử con là Liễn làm Tiết độ sứ, rồi lại nhường ngôi cho con. Khi Nam Hán mất, Đinh Liễn vào cống. Sách **Đông Đô sự lược²** chép: Đinh Liễn nối ngôi cha. Lúc nhà Tống bình được đất Lĩnh Nam, Liễn sai sứ xin nội phụ. Có lẽ bấy giờ Tiên Hoàng cầm quyền trị vì trong nước, còn việc bang giao trọng đại thì giao cả cho Đinh Liễn, nhà Tống phong vương cho Đinh Liễn, chùng có ý để Liễn nối ngôi cha; về phần Tiên Hoàng, vì đã xưng Hoàng đế ở trong nước rồi, nên cũng không thắc mắc về chuyện đó chẳng?

Lời chua - Trịnh Tú: Người châu Đại Hoàng.

Bính Tí, năm thứ 7 (976). (Tổng, Thái Tông năm Thái Bình hưng quốc thứ 1).

Mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Trần Nguyên Thái đem biểu sản vật địa phương.

Đinh Sửu, năm thứ 8 (977). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 2).

Sai sứ sang Tống.

Mừng việc Tống Thái Tông (976-997) lên ngôi.

Mậu Dần, năm thứ 9 (978). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Lập con nhỏ là Hạng Lang làm Thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ vương.

Tháng hai. Mưa đá.

Lời chua - Mưa đá: Mưa thành băng; bởi vì khí dương bị khí âm lẫn lướt, không dung nạp được nhau, nên tan ra thành mưa đá.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm, người làng Tiên Điền: Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì có động đất, sau đó thì có mưa đá, có hạn hán. Trời kia răn bảo trở trở ra đấy; thế mà cứ coi làm thường, không sớm tỉnh ngộ! Vậy, muốn không mất, phỏng được chẳng?

Kỷ Mão, năm thứ 10 (979). (Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 4).

Mùa xuân. Nam Việt vương Liễn giết Thái tử Hạng Lang.

¹ Chỉ việc Tống phong Đinh Liễn làm Giao Chỉ quận vương.

² Một bộ sách có giá trị, tác giả là Vương Xứng đời Tống, toàn bộ 130 quyển, trình bày công việc chín triều vua nhà Bắc Tống (960-1126).

Liễn là con trưởng, khó nhọc mà có công to; khi nhà vua đã được nước, Liễn được phong là Nam Việt vương lại từng nhận tước phong của Tống. Khi có Hạng Lang, nhà vua tư vị cứng chiêu, lập làm thái tử. Vì thế, Liễn bất bình, sai người ngầm giết Hạng Lang.

Tháng 10 mùa đông. Chi hậu nội nhân¹ Đổ Thích giết nhà vua và Nam Việt vương Liễn. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc bắt được Đổ Thích giết đi, rước Vệ vương Toàn lên ngôi.

Trước kia, Đổ Thích làm chức lại² ở Đồng Quan, đêm nằm ở trên cầu, bỗng thấy sao sa vào miệng, tự phụ là điềm lạ, manh tâm làm điều vượt phạm mình. Đến đây, nhân dịp nhà vua đêm ăn yến, say rượu, nằm ở trong sân cung cấm, bèn giết nhà vua luôn với Nam Việt vương Liễn. Bấy giờ sự lũng bắt giặc gắt gao quá. Đổ Thích nằm núp ở lòng máng trong cung, đã hơn ba ngày, khát lắm, gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống. Cung nữ trông thấy, chạy báo Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc bắt lấy Thích, chém chết. Rồi cùng bọn Đinh Điền, Lê Hoàn rước Vệ vương Toàn lên ngôi; truy tôn nhà vua là Tiên Hoàng đế.

Đinh Tiên Hoàng ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi.

Lời chua - Đổ Thích: Người Đại Đê thuộc Thiên Bản³.

Đồng (mộc bên chữ "đông" là cùng) Quan: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép là Đồng (chấm thủy bên chữ "đồng" là trẻ con) Quan. Bây giờ không biết ở đâu.

Táng ở sơn lăng Hoa Lư.

Lời cần án - Về việc an táng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Sử cũ đều chép táng ở sơn lăng Trường Yên. Nay theo Ninh Bình sách⁴ lăng Tiên Hoàng ở núi Mã Yên thuộc xã Trường Yên Thượng, lăng Đại Hành ở núi Phẩm Sơn thuộc xã Trường Yên Hạ. Thế thì hai xã Trường Yên tức là đất Hoa Lư, cố đô nhà Đinh, nhà Lê; đến niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1010), nhà Lý mới đổi Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Vậy tên gọi "Trường Yên" ở thời Đinh, Lê chưa có. Sử cũ chép thế thì lầm, nay xin đính chính.

Tôn mẹ là Dương thị làm Hoàng thái hậu.

Thập đạo tướng quân Lê Hoàn tự xưng là Phó vương. Bọn Định quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp⁵ Đinh Điền và Phạm Hạp dấy quân đánh Lê Hoàn, không được, đều tử tiết.

Nhà vua nối ngôi, mới lên sáu tuổi. Bọn Nguyễn Bặc đều là đại thần phụ chính; còn Lê Hoàn trong tay giữ cả binh quyền, tự do ra vào nơi cung cấm. Thái hậu phải lòng Hoàn, rồi cùng nhau tư thông, cho Hoàn quyền tạm làm công việc thay vua như Chu Công⁶ khi trước. Lê Hoàn cậy có Thái hậu cứng yếu, không kiêng sợ chi cả. Bọn Nguyễn Bặc bàn với nhau: "Lê Hoàn sẽ bắt lợi cho "nhụ tử"⁷; chúng ta chịu ơn dày của nước, nếu không tính tước đi, giữ cho xã tắc được yên thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế⁸ ở suối vàng nữa?". Họ liền cùng nhau khởi binh, chia hai đường thủy bộ cùng tiến,

¹ Một chức quan phục vụ ở trong cung dùng để sai bảo, truyền lệnh.

² Chức quan trông coi về giấy tờ, thường gọi là thư lại.

³ Nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

⁴ Chữ "sách" đây là sách văn, không phải là quyển sách. Thời Tự Đức (1848-1883), trong bộ có tư cho các tỉnh làm một bản sách văn ghi rõ lịch sử trong tỉnh; khi làm xong sách văn ấy, đệ trình vào bộ, tỉnh nào cũng phải đều rõ sách văn của tỉnh ấy. Thí dụ: Ninh Bình tỉnh sử Hàn Lâm viện sách, hoặc Hà Nội tỉnh sử Hàn lâm viện sách, v.v... Cương mục viết tắt là Ninh Bình sách hoặc Hà Nội sách...

⁵ Chức quan đời Đinh, trông coi quân đội ở bên ngoài.

⁶ Tên là Đánh, em Chu Vũ vương. Khi Vũ vương mất rồi, con là Thành Vương còn thơ ấu, Chu công phải tạm cầm chính quyền, sắp xếp mọi việc, cho đến khi Thành Vương khôn lớn thì trao trả.

⁷ Con nít, đây chỉ Đinh Toàn.

⁸ Chỉ Đinh Tiên Hoàng.

định kéo thẳng đến kinh đô để giết Lê Hoàn. Thái hậu nghe tin, bảo Lê Hoàn: "Bọn Bặc nổi loạn, quan gia¹ hãy còn thơ ấu, cớ gì đáng sao nổi giữa lúc quốc gia lâm nạn này! Ông nên tính đi". Lê Hoàn thưa: "Tôi đây làm phó vương, quyền giữ việc nước, dù sống chết cũng xin gánh lấy trách nhiệm". Hoàn liền sắp xếp quân đội, đánh nhau với Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Ái Châu. Bặc, Điền thua rồi, lại đem quân thủy ra đánh. Lê Hoàn theo chiều gió, phóng lửa đốt cả thuyền chiến: Đinh Điền bị chết tại trận; Hoàn bắt được Nguyễn Bặc, đưa về kinh đô. Trước mặt Nguyễn Bặc, Hoàn kể tội: "Đấng Tiên đế mắc nạn, thần và người đều cảm giận, người lại nhân lúc tang tóc rồi ren, đứng đầu làm giặc! Đạo tôi con cháu có như thế?". Rồi Hoàn giết hại Bặc. Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã chết rồi, quân của Phạm Hạp mất tinh thần, chạy lên Bắc Giang; Lê Hoàn đem quân đuổi theo, bắt đưa về kinh đô, giết chết.

Lời cần án - Sử cũ chép Nguyễn Bặc, Đinh Điền cùng nhau dẫn quân, định kéo đến thẳng kinh đô để giết Lê Hoàn, nhưng địa điểm dẫn quân ở đâu thì bỏ qua không chép. Nay xét: Lê Hoàn với Bặc, Điền đánh nhau ở Tây Đô, Tây Đô tức là Ái Châu². Hoặc giả khi đã bàn định về việc giết Hoàn, họ liền đến Ái Châu khởi binh, mà **Sử cũ** bỏ sót chẳng? Vậy hãy để lại, đợi khảo sau.

Lời chua - Ngoại giáp: Tên chức quan.

Đinh Điền: Người động Hoa Lư³, châu Đại Hoàng.

Phạm Hạp: Người Nam Sách⁴; bây giờ là phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang⁵: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28-29).

Ngô Nhật Khánh đem người Chiêm Thành vào cướp.

Nhật Khánh là dòng dõi Tiên chúa Ngô Quyền, trước kia xưng là An Vương, cùng với mười hai Sứ quân giữ đất, tranh hùng. Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp được Nhật Khánh rồi, lập mẹ y làm hoàng hậu, lấy em gái y cho Nam Việt vương Liễn, lại gả công chúa cho y. Nhưng Nhật Khánh vẫn không hết oán giận, bèn đem vợ trốn đi. Khi đến cửa biển Nam Giới, Khánh rút dao đeo bên mình ra rạch vào mặt vợ mà kể: "Cha mày lừa gạt hiếp tróc mẹ con ta. Ta đây há vì cố mày mà quên được tội ác cha mày sao? Thôi, mày trở về, một mình ta đi, ta cầu người nào cứu được ta đây!". Đoạn, Nhật Khánh chạy sang Chiêm Thành. Đến đây, nghe tin Tiên Hoàng mất rồi, Nhật Khánh dẫn người Chiêm đi đường biển vào cướp. Khi qua cửa Đại Nha và cửa Tiểu Khang, gặp cơn phong ba, thuyền chìm đắm mất cả. Nhật Khánh chết đuối. Chúa Chàm (Chiêm Thành) may được thoát nạn, bèn thu thập những quân còn lại, rút về.

Lời chua - Nhật Khánh: Người xã Đường Lâm⁶; bây giờ là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Cửa biển Nam Giới: Ở chỗ giáp giới hai huyện Thiên Lộc⁷ và Thạch Hà.

Cửa Đại Nha: (á bên chữ điệu): Tức cửa Đại Nha (nha bên chữ điệu). Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb.IV, 13).

¹ Chỉ Đinh Toàn.

² Thanh Hoá.

³ Nay thuộc tỉnh Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

⁴ Nay là huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

⁵ Nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Dương.

⁶ Nay là xã Đường Lâm thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

⁷ Nay là huyện Can Lộc. Can Lộc và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa Tiểu Khang: Ở địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; bây giờ là cửa Kiền (cũng gọi cửa Cờn hoặc cửa Quèn).

Canh Thìn năm thứ 11 (980). (Đế Toàn, vẫn theo niên hiệu Thái Bình. Từ tháng 7 năm Thái Bình thứ 11 trở về sau là triều Lê, Đại Hành hoàng đế, năm Thiên Phúc thứ 1. - Tổng, năm Thái Bình hưng quốc thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Dương thị sai Lê Hoàn đem quân ra chống quân Tống. Lê Hoàn liền tự xưng là Hoàng đế, truất bỏ Đế Toàn lại làm Vệ vương. Nhà Đinh (968-980) mất.

Trước đây, viên quan giữ Ung Châu nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói bên Giao Châu đương có nội loạn, ta có thể đem một ít quân sang cũng đủ lấy được, xin cho mình về triều đình để trình bày về tình hình này. Vua Tống mừng lắm, toan cho chạy ngựa trạm triệu Nhân Bảo về ngay. Lư Đa Tốn nói: "Nước kia bên trong rối loạn, đó là cơ trời làm mất. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp. Thế gọi là "tiếng sét đánh mau, che tai không kịp". Nếu vờ Nhân Bảo về trước, mưu sẽ thất lộ; kẻ kia biết trước, chuẩn bị đề phòng, thì ta chưa dễ đã lấy được. Chi bằng mật sai Nhân Bảo lo liệu việc ấy, rồi sẽ xuất quân đánh tràn sang, thế tất ăn chắc mười mươi". Vua Tống cho là phải, liền cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, bọn Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trường, Giả Thực đều cho làm chức Binh mã đô bộ thự, hẹn ngày cùng kéo quân sang xâm.

Viên quan giữ Lạng Châu đem sự đó tâu lên, Dương hậu sai Lê Hoàn lựa tuyển dũng sĩ để kháng chiến: cho Phạm Cự Lạng¹ làm Đại tướng quân, bày mưu kế đem quân ra đánh. Cự Lạng và các tướng đều mặc quân phục, vào thẳng điện đình, bảo mọi người rằng: "Nay, thường người có công mà phạt kẻ không vâng mạng, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn thơ ấu, bọn ta dẫu hết sức liều chết, may mà có chút công lao, thì ta biết cho? Chi bằng trước hãy tôn ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân?". Quân sĩ đều tung hô "vạn tuế". Dương hậu thấy ai cũng một lòng há hê mến phục, liền sai lấy áo long cổn khoác lên mình Lê Hoàn rồi chính Dương hậu khuyên mời Lê Hoàn làm vua. Hoàn bấy giờ mới lên ngôi, đổi niên hiệu, giáng chức Đế Toàn xuống làm Vệ vương như cũ.

Lời phê² - Bờ cõi Bắc Nam tuy có khác, nhưng vận hội³ vẫn như nhau: nhà Lê thì có chuyện khoác áo long cổn, nhà Lý thì lời sấm truyền ghi trên thân cây, sao mà giống chuyện với bên Tống⁴ thế! Hay là người làm sử thấy thế, gò ép gán gắm vào với nhau để cho thần dị câu chuyện, chứ trời kia có ý làm ra như thế đâu?

Lời cần án - Sử Cương mục (Trung Quốc) nêu lệ chép năm tháng: Khi thiên tử nối đời nhau, thì cứ ở dưới dòng⁵ viết tên thụy và tên hiệu bằng chữ đỏ. Chỗ "lời chua" trong Sử ấy nói rằng: "Về sau, nếu vua nào bị phế, không có thụy hiệu, thì chỉ chép là "Đế mỗ", chứ không dùng đến cái tước do người sau đã biếm truất mà đặt cho. Thí dụ như Hải Tây Công nhà Tấn bị Hoàn Ôn⁶ phế truất Cương mục chép chữ lớn là "Đế Dịch".

¹ Phạm Cự Lạng người Chí Linh (Hải Dương); ông nội là Chiêm, làm đồng giáp tướng quân đời Ngô Vương Quyền; cha là Man, làm tham chính đô đốc đời Ngô Nam Tấn; anh là Hạp, làm vệ úy đời Đinh Tiên Hoàng, cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc dấy quân đánh Lê Hoàn, nhưng thất bại (theo Nguyễn Nghiễm trong Đại Việt sử ký, Bản kỷ, 1, 14).

² Chỉ việc khuyên mời Lê Hoàn lên ngôi vua.

³ Quy luật xoay vần, hết trị đến loạn, hết dở đến hay, theo tư tưởng xưa.

⁴ Đời Ngũ Đại (907-959), Triệu Khuông Dận (tên Tống Thái Tổ) khi đem quân đóng ở Trần Kiều, say rượu, nằm ngủ, qua sáng hôm sau, được các tướng suy tôn làm thiên tử. Khuông Dận chưa kịp đáp ứng, thì họ khoác luôn cho chiếc hoàng bào, tung hô vạn tuế. Việc này giống việc Dương hậu đem áo long cổn khoác vào mình Lê Hoàn. Còn chuyện sau đây của Triệu Khuông Dận thì giống chuyện Lý Công Uẩn khi sắp lên thay nhà Lê có bài sấm ở thân cây gạo (x. Chb.II, 4-5). Bấy giờ Khuông Dận còn làm quan với nhà Chu (951-959). Một hôm, Chu Thế Tông tìm trong hòm đựng văn thư, bắt được một mảnh gỗ dài 3 thước, trên có chữ "Kiểm điểm tác thiên tử" (quan kiểm điểm sẽ làm vua). Lúc ấy, Trương Vĩnh Đức đương giữ chức Kiểm điểm, Thế Tông lấy làm ngờ, bãi chức Trương Vĩnh Đức mà cho Triệu Khuông Dận làm Kiểm điểm. Được ít lâu quân sĩ lập Khuông Dận làm vua.

⁵ Dòng đây là theo lối viết sách nho xưa: từ bên phải sang bên trái, và từ trên xuống dưới. Viết ở "dưới dòng" tức là chua thành hai dòng chữ nhỏ dưới dòng chính, tục gọi là chua "lưỡng cước".

⁶ Người đời Tấn (265-420), tên tự là Nguyên Tử. Khi Bắc phạt, thua trận, quay về Kiến Khang (nay ở phía nam Nam Kinh), phế bỏ Đế Dịch, lập Giản Văn đế, định làm việc thoán đoạt, nhưng rồi bị bệnh chết.

Phép chép thẳng tên húy như thế là vì thấy không có tên thụy. Đó là lệ ngoại của **Cương mục**. Thế mà **Sử cũ** (của ta), đối với Đình Toàn chép là "Phế đế", nay xin sửa lại, chép là Đế Toàn, cho hợp ý nghĩa và thể lệ trong sử **Cương mục** trên.

Lời chua - Ung Châu: Theo Thanh Nhất thống chí, Ung Châu thuộc về Quảng Tây thống bộ.

Hầu Nhân Bảo: **Sử Cương mục** tục biên (Trung Quốc) chép Nhân Bảo là chồng em gái Triệu Phổ. Lư Đa Tốn có hiềm khích với Triệu Phổ, bèn bầy Nhân Bảo ra làm Tri châu Ung Châu, chín năm không được đổi đi nơi khác. Nhân Bảo sợ rằng nay lần mai nữa sẽ chết già ở đất Lĩnh Ngoại, bây giờ mới dâng thư nói việc Giao Châu, xin về tận triều đình tỏ bày sự trạng.

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb.IV, 19).

Lạng Châu: Nhà Lê, nhà Lý đặt làm lộ; nhà Trần gọi là Lạng Giang lộ; bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Phạm Cự Lạng: Em Phạm Hạp.

Đây trở lên, nhà Đinh từ Tiên Hoàng, Mậu Thìn, năm thứ một (đến năm thứ ba mới đặt niên hiệu là Thái Bình) đến Đế Toàn, Canh Thìn, vẫn gọi là niên hiệu Thái Bình năm thứ 11, cộng hai đời vua, 13 năm (968-980).

Truy tôn cha là Mịch là Trường Hưng vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng thái hậu.

Trước kia, mẹ ngài là Đặng thị đang có thai, chiêm bao thấy bụng nở ra hoa sen, rồi kết thành nhân sen ngay. Đặng thị đem chia cho mọi người, riêng mình lại không ăn. Lúc tỉnh dậy, lấy làm lạ lắm. Kịp khi sinh con, thấy con mặt mũi hình dáng khác thường, Đặng thị nói với người ta rằng: "Thằng cháu này mai sau chắc sẽ làm nên sang cả, chỉ hiềm tôi không kịp hưởng lộc thôi!". Được vài năm, mẹ mất, rồi cha cũng chết. Viên quan sát họ Lê (không rõ tên) ở Ai Châu thấy ngài, cho là khác thường, nuôi làm con. Gặp tiết trời đông rét mướt, ngài nằm phục như hình cối úp: đang đêm, sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên. Viên quan sát họ Lê, tỏ ra lấy làm lạ. Lớn lên, ngài giúp việc Nam Việt vương Liễu, càng tỏ ra lỗi lạc, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người có mưu trí và sức mạnh, giao cho cai quản hai nghìn quân, dần thăng đến chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền chỉ huy sứ. Đến bây giờ cướp ngôi nhà Đinh, truy tôn cha mẹ.

Lời cần án - Chu Vũ vương dấy nghiệp vương thì truy tôn Thái vương, Vương Quý và Văn vương làm bậc vương. Tống Thái Tổ xưng hoàng đế thì tôn Hi Tổ và Dực Tổ làm bậc đế. Lê Đại Hành đã xưng đế, thế mà chỉ tôn cha làm vương, còn từ ông tổ giờ lên đều không được dự: thực trái thờng quá lắm! Huống chi tôn cha làm vương mà mẹ lại làm Hoàng thái hậu: đảo ngược đến như thế! Về sau, Lý Thái Tổ tôn cha làm Hiển Khánh vương, mẹ là Minh Đức thái hậu, cũng là do Lê Đại Hành nêu ra trước.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20-21).

Tháng 10, mùa đông, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ vua Tống hạ chiếu xuất quân sai Lư Đa Tốn đưa thư sang ta khuyên dụ, đại lược nói: "Rừng rực xối nóng, khói tỏa, mù hun, ta hóa ra áng mây của vua Nghiêu, tưới cơn mưa ngọt. Sùng sục chướng khí, mây đốt, đá nung, ta gày khúc đàn của vua Thuấn, nổi cơn gió mát"¹. Lại nói: "Hiện nay ta

¹ Ý nói: Phương Nam khí nóng nung nấu, như lửa thiêu cày, như hơi nước sôi; biển Nam khí độc bao bọc, trên thì mây mù phủ kín, dưới thì hơi đá bốc ra. Ta sẽ đem ơn đức của Nghiêu Thuấn là hai vị thánh quân thời xưa của Trung Quốc mà giúp đỡ cho. Vì Đế Nghiêu có đức độ thánh nhân, dân chúng nường nhờ không khác gì cây cối nhờ vào mưa móc; Đế Thuấn thay Đế Nghiêu trị vì, gầy đàn năm dây, hát bài Nam phong: "Gió nam mát mẽ, có thể cởi mở được lòng buồn nản của dân ta, gió nam hợp thời, có thể làm cho dân ta được giàu của cải". Bức thư của vua Tống về đoạn này, bằng giọng đạo đức giả, nói sẽ đem văn minh Trung Quốc sang khai hóa cho dân Giao Chỉ.

đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội".

Nhà vua tiếp được thư ấy, sai nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tô đem thư sang nhà Tống, nói trá là tờ biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức. Làm vậy, cốt để hòa hoãn tình thế.

Bấy giờ Tống đã dấy quân, nên không ưng thuận. Tống sai Trương Tôn Quyền đem thư sang dụ rằng: "Họ Đinh truyền nối đã được ba đời, trăm muốn cho Đinh Toàn làm thống suất, khanh¹ thì làm phó. Nếu Đinh Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con thì nên cho ngay mẹ con và thân thuộc y sang đây. Đợi khi vào châu, tất sẽ được ban điển lễ ưu hậu. Khanh² sẽ được trao cờ tiết và cây việt. Có hai đường đây, khanh nên xét kỹ mà chọn lấy một". Nhà vua đều im đi, không trả lời.

Tân Tị (981). Lê Đại Hành hoàng đế năm Thiên Phúc thứ 2 (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Tống sang xâm lược. Nhà vua tự làm tướng, đánh bại quân địch.

Bấy giờ quân Tống chia đường sang xâm lấn: Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng kéo đến Lạng Sơn; Trần Khâm Tô kéo đến Tây Kết, Lưu Trùng kéo đến sông Bạch Đằng. Nhà vua tự làm tướng, ra kháng chiến: sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn cản địch. Quan quân Tống đông lắm. Quan quân ta đánh bất lợi: hai trăm thuyền chiến đều bị địch lấy mất cả. Hầu Nhân Bảo đem tiền quân tiến lên trước. Tôn Toàn Hưng đóng quân lại, không đi; Nhân Bảo thường phải thúc giục. Khi quân Tống kéo đến sông Chi Lăng, nhà vua sai người trá hàng, dụ bắt được Nhân Bảo, đem chém. Bọn Lưu Trùng rút lui. Khâm Tô nghe tin, rút quân quay về. Nhà vua lại đem các tướng truy kích: quân Khâm Tô thua to, chết mất quá nửa. Bên ta bắt được bộ tướng của địch là bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, điệu về kinh đô. Chuyển vận sứ nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem tình hình thua trận tâu bày về triều, vua Tống xuống chiếu rút quân về.

Lời chua - Lạng Sơn: Xưa là bộ Lục Hải; đời Hán thuộc về Giao Chỉ; đời Đường thuộc về Giao Châu; Đinh chia làm Lạng Sơn đạo, lại gọi là Lạng Châu; Lê, Lý đặt làm lộ; Trần gọi là Lạng Giang lộ; Lê gọi là Lạng Sơn thừa tuyên. Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn.

Sông Bạch Đằng: X. thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb.5, 19).

Chi Lăng: Tên xã, thuộc châu Ôn, phủ Trường Khánh, ở đầu địa giới Lạng Sơn.

Sông Chi Lăng: Con sông ở xã Chi Lăng.

Tây Kết: Không rõ ở đâu.

Bầy tôi dâng tôn hiệu³.

Nhà vua đã thắng được quân Tống, trong nước đâu đấy yên ổn. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Kiền ứng vận thần vũ thắng binh chí nhân quảng hiếu hoàng đế.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (982). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 7).

Lập Đinh thái hậu là Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu.

Dương thị, trước kia lấy Đinh Tiên Hoàng, sinh ra Vệ vương Toàn. Toàn nối ngôi, hãy còn nhỏ tuổi. Thái hậu tư thông với nhà vua, mưu việc chuyển dời ngôi nhà Đinh. Đến đây lập Dương thị làm Đại thắng minh hoàng hậu. Lại lập Phụng Kiền chí lý hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh quốc hoàng hậu và Phạm hoàng hậu, cộng năm Hoàng hậu.

¹ Chỉ Lê Hoàn.

² Chỉ Lê Hoàn.

³ Xem chú giải ở Chb.I, 3.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đại thắng minh là tên hiệu của Đinh Tiên Hoàng. Đại Hành lấy hiệu vua cũ đặt cho vợ mình: Thật là không còn kiêng nể chút gì cả! Sử sách ghi chép, để cười nghìn thu!

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai sứ đi cống, nói thác là sứ giả của Đinh Toàn, vì sợ quân Tống lại sang.

Nhà vua tự mình cầm quân đi đánh nước Chiêm Thành: cả phá được quân địch.

Trước đây, nhà vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm Thành giam giữ. Nhà vua nổi giận; bèn sửa sang thuyền chiến và đồ giáp binh, tự làm tướng, đi đánh, chém được tướng nước ấy là Bề Mi Thuế tại trận và bắt được tù binh rất nhiều. Chúa Chăm bỏ thành chạy. Ta bắt được trăm người cung nữ và vàng bạc châu báu kể có háng vạn, san phẳng cả thành trì¹, phá hủy cả tông miếu²; vừa đầy một năm mới về kinh đô.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem Tiền biên, thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb III, 20-21).

Đói to.

Quý Mùi, năm thứ 4 (983). (Tống, năm Thái Bình hưng quốc thứ 8).

Mùa xuân. Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang giao hảo với nhà Tống, báo cáo về tin đánh thắng Chiêm Thành.

Sông mới đã đào xong.

Khi nhà vua đi đánh Chiêm Thành, từ núi Đồng Cổ đến sông Bà Hòa: đường núi hiểm trở, khó đi, người ngựa đều nhọc mệt, bèn sai đào con sông mới; đến bấy giờ hoàn thành, công và tư đều được tiện lợi.

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Ở xã Đan Nê, huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sông Bà Hòa: Ở huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ là sông xã Đồng Hòa.

Giáp Thân, năm thứ 5 (984). (Tống, năm Ung Hi thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền Thiên Phúc.

Xây điện Bách bảo thiên tuế.

Làm điện ở núi Đại Vân, trang sức bằng vàng bạc, dùng làm nơi vua coi châu. Phía đông là điện Phong Lưu; phía tây là điện Tử Hoa; bên tả là điện Bồng Lai; bên hữu là điện Cực Lạc. Lại làm lầu Đại Vân và điện Trường Xuân làm chỗ ngự tắm³. Bên điện Trường Xuân dựng điện Long Lộ, lợp bằng ngói bạc.

Lời chua - Núi Đại Vân: Ở thành Hoa Lư; bây giờ là núi xã Trường Yên.

Ất Dậu, năm thứ 6 (985). (Tống, năm Ung Hi thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Ngày sinh nhật hoàng đế, đua thuyền.

Lấy tre làm thành núi giả ở trong thuyền gọi là núi "nam sơn", tổ chức cuộc bơi thuyền thi. Từ đấy, năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Sai sứ sang Tống.

¹ Thành và hào để phòng thủ của một nước.

² Nhà thờ tổ tiên các vua chúa của một nước.

³ Nơi nhà vua nghỉ và ngủ.

Bấy giờ nhân dịp có sứ nhà Tống đến nhà vua sai sứ ta đem vàng và ngà voi sang biếu nhà Tống để thỉnh cầu lãnh chức Tiết trấn.

Bính Tuất, năm thứ 7 (986). (Tống, năm Ung Hi thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính thân quân.

Tuyển những người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn bổ làm túc vệ gọi là thân quân: đều thích vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai tả bổ khuyết là Lý Nhược Chuyết và quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác đem bài chế văn sang phong nhà vua làm kim tử quang lộc đại phu, kiểm hiệu thái úy, An nam đô hộ Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Kinh Triệu quận khai quốc hầu. Bài chế văn ấy đại lược nói: "...Trước kia Sĩ Nhiếp là người cứng cáp sáng suốt, biến đổi thói tục đất Việt khiến hết thầy đều vào khuôn phép. Úy Đà¹ hết lòng cung kính mềm dẻo, vâng theo chiếu chỉ nhà Hán, không dám trái nghịch. Bấy giờ khanh phải vỗ yên bộ lạc man di, để tuyên dương ơn đức của thiên tử". Nhà vua tiếp nhận chế văn ấy với vẻ rất cung kính, thiết đãi sứ giả với lễ rất hậu. Rồi giao trả Tống bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân trước đây ta đã bắt được. Nhà vua lại bảo Nhược Chuyết và Lý Giác: "Chỗ chúng tôi là một nước nhỏ mọn, núi sông khơi dẫn, hẻo lánh một nơi, cách thiên triều hàng muôn dặm. Sứ giả đi lại, trèo non vượt suối, chẳng cũng nhọc mệt lắm ru?". Lý Giác thưa: "Bản triều² phân phong chư hầu, đất hàng muôn dặm, quận hàng bốn trăm, có chỗ bằng phẳng, cũng có nơi hiểm trở, chứ như một phương này, đã lấy gì làm xa?".

Dùng Từ Mục là Tổng quản giữ việc quân và dân, ban cho tước hầu; Phạm Cự Lạng làm Thái úy.

Lời chua - Tống quản: Tên chức quan nhà Đường, chuyên giữ quân sự. Nhà Lê phỏng theo phép nhà Đường, đặt chức quan này, lại cho kiêm giữ cả dân sự.

Sai sứ sang Tống.

Sai Ngô Quốc Ân đem sản vật địa phương sang biếu và nói về việc người Chăm là Bồ La Át đem hơn trăm người trong họ sang xin quy phụ nhà Tống.

Lời cần án - Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bấy giờ nhà vua mới bình được Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ bị lấn lướt bức bách, nên đem hơn trăm người trong họ cầu xin quy phụ nhà Tống. Nhà đương cục ở Đam Châu đem việc ấy tâu lên triều Tống. Việc này nhà làm sử nhận lầm là do sứ thần nước ta sang Tống tâu bày". Xét chỗ sử của Ngô [Thì] Sĩ này không giống với **Sử cũ**, nay xin chép cả để làm tài liệu tham khảo.

Lời chua - Đam Châu: Tức Đam Nhĩ. Xem Triệu Vương, năm Kiến Đức thứ 1 (Tb.II, 6).

Đinh Hợi, năm thứ 8 (987). (Tống, năm Ung Hi thứ 4).

Mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền³.

Ban đầu, nhà vua cày ruộng ở Đội Sơn⁴, được một lọ vàng; sau lại cày ở núi Bàn Hải, được một lọ bạc; do đó đặt tên là "ruộng Vàng, ruộng Bạc".

Lời chua - Đội Sơn: Tên khác gọi là núi Long Đội, ở xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nội⁵.

¹ Triệu Đà làm chức úy.

² Triều Tống, Lý Giác là người Tống, nên gọi Tống là bản triều.

³ Thửa ruộng chính thiên tử tự cày lấy, hoa lợi sẽ dùng vào việc cúng tế.

⁴ Tục gọi núi Đọi.

⁵ Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Núi Bàn Hải: Không rõ ở đâu.

Đâu đây được mùa cả.

Mậu Tí, năm thứ 9 (988). (Tổng, năm Đoan Cung thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hộ là Ngụy Tường, trực sử quán là Lý Độ đem bài chế văn sang tiến phong nhà vua tước Khai quốc công. Nhà vua sai sứ sang Tống biểu sản vật địa phương để đáp lễ.

Lời cần án - Theo sách **An Nam chí** của Cao Hùng Trưng và sách **Giao Chỉ di biên**, năm Ung Hi thứ 3 (986), Tống phong nhà vua làm kiểm hiệu thái úy Kinh Triệu quận Khai Quốc hầu; đến năm Đoan Cung thứ 1 (988), tiến phong làm Khai Quốc công. Thế là có theo thứ tự từ thấp lên cao. **Sử cũ** trước thì chép phong Kinh Triệu Quận hầu, ở đây thì chép phong Kiểm hiệu thái úy: Như vậy là lầm. Nay đính chính lại.

Kỷ Sửu, năm Hưng Thống thứ 1 (989). (Tổng, năm Đoan Cung thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Ban ơn đại xá vì cơ đổi niên hiệu là Hưng Thống.

Lập con là Long Việt làm Nam Phong vương.

Phong con trưởng là Long Thâu làm Kinh Thiên đại vương con thứ hai là Ngân Tích làm Đông Thành vương; lập con thứ ba là Long Việt làm Nam Phong vương¹.

Dương Tiến Lộc đem dân châu Hoan và châu Ái nổi lên làm phản, bị bắt và bị giết chết.

Tiến Lộc, làm chức Quản giáp, vâng mệnh đi thu thuế ở châu Hoan và châu Ái. Nhân đó, Lộc cầm đầu hai châu ấy nổi lên làm phản, rồi xin theo về với nước Chiêm Thành; nhưng người Chiêm Thành không nhận. Nhà vua đem quân đi đánh bắt giết được Tiến Lộc và giết người hai châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem **Lê Thánh Tông**, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem **thuộc Tấn**, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Quản giáp: Tên chức quan.

Canh Dần, năm thứ 2 (990). (Tổng, năm Thuận Hóa thứ 1).

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo và Hữu chính ngôn là Vương Thế Tắc đem bài chế văn sang gia phong nhà vua lên chức vị "đặc tiến"². Nhà vua sai chỉ huy sứ Đinh Thừa Chinh đem chu su³ sang Thái Bình quân đón sứ nhà Tống, rồng rã nửa tháng trời đến sông Bạch Đằng, cứ theo nước thủy

¹ Long Việt, Long Thâu và Ngân Tích đều là con Lê Hoàn. Sách **Cương mục** này, ở phần **Cương**, chép "Lập Long Việt làm Nam Phong vương", ở phần **Mục** lại chép thêm cả việc phong cho con trưởng và con thứ mà đều chép là phong. Vì, theo thể lệ chép sử đời phong kiến, đối với người nào sau này có nhiều phần quan hệ, thì chép một cách đặc biệt hơn người khác để có phân biệt. Long Việt sau này được lập làm thái tử và nối ngôi vua, nên ở đây, **Cương mục** mới riêng nêu lên ở phần **Cương** và chép là "lập".

² Một chức quan to, dưới hàng tam công. Chỉ vua chư hầu nào có công đức được triều đình kính trọng, mới được phong chức này.

³ Quân thủy với các thuyền chiến.

triều mà đi. Khi đến Trường Châu¹ nhà vua ra đón sứ giả ở phía ngoài đô thành, cùng nhau giông cương ngựa đi song song. Đến cửa Minh Đức, nhà vua đón lấy bài chế văn nhưng không lạ, nói vì năm mới rồi, đi đánh giặc Mán, ngã ngựa đau chân. Bọn Tống Cảo tin là thực. Ngày hôm sau, đặt tiệc đãi sứ, nhà vua bảo Tống Cảo rằng: "Đường xá xa khơi, núi sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở đầu biên giới, khỏi phiền sứ giả đến đây". Tống Cảo đem việc này về tâu, vua Tống ưng thuận.

Theo lời chú giải trong sách Đông tây dương khảo của Trương Nhiếp nhà Minh, Tống Cảo đi sứ về, nói với vua Tống rằng: năm ngoái, đến Giao Châu, Lê Hoàn đem quân và dân bơi thuyền, gióng trống, hò reo; những núi ở gần đô thành thì hư trưng thanh thế: cắm rập cờ trắng, làm như dáng vẻ bày binh bố trận. Kịp khi đến cửa kinh đô, Lê Hoàn nhận lấy tờ chiếu, nhưng không lạ. Có đưa đến sứ quán con rắn lớn và nói: nếu sứ giả ăn được thì sẽ làm thịt để thết. Lại trói hai con hổ đem đến sứ quán. Sứ giả đều từ chối, không nhận. Ba nghìn quân sĩ của Lê Hoàn đều có thích ở trán ba chữ "Thiên tử quân".

Lời chua - Thái Bình quân: Theo sách Thanh Nhất thống chí, Thái Bình quận, đời Tần, là đất Tượng Quận; đời Hán là huyện Hợp phố; nhà Đường đổi là Liêm Châu; đến Tống, khoảng niên hiệu Thái bình hưng quốc² đặt làm Thái Bình quân, qua niên hiệu Hàm Bình³ lại đặt là Liêm Châu. Bây giờ nhà Thanh vẫn theo tên cũ, cho thuộc Quảng Đông thống bộ.

Bạch Đằng Giang: Xem thuộc Tấn, Cao tổ, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20).

Trường Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Tân Mão, năm thứ 3 (991). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Cần đem biểu sản vật địa phương.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (992). (Tống, năm Thuần Hóa thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ngự điện Kiên Nguyên xem đèn.

Lập con là Long Đĩnh làm Khai Minh vương.

Bấy giờ các con nhà vua đều theo thứ tự thụ phong, chia ở các châu quận: Khai Minh vương Long Đĩnh ở Đằng Châu; Ngự Man vương Long Đĩnh ở Phong Châu; Ngự Bắc vương Long Ngận ở Phù Lan; Định Phiên vương Long Tung ở Ngũ huyện giang, Tư Doanh Thành phó vương Long Tương ở Đỗ Động; Trung Quốc vương Long Kính ở Mạt Liên; Nam Quốc vương Long Mang ở Vũ Lũng; Hành quân vương Long Đề⁴ ở Cổ Lãm; Phù Đới vương (không rõ tên), con nuôi nhà vua, ở Phù Đái.

Lời chua - Long Đĩnh: Con thứ 5.

Long Đĩnh: Con thứ 4.

Long Ngận: Con thứ 6.

Long Tung: Con thứ 7.

Long Tương: Con thứ 8.

Long Kính: Con thứ 9.

Long Mang: Con thứ 10.

Long Đề: Con thứ 11.

¹ Tức châu Trường Yên.

² Một niên hiệu của Tống Thái Tông, từ 976 đến 983.

³ Một niên hiệu của Tống Chân Tông, từ 998 đến 1003.

⁴ Còn có tên nữa là Minh Đề.

Đăng Châu: Xem thuộc Tống, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 31).

Phong Châu: Xem Hùng vương (Tb. I, 1).

Phù Lan: Tên trại; nay là xã Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào¹ tỉnh Hải Dương.

Ngũ huyện giang: Ở phía nam huyện Yên Lãng², tỉnh Sơn Tây, sông Ngũ huyện chảy qua huyện Kim Anh³ và huyện Đông Ngàn⁴, vòng quanh đến huyện Yên Phong⁵ và huyện Tiên Du⁶, rồi đổ vào sông Nguyệt Đức⁷.

Tư Doanh Thành: Không khảo được.

Đỗ Động: Xem ngang với nhà Tống năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Mạt Liên: Tên huyện, bây giờ là huyện Tiên Lữ⁸ thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Vũ Lũng: Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa; nhiều lần phân chia ra sao và lệ thuộc vào đâu, bây giờ không khảo được.

Cổ Lãm: Tên châu; bây giờ là huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Phù Đái: Tên làng; bây giờ là xã Phù Tài thuộc huyện Vĩnh Lại⁹, tỉnh Hải Dương.

Tháng 6, mùa hạ. Thả những người Chiêm Thành bị bắt từ trước về nước.

Thả những người Chiêm ở thành cũ châu Địa Lý cho về châu Ô Lý, tất cả hơn ba trăm sáu mươi người.

Lời chua - Địa Lý: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Ô Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Tần, thuộc Tượng quận; đời Hán, thuộc Nhật nam; đời Đường, là Cảnh Châu; thời Tống, phía bắc Chiêm Thành gọi là châu Ô Lý. Nhà Trần, khoảng niên hiệu Hưng Long (1293-1313) được chúa Chăm dâng đất này, đổi là Thuận Châu và Hóa Châu. Hồi thuộc Minh, đặt là phủ Thuận Hóa, cho Thuận Châu và Hóa Châu lệ thuộc vào. Nhà Lê đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên. Bây giờ huyện Đăng Xương, huyện Hải Lăng thuộc tỉnh Quảng Trị, và huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, huyện Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên, ấy là đất Thuận Châu xưa. Huyện Phú Lộc, huyện Phú Vinh thuộc tỉnh Thừa Thiên và huyện Diên Phước (phúc), huyện Hòa Vinh thuộc tỉnh Quảng Nam, ấy là đất Hóa Châu xưa.

Tháng 8, mùa thu. Sai mở đường bộ thông đến châu Địa Lý.

Sai phụ quốc Ngô Tử An đem ba vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến châu Địa Lý nước Chiêm Thành.

Lời chua - Phụ quốc: Tên chức quan.

¹ Nay Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

² Nay là huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

³ Nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một phần của huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).

⁴ Nay gồm huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và huyện Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội).

⁵ Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

⁶ Nay hợp nhất với huyện Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh).

⁷ Sông Cà Lồ.

⁸ Nay huyện Tiên Lữ thuộc tỉnh Hưng Yên.

⁹ Nay gồm huyện Ninh Giang (Hải Dương) và huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng).

Cửa biển Nam Giới: [Xem nhà Đinh, năm Thái Bình thứ 10 \(Chb. 1, 12\).](#)

Quý Tị, năm thứ 5 (993). (Tổng, năm Thuần Hóa thứ 4).

Mồng 1 tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà vua sai sứ sang cống và dâng tờ biển Đinh Toàn nhường ngôi. Vì sồn về nỗi Tôn Toàn Hưng đã bại trận, vua Tống cũng ưng thuận, mới sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem bài chế văn sang phong nhà vua làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Giao Chỉ quận vương.

Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép: Năm Thuần Hóa thứ 4 (993), Lê Hoàn đưa lễ sang cống, phong cho Lê Hoàn làm Giao Chỉ quận vương. Bài "Phát minh" trong sử trên bàn rằng: Thiên tử sở dĩ được quý, là chỉ vì vâng mệnh trời, đánh giết kẻ phản nghịch. Giao Châu là đất đã do họ Đinh giữ trước. Năm Khai Bảo thứ 6 (973), Đinh Liễn vào cống, vâng mạng chịu phong vương. Vậy thì con cháu nối nghiệp, là theo đúng lễ. Đinh Liễn mất rồi, em là Đinh Toàn nối ngôi. Bộ tướng là Lê Hoàn lừa gạt kiểm chế chủ mình, giành nắm quyền chính. Đó thực là kẻ loạn thần, tặc tử. Đối với pháp luật của vương giả, tất phải tru diệt. Nay vua Tống thấy Lê Hoàn cho sang tiến cống, cũng gia phong cho tước vương. Thế là tước vương ở Giao Chỉ có thể cứ dùng thế lực mà chiếm được, chứ có phải nhận lấy bằng lễ nghĩa đâu! Nếu sau này bày tội của Lê Hoàn cũng bắt chước làm theo thói xấu ấy, thì vua Tống lấy gì mà chế trị được? Than ôi! Làm vua mà không nắm được quyền đánh dẹp, thì kẻ loạn thần lấy gì để làm răn chừa! Sử Cương mục (tục biên), ở trên, chép Lê Hoàn đưa lễ vào cống, đến dưới, chép ban chiếu phong cho tước vương. Thì ra hai bên đều trọng về lợi, chứ không trọng về nghĩa nữa. Công đạo bởi đâu mà giải tỏ được ru?

Giáp Ngọ, năm Ứng Thiên thứ 1 (994). (Tổng, năm Thuần Hóa thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai nha hiệu Phí Sùng Đức đem biểu sản vật địa phương.

Chế Cai nước Chiêm Thành vào châu.

Trước đây, chúa Chàm¹ sai Chế Đông đến dâng sản vật địa phương. Nhà vua trách là vô lễ, gạt đi không nhận, chúa Chàm² sợ, sai cháu là Chế Cai vào châu.

Ất Mùi, năm thứ 2 (995). (Tổng, năm Chí Đạo thứ 1).

Bính Thân, năm thứ 3 (996). (Tổng, năm Chí Đạo thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ nhà vua dong tủng dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống. Chuyển vận sứ Quảng Tây lộ là Trương Quan, và binh mã giám áp ở trấn Như Hồng là Vệ Chiêu Mỹ đem việc đó tâu về triều, vua Tống ý muốn vỗ về cho yên, nên cũng bỏ qua không hỏi đến. Trương Quan lại dâng thư nói rằng nhà vua³ bị họ Đinh xua đuổi, thu nhặt đám quân còn sót, ra ở nơi hải đảo, cướp bóc để độ thân, nay đã mất rồi. Vua Tống sai thái thường thừa là Trần Sĩ Long làm Thái phó sứ, sang dò hư thực, mới biết những lời Trương Quan đều dối trá cả, bèn xuống chiếu nghị tội bọn Trương Quang. Lại bổ Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây Chuyển vận sứ, và sai Hải khang úy là Lý Kiến Trung đem chiếu thư sang ta.

Trước đây, bọn Văn Dũng, dân trấn Triều Dương, phạm tội⁴, trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu bên Tống, được trấn tướng nhà Tống là Hoàng Lệnh Đức chứa chấp. Nha vua sai trấn tướng ta ở Triều Dương là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt không được. Đến đây, Nghiêu Tẩu (người Tống) đến trấn

¹ Tức Chiêm Thành.

² Chỉ Chiêm Thành.

³ Chỉ Lê Đại Hành.

⁴ Tội làm loạn, giết người.

Như Tích, hỏi biết rõ đầu đuôi về việc chứa giấu phạm nhân, mới đem giao trả ta tất cả trai, gái, già trẻ hơn trăm người mà trước đây Hoàng Lệnh Đức đã chứa chấp. Nhà vua lại bắt hai mươi bảy người Dẫn không biết tiếng Trung Quốc đưa sang Quảng Tây giao cho Tống. Nhân tiện sai sứ sang tạ ơn Tống và nói đến việc đã bắt được giặc biển đưa sang rồi. Lại hứa hẹn sẽ răn cấm dân các miền khe động không được khuấy rối nữa.

Lời chua - Như Hồng và Như Tích: Sách Thanh Nhất thống chí chép: trấn Như Hồng và trấn Như Tích đều ở về phía tây Khâm Châu, thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông.

Triều Dương: Tên trấn. Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23).

Người Dẫn (Hồ di Dẫn Man): Theo sách Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi, người Dẫn là giống người lấy thuyền làm nhà, coi ở nước như ở trên cạn, lênh đênh sống trên sông biển.

Sứ nhà Tống sang ban sắc mệnh.

Nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết đem tờ chiếu và đai ngọc sang ban cho. Khi sứ thần đã đến nơi, nhà vua ra đón ở ngoài đô thành, có ý ngạo mạn coi thường, không thi lễ, bảo Nhược Chuyết rằng: "Trước đây xảy việc cướp trấn Như Hồng là do giặc ở ngoài biên giới, chẳng hay hoàng đế có biết cho không? Giả sử Giao Châu chúng tôi nổi lên chống lại, thì trước hết kéo sang Quảng Châu, rồi vào mọi quận ở Mân Châu, chứ có khi nào chỉ nhằm một trấn Như Hồng mà thôi?". Nhược Chuyết ung dung nói: "Túc hạ xuất thân từ một nha tướng, được hoàng đế trao cho tiết việt, hết lòng cung thuận, hợp với lễ nghĩa, tất không có ý gì khác. Các đại thần bên tôi đều cho rằng giặc biển khuấy rối, một mình Giao Châu không thể trị nổi, xin đem quân ra hội tiễu, để dứt hẳn mối lo về sau. Nhưng hoàng đế lại lo Giao Châu không biết rõ được ý chỉ triều đình, lỡ sinh ra sợ hãi chẳng, cho nên không đem quân sang hội tiễu nữa". Nhà vua ngạc nhiên nói: "Giặc biển xâm phạm biên giới, đó là lỗi tại người bầy tôi có trách nhiệm giữ biên cương. Từ nay xin kính theo giáo hóa triều đình, quét sạch chướng khí ngoài biển"¹. Nói đoạn, cúi đầu tạ lỗi.

Lời chua - Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 18).

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Mân Châu: Bây giờ thuộc Phúc Kiến thống bộ.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (997). (Tống, năm Chí Đạo thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Tống gia phong nhà vua tước Nam Bình vương.

Tống Chân tông lên ngôi, gia phong nhà vua tước Nam Bình vương. Trước đây, sứ Tống đến, thường nói về việc cống muối rồi dâng dưa đến cả việc thuế khóa. Chân Tông nghe biết chuyện ấy, nên đến đây, chỉ sai viên quan ở biên cương triệu người sang để trao cho sắc chỉ, chứ không chuyên sai sứ thần mang sang như trước nữa.

Sai sứ sang nhà Tống.

Năm ấy (Đinh Dậu, 997), nước Chiêm Thành cướp nơi biên giới. Nhà vua đi đánh, quân Chiêm thua chạy, mới đem sản vật địa phương sang biểu nhà Tống, nhân tiện dâng biểu đại lược nói: "Giao Châu chúng tôi giáp giới với Chiêm Thành, trong một hai năm nay, Chiêm Thành thường khuấy rối miền lân cận, cướp nhà thuế hộ, xâm lấn lương dân; nước tôi thường phải dùng đến binh khí để ngăn cản chúng, nên mới đến nỗi trễ việc triều cống, thật là trái phép tắc của triều đình". Nhà Tống đáp lại một cách ưu hậu, ban cho đai ngọc, áo giáp và ngựa.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh giặc ở Đổ Động, bắt được đồ đảng nó đem về.

¹ Chỉ bóng về giặc giã.

Có thủy tai lớn.

Mậu Tuất, năm thứ 5 (998). (Tổng, Chân Tông, năm Hàm Bình thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Mông 1, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực. Suốt từ tháng này đến tháng 6, không mưa.

Mông 1, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 (999). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 2).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp yên được Hà Động.

Bốn mươi chín động vùng Hà Động đều dẹp yên cả. Từ đấy các châu, các động đầu đầy đều quy phục.

Lời chua - Hà Động: tức động Hà Man; bây giờ là đất huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Canh Tí, năm thứ 7 (1000). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 3).

Bọn Trịnh Hàng ở Phong Châu làm loạn. Nhà vua xuống chiếu sai đi đánh.

Bọn Trịnh Hàng làm loạn, nhà vua điều khiển quân sĩ đi đánh. Trịnh Hàng chạy sang núi Tản Viên.

Lời chua - Phong Châu: X. Hùng Vương (Tb. I, 1).

Tản Viên: Tên núi. Ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Hình thế núi cao vọi như cái tán, nên gọi là Tản Viên.

Sai tướng chia nhau đi tuần các nơi biên thùy.

Sai Từ Mục đi tuần cõi Hà Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi phía bắc, để dò xét tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 (1001). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 4). Vua nhà Đinh trước là Toàn mất ở Cự Long.

Nhà vua đi đánh Cự Long: Vệ vương Toàn theo đi. Bấy giờ quân giặc thấy nhà vua, chúng giương cung, chĩa tên, toan bắn, chiếc tên rơi xuống; chúng lại giương cung, dây cung đứt. Chúng sợ, rút lui. Nhà vua đi thuyền ven sông đuổi theo. Quân giặc ở hai bên bờ đánh khép lại. Quan quân bị hãm ở sông. Vệ vương Toàn trúng phải mũi tên bay, mất tại trận. Nhà vua kêu trời ba tiếng, rồi thân ra đốc chiến: quân giặc thua.

Lời phê - Lê Hoàn lợi dụng cơ hội, đã cướp lấy nước người ta, lại không khéo đối đãi chúa cũ, đẩy vào chỗ chết, thế nào mà Toàn chẳng đến tử vong? Còn việc cất tiếng kêu trời, gieo mình xuống đất, chỉ là một ngón giả trá. Thật khó che đậy được công luận nghìn thu.

Lời chua - Cự Long: Tên dân tộc Mán. Nhà Đinh, nhà Tiền Lê gọi là mán Cự Long, đến nhà Lý diệt được. Năm Thuận Thiên (1428-1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thủy; năm Quang Thuận (1460-1469), đổi lại Cẩm Thủy. Bây giờ vẫn theo tên cũ, thuộc phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Dần, năm thứ 9 (1002). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt luật lệ pháp lệnh.

Lựa tuyển chư quân.

Lựa tuyển trong dân đinh lấy những người khỏe mạnh sung bổ vào các đội ngũ. Chia tướng hiệu làm hai ban. Chế mấy nghìn chiếc mũ đầu mâu, ban phát cho sáu quận.

Lời chua - Lộ, phủ, châu: Thay đổi và xếp đặt thế nào không rõ.

Quý Mão, năm thứ 10 (1003). (Tổng, năm Hàm Bình thứ 6).**Nhà vua đi Hoan Châu, đào sông Đa Cái¹.**

Bấy giờ đào sông Đa Cái, có kẻ ta oán nổi lên làm phản, nhà vua sai bắt chém đem rao đi khắp nơi để mọi người biết. Đầu mục dân thành Nhật Hiệu là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia quyến của chúng hơn bốn trăm năm mươi người trốn sang Khâm Châu bên Tống. Người Tống yên ủi và bảo trở về. Bọn Khánh Tập sợ tội, không dám về, cứ trú ở nơi bờ biển.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đa Cái: Tên xã. Bấy giờ là xã Hương Cái, huyện Hưng Nguyên. Theo sách Nghệ An chí, Hương Cái cảng ở phía tây nam huyện Hưng Nguyên.

Thành Nhật Hiệu: Sách An nam chí chép là trường² Hiệu Thành. Nay không khảo được.

Khâm Châu: Bấy giờ thuộc phủ Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Theo sách Giao Chỉ di biên, Hoàng Khánh Tập vào ở tại thôn Ô Thổ bên sông Dũng bộ thuộc địa phận Khâm Châu.

Giáp Thìn, năm thứ 11 (1004). (Tổng, năm Cảnh Đức thứ 1).**Tháng giêng, mùa xuân. Lập Nam Phong vương Long Việt làm Thái tử.**

Trước đây, con trưởng là Kinh Thiên đại vương Long Thân mất, Ngân Tích, theo thứ tự, đáng được lập. Bấy giờ Long Đĩnh cầu xin làm Thái tử, ý nhà vua muốn cho; đình thần bàn rằng không lập con trưởng mà lập con thứ thì không hợp lễ; thành thử lại thôi. Đến đây, lập Long Việt làm Thái tử, gia phong Đông Thành vương Ngân Tích và Khai Minh vương Long Đĩnh làm đại vương.

Sai Hành quân vương Minh Đê sang bên Tống.

Nhà vua sai Minh Đê, lấy tư cách là quyền chức Thứ sử Hoan Châu đi thăm hỏi nhà Tống. Minh Đê đến Biện Kinh³, khẩn cầu ban cho ân điển. Vua Tống y cho, vời vào tiệp điện⁴ vỗ về hỏi han, ban thưởng rất hậu, và phong làm Kim tử vinh lộc đại phu Kiểm hiệu Thái úy Hoan Châu thứ sử.

Lời chua - Minh Đê: Tức là Long Đê, con thứ hai Lê Đại Hành.

Xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

Lời chua - Sông Đại Hoàng: Bấy giờ là con sông xã Đại Hữu huyện Gia Viễn (Ninh Bình).

Ất Tị, năm thứ 12 (1005). (Tổng, năm Cảnh Đức thứ 2).**Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua mất.**

Nhà vua khi mới mất, gọi là Đại Hành⁵ hoàng đế, rồi cứ để làm miếu hiệu, không đổi lại; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

¹ Nguyên văn là "Đa Cái cảng".

² Trường sở.

³ Kinh đô của nhà Bắc Tống (960-1126).

⁴ Nhà riêng để nghỉ ngơi của vua chúa xưa.

⁵ Theo chế độ phong kiến xưa, trong thời gian quá độ "vua trước mới chết chưa có tên thụy, vua sau đã lên ngôi", quần thần thường dùng danh từ chung chung mà gọi vua mới chết ấy là Đại Hành hoàng đế để cho phân biệt với vua mới. Về danh từ "Đại Hành", có hai nghĩa: 1- Vua đã đi dài, không trở về nữa; 2- Vua có đức hạnh to, tất phải được danh lớn. Về trường hợp Lê Hoàn này đáng lẽ, theo công thức phong kiến, chỉ gọi tạm là Đại Hành trong một thời gian như trên đã nói, nhưng vì không có tên thụy và tên miếu hiệu, nên cứ phải gọi là "Đại Hành" mãi mãi như trăm nghìn vua khác khi mới chết cũng gọi là "Đại Hành" (xem thêm "Lời chua" của Cương mục).

Lời chua - Hán thư chép: Cao đế (nhà Hán) mới mất, triều thần gọi là Đại Hành hoàng đế. Tôn Dục nhà Ngụy nói: "Phép đặt tên thụy, lúc sinh thời làm được sự nghiệp to tát hay là nhỏ mọn thì lúc mất tên thụy cũng theo như vậy. Khi tiên quân chưa có tên thụy, mà tự quân (vua nối ngôi) đã lên ngôi, kẻ thần hạ xưng hô nên có phân biệt; vì vậy gọi là Đại Hành". Hiệu gọi: "Đại Hành" có lẽ gốc từ đây.

Táng ở Sơn Lăng Hoa Lư.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Long Việt lên ngôi.

Trước đó, Đông Thành vương Ngân Tích, Trung Quốc vương Long Kính và Khai Minh vương Long Đĩnh đều làm loạn; Thái tử không lên ngôi được, cầm cự nhau đến 8 tháng, trong nước không ai làm chủ. Đến đây, Long Việt mới lên ngôi; Ngân Tích phải chạy, bị người châu Thạch Hà giết chết.

Lời chua - Thạch Hà: Tên Châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là châu Thạch Hà; nhà Lý đổi làm huyện Thạch Hà; nhà Trần đổi gọi châu Nhật Nam; hồi thuộc Minh gọi là châu Nam Tĩnh. Về sau, Lê lại gọi là huyện Thạch Hà. Bây giờ là huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Khai Minh vương Long Đĩnh giết vua Long Việt mà tự lập.

Vua Long Việt lên ngôi được 3 ngày; Long Đĩnh sai kẻ trộm trèo tường vào trong cung, giết chết, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua; truy đặt tên thụy vua Long Việt là Trung Tông hoàng đế.

Dùng Lý Công Uẩn làm Tứ Sương quân phó chỉ huy sứ.

Khi vua Long Việt bị giết, bầy tôi đều chạy trốn cả, chỉ có điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm thân nhà vua mà khóc. Long Đĩnh cho là trung nghĩa, cất lên làm chức này.

Truy tôn mẹ làm Hưng Quốc quảng thánh Hoàng thái hậu.

Nhà vua đã cướp được ngôi, xưng tôn hiệu là Khai Thiên ứng vận thánh văn thần vũ tắc thiên sùng đạo đại thắng minh quang hiếu hoàng đế: truy tôn mẹ làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - Thái Hậu: Con gái quan Chi hậu tên là Diệu, không rõ họ là gì.

Lập bốn Hoàng hậu.

Nhà vua tự cầm quân đi đánh Ngự bắc vương Long Ngận và Trung Quốc vương Long Kính, dẹp yên được cả.

Bấy giờ nhà vua đã lên ngôi, Long Ngận và Long Kính giữ xã Phù Lan để chống lại. Nhà vua thân đi đánh: hai vương ấy đóng chặt thành cố thủ. Vây đến vài tháng, trong thành cạn lương; Long Ngận bắt Long Kính đem dâng nộp. Nhà vua sai chém Long Kính và tha tội cho Long Ngận. Nhân tiện, đem quân đi đánh Ngự Man vương Long Đĩnh ở Phong Châu; Long Đĩnh phải đầu hàng. Từ đó các vương đều chịu phục cả.

Lời chua - Phù Lan: Xem năm Hưng thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1).

Đặt Đằng Châu lên làm phủ Thái Bình.

Nhân dịp đem quân về đến Đằng Châu, nhà vua sai đặt Đằng Châu lên làm phủ.

Lời chua - Đằng Châu: Xem ngang với Tống, Thái tổ, năm Kiền Đức thứ 4 (Tb. V, 28).

Thân đi đánh mán Cử Long.

Trước đây, nhà vua đóng ở xã Phù Lan, có tin chạy trạm đến tâu rằng mán Cử Long vào cướp, đã kéo đến cửa biển Thần Đầu. Khi đã dẹp yên Phong Châu, rút quân về đến sông Tham, nhà vua liền vào Ái Châu để đánh giặc mán Cử Long.

Lời chua - Cử Long: Tên một dân tộc Mán. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34).

Cửa Thần Đầu: Ở địa giới huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Nhà Lê đổi là Thần Phù; bây giờ là cửa Chính Đại.

Tham: Tên sông, chưa rõ ở đâu.

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Bính Ngọ, năm thứ 13 (1006). (Đế Long Đĩnh vẫn theo niên hiệu cũ: năm Ứng Thiên thứ 13. - Tống, năm Cảnh Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Sạ làm Khai phong vương; con nuôi là Thiệu Lý làm Sở vương, Thiệu Hưng làm Hán vương.

Lời cần án - Long Đĩnh giết anh mà tự lập, hoang dân thành bệnh, năm mà coi châu, nhân gọi là Ngọa Triều. **Sử cũ** chép là "Ngọa Triều hoàng đế", có lẽ là theo tên gọi thời bấy giờ, chứ không phải là tên thụy. Chép vậy thật là trái thường quá lắm! Nay, đã không có tên thụy, thì cứ chép thẳng tên thực, đó là biến lệ của sử **Cương mục** (Trung Quốc). Nay đổi lại, chép là "Đế Long Đĩnh" để cho hợp với ý nghĩa và thể lệ của Cương mục dẫn trên.

Đặt lại quan chế và triều phục.

Đặt lại quan chế văn võ và triều phục, đều theo như kiểu mẫu của nhà Tống.

Lời chua - Triều phục nhà Tống thế này: có ba hạng mũ: 1) Mũ tiến hiền, là phẩm phục hàng nhất phẩm và nhị phẩm; 2) Mũ điều thiên là phẩm phục hàng tam phẩm các tì, hàng tam phẩm ngự sử đài, và hàng ngũ phẩm hai sảnh; 3) Mũ giải trãi, là phẩm phục từ tứ phẩm đến lục phẩm. Công khanh trở lên mặc màu tía; ngũ phẩm trở lên mặc màu đỏ; thất phẩm trở lên mặc màu lục¹; cửu phẩm trở lên mặc màu xanh.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ nhà Tống sang.

Trước đây, các vương tranh nhau nổi ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu ở Quảng Châu là Lăng Sách cùng với An phủ sứ nơi duyên biên là Thiệu Việp tùy tiện liệu tính công việc rồi tâu bày. Bọn Lăng Sách dâng thư nói rằng: cứ như lời bọn Hoàng Khánh Tập, người Giao Chỉ, do nhà đương cục Liêm Châu đưa đến, thì các con Nam Bình vương² đến phân tán đóng giữ các trại, các sách, quan lại rời rạc chia lìa, nhân dân lo sợ. Vậy xin đem quân sang đánh dẹp; Khánh Tập xin làm tiên phong hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình y theo lời thỉnh cầu đó, xin dùng đồn binh ở các châu Quảng Nam³ rồi thêm vào đấy 5.000 quân tinh nhuệ ở Kinh⁴ Hồ⁵, thủy bộ cùng tiến sang thì có thể lập tức bình định được. Song, vua Tống cho rằng họ Lê bấy lâu vẫn giữ lễ cống, nên không nỡ đem quân sang đánh, xuống chiếu bảo bọn Lăng Sách phải chiêu an vỗ về như cũ, cốt khiến cho yên. Rồi sai Thiệu Việp đem thư sang hiểu dụ. Nhà vua⁶ sợ, xin sai em sang cống.

Lời chua - Quảng Nam: Theo sách Thanh Nhất thống chí, tỉnh Quảng Đông về đời Ngũ Đại (907-959), là nước Nam Hán; nhà Tống đặt làm Quảng Nam đông lộ và

¹ Màu xanh lá cây.

² Chỉ Lê Đại Hành.

³ Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Giang Lăng phủ đời Tống, thuộc tỉnh Hồ Bắc.

⁵ Hồ Châu đời Tống, thuộc tỉnh Chiết Giang.

⁶ Chỉ Lê Ngọa Triều.

Quảng Nam tây lộ; nhà Nguyên gộp lại đặt ra đạo Quảng Đông; nhà Minh đổi làm tỉnh Quảng Đông; nhà Thanh cũng để tên như thế.

Quảng Châu: Xem Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Minh Đề từ Tống trở về.

Từ cuối niên hiệu Ứng Thiên (1004), Minh Đề vâng mạng sang Tống, vì trong nước rối loạn, không về được, phải đóng lại Quảng Châu. Đến đây, vua Tống xuống chiếu bảo An phủ sứ là Thiệu Việp cấp người và thuyền để cho về. Thiệu Việp nhân dịp này, tính chiếm lấy nước ta, bèn dâng bức địa đồ thủy lục từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đưa bức địa đồ ấy cho các cận thần xem và bảo: Giao Châu là nơi lam sơn chướng khí, nếu đem quân sang đánh, chắc sẽ tổn hại nhiều. Vậy ta chỉ nên cẩn thận giữ lấy đất đai của ông cha". Sự toan tính ấy vì thế mới thôi.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chbi. I, 14).

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Đinh Mùi, năm thứ 14 (1007). (Tống, năm Cảnh Đức thứ 4).

Mùa xuân. Sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống.

Nhà vua sai Minh Sưởng và chưởng thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biểu nhà Tống, dâng biểu xin cứu kinh¹ và kinh sách đại tạng. Nhà Tống ưng thuận cho cả. Nhà vua lại sai sứ đem biểu con tê đã nuôi quen. Vua Tống cho rằng con tê từ xa đến không quen thủy thổ, nên đợi khi sứ giả ta về, đem thả ra ngoài bãi biển. Nhà vua (Long Đĩnh) lại dâng biểu xin áo giáp và mũ trụ trang sức bằng vàng, đều được vua Tống ưng cho. Lại xin cho ta sang "hồ thị" ở Ung Châu, mua bán đổi chác với người Tống; nhưng vua Tống không nghe, chỉ cho mua bán đổi chác ở Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi.

Lời chua - Đại Tạng: Kinh nhà Phật.

Hồ thị: Đem chỗ có đến chỗ không đổi chác lẫn nhau ở chợ.

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25-26).

Trấn Như Hồng: Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 3 (Chb. I, 31).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống sang.

Vua Tống phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, cho tên là Chí Trung. Theo như phép cũ, khi mới trao quyền ở Giao Châu thì chỉ ban tiết việt, chứ chưa phong tước vương. Đến Tống Chân Tông (998-1022) cho rằng Giao Châu ở xa, phải có ân điển triều đình mới có thể trấn phục được, nên đặc cách sai đức ấn "Giao Chỉ quận vương" đem sang cho; lại truy phong Đại Hành hoàng đế làm Nam Việt vương, và sửa lễ tế viếng.

¹ Chín kinh sách nhà nho. Có hai thuyết. Thuyết thứ nhất, Cửu kinh gồm có: 1) Chu lễ; 2) Nghi lễ; 3) Lễ ký; 4) Tả truyện; 5) Công dương; 6) Cốc lương; 7) Dịch; 8) Thi; 9) Thư; Thuyết thứ hai: 1) Dịch; 2) Thi; 3) Thư; 4) Lễ; 5) Xuân thu; 6) Hiếu kinh; 7) Luân ngữ; 8) Mạnh tử; 9) Chu lễ;

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ II

Từ Mậu Thân (1008). Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 1 đến hết Kỷ Mão (1039), Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 1, gồm 32 năm (1008-1039).

✱

✱ ✱

Mậu Thân (1008), Lê đế Long Đĩnh năm Cảnh Thụy thứ 1 (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 1).

Lập con nuôi của Hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên vương.

Lời chua - Hoàng hậu: Cảm thánh hoàng hậu.

Tam Nguyên: Sử cũ chua "có chỗ chép là Nhị Nguyên".

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1009). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 2. Năm này nhà Lê mất).

Đào sông ở Ái Châu.

Đô đốc Kiều Hành Hiến xin đào sông, đắp đường và lập đồn dựng mốc ở Ái Châu. Nhà vua nghe theo, xuống chiếu cho quân và dân châu ấy đào sông từ cửa ải Chi Long qua núi Đính Sơn đến sông Vũ Lũng.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Cửa ải Chi Long: Theo Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, cửa ải Chi Long ở huyện Chi Nga, Chi Nga bây giờ là huyện Nga Sơn.

Vũ Lũng: Tên châu. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Nhà vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lũng.

Tục truyền: Ai bơi lội qua sông Vũ Lũng thường hay bị hại, nhà vua sai đóng thuyền để chở người qua lại.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua thân đi đánh châu Hoan Đường và châu Thạch Hà.

Nhà vua đến sông Hoàn Giang, sai phòng át sứ Hồ Thủ Ích đem hơn năm nghìn quân sửa sang mở mang đường sá, từ sông Châu Giáp đến cửa Nam Giới. Nhà vua đi thuyền ra ngoài biển bỗng dưng sóng gió sôi nổi, mây mưa mờ mịt, bèn sai quay thuyền trở lại, đi đường bộ về kinh đô.

Lời chua - Hoan Đường: Thuộc đất Hoan Châu. Nhà Đinh, nhà Lê (Lê Đại Hành) gọi là châu Hoan Đường; khi thuộc Minh đổi là Thạch Đường; về sau, nhà Lê đổi là huyện Nam Đường. Nay vẫn theo như tên cũ, thuộc phủ Anh Sơn tỉnh Nghệ An.

Thạch Hà: Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Cửa biển Nam Giới: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Sông Hoàn Giang: Không khảo được.

Tháng 10, mùa đông. Lê đế Long Đĩnh mất.

Nhà vua có tính hiếu sát: Những súc vật dùng làm món ăn, tất phải chính tay mình đâm chết trước. Dùng nhiều hình phạt tàn ngược để giết người: hoặc quấn cỏ vào thân người rồi lấy lửa đốt; hoặc sai Liêu Thủ Tâm, tên phường chèo người Tống, cầm con dao cùn lóc thịt người để cho không chết ngay được, thấy người bị hành hình ấy đau đớn kêu gào, Thủ Tâm nói khôì hài rằng nó không quen chịu chết, thì nhà vua ha hả cười. Đi đánh dẹp, bắt được tù binh, đều tống vào cái "thủy lao" để cho nước triều dâng lên thì sặc nước, há mồm mà chết; có khi bắt họ trèo lên ngọn cây rồi ở dưới chặt cây, cây đổ, người ngã chết, thì khanh khách cười, lấy làm vui thích. Hồi đi đánh Án Động, bắt được tù binh người Mán, nhà vua sai đánh bằng gậy; người Mán đau đớn kêu gào, nhiều lần xúc phạm đến tên húy vua Đại Hành, thì lấy làm hả hê lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu, bắt được người Mán, đem nhốt vào cái vựa mà đốt.

Mỗi khi coi châu, thế nào nhà vua cũng sai những kẻ khôì hài đứng hầu ở hai bên, nếu có ai nói gì thì chúng liền lấu nói theo mà cười ồ, để làm át và đánh lạc những tiếng tâu bày việc nước của các quan.

Minh Sưởng từ bên Tống về, dụ được này Tiêu thị, người Tống, đem dâng, nhà vua cho vào cung làm cung nhân.

Nhà vua hoang dâm tửu sắc, dần mắc bệnh trí, năm mà coi châu, nên người ta gọi là "Ngoạ Triều". Ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi.

Lời cần án - Thể lệ chép sử **Cương mục** (Trung Quốc): đối với những vua chính thống, lúc mất, lúc táng đều có chép cả. **Sử cũ** (của ta) không chép táng Lê đế Long Đĩnh; nay không khảo được.

Lời chua - Hoan Châu: Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Đây trở lên, nhà Lê từ Đại Hành niên hiệu Thiên Phúc thứ 2, năm Tân Tị (981), đến Long Đĩnh niên hiệu Cảnh Thụy thứ 2, năm Kỷ Dậu (1009), cộng 3 vua, 29 năm (981-1009).

Tả thân Điện tiền chỉ huy sứ¹ Lý Công Uẩn tự lập làm vua.

Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, thuộc Bắc Giang, tư chất thông sáng, hình dạng tuần tú khác đời. Khi còn nhỏ, thường học nhà sư Vạn Hạnh. Sư Vạn Hạnh lấy làm lạ, nói rằng: "Người này không phải tầm thường, mai sau tất làm chúa cả nước". Kịp khi lớn lên, Công Uẩn khẳng khái có chí lớn. Khoảng giữa niên hiệu Ứng Thiên nhà Lê, làm cấm quân dưới triều Trung Tông. Ngoạ Triều khi đã cướp ngôi làm vua, thăng Công Uẩn lên điện tiền chỉ huy sứ. Trước đó, sét đánh vào cây gạo làng Diên Uẩn, vết hằn có bài thể này.

"Thụ căn diểu diểu,
Mộc biểu thanh thanh
Hòa đao mộc lạc
Thập bát tử thành,
Đông A nhập địa,
Dị mộc tái sinh,
Chấn cung hiện nhật,
Đoài cung ẩn tinh,
Lục, thất niên gian,
Thiên hạ thái bình"².

¹ Chức quan trông coi binh lính trực ban ở trước điện nhà vua.

² Nghĩa đen từng chữ:

Rễ cây thăm thăm,

Ngọn cây xanh xanh,

"Hòa đao" (hòa = lúa; đao = đao) tàn rụng.

Sư Vạn Hạnh tán riêng rằng: "Hòa đao mộc" là chữ Lê. "Thập bát tử" là chữ Lý. "Đông A" là họ Trần. "Nhập địa" là giặc Bắc phương vào lấn cướp. "Dị mộc tái sinh" là họ Lê lại nổi lên. Ý nói họ Lê đổ, họ Lý lên, trong khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình". Rồi Vạn Hạnh bảo Công Uẩn: "Gần đây suy đoán lời sấm, thì họ Lý chắc khởi nghiệp lớn". Sợ lời đó lộ liễu, Công Uẩn sai người giấu sư Vạn Hạnh đi; nhưng cũng lấy thể làm tự phụ. Ngoại Triều thường ăn quả khế, thấy có hạt mạn¹, lại ngẫm nghĩ đến lời sấm nên ngẫm tìm dòng dõi họ Lý mà giết đi; nhưng Công Uẩn ở ngay bên mình, thế mà không biết. Kịp khi Ngoại Triều mất, vua kế tự còn thơ ấu; Công Uẩn vào túc trực ở trong cung, chỉ hậu² Đào Cam Mộc nhân dịp, nói: "Mới đây, chúa thượng là người mờ tối, tàn bạo, lòng trời ghét bỏ. Con kế tự hãy còn trẻ thơ, không đáng nổi lúc nước nhà lâm nỗi hoạn nạn. Dân tình đầu đuôi nhao nhao, cũng muốn kiếm được một vị chân chúa. Quan thân vệ³ sao không nhân lúc này, nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, trông gương Thang, Vũ ngày xưa, theo lối Đinh, Lê gần đó, trên thuận lòng trời, dưới theo nguyện vọng của dân, còn khư khư giữ tiểu tiết làm chi nữa?". Công Uẩn thấy nói, trong bụng bằng lòng, nhưng bề ngoài vẫn cứ giả vờ trách móc Cam Mộc. Hôm sau, Cam Mộc lại nói: "Người trong nước bây giờ đều biết họ Lý chắc khởi nghiệp, lời sấm đã rõ rệt rồi, không còn che giấu được nữa. Đồi vạ ra phúc, chỉ ở chỗ lát bây giờ. Quan thân vệ⁴ lại còn ngờ gì nữa?". Công Uẩn nói: Tôi biết ý ông không khác ý thầy Vạn Hạnh. Nếu quả như lời, thì mưu tính sao?". Cam Mộc nói: "Quan thân vệ⁵ là người công bằng, rộng lượng và nhân đức, được lòng mọi người. Hiện nay trăm họ kiệt quệ, mệt mỏi không chịu đựng nổi chính lệnh triều đình. Quan thân vệ⁶ nhân dịp này, đem ân đức vỗ về họ, chắc họ sẽ đổ xô theo về như nước chảy chỗ trũng, còn ai ngăn cản được?". Cam Mộc sợ việc chậm lại, sẽ sinh biến chẳng, mới đem việc đó nói với khanh sĩ và các quan, thì không ai dám có ý gì khác cả. Ngay hôm ấy, mọi người hội họp ở nhà triều đường, cùng nhau bàn rằng: Ngày nay, đối với nhà Lê, ức triệu người đều khác lòng, quan và dân đều lìa bỏ. Nếu không nhân dịp này, tôn quan thân vệ⁷ lên làm thiên tử, lỡ có biến cố gì xảy ra, thì bọn ta liệu có giữ được khỏi mất đầu không?

Bấy giờ các quan mới cùng nhau phò Công Uẩn đến nhà chính điện lên ngôi hoàng đế. Trăm quan thụp lạy, đầu gối tung hô "vạn tuế". Công Uẩn đại xá cho cả nước, lấy sang năm làm năm đầu một niên hiệu mới. Đốt hết lò lưới⁸, xóa bỏ việc tù ngục và kiện tụng; xuống chiếu cho phép từ nay hễ ai có việc tranh giành thừa kế, được đến tận triều đình mà tâu bày, nhà vua sẽ thân ra phân xử.

Bây tôi dâng tôn hiệu.

Bây tôi dâng tôn hiệu đặt cho nhà vua là Phụng Thiên chí lý ứng vận tự tại thánh minh long hiện duệ văn anh vũ sùng nhân quảng hiếu thiên hạ thái bình khâm minh quang trạch chương minh vạn bang hiếu ứng phù cảm uy chấn phiên man duệ mưu thần trợ thánh trị tắc thiên đạo chính hoàng đế.

"Thập bát" (thập = mười; bát = tám) mộc thành cây.

Họ "Đông A" (Trần: một nửa là chữ "đông", một nửa là chữ "A") vào đất.

Cây khác lại mọc lên.

Cung dăng đông (Chấn, một quẻ trong bát quái (kinh Dịch), thuộc về phương đông) có mặt trời mọc.

Cung dăng tây (Đoài: như trên, phương tây) có sao lờ mờ.

Sáu bảy năm đây

Cả nước thái bình.

¹ Chữ "lý" có nghĩa là cây mạn.

² Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

³ Chỉ Lý Công Uẩn.

⁴ Chỉ Lý Công Uẩn.

⁵ Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

⁶ Chức quan hầu cận bên vua, có nhiệm vụ truyền lệnh và dẫn người vào ra.

⁷ Chỉ Lý Công Uẩn.

⁸ Ý nói ơn đức vua mới nhuần thấm đến cả chim muông.

Lời phê¹ - Nhà Lý được nước, cũng không phải chính nghĩa cho lắm, nhưng đương buổi Lê Ngô triều, lòng người lìa tan, sinh dân vô củ, không về với Công Uẩn còn biết theo ai? Cho nên, nhà Lý thì dường như được trời tựa, người theo; nhà Lê thì rõ là thoán đoạt. Còn việc làm của hai nhà ấy, đặng nhân nghĩa, đặng bạo ngược, rõ rệt khác nhau; mà các vua kế tự, bên hiền tài, bên hư hỏng, cũng sai biệt hẳn. Vì thế, một nhà thì ngắn ngủi, một nhà thì lâu dài: phải lắm!

Lời phê² - Tôn hiệu phiền phức dài dòng quá lắm! Rất trái với lẽ thường, cũng rất tỏ rõ cái thói bạo đờ.

Lời chua - Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, Quang Thuận năm thứ 100 (Chb. XXI, 28).

Cổ Pháp: Tên châu. Từ Đình về trước gọi là châu Cổ Lãm; nhà Lê đổi là Cổ Pháp; nhà Lý đặt lên làm phủ Thiên Đức; nhà Trần đổi là huyện Đông Ngàn. Về sau, nhà Lê vẫn theo tên cũ. Bây giờ là huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Diên Uẩn: Tên làng, thuộc châu Cổ Pháp.

Truy tôn cha làm Hiên Khánh vương, mẹ là Phạm thị làm Minh Đức hoàng thái hậu.

Mẹ ngài là Phạm thị, đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân giao cấu, do đấy có thai, sinh ngài năm Giáp Tuất, Thái Bình thứ 5 (974) đời Đinh. Khi ngài lên ba tuổi, sư chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Văn nuôi làm con, nhân đấy lấy theo họ Lý.

Lời cần án - Lý Thái Tổ làm con nuôi sư Lý Khánh Văn, còn bố đẻ không biết là ai. **Sử cũ** ở đây chép truy tôn cha mà không chép tên, lại không nói rõ là bố đẻ hay là bố nuôi, về sau chép phong cho anh, phong cho chú, lại không thấy nói họ tên. Vậy hãy tạm để lại, sẽ khảo sau.

Lời chua - Chùa Tiêu Sơn: Tức chùa Trường Liêu, ở xã Tiêu Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chùa Cổ Pháp: Ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Lập sáu Hoàng hậu.

Riêng người vợ cả gọi là Lập Giáo hoàng hậu. Những đồ ăn mặc và xe đi đều khác với các bà hậu kia.

Lập con là Phật Mã làm thái tử.

Phật Mã là con trưởng, thiên tư đĩnh ngộ, tinh thông Lục nghệ³ và Lược thao⁴. Khi còn nhỏ, chơi với trẻ con, Phật Mã hay tập làm nghi vệ bách quan rước xách. Nhà vua nói bỡn rằng: "Con nhà tướng⁵ nên tập quân sự, chứ chơi trò rước xách làm gì?". Phật Mã thưa: "Họ Lê lên thay họ Đinh, chẳng phải là nhà tướng đấy ư? Chẳng qua là tự trời cho đó mà thôi!". Nhà vua lấy làm lạ. Đến đây lập làm thái tử.

Bấy giờ, các con đều phong tước hầu, 13 người con gái đều phong công chúa. Và phong anh làm Vũ Uy vương, phong chú làm Vũ Đạo vương. Lại phong Trưng Hiên, con Vũ Uy vương làm thái úy, và phong Phó, con Dực Thánh vương, làm tổng quản.

¹ Chỉ việc Lý thay Lê.

² Chỉ việc đặt tên hiệu cho Lý Thái Tổ.

³ Về lục nghệ có hai thuyết: 1. Lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (cầm cương ngựa), thư (viết), số (tính); 2. Cũng gọi là Lục kinh: Dịch, Lễ, Nhạc, Thi, Thư và Xuân thu.

⁴ Tức là binh thư Tam Lược và Lục thao, Tam lược có sách, theo như cũ đã đề, do Hoàng Thạch Công soạn - Lục thao là sách của Thái Công, gồm có Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hồ thao, Báo thao, Khuyển thao.

⁵ Lúc ấy Lý Công Uẩn giữ chức điện tiền chỉ huy sứ triều Lê.

Lời chua - Vũ Uy vương, Vũ Đạo vương, Dực Thánh vương: đều không rõ tên là gì. Theo sách Thiên Nam trung nghĩa lục của Phạm Phi Hiển, Dực Thánh vương là con thứ hai Lý Thái Tổ.

Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa tín hầu.

Cam Mộc có công phò giúp lên ngôi, nhà vua phong cho tước hầu và gả cho công chúa An Quốc.

Ban áo mặc cho hàng tăng đạo.

Năm Canh Tuất (1010), Lý Thái Tổ hoàng đế năm Thuận Thiên thứ 1. (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân, sang chơi châu Cổ Pháp, ban tiền và lụa cho các kỳ lão có thứ bậc khác nhau.

Xa giá nhà vua đến châu Cổ Pháp, yết lăng Thái hậu, sai các quan đo đất vài mươi dặm đặt làm cấm địa thuộc sơn lăng; nhân dịp ấy ban tiền và lụa cho các kỳ lão.

Lời chua - Cổ Pháp: Tên châu. Xem Lê Long Đĩnh năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 7).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai viên ngoại lang là Lương [Nhậm] Văn và Lê Tái Nghiêm đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống. Các quan nhà Tống muốn từ chối, nhưng vua Tống nói: "Họ Lê thay nhà Đinh, họ Lý cũng bắt chức làm theo. Ta đối với Lê hay Lý, nào có khác gì!". Bèn nhận lễ sính.

Tháng 7, mùa thu, dời kinh đô đến thành Thăng Long.

Nhà vua cho rằng thành Hoa Lư trũng thấp, chật hẹp, nên muốn dời kinh đô đi chỗ khác, dụ bầy tôi rằng: "Xưa kia, nhà Thương năm lần thiên kinh đô, nhà Chu ba lần thiên kinh đô, thay đều trên kính vâng mạng trời, dưới thuận theo lòng dân, để làm chức lâu dài hàng muôn đời. Gần đây, nhà Đinh, nhà Lê theo ý riêng mình, ở đâu yên đấy, không biết lo xa, nên hưởng nước không được lâu dài; trẫm lấy làm đau lòng lắm! Trẫm nay mở xem địa đồ, Đại La thành, kinh đô cũ của Cao Biền, ở trung tâm đất nước, có hình thế hiểm yếu như rồng bò hổ phục, bốn phương sum họp, người và vật đông nhiều, thực là chỗ kinh đô quý nhất của đế vương. Trẫm muốn nhân chỗ địa lợi ấy đóng làm kinh đô. Ý các khanh nghĩ thế nào?". Bầy tôi đều thưa: "Bệ hạ nói đến việc ấy thực là lợi cho thiên hạ muôn đời".

Nhà vua bằng lòng lắm, mới từ Hoa Lư dời kinh đô đến Đại La thành. Thuyền ngự đến bên thành, có con rồng hiện ra. Nhà vua sai đổi tên là thành Thăng Long¹.

Ở trong thành, khởi công xây dựng cung điện: phía trước là điện Kiến Nguyên, dùng làm chỗ coi châu, hai bên tả, hữu làm điện Tập Hiền và điện Giảng Vũ, đều có thềm rộng. Lại mở ba cửa: cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân; cửa Đan Phụng thông với cửa Uy Viễn. Đằng sau điện Kiến Nguyên có điện Long An và điện Long Thụy, làm chỗ nhà vua nghỉ ngơi. Hai cung Thúy Hoa và Long Thụy để cho các phi tần ở. Lại lập kho dựn, xây thành, đào hào. Mở bốn cửa thành: phía Đông là cửa Tường Phù, phía Tây là cửa Quảng Phúc, phía Nam là cửa Đại Hưng, phía Bắc là cửa Diệu Đức.

Lời chua - Hoa Lư thành: Xem Nam tẫn, Ngô Xương Văn, năm thứ 1 (Tb. V, 24).

Đại La thành: Xem thuộc Đường, Ý Tông, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Thăng Long thành: Theo Hà Nội sách, nhà Lý gọi là thành Thăng Long; nhà Trần đổi làm Đông Đô, khi thuộc Minh gọi là Đông Quan thành; nhà Lê gọi là Đông Kinh, năm Gia Long thứ 4, đổi là Thăng Long. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội.

Đổi thành Hoa Lư làm phủ Trường Yên. Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức.

¹ Chữ "Thăng Long" đời Lý là "Rồng lên" khác với nghĩa chức "Thăng Long" thời Giao Long là "Thịnh vượng".

Đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ Thiên Đức, lại đổi sông Bắc Giang làm sông Thiên Đức.

Lời chua - Phủ Trường Yên: Nhà Lý đặt làm phủ, nhà Trần, nhà Lê đều để theo tên cũ. Bây giờ là phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình.

Châu Cổ Pháp: Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Sông Thiên Đức: Có tên nữa là sông Diên Uẩn hoặc sông Đông Ngàn. Đó là dòng sông do sông Nhị Hà tách ra, chảy qua huyện Đông Ngàn và huyện Quế Dương đổ vào sông Lục Đầu. Bây giờ là sông Chiêm Đức, tỉnh Bắc Ninh.

Dựng chùa ở phủ Thiên Đức.

Phát hai vạn quan tiền, dựng tám cảnh chùa, đều lập bia ghi công đức. Lại ở trong thành Thăng Long, dựng chùa Hưng Thiên ngự tự, cung Thái Thanh và chùa Vạn Tuế; ở ngoài thành dựng chùa Thăng Nghiêm, chùa Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thái Thọ, chùa Thiên Quang và chùa Thiên Đức, những đền chùa ở các làng mạc, có ngôi nào đổ nát, đều sai sửa chữa lại cả.

Lời phê - Nịnh Phật quá chừng, gây nên mối tệ về sau, hay là Lý Thái Tổ mê hoặc là mình xuất thân từ cửa Phật chăng? Dầu sao cũng không phải là chính đạo.

Tháng 12, mùa đông. Cung Thúy Hoa làm xong. Đại xá.

Xá thuế ba năm cho cả nước. Phàm những thuế các năm trước còn thiếu đều xóa bỏ cho cả. Những người Mán bị bắt làm tù binh từ năm Cảnh Thụy¹ nhà Lê, đều phát quần áo, tha cho về.

Sứ nhà Tống sang.

Từ Đĩnh, Lê đến nay, sứ Tống sang sách phong, trước phong chức Kiểm hiệu Thái úy, rồi đến chức Tiết độ, đô hộ, sau mới phong là Quận vương. Đến đây, bắt đầu phong ngay là Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ. Việc này về sau trở thành lệ thường.

Đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ; Ái Châu và Hoan Châu làm trại.

Lại lập trại Định Phiên ở Hoan Châu nam giới, dùng Lý Thai Giai làm chủ trại.

Lời cần án - Nhà Đinh đặt thập đạo quân; nhà Lê chia mười đạo làm lộ, phủ, châu; đến nay nhà Lý lại chia mười đạo làm hai mươi bốn lộ. Tên đạo và tên lộ ra sao, **Sử cũ** đều không chép rõ. Và, ở đây chép đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ, đặt Hoan Châu và Ái Châu làm trại, thì bây giờ các châu đều gọi là châu, hoặc giả đặt châu làm lộ, còn Hoan Châu và Ái Châu là đất biên viễn, nên lại gọi là trại để phân biệt đó chăng?

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa.

Hoan Châu: Tức Nghệ An. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Hoan Châu nam giới: Theo Nghệ An phong thổ ký của Bùi Dương Lịch, Hoan Châu nam giới là ở đất huyện Kỳ Hoa. Bây giờ Kỳ Hoa là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tân Hợi, năm thứ 2 (1011). (Tống, năm Đại Trung tường phủ thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và diệt được mán Cử Long.

Mán Cử Long giữ nơi hiểm yếu, cậy sức kiên cố, từ Đĩnh, Lê đến nay vẫn không chinh phục được. Đến Lý bây giờ, Cử Long ngày càng quá rộng rãi, nhà vua thống suất sáu quân đi đánh: bắt được tên đầu sỏ của chúng, rồi rút về. Từ đó Cử Long mới bị diệt hẳn.

Lời chua - Cử Long: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34-35).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

¹ Niên hiệu Lê Ngọa Triều (1008-1009).

Sai Viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang Tống biểu sản vật địa phương. Khánh Văn lẫn trốn ở lại bên Tống; người Tống bắt, giao trả lại. Nhà vua sai đánh bằng trượng giết chết.

Dựng điện Hàm Quang ở bến sông Phú Lương.

Làm điện ở bên sông Phú Lương là để dùng trong những lúc đi chơi, văn cảnh.

Lời chua - Sông Phú Lương: Sông này trên liền với sông Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây, dưới thông với sông Đại Hoàng tỉnh Nam Định chảy suốt ra biển. Bây giờ là sông Nhị Hà thuộc Hà Nội.

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1012). (Tống, năm Đại Trung tường phù thứ 5).

Tháng 4, mùa hạ. Sửa lại hai điện Long An và Long Thụy.

Hai điện này làm từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Lập thái tử Phật Mã làm Khai Thiên vương.

Nhà vua thấy thái tử sinh trưởng ở nơi cung cấm, chưa am hiểu việc dân, nay phong cho tước vương và làm cung Long Đức ở ngoài thành để cho ở.

Lời cần án - Thái tử là vị hoàng tử trong nước. Lý Thái Tổ lập Phật Mã làm thái tử thế là người trừ bị nổi ngôi đã định rõ rồi. Nếu muốn cho Thái tử biết khắp mọi việc dân gian thì nên chọn lấy những bậc sư phó có hiền đức mà dạy bảo chỉ dẫn cho thì hơn. Nay lại phong tước vương, cho ở ngoài thành, không khác gì các vương khác, như thế không phải đạo tôn trọng người nối dõi tông đường và thống nhất lòng dân. Về sau, Lý Thái Tông lập Thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương, cũng bắt chước làm như thế, thực là trái thường lắm.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi xem bơi chải.

Bơi thuyền thi ở sông Phú Lương, nhà vua ngự điện Hàm Quang để xem. Suốt đời nhà Lý, việc xem bơi chải trở thành lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nước Chân Lạp sang cống.

Nước Chân Lạp ở phía nam nước Chiêm Thành, khoảng niên hiệu Thuận Thiên (1010-1026), tất cả bốn lần sang triều cống nước ta.

Lời chua - Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nhà vua thân đi đánh và dẹp được Diễn Châu.

Người Diễn Châu chống lại mệnh lệnh triều đình, nhà vua tự cầm quân đi đánh. Khi quân về đến cửa Biện, gặp cơn gió mưa mờ mịt, sấm chớp ầm ầm, mọi người đều sợ có sự bất trắc. Nhà vua đốt hương, khẩn trời rằng: "Tôi là người ít đức, đứng đầu quan và dân, vẫn nơm nớp sợ hãi, như lo lờ sa xuống vực sâu. Chỉ vì người Diễn Châu ngang ngạnh, không theo giáo hóa, nên bắt buộc phải đi đánh dẹp. Trong vòng gươm giáo, chắc không khỏi có sự oan uổng tới dân lành, đến nỗi làm cho hoàng thiên nổi giận; một mình tôi đây dù phải chịu nạn cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân vô tội thì sao? Kính xin lòng trời soi xét cho". Khấn vừa dứt lời, sấm gió yên ngay.

Lời phê - Lời Lý Thái Tổ khẩn trời, tỏ ra rất có đức độ để vương; thật chẳng khác Thành Thang nhà Thương đem sáu việc¹, trách mình trong khi gặp nạn bảy năm hạn hán: thảo nào giữa người và trời có sự cảm ứng không sai.

¹ Sáu việc mà Thành Thang nêu ra để xét mình khi trong nước bị đại hạn luôn bảy năm: 1) Chính sự không có chừng mực chăng? 2) Dân chúng không có nghề nghiệp làm ăn chăng? 3) Cung thất đồ sộ chăng? 4) Nữ sắc quá nhiều chăng? 5) Có tệ hối lộ và dân bị oan uổng nhiều chăng? 6) Hay nghe lời nịnh hót, làm mất lễ công bằng chăng? (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 1, tờ 12a).

Lời chua - Diễn Châu: Tên phủ. Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cửa Biện: Ở địa phận huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bây giờ vẫn là cửa Biện.

Quý Sửu, năm thứ 4 (1013). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 6).

Tháng 2 mùa xuân. Đặt thể lệ thuế khóa.

1) Thuế đầm, ao, ruộng đất; 2) Thuế tiền bãi dâu; 3) Thuế sản vật ở núi rừng; 4) Thuế mắm muối dưới sự kiểm soát của các nơi quan ải; 5) Thuế sừng tê, ngà voi và hương liệu ở nơi thổ mán; 6) Thuế gỗ lạt, hoa quả ở miền núi. Thầy đều đặt rõ lệ ngạch để đánh thuế. Cho các vương, hầu và công chúa được quản lĩnh các thuế có từng thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, mùa hạ. Lập con là Bồ làm Khai Quốc vương.

Tháng 10, mùa đông. Châu mục Vị Long là Hà Trắc Tuấn làm phản. Nhà vua tự cầm quân đi đánh, Trắc Tuấn chạy trốn.

Trước đó, người Mán đến châu Vị Long đổi chác, mua bán; nhà vua sai người đến bắt, tước được hơn một vạn con ngựa. Đến đây, Trắc Tuấn làm phản, lại ngả theo người Mán. Nhà vua thân đi đánh: Trắc Tuấn sợ, chạy trốn.

Bấy giờ tâu ngựa của vua có một con ngựa, hể ngựa giá sắp đi đâu thì nó thể nào cũng hí lên. Nhà vua đặt tên cho là Bạch Long thần mã.

Lời chua - Vị Long: Tên châu. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Vị Long; nhà Lý, nhà Trần vẫn theo tên như thế. Khi thuộc Minh đổi là Đại Man. Về sau, nhà Lê vẫn để tên ấy. Bây giờ là đất châu Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Người Mán: Tức là mán Hạc Thác. Xem năm Thuận Thiên, thứ 5 (Chb. II, 17). Theo Ngụ Hành chí của Phạm Thành Đại nhà Tống, đất Nam Chiếu liền với rợ Tây Nhung, có sản nhiều ngựa; ngựa ở đây là giống tốt nhất của tây nam phiên. Sách Vân đài loại ngữ của Lê Quý Đôn cũng chép: Về miền Nam Chiếu sản nhiều ngựa tốt, nhân dân mua bán trao đổi với nhau lan tràn cả sang xứ lân cận.

Giáp Dần, năm thứ 5 (1014). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Quân Mán vào cướp. Nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc.

Tướng mán Hạc Thác là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, cắm dinh dần đồn, gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục Bình Lâm là Hoàng Ân Vinh tâu việc ấy về triều. Nhà vua sai Dực Thánh vương (không rõ tên) đi đánh, phá được giặc, chém hàng vạn thủ cấp, bắt được quân và ngựa của địch, rồi rút về. Nhà vua sai bọn viên ngoại lang Phùng Chân đem một trăm con trong số ngựa đã bắt được ấy đưa biếu nhà Tống. Vua Tống hậu đãi họ, ban cho họ mũ, đai, đồ dùng và lụa có từng thứ bậc khác nhau.

Lời cần án - Sử cũ ở đây chỉ chép là "người Mán" chứ không nói rõ là Mán nào. Nay theo sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng, chép là mán Hạc Thác.

Lời chua - Hạc Thác: Theo Minh sử, Nam Chiếu cũng có tên gọi nữa là Hạc Thác.

Bình Lâm: Theo Độc sử phương dư kỷ yếu của Cổ Tổ Vũ, nhà Đường đặt châu Bình Lâm, rồi lại chia ra cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất các huyện Quảng Yên tỉnh Cao Bằng.

Tháng 10, mùa đông. Đắp thành đất ở Thăng Long.

Bốn bề xung quanh ngoài kinh thành đều sai đắp thành đất cả.

Đổi phủ Ứng Thiên làm Nam Kinh.

Lời chua - Phủ Ứng Thiên: Thuộc tỉnh Hà Nội. Nhà Lý gọi là Ứng Thiên; khi thuộc Minh gọi là Ứng Bình; nhà Lê lại gọi là Ứng Thiên. Bây giờ là phủ Ứng Hòa¹.

Ất Mão, năm thứ 6 (1015). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào Cam Mộc mất.

Cam Mộc có công giúp Thái tổ lên ngôi, được phong tước hầu, đến đây mất, tặng phong thái sư.

Tháng 2. Hà Trắc Tuấn lại làm phản. Nhà vua sai đi đánh giết được Trắc Tuấn.

Trắc Tuấn lại nổi lên làm phản ở các châu Vị Long, Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên. Nhà vua sai Dực thánh vương và Vũ Đức vương đi đánh, bắt được Trắc Tuấn điệu về kinh đô, chém đầu, bêu ở chợ Cửa Đông.

Lời chua - Đô Kim: theo Đường thư Địa lý chí, nhà Đường đặt châu Đô Kim, rồi lại chia ra, cho lệ thuộc vào các châu khác. Bây giờ là đất tổng Đô Kim, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bình Nguyên: Từ khi thuộc Minh trở về trước gọi là châu Bình Nguyên. Nhà Lê ban đầu vẫn để tên cũ, rồi đổi là Vị Xuyên. Bây giờ là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Châu Thường Tân: Không khảo được.

Bính Thìn, năm thứ 7 (1016). (Tổng, năm Đại Trung tường phù thứ 9). Tháng 3, mùa xuân. Lại lập ba hoàng hậu.

Ba hoàng hậu là: Tá quốc, Lập nguyên và Lập giáo.

Lời cần án - Sử cũ chép Lý Thái Tổ trước đây đã lập sáu hoàng hậu. Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu: đồ mặc và xe đi đều khác với các hoàng hậu kia. Đến đây lại chép lập ba hoàng hậu, mà Lập Giáo thì ở sau cùng. Điều này **Sử cũ** chắc có lầm lẫn; nhưng hãy cứ chép lại đó, sẽ khảo sau.

Động đất.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Đâu đầy được mùa cả.

Tha tô thuế 3 năm cho cả nước.

Đinh Tị, năm thứ 8 (1017). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Điện Kiền Nguyên bị sét đánh.

Vì điện Kiền Nguyên bị sét đánh, nhà vua coi chầu ở điện phía đông.

Lời chua - Điện phía đông: Tức điện Tập Hiền.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 (1018). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Mới truy tôn và đặt tên thụy cho bà của nhà vua.

Lời phê - Gốc tích họ Lý lờ mờ không khảo được, còn làm thế nào được việc truy tôn? Nhưng ý trời chung đúc cho thì có khi người thường không thể lường biết được.

Lời cần án - Những đời trước của vua Lý Thái Tổ, thế thứ ra sao, tên và hiệu là gì đều không rõ cả. Ở đây chép truy tôn bà mà không nói đến ông. Ngô [Thì] Sĩ bảo "bà"

¹ Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

đây là mẹ của thái hậu. Đối với những điều không lấy gì làm bằng cứ được, xin hãy chép lại để sẽ khảo sau.

Tháng 6, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống xin kinh Tam tạng.

Sai viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc Như sang nhà Tống dâng biểu xin kinh Tam tạng; vua Tống ưng cho. Kịp khi sứ bộ quay về, nhà vua xuống chiếu cho Phí Trí sang tỉnh Quảng Tây đón kinh về để kho ở Đại Hưng.

Lời chua - Kinh Tam Tạng: Kinh Phật. Tam tạng của nhà chùa gồm có Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

Tháng 10, mùa đông. Lập con là Lực làm Đông Chinh vương.

Tha một nửa tô ruộng cho cả nước.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 (1019). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức.

Lời cần án - Cổ giả lập kinh đô phía trước là triều đình, phía sau là đô thị¹, bên tả là miếu thờ tổ, bên hữu là nền tế xã. Tổ miếu sở dĩ ở bên tả quốc đô, là cốt để hết lòng tôn kính về việc tế lễ thờ cúng. Đời sau, như Hán, Đường, Tống, nhà thái miếu đều dựng ở kinh đô, chứ chưa có đời nào lập thái miếu ở chỗ lăng tẩm. Lý Thái Tổ được nước ta mười năm rồi mà không thấy sử chép xây dựng nhà thái miếu ở kinh thành; đến đây, mới thấy chép lập nhà thái miếu ở lăng Thiên Đức. Có lẽ vì bấy giờ những người bàn định lễ nghi chưa khảo kỹ được pháp chế đời xưa, hay là **Sử cũ** bỏ sót không chép việc dựng thái miếu ở kinh đô, mà lại nhận lầm tẩm miếu ở lăng Thiên Đức là thái miếu chăng? Nay hãy chép lại đó để sẽ khảo sau.

Lời chua - Thiên Đức: Tên phủ, Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đặt châu Cổ Pháp lên làm phủ; bây giờ là huyện Đông Ngàn². Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng các vua triều Lý đưa về táng ở phủ Thiên Đức đều gọi là Thọ Lăng.

Độ dân trong nước làm thày chùa.

Trước đó, độ dân ở kinh đô; đến đây, lại độ dân trong cả nước, lập đàn giới ở chùa Vạn Thọ, sai các tăng đồ đến thụ giới. Phát vàng đúc chuông lớn để ở các chùa Hưng Thiên, Đại Giáo và Thăng Nghiêm.

Canh Thân, năm thứ 11 (1020). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 4).

Tháng 12 mùa đông. Sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh và phá được nước Chiêm Thành.

Nhà vua sai Khai Thiên vương và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bồ Chính, tiến thẳng đến núi Long Tị, chém được tướng Chiêm là Bồ Lệnh tại trận; người Chiêm chết mất quá nửa.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức nước Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Bồ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Long Tị: Ở địa phận xã Thuận Chất, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình. Hình thế núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long Tị".

Điện phía đông bị sét đánh.

¹ Phố xá, chợ búa.

² Huyện Đông Ngàn nay không còn. Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

Vì điện phía đông bị sét đánh, nhà vua coi châu ở điện phía tây. Lại dựng lên ba ngôi điện: điện ở đằng trước dùng làm nơi để coi châu, hai điện ở đằng sau dùng để làm việc chính trị.

Lời chầu - Điện phía tây: Tức là điện Giảng Vũ.

Điện phía đông: Xem năm Thuận Thiên thứ 8 (Chb. II, 19).

Tân Dậu, năm thứ 12 (1021). (Tổng, năm Thiên Hi thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Ngày tiết Thiên Thành, thiết yến tiệc các bầy tồ.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thành. Ngoài cửa Quảng Phúc kết trúc làm núi, gọi là Vạn Thọ nam sơn; trên núi làm nhiều hình trạng chim bay, thú chạy, lăm về lý kỳ. Nhân đó ban yến cho bầy tồ để mua vui.

Lời chầu - Cửa Quảng Phúc: Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

Nhâm Tuất, năm thứ 13 (1022). (Tổng, năm Kiên Hưng thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bỏ việc kết trúc làm núi giả.

Nhà vua thấy việc kết trúc làm núi, nhọc sức nhân dân nên bãi bỏ. Ngày tiết Thiên Thành chỉ đặt tiệc thôi.

Sai Dực Thánh vương đi đánh và phá được mán Đại Nguyên Lịch.

Mán Đại Nguyên Lịch khuấy nhiễu nơi biên giới, nhà vua sai Dực Thánh vương đi đánh, phá được giặc. Quan quân ta vượt bờ cõi, tràn sang đất Tống, đến trại Như Hồng, thiêu đốt kho đụn ở đấy rồi rút về.

Lời chầu - Đại Nguyên Lịch: Sử cũ chầu là tên một dân tộc Mán, ở khoảng giữa trại Như Hồng và trấn Triều Dương. Theo sách Khâm Châu chí nhà Thanh, trại Như Hồng ở về phía tây Khâm Châu, giáp giới với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An thuộc Giao Chỉ 20 dặm.

Quý Hợi, năm thứ 14 (1023). (Tổng, Nhân Tông, năm Thiên Thánh thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Lời chầu - Triều Dương: Xưa là bộ Ninh Hải; nhà Đinh, nhà Lê gọi là trấn Triều Dương; nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An; nhà Trần đổi làm lộ Hải Đông; khi thuộc Minh gọi là châu Tĩnh An; nhà Lê cho lộ thuộc vào An Bang. Bây giờ là đất các châu Tiên Yên và Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Giáp Tý, năm thứ 15 (1024). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 2).

Mùa xuân. Xướng chiếu sai Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Phong Châu. Khai Quốc vương đi đánh châu Đô Kim.

Lời chầu - Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

Đô Kim: Xem năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Sửa sang kinh thành Thăng Long.

Thành Thăng Long khởi đắp từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010) đến đây sửa lại.

Tháng 9, mùa thu. Dựng chùa Chân Giáo.

Làm chùa Chân Giáo ở trong thành, sai thày chùa tụng kinh, nhà vua ngự đến văn cảnh.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Thái Tổ xây dựng chùa này và sai tụng kinh ở đây; Lý Huệ Tông xuất gia đi tu cũng ở chùa này. Sách **Tả truyện** có câu rằng: "Quân dĩ

thử thủy, diệc dĩ thử chung"¹, nghĩa là lúc bắt đầu xuất phát từ việc gì, thì lúc cuối cùng lại kết quả bằng việc ấy. Câu này thật đáng tin lắm.

Ất Sửu, năm thứ 16 (1025). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Định danh hiệu binh làm giáp, đổi chức hỏa đầu làm chánh thủ.

Mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quản giáp. Lại đặt các sắc mục quản giáp. Con hát cũng gọi là quản giáp.

Lời chua - Hỏa Đầu: Sách Kiến văn lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Hỏa đầu cũng như đội trưởng đời Lê. Không rõ đặt ra từ đời nào.

Bính Dần, năm thứ 17 (1026). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa Ngọc Đệ².

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 18 (1027). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Hạng hán.

Tháng 8, mùa thu. Xuống chiếu cho Khai Thiên vương Phật Mã đi đánh châu Thất Nguyên, Đông Chinh vương Lực đi đánh Văn Châu.

Lời chua - Châu Thất Nguyên: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Thất Nguyên; nhà Lê gọi là Thất Tuyên. Nay là huyện Thất Khê.

Văn Châu: Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nhà Lý gọi là Văn Châu; khi thuộc Minh gọi là châu Thượng Văn và châu Hạ Văn; nhà Lê gọi là châu Văn Uyên. Nay vẫn là châu Văn Uyên.

Mậu Thìn, năm thứ 19 (1028): (Từ tháng 3 trở đi là niên hiệu của Lý Thái Tông hoàng đế năm Thiên Thành thứ 1). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 6).

Mồng 1, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Lý Thái Tổ mất.

Nhà vua ở ngôi 19 năm, thọ 55 tuổi.

Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương làm loạn. Bọn nội thị Viên ngoại lang³ là Lý Nhân Nghĩa và Vũ vệ tướng quân⁴ là Lê Phụng Hiểu đánh dẹp được yên: Vũ Đức vương phải chịu giết chết.

Khi Lý Thái Tổ mới mất, bầy tôi đều đến cung Long Đức đón Thái tử Phật Mã, vâng theo lời di chiếu, lên ngôi. Hay tin ấy, Đông Chinh vương Lực cùng Dực Thánh vương và Vũ Đức vương đều kéo quân của phủ mình vào Cẩm Thành. Đông Chinh vương Lực phục quân ở phía trong Long Thành, Dực Thánh vương và Vũ Đức vương phục quân ở phía trong cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đổ ra tập kích. Một lát, Thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Kiến Nguyên, thấy động, cho đóng các cửa điện lại, sai các vệ sĩ bố trí phòng bị. Thái tử bảo những người ở bên mình rằng: "Ta đây ở với anh em không phụ ai một tí nào, thế mà bây giờ các vương ấy làm sự bất nghĩa để nguy hại đến xã tắc! Vậy ý các khanh nghĩ sao?". Lý Nhân Nghĩa thưa: "Tình nghĩa anh em là ở chỗ trong có thể hiệp mưu với nhau,

¹ Lời của Khuất Đãng nói với Tấn Cảnh Tông (Xuân thu đại toàn, quyển 4). Ở đây ý nói vua sáng nghiệp nhà Lý dựng chùa Chân Giáo, đến vua cuối cùng nhà Lý lại kết quả bằng việc thất cố ở chùa này (xem thêm Chb. VI, 3 chép việc Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông).

² Gia phả của họ nhà vua.

³ Chức quan được đặt từ thời Lý. Thường dùng để đi sứ, ngoại giao.

⁴ Chức quan chỉ huy quân đội đứng đầu một vệ ở thời Lý, khoảng 2000 người.

ngoài có thể cùng nhau chống kẻ khinh thường nhà mình. Nay các vương ấy như thế thì còn gọi là anh em được nữa không? Tôi xin được phép ra đánh một trận để quyết định sự được thua". Thái tử nói: "Tiên đế mới năm xuống, chưa kịp táng; mà bây giờ anh em ruột thịt hại lẫn nhau, để thiên hạ và đời sau chê cười thì sao?". Nhân Nghĩa thưa lại rằng: "Tôi nghe nói, người lo việc xa thì phải bỏ sự gần, kẻ giữ đạo công thì phải cắt đứt tình riêng. Xưa kia Chu Công¹ giết Quản², Thái³ để yên nhà Chu; Đường Thái Tông⁴ giết Kiến Thành⁵ và Nguyên Cát⁶ để giữ vững nhà Đường. Nay điện hạ⁷ nếu làm được như Chu Công và Đường Thái Tông ngày trước để yên xã tắc, thì người ta khen ngợi còn không ngớt, chứ còn chê cười nổi gì?". Thái tử hãy còn chần chừ chưa quyết định, Nhân Nghĩa lại nói thêm: "Tiên đế thấy điện hạ⁸ là người hiền có thể nổi được chí, tài có thể làm nên được việc lớn, cho nên phó thác thiên hạ cho điện hạ, nay giặc đã đến sát cửa cung, mà điện hạ còn trù trối lạng lạng thình hồi lâu rồi nói: "Ta đây không phải không nghĩ đến thế đâu, nhưng chỉ muốn cho các vương ấy tự ý rút lui, khỏi lộ tội lỗi, để cho vẹn toàn ân tình máu mủ anh em đó thôi".

Bấy giờ quân ba phủ các vương hành động đã gấp rút. Thái tử liệu thế không thể kim lại được nữa, mới bảo bọn Nhân Nghĩa: "Bây giờ sự thế đã đến thế này, ta đây chỉ biết thờ phụng Tiên đế, còn ngoài ra phó mặc các khanh, ta không biết đến". Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy, nói: "Chết vì hoạn nạn của vua, là phận sự của chúng tôi; ngày nay nếu được chết cũng là chết đúng chỗ".

Nói đoạn, liền mở cửa thành, kéo ra đánh, ai nấy hăng hái sẵn sàng hy sinh: một người có thể địch được trăm người. Lê Phụng Hiểu tuốt gươm thẳng xông đến cửa Quảng Phúc, hô to lên rằng: "Bọn Vũ Đức vương trong bụng ngấm ngấm làm điều phản trắc, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con; Phụng Hiểu đây xin dâng lưỡi gươm này". Đoạn, xông thẳng đến bên ngựa Vũ Đức vương: ngựa bị đánh quy, bắt sống được Vũ Đức vương, giết chết tại trận. Quân của ba vương phủ thua chạy. Quan quân đuổi chém hầu không còn sót một mống nào. Riêng Đông Chinh vương và Dực Thánh vương chạy được thoát thân thôi.

Phụng Hiểu quay về báo tin với Thái tử. Thái tử yên ủi rằng: "Ta sở dĩ gánh vác được cơ nghiệp của Tiên đế, là nhờ sức của các khanh đấy. Ta xem sử nhà Đường thấy có Uất Trì Kính Đức⁹ giúp vua qua cơn hoạn nạn, vẫn nghĩ bụng rằng người làm tôi đời sau không còn ai sánh bằng. Thế mà Phụng Hiểu ngày nay lại còn trung dũng hơn Uất Trì Kính Đức". Phụng Hiểu lạy hai lạy, nói: "Đức độ điện hạ cảm động được đến trời đất, hễ kẻ nào dám manh tâm toan tính gì khác thì các vị thần linh trong thiên hạ đều làm hết chức phận mà tru diệt đi, chứ như lũ tôi nào có công gì!".

Lời phê - Lúc nổi ngôi vua mà gặp chỗ phải đối xử với anh em ruột thịt khó khăn như thế này, thật rất rầy rà! Bấy giờ danh vị của thái tử đã được ổn định từ lâu, mà công đức thái tử trước đây vốn đã rõ rệt, vậy mà còn xảy ra biến loạn đến như thế; huống chi những đám khác ư? Lời bình luận của **Sử cũ**¹⁰ chỉ là câu nệ ở việc phong vương mà không xét kỹ.

¹ Tên là Đán, em Chu Vũ vương, giúp Chu Thành vương, giết Vũ Canh, con chúa Trụ, là kẻ đã cùng Quản Thúc và Thái Thúc nổi dậy làm phản nhà Chu.

² Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đều là em Chu Vũ vương, nhưng dựa vào thế Vũ Canh, con chúa Trụ, phản lại nhà Chu. Chu Công Đán phải đi đánh dẹp, diệt Vũ Canh, giết Quản Thúc, bỏ tù Thái Thúc; loạn mới yên.

³ -nt-

⁴ Tên gọi Thế Dân, là con thứ Đường Cao Tổ và là em Kiến Thành và Nguyên Cát; trị vì từ năm 627 đến năm 649.

⁵ Kiến Thành và Nguyên Cát đều là anh Thế Dân (Đường Thái Tông). Cả hai đều mưu giết em vì lòng ghen ghét; nhưng lại bị Trường Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức là bộ hạ của Thế Dân giết chết (Tăng bình lịch sử cương giám bổ, quyển 19, tờ 6).

⁶ -nt-

⁷ Chỉ Lý Thái Tông.

⁸ -nt-

⁹ Uất Trì Kính Đức giết được Nguyên Cát để cứu cho chủ là Thế Dân (Đường Thái Tông)

¹⁰ Chỉ lời bình luận của sử thần Lê Văn Hưu, đại ý thế này: chế độ nhà Lý, con vợ cả phong tước vương, con vợ thứ đều phong là Hoàng Tử, mà không định rõ danh vị của hoàng thái tử, đến lúc vua cha ốm nặng, mới chọn một người trong hàng các con đứng

Lời chua - Phụng Hiểu: Người làng Bằng Sơn, thuộc Ái Châu, có sức khỏe; Lý Thái Tổ nghe tiếng vời ra làm tướng, thăng đến Vũ Vệ tướng quân: đến đây vì có công dẹp loạn, được phong Đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Làng Bằng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn thuộc huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cung Long Đứ: Ở ngoài kinh thành Thăng Long, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 3 (1012).

Cửa Quảng Phúc¹: Xem năm Thuận Thiên thứ 12 (Chb. II, 23).

Cửa Tường Phù: Cửa Đông Kinh thành Thăng Long.

Thái tử Phật Mã lên ngôi. Đổi niên hiệu. Đại xá.

Ngày Mậu Tuất, Lý Thái Tổ mất; ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi, bầy tôi dâng tôn hiệu: Khai Thiên thống vận tôn đạo quý đức thánh văn quảng vũ sùng nhân thượng thiện chính lý dân an thần phù long hiện thể nguyên ngự cực ức tài công cao ứng chân bảo lịch thông huyền chí ảo hưng long đại định thông minh từ hiếu hoàng đế (tức là Lý Thái Tông).

Tôn mẹ là Lê thị là Linh Hiến hoàng thái hậu.

Tha tội cho Đông Chinh vương và Dực Thánh vương, lại cho khai phục vương tước.

Hai vương đến cửa cung khuyết xin chịu tội. Nhà vua xuống chiếu tha cho.

Ban tiền và lụa cho thiên hạ.

Nhà vua vì mới lên ngôi, muốn ra ơn cho thiên hạ, nên xuống chiếu ban phát tiền và lụa trong kho Nội phủ cho trong nước.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở miếu thần Đồng Cổ.

Trước đây, các vương âm mưu làm loạn, triều đình không ai biết cả, nhà vua đêm chiêm bao thấy thần núi Đồng Cổ báo mộng rằng: Các vương Vũ Đức Đông Chinh và Dực Thánh nổi loạn đấy, nên kíp điều khiển quân lính để đánh dẹp! Lúc tỉnh dậy, nhà vua sai người bố trí phòng bị; quả đúng như thế. Đến đây, xuống chiếu lập miếu thờ Đồng Cổ ở bên hữu thành Thăng Long, xây đàn ở giữa miếu, hội họp bầy tôi, giết con sinh vật, cùng nhau uống máu ăn thề, tuyên thệ rằng: "Làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung, thì Thần linh chu diệt". Từ đấy về sau, năm nào cũng đặt làm lệ thường. Người nào lẩn tránh không đến dự lễ tuyên thệ thì phải phạt 50 trượng.

Lời phê - Đế vương đã có mạng trời xếp đặt, bách thần cũng phải đem hết anh linh ra giúp đỡ. Việc biến loạn ở triều Lý, nếu bảo rằng Thái tử nhân chiêm bao mà biết trước, thì sao khi đã vào đến cung điện mới nghe biết tin biến động. Vậy việc lập miếu thờ đã là bậy rồi, đến việc hội họp thề nguyện lại càng hỏng nữa!

Lời chua - Núi Đồng Cổ: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Miếu thần Đồng Cổ: Ở thôn Đông, phường Yên Thái², huyện Vĩnh Thuận, bây giờ vẫn còn.

Khai Quốc vương Bồ làm phản. Tháng 4, mùa hạ nhà vua thân đi đánh: Khai Quốc vương ra hàng.

Trước đây, Bồ ở phủ Trường Yên, cậu đó là nơi hiểm trở kiên cố, chiêu nạp những kẻ vong mạng, đi cướp bóc dân; người xung quanh không ai dám nói gì cả. Kịp khi Vũ Đức vương đã bị giết. Bồ có ý bất bình, mới đem quân trong phủ mình nổi dậy làm phản. Nhà vua giao Lý Nhân Nghĩa giữ kinh đô,

ra nối ngôi. Chế độ như thế không rõ dụng ý thế nào, nhưng danh vị của ngôi hoàng tử không định rõ từ trước, đến lúc vội vàng mới chọn người nối ngôi, thì khó có thể giữ cho khỏi xảy biến loạn (Toàn thư quyển 3, tờ 13).

¹ Cửa Tây kinh thành Thăng Long.

² Tức làng Đông, vùng các làng Bưởi, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

tự cầm quân đi đánh. Khi quân kéo đến phủ Trường Yên, Bồ xin hàng, nhà vua ưng thuận, ra lệnh: "Hễ kẻ nào cướp bóc của nả của dân thì chém!". Quân sĩ rầm rập nghiêm giữ kỷ luật, không dám tơ hào của dân. Khi vào trong thành, dân chúng ganh nhau dâng bò, biếu rượu; nhà vua vỗ về yên ủi, dân rất hả hê. Rồi rút quân về, xuống chiếu đổi bọn Bồ và liêu thuộc của hắn về kinh thành Thăng Long.

Nhà vua từ Trường Yên về triều, tha tội cho Khai Quốc vương Bồ và cho khai phục lại vương tước.

Tháng 5. Lập con là Nhật Tôn làm Thái tử.

Bây tôi xin với nhà vua rằng: Thái tử là căn bản của nước, nên sớm lập người con có thánh đức chính vị đồng cung để yên lòng mong muốn của thiên hạ. Nhà vua theo lời, lập Nhật Tôn làm Thái tử.

Lập bầy hoàng hậu.

Cho những thân phụ các Hoàng hậu là bọn Mai Hựu, Vương Đổ, Đinh Ngô Thượng làm Thượng tướng¹.

Thân phụ bà Mai hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng; thân phụ bà Vương hậu là Đổ làm Phụ quốc thượng tướng, thân phụ bà Đinh hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

Lời chua - Mai Hựu, Vương Đổ, Đinh Ngô Thượng: **Đều không rõ lý lịch ra sao.**

Dùng Đàm Toái Trạng làm Đô thống, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng.

Đặt mười vệ cấm quân².

Một là vệ Quảng Thánh, hai là vệ Quảng Vũ, ba là vệ Ngự Long, bốn là vệ Phụng Nhật, năm là vệ Trùng Hải: mỗi vệ đều chia ra tả và hữu, để bảo vệ cấm thành.

Tháng 6. Gặp tiết Thiên Thánh, ban yến cho bầy tôi.

Đặt ngày sinh nhật nhà vua làm tiết Thiên Thánh. Kết trúc làm núi Vạn Thọ nam sơn, núi có 5 ngọn: ngọn giữa gọi là núi Trường Thọ, còn 4 ngọn bên gọi là núi Bạch Hạc, làm nhiều hình trạng chim bay muông chạy. Sườn núi cắm đầy cờ xí, treo xen vàng ngọc; cho phường chèo đến trong núi, thổi kèn, thổi sáo, múa hát để mua vui. Ban yến cho bầy tôi. Lối chơi núi 5 ngọn bắt đầu từ đây.

Lời phê - Chưa an táng cha, còn đang có trở đã vội yến tiệc vui chơi như thế, thật thất lễ quá!

Tháng 10, mùa đông. An táng Lý Thái Tổ ở Thọ lăng, phủ Thiên Đức.

Đặt tên Thụy là Thần Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ (1010-1028).

Năm Kỷ Tị (1029). Lý Thánh Tông hoàng đế năm Thiên Thánh thứ 2. (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Làm xong miếu thờ Lý Thái Tổ.

Tháng 3. Gả công chúa Bình Dương cho Châu mục Lạng châu là Thân Thiệu Thái.

Thời bấy giờ không đặt tiết trấn; các việc quân sự và dân sự ở các châu đều do châu mục coi quản. Các châu miền thượng du lại giao cho bọn tù trưởng địa phương quản lĩnh. Nhà vua sợ khó khống chế được họ, nên mới kết một giao hảo bằng cuộc hôn nhân để ràng buộc họ. Lại gả công chúa Kim Thành cho châu mục Phong Châu là Lê Tông Thuận, và gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Thượng Oai là Hà Thiện Lãm. Từ đó việc gả công chúa cho châu mục trở thành lệ thường của nhà Lý.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Phong Châu: Xem Hùng Vương (Tb. I, 1-2).

¹ Chức quan chỉ huy quân đội ở các đạo, vệ thời Đinh, Lý, Trần. Từ thời Lê trở đi chỉ còn là danh hiệu, phẩm hàm.

² Quân bảo vệ thành nội ở kinh đô. Được đặt từ thời Lý. Mỗi quân có 30 đô, mỗi đô 80 người.

Châu Thượng Oai: **Không khảo được.**

Giáp Dần Nãi thuộc Ái Châu nổi loạn. Tháng 4, mùa hạ, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên được.

Nhà vua sai Thái tử coi việc nước, tự cầm quân đi đánh, phá tan được giáp Dần Nãi. Rồi sai Trung sứ đôn đốc nhân dân trong giáp ấy đào sông, gọi là sông Dần Nãi, nhà vua kéo quân về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Đến Nãi: Tên một giáp, không rõ nay ở đâu.

Tháng 6. Dựng điện Thiên An.

Bấy giờ điện Kiền Nguyên đã bỏ, bỗng có con rồng hiện ở nền điện; nhà vua bảo những người ở xung quanh rằng: "Nền điện đã bỏ mà nay có rồng hiện, ý chừng đất ấy là nơi quý địa dựng lên cơ nghiệp để vương¹ chăng?". Rồi sai ở chỗ đó dựng điện Thiên An, hai bên tả hữu làm điện Tuyên Đức và điện Diên Phúc. Sân đằng trước gọi là sân rồng; phía đông và phía tây sân rồng làm điện Văn Minh và điện Quảng Vũ; hai bên tả hữu sân rồng dựng gác chuông; bốn xung quanh sân rồng đều làm hành lang và giải vũ. Phía trước làm điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương, người giữ thẻ đồng hồ² và báo canh, báo khắc ở tại đó. Phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện có gác Long Đồi. Ngoài đó đắp một lần thành bao xung quanh gọi là Long Thành.

Lời phê - Bậy³.

Mông 1, tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra gạo.

Trước chùa Vạn Tuế, mưa xuống thành đồng gạo trắng.

Lời chua - Chùa Vạn Tuế: Ở trong thành Thăng Long.

Sứ nhà Tống sang.

Sứ Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tổ, sách phong nhà vua (Lý Thái Tông) làm Giao Chỉ quận vương.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1030). (Tống, năm Thiên Thánh thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Dựng điện Thiên Khánh.

Dựng điện Thiên Khánh ở phía trước điện Trường Xuân làm nơi làm việc chính trị. Điện này làm kiểu bát giác; phía trước và phía sau điện đều bắc cầu, gọi là cầu Phụng Hoàng.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai đại liêu ban là Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Việt Thân đem sản vật địa phương sang biếu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Sứ của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Đặt ra các kiểu áo mũ tước công, tước hầu, quan văn, quan võ.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đây được mùa cả.

Nhà vua đi thăm đồng Ô Lộ, xem xét việc gặt, nhân đó đổi tên xứ đồng ấy là Vĩnh Hưng.

Lời chua - Ô Lộ, Vĩnh Hưng: Chưa rõ đích xác ở đâu, nhưng xét huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, có tổng Vĩnh Hưng, có lẽ là đấy chăng.

¹ Do chữ "long hưng" (rồng lên) trong bài phú của Ban Cố: chỉ bóng về việc khởi nghiệp của đế vương xưa.

² Dụng cụ cổ dùng để ghi thì giờ.

³ Chỉ việc rồng hiện ở nền điện Kiền Nguyên.

Tân Mùi, năm thứ 4 (1031). (Tổng, năm Thiên Thánh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Người Hoan Châu làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh và hàng phục được họ.

Giao cho Thái tử trông coi việc nước, nhà vua tự làm tướng đi đánh. Quân kéo đến Hoan Châu: người Hoan Châu xin hàng. Ban chiếu tha tội cho các viên thú mục ở châu ấy, sai sứ đi vỗ về hiếu dụ nhân dân, rồi trở về.

Lời chua - Hoan Châu: Tức Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Các đền, chùa làm xong. Đại xá.

Trước đó, nhà vua từ Hoan Châu về, sai làm chín trăm năm mươi cảnh chùa và đền. Đến đây làm xong, mở hội chùa. Đại xá cho cả nước.

Tháng 10, mùa đông. Cho các đạo sĩ nhận ký lục¹ ở cung Thái Thanh.

Đó là theo lời đạo sĩ Trịnh Trí Không.

Lời chua - Cung Thái Thanh: Ở trong thành Thăng Long.

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1032). (Tổng, năm Minh Đạo thứ 1).**Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua chính mình đi cày ruộng tịch điền.**

Nhà vua đi Đổ Động Giang, cày ruộng tịch điền². Có người nông dân dâng lúa có diềm lạ: một rò được chín bông. Nhà vua hạ chiếu đổi gọi ruộng ấy là Ứng Thiên.

Lời chú - Đổ Động Giang: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi Lạng châu xem bắt voi.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Tháng 11, mùa đông. Ban yến cho bầy tôi ở điện Thiên An.**Quý Dậu, năm thứ 6 (1033). (Tổng, năm Minh Đạo thứ 2).****Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.**

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Thái Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Châu Định Nguyên làm phản. Tháng 2, nhà vua thân đi đánh dẹp yên.

Nhà vua giao cho thái tử trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Định Nguyên, rồi kéo quân về. Lúc mới ra quân từ kinh đô, đóng ở châu Chân Đăng, có Đào thị đem con gái mình dâng tiến, nhà vua nhận lấy làm cung phi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Đem quân đi, đem gái về, binh uy vũ lực như thế thành ra nhảm nhí!

Lời chua - Châu Chân Đăng: Thuộc tỉnh Sơn Tây, tức là phủ Lâm Thao³ bây giờ.

Châu Định Nguyên: không khảo được.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ đi tìm ngọc trai.

¹ Một bức viết và vẽ bằng nét trắng, có phù chú, chứng nhận một đạo sĩ đã được vào giới tu đạo.

² Xem chú giải ở Chb. I, 22-23.

³ Nay gồm đất các huyện Sông Thao, Thanh Hòa, Phong Châu, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

Châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa nói ở châu ấy có vực sản ngọc trai; nhà vua sai sứ giả kiểm và lấy được.

Lời chua - Vĩnh Yên: Tức là trấn Triều Dương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb. II, 23-24).

Vực sản ngọc trai: Theo Minh Nhất thống chí, trong biển thuộc châu Vĩnh An ở An Nam sản ngọc trai. Những người lái buôn ngoài biển nói rằng hễ năm nào trăng rằm tháng tám mà sáng tỏ thì năm ấy nhiều ngọc trai.

Tháng 8. Lập thái tử Nhật Tôn làm Khai Hoàng vương.

Tháng 9. Châu Trệ Nguyên làm phản. Tháng 10, mùa đông nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được châu Trệ Nguyên rồi kéo quân về.

Lời chua - Châu Trệ Nguyên: Bây giờ ở đâu, không khảo được.

Giáp Tuất, năm Thông Thụy thứ 1 (1034). (Tổng, năm Cảnh Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho bày tội tâu việc phải gọi vua là "Triều đình".

Phàm ai tâu việc gì ở trước vua thì phải gọi vua là "Triều đình".

Lời bàn của Lê Văn Hưu - Bầy tôi gọi vua là "Bệ hạ"¹ lấy nghĩa rằng do người thấp để đạt lên người cao. Lý Thái Tông bắt bầy tôi gọi là "Triều đình", sau này, Lý Thánh Tông tự xưng là "Vạn thặng"², Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không có phép tắc ở Kinh điển nào cả, thực lắm lần quá!

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua sai Viên ngoại lang là bọn Hà Thụ và Đỗ Khoan đem biếu nhà Tống con voi đã thuần thực. Nhà Tống tặng bộ kinh Đại tạng để đáp lễ lại.

Bấy giờ có sư Nghiêm Bảo Tính và sư Phạm Minh Tâm đều làm lễ thiêu mình: xá lỵ³ thành thất bảo⁴. Nhà vua cho thế là điềm tốt lành, sai đem thất bảo ấy để thờ ở chùa Trường Thánh; nhân đó đổi niên hiệu là Thông Thụy.

Lời phê - Lầm lỗi quá lắm!

Lời chua - Kinh Đại tạng: Xem Lê Long Đĩnh, năm Ứng Thiên thứ 14 (Chb. I, 43).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1035). (Tổng, năm Cảnh Hựu thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Làm lễ sách lập⁵ bà Thiên Cảm hoàng hậu.

Hoàng hậu này là người vợ lẽ yêu của nhà vua, không rõ họ gì. Bấy giờ phong 13 người làm hậu phi, 18 người làm ngự nữ, hơn 100 người làm ca nữ.

¹ Chữ "bệ", nghĩa đen là cái thềm. Thiên tử bao giờ cũng có thân thần cầm binh khí đứng dưới thềm, để phòng sự bất trắc. Bầy tôi tâu bày sự việc lên thiên tử, không dám nói thẳng, nên dùng danh từ "bệ hạ" ý nói do người thấp để đạt lên người cao. Nguyên văn sử Cương mục chép là "do tôn đạt ti" thì không đúng, nên ở đây chúng tôi theo trong Từ Hải chép là "do ti đạt tôn" mà dịch nghĩa là do người thấp để đạt lên người cao cho đúng nghĩa chữ "bệ hạ".

² Chữ "thặng", nghĩa đen là binh xa. Dùng chữ "vạn thặng" để xưng hô vua, ý nói vua có hàng vạn cỗ binh xa.

³ Chất còn lại của xương cốt người ta ở trong tro tàn sau khi thiêu xác.

⁴ Bảy thứ quý giá. Theo sách nhà Phật, "thất bảo" có đến bốn thuyết hơi khác nhau, nhưng thuyết nào cũng trình bày đủ bảy thứ và đều là những thứ sáng sủa, cứng rắn, như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách, san hô hoặc pha lê, trân châu,...

⁵ Lễ lập một người vợ vua lên làm hoàng hậu.

Lập con là Nhật Trung làm Phụng Kiên vương.

Nhật Trung được phong tước vương, còn các con khác đều phong tước hầu.

Tháng 9. Ái Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông, nhà vua thân đi đánh, dẹp yên.

Cho Phụng Kiên vương Nhật Trung làm kinh sư lưu thủ, nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được Ái Châu; trị tội các mục trưởng châu ấy, sai sứ phủ dụ nhân dân rồi về.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XI, 20-21).

Tháng 11. Nhà vua từ Ái Châu về, đặt tiệc linh đình khao các tướng sĩ.**Bọn tướng quân Nguyễn Khánh mưu làm phản, đều bị giết.**

Trước đó, Khánh cùng với em nuôi là Đô thống Đàm Toái Trọng, nhà sư là họ Hồ và em vua là bọn Thăng Kiên, Thái Phúc mưu làm phản. Kịp khi nhà vua đi đánh Ái Châu, Khánh bấy giờ là Định thắng đại tướng cũng theo đi. Việc mưu phản bị phát giác. Phụng Kiên vương Nhật Trung đem tình trạng việc ấy tâu lên, nhà vua xuống chiếu bắt bọn Nguyễn Khánh, đóng cũi đưa về kinh đô. Đến đây, nhà vua ngự ở điện Thiên Khánh, tra xét, bọn Nguyễn Khánh, Toái Trọng và nhà sư họ Hồ đều bị giết, còn thì xử phạt có khác nhau tùy theo tội nặng hay nhẹ. Trước đây, nhà vua đi đến hành doanh ở Ái Châu, mở tiệc khao tướng sĩ, Nguyễn Khánh có dự. Nhà vua ngầm trở Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần: "Nguyễn Khánh, trong lòng xao xuyến, trông thấy trẫm, y có vẻ then, cử động thất thổ, thế nào y cũng làm phản đấy". Kịp khi có tin báo để, các phi tần đều lạy hai lạy mà tâu: "Thiếp nghe danh ngôn xưa có câu: "Bậc thánh nhân ngầm thấy được việc từ lúc chưa bộc lộ, đoán trước được việc từ lúc chưa xảy ra". Ngày nay chính mắt bọn thiếp được thấy rõ nghĩa câu nói ấy".

Bính Tí, năm thứ 3 (1036). (Tổng, năm Cảnh Hựu thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Tượng Phật làm xong. Đại xá.

Pho tượng Phật Đại nguyện đã tô xong, mở hội ăn mừng ở sân rồng; đại xá cho cả nước.

Tháng 4, mùa hạ. Đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại.

Nhà Tùy đặt là Hoan Châu; nhà Đinh, nhà Lê vẫn theo như trước. Đến đây, vì đặt hành doanh, nên đổi tên như vậy. Lại đặt ra những kho như Tư Thành, Lợi Nhân và Vĩnh Phong tất cả 50 sở.

Lời chua - Hoan Châu: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Đinh Sửu, năm thứ 4 (1037). (Tổng, năm Cảnh Hựu thứ 4).**Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, trở về cung.**

Trước đây, đạo Lâm Tây cùng với các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên làm phản, xâm lấn châu Tư Lăng nhà Tống, cướp lấy trâu ngựa của dân sở tại đem về. Đến đây, nhà vua sai Phụng Kiên vương Nhật Trung coi giữ kinh đô, cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn làm đại nguyên soái, đi đánh các châu Đô Kim, Thường Tân và Bình Nguyên, nhà vua thì tự đem quân đến đạo Lâm Tây đánh phá được địch rồi kéo quân về.

Lời chua - Lâm Tây: Thuộc tỉnh Hưng Hóa, nhà Lý gọi là đạo Lâm Tây, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, khi thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng; nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng, tức là phủ Gia Hưng bây giờ.

Hai châu Đô Kim, Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. II, 18).

Tư Lăng: Theo Thanh Nhất thống chí, châu Tư Lăng thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây.

Tháng 7, mùa thu. Xem bơi chải.

Nhà vua ngự điện Hàm Quang, xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng đặt làm lệ thường.

Có nạn thủy tai lớn.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1038). (Tổng, năm Bảo Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi ra cửa Bồ Hải, sai quan tư đắp đàn tế Thần nông, chính mình tự tay cầm cày, làm lễ cung canh¹. Những người ở tả hữu ngăn rằng: "Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần chi phải làm?". Nhà vua nói: "Trẫm mà không chính mình cày ruộng thì lấy đâu có gạo làm tế phẩm để thờ cúng nhà tông miếu và lấy gì để nêu gương cho thiên hạ?". Bấy giờ nhà vua mới cày ba luống rồi thôi.

Lời chua - Cửa Bồ Hải: Xem ngang với Tổng, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 29).

Tháng 11, mùa đông. Làm kho ngự khố.

Tháng 12. Thủ lĩnh châu Thảng Do là Nùng Tôn Phúc làm phản.

Trước đây, Tôn Phúc làm thủ lĩnh châu Thảng Do, cùng với em là Tôn Lộc, thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và em vợ là Dương Đạo, thủ lĩnh châu Vũ Lặc, đều thuộc châu Quảng Nguyên, hằng năm vẫn nộp đồ tiến cống bằng sản vật địa phương. Sau, Tôn Phúc giết Tôn Lộc và Dương Đạo, chiếm lấy cả đất của họ, tiếm xưng hoàng đế, lập vợ làm hoàng hậu, phong tước vương cho con, đổi châu Thảng Do làm nước Trường Sinh, sửa đồ giáp binh, xây đắp thành trì, làm kế tự thủ; từ bấy giờ không tiến cống nữa.

Lời chua - Tôn Phúc: Người làng Tượng Cần, châu Thạch An.

Châu Vạn Nhai: Thuộc tỉnh Thái Nguyên. Xưa gọi là châu Vạn Nhai (nhai là sườn núi); nhà Lý gọi là Vạn Nhai (nhai là bến nước); khi thuộc Minh gọi là Vũ Lễ; nhà Lê gọi là Vũ Nhai, tức là châu Vũ Nhai ngày nay.

Quảng Nguyên: Thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Quảng Nguyên; khi thuộc Minh gọi là Uyên huyện; nhà Lê gọi là Lộng Nguyên, tức là châu Quảng Uyên bây giờ.

Thảng Do: Theo sách Độc sử phương dư kỷ yếu của Cổ Tổ Vũ, châu Thảng Do giáp giới với châu Quảng Nguyên.

Vũ Lặc: Theo Đường thư Địa lý chí nhà Đường đặt ra Lung Châu, quản lĩnh huyện Vũ Lặc. Thế thì Thảng Do và Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn; các triều đại phân chia ra sao và cho lệ thuộc thế nào, không khảo được.

Sứ nhà Tống sang.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Kỷ Mão, năm Kiến phù hữu đạo thứ 1 (1039). (Tổng, năm Bảo Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi đánh dẹp và giết chết Tôn Phúc.

Hà Văn Trinh, thủ lĩnh châu Tây Nông, đem tình trạng làm phản của Tôn Phúc tâu lên. Nhà vua giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, chính mình tự làm tướng, đi đánh dẹp. Khi quân kéo đến châu Quảng Nguyên, Tôn Phúc đem cả bộ lạc trốn, nhà vua tung quân ra đuổi, bắt được Tôn Phúc và con hắn là bọn Trí Thông 5 người. Còn vợ Tôn Phúc là Á Nùng và con hắn là Trí Cao đều chạy thoát được. Nhà vua sai san phẳng cả thành trì của Tôn Phúc, chiêu an vỗ về nhân dân; đóng cũ bọn Tôn Phúc điệu về kinh đô, xuống chiếu rằng: "Trẫm có thiên hạ, khắp trên đất, đâu đây đều là tôi con, các phiên thần đều dâng lễ cống. Thế mà Tôn Phúc ở châu Thảng Do dám tự tôn tự đại, dựng nước riêng, tiếm xưng tôn hiệu, khuấy rối dân lành ở nơi biên giới. Trẫm nay kính vâng mạng Trời, phải đi

¹ Chính mình cày ruộng.

đánh dẹp. Khi kéo quân đến Quảng Nguyên, bắt được bọn Tôn Phúc 5 người, dẹp yên đất ấy". Rồi đem chém cả ở chợ trong kinh đô.

Lời chua - Tây Nông: Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là huyện Tư Nông bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Bày tôn hiệu.

Bấy giờ giặc Nùng đã yên, 5 người nước Chiêm Thành lại quy phục; động Vũ Kiến dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng; châu Lộng Thạch và châu Định Biên đều nói ở hai châu ấy có hiện ra khí sắc trắng như bạc. Bày tôn hiệu gồm 8 chữ dâng lên nhà vua: "Kim dũng, ngân sinh, Nùng bình, Phiên phục"¹. Nhân đó xin đổi lại niên hiệu. Nhà vua nói: "Về đời Đường² Ngu³ chỉ vẽ ra hình tượng mà người không dám trái⁴, không cần đánh dẹp mà binh lính người ngoài phải khuất phục; đời bấy giờ nhà nào cũng lương thiện đáng khen, nhân dân tận nơi góc biển đầu sông cũng vui theo. Có hiện tượng mây lành, sao đẹp; có chim phượng hoàng đến múa châu. Người làm vua chỉ rửa áo chắp tay, không cần bày vẽ gì mà thiên hạ cũng rất bình trị. Nếu không phải là bậc có đạo đức cao lắm thì sao được như thế? Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, vẫn nơm nớp lo sợ, chỉ e không gánh nổi việc nước, đâu dám mong như Nghiêu Thuấn xưa? Ngày nay, giặc Mán đã yên, vàng bạc này ra, đó là trời đất tựa cho chăng? Hay là rắn dạy đẫy chăng? Trẫm lấy làm sợ hãi lắm, chứ đâu dám đương nổi danh hiệu đẹp để ấy?". Bày tôn hiệu rồi, nhà vua mới nghe theo.

Lời phê - Đối với những đám giặc cỏ ở trong nước, có gì đáng khoe là "bình" thế mà vội tự tôn, tự đại xằng! Bày tôn hiệu thì dâng lời bợ đỡ, nhà vua thì giả đồ khiêm nhường, trên dưới đều trái cả!

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục để, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Động Vũ Kiến: Thuộc châu Quảng Nguyên, bây giờ đổi lại là gì, không rõ.

Lộng Thạch: Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, châu Lộng Thạch thuộc tỉnh Lạng Sơn. Bây giờ phân chia và lệ thuộc ra sao, không khảo được.

Định Biên: Theo Đại Thanh nhất thống chí, An Nam cổ tích, châu Định Biên có tên nữa là Minh Tế. Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Định Biên thuộc tỉnh Cao Bằng. Bây giờ đổi lại là gì, chưa rõ.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai đại liêu ban là Sư Dụng Hòa và thân vương ban là Đỗ Hưng đem sản vật địa phương sang biểu nhà Tống.

Lời chua - Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thân vương ban: Sứ của Ngô [Thì] Sĩ chua là tên một tước phong.

Sư Dụng Hòa: Châu mục châu Vĩnh An, vừa mới được phong tước này.

Tháng 10, mùa đông, sửa lại miếu Lý Thái Tổ.

Miếu này làm từ năm Thiên Thành thứ 1 (1028), đến đây sửa lại.

Tháng 12. Nước Chân Lạp sai sứ đến triều cống.

¹ Vàng phun lên, bạc này ra, giặc Nùng yên, người Phiên phục.

² Khoảng năm 2357 đến năm 2256 trước công nguyên.

³ Khoảng năm 2255 đến năm 2206 trước công nguyên.

⁴ Câu này trích trong tờ chiếu của Vũ đế nhà Tây Hán cầu người hiền lương. Nguyên văn: "Đường Ngu hoạch tượng nhi dân bất phạm". Có hai thuyết giải nghĩa: 1. Nghiêu, Thuấn chỉ vẽ màu sắc và kích thước của áo mũ, mà không ai dám chế áo trái với hình dáng đã vẽ (Ung Thiệu); 2. Đồ mặc có vẽ hình dạng năm thứ hình phạt (Nhan Sư Cổ).

Năm Thiên Thành thứ 6 (1033), Chân Lạp đã sai cống đến đây lại sang cống nữa.

Người Chiêm Thành giữ trại Bồ Chính là bọn Bồ Lệnh, Bồ Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang theo ta.

Lời chua - Nước Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Bồ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ III

Từ Canh Thìn (1040), Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 2 đến Tân Mùi (1091), Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7, gồm 52 năm (1040-1091).

Canh Thìn, năm thứ 2 (1040). (Tống, năm Khang Định thứ 1).

Mùng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2, phát gấm vóc, hàng của nhà Tống, cho bày tôi.

Trước đó, nhà vua sai cung nữ dệt gấm vóc, họ đã dệt được thành những tấm hàng rồi; đến đây, sai đem những gấm vóc, hàng của nhà Tống, vẫn chứa trong kho, ban phát cho bày tôi: từ ngũ phẩm trở lên thì áo gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo vóc, tỏ ý không dụng gấm vóc của Tống nữa.

Lời phê - Được!

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu: phạm các việc kiện tụng đều giao cả cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn xét xử, định đoạt rồi tâu lên.

Dùng điện Quảng Vũ làm nơi xử kiện. Phạm các việc kiện tụng trong nước đều do nơi đó xử đoán rồi tâu lên vua.

Lời chua - Điện Quảng Vũ: Ở phía tây sân rồng điện Thiên An.

Tháng 10, mùa đông. Tượng Phật đã tô xong. Đại xá.

Trước đây, nhà vua sai tạc hơn một nghìn pho tượng Phật và vẽ hơn một nghìn bức tranh Phật; lại làm hơn một vạn chiếc bảo phan¹; đến đây, làm xong, mở hội, đại xá, tha cho những người phạm tội đồ lưu; xá một nửa tiền thuế cho cả nước.

Tân Tị, năm thứ 3 (1041). (Tống, năm Khánh Lịch thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Điện Tiên chỉ huy sứ là bọn Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, đều bị giết.

Lộc và Luật âm mưu làm phản, việc phát giác.

Nhà vua hạ chiếu bắt Đinh Lộc, Phùng Luật và đồ đảng chúng giao cho quan lại trị tội. Bọn Lộc, Luật đều bị giết cả.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An.

Nhật Quang là con thứ 8 Lý Thái Tổ; khi nhậm chức ở Nghệ An, làm chính sự có ân huệ với dân. Đến lúc mất, người trong châu ấy lập đền thờ.

Lời chua - Đền Nhật Quang: Ở xã Bạch Đường và xã Hội Thống thuộc tỉnh Nghệ An; bây giờ vẫn còn.

¹ Ta gọi đây là phướn, làm bằng vải hoặc bằng tơ, thân phướn hình chữ nhật đứng, nhỏ bản mà dài, lòng phướn có những chữ như "Nam vô A di đà phật", đuôi phướn có mấy dải dài lê thê trông như đuôi diều. Có hai hạng: hạng lớn, treo ở gian giữa chùa thẳng từ dưới cái nóc rủ xuống; hạng nhỏ, mắc vào cán tre để các bà vải cầm trong những khi đi rước Phật hoặc đi đưa đám tang, niệm Phật.

Nùng Trí Cao làm phản. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao, lại cho làm châu mục châu Quảng Nguyên.

Trí Cao trốn ở động núi, đến đây cùng với mẹ là Ả Nùng từ động Lô Hòa, lại ra giữ châu Thăng Do, đổi châu ấy là nước Đại Lịch. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao điệu về kinh đô. Nhà vua thương tình vì cha và anh đều đã bị giết, nên tha tội và cho hẳn làm chức châu mục Quảng Nguyên; lại lấy các động Lô Hòa và châu Tư Lang cho phụ thêm vào địa hạt Trí Cao cai trị.

Lời chua - Hai châu Quảng Nguyên, Thăng Do: Xem năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Động Lô Hòa: Theo sách Độc sử phương dư kỷ yếu của Cố Tổ Vũ, động Lô Hòa ở phía tây bắc phủ Lạng Sơn, khoảng giữa châu Quảng Nguyên và châu Thăng Do. Bây giờ đổi lại ra sao, chưa rõ.

Tư Lang: Trước thuộc tỉnh Thái Nguyên, bây giờ thuộc tỉnh Cao Bằng. Nhà Lý gọi là Tư Lang; nhà Trần vẫn theo như trước; khi thuộc Minh chia làm Thượng Tư Lãng và Hạ Tư Lãng; nhà Lê đổi làm Thượng Lang và Hạ Lang, tức là huyện Thượng Lang và huyện Hạ Lang bây giờ.

Nhâm Ngọ năm Minh Đạo thứ 1 (1042). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Kha Lãm chính mình cày ruộng tịch điền.

Lời phê¹ - Trước đó, nhà Tống đã có niên hiệu là Minh Đạo², có lẽ nào vua Lý không biết mà lại đặt trùng? Thật đáng khinh bỉ!

Lời chua - Kha Lãm: Tên đất, bây giờ không khảo được.

Tháng 9, mùa thu. Động đất.

Tháng 9 nhuận. Cấm quan lại thu thuế phù lạm.

Khi dân đóng thuế, ngoài mười phần phải nộp vào kho công rồi, quan lại được phép lấy một phần mười nữa, gọi là "hoành đầu". Nếu kẻ nào thu quá số ấy, thì bị xử theo tội ăn trộm. Quan giáp, chủ đô và người thu thuế nếu thu quá lệ đều bị xử tội giống thế cả. Nhà dân nào cáo tố sự thu thuế phù lạm thì nhà ấy được miễn dao dịch ba năm; người nào ở kinh thành mà cáo giác ra thì có thưởng.

Khố tỉ³ thu thuế lụa, nếu ăn lễ lấy lụa của người ta thì cứ mỗi thước lụa phạt 100 trượng; mỗi tấm lụa phạt phối dịch một năm. Còn trên số ấy trở lên thì cứ chiếu theo số tấm lụa đã lấy mà tăng thêm số năm phối dịch.

Lời chua - Quan giáp: Tên quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), định ra các sắc mục quản giáp.

Chủ đô: Không rõ.

Hoành đầu: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, quản giáp, chủ đô và người thu thuế, ngoài mười phần thu thuế, được lấy một phần mười để làm bổng lộc, gọi là "hoành đầu". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "Hoành đầu cũng như thể lệ thu thuế ở triều Lê, ngoài tiền thuế, có tiền giấy bút".

Văn Châu làm phản. Tháng 10, mùa đông. Nhà vua sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh.

Phong Khai Hoàng vương làm đô thống đại nguyên súy đem quân đi đánh.

¹ Chỉ niên hiệu Minh Đạo.

² Một niên hiệu của Tống Nhân Tông, từ 1032 đến 1033.

³ Người coi kho.

Ban Hình thư.

Bấy giờ, việc kiện tụng bề bộn. Quan lại giữ pháp luật cứ câu nệ theo thành văn trong luật lệ, hay làm những điều quá khắc nghiệt; vì ấy có nhiều người bị oan uổng quá đáng. Nhà vua thấy thế, động lòng thương, mới sai viên Trung thư sửa định lại luật lệnh. Việc sửa định này phải tham bác châm chước cho thích hợp với thời thế, đặt ra từng môn, từng loại, phân ra từng điều, từng khoản, làm hẳn thành bộ Hình thư của một triều đại. Khi sách làm xong, nhà vua xuống chiếu cho ban hành: ai cũng khen là tiện lợi. Nhân đó đổi niên hiệu là Minh Đạo.

Bấy giờ lại định rõ điều mục về các lệnh cấm:

Phàm ai bán kẻ hoàng nam ở dân gian làm nô bộc tư gia, nếu đã bán rồi thì phạt 100 trượng và thính 20 chữ vào mặt; chưa bán mà đã phục dịch người ta thì phạt 100 trượng và thính 10 chữ vào mặt. Kẻ tri tình mà cứ mua, cũng phạm tội, nhưng giảm xuống một bậc.

Phàm ăn trộm trâu của công phải phạt 100 trượng; ăn trộm một con bắt phạt thành hai.

Đương đêm vào nhà người gian dâm vợ cả hay vợ lẽ người ta nếu chủ nhân giết chết ngay lúc bấy giờ thì không bị luận tội.

Kẻ trộm dùng sức mạnh để lấy được của người ta, phạt 100 trượng; nếu chưa lấy được của mà làm người ta bị thương thì phải tội lưu.

Lời chua - Hình thư: Theo Lịch triều hiến chương, Văn tịch chí, của Phan Huy Chú, sách Hình thư đời Lý Thái Tông, 3 quyển, bây giờ thất truyền.

Hoàng nam: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Triều Lý, dân đinh đến 18 tuổi, ghi tên vào hoàng sách¹, gọi là "hoàng nam"; đến 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng, chỉ được nuôi người nào chưa đến tuổi hoàng nam².

Tháng 11. Định rõ thể lệ cho chuộc tội.

Phàm nhân dân, người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người có nhược tật³ và người có họ thân với nhà vua phải để tang nhau từ chín tháng trở lên, nếu phạm tội thì đều được cho chuộc tội, chỉ trừ người nào phạm vào tội thập ác⁴ thì không tha.

Đói lớn.

Quý Mùi, năm thứ 2 (1043). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Khai Hoàng vương Nhật Tôn đi đánh Ái Châu, Phụng Kiên vương Nhật Trung đi đánh Văn Châu.

Bấy giờ Ái Châu và Văn Châu đều làm phản; nhà vua cho Khai Hoàng vương làm đô thống sứ đại nguyên súy, đi đánh Ái Châu, Phụng Kiên vương làm đô thống nguyên súy đi đánh Văn Châu. Khi Văn Châu đã dẹp yên, Phụng Kiên vương đem dâng bốn con ngựa ấy là: Tái Thiên, Quảng Thẳng, Truy Phong và Nhật Ngự.

Lời chua - Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Văn Châu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

¹ Sổ bìa vàng.

² Tức dưới 18 tuổi.

³ Người bị bệnh hao mòn, thân thể gầy yếu, đi đứng không vững.

⁴ Hình luật cũ có mười tội ác sau đây hễ ai phạm vào thì không được tha: 1) âm mưu phản quốc; 2) âm mưu làm việc đại nghịch (giết vua, giết cha); 3) âm mưu phản bội; 4) hung ác bạo nghịch; 5) bắt đạo đức; 6) đại bất kính; 7) bất hiếu với cha mẹ; 8) không hòa thuận với anh em; 9) bất nghĩa; 10) loạn luân.

Tháng 9, mùa thu. Gia phong Nùng Trí Cao làm Thái bảo¹.

Trí Cao đã được làm Châu mục, đến đây, lại gia phong làm Thái bảo và ban cho quả ấn.

Đóng thuyền chiến.

Bấy giờ Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh, nhà vua muốn đi đánh có bảo những người ở tả hữu rằng: "Chiêm Thành mười sáu năm, không giữ lễ cống, ý chùng uy đức của trẫm không tràn thắm đến chúng?". Mọi người đều nói: "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến nay, nước kia chống lại mệnh lệnh, không đến triều cống mà triều đình chỉ ban ân đức để vỗ về thôi, chứ chưa hề dương uy điều vũ, làm như thế, không phải cách để cho người phương xa phải sợ được. Chúng tôi chỉ e trong nước lại có chư hầu khác họ nào đó cũng như Chiêm Thành thì Bệ hạ sẽ dùng cách gì mà chế trị được?". Bấy giờ nhà vua bèn quyết chí đi đánh. Đến đây, xuống chiếu cho đóng các thuyền chiến hơn vài trăm chiếc mang các tên như Rồng, Phượng, Cá, Rắn, Hổ, Báo và Anh Vũ để chuẩn bị dùng vào việc điều bát đi trận.

Lời phê² - Khởi gợi cái tính ưa nịnh thật quá lắm! Về việc dưới đây³ cũng thế.

Tháng 12, mùa đông. Ban chiếu cho chư quân sửa binh khí và áo giáp.

Bấy giờ, ở điện Trường Xuân, cái mộc của vua tự nhiên rung động (vô cớ, tự nó động đây). Nhà vua đem việc đó ra hỏi. Bầy tôi đều nói: "Trước khi có gió, chim loan bay liệng, trước khi có mưa, đá đổ mồ hôi, là cơ màu cảm thông đáp ứng lẫn nhau. Nay sắp dấy quân, binh khí tự nhiên rung động, thì còn có gì đáng nghi ngờ?". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu cho chư quân sửa áo giáp và binh khí, hẹn đến mùa xuân sang năm, đi đánh Chiêm Thành.

Ban tiền Minh Đạo cho các quan.

Giáp Thân, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (1044). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh và thắng được nước Chiêm Thành, chém chúa Chiêm là Sạ Đẩu. Vợ chúa Chiêm là Mị Ê giao mình xuống sông tự tử.

Giao cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn trông coi việc nước, nhà vua thân đốc chư quân, hàng vạn chiếc thuyền cùng xuất phát. Khi thuyền đến cửa biển Đại Ác, gió êm sóng lặng, nhà vua sai đổi tên Đại Ác là Đại An. Khi đến núi Ma Cô, có đám mây tía đỡ lấy mặt trời. Khi qua vũng Hà Nảo, có một đám mây che trên thuyền vua, hễ thuyền đi thì đám mây cũng đi, thuyền đứng lại thì đám mây cũng đứng lại. Một ngày thuận gió, vượt qua bãi Đại Trường Sa và Tiểu Trường Sa, thẳng đến cửa biển Ô Long. Chúa Chiêm đem cả quân và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bồ để chống cự quan quân ta. Nhà vua ở bên bờ bắc sông ấy chia tướng sĩ ra từng bộ phận, mở cờ, gióng trống, đi tắt sang sông, đánh địch. Chưa giao chiến, quân Chiêm đã tự vỡ ngay. Quan quân đuổi đánh, chém được ba vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém đầu chúa Chiêm Sạ Đẩu, tại trận, đem dâng; bắt sống tướng sĩ địch hơn năm nghìn người, và tước được hơn ba mươi thớt voi đã luyện tập thuần thuộc. Người Chiêm bị quan quân ta giết chết xác chất đầy nội. Nhà vua động lòng thương, ra lệnh cấm giết càn. Đoàn, kéo quân vào thành Phật Thệ, bắt được vợ cả, vợ lẽ của chúa Chiêm và những cung nữ giỏi ca múa khúc điệu Tây Thiên. Nhà vua sai sứ đi khắc các làng xóm, phủ dụ nhân dân.

Tháng 8, kéo quân về, đến hàng doanh Nghệ An, vời Uy minh hầu Nhật Quang ra yên ủi, trao cho quyền tiết việt ở châu Nghệ An, lại gia phong tước vương. Trước đây, nhà vua giao việc vận tải quân lương cho Nhật Quang; Nhật Quang đặt ra trại Bà Hòa, lại tùy từng nơi đặt ra những đồn bằng đất, thu tô thuế ở Nghệ An chứa đầy vào đó, nên khi nhà vua hành quân, việc tiếp tế lương ăn được đầy đủ, không thiếu; nhà vua khen lắm, nên có việc phong thưởng này.

¹ Theo quan chế nhà Chu, Thái bảo thuộc hàng tam công. Thời Lý đặt ra để làm danh hiệu gia thêm cho các trọng thần, không phải là những chức làm việc.

² Chỉ việc trình bày ý kiến đi đánh Chiêm Thành.

³ Xem đoạn sử sau đây chép việc quân thần tâm bày về cái mộc của Lý Thái Tông tự nhiên rung động.

Tháng 9, đến hành điện Ly Nhân, nhà vua cho vời vợ Sa Đầu, chúa Chiêm Thành, là Mị Ê, lên hầu thuyền ngự. Mị Ê khôn xiết uất ức căm hờn, lẳng lặng quần cái chiên vào người rồi gieo mình xuống sông tự tử. Nhà vua khen là trinh tiết, phong làm Hiệp Chính hựu thiện phu nhân.

Lời phê¹ - Bây giờ không nghe nói có việc người Chiêm vào lấn cướp thì không phải là bất đắc dĩ mà dùng binh, thế mà muốn phô sức mình, thích lập công nghiệp, buông thả lòng dục, giết hại mạng người! Thậm chí cướp bắt phụ nữ để chửa đây vào hậu cung: việc này lại càng thất đức! So với Mị Ê, thật đáng thẹn chết! Huống chi khúc điệu Tây Thiên là thanh âm mất nước, gây nên sự mê muội cho con cháu đời sau²! Thế thì trong sự thất đức lại càng thất đức hơn nữa! Thái Tông là bậc vua hiền mà làm như thế, thực đáng tiếc! Về phần bầy tôi bây giờ cũng không sao tránh khỏi cái tội nống ác của vua!

Lời chua - Đại Ác: Tức là Đại Nha. Xem Lý Hậu đế, năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Núi Ma Cô: Có tên nữa là Lễ Đễ, ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Cửa biển Ô Long: Ở phía đông nam huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên. Nhà Lý gọi là Ô Long; nhà Trần gọi là Tư Dung; nhà Mạc đổi là Tư Khách; nhà Lê gọi là Tư Dung, tức là cửa biển Tư Hiền bây giờ.

Thành Phật Thệ: Theo sách Thanh Nhất thống chí, mục An Nam cổ tích, thành Phật Thệ là kinh đô cũ của vua Chiêm, bây giờ ở về địa phận xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên.

Ly Nhân: Tức là Lợi³ Nhân. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Đại tiểu Trường Sa: Sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn chép rằng: Theo ven biển, từ phía nam cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh gọi là Đại Trường Sa; từ phía nam cửa Việt Hải đến cửa Tư Dung gọi là Tiểu Trường Sa.

Sông Ngũ Bồ, vùng Hà Nãi: Đều không khảo được.

Trại Bà Hòa: Ở sông Bà Hòa. Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ cáo nhà thái miếu về việc thắng trận.

Dem việc chiến thắng Chiêm Thành cáo nhà thái miếu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, làm lễ "ẩm chí"⁴. Bầy tôi dâng hơn năm nghìn người Chiêm bị bắt làm tù binh. Nhà vua xuống chiếu lấy trấn Vĩnh Khang và Đăng Châu đặt ra làng xóm phỏng theo như tên gọi cũ của Chiêm Thành, để họ cứ chiếu theo bộ thuộc, nhận lấy mà ở. Lại làm ra cung riêng để cho cung nữ Chiêm Thành ở.

Tuyên dương công lao bình Chiêm: Từ lục phẩm trở lên ban cho áo gấm, từ thất phẩm trở xuống ban cho áo the.

Bấy giờ các nước ở xa đến châu, đặt ra trạm Hoà Viễn để cho họ tạm nghỉ. Lại đặt trấn Vọng Quốc và bày trạm là Tuyên Hóa, Vĩnh Thông, Thanh Bình, Quy Đức, Bảo Ninh, Cầm Hóa và An Dân, mỗi trạm đều lập mốc tiêu đề để làm chỗ hành khách nghỉ ngơi.

¹ Chỉ việc đi đánh Chiêm Thành, giết người, bắt phụ nữ.

² Chỉ Lý Cao Tông. Xem thêm Chb. V, 28.

³ Chữ "lợi", theo Hán văn, cũng âm là "lị", nhưng vì kiêng húy lâu ngày, đọc quen là "lợi", nên nay cũng phiên âm là "lợi", cho dễ hiểu.

⁴ Mỗi lễ thời xưa: sau khi thắng trận, về uống rượu ăn mừng ở nhà thờ tổ tiên.

Lời chua - Vĩnh Khang: Thuộc Nghệ An. Bây giờ là huyện Vĩnh Hòa, phủ Tương Dương.

Đặng Châu: Thuộc tỉnh Hưng Hóa. Nhà Lý gọi là Đặng Châu; nhà Trần gọi là trấn Thiên Hưng; khi thuộc Minh gọi là châu Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ, tức là phủ Quy Hóa bây giờ.

Trần Vọng Quốc: Không khảo được.

Tháng 11, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Hóa Thánh Vũ. Nhân đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua nghe theo.

Xuống chiếu xá cho dân một nửa tiền thuế năm nay.

Tờ chiếu rằng: "Mới rồi, vì có việc hành quân, trở ngại đến công việc canh nông; ngờ đâu vụ đông năm nay mùa màng lại được phong đăng. Trăm họ no đủ thì trăm còn thiếu thốn với ai? Vậy xá cho dân một nửa tiền thuế".

Tháng 12. Định rõ lại pháp luật về tội đào ngũ.

Theo luật lệ định trước: phạm các quan chức hễ ai bỏ trốn, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt, và phải tội đồ. Quân lính đào ngũ mà cướp của cải đồ vật của người khác, phạt 100 trượng, thích 30 chữ vào mặt. Người giữ trấn hay trại mà bỏ trốn, cũng bắt tội như vậy. Quân lính bỏ trốn hơn một năm, phạt 100 trượng, thích 50 chữ vào mặt. Người nào bỏ trốn không theo xa giá khi vua đi chơi, phạt 100 trượng, thích 10 chữ vào mặt.

Nay định rõ lại điều lệ về lệnh cấm: Quân lính bỏ trốn thì phải khép vào một tội trong ba hạng tội lưu¹. Kẻ coi ngục không được sai khiến tù nhân làm việc riêng của mình, nếu kẻ nào vi phạm, phạt 80 trượng và bắt đi phõi dịch.

Ất Dậu, năm thứ 2 (1045). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 5). Chế xe Thái Bình.

Dùng voi kéo xe; bộ bàn voi kiểu Chiêm Thành (gọi là bông la nga) thì trang sức bằng vàng. Lại đặt ra toán long quân theo hầu xe, dùng kiêu kỵ tướng quân Trần Năm quản lĩnh toán quân ấy.

Lời chua - Bông la nga: Sử cũ chua "bông la nga là cái yên voi (tượng yên) kiểu Chiêm Thành". Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: "La nga là cái bàn có mũi đặt trên mình voi, chứ không phải yên voi".

Bính Tuất, năm thứ 3 (1046). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 6).

Đinh Hợi, năm thứ 4 (1047). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 7).

Mậu Tí, năm thứ 5 (1048). (Tổng, năm Khánh Lịch thứ 8).

Tháng 9, mùa thu. Sai tướng quân Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao và thắng được.

Trí Năng bắt được người và súc vật Ai Lao đưa về.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Nùng Trí Cao lại làm phản. Sai Quách Thịnh Dật đi đánh không được. Trí Cao tấn công sang đất Tống, đánh phá được Ung Châu.

Trí Cao giữ động Vật Ác, làm phản, tiếm xưng là nước Đại Nam, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy. Nhà vua sai thái úy Quách Thịnh Dật đi đánh, không được, phải rút về. Nhân dịp đó, Trí Cao xin phụ theo nhà Tống; vua Tống không cho. Trí Cao bèn cùng đồ đảng định mưu lẩn cướp bờ cõi nhà Tống. Một hôm, hẵn đốt ngay chỗ ở, nói gạt mọi người rằng: "Cửa nả của chúng ta chứa chất từ bao lâu này đều bị lửa

¹ Ba hạng tội lưu: 1) Đày đi cận châu (như Nghệ An, Thanh Hóa, ...); 2) Đày đi ngoại châu (như châu Bồ Chính); 3) Đày đi viễn châu (như châu Tân Bình, ...).

trời đốt cháy mất cả, sinh kế cùng quẫn rồi! Bây giờ chỉ có cách là chi bằng sang đánh lấy Ung Châu và Quảng Châu của Tống, tự lập làm vua". Mọi người đều vâng theo. Trí Cao liền đem năm nghìn quân, theo ven sông, đổ xuống miền đông, đánh hãm được Ung Châu nhà Tống.

Lời cần án - Ở đây, **Sử cũ** chép rằng Trí Cao xin hàng nhà Lý. Nhưng nay xét Trí Cao bấy giờ đặt quốc hiệu, đổi niên hiệu, khí thế đang quá rông rỡ, một cánh quân của Thịnh Dật không thể hạ nổi. Nếu quả phải đầu hàng, Trí Cao sao lại xin theo về với nhà Tống để chống lại triều đình. **Sử** của Ngô [Thì] Sĩ sửa lại, chép là "đánh không được" nay cũng theo như vậy.

Lập đàn Xả và đàn Tắc¹.

Lập đàn ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho được mùa.

Tháng 12, mùa đông. Mới làm lễ nghinh xuân.

Ngày lập xuân. Nhà vua sai các quan làm lễ nghinh xuân.

Kỷ Sửu, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (1049). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 1).

Tháng 10, mùa đông. Dựng chùa Diên Hựu.

Trước đây, nhà vua chiêm bao thấy phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt ngài cùng lên. Kịp lúc tỉnh dậy, vờ bày tôi đến nói chuyện mộng ấy và cho là không lành. Bấy giờ có nhà sư khuyên vua làm chùa. Ngài nghe theo, sai lập một cái cột đá, trên đó làm tòa sen thờ phật Quan Âm, rồi họp các sư tụng kinh để cầu cho nhà vua được sống lâu, gọi là chùa Diên Hựu.

Lời chùa - Chùa Diên Hựu: Ở thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, tức chùa Một Cột bây giờ.

Canh Dần, năm thứ 2 (1050). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cống voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ có nạn thủy tai lớn.

Tân Mão, năm thứ 3 (1051). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Định phép khảo hạch các quan lại.

Các quan văn võ, người nào làm việc lâu năm, không có lỗi gì, thì được thăng trật có thứ bậc khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Cử hành lễ cho toàn dân được uống rượu mừng.

Cho dân được uống rượu nhân dịp trong nước có việc vui mừng. Lại ban cho vải lụa tiền bạc nhiều ít khác nhau.

Tháng 11, mùa đông. Khai sông Lãm.

Lời chùa - Lãm Cảng: Ở huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1052). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Đặt quả chuông lớn ở sân rồng.

Đúc chuông lớn để ở sân rồng điện Thiên An, cho dân hễ ai có điều gì oan ức không thông đạt được lên trên thì đánh chuông để thấu đến nhà vua.

Quý Tị, năm thứ 5 (1053). (Tống, năm Hoàng Hựu thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

¹ Xả là thần Đất hay nền tế thần Đất. Tắc là thần Ngũ Cốc hay nền tế thần Ngũ Cốc. Xưa, người ta thường gọi quốc gia là xả tắc. Cho nên, xả tắc, ngoài việc dùng để thờ cúng, còn có tác dụng làm tượng trưng cho một nước.

Rồng vàng hiện ra.

Rồng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi đều mừng. Riêng có sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay ở trên trời, bây giờ lại hiện ra ở dưới, đó là điều chẳng lành".

Tháng 7, mùa thu. Nạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trí Cao sai người đến xin giúp quân.

Nhà vua xuống chiếu cho Chi huy sứ¹ Vũ Nhị đem quân đi cứu viện.

Trước đó, Trí Cao lẩn cướp bờ cõi nhà Tống, quân Tống họp lại đánh. Nhà vua dâng biểu xin đem quân sang đánh giúp. Vua Tống ưng thuận. Nhà vua bèn sai tướng đem hai vạn quân theo đường thủy tiến sang. Khi quân ta sắp kéo vào cửa ải thì Địch Thanh nói với vua Tống: "Mượn quân nước ngoài để trừ giặc bên trong, không phải là điều lợi cho ta đâu. Đối với một Trí Cao, sức quân hai tỉnh Quảng² còn không đủ chế trị? Thế mà phải mượn đến quân nước ngoài! Nếu nhân dịp đó nó nổi loạn, thì ta lấy gì ngăn cản được?". Theo lời Địch Thanh bàn, vua Tống xuống chiếu bảo quân ta thôi đừng sang nữa. Đến đây, Trí Cao xin giúp quân. Nhà vua y theo như lời Trí Cao cầu xin.

Theo *Cương mục tục biên* (Trung Quốc), Trí Cao đánh hãm Ung Châu, tới chốn châu ly, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Lịch, rồi tung quân ra cướp bóc. Chúng kéo đến châu huyện nào thì châu huyện ấy bỏ thành, chạy cả. Chúng phá luôn được tám châu là Hoàn, Quý, Đăng, Ngô, Khang, Đoan, Cung và Tầm; tiến vây Quảng Châu, đến sát chân thành, đánh mãi không hạ được, lại kéo vào Ung Châu. Vua Tống nghe biết việc ấy, bèn dùng bọn Dư Tĩnh, Dương Điền, Tôn Miện trừ tính việc chống lại Trí Cao. Bây giờ Trí Cao ngày càng cướp bóc nhiều loạn, mà bọn Dương Điền mãi không làm được công trạng gì, vua Tống lấy làm lo lắng. Trí Cao đưa thư xin làm Tiết độ sứ ở Ung Châu và Quế Châu. Vua Tống đã toan nhận cho Trí Cao đầu hàng, thì bấy giờ Xu mật phó sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh, vua Tống bèn cho Địch Thanh làm Tuyên phủ sứ, quản đốc các quân đi đánh dẹp. Địch Thanh đến Quảng Nam³, hợp lại với quân Tôn Miện và Dư Tĩnh, tiến đóng Tân Châu, dặn các tướng tá không được liều lĩnh đánh nhau với địch. Bấy giờ, Trần Thự, kiếm hạt tỉnh Quảng Tây, tự tiện đem tám nghìn bộ binh ra đánh, bị tan vỡ ở cửa ải Côn Luân. Địch Thanh hội họp các tướng, xử tội Thự, đem chém. Rồi đóng binh, giữ vững dinh trại, cho quân nghỉ 10 ngày. Mọi người không ai lường biết ra sao. Quân do thám của địch về báo rằng quân Tống hãy còn chưa tiến ngay. Đến ngày hôm sau, Địch Thanh lập tức sắp quân qua cửa Côn Luân; Trí Cao dốc hết quân ra chống đánh. Địch Thanh phất cờ, thúc hai cánh tả hữu của đội kỵ binh xông ra đánh: Trí Cao thua chạy. Quân Tống đuổi theo năm mươi dặm, chém vài nghìn thủ cấp. Đồ đảng của Trí Cao là bọn Hoàng Sư Mật hơn một trăm năm mươi người đều tử trận cả. Trí Cao đốt thành, đang đêm lẩn trốn, chạy sang Đại Lý⁴. Hai năm sau, Dư Tĩnh sai Đô giám Tiêu Chú vào đạo Đặc Ma, bắt sống được mẹ Trí Cao và em y là Trí Quang, con y là Kế Phong, v.v... Lại mộ những kẻ cảm tử cho vào Đại Lý để lũng tìm Trí Cao, nhưng bấy giờ Trí Cao đã chết rồi. Người Tống lấy đầu Trí Cao, đóng vào hòm đem về kinh đô, rồi giết mẹ y luôn với em và con y. Họ Nùng bị diệt từ đây.

Lời phê⁵ - Ngang trái quá!

Lời cần án - *Sử cũ* chỉ chép: "Tháng 10, mùa đông, Quý Tị, năm thứ 5 (1053), Lương Châu⁶ lại xin quân đi cứu. Nhà vua xuống chiếu cho Vũ Nhị đem quân đi cứu viện", nhưng không chép rõ là có hay không đánh nhau với quân Tống, hoặc vì cố gì mà bãi binh. Nay xét sử *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép rằng: "Tháng giêng, mùa xuân, năm Quý Tị (1053), Địch Thanh đánh cho Trí Cao đại bại, Trí Cao phải chạy vào

¹ Một chức quan chỉ huy trong quân đội, đứng ở hàng tam phẩm.

² Quảng Đông và Quảng Tây.

³ Xem chú thích ở Chb. I, 42.

⁴ Nay là Vân Nam.

⁵ Chi việc cho quân đi cứu viện Trí Cao.

⁶ Người của Nùng Trí Cao.

Đại Lý. Sau đó hai năm, Trí Cao chết". Còn từ tháng 10, mùa đông, năm Quý Tị (1053) trở về sau, không hề thấy chép việc Trí Cao xin quân cứu và quân nhà Lý đi cứu. Như thế, hoặc giả Trí Cao sau khi chạy đến Đại Lý, muốn nhờ quân Lý giúp mình, còn quân Lý sợ dĩ đi cứu Trí Cao, chùng vì là giận người Tống, trước đó, từ chối không nhận cho quân mình đánh giúp, nên muốn nhân dịp để cầu lợi; kíp khi nghe biết Trí Cao không đủ sức chống được quân nhà Tống, nên quân cứu mới nửa vời ngừng lại mà không quả quyết cho đi nữa. Chứ nếu quả nhà Lý đã đem quân ra ngoài biên giới đánh nhau với Tống thì việc biên cương là trọng đại, người Tống há lại dìm đi được sao? Đoạn này **Sử cũ** ghi chép không rõ, vậy hãy để đó, sẽ khảo sau.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Quảng Châu: Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. IV, 2).

Ngô Châu: Tức Thương Ngô. Xem Triệu Vương¹, năm Kiến Đức thứ 1 (Tb. II, 4).

Đẳng Châu²: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. III, 30).

Tâm Châu, Quý Châu, Cung Châu, Hoàn Châu: Theo sách Thanh Nhất thống chí, mấy châu này đều thuộc tỉnh Quảng Tây: Quý Châu và Cung Châu thuộc phủ Tâm Châu; Quý Châu tức là Quý huyện bây giờ; Cung Châu tức là huyện Bình Nam bây giờ; Hoàn Châu thuộc phủ Nam Ninh.

Quế Châu: Nay thuộc phủ Quế Lâm.

Đoan Châu, Khang Châu: Đều thuộc tỉnh Quảng Đông: Đoan Châu tức là phủ Triệu Khánh bây giờ; Khang Châu thuộc phủ Triệu Khánh bây giờ là lộ Đức Khánh.

Tâm Châu: Thuộc phủ Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây.

Cửa ải Côn Luân: Ở phía đông bắc huyện Tuyên Hóa, phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây. Xưa có cửa ải ở núi Côn Luân, nên gọi tên như vậy.

Đạo Đặc Ma: Thuộc tỉnh Vân Nam, tức là phủ Quảng Nam bây giờ.

Đại Lý: Tên nước. Theo Minh sử, Vân Nam thổ ti truyện, nước Đại Lý là đất huyện Diệp Du nhà Đường. Cuối niên hiệu Khai Nguyên (713-741), Bì La Các, người Mông Chiểu, đóng đô ở đấy, là Nam Chiểu, đặt quốc hiệu là Đại Mông, rồi lại đổi là Đại Lễ. Đến triều Tấn (936-946) đời Ngũ đại (907-959), Đoàn Tư Bình lên cầm quyền chính trong nước, đổi gọi là nước Đại Lý. Khoảng niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Đoàn Thế bị bắt, nhà Minh đổi nước của y làm phủ Đại Lý, đặt Vệ quân và Chỉ huy sứ ti, cho thuộc vào tỉnh Vân Nam.

Giáp Ngọ, năm thứ 6 (1054). (Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Thánh Tông hoàng đế, niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Tống, năm Chí Hòa năm thứ 1).

Tháng 7, mùa thu.

Xuống chiếu cho Khai Hoàng vương Nhật Tôn thay vua ra ngự triều, nghe quần thần bày chính sự.

Bấy giờ nhà vua se mình nên có mệnh lệnh này.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Trường Xuân, miếu hiệu là Thái Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi.

¹ Cương mục in là "Triệu Việt vương" (thừa chữ Việt).

² Đẳng Châu đây là đất Trung Quốc, nay là Đẳng huyện thuộc Quảng Tây chứ không phải là Hưng Yên ở Việt Nam như sử Cương mục đã chua lầm.

Lời cẩn án - Theo lệ trong sử **Cương mục** (Trung Quốc) thì đối với một ông vua, lúc chết, lúc táng đều có chép cả, **Sử cũ** về các vua triều Lý, chỉ có Thái Tổ và Nhân Tông là có chép an táng, còn thì không thấy chép. **Sử** của Ngô [Thì] Sĩ nói rằng các vua Lý khi mất, đem về táng ở phủ Thiên Đức, đều gọi là Thọ Lăng, nhưng không nói táng vào tháng nào, năm nào. Nay không khảo được.

Thái tử Nhật Tôn lên ngôi, đổi lại niên hiệu (tức Lý Thánh Tông).

Đổi quốc hiệu là Đại Việt.

Trước kia, Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Các triều đại sau vẫn theo như thế; đến đây mới đổi lại.

Tôn mẹ là Mai thị làm Kim Thiên hoàng thái hậu.

Ban quan tước cho các cựu thần ở đông cung¹ có thứ bậc khác nhau.

Năm Ất Mùi (1055). Lý Thánh Tông hoàng đế niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 2. (Tổng, năm Chí Hòa thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Tháng 10, mùa đông. Ban ơn chẩn tế cho những tù bị giam trong ngục.

Bấy giờ rét dữ, nhà vua bảo những người ở tả hữu rằng: "Trẫm ở chốn cung sâu, sưởi thứ than chế bằng xương loài thú, mặc áo hồ cừu, mà còn rét thế này. Trẫm rất thương xót những người tù bị giam trong ngục kia: cơm không đủ no lòng, áo không đủ che chắn, thì bị gió rét dẫn vật đến đâu! Vậy hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm phát chẩn, chiếu cho họ và mỗi ngày cho ăn hai bữa.

Lời phê - Còn dân lành thì sao?

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó nhà vua sai sứ sang cáo phó với nhà Tống. Đến đây, sứ Tống sang làm lễ tế viếng Lý Thái Tông và sách phong Lý Thánh Tông làm Giao Chỉ quận vương.

Bính Thân, năm thứ 3 (1056). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ sang cống.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu khuyến nông.

Dựng chùa Sùng Khánh.

Làm chùa ở phường Báo Thiên, xây tháp 12 tầng, cao vài mươi trượng, trích trong kho lấy một vạn hai nghìn cân đồng, đúc quả chuông lớn. Chính nhà vua làm bài minh khắc vào chuông.

Lời chua - Phường Báo Thiên: Ở thôn Tiên Thị, huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội, dấu vết chùa vẫn còn.

Đinh Dậu, năm thứ 4 (1057). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Đem con thú lạ sang tặng nhà Tống, nói gạ là con lân. Xu Mật sứ nhà Tống là Điền Huống nói rằng: "Đó chỉ à con thú lạ, chứ không phải con lân". Tư Mã Quang nói: "Nếu quả là con lân thực, mà xuất hiện không đúng lúc, cũng không phải là điềm lành; nếu lại là con lân giả thì chỉ tổ cho người phương xa cười thôi". Thế rồi nhà Tống tặng tiền ưu hậu, bảo sứ giả về.

¹ Chỗ ở của một người con vua được lập làm thái tử, sau sẽ lên ngôi vua. Theo **Thần dị kinh**, ngoài Biển Đông, có núi Đông Minh, trên núi có cung điện xây bằng đá xanh, có biển đề sáu chữ "Thiên địa trường nam chi cung", (cung điện con trai trưởng của trời đất), vì thế mới gọi thái tử là "đông cung".

Mậu Tuất, năm thứ 5 (1058). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 3).**Mùa xuân. Sửa lại cửa Tường Phù.**

Cửa Tường Phù là cửa Đông kinh thành, dựng lên từ năm Thuận Thiên thứ 1 (1010); đến đây sửa lại.

Kỷ Hợi, năm Chương thánh gia khánh thứ 1 (1059). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 4).**Tháng 3, mùa xuân. Sang đánh Tống, quân ta kéo đến Khâm Châu lại trở về.**

Quân ta kéo đến Tư Lãm doanh thuộc Khâm Châu, diễu võ dương uy rồi trở về. Việc hành quân này vì ghét nhà Tống trá trở.

Lời cần án - Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép: "Bấy giờ sứ Tống sang sách phong, sứ ta sang đáp lễ, chưa nghe có việc gì trá trở, hoặc giả việc xuất quân sang Khâm Châu là ý của Lý Thái Tông định làm từ trước, mà Lý Thánh Tông nối theo ý cha, muốn thử giở võ với Tống, nhưng chưa làm được đây thôi". Nay xét: Sử họ Ngô chép thế, không giống với **Sử cũ**, nhưng cũng chép cả để tham khảo.

Lời phê¹ - Vô lý!

Lời chua - Khâm Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

Tháng 8, mùa thu. Đặt ra kiểu mẫu triều phục.

Nhà vua ngự ở điện Thủy Tinh, sai các quan đội mũ phốc đầu² đi giày và bó tất vào chầu. Tục đội mũ phốc đầu là trước từ đây.

Sách Giao Chỉ di biên (không rõ họ tên người làm sách) chép: An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc hãy còn đơn giản sơ sài; đến nhà Lý mới làm ra cung thất. Cung điện thì có điện Thủy Tinh, điện Thiên Quang. Quan trong và quan ngoài thì có những chức như phụ quốc thái úy, gián nghị đại phu, tả hữu ti lang trung, viên ngoại lang, xu mật sứ, kim ngô, lĩnh binh sứ. Lễ nhạc văn vật xem ra cũng đã đầy đủ.

Quy định quân hiệu.

Quân hiệu có: Ngự Long, Vũ Thăng, Long Dực, Thần Điện, Phụng Thánh, Bảo Thăng, Hùng Lược, Vạn Tiệp, đều chia ra tả và hữu, trên trán đều thích chữ "Thiên tử quân".

Sách Vân đài loạn ngữ của Lê Quý Đôn có trích dẫn truyện Thái Diên Khánh nhà Tống: "Diên Khánh từng phỏng theo phép hành quân của An Nam: bộ đội chia ra chín tướng, gồm có các binh chủng như chính binh³, tay cung tên⁴, đoàn người ngựa⁵. Mỗi tướng, từ quân bộ đến quân kỵ và khí giới, đều như nhau. Lại chia ra bốn bộ là Tả, Hữu, Tiền, Hậu, gộp lại là 100 đội. Mỗi đội đều có quân trú chiến⁶ và quân thác chiến⁷. Còn người và ngựa của quân Phiên thì chia riêng làm đội khác, không cho lẫn lộn với quân khác để phòng sự biến loạn, gần đâu thì cho họ lệ thuộc vào đó. Hạng quân già yếu thì cho đóng ở thành trại. Diên Khánh đem binh pháp ấy trình bày tường tận trong bức thư dâng lên vua Tống. Tống Thần Tông (1068-1085) khen là hay". Binh pháp triều Lý được Trung Quốc phỏng theo là thế đấy. Nhà

¹ Phê phán câu trong sử Ngô Thì Sĩ nói việc này là do Lý Thánh Tông làm theo chí trước của cha.

² Thứ mũ có từ đời Đường: Ban đầu làm bằng the lượt, sau vì thấy nó mềm nát, nên làm cốt bằng nan gỗ. Kiểu mũ phốc đầu, người ta cho là Ngự Triều Ân (hoạn quan đời Đường Đại Tông, 763-779) chế ra trước: ban đầu bốn góc mũ có tai, hai tai vênh về phía trước và hai tai vênh về phía sau. Về sau, làm hai tai ngang ra, có dây thép đỡ cho cứng (tức là kiểu mũ cánh chuồn).

³ Quân chính quy.

⁴ Quân chuyên bắn cung.

⁵ Đoàn quân kỵ.

⁶ Chiến đấu trong khi đóng giữ.

⁷ Chiến đấu trong khi tấn công.

Lý, phía bắc, phá được châu Ung, châu Liêm, phía nam, bình được Chiêm Thành, Chân Lạp, đánh đầu được đẫy, thật là có cơ thế chứ!

Nay xét: quân hiệu triều Lý chỉ thấy tàn mát trong sách, còn binh chế ra sao, không khảo được.

Lời phê¹ - Gần như khoác lác!

Canh Tí, năm thứ 2 (1060). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang Ung Châu nhà Tống.

Trước đó, châu mục Lạng Châu, Thân Thiệu Thái, đuổi bắt những kẻ trốn tránh, vượt sang đất Tống, bắt chỉ huy sứ Tống là Dương Bảo Tài đem về. Quân Tống tràn sang xâm lấn bên ta, nhưng thất bại. Đến đây, Tống sai Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Nhà vua sai Phí Gia Hựu sang dự hội. Dư Tĩnh lại đưa hậu lễ tặng biểu Gia Hựu, nhân tiện đưa thư xin ta trả lại Bảo Tài cho Tống, nhưng nhà vua không nghe.

Lời phê² - Không tin được!

Lời chua - Lạng Châu, Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Tháng 8. Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm.

Làm hành cung ở bên hồ Dâm Đàm, để dùng khi ngự xem đánh cá.

Lời chua - Dâm Đàm: Còn tên nữa là hồ Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, Quảng Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 2).

Tân Sửu, năm thứ 3 (1061). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển con gái dân gian đưa vào cung.

Tuyển 12 người con gái sung vào hậu cung.

Nhâm Dần, năm thứ 4 (1062). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 7).

Quý Mão, năm thứ 5 (1063). (Tổng, năm Gia Hựu thứ 8).

Giáp Thìn, năm thứ 6 (1064). (Tổng, Anh Tông, năm Trị Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Tống.

Sang mừng Tống Anh Tông lên ngôi.

Tháng 4, mùa hạ. Dụ bảo các viên quan coi việc hình ngục nên rộng tha cho những tội phạm lầm lẫn.

Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, xử kiện. Công chúa Động Thiên hầu bên cạnh. Nhà vua trở vào công chúa mà bảo ngục lại: "Ta đem lòng làm cha mẹ đối với dân, cũng như lòng thương con ta đấy. Dân không biết gì, tự mình làm mình mắc phải tội lỗi, ta xót xa lắm. Từ nay, không cứ tội nặng hay nhẹ, cốt phải xét một cách rộng rãi, tha cho tội phạm lầm lẫn".

Lời phê - Thế cũng không phải.

Ất Tị, năm thứ 7 (1065). (Tổng, năm Trị Bình thứ 2).

Bính Ngọ, năm Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066). (Tổng, năm Trị Bình thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Kiên Đức làm thái tử. Đại xá.

Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự; ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ Lỗi, có người con gái hái dâu đứng tựa vào khóm cỏ lan, nhà vua lấy

¹ Chỉ việc nhà Tống phỏng theo binh pháp nhà Lý.

² Chỉ việc nhà Lý bắt chỉ huy sứ của Tống mà không thả về.

làm lạ, cho vời vào cung, lập làm _ Lan phu nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng tử Kiên Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong _ Lan phu nhân làm thần phi¹, lại gọi là nguyên phi², đổi làng Thổ Lỗi làm làng Siêu Loại, vì là sinh quán của nguyên phi.

Lời chua - Làng Siêu Loại: Ở huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, tức là xã Thuận Quang bây giờ.

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1067). (Tổng, năm Trị Bình thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ngưu Hống và Ai Lao đều tiến cống.

Lễ cống gồm có vàng, bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi.

Lời chua - Ngưu Hống: Tên một dân tộc Mán. Theo Hưng Hóa phong thổ ký của Hoàng Trọng Chính³, ngôn ngữ và văn tự của Ngưu Hống cũng giống của Ai Lao, Ngưu Hống bây giờ thuộc vào bản đồ nước ta, tức là Yên Châu, tỉnh Hưng Hóa.

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Sứ nhà Tống sang.

Trước đó, Tống gia phong nhà vua làm khai phủ nghi đồng tam ti; đến đây, phong làm Nam Bình vương.

Cấp lương bổng cho những quan lại giữ việc hình ngục.

Dùng Ngụy Trọng Hòa và Đặng Thế Tư làm quan Đô hộ phủ sĩ sự, đổi mười người thư gia⁴ làm án ngục lại⁵. Cho Trọng Hòa và Thế Tư mỗi năm mỗi người là năm mươi quan tiền, trăm bó lúa, cá và muối đủ dùng. Các ngục lại, mỗi người hai mươi quan tiền và trăm bó lúa. Việc cấp lương bổng này cốt để gây nuôi lòng thanh liêm của họ.

Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, dưới triều Lý, các quan trong triều và ngoài các lộ đều không có lương bổng: quan trong, thỉnh thoảng được vua ban thưởng; quan ngoài, được giao phó cho dân một làng để thu thuế ruộng đất, đầm, ao mà tự cung cấp cho mình. Đến đây, các quan lại giữ việc ngục tụng mới có lương bổng thường.

Lời chua - Đô hộ phủ sĩ tư: Theo phép nhà Đinh trước. Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Mậu Thân, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1 (1068). (Tổng, Thần Tông, năm Hi Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Châu Chân Đăng dâng con voi trắng.

Nhà vua thấy dâng hai con voi trắng, tự cho là điềm lành, do đó đổi lại niên hiệu.

Lời chua - Châu Chân Đăng: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 6 (Chb. II, 37).

Kỷ Dậu, năm Thần Vũ thứ 1 (1069). (Tổng, năm Hi Ninh thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

¹ Thần phi là quý phi của vua; Nguyên phi là một người phi đứng đầu các hàng phu nhân. Theo chế độ phong kiến, trong các vợ của vua có nhiều cấp bậc: vợ cả gọi là hoàng hậu, dưới hoàng hậu có ba người vợ nữa gọi là "phi" hoặc "phu nhân", v.v...

² -nt-

³ Hoàng Trọng Chính, người đời Hậu Lê, làm đến Đốc đồng (theo lời Tựa của Phạm Thận Duật trong quyển Hưng Hóa ký lược).

⁴ Người giữ việc biên chép giấy tờ sổ sách công.

⁵ Người giúp việc xét hỏi về các ngục tụng.

Bây giờ Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới, nhà vua giao cho Nguyên phi trông coi việc nước, tự làm tướng đi đánh, lâu mãi không hạ được, mới rút quân về. Khi đến châu Cư Liên, hay tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân vui vẻ, trong nước được yên, nhà vua khảng khái nói: "Kìa, một người đàn bà còn làm được như thế, ta là tài trai mà không hạ được nước Chiêm Thành nhỏ xíu, chả hóa ra xoàng lắm ru?". Nhà vua bèn quay lại đánh nữa, kết quả thắng trận, bắt chúa Chiêm là Chế Củ đem về.

Lời phê¹ - Bây giờ há lại không có đại thần để cho ở lại giữ nước hay sao? Mà phải đến đàn bà can dự chính sự, để chuốc lấy tiếng khen! Sử nói không đúng sự thực, đại loại như thế đấy!

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi đánh Chiêm Thành về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu, đổi lại niên hiệu.

Chúa Chiêm Thành là Chế Củ dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính để xin về nước: nhà vua ưng thuận.

Lời chua - Địa Lý: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Địa Lý thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Lâm Bình, nhà Trần đổi là Tân Bình; khi thuộc Minh vẫn để tên như thế; nhà Lê đổi là Tiên Bình. Bây giờ là đất phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình.

Ma Linh: Xưa là đất Việt Thường; đời Hán, thuộc quận Nhật Nam; đời Tống, là châu Ma Linh thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Minh Linh; nhà Trần vẫn để tên như thế; thuộc Minh, đổi là châu Nam Linh; nhà Lê đặt làm huyện. Bây giờ là đất đai huyện Minh Linh và Do Linh thuộc tỉnh Quảng Trị.

Bồ Chính: Xưa là châu Bồ Chính; đời Hán là đất huyện Thọ Lãnh thuộc quận Nhật Nam; đời Tống là châu Bồ Chính thuộc Chiêm Thành; nhà Lý vẫn để tên như thế; thuộc Minh đổi là châu Trấn Bình; nhà Lê chia làm hai châu Nội Bồ Chính và Ngoại Bồ Chính. Bây giờ là đất ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bồ Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1070). (Tống, năm Hi Ninh thứ 3).

Mùa xuân. Dựng điện Tử Thần.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Đem tiền và thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 8, mùa thu. Mới lập nhà Văn Miếu.

Tạc tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối² vẽ hình tượng Thất thập nhị hiền³ bày ở Văn Miếu, bốn mùa tế lễ. Sai Hoàng thái tử tới đó học tập.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Họ Lý làm vua đến đây đã năm mươi năm năm, thế mà bây giờ mới thấy tôn thờ thánh hiền, thế chẳng phải là trước trọng đạo Phật rồi sau mới đến đạo Nho đó dư?

Lời chua - Văn Miếu: Ở phía nam thành Thăng Long, tức là Văn Miếu Hà Nội bây giờ.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1071). (Tống, năm Hi Ninh thứ 4).

Từ mùa xuân đến mùa hạ, không mưa.

Nước Chiêm Thành đến dâng lễ cống.

Quy định lễ nộp tiền chuộc tội nhiều ít khác nhau.

¹ Chỉ việc Nguyên phi trông coi việc nước.

² Bốn vị được phối hưởng trong khi cúng tế: Nhan tử, Tăng tử, Tử tư, Mạnh tử, đều là bậc hiền triết xưa của Trung Quốc, nối tiếp truyền thống đạo nho.

³ Bảy mươi hai người học trò của Khổng Tử đều có tiếng hiền tài.

Trước đó, Lý Thái Tông đặt ra pháp lệnh: phạm kẻ phạm tội, nếu là dân mà là người già hay trẻ con, nếu là người họ thân nhà vua mà còn phải để tang nhau từ 9 tháng trở lên, đều được nộp tiền chuộc cả¹. Đến đây, định lệ lại: phạm người được nộp tiền chuộc tội phải tùy theo tội nặng hay nhẹ mà bắt nộp tiền nhiều hay ít khác nhau.

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1072). (Tháng giêng trở về sau, là triều Lý Nhân Tông hoàng đế, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 1. (Tổng, năm Hi Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lý Thánh Tông mất.

Nhà vua mất ở điện Hội Tiên; đặt tên thụy là Ứng Thiên sùng nhân chí đạo uy Khánh long tường minh văn duệ vũ hiếu đức thánh thần hoàng đế, miếu hiệu là Thánh Tông, ở ngôi 17 năm, thọ 50 tuổi.

Thái tử Kiên Đức lên ngôi, đổi niên hiệu mới (tức là Lý Nhân Tông).

Tôn mẹ già (dịch mẫu) là Thượng Dương thái hậu Dương thị làm hoàng thái hậu, mẹ đẻ là _ Lan nguyên phi (không rõ họ là gì) làm hoàng thái phi. Thái hậu buông mình², ngồi bên trong, nghe bày tội tâu bày và quyết đoán mọi việc chính sự.

Nhà vua mới bảy tuổi, thái hậu buông mình cùng tham dự chính sự. Thái sư Lý Đạo Thành làm phụ chính.

Lời chua - Đạo Thành: Người huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 4, mùa hạ. Tha cho tù phạm còn bị giam cứu.

Nhà vua bắt đầu ra coi châu, hạ lệnh thả cả những tù binh còn giam ở Đô hộ phủ.

Lời chua - Đô hộ phủ: Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 4).

Năm Quý Sửu (1073). Lý Nhân Tông hoàng đế, năm Thái Ninh thứ 2. (Tổng, năm Hi Ninh thứ 6). Mưa dầm mãi không tạnh (không rõ tháng nào).

Nhà vua sai làm lễ ở chùa Pháp Vân và đền thờ núi Tản Viên để cầu được tạnh nắng.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc thuộc Hà Nội³. Tương truyền một hôm, mưa gió sấm sét ầm ầm, cây đa bị đổ; người thôn ấy lấy gỗ đa tạc tượng⁴ rồi dựng chùa thờ, nên gọi là chùa Pháp Vân.

Núi Tản Viên: Ở huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây. Đền thờ thần Tản Viên ở trên đỉnh núi. Tương truyền: Thần núi ấy là Hương Lang, tức là một trong năm mươi con Lạc Long Quân theo mẹ về miền núi.

Giam cầm rồi giết chết hoàng thái hậu Dương thị; tôn hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu.

Thái phi thấy một mình Dương thái hậu được tham dự chính sự, đem lòng bất bình, nói với vua rằng: "Mẹ đây khó nhọc mới có ngày nay, bây giờ để cho người khác ngồi hưởng phú quý, thì đặt mẹ ở địa vị nào?". Nhà vua còn nhỏ tuổi, không biết phân biệt thế nào là phải, bèn giam cầm Dương thị ở cung Thượng Dương, bắt ép phải chết để chôn theo ở lăng vua Thánh Tông, rồi tôn Thái phi làm hoàng thái hậu.

¹ Xem thêm Chb. III, 5.

² Nguyên văn là "thủy liêm". Chế độ phong kiến, lúc vua nối ngôi còn bé, thì ở triều đường có buông bức màn, thái hậu ngồi trong màn, nghe quần thần tâu bày và quyết đoán chính sự trong nước. Vì theo lễ giáo phong kiến đàn bà không được ra triều đường, hội kiến quần thần, nên phải ngồi che khuất bằng tấm màn màn.

³ Chùa Pháp Vân (còn gọi là chùa Đậu) ở xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, nay là xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Còn chùa Pháp Vũ (còn gọi là chùa Đậu) ở thôn Gia Phúc, huyện Thượng Phúc, nay là thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

⁴ Tục gọi là "tượng Tứ pháp": Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện.

Lời phê - Xem thế thì biết trước đây nói Nguyên phi giúp được việc nội trị, rõ không phải là _ Lan. Còn Dương thị, dưới thời Thánh Tông, cũng không thấy được lập làm hoàng hậu; hoặc giả là do sử chép thiếu sót? Danh phận vợ cả với vợ thứ không được phân minh: thực đáng giận!

Sứ nhà Tống sang.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáng truất Thái sư Lý Đạo Thành xuống làm Tả giám nghị đại phu¹, cho ra làm Tri châu Nghệ An.

Đạo Thành đến châu Nghệ An, lập viện Địa Tạng, đặt thần vị Lý Thánh Tông, sớm hôm thờ cúng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Giam cầm giết chết Dương hậu là một tội lớn. Đạo Thành bị giáng ra trấn thủ ở ngoại châu, biết đâu không phải vì cố đã nói đến việc đó!

Lời phê² - Lời nói đoán chừng!

Giáp Dần, năm thứ 3 (1074). (Tống, năm Hi Ninh thứ 7).

Mùa xuân. Chim sẻ trắng đậu sân cung cấm.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm ở Tiên Điền - Chim sẻ trắng là vật nhỏ mọn, thế mà sử thần cũng chép. Đó chừng bấy giờ có ý khoe khoang về sự này. Về sau, nào rồng vàng, nào hươu đen, nào phượng đẹp, nào rùa lạ, nảy ra nhan nhản đều mở đầu từ đây³.

Lại dùng Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự⁴.

Đạo Thành là người thẳng thắn, mỗi khi dâng tấu sớ thì thế nào cũng nói đến sự lợi hay hại ở dân gian. Đối với quan lại nào là người hiền tài, ông đều cất dùng. Đời bấy giờ rất kính trọng ông.

Xuống chiếu cho các công thần từ tám mươi tuổi trở lên khi vào chầu, được chống gậy và ngồi ghế.

Ất Mão, năm thứ 4 (1075). (Tống, năm Hi Ninh thứ 8).

Bắt đầu khảo thi học trò bằng ba kỳ thi⁵.

Tuyển lấy những người minh kinh bác học và thi nho học bằng ba kỳ thi⁶. Lê Văn Thịnh đỗ đầu, được lựa vào hầu vua học tập. Khoa cử nước ta bắt đầu từ đây.

Theo sách *Danh tiết lục* của Trần Ký Đăng, Văn Thịnh người làng Đông Cứu, huyện Gia Định, tính ham học. Bấy giờ chưa có khoa cử, dầu ai thông minh lanh sáng đến đâu cũng phải do đường Phật giáo mà được lựa chọn để bặt; riêng có Văn Thịnh chăm đọc các sách. Đến đây, mở khoa thi, hơn 10 người trúng tuyển, Văn Thịnh đỗ đầu. Đời truyền rằng họ Lê (Văn Thịnh) là người khai khoa đầu tiên.

Lời chua - Gia Định: Bấy giờ là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ba kỳ thi (tam trường): Thế thức văn thi thế nào, không khảo được.

Mông 1, tháng 8, mùa thu. Nhật thực.

¹ Chức quan ở chính sảnh, có nhiệm vụ can gián, nói thẳng với nhà vua.

² Chỉ lời bàn của Ngô Sĩ Liên về việc Lý Đạo Thành.

³ Trên chỗ lời bàn của Nguyễn Nghiễm, *Cương mục* có nêu hai chữ "ngự điểm", nghĩa là Tự Đức điểm những chấm son bên bài bàn của Nguyễn Nghiễm để tỏ ý tán thưởng.

⁴ Tức Tế tướng, nhưng được trọng hơn.

⁵ Nguyên văn là "tam trường".

⁶ Câu này nguyên văn *Cương mục*, không được sáng nghĩa, chúng tôi phải dựa theo *Sử ký*, *Bản ký 3*, 13 mà dịch cho lộn.

Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, không được, kéo quân về.

Chiêm Thành khuấy rối ở nơi biên giới. Nhà vua sai Thường Kiệt đi đánh, không được. Thường Kiệt vẽ bản đồ hình thế núi sông ở ba châu Bồ Chính, Ma Linh, và Địa Lý, rồi kéo quân về.

Lời chua - Thường Kiệt: Người phường Thái Hòa, thành Thăng Long.

Bồ Chính, Ma Linh, Địa Lý: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Lời phê - Thì ra bây giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao?

Đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, mộ dân đến ở.

Địa Lý và Ma Linh là đất mà Chế Củ đã hiến.

Dùng Lý Thường Kiệt làm Thái úy.

Tháng 11, mùa đông. Sai bọn Lý Thường Kiệt đem đại binh sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Châu và Liêm Châu.

Nhà Tống từ khi Vương An Thạch lên cầm quyền, thường muốn lập công ở ngoài biên giới. Tiêu Chú, tri châu Ung Châu, đoán biết ý An Thạch, dâng thư nói Giao Châu đầu giữ lễ triều cống, nhưng thực vẫn hai lòng, nếu nay bỏ lỡ không đánh lấy đi, chắc sẽ để lo về sau. Vua Tống tin lời, liền xuống chiếu cho Tiêu Chú lo việc ấy. Tiêu Chú lấy làm khó. Gặp bấy giờ có độ chi phán quan là Trầm Khởi dâng thư nói không có lý gì không thể lấy được Giao Châu. Nhà Tống mới cho Trầm Khởi làm tri châu Quế Châu. Trầm Khởi nhận lĩnh ý chỉ do An Thạch dặn bảo, chuyên để ý tấn công khuấy rối nước ta. Khi Trầm Khởi bị bãi, Lưu Di lên thay, biên xét hộ tịch các dân ở khe đô động, sửa qua thuyền¹, để mưu sang lấn cướp. Nhà Tống lại nghiêm cấm các châu, các huyện không được trao đổi mua bán với ta. Nhà vua đưa thư sang Tống, thì Lưu Di lại dìm đi. Ngài giận lắm, sai bọn Lý Thường Kiệt, Tôn Đản thống lĩnh hơn 10 vạn quân, chia đường sang đánh Tống.

Quân Thường Kiệt đến Khâm Châu, Liêm Châu: tấn công và phá được. Quân Tống chết mất tám nghìn (8.000) người.

Bấy giờ Tôn Đản sang đánh Ung Châu, đô giám tỉnh Quảng Tây là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu, Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Luân, phá tan được địch, chép Thủ Tiết tại trận.

Lời cần án - Sử cũ chép tháng 2 năm ấy (Ất Mão, 1075), Thường Kiệt sang đánh nhà Tống, phá được Khâm Liêm. Tôn Đản vây Ung Châu hơn 40 ngày, phá được thành, nay theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) thì tháng 11 mùa đông năm Ất Mão (1075), Giao Chỉ đem đại binh vào lấn cướp, phá Khâm Châu và Liêm Châu. Tháng giêng, mùa xuân, năm Bính Thìn (1076), phá Ung Châu. Như vậy thì việc sang đánh Tống là bắt đầu từ mùa đông, năm Ất Mão (1075); việc phá được Khâm, Liêm là vào tháng 11, việc phá được Ung Châu là vào tháng giêng năm Bính Thìn (1076). **Sử cũ** chép lầm, nay xin đính chính. Lại xét: theo sử **Cương mục tục biên** và sách **Giao Chỉ di biên** thì tháng 11 mùa đông, năm Ất Mão (1075), đi đánh Tống, kể tội nhà Tống. Thế thì việc kể tội nhà Tống là việc năm Ất Mão ấy, chứ không phải việc năm Đinh Tị (1077). **Sử cũ**, ở chỗ tháng 2, mùa xuân, năm Đinh Tị, chép: lại đem đại binh sang đánh Tống và kể tội của Tống. Thế là một việc mà chép làm hai, việc ở năm này chép lẫn sang năm sau. Nay xin đính chính.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Giao Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 19).

Quế Châu: Xem Lý Thánh Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

¹ Có hai thuyết: 1) Thử thuyền dưới đáy có đặt đồ binh khí để chống loài giao long làm hại; 2) Thử thuyền để chờ đồ can qua, như giáo, mác, lá mộc,...

Khâm Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. III, 36).

Liêm Châu: Tức Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 43).

Cửa Côn Luân: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Bính Thìn, năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 1 (1076). (Tổng, năm Hi Ninh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn Đản phá được thành Ung Châu nhà Tống, giết sạch cả dân trong thành.

Tôn Đản vây Ung Châu hơn bốn mươi ngày; Tri châu Tô Giam đóng cửa thành cố giữ. Đến đây, quan quân xếp bao đất sát vào thành làm bậc thang mà leo lên: thành bị hạ. Tô Giam bắt ba mươi sáu người trong nhà hãn phải chết trước, hãn đem xác vùi cả xuống hồ, rồi tự mình chết. Người trong thành cảm phục cao nghĩa của Tô Giam, không một ai chịu đầu hàng. Quan quân giết sạch số dân trong thành đến hơn năm vạn tám nghìn người cộng với số người bị chết ở Khâm, Liêm, tất cả tới mười vạn. Bọn Thường Kiệt bắt lấy người ba châu làm tù binh rồi kéo quân về. Việc này lên đến vua Tống, vua Tống truy tặng Tô Giam là Phụng quốc Tiết độ sứ.

Tháng 4, mùa hạ. Có ân xá.

Vì có đổi niên hiệu là Anh Vũ Chiêu Thắng.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng.

Lập nhà Quốc Tử Giám; tuyển trong các văn thần lấy những người có văn học, bổ vào đó.

Lựa chọn nhân sĩ trong nước lấy những người có tài văn, võ, phân phối đi cai quản quân và dân.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên rồi rút về.

Trước đó, bọn Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống, có làm bài lộ bố¹, đại ý nói: Nhà Tống thi hành phép thanh miếu² và trợ dịch³ làm cho dân Tống phải ngậm đắng nuốt cay! Ta nay dấy quân là cốt để sang cứu vớt dân chúng". Phàm những thành ấp nào mà quân của Thường Kiệt đi qua, đều được niêm yết bài lộ bố ấy ở bên đường. Kịp khi Ung Châu và Liêm Châu bị phá, An Thạch hay tin, giật mình, bèn dùng Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm Phó sứ, cầm đầu chín tướng quân, ước hẹn các nước Chiêm Thành và Chân Lạp cùng sang lẫn cướp.

Nhà vua sai Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt, đánh nhau kịch liệt, Thường Kiệt cả phá được địch: quân Tống chết đến hơn nghìn người, phải rút lui. Đến đây, bọn Quách Quỳ lại đem quân tiến về phía tây, kéo thẳng đến sông Phú Lương. Quan quân ta bơi thuyền đón đánh: quân Tống không sang được, mới chặt gỗ làm chiến cụ, đặt máy bật đá, liệng xuống như mưa. Thuyền bên ta đều bị hư nát, quan quân ta lại bị quân Tống đánh úp, chết đến vài nghìn người. Do đấy nhà vua phải sai sứ đến doanh trại quân Tống xin hòa để cầu nhà Tống hoãn lại việc binh. Lúc ấy người Tống đi sâu vào nơi lam chướng, tám vạn quân sĩ chết mất quá nửa, lại thêm nổi đống quân mồi ở bờ sông, không vượt sang sông được, bèn ứng theo lời xin, rút lui, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang rồi kéo quân về.

¹ Bài hịch kể rõ tội ác của bên địch và nêu nghĩa vụ mình phải đi đánh dẹp để cứu dân.

² Phép "Thanh miếu" do Vương An Thạch đặt: nhà nước bỏ tiền cho nông dân vay trong khi lúa hãy còn xanh, đến lúc được gặt thì phải trả và chịu lãi hai phần. Hàng năm, cứ tháng giêng cho vay thì mùa hạ phải trả, tháng năm cho vay thì mùa thu phải nộp.

³ Phép "trợ dịch" cũng do Vương An Thạch đặt: những nhà có con vị thành niên, hoặc con một, hoặc nhà đàn bà không có con, hoặc người ở chùa, hoặc người có quan chức, v.v... những người này trước kia không phải đóng góp làm tạm dịch, nay cũng đóng tiền "miễn dịch" theo với các người khác.

Lời cần án - Theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc), tháng 2 năm ấy¹, nhà Tống dùng Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó sứ. Tháng 12, mùa đông, quân Tống kéo đến sông Phú Lương, chiếm lấy các châu ở Quảng Nguyên. Thế thì Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ. Còn việc kéo quân đến sông Phú Lương, chiếm lấy châu Quảng Nguyên là việc ở tháng 12, năm Bính Thìn (1076). **Sử cũ** lại chép vào tháng 3; đến tháng 12, năm Đinh Tị (1077) lại chép Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không đánh được, rút về. Thế là **Sử cũ** cho việc tháng 12 năm Bính Thìn (1076) làm việc tháng 12 năm Đinh Tị (1077), lại cho việc tháng 12 làm việc tháng 3: trước sau lằm lằm như vậy đó. Nay xin đính chính.

Lời chua - Quảng Nguyên: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Chân Lạp: Xem thuộc Đường Tuyên Tông, Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Sông Như Nguyệt: Ở phía đông bắc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Gần đây có xã Như Nguyệt nên gọi tên như vậy.

Sông Phú Lương: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. III, 13).

Tư Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chb. II, 3).

Tô Châu, Mậu Châu: Chừng ở địa phận hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng ngày nay, nhưng thay đổi ra sao, không khảo được.

Quang Lang: Tên huyện. Nhà Lý gọi là huyện Quang Lang; nhà Trần gọi là châu Khưu Ôn; khi thuộc Minh gọi là Ôn Huyện; nhà Lê gọi là Ôn Châu, tức là Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn bây giờ.

Đinh Tị, năm thứ 2 (1077). (Tống, năm Hi Ninh thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Thi lại viên.

Thi bằng phép viết, phép tính và hình luật. Ai trúng tuyển thì được bổ.

Mậu Ngọ, năm thứ 3 (1078). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 1).

Thành này đắp từ năm Thuận Thiên thứ 5 (1014), đến đây sửa lại.

Lời cần án - Đại La là tên thành cũ từ thời Cao Biền, Lý Thái Tổ đã đổi gọi là Thăng Long. **Sử cũ** cứ theo tên cũ chép là "thành Đại La" thì nhầm, nay xin đính chính.

Lời chua - Thành Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 10).

Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Đào Nguyên đem năm thốt voi thuần thuộc sang tặng nhà Tống; lại dâng biểu xin những châu huyện bị mất và những dân bị bắt ngày trước, vua Tống không cho. Nhà vua hẹn sẽ trả lại nhà Tống số người ba châu mà trước đây đã bị ta bắt, vua Tống bấy giờ mới y theo lời thỉnh cầu.

Lời chua - Ba Châu: Khâm, Liêm và Ung, đều thuộc tỉnh Quảng Đông.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1079). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 2).

Mùa xuân. Thả cho về nước những người Tống đã bị bắt làm tù binh.

¹ Bính Thìn (1076).

Trước đó, nhà Tống đòi ta giao trả một nghìn người bị bắt; đến đây, ta thả cho về hai trăm hai mươi mốt người mà thôi. Đàn ông từ 15 tuổi trở lên thì thích vào trán là "Thiên tử binh"¹ 20 tuổi trở lên thì thích là "Đầu Nam Triều"²; phụ nữ thì thích vào tay trái là "Quan khách". Dùng thuyền chở đi, nhưng trát bùn kín cả cửa và cửa sổ, trong thuyền thắp đèn đuốc, mỗi ngày chỉ đi độ một hai dặm thôi; vài tháng trời mới đến nơi. Có ý tỏ rằng đường biển xa khơi là thế.

Lời cần án - Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Tháng 9, mùa thu, năm Nguyên Phong thứ 1 (Mậu Ngọ, 1078) triều Tống; Giao Chỉ dâng biểu xin lại những đất đã mất, nhà Tống không ưng thuận. Chưa được bao lâu, Kiên Đức³ trả lại những dân bị bắt ngày trước. Tống bèn ban cho Thuận Châu⁴. Sách **An Nam chí** của Cao Hùng Trưng chép rằng: năm Nguyên Phong thứ 1 (1078), Giao Chỉ vào cống, thỉnh cầu trả lại các châu Quảng Nguyên; nhà Tống hẹn rằng hễ trả lại số dân bị bắt trước đó thì sẽ làm theo lời xin. Qua năm sau, nhà Lý đem trả lại những người ba châu⁵; nhà Tống mới trả lại Thuận Châu. Như thế thì việc giao trả những người ba châu bị bắt là việc đáng phải ở vào năm này (Kỷ Mùi 1079), mà việc nhà Tống trả châu Quảng Nguyên lại ở vào sau việc ta giao trả tù binh của Tống. Nhà Tống bấy giờ đã suy yếu, nhưng đâu có chịu trước trả đất cho ta để cầu xin ta trả lại tù binh? **Sử cũ** chép năm ấy (Kỷ Mùi 1079), nhà Tống trả lại Thuận Châu: đến Tân Dậu, năm thứ 66, chép rằng trao trả nhà Tống quân và dân ba châu đã bị ta bắt, vì có Tống đã trả lại cho ta châu Quảng Nguyên rồi. Thế thì ghi chép thất thực, nay xin đính chính.

Mưa đá.

Được mùa.

Nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên.

Trước đây, bọn Quách Quỳ sang xâm lấn các châu Quảng Nguyên đều mất về tay nhà Tống, Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, sai quan sang cai trị, hằng năm, trong số ba nghìn lính thú, chết đến năm sáu phần mười. Kịp khi ta trả lại tù binh ba châu cho Tống thì vua Tống nói: "Thuận Châu là nơi lam chướng, đâu được cũng không lợi gì, há lại nên dồn quân lính vào chỗ chết ư?". Bèn trả lại cho ta.

Châu Quảng Nguyên sản nhiều vàng. Người Tống có câu thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim⁷!".

Canh Thân, năm thứ 5 (1080). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi chải.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1081). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 4).

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Lý Đạo Thành mất.

Đạo Thành lấy tư cách là đại thần cùng họ với nhà vua, giúp chúa thơ ấu, từ chính sự trong triều đình đến kế hoạch nơi biên giới, ông có nhiều điều xây dựng sáng suốt; đến đây, ông mất, ai cũng thương tiếc.

Nhâm Tuất, năm thứ 7 (1082). (Tống, năm Nguyên Phong thứ 5).

¹ Quân lính của thiên tử.

² Theo về với Nam triều.

³ Tên Lý Nhân Tông.

⁴ Tức là Quảng Nguyên. Thuận Châu là tên người Tống đổi gọi trong khi tạm chiếm Quảng Nguyên.

⁵ Khâm, Liêm, Ung.

⁶ Lý Nhân Tông năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 6 (1081).

⁷ "Tham voi Giao Chỉ, mất vàng Quảng Nguyên" (Đại Nam quốc sử diễn ca).

Mùa xuân. Gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Lời chua - Châu Vị Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 4 (Chb. II, 16).

Quý Hợi, năm thứ 8 (1083). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 6).**Mùa xuân. Tuyển lính.**

Tuyển trong hạng hoàng nam lấy những người khỏe mạnh, can đảm, đặt làm ba bậc.

Lời chua - Hoàng nam: Xem Lý Thái Tông, năm Minh Đạo thứ 1 (Chb. III, 5).

Giáp Tí, năm thứ 9 (1084). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 7).**Tháng 6, mùa hạ. Sai Lê Văn Thịnh sang bên Tống, bàn định việc cương giới.**

Bấy giờ, bờ cõi giữa nước ta và nhà Tống chưa được ngã ngũ. Nhà vua sai Binh Bộ thị lang¹ Lê Văn Thịnh sang Tống để hội nghị, nhà Tống trả lại ta 6 huyện và 3 động.

Theo Danh tiết lục của Trần Ký Đăng, Lê Văn Thịnh sang Quảng Tây, hội nghị với tuần kiểm ti nhà Tống, là Thành Trác. Văn Thịnh thường giữ thái độ mềm dẻo, từ từ lấy lý lẽ mà giải thích, và nói "kẻ bồi thần² này không dám tranh giành". Vua Tống khen là biết cung kính, biết lẽ phải, bèn hạ chiếu trả lại cho ta 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang.

Lời cần án - Theo sử **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) và sách **Giao Chỉ di biên**, quân Tống sang xâm lược, chiếm lấy các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Tô Châu, Mậu Châu và huyện Quang Lang, rồi đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu. Kịp khi nhà Lý trả lại những dân bị bắt thì mới trao trả Thuận Châu. Về sau, khi định lại cương giới, Tống trả lại ta 6 huyện, 3 động. So với **Sử cũ** trên chép nhà Tống trả Thuận Châu, đến đây chép nhà Tống trả 6 huyện 3 động, mà không nói rõ huyện nào động nào, thì hai chỗ chép cũng hơi giống nhau. Nay xét: Về châu Tư Lang và huyện Quang Lang không thấy các sách nói đến việc trả lại, mà từ đời Tống Thần Tông (1069-1085) trở về sau, hai châu ấy đã thuộc về đất nhà Lý rồi, hay là sau khi nhà Tống đổi Quảng Nguyên làm Thuận Châu, thì gộp cả Tư Lang và Quang Lang mà chia đặt làm huyện, làm động, vậy 6 huyện và 3 động nói đó đều là đất ấy chăng? Ban đầu, Tống chỉ trả Thuận Châu, đến đây, định rõ cương giới, bấy giờ mới trả lại hết, thế còn có lý, chứ nếu cứ trở vào 6 huyện Bảo Lạc và 6 động Túc Tang, thì người Tống chưa hề xâm chiếm, việc gì mà phải trả lại ta? Huống chi trả lại chỉ có 3 động, mà Trần Kỳ Đăng lại cho là 6 động, không biết bằng cứ vào đâu! Vậy hãy cứ chép lại đây để sẽ khảo sau.

Lời chua - Bảo Lạc: Thuộc tỉnh Tuyên Quang; tức là huyện Vĩnh Điện và huyện Đẻ Định bây giờ.

Sáu động Túc Tang: Không khảo được.

Ất Sửu, năm Quảng Hựu thứ 1 (1085). (Tổng, năm Nguyên Phong thứ 8).**Gia phong Lê Văn Thịnh làm Thái sư.****Bính Dần, năm thứ 2 (1086). (Tổng Triết Tông, năm Nguyên Hựu thứ 1).****Mùa xuân. Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân.**

Trên lưng con rùa này có hình đồ thư. Sau việc này, có nhiều người hay đem rùa lạ đến dâng.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lấy những người có văn học, sung vào Hàn lâm viện.

Thi những học trò có văn học trong cả nước. Ai đậu thì được bổ dùng. Mạc Hiến Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn lâm học sĩ.

¹ Như Thứ trưởng Bộ Quốc phòng bây giờ.

² Tiếng bày tội của chư hầu tự xưng đối với thiên tử.

Lời chùa - Hiển Tích: Người làng Long Động, huyện Chí Linh¹.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1087). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu làm Bí thư các.

Sứ nhà Tống sang.

Tống Triết Tông mới lên ngôi, gia phong nhà vua làm Nam bình vương.

Tháng 10, mùa đông. Mở yến tiệc thết các bầy tôi tại chùa Lãm Sơn.

Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086), làm chùa này; đến đây ngự giá đến chơi, đêm mở yến tiệc thết quần thần. Nhà vua có làm thơ "Lãm sơn dạ yến".

Bấy giờ lại chia đặt ra các chùa trong nước làm ba hạng: đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam. Chùa thì có điền nô² kho chứa đồ vật. Dùng quan văn cấp cao kiêm làm chức Đề cử³.

Lời chùa - Chùa Lãm Sơn: Ở xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1088). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 3).

Ban hiệu quốc sư cho thầy chùa là Khô Đầu.

Nhà vua sùng đạo Phật, tôn thầy chùa làm quốc sư, thường bàn hỏi về việc nước. Ấy cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt.

Lời chùa - Khô Đầu: Không rõ là tên hay hiệu của nhà sư.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1089). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định các chức của bách quan.

Đặt rõ tên gọi các chức của quan văn, quan võ, quan phụ thuộc và các tạp lưu.

Lời cần án - Sách Lịch triều hiến chương, Chức quan chí, của Phan Huy Chú, chép rằng: Xét quan chế triều Lý, đại lược thế này: Phẩm trật các hàng quan văn quan võ đều có chín bậc. Tam thái⁴, tam thiếu⁵ Thái úy, nội ngoại hành điện đô trị sự, Kiểm hiệu Bình chương sự, đều là trọng chức về văn võ đại thần cả. Hàng quan văn thì có: bộ thượng thư, tả hữu tham tri, tả hữu gián nghị, trung thư, thị lang, bộ thị lang, tả hữu Ti lang trung, Thượng thư sảnh viên ngoại lang, đông tây cấp môn sứ, tả hữu phúc tâm, Nội thường thị, Phủ sĩ sự, Điện học sĩ, Hàn lâm học sĩ, vệ đại phu, chư hỏa thư gia⁶, Thừa trực lang, Thừa tín lang, đều là các chức quan trong. Lại có Tri phủ, Phán phủ, Tri châu đều là các chức quan ngoài. Hàng võ thì có: Đô thống, Nguyên súy, Tổng quản, Xu mật sứ, Xu mật tả hữu sứ, Tả hữu kim ngô, Thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, tướng quân các vệ⁷, chỉ huy sứ, vũ vệ, hỏa đầu, các binh tào Vũ Tiệp và Vũ Lâm, đều là những chức quan trọng. Lại có quan binh và Trấn thủ các lộ, các trấn, các trại; đó đều là những chức quan ngoài. Còn như phẩm trật và cấp bậc ra sao không thể khảo tường tận được.

Lời chùa - Chư hỏa thư gia: Tên chức quan, như là Nội hỏa thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia, vân vân... Còn "Chư hỏa" thì chưa rõ.

¹ Nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

² Nô bộc làm ruộng.

³ Chức quan coi quản về việc đền chùa.

⁴ Thái sư, Thái bảo, Thái phó.

⁵ Thiếu sư, thiếu bảo, thiếu phó.

⁶ Xem "Lời chùa" ở dưới của Cương mục.

⁷ Xem "Lời chùa" ở dưới của Cương mục.

Các vệ: Uy vệ, Kiêu vệ, Định Thăng vệ.

Đào sông Lãnh Kinh.

Lời chua - Lãnh Kinh: Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, sông Lãnh Kinh thuộc tỉnh Thái Nguyên nay chưa biết đích ở chỗ nào.

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1090). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 5). Làm cung Hợp Hoan.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Nhân Tông xây dựng cung điện lâu đài đến năm lần¹, cung Hợp Hoan này là một, chắc không khỏi làm nhọc sức dân.

Tân Mùi năm thứ 7 (1091). (Tổng, Nguyên Hựu thứ 6). Mùa xuân. Nhà vua lên Lạng Sơn, xem săn voi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Lý Nhân Tông xem bắt voi đến ba lần: Năm này² đi Lạng Sơn; năm Hội Tường thứ 10³ đi Khoái Trường; năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4⁴ đi Long Thủy Hiệp: đều là đi du ngoạn cả.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Núi Long Thủy Hiệp: Ở châu Đà Bắc thuộc Hưng Hóa, tức là núi Long Môn bây giờ.

¹ Năm lần xây dựng cung điện:

- Cung Hợp Hoan dựng năm Quang Hựu thứ 6 (1090).
- Đài Động Linh dựng năm Long Phù thứ 9 (1109).
- Đài Chúng Tiên dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120).
- Đài Tử Tiêu dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 4 (1123).
- Đài Uất La dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ 5 (1124).

² Năm Tân Mùi, 1091.

³ Tức là Hội Tường đại khánh thứ 10 (Kỷ Hợi, 1119).

⁴ Năm Quý Mão, 1123.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ IV

Từ Nhâm Thân (1092), Lý Nhân Tông năm Hội Phong thứ nhất đến Kỷ Tỵ (1149), Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 10, gồm 58 năm.

*

Nhâm Thân, năm Hội Phong thứ 1 (1092). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 7). Quy định phép thu tô.

Năm ấy, khắp trong nước được mùa; định rõ thể lệ thu tô: mỗi mẫu ruộng thu 3 thương lúa để cung cấp lương thực cho quân đội.

Quý Dậu, năm thứ 2 (1093). (Tổng, năm Nguyên Hựu thứ 8).

Giáp Tuất, năm thứ 3 (1094). (Tổng, năm Thiệu Thánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nước Chiêm Thành.

Chiêm Thành không tiến cống. Nhà vua sai Hàn lâm học sĩ Mạc Hiến Tích đi trách hỏi.

Ất Hợi năm thứ 4 (1095). (Tổng, năm Thiệu Thánh thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Hạng hán. Thả tù phạm bị giam cứu; tha tô thuế, trời mưa.

Bính Tý, năm thứ 5 (1096). (Tổng, năm Thiệu Thánh thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Thái sư Lê Văn Thịnh mưu phản nghịch, bị bắt đi an trí ở Thao Giang.

Trước kia, Văn Thịnh có một tên gia nô người nước Đại Lý. Tên này có phép thuật lạ. Nhân thế, Văn Thịnh manh lòng toan sự kia khác. Bấy giờ vua chơi hồ Dâm Đàm, đi chiếc thuyền con xem đánh cá. Bỗng nhiên nổi đám sương mù, có chiếc thuyền từ đám sương mù ấy vụt tới, sát đến thuyền ngự. Nhà vua cầm giáo lao theo, thì đám sương mù ta đi, trong thuyền hiện ra một con hổ. Mọi người sợ hãi. Ông chài Mục Thận quăng lưới chụp lấy, té ra là thái sư Lê Văn Thịnh. Nhà vua cho rằng Văn Thịnh là bậc đại thần có công lao, nên không nỡ giết, bắt đi an trí ở trại Thao Giang, thưởng quan tước cho Mục Thận và ban cho đất Dâm Đàm để làm thái ấp.

Lời phê - Văn Thịnh do văn học được đỗ đầu, làm quan đến cực phẩm, mà hành vi còn thế, thì lòng người còn lương biết thế nào được!

Lời chua - Sông Thao: Ở phía Bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa.

Đại Lý: Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Dâm Đàm: Có tên nữa là Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Đinh Sửu, năm thứ 6 (1097). (Tổng, năm Thiệu Thánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu định ra hội điển¹.

Nhà vua hạ chiếu cho các quan kiểm điểm hiệu đính các điều lệ về điển chương cũ, biên tập và quy định lại rồi cho thi hành.

¹ Một loại sách chép thể lệ công việc về điển chương chính sự của một đời.

Tháng 8, mùa thu. Sao mọc ban ngày.

Mậu Dần, năm thứ 7 (1089). (Tổng, năm Nguyên Phù thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Động đất.

Có sao chổi mọc.

Lời chua - Sao chổi: Theo sách Tinh kinh, sao chổi là do yêu khí sao Thái Bạch sinh ra, hình dáng giống như cái chổi, nên gọi là "sao chổi".

Kỷ Mão, năm thứ 8 (1099). (Tổng, năm Nguyên Phù thứ 2).

Canh Thìn, năm thứ 9 (1100). (Tổng, năm Nguyên Phù thứ 3).

Tháng 12, mùa đông. Phát sinh bệnh dịch dữ dội.

Tân Ty, năm Long Phù thứ 1 (1101). (Tổng, Huy Tông, năm Kiến Trung tĩnh quốc thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha, Hành điện nội ngoại đô tri sự.

Lời chua - Theo sách Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, Hành điện nội ngoại đô tri sự là trong chức của bậc đại thần. Còn Phán thủ đô áp nha thì chức chế ra sao chưa rõ.

Sửa lại chùa Diên Hựu.

Chùa này do Lý Thái Tông làm ra để cầu trường thọ; đến đây tu sửa lại. Lại đúc quả chuông lớn. Đúc xong, đánh thử, chuông không kêu, đem bỏ ở ngoài ruộng. Ruộng ấy sản nhiều rùa, nên người ta gọi là "chuông Quy điện"¹.

Lời chua - Chùa Diên Hựu: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 1 (Chb. III, 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 2 (1102). (Tổng, năm Sùng Ninh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Có nạn nước lớn.

Quý Mùi, năm thứ 3 (1103). (Tổng, năm Sùng Ninh thứ 2).

Tháng 10, mùa đông. Lý Giác ở Diễn Châu làm phản. Nhà vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua, chạy sang Chiêm Thành.

Lý Giác vì học được phép thuật kỳ lạ, kết cỏ buộc cây làm thành hình người, có thể sai khiến chúng nó bay nhảy đâm đánh được, gọi là quân tướng nhà trời. Nhiều người Diễn Châu theo về với hắn. Giác bèn giữ Diễn Châu, làm phản. Việc ấy lên đến triều đình. Nhà vua hỏi ai có thể làm tướng đi dẹp được. Bầy tôi cử Lý Thường Kiệt. Nhà vua nói: "Giác là tay giặc kiệt hiệt, ta cần phải chọn lấy người khỏe mạnh để đối địch. Thường Kiệt giữ việc binh đã lâu, nay già rồi; nếu lại giao cho việc quân, thì không phải cách mà trăm dùng để đối xử với bậc lão thần". Thường Kiệt khấu đầu, nói: "Tôi, trước kia chưa thông thạo mưu lược làm tướng, bình Chiêm, đánh Tống, may mà thành công, đó là điều nhờ oai linh của bệ hạ và sức lực của các tướng thần. Ngày nay nhờ ơn nước, tôi được hưởng ngôi cao lộc hậu đến thế này, nếu tôi ngồi nhìn để cho đứa giặc là Giác kiêu rông thì chết không nhắm mắt được". Thường Kiệt xin đi đánh. Nhà vua khen và ưng cho. Quân kéo đến Diễn Châu, đánh kịch liệt, cả phá được giặc. Lý Giác chạy sang Chiêm Thành, còn dư đảng thì quan quân dẹp yên được cả.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

¹ Được kể là An Nam tứ khí (bốn thứ đồ của Việt Nam): 1. Chuông Quy Điện; 2. Tháp Báo Thiên; 3. Vạc Phổ Minh; 4. Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm.

Chiêm Thành: **Tức Lâm Ấp thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).**

Nước Chiêm Thành xâm lược châu Lâm Bình, châu Bồ Chính và châu Minh Linh, rồi chiếm giữ ba châu ấy.

Lý Giác trốn sang Chiêm Thành, nói hết cả tình hình nước ta hư thực ra sao; chúa Chiêm là Chế Ma Na tin lời, bèn cất quân vào lấn cướp, chiếm lấy ba châu Bồ Chính... là những đất mà Chế Củ đã dâng trước.

Lời chua - Việc Chế Củ dâng đất ba châu: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29). Đến năm Thái Ninh thứ 4 (1075), đổi châu Địa Lý làm Lâm Bình, châu Ma Linh làm Minh Linh.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1104). (Tổng, năm Sùng Ninh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành thua, chúa Chiêm phải trả lại đất ba châu mà hắn đã xâm chiếm.

Thường Kiệt đánh bại được quân Chiêm; Chế Ma Na sợ, phải trả lại đất ba châu đã chiếm.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1105). (Tổng, năm Sùng Ninh thứ 4).

Mùa xuân, tế thần Cao Mồi¹.

Tháng 6, mùa hạ. Thái úy Lý Thường Kiệt mất.

Thường Kiệt có tướng tài, tinh thông thao lược, ban đầu sung làm Hoàng môn chi hậu², rồi thăng đến Thái úy, trải làm quan với ba triều, đánh Tống, bình Chiêm, công danh ngày càng cao, được nhà vua cưng yêu không ai sánh bằng. Đến đây, ông mất, được tặng phong Kiểm hiệu Thái úy Bình chương quân quốc trọng sự Việt quốc công; cho em là Thường Hiến nối phong tước hầu.

Tháng 9, mùa thu. Lại sửa chùa Diên Hựu.

Phía trước chùa xây ngọn bảo tháp, đào ao bích trì, trồng hoa sen; xung quanh có hành lang chạy dài, bắc cầu lượn vào. Hằng tháng, cứ mồng một và ngày rằm, ngự giá đến văn cảnh.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1106). (Tổng, năm Sùng Ninh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi hiện ra ở phương tây, chuôi sao dài suốt một góc trời. Sao Thái Bạch mọc ban ngày. Nhà vua hạ chiếu ân xá.

Duy những người bè đảng với kẻ phản nghịch thì không được tha.

Đinh Hợi, năm thứ bảy (1107). (Tổng, năm Đại Quan thứ nhất).

Mùa hạ. Động đất.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1108). (Tổng, năm Đại Quan thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Đắp đê ngăn nước sông ở phường Cơ Xá.

Lời chua - Phường Cơ Xá: Bây giờ thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Mùa hạ. Không mưa.

Kỷ Sửu, năm thứ 9 (1109). (Tổng, năm Đại Quan thứ 3).

Mùa xuân, dựng đài Động Linh.

Dựng đài Động Linh để cầu đảo.

¹ Vị thần chuyên chú về việc đẻ người cầu con.

² Hầu cận nhà vua ở cửa Hoàng cung.

Canh Dần, năm Hội tường đại khánh thứ 1 (1110). (Tổng, năm Đại Quan thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tân Mão, năm thứ 2 (1111). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 1).

Mùa thu. Đâu đầy được mùa cả.

Nhâm Thìn, năm thứ 3 (1112). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 2).

Quý Ty, năm thứ 4 (1113). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 3).

Giáp Ngọ, năm thứ 5 (1114). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 4).

Ất Mùi, năm thứ 6 (1115). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập ba Hoàng hậu.

Lập ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên và Chấn Bảo; lại lập 36 cung nhân. Bấy giờ nhà vua nóng lòng cầu tự, thường lập đàn tràng cầu đảo. Thái hậu thì làm hơn một trăm cảnh chùa; lại phát tiền kho nội phủ chuộc những gái nghèo đã bị cầm đợ mà gả cho người không có vợ.

Bính Thân, năm thứ 7 (1116). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 6).

Đinh Dậu, năm thứ 8 (1117). (Tổng, năm Chính Hòa thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem xét việc cày ruộng.

Mùa xuân, dân cày ruộng công. Nhà vua đến hành cung Ứng Phong để xem xét. Từ đấy, xem cày, thăm gặt là việc thường hàng năm.

Thái hậu nói với nhà vua rằng: "Luật lệnh về việc trộm trâu thi hành đã lâu. Gần đây, những người trốn tránh ở kinh thành, hương ấp, phần nhiều làm nghề trộm trâu; mà sự giết thịt trâu lại càng quá lắm. Hiện nay, vại nhà nông dân mới có một con trâu, thì nhờ vào đâu mà đủ sinh sống?". Nhà vua cho là phải; xuống chiếu, phàm những kẻ trộm trâu hay là giết trâu thì cả vợ lẫn chồng đều phải phạt 80 trượng, bị tội đồ và bồi thường trâu; người lảng giềng không cáo tố phải phạt 80 trượng.

Lời chua - Ứng Phong: Thuộc tỉnh Nam Định. Xưa là huyện Hiển Khánh, nhà Lý đổi làm Ứng Phong; nhà Trần đổi làm Kiến Hưng; khi thuộc Minh đổi làm phủ Kiến Bình; nhà Lê gọi là phủ Nghĩa Hưng, tức là phủ Nghĩa Hưng bây giờ.

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa. Làm lễ đảo vũ ở hành cung Ứng Phong.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc cày ruộng; nhân tiện, làm lễ đảo vũ.

Tháng 7, mùa thu. Linh Nhân hoàng thái hậu mất.

Tháng 8. Làm lễ an táng Phù Thánh Linh Nhân hoàng thái hậu.

Làm lễ hỏa táng. Lấy ba người hầu gái đem tuận táng¹. Đặt tên thụy cho hoàng thái hậu là Phù Thánh.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Khải Thụ xem xét việc gặt lúa.

Lời chua - Khải Thụ: Tên đất. Bấy giờ đặt hành cung ở đấy. Nay không biết đích là chỗ nào.

Lập Dương Hoán làm Thái tử.

Dương Hoán là con của Hoàng đệ Sùng Hiền hầu (không rõ tên). Bấy giờ nhà vua đã nhiều tuổi, chưa có kế tự mới xuống chiếu chọn lấy những con cái trong họ tôn thất để nuôi làm con. Kịp khi Dương

¹ Lối xưa có tục đem đồ vật hoặc người thật mà chôn theo kẻ chết gọi là "tuận táng".

Hoán sinh, nhà vua cho nuôi ở trong cung; năm này lên hai tuổi, nhà vua yêu là người thông minh lanh lẹ, lập làm Thái tử.

Mậu Tuất, năm thứ 9 (1118). (Tổng, năm Tuyên Hòa¹ thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chân Lạp sai sứ đến tiến cống.

Bấy giờ khánh thành ngọn Bảo tháp, nhà vua sai bày đồ nghi trượng ở trước điện Linh Quang, cho dẫn sứ giả Chân Lạp đến xem.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Tháng 3. Tuyển lính cấm quân.

Trước đó, tuyển những hoàng nam² khỏe mạnh làm binh lính, đến đây quy định hiệu quân cấm vệ, bèn tuyển 350 người đại hoàng nam³ sung vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Vũ Đô và Ngự Long. Lại cấm những nô bộc tư gia không được xăm mực vào ngực, vào chân làm mạo theo hình dạng của cấm quân.

Lời chua - Xăm mực vào ngực và chân: Thích hình dạng văn hoa vào ngực và chân rồi đồ mực.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu đảo vũ. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Chiêm Thành đến tiến cống.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sai sứ đến dâng lễ cống. Gặp dịp khánh thành chùa Thăng Nghiêm thánh thọ, bèn mở hội thiên phật để cho sứ Chiêm Thành xem.

Kỷ Hợi, năm thứ 10 (1119). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Chức Đô tào là Phan Điền dâng con hươu trắng, được nhà vua chấp nhận.

Lời cần án - Sử của Ngô Thì Sĩ chua rằng: Xét: đoạn sử về đời Lý Nhân Tông. **Sử cũ** chép rằng hươu trắng 6 lần, chương trắng 4 2 lần; chim sẻ trắng và rùa lạ mỗi thứ 4 lần; hươu đen, phượng non, ngựa trắng mọc cựa và ngựa hồng mọc cựa mỗi thứ 1 lần; đều được nhận cả.

Lời chua - Đô tào: Tên một chức quan.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua xem bơi chải, thiết yến các bầy tôi.

Nhà vua ngự ở điện Linh Quang, để xem bơi thuyền thi; thiết bầy tôi ăn yến. Tự đấy, hằng năm đặt làm lệ thường.

Lời chua - Điện Linh Quang: Ở đầu bến sông Phú Lương⁵.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh động Ma Sa, bắt được động trưởng động ấy là Ngụy Bàng. Tháng 12, hoàn cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Bấy giờ động Ma Sa không giữ lễ cống, nhà vua sửa soạn đi đánh, sai đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan; lại hạ chiếu cho chư quân đóng thuyền chiến, sửa vũ khí. Đến đây, trước khi

¹ Chính thực là "Trọng Hòa" mới đúng. Đến năm sau, tức năm Kỷ Hợi (1119), Tống Huy Tông mới đổi niên hiệu làm Tuyên Hòa thứ 1. Đây chắc là sử Cương mục in lầm.

² Xem thêm Chính biên quyển III tờ 5.

³ Xem thêm Chính biên quyển III tờ 5.

⁴ Một loại thú giống con hươu, mà nhỏ hơn, không có sừng.

⁵ Tức sông Nhị Hà.

xuất quân, duyệt lấy những người khỏe mạnh trong các quân Vũ Tiệp, Vũ Lâm bổ vào các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Phù Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô và Ngự Long: hạng giỏi cho làm hỏa đầu, hạng kém cho làm binh lính. Rồi hội họp chư quân ăn thề ở sân rồng, hiểu dụ cho biết ý nghĩa xuất quân. Đoạn, ban phát khí giới cho tướng sĩ. Nhà vua ngự thuyền Cảnh Hưng, thân đốc sáu quân, ra đi từ bến Thiên thu; đánh trống hò reo thẳng tiến. Tinh thần quân sĩ hăng hái gấp trăm lần. Quân kéo đến động Ma Sa, đánh kịch liệt, phá tan được địch, bắt được động trưởng là Ngụy Bằng và vài trăm đồ đảng, rồi sai người đi chiêu dụ nhân dân động ấy khiến cho lại trở về yên nghiệp làm ăn. Nhà vua rút quân về, làm lễ dâng tù binh ở nhà Thái miếu, khao thưởng tướng sĩ linh đình, ban cho tiền và lụa, kẻ nhiều người ít khác nhau.

Lời phê¹ - Tóm lại, đời Lý, những sự gọi là đánh dẹp, ngay như Chiêm Thành tuy là một "nước" cũng chẳng qua cùng hạng với Tiêm La, Cao Miên vậy thôi, còn thì đều là những đám mán mọi phụ thuộc ở trong nước cũng như là mán Thạch Bích² ngày nay, chứ không phải là hạng nước kinh địch hay nước lân cận hùng cường đáng lo ngại gì đâu, thế mà thường cứ khoe khoang rồi rít: nào đặt tôn hiệu, nào đổi năm đầu; vua tôi đương thời kể đã hiểu danh và khéo nịnh nhau lắm nhỉ!

Lời chua - Ma Sa: Tên một động. Nay là đất châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hóa.

Sân rồng: Sân rồng trước điện Thiên An.

Bến Thiên thu: Không khảo được.

Canh Tý, năm Thiên Phù duệ vũ thứ 1 (1120). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Dâng tôn hiệu là Thiên Phù duệ vũ; nhân dịp đó xin đổi niên hiệu. Nhà vua y theo.

Đâu đây được mùa cả.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1121). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Có người dâng cây cau một gốc đẻ bảy mầm; nhà vua từ chối không nhận.

Nhà sư Vương Ái dâng cau một gốc đẻ bảy mầm. Thái sử Trần Độ nói: "Thứ này không đáng kể là điều lành". Do đó, nhà vua không nhận.

Lời phê - Đáng khinh bỉ!³

Lời chua - Cây cau: Theo sách Bản thảo, cây cau thẳng giống, không cành, lá mọc ở ngọn cây, buông ra từ nơi bẹ lá, mỗi một buồng cau hàng vài trăm quả, hình dạng như quả trứng gà.

Tháng 5, mùa hạ. Có nạn nước lớn.

Nước tràn đến ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua - Cửa Đại Hưng: Cửa Nam kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Phát sinh nhiều hoàng trùng⁴.

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1122). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 4).

Quý Mão, năm thứ 4 (1123). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 5).

¹ Về việc dâng tù binh và khao thưởng quân lính.

² Thạch Bích: một dân tộc mán ở miền núi Thạch Bích tỉnh Quảng Ngãi (Trung Bộ). Dưới triều Gia Long (1802-1819). Lê Văn Duyệt có đi đánh dẹp mán này.

³ Chỉ việc dâng cây cau. Ý nói nhà sư ấy đáng khinh bỉ.

⁴ Sâu cắn lúa.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Ứng Phong, xem xét việc gặt lúa. Tháng 11, về cung.

Năm ấy, được mùa. Nhà vua đi xem gặt về; các nhà thuộc ngành đạo Nho, đạo Lão và đạo Phật đều dâng thơ mừng.

Nhà vua cho rằng trâu bò là loài giúp ích cho việc cày cấy, có lợi cho người ta không phải là ít, bèn xuống chiếu: Dân gian cứ 10 nhà là một bảo, phải giữ lẫn cho nhau, không được giết trâu, nếu ai vi phạm sẽ bị xử theo pháp luật.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1124). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 6).**Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi Ứng Phong xem dân cày ruộng. Tháng 2, về cung.****Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.****Tháng 10, mùa đông. Xây đài Uất La.**

Trước đây, xây đài Chúng Tiên và đài Tử Tiêu; đến đây, xây đài Uất La, đều làm vào tháng mạnh đông¹ cả.

Tháng 12. Lại dùng Lê Bá Ngọc làm Lễ bộ thị lang.

Bá Ngọc, ban đầu, do chân nho học được vào hầu vua, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Năm Hội tường² thứ 9 (1118), bị bãi chức và giáng làm Nội nhân thư gia; năm Thiên Phù³ thứ 2 (1121), thăng Nội thường thị; đến đây, lại làm Thị lang.

Lời chua - Thư gia: Xem Lý Nhân Tông năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Ất Tỵ, năm thứ 6 (1125). (Tổng, năm Tuyên Hòa thứ 7).**Tháng giêng, mùa xuân. Thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiến phạm tội, bị phát lưu đi châu Nghệ An.**

Mạc Hiến đem cả gia quyến trốn sang Cổng Động thuộc Ung Châu nhà Tống; người Tống bắt lấy, đưa đến Giang Nam giao trả nước ta. Nhà vua sai Trung thư Lý Hiến sang nhận, giải về, phạt Mạc Hiến tội lưu, đày đi châu Nghệ An, vợ và con phải sung công.

Lời chua - Quảng Nguyên: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Ung Châu: Xem Đinh Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Điện Sùng Dương làm xong; mở tiệc lớn để khánh thành.

Trước đó làm điện Sùng Dương, đến đây mới làm xong, mở yến tiệc ba ngày đêm.

Tháng 6, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân.

Nhà vua đi Ứng Phong, ngự giá đến Lợi Nhân, có con rồng vàng hiện ở nơi bí các nhà hành cung; cung nữ và hoạn quan đều trông thấy cả. Có chiếu chỉ tuyên bảo cho bầy tôi biết.

Nhà vua có tính thích những điềm tốt lành. Bấy giờ những hạt sương móc trên không sa xuống có vị ngọt⁴, chính tay ngự viết tám chữ "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" (Cả nước yên ổn, nhà vua muôn năm) rồi cho tạc vào bia.

¹ Tháng đầu mùa đông, tức là tháng 10 âm lịch.

² Tức Hội tường đại khánh.

³ Tức Thiên Phù duệ vũ.

⁴ Nguyên văn là "cam lộ" (móc ngọt).

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Đoạn sử về đời Lý Nhân Tông, **Sử cũ** chép rỗng vàng hiện ra đến 10 lần, nhưng đến rỗng vàng hiện ra ở hành cung Lợi Nhân năm nay, là việc tự dối mình một cách quá đáng.

Lời phê - Những diềm tốt lành, ngòi bút **Sử cũ** ghi chép không ngớt, nhưng đồng thời những việc dữ diềm dở nào có ít đâu, như thế phỏng có ích gì!

Lời chua - Lợi Nhân: Tên một châu. Bây giờ là phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội¹. Theo Hà Nội sách² thì từ khi thuộc Minh trở về trước, gọi là châu Lợi Nhân; đến nhà Lê, niên hiệu Quang Thuận (1460-1469), đổi là phủ Lý Nhân; khoảng năm Minh Mạng (1820-1840), đổi là Lý Nhân. Như thế thì gọi là Lý Nhân đến Lê mới đổi. **Sử cũ** ở đây chép lầm là Lý Nhân; nay xin đính chính.

Tháng 11, mùa đông. Xuống chiếu quy định: phạm kẻ nào đánh người đến chết bị phạt 100 trượng và phải tội đồ.

Trước kia, có chiếu chỉ định rõ: dân không được đánh nhau bằng tre gỗ và những đồ sắc bén; đến đây nhắc lại điều lệ nghiêm cấm đã định: phạm kẻ nào đánh giết người thì bị phạt 100 trượng, thích 50 chữ và phải tội đồ.

Dùng bọn Lý Phụng 20 người làm quan lại coi việc hình ngục để xét xử những kiện tụng dân gian. Triều đình lại nhận thấy những giặc cướp trốn tránh phần nhiều được nhà quyền thế giấu giếm che chở, mà những lại viên đi truy nã cũng không tố giác ra, nên xuống chiếu: phạm ai mà ẩn giấu những kẻ trốn tránh cũng phải tội như người trốn tránh; lại viên nào không đem việc ấy cáo tố với quan trên thì phạt 80 trượng.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Giết người thì phải tử hình, đó là pháp luật từ xưa, chứ đâu chỉ có đánh người đến chết mà chỉ xử vào tội phạt trượng và tội đồ? Chính sự và hình phạt quá hồng đến thế!

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1126). (Tổng, Khâm Tông, năm Tĩn Khang thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Tha tù phạm bị giam cứu.

Bấy giờ mở hội quảng chiếu đặng³ 7 ngày đêm. Những tù giam ở đô hộ phủ đều được tha cả. Lại xuống chiếu: đương mùa xuân không được dẫn cây.

Lời chua - Đô hộ phủ: Xem Lý Thánh Tông (Chb. III, 28), năm Long chương thiên tự thứ 2.

Tháng 2. Nhà vua ngự điện Thiên An, xem đá cầu.

Cho các vương, hầu đánh cầu, nhà vua ngự xem ở điện Thiên An.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán mãi đến tháng 7, mùa thu.

Tháng 11 nhuận, mùa đông. Sai sứ sang nhà Tống, sứ bộ đi đến Quế Châu, lại trở về.

Trước đó, người Tống trao trả Mạc Hiến, nhà vua cho là một việc có nghĩa; đến đây, sai bọn Lệnh thư gia Nghiêm Thường và Ngự khổ thư gia Từ Diên đem vàng, bạc, sừng tê, ngà voi sang tặng nhà Tống. Bọn Nghiêm Thường đi đến Quế Châu thì ty Kinh lược nhà Tống bảo rằng: "Năm nay, ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đĩnh, Phong đều có việc điều động binh mã để đánh người Kim, cho nên dọc đường những ngựa tải và phu trạm đâu đâu cũng hiếm. Vậy sứ giả hãy đi về". Bấy giờ bọn Nghiêm Thường mới trở về nước. (Năm ấy, người Kim vào vây Biện Kinh⁴, bắt hai vua Tống¹ đem về đất Bắc. Nhà Tống loạn to).

¹ Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

² Xem chú giải ở Chb. I, 9.

³ Hội chơi đèn.

⁴ Kinh đô nhà Tống.

Lời chua - Quế Châu: Xem Lý Thái Tông năm Sùng Hưng đại bảo thứ 5 (Chb. III, 19).

Đinh Mùi, năm Thiên Phù khánh thọ thứ 1 (1127). (Tống, Cao Tông, năm Kiến Viêm thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Bày tột kính dâng tôn hiệu.

Dâng 4 chữ Khoan Từ Thánh Thọ làm tôn hiệu.

Mưa dầm từ tháng giêng mãi đến tháng này (tháng 2).

Tháng tư, mùa hạ. Trời mưa ra thóc.

Bấy giờ ngự giá đến Ứng Phong xem xét việc gặt lúa. Trời mưa.

Tháng 10, mùa đông. Sao Thiên Cầu ở trên không sa xuống: tiếng vang như sấm sét.

Lời chua - Thiên cầu: Theo sách Tinh kinh, bảy vì sao Thiên cầu ở về phía tây nam sao Quỷ, nằm ngang giữa sông Ngân Hà. Sử Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép rằng: Thiên cầu là một vì ác tinh. "Sa"², là từ trời rơi xuống lưng chừng khoảng không mà không xuống đến tận đất.

Nhà vua mất. Di chiếu trôi trắng rằng ba ngày thì trừ phục³, không xây dựng lăng tẩm.

Nhà vua se mình, cho vời bọn Thái úy Lưu Khánh Đàm và Thị lang Lê Bá Ngọc đến nhận di chiếu. Ngày Đinh Mão, nhà vua mất ở điện Vĩnh Quang, tên thụy là Hiếu từ thánh thần văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông; ở ngôi 56 năm, thọ 63 tuổi.

Tờ di chiếu đại lược nói: "Trẫm xót xa trong lúc tuổi thơ, lên nối ngôi báu, đứng trên các vương hầu, năm mươi sáu năm nay lúc nào cũng kính cẩn sợ hãi. Nhờ tổ tông khôn thiêng, hoàng thiên phù hộ, trong nước được yên hàn, biên giới không có giặc giã, khi chết, bài vị được bày dưới bài vị đấng tiên quân, thế là may rồi. Thái tử Dương Hoán có thể noi theo điển lệ cũ, lên ngôi hoàng đế. Bọn các người là Khánh Đàm và Bá Ngọc phải cùng nhau ở bên cạnh vua, hết lòng giúp đỡ, để cho vua các người trở nên có hiền đức. Lại phải sửa sang giáo mác, đề phòng sự không ngờ. Đó là mệnh lệnh của trẫm, không được bỏ qua. Lễ tang thì xong ba ngày cho bỏ tang phục, thôi hẳn khóc thương. Lễ an táng thì theo lối tiết kiệm của Hán Văn đế, không xây lăng tẩm riêng mà chỉ nên chôn cất ở bên cạnh lăng đức Tiên đế để trẫm được hầu hạ Tiên đế".

Thái tử Dương Hoán lên ngôi (tức là Lý Thần Tông).

Ngày hôm ấy, truyền bảo các vương hầu và bách quan đều ở cả ngoài cửa Đại Hưng để đợi mệnh lệnh. Còn các cửa thành thì đóng lại, cấm người đi lại ra vào. Sai các vệ sĩ bày khí giới và nghi trượng ở dưới điện Thiên An. Một lát, mở cửa sách bên hữu. Thái tử cho vời bày tột vào, hiểu dụ rằng: "Ngôi trời không thể để trống mãi được; ta còn thơ ấu lên nối ngôi, chỉ sợ không làm nổi. Các người phải hết tâm lực, giúp đỡ nhà vua, ngõ hầu không phụ tấm lòng Tiên đế đã phó thác, mà con cháu các người cũng được đời hưởng lộc trời". Bày tột đều khấu đầu lễ tạ.

Xuống chiếu cho bày tột bỏ đồ tang phục.

Lời phê⁴ - Trái rồi!

¹ Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông.

² Nguyên văn là "vấn", ta thường gọi là "sao sa" hay "đổi ngôi".

³ Bỏ đồ trở.

⁴ Về việc sớm bỏ tang phục.

Ngày Quý Mùi, quần thần chịu tang phục ở ngoài các Vĩnh Bình; ngày Giáp Thân, bày tôi dâng biểu xin nhà vua ngự ở chính điện; ngày Ất Dậu, nhà vua ngự ở điện Thiên An, coi châu, xuống chiếu cho bày tôi bỏ đồ trở. Ngày hôm ấy, ngự giá đi Na Ngạn xem cung nữ lên đàn thiêu tuận tấu.

Lời chua - Na Ngạn: Bây giờ là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh¹.

Mậu Thân (1128), Lý Thần Tông hoàng đế, năm Thiên Thuận thứ 1 (Tổng, năm Kiến Viêm thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá.

Phàm ruộng đất của dân bị sung công đều được trả lại hết; những tội phõi dịch thuộc hạng điền nhi và lộ ông đều được tha cả.

Lời chua - Điền nhi, lộ ông: Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Điền nhi và lộ ông đều là những tội đồ dịch. Còn phép phõi dịch ra sao, bây giờ không thể khảo được.

Tôn Thần anh phu nhân làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - Thần anh phu nhân: Sử cũ chép là mẹ nuôi, nhưng ghi chép không được kỹ càng, vậy chưa biết có phải không.

Xuống chiếu cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng.

Lời bàn của Ngô Thì Sĩ - Phép phủ vệ² nhà Đường là ngụ binh ư nông³. Nhà Lý, ban đầu đã làm theo phép ấy, về sau thay đổi thất thường; đến đây mới trở lại làm theo phép cũ. Đó là một chính sự tốt của Lý Thần Tông khi mới cầm quyền.

Bắt đầu ra ngự ở tòa Kinh Diên⁴.

Xét những người có công giúp đỡ khi vua lên ngôi; gia phong quan tước cho bọn Lê Bá Ngọc.

Dùng Lê Bá Ngọc làm Thái úy, gia phong tước hầu; Nội nhân hòa đầu Dương Anh Nhị và Lưu Ba làm Thái phó, tước Đại liêu ban; Lý Khánh, Nguyễn Phúc và Cao Y làm Thái bảo, tước nội thượng chế; Trung thừa Mậu Du Đô làm Giám nghị đại phu; Ngự khổ thư gia Từ Diên làm ngoại lang; chi hậu quản giáp Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ, tước đại liêu ban; Linh nhân⁵ Ngô Toái được phong tước thượng chế. Lại ban tiền lụa cho bọn Lưu Khánh Đàm, Lê Bá Ngọc, Lưu Ba, Mậu Du Đô, và thưởng vàng, lụa cho trăm quan có từng đẳng hạng khác nhau.

Lời chua - Hòa đầu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 25).

Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Thượng chế: Một tước cao ở thời bấy giờ, để phong cho những người có công.

Quản giáp: Đặt từ Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 24-25).

Thư gia: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chb. III, 47).

Chân Lạp vào cướp. Tháng 2, sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Nước Chân Lạp đem hơn hai vạn người vào cướp Nghệ An. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Công Bình đi đánh, đánh bại quân địch, bắt được tướng và quân của địch gồm một trăm sáu mươi chín

¹ Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

² Nhà Đường, chia trong nước làm 10 đạo, đặt các phủ lệ thuộc vào các vệ. Mỗi phủ, đặt một người làm chức chiết xung đô úy. Từ việc đi trận đến việc túc vệ, phủ binh tùy theo đường xa hay gần mà chia phiên nhau.

³ Đặt quân đội ở ngay trong đám nông dân: khi vô sự thì làm ruộng, khi có việc thì ra chiến đấu.

⁴ Nơi nhà vua học tập.

⁵ Chức quan coi về việc nhạc.

người. Tin thắng trận báo về đến kinh đô, nhà vua cho là nhờ công đức Phật phù hộ, thân đến lễ tạ ở cung Thái Thanh, cung Cảnh Linh và các đền chùa trong thành.

Lời chầu - Thái Thanh, Cảnh Linh: Tên riêng hai cung. Cung Thái Thanh. Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 4 (Chb. II, 36). Cung Cảnh Linh, ở trong kinh thành.

Ân xá.

Những tội nhân ở Đô hộ phủ đều được tha; lại xá tội cho 130 người bị biếm truất.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Lý Nhân Tông thường nhân dịp mở hội mà tha tội nhân, đã là không phải, song còn mượn tiếng là vì gặp dịp hội chùa, còn ở đây thì không nhân có việc gì mà tự nhiên xá tội. Nói chung ra, tội nhân phạm pháp, có nặng, có nhẹ khác nhau, nếu nhất khái tha cả thì may mắn cho bọn tiểu nhân, nhưng không phải phúc cho người lương thiện.

Bầy tôi kính dâng tôn hiệu.

Đặt tôn hiệu là Thuận Thiên quảng vận Khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Nhà vua bảo bầy tôi rằng: "Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, may được thiên hạ vô sự, nước ngoài sợ oai, đó là công đức của các khanh. Vậy các khanh nên cẩn thận chăm lo chức phận, chớ có biếng nhác để giúp những điều trẫm còn thiếu sót". Gián nghị đại phu Mậu Du Đô tiến lên nói: "Bệ hạ nói đến điều ấy là phúc cho xã tắc đấy, nếu giữ được trước sau vậy thì bọn tôi còn ai dám không hết lòng hết sức để đáp lại ý chí của thánh thượng?". Nhà vua ngợi khen câu trả lời ấy lắm.

Lập Lý thị làm Lệ Thiên Hoàng hậu.

Lập con gái của Chỉ huy sứ Lý Sơn làm Hoàng hậu; lại lập con gái của Lê Xương, và là cháu của Lê Bá Ngọc, làm Minh Bảo phu nhân. Thăng thưởng cho Lý Sơn lên tước hầu, giữ việc quân dân ở Lạng Sơn; ban cho Lê Xương tước đại liêu ban.

Lời chầu - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Đại liêu ban: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (Chb. II, 35).

Mưa dầm mãi không tạnh.

Hội họp các bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Hội thề ở sân rồng; nhà vua ngự xem ở điện Thiên An; ban xiêm, áo, tiền, lụa cho quần thần từng bậc từng hạng khác nhau.

Lời chầu - Hồi Lý Thái Tông mới lên ngôi, có cuộc hội thề ở Thần miếu¹, đọc lời tuyên thệ rằng: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thì thần minh chu diệt". Vậy cuộc hội thề ở điện Thiên An dưới triều Lý Thần Tông này và hai triều Lý Anh Tông, Lý Cao Tông sau đây có lẽ cũng là phỏng theo cái ý hội minh từ đời Lý Thái Tông còn sót lại.

Tháng 4, mùa hạ. Hạng hán. Nhà vua thân đi đảo vũ. Trời mưa.

Tháng 6, hội họp các bầy tôi, tuyên thệ ở cửa Đại Hưng.

Vì cơ sắp làm lễ an táng Lý Nhân Tông hoàng đế.

Lời chầu - Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông² năm Thiên phù duệ vũ thứ 2 (Chb. IV, 11).

Táng ở lăng Thiên Đức.

¹ Miếu thần núi Đổng Cổ.

² Cương mục Chb. IV, 23 in lâm là Thánh Tông.

Trước đây, sai Mâu Du Đô xem đất để xây lăng; đến đây, làm lễ an táng.

Lời chua - Lăng Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 10 (Chb. II, 20-21).

Tháng 8, mùa thu. Nước Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm và Dương Ổ đi đánh bại được quân địch.

Giặc kéo hơn bảy trăm chiếc thuyền đến Nghệ An. Nhà vua sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở phủ Thanh Hóa và Dương Ổ ở châu Nghệ An đem quân đi đánh, đánh bại được địch. Chân Lạp lại đưa thư xin triều đình sai người sang sứ nước Chân Lạp, nhưng nhà vua không trả lời.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An, Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Tháng 11, mùa đông. Gia phong Trương Bá Ngọc làm Thái sư.

Bá Ngọc họ Lê, đến đây đổi làm họ Trương.

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1129). (Tổng, năm Kiến Viêm thứ 3). Tháng giêng, mùa xuân. Lý An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban.

An Dậu dâng con hươu trắng, nhà vua ban cho tước đại liêu ban. Về sau lại có Lý Lộc dâng thư nói núi Tản Viên có hươu trắng; Lý Tử Khắc nói huyện Để Giang có hươu trắng; nhà vua sai người đến săn, bắt được. Ban cho Lý Lộc tước đại liêu ban, dùng Tử Khắc làm Xu mật sứ. Từ đó những kẻ bon chen danh lợi hay đem vật lạ đến dâng.

Lời chua - Tản Viên: Tên núi. Xem Lê Đại Hành năm Ứng Thiên thứ 7.

Để Giang: Tên huyện; thuộc tỉnh Sơn Tây. Từ Trần trở về trước gọi là Để Giang; nhà Lê đổi là Sơn Dương, tức là huyện Sơn Dương bây giờ.

Tôn cha là Sùng hiên hầu làm Thái thượng hoàng, mẹ là Đỗ thị làm Hoàng thái hậu.

Lời bàn của sử thần Lê Văn Hưu - Lý Thần Tông là con họ Tôn Thất, được Lý Nhân Tông nuôi làm con để nối ngôi báu, đáng lẽ phải nhận Lý Nhân Tông là cha, mà gọi chính cha sinh Sùng hiên hầu là hoàng thúc, phong sinh mẫu Đỗ Thị làm vương phu nhân, như lối Tống Hiếu Tông với Tú An Hy Vương và với phu nhân Trương Thị, để căn bản được thống nhất mới phải; thế mà, nay lại đi tôn Sùng hiên hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ Thị làm Hoàng thái hậu, chả hóa chia ra "hai gốc" đấy dư? Có lẽ vì cơ bấy giờ Lý Thần Tông hãy còn thơ ấu mà các công khanh ở triều đình như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô lại là người không biết lẽ, nên mới như thế?

Tháng 2. Không mưa. Ân xá.

Nhà vua trai giới để cầu đảo; hạ chiếu tha những người có tội trong nước.

Danh tiết lục của Trần Ký Đăng chép rằng: từ tháng 2 năm ấy đến mãi tháng 3 không mưa, nhà vua thân đi cầu đảo, không linh ứng, nhân bảo các quan hầu: "Trẫm là người ít đức, can phạm đến Trời, làm mất hòa khí: mùa xuân năm ngoái mưa dầm, mùa xuân năm nay đại hạn; Trẫm thấy lo quá! Các khanh nên nghĩ xem trẫm có điều gì làm lỗi thì bổ cứu lại cho". Viên ngoại lang Trần Ngọc Khánh tiến lên nói rằng: "Ba tháng xuân là mùa xuân sinh nở muôn vật, trời không mưa xuống thì sự sinh sống của các loài sao cho được thỏa thuê? Hoặc giả hình ngục có sự oan uổng không đúng, hại đến khí hòa? Kinh thư có câu: "Tiếm hằng dương nhược"¹, nghĩa là chính lệnh của nhà vua mà sai lệch vì quá nghiêm khắc, thì

¹ Một trong năm cữu trưng chép trong thiên Hồng phạm. Lời Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương.

điềm dữ sẽ phản ứng lại là nặng nhiều. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại". Nhà vua cho là phải, xuống chiếu tha các tội nhân trong nước. Tháng 4, mưa. Người ta gọi Trần Ngọc Khánh là "Thần Thiện Gián"¹.

Tháng 8, mùa thu. Mới chế thần chủ Lý Nhân Tông; đến tháng 8 nhuận, làm lễ phụ² rước thần chủ tế ở nhà Thái thất.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1130). (Tổng, năm Kiến Viêm thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển con gái nhà các quan sung vào hậu cung.

Con gái nhà các quan không được gả chồng vội, đợi sau cuộc tuyển, khi không được lựa vào hậu cung mới được đi lấy chồng.

Xuống chiếu bảo con gái dân gian không được bắt chước lối trang sức trong cung; tư nô nhà các quan không được lấy ép con gái nhà dân ở kinh đô; nô tỳ nhà vương hầu và bách quan không được cậy thế hiếp đáp đánh đập quân và dân, nếu ai phạm cấm thì chủ nhà phải tội đồ, còn nô bộc thì bị sung công.

Lời phê³ - Trái lẽ!

Tháng 5, mùa hạ. Thái thượng hoàng mất⁴.

Đặt tên thụy là Cung hoàng.

Tháng 6. Hạn hán.

Tháng 9. Mùa thu. Mưa dầm mãi không tạnh. Tha các tù phạm bị giam cứu.

Nhà vua sai làm lễ kỳ tình⁵. Tha hết tù ở Đô hộ phủ.

Nhà vua xem bơi chải.

Nhà vua ở điện Linh Quang xem bơi thuyền thi. Từ đó năm nào cũng giữ làm lệ thường.

Tháng 10, mùa đông. Có cuộc duyệt binh lớn.

Khi mới lên ngôi, nhà vua sai Mâu Du Đô tuyển trong quân Long Dực lấy những người khỏe mạnh bổ vào các quân Tả Ngọc Giai, Hữu Ngọc Giai, Tả Hưng thánh, Hữu Hưng thánh, Tả Quảng thành, Hữu Quảng thành, Tả Vũ đô, Hữu Vũ đô. Đến đây, ra ngự ở điện Thiên Linh, duyệt sáu quân, chia định cấp bậc.

Sứ nhà Tống sang.

Bấy giờ nhà Tống tránh nạn người Kim uy hiếp, phải qua sông Trường Giang, đóng kinh đô ở Lâm An. Nhà vua sai sứ sang nhà Tống báo cáo về việc lên kế vị. Nhà Tống sách phong làm Giao Chỉ quận vương. Nhà vua sai Viên ngoại lang Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia Doãn Anh Khái sang nhà Tống đáp lễ.

Lời chua - Lâm An: Tên phủ. Theo sách Thanh Nhất thống chí, phân phủ Lâm An thuộc tỉnh Chiết Giang; đầu đời Tống gọi là Hàng Châu; đến năm Kiến Viêm thứ 3 (1129), đặt sở hành tại⁶ ở đây, đổi lên làm phủ Lâm An, tức là phủ Hàng Châu bây giờ.

Tháng 12. Nhà vua đánh cầu ở điện Thiên An.

¹ Ông họ Trần khéo can gián.

² Sau ngày chết một trăm ngày, rước thần chủ đến tế ở thái miếu gọi là "lễ phụ".

³ Chỉ việc bắt con gái nhà các quan đợi sau cuộc tuyển, không được vào cung, mới cho đi lấy chồng.

⁴ Sùng hiến hầu.

⁵ Cầu hứng tạnh.

⁶ Chỗ để thiên tử ở khi đi tuần du.

Bấy giờ nước Chiêm Thành sang cống, nhà vua đánh cầu ở sân rồng điện ThiênAn, cho sứ Chiêm Thành dự xem.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1131). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 1).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán. Xuống chiếu cầu đảo. Trời mưa.

Tháng 7, mùa thu. Bầy tôi dâng biểu mừng năm được mùa.

Lời phê - Trước sau vừa đây, nào hạn hán, nào mưa dầm, thế mà ở đây chép mừng năm được mùa, như vậy có đáng tin được không hay chỉ là dua nịnh?

Tháng 9. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Có người dâng cá xương¹, cá công². Nhà vua xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng.

Nhà vua rất thích những vật kỳ lạ. Phàm có hươu trắng, hươu đen, chim sẻ trắng, rùa trắng, đều đem dâng cả. Lúc ấy Đỗ Khánh, Tả Vũ tiếp binh, dâng cá xương và cá công sắc vàng; nhà vua lấy là điềm lành, xuống chiếu cho bầy tôi chúc mừng. Cấp môn sứ Lý Phụng Ân nói rằng: "Cá này là vật nhỏ mọn, mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Vậy nếu có người đem con lân, con phượng đến dâng, thì nên như thế nào?". Do đấy, việc này mới thôi. Bấy giờ Vương Cửu, Tả Hưng vũ binh, dâng con rùa, trên mai rùa có những vết thành nét chữ, bèn xuống chiếu cho các học sĩ, các thầy chùa, các đạo sĩ theo hình vết ấy mà suy đoán, thì tán ra tám chữ "Thiên thư hạ thị, Thánh nhân vạn tuế"³.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Văn vết con rùa đen trắng xen lẫn, bấy giờ nhân đấy mà tán ra hình chữ để làm đẹp lòng nhà vua đấy thôi, chứ có văn tự thực đâu.

Lời chua - Xương: Cá hầu. Theo sách Chính tự thông, nó sinh ở biển nam, phần trên đầu gỗ lên liền với sống lưng, mình tròn, thịt dày, chỉ có một xương sống, thịt mềm, ăn được.

Công: Con cá chiết. Theo sách Loại thiên, giống cá này sinh ở trong biển, giống như con cua, ăn được.

Nhâm Tý, năm thứ 5 (1132). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Rồng vàng hiện ra ở cung Lệ Quang.

Tháng 5. Có nạn gió to.

Tháng 8, mùa thu. Chân Lạp và Chiêm Thành cùng vào cướp. Nhà vua sai Dương Anh Nhị đi đánh bại được quân địch.

Giặc đến Nghệ An. Nhà vua sai Thái úy Anh Nhị hội quân với nhân dân Thanh Hóa và Nghệ An đánh kịch liệt phá tan quân địch.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua làm lễ nghênh xuân ở đình Quảng Văn.

Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho bầy tôi.

Giết Thượng thư Lý Nguyên.

Thứ phi Chương Anh là con gái Lý Nguyên có lỗi, do đấy Nguyên bị tội, chết ở trong ngục.

Sứ nhà Tống lại sang.

¹ Nguyên văn là "xương". Theo Từ Nguyên tập "hợi" trang 58, "xương" là thứ cá biển dài hàng một thước (thước Trung Quốc), mình dẹp mà tròn, đầu nhỏ, cổ rụt, đầu, lưng và vây đều màu xanh da trời, bụng màu nhàn nhạt, vây rất nhỏ, thịt trắng, xương mềm, nhiều mỡ. Xem thêm Lời chua ở dưới Cương mục.

² Nguyên văn là "công". Theo Khang Hy tự điển, "công" là tên một thứ cá. Xem thêm Lời chua ở dưới của Cương mục.

³ Sách nhà trời bảo cho hạ giới biết: thánh nhân (chỉ nhà vua) muôn năm.

Gia phong nhà vua làm Nam Bình vương.

Lời cần án - Từ đầu đời Lý đến đây, sứ nhà Tống sang sách phong, trước phong là Quận vương, rồi gia phong là Nam Bình vương. Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 3 (1130), nhà Tống mới phong làm Giao Chỉ quận vương¹ như thế thì ở đây đáng phải gia phong là Nam Bình vương mới đúng. Về việc này, **Sử cũ** chép phong là Giao Chỉ quận vương thì lầm; nay xin đính chính.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thiên chương bảo tự thứ 1 (1133). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 3).

Giáp Dần, năm thứ 2 (1134). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa dầm mãi không tạnh.

Tháng 12, mùa đông. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu lên nhà vua. Đại xá.

Đặt tôn hiệu là Thuận thiên duệ vũ tường linh cảm ứng khoan nhân quảng hiếu hoàng đế.

Ất Mão, năm thứ 3 (1135). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Chân Lạp và Chiêm Thành đều đến tiến cống.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 4, mùa hạ, xuống chiếu cho Lý Công Tín được vào trong cung cấm tâu bày các công việc.

Công Tín vốn họ Phí, trước kia, do chức Phụng ngự thư gia thăng lên đến Tả ty lang trung, rồi được cho đổi là họ Lý; đến đây nhà vua tin dùng, cho phép được vào thẳng trong cung cấm tâu bày mọi việc, không bị ngăn cấm khi lui tới.

Tháng 7, mùa thu. Thái sư Trương Bá Ngọc mất.

Bá Ngọc, trước đây, do chân nho học, vào hầu, dần thăng đến Lễ bộ thị lang. Từ chính sự trong triều đến kế hoạch ngoài biên, phần nhiều đều do ông xếp đặt quy định.

Khi Lý Nhân Tông mất, chính ông nhận lĩnh mệnh lệnh của nhà vua dặn lại. Ông làm đến ngôi sư phó, công lao to, danh vọng lớn, công đức hơn cả mọi người trong triều. Ông là bậc đại thần có đức tính hiền lương ở đời bấy giờ.

Tháng 12, mùa đông. Điện Diên Sinh làm xong.

Khởi công làm từ mùa đông năm trước, đến đây mới xong, nhân thế mở đàn tế² linh đình.

Bính Thìn, năm thứ 4 (1136). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Thái úy Lưu Khánh Đàm mất.

Khánh Đàm là bậc cố mệnh³ đại thần, có công giúp đỡ nhà vua, đến đây Khánh Đàm mất.

Nhà vua đã khởi tậ; ban hiệu quốc sư cho Minh Không.

Nhà vua có tật, thầy thuốc chữa không công hiệu; Minh Không chữa khỏi; được ban hiệu quốc sư. Lại miễn tô dịch cho vài trăm hộ để cho Minh Không được quyền sử dụng⁴.

¹ Xem Cương mục Chb. IV, 27.

² Đàn cúng do đạo sĩ cúng để cầu chúc cho nhà vua sống lâu.

³ Người vâng nhận mệnh lệnh của nhà vua dặn lại khi sắp chết.

⁴ Nghĩa là cho Minh Không một số làng xã gồm có vài trăm gia đình để Minh Không được lấy tô thuế mà ăn lộc và được có người phục vụ công việc ở chùa mình tu; vài trăm hộ ấy không phải đóng tô thuế và cúng sưu dịch cho nhà nước nữa.

Lời chầu - Minh Không: Người huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, làm sư chùa Giao Thủy¹.

Tháng 10, mùa đông. Thái úy Dương Anh Nhị mất.

Anh Nhị là bậc đại thần có công giúp đỡ nhà vua, nhiều lần đã đánh bại được Chiêm Thành và Chân Lạp, công danh ngày một lẫy lừng. Đến đây, ông mất.

Tháng 12. Nhà vua đi Thanh Hóa, xem bắt voi.

Đinh Tỵ, năm thứ 5 (1137). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Chân Lạp vào cướp. Nhà vua sai Lý Công Bình đi đánh bại được quân địch.

Được tin nước Chân Lạp đến cướp Nghệ An do trạm tâu về, nhà vua xuống chiếu cho Thái úy Công Bình đem quân đi đánh; quân Chân Lạp bị thua.

Tháng 2. Nghệ An động đất. Nước sông đỏ như máu.

Tháng 3. Không mưa. Nhà vua cầu đảo chùa Báo Thiên. Trời hôm ấy mưa.

Lời chầu - Chùa Báo Thiên: Tức chùa Sùng Khánh, ở phường Báo Thiên. Chùa này mới làm từ đời Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thứ 3 (1056).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Tháng 9, mùa thu. Chùa Linh Cảm làm xong. Ân xá.

Trước đây, chùa Quảng Nghiêm tư thánh làm xong, mở hội phạt pháp, tha người phạm tội; đến đây chùa Linh Cảm làm xong, lại tha tội nhân trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Lợi Nhân, xem xét gặt lúa. Tháng 12 về cung.

Mậu Ngọ, năm thứ 6 (1138). (Từ tháng 10 trở về sau, là triều Lý Anh Tông hoàng đế, năm Thiệu Minh thứ 1. Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 8).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhà vua xuống chiếu cho bày tội hội nghị.

Sai tả ty lang trung Ngụy Quốc Bảo triệu tập các bày tội đến họp bàn về việc đại hạn. Phạm Tín xin đến đảo vũ ở đàn vu². Nhà vua y theo lời, bèn sai quan lại làm lễ đảo vũ ở đàn vu và chùa Báo Thiên.

Tháng 9, mùa thu. Lập con là Thiên Tộ làm Thái tử, đổi phong Thái tử cũ là Thiên Lộc làm Minh Đạo vương.

Trước đây, nhà vua đã lập Thiên Lộc làm con kế tự, dịp lúc nhà vua bị đau, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh mưu với nhau muốn đổi lập người khác; họ ngầm đưa lễ đút lót viên Tham tri chính sự Từ Văn Thông. Đến đây, bệnh kịch quá, nhà vua sai Văn Thông thảo tờ di chiếu; Văn Thông không dám xin thay đổi, cứ cầm bút chần chừ không viết. Giây lát, ba phu nhân đến, cùng khóc lóc, nói: "Chúng tôi nghe: cổ giả lập con kế tự bao giờ cũng dùng con vợ cả, chứ không dùng con vợ thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi, chắc rồi mẹ hẳn kiêu rông, bọn chúng tôi thoát sao khỏi nạn?". Nhà vua bèn xuống chiếu rằng: "Thiên Tộ đầu còn nhỏ, nhưng là con vợ đích, thiên hạ ai cũng biết cả rồi. Vậy cho Thiên Tộ nối ngôi của Trẫm". Do đấy, mới đổi lập lại Thái tử.

Lời phê³ - Thế là gây loạn từ gốc!

¹ Tức chùa Keo thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

² Đàn tế chuyên dùng khi có hạn hán thì làm lễ cầu mưa. Theo truyện *Công dương* trong kinh *Xuân thu*, vua thân hành đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam, đồng nữ mỗi bên tám người vừa múa vừa hô to "vu! vu!...". Vì thế gọi là đàn vu.

³ Chỉ việc trước đó bỏ đích lập thứ, sau lại bỏ con lớn lập con bé.

Lời cần án - Sử cũ chép "Trước kia đã lập Thiên Lộc làm con kế tự". Rồi dưới lại chép rằng "phong Thái tử Thiên Lộc làm Minh Đạo vương". Thế là Thiên Lộc đã chính thức ở ngôi đông cung từ lâu rồi, duy được lập từ năm nào. **Sử cũ** bỏ sót không chép. Thiên Tộ là con phu nhân họ Lê, mà trong tờ chiếu ở đây lại bảo là con vợ đích, thế là sử chép không rõ; xin hãy để lại, sẽ khảo sau.

Lời chua - Thiên Tộ: **Bấy giờ mới lên ba tuổi.**

Vua Lý Thần Tông mất.

Đặt tên thụy là: Quảng nhân sùng hiếu văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thần tông, ở ngôi 11 năm, thọ 23 tuổi.

Tháng 10, mùa đông. Thái tử Thiên Tộ lên ngôi (tức Lý Anh Tông), đổi niên hiệu mới. Đại xá.

Tôn mẹ là Cảm thánh phu nhân Lê Thị làm hoàng thái hậu.

Hội họp bầy tôi tuyên thệ ở điện Thiên An.

Năm Kỷ Mùi, Lý Anh Tông hoàng đế, niên hiệu Thiệu Minh thứ 2 (1139). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 9). Sứ nhà Tống sang.

Sách phong nhà vua làm Giao Chỉ quận vương.

Năm Canh Thân, niên hiệu Đại Định thứ 1 (1140). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh quản lĩnh cả công việc trong và ngoài.

Anh Vũ là em Đỗ thái hậu, được Lê thái hậu tin yêu nên bổ dụng cho chức này.

Lời chua - Đỗ thái hậu: **Mẹ Lý Thần Tông.**

Lê thái hậu: **Mẹ Lý Anh Tông.** **Sử của Ngô [Thì] Sĩ chua rằng: Anh Vũ, trạng mạo đầy đà, đẹp đẽ, múa khéo, hát hay, lên 8 tuổi, được tuyển làm thượng lâm tử đệ; 16 tuổi, Lý Thần Tông cho vào trong nội, hầu nơi màn trướng. Gặp Anh Vũ, Lê Hậu phải lòng.**

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Tháng 10, mùa đông. Đâu đấy được mùa cả.

Người thầy bói là Thân Lợi nổi loạn¹.

Tân Dậu, năm thứ 2 (1141). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Sai bọn Lưu Vũ Xứng đi đánh Thân Lợi ở Bồ dinh, bị thua trận.

Trước đây, Thân Lợi tự xưng là con Lý Nhân Tông, đem đồ đảng đến châu Thái Nguyên, từ Tây Nông kéo ra, qua đất Lục Lệnh, vào giữ châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông, tụ tập những kẻ vong mạng, chiêu mộ thổ binh, định mưu nổi loạn; đến đây, tự xưng là Bình vương, lập hậu phi, phong vương hầu, ban quan tước cho bè đảng. Bấy giờ đồ đảng Thân Lợi chỉ chừng độ hơn một nghìn người, đi đến đâu cũng nói phao lên rằng Thân Lợi giỏi thuật dụng binh, để truat những dân ở các khe động nơi biên giới. Đâu đấy đều sợ hãi, không ai dám chống cự lại. Khi tin từ biên giới cáo cấp về, nhà vua sai Giám nghị đại phu Lưu Vũ Xứng đi đường bộ, Thái phó Hứa Viêm đi đường thủy, đem quân đến đánh. Bộ tướng của Vũ Xứng là bọn Tô Tiệm và Trần Thiêm kéo quân đi trước; gặp thủy quân của Thân Lợi, hai bên giao chiến, Tô Tiệm thua, bị giết tại trận. Thân Lợi đắp ải Bắc Nhự để chống lại quan quân. Vũ Xứng hết sức đánh mới hạ được. Khi Vũ Xứng kéo quân về đất Bồ Dinh, Thân Lợi tung cả thủy quân ra đánh. Vũ Xứng thua, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

¹ VSL III 3a viết là Ông Thân Lợi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nay xét: Năm Thiệu Hưng thứ 9 (1139) nhà Tống, Quảng Tây súy ty nói rằng: "Thời Lý Nhân Tông có người cung thiếp¹ sinh được con trai, vua Nhân Tông không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, lấy tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình vương. Kịp khi Thần Tông mất rồi, hẳn quay về nước, muốn tranh ngôi với Lý Anh Tông. Anh Tông đem quân chống lại, Trí Chi cầu xin nhà Tống xuất quân cứu giúp. Súy ty đem sự đó tâu lên, nhưng vua Tống xuống chiếu từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi với Thân Lợi cùng là một người: Khi tự giới thiệu ở Quảng Tây để xin Tống cứu viện thì lấy tên là Trí Chi, và nói dối là con vợ lẽ của Lý Nhân Tông để lừa gạt nhà Tống đẩy thôi. Còn như xưng hiệu Nam Bình vương cũng là chứng cứ hợp với sử chép Thân Lợi tiếm hiệu là Bình vương; nhưng không biết rõ được gốc ngọn của Thân Lợi ra sao.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Tây Nông: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Hạ Nông: Thuộc tỉnh Thái Nguyên, tức là tổng Thượng Nông và tổng Hạ Nông thuộc châu Bạch Thông bây giờ.

Lục Lệnh, Thượng Nguyên, Bồ Đình, Bác Nhự: Đều không khảo được.

Tháng 4, mùa hạ. Thân Lợi phá phủ Phú Lương. Nhà vua sai Đỗ Anh Vũ đi đánh: Thân Lợi thua chạy, Tô Hiến Thành đuổi bắt được Lợi.

Thân Lợi ra giữ Tây Nông, đem người các xứ Thượng Nguyên, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông, ... đánh phá được phủ Phú Lương, chiếm đóng phủ lý, rồi cùng với đồ đảng mưu cướp kinh đô. Nhà vua sai Anh Vũ đem quân đi đánh. Bấy giờ quân Thân Lợi tiến đóng ở Quán Dịch, gặp quân Anh Vũ đánh kịch liệt, quân Lợi bị thua, chết không biết bao nhiêu mà kể. Đảng nó là Dương Mục thủ lĩnh châu Vạn Nhai, và Chu Ái, thủ lĩnh động Kim Khê, đều bị bắt. Thân Lợi trốn thoát, chạy sang châu Lục Lệnh. Nhà vua lại sai Anh Vũ đi đánh, bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người làm tù binh. Thân Lợi chạy sang Lạng Châu. Nhà vua xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân đuổi đánh, bắt được Thân Lợi đưa sang đến quân doanh Anh Vũ, đóng cũi đem về kinh đô; giao cho quan lại trị tội: chém Thân Lợi và những kẻ đồng mưu 20 người, còn thì cứ theo nặng nhẹ mà luận tội.

Lời chua - Phú Lương, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông: Đều thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Phú Lương: Nhà Lý gọi là phủ, nhà Trần cũng theo như vậy; nhà Lê đổi làm huyện, tức là huyện Phú Lương bây giờ.

Tuyên Hóa: Nhà Lý gọi là huyện, nhà Trần cũng theo như vậy; nhà Lê đổi là châu Định Hóa, tức là Định Châu bây giờ.

Cảm Hóa, Vĩnh Thông: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ 1 (Chb. III, 11).

Tây Nông: Xem Lý Thái Tông, năm Kiền phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Vạn Nhai: Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 42-43).

Quảng Dịch, động Kim Khê: Không khảo được.

Lạng Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1142). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 12).

Tháng 10, mùa đông. Sai Dương Tự Minh đi Quảng Nguyên, chiêu tập người trong châu trước kia xiêu gặt tan tác.

¹ Vợ lẽ ở trong cung nhà vua.

Quảng Nguyên là đất thượng du, năm Anh Vũ chiêu thủy thứ 1 (1076), bị nhà Tống xâm lấn, đổi tên là Thuận Châu, đến năm thứ 4 (1079) trả về ta; đến đây, nhà vua sai Tự Minh đến châu lỵ chiêu tập những người trong châu đã bị xiêu giạt hay đi trốn tránh.

Tháng 12, quy định thể lệ cầm bán ruộng đất.

Phàm ai cầm cố những ruộng thực điền thì trong hạn 20 năm được phép chuộc lại; phàm những ruộng hoang bị người khác cày cấy rồi thì trong hạn một năm được phép thừa kiện mà nhận lại, quá hạn ấy đều cấm chỉ. Những ruộng đất đã bán đứt rồi hiện có văn khế và khoán ước thì không được chuộc nữa. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 80 trượng. Tranh nhau ruộng ao, mà đem đồ binh khí¹ đánh nhau đến tử thương thì phạt 80 trượng, và phải tội đồ; còn ruộng, ao thì trả cho phía người bị tử thương.

Nhà vua lại xuống chiếu: phàm tranh nhau ruộng, ao, tài vật, không được chạy vay nhờ cậy nhà quyền thế, kẻ nào vi phạm thì phạt 80 trượng và bị tội đồ. Lại hạ chiếu: các vụ xử việc ngục tụng là theo luật lệ đã đặt, nếu ai tranh giành một cách cưỡng ép thì phạt 60 trượng.

Tha tội cho đảng Thân Lợi.

Trước đây, quan quân bắt được đảng Thân Lợi hơn hai nghìn người, đưa về kinh đô. Nhà vua ngự điện Thiên Khánh, tra hỏi, đã đem chém 20 kẻ đồng mưu và tha cho những người bị ức hiếp mà phải theo, còn hơn 400 người thì bắt đi lưu đày. Đến đây, Tô Hiến Thành nói với nhà vua rằng: "Đảng Thân Lợi nổi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ hành hình có 20 người, thực là có lòng nhân đức. Nhưng, xưa kia, vua Nghiêu, vua Thuần truyền nối trong vòng hơn trăm năm, thế mà số người bị tội chết và bị tội lưu chỉ có bốn tên đầu sỏ gian ác²; ngày nay phát lưu đến hàng hơn trăm³ người, có phải là bản tâm bệ hạ đâu? Tôi xin tha tội cho chúng, để mọi người được nhuần thấm ơn vua, thì lòng nhân đức của bệ hạ không khác gì Nghiêu Thuần". Nhà vua y theo lời, xuống chiếu tha tội phóng trụ và lưu đày cho đảng Thân Lợi.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1143). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 13). Từ mùa xuân đến mùa hạ hạn hán. Nhà vua thân làm lễ đảo vũ. Tháng 6, mưa.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1144). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Gả công chúa Thiệu Dung cho Dương Tự Minh.

Tự Minh là thủ lĩnh phủ Phú Lương, vâng mạng đi chiêu an những người trong châu Quảng Nguyên, rồi được cai quản các khe động ở nơi biên giới; đến đây, lấy công chúa, được phong phò mã lang.

Tháng 5, mùa hạ. Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng, được phong làm Thái sư.

Trước đây Du Đô là Giám nghị đại phu, bị bãi chức; đến đây được phong Thái sư, được đóng ở nơi xa⁴ mà quản lĩnh các công việc khe động ở miền biên giới.

Lời phê - Hạng người gọi là có tài năng⁵ mà còn như vậy⁶, đủ biết thói đời bấy giờ là thế nào, mà tước lộc cũng chẳng có gì đáng quý.

Ất Sửu, năm thứ 6 (1145). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 15).

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm mãi không tạnh.

¹ Như gương, dao, v.v...

² Cung Công bị tội lưu, Hoan Đô bị đem đi an trí, Tam Miêu bị phóng trụ, Cổn bị giam cầm đến chết.

³ Ý nói một số nhiều, chứ không cứ phải đúng một trăm.

⁴ Nguyên văn là "dao lĩnh" nghĩa là chịu trách nhiệm giữ chức cai trị ở một nơi nào đó, nhưng bản thân lại đóng ở một nơi xa, chứ không đến làm việc tại chỗ.

⁵ Chỉ Mâu Du Đô.

⁶ Chỉ việc dầm mưa mãi không tạnh.

Tháng 8, mùa thu. Người Thổ nhà Tống là Đàm Hữu Lượng vào cướp châu Quảng Nguyên. Nhà vua sai bọn Dương Tự Minh đi đánh bại được giặc.

Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang nước ta, nói dối là vâng sứ mạng nhà Tống đi chiêu dụ dân chúng ở biên thùy. Dân các khê động ở duyên biên theo về với hắn nhiều lắm. Hắn bèn chiếm giữ đất Thông Nông, đem đồ đảng cướp bóc Quảng Nguyên. Gặp lúc ấy kinh lược súy ty tỉnh Quảng Tây nhà Tống đưa thư sang bảo ta đánh giúp để bắt Hữu Lượng. Nhà vua xuống chiếu cho bọn Dương Tự Minh, Nguyễn ữ Mai và Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Lại sai Thái sử Mâu Du Đô đem quân kế tiếp tiến lên. Tự Minh đánh phá được Thông Nông, Hữu Lượng thua chạy. Ta bắt được đồ đảng nó là lũ Bá Đại 21 người, trao trả cho nhà Tống. Nhà cầm quyền ở Ung Châu (Tống) làm ra cáo sắc giả để đón Hữu Lượng về. Hữu Lượng liền cùng với đồ đảng hơn 20 người, đem dâng ấn đồng và địa đồ. Khi đến trại Dương Sơn, viên tri châu Ung Châu là Triệu Nguyên bắt lấy đưa đến súy ty chém chết.

Lời chua - Quảng Nguyên: Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 5 (Chb. II, 43).

Tư Lang: Tên châu. Xem Lý Thái Tông, năm Kiên phù hữu đạo thứ 3 (Chb. III, 3).

Thông Nông: Bây giờ là tổng Thông Nông, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Cáo sắc: Sử của Ngô (Thì) Sĩ chép là "quan cao thân". Ý nói lấy quan tước để chiêu dụ Hữu Lượng.

Dựng chùa Vĩnh Long phúc thánh.

Bính Dần, năm thứ 7 (1146). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, xuống chiếu đào vũ; trời mưa.

Sao chổi mọc.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính cấm quân.

Xuống chiếu cho quản giáp và chủ đô: tuyển lính cấm quân, nên lựa lấy ở những nhà đông con chứ không được bắt con nhà cô độc.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1147). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 17).

Tháng 10, mùa đông khảo sát ngạch quan lại ở phủ Phú Lương và làm lại hộ tịch¹.

Phủ Phú Lương, trước kia, bị Thân Lợi chiếm đóng; đến đây, sai Đỗ Anh Vũ khảo sát ngạch quan lại và làm sổ hộ tịch để tâu lên.

Tháng 11. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.

Đặt tên thụy là Chiêu Hiếu.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1148). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua thân đi cày ruộng tịch điền.

Nhà vua đi Lợi Nhân, làm lễ cày tịch điền, sau đến Ứng Phong, xem xét dân cày ruộng rồi về cung.

Tháng 10, mùa đông. Cung Quảng Từ làm xong.

Cung này là chỗ ở của Lê Thái hậu, làm từ năm Đại Định thứ 5 (1144); đến đây mới xong.

Kỷ Ty, năm thứ 10 (1149). (Tống, năm Thiệu Hưng thứ 19).

¹ Sổ kê khai từng hộ.

Tháng 2, mùa xuân. Thiết lập Vân Đồn trang¹.

Bấy giờ các nước Qua Oa² và Tiêm La có nhiều thuyền buôn đóng ở Hải Đông. Ta bèn lập trang ở trên cù lao để cho họ ở, gọi là Vân đồn trang.

Lời chua - Hải Đông: Tức là An Bang. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Vân Đồn: Thuộc Hải Đông. Nhà Lê đổi làm châu Vân Đồn, bây giờ là tổng Vân Hải, huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

Qua Oa: Theo Minh sử, nước Qua Oa ở về phía tây nam nước Chiêm Thành có tên khác là Hạ cảng hoặc Thuận Tháp, tính người hung tợn, kẻ bé người lớn đều đeo dao, hễ trái ý nhau một chút thì liền đánh giết nhau ngay. Sách Việt chí chép rằng: trong kinh Phật gọi là "Quý khố" tức là nước này.

Tiêm La: Theo sách Thanh Nhất thống chí, Tiêm La, về đời Tùy Đường gọi là nước Xích Thổ, ở về phía Tây Nam nước Chiêm Thành là một tộc loại của nước Phù nam; sau chia làm hai: nước Tiêm và nước La Hộc. Hồi đầu niên hiệu Nguyên Trinh (1295-1296) đời Nguyên, vào cống nhà Nguyên. Về sau, nước La Hộc mạnh hơn, thôn tính cả đất Tiêm, mới đặt tên nước là Tiêm La Hộc. Dưới triều Hồng Vũ (1368-1398) nhà Minh, Tiêm La Hộc vào châu, vua Minh ban cho ấn "Tiêm La quốc vương". Tự đó mới gọi là nước Tiêm La.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Mở hội phạt pháp ở trước sân rồng. Đại xá các tội nhân.

¹ Trang cũng như bây giờ gọi là phố xá, nơi tập trung nhiều hàng hóa để tiêu thụ đi các nơi.

² Sách ta cũng như một số sách Trung Quốc phần nhiều viết Qua Oa nhưng theo Từ Nguyên (trang 954), thì là Trào Oa (Java).

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ V

Từ năm Canh Ngọ (1150) Lý Anh Tông, niên hiệu Đại Định thứ 11 đến năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 2, gồm 76 năm.

✱

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1150). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Hạn hán.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Tháng 9, Chân Lạp vào cướp Nghệ An.

Quân Chân Lạp vào cướp, đến núi Vụ Thấp tỉnh Nghệ An gặp nắng, mưa bất thường, nhiều người bị chết vì chướng khí; chúng tự tan vỡ.

Lời chua - Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Núi Vụ Thấp: Theo Đường thư Địa lý chí, từ Hoan Châu đi về phía tây ba ngày, đến núi Vụ Thấp. Sách Nghệ An chí chép: Núi Vụ Thấp còn tên nữa là Vụ Ôn. Sách Thoái thực ký văn của Trương Quốc Dụng chép rằng: "Núi Vụ Ôn ở về đại phận huyện Hương Sơn, Nghệ An, tức là một nhánh núi Vũ Môn.

Đỗ Anh Vũ có tội, giao xuống cho quan lại xét xử trị tội. Viên Hoả đầu¹ trong hiệu quân Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương cầm giáo chọc đâm Anh Vũ không được. Nguyễn Dương tự sát.

Khi nhà vua mới lên ngôi, không cứ việc lớn hay nhỏ, đều do Anh Vũ quyết định cả. Hắn ra vào nơi cung cấm, tư thông với Lê Hậu². Nhân thế, Anh Vũ lại càng kiêu rông: Ở triều đình hần vén tay, quát tháo, chỉ huy người bằng cách hất hàm, sai bảo người bằng khí sắc. Mọi người đều hé mắt sợ sệt, không ai dám nói gì. Bọn Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái cùng với bọn Trí Minh vương (không rõ tên), Bảo Ninh hầu (không rõ tên) và Phò mã lang Dương Tự Minh mưu bắt giam Anh Vũ. Mưu kế đã định rồi, bọn Vũ Đái đem quân thẳng đến cửa thành, hô lớn: "Anh Vũ ra vào cung cấm, tiếng xấu ầm cả ra ngoài, còn tội gì lớn hơn nữa! Chúng tôi xin trừ khử ngay nó đi!". Lúc ấy liền có chiếu chỉ cho lính cấm quân bắt Anh Vũ trói ở hành lang Tả Hưng thánh, giao xuống cho đình úy xét xử việc này. Thái hậu sai người đem rượu cơm đến cho Anh Vũ và giấu vàng ở trong đồ đựng món ăn, để Anh Vũ dùng dứt lót cho bọn Vũ Đái và người canh giữ. Viên hoả đầu ở hiệu quân Tả Hưng thánh là Nguyễn Dương nói rằng: "Các anh tham của dứt lót, rồi đây tôi với các anh chắc không thoát khỏi tay thẳng Anh Vũ đâu, chỉ bằng giết nó trước đi, để khỏi lo về sau". Dương liền phăm phăm cầm giáo chọc đến đâm chết Anh Vũ. Tả Hưng đô là Đàm Dĩ Mông giật lấy cây giáo, ngăn lại, rằng: "Quan Điện tiền³ cho tội Anh Vũ là đáng chết thật đấy, nhưng phải đợi mệnh lệnh của vua chứ không được tự tiện giết chết". Nguyễn Dương nổi giận, mắng: "Vũ Đái

¹ Một chức quan loại vừa trong quân đội, tương đương với đội trưởng sau này. Ở đây đáng ra phải gọi là Chánh thủ mới phải, vì từ năm Thuận Thiên 16 (1025) đã đổi chức Hoả đầu thành Chánh thủ.

² Mẹ của Lý Anh Tông (Xem Chb. IV, 35).

³ Quan chức của Vũ Đái.

kia! Sao lại tham của lót của người ta mà không tiếc đến mạng mình?". Nói xong, liệu mình không thoát được, liền nhảy xuống giếng tự tử.

Lời chúa - Hưng Thánh: Hiệu lính cấm quân. Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV, 8-9).

Hòa đầu: Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chb. II, 24-25).

Tả Hưng đô: Chưa rõ chức quan này.

Tha tội Đỗ Anh Vũ và cho phục lại quan chức.

Trước đây, nhà vua xét án Anh Vũ, bắt chịu tội đồ làm điền nhi. Thái hậu lo buồn, nghĩ cách làm cho Anh Vũ được trở lại như cũ, nên thường mở hội to, tha tội nhân, mong Anh Vũ cũng được dự ân xá. Anh Vũ vì nhiều lần được ân xá thành ra khỏi tội, cuối cùng lại được làm thái úy, phụ chính như trước. Từ đó, càng được cưng yêu, hãnh nể hết quyền họa phúc sinh sát trong tay, ngày càng chăm làm những việc báo oán.

Lời chúa - Điền nhi: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 18-19).

Giết bọn điện tiên chỉ huy sứ Vũ Đái và Ngọc gia hỏa đầu Đổng Lợi 28 người; phát lưu bọn phò mã Dương Tự Minh 30 người.

Anh Vũ chức lật đổ bọn Vũ Đái, bèn tự ý tiến cử hơn một trăm thủ hạ làm quân phụng quốc vệ đô, giao cho giữ việc đi bắt phạm nhân. Anh Vũ nói kín với nhà vua rằng: "Trước đây, bọn Vũ Đái tự tiện đem lính cấm quân, xông vào nơi khuyết đình, còn tội nào lớn hơn nữa. Nếu không sớm trừ đi, e mai kia sinh biến, thì không thể trị được!". Nhà vua không xét kỹ, vội y theo lời hãn tâu, liền sai quân phụng quốc vệ đô đi lùng bắt bọn Vũ Đái, giao xuống cho quan lại trị tội: Giáng Trí Minh vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước Minh tự, Bảo Thăng hầu làm phụng chức; bọn Vũ Đái 20 người bị chém, bêu thủ cấp ở đầu sông; bọn Đổng Lợi 8 người bị chém ở chợ cửa tây; bọn Dương Tự Minh 30 người bị phát lưu đi các nơi nước độc ở viễn châu; còn những người dự mưu đều bắt tội đồ.

Lời chúa - Ngọc Giai: Hiệu lính cấm quân. Xem Lý Nhân Tông năm Hội Tường đại khánh thứ 9 (Chb. IV, 9).

Minh Tự: Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Minh Tự là một tước để phong cho những người có công.

Nghiêm định những điều cấm ở trong cung phủ.

Cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào nơi cung cấm; ai vi phạm cấm thì bị tội chết; kẻ nào can ngăn giữ không cẩn, để cho người khác vào cung cũng sẽ bị tội như vậy. Các quan triều không được đi lại các nhà vương hầu; ở trong cung cấm không được hội họp, bàn bạc, chê bai. Không được qua lại ngoài địa đầu hành lang là chỗ để khí giới của quân phụng quốc vệ đô; ai can phạm sẽ phải phạt 80 trượng và bắt tội đồ; người nào vào trong hành lang ấy, thì bắt tử hình. Người giữ việc phòng vệ ở hành lang nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện cầm khí giới qua địa đầu hành lang thì cũng đồng tội.

Tân Mùi, năm thứ 12 (1151). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 21).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi Long Thủy hiệp xem bắt voi.

Bắt được con voi trắng, bày tôi dâng biểu mừng.

Lời chúa - Long Thủy hiệp: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 7 (Chb. III, 48).

Tháng 8, mùa thu. Xem bơi chải.

Nhà vua ra chơi cung Quảng Từ để xem bơi thuyền thi.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1152). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 22).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 5. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 8, mùa thu. Mưa ra những viên sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 10, mùa đông. Mở kỳ điện thi.

Lời chua - Sử của Ngô (Thì) Sĩ chua rằng: Bấy giờ phép khoa cử chưa có thể thức nhất định. Hoặc giả đương thời có chiếu cử những kẻ sĩ trong nước vào thi ở trong sân điện mà Sử cũ không chép kỹ càng. Nay không thể khảo được.

Sai Thượng chế là Lý Mông đem quân đưa Ung Minh Ta Điệp về để lập làm vua nước Chiêm Thành, công việc không làm xong, hai người đều bị giết.

Người Chiêm Thành, Ung Minh Ta Điệp, đến cửa cung quyết xin cho được làm vua. Nhà vua xuống chiếu cho thượng chế là Lý Mông đem quân Thanh Hóa, Nghệ An hơn năm nghìn người, đưa về nước để lập làm vua. Bọn Lý Mông đến Chiêm Thành, bị chúa Chiêm là Chế Bì La Bút chống lại. Lý Mông và Ung Minh Ta Điệp đều bị chết cả.

Lời chua - Thượng chế: Tên một tước phong. Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chb. IV, 20).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Thanh Hóa, Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Ung Minh Ta Điệp: Sử cũ chép là người nước Chiêm Thành, không rõ lai lịch.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1153). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 23).

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1154). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 24).

Tháng 9, mùa thu. Đắp đàn Viên Khuru¹. Nhà vua ra xem làm việc.

Tháng 10, mùa đông. Chúa Chiêm Thành Chế Bì La Bút, đem dâng con gái, được nhà vua thu nạp.

Tháng 11. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh đóm Sơn Lạp² ở châu Đại Hoàng, dẹp yên được.

Trước đó, Sơn Lạp châu Đại Hoàng là Nông Khả Lai làm phản. Đến đây, nhà vua thân đi đánh. Ngày Canh Tuất, xuất quân; ngày Giáp Dần đánh được, ngày Kỷ Mùi, về kinh đô.

Lời chua - Đại Hoàng: Tên một châu. Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I, 2).

Ất Hợi, năm thứ 16 (1155). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 25).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn.

Động đất.

Tháng 10, mùa đông. Sao Mộc tinh phạm vào sao Kim tinh.

Lời chua - Mộc tinh: Sao Thái tuế.

¹ Đàn để tế trời trong tiết đông chí.

² Một dân tộc miền núi. Tục gọi là "Lao".

Kim tinh: Sao Thái bạch. Theo sách Thiên nguyên lịch lý của Từ Phát nhà Thanh, phàm các vì sao cách nhau độ vừa một tấc, gọi là "phạm", đóng ở lại đấy mà không dời đi, gọi là "thủ".

Tháng 12. Động đất.

Làm cung Lệ Thiên.

Dựng cung Lệ Thiên và hành lang để triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tí, năm thứ 17 (1156). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa ra sỏi nhỏ, sắc vàng.

Tháng 12, mùa đông. Kho tàng của vua bị cháy.

Làm hành cung ở Ngự Thiên.

Dựng hành cung ở Ngự Thiên: làm điện Thụy Quang, gác Chiếu vân, cửa Thanh hòa, thềm Nghi phương, gác Diên phú, đình Thường hoa, thềm Ngọc hoa; lại đào ao Kim Liên, bắc cầu Minh nguyệt, để dùng trong những lúc nhà vua đi du ngoạn.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Xét đời Lý Anh Tông. Sử cũ chép hai lần dựng miếu, ba lần làm đền thờ, sáu lần đóng thuyền, còn làm chùa, chữa chùa, đắp đàn tế, xây cổng thành, làm kho, bắc cầu mỗi thứ một lần, còn công việc làm cung điện, dinh thự thì đến mười lần; mà đài các nguy nga, hồ đình rộng rãi, không có lần nào phí phạm bằng lần này. Ôn trạch họ Lý đối với dân đến đây tiêu ma hết cả.

Lời chua - Ngự Thiên: Tên huyện. Nhà Lý gọi là Ngự Thiên, khi thuộc Minh gọi là Tân Hóa, nhà Lê lại gọi là Ngự Thiên, tức là huyện Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên bây giờ¹.

Lập miếu thờ Khổng Tử.

Hồi đầu đời Lý, Văn Miếu thờ chung cả Chu Công và Khổng Tử; đến đây, Tô Hiến Thành xin lập miếu riêng để thờ Khổng Tử, nhà vua y nghe theo lời: lập miếu Khổng Tử ở phía Nam thành Thăng Long.

Đói to.

Năm này đói to: mỗi một thưng gạo trị giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1157). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 27). Xuống chiếu quy định luật lệnh.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1158). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 28).

Tháng 2, mùa xuân. Đỗ Anh Vũ giết Nguyễn Quốc.

Trước kia, Nguyễn Quốc đi sứ Tống về, nói nhà Tống đặt cái hòm đồng ở sân điện để nhận những tờ sớ tâu của bốn phương. Vậy ở ta, để thông đạt tình hình kẻ dưới, cũng xin phỏng theo mà làm như thế. Nhà vua y theo lời, cho đặt cái hòm ở sân rồng, để những ai có bàn nói việc gì thì bỏ thư vào trong ấy. Bấy giờ có bức thư nặc danh nói Anh Vũ làm loạn. Tìm bắt người viết thư ấy không được, Anh Vũ nghi cho Nguyễn Quốc, bèn vu cáo cho Nguyễn Quốc làm việc này, rồi buộc vào tội, phát lưu đi trại Thanh Hóa. Chưa được bao lâu, nhà vua cho Nguyễn Quốc về. Anh Vũ lại lấy rượu chế thuốc độc đưa cho Nguyễn Quốc. Nguyễn Quốc biết mình không thoát, liền uống thuốc độc chết.

Lời chua - Nguyễn Quốc: Không rõ lý lịch.

Duyệt sổ dân binh.

Nhà vua sai Lý Công Tín tuyển lựa dân đinh, quy định các sắc mục, và lấy người sung vào nhà Thái miếu hầu việc thờ tự.

¹ Nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Tháng 8, mùa thu. Đỗ Anh Vũ chết.

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1159). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 29).

Mùa xuân. Cột chùa Thiên Phù chảy ra huyết.

Tháng 5, mùa hạ. Ngư Hồng và Ai Lao vào cướp. Nhà vua sai Tô Hiến Thành đi đánh bại được quân địch.

Hiến Thành đem quân đi đánh, bắt được người, súc vật và của báu của địch, rồi kéo về.

Lời chua - Ngư Hồng: Xem Lý Thánh Tông, năm Long chương thiên tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương, năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Dùng Tô Hiến Thành làm Thái úy.

Hiến Thành, trước kia, làm Thái phó, tham dự việc giữ binh quyền; đến đây, vì có công được làm Thái úy.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1160). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 30).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Sai Tô Hiến Thành và Lý Công Tín tuyển lấy những dân đinh khỏe mạnh sung vào quân đội, chọn lấy những tướng hiệu thông binh pháp, biết vũ nghệ, chia ra cai quản.

Tân Tị, năm thứ 22 (1161). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 31).

Mùa xuân, sai sứ sang nhà Tống.

Bấy giờ lễ cống sính đều dùng voi đã tập thuần thuộc, nay đến kỳ đưa lễ cống hàng năm, vua Tống thấy đem thú vật đi đường xa, làm người phải nhọc nhằn, mới sai sứ thần bảo rõ là được bãi bỏ lễ ấy. Từ đó không đem voi sang cống nữa.

Tháng 10, mùa đông. Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền mất.

Nghĩa Hiền có công giúp vua; đến đây, ông mất; nhà vua nghỉ thiết triều năm ngày.

Tháng 11. Sai bọn Thái úy Tô Hiến Thành đi tuần vùng biên giới.

Dùng Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó tướng, đem hai vạn quân, đi tuần hành, phòng bị mọi xứ ở biên giới Tây Nam và miền ven biển. Nhà vua thân đi tiễn quân đến cửa biển Thần Đầu mới về.

Bấy giờ những lính đào ngũ cùng nhau quẩn tụ, cướp bóc cư dân. Nhà vua sai Lý Công Tín đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Cửa biển Thần Đầu: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1162). (Tổng, năm Thiệu Hưng thứ 32).

Tháng 3, mùa xuân. Cấm không ai được tự thiến mình.

Ai tự thiến mình thì phạt 80 trượng và thích vào cánh tay bên tả 23 chữ.

Động đất.

Tháng 2. Định rõ lại phép xét công trạng các quan.

Chín năm một lần xét công. Các quan văn vũ ai đủ niên lệ mà không có lỗi gì thì được thăng trật.

Quý Mùi, năm Chính Long bảo ứng thứ 1 (1163). (Tổng, Hiếu Tông, năm Long Hưng thứ 1).

Giáp Thân, năm thứ 2 (1164). (Tổng, năm Long Hưng thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành đến tiến cống.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Tống phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Nhà Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam quốc.

Theo Nguyên sử loại biên, An Nam, trước đây, gọi là Giao Chỉ; Đường Cao Tông đặt làm An Nam Đô hộ phủ. Tên gọi là An Nam bắt đầu từ đây. Tống Hiếu Tông phong Thiên Tộ¹ là An Nam quốc vương, An Nam gọi là "nước" bắt đầu từ đó.

Sử của Ngô [Thì] Sĩ chép rằng: "Nhà Tống từ khi rút sang phía nam, mỗi khi sứ ta sang cống, vẫn giao nhận cống phẩm ở tỉnh Quảng Tây, chứ chưa từng đến kinh đô của Nam Tống bao giờ; năm này là kỳ đưa lễ cống, nhà vua đưa thư sang Tống, xin cho sứ giả đến tận cung khuyết; vua Tống ưng thuận. Lệ cũ: việc cống sứ chưa lần nào đi đủ ba sứ thần; kỳ này, nhà vua dùng Trung vệ đại phu Doãn Tử Tư làm đại sứ, lại cho Thừa nghị lang Lý Bang Chính là chánh sứ, Trung dực lang Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ. Từ người dẫn đầu đến người tùy hành đều đủ số. Khi đến nơi, vua Tống khen là có lòng thành khẩn, lại thấy nhân vật của ta ôn hòa, văn phép, áo mũ chững chạc đàng hoàng, rất lấy làm ưng ý. Vua Tống hạ chiếu cho đình thần bàn định về việc ban cho tên nước, bèn cho tên là "An Nam quốc" và gia phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Ất Dậu, năm thứ 3 (1165). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán. Nhiều nơi phát sinh bệnh dịch. Dân bị đói.

Nhân dân mắc bệnh dịch dữ dội. Trâu bò chết nhiều. Giá gạo cao vọt.

Tháng 8, mùa thu. Thi học sinh.

Bính Tuất, năm thứ 4 (1166). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 2).

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1167). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sai Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Trước đây, sứ giả Chiêm Thành đem lễ cống sang nước ta, khi đi đến châu Ô Lý, thì sứ Chiêm Thành đem phong thủy quân vượt biển cướp bóc những cư dân ở miền ven biển rồi trở về; đến đây, nhà vua sai Hiến Thành đi đánh. Hiến Thành đem quân đến nước Chiêm, đưa thư cho chúa Chiêm, quở trách về việc không giữ lễ phiên thần, lại tỏ bày sự lợi hại để chiêu dụ. Chúa Chiêm sợ, sai sứ sang dâng châu báu và những sản vật địa phương để xin hòa. Nhà vua y cho, hạ chiếu bảo Hiến Thành đem quân về.

Lời chúa - Chiêm Thành: Túc Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Ô Lý: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27-28).

Phong thủy quân: Sử cũ chúa là "Tăng ma". Bây giờ không thể khảo được.

Mậu Tí, năm thứ 6 (1168). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 4).

Tháng 8, mùa thu. Sứ nhà Tống và sứ nước Kim cùng sang ta.

Sứ thần hai nước đồng thời cùng đến, ta đều lấy lễ mà tiếp đãi cả, nhưng không cho họ gặp nhau.

Lời cần án - Sử cũ, ở đây, chép rằng "sứ Thát đất cũng đến". Thát đất tức là nhà Nguyên. Nhưng xét bấy giờ nước Kim còn mạnh, mà nhà Nguyên mới nổi lên ở Mạc bắc², người Kim vào Biện Kinh¹, nhà Tống phải thiên đô sang Lâm An, lẽ nào người

¹ Tên Lý Anh Tông.

² Túc Ngoại Mông Cổ.

Nguyên vượt qua địa bàn của người Kim mà đến nước ta được? **Sử** của Ngô (Thì) Sĩ cai chính mà chép là sử thần nước Kim. Nay theo như vậy.

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1169). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 5).

Ngày rằm, tháng 3, mùa xuân. Nguyệt thực. Cá biển chết nhiều.

Nhà vua sai thầy chùa và đạo sĩ ở các đền chùa tụng kinh cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Làm điện Thanh Hòa.

Đặt thần vị Tiên đế² ở điện này, bốn mùa cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Chùa này từ đời Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (1024); đến đây sửa lại.

Canh Dần, năm thứ 8 (1170). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 6). Nhà vua tập cưỡi ngựa và bắn cung ở phía nam thành.

Nhà vua xem xét và tập dượt ở phía Nam Kinh thành, đặt tên chỗ ấy là sân bắn sai các quan võ ngày ngày rèn tập những phép đánh trận và phá trận.

Tân Mão, năm thứ 9 (1171). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Sửa lại miếu thờ Khổng Tử.

Miếu làm từ năm Đại Định thứ 17 (1156); đến đây, sửa lại.

Nhà vua đi tuần đường biển.

Muốn biết dân tình đau khổ ra sao, đường xá xa gần thế nào, nhà vua đi tuần đường biển, xem khắp hình thể núi sông rồi về.

Nhâm Thìn, năm thứ 10 (1172). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 8).

Tháng 2, mùa xuân. Lại đi tuần đường biển và biên giới phía Nam, phía Bắc.

Nhà vua đi tuần đường biển và biên giới phía nam, phía bắc, vẽ và ghi phong cảnh, sản vật, rồi chở về.

Lời chua - Nam Bắc phiên giới đồ: Theo Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, sách Nam Bắc phiên giới địa đồ, một quyển, của Lý Anh Tông, nay không truyền.

Quý Tị, năm thứ 11 (1173). (Tổng, năm Kiên Đạo thứ 9).

Mùa thu. Đóng thuyền Ngoạn thủy.

Trước đó, đóng thuyền Vĩnh Long, thuyền Thanh Lan, thuyền Tường Quyết, thuyền Phụng Tiên, thuyền Vĩnh Diệu, thuyền Vĩnh Thanh, thuyền Nhật Long, đến đây, đóng thuyền Ngoạn Thủy, để chuẩn bị đi chơi.

Giáp Ngọ, năm Thiên cảm chí bảo thứ 1 (1174). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Tháng 9, mùa thu. Thái tử Long Sưởng có tội, truất bỏ làm kẻ dân thường.

Long Sưởng tư thông với cung phi, nhà vua không nỡ bắt tội chết, truất bỏ làm kẻ thường dân và cầm tù.

Lời cần án - **Sử cũ** chép "Thái tử Long Sưởng", thế thì Long Sưởng đã được ở ngôi đông cung rồi; duy sự được lập vào năm nào **Sử cũ** bỏ sót không chép.

¹ Kinh đô của Bắc Tống, tức huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam bây giờ.

² Lý Thần Tông.

Tháng 11, mùa đông. Động đất.

Tháng 12. Sao chổi mọc ở phương nam.

Ất Mùi, năm thứ 2 (1175). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Long Cán làm thái tử.

Trước đây, nhà vua cho vời tế thần¹, bảo rằng: "Thái tử là cội gốc của nước. Long Sưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Cán được nối ngôi báu, nhưng hắn còn nhỏ tuổi, e chưa gánh vác nổi; nếu đợi lúc lớn lên thì trẫm đã già rồi, biết làm thế nào?". Bỗng lúc ấy người trong nội bể Long Cán ra, Long Cán khóc, đòi lấy cái khăn của nhà vua đang đội. Ngài chưa kịp cho, hắn càng khóc già; trệt khăn đưa cho, hắn cười ngặt nghẽo. Ngài lấy làm lạ, bấy giờ cái ý sách lập Long Cán mới thật quyết định. Đến đây, lập làm Thái tử, Long Cán mới lên ba tuổi.

Dùng Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự², gia phong tước vương.

Tháng 4, mùa hạ. Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành giúp Thái tử tạm quyền coi giữ chính sự.

Bấy giờ nhà vua bị bệnh, nên mới có mệnh lệnh này.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua mất, để tờ di chiếu cho Tô Hiến Thành làm Phụ chính.

Nhà vua mất ở điện Thụy Quang, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi. Trước đây, nhà vua bệnh kịch, Hoàng hậu xin lập lại Long Sưởng. Ngài nói: "Long Sưởng làm con đã bất hiếu còn cai trị dân thế nào được!". Rồi ngài di chúc cho Hiến Thành giúp đỡ dẫn đạo Thái tử, còn mọi việc nhà nước thì cứ theo như hiến chương cũ. "Kịp khi Anh Tông mất, Thái hậu lại mưu tính bỏ con nọ, lập con kia: sợ Hiến Thành không theo, bèn đem vàng đúc lốt cho vợ Hiến Thành là Lữ Thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần, nhận mệnh lệnh để lại của tiên đế, phò giúp ấu chúa, nếu nay nhận của lốt mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới suối vàng?". Thái hậu lại vời Hiến Thành đến khuyên dỗ trăm chiếu. Hiến Thành thưa lại rằng: "Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, có lẽ nào hạng trung thần, nghĩa sĩ lại vui lòng mà làm được, hưởng chi lời tiên đế hãy còn vằng vẳng bên tai! Thái hậu chẳng nghe nói về chuyện Y Doãn³ và Hoắc Quang⁴ đấy ư? Tôi đây không dám vâng lời". Do đấy việc này mới thôi.

Lời cần án - Về việc này *Sử cũ* trên chép là "hoàng hậu" dưới chép là "thái hậu", cùng với "Chiêu linh thái hậu" đã chép ở năm Trinh Phù thứ 3 (1178) đều không có họ, có lẽ cùng là một người mà *Sử cũ* không chép được kỹ đó thôi.

Thái tử Long Cán lên ngôi (tức là Lý Cao Tông).

Tôn mẹ là Đỗ Thị làm Chiêu thiên chí lý hoàng thái hậu.

Dùng cậu là Đỗ An Di làm Thái sư đồng Bình chương sự⁵, Tô Hiến Thành làm Thái úy⁶.

Lời cần án - Năm Đại Định thứ 20 (1159), *Sử cũ* chép dùng Tô Hiến Thành làm Thái úy, ở đây lại chép như thế, nghi rằng có lầm.

Lời chua - An Di: Em của Đỗ thái hậu.

¹ Bầy tôi làm tế tướng, đứng đầu cả triều đình.

² Tức Tế tướng, quan đứng đầu triều.

³ Bầy tôi nhà Ân, sau khi Thành Thang nhà Ân mất, cháu là Thái Giáp lên nối ngôi vua, vì Thái Giáp thất đức, nên Y Doãn truất bỏ đi, cho ra ở Đông Cung, sau Thái Giáp biết bỏ điều tà theo điều chính. Y Doãn lại rước về lập làm vua.

⁴ Bầy tôi nhà Hán, sau khi Hán Chiêu đế mất. Xương Ấp vương lên nối ngôi, vì Xương Ấp vương là người hoang dâm vô đạo. Hoắc Quang truất bỏ đi mà lập người cháu Hán Vũ đế tên là Tuân tức là Hán Tuyên đế. Sau Quang bị Tuyên đế buộc vào tội phản nghịch, phải tội giết cả họ.

⁵ Chức quan tương đương với Tế tướng và làm nhiệm vụ của Tế tướng.

⁶ Chức quan võ đứng đầu quân đội.

Hội họp quần thần, tuyên thệ ở điện Thiên An.

Bính Thân, Lý Cao Tông hoàng đế, năm Trinh phù thứ 1 (1176). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi niên hiệu mới. Đại xá.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến đây mới đổi niên hiệu, đó chính là vì có Tô Hiến Thành làm phụ chính, nên mới giữ được lễ xưa.

Đinh Dậu, năm thứ 2 (1177). (Tổng Thuần Hi thứ 4).**Tháng 3, mùa xuân. Nước Chiêm Thành cướp châu Nghệ An.**

Mậu Tuất, năm thứ 3 (1178). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 5). Chiêu Linh thái hậu ban yến cho bầy tôi ở điện riêng của mình.

Bấy giờ quốc tang¹ đã mãn. Chiêu Linh thái hậu thiết yến các bầy tôi, nhân bảo họ rằng: "Bấy giờ Chiêm Thành đang vào lấn cướp, người Mán quấy rối ở nơi biên thùy. Tự Vương² hãy còn thơ ấu, chưa đáng nổi trong lúc nước nhà lăm việc. Các khanh đội ơn dày của nước, nên lo toan việc nước. Tính chức bây giờ chi bằng lại lập Long Sưởng để yên định xã tắc, mà thống nhất lòng dân. Các khanh nghĩ thế nào?". Bầy tôi đều khầu đầu nói: "Quan Thái phó³ là bậc cố mệnh đại thần⁴, bệ hạ⁵ đã nhiều lần khuyên dụ rồi đấy. Bọn tôi không ai dám trái ý". Nói xong, họ đều lạy tạ rồi lui gót. Bấy giờ Hiến Thành coi quản cấm binh, hiệu lệnh nghiêm túc, thường phạt phân minh, không ai dám có ý nghĩ gì khác. Long Sưởng vì không được lập lên làm vua, rồi cầm đầu đám gia nhân thân thuộc, cho đi trộm cướp nhiều nơi, có ý chực nổi loạn.

Kỷ Hợi, năm thứ 4 (1179). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 6).**Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.**

Tuyển trong đình nam lấy những người khỏe mạnh sung vào quân đội.

Tháng 2. Động đất.**Tháng 3. Xét công trạng các quan lại.**

Văn học tài cán, là một hạng; không thông chữ nghĩa mà làm việc cần mẫn, là một hạng; nhiều tuổi mà thuần cán, thông hiểu việc xưa nay, là một hạng. Các hạng người kể trên cứ theo thứ bậc trao cho quan chức để cai trị dân, cai quản quân đội. Từ đó, trăm quan tài năng xứng đáng với chức vụ, không có người thừa hoặc người vô dụng.

Lời phê⁶ - Có lẽ nào đã là người nhiều tuổi, thuần cần, thông hiểu việc xưa việc nay, mà lại không thông chữ nghĩa bao giờ, mà hạng gọi là văn học tài cán là hạng thế nào? Chia bậc phân hạng như vậy, nghĩ cũng tức cười! Thế mà bảo rằng trăm quan xứng chức, không có người thừa hoặc người vô dụng, cũng là lời quá đáng.

Tháng 6, mùa hạ. Hai mặt trời cùng xuất hiện một lúc.**Thái úy Tô Hiến Thành mất.**

¹ Tang Lý Anh Tông. Theo lễ giáo phong kiến, khi vua mất, thần dân cả nước đều phải để tang, nên gọi là "quốc tang".

² Vua nối ngôi, chỉ Lý Cao Tông.

³ Chỉ Tô Hiến Thành.

⁴ Bậc cố mệnh vâng mệnh lệnh nhận lãnh tờ chiếu của vua để lại khi vua sắp mất.

⁵ Chỉ Chiêu Linh thái hậu.

⁶ Về việc xét công trạng các quan lại.

Hiển Thành là bậc đại thần gánh vác việc nước, trong nước bấy giờ chỉ trông cậy vào ông mới được vững vàng. Đến đây, ông mất, nhà vua bớt thức ăn ba ngày, nghỉ lễ thiết triều sáu ngày. Trước đây, Hiển Thành bị bệnh, Tham tri chính sự¹ Vũ Tán Đường ngày đêm săn sóc ở bên, còn Giám nghị đại phu² Trần Trung Tá thì không có mặt ở đấy vì bấy giờ bận việc khác. Kịp lúc ông đau nặng, thái hậu đến thăm, hỏi ai có thể lên thay làm tướng quốc. Hiển Thành đáp: "Trần Trung Tá có thể làm được". Thái hậu nói: "Tán Đường ngày hầu thuốc thang, sao ông không nói đến?". Hiển Thành thưa: "Bệ hạ hỏi người có thể thay tôi, nên tôi mới cử Trần Trung Tá; nếu hỏi người săn sóc nuôi dưỡng tôi thì không phải Tán Đường thì còn ai nữa?". Thái hậu khen Hiển Thành là trung, nhưng cuối cùng vẫn không làm theo lời của Hiển Thành.

Lời phê³ - Sau Gia cát Vũ hầu, chỉ có một người ấy thôi.

Dùng cật là Đỗ An Di làm Phụ chính.

Quy định thể lệ cấm việc mua bán muối và sắt.

Muối, mấm và đồ sắt không được đem lên trao đổi ở miền ngọn nguồn.

Canh Tí, năm thứ 5 (1180). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 7).

Tháng 8, mùa thu. Có nạn nước lớn.

Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên và Hội Tiên.

Tân Sửu, năm thứ 6 (1181). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh hoặc⁴ phạm vào phạm sao Nam đầu.

Lời chua - Nam đầu: Theo Tinh kinh, chòm Nam đầu có 6 vì sao, hình trạng như sao Bắc đầu, ở về phía đông nam sao Thiên thị. Phần "khảo yếu" sách ấy chép rằng: vì sao này cứ đến khoảng mùa hạ và mùa thu, mọc ở phương nam, nên gọi là Nam đầu.

Đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 7 (1182). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu cầu người hiền lương.

Cho Lý Kính Tu hiệu là đế sư⁵.

Kính Tu trong thì hầu vua ở nơi màn trướng, ngoài thì dạy dân theo đạo trung hiếu. Từ đó, Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm tính chuyện phế lập nữa.

Lời chua - Kính Tu: Người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm⁶, nguyên họ Đỗ, được ban quốc tính⁷, cuối đời Lý Anh Tông, từng giữ chức Bình tào, cùng với Hiển Thành cùng làm Phụ chính, đến đây được hiệu là đế sư.

Nước Tiêm đến tiến cống.

Lời chua - Nước Tiêm (Tiêm quốc): Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 33-34).

¹ Chức quan đứng hàng thứ hai ở trong triều, dưới Tể tướng.

² Chức quan đứng hàng thứ hai ở đài Ngự sử, có nhiệm vụ bàn bạc, can gián nhà vua.

³ Về Tô Hiến Thành.

⁴ Một tên khác của Hỏa tinh.

⁵ Thầy của vua.

⁶ Nay thuộc xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁷ Họ được đặt theo họ của nhà vua, tùy từng triều đại, như đời Lý thì Lý là quốc tính. Đó vì theo chế độ quân chủ chuyên chế, "vua tức là nước", nên gọi họ của vua là "quốc tính".

Quý Mão, năm thứ 8 (1183). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Ngô Lý Tín đi đánh Ai Lao.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9).

Mông 1, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 9 (1184). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 11).

Ất Tị, năm thứ 10 (1185). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Thi các sĩ tử để sung vào hầu vua học tập.

Thi các học trò, trạc 15 tuổi, người nào thông hiểu Thi, Thư, sung vào tòa Kinh diên, hầu vua học tập. Bọn Bùi Quốc Khái và Đặng Nghiêm 30 người trúng tuyển.

Lời chua - Quốc Khái: Người làng Bình Lăng, huyện Cẩm Giàng¹.

Đặng Nghiêm: Người làng An Để, huyện Thư Trì².

Bính Ngọ, năm Thiên tư gia thụ thứ 1 (1186). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ nhà Tống sang.

Hồi đầu triều Lý Anh Tông, nhà Tống sai sứ sang sách phong, còn theo lối cũ: trước phong là Quận vương, rồi phong là Nam Bình vương, mãi sau mới có sắc mệnh phong là Quốc vương. Đến đây, sứ Tống sang sách phong ngay làm An Nam quốc vương. Bài chế văn đại lược nói: "Ngay lúc bắt đầu phong cho thống trị một nước yên vui, đã được theo thể lệ cha truyền con nối; bây giờ ban sắc mệnh thực thụ ngay trước vua có cần gì phải đợi theo dần từng bậc mà thăng lên?". Lễ này có lẽ do nhà Tống đối đãi với nhà Lý một cách đặc biệt.

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ sang nhà Tống.

Sai Lê Hòe Khanh đem sản vật địa phương sang biểu nhà Tống.

Bấy giờ bắt được con voi trắng, nhà vua cho là điềm tốt, đặt tên cho nó là Thiên tư; nhân thế đổi niên hiệu mới.

Lời phê³ - Noi theo cái thói lừa dối: đáng khinh bỉ cả!

Đinh Mùi, năm thứ 2 (1187). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Sét đánh nhà Thái miếu.

Mậu Thân, năm thứ 3 (1188). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 15).

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán.

Nhà vua đến chùa Pháp Vân, chính mình làm lễ đảo vũ. Lại rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về chùa Báo Thiên để cầu đảo.

Nhà vua đi chơi khắp các núi sông, ngự giá đến đâu đều ban phong hiệu cho thần linh ở đó, và cho dân lập miếu thờ.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chb. III, 32).

Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thái bình thứ 3 (Chb. III, 22).

¹ Nay là thôn Thu Lăng, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

² Nay là xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

³ Về việc điềm lành và đổi niên hiệu.

Tháng 6. Động đất.**Gió bão to.****Mông một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.****Đỗ An Di mất, dùng Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.****Kỷ Dậu, năm thứ 4 (1189). (Tổng, năm Thuần Hi thứ 16).****Mông một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực. Mặt trời, mặt trăng sắc đỏ như tiết.****Động đất.****Canh Tuất, năm thứ 5 (1190). (Tổng Quang Tông, năm Thiệu Hi thứ 1).****Tháng giêng, mùa xuân. Hoàng thái hậu Đỗ Thị mất.****Tân Hợi, năm thứ 6 (1191). (Tổng, năm Thiệu Hi thứ 2).****Tháng 11, mùa đông. Sao Huỳnh hoặc¹ phạm vào phận sao Thái bạch.****Nhâm Tí, năm thứ 7 (1192). (Tổng, năm Thiệu Hi thứ 3).****Tháng 6, mùa hạ. Động đất.****Tháng 7, mùa thu. Sét đánh điện Vĩnh Ninh.****Người giáp Cổ Hoảng, Thanh Hóa làm loạn. Dẹp yên được.**

Trước đây, người giáp Cổ Hoảng thấy vết chân trâu ở trên cây muỗm (amla). Lê Văn, người trong giáp, xem bói đoán rằng: "Con trâu là vật ở dưới, bây giờ lại ở trên cây, đó là cái điềm người dưới lên ở trên". Do đó, họ cùng nhau mưu làm loạn; đến đây, dẹp yên được.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-21).

Cổ Hoảng: Tên một giáp. Nhà Đinh, nhà Lê gọi là Cổ Hoảng; nhà Lý đổi là Cổ Đằng; nhà Trần đặt làm huyện; nhà Lê đổi làm huyện Hoảng Hóa, tức là huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa bây giờ.

Amla: Theo Thanh Nhất thống chí, đất An Nam có sản cây am la, tục gọi là cây "bương cái" (ta gọi cây muỗm), quả nó như quả lê tàu (bắc lê), chín vào mùa tháng 4, tháng 5.

Khởi sâu sông Tô Lịch.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31-32).

Quý Sửu, năm thứ 8 (1193). (Tổng, năm Thiệu Hi thứ 4).**Giáp Dần, năm thứ 9 (1194). (Tổng, năm Thiệu Hi thứ 5).****Tháng 7, mùa thu. Sách lập nguyên phi Đàm Thị làm An toàn hoàng hậu. Đại xá.**

Sinh con trai là Sảm, nguyên phi được sách lập làm hoàng hậu. Đại xá cả nước; ban cho kỳ lão, hạng 70 tuổi trở lên, mỗi người một tấm lụa; ban tiệc ăn uống ba ngày.

Lời chua - Đàm Thị: Con gái tướng quân Đàm Phụng, năm Trinh Phù thứ 11 được sách lập làm Nguyên phi.

Tháng 10, mùa đông. Mưa đá, có tảng lớn bằng đầu ngựa.

¹ Xem chú giải ở Chb. V, 21.

Đóng thuyền Thiên Long.

Trước kia, đã đóng thuyền Ngoạn Dao, đến đây đóng thuyền Thiên Long dùng để đi chơi.

Ất Mão, năm thứ 10 (1195). (Tổng, Ninh Tông, năm Khánh Nguyên thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Động đất.

Sét đánh các Ly Minh.

Bắt đầu thi tam giáo.

Đem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân¹.

Bính Thìn, năm thứ 11 (1196). (Tổng, năm Khánh Nguyên thứ 2).

Đinh Tị, năm thứ 12 (1197). (Tổng, năm Khánh Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán.

Làm cung Nghênh Thiêm.

Mậu Ngọ, năm thứ 13 (1198). (Tổng, năm Khánh Nguyên thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Xuống chiếu sa thải các thầy chùa.

Theo lời tâu của Đàm Dĩ Mông.

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Bọn Ngô Công Lý ở Diễn Châu và Đinh Khả, Bùi Đô ở Đại Hoàng nổi loạn. Nhà vua xuống chiếu sai người đi đánh dẹp.

Ngô Công Lý, người làng Cao Xá thuộc Diễn Châu, chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với bọn Đinh Khả và Bùi Đô, người châu Đại Hoàng, đồng thời nổi loạn. Khả tự xưng là con cháu Đinh Tiên Hoàng, trương thanh thế để dụ tiểu dân, nhiều người nghe theo. Nhà vua xuống chiếu cho xuất quân đi đánh.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Cao Xá: Bây giờ là xã Cao Xá, huyện Đông Thành².

Đại Hoàng: Xem Đinh Tiên Hoàng năm thứ 1 (Chb. I, 2).

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1199). (Tổng, năm Khánh Nguyên thứ 5).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn nước to.

Đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang phong vương cho vua nước Chiêm Thành.

Trước đó, sứ Chiêm Thành sang cầu phong; đến đây, nhà vua đi Thanh Hóa, nhân tiện sai sứ sang tặn nơi phong vương cho Chiêm Thành.

Canh Thân, năm thứ 5 (1200). (Tổng, năm Khánh Nguyên thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem thóc phát chẩn cho dân nghèo.

Tháng 7, mùa thu. Chiêu Linh thái hậu mất.

Tân Dậu, năm thứ 6 (1201). (Tổng, năm Gia Thái thứ 1).

Nhâm Tuất, năm Thiên gia bảo hựu thứ 1 (1202). (Tổng, năm Gia Thái thứ 2).

¹ Ra làm quan.

² Thuộc Nghệ An.

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.**Tháng 8, mùa thu. Đặt ra nhạc khúc Chiêm Thành.**

Sai nhạc công đặt ra nhạc khúc gọi là "Chiêm Thành âm". Nhạc khúc này giọng sầu oán não nùng, ai nghe cũng rỏ nước mắt. Nhà sư Nguyễn Thường nói rằng: "Tôi nghe nói: thanh âm của nước loạn thì ai oán giận hờn. Nay chúa thượng rong chơi vô độ, kỷ cương triều đình rối ren, lòng dân ngày một ly tán. Tiếng nhạc ai oán làm não lòng người! Đó là triệu chứng bại vong".

Lời phê - Dùng người không xứng đáng, chính sự ngày một quấy; muốn không bại vong, còn đợi nổi gì? Chứ không phải tại việc đặt ra Chiêm Thành nhạc khúc.

Quý Hợi, năm thứ 2 (1203). (Tổng, năm Gia Thái thứ 3).**Tháng 2, mùa xuân. Kiến thiết rất nhiều cung điện.**

Bấy giờ đem công sức của dân ném hết vào việc thổ mộc: cung điện này chưa xong đã làm luôn cung điện khác. Gác Kính Thiên sắp làm xong, thì có con chim bồ các đến làm tổ. Các bầy tôi đều nói: "Xưa Ngụy Minh đế¹ làm gác Lăng tiêu, có chim bồ các đến làm tổ; Cao Đường Long có nói về việc "Bồ các làm tổ, tu hú đến ở". Bây giờ trên gác có chim bồ các đến làm tổ, chúng tôi sợ một ngày kia, chắc sẽ có người họ khác đến ở đây. Vậy xin bệ hạ nên nghĩ đến lời nói của Cao Đường Long. Trước hết cần phải tu đức, thì may cho thiên hạ lắm". Nhưng nhà vua riêng nghe lời nói của hoạn quan Phạm Bình Di, đốc giục thợ làm càng gấp rút. Trăm họ bị khổ sở vì việc này.

Lời chua - Bồ các: Hán văn là "thước". Sách Bản thảo chép rằng: Chim bồ các làm tổ, quay lưng về phương có sao Thái tuế mà hướng mặt về phương có sao Thái Ất. Khi nó biết rằng năm sau có nhiều gió bão thì tắt làm tổ thấp xuống.

Tháng 7, mùa thu. Tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và Châu mục là Phạm Diên định mưu đánh úp Bồ Trì, người Chiêm Thành, nhưng bị nó giết chết.

Bồ Trì, người Chiêm Thành, đỗ thuyền ở biển Cơ La, nói dối rằng bị người chú là Bồ Điền đuổi, nên đem cả vợ con đến đây cầu xin cứu giúp. Bọn Thanh, Diên tưởng thực, đem việc ấy tâu lên triều đình. Nhà vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu lý việc ấy. Khi hai người sắp đến cửa Cơ La, Đỗ An nói: "Nó đem quân đến đây, bình tình thế nào, biết đâu mà tin được. Ngạn ngữ có câu: "Tổ kiến làm vỡ đê, tàn lửa đốt cháy nhà", ngày nay Bồ Trì có phải chỉ là tổ kiến và tàn lửa thôi đâu!". Dĩ Mông đem lời đó nói với Thanh, Diên và bảo phải phòng bị trước. Bọn Đỗ Thanh nói: "Nó bị nạn, đến đây cầu cứu, lại còn nghi gì?". Dĩ Mông giận lắm, rút quân về. Thanh, Diên bấy giờ mới đem lòng ngờ vực Bồ Trì và ăn năn về việc không nghe Đỗ An. Họ bèn định mưu đánh úp Bồ Trì để gỡ lấy mình; mưu tiết lộ, bị địch giết chết. Dân Nghệ An kinh sợ, tan vỡ, chết mất không biết bao nhiêu mà kể. Bồ Trì tha hồ cướp bóc rồi rút về.

Lời chua - Cửa biển Cơ La: Tức là cửa Nhưộng thuộc huyện Kỳ Anh bây giờ².

Tháng 9. Người châu Đại Hoàng là Phí Lang và Bảo Lương nổi loạn. Nhà vua sai Chi hậu³ Trần Lệnh Hinh và Thượng thư⁴ Từ Anh Nhị đi đánh, không thắng được, đều bị chết.

Trước kia, Phí Lang và Bảo Lương đến cửa cung khuyết, dâng thư nói về việc Đàm Dĩ Mông một nước, hại dân. Dĩ Mông nổi giận, đem bọn ấy phạt đánh bằng roi. Vì thế bọn Phí Lang đem lòng căm phẫn, bèn nổi loạn. Nhà vua dùng Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh, lại sai Từ Anh Nhị đem người Thanh Hóa kế tiếp ra trận, đánh nhau với Phí Lang ở lộ Bồ Giang: Quan quân thua trận, Lệnh Hinh và Anh Nhị đều bị chết cả.

¹ Tào Duệ, con Tào Phi, làm vua từ năm 226 đến 240.

² Theo Đại Nam nhất thống chí, quyển 13, tờ 27, cửa Nhưộng ở xã Nhưộng bạn về phía nam huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

³ Quan phụ trách việc truyền lệnh và dẫn người ra vào trong cung.

⁴ Chức quan đứng đầu một bộ trong sáu bộ thời xưa, tương đương với Bộ trưởng bây giờ.

Lời chua - Lộ Bồ Giang; Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư, Lộ Bồ Giang thuộc về địa phận huyện Ý Yên¹, bây giờ chưa tường đích xác ở chỗ nào.

Giáp Tí, năm thứ 3 (1204). (Tổng, năm Gia Thái thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lý Kính Tu đi đánh châu Đại Hoàng, không hạ được.

Ất Sửu, năm Trị bình long ứng thứ 1 (1205). (Tổng, năm Khai Hi thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Quân Thổ mán nhà Tống sang cướp ở vùng biên giới.

Thổ mán sang cướp ở vùng biên giới; quan quân lên đánh, nhân dân nhọc mệt vì phục dịch. Bấy giờ nhà vua vẫn cứ tiến hành mọi việc thổ mộc không ngừng, nghe nói ngoài thành có giặc cướp, cũng giả vờ làm ngơ để bụng bít đi, chỉ ham thích của cải. Các bầy tôi đều bắt chước, tranh nhau bán quan buôn ngục, ngoài ra không còn nghĩ đến việc gì.

Nhà vua có tính sợ sấm sét, động nghe có tiếng sấm sét thì kinh hãi. Kẻ tôi cứng là Nguyễn Dư nói mình có phép ngăn cấm sấm sét. Gặp khi có sấm ừ ừ, nhà vua sai hăn làm phép ngăn cấm; Nguyễn Dư ngửa cổ lên trời đọc thần chú, sấm sét lại càng dữ thêm. Nhà vua trách hỏi; Nguyễn Dư đáp: "Tôi răn cấm lâu rồi, trời đã cao mà sấm sét còn dữ dội đến thế". Bấy giờ nhà vua trong thì yêu vợ cứng, ngoài thì tin tôi nịnh, hàng ngày chăm sự vui chơi, không nghĩ gì đến việc nước. Do đó, giặc cướp nổi lên như ong, không sao còn trị nổi, rồi đến mất nước.

Bính Dần, năm thứ 2 (1206). (Tổng, năm Khai Hi thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Dùng Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo.

Dĩ Mông đã làm đến Thái phó, đến đây, lại thăng lên Thái bảo, đội mũ cùng thần.

Lời chua - Mũ cùng thần: Kiểu mũ thế nào chưa rõ.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1207). (Tổng, năm Khai Hi thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Bấy giờ cướp nổi lên như ong. Nhà vua xuống chiếu tuyển trong nam đình lấy những người khỏe mạnh sung vào quân đội, đặt dưới quyền cai quản của quan các lộ để đi dẹp giặc.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1208). (Tổng, năm Gia Định thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Sảm làm Thái tử.

Đói to.

Phạm Du, tri Nghệ An quân, làm phản. Nhà vua sai hoạn quan Phụng ngự² Phạm Bình Di đi đánh.

Phạm Du ở Nghệ An, chiêu nạp những kẻ vong mạng, chia nhau đi cướp bóc các nơi; vì thế đường sá đi lại không được thông đồng. Nhà vua sai Bình Di đem quân người Đăng Châu và Khoái Châu đi đánh.

Lời chua - Phụng ngự: Tên chức quan.

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Đăng Châu: Xem thuộc Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb. V, 30).

Khoái Châu: Nguyên là đất Đăng Châu; nhà Lý chia làm Khoái Châu; nhà Trần gọi là Khoái Lộ, nhà Lê gọi là Khoái Châu, tức là phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

¹ Ý Yên nay thuộc tỉnh Nam Định.

² Một chức quan ở điện Trung sảnh, có ba phẩm là thượng, trung, hạ. Có nhiệm vụ giữ chính lệnh và các điển chương nghi thức của triều đình và Thiên tử.

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1209). (Tổng, năm Gia Định thứ 2).

Tháng 7, mùa thu. Giết Thượng phẩm Phụng ngự Phạm Bình Di. Quách Bốc, bộ tướng của Bình Di, nổi loạn. Nhà vua lánh đi Quy Hóa giang.

Bấy giờ Bình Di tiến quân đánh Phạm Du. Du thua, chạy sang Hồng Châu. Bình Di tịch thu nhà của Du rồi đốt hết cả. Phạm Du mới ngầm sai người đến kinh đô đem vàng đúc lót cho người trong nội, nói rõ Bình Di tàn khốc, giết hại những người vô tội. Du lại kể lể nỗi oan của mình, xin về kinh đô để đợi chịu tội. Nhà vua tin lời, cho đòi Du và vớ Bình Di đem quân về. Bình Di về tới kinh, toan vào tâu bày, thì có người ngăn lại, bảo: "Lời của Phạm Du đã lọt vào trước, nhà vua còn chưa nguôi giận!". Bình Di nói: "Ta đây thờ vua hết lòng trung thành, lại bị tên giặc gian ác nó gièm pha ư? Huống chi, lại có mạng lệnh vua vớ, ta còn trốn tránh đi đâu?". Thế rồi Bình Di cứ vào chầu. Nhà vua sai bắt luôn, rồi giam cả vớ con là Phụ tại nhà Thủy viện, toan đem giết chết.

Bộ tướng của Bình Di là bọn Quách Bốc hay tin ấy, đem quân reo hò kéo vào, xông đến cửa thành, bị kẻ canh cổng cản lại. Chúng phá cửa mà vào. Nhà vua thấy động, kíp sai đem cha con Bình Di đến thềm Kinh tinh đâm chết, rồi cùng Thái tử chạy trốn. Bọn Quách Bốc xông vào, lấy chiếc chiếu của vua bó xác Bình Di và lấy xe của vua chở xác Bình Di, vượt qua cửa thành, rút ra bến Đông bộ đầu; rồi lại quay vào cung Vạn Diên, lập con thứ vua là Thầm lên làm hoàng đế. Bọn Đàm Dĩ Mông và Nguyễn Chính Lại đều nhận chức ngự quan cả.

Lời chua - Quy Hóa giang: Còn một tên khác là Thao Giang, ở về phía bắc huyện Tam Nông, tỉnh Hưng Hóa.

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Đông bộ đầu: Tức là bến Đông tân sông Nhị Hà bây giờ.

Bình Di: Hoạn quan mà có con. Sử cũ ghi chép không tường tận.

Thái tử Sảm lấy con gái Trần Lý; tự phong tước Minh tự cho Trần Lý và bổ Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Thái tử đi đến thôn Lưu Gia ở Hải ấp, gặp con gái Trần Lý, lấy làm vợ. Nhà Trần Lý làm nghề đánh cá, trở nên giàu có, được nhiều người theo; do đấy có quân gia, lúc ấy cũng nổi lên làm giặc. Khi đã lấy con gái Trần Lý, Thái tử phong cho Trần Lý tước Minh tự, bổ cậu vợ là Tô Trung Từ làm Chỉ huy sứ. Anh em họ Trần mới chiêu tập quân hương dưng dẹp yên đảng loạn, rước nhà vua ở Quy Hóa về cung.

Lời chua - Minh tự: Tên tước phong. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 11 (Chb. V, 4).

Thôn Lưu Gia: Bây giờ là xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhân¹.

Trần Lý: Người làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông năm Kiến Trung thứ 2 (Chb. VI, 4).

Tô Trung Từ: Người thôn Lưu Gia.

Nhà vua trở về cung.

Ngự giá hoàn cung. Nhà vua dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội tùy theo nặng nhẹ có sai biệt. Rồi sai Phụng ngự Đỗ Quảng đi thôn Lưu Gia, đón Thái tử về kinh đô.

Bấy giờ Đàm Dĩ Mông vẫn tại chức như cũ. Đỗ Anh Triệt kể tội hấn rằng: "Người làm đại thần, đem lòng vô quân¹, nhận quan tước của giặc, nay lại ngang hàng với ta! Ta đây dầu bất tài, nhưng còn mặt mũi nào đối nhìn nhau nữa!". Dĩ Mông thẹn và sợ, phải lui ra.

¹ Nay thuộc xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Lời chầu - Đỗ Anh Triệt: **Làm chức gì không rõ.**

Canh Ngọ, năm thứ 6 (1210). (Tổng, năm Gia Định thứ 3).

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc.

Tháng 10, mùa đông. Lý Cao Tông mất.

Trước đó, nhà vua bị bệnh, vời Lý Kính Tu vào giao cho mệnh lệnh lãnh di chiếu; đến đây, mất ở cung Thánh thọ, miếu hiệu là Cao tông, ở ngôi 35 năm thọ 38 tuổi.

Lời phê - Sự nghiệp của Lý Kính Tu như thế, vậy mà gọi là "thầy vua"², chẳng qua chỉ có danh hão đấy thôi³.

Thái tử Sảm lên ngôi (tức Lý Huệ Tông).

Tôn mẹ là An Toàn hoàng hậu làm Thái hậu.

Bấy giờ nhà vua mới 16 tuổi. Hoàng thái hậu cùng giúp xét xử chính sự.

Tân Mùi (1211) Lý Huệ Tông hoàng đế, năm Kiến Gia thứ 1 (Tổng, năm Gia Định thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Sách lập Trần Thị là Nguyên phi; dùng cậu nguyên phi là Tô Trung Từ làm Thái úy Phụ chính; phong anh Nguyên phi là Trần Tự Khánh làm Chương Tín hầu.

Trước đây, lúc thái tử Sảm ở thôn Lưu Gia trở về kinh đô, thì Trần Thị về ở nhà bố đẻ. Khi lên ngôi rồi, cho thuyền đi đón, nhưng Trần Thị chưa đi ngay; đến đây, sai Trung Từ và Phụng ngự Phạm Bồ đón về cung, sách lập làm nguyên phi. Bấy giờ Trần Lý bị giặc giết chết, con thứ 2 là Tự Khánh lên thay, cai quản quân gia. Nhà vua phong tước hầu cho Tự Khánh và dùng Tô Trung Từ làm Thái úy, phong Thuận Lưu bá.

Nhâm Thân, năm thứ 2 (1212). (Tổng, năm Gia Định thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Đoàn Thượng giữ Hồng Châu để làm phản.

Nhà vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người vô học, không có mưu thuật. Chính sự ngày một đổ nát, đói kém xảy ra luôn luôn! Nhân dân cùng quần khổ, giặc cướp nổi lên lung tung. Nhà vua sai Đoàn Thượng chiêu mộ dân vùng Hồng Châu để đi tuần tiễu bắt bớ. Đoàn Thượng nhân dịp ấy, tự tiện làm uy làm phúc, không ai dám nói gì. Đến khi tội ác của Thượng dần dần rõ rệt, bị các quan đàn hạch và tống ngục để xét hỏi, Đoàn Thượng tốt gươm, khóa thân chạy về Hồng Châu, tụ họp đồ đảng, đắp thành lũy, xưng vương, nghiêm nhiên thành một nước đối địch.

Lời chầu - Đoàn Thượng: **Người làng Thung Độ, huyện Gia Lộc⁴.**

Quý Dậu, năm thứ 3 (1213). (Tổng, năm Gia Định thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Trần Tự Khánh đem quân phạm vào cửa cung khuyết.

Giáp Tuất, năm thứ 4 (1214). (Tổng, năm Gia Định thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua lánh đi Lạng Châu.

Bấy giờ Tự Khánh thấy nguyên phi Trần Thị bị Thái hậu hành hạ khổ sở, bèn đem quân phạm cửa cung khuyết, xin đón ngự giá. Nhà vua đem lòng nghi ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo để đuổi

¹ Không biết có vua.

² Xem thêm **Cương mục Chính biên** quyển V tờ 22 về việc Lý Cao Tông phong hiệu cho Kính Tu là đế sư.

³ Lời phê này có ý chê Lý Kính Tu nhận di chiếu của Cao Tông giúp Huệ Tông, mà không giúp đỡ được việc gì đáng khen để cho Huệ Tông làm nhiều điều không chính đáng, rồi cơ nghiệp nhà Lý phải tan, thì Lý Kính Tu không xứng đáng với cái danh hiệu "đế sư"; nhưng câu văn viết không được rõ.

⁴ Thuộc Hải Dương.

bắt Tự Khánh, truất Trần Thị xuống làm ngự nữ. Hay tin đó, Tự Khánh thân đến cửa quân tạ tội, xin đón ngự giá. Nhà vua lại càng ngờ vực, vội rước thái hậu đi Lạng Châu. Tự Khánh lại đem quân đến, xin đón như trước. Nhà vua cũng vẫn chưa tin, lại rước Thái hậu đi huyện Bình Hợp.

Lời chua - Lạng Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 17).

Huyện Bình Hợp: Không khảo được.

Ất Hợi, năm thứ 5 (1215). (Tổng, năm Gia Định thứ 8).

Bính Tí, năm thứ 6 (1216). (Tổng, năm Gia Định thứ 9).

Tháng 12, mùa đông. Lập Trần Thị làm hoàng hậu. Dùng anh hoàng hậu là Tự Khánh làm Thái úy và Trần Thừa làm Nội thị phán thủ¹.

Trước đây, nhà vua sách lập Trần Thị làm Thuận Trinh phu nhân. Thấy Tự Khánh là người phản trắc, Thái hậu nhiều lần chỉ vạch phu nhân là bè đảng của giặc, khuyên nhà vua ruồng bỏ, nhưng nhà vua không nghe. Thái hậu bắt phu nhân phải tự sát, nhưng nhà vua ngăn cản lại. Thái hậu lại bỏ thuốc độc vào các món ăn, thức uống của phu nhân. Cứ mỗi bữa ăn, nhà vua lại chia sẻ cho phu nhân một nửa và cho cùng ở chung, chứ không để rời khỏi bên mình. Rồi đang đêm, nhà vua cùng với phu nhân vi hành lén đi; đến sáng, vào trú tại nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện An Duyên. Nhân bấy giờ Tự Khánh sai bộ tướng Vương Lê đem chu su² đến đón, nhà vua mới đóng ở Cú Liên châu³, vời Tự Khánh đến châu. Đến đây, lập Trần Thị làm hoàng hậu, dùng Tự Khánh làm Phụ chính, lại bổ Trần Thừa, là anh của Trần Tự Khánh, làm Nội thị phán thủ. Bấy giờ Tự Khánh và Thượng tướng quân Phan Lân điều động bổ sung quân đội, chế tạo chiến cụ, rèn tập võ nghệ; thanh thế quân đội mới hơi phần chấn.

Lời chua - An Duyên và Cú Liên châu: nay không khảo được.

Nhà vua có chứng điên.

Nhà vua bị trúng gió, thuốc chữa không công hiệu, từ đó dần dần sinh chứng cuồng dịch: khi thì xưng là thiên tướng giáng hạ, tay cầm giáo và mộc, trên búi tóc cắm lá cờ nhỏ, đùa giỡn múa may suốt ngày; khi thì toát mồ hôi, trong người ráo khát, uống rượu say, ngủ li bì đến mãi hôm sau mới tỉnh, không làm việc được; phải giao hết cả chính sự cho Trần Tự Khánh. Quyền bính trong nước về cả tay họ Trần.

Lời chua - Cuồng dịch: Sách Thông giám cương mục (Trung Quốc) chép rằng: Hán Ai đế năm Kiến Bình thứ 1, Trung Sơn vương, tên là Cơ, vốn có chứng cuồng dịch, khi bệnh phát ra. Cơ về miền Tây nghỉ. Cuồng dịch là bệnh cuồng, đối khác cả tính tình.

Đinh Sửu, năm thứ 7 (1217). (Tổng, năm Gia Định thứ 10).

Mậu Dần, năm thứ 8 (1218). (Tổng, năm Gia Định thứ 11).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Sao chổi mọc ở phía tây nam.

Tháng 10, mùa đông. Người Mán ở châu Quảng Oai làm phản. Trần Tự Khánh đi đánh, không dẹp được.

Lời chua - Quảng Oai: Xưa là đất quận Giao Chỉ; nhà Lý gọi là châu Quảng Oai, nhà Trần đặt làm trấn, khi thuộc Minh đổi làm châu; nhà Lê đặt làm phủ, tức là phủ Quảng Oai tỉnh Sơn Tây bây giờ.

¹ Một chức quan ở Nội thị sảnh, giữ chức hầu hạ trong cung, vâng tuyên chế lệnh.

² Quân thủy, sử dụng thuyền chiến.

³ Về địa điểm Cú Liên này, sử Cương mục chép là "Cú Liên châu" và in chữ "châu" là châu quận; nhưng Toàn thư quyển 4, tờ 29b và Đại Việt sử ký quyển 4 tờ 41b đều in chữ "châu" có chấm thủy bên, nghĩa là "bãi sông". Vậy có thể nói Cú Liên chỉ là tên một cái bãi ở bên sông.

Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp châu Nghệ An. Lý Bất Nhiễm đánh bại được quân địch.

Bất Nhiễm giữ chức bá trưởng châu Nghệ An. Năm Kiến Gia thứ 6 (1216), Chiêm Thành và Chân Lạp vào cướp, Bất Nhiễm đã đánh bại rồi; đến đây lại đánh được lần nữa. Vì có công như thế, Bất Nhiễm được phong tước hầu, ban thái ấp, được hưởng lộc đúng với thực số 1500 hộ.

Lời chua - Chiêm Thành: Túc Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục để, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-22).

Chân Lạp: Xem thuộc Đường, Tuyên Tông, năm Đại Trung thứ 12 (Tb. IV, 39).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-23).

Kỷ Mão, năm thứ 9 (1219). (Tổng, năm Gia Định thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 10 (1220). (Tổng, năm Gia Định thứ 13).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Nộn giữ làng Phù Đổng¹, tự xưng là Hoài Đạo vương.

Nộn là cư sĩ chùa Phù Đổng, vì bắt được vàng và ngọc, không đem dâng triều đình, nên nhà vua hạ chiếu cho bắt. Tự Khánh xin cho Nguyễn Nộn tòng quân đánh giặc để chuộc tội; nhà vua ưng thuận, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh Mán Quảng Oai. Đến đây, Nguyễn Nộn tự xưng vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp giặc để chuộc tội; nhà vua sai người đem sắc đến dụ bảo Nộn.

Lời chua - Phù Đổng: Tên làng. Nay là xã Phù Đổng, huyện Tiên Du².

Nguyễn Nộn: Người làng Phù Minh, huyện Tiên Du³.

Tân Tị, năm thứ 11 (1221). (Tổng, năm Gia Định thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 12 (1222). (Tổng, năm Gia Định thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chế tạo binh khí và thuyền chiến.

Quý Mùi, năm thứ 13 (1223). (Tổng, năm Gia Định thứ 16).

Tháng 10, mùa đông. Hạng hán. Hoàng trùng.

Tháng 12, Trần Tự Khánh mất. Dùng anh Hoàng hậu là Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy.

Lời chua - Phụ quốc Thái úy: Theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi, viên quan đứng đầu hàng các quan của An Nam gọi là Phụ quốc thái úy, cũng như Tế tướng vậy.

Giáp Thân, năm thứ 14 (1224). Tháng 10 trở về sau, là triều Lý Chiêu Hoàng, niên hiệu Thiên Chương hữu đạo thứ 1. (Tổng, năm Gia Định thứ 17). Dùng em họ của Hoàng hậu là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Chứng bệnh nhà vua ngày càng nặng, thuốc chữa mãi cũng không công hiệu. Thủ độ quản lĩnh điện tiền chư quân hộ vệ cấm đình, xét xử tất cả mọi việc. Bấy giờ hoàng hậu Trần Thị sinh được hai công chúa. Công chúa thứ hai là Phật Kim, nhà vua yêu lắm, định lập làm con kế tự, bèn ban cho nàng 24 lộ trong nước để làm ấp thang mộc⁴.

¹ Tục gọi làng Gióng.

² Nay là thôn Phù Đổng thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Nay là thôn Phù Dực, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁴ Chữ "thang mộc" nghĩa đen làm gói tằm, nghĩa bóng là trai giới cho được thanh khiết. Cổ giả, thiên tử đem một khu đất ở gần kinh kỳ phong cho vua chư hầu, gọi là "thang mộc ấp". Mỗi khi vua chư hầu vào chầu thiên tử thì dùng khu đất ấy làm khu nghỉ ngơi và lấy hoa lợi đất ấy để dùng vào việc trai giới thanh khiết. Từ đời Hán về sau, thiên tử lấy cả đất xa ngoài kinh kỳ phong

Tháng 10, mùa đông. Lập con gái là Phật Kim làm Thái tử.

Nhà vua không khỏi bệnh, lại chưa có con trai thừa tự, trong cung duy có hai nàng công chúa: Con lớn là Thuận Thiên, con bé là Chiêu Thánh, đều do Trần Thị sinh ra. Hiện nay, Thuận Thiên đã lấy Trần Liễu, nên nhà vua lập Chiêu Thánh làm Thái tử.

Lời chua - Trần Liễu: Con cả của Trần Thừa.

Truyền ngôi cho con gái là Phật Kim, nhà vua ra ở chùa Chân Giáo.

Phật Kim bấy giờ mới 7 tuổi, lên nối ngôi, đổi niên hiệu. Bấy tôi dâng tôn hiệu là Chiêu Hoàng. Nhà vua ở ngôi 14 năm, rồi truyền cho Chiêu Hoàng, về sau, bị Trần Thủ Độ giết, thọ 33 tuổi.

Lời chua - Chùa Chân Giáo: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 15 (Chb. II, 24).

Ất Dậu (1225). (Lý Chiêu Hoàng, năm Thiên chương hữu đạo thứ 2 - Từ tháng 12 trở về sau là triều Trần Thái Tông hoàng đế, năm Kiến Trung thứ 1 - Tống, Lý Tông, năm Bảo Khánh thứ 1 - năm này nhà Lý mất).

Tháng 10, mùa đông. Dùng Trần Cảnh làm Nội thị chính thủ¹.

Chiêu Hoàng mới lên ngôi, Thái hậu Trần Thị cùng với em họ là Trần Thủ Độ ngày đêm bàn bạc mưu tính, xuống chiếu tuyển lựa con em các quan trong ngoài, sung làm nội sách dịch² thay phiên lên hầu. Thủ Độ thì tự nắm giữ các việc quân sự trong triều và ngoài lộ; dùng cháu họ là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục cục³ Chi hậu; Trần Thiêm làm Chi hậu cục⁴; Trần Cảnh làm Chính thủ⁵.

Lời chua - Trần Cảnh: Con thứ Trần Thừa và là cháu họ Thủ Độ.

Chính thủ: Tên chức quan. Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 16, đổi Hòa đầu làm Chính thủ.

Tháng 12. Nội thị chính thủ Trần Cảnh tự xưng Hoàng đế (tức là Trần Thái Tông).

Trần Cảnh lên 8 tuổi, đến phiên vào hầu, Chiêu Hoàng thấy Cảnh, đem lòng ưa thích, đêm đến, thường vờ vào hầu, nô nghịch cười đùa. Trần Cảnh đem việc đó mách bảo Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu quả vậy, thì họ ta sẽ là họ nhà vua hay là cả họ sẽ bị giết sạch?". Một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy cái khăn trầu⁶ ném cho Trần Cảnh. Trần Cảnh lấy, nhận lấy, rồi mách với Thủ Độ. Thủ Độ liền đem gia thuộc và họ hàng vào trong cung cấm, sai đóng các cửa thành lại. Trăm quan tiến triều không vào được. Thủ Độ nhân thế, loan báo cho mọi người: "Bệ hạ đã có chông rồi!". Các quan đều vâng lời và xin chọn ngày vào hầu để làm lễ yết kiến. Ngày 21 tháng 12, bấy tôi tiến triều, lay mừng. Nhà vua xuống chiếu, truyền ngôi cho Trần Cảnh.

Từ chiếu ấy đại lược thế này:

"Họ Lý ta vâng mệnh cao sáng từ trời, có cả bốn biển. Liệt thán⁷ kế tiếp làm vua hơn hai trăm năm, chẳng may gặp vận gian truân, giặc cướp nổi lên như ong, nhân dân không được yên ổn. Thượng

cho công thần, hoàng hậu và công chúa. Ai được phong thang mộc ấp ở nơi nào, thì có quyền sử dụng số thu nhập của ấp ấy chi phí vào mọi việc để bồi dưỡng lòng liêm khiết của mình.

¹ Tức Nội thị chánh thủ. Do chức Hòa đầu ở đời Thuận Thiên đổi sang. Ở đây là một chức quan ở Nội thị sảnh phụ trách một đội có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

² Người hầu cận trong nội để làm những việc vặt như lấy nước rửa mặt, cầm khăn trầu, v.v...

³ Đầu là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

⁴ Đầu là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

⁵ Đầu là các chức quan trong Nội thị sảnh, có nhiệm vụ hầu hạ nhà vua.

⁶ Ngày trước, ta thường dùng một mảnh vải vuông làm khăn đựng các đồ ăn trầu, cau, vò, ống vôi gọi là "khăn trầu".

⁷ Các vua Lý.

hoàng mắc bệnh, không người nối dõi, trăm phải vâng theo thánh chỉ, gượng gạo nối ngôi. Trẫm xét thấy ngôi báu rất là trọng đại mà trẫm là vua đàn bà, phải gánh vác lịch số do trời giao cho, riêng những nơm nớp lo sợ, như sắp sa xuống vực sâu. Nghĩ sao tìm được hiền nhân quân tử, để giúp đỡ về chính trị. Duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, uy nghi đường hoàng, thực có phong độ bậc quân tử, có thể nhường cho ngôi báu để chống đỡ trong buổi gian nguy. Vậy rất mong Trần Cảnh đồng lòng hợp sức, dẹp yên loạn lạc, cứu vớt sinh dân, để cùng hưởng phúc thái bình".

Trần Cảnh lên ngôi ở điện Thiên An, đổi niên hiệu; đại xá. Bầy tôi kính dâng tôn hiệu là Khai thiên lập cực chí nhân chương hiếu hoàng đế. Dùng Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, xếp đặt mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói: "Bây giờ giặc cướp đang đồng thời nổi dậy, tai họa và biến loạn ngày càng thêm nhiều: Đoàn Thượng còn giữ mặt Đông, Nguyễn Nộn đang chiếm mặt Bắc; giặc Quảng Oai và giặc Đại Hoàng cũng chưa dẹp yên. Bê hạ tuổi còn trẻ, chính sự chưa quan. Vả, đương buổi vận nước mới mở mang, lòng dân chưa thống nhất, tai vạ không phải nhỏ đâu. Tôi dẫu là chú, nhưng không biết chữ, mà lại còn phải đánh đông dẹp bắc để trị giặc cướp. Chi bằng mời Thánh phụ¹ quyền tạm coi giữ quốc chính, đợi một vài năm nữa nước nhà thống nhất, sẽ lại giao trả quyền chính cho vua, cùng hưởng phúc thẳng bình". Bầy tôi đều khen là phải. Bấy giờ Trần Thừa mới xưng là Thượng hoàng, tạm cầm chính quyền.

Lời phê - Thực là việc lạ, suốt nghìn xưa chưa hề có. Các triều đại Bắc phương chưa từng có chuyện được nước như vậy bao giờ. Kìa như họ Sài nối nhà Chu² đã là chuyện lạ, nhưng cũng chưa lạ đến như thế. Xem ra cũng chẳng qua như bọn Vương Mãng³ và Dương Kiên⁴ đó thôi. Dầu chẳng mượn danh nghĩa là "bệ hạ có chông", thiên hạ thế nào chắc cũng về tay họ Trần. Họ Trần lấy được nước, đều là nhờ công sức Thủ Độ, cũng như vua Thuận Trị nhà Thanh với Đa Nhĩ Cổn⁵, chứ Trần Thái Tông có gì đáng khen đâu? Cho nên nhà Trần không có miếu hiệu là Thái tổ. Cái cơ làm cho nhà Trần được hưởng nước lâu dài là nhờ công đức Thánh Tông và Nhân Tông đấy chẳng.

Đây trở lên, nhà Lý từ Thái Tổ năm Canh Tuất (1010) đến Huệ Tông năm Giáp Thân (1224) gồm tám đời vua, cộng với Chiêu Hoàng một năm, tất cả là 216 năm⁶.

¹ Cha của vua. Đây chỉ Trần Thừa.

² Người Long Cương, Sài Vinh là con người anh của Sài Thị, vợ Chu Thái Tổ, đời Ngũ đại (923-959); được làm con nuôi nhà vua, sau Sài Vinh lên nối ngôi Chu Thái Tổ, Vinh lâu thông kinh sử, có tài chính trị; khi cầm quyền rồi, lấy được Trần Lũng, dẹp yên Hoài Hữu, oai danh lừng lẫy khắp nơi. Vinh lại sửa lễ nhạc, đặt chế độ, có nhiều chính sách khả quan. Khi mất, miếu hiệu là Chu Thế Tông.

³ Vương Mãng là cháu Hiếu Nguyên hoàng hậu nhà Hán, sau giết Hán Bình đế, đưa Nhụ Tử Anh lên ngôi được hai năm, rồi cướp ngôi nhà Hán.

⁴ Dương Kiên thời Nam Bắc triều. Con gái Dương Kiên là hoàng hậu của Tuyên Đế nhà Hậu Chu (951-959). Sau khi Tuyên đế mất, Dương Kiên bỏ con Tuyên đế là Tĩnh đế, tự lập làm vua, tức là Tùy Văn đế.

⁵ Đa Nhĩ Cổn là chú ruột Thanh Thế tổ (Thuận Trị, 1644-1661), phá Lý Tự Thành, dẹp yên kinh đô, đón Thế tổ vào trong quan ải. Khi Thế tổ còn nhỏ, Đa Nhĩ Cổn phải tạm cầm chính quyền, xưng là nhiếp chính vương.

⁶ Nguyên văn sử Cương mục in là "tam bách thập lục niên" (316 năm). Thế là in lầm chữ "nhị" làm chữ "tam".

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ VI

Từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Mậu Ngọ (1258), Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 8, gồm 33 năm.

✱

Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông hoàng đế năm Kiến Trung thứ 2 (Tổng, năm Bảo Khánh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Sách phong Lý Chiêu Hoàng làm Chiêu thánh hoàng hậu.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư, giữ tất cả việc hành quân đánh dẹp trong nước.

Thủ Độ là chú họ nhà vua. Nhà Trần lấy được thiên hạ đều do mưu mô của Thủ Độ; khi nhà vua mới được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, đã phong Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, giữ việc cai trị thiên hạ, đến đây, lại hạ lệnh phong làm thái sư.

Giáng truất Thượng hoàng nhà Lý¹ làm Huệ Quang Đại sư.

Thượng hoàng nhà Lý đã truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, ra ở chùa Chân Giáo, do đấy Thủ Độ và vợ vua Huệ Tông mới tự tiện chuyên quyền, để ngấm chuyển dời ngôi vua nhà Lý. Đến đây, truất bỏ danh hiệu Thượng hoàng đi, cho làm thầy chùa.

Lời cần án - Lý Huệ Tông đã truyền ngôi cho con gái, liền ra ở chùa Chân Giáo. Về việc này, **Sử cũ** chép rằng truất ngôi, cho ra ở chùa Chân Giáo, sau lại chép dời đến ở chùa Chân Giáo, như thế có phần sai lầm, nay cải chính lại.

Tháng 2. Định ra luật lệnh.

Sai Trần Thủ Độ đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng, nhưng không thắng được.

Bấy giờ nhân triều Lý suy yếu, trộm giặc quần tụ, những người Mán trong núi thuộc Quảng Oai liên kết với nhau quấy nhiễu. Thủ Độ điều khiển quân đi dẹp yên được; duy còn Nguyễn Nộn giữ ở Bắc Giang, Đoàn Thượng giữ ở Hồng Châu, thế lực còn mạnh, đánh mãi chưa được. Thủ Độ mới xin phong cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương và chia cho đất ở Bắc Giang; Thủ Độ cũng hẹn phong tước cho Đoàn Thượng, định ngày hội họp, làm lễ minh thệ, nhưng Đoàn Thượng không đến họp.

Lời chua - Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Tháng 5, mùa hạ. Phong cho em là Nhật Hiệu tước Quận vương.

Nhật Hiệu bấy giờ mới 2 tuổi, vì là em cùng mẹ với nhà vua, nên được phong tước Quận vương.

Xét công trạng những người giúp sức trong khi nhà vua lên ngôi; gia phong phẩm trật cho các quan văn võ tùy tùng, có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Trần Thủ Độ giết Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo.

¹ Tức vua Huệ Tông nhà Lý.

Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo, thường ngồi xổm nhỏ cỏ ở trước cửa chùa. Thủ Độ đi qua trông thấy, nói: "Nhỏ cỏ phải nhỏ hết rễ sâu". Thượng hoàng đứng dậy, xoa tay, nói: "Lời của anh nói, ta đây biết rồi". Sau Thượng hoàng ra chơi chợ cửa Đông, nhân dân ganh nhau chạy ra xem, có người động lòng thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người tưởng nhớ đến vua cũ, sẽ sinh ra sự biến loạn chẳng, nên lại càng canh giữ dò xét nghiêm mật hơn trước. Đến nay, Thủ Độ sai người đem hương hoa đến dâng và nói rằng: "Quan Thượng phụ¹ có lời trần thình". Lý Thượng hoàng giận lắm, nói rằng: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử". Rồi vào buồng ngủ, khẩn rằng: "Thiên hạ nhà ta đã bị mây cướp mất, nay lại còn hãm hại ta, mai sau con cháu nhà mây cũng phải chịu như thế". Nói rồi liền thắt cổ ở vườn sau chùa. Thủ Độ bắt các quan đến khóc viếng, đào tường phía nam thành để làm cửa, di chuyển cữu ra phường An Hoa², dùng phép hóa hóa, còn hài cốt thì đem chôn cất ở tháp chùa Bảo Quang.

Truất ngôi Thái hậu nhà Lý là Trần Thị³ xuống làm Thiên Cực công chúa, rồi đem gả cho Trần Thủ Độ.

Thái hậu là con gái Trần Lý, khi Lý Huệ Tông làm Thái tử, vì tránh quốc nạn, phải chạy ra miền Hải Ấp, Thái tử trông thấy Trần Thị, tỏ ý hài lòng, rồi lấy làm vợ, sau sách phong làm Hoàng hậu. Gặp lúc ấy trong nước loạn lạc, Hoàng hậu mới cùng với Thủ Độ tư thông, rồi bàn mưu ở trong cung làm tờ chiếu để vua nhà Lý truyền ngôi cho nhà Trần, vì thế mà nhà Lý mất ngôi vua.

Lời phê - Thủ Độ là công thần nhà Trần, tức là tội nhân nhà Lý. Huống chi làm những nết xấu như chó lợn, dạ độc như hùm beo, dựng nước mà như thế thì làm thế nào mà lâu dài được? Nhưng chẳng qua cũng bởi nhà Lý tự rước lấy tai vạ, lại còn trách gì nữa!

Đem bọn cung nhân và con gái tôn thất nhà Lý gả cho các tù trưởng người Mán.

Tháng 10, mùa đông. Suy tôn bố đẻ là Thừa làm Thượng hoàng; mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu.

Tổ phụ Trần Thừa tên là Kinh, người làng Tức Mặc, sinh con là Hấp, Hấp sinh con là Lý, Lý sinh ra Thừa, đời nào cũng chuyên nghề đánh cá; Thừa lấy vợ là Lê Thị sinh ra nhà vua. Vì Thừa là anh vợ Lý Huệ Tông, nên Huệ Tông cho làm chức Nội thị phán thủ, rồi gia phong làm Phụ quốc thái úy. Khi nhà vua được Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, thì Trần Thừa xưng là Thượng hoàng, thay nhà vua giữ chính quyền trong nước.

Đến nay, suy tôn làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, nếu trong nước có việc gì to lớn thì Thượng hoàng ở trong cung nghe lời tâu bày để quyết đoán.

Lời chúa - Tức Mặc: Tên làng, bây giờ đổi làm xã, thuộc huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Cung Phụ Thiên: Ở phường Hạc Kiều, thành Thăng Long.

Định thế lệ tiền tệ.

Dân gian nộp tiền thượng cung, thì cứ mỗi một tiền là 70 đồng, còn như tiền ở dân gian tiêu dùng, thì mỗi một tiền chỉ có 69 đồng, gọi là tiền "tinh mạch" (mỗi tiền bớt đi một đồng).

Lời chúa - Thượng cung: Dân cung nộp lên trên.

Tuyển con gái dân gian sung vào hậu cung.

Dùng Phùng Tá Chi Tri phủ Nghệ An.

¹ Chỉ Trần Thủ Độ.

² Nay là Yên Phụ, thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội (Xem thêm Chb. VIII, 39).

³ Vợ Lý Huệ Tông, mẹ Chiêu Hoàng và là chị họ Trần Thủ Độ.

Tá Chu trước làm quan triều Lý, vào bè đảng với họ Trần, thường được vua nhà Trần tin dùng. Đến đây, cho làm Tri phủ Nghệ An, được quyền tự ban tước cho người khác: những phẩm trật từ tá chức Xá nhân¹ trở xuống, được phép trước ban cho rồi sau sẽ tâu lên cho vua biết.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1227). (Tổng, năm Bảo Khánh thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Họp các quan làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ.

Ngày hôm ấy, nhà vua ngự ở điện Đại Minh, viên Tế tướng và trăm quan tiến triều xong rồi, đều phải sửa soạn đủ đội ngũ, nghi trượng, người cưỡi ngựa đi hộ vệ, kéo ra cửa phía Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ, để uống máu ăn thề; viên Trung thư kiểm chính tuyên đọc thệ thư rằng: "Người làm tôi phải hết lòng trung với vua, người làm quan phải giữ phẩm hạnh trong trắng, nếu ai trái lời thề này, xin thần linh làm hại người ấy". Tuyên đọc xong, viên Tế tướng đóng cửa đền lại, kiểm điểm trăm quan, người nào vắng mặt phạt 5 quan tiền. Việc này theo thể lệ cũ của triều Lý. Từ năm nay trở đi, năm nào cũng cử hành lễ này. Ngày hôm ấy, con trai con gái kéo nhau ra xem kín cả hai bên đường, họ nhận đây là việc tốt.

Lời phê - Nhà Lý, nhà Trần lấy được nước, đều không theo chính nghĩa, nên sợ lòng người không ủng hộ, mới phải dùng đến thề nguyện. Không khác gì Mạnh Tử nói: "Không đo từ dưới gốc, mà chỉ đo trên ngọn để lấy cho bằng". Việc làm như thế, cũng đã là thấp kém!

Lời chua - Đền Đồng Cổ: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chb. II, 30).

Mậu Tí, năm thứ 4 (1228). (Tổng, năm Thiệu Định thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Nhật Hiệu làm Khâm Thiên đại vương.

Tháng 2. Thi lại viên.

Thể lệ thi bằng cách thảo thiện giấy tờ về việc quan, gọi là bạ đầu; ai trúng tuyển, được sung bổ làm thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Lời chua - Sảnh, viện: Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh, Hàn lâm viện, Thảm hình viện và Thái y viện, Thái chúc viện.

Tháng 8, mùa thu. Phong cho anh là Liễu làm Thái úy.

Liễu, đối với nhà vua, là hàng anh cả. Triều nhà Lý trước, Liễu lấy công chúa, được phong là Phụng Kiền vương, nay phong là Thái úy.

Lời chua - Quan chế nhà Trần: Chức Thái úy đứng trên hàng thân vương họ tôn thất. Người giữ chức này kiêm cả Tế tướng giúp vua làm chính trị.

Xét trưởng tịch ở Thanh Hóa.

Theo chế độ nhà Lý, hằng năm sai xã quan² khai báo số người, gọi là đơn số, căn cứ vào trưởng tịch làm chuẩn định, khai đủ các hạng sau này: cấp bậc quan văn, quan võ, quan tùy tùng, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, lung lão, người tàn tật bất cự, người biên tên trong sổ phụ, người phiêu tán, v.v... Ai có quan tước mà con cháu tập ấm mới được ra làm quan; còn nếu người nào nhà giàu, khoẻ mạnh mà không có quan tước, thì cũng chỉ đời đời làm lính. Việc này, triều nhà Trần cũng thi hành theo như phép triều Lý trước.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16).

¹ Chức quan giúp việc như thư ký ngày nay, có nhiệm vụ thảo công văn giấy tờ theo mệnh lệnh cấp trên.

² Tức là Lý trưởng sau này.

Trương tịch: Sổ trình bày việc kế toán. Sách Hán thư, về niên kỷ đời Vũ đế có chép rằng: "Nhận sổ kế toán của các quận quốc". Sách ấy lại chưa thêm: "kê" cũng như sổ mục kế toán ở các châu bây giờ.

Xã quan: Xem năm Thiên Ứng chính bình thứ 11 (Chb. VI, 22).

Tháng 10, mùa đông. Nước Chiêm Thành sai người đến cống hiến.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Nguyễn Nộn đánh giết được Đoàn Thượng. Nhà vua đem Ngoạn Thiêm công chúa gả cho Nộn.

Đoàn Thượng chiếm cứ huyện Đường Hào thuộc Hồng Châu, đắp lũy ở xã Yên Nhân, biên tên những quân dân ở các làng ấp bên cạnh sung vào việc phòng thủ. Nộn đem quân đến đánh, Đoàn Thượng thua, bị chết; nhân đấy, Nộn thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, rồi cướp bóc con trai, con gái và của cải ở Hồng Châu. Con Đoàn Thượng tên là Văn, cũng đem gia thuộc ra hàng Nguyễn Nộn. Bấy giờ uy thanh Nguyễn Nộn lừng lẫy, Thủ Độ lấy làm lo lắng, chia quân phòng giữ các nơi, và xin nhà vua sai người đem thư đến mừng, gia phong tước là Hoài Đạo hiếu vũ vương, lại đưa Ngoạn Thiêm công chúa gả cho Nộn để ngầm thám thính sự động tĩnh của Nộn, nhưng Nộn cũng để công chúa ở riêng phòng tại doanh trại, phàm các việc của Nộn không cho công chúa được biết gì cả.

Lời chua - Đường Hào: Tên huyện¹.

Yên (An) Nhân: Tên xã, thuộc tỉnh Hải Dương bây giờ².

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1229). (Tống, năm Thiệu Định thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Nguyễn Nộn chết.

Nộn đã thống lĩnh cả quân của Đoàn Thượng, tự xưng là Đại Thắng vương, ăn chơi quá độ, tự biết mình không thể đối lập với nhà Trần được, nên dự định tháng 10 sẽ đến châu, nhưng liền bị bệnh, nhà vua sai viên chức trong nội điện đến yên ủi thăm hỏi, Nộn cố gắng ăn cơm và nhảy lên mình ngựa, để tỏ ra mình vẫn còn khỏe, nhưng chưa được bao lâu thì chết. Tự bấy giờ trong nước mới ổn định được cuộc thống nhất.

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã được nhà Lý truyền ngôi cho, nên mới sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và xin phong tước.

Canh Dần, năm thứ 6 (1230). (Tống, năm Thiệu Định thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ làm ra sách Thông chế và các sách chép về việc hình, việc lễ.

Khảo cứu các lệ luật đời trước, định thể lệ làm ra sách Thông chế, và sửa đổi quy định các sách hình luật, lễ nghi, tất cả 20 quyển.

Định thể lệ làm việc cho những người phải tội đồ.

Những người can tội thường phạm: ai phải đầy đi làm người "hoành" ở Tào xã, thì thích sáu chữ vào mặt, mỗi người phải cày cấy 3 mẫu ruộng công, mỗi năm nộp 300 thăng lúa. Ai phải đầy làm lính

¹ Đường Hào bây giờ là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

² Nay là thị trấn Bần Yên Nhân thuộc Mỹ Văn, Hưng Yên, vùng này làm tương khéo nên có tiếng là "tương bần". Vùng này có đến 70 làng đều có đền thờ Đoàn Thượng, gọi là Đông Hải đại vương.

Lao thành, thì thích bốn chữ vào trán, làm việc phát bỏ cỏ rậm; hạng người này phụ thuộc vào bốn đội tướng quân.

Lời chua - Tào xã: Xã Nhật Tảo, huyện Từ Liêm bây giờ.

Hoành: Danh từ gọi người nô lệ.

Tướng quân: Những người dùng để canh giữ cửa thành, hạng quân này không ví được như quân Cấm vệ.

Lao thành: Tức La Thành.

Đắp thành Thăng Long cho được kiên cố thêm.

Nhân nền thành cũ của nhà Lý mà đắp thêm cho được kiên cố. Trong thành dựng cung điện lâu các, phía đông, phía tây làm hành lang, giải vũ; bên tả là cung Thánh Từ, bên hữu là cung Quan Triều. Ngoài thành, bốn cửa có bốn đội Tướng quân thay phiên nhau canh giữ; bên tả và bên hữu thành chia làm sáu mươi một phường, có đặt ti Bình Bạc.

Lời chua - Thành Thăng Long: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 9-10).

Thánh Từ, Quan Triều: Tên hai cung. Cung Thánh Từ, chỗ Thượng hoàng ở; cung Quan Triều, chỗ Hoàng đế ở.

Ti Bình Bạc: Tức chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành; vì giữ việc xét đoán hình ngục, kiện tụng, nên gọi là Bình Bạc. Mục Chức quan chí trong Tấn thư chép rằng: Quan Đĩnh úy giữ việc hình ngục, kiện tụng, viên chức phụ thuộc có chức Chánh Giám bình.

Đặt chức An phủ sứ¹ ở các lộ.

Mỗi lộ đặt hai viên, Chánh và Phó, phạm việc hộ khẩu, tiền thóc, ngục tụng đều giữ hết quyền bính ở trong tay. Chức này là chức chịu mệnh lệnh vua phó thác cho trấn trị nơi biên khốn.

Tháng 9, mùa thu. Quốc Thánh Hoàng Thái hậu là Lê Thị mật, truy tôn là Thuận Từ Hoàng Thái hậu.

Tân Mão, năm thứ 7 (1231). (Tổng, năm Thiệu Định thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào các con sông ở Thanh Hóa và Diễn Châu.

Lúc ấy, các đường sông bị úng tắc, nên nhà vua sai hoạn quan là Nguyễn Bang Cốc đem quân bản phủ đào sông Trầm, sông Hào, từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Khi công việc đã làm xong, Bang Cốc được thăng tước Phụ quốc Thượng hầu.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Trầm và Hào: Tên hai con sông thuộc huyện Ngọc Sơn, Thanh Hóa.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua về thăm làng Tức Mặc, ban yến và thưởng cho những người phụ lão, tùy theo đẳng cấp khác nhau.

Hạ lệnh cho các nơi dịch đình đều đắp tượng phật để thờ.

Tục nước ta khi trước, nhiều chỗ làm đình để cho người đi đường ngồi nghỉ, trát bằng vôi trắng, gọi là "dịch đình". Thượng hoàng lúc còn hàn vi, thường ngồi nghỉ ở dịch đình; một hôm, gặp một nhà sư bảo rằng: "Người thiếu niên này, mai sau có thể quý hiển to". Nói đoạn, nhà sư ấy biến mất, không thấy đâu nữa. Vì thế nên nay nhà vua hạ chiếu: phạm ở đâu có dịch đình đều đắp tượng phật để thờ.

¹ Chức quan đứng đầu một lộ ở thời Trần, có toàn quyền quyết định mọi việc về quân dân ở lộ ấy.

Nhâm Thìn, năm Thiên Ứng chính bình thứ 1 (1232). (Tổng, năm Thiệu Định thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Mới sắp xếp nghi lễ trong triều.

Phong cho em là Bà Liệt tước Hoài Đức vương.

Thượng hoàng lúc còn hàn vi, có lấy một người con gái ở thôn Bà Liệt, huyện Tây Chân, khi đã có thai thì bỏ, sau sinh con trai, Thượng hoàng không nhìn nhận gì đến. Người con trai ấy lúc lớn lên, mặt mũi khôi ngô, giỏi nghề võ, sung vào đội đánh vật. Một hôm, cùng với người trong đội đánh cầu, rồi lại cùng nhau đánh vật, người kia vật người con trai ấy ngã, chen lấy cổ, gần tắt thở. Thượng hoàng tự nhiên quát to lên rằng: "Nó là con ta đấy!". Anh kia sợ, buông ra, nhân thế gọi tên là Bà Liệt. Nay có lệnh phong tước cho.

Lời chua - Tây Chân: Từ đời Trần trở về trước là tên huyện; đến nhà Lê đổi là Nam Chân¹; nay vẫn giữ tên ấy, thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Bà Liệt: Tên thôn.

Tháng 2. Thi khoa Thái học sinh.

Trước kia, nhà Lý kén chọn học trò, chưa phân ra cấp bậc. Nay mới định người đỗ cao đỗ thấp theo cấp bậc tam giáp. Khoa ấy lấy Trương Hanh, Lưu Diễm đỗ đệ nhất giáp; Đặng Diễn, Trịnh Phẫu đỗ đệ nhị giáp; Trần Chu Phổ đỗ đệ tam giáp. Nhưng phép tuyển cử cũng chưa được tường tận.

Lời chua - Thái học sinh: Tức khoa Tiến sĩ, nhưng lúc bấy giờ ai đỗ chỉ gọi là Thái học sinh, đến khoa Giáp Dần, Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 2 (1374) mới gọi là Tiến sĩ.

Trương Hanh: Người ở Trường Tân thuộc Hồng Châu.

Chu Phổ: Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang. Còn các người khác không rõ ở đâu.

Tháng 4, mùa hạ. Ban chữ huý về tiên tổ nhà vua thờ ở các miếu cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

Ông tổ nhà vua tên huý là Lý, vì thế đổi họ Lý làm họ Nguyễn, lại có ý dập tắt hăng lòng dân còn tưởng nhớ đến họ Lý.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to. Dân gian phát sinh bệnh dịch.

Mùa đông. Giết hết tôn thất nhà Lý.

Thủ Độ đã giết vua Huệ Tông, bọn tôn thất nhà Lý nhiều người ảm ức thất vọng. Nay nhân lúc họ làm lễ tế tiên tổ ở thôn Thái Đường xã Hoa Lâm, Thủ Độ cho người ngầm đào cái hố sâu, dựng nhà lên trên, rồi giật máy cho nhà đổ, chôn sống hết tôn thất nhà Lý.

Lời phê - Thảm quá! Nhưng giết hết thế nào được? Nơi đồng ruộng cũng có anh hùng, cứ gì họ Lý?

Lời chua - Hoa Lâm: Tên xã.

Thái Đường: Tên thôn, thuộc huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh; chỗ này là hành cung nhà Lý trước.

Quý Tị, năm thứ 2 (1233). (Tổng, năm Thiệu Định thứ 6).

Sai Phùng Tá Chu xét định các hạng danh sắc ở Nghệ An.

Lời chua - Danh sắc: Các hạng người sắc mục.

Có thủy tai lớn.

¹ Nam Chân sau đổi là huyện Nam Trực. Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Giáp Ngọ, năm thứ 3 (1234). (Tổng, năm Đoan Bình thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Tháng 8, mùa thu. An táng ở Thọ Lăng.

Tôn thụy hiệu là Khai Vận lập cực hoǎng nhân ứng đạo thuần chân chí đức thần vũ thánh văn thùy dụ chí hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Huy Tông, hưởng thọ 51 tuổi.

Lời chua - Thọ Lăng: Ở làng Tinh Cương, phủ Long Hưng.

Sách phong Thái úy là Liễu làm Hiến hoàng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Trần Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính hơn người, nên làm sự quá đáng như vậy, sách phong làm Hiến hoàng, danh nghĩa không được chính đáng; sau này Trần Liễu manh tâm làm loạn, chẳng phải là do việc này gây ra đấy ư?

Phong cho Phùng Tá Chu tước Hưng Nhân vương và bổ dụng Phạm Kính Ân làm Thái phó, phong tước là Bảo Trung hầu.

Triều nhà Lý, Tá Chu làm Thái phó, Kính Ân tước Quan nội hầu. Khi nhà vua được Chiêu hoàng truyền ngôi cho, hai người này có công suy tôn giúp đỡ, nên nay mới được phong tước. Sau này lại gia phong Tá Chu làm Đại vương, Kính Ân làm Thái úy và ban cho mũ áo Đại vương.

Ất Mùi, năm thứ 4 (1235). (Tổng, năm Đoan Bình thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sét đánh 30 chỗ ở trong kinh thành. Nhà vua hạ chiếu đại xá.

Bính Thân, năm thứ 5 (1236). (Tổng, năm Đoan Bình thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định quan hàm các bậc đại thần.

Phàm những người tôn thất vào làm quan trong chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái úy hoặc là Tư đồ, tả hữu Tướng quốc, đều được kiêm lĩnh hàm Kiểm hiệu Đặc tiến nghi đồng Tam ti Bình chương sự.

Lời cần án - Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Quan chế nhà Trần, đại yếu lấy tam công¹, tam thiếu² Thái úy, Tư mã Tư đồ và Tư không làm văn võ Đại thần; còn như Tế tướng thì gia phong tả hữu Tướng quốc Bình chương sự; Thứ tướng thì gia phong Tham tri chính sự nhập nội hành khiển, hoặc gia phong Tả phụ hữu bật tham dự triều chính.

Về hàng quan văn ở kinh thì có: các viên chức sáu bộ, như: Thượng thư, Thị lang, Lang trung, Viên ngoại lang, Trung thư thị lang, Trung thư lệnh Thượng thư, Tả hữu bộc xạ hành khiển, Tả hữu ti lang trung, Tả hữu chính ngôn tham nghị, Ngự sử đài Thị ngự sử, Giám sát ngự sử, Chủ thư thị ngự sử, Ngự sử trung tán, Ngự sử trung tướng, Ngự sử đại phu, Thị kinh diên đại học sĩ, Thiên chương học sĩ, Nhập thị học sĩ, Trung thị đại phu, Trung lượng đại phu, Trừ cung giáo thụ, Thái sử lệnh, Đại tông chính, Đình úy, Tự khanh, Thiếu khanh, Kinh sử Đại doãn.

Về quan chức ở ngoài thì có: An phủ sứ, Tri phủ, Thông phán, Thiêm phán, Tào vận, Lệnh úy, Chủ bạ, Tư xã và Chánh phó sứ Hà đê, Chánh phó sứ đồn điền ở các lộ.

Hàng quan võ ở trong kinh thì có: Phiêu kỵ Thượng tướng quân, Cấm vệ Thượng tướng quân, Kim ngô vệ Đại tướng quân, Vũ vệ Đại tướng quân, Phó Đô tướng quân, Điện súy, Đô áp nha Quân quân tiết độ sứ, Đô thống chế.

Chức quan võ ở ngoài các lộ thì có: Kinh lược sứ, Phòng ngự sứ, Thủ ngự sứ, Quan sát sứ và quan ở Phủ đô hộ, phủ Đô Thống, phủ Tổng Quản.

¹ Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

² Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

Nay xét: tên các quan chức triều Trần, so với triều Lý đầu có phần nhả nhận hơn, nhưng chức việc nào theo cũ, chức việc nào đổi mới, phần nhiều không thể hiểu rõ. Nói chung, quan chức triều Trần, phức tạp không phân minh, chưa thể gọi là quan chế hoàn bị của một triều đại được.

Tháng 6, mùa hạ. Nước to, chảy tràn vào cung Lệ Thiên. Hiếu hoàng Liễu bị giáng tước là Hoài vương.

Trần Liễu giữ công việc cung Thánh Từ, nhân nước to, đi thuyền vào châu, khi thuyền qua cung Lệ Thiên, Liễu trông thấy cung phi triều Lý trước, ghé thuyền vào hãm hiệp. Triều thần hặc tấu, vì thế nên bị giáng tước.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển nho sinh đã thi đỗ vào hầu vua.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Phạm Ứng Thần làm Thượng thư, kiêm giữ chức Đệ điệu viện Quốc tử, cho con em các quan văn vào viện học.

Sứ nhà Tống sang phong vương.

Lời cần án - Sách **Cương mục tục biên** [Trung Quốc] chép: Năm ấy vua Tống sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, thế mà **Sử cũ** lại chép lầm việc này vào năm Kiến Trung thứ 5. Nay cải chính lại.

Đinh Dậu, năm thứ 6 (1237). (Tống, năm Gia Hy thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập vợ Hoài vương là Lý thị làm Hoàng hậu, phế Chiêu Thánh hoàng hậu làm công chúa.

Lúc ấy Chiêu Thánh chưa có con, mà Lý thị đã có mang được 3 tháng. Thủ Độ cùng Thiên Cực công chúa bày mưu riêng với nhà vua nên nhận liễu lấy để có lợi về sau, vì thế mới đem Lý thị vào ở cung. Trần Liễu tức giận, tụ tập nhiều người ở sông Cái, nổi loạn. Nhà vua lấy làm áy náy không yên lòng, đêm lên sang núi Yên Tử, vào ở nhà thờ Phật của Phù Vân Quốc sư. Ngày hôm sau, Thủ Độ đem bày tội đến đón xa giá về kinh. Nhà vua nói: "Trẫm hãy còn thơ ấu, chưa đảm đang được việc trọng đại, vua cha¹ lại vội từ trần, thành ra trẫm sớm mất người nương tựa, không dám để như nhuốc đến xã tắc²". Thủ Độ cố mời, nhưng vua vẫn chưa nhận lời. Thủ Độ ra bảo với mọi người rằng: "Xa giá vua ở đâu, tức là triều đình ở đấy". Nói rồi, liền cầm móc chằng dây chia thành hàng ngũ ở trong núi, phỏng theo kích thước cung điện ở kinh thành, bắt thợ xây dựng. Quốc sư thấy thế, xin với nhà vua rằng: "Bệ hạ nên sớm quay loan giá về kinh thành, không nên để họ làm hại đến núi rừng của đệ tử này". Bấy giờ nhà vua mới trở về kinh thành. Trần Liễu ở ngoài biển được hai tuần³, tự biết việc mình làm không thể thành công được, nhân khi nhà vua ra chơi thuyền ở ngoài sông, Liễu giả dạng làm người đánh cá, lên đi thuyền độc mộc đến thuyền nhà vua xin hàng, nhà vua cùng Liễu đối diện nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến thẳng thuyền nhà vua, tuốt gươm quát lên rằng: "Giết thẳng giặc là Liễu". Nhà vua thấy thế, vội vàng đẩy Trần Liễu ẩn vào trong thuyền rồi bảo Thủ Độ rằng: "Phụng Kiên vương⁴ đến xin đầu hàng đấy". Miệng nói, nhưng lấy mình che đỡ cho Trần Liễu. Thủ Độ giận lắm, vất gươm xuống sông, nói rằng: "Tao thật là con chó săn, biết đâu anh em mà hòa thuận với nhau hay trái ý nhau". Nhà vua đứng ra hòa giải, dụ dỗ Trần Liễu phải bãi binh, rồi lấy đất An Phụ, An Dương, An Sinh và An Bang ban cho Liễu để thu lấy tô thuế làm bổng lộc, lại nhân tên đất đã phong ấy cho Trần Liễu hiệu là An Sinh vương, còn những người theo Trần Liễu khởi loạn ở sông Cái đều bị giết.

Lời phê - Phong hóa nhà Trần không nghiêm chỉnh, lại tệ hơn phong hóa nhà Đường⁵ ở Trung Quốc. Nhưng bấy giờ Thái Tông hãy còn thơ ấu, mà Thủ Độ là người

¹ Bố đẻ của ông vua, chỉ vào Trần Thừa.

² Một danh từ để gọi thay cho quốc gia.

³ Mười ngày là một tuần.

⁴ Một tước phong của Trần Liễu (xem thêm Chính biên quyển VI tờ 6).

⁵ Đường Thái Tông Thế Dân sau khi đã giết em ruột là Nguyên Cát, thì lấy luôn vợ Nguyên Cát là Dương Thị làm vợ mình, sau đẻ con tên là Minh cho thừa tự Nguyên Cát.

rất ngoan cố, phạm việc gì cũng do hãn chỉ sử, Thái Tông không theo cũng không được. Thế mà sử thần cứ chỉ trích riêng Thái Tông, như thế chưa phải là lời phê công bằng. Và lại, lúc mới khai quốc, vua còn thơ ấu, lòng người còn nghi ngờ, Thủ Độ lại vốn là người không biết chữ, thế mà một mình kinh doanh, dựng lên được nghiệp lớn, thì thực là cương quyết, hiểm giáo, xưa nay ít có mấy người. Có lẽ vì lòng trời giúp ngầm nhà Trần mà được như thế chăng?

Lời bàn của Phan Phu Tiên - Tam cương¹ ngũ thường², đó là luân lý trọng đại của loài người. Thái Tông là vua sáng nghiệp, đáng nên lập ra phép tốt để cho đời sau theo, thế mà lại nghe mưu gian tà của Thủ Độ, cướp vợ anh làm vợ mình, như thế chả phải tự mình làm trái luân thường để mở đầu cái mối dâm loạn đấy ư? Trần Liễu khởi loạn, chính là do Thái Tông gây nên. Có người nói: "Thái Tông không giết anh, thế là người có nhân". Thử hỏi cướp lấy chị dâu mà không giết anh, như thế có thể bảo là nhân được không? Suốt đời nhà Trần, quen thói dâm loạn chung chạ lẫn nhau, không phải là không do Thái Tông đã làm đầu tiên từ trước.

Lời chua - Núi Yên Tử: Ở huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương; trên núi có ngọn Tử Tiêu và am Ngoạ Vân, tương truyền vì trước kia ông Yên Kỳ tu luyện ở đây, nên gọi là Yên Tử.

An Phụ, An Dương, An Sinh: Ba xã này đều thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

An Bang: Tên trại xưa, bây giờ thuộc huyện An Hưng, tỉnh Quảng Yên.

Phù Vân Quốc sư: Bạn cũ của Thái Tông, họ tên không rõ.

Bầy tôi dâng tôn hiệu lên nhà vua.

Bầy tôi xin dâng tôn hiệu là: Thống thiên ngự cực long công hậu đức hiển hòa hựu thuận thánh văn thần vũ Hiếu nguyên hoàng đế. Lời xin ấy được vua chuẩn y.

Mậu Tuất, năm thứ 7 (1238). (Tổng, năm Gia Hy thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Trần Thủ Độ lại xét định tướng tịch ở Thanh Hóa.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Năm Kiến Trung thứ 4 (1228) đã xét định tướng tịch Thanh Hóa, đến nay lại giao việc ấy cho Thủ Độ đứng làm, ngoài ra chỉ có một lần sai Tá Chu duyệt các danh sách ở Nghệ An, còn sổ dân đinh các lộ khác đến năm [Thiên Ứng Chính bình] thứ 12 (1243) mới làm. Việc làm tướng tịch, duy có Thanh Hóa là làm trước và tường tận hơn, lại giao việc ấy cho viên quan thân tín trông coi. Như thế, có lẽ vì cuối triều Lý, việc sắp xếp tướng tịch ở Thanh, Nghệ hãy còn sơ lược, đến nay mới một phen sắp xếp lại, nên không thể không làm cẩn thận như thế chăng?

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 8. Định quy chế dùng thuyền và xe cho vương hầu tôn thất và các hàng quan văn quan võ.

Kỷ Hợi, năm thứ 8 (1239). (Tổng, năm Gia Hy thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng cung điện ở làng Tức Mặc.

Đường Thái Tông mất, con là Trị lên nối ngôi, tức Đường Cao Tông, lại lấy Tài Nhân của Thái Tông là Vũ Chiếu, rồi lập làm Hoàng hậu, tức là Vũ Tắc Thiên.

Dương Thái Chân là vợ Thọ vương, con trai Đường Huyền Tông, Huyền Tông đem vào trong cung rồi lập làm quý phi.

¹ Tam cương: Vua tôi, cha con, chồng vợ.

² Ngũ thường: Có nhiều thuyết, nhưng có hai thuyết phổ biến hơn. Một thuyết nói: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; một thuyết nói: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em và bè bạn.

Nhà vua nghĩ Tức Mặc là nơi làng cũ của mình, nên hạ lệnh cho Phùng Tá Chu làm quan Nhập nội thái phó, dựng hành cung ở đấy để thời thường đến chơi thăm.

Tháng 3. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh người nào khoẻ mạnh làm lính, định làm ba hạng: thượng, trung và hạ.

Canh Tý, năm thứ 9 (1240). (Tổng, năm Gia Hy thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Dựng hành cung¹ ở Thanh Hóa.

Việc này giao cho Phùng Tá Chu đứng làm. Xây dựng tất cả năm sở.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn; nước tràn lên cao; đất động.

Tháng 9. Lập con là Hoàng lên làm Thái tử. Đại xá.

Lúc Lý thị² có thai, nhà vua đem vào cung nhận làm vợ, sinh con là Quốc Khang, phong cho tước vương. Đến nay, lại sinh con là Hoàng, mới lập làm Hoàng thái tử.

Tháng 10, mùa đông. Sai thị thần là Bùi Khâm chỉnh lý công việc biên thùy ở mặt bắc.

Viên thủ thần ở Lạng Giang chạy trạm về triều tâu rằng: bản bộ của viên ấy bị người Thổ Mán nhà Tống sang cướp bóc của cải ở dân gian. Vì thế, nhà vua sai Bùi Khâm đi trừ liệu sắp xếp việc này.

Lời chua - Lạng Giang: Tức Lạng Sơn bây giờ. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Tân Sửu, năm thứ 10 (1241). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Tuyển người có sức khỏe, am hiểu võ nghệ, bổ sung vào quân túc vệ³.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn; núi sụt; đất nứt ra. Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Núi ở các lộ sụt xuống; đất liền ở phường Thịnh Quang ngoài kinh thành bị rạn tách ra.

Tháng 10, mùa đông. Người Thổ, Mán nhà Tống sang cướp ở biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho viên Đốc tướng là Phạm Kính Ân đem quân đi đánh tan được.

Nhà vua đi tuần ngoài biên thùy, nhân tiện đi luôn vào đất nhà Tống.

Nhà vua thân đem quân chèo thuyền từ trại Vĩnh Bình qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, rồi cắm thuyền lại ở trong cội đất ấy, chỉ đi bằng mấy chiếc thuyền Kim Phụng, Nhật Quang và Nguyệt Quang. Ban đầu, người ở châu ấy không biết tình hình thế nào, đều sợ chạy cả; lúc biết ra, họ mới giăng xích sắt ở giữa sông để ngăn cản đường thủy. Nhà vua sai nhổ lấy vài mươi chiếc neo bằng sắt đem về.

Lời phê - Việc này là việc làm nguy hiểm cầu may, không theo đạo điển thường như cổ nhân đã nói "thánh chúa bắt thừa nguy"⁴.

Lời chua - Vĩnh Bình: Tên trại, thuộc châu Liêm.

Khâm: Tên châu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 10 (Chb. I, 36).

¹ Theo chế độ phong kiến, những địa phương ở ngoài kinh sư, có dựng cung điện, để mỗi khi vua đi kinh lý đến địa phương nào, đã sẵn có cung điện để ở, gọi là hành cung.

² Lý thị nguyên là vợ Trần Liễu (anh ruột Thái Tông).

³ Người lính ngày đêm túc trực trong cung điện nhà vua.

⁴ Viên Áng, Trung lang tướng nhà Hán, can Hán Văn Đế rằng: "Thánh chúa bắt thừa nguy", nghĩa là ông vua thánh triết không đi vào nơi nguy hiểm.

Liêm: Tên châu, tức là Thái Bình quân. Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 2 (Chb. I, 25).

Nhâm Dần, năm thứ 11 (1242). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Chia trong nước làm mười hai lộ.

Các lộ đều đặt hai viên An phủ sứ, chánh và phó, để giữ việc cai trị. Ở xã và sách, thì đặt chức đại tiểu tư xã: ngũ phẩm trở lên làm quan đại tư xã, lục phẩm trở xuống làm quan tiểu tư xã, hoặc có người kiêm hai ba bốn xã. Lại đặt chức Xã chính, Sử giám gọi là xã quan. Làm sổ kê hết số hộ khẩu: con trai, người lớn tuổi là đại hoàng nam; người nhỏ tuổi là tiểu hoàng nam, người 60 tuổi là hạng lão; già hơn nữa là long lão¹.

Về thuế: nhân đinh, ai có ruộng đất thì phải nộp tiền, thóc: một mẫu hoặc hai mẫu nộp một quan tiền, ba mẫu hay bốn mẫu nộp 2 quan, năm mẫu trở lên nộp 3 quan. Thuế ruộng: cứ mỗi mẫu nộp 100 thăng lúa, ai không có ruộng đất thì được miễn cả.

Lời cần án - Sách An Nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép: Ruộng công điền nhà Trần có hai hạng; mỗi hạng chia ra làm ba đẳng:

1) **Ruộng quốc khố**: nhất đẳng, mỗi mẫu thu sáu thạch và tám mươi thăng thóc; nhị đẳng, mỗi mẫu thu bốn thạch thóc; tam đẳng, thu mỗi mẫu ba thạch thóc.

2) **Ruộng thác đao**: nhất đẳng, mỗi mẫu thu một thạch thóc; nhị đẳng, ba mẫu thu một thạch thóc; tam đẳng, bốn mẫu thu một thạch thóc. Còn như ruộng, ao của dân thì cứ mỗi mẫu thu ba thăng thóc. Ruộng muối thu bằng tiền.

Lại tham khảo lời chua tập thơ An Nam tức sự của Trần Cương Trung nhà Nguyên: Chế độ nhà Trần, các thứ cây như cây cau và gỗ an tức chịu thuế rất nặng; vàng bạc ở dân gian dầu có từng phân, từng lạng cũng phải đem nộp vào quan, nếu người nào sử dụng riêng sẽ phải tội tử hình; đến như các loài cá, tôm, rau, quả, ... cũng phải nộp thuế. Cứ theo như lời chép trong hai sách đã dẫn ở trên, thì phép đánh thuế của nhà Trần thực là quá nặng. Nhưng đây cũng chỉ biết đại lược mà thôi, còn chi tiết rõ ràng thế nào, thì không thể khảo cứu được.

Lời chua - Mười hai lộ: Sử cũ không chép rõ, nhưng căn cứ những tài liệu ghi chép từ trước, thì thấy các lộ sau này: Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hóa, Hoàng Giang, Diễn Châu. Lại có phủ, châu, trấn như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên, Lạng Giang. Có lẽ quy chế nhà Trần, những phủ, châu, trấn thì thống thuộc cả vào lộ.

Hoàng nam: 18 tuổi là tiểu hoàng nam, 20 tuổi là đại hoàng nam.

Ruộng thác đao: Đời Lý, Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, Lê Phụng Hiểu làm tiên phong, phá tan được quân giặc, tiếng vang cả phiên quốc². Khi khải hoàn, nhà vua xét thưởng cho người có công đánh giặc. Phụng Hiểu nói: Không muốn thưởng quan tước, chỉ xin đứng trên núi Bằng Sơn ném thanh kiếm đeo trong mình, rồi xét xem hể thanh kiếm ấy rơi xuống địa phận nào, thì xin cho địa phận ấy để làm biệt nghiệp³. Lý Thái Tông nhận lời. Phụng Hiểu lên núi, ném một cái, thanh kiếm đi được hơn mười dặm, rơi xuống địa phận làng Đa My. Lý Thái Tông liền đem đất làng Đa My ban cho Phụng Hiểu, tha thuế thóc ruộng thác đao. Vì thế, nên ở Ái Châu, ruộng thưởng công có tên là "thác đao".

Xã, sách: Cũng như xã, thôn.

¹ Long lão là hạng già yếu mỗi mội, có nhiều bệnh tật.

² Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phen hay cái giậu. Thời đại phong kiến, nước lớn phong đất cho nước nhỏ làm chư hầu, coi như cái phen, cái giậu ở ngoài để bảo vệ cho nước lớn ở trong, nên gọi chư hầu của mình là phiên quốc.

³ Xây dựng nhà cửa và có quyền sở hữu ruộng đất làm cơ nghiệp riêng của mình.

Lời phê¹ - Nói rất mơ hồ.

Tháng 4, mùa hạ. Sai Thân vệ Tướng quân Trần Khuê Kính đem quân trấn giữ biên giới phía bắc.

Khi ấy, nước Mông Cổ lấy được Vân Nam, quân của Mông Cổ đi tuần hành đến châu Ung, châu Quảng nhà Tống, thành ra nơi quan ải bị nghẽn đường. Sứ bộ nhà Trần phái sang bên Tống, được đi độ bốn người, chỉ được đem giấy tờ đi theo, còn lễ cống thì niêm phong lại đưa đến biên giới, do quan địa phương chuyển đệ về triều, nhưng cũng không lần nào đệ về được đầy đủ. Vì thế, nhà vua sai Khuê Kính đem quân đi trấn ngự, đánh chiếm đất Bằng Tường, để lấy đường thông sang nhà Tống.

Lời chua - Ung Châu: Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 2 (Chb. I, 14).

Quảng Châu: Xem thuộc Lương, năm Đại Đồng thứ 7 (Tb. VI, 2).

Châu Bằng Tường: Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Đại hạn từ tháng 5 đến tháng 6. Nhà vua hạ lệnh xét lại tội trạng những tù nhân đương bị giam, và đại xá cho thiên hạ. Tháng 7. Mưa. Hạ chiếu xá cho trong nước một nửa thuế ruộng.

Ngày mồng một, tháng 9. Nhật thực.

Quý Mão, năm thứ 12 (1243). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho các lộ làm sổ dân đinh.

Tháng 2. Xây thành Long Phụng; sửa lại Quốc Tử Giám.

Lời chua - Thành Long Phụng: Ở trong thành Thăng Long.

Quốc Tử Giám: Dựng đời Lý Nhân Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Sai Viên ngoại lang là Trương Thất xét xử phán đoán các việc hình ngục ở phủ Đô Vệ.

Tháng 8, mùa thu. Nước to, chảy tràn vào kinh thành.

Giáp Thìn, năm thứ 13 (1244). (Tống, năm Thuần Hựu thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bỏ quan văn đi cai trị các lộ và phủ.

Nhà vua hạ lệnh cho quan văn chia nhau đi cai trị 12 lộ. Ở lộ có chức Thông phán, ở phủ có chức Tri phủ; ở châu có chức Tào vận sứ, giữ việc vận tải.

Định hình luật.

Lời cần án - Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: Hình pháp nhà Trần, điều mục danh lệ thế nào nay không thể biết rõ được. Theo Trần Cương Trung nhà Nguyên, hình pháp nhà Trần rất thảm khốc, kẻ trộm và người trốn tránh đều phải chặt ngón chân hay là cho voi giày chết. Xét ra nhà Trần được nước là do cướp ngôi vua nhà Lý, về hình pháp không lập ra kỷ cương phép tắc gì, chỉ tùy ý mình mà buộc tội nặng nhẹ; hình phạt thảm khốc đến thế là cùng!

Tháng 3. Ban cho Phùng Tá Thang chức Tả giai² Đạo lục³, được tước là Tản lang⁴.

¹ Chỉ việc Phụng Hiểu đứng trên núi, ném thanh kiếm đi được mười dặm.

² Viên quan giữ về đạo giáo - Văn Tông nhà Đường đặt ra tả giai và hữu giai tăng lục. Theo sách Hội điển sử lệ nhà Thanh thì, ở kinh sư, gọi là đạo lục ti; ở phủ gọi là đạo kỳ ti; ở châu gọi là đạo chính ti; ở huyện, gọi là đạo hội ti. Những người sung vào chức này chuyên giữ việc cai quản tăng đạo trong nước, bắt phải giữ kỷ luật thanh giới.

³ -nt-

⁴ Chức quan giữ nhiệm vụ nhân tảo, không như những chức giữ về hành chính, quân sự, hình ngục phải hoạt động một cách ráo riết.

Phàm các vương hầu được vua ban cho quan hàm về tăng đạo đều gọi là Tả giai. Chức này tuy không được liệt vào hàng quan trong triều, nhưng đối với tăng đạo thì là phẩm trật cao nhất. Nếu không phải là người thông thuộc đạo giáo của tông phái mình thì không được dự. Nay nhà vua đem chức ấy ban cho Tá Thang, là đãi ngộ một cách đặc biệt.

Lời chua - Tá Thang: Là thân phụ Tá Chu.

Tháng 10, mùa đông. Định lương bổng cho các quan.

Trước đây đã định thể lệ lương bổng cho các quan văn quan võ trong kinh sư, ngoài phiên trấn và các quan coi cung điện, lăng miếu. Lương bổng ấy lấy vào tiền thuế và theo thứ tự cấp phát. Đến nay, định lại ngạch lương bổng có người hơn người kém khác nhau.

Ất Tị, năm thứ 14 (1245). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 5). Tháng 7, mùa thu. Nước lên to, vỡ đê Long Đàm.

Lời chua - Long Đàm: Tên huyện về đời nhà Trần; thuộc Minh đổi là Thanh Đàm; đời Lê đổi là Thanh Trì; rồi lại đổi chữ "thanh" (trong) làm chữ "thanh" (xanh); bây giờ cũng theo như trước, thuộc tỉnh Hà Nội¹.

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn luôn ba ngày; nước sông lên to.

Bính Ngọ, năm thứ 15 (1246). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Định danh hiệu quân đội.

Tuyển lấy những người khoẻ mạnh sung vào quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Lộ Thiên Trường và lộ Long Hưng, hiệu quân là Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh và Cung Thần; Hồng Lộ và Khoái Lộ, hiệu quân là Tả Thánh Dực và Hữu Thánh Dực; lộ Trường An và lộ Kiến Xương, hiệu quân là Thánh Dực và Thần Sách. Còn các quân lính khác thì sung vào cấm quân ở trong cấm vệ. Hạng thứ ba là đoàn đội chèo thuyền.

Lời cần án - Sách *Lịch triều Hiến chương* của Phan Huy Chú chép: Số quân triều nhà Trần lúc trước, mỗi đội quân hai ngàn bốn trăm người, quân ở trong Cấm vệ và quân ở đơn vị thuộc các lộ không đầy mười vạn người. Nay xét: về khoảng niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông (1279-1284), lúc quân nhà Nguyên sang xâm lấn, các vương đem quân hội họp đến hai mươi vạn. Có lẽ vì chế độ nhà Trần, các tước vương cũng được chiêu mộ dân tráng làm lính. Nhưng số quân điều động lúc ấy cũng chỉ mới có mấy lộ về mặt đông nam, còn từ Thanh Hóa trở vào nam chưa hề trưng triệu xuất phát. Đến năm Long Khánh thứ 2 (1374) đời Trần Duệ Tông mới biên định danh hiệu cho quân ngũ². Như vậy thì lúc bấy giờ thể quân cường thịnh cũng có thể biết được đại khái. Đại để khi trong nước không có việc, thì cho quân lính về làm ruộng; khi có việc chinh chiến, thì hết thảy mọi người dân đều là quân lính. Danh hiệu quân lính nhà Trần sau này cũng thường có thay đổi, nhưng số quân nhiều hay ít, chế độ quân đội theo cũ hay đổi mới, không thể khảo cứu cho tường tận được.

Lời chua - Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần: Đều là tên quân túc vệ, tức là hiệu quân Thiên thuộc, Thánh dực và Thần sách. Nhà Trần khởi lên từ lộ Thiên Trường, cho nên lấy quân ở bản lộ của mình và những lộ phụ cận đấy làm quân cấm vệ. Chữ "tứ" (bốn) có lẽ là do sự chia mỗi hiệu quân ra làm bốn vệ, nhưng *Sử cũ* chép không rõ.

Thiên Trường: Nguyên là địa phận làng Túc Mặc, vì chỗ đất ấy là cổ hương của nhà Trần, nên đổi làm phủ Thiên Trường, rồi lại dùng hai chữ "Thiên Trường" đứng đầu

¹ Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Xem thêm *Chính biên* quyển X tờ 6.

lộ ấy gọi là Thiên Trường lộ; đến nhà Lê gọi là phủ; nay theo tên gọi của nhà Lê, thuộc tỉnh Nam Định¹.

Long Hưng: Trước là địa phận làng Đa Cường, mộ tổ nhà Trần táng ở đây, vì thế mới đổi là phủ Long Hưng; đời nhuận Hồ² đổi là Tân Hưng; nhà Lê đổi là Tiên Hưng; bây giờ cũng theo gọi như trước, thuộc tỉnh Hưng Yên³.

Hồng Lộ: Tức Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Trường An: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Kiến Xương: Chưa rõ đặt ra từ đời nào. Nhà Trần gọi là lộ; đời nhuận Hồ đổi làm phủ Kiến Ninh; nhà Lê lại gọi là phủ Kiến Xương; bây giờ cũng theo tên gọi trước; thuộc tỉnh Nam Định⁴.

Khoái Lộ⁵: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long ứng thứ 4 (Chb. V, 32). Tên Khoái Lộ⁶ mới đặt ra từ năm Trùng Hưng thứ 5 đời Trần Nhân Tông (xem Chb. VIII, 12-13), tên Thiên Trường mới đặt từ năm Thiệu Long thứ 5 đời Trần Thánh Tông (xem Chb. VII, 4), thế mà ở đây Sử cũ đã chép theo tên mới đặt sau, như thế là lầm.

Tháng 3. Xét lý lịch quan văn, quan võ trong triều và ngoài các lộ.

Bấy giờ trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui. Người làm quan chức nào cứ giữ mãi chức ấy. Theo thể lệ, cứ mười lăm năm mới xét lý lịch một lần: ai làm việc mười năm sẽ được thăng tước một cấp; làm việc mười lăm năm sẽ được thăng chức một bậc. Chức quan nào khuyết, thì đem người chánh kiêm làm công việc người phó; nếu chánh phó đều khuyết, thì đem viên quan ở ngạch khác kiêm quản sang, đợi khi nào xét thấy đủ niên hạn mới thực bổ đúng với chức vụ của mình. Ai làm quan ở quán, ở các thì mười năm sẽ được thăng hoặc chuyển; ai làm quan ở sảnh, ở cụng thì mười lăm năm sẽ được thăng hoặc chuyển. Còn về chức tể tướng thì chọn những người trong họ tôn thất lấy người nào hiền tài, có đức hạnh, biết lục nghệ⁷ và thông hiểu kinh Thi, kinh Thư để bổ dụng.

Lời phê - Nói quá đáng, không đủ tin⁸. Và lại, định niên hạn quá lâu⁹, như thế không khỏi làm cho người ta phàn nàn về việc phải chìm đắm mãi ở chức dưới.

Lời chua - Quán, các: Lịch Triều hiến chương của Phan Huy Chú chua rằng "như sáu bộ và phủ tôn chính". Nhưng lời chua ấy chưa lấy gì làm chính xác.

Sảnh: Như Thượng thư môn hạ sảnh.

Cụng: Như Nội thư Hòa cụng và Chi hậu cụng.

Tháng 7, mùa thu. Mới định niên hạn thi đại tị¹.

¹ Phủ Thiên Trường nay gồm một phần các huyện Xuân Thủy, Nam Trực, Trực Ninh và T.P. Nam Định, tỉnh Nam Định. Làng Tức Mặc bây giờ thuộc T.P. Nam Định.

² Chữ "nhuận" nghĩa là thừa, ta thường gọi là tháng nhuận, tức là tháng thừa, không phải tháng chính. Hồ Quý Ly cướp ngôi vua nhà Trần, sử phong kiến không liệt vào chính thống, nên gọi triều nhà Hồ là "nhuận Hồ".

³ Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

⁴ Bây giờ thuộc tỉnh Thái Bình.

⁵ Hai chữ "khoái" theo âm Việt thì giống nhau, nhưng theo chữ Hán thì tự dạng và nghĩa khác hẳn. Chữ "khoái" số 2 là khoái lạc; chữ "khoái" số 3 là cỏ khoái.

⁶ -nt-

⁷ Lễ nghi, âm nhạc, cỡi ngựa, bắn cung, viết chữ và tính toán.

⁸ Chỉ vào câu nói trong nước thái bình vô sự, nhân dân yên vui.

⁹ Chỉ vào việc mười năm, mười lăm năm mới cho thăng chức và chuyển chuyển.

Bấy giờ thi đại tị chưa định niên hạn, nay chuẩn định 7 năm một lần thi. Việc định niên hạn về khoa thi bắt đầu từ đây.

Đinh Mùi, năm thứ 16 (1247). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò đỗ, chỉ chia ra hạng giáp, hạng ất để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Nay mới đặt ra tam khôi², lấy Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa. Còn 48 người đỗ Thái học sinh đều được xuất thân³ theo thứ tự trên dưới khác nhau.

Lời chua - Nguyễn Hiền: Người ở Thượng Hiền, lộ Thiên Trường.

Lê Văn Hưu⁴: Người Đông Sơn, Thanh Hóa.

Đặng Ma La: Người ở Chương Đức⁵ thuộc Sơn Nam.

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Tháng 8, mùa thu. Thi tam giáo.

Trước đây, những nhà theo Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo mà có con nổi được nghiệp nhà đều cho vào thi. Nay lại thi những người thông hiểu cả các khoa về ba tôn giáo. Khoa thi này cũng định ra bậc "giáp" và bậc "ất" để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Năm ấy, lấy Ngô Tần đỗ giáp khoa; Đào Diễn, Hoàng Hoan, Vũ Vị Phủ đỗ ất khoa.

Lời chua - Ngô Tần: Người ở Trà Lộ.

Đào Diễn, Hoàng Hoan: Người ở Thanh Hóa.

Vũ Vị Phủ: Người ở Hồng Châu.

Mậu Thân, năm thứ 17 (1248). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn miếu hiệu⁶ Huy Tông⁷ làm Thái tổ, đổi Thọ Lăng làm Huy Lăng.

Lời phê - Truy tôn không xứng đáng, dầu có cũng như không.

Tháng 3. Bắt đầu đắp đê Đĩnh Nhĩ⁸.

Nhà vua hạ lệnh cho các lộ đắp đê tự đầu nguồn đến bãi biển, để đề phòng nước sông lên to, gọi là đê Đĩnh Nhĩ; đặt chức Hà đê chánh sứ và phó sứ để trông coi đốc thúc việc đắp đê. Nếu có chỗ nào đắp vào ruộng đất của dân, sẽ tính trả tiền lại. Việc đắp đê Đĩnh Nhĩ bắt đầu từ đây.

Lời phê - Một lần thất sách, để tai hại về sau không biết chừng nào!

Tháng 4, mùa hạ. Dựng cầu Lâm Ba.

¹ Theo sách Chu Lễ, những người giữ chức khanh, đại phu, cứ 3 năm một lần đại tị, để xét về đức hạnh, đạo nghệ, người nào hiền tài thì được cất nhắc. Đời sau gọi khoa thi hương ở các tỉnh là "đại tị".

² Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

³ Xuất thân nghĩa là con đường để ra làm quan. Sách Tổng sử chép: Tống Chân Tông định điều lệ thi tiến sĩ, chia người đỗ làm 5 bậc: Bậc nhất, bậc nhì là cập đệ; bậc ba là xuất thân; bậc bốn, bậc năm là đồng xuất thân.

⁴ Tác giả bộ Đại Việt sử ký, cộng 30 quyển.

⁵ Nay là huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây.

⁶ Vị hiệu thờ ở nhà Thái miếu.

⁷ Huy Tông là miếu hiệu Trần Thừa, thân phụ Trần Cảnh. Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 13.

⁸ Tục gọi đê tai vạc.

Dựng cầu ở chùa Chân Giáo. Cầu bắc qua ao Ngoạn Thiềm đến cung Cảnh Linh và quán Thái Thanh, gọi là cầu Lâm Ba.

Tháng 6. Hoàng hậu Lý thị mất, truy tôn là Hiến Từ Hoàng Thái hậu.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm - Hoàng hậu Lý Thị nguyên là vợ An Sinh vương Liễu, Thái Tông nhân khi Lý thị đã có thai, cướp lấy làm vợ mình, như thế đã thương luân bội lý lắm rồi, lúc mất lại tôn là Thái hậu, thì còn có nghĩa lý gì? Có lẽ sau này Thái Tông lên nối ngôi vua, mới truy tôn Lý Thị là mẹ đẻ của mình¹, mà nhà làm sử đem chép lầm ở đây, cũng chưa biết chừng. Nếu không thế thì cướp chị dâu làm vợ, tôn vợ lên như mẹ, lại còn có nhân đạo gì nữa dư?

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Cả một đời nhà Trần vẫn gọi là đời không có nghi lễ. Việc truy tôn Lý hậu làm Hoàng Thái hậu để thường cũng có; hành động sai lầm như vậy, thật đáng chê cười!

Sai thuật sĩ² đi trấn yểm các núi sông.

Thủ Độ sai những người tinh nghề phong thủy³ xem xét núi sông khắp trong nước, hễ thấy chỗ nào có vượng khí⁴, như núi Chiêu Bạch, sông Bà và sông Lễ ở Thanh Hóa đều bị đục phá, lại lấp các khe cù, mở ra đường ngang, đường dọc không biết bao nhiêu mà kể.

Lời phê - Trần Thái Tông làm việc này, cũng một lỗi như Thủy Hoàng nhà Tần⁵ đã làm ở Trung Quốc, đều do từ chỗ không có học vấn, nên hành động không có trí thuật gì cả.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Núi Chiêu Bạch: Không rõ ở đâu, có lẽ là núi Chiêu Bạch ở huyện Nga Sơn.

Sông Bà Mã⁶: Ở huyện Đông Sơn.

Sông Lễ⁷: Tên riêng của sông Mã, phát nguyên từ nước Lão Qua⁸, hạ lưu hợp với sông Lương, rồi chảy ra biển.

Kỷ Dậu, năm thứ 18 (1249). (Tổng, năm Thuận Hựu thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Sửa lại chùa Diên Hựu; nhà vua hạ chiếu đại xá.

Chùa này làm từ đời Lý Thái Tông cốt để cầu phúc, nên gọi là Diên Hựu¹, nay sửa chữa lại.

¹ Lý Thị (không có tên), nguyên là công chúa triều nhà Lý, trước lấy Trần Liễu, khi đã có mang, bị Trần Cảnh (Thái Tông) cướp lấy làm vợ, đẻ ra Trần Quốc Khang; sau mới có mang với Trần Cảnh, sinh ra Trần Hoàng, tức Trần Thánh Tông. Xem thêm Chính biên quyển VI từ 16 và 20.

² Người theo về Đạo giáo, họ tự nhận tông phái của họ có nhiều pháp thuật, như cầu thần tiên, nguyên rủa, cầu cúng, giải hạn và làm bùa trấn yểm ma quỷ, v.v...

³ Người làm nghề địa lý, tìm đất tốt để mồ mả, cắm hướng nhà.

⁴ Chỗ đất đẹp, có khí thế hưng vượng, có thể khởi được nghiệp đế vương.

⁵ Tần Thủy Hoàng ngờ ở phương Đông Nam có khí sắc linh tú, có thể phát sinh ra Thiên tử; vì thế Thủy Hoàng thường đi tuần du về mặt đông để trấn áp.

⁶ Nguyên văn về phần mục chép "Bà Lễ Giang", về lời chua lại chua "Bà mã Giang" và "Lễ Giang". Chúng tôi đã tham khảo sách Đại Nam nhất thống chí, về phần sông ngòi tỉnh Thanh Hóa, thấy chép Mã Bà Giang thuộc huyện Sơn Đông. Vậy không rõ con sông này tên là Bà Mã hay Mã Bà, sẽ khảo cứu sau. Còn sông Lễ là một tên riêng của sông Mã thuộc huyện Vĩnh Lộc.

⁷ Nguyên văn về phần mục chép "Bà Lễ Giang", về lời chua lại chua "Bà mã Giang" và "Lễ Giang". Chúng tôi đã tham khảo sách Đại Nam nhất thống chí, về phần sông ngòi tỉnh Thanh Hóa, thấy chép Mã Bà Giang thuộc huyện Sơn Đông. Vậy không rõ con sông này tên là Bà Mã hay Mã Bà, sẽ khảo cứu sau. Còn sông Lễ là một tên riêng của sông Mã thuộc huyện Vĩnh Lộc.

⁸ Tức nước Ai Lao.

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Mưa đá dữ dội.

Canh Tuất, năm thứ 19 (1250). (Tổng, năm Thuận Hựu thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Động đất.

Vì có nạn động đất, nên hạ chiếu cho thiên hạ gọi vua là "quốc gia"; đổi phủ Đô Vệ làm ba ty viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính, cho Lê Phụ Trần giữ việc trong các viện ấy. Lại hạ chiếu phạm những việc kiện tụng đã thành án rồi, thì cùng với quan trong viện Thẩm hình hội đồng với nhau để định tội.

Lời chua - Phủ Đô Vệ: Tức phủ Độ hộ triều nhà Lý, phủ này giữ việc xét đoán kiện tụng, trước đây đã uỷ cho Trương Thất giữ việc này².

Lê Phụ Trần: Tên cũ là Lê Tân, người ở Ái Châu.

Tân Hợi, năm Nguyên Phong thứ 1 (1251). (Tổng, năm Thuận Hựu thứ 11).

Tháng 2, mùa xuân. Ban bố bài minh³ cho các Hoàng tử.

Nhà vua tự tay viết bài minh ban cho các Hoàng tử, dạy những điều trung, hiếu, hòa, tẫn, ôn, lương, cung, kiệm⁴.

Đem Thiên Thành công chúa gả cho Trung Thành vương. Sau công chúa lại về với Quốc Tuấn.

Đã hứa gả công chúa cho Trung Thành vương, định đến ngày rằm tháng này (tức tháng 2) làm lễ "hợp kết", nhà vua nhân việc này mở hội bảy ngày đêm, bày các đồ quý báu và nhiều trò chơi vui để cho trong triều đình, ngoài dân gian được chơi xem. Trước ngày cưới, nhà vua cho công chúa sang ở nhà của Nhân Đạo vương; đương đêm, Quốc Tuấn lẻn vào tư thông với công chúa. Thụy Bà biết tin, liền gọi cửa cáo cấp; nhà vua hỏi, Thụy Bà nói rằng: "Không ngờ Quốc Tuấn là người càn dỡ, đương đêm lẻn vào chỗ ở của Thiên Thành công chúa, nên Nhân Đạo vương đã bắt được giữ lại rồi". Nhà vua sai ngay người hầu cận đến nhà tư Nhân Đạo vương, thì không nghe được tin tức gì cả; họ liền vào chỗ công chúa ở, thì thấy Quốc Tuấn ở đấy. Lúc bấy giờ Nhân Đạo vương mới biết chuyện ấy. Đến ngày hôm sau, Thụy Bà dâng mười mâm vàng sống và nói rằng: "Vội vàng không kịp sửa lễ". Nhà vua bắt đặc dĩ đem Thiên Thành công chúa gả cho Quốc Tuấn, rồi cho Trung Thành vương hai ngàn khoảnh (?) ruộng.

Lời phê - Trần Quốc Tuấn là người văn võ toàn tài, đủ cả trung lẫn hiếu, duy phải một vết xấu này, nên không được là người hoàn toàn. Có lẽ cái thói chung chạ của nhà Trần đã ăn sâu vào đầu óc người ta, đến nỗi họ cho việc ấy là tự nhiên không có gì là quái lạ.

Lời chua - Thiên Thành⁵: Con gái Thượng hoàng⁶.

Quốc Tuấn⁷: Con An Sinh vương Liễu¹.

¹ Xem thêm Chính biên quyển III tờ 4.

² Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 25.

³ Chữ "minh" nghĩa đen là ghi. Dùng văn tự ghi chép những điều hay lẽ phải vào một vật gì để tự răn mình, hoặc khuyên răn người khác, dầu lâu ngày cũng không thể quên được.

⁴ Trung hiếu: Trung với vua, hiếu với cha mẹ. Hòa tẫn: Hoà nhã và khiêm tốn đối với mọi người. Ôn lương: Ngôn ngữ, cử động lúc nào cũng dịu dàng mềm mỏng mà không nghiêm khắc, bình thường giản dị mà không nham hiểm. Cung kiệm: Giữ mình nghiêm trang kính cẩn, tiêu dùng sèn nhạt mà có tiết độ.

⁵ Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành công chúa, An Sinh vương Liễu, Thụy Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

⁶ -nt-

⁷ Quốc Tuấn là con An Sinh vương Liễu, Quốc Tuấn đối với Thiên Thành công chúa là cô cháu ruột.

Thụy Bà²: Chị Thiên Thành và là mẹ nuôi Quốc Tuấn.

Trung Thành: Con của Nhân Đạo là thân vương nhà Trần, nhưng không rõ danh hiệu và thế thứ như thế nào.

Hợp kết: Búi tóc. Theo sách Đông Kinh mộng hoa lục, phàm làm lễ cưới, sau khi vợ chồng đã giao bái rồi, để xoã riêng một ít tóc không búi lại, lúc ấy hai họ đều đưa ra những đồ vóc, lụa, trâm cài tóc và lược chải đầu, gọi là "hợp kết".

Ban yến cho bày tiệc ở trong nội điện.

Bầy tiệc vào hầu vua ăn yến, khi uống rượu say rồi, đều đứng dậy dặt tay nhau mà hát, Ngự sử trung tướng là Trần Chu Phổ cũng theo người ta dặt tay để hát, nhưng chỉ nói câu "sử quán hát" thế thôi. Về việc yến tiệc, sau lại bày trò có người đội mo nang, cầm dù đực, đứng chỉ huy hiệu lệnh uống rượu nữa.

Tháng 4, mùa hạ. An Sinh vương Liễu mất.

Nhâm Tí, năm thứ 2 (1252). (Tổng, năm Thuần Hựu thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành. Tháng 12, mùa đông. Chấn chỉnh đội ngũ trở về nước.

Từ khi họ Lý suy yếu, nước Chiêm Thành thường dùng những chiếc thuyền nhỏ sang cướp bóc dân ở ven biển. Khi nhà vua lên ngôi, sai sứ sang dụ, Chiêm Thành dẫu thường vào cống, nhưng vẫn đòi lại đất cũ³, lại có ý dòm dò nước ta. Nhà vua giận lắm, hạ lệnh cho Khâm Thiên vương là Nhật Hiệu giữ Kinh thành, rồi thân đem quân đi đánh, bắt được vợ vua nước ấy là Bồ Gia La và những thần thiếp nhân dân đem về.

Quý Sửu, năm thứ 3 (1253). (Tổng, năm Bảo Hựu thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương Nhật Hiệu làm Thái úy.

Tháng 6. Lập viện Quốc học.

Khi viện Quốc học làm xong, nhà vua bắt đắp tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử và vẽ tượng bảy mươi hai người hiền⁴ để thờ.

Tháng 8, mùa thu. Lập nhà giảng vũ.

Tháng 9. Hạ chiếu cho học trò trong nước vào viện Quốc Tử để giảng luận nghĩa Lý Ngũ Kinh⁵ và Tứ thư⁶.

Giáp Dần, năm thứ 4 (1254). (Tổng, năm Bảo Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Định quy chế dùng kiệu, dùng ngựa và quân hầu cho họ tôn thất và các quan văn, quan võ.

Phép nhà Trần, từ họ tôn thất đến quan ngũ phẩm đều được dùng kiệu, ngựa và võng (chỉ nha): Họ tôn thất thì kiệu hình đầu chim phượng, sơn son; quan tướng quốc thì kiệu hình chim anh vũ, sơn then, lọng dùng sắc tía hoặc sắc xanh, quân hầu nhiều nhất là ngàn người, ít nhất là trăm người.

¹ Thượng hoàng tức Trần Thừa. Thiên Thành công chúa, An Sinh vương Liễu, Thụy Bà và Trần Thái Tông đều là con Trần Thừa.

² -nt-

³ Tức đất ba châu Địa Lý, Ma linh và Bồ Chính do chúa Chiêm Thành là Chế Củ dâng cho Lý Thánh Tông năm Thần Vũ thứ nhất (1069) (xem thêm Chính biên quyển III tờ 29).

⁴ Những học trò vào bậc cao đệ của Khổng Tử.

⁵ Kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Thi, kinh Thư và kinh Xuân thu.

⁶ Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học và Trung dung.

Lời chua - Chỉ nha: Sách An nam chí nguyên của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép là "để nha" (cái võng). Cách thức chế cái võng này như sau: dùng một bức vải dài treo lên hai đầu cái đòn gỗ cong, nhưng treo cho bức vải và đòn gỗ hơi gần với nhau, trên đòn che một cái chiếu lớn; người sang trọng ngồi bên trong, hai người khiêng hai đầu võng mà đi. Cái cang bây giờ là hình dáng cái võng ngày trước còn sót lại.

Tháng 6. Bán ruộng công cho dân.

Cứ mỗi diện ruộng, cho phép dân được bỏ ra 5 quan tiền, mua làm ruộng tư.

Lời chua - Diện: Thời sau này gọi là mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua bắt Phạm Ứng Mộng tự thiến mình để vào hầu trong cung cấm.

Nhà vua chiêm bao thấy mình đi chơi, gặp thần nhân trở vào một người mà bảo vua rằng: "Người này có thể làm hành khiển được". Lúc tỉnh dậy, nhà vua ghi lấy việc ấy. Một hôm, sau khi tan châu rồi, vua ra chơi ngoài thành, thấy một người con trai đi từ phía nam lại, trông hệt như người mà mình đã thấy trong lúc chiêm bao. Gọi lại hỏi, người ấy đối đáp cũng như những lời đã nói trong lúc chiêm bao. Ý nhà vua muốn cho làm Hành khiển, nhưng nghĩ khó khăn không biết làm thế nào cho hợp lệ, liền ban cho bốn trăm quan tiền để tự thiến mình, đặt tên cho là Ứng Mộng, sau thăng dần lên đến chức hành khiển. Việc này có lẽ bắt chước như việc dùng Lý Thường Kiệt, Lý Thường Hiến ở triều nhà Lý.

Lời phê - Huyền hoặc! Ví thế nào được như việc Thượng đế cho người hiền thần giúp việc ở đời nhà Ân¹!

Lời chua - Hành khiển: Chức Tể tướng thứ hai. Theo chế độ cũ, chỉ có trung quan² mới được sung vào chức này.

Phạm Ứng Mộng: Người huyện Thanh Miện, thuộc Hồng châu³.

Ất Mão, năm thứ 5 (1255). (Tống, năm Bảo Hựu thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Lưu Miễn đi bồi đắp đê ở sông thuộc lộ Thanh Hóa.

Tháng 4, mùa hạ. Đặt chức Hà đê sứ.

Các lộ có đê điều đều đặt hai chức chánh sứ và phó sứ, lấy các quan giữ chức nhàn tản sung bổ; hằng năm cứ khi nào làm ruộng xong, các viên ấy đốc quân đắp sườn đê và khơi các khe cừ, để phòng khi thủy tai hoặc đại hạn.

Tháng 8, mùa thu. Nước to, nhà vua ra chơi Hồ Tây.

Lời bàn của Nguyễn Nghiễm - Nước với đất bản chất đều thuộc về phần âm, nước lớn, đất động, đều là khí âm không điều hòa. Suốt đời Thái Tông, 6 lần nước to⁴, 3 lần động đất⁵, một lần đất nứt ra⁶, đó là bởi cái lỗi trên dưới loạn dân làm cho khí dương mất tiết độ mà khí âm tự phóng túng, thế mà bấy giờ không hề thấy có làm việc gì tỏ ra sợ hãi, tự sửa lấy mình. Tai biến hiện ra luôn mà vẫn coi là việc thường, vua thì

¹ Cao tông nhà Ân là một vị vua hiền, muốn tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước. Một hôm, chiêm bao thấy Thượng đế cho một hiền nhân, mới vẽ hình dạng người đã trông thấy trong lúc chiêm bao, rồi sai người đi tìm, sau tìm được Phó Duyệt đương đắp tường đất ở Phó nham, mời về giúp việc, quả nhiên Phó Duyệt là bậc hiền tài giúp Cao tông trị nước, làm cho nhà Ân được thịnh trị.

² Trung quan tức hoạn quan.

³ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

⁴ Sáu lần nước lớn: Năm Thiên Ứng chính bình thứ 2, thứ 5, thứ 7, 12, 14 và năm Nguyên Phong thứ 5.

⁵ Ba lần động đất: Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 9, 16, 19.

⁶ Một lần đất nứt: Năm Thiên Ứng chính bình thứ 10.

nhân khi nước to mà ra chơi Hồ Tây, bầy tôi thì nhân khi nước to mà hiệp cung nữ¹. Lấy tai biến làm vui, chỉ dâm dục cho thoả thích, chưa có bao giờ quá độ đến như thế!

Lời chua - Hồ Tây: Một tên nữa là hồ Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II, 11).

Bính Thìn, năm thứ 6 (1256). (Tổng, năm Bảo Hựu thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Thi Thái học sinh.

Trước kia, thi lấy sĩ tử, chỉ lấy đỗ có một Trạng nguyên, nay mới chia ra kinh và trại: Từ Thanh Hóa trở vào trong gọi là trại; từ Thanh Hóa trở ra ngoài gọi là kinh. Khoa thi này, lấy Trần Quốc Lặc đỗ kinh Trạng nguyên; Trương Xán đỗ trại Trạng nguyên, Chu Hinh đỗ bảng nhãn, Trần Uyên đỗ thám hoa; còn 43 người đỗ thái học sinh, đều được xuất thân² tùy theo cấp bậc cao thấp khác nhau.

Lời chua - Quốc Lặc: Người huyện Thanh Lâm thuộc Hồng Châu³.

Trương Xán: Người ở Hoàn Sơn thuộc Bồ Chính.

Chu Hinh: Người ở Tế Giang thuộc Bắc Giang⁴.

Trần Uyên: Người ở Đường Hào thuộc Hồng Châu⁵.

Tháng 3 nhuận. Đúc 330 quả chuông bằng đồng.

Lời bàn của Ngô [Thị] Sĩ - Đúc một lúc 330 quả chuông, lãng phí đồng để ném vào việc vô dụng, xét ra nhà Trần sùng đạo Phật lại có phần hơn nhà Lý nhiều.

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh điện Thiên An và cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn đổ nằm phục xuống đất.

Lời chua - Điện Thiên An: Tức điện Kiền Nguyên, là nơi để vua ra coi triều, điện này dựng lên thời nhà Lý⁶, nhà Trần cũng giữ như cũ.

Cung Thái Thanh: Ở bên tả điện Thiên An, trong cung thờ tượng Thiên Tôn.

Đào sông Tô Lịch.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 7, mùa thu. Vũ Thành vương tên là Doãn chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại.

Doãn là con An Sinh vương Liễu, do Lý Thị sinh ra, từ khi nhà vua chiếm lấy Lý Thị lập làm Hoàng hậu, An Sinh vương đối với quốc gia có sự hiềm khích, đến khi Lý hậu mất, tên Doãn bị thất thế, nên đem cả gia quyến chạy sang đất nhà Tống, bị viên quan bản thổ ở Tư Minh là Hoàng Bính bắt được đưa trả lại, nhà vua ban vàng lụa thưởng cho Hoàng Bính. Từ bấy giờ việc xét hỏi quan ải ngày thêm nghiêm mật.

Lời chua - Tư Minh: Tên phủ (?), thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây, giáp với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

¹ Chỉ việc Trần Liễu nhân nước to, đi thuyền vào châu, rồi ghé thuyền vào cung Lệ Thiên hiệp dâm phi tần cũ nhà Lý. (Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 16).

² Xem Thái học sinh và xuất thân chua ở Chính biên quyển VI tờ 30.

³ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

⁴ Tế Giang: sau là Văn Giang thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

⁵ Nay là huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển II tờ 19.

Đinh Tị, năm thứ 7 (1257). (Tổng, năm Bảo Hựu thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Lấy con gái viên Thổ quan nhà Tống là Hoàng Bính sung vào hậu cung sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Lúc ấy nước Mông Cổ ngày càng mạnh, Hoàng Bính biết nhà Tống sắp mất, nên đem cả gia quyến đến khuyết đình và tiến con gái lên cho vua, vua cho sung vào hậu cung. Sau Hoàng Bính lại đem dâng phẩm vật ở địa phương và đem một ngày hai trăm người bộ thuộc đến nước ta xin quy phụ.

Tháng 9. Hạ mệnh lệnh cho Quốc Tuấn đem quân trấn ngự biên thù phía bắc.

Chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất chạy trạm về triều tâu việc quân Mông Cổ sang xâm lấn, nhà vua hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất tả hữu tướng quân đem quân đi trấn giữ.

Lời chua - Quy Hóa: Xưa thuộc bộ Tân Hưng, nhà Lý gọi là Đăng Châu; nhà Trần gọi là trại Quy Hóa; nhà Lê đổi làm phủ; bây giờ cũng theo như cũ, thuộc tỉnh Hưng Hóa¹.

Tháng 12. Quân của Mông Cổ xâm phạm đến địa phận sông Thao, nhà vua tự làm tướng đem quân đi chống cự, bị thua.

Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai đã chiếm lấy được nước Đại Lý², liền kéo quân xâm phạm đến địa phận sông Thao nước ta. Nhà vua làm tướng ra đốc chiến, tự đi dẫn đầu xông vào mũi tên hòn đạn; quan quân cứ dần dần rút lui. Nhà vua ngoảnh trông 2 bên, chỉ thấy có Lê Phụ Trần một mình cưỡi ngựa ra vào trong trận giặc, nhan sắc bình tĩnh như thường. Bấy giờ có người khuyên nhà vua đóng quân ở đấy để chỉ huy việc đánh giặc. Lê Phụ Trần can rằng: "Nếu bây giờ bệ hạ làm như thế, thì chỉ như người dốc hết túi tiền để đánh nốt tiếng bạc mà thôi. Tôi tưởng hãy nên lánh đi, không nên khinh thường mà nghe người ta được". Nhà vua nghe lời, lui quân đóng ở sông Phú Lương, Phụ Trần đi sau cùng để vén quân. Lúc ấy quân Mông Cổ đuổi gấp, bắn tứ tung, Phụ Trần lấy cái sạp thuyền che đỡ cho nhà vua được thoát nạn.

Bấy giờ thế giặc mạnh lắm, kéo quân sát thẳng đến Đông Bộ Đầu mới đóng lại, nhà vua lại phải lui xuống giữ sông Thiên Mạc. Có lúc nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ, tới thuyền của Thái úy Nhật Hiệu để hỏi kế hoạch. Nhật Hiệu đương ngồi tựa vào thuyền, không thể đứng dậy được, chỉ lấy nước viết ở bên mạn thuyền hai chữ "nhập Tống"³. Nhà vua hỏi đội quân Tinh Cương ở đâu. Nhật Hiệu thưa rằng: "Đã cho triệu tập, nhưng không thấy đến". Nhà vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư là Thủ Độ, Thủ Độ thưa rằng: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo nghĩ đến chuyện khác cho phiền lòng".

Lời chua - Sông Thao: Xem Lý Nhân Tông, năm Hội Phong thứ 5 (Chb. IV, 2).

Sông Phú Lương: Tức sông Nhị Hà bây giờ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Sông Thiên Mạc: Tức hạ lưu sông Phú Lương, ở Mạn Trù Châu, huyện Đông Yên, thuộc địa giới tỉnh Hưng Yên.

Quân Tinh Cương: Tức quân tuyển trong những người ở làng Tinh Cương do Nhật Hiệu thống lĩnh.

Nhà vua đánh tan được quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ phải rút lui.

Nhà vua cùng Thái tử lại tiến quân đến Đông Bộ Đầu đánh quân Mông Cổ, thu được toàn thắng. Quân Mông Cổ rút lui, khi rút đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Mán đánh úp, lại thắng được một trận lớn. Lúc ấy quân Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân tuần tiễu mới đến, không

¹ Theo Hưng hóa chí lược của Phạm Thân Duật thì: Phủ Quy Hóa thống lĩnh 3 huyện là Yên Lập, Văn Chấn, Trấn Yên và 2 châu là Văn Bàn, Thủy Vĩ. Nay huyện Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ, còn 2 huyện và 2 châu kia thuộc tỉnh Yên Bái.

² Nước Đại Lý bị Hốt Tất Liệt nhà Nguyên diệt từ năm 1252, đặt là Đại Lý lộ bây giờ thuộc địa phận tỉnh Vân Nam.

³ Nhật Hiệu viết hai chữ "nhập Tống" ý nói nên chạy sang Trung Quốc nương nhờ vào nhà Tống.

có ý đánh để chiếm lấy, nên lúc ấy người ta gọi toán quân ấy là "giặc bụi". Sau khi giặc đã lui rồi, nhà vua thưởng cho Hà Bổng tước hầu.

Lời cần án - Trận này thế giặc rất mạnh, thế mà *Sử cũ* chỉ chép rằng nhà vua tiến quân đánh được giặc, không chép rõ cái cơ sở dĩ đánh được như thế nào cả. Tham khảo sách *Nguyên sử loại biên* và sách *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) đều chép rằng: Ngột Lương Hợp Thai đã bình được nước Đại Lý, kéo quân sang nước ta, ba lần sai sứ đến dụ nhà vua đầu hàng, đều không thấy sứ thần trở về, bấy giờ mới chia đường tiến quân, nhân thế thắng, kéo vào đô thành nước ta, khi vào, thấy ba người sứ sai sang trước còn bị giam ở trong ngục, người nào cũng bị những thanh tre bó chặt vào mình sát hẳn đến da, khi cởi trói ra, thì một người đã bị chết, họ liền giết hết cả dân trong thành. Đóng quân ở đây được 9 ngày, vì không chịu được nóng nực, phải rút về. Lại sai sứ giả đến chiêu an, vua Thái Tông giận họ tàn phá, nên lại sai trói hai sứ giả đưa trả lại. Việc chép ở hai sách này so với việc chép ở *Sử cũ* không hợp với nhau, nhưng cũng ghi cả để tiện tham khảo.

Lời chua - Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 5 (Chb. V, 33).

Ngột Lương Hợp Thai: Sách *Cương mục tục biên* (Trung Quốc) chép là Ô Lan Cáp Đạt; sách *Thông giám tập lãm* (Trung Quốc) chép là Ô Đặc Cáp Lý Đạt.

Tha tội cho người tiểu hiệu là Hoàng Cự Đà.

Trước kia, nhà vua ban quả muỗm cho những người hầu cận, mà không cho Cự Đà. Khi quân Mông Cổ kéo đến Đông Bộ Đầu, Cự Đà chèo thuyền đi trốn, thuyền đến sông Hoàng Giang, gặp thuyền của Thái tử đương từ hạ lưu đi ngược lên. Cự Đà trông thấy, tránh thuyền sang bờ sông bên kia, thuyền đi rất nhanh. Quan quân ở bờ bên này sông hô to lên hỏi: "Quân Mông Cổ bây giờ ở đâu?". Cự Đà trả lời: "Tôi không biết, các anh nên hỏi những người nào được ăn muỗm ấy". Đến nay, Thái tử xin luận tội Cự Đà thật nặng để răn bảo người làm tôi bất trung. Nhà vua nói: "Kể tội Cự Đà đáng lẽ phải giết cả họ, nhưng đời trước cũng có việc tên Dương Châm, vì không được ăn thịt dê, làm cho quân nhà Tống đến nỗi bị thua¹; thế thì cái tội Cự Đà tức là lỗi ở quả nhân, nghĩ nên tha tội chết cho nó, và cho đi đánh giặc để chuộc tội".

Lời phê² - Đây cũng chỉ là hiệu danh mà thôi, không được chính đáng bằng ý kiến của thái tử.

Lời chua - Hoàng Giang: Ở địa giới huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân bây giờ, phía trên tiếp giáp sông Thiên Mạc, phía dưới thông với sông Giao Thủy.

Mậu Ngọ, năm thứ 8 (1258). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc niên hiệu Thiệu Long thứ 1 đời Thánh Tông - Tống, năm Bảo Hựu thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Đem Hoàng hậu cũ là Lý Thị³ gả cho Ngự sử Đại phu Lê Phụ Trần.

Quân Mông Cổ đã rút lui, trăm họ lại yên nghiệp làm ăn như trước, sáng ngày mừng một tết, nhà vua ngự triều ở chính điện, định công đánh giặc để ban thưởng, phong cho Lê Phụ Trần chức Ngự sử đại phu, lại gả Chiêu Thánh công chúa cho. Nhà vua bảo Lê Phụ Trần rằng: "Nếu trăm không có nhà người giúp sức, thì làm gì được có ngày nay, nhà người nên cố gắng để cùng làm tròn sự nghiệp sau này".

¹ Thời Xuân Thu, nước Tống đánh nhau với nước Trịnh, khi sắp đánh nhau, tướng nước Tống là Hoa Nguyên giết dê cho quân sĩ ăn, người cầm cương xe ngựa tên là Dương Châm không được ăn. Lúc đánh nhau, Dương Châm bảo Hoa Nguyên rằng "việc chia thịt dê hôm trước quyền ở ông, còn việc ngày nay là quyền ở tôi", rồi hấn đánh xe xông thẳng vào hàng ngũ quân Trịnh, thành ra Hoa Nguyên bị quân Trịnh bắt, quân Tống bị thua. (Xuân thu đại toàn quyển XIX tờ 13).

² Chỉ việc Trần Thái Tông nhận lỗi về mình để tha tội cho Cự Đà.

³ Tức Chiêu Hoàng nhà Lý, lấy Trần Thái Tông, sách phong là Chiêu Thánh Hoàng hậu, sau Thái Tông lấy vợ Trần Liễu, truất Chiêu Thánh Hoàng hậu làm công chúa. (Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 16).

Sai sứ sang nhà Tống.

Nhà vua đã thu phục được kinh thành, toan truyền ngôi cho Thái tử, nên sai sứ sang báo cáo với nhà Tống và đưa dâng hai con voi.

Bấy giờ Mông Cổ cũng sai sứ sang nước ta, đòi hằng năm phải cống nạp, vì thế nhà vua mới sai Lê Phụ Trần sang sứ Mông Cổ, và cho Chu Bác Lãm làm Phó sứ, định cứ 3 năm một lần sang cống.

Tháng 2. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng Thái tử là Hoàng. Sau khi Thái tử lên ngôi, tôn nhà vua làm Hiển Nghiêu Thánh thượng hoàng đế.

Thái tử đã lên ngôi, xưng hiệu là Nhân Hoàng; bấy tôi dâng tôn hiệu là Kiến Thiên thể đạo Đại Minh, Quang Hiếu Hoàng đế (tức là Thánh Tông).

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Gia pháp họ Trần, khi Thái tử đã khôn lớn thì cho nối ngôi chính thống ngay, mà vua cha thì lui về ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cha con vẫn cùng nhau giữ chính quyền trong nước. Thực ra, chỉ truyền ngôi vua để phòng nếu khi vội vàng thì ngôi vua sau này đã được ổn định đó thôi, còn các công việc đều do Thượng hoàng quyết đoán. Khi Thượng hoàng còn thì ông vua nối ngôi sau này cũng không khác gì Thái tử. Việc này có lẽ theo nghĩa trong kinh **Dịch** là quẻ Kiền lui về tây bắc mà quẻ Chấn tiến lên phương đông vậy¹.

Lời phê - Phép truyền ngôi vua này của nhà Trần cũng hay, có thể bắt chước được.

Tháng 8, mùa thu. Gió dữ tợn quá, ngọn tháp Báo Thiên bị đổ.

Lời chua - Tháp Báo Thiên: Dựng từ năm Long Thụy thái bình thứ 4 đời Lý Thánh Tông (1057). Ngọn tháp cao vài mươi trượng, xây thành 12 tầng.

Lập Trần Thị làm Hoàng hậu.

Trần Thị là con gái An Sinh vương Liễu, nhà vua lấy làm vợ, phong là Thiên cảm phu nhân, rồi lại sách lập làm Hoàng hậu.

Tháng 11, mùa đông. Phong cho em là Quang Khải làm Chiêu Minh đại vương.

Quang Khải là con thứ 3 của Thượng hoàng², em cùng mẹ với nhà vua.

Lời chua - Theo quy chế nhà Trần, phong các Hoàng tử, người trưởng được tước Đại vương, người thứ được tước vương, người thứ nữa được phong là Thượng vị hầu; về phần con các tước vương thì người trưởng được phong tước vương, người thứ phong Thượng vị hầu.

¹ Quẻ Kiền tượng trưng người cha: nói về vị trí thì ở về Tây Bắc; nói về thời tiết là lúc mùa thu mùa đông giao tiếp nhau, lúc ấy muôn vật tiềm tàng khô héo.

Quẻ Chấn tượng trưng người con trai trưởng: nói về vị trí thì ở về phương đông; nói về thời tiết là mùa xuân, lúc ấy muôn vật đều sinh trưởng.

² Thượng hoàng đây là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ VII

Từ năm Kỷ Mùi, Trần Thánh Tông, niên hiệu Thiệu Long thứ 2 (1259) đến năm Bính Tuất, Trần Nhân Tông, niên hiệu Trùng Hưng thứ 2 (1294), gồm 28 năm.

✱

Kỷ Mùi, Thánh Tông hoàng đế năm Thiệu Long thứ 2 (1259) (Tổng, năm Khai Khánh thứ 1).

Tháng 6, mùa hạ. Phong cho Nguyễn Giới Huân làm Đại hành khiển thượng thư Tả Phụ; Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Đặt quan để coi giữ sơn lăng.

Canh Thân, năm thứ 3 (1260). (Tổng, năm Cảnh Định thứ 1; Mông Cổ, Thế tổ Hốt Tất Liệt năm Trung Thống thứ 1).

Ngày Mậu Thìn, mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực. Ngày Nhâm Thìn, xung quanh mặt trời có hai vòng sắc sáng.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1261). (Tổng, năm Cảnh Định thứ 2; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lính.

Tuyển dân đinh các lộ, người nào khỏe mạnh sung làm lính; ngoài ra sung làm người sắc dịch ở sảnh, ở viện, ở cục và sung vào đội tuyển phong ở lộ, phủ, huyện.

Thi lại viên.

Thi bằng phép viết và phép tính, người nào trúng tuyển được bổ làm duệ lại¹ ở nội lệnh sử². Còn ti Thái Y³, ti Thái Chúc⁴ thì thi những người tinh thông nghề nghiệp chuyên môn, người nào trúng tuyển về môn gì, sẽ được sung bổ vào chức việc ti ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nước Mông Cổ sang.

Trước đây Hiến Tông nước Mông Cổ sai Nạp Thích Đinh sang dụ nhà vua rằng: "Ngày trước nước Mông Cổ sai sứ sang thông hiếu, thì sứ thần bị bắt không được trở về, vì thế mới có cuộc hành quân năm trước; đến khi sai hai sứ thần sang chiêu an, lại bị trói đưa trả lại, nay đặc phái sứ thần sang hiếu dụ một lần nữa, nếu quyết lòng xin phụ thuộc vào Trung Quốc thì vua phải thân hành sang châu". Nhà vua tiếp được thư, trả lời rằng: "Đợi khi nào có chiếu chỉ của Thiên tử, lúc ấy sẽ cho ngay con sang làm con tin". Đến đây, Thế Tổ nước Mông Cổ mới lên ngôi, lại sai Lễ bộ lang trung là Mạnh Giáp, Viên ngoại lang là Lý Văn Tuấn sang dụ rằng: "Quan lại, sĩ thứ nước An Nam, phạm áo mũ lễ nghi đều được theo chế độ cũ

¹ Một chức trong hàng lại điển, giữ việc từ hàn ở trong cơ quan.

² Cơ quan hành chính.

³ Giữ việc thuốc thang điều trị cho vua chúa.

⁴ Giữ nghi lễ tế tự.

nước mình. Trung Triều¹ đã hạ lệnh răn bảo quan lại ở ngoài biên giới không được tiện tiện đem quân xâm nhiễu, vậy hai bên đều nên giữ việc trị an như cũ". Khi bọn Mạnh Giáp đã đến nơi, nhà vua ban yến ở cung Thánh Từ. Sau nhà vua sai viên Thông thị đại phu là Trần Phụng Công, viên ký ban các vệ là Nguyễn Thám và Viên ngoại lang là Nguyễn Diễn sang Mông Cổ đáp lễ, vua Mông Cổ ban sách phong và cho ba súc gấm tây cẩm, sáu súc gấm vàng. Lại định lệ ba năm một lần sang cống kể bắt đầu từ năm Trung Thống thứ 4 (1263) và bắt phải tuyển những học trò, thầy thuốc, thầy số, thầy bói và các thợ, mỗi hạng ba người, cùng với trầm hương, tê giác, đồi mồi, trân châu, ngà voi, chén, các hạng kể trên, phải đưa sang cùng một lúc.

Vua Mông Cổ cho Nạp Thích Đinh sung làm quan Đạt lỗ hoa xích, đi lại giám sát việc cai trị, nhà vua sai Dương An Dưỡng sang tạ ơn, vua Mông Cổ đáp lại bằng đai ngọc, the lục, thuốc bắc và yên ngựa, cương ngựa.

Lời chua - Đạt lỗ hoa xích: Tên chức quan của Mông Cổ, dịch ra nghĩa là quan trưởng ấn, chức quan này giám sát việc cai trị quận huyện.

Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Thái úy.

Người anh nhà vua là Quốc Khang nhiều tuổi, nhưng vì tài trí tầm thường không dùng được, nên dùng Quang Khải làm tướng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Chế độ nhà Trần, tước vương, tước hầu đều ở dinh thự riêng tại các làng. Khi triều yết thì về kinh, khi xong việc lại trở về dinh thự riêng của mình. Đến lúc vào làm Tể tướng trong triều mới thống lĩnh hết cả công việc trong nước, nhưng cũng chỉ giữ đại cương mà thôi, còn quyền xếp đặt thì thuộc chức Hành khiển, như thế thì người chức nhỏ làm giữ việc nặng, người chức lớn lại giữ việc nhẹ. Bởi vì muốn bảo toàn cho Tể tướng, nên không muốn để Tể tướng phải phiền lòng về nhiều việc. Và lại, xem như năm Nguyên Phong², giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu đều đem hương binh và thổ hào sung vào đội quân cầu vương; việc chính biến năm Đại Định³, vương hầu lại đem dân các thôn trang sắm sửa nghi trượng (tử tú long đại) để đón vua mới. Như thế thì chế độ nhà Trần cũng làm tăng được sức mạnh của khí thế "duy thành"⁴.

Lời chua - Đại Định: Niên hiệu tiếm thiết của Dương Nhật Lễ.

Long Đại: Tức là nghi trượng khi thiên tử đi ra ngoài cung điện. Theo mục "Nghị vệ chí" trong Tổng thư, tử tú long đại là nghi trượng của thiên tử.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1262). (Tổng, năm Cảnh Định thứ 3; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đem làng Tức Mặc thăng lên làm phủ Thiên Trường, dựng cung Trùng Quang, Trùng Hoa và chùa Phổ Minh ở phủ ấy.

Thượng hoàng đến chơi hành cung ở Tức Mặc, ban yến tiệc cho dân. Các ông già trong làng người 60 tuổi trở lên, cho quan tước hai tư⁵, đàn bà thì cho hai tấm lụa. Nhân đây đổi làng Tức Mặc làm

¹ Triều đình Trung Quốc.

² Niên hiệu đời Trần Thái Tông.

³ Dương Nhật Lễ cướp ngôi vua nhà Trần (1369), tôn thất nhà Trần đem quân đón Trần Húc (con Trần Minh Tông) ở Đà Giang về giết được Nhật Lễ, khôi phục ngôi vua nhà Trần, tức Trần Nghệ Tông.

⁴ Thơ Bản trong thiên Tiểu nhã kinh Thi có câu "tông tử duy thành", người tôn thất như cái thành bảo vệ triều đình. Người làm vua nên lấy đạo nghĩa đối đãi tôn thất, thì cái thành mới vững.

⁵ Tư: Tư cách. Có những điển như sau: mục "Bách quan chí" trong Đường thư chép: Xét công trạng các quan chia ra nhiều tư: thượng tư, thứ tư và hạ tư, người bạch đình và vệ sĩ không có tư (Từ Hải trang 26). Mục "Tuyển cử chí" trong Đường thư chép: Lại bộ thượng thư Bùi Quang Đĩnh mới đặt thể lệ theo tư cách, các viên chức không kể người hiền người ngu, tất phải hợp tư cách mới được bổ dụng, nghĩa là theo địa vị để tuyển dụng có một cách thức nhất định. (Từ Hải, tờ 1274 và Từ Nguyên, Dụ tập, tờ 97).

phủ Thiên Trường; dựng cung gọi là Trùng Quang để cho các vua đã nhường ngôi rồi về ở, phía tây cung dựng chùa Phổ Minh; lại dựng một cung riêng để cho tự quân¹ khi đến châu Thượng hoàng thì ngự ở đó, gọi là cung Trùng Hoa; đặt người chức dịch ở hai cung ấy để phòng khi sai khiến hầu hạ, và đặt chức Lưu thủ để trông coi.

Lời chua - Tức Mặc: Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (Chb. VI, 4).

Tháng 3. Hạ chiếu cho các quân đội tập trận.

Quân thủy và quân bộ đều phải sửa soạn chiến khí, chiến thuyền, diễn tập chiến trận ở bãi phù sa sông Bạch Hạc.

Lời chua - Sông Bạch Hạc: Ở địa phận huyện Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây². Sông này phía trên giáp với sông Thao, sông Đà, phía dưới thông với sông Phú Lương.

Tháng 6, mùa hạ. Sứ thần nhà Tống sang.

Nhà Tống thấy nhà vua đã được Thượng hoàng truyền ngôi cho rồi, nên hạ chiếu cho tập phong làm An Nam quốc vương và gia phong vua Thái Tông làm Đại vương.

Tháng 9, mùa thu. Xét tình trạng những người bị tội.

Người bị tội dẫu nặng dẫu nhẹ đều được tha bổng, duy lúc quân Mông Cổ sang xâm lược mà ai hàng giặc thì không được tha.

Quý Hợi, năm thứ 6 (1263). (Tống, năm Cảnh Định thứ 4; Mông Cổ, năm Trung Thống thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 3. Sét đánh điện Thiên An.

Lời chua - Điện Thiên An: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 2 (Chb. II, 33).

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh bệnh dịch.

Tháng 12, mùa đông. Mưa to, gió lớn.

Giáp Tí, năm thứ 7 (1264). (Tống, năm Cảnh Định thứ 5; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần Thủ Độ mất.

Thủ Độ dẫu không có học vấn gì, nhưng có tài lược. Thái Tông được thiên hạ là do mưu sức của Thủ Độ cả, cho nên Thủ Độ là một chỗ dựa vững chắc của nhà Trần, quyền bính lấn át cả vua. Bây giờ có người đã hặc³ Thủ Độ, khi người ấy trông thấy Thái Tông, liền chảy nước mắt mà than rằng: "Bệ hạ còn thơ ấu, mà quyền bính của Thủ Độ to quá, thế thì xã tắc sẽ ra thế nào?". Thái Tông lập tức đi xe đến chơi nhà riêng Thủ Độ và đem cả người ấy đi theo, rồi theo lời hặc ấy bảo cho Thủ Độ biết. Thủ Độ thưa rằng: "Câu nói ấy đúng sự thực", nói xong liền đem tiền lụa thưởng cho người ấy.

Thái Tông thường có ý muốn cho anh ruột Thủ Độ là An Quốc làm Tế tướng, Thủ Độ từ chối, nói rằng: "An Quốc là anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy là người hiền tài thì tôi xin từ chức để nhường cho anh tôi, nếu bệ hạ nhận thấy không phải hiền tài thì không nên dùng, chứ nếu cả hai anh em đều làm tướng, thì đối với thiên hạ còn ra thế nào?". Do đấy Thái Tông mới bỏ ý nghĩ ấy.

Nước ta về triều Lê, các quan chức có 24 thông tư, bậc thấp nhất là từng cứu phẩm, một tư, bậc cao nhất là quốc công đủ 24 tư (Cương mục thông giám Chính biên quyển XXII tờ 25).

¹ Hoàng tử nào được vua cha truyền ngôi cho lên làm vua gọi là tự quân.

² Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

³ Vạch trần tội lỗi của người khác cho mọi người biết.

Thủ Độ đầu làm quan đến Tể tướng, mà không việc gì là không để ý đến, vì thế mới giúp nhà Trần dựng nên cơ nghiệp đế vương, mà cũng giữ trọn vẹn được thân mình. Thái Tông có làm văn bia ở sinh từ Thủ Độ để tỏ ý quý mến hơn người khác.

Nhưng xét ra, những việc giết vua triều trước¹ và thông dâm với vợ vua², việc gì Thủ Độ cũng nhẫn tâm làm cả. Như thế Thủ Độ là bầy tôi có công với triều Trần, mà là người có tội với triều Lý.

Tháng 3. Bổ dụng Khâm Thiên đại vương là Nhật Hiệu làm Tướng quốc Thái úy.

Nhà vua muốn dùng Nhật Hiệu làm Thái sư, nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận, có lẽ hãnh thẹn về việc viết chữ vào mạn thuyền khi trước; vì thế quan chức của hắn mới thêm hai chữ "tướng quốc", và phong hắn làm Tướng quốc Thái úy thống lĩnh mọi công việc trong nước.

Lời chua - Việc viết chữ vào mạn thuyền: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Tháng 7, mùa thu. Sao chổi mọc ở phương Đông Bắc.

Thượng hoàng ban yến cho bầy tôi ở điện Diên Hiên, chợt thấy sao chổi mọc về phương Đông Bắc, dài suốt một phương trời, Thượng hoàng ra coi, rồi bảo rằng: "Ta xem ngôi sao này tia sáng rất lớn, đuôi mọc rất dài, chắc không phải sự tai biến ứng về nước ta", rồi lại cho ăn yến đến xong tiệc. Tháng 10 năm ấy, vua nhà Tống mất.

Lời phê - Câu nói này cũng may mà trúng, vì chính Thái Tông thấy rõ được công việc nhà Tống lúc bấy giờ, nên nói khiên cưỡng mà thôi, chứ biết thế nào được đạo trời.

Ất Sửu, năm thứ 8 (1265). (Tống, Độ Tông, năm Hàm Thuận thứ 1; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ thần sang cống.

Nước Chiêm Thành từ khi bị Thái Tông sang đánh đến nay, sợ oai, phải một lòng thần phục, nên trong một đời nhà vua sáu lần sang cống. Nước Chiêm Thành từ khi bị Thái Tông sang đánh đến nay, sợ oai, phải một lòng thần phục, nên trong một đời nhà vua sáu lần sang cống³.

Tháng 3. Đổi ti Bình Bạc⁴ ở kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Viên quan nào giữ chức An phủ ở các lộ, sau khi mãn lệ khảo công, thì được cất nhắc lên giữ chức An phủ ở Thiên Trường, lại qua một lần khảo công nữa, được cất nhắc lên Thẩm hình viện, rồi mới được thực thụ chức Đại an phủ ở kinh sư. Cách đề bạt như thế, là có ý coi trọng chức quan đứng đầu địa phương trong kinh thành.

Tháng 7, mùa thu. Nước to, nhà vua hạ chiếu ân xá.

Nước lên to, tràn vào phường Cơ Xá, người và súc vật phần nhiều bị chết đuối, vì thế mới hạ chiếu ân xá.

Lời chua - Cơ Xá: Xem Lý Nhân Tông, năm Long Phù thứ 8 (Chb. VI, 6).

Bính Dần, năm thứ 9 (1266). (Tống, năm Hàm Thuận thứ 2; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Sai sứ sang Mông Cổ.

¹ Chỉ việc Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

² Chỉ việc Thủ Độ thông dâm với Thiên Cực công chúa là vợ Lý Huệ Tông, sau lại lấy làm vợ mình.

³ Năm Thiên Long thứ 8, 9, 10, 12, 13 và năm Thiệu Bảo thứ nhất. Trong sáu lần cống, có hai lần cống voi trắng.

⁴ Chức quan đứng đầu địa phương ở kinh sư: Chức quan này giữ việc xét xử quyết đoán các việc kiện tụng, nên gọi là bình bạc (Xem thêm Chb. VI, 10).

Sứ thần Mông Cổ sang nước ta ban hành tờ chiếu đổi niên hiệu mới và trao cho niên lịch năm Bính Dần, vì thế nhà vua sai Dương An Dưỡng đem thư sang Mông Cổ: 1) Xin định lại những phẩm vật địa phương phải cống nạp; 2) Xin miễn việc phải nộp học trò, thầy thuốc và thợ thuyền; 3) Xin cho Nạp Thích Đĩnh làm Đạt lỗ hoa xích dài hạn. Mông Cổ đều nhận lời, nhưng không được bao lâu lại đòi nước ta phải nhận 6 việc: 1) vua phải thân sang châu; 2) cho con em sang làm con tin; 3) phải kê nộp số dân trong nước; 4) phải nộp một số quân; 5) phải nộp tô thuế; 6) vẫn đặt quan để giám sát việc cai trị.

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu cho vương hầu được phép đặt điền trang.

Tước vương, tước hầu, công chúa, phò mã và cung tần đều được phép chiêu mộ những người phiêu tán nghèo đói làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành trang hộ. Vương, hầu có điền trang bắt đầu từ đây trước.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1267). (Tổng, năm Hàm Thuần thứ 3; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho những người trong tôn thất.

Con các vương, hầu, công chúa trong hoàng tông thuộc về dòng chính được phong ấm, gọi là "kim chi ngọc điệp" (cành vàng lá ngọc); cháu ba đời những người ấy phong là quận vương, cháu bốn đời ban cho tước minh tự, cháu năm đời ban cho tước thượng phẩm, theo với thể thứ ở "ngũ phục đồ"¹.

Lời cần án - Thể lệ phong ấm triều nhà Trần, theo *Sử cũ* chép lại, phần nhiều không hiểu rõ được, như con thứ của vua phong là thượng vị hầu, mà con trưởng của các tước vương thì phong vương, con thứ cũng phong là thượng vị hầu, như thế đã không theo thể thứ. Đến như việc tập ấm, mà cháu ba đời của vương, hầu, công chúa cũng phong đến quận vương, thì thật là lộn xộn. Việc này sẽ khảo cứu sau.

Tháng 4, mùa hạ. Kén chọn học trò lấy người nào có tài năng văn học sung bổ vào giữ việc ở quán, các sảnh và viện.

Theo quy chế cũ, chức Hành khiển chưa bao giờ dùng người văn học, chỉ có người hầu cận trong nội² mới được làm. Lúc ấy Đặng Kế giữ chức Hàn lâm viện học sĩ³, Đỗ Quốc Tá giữ chức Trung thư sảnh trung thư lệnh⁴. Người có văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đây trước.

Tháng 5. Phong cho em là Ích Tắc tước Chiêu Quốc vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh, chăm học, am hiểu kinh truyện và lục nghệ, lại có tài làm văn chương; những nghệ thuật nhỏ như đá cầu, đánh cờ, không việc gì là không tinh hiểu. Thường mở trường học ở bên hữu chỗ nhà riêng, họp tập những người văn sĩ bốn phương, cấp cho cơm áo để cùng nhau giảng tập, như các ông Mạc Đĩnh Chi, Bùi Phóng, đến 20 người, đều là những người sau này có giúp ích cho đời cả.

Lời chua - Đĩnh Chi: Người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.

¹ Ngũ phục là những người cùng một tông tộc, theo thể thứ trong họ, mặc tang phục để tang nhau, chia ra 5 hạng:

- 1- Trảm thôi: mặc áo xô gấu để tang 3 năm;
- 2- Tư thôi hay là cơ niên: mặc áo vén gấu để tang 1 năm;
- 3- Đại công: để tang 9 tháng;
- 4- Tiểu công: để tang 5 tháng;
- 5- Tì ma: để tang 3 tháng;

Năm thứ tang phục này, có hình vẽ ở trong luật, nên gọi là "ngũ phục đồ".

² Tức bọn hoạn quan.

³ Chức quan đứng đầu Viện Hàn lâm có nhiệm vụ trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của vua.

⁴ Chức quan có nhiệm vụ giúp vua ý kiến lời khuyên về các việc trọng đại trong triều.

Bùi Phóng: Người ở Hải Dương, không rõ về huyện nào.

Tháng 8, mùa thu. Định đội ngũ trong quân lính.

Mỗi quân chia ra 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn những người trong tôn thất hiểu vũ nghệ, thông binh pháp, đứng ra cai quản.

Lời chua - Sách Ngũ đại sử chép: Quân lính nhà Hậu Đường có "Phùng thánh đô". Sách ấy chua rằng: "Đô, là tên quân ngũ".

Phong cho em là Nhật Duật tước Chiêu Văn Vương.

Ngật Duật là con thứ sáu của Thượng hoàng, lúc sinh ra, ở hai bắp cánh tay có vết chữ "chiêu văn", vì thế lấy chữ ấy làm hiệu phong vương.

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1268). (Tổng, năm Hàm Thuần thứ 4; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho tước vương, tước hầu thuộc họ tôn thất vào châu trong nội điện.

Nhà vua thường bảo các người trong tôn thất rằng: "Thiên hạ này là thiên hạ của tổ tông, người nối cơ nghiệp tổ tông nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý. Dầu rằng cả thiên hạ cùng phụng thờ một người¹, đó là sự tôn kính điển thường theo về danh phận, nhưng anh em là xương thịt rất thân, gặp lúc lo thì cùng lo, gặp lúc vui thì cùng vui. Trẫm với các khanh, nói về tình thân cũng như thân thể một người không thể chia cắt được. Các khanh nên đem lời nói này của trẫm truyền bá cho con cháu, để ghi nhớ không bao giờ quên, thế là phúc trạch muôn đời của tông miếu, xã tắc nhà ta đây". Đến nay nhà vua hạ chiếu cho tước vương, tước hầu trong họ nội thất, sau khi bãi trào thì vào châu trong Nội Điện và Lan Đình, cùng nhau ăn uống; có khi trời tối không về được, thì trải gối dài, chăn rộng, kê giường liền sát vào nhau để cùng nằm chung, yêu kính nhau về đủ mọi mặt. Nhưng đến khi có lễ lớn, như thiết triều, khánh hạ, ban yến, tế tự, thì thứ vị người tôn người ti rất nghiêm chỉnh rõ ràng. Vì thế lúc bấy giờ vương hầu ai cũng hòa mục, kính sợ, không người nào có thái độ khinh nhờn kiêu căng.

Lời phê - Nhà Trần thu được nhiều hiệu lực của tôn thất là do ở việc này, cũng do việc này mà thân mật với nhau quá, rồi đi đến chỗ chung chạ loạn luân. Thế mới biết "thiên hạ không có việc gì toàn lợi, cũng không có việc gì toàn hại", câu cổ nhân nói thật là đúng lắm. Còn như câu vua Trần nói "nên cùng anh em trong tôn thất cùng hưởng phú quý", thì trái với cái ý "nuôi người hiền tài, cầu người tuấn kiệt" của đế vương đời xưa.

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Tướng quốc Thái úy là Nhật Hiệu mất.

Dân bị nạn đói lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sứ thần Mông Cổ sang.

Mông Cổ sai Hốt Lung Hải Nha sang thay Nạp Thích Đình làm Đạt lỗ hoa xích, Trương Đình Trân làm chúc phó. Khi hai người đến nơi, nhà vua nhận tờ chiếu, không lạ, bảo bọn Đình Trân rằng: "Các ông làm quan một triều, tôi đây là vua một nước, có lẽ nào các ông làm lễ ngang hàng với tôi được?". Đình Trân nói: "Sứ thần của thiên vương đầu nhỏ, nhưng theo thứ tự, được đứng trên hàng các vua chư hầu". Sau việc này, vua Mông Cổ sai trung thư gửi công điệp sang nói về việc nhà vua nhận tờ chiếu không lạ, không dùng lễ "vương nhân"² đối đãi với sứ thần, trong công điệp lại viện dẫn nghĩa trong

¹ Trỏ vào ông vua đương thời.

² Người của thiên tử sai đem mệnh lệnh đến ban bố cho vua chư hầu.

kinh Xuân thu¹ để trách móc. Nhà vua sai phúc đáp lại rằng: "Sứ thần không nên làm lễ ngang hàng với vua một nước. Và lại, trước đây thiên triều đã có dụ cho mọi việc trong nước tôi cứ được theo tục cũ của bản quốc. Thế thì việc nhận chiếu chỉ của thiên triều đem kính để tại chính điện, còn vua thì lui xuống ở nhà riêng, đây là điển lệ cũ của nước tôi đấy". Trung thư nước Mông Cổ lại gửi công điệp sang, lấy cớ rằng sứ thần của triều đình đầu chúc nhỏ, nhưng phải coi mệnh lệnh của thiên tử là trọng hơn cả. Trước kia vì triều đình nhận thấy nước nào cũng đều có tập tục riêng, không bắt phải thay đổi vội, nên hạ chiếu cho được theo tục nước ấy, chứ có lẽ nào lấy việc không lạy chiếu chỉ của triều đình mà bảo là theo tục cũ được hay sao?". Nhà vua không thuận theo những lời trong công điệp ấy, rồi sai Lê Đà và Đinh Cung Viên sang Mông Cổ biện bạch về việc này.

Kỷ Tị, năm thứ 12 (1269). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 5; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tháng 5, mùa hạ. Đất nứt ra. Sao đổi ngôi.

Tháng 6. Đại hạn. Xét những tù phạm tội. Mưa.

Tháng 8. Nước to.

Tháng 9. Cho Tĩnh quốc vương là Quốc Khang làm Phiêu kỵ đô thượng tướng quân², giữ việc cai trị Diễn Châu.

Nhà vua với Quốc Khang thường đùa bỡn ở trước mặt Thượng hoàng. Quốc Khang múa điện múa của người rợ mọi, Thượng hoàng cởi áo bông trắng đương mặc ban cho. Nhà vua thấy thế, cũng múa điệu múa người rợ mọi để đòi thưởng áo bông. Quốc Khang nói: "Quý nhất là ngôi hoàng đế, tôi đã không tranh với chú hai rồi, nay vua cha cho tôi vật nhỏ mọn này mà chú hai lại muốn cướp lấy hay sao?". Thượng hoàng cười ầm lên, vẫn để cho Quốc Khang cái áo ấy, rồi cùng nhau vui đùa chán mới thôi. Quốc Khang đi nhận chức Tri Diễn Châu mới được 6 tháng, liền lập nhà riêng ở Diễn Châu, xung quanh làm hành lang giải vũ rất là rộng rãi. Nhà vua nghe tin, cho người đi dò xét, Quốc Khang sợ, mới dùng nhà riêng ấy làm nơi thờ phật.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1270). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 6; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Nước ngập đầy kinh thành.

Tháng 9. Nhà vua đi du lịch, đến hành cung phủ Thiên Trường.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1271). (Tống, năm Hàm Thuần thứ 7; Mông Cổ, năm Chí Nguyên thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét các tù phạm tội.

Ngày mồng một, tháng 2. Đất động.

Tháng 3. Bổ dụng Chiêu Minh đại vương là Quang Khải làm Tướng quốc Thái úy³, thống lĩnh mọi việc trong nước.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nước Mông Cổ sang.

¹ Thời Xuân thu, thiên tử nhà Chu suy yếu, không còn uy quyền gì đối với chư hầu, nhưng nếu có khi nào thiên tử nhà Chu sai người đến hội họp với các chư hầu, thì người sai đi ấy quan chức đầu nhỏ, trong kinh Xuân thu, Khổng Tử vẫn chép chữ "vương nhân" đứng trên các chư hầu, đầu chư hầu ấy là nước lớn như nước Tề, nước Tấn, nước Tống, v.v... vẫn phải ở dưới; đây là một lệ trong mười lệ chép kinh Xuân thu.

² Chức quan võ, chỉ phong cho hoàng tử. Thống lĩnh quân đội toàn quốc. Tuy nhiên không thực quyền. Thời Trần khi có ngoại xâm, chức chỉ huy quân đội toàn quốc thường giao cho người có tài năng trong hoàng tộc như trường hợp của Trần Quốc Tuấn.

³ Quan đứng đầu triều, như Tể tướng nhưng được coi trọng hơn.

Năm ấy, Mông Cổ đổi quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ thần sang dụ nhà vua vào châu; nhà vua từ chối là có bệnh.

Nhâm Thân, năm thứ 15 (1272). (Tổng, năm Hàm Thuần thứ 8; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Sách Đại Việt sử ký đã biên soạn xong.

Trước đây, Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc tử viện giám tu là Lê Văn Hữu vâng mệnh biên chép sách Quốc sử từ đời Triệu Vũ đế đến đời Lý Chiêu Hoàng, nay sách ấy đã biên soạn xong, tất cả 30 quyển, đem dâng; nhà vua hạ chiếu ban khen.

Tháng 4, mùa hạ. Sai viên ngoại lang là Lê Kính Phu sang hội với người nhà Nguyên, biện luận việc cương giới.

Nhà Nguyên sai Ngột Lương sang hỏi giới mốc đồng trụ ngày trước, nhà vua phái Lê Kính Phu đi hội đồng khám xét. Kính Phu nói với người nhà Nguyên rằng: "Chỗ cột đồng do Mã Viện dựng lên lâu ngày bị chìm lấp, nay không thể biết ở chỗ nào được". Việc đó sau cũng thôi. Khi bấy giờ nhà Tống giữ được một xó đất ở Lâm An, thường bị người nhà Nguyên sang đánh; người nhà Tống có kẻ dùng 30 chiếc thuyền đem gia quyến vượt biển sang xin phụ thuộc với nước ta; nhà vua cho những người ấy ở phường Giai Tuân ngoài kinh thành.

Lời chua - Dưới chữ "Ngột Lương" có lẽ còn có chữ bị mất. Trong Nguyên sử không chép rõ.

Đồng trụ: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ 19 (Tb. II, 13-14).

Tháng 6. Mặt trời dao động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu người hiền lương¹ minh kinh².

Những người này được vào hầu vua ở Kinh Diên³ và bổ sung chức Tư nghiệp ở Quốc Tử Giám.

Quý Dậu, năm Bảo Phù thứ 1 (1273). (Tổng, năm Hàm Thuần thứ 9; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 10).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh 7 chỗ ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua - Cửa Đại Hưng: Xem Lý Nhân Tông, năm Duệ Vũ thứ nhất (Chb. IV, 11).

Tháng 11, mùa đông. Bồ Nhân Túc vương là Toàn làm Nhập nội phán Đại tôn chính phủ đại tôn chính⁴.

Giáp Tuất, năm thứ 2 (1274). (Tổng, năm Hàm Thuần thứ 10; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Tháng 12, mùa đông. Lập con trưởng là Khâm làm Hoàng thái tử.

Tuyển học trò người có đức hạnh vào hầu đông cung⁵, cử Lê Phụ Trần làm Thiếu sư kiêm chức Trừ cung giáo thụ; Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cổ sung chức Nội thị học sĩ. Nhà vua thân thủ viết thơ để dạy Thái tử, lại làm hai quyển Di hậu lục ban cho.

¹ Người có văn học tài trí.

² Người thông hiểu nghĩa Ngũ Kinh, Tứ thư.

³ Nơi vua chúa đến ngự để đọc sách.

⁴ Chức quan đứng đầu Tôn chính phủ, có nhiệm vụ soạn gia phả, giữ sổ sách ghi chép về họ hàng của nhà vua và hoàng tộc.

⁵ Xem chùa đông cung ở Chb. V, 16.

Lời chua - Di hậu lục: Nay thất truyền.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1275). (Tổng, Cung đế, năm Đức Hựu thứ 1; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 12e).

Mùa xuân, tháng giêng. Thi Thái học sinh.

Trước đây, thi lấy học trò, chia ra kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên¹; đến nay, lại hợp lại một. Khoa thi này Đào Tiêu đỗ trạng nguyên, Quách Nhẫn đỗ thám hoa và 27 người đỗ Thái học sinh² xuất thân³ có đẳng đệ khác nhau.

Lời chua - Khoa này khuyết tên người đỗ bảng nhãn.

Đào Tiêu: Người huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

Quách Nhẫn: Người huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Ngày mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực đến hết.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Trước đây, nhà Nguyên lại sai Diệp Thức Nghễ sang thay làm Đạt lỗ hoa xích. Nhà vua sai đáp thư cho nhà Nguyên rằng: "Chức Đạt lỗ hoa xích chỉ có thể đặt ở các nước man di ngoài biên giới, còn nước tôi như cái phen cái giậu che chở cho một phương, mà lại đặt chức quan ấy để kiểm soát công việc, thì chả bị nước khác chê cười hay sao? Xin đổi quan chức ấy làm dẫn tiến sứ". Vua Nguyên không nghe, lại đem sáu việc yêu sách trước ra trách vấn, có ý muốn kiếm cớ để gây mối binh đao. Không những thế, thỉnh thoảng lại sai quân đi tuần ngoài biên giới để xem xét địa thế nữa. Viên thủ thần ở biên giới phía Bắc cho chạy trạm về tâu, vì thế nhà vua mới sai bọn Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang công cán bên nhà Nguyên, là có ý muốn dập tắt mối binh lửa.

Lời chua - Túy Kim: Trong Nguyên sử chép là Văn Túy.

Bính Tí, năm thứ 4 (1276). (Tổng, năm Đức Hựu thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Sai Đào Thế Quang sang Long Châu.

Khi ấy nhà Nguyên muốn gây sự khiêu khích ở ngoài biên giới, cho nên nhà vua sai Thế Quang sang Long Châu, mượn tiếng là đi mua thuốc để dò xem hư thực thế nào.

Lời chua - Long Châu: Thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp giới với tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Tháng 3. Mặt trời dao động, hai vì sao va chạm nhau.

Trong mặt trời có vết đen lớn bằng quả trứng gà, xô đi xô lại một hồi lâu; lại có hai vì sao va chạm nhau ở giữa trời, một vì sao sa xuống.

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1277). (Tổng, năm Cảnh Viên thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 14).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Nhậm Bà la, bắt được bộ đảng của bọn ấy hơn ngàn người rồi trở về.

Lời chua - Nhậm Bà la: Động của người Mán. Sách Thanh Nhất thống chí chép là Ổn Bà la, thuộc một lộ trong phủ Bồ Chính, nay chưa biết rõ chỗ nào.

Tháng 4, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

¹ Xem thêm kinh, trại trạng nguyên ở Chb. VI, 38.

² Xem chua ở Chb. VI, 30.

³ -nt-

Truy tôn tên thụy là Thống thiên ngự cực long công mậu đức hiển hòa hựu thuận thần văn thánh vũ nguyên hiếu hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông. Thượng hoàng làm vua 33 năm, nhường ngôi 19 năm, hưởng thọ 60 tuổi.

Trước đây, Thượng hoàng sang nhà ngự đường, bỗng thấy con rết leo vào áo mặc, sợ hãi đi, nó rơi xuống đất, có tiếng lạch cạch, trông ra thì là cái đinh sắt. Thượng hoàng bói một quẻ và đoán rằng: "Điềm này ứng với năm đinh". Đến nay đúng như quẻ đã bói¹. Ngày hôm ấy Thiệu Dương công chúa vừa ở cử chợt nghe tiếng chuông liên thanh ở điện đình, công chúa nói: "Đó chẳng phải là báo hiệu không lành đó sao?". Những người bên cạnh nói dối thế nào cũng không nghe, òa lên khóc thảm thiết, rồi chết. Người trong nước lấy làm thương tiếc.

Lời chầu - Thiệu Dương công chúa: Con gái thứ của Thượng hoàng.

Tiếng chuông: Theo thể lệ nhà Lý, nhà Trần, gặp lúc vua mất, thì chuông ở triều đình khua vang lên để báo hiệu.

Tháng 5. Nước to. Đất rạn nứt ra.

Tháng 10, mùa đông. Yên táng Thượng hoàng ở Chiêu Lăng.

Lời chầu - Chiêu Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Mậu Dần, năm thứ 6 (1278). (Tống, Đế Bính, năm Tường Hưng thứ 1; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Phát sinh chứng tật dịch; kinh thành bị hỏa tai.

Đương đêm, nhà dân ở ngoài kinh thành bị hỏa tai; nhà vua ra ngoài thành, sai Nội thư gia² là Đoàn Khung kiểm điểm những người đến cứu chữa. Khung kiểm điểm xong, tâu bày người đến trước đến sau để vua nghe. Nhà vua hỏi: "Sao nhà người biết?". Khung thưa rằng: "Người nào đầu tóc ướm mà bám đầy tro bụi, đó là người đến trước mà cố sức cứu chữa; người nào không có mồ hôi mà tro bụi phất phơ, đó là người đến sau mà không kịp cứu chữa". Nhà vua khen là phải.

Phong cho con là Đức Việp tước Tá Thiên đại vương.

Tháng 6. Có vì sao lớn sa xuống.

Vì sao lớn rơi xuống phương Nam, sa xuống giữa biển, hơn ngàn vì sao nhỏ theo sau, tiếng ầm ầm như sấm, đến vài khắc mới thôi. Đó là cái điềm nhà Tống mất nước.

Tháng 8, mùa thu. Đất động.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Khâm.

Thái tử lên ngôi, xưng là Hiếu Hoàng. Bầy tôi dâng tên hiệu là: Pháp thiên ngự cực anh liệt vũ thánh minh nhân hoàng đế (tức là Nhân Tông). Tôn vua cha làm Quang Nghiêu từ hiếu thái thượng hoàng đế, và tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên thánh thiên cảm hoàng thái hậu.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Nhà Nguyên nghe tin Thái Tông mất, muốn nhân trong nước có tang, đem quân sang đánh, mới sai Lễ bộ thượng thư là Sài Xuân từ Giang Lăng đi thẳng đến Ung Châu để sang địa giới nước ta. Khi Sài Xuân đã đến nơi, viện lễ là nhà vua không xin mệnh lệnh Trung Quốc mà tự lập để chất vấn và dụ phải vào châu. Nhà vua theo lệ cũ, đặt tiệc thết đãi ở hành lang, Sài Xuân không đến dự tiệc. Ngày hôm sau, đổi lại thết tiệc ở điện Tập Hiền. Nhân khi ấy, nhà vua nói với Sài Xuân là vì mình sinh trưởng ở nơi cung cấm thâm nghiêm, chưa quan phong thổ, không thể vào châu được. Sài Xuân trở về. Nhà vua sai Trịnh Đình Toàn và Đỗ Quốc Kế đem thư sang nhà Nguyên. Các quan nhà Nguyên cho là trang sức lời lẽ để

¹ Vì năm nay là Đinh Sửu.

² Tên quan, xem thêm Chb. III, 47.

che tội lỗi, họ bần nhau muốn tiến quân sang biên giới nước ta, nhưng vua nhà Nguyên chưa quyết định, rồi giữ bọn Đình Toàn lại, không cho về.

Lời cần án - Theo Nguyên sử loại biên, trước đây đường đi của sứ thần chỉ do cửa quan Lê Hóa, phủ Thiên Xiển (thuộc Vân Nam). Đến nay sai Sài Xuân đi từ Giang Lăng đến Ung Châu, lại theo đường khác, yêu sách nhiều thứ, đòi hỏi nhiều khoản, có ý muốn gây hấn. Thế mà Sử cũ lại chép sứ thần nước ta là Lê Khắc Phục trở về nước, gặp quân Nguyên dẹp yên được nhà Tống, nên đổi đi theo đường Hồ Quảng, Sài Xuân cùng đi với Khắc Phục sang nước ta. Chép như thế có phần sai lầm, nay theo Nguyên sử cải chính lại.

Kỷ Mão, Nhân Tông hoàng đế, năm Thiệu Bảo thứ 1 (1279). (Tống, năm Tường Hưng thứ 2; Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sang cống.

Nhà vua mới lên ngôi, nước Chiêm Thành cho bầy tôi là Chế Năng và Cha Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, nhà vua không nhận.

Lời chua - Chiêm Thành: Túc Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Lập Trần thị làm hoàng hậu.

Hậu là con gái lớn Hưng Đạo vương Quốc Tuấn, trước nạp vào cung làm hậu phi, nay sách lập làm hoàng hậu.

Canh Thìn, năm thứ 2 (1280). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban hành thước công.

Thước đo gỗ, thước đo vải cùng một kích thước.

Tháng 2. Duyệt sổ dân đinh.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa to.

Năm ấy được mùa, ruộng lúa ở làng Trà Kiêu một rò lúa nở hai bông.

Lời chua - Trà Kiêu: Tên làng, thuộc Khoái Lộ, nay thay đổi không rõ chỗ nào.

Sai hoạn quan là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan Kiểm pháp¹.

Em Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung là Thiên Thữ kiện nhau với người ta. Nói về tình và lý, thì Thiên Thữ đều đuối cả. Nhưng viên quan xử kiện có ý bên vực, cố làm thiên lệch đi; gặp lúc nhà vua ra chơi ngoài thành, người kia đón xe vua, tâu bày. Nhà vua nói "đó là họ sợ nể Khắc Chung đẩy thôi", liền sai Nội thư hỏa chính chường là Trần Hùng Thao kiêm giữ chức quan kiểm pháp, để xét hỏi lại việc này, quả nhiên Thiên Thữ trái lý. Bọn "thanh sam" được giữ chức Kiểm pháp bắt đầu từ đây.

Lời phê - Được đảng này, hồng đảng khác, chỉ gây ra mầm họa loạn.

Lời chua - Khắc Chung: Người ở Giáp Sơn thuộc Hải Dương sau được ban cho quốc tính.

Thanh sam: Đờ mặt của hoạn quan, nên mới dùng để chỉ hoạn quan.

Trịnh Giốc Mật ở Đà Giang làm phản, Chiêu Văn vương Nhật Duật đi dụ, Giốc Mật ra đầu hàng.

Thổ tù ở Đà Giang là Trịnh Giốc Mật tụ họp dân chúng cướp bóc. Nhà vua sai Nhật Duật đi đánh. Nhật Duật dẫn quân đến Đà Giang, Giốc Mật sai người đến doanh trại quân nộp thệ từ và nói: "Giốc Mật không dám trái mệnh lệnh triều đình, nếu ân chủ đi một người một ngựa đến, thì Giốc Mật xin ra hàng

¹ Chức quan coi về việc xử kiện như Chánh án, Thẩm phán ngày nay.

ngay". Nhật Duật nhận lời, rồi đem năm sáu tiểu đồng cùng đi. Các tướng tá đều can ngăn; Nhật Duật nói: "Nếu y phản trắc với ta, thì triều đình đã có người khác đến, không cần phải lo". Kịp khi Nhật Duật đến nơi, người Mán đứng vây bọc hai ba lần, đều cầm gươm giáo quay đầu vào trong doanh trại. Nhật Duật cứ vào thẳng. Giốc Mật mời ngồi. Nhật Duật thông hiểu tiếng Mán, lại am hiểu cả phong tục của họ, cùng họ ăn bằng tay, uống bằng mũi. Người Mán thích lắm. Giốc Mật liền đem cả gia thuộc đến trại Nhật Duật xin hàng. Mọi người thấy thế, đều vui vẻ kính phục. Khi Nhật Duật về kinh, dẫn Giốc Mật và vợ con hẳn vào yết kiến, nhà vua khen ngợi. Sau cho Giốc Mật về, để con hẳn ở lại kinh sư, Nhật Duật hết lòng yêu thương giáo dục, lại xin phong tước cho, triều đình ban cho con hẳn tước thượng phẩm, sau cũng cho về.

Lời chua - Đà Giang: Tước Hưng Hóa, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Tân Tị, năm thứ 3 (1281). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập nhà học ở phủ Thiên Trường.

Chế độ nhà Trần khi trước, không cho hiệu quân Thiên Thuộc được học tập văn nghệ, là cốt chú trọng về sức khỏe. Đến đây, lập nhà học ở phủ Thiên Trường, nhưng vẫn cấm người làng Thiên Thuộc không được vào học.

Lời chua - Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Quân Thiên Thuộc: Nhà Trần đem làng Tức Mặc là làng cũ của mình đặt tên là làng Thiên Thuộc, những binh sĩ do làng ấy ứng tuyển gọi là quân Thiên Thuộc.

Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (1282). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Nước Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Chúa Chiêm Thành sai bầy tôi là Bồ Bà Ma đem cống con voi trắng.

Tháng 6, mùa hạ. Bọn Trần Di Ái phạm tội, xử vào tội đồ.

Trước đây, nhà Nguyên nhiều lần sai sứ sang dụ nhà vua vào châu, nhà vua đều không theo. Sau nhà Nguyên lại sai Thượng thư là Lương Tăng sang dụ rằng: Nếu thật vua không thân sang châu được thì phải đem đủ vàng ngọc sang để thay mình. Thêm vào đấy phải nộp người hiền tài, người làm thợ và người phương kỹ¹, mỗi hạng hai người. Vì thế nhà vua mới cho chú họ là Di Ái và bọn Lê Tuấn, Lê Mục đi thay mình. Lúc ấy nhà Nguyên lại lập ti tuyên phủ ở nước ta, cho Bốc Nhan Thiếp Mộc Nhi giữ sứ mạng, đặt liêu thuộc riêng; nhà vua cũng không nhận. Nhà Nguyên lấy làm căm giận, bèn lập Di Ái làm vua, phong Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuấn làm Trung thư lệnh, rồi sai Sài Xuân đem một nghìn quân hộ tống về nước. Nhà vua sai người đón đường giết chết. Bọn Di Ái trốn về nước; nhà vua hạ chiếu trị tội, bắt chịu tội đồ làm lính.

Lời cần án - Sử cũ chép: "Sài Xuân đem quân đưa Di Ái về nước ta, thái độ ngạo mạn không giữ lễ phép, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, lính canh cửa ngăn lại, Sài Xuân cầm roi ngựa đánh vào đầu người lính ấy bị thương; khi đi đến điện Tập Hiền, thấy màn trướng trần thiết, hẳn mới xuống ngựa. Nhà vua sai Quang Khải đến quán sứ tiếp kiến, hẳn năm yên không ra tiếp, Quang Khải đi thẳng vào chỗ nằm, cũng không chịu dậy. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn được tin ấy, liền cắt tóc, mặc áo vải, hóa trang làm hình dạng người sư Trung Quốc, rồi tâu với vua xin đến quán sứ để xem xét hành động của Sài Xuân. Khi đến nơi, Sài Xuân đứng dậy, vái chào và mời ngồi, pha trà cùng uống, khi ra về, Sài Xuân tiễn ra tận cửa; mọi người đều lấy làm kinh dị".

Nay tham khảo sách **Nguyên sử loại biên** và sách **Thiên nam hành kỳ** (của Từ Minh Thiện nhà Nguyên) chép về phần dụ, chiếu, cũng nói rằng: "[Vua An nam] tiếng nói

¹ Những người làm nghề thầy thuốc, thầy bói, xem tướng, xem số... đều gọi là hạng phương kỹ.

là khâm mộ phong hóa Trung Quốc, mà thực ra chưa đến triều yết lần nào. Đến khi cho chú về tạm giữ giới nước ấy, thì lại ngang nhiên kháng cự, làm việc chém giết một cách càn giỡ".

Cứ như thế thì khi Sài Xuân đem quân sang nước ta, đã bị quân ta đón đánh giết chết ở trên biên giới rồi, có lẽ nào lại đến cửa Dương Minh mà kêu ngạo càn giỡ được nữa? Hay là việc này xảy ra lúc Sài Xuân sang dụ Thánh Tông vào năm Bảo Phù thứ 6, mà *Sử cũ* chép lầm vào đoạn sách này, nay theo Nguyên sử cải chính lại.

Lời chua - Di Ái: Còn một tên nữa là Trần Ái.

Tháng 8, mùa thu. Có cá sấu đến sông Phú Lương.

Nhà vua sai quan Hình bộ thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn thả xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi; nhà vua thấy việc đó giống như việc Hàn Dũ¹, cho Nguyễn Thuyên được đổi họ là họ Hàn.

Lời phê² - Việc này quyết nhiên không có, chẳng qua do tính hiếu kỳ mà phụ hội xằng xiên.

Lời chua - Sông Phú Lương: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Nguyễn Thuyên: Người Thanh Lâm, thuộc Hải Dương, có tài làm thơ phú bằng Quốc ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế sau này làm thơ Quốc âm gọi là Hàn luật³.

Tháng 10, mùa đông. Có tin ở ngoài biên báo về kinh rằng: nhà Nguyên đem quân sang nước ta. Nhà vua ra bến đò Bình Than. Khởi phục⁴ Trần Khánh Dư cho giữ chức Phó đô tướng quân.

Nhà Nguyên sai bọn Toa Đô, Đường Ngột Ngai đem quân sang đánh Chiêm Thành. Một mặt khác lại bàn định cho thái tử Thoát Hoan làm Trấn Nam vương, cùng với Tả thừa là Lý Hảng đem năm mươi vạn quân, nói mượn đường nước ta để hội họp quân đi đánh Chiêm Thành và trưng thu lương thực nước ta để tiếp tế cho quân ăn. Mặt ngoài nói thế, nhưng kỳ thực là sang xâm lấn. Viên quan trấn thủ ở Lạng Giang là Lương Uất được tin, cho ngay người đem việc ấy về triều tâu bày. Nhà vua sai sắp xe đi ra bến Bình Than, hội họp vương hầu trăm quan lại để bàn kế đánh giử.

Nói về Trần Khánh Dư. Lúc đầu năm Nguyên Phong⁵, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư từng có công đánh giặc, được phong chức Phiêu kỵ đại tướng quân rồi thăng đến tử phục⁶ thượng vị hầu; sau vì tư thông với Thiên Thụy công chúa, phải tội cách hết quan tước và tịch thu tài sản. Khánh Dư phải lui về ở Chí Linh, làm nghề bán than, cùng chung sức với bọn tội đồ, làm việc nặng nhọc. Lúc ấy Khánh Dư chở thuyền qua bến Bình Than, người chân sào đều đội nón cối, mặc áo cánh bằng vải gai. Nhà vua trông thấy, trở vào thuyền Khánh Dư bảo với các quan hầu cận rằng: "Người kia chả phải Nhân Huệ vương đấy ư?". Nói xong liền cho quân sĩ bơi chiếc thuyền nhỏ đuổi theo. Khi quân sĩ theo kịp, hô lên rằng: "Có mệnh lệnh vua cho triệu ông đấy!". Khánh Dư nói: "Lão già này là người bán than, có việc chi mà vua triệu?". Quân sĩ đem câu nói ấy về tâu. Nhà vua nói: "Đúng là Nhân Huệ vương rồi, người thường chắc không dám nói thế". Lại sai nội thị đến triệu. Khi Khánh Dư đến, mặc áo cánh bằng vải gai và đội nón cối vào yết kiến. Nhà vua nói: "Không ngờ người nam nhi như thế mà lưu lạc đến như thế?", liền hạ chiếu tha tội cho. Khánh Dư tiến lên thuyền vua vái tạ. Vua ban cho áo của vua thường mặc và cho ngồi

¹ Hàn Dũ, một văn hào đời Đường. Năm Nguyên Hòa thứ 14 đời Đường Hiến tông (819), Hàn Dũ làm thứ sử Triều Châu, biết được sống ở Triều Châu có cá sấu làm hại dân. Hàn liền đem dê lợn và làm bài văn tế cá sấu vứt xuống sông, tự nhiên sấm gió nổi lên, cách mấy hôm sau không thấy bóng cá sấu nữa.

² Chỉ việc cá sấu.

³ Luật thơ do họ Hàn (Hàn Thuyên) đặt ra.

⁴ Được trả lại chức cũ mà trước đã bị cách.

⁵ Niên hiệu Trần Thái Tông (1251-1258).

⁶ Chức quan mặc áo màu tía. Quan chế nhà Trần, phẩm phục màu tía là quan chức bậc cao. Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 14.

ở dưới hàng các tước vương. Những lời nghị luận của Khánh Dư đều hợp ý vua. Nhà vua cho phục chức và phong làm Phó đô tướng quân.

Nói về Trần Quốc Toản. Lúc ấy có Hoài Văn hầu là Quốc Toản, cũng theo xa giá. Vì còn ít tuổi, không được dự bàn việc quân, Quốc Toản lấy làm hổ giận lắm, trong tay cầm quả cam, không biết bóp nát ra lúc nào; khi đã lui về, cùng với hơn ngàn người gia đồng và thân thuộc sắm sửa binh khí, chiến thuyền, kéo cờ đề sáu chữ "Phá cường tặc báo hoàng ân"¹. Kịp lúc quan quân đánh nhau với quân Nguyên, Quốc Toản thường xông pha đi trước quân lính, quân giặc trông thấy là phải tránh lui, không ai dám đối địch.

Lời chua - Bình Than: Tên bến đò, ở địa phận xã Trần Xá, huyện Chí Linh.

Chí Linh: Đất Bàng Châu xưa, một tên nữa là Bàng Hà; thuộc Minh đổi là huyện Chí Linh; nhà Lê cũng theo tên ấy; nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Thoát Hoan: Sách Cương mục tục biên (Trung Quốc) chép là Thác Hoan.

Thiên Thụy công chúa: Vợ Quốc Nghiện, con trai Hưng Đạo vương.

Khánh Dư, Quốc Toản: Đều là tôn thất nhà Trần.

Bổ dụng Chiêu Minh vương Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư², Đinh Củng Viên làm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ³.

Quý Mùi, năm thứ 5 (1283). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Trần Lão có tội, phải luận vào tội đồ.

Trần Lão là họ tôn thất, được phong thượng vị hầu, vì làm thư nặc danh nói xấu chính sự trong nước, nhà vua hạ chiếu luận tội, nhưng cho phép nộp một ngàn quan tiền để chuộc tội và bắt đi đày làm binh lính.

Mưa đá to.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Quốc công, tiết chế⁴ thống lĩnh tất cả các quân.

Lúc ấy, Trung phẩm làm Hoàng Ứ Lệnh và Nội thư gia là Nguyễn Chương sang sứ bên nhà Nguyên trở về, nói: Nhà Nguyên sai Thái tử là A Thai và Bình chương là A Thích hội hợp 50 vạn quân ở Hồ Quảng, định đến sang năm kéo sang cướp nước ta. Bấy giờ nhà vua thân hành đem các vương hầu điều động tất cả quân thủy quân bộ, thao diễn chiến trận, hạ lệnh cho Quốc Tuấn làm Quốc công, tiết chế thống lĩnh tất cả các sắc quân; chọn trong hàng tướng tá nếu người nào có tướng tài thì phân phối cho thống lĩnh đội ngũ của từng bộ phận.

Lời cần án - Khi quân Nguyên kéo sang nước ta, thống tướng là thái tử Thoát Hoan, thế mà sứ thần nước ta về lại nói thái tử là A Thai, và nói quân Nguyên nhiều đến 50 vạn. Có lẽ sứ thần cũng chỉ nghe lời đồn đại ở ngoài, cho nên không thể nào khỏi sai lầm được.

Lời chua - Chế độ nhà Trần, người nào lấy tư cách là thân vương vào triều làm tướng văn thì xưng là "công". Quốc Tuấn lấy tư cách thân vương làm tướng võ, nên cũng xưng là "quốc công".

Giáp Thân, năm thứ 6 (1284). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông Tô Lịch.

¹ Phá tan giặc mạnh, báo đáp ơn vua.

² Quan đứng đầu triều, cai quản cả hai ban văn võ.

³ Quan đứng đầu Viện Hàn lâm trông coi việc soạn thảo những chế, cáo, chiếu, chỉ của nhà vua.

⁴ Như chức Tổng tư lệnh quân đội ngày nay.

Lời chua - Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Tháng 2. Đất ở đàn tế thần xã¹ bị nứt ra.

Chỗ đất nứt dài bảy thước, rộng bốn tấc, sâu không biết chừng nào.

Tháng 8, mùa thu. Duyệt binh một cách to lớn.

Nhà vua hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn điều khiển các sắc quân của vương, hầu, mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu, rồi chia quân ra đóng giữ bến Bình Than và các nơi xung yếu.

Lời chua - Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 5 (Chb. V, 33).

Ngày mồng 4, tháng 9. Mặt trăng và sao Kim tinh xuất hiện lúc ban ngày.

Xuất hiện về phương Tây - Nam, cách nhau hơn một thước.

Lời chua - Kim Tinh: Sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên họp quân sĩ ở Hồ Quảng², hẹn ngày sang xâm lấn nước ta. Nhà vua sai trung đại phu là Trần Phủ sang hành tỉnh³ Kinh Hồ bên Nguyên xin hoãn quân, nhà Nguyên không bằng lòng, sai Thái tử Thoát Hoan thống lĩnh các quân, nói thác là sang đánh Chiêm Thành, mà thực là chia đường sang cướp nước ta. Nhà vua cho triệu những kỳ lão trong nước vào thềm điện Diên Hồng mời ăn uống, hỏi mưu kế, các kỳ lão đều nói rằng: "Phải đánh!". Không có một người nào nói khác cả.

Tháng 12. Quân Nguyên xâm phạm và cửa ải nước ta. Quân quan của ta đánh với quân Nguyên, bị thất bại, nhà vua chạy sang Hải Đông.

Thoát Hoan nhà Nguyên kéo quân đến cửa ải nước ta, đưa thư sang mượn đường; nhà vua đưa thư trả lời rằng: "Từ nước tôi đến Chiêm Thành, đường thủy, đường bộ đều không tiện cả". Rồi liền hạ lệnh cho Hưng Đạo vương Quốc Tuấn chia quân ra chống cự phòng thủ. Quân Nguyên kéo đến Lộc Châu, lại sai Bả tổng⁴ là A Lý sang nói rõ về lý do cất quân là cốt sang đánh Chiêm Thành, chứ không có ý gì khác. Quan quân ta ngăn cản ở núi Kheo Cấp, quân Nguyên không tiến sang được. Chúng liền tiến theo cửa ải Khả Ly, quan quân ta chống cự lại không được; chúng bèn vào cửa Chi Lăng, quan quân ta lui về giữ bến Vạn Kiếp. Nhà vua ngự chiếc thuyền nhỏ sang Hải Đông, lúc ấy trời đã chiều mà chưa ăn cơm sáng, có tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hầm dâng lên, nhà vua khen là người trung nghĩa, cho tước Thượng phẩm.

Lời chua - Vạn Lại: Tên xã, nay đổi là Vạn An thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh.

Hải Đông: Tức Yên Bang. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19).

Lộc Châu: Nguyên trước thuộc lộ Tư Minh (Trung Quốc), đến năm Tuyên Đức thứ nhất (1426) triều Minh, mới thuộc vào nước ta. Triều nhà Lê nhân đấy hợp với đất châu Bình Tây đổi tên là châu Lộc Bình, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Núi Kheo Cấp: Nay là phố Kỳ Lừa, châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

¹ Đàn thờ thần thổ địa.

² Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở Hồ Quảng, thống lĩnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây (Từ Nguyên, tập từ 126).

³ Triều nhà Nguyên đặt hành trung thư tỉnh ở các lộ, gọi là hành tỉnh, đời sau mới dùng danh từ "hành tỉnh" làm tên gọi khu vực hành chính, cũng gọi tắt là tỉnh (Từ Hải, trang 1204).

⁴ Một chức về hàng quan võ của Mông Cổ.

Cửa ải Khả Ly: **Nay không biết ở đâu.**

Cửa Chi Lăng: **Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 17).**

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn hội họp quân các lộ ở Vạn Kiếp.

Nhà vua sang Hải Đông, hạ lệnh cho Quốc Tuấn điều khiển quân dân các lộ Vân Trà, Ba Điểm, chọn người nào khỏe mạnh cho làm tiên phong, vượt biển kéo vào mặt nam, thế quân dần dần phần chắn; quân các đạo khác được tin đều đem nhau đến hội họp. Hưng Vũ vương Nghiễn, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Nghiễn, thân đốc suất các đạo quân ở Bàng Hà, Na Ngạn, Vân Trà, Long Nhữn, số quân tất cả có hai mươi vạn. Các tướng đến hội họp ở Vạn Kiếp, đều chịu dưới quyền tiết chế của Hưng Đạo vương.

Trước đây, Quốc Tuấn có gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Quốc Tuấn đối đãi với hai người này rất hậu. Khi quân Nguyên kéo đến nơi, Yết Kiêu chịu trách nhiệm giữ thuyền ở bến Bãi, còn Dã Tượng thì đi theo Hưng Đạo vương. Lúc quan quân bị thua, chu sự¹ đều tan vỡ, ý Hưng Đạo vương muốn theo đường núi rút lui, Dã Tượng nói: "Yết Kiêu chưa gặp chúa công, tất không dời thuyền đi nơi khác". Hưng Đạo vương vội vàng đi đến bến Bãi, quả nhiên thấy một mình thuyền Yết Kiêu còn đỗ ở đấy, ông mừng nói: "Chim hồng học sở dĩ bay cao được, tất phải nhờ có sáu cái xương trụ ở cánh, nếu không có sáu cái xương trụ cứng rắn, thì chim hồng học cũng như loài chim thường thôi!". Bấy giờ, nhân chiều gió, thuyền chèo đi như bay, quân Nguyên đuổi theo không kịp. Khi đến Vạn Kiếp, mới hội quân các lộ lại, rồi chia ra đóng ở Bắc Giang để chống cự.

Lời chua - Vân Trà, Bà Điểm: **Đều tên xã, thuộc lộ Hải Đông.**

Na Ngạn: **Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thiên phủ khánh thọ thứ nhất (Chb. IV, 18).**

Long Nhữn: **Tên huyện, nhà Lê đổi là Phượng Nhữn; nay theo tên ấy, thuộc tỉnh Bắc Ninh.**

Bến Bãi: **Nay không rõ chỗ nào.**

Bổ dụng Đinh Cung Viên quyền giữ việc Nội mật ở cung Thánh Từ.

Ất Dậu, năm Trùng Hưng thứ 1 (1285). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Chi hậu cục thủ² là Đỗ Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên.

Quân Nguyên đã lấy được các cửa ải ở Lạng Sơn, tiến đến sông Vạn Kiếp, Quốc Tuấn đem thuyền chiến bày trận cách sông Vạn Kiếp mười dặm, gọi là trận "dục thủy"; Thoát Hoan tung quân ra đánh, quân ta phải rút lui, thuyền chiến của ta bị quân Nguyên bắt. Chúng bèn ra sức cướp bóc ở Gia Lâm, Vũ Ninh và Đông Ngàn. Bắt được quan quân, thấy người nào cánh tay cũng có hai chữ "sát Thát"³ thích bằng mực đen, chúng giận lắm, đem giết hết cả; rồi tiến đến bến Đông Bộ Đầu, kéo lên một lá cờ lớn.

Nhà vua muốn sai người đi dò xem tình hình quân giặc hư thực thế nào, mà khó tìm được người đương nổi việc ấy. Lúc ấy, Chi hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung tình nguyện đi; nhà vua ngợi khen, nói: "Ai ngờ trong đám ngựa kéo xe muối, lại có ngựa kỳ, ngựa ký⁴ như thế", bèn sai Khắc Chung sang doanh trại quân Nguyên xin hòa.

¹ Quân thủy, chiến đấu ở dưới sông.

² Quan hầu cận ở bên cạnh vua.

³ Nước Mông Cổ có tên riêng là Thát Đát. "Sát Thát" là giết quân Thát Đát, tức quân Mông Cổ xâm lược.

⁴ Tên hai thứ ngựa khỏe nhất, hay nhất, bền bỉ nhất trong các loại ngựa, một ngày có thể chạy được ngàn dặm. Câu này ý nói người ở hàng quan nhỏ mà có lòng trung nghĩa, có can đảm, có tài năng lỗi lạc.

Khi Khắc Chung đến nơi, Ô Mã Nhi trách móc về hai chữ "sát Thát" và nói: "Nước anh dám khinh lờn đại binh của thiên triều, cái lỗi ấy to lắm đấy!". Khắc Chung trả lời: "Con chó trong nhà cắn người lạ, là vì không phải chủ của nó. Việc thích chữ vào cánh tay là do lòng trung phần của người nước tôi, tự ý thích vào đấy". Ô Mã Nhi nói: "Đại binh từ phương xa đến đây, sao không theo lễ nghi nghênh tiếp, mà lại dám kháng cự lại mệnh lệnh?". Khắc Chung nói: "Hiền tướng không bắt chước sách lược bình định nước Yên¹ ngày trước, đóng quân ở địa đầu quan ải, trước hết đưa thư báo tin; hiền tướng không đem lòng tốt đến với nước tôi, đây là lỗi của hiền tướng; nay tự đem quân đến ức hiếp nhau thì, dầu con thú đến lúc cùng tất phải đánh lại, con chim đến lúc cùng tất phải mổ lại, huống chi là người?". Ô Mã Nhi nói: "Đại binh chỉ mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nếu vua nước anh thân đến đây cùng nhau hội kiến, thì trong nước được yên, không xâm phạm tơ hào gì cả. Nếu trái lại, thì chỉ trong khoảng giây phút, non sông đều bị san phẳng, đến lúc ấy, dầu có muốn hối lại cũng không được nữa".

Khắc Chung cáo từ ra về. Mã Nhi bảo với tướng tá rằng: "Người này trong lúc bị uy hiếp mà lời lẽ và khí sắc vẫn bình tĩnh như thường, không hạ thấp vua mình là chú Chích², không tăng bốc ta là vua Nghiêu³, chỉ nói "chó trong nhà cắn người lạ", ứng đối thật là khéo léo, người này có thể nói là "không làm nhục mệnh lệnh của vua phó thác cho"⁴. Trong nước họ có người như thế, chưa dễ đã làm gì họ được".

Khắc Chung về đến hành doanh bên ta, thì quân Nguyên cũng theo chân kéo đến đánh nhau với quân ta.

Lời chua - Gia Lâm: Tên huyện.

Vũ Ninh: Tên châu, nhà Lê đổi là huyện Vũ Giàng; nay vẫn theo tên ấy. Hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Quân Nguyên xâm phạm vào kinh thành.

Thoát Hoan đã lấy được Bắc Giang, quân ta lập đồn trại theo bờ sông phía nam để phòng ngự. Quân Nguyên bắn súng, hô to thách đánh. Nhà vua sai Nguyễn Huệ sang doanh trại quân Nguyên xin tướng nhà Nguyên rút quân; Thoát Hoan không nghe, bèn bắc cầu phao qua sông, đóng doanh lũy sát chân thành. Ngày hôm sau, kéo quân vào thành, thì lúc bấy giờ nhà vua đã chạy ra ngoài rồi, Thoát Hoan cho quân đuổi theo.

Lời chua - Bắc Giang: Tức Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 28).

Nhà vua sai Thượng tướng Quang Khải đem quân đóng giữ Nghệ An.

Tướng nhà Nguyên là Toa Đô trước kia đem thuyền chiến ra Quảng Châu, vượt biển sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được. Vua nhà Nguyên hạ chiếu cho Toa Đô do đường bộ đem quân về phối hợp với quân của Thoát Hoan. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nghe được tin ấy, xin nhà vua sai Quang Khải đem quân vào đóng ở Nghệ An. Việc này cốt để chặn lối đường xung yếu mà Toa Đô sẽ đi qua.

¹ Thời đại Hán Sở, nước Yên, nước Triệu là hai nước vừa lớn vừa mạnh ở gần nhau. Đại tướng nhà Hán là Hàn Tín sau khi đã phá được nước Triệu, thế quân hùng lẫm. Hàn Tín đem quân đóng ở địa đầu nước Yên, đưa thư hiểu dụ; vua Yên sợ, xin hàng.

² Chích: có nhiều thuyết khác nhau: Sử ký chính nghĩa nói: Chích là một người đại bợm ở thời Hoàng đế; Trang tử nói: em Liễu Hạ Huệ (thời Xuân Thu) tên là Đạo Chích; Lý Kỳ chưa sách Hán thư nói: Chích là một đại đạo thời nhà Trần.

³ Nghiêu, một ông vua thời đại thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là một thánh quân. Chiến quốc sách chép: con chó của Chích cắn ông Nghiêu, không phải con chó ấy quý Chích mà ghét Nghiêu đâu, nó chỉ cắn cái người không phải chủ của nó.

⁴ Câu của Khổng Tử trả lời học trò là Tử Công chép trong thiên "Tứ lộ" sách Luận ngữ.

Lời cần án - Đạo quân của Toa Đô: **Sử cũ** chép là từ Vân Nam sang Lão Qua đến Chiêm Thành. Nhưng xét con đường ấy vừa xa vừa hiểm trở, không phải lối đường đem quân đi được. Tra trong truyện Toa Đô ở **Nguyên sử** thì chép là "Toa Đô do đường biển tiến quân". Nay theo **Nguyên sử**.

Lời chua - Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21).

Tháng 2. Trần Kiện đầu hàng nhà Nguyên, bị Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Địa Lô đón đường bắn giết đi.

Quân của Toa Đô kéo về đến Nghệ An, đi đến đâu đánh tan đến đấy, quân của Quang Khải không thể chống lại được. Trần Kiện cùng với thuộc hạ là Lê Trắc đem gia quyến đón đường đầu hàng; Toa Đô sai người đưa bọn Trần Kiện về Yên Kinh. Khi đến Lạng Giang, thổ hào ở đấy là Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh đánh bọn Trần Kiện ở trại Ma Lục. Người gia nô của Hưng Đạo vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Trần Kiện. Lê Trắc, phải cõng xác Trần Kiện, ở trên mình ngựa, đương đêm chạy trốn, chạy được vài mươi dặm, đến Khe Ôn, Trắc mới chôn xác Trần Kiện ở đấy.

Lời chua - Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Trại Ma Lục: Thuộc Lạng Giang, nay không rõ đích xác chỗ nào.

Khe Ôn: Tên huyện, nhà Lê đổi là châu Ôn; nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Kiện: Con vợ lẽ của Tĩnh Quốc vương Quốc Khang, trước kia Quốc Khang cai trị Nghệ An, nên con cháu đều ở đấy.

Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng đánh nhau với quân nhà Nguyên ở bãi Tha Mạc, bị bại trận. Bình Trọng bị giết chết.

Quân nhà Nguyên đóng ở bãi Tha Mạc, Bình Trọng kéo quân đến đánh với quân giặc, bị thua to và bị bắt, Bình Trọng không chịu ăn uống gì. Tướng Nguyên tra hỏi về việc nước, Bình Trọng không trả lời. Tướng Nguyên hỏi: "Có muốn nhận tước vương đất Bắc không?". Bình Trọng quát to, nói: "Ta thà làm con ma ở đất Nam, không thèm nhận tước vương đất Bắc". Vì thế, Bình Trọng bị giết chết. Nhà vua được tin này, vật vã thương khóc.

Lời chua - Trần Bình Trọng: Con cháu Lê Đại Hành, ông cha Bình Trọng làm quan triều Trần Thái Tông, được ban cho quốc tính (họ của nhà vua).

Tha Mạc: Tức sông Thiên Mạc, xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 42).

Tháng 3. Nhà vua rước Thượng hoàng chạy vào Thanh Hóa.

Lúc ấy quân Nguyên đuổi theo riết, nhà vua phải mời Thượng hoàng cùng ngự vào một chiếc thuyền con, chạy ra nguồn Tam Trí; một mặt khác, sai người kéo chiếc thuyền của vua vẫn ngự đi ra ngả núi Ngọc Sơn để đánh lừa quân Nguyên. Tướng Nguyên do thám biết được mưu ấy, mới sai Hữu thừa là Khoan Triệt, Tả thừa là Lý Hăng chia đường đuổi theo. Nhà vua phải đổi đi đường bộ đến xã Thủy Chú, rồi lại đi thuyền đến sông Nam Triệu, qua cửa biển Đại Bàng vào Thanh Hóa.

Khi bấy giờ nhà vua phải chạy loạn long đong, mà Hưng Đạo vương Quốc Tuấn vốn có danh vọng và tài trí lỗi lạc khác thường, lại còn hiềm khích về việc An Sinh vương ngày trước¹, vì thế nên nhiều người có lòng nghi ngờ; hơn nữa, khi Quốc Tuấn đi theo vua thường cầm cái trượng bằng gỗ, đầu trượng có cắm mũi sắt nhọn, nên ai cũng liếc mắt trông. Quốc Tuấn liền rút bỏ cái đầu sắt nhọn ấy, chỉ cầm cái trượng trơn những gỗ mà đi, bấy giờ người ta mới yên tâm.

¹ Quốc Tuấn là con An Sinh vương Trần Liễu, Trần Cảnh (Thái Tông) cướp vợ của Trần Liễu, Trần Liễu vẫn căm giận, đã một lần khởi binh phản lại Thái Tông. Khi Trần Liễu mất, có dặn lại Quốc Tuấn cướp lấy thiên hạ để báo thù.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20).

Nguồn Tam Trí: Nay ở xã Tam Trí, châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên.

Cửa biên Ngọc Sơn: Nay ở châu Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên, về phía đông biển thông với đường đi Khâm Châu (Trung Quốc).

Thủy Chú: Tên xã.

Sông Nam Triệu: Tức sông Bạch Đằng. Xem thuộc Tấn, năm Thiên phúc thứ 3 (Tb. V, 20).

Cửa biển Đại Bàng: Nay ở xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương¹.

Trần Ích Tắc đầu hàng nhà Nguyên.

Lời phê - Người ta có tài văn học mà như thế, thì văn học làm gì²!

Ích Tắc tự phụ là người thông minh mà không được thỏa mãn nguyện vọng, thường đem thư riêng gửi khách buôn ở Vân Đồn xin nhà Nguyên đem quân sang nước Nam. Nay quân Nguyên sang xâm lấn, Tắc đầu hàng ngay, cốt mong cho mình được làm vua trong nước. Muốn cơ mi Ích Tắc, nhà Nguyên phong cho hãn tước An Nam quốc vương. Lúc ấy Văn Chiêu hầu là Văn Lộng, Văn Nghĩa hầu là Tú Hoãn và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long cũng đều đem cả gia quyến đầu hàng nhà Nguyên.

Lời chua - Vân Đồn: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Văn Lộng, Tú Hoãn: Đều là tôn thất nhà Trần.

Tháng 4, mùa hạ. Chiêu Văn vương Nhật Duật đánh thắng được quân Nguyên ở cửa Hàm Tử.

Quân Toa Đô từ Chiêm Thành kéo về, cướp bóc ở dọc đường, trèo non xuống dốc ở khoảng châu Ô, châu Lý, châu Hoan, châu Ái, nay tiến về đóng ở Tây Kết. Nhà vua bàn với quần thần rằng: "Quân giặc đi muôn dặm đường để đánh úp nước người ta, vì không đánh được mà phải bỏ đi, bây giờ nhân lúc chúng mỏi mệt, mà đem quân đã được nghỉ ngơi dưỡng sức của ta để đối địch với quân mỏi mệt của chúng, đánh ngay một trận phủ đầu cho chúng mất hết nhuệ khí, thì tất nhiên phá tan được". Bàn luận xong rồi, nhà vua liền hạ lệnh cho Chiêu Văn vương Nhật Duật, Chiêu Thành vương (không rõ tên), Hoài Văn hầu Quốc Toàn và tướng quân Nguyễn Khoái đem quân tinh nhuệ đón đánh. Khi quân ta đến cửa Hàm Tử, hai bên đánh nhau kịch liệt. Trong toán quân của Nhật Duật có người nhà Tống mặc áo bên Tống, cầm cung tên theo quân ta đi đánh. Thượng hoàng tự nghĩ quần áo và tiếng nói người Tống với người Thát³ giống nhau, sợ quân ta không phân biệt được, mới sai người đi thông báo rằng: "Đây là quân Thát của Chiêu Văn vương đấy, nên nhận cho kỹ". Quân Toa Đô ở phương xa đến, thấy trong toán quân có mặc quân phục nhà Tống, đều sợ, chúng ngờ là có quân Tống sang giúp quân ta, vì thế mà quân Nguyên bị tan vỡ lớn. Toa Đô phải lui quân đóng ở cửa biển Thiên Trường để tìm lương ăn.

Nguyên trước đây, lúc nhà Tống bị mất, nhiều người bên Tống chạy sang nước ta, Nhật Duật đều thu dụng được, có một người tên là Triệu Trung, rất khỏe mạnh, Nhật Duật dùng làm gia tướng, vì thế, kể công đánh thắng được quân Nguyên, Nhật Duật đóng góp rất nhiều.

Lời chua - Cửa Hàm Tử: Ở bãi Hàm Tử, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên.

Ô, Lý: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 27).

Châu Hoan, Châu Ái: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 21-22).

¹ Nay thuộc huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng.

² Xem thêm tiểu sử Ích Tắc chép ở Chính biên quyển VII, tờ 9.

³ Thát, tức Thát Đát, tên riêng của Mông Cổ. Xem thêm lời chua "sát thát" ở Chính biên quyển VII, tờ 33.

Tây Kết: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chb. I, 18).

Tháng 5. Nhà vua mời Thượng hoàng tự làm tướng đánh quân Nguyên, phá tan quân Toa Đô ở Tây Kết, chém được Toa Đô.

Trước đây, Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn hầu Quốc Toàn đem quân dân các lộ đánh bại được quân Nguyên ở Chương Dương, thu phục được kinh thành; bọn Thoát Hoan, A Thích nhà Nguyên phải vượt qua sông Phú Lương để chạy. Khi ấy, nhà vua mời Thượng hoàng từ Thanh Hóa tiến quân ra, lại thắng được quân Nguyên ở phủ Trường Yên. Về phần quân Nguyên: quân của Toa Đô và quân của Thoát Hoan đóng cách nhau đến hai trăm dặm, lúc Thoát Hoan phải rút quân lui, Toa Đô vẫn chưa biết, nên Toa Đô và Ô Mã Nhi đem quân từ đường biển ra đánh ở sông Thiên Mạc, định phối hợp với cánh quân Thoát Hoan để nương tựa lẫn nhau.

Quân tuần tiễu nhà Nguyên đi đến huyện Phù Ninh, gặp viên Phụ đạo tử là Hà Đặc đặt mưu kế để lừa, rồi đem toàn lực ra đánh, đuổi quân giặc chạy đến đất A Lạp. Vì đánh hăng quá, nên Hà Đặc bị tử trận, quân chúng của Hà Đặc đều mất về tay giặc. Em Hà Đặc là Chương¹ nhân khi giặc sơ hở, lấy trộm được áo giáp và cờ hiệu của giặc, chạy về dâng nộp quân ta. Quân ta liền dùng quân trang ấy đánh vào dinh trại giặc, quân Nguyên không phòng bị, tan vỡ.

Quân ta² tiến đến bến đò Đại Mang, Tổng quản nhà Nguyên là Trương Hiến đầu hàng, lại đánh cho quân Nguyên bị thua to ở Tây Kết, chém được nguyên soái là Toa Đô. Ô Mã Nhi nhân đêm trốn chạy vào Thanh Hóa; quan quân đuổi theo, bắt sống được hơn năm vạn người. Mã Nhi dùng một chiếc thuyền vượt ra biển chạy thoát được. Lúc nhà vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, có lòng thương, nói: "Đạo làm tôi nên như thế", liền cởi cái áo đương mặc, sai quan gói thủ cấp đem chôn.

Lời cần án - Trận đánh thắng được giặc ở Chương Dương, thu phục được kinh thành, là chiến công to nhất lúc bấy giờ. **Sử cũ** chép việc này không được rõ ràng.

Lại xét: **Sử cũ** chép: "Quân tuần tiễu của nhà Nguyên đến Phù Ninh, Hà Đặc đan tre làm hình người, cắm tên vào cây để lừa giặc"³. Nhưng huyện Phù Ninh thuộc thượng du tỉnh Sơn Tây⁴ ngày nay, Toa Đô từ đường biển tiến quân ra đánh vào sông Thiên Mạc, thế mà quân tuần tiễu lại đến huyện Phù Ninh, xa cách nhau hàng ba bốn ngày đường, tất nhiên không có lẽ như thế. Việc này ngờ là **Sử cũ** chép lầm, sẽ nghiên cứu sau.

Lời chua - Chương Dương: Tên bến đò, ở xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội ngày nay⁵.

A Lạp: Tên đất. Nay không rõ chỗ nào.

Đại Mang: Tên bến đò. Nay không rõ chỗ nào.

Phụ đạo tử: Chức tù trưởng ở phiên trấn, cũng như thổ Tri châu thổ Tri huyện bây giờ.

Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh cho quân Nguyên phải thua to ở Vạn Kiếp, Thoát Hoan trốn về nước.

Lời phê - Một mình nguyên soái rút lui sau cùng!

¹ Em Hà Đặc là Chương bị quân Nguyên bắt (Đại Việt sử ký quyển V tờ 65).

² Đạo quân này do Thánh Tông và Nhân Tông chỉ huy, từ Thanh Hóa tiến đến bến đò Đại Mang (sử dẫn trên).

³ Hà Đặc dùng tre đan thành hình người to lớn, ngoài mặc áo, đêm đến, cho đem ra đem vào. Lại dùi những cây to thành lỗ, rồi lấy những mũi tên lớn cắm vào lỗ ấy, để giặc trông thấy tưởng là sức bản suốt được cây (Đại Việt sử ký toàn thư quyển V, tờ 49 và Đại Việt sử ký quyển V, tờ 65).

⁴ Nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

⁵ Nay thuộc xã Chương Dương, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Quân Nguyên nhiều lần bị thua, lại gặp mùa hè mưa nắng thất thường, quân sĩ chết hại rất nhiều, mới quyết kế rút lui về nước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn dự bị đặt quân mai phục để đón đường ra đánh. Khi quân Nguyên đến sông Vạn Kiếp, chưa kịp sang đò, quân mai phục liền nổi lên đánh, quân sĩ nhà Nguyên chết mất quá một nửa, tướng sĩ phải liều chết chống cự, mới hộ vệ Thoát Hoan được khỏi chết.

Lời phê - Lúc bấy giờ nhà Nguyên mới nổi lên, khí thế rất ngang ngược; nhà Trần cũng may gặp lúc mới nổi lên, được các vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông và tướng văn tướng võ phần nhiều người tài, mới có thể đánh bại được giặc, giữ được nước, chứ nếu gặp người khác thì chưa biết thế nào¹.

Lời chua - Tư Minh: Tên phủ, xem Trần Thái Tông năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Tháng 6. Nhà vua rước Thượng hoàng trở về hoàng cung.

Có thù tai lớn.

Đưa trả tù binh Chiêm Thành trở về nước họ.

Tướng nước Chiêm Thành là bọn Ba Lậu Kê, Na Liên, vì đi theo Toa Đô, bị quân ta bắt được. Nay nhà vua sai viên trung phẩm phụng ngự là Đặng Du Chi đưa trả họ về nước.

Tháng 8, mùa thu. Phong quan tước cho những bầy tôi có công, tùy theo công trạng mà phong cấp bậc cao thấp khác nhau. Lại trị tội những kẻ đã đầu hàng giặc.

Tháng 9. Đổi lại niên hiệu; Đại xá cho trong nước; Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu xét duyệt số hộ khẩu² trong nước.

Bầy tôi trong triều can ngăn, lấy cớ rằng nhân dân vừa bị khó nhọc khổ sở, việc xét định số hộ khẩu không phải là việc cần kíp lúc này. Nhà vua nói: "Chỉ có thể nhân lúc này xét định hộ khẩu, không nên để nước ngoài có ý dòm dò cho là dân ta điều tàn". Bầy tôi đều xưng tụng và kính phục.

Lời phê³ - Nói khiên cưỡng, vô lý.

Bính Tuất, năm thứ 2 (1286). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Tha cho tù binh nhà Nguyên được trở về nước.

Tháng 6, mùa hạ. Hạ chiếu cho các vương hầu trong tôn thất chiêu mộ binh lính.

Thoát Hoan bị thua chạy về nước, vua nhà Nguyên giận lắm, hạ chiếu bãi đạo quân sang đánh Nhật Bản, rồi sai đóng ba trăm chiếc thuyền, định đến tháng 8, kéo ra Khâm, Liêm hội với quân 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, mượn tiếng là đưa Trần Ích Tắc về nước Nam để đem đại binh sang xâm lấn. Thượng thư là Lưu Tuyên can rằng: "Mới rồi dụng binh không thành công, hiện nay những người đau thương chưa khỏi, nay lại đem đại binh sang đánh, sự đó không nên". Tinh thần Hồ Nam là Tuyền Ca cũng dâng sớ nói: "Dụng binh luôn mấy năm, quân sĩ chết mất nhiều, bốn hạng dân⁴ bỏ cả nghề nghiệp, nay lại động dụng đến số quân hàng trăm vạn, như thế không phải là đạo thương yêu sĩ dân". Vua nhà Nguyên y theo lời tâu, hạ chiếu cho năm nay hãy tạm nghỉ và cho Ích Tắc ở tại Ngạc Châu. Nhà vua được tin, đem việc ấy hỏi Hưng Đạo vương. Quốc Tuấn thưa rằng: "Nước ta lâu nay thái bình, dân không biết việc binh bị, vì thế năm mới rồi quân Nguyên sang ăn cướp, hoặc cũng có kẻ hàng

¹ Lời phê kết thúc bằng tám chữ "nhược ngộ kỳ tha, vị khả chi dã". Tám chữ này nghĩa không được rõ cho lắm, vì chữ "tha" có thể là người khác hoặc lúc khác. Vậy tám chữ này ý nói nếu gặp vua tôi khác không anh dũng được như vua tôi nhà Trần, hoặc lúc khác không được hưng thịnh như lúc nhà Trần mới nổi lên, thì chưa biết tình thế sẽ biến chuyển ra sao.

² Hộ là tính theo từng bếp; khẩu là tính theo đầu người.

³ Chỉ vào câu nói của Trần Nhân Tông.

⁴ Sĩ, nông, công, thương.

giặc, hay trốn tránh; nhờ được oai linh của tổ tông, thần vũ của bệ hạ, nên đánh đâu được đấy, trong nước mới được thái bình. Nếu bây giờ giặc lại kéo sang thì ta đã luyện tập về việc chiến đấu, quân địch đi xa mỗi mệt, vả lại chúng vẫn sợ về việc Toa Đô, Lý Hảng, Lý Quán bị thua, không sẵn lòng chiến đấu. Theo ý tôi nhận xét, tất thế nào cũng phá tan được". Nhà vua khen là phải, bèn hạ lệnh cho Quốc Tuấn đốc suất các vương hầu, chiêu mộ binh lính, sắm sửa binh khí, để phòng khi chiến đấu hoặc phòng thủ.

Ban cho Đình Củng Viên tước Nội minh tự.

Củng Viên xin thôi không nhận tạm giữ công việc trong cung Thánh Từ nữa, nhà vua y cho, nên có lệnh ban tước này.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ VIII

Từ Đinh Hợi (1287) Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 đến Đinh Tỵ (1307) Trần An Tông năm Hưng Long thứ 15 gồm 21 năm.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1287). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Nguyên Thánh Thiên cảm Hoàng Thái hậu Trần Thị mất.

Nhà Nguyên lại sai Thoát Hoan, A Bát Xích¹ đem quân sang xâm lược.

Nhà Nguyên lấy quân ở ba tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây tất cả bảy vạn người, và năm trăm chiếc thuyền; quân ở tỉnh Vân Nam sáu nghìn người, và quân giống người Lê ở bốn châu hải ngoại một vạn năm ngàn người; sai viên vạn hộ hải đạo là Trương Văn Hổ tải mười bảy vạn斛 lương (Sử cũ chép là bảy mươi vạn) để tiếp tế cho quân ăn; phong cho A Bát Xích giữ chức Hành tỉnh tả thừa; Áo Lỗ Xích làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự, đều ở dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan (Nguyên sử chép là Thác Hoan). Các tướng Nguyên chia đường đem quân sang xâm lấn. Tin ấy từ nơi biên giới báo về triều. Các quan trong triều xin tuyển người khỏe mạnh bổ sung làm quân, để cho quân số được nhiều. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nói: "Quân lính cốt phải tinh nhuệ, không cần phải nhiều, cứ xem như Bồ Kiên ở Trung Quốc có quân hàng trăm vạn² cũng có làm gì được đâu". Vì thế nên không tuyển thêm quân nữa.

Lời chua - Quân người Lê ở bốn châu: Tức là các châu Nhai, Quỳnh, Đàm và Vạn, nay thuộc tỉnh Quảng Đông nhà Thanh. Địa điểm này có động Mán chủng tộc người Lê. Nhà Nguyên đặt mười hai cánh Lê Bình, có phủ Thiên Hộ quản lĩnh những cánh quân ấy.

Tháng 3. Hạ chiếu ân xá.

Tháng 4, mùa hạ. Bỏ dụng Tá Thiên đại vương là Đức Việp quyền giữ việc tướng quốc.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Tháng 11. Mặt trời xô động.

Mặt trời xô động thành ra bốn góc.

Thoát Hoan nhà Nguyên đem quân xâm phạm vào cửa ải, nhà vua hạ chiếu cho các tướng đem quân chống cự lại.

Quân Thoát Hoan kéo đến Tư Minh, để lại đây hai nghìn người, giao cho vạn hộ là Hạ Chỉ và Trương Ngọc thống lĩnh để coi giữ các xe thuốc đạn, lương thực và quần áo của binh sĩ, rồi sai Trình Bằng Phi, A ó Lỗ Xích mỗi người đem một vạn quân đi đường bộ, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem quân đi thuyền theo đường biển, hai đường đều tiến sang biên giới nước ta. Viên quan giữ ngoài biên giới đem việc đó tâu về triều. Nhà vua hỏi Hưng Đạo vương rằng: "Bây giờ giặc đến thì mưu tính thế nào?". Hưng Đạo vương thưa rằng: "Năm nay đánh thẳng giặc có phần dễ hơn trước". Nhà vua liền hạ lệnh cho các tướng chia nhau đem quân chống cự.

¹ Có người đọc là A Nhập Xích.

² Thời đại Đông Tấn, Tam Tần vương là Bồ Kiên có số quân đến trăm vạn (quân chiến đấu bằng cung tên dáo mác hơn 60 vạn, quân cưỡi ngựa gần 30 vạn). Năm 383, Bồ Kiên đem quân đóng ở dọc sông Phì Thủy để đánh nhà Tấn, tướng nhà Tấn là Tạ Thạch đánh cho quân Bồ Kiên chết đến 7, 8 phần mười. Bồ Kiên trúng tên, phải bỏ chạy.

Quân nhà Nguyên xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua rước thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam.

Quân nhà Nguyên do hai đường thủy và bộ kéo sang, quân ta không chống giữ được. Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi đem hai vạn quân đánh vào Vạn Kiếp, lập doanh trại ở núi Phả Lại và núi Chí Linh, chia quân ra đóng giữ; dân ở Bàng Hà và Ba Điểm đều ra hàng. Lại sai bọn Ô Mã Nhi, A Bát Xích hội họp quân tiến thẳng qua sông Phú Lương, xâm phạm vào kinh thành. Nhà vua liền rước thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam, rồi lại dùng chu su¹ đi theo đường ra biển để tránh nạn. Quân nhà Nguyên đuổi theo không kịp.

Lời cần án - Việc này **Sử cũ** không chép, chỉ chép: "Thái tử nhà Nguyên là A Thai dùng 30 vạn quân xâm phạm vào Vạn Kiếp". Chép như thế thì tên người (A Thai) và số quân (30 vạn) đều không đúng sự thực. Nay căn cứ vào sách **Nguyên sử loại biên**, chép thêm vào và cải chính lại.

Lời chua - Hám Nam: Tên một đồn, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Núi Phả Lại: Nay ở xã Phả Lại, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Núi Chí Linh: Nay ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Mậu Tí, năm thứ 4 (1288). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Ô Mã Nhi nhà Nguyên xâm phạm đến phủ Long Hưng.

Lời chua - Long Hưng: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Nhân Huệ vương Khánh Dư đón đánh tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hồ ở Vân Đồn, được thắng trận lớn.

Khánh Dư làm phó tướng ở Vân Đồn, Hưng Đạo vương giao phó cho giữ hết công việc ngoài biên giới. Gặp lúc Ô Mã Nhi đem chu su² ra cửa biển Đại Bàng đón thuyền tải lương của Văn Hồ, Khánh Dư đánh nhau với quân Ô Mã Nhi bị thua, Thượng hoàng nghe tin ấy, sai trung sứ³ đến bắt Khánh Dư, đóng xiềng giải về hành tại⁴. Khánh Dư nói với trung sứ rằng: "Kỷ luật quân ngũ, tôi xin cam chịu, nhưng xin thư thả cho vài hôm nữa, để tôi tìm kế lập công sau này, rồi sẽ về chịu tội búa rìu, tướng cũng chưa muộn". Viên trung sứ nhận lời. Khánh Dư đoán chắc thuyền của giặc đã đi qua rồi, thì thuyền tải lương tắt đi theo sau, liền thu thập tàn quân, sẵn sàng chờ đợi. Một lát sau, quả nhiên thuyền tải lương của Văn Hồ đến, Khánh Dư đón đánh, quân Nguyên bị thua to. Khi đi đến biển Lục Thủy, thuyền của quân Nguyên bị mắc cạn, sa lầy, không chở đi được, lương thực chìm cả xuống biển. Khánh Dư bắt được quân nhu, khí giới rất nhiều. Văn Hồ chỉ thoát được một mình, vội vàng chạy về Quỳnh Câu. Khánh Dư cho người phi báo tin về hành tại, thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi nữa và nói: "Quân Nguyên chỉ nhờ lương thảo, khí giới, nay đã bị ta bắt được, nếu chúng chưa biết rõ việc ấy, hoặc còn hung hăng quấy nhiễu chăng?". Nói rồi bèn thả những người mà ta đã bắt được đến thẳng dinh quân Nguyên để nói rõ sự thể cho chúng biết. Quân Nguyên từ đấy thiếu lương ăn; mỗi ngày một quân bán thêm, quân sĩ ai cũng muốn về, không ai có lòng chiến đấu, cho nên năm bấy giờ quân Nguyên lại kéo sang mà dân ta bị hại không đến nỗi thảm khốc như năm trước, Khánh Dư thực đã dự một phần công lao.

Trước kia Khánh Dư trấn thủ Vân Đồn, tục ở đây chỉ có nghề buôn bán sinh nhai; đồ ăn thức mặc đều mua của khách buôn Trung Quốc, cho nên đồ dùng và ăn vận rập theo như phong tục Trung Quốc. Khánh Dư đi kiểm duyệt quân các trang hộ, rồi hạ lệnh rằng: Quân sĩ trấn thủ Vân Đồn là cốt để ngăn ngừa giặc phương bắc tràn sang, quân ta không nên đội nón của phương bắc, vì sợ khi vội vàng, khó lòng mà phân biệt được, cần phải đội nón "ma lô" (Ma Lô là tên một làng ở Hồng Lộ, làng này có tài

¹ Tên một binh chủng, tức là quân thủy, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

² Tên một binh chủng, tức là quân thủy, dùng thuyền để chiến đấu ở dưới nước.

³ Người hầu cận ở bên cạnh vua chúa.

⁴ Khi nào vua ra ngoài hoàng thành đóng ở chỗ nào, chỗ ấy gọi là hành tại.

khéo chế nón bằng trúc thanh bì, nên lấy tên làng để gọi tên nón), ai trái lệnh sẽ bị phạt. Thế rồi, Khánh Dư trước hết cho người nhà đi mua nói ma lời chứa đầy vào một thuyền đậu ở trong cửa sông. Sau khi đã hạ lệnh rồi, Khánh Dư sai người lên đi bảo nhỏ với các người ở trang hộ rằng: "Mới đây, thấy có thuyền chứa nón ma lời đậu ở vùng biển đằng trước mặt này". Do đấy người trong các trang tranh nhau ra mua; lúc mới mỗi chiếc trị giá bằng một tấm vải, thành ra thu được số vải kể hàng nghìn tấm. Bài thơ của người phương bắc mừng Khánh Dư có câu rằng: "Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh" (gà, chó ở Vân Đồn cũng đều sợ). Câu thơ này thác ra giọng sợ phục uy danh Khánh Dư, mà kỳ thực mĩa mai ngấm ngầm. Khánh Dư có tính tham lam, phàm giữ chức trấn thủ ở nơi nào, người trong hạt đều oán ghét. Chỉ vì nhà vua tiếc ông ta là tướng tài, nên không nỡ bỏ mà thôi.

Lời chua - Biển Lục Thủy: Nay ở phía đông nam huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Yên, cách huyện 17 dặm.

Tháng 2. Quân Nguyên xâm phạm đến trại An Hưng.

Ô Mã Nhi đợi mãi không thấy thuyền tải lương của Văn Hồ đến, bèn đánh phá trại An Hưng, rồi lại đem quân về Vạn Kiếp, chia ra đóng giữ các núi Chí Linh và Phả Lại, để làm kế cố thủ.

Lời chua - An Hưng: Tên trại, nhà Lê đổi làm huyện; nay cũng theo tên ấy, thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tháng 3. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đánh phá tan được thủy quân nhà Nguyên ở sông Bạch Đằng, bắt được tướng Nguyên là bọn Ô Mã Nhi. Thoát Hoan phải theo đường bộ chạy trốn về nước.

Lời phê - Nhà Nguyên hai lần đem quân xâm lấn, những tướng sai sang đều không phải là tướng giỏi, đấy cũng là may cho nhà Trần.

Quân Nguyên thiếu lương ăn, chia ra từng toán để đi tìm lương, các tướng đều nói: "Ở đây không có thành trì để giữ, không có kho tàng để ăn. Và lại, đương lúc cuối xuân đầu hè, khí trời nóng nực; những chỗ hiểm trở xung yếu đã chiếm được nay đều bị mất, chi bằng đem quân về". Thoát Hoan y theo, hạ lệnh cho bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đem chu sứ theo đường thủy đi trước. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn biết quân Nguyên sắp rút lui, bèn trước hết cho người đóng cọc gỗ ở sông Bạch Đằng, lấy cỏ phủ lên đầu cọc, sẵn sàng chờ đợi. Khi bọn Ô Mã Nhi về đến Bạch Đằng, Quốc Tuấn nhân lúc nước thủy trào lên, cho quân ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy, bên Nguyên đem cả quân đuổi theo. Lúc ấy nước thủy trào xuống rất mau. Tướng Nguyễn Khoái thống lĩnh vệ quân Thánh Dực tung quân ra đánh quật lại, phá tan được quân Nguyên. Gặp lúc ấy đại quân của nhà vua kế tiếp tiến đến. Ô Mã Nhi phải thu thập những thuyền còn sót lại để chạy, không ngờ thuyền mắc trên cọc gỗ đều bị đổ nhào xuống nước, quân Nguyên chết không biết chừng nào mà kể, quân ta bắt được hơn bốn trăm chiếc thuyền. Tước nội minh tự là Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đem dâng nộp thượng hoàng. Viên hữu thừa nhà Nguyên là Trình Bằng Phi chọn lấy những quân khỏe mạnh, theo đường bộ, bảo vệ cho Thoát Hoan trốn về nước. Khi về đến cửa ải Nội Bàng, bị quân ta hội hợp chặn đánh, chức vạn hộ nhà Nguyên là Trương Quân phải dùng ba nghìn quân liều chết để đánh, mới thoát ra được khỏi cửa ải. Lại có gián điệp nói: Quân ta phân ra giữ cửa ải Nữ Nhi và núi Kheo Cấp, rải rác hơn trăm dặm để chặn đường, quân Nguyên lại càng sợ, vừa đánh vừa chạy. Quân ta nhân ở trên cao bắn tên thuốc độc xuống, bọn Trương Ngọc, A Bất Xích đều bị chết, tướng sĩ nhà Nguyên phải buộc vết thương để chống cự, thầy chết nằm chồng chất lên nhau. Thoát Hoan phải do đường huyện Đan Dĩ chạy sang Lộc Châu, rồi đi đường tắt về Tư Minh, sai Áo Lỗ Xích thu thập tàn quân trở về nước.

Lời cần án - Sử cũ chép: "Quân nhà Nguyên hội họp ở sông Bạch Đằng, đón thuyền lương của Văn Hồ, nhưng không gặp, bị Quốc Tuấn đánh cho bị thua. Lúc thuyền của Văn Hồ đến, lại bị thua, thuyền lương mắc trên đầu cọc gỗ, đổ nhào xuống nước gần hết. Nguyễn Khoái đánh nhau với quân Nguyên, bắt được bình chương là Áo Lỗ Xích. Còn Thoát Hoan và A Thái đem quân chạy trốn về nước, viên thổ quan ở Tư Minh là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng nộp". Nay tra cứu sách Nguyên sử loại biên thì, sau khi thuyền lương của Trương Văn Hồ đã bị quân ta phá mất rồi, Thoát Hoan vì cố thiếu lương ăn, nên mới nghĩ kế đem quân về nước. Thế thì Văn Hồ bị thua là trận đánh ở Vân Đồn, còn trận này (trận Bạch Đằng) là đón đánh quân Nguyên lúc rút lui về nước. Đến

như Áo Lỗ Xích là bộ tướng¹ nhà Nguyên cùng với Thoát Hoan đem quân đi đường bộ trở về nước, chứ có đến sông Bạch Đằng đâu mà bị Nguyễn Khoái bắt được. Sau khi Thoát Hoan đã trở về, vua nhà Nguyên lấy cớ là Thoát Hoan không lập được công trạng gì, cho ra trấn thủ Dương Châu, không cho vào triều kiến. Thế thì viên thổ quan ở Tư Minh bắt thế nào được Thoát Hoan? Và lại, ngày làm lễ "hiển phu"², chỉ thấy nói đến bọn Ô Mã Nhi mà không nói đến Thoát Hoan. Vậy thì có lẽ nào bắt được nguyên soái của giặc mà lại không đem "hiển phu" hay sao? Lại một việc nữa, là năm ấy tướng nhà Nguyên được sai sang nước ta không có người nào tên là A Thai cả. Những việc tương tự như thế **Sử cũ** chép đều sai sự thực, nay căn cứ vào **Nguyên sử** và tham khảo sách **Cương mục tục biên** (Trung Quốc) cải chính lại.

Lời chua - Sông Bạch Đằng: Xem thuộc Tấn, năm Thiên Phúc thứ 3 (Tb. V, 19-20).

Cửa ải Nội Bàng, cửa ải Nữ Nhi: **Đều thuộc Lạng Sơn.**

Đan Dĩ: **Tên huyện. Có chỗ chép là Đan Ba, thuộc Lạng Sơn; nay không rõ chỗ nào.**

Nhà vua rước Thượng hoàng về Long Hưng, làm lễ hiển phu ở Chiêu Lăng.

Trước đây, quân Nguyên xâm phạm đến Long Hưng, đào bới ở Chiêu Lăng mà không động chạm đến tử cung³. Nay nhà vua rước thượng hoàng về Long Hưng, đem tù binh nhà Nguyên là bọn Ô Mã Nhi và Tích Lệ Cơ Ngọc đến hiển tiếp⁴. Nhà vua trông thấy ngựa đá ở trước lăng, chân đều dính bùn, có làm hai câu thơ: "Xã tắc⁵ lưỡng hồi lao thạch mã, san hà thiên cổ điện kim âu"⁶. (Xã tắc hai lần bị xâm phạm làm cho ngựa đá cũng phải khó nhọc; từ nay giang san sẽ được ngàn đời vững bền như chiếc kim âu). Hai câu thơ này là có ý chỉ vào việc chân ngựa đá dính bùn.

Lời phê - Đã là bọn tàn bạo, thì không có lý nào như thế⁷, hoặc giả kiêng kỵ mà không nói rõ ra đây thôi.

Lời chua - Long Hưng: **Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28).**

Chiêu Lăng: **Lăng tẩm Trần Thái Tông.**

Nhà vua rước Thượng hoàng về cung điện.

Tháng 4, mùa hạ. Đại xá.

Lúc ấy, cung điện bị giặc đốt phá, nhà vua ngự ở hành lang thị vệ, hạ chiếu đại xá cho thiên hạ: phạm chỗ nào bị quân Nguyên tàn phá cướp bóc nhiều lần, thì được tha hết tô thuế và dao dịch, còn những chỗ khách thì tha cho hoặc nhiều hoặc ít tùy theo sự thiệt hại của từng nơi.

Theo chế độ cũ, mỗi khi có chiếu ân xá, thì viên trung quan [hoạn quan] giữ chức Hành khiển tuyên đọc chiếu thư, còn việc nghĩ soạn chiếu thư thì do viện Hàn Lâm phụ trách. Sau khi viện Hàn Lâm

¹ Tướng cầm quân đánh ở trên đường bộ.

² **Phu**: danh từ gọi những binh lính của giặc bắt được trong khi đánh nhau, tức là tù binh bấy giờ. Thời đại phong kiến, sau khi thắng trận trở về, đem tù binh báo cáo lên nhà thái miếu, gọi là lễ hiển phu.

³ **Tử**: gỗ tử. **Cung**: cung điện. **Tử cung**: chỉ cái quan tài của bọn vua chúa, vì vua chúa lúc sống ở cung điện, nên khi chết, cái quan tài để xác đóng bằng gỗ tử, gọi là tử cung.

⁴ Dâng tâu chiến công đã đánh được giặc, cũng nghĩ như hiển phu.

⁵ **Xã**: nơi thờ thần thổ địa. **Tắc**: nơi thờ thần bách cốc. Nhân dân trong một nước, cần thiết nhất là ruộng đất và thóc lúa, nên đời xưa dùng chữ "xã tắc" để tượng trưng quốc gia.

⁶ **Âu**: cái chậu, cái ang hay cái bình. **Kim âu**: Cái âu đúc bằng loại kim, tượng trưng cho sự kiên cố không bao giờ sút mẻ được.

⁷ Ý nói quân Nguyên là bọn tàn bạo thì không có lý gì chúng không xâm phạm đến quan tài ở Chiêu Lăng.

nghe soạn xong rồi, đưa bản thảo cho viên trung thư học tập trước, để chuẩn bị đến lúc tuyên đọc cho đúng. Lúc bấy giờ, Lê Tông Giáo giữ chức Hành khiển, cùng với Hàn Lâm phụng chỉ là Đình Củng Viên vốn không hòa hợp với nhau. Gặp khi ấy có chiếu đại xá, Củng Viên cố ý không đưa bản thảo trước, đến ngày tuyên chiếu mới đưa cho; vì thế Tông Giáo tuyên đọc không thông. Nhà vua phải bảo Củng Viên đứng bên nhắc. Tiếng nhắc của Củng Viên to, mà tiếng tuyên đọc của Tông Giáo lại nhỏ, Tông Giáo tỏ nét mặt hổ thẹn. Sau khi lễ tuyên chiếu xong rồi, nhà vua cho triệu Tông Giáo đến bảo rằng: "Củng Viên là văn quan, nhà ngươi là trung quan, có việc gì mà không hòa hợp với nhau đến thế! Nhà ngươi làm lưu thủ ở Thiên Trường, rươi có, quít có, đi lại tặng biếu cho nhau thì có hại gì?". Từ bấy giờ Tông Giáo với Củng Viên tình giao kết với nhau trở nên thân mật.

Lời phê - Ông vua này có thể gọi là "thiên tử hòa giải".

Lời chua - Thiên Trường: Tên phủ. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chb. VI, 28). Thổ sản ở Thiên Trường có rươi và quít. Bài thơ "Thiên trường ký sự" của Phạm Sư Mạnh có câu: "Lững ngạn tân sương kim quít quốc, mãn thành tế vũ thổ hà thiên": Tiết trời mới có sương, trông hai bên bãi tường là một nước toàn quít vàng; gặp lúc mưa nhỏ, thì khắp nơi trong thành chỉ thấy trên là trời, dưới có rươi¹.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Quân Nguyên đã rút lui, nhà vua sai Đỗ Thiên Thữ sang nhà Nguyên trần tạ. Thiên Thữ là em Khắc Chung, Khắc Chung trước đây đã sang sứ bên dinh trại quân Nguyên, có công², nay tiến cử người em, nên nhà vua mới cho sang sứ.

Lời cần án - Sách *Thiên nam hành kỷ* của Từ Minh Thiện nhà Nguyên nói: "Đại quân mới về nước, thiên sứ chưa sang, nhà Trần đã sai bọn trung đại phu Trần Khắc Dụng và tòng nghĩa lang Nguyễn Mạnh Thông dâng lễ vật trần tạ". Đoạn văn chép ở *Thiên nam hành kỷ* kể trên có lẽ chỉ vào việc đi sứ này của Đỗ Thiên Thữ, nhưng họ tên hơi khác, vậy chép ra đây để tiện tham khảo.

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1289). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 26). Tháng 2, mùa xuân. Đưa trả tù binh nhà Nguyên là Ô Mã Nhi về nước, rồi ngầm lập mưu giết đi.

Trận chiến thắng ở Bạch Đằng, quân ta bắt được tướng nhà Nguyên là Ô Mã Nhi và bọn Tích Lệ Cơ Ngọc và Phàn Tiếp, sau nhà vua sai tòng nghĩa lang là Nguyễn Thịnh đưa Cơ Ngọc về trước, còn Phàn Tiếp bị bệnh chết, dùng phép hỏa táng rồi cấp cho một đôi ngựa sai vợ con hãnh chớ hài cốt mang về; những đầu mục quân sĩ cũng cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi chém giết cướp bóc dân ta một cách tàn khốc, nhà vua căm giận lắm, nên theo kế của Quốc Tuấn, sai Nội thư gia Hoàng Tá Thốn đưa trả về nước, dùng người tài lợi nước sung làm phu chèo thuyền, nhân đêm dũi thủng thuyền cho đắm, Ô Mã Nhi bị chết đuối. Nhân đây, nhà vua phúc thư với nhà Nguyên rằng: "Vi thuyền rĩ nước bị đắm, quan tham chính³ sức vóc to lớn, không sao cứu vớt được, thành ra chết đuối". Nhà Nguyên cũng không tra cứu gì đến việc này.

Lời phê⁴ - Bắt nhân phi nghĩa!

Lời cần án - Đoạn văn này *Sử cũ* chép là bọn Ô Mã Nhi đều bị chết đuối; còn về việc Cơ Ngọc và Phàn Tiếp thì không trình bày rõ ràng. Như thế có phần sai sự thực. Nay tham khảo sách *Thiên nam hành kỷ* của Từ Minh Thiện nhà Nguyên, cải chính lại.

Ngày mồng một, tháng 3. Nhật thực. Tháng 4, mùa hạ. Xét định công trạng những người đã đánh được quân Nguyên.

Tiến phong Hưng Đạo vương Quốc Tuấn làm Đại vương; Hưng Vũ vương Nghiện làm Khai quốc công; Hưng Nhượng vương Tảng làm tiết độ sứ. Ngoài ra người nào có công lớn đều được tứ quốc tính¹,

¹ Ý nói về tiết tháng 9, ở Thiên Trường có nhiều quít và rươi.

² Xem thêm việc Khắc Chung sang sứ bên dinh trại quân Nguyên (Chb. VII, 33-34).

³ Chỉ Ô Mã Nhi.

⁴ Chỉ việc dũi thuyền làm cho Ô Mã Nhi chết đuối.

Khắc Chung cũng được dự ân tứ này và vẫn giữ chức Đại hành khiển; Nguyễn Khoái làm liệt hầu và được ban cho một "hương" (làng) gọi tên là Khoái lộ. Người Man trưởng ở Lạng Giang là bọn Lương Uất, Hà Tất Năng vì biết đốc suất dân đánh giặc, nên Lương Uất được phong làm chủ trại Quy Hóa; Tất Năng được phong tước quan phục hầu; Đỗ Hành vì khi bắt được Ô Mã Nhi, không đem nộp nhà vua², nên chỉ được phong tước quan nội hầu; Hưng Trí vương Nghiễn vì trái tướng lệnh, ngăn cản đường quân Nguyên rút về nước, nên không được thăng trật.

Sau khi tước thường đã ban hành rồi, còn có người thắc mắc, thượng hoàng phủ dụ rằng: "Nếu các người biết chắc rằng giặc Nguyên không sang nữa, thì dầu phong đến cực phẩm, trẫm cũng không tiếc gì, nhưng nếu một mai giặc lại kéo sang, mà lúc ấy các người lại có chiến công, thì trẫm biết hậu đãi các người thế nào để khuyến khích thiên hạ được?". Mọi người đều bằng lòng.

Lại định những bày tôi đã có công đánh giặc hai lần, người nào đã xung phong trước phá được trận tuyến của giặc, lập được chiến công đặc biệt, nay được chép vào tập Trùng hưng thực lục và sai thợ vẽ hình dạng vào tập sách ấy.

Mỗi khi nhà vua ra chơi đâu, trông thấy gia đồng các vương hầu ở ngoài đường tất gọi rõ tên và hỏi: "Chủ mi làm gì?". Nhà vua thường răn bảo vệ sĩ không được quát mắng gia đồng; lại bảo với các hầu cận rằng: "Ngày thường thì bao nhiêu người hầu hạ xung quanh, đến khi nước nhà gặp hoạn nạn, thì chỉ thấy có bọn ấy thôi". Câu nói ấy có ý cảm động công lao gia đồng đã theo hầu khó nhọc trong khi mình đi lánh nạn.

Lời phê³ - Như thế cũng không đúng.

Lời chua - Lạng Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 41).

Khoái Lộ: Xem Lý Cao Tông, năm Trị bình long ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Tháng 5. Dùng Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển.

Lúc quân Nguyên sang xâm lược, nhà vua sai Sĩ Chu bói, Sĩ Chu gieo quẻ rồi đoán rằng: "Chắc chắn đại thắng". Nhà vua nói: "Nếu quả như lời, sẽ có trọng thưởng". Nay quân Nguyên đã rút lui, nhà vua nói: "Thiên tử không nói bỡn", vì thế nên có lệnh này.

Lời chua - Sĩ Chu: Người Cổ Liễu, thuộc Trà Hương.

Xét xử tội những người đầu hàng quân Nguyên.

Trước đây, quân Nguyên sang xâm lấn, bọn vương, hầu và các quan có nhiều người đưa giấy tờ sang dinh quân giặc; khi quân Nguyên rút lui, quân ta bắt được một tráp đựng các biểu xin hàng, thượng hoàng sai đốt đi, để cho những kẻ phản bội được yên tâm.

Nay chỉ xét tội người nào trước đã đầu hàng giặc, thì bây giờ dầu ở đất của giặc, cũng vẫn kết án vắng mặt về tội lưu hoặc tội xử tử, tịch thu điền sản sung công. Bọn Trần Kiện và Trần Văn Lộ bắt phải đổi họ là Mai, duy Ích Tắc⁴ là họ thân với nhà vua, không nỡ bắt đổi họ, mà chỉ gọi là "Ả Trần", có ý mỉa mai là nhu nhược như đàn bà. Vì thế nên việc ghi chép lúc bấy giờ có tên gọi là "Ả Trần", "Mai Kiện". Đặng Long là bày tôi hầu cận, trước nhà vua muốn cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn cản đi, Long oán giận, đầu hàng giặc; khi bắt được, đem xử tử. Về phần quân dân thì được miễn tội chết, duy hai làng Bàng Hà và Bà Điểm, khi giặc mới đến đã đầu hàng ngay, nay bắt dân hai làng ấy phải tội đồ làm "sai sử hoành" không được dùng làm quan.

¹ Ban ân cho được mang họ cùng một họ với vua lúc đương thời.

² Đỗ Hành, khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng nộp Trần Nhân Tông mà đem nộp thẳng lên thượng hoàng (Thánh Tông) nên chỉ được phong tước quan nội hầu. (Đại Việt sử ký toàn thư quyển V tờ 57), xem thêm Chính biên quyển VIII tờ 7.

³ Chỉ việc Trần Nhân Tông đổi với gia đồng.

⁴ Ích Tắc là con Trần Thái Tông, chú ruột Trần Nhân Tông.

Lời chua - Hoành: Tên riêng gọi những người nô lệ. Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (Chb. VI, 9).

Thượng hoàng về chơi cung điện ở phủ Thiên Trường.

Quân Nguyên đã rút lui, thượng hoàng về phủ Thiên Trường, nhân làm bài thơ cảm hoài¹ để ghi sự thực.

Đại hạn từ tháng 6 đến mãi tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, năm thứ 6 (1290). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Cử các quan văn chia nhau đi cai trị các lộ.

Nhà vua tự làm tướng đi đánh Ai Lao.

Bây tôi can rằng: Giặc Nguyên mới rút lui, vết thương chưa hàn gắp được, không nên gây việc binh đao. Nhà vua nói: "Chỉ có thể nhân lúc này mà khởi binh thôi, vì sau khi giặc rút lui, các nước bên cạnh tất bảo là quân mã nước ta mỏi mệt, có ý coi thường, cho nên cần phải khởi đại binh để ra oai với nước khác". Bây tôi đều nói: "Thánh nhân lo xa như thế, bọn chúng tôi không thể nào nghĩ thấu được".

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Bấy giờ triều thần can ngăn về việc thân chinh, không phải là trái lẽ, thế mà khi nghe lời nói của Nhân Tông đã vội tán dương là "thánh nhân lo xa" thì lời tán dương ấy hầu như bọ đờ.

Lời chua - Ai Lao: Tên nước. Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Tháng 3. Gia phong Tá Thiên đại vương là Đức Việp chức Nhập nội kiểm hiệu Thái úy.

Tháng 5, mùa hạ. Thượng hoàng mất.

Đặt tên thụy là: Huyền công thịnh đức nhân minh văn vũ tuyên hiệu hoàng đế. Miếu hiệu là Thánh Tông, làm vua 21 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi.

Bổ dụng Phạm Ngũ Lão quản lĩnh quân Thánh Dực.

Ngũ Lão là gia thần Quốc Tuấn. Quốc Tuấn nhận thấy Ngũ Lão tài năng khí độ vượt hơn mọi người, gả con gái nuôi cho, nhân đó tiến cử lên triều đình. Ngũ Lão theo Quốc Tuấn đi đánh giặc Nguyên, có công, nên có lệnh bổ dụng này.

Lời chua - Phạm Ngũ Lão: Người Đường Hào thuộc Hồng Châu².

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sai Ngô Đình Giới sang nhà Nguyên báo tin Thượng hoàng mất và xin phong tước.

Lời chua - Đình Giới: Chưa rõ giữ quan chức gì. Sách Nguyên sử chép là Nghiêm Trọng La và Trần Tử Lương, chưa rõ sách nào chép đúng.

Dân bị đói to, nhà vua hạ chiếu xá thuế và phát chẩn.

Năm ấy dân bị đói to, một thăng gạo trị giá một quan tiền, nhiều người dân phải bán ruộng đất và con trai, con gái, để lấy lương ăn. Nhà vua hạ chiếu cho miễn thuế nhân đình, lại phát thóc công chẩn cấp cho dân nghèo.

Tháng 12, mùa đông. An táng Thượng hoàng ở Dụ Lăng.

Lời chua - Dụ Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Tân Mão, năm thứ 7 (1291). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 28). Dân lại bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Nguyên sang.

¹ Bài thơ này có chép trong Đại Việt sử ký toàn thư và Hoàng Việt thi tuyển, được nhiều thi gia thưởng thức.

² Người xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên bây giờ.

Bọn Thoát Hoan rút về rồi, vua nhà Nguyên vẫn còn căm giận, muốn lại khởi binh sang đánh; Bác Quà Mật¹ tâu với vua nhà Nguyên nên sai sứ sang dụ, thì thể nào họ cũng phải theo. Vì thế vua Nguyên mới sai thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ nhà vua vào châu.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1292). (Nguyên, Chí Nguyên thứ 29).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Bổ dụng Phí Mãnh làm An phủ sứ Diễn Châu.

Phí Mãnh ở quận lỵ chưa được bao lâu, có tai tiếng là người tham ô; nhà vua triệu về bắt phạt trưng để răn bảo, rồi lại cho đi nhận chức cũ. Từ đấy, Phí Mãnh trở thành người có tiếng là công bằng thanh liêm. Vì thế người Diễn Châu có câu "Diễn Châu an phủ thanh như thủy", (quan An phủ Diễn Châu trong sạch như nước).

Lời phê - Đem so sánh với việc phong thưởng đại phu đất Mặc, mổ bụng đại phu đất A², thì Trần Nhân Tông xử trí việc này có phần hơn nhiều.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Bổ dụng Trần Kiến làm An phủ sứ lộ Yên Khang.

Trần Kiến là môn khách của Hưng Đạo vương, nên Hưng Đạo vương tiến cử, khi quân Nguyên mới sang xâm lấn, nhà vua sai Trần Kiến bói Dịch, bói được quẻ "Dụ" biến ra quẻ "Chấn". Trần Kiến đoán: "Mùa hạ sang năm, quân Nguyên tất phải thua". Đến lúc quân Nguyên kéo sang lần thứ hai, nhà vua lại sai Trần Kiến bói, được quẻ "Quan" biến ra quẻ "Hoán", liền đoán rằng: "Đó là triệu chứng ly tán, quân Nguyên tất phải thua". Lời đoán của Trần Kiến trước sau đều đúng cả. Nhà vua khen là có tài, nên đặc cách bổ dùng.

Lời chua - Trần Kiến: Người ở Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

Yên Khang: Tên lộ. Xưa là Yên Ninh; nhà Lê đổi là phủ Yên Khang; nay đổi là Yên Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tháng 2. Lập con là Thuyên làm hoàng thái tử.

Bổ dụng Đinh Cung Viên làm Thái tử thiếu bảo, phong tước quan nội hầu.

Sai Nguyễn Đại Phạp sang sứ nhà Nguyên.

Vua Nguyên sai Trương Lập Đạo sang nói với nhà vua rằng: "Trước đây, Thoát Hoan không dùng người đưa đường, mà đem quân đi sâu mãi vào nước Nam, thành ra không đánh nhau mà tự nhiên bị tan vỡ; đây là vì nước Nam nhờ có địa thế hiểm trở. Nay người Vân Nam và Lĩnh Nam phong tục giống nhau, mà tài nghệ sức khỏe cũng ngang nhau, nếu đem những người ấy dùng vào chiến đấu, rồi quân tinh nhuệ ở phương Bắc lại tiếp tục gửi sang, thì nước Nam có thể nào chống cự lại được không? Và lại, việc xuất chinh năm mới rồi, không phải tự ý thiên tử, mà là do bầy tôi ở biên cương gièm pha đẩy thôi.

¹ Đại Việt sử ký chép tên là Bất Hốt Truật.

² Lời phê, nguyên văn chép "thằng ư phanh Mặc, phong A đa hi". Chép thế là lầm, đáng lẽ là "phong Mặc, phanh A" mới đúng. Vì thế chúng tôi dịch đúng với điển cũ như thế này:

Thời đại Chiến quốc, nước Tề có hai quan đại phu, một là Tổng Thượng Hiền, đại phu ở đất Tức Mặc (nay thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc), và một là Mao Thúc, đại phu ở đất A (tức huyện Chúc A, ở phía đông bắc tỉnh Sơn Đông). Thượng Hiền thường bị những người hầu cận vua Uy vương nước Tề gièm pha, Uy vương cho dò xét thì đất Tức Mặc ruộng đất được mở mang, nhân dân được no ấm. Uy vương xét thấy như thế là Thượng Hiền không chịu mua chuộc những người hầu cận nên bị gièm pha, liền phong cho một vạn nhà để ẩn lộc. Mao Thúc thường được những người hầu cận vua khen ngợi, Uy vương cũng cho dò xét, thì thấy đất Chúc A ruộng đất bỏ hoang, nhân dân nghèo đói. Uy vương xét thấy như thế là vì Mao Thúc đút lót người hầu cận để mua lấy tiếng khen, liền bắt mổ bụng Mao Thúc và người nào trước kia đã tán dương Mao Thúc (Tăng bình lịch sử cương mục bổ, III, 3-4).

Vậy ngài nên sang châu thiên tử ngay". Nhà vua từ tạ vì đường có tang, rồi sai Đại Phạ cùng Hà Duy Nham sang sứ nhà Nguyên.

Đại Phạ đến Ngạc Châu, người bên Nguyên gọi là "lão lệnh công" [ông quan già]. Khi Đại Phạ vào yết kiến các viên bình chương hành tỉnh¹, thấy Ích Tắc cũng ngồi đấy, Đại Phạ không chào hỏi. Ích Tắc hỏi rằng: "Có lẽ anh là thư nhi² nhà Chiêu Đạo vương thì phải?". Đại Phạ trả lời: "Cuộc đời thay đổi, Đại Phạ này, trước là thư nhi của Chiêu Đạo vương, nhưng nay là sứ thần một nước, cũng như bình chương trước là con vua một nước, mà bây giờ lại là người đi đầu hàng địch!". Ích Tắc nghe Đại Phạ nói, tỏ nét mặt hổ thẹn. Tự đấy hễ khi nào có sứ thần nước ta đến, Ích Tắc không ngồi ở sảnh đường nữa.

Lời chua - Chiêu Đạo vương: Tên là Quang Sưởng, con vợ thứ của Trần Thái Tông, anh cùng mẹ với Ích Tắc.

Bình chương: Quan chức bên Nguyên phong cho Ích Tắc. Trước kia nhà Nguyên cho quân đưa Ích Tắc về nước ta, nhưng không được, sau cho ở Ngạc Châu, ban cho chức bình chương chính sự tỉnh Hồ Quảng, cấp cho ruộng ở Hán Dương để tự nuôi thân.

Tháng 3. Hạ chiếu: phàm những người nào đã mua dân lương thiện làm nô tì, nay cho người bán được chuộc lại.

Khi bấy giờ mấy năm đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đem bán rẻ con giai, con gái để tự sinh sống, nên nay hạ lệnh này, duy ruộng đất đã bán rồi thì không cho chuộc lại.

Quý Tị, năm thứ 9 (1293). (Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Anh Tông năm Hưng Long thứ I. - Nguyên năm Chí Nguyên thứ 30).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Thái tử là Thuyên.

Thái tử đã lên ngôi, xưng là Anh Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Ứng Thiên quảng vận nhân minh thánh hiệu hoàng đế (tức là Anh Tông), tôn vua cha làm Hiếu nghiêu quang thánh thái thượng hoàng đế và tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu.

Tháng 9, mùa thu. Khâm Từ bảo thánh hoàng thái hậu là Trần thị mất.

Thái hậu hiền hòa, thông sáng, đối với người dưới, có lòng nhân từ. Thượng hoàng thường khi ngự ở vọng lâu để xem quân sĩ bắt hổ, thái hậu cùng các phi tần theo hầu. Bất thành linh con hổ xông ra ngoài chuồng, chực nhảy lên lầu, mọi người đều sợ chạy; duy thái hậu vẫn ngồi tại chỗ, thượng hoàng lấy làm khen ngợi.

Sao chổi xuất hiện.

Sao chổi xuất hiện ở vị trí sao Tử vi, sang đến đầu khôi³, ánh sáng tỏa ra hơn một thước, một trăm ngày mới lặn.

Nhà Nguyên lại sai sứ thần sang.

Trước đây, Đại Phạ sang nhà Nguyên đính ước đến năm sau nhà vua sẽ sang châu, nhưng nhà vua không quả quyết đi, nên nay nhà Nguyên lại sai Lại Bộ thượng thư Lương Tăng, Lễ bộ thượng thư Trần Phu sang nước ta. Khi đến nơi, nhà vua muốn cho sứ bộ đi theo cửa bên cạnh vào triều, Lương Tăng không nghe, trở đi trở lại đến ba lần, sau mới cho đi cửa giữa. Lương Tăng trách nhà vua chỉ có giấy tờ suông trang sức những lời xảo trá, và khuyên vào châu, nhưng nhà vua không theo, rồi sai Đào Tử Kỳ đem phẩm vật địa phương sang cống. Bầy tôi nhà Nguyên lấy cớ rằng nhà vua nhất định không

¹ Xem chữ "hành tỉnh" chua ở Chính biên quyển VII tờ 30.

² Thư nhi, có lẽ là một tiểu đồng chép sách hoặc giữ sách.

³ Bày vì sao tụ hợp thành sao Bắc đẩu, từ vì sao thứ nhất đến thứ tư là "đầu khôi", từ vì sao thứ năm đến thứ bảy là "đầu bính" (Từ Hải tờ 203).

chịu sang châu, nên người nào cũng bàn đem quân sang đánh, họ bắt giam giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng¹ rồi hạ lệnh cho Lưu Quốc Kiệt cùng các tướng vương là bọn Y Lặc, Cát Đại chinh bị binh lương, chia đường cùng tiến, lại sai Ích Tắc đi theo. Khi quân đến Trường Sa, thì gặp lúc Thế Tổ nhà Nguyên mất, Thành Tông lên làm vua, bèn bãi binh mà cho Tử Kỳ về nước.

Phong cho em là Quốc Trấn² tước Huệ Vũ vương.

Giáp Ngọ, Anh Tông hoàng đế năm Hưng Long thứ 2 (1294). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 31).

Tháng 7, mùa thu. Tước Chiêu Minh đại vương Quang Khải mất.

Quang Khải có học thức, thông hiểu tiếng nói các dân tộc người Phiên³, mỗi khi có sứ thần Trung Quốc đến, được sung vào công việc giao tiếp. Trước kia, Thánh Tông thân đem quân đi đánh Mán Bà La, Quang Khải đi theo. Gặp khi ấy sứ thần Trung Quốc đến, Thái tông triệu Hưng Đạo vương Quốc Tuấn đến bảo rằng: "Thượng tướng⁴ theo quan gia⁵ đi đánh giặc, trẫm muốn phong cho nhà người làm Tư đồ, sung vào việc ứng tiếp". Quốc Tuấn thưa rằng: "Việc ứng tiếp sứ thần Trung Quốc, tôi xin đảm nhận, còn việc phong chức tư đồ, tôi không dám nhận. Nay quan gia⁶ đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu, mà bề hạ tự ý tư phong chức tước, tôi e rằng đối với tình nghĩa trên dưới chưa được ổn thỏa". Việc ấy mới thôi.

Quang Khải với Quốc Tuấn trước vốn không hòa hiệp với nhau, sau đó một hôm, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp về, Quang Khải cùng Quốc Tuấn đánh cờ chơi đùa suốt ngày. Quang Khải tính không hay gọi tằm, Quốc Tuấn cởi áo và lau rửa giúp Quang Khải, rồi nói: "Hôm nay được tắm cho thượng tướng". Quang Khải cũng nói: "Hôm nay được quốc công tắm rửa cho". Tự bấy giờ hai người chơi với nhau thân mật lắm.

Quang Khải lúc làm tướng võ, lúc làm tướng văn, giúp vương nghiệp nhà Trần, uy danh ngang với Quốc Tuấn. Khi mất, hưởng thọ 54 tuổi, có sáng tác tập thơ Lạc đạo lưu hành ở đời. Con cháu Văn Túc vương Đạo Tái cũng có tiếng là người văn hay, cháu là Uy Túc hầu Văn Bích từng làm quan đến thái bảo; chắt là Chương Túc hầu Nguyên Đán danh vọng cũng lừng lẫy. Xem như thế thì phúc đức của gia đình Trần Quang Khải sâu rộng bền bỉ, từ trước đến sau lúc nào cũng gắn liền với cơ nghiệp nhà Trần.

Lời phê - Tiếp tân mà tất phải dùng đến tướng văn tướng võ, thì không phải là tôn trọng quốc thể, xem việc này cũng có thể biết được lúc bấy giờ hiểm nhân tài.

Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh nước Ai Lao.

Trung Thành vương (không rõ tên) đem quân đi tiên phong bị giặc vây hãm, gặp khi ấy Phạm Ngũ Lão chợt đem quân đến, hai bên giáp lại đánh, giải được vòng vây, liền tung quân ra đón đánh tan được quân giặc, bắt được người và súc vật rất nhiều. Khi đem quân về, nhà vua ban cho Ngũ Lão được kim phù⁷.

Tháng 9. Thiếu bảo Đình Củng Viên mất.

Củng Viên học rộng văn hay, nhà vua rất kính trọng, không bao giờ gọi thẳng tên; lúc mất, truy tặng thiếu phó.

¹ Tên huyện, bây giờ thuộc tỉnh Hồ Bắc.

² Có âm nữa là "điền".

³ Trước kia ở Trung Quốc, những dân tộc ở biên giới các tỉnh Tứ Xuyên, Cam Túc, Vân Nam, Quý Châu, ... đều gọi chung là người Phiên. Ở nước ta thì có lẽ trước kia gọi những dân tộc miền núi là người Phiên; vì họ nói một thứ thổ âm riêng, nên gọi là "Phiên ngữ".

⁴ Chỉ Trần Quang Khải.

⁵ Tiếng đời Trần dùng chỉ nhà vua. Đây chỉ Trần Thánh Tông.

⁶ Chỉ Trần Quang Khải.

⁷ Bình phù bằng loài kim. Riêng chữ "phù" còn có nghĩa là điềm lành phản chiếu. Ban cho kim phù là có ý mong cho được bền bỉ cứng rắn như loài kim.

Ất Mùi, năm thứ 3 (1295). (Nguyên, Thành tông, năm Nguyên Trinh thứ 1).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thành Tông nhà Nguyên mới lên làm vua, sai thị lang Lý Khản và Tiêu Thái Đăng đem thư sang nước ta, đại lược nói: "Thiên tử mới lên ngôi, ra ơn đại xá, đã hạ lệnh cho các quan có trách nhiệm phải bãi binh. Vậy tự nay về sau nên nhớ kỹ đến cái đạo sợ uy trời, thờ nước lớn"¹. Nhà vua sai Viên ngoại lang là Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo sang bên Nguyên đáp lễ.

Tháng 6, mùa hạ. Thượng hoàng từ Ai Lao về nước.

Thượng hoàng từ Ai Lao trở về, rồi xuất gia ở hành cung Vũ Lâm, sau lại trở về kinh sư. Khi bấy giờ Khâm Từ thái hậu đã mất rồi, Tuyên Từ thái hậu tính nóng nảy, ráo riết dạy bảo có phần nghiêm ngặt, nhà vua chỉ một mực kính cẩn tuân theo. Thượng hoàng khen là người có hiểu, nói rằng: "Trẫm không xứng đáng xưng là "Hiếu hoàng"² nên đem danh hiệu ấy xưng hô quan gia mới phải".

Lời chua - Tuyên từ: Em gái Khâm từ, tức là dì ruột nhà vua.

Vũ Lâm: Ở xã Vũ Lâm, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình, ở đây núi non trùng điệp, trong ruột núi có hang, chu vi núi non rộng đến vài mươi mẫu, bên ngoài có con sông nhỏ quanh co khuất khúc, thông vào trong hang núi, thuyền nhỏ có thể chở vào được.

Nhà vua biểu dương người đàn bà có tiết nghĩa là Lê Thị.

Chồng Lê Thị Ta là Phạm Mưu, sang sứ bên Nguyên, bị bệnh mất, Thị Ta nghe tin, thương khóc ba ngày không ăn uống gì rồi chết. Sự đó tâu về triều, nhà vua ban cho bạc và lụa để biểu dương tiết nghĩa.

Lời chua - Lê Thị người ở phường Tây Nhai trong kinh thành.

Tháng 8, mùa thu. Mở kỳ thi con các quan văn.

Quan văn từ hàng "miện, sam" trở xuống, các con trai đều được vào thi, ai trúng tuyển được sung bổ vào nha thuộc An Hoa.

Lời chua - Miện: Quyền miện (?), phẩm phục của người giữ chức Hiệu thư. Sam: Mạo sam (?), phẩm phục của người giữ chức Bạ thư. Những người được dùng phẩm phục này, đều vào hàng quan văn, danh vị hơi cao một chút.

Bính Thân, năm thứ 4 (1296). (Nguyên, năm Nguyên Trinh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Nguyễn Hưng, tước thượng phẩm, có tội, phạt đánh bằng trượng cho chết.

Chế độ cũ nhà Trần, các quan viên đánh bạc phải xử vào tội nặng. Nguyễn Hưng cố ý phạm pháp, nên nhà vua bắt đánh bằng trượng cho đến chết.

Lời bàn của Phan Phu Tiên - Pháp luật nhà Trần nghiêm cấm sự đánh bạc như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông³ lại còn đánh bạc công khai, thậm chí chiêu tập người nhà giàu vào trong cung đánh bạc, rồi người trong nước cũng bắt chước, thành ra vì tệ hại đánh bạc mà đến nỗi bại vong!

Tháng 10, mùa đông. Năm ấy được mùa.

¹ Nguyên văn là "úy thiên, sự đại". Bốn chữ này dùng điển trong sách Mạnh tử, nghĩa là: Giữ bốn phận mình là nước nhỏ mà phụng thờ nước lớn, là sợ uy trời.

² Xem thêm chữ "hiếu hoàng" chép ở Chính biên quyển VII tờ 20.

³ Xem thêm Chính biên quyển X tờ 15 việc Trần Dụ Tông gá bạc.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1297). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 1). Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại quy chế binh lính.

Tuyển dân đinh người nào khỏe mạnh phải suốt đời làm lính, không được làm quan, theo như phép cũ. Các châu chỗ nào trước gọi là giáp, nay đổi làm hương.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm đến sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Nước Ai Lao đem quân xâm phạm, chiếm giữ sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão kéo quân đến đánh úp, quân Ai Lao bị thua chạy. Tin thắng trận báo về triều, nhà vua ban cho Ngũ Lão được ân phù¹.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Trần Kiến làm Đại an phủ sứ ở kinh sư, kiêm chức quan Kiểm pháp.

Trần Kiến là người cương trực, trước làm quan An phủ ở Thiên Trường, có người đưa biếu món ăn, Trần Kiến hỏi: "Có việc gì mà biếu?". Người ấy nói: "Vì ở gần lỵ sở". Mấy hôm sau, người ấy đem việc đến thỉnh thác. Trần Kiến giận lắm, móc cổ họng cho thổ ra. Đến nay được cất nhắc lên làm quan kiểm pháp, xét xử kiện tụng một cách công bằng thỏa đáng, người ta đều nói Trần Kiến có thể quyết đoán hình ngục được.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho phủ tông chính khảo xét đình chính thể hệ trong gia phả họ tôn thất.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1298). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 2).

Tháng 9, mùa thu. Mưa gió to.

Tháng 10, mùa đông. Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm các quân hiệu: Thượng chân đô, Thủy dạ thoa đô và Chân kim đô; quân sĩ đều thích chữ ở trán. Nhà vua hạ lệnh cho Phạm Ngũ Lão làm Kim ngô hữu vệ đại tướng quân để thống lĩnh.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện ở phương đông. Nhà vua không dám ngự ở chính điện và giảm bớt sự ăn uống².

Bổ dụng Trần Kiến là Nhập nội Hành khiển hữu gián nghị đại phu, Trần Khắc Chung làm Đại an phủ sứ ở kinh sư.

Nhà vua thấy Trần Kiến là người cương trực, ban cho cái hốt³ và làm bài minh vào cái hốt rằng: "Thái sơn trinh cao, tượng hốt trinh liệt, linh trĩ trĩ⁴ giốc, vì hốt nan chiết". Núi Thái Sơn vừa kiên trinh vừa cao, hốt ngà voi vừa kiên trinh vừa sáng, ngà voi có linh tính như ngà giải trĩ, dùng làm hốt, khó sức mạnh nào chiết phục được.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1299). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân, kiêm quản lĩnh quân Thiên Thuộc.

¹ Xem chữ "phù" chưa ở Chính biên quyển VIII tờ 22. Ân phù: binh phù có hình sắc mây.

² Theo quan điểm phong kiến, vua là con của trời (thiên tử), vua thất đức, thì trời hiển hiện ra điềm tai dị để răn bảo, nếu trời đã răn bảo mà vua còn không tu tỉnh, thì trong nước sẽ xảy ra tai họa. Vì thế, mỗi khi gặp nhật thực, nguyệt thực, hoặc sao sa, sao chổi, ... thì vua sợ oai trời, lánh mình đến ở một cung bé nhỏ, không dám nghênh ngang ngự ở chính điện, và giảm bớt sự ăn uống, không dám xa xỉ. Làm như thế là để được trai khiết mà hối tội của mình, mong được lòng trời thương hại.

³ Cái hốt có tên riêng là "thủ bản", vua quan cầm trong lúc triều yết, có việc gì thì ghi chép vào hốt để khỏi quên. Đời cổ, hốt của thiên tử bằng ngọc, của vua chư hầu bằng ngà voi, từ đại phu đến sĩ làm bằng tre hoặc gỗ; về sau, đại phu và sĩ đều có thể được dùng hốt bằng ngà voi cả. Chiều dài chiều rộng cái hốt của từng cấp bậc đã có kích thước nhất định.

⁴ Trĩ: Tên riêng một giống thú rừng, có sách giải nghĩa là thần dương, giống thú này có một cái sừng thẳng ở giữa trán. Đời cổ dùng nó để húc đánh những người gian tà nham hiểm, vì nó có linh tính phân biệt được người ngay, người gian.

Tháng 5. Bổ dụng Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán¹.

Khi bấy giờ thượng hoàng tử phủ Thiên Trường về kinh, các quan trong triều đều không ai biết cả. Nhà vua uống rượu xươg bồ, say, nằm ngủ, đánh thức mãi không dậy. Thượng hoàng đi thông thả, xem khắp các cung điện một hồi lâu. Lúc người hầu nội dâng cơm, Thượng hoàng không thấy nhà vua, lấy làm lạ, liền hỏi, sau khi biết chuyện, Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, hạ chiếu cho trăm quan đến ngày mai phải tề tập để nghe chỉ dụ. Đến quá trưa, nhà vua mới tỉnh dậy. Cung nhân đem việc đó tâu bày, nhà vua sợ quá, đi bộ ra ngoài cửa cung. Khi đi qua chùa Tư Phúc, gặp người học trò là Đoàn Nhữ Hài, nhà vua ban hỏi. Nhữ Hài vội vàng cúi rạp xuống đất thưa là "học trò đi học". Nhà vua cho theo vào cung, bảo rằng: "Mới đây trẫm say rượu, bị Thượng hoàng hỏi tội, nay muốn dâng biểu tạ tội, nhà ngươi nên thảo giúp ta tờ biểu ấy". Nhữ Hài vâng lời, thảo xong ngay. Nhà vua liền dùng chiếc thuyền nhỏ, cho Nhữ Hài đi theo, đêm đi đến Thiên Trường. Sớm hôm sau, sai Nhữ Hài đội tờ biểu dâng lên, Thượng hoàng hỏi: "Người dâng biểu là người nào?". Người hầu cận thưa rằng: "Đây là người của quan gia² sai dâng biểu tạ tội". Thượng hoàng không nói gì cả. Trời gần tối, gió mưa kéo đến ầm ầm, Nhữ Hài vẫn quỳ yên không di chuyển. Thượng hoàng bèn cho người lấy tờ biểu vào xem, thấy lời lẽ ý tứ trong tờ biểu thành khẩn thiết tha, mới cho triệu nhà vua vào dạy rằng: "Trẫm không còn có người con nào nữa để nối ngôi vua hay sao? Nay trẫm còn sống mà còn như thế, nếu sau này sẽ ra thế nào?". Nhà vua cúi đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: "Ai soạn tờ biểu này?". Nhà vua tâu: "Tên học trò là Đoàn Nhữ Hài".

Thượng hoàng lại cho triệu Nhữ Hài vào, dụ bảo rằng: "Tờ biểu của nhà ngươi soạn, thực hợp ý trẫm". Sau đó, Thượng hoàng cho nhà vua lại được làm vua và trăm quan trở về triều như trước. Nhà vua ở phủ Thiên Trường về, cho Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Khi bấy giờ Nhữ Hài mới 20 tuổi, có kẻ ghen ghét cho là ít tuổi đã làm quan, họ có câu thơ mỉa mai rằng: "Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ, khẩu tồn nhũ xú Đoàn trung tán". (Trong ngự sử đời người ta truyền tụng câu cổ ngữ "khẩu tồn nhũ xú"³ để đàm luận quan trung tán họ Đoàn).

Lời phê⁴ - Xem việc này có thể biết thời đại ấy hãy còn giữ được thói giản dị sơ lược, nên vua tôi tin tưởng với nhau một cách dễ dàng.

Lời chua - Đoàn Nhữ Hài: Người ở Trường Tân, thuộc Hồng Châu.

Nhà vua đi bái yết sơn lăng.

Tháng 6. Sai các quan đi tế khắp cả thần kỳ ở núi sông.

Tháng 7, mùa thu. Thượng hoàng lên núi Yên Tử, xả thân⁵ ở am Ngọa Vân.

Trước kia, thượng hoàng ở Vũ Lâm, thời thường đi lại kinh sư và phủ Thiên Trường; đến nay, lại xuất gia, đến núi Yên Tử, ở am Ngọa Vân. Cung tần, thị nữ, người nào không muốn về thì cấp ruộng và nhà cho ở dưới chân núi. Thượng hoàng thỉnh thoảng có về phủ Thiên Trường, ngự ở cung Trùng Quang. Lúc nhà vua đến chầu, Thượng hoàng bảo: "Nhà ta khởi nghiệp từ bãi biển, cho nên thích hình con rồng vào vẽ đui, là có ý tỏ ra rằng không bao giờ vong bản". Lúc ấy người thợ thích hình rồng đã chực ở ngoài cửa cung, nhà vua rình khi Thượng hoàng quay mặt đi chỗ khác, liền lánh sang cung Trùng Hoa. Thượng hoàng biết ý, không bắt ép nữa. Cái tục thích hình dáng loài vật vào vẽ đui của nhà Trần từ đây mới bỏ đi được.

¹ Tức Ngự sử Trung thừa, chức quan đứng hàng thứ 2 ở đời Ngự sử có nhiệm vụ can gián, đàn hạch nhà vua.

² Chỉ Trần Anh Tông.

³ Lời Hán Cao tổ bình luận đại tướng nước Ngụy là Bá Trục "miệng còn hơi sữa" không thể địch được với Hàn Tín (đại tướng nhà Hán).

⁴ Chỉ việc Trần Anh Tông đi bộ ra ngoài cửa cung thành nói chuyện với một người học trò.

⁵ Tự nguyện đem thân mình quy y cửa Phật một cách khổ hạnh gọi là "xả thân". Phong tục này thịnh hành ở thời đại Lục Triều (Trung Quốc), Lương Vũ đế, Trần Vũ đế đều xả thân làm nô bộc cho nhà chùa. Lại cũng có người tự thiêu thân để cúng giàng vào chùa nữa (Tử nguyện, tập mào, tờ 117).

Lời chua - Yên Tử, Ngọa Vân: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Thích hình dáng loài vật vào vẽ đui: Tục nhà Trần khi xưa, quân dân đều thích vẽ rồng ở trước bụng, sau lưng và hai bên vẽ đui, người Trung Quốc gọi là "thái long" (rồng vẽ). Sở dĩ thích hình con rồng như thế, là có ý nghĩ rằng giống thường luồng sợ rồng, lưng có vằn rồng, thì khi lội xuống nước, thường luồng không dám xâm phạm đến.

Nhà vua đi chơi ngoài thành một cách vi hành¹.

Tính nhà vua thích vi hành, đêm đến, thường ngồi trên chiếc kiệu do người khiêng, cùng đi với vài chục người, dạo chơi khắp kinh thành, đến gà gáy mới trở về cung. Lại thường ra chơi chỗ quân phường (?). Một hôm, có đứa vô lại² ném gạch phạm phải; người theo hầu quát lên rằng: "Xa giá nhà vua đây!". Mọi người mới sợ chạy. Sau, Thượng hoàng thấy vết thương, hỏi vì cơ gì. Nhà vua cứ thực tâu bày, Thượng hoàng chép miệng "chạch chạch" một hồi lâu.

Lời phê - Cái lỗi này lại nặng hơn cái lỗi uống rượu say nằm ngủ³, mà sao không thấy Nhân Tông quả trách gì?

Ban phát khoa giáo nhà Phật cho trong kinh thành và ngoài các lộ.

Trước đây, Trần Khắc Dụng sang sứ bên nhà Nguyên, xin được kinh Đại Tạng⁴. Khi đem về, bản chính để ở phủ Thiên Trường và viết ra bản khác giao khắc để lưu hành. Đến đây, nhà vua lại sai in quyển Phật giáo, pháp sự đạo tràng công văn cách thức, ban bố khắp nước.

Bổ dụng hoạn giả Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, kiêm giữ việc tả ti ở cung Thánh Từ.

Hùng Thao giữ chức chưa được bao lâu, vì phê phó vào sổ tha tội người này, buộc tội người kia, nên bị bãi.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Trước đây, nhà vua sai Đặng Nhữ Lâm sang giao hảo với nhà Nguyên, khi Nhữ Lâm đến kinh đô nhà Nguyên, bí mật làm những việc sau này:

- Vẽ đồ bản cung điện và vườn tược.
- Đem riêng trong mình bản đồ địa dư và sách đã bị cấm.
- Ghi chép vào sổ riêng những núi rừng và tình hình quân sự ở Bắc phương.

Thừa tướng nhà Nguyên là Hoàn Trạch đem việc ấy tâu bày, vua Nguyên sai Thượng thư Mã Hợp, Thị lang Kiều Tôn Lượng sang nước ta dụ bảo nhà vua về việc Nhữ Lâm làm trái pháp, đáng lẽ tra xét kỹ để trị tội, nhưng thiên tử lấy độ lượng bao dung, nên đã hạ lệnh tha cho về nước. Vậy từ nay cử sứ thần cần phải lựa chọn cẩn thận, nếu có tâu bày thỉnh thác việc gì, phải hết lòng thành thực, chứ nếu chỉ trang sức văn từ khéo léo bề ngoài, thì không ích gì cả.

Canh Tí, năm thứ 8 (1300). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Động đất.

Động đất ba chỗ, từ giờ tí đến giờ thân¹ mới yên.

¹ Vua chúa đi ra ngoài cung điện, không muốn cho người ngoài biết, nên không có nghi trượng đón rước, chỉ đi với một số ít người dạo chơi nơi này nơi khác, gọi là "vi hành".

² Vô lại có nhiều nghĩa, nhưng ở đây là chỉ hạng người chơi bời lêu lổng hoặc láu lỉnh giảo quyệt.

³ Xem thêm Chính biên quyển VIII tờ 27, việc Trần Anh Tông say rượu.

⁴ Tên gọi chung các kinh điển về Phật giáo do Hán nho dịch chữ Phạn ra chữ Hán hoặc những sách do các cao tăng ở phương đông trứ tác ra (Từ Hải, trang 353).

Tháng 4, mùa hạ. Mặt trời dao động.

Người đàn bà ở Hồng Lộ sinh con trai hai đầu.

Tháng 6. Sao sa.

Tháng 8, mùa thu. Tiết chế thống lĩnh chư quân, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, mất.

Trước đây, Quốc Tuấn bị bệnh, nhà vua đến nhà riêng thăm và hỏi rằng: "Nếu có sự không lành xảy ra², mà quân nhà Nguyên lại sang xâm lấn, thì chống cự lại bằng cách gì?". Quốc Tuấn thưa: "Ngày trước Triệu Võ (Triệu Đà) dựng nước, vua nhà Hán sai quân sang đánh, lúc ấy, về phần tiểu dân thì phá hết hoa màu ở đồng nội; về phần quân lính thì đại binh kéo sang châu Khâm, châu Liêm, đánh quận Trường Sa, dùng đoàn binh³ đánh tập hậu, đấy là một thời kỳ. Đến đời nhà Đinh, nhà Lê dùng được người hiền tài, lúc ấy phương Nam đương mạnh, phương Bắc đương suy, trên dưới một lòng, dân không có lòng ly tán, đắp thành Bình Lỗ mà phá được quân nhà Tống, đấy lại là một thời kỳ. Nhà Lý dựng cơ nghiệp, người nhà Tống sang xâm lấn; lúc ấy dùng Lý Thường Kiệt đánh châu Khâm, châu Liêm, nhiều lần tiến quân đến Mai Lĩnh⁴, đấy là có thể lực mạnh. Mới rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt đánh phá bao vây; lúc ấy vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu, nên giặc phải bó tay, đấy là lòng giời xui khiến.

Đại khái quân giặc cậy vào trường trận⁵, quân ta cậy vào đoàn binh, đem đoàn binh đánh lại trường trận, là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: nếu thấy quân giặc tràn sang như gió, như lửa, thì thế giặc có thể dễ chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dân, như tắm ăn dâu, không vợ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì mình phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tùy theo thời cơ mà chế biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh lính như cha con một nhà, mới có thể dùng để chiến thắng được. Và lại, phải bớt dùng sức dân để làm cái kế thâm căn cố đế, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn". Nhà vua rất phục lời trình bày của Quốc Tuấn là đúng.

Khi Quốc Tuấn mới sinh ra, có người xem tướng trông thấy, nói: "Mai sau có thể kinh bang tế thế được". Lúc lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh khác thường, xem rộng các sách, có tài văn vũ. Thân phụ Quốc Tuấn là An Sinh vương, trước đây, có hiềm riêng với Thái Tông⁶, đem lòng oán giận, đi tìm khắp những người có tài nghệ giỏi để dạy bảo Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, cầm tay Quốc Tuấn trối trăng lại rằng: "Con không vì cha mà lấy được thiên hạ, thì cha đầu chết cũng không nhắm mắt được!". Trong bụng Quốc Tuấn vẫn không cho câu nói ấy là đúng. Khi quân Nguyên sang xâm lấn, một mình nắm hết quyền bính trong nước trong quân, có lần Quốc Tuấn đem câu trối trăng của cha hỏi hai người gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Hai người can ngăn, nói: "Nếu thi hành kế ấy, đâu có giàu sang được một lúc, mà tiếng xấu để mãi đến ngàn đời. Đại vương bây giờ chả phải đã giàu sang rồi ư? Chúng tôi tình nguyện chết già làm người nô bộc, chứ không muốn làm sự bất trung bất hiếu để cầu may mà được một chức quan, chúng tôi mong học được như người mỗ dê tên là Duyệt ở thời Xuân Thu ngày trước". Quốc Tuấn nghe hai người gia nô nói, vừa cảm động ứa nước mắt vừa khen ngợi.

Có lần Quốc Tuấn giả vờ hỏi dò ý con là Hưng Vũ vương Quốc Nghiện rằng: "Cổ nhân giàu có cả thiên hạ, để truyền cho con cháu về sau, việc ấy con nghĩ thế nào?". Quốc Nghiện thưa rằng: "Việc ấy đối với người khác họ cũng không nên làm, hưởng chi là người cùng một họ". Quốc Tuấn rất lấy làm

¹ Phòng từ một giờ đến mười bảy giờ.

² Ý nói Quốc Tuấn mất.

³ Một binh chủng chuyên dùng giáo mác đánh giặc, khác với trường binh là hạng binh lính đánh giặc bằng cung tên.

⁴ Ở địa phận tỉnh Giang Tây, tức là núi Đại Dũ, nơi xung yếu giữa hai tỉnh Giang Tây và Quảng Đông, trên núi trồng nhiều cây mai, nên gọi tên là Mai Lĩnh (Tử Nguyên, Thận tập, tờ 138 và Sửu tập, tờ 203).

⁵ Trường trận cũng như trường binh, xem chú thích trường binh, đoàn binh ở trên.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển VI tờ 16, 18.

phải; sau lại đem câu ấy hỏi con thứ là Hưng Nhượng vương Quốc Tảng, Quốc Tảng tiến thẳng đến, nói: "Tổng Thái Tổ là một người làm ruộng, chỉ nhờ gặp thời vận mà lấy được thiên hạ". Quốc Tuấn liền tuốt gươm ra kể tội rằng: "Những người bày tôi phản loạn chính là do những đứa con bất hiếu mà ra". Nói rồi có ý muốn giết đi. Quốc Nghiệm vội chạy ra kêu khóc xin nhận tội thay, mãi sau mới được Quốc Tuấn tha cho. Khi Quốc Tuấn sắp mất, bảo Quốc Nghiệm rằng: "Sau khi ta chết, đây nắp áo quan đầu đầy xong rồi, sẽ cho Quốc Tảng vào viếng khóc".

Vào khoảng đầu niên hiệu Thiệu Bảo, quân Nguyên rầm rộ kéo sang, khí thế rất hung hãn. Vua Thái tông bảo rằng: "Lực lượng của giặc mạnh như thế, có lẽ ta hãy tạm xin hàng". Quốc Tuấn nói: "Trước hết hãy chặt đầu tôi đã, rồi sẽ hàng".

Xem những việc trên, thì Quốc Tuấn hết lòng với nhà Trần, trung nghĩa bộc lộ ra như thế, cho nên dẹp tan được giặc Nguyên, dựng nên công nghiệp phi thường, tiếng vang đến Trung Quốc. Người nhà Nguyên thường gọi là An Nam Hưng Đạo vương mà không dám gọi rõ tên. Thánh Tông có làm bài văn bia ở sinh từ, sánh Quốc Tuấn với Thượng Phủ¹. Vì có công lao to, nên gia phong là Thượng Quốc Công, được quyền tự ban thưởng phẩm tước cho người khác, nhưng Quốc Tuấn chưa hề tự ban thưởng cho một ai cả, ấy cần trọng giữ gìn như vậy. Lại còn một việc nữa là thường tiến cử người hiền tài để giúp nước, như các ông Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu đều là môn khách của Quốc Tuấn cả.

Đương lúc quân Nguyên sang xâm lấn, Quốc Tuấn thân hành soạn ra sách Binh gia diệu lý yếu lược² và làm bài hịch³ trao cho các tì tướng. Bài hịch đại lược⁴ như sau:

"Kỷ Tín liều mình chết thay để giải vây cho Cao đế⁵, Do Vu lấy lưng đỡ giáo để che chở cho Chiêu vương⁶, Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ⁷, Thân Khoái⁸ chặt tay để chết theo nạn nước, Kính Đức⁹ là một viên tướng nhỏ mà giúp đỡ Thái Tông thoát khỏi vòng vây của Thế Sung, Nhan Khanh¹⁰

¹ Thượng phủ là một danh hiệu tôn xưng Thái Công Vọng. Thái Công Vọng họ Khương tên Thượng, là một hiền thần nhà Chu. Vũ Vương nhà Chu tôn làm sư - thượng phủ. Vũ vương diệt chúa Trụ nhà Thương, lấy được thiên hạ phần nhiều là nhờ ở mưu lược của Khương Thượng, sách *Binh thư* có 6 quyển nói về lục thao, tương truyền do Khương Thượng soạn.

² Cuốn sách nói về phương lược cốt yếu, lý lẽ màu nhiệm của nhà binh.

³ Dem lý lẽ phải trái viết thành văn để hiệu triệu, để khuyến nhủ, để cổ động lòng trung nghĩa của người ta, gọi là bài hịch.

⁴ Bài hịch còn dài, nhưng *Cương mục* rút bớt đi.

⁵ Kỷ Tín: Bầy tôi Hán Cao tổ (Lưu Bang), khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây hãm ở Huỳnh Dương rất nguy cấp, Kỷ Tín phải ăn mặc giả làm Lưu Bang xông ra mặt trận, sau khi Hạng Vũ bắt được Kỷ Tín (Lưu Bang giả) rồi, mới giải vây thành Huỳnh Dương, nên Lưu Bang được thoát nạn, còn Kỷ Tín bị Hạng Vũ thiêu chết. (*Thông giám tập lãm*, quyển XII tờ 5).

⁶ Do Vu tức Vương tôn Do Vu, người thời Xuân thu, bầy tôi nước Sở. Khi nước Sở bị chúa nước Ngô là Hạp Lư đánh, Chiêu vương nước Sở phải chạy đến Vân Mộng, trong lúc Chiêu vương nằm ngủ, có thích khách cầm giáo vào đâm, lúc ấy Do Vu ở bên cạnh, phải lấy thân mình chịu giáo thay thế. Do Vu bị ngọn giáo đâm trúng vai, mà Chiêu vương được thoát nạn. (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển XVI tờ 22).

⁷ Dự Nhượng người thời Chiến quốc, bầy tôi Trí Bá, Trí Bá bị Triệu Tương tử giết, Dự Nhượng lập mưu giết Tương tử để báo thù cho Trí Bá: Hành thích lần đầu bị bắt, sau được tha. Dự Nhượng lấy sơn trát vào mình làm người húi, nuốt than cho tiếng nói khác đi. Hành thích lần sau lại bị bắt, Dự Nhượng xin Tương tử cho đánh vào cái áo để trả thù. Khi người nhà đem cái áo của Tương tử ra, Dự Nhượng nhay lên kêu trời ba lần, vừa kêu vừa đánh vào cái áo, rồi tự sát. (*Bổ chính thiếu vị*, quyển 111 tờ 5).

⁸ Thân Khoái người thời Xuân thu, một viên quan coi giữ ao cá của Tề Trang Công. Trang Công bị Thôi Trử giết, Thân Khoái tự chết theo. (*Xuân thu ngũ truyện*, quyển XI, tờ 64).

⁹ Kính Đức tức Uất Trì Kính Đức, người đời Tùy Đường, một tướng mạnh của Đường Thái Tông (Thế Dân). Kính Đức có biệt tài tránh gươm giáo, thường một mình một ngựa xông vào trận địa của giặc, giặc tập trung giáo lại đâm, Kính Đức đã không bị thương, lại còn cướp giáo giặc để đâm giặc. Khi Đường Thế Dân đem năm trăm quân ra trận địa, bị Vương Thế Sung đem hơn vạn quân ập đến bao vây, Đôn Hùng Tín cầm giáo đuổi đâm Thế Dân, Kính Đức phóng ngựa lại đâm Hùng Tín ngã ngựa, làm cho quân của Thế Sung bị tan vỡ và Đường Thế Dân thoát khỏi vòng vây. (*Lịch sử cương mục bổ*, quyển XIX, tờ 3).

¹⁰ Nhan Cảo Khanh, bầy tôi nhà Đường. Thời đại Đường Minh hoàng, An Lộc Sơn làm phản, lúc ấy Cảo Khanh làm thái thú ở Thường Sơn khởi binh đánh Lộc Sơn, quân thua bị bắt, Lộc Sơn có ý muốn dụ Cảo Khanh đầu hàng, Cảo Khanh mắng lại rằng: "Ta là bầy tôi nhà Đường, vì nước đánh bọn phản nghịch, ta giận rằng không chém được đầu mày". Lộc Sơn sai đem hành hình, đến lúc gần tắt thở, Cảo Khanh vẫn còn mắng chửi Lộc Sơn. (*Thông giám tập lãm*, quyển 55 tờ 37).

là một bầy tôi ở biên viễn mà mắng chửi Lộc Sơn không chịu theo bọn nghịch tặc; xem như thế thì xưa kia những người trung thần, nghĩa sĩ, vì nước liều mình, đời nào chả có; nếu những người ấy chỉ bo bo giữ thói thường tình, thì làm gì có danh thơm ghi trong sử sách, cùng với trời đất không bao giờ mai một được?

"Các người! Xuất thân là dòng dõi nhà tướng, không hiểu rõ nghĩa lý trong sách, nay đã được nghe chuyện cổ, trong bụng nửa tin nửa ngờ. Nay ta đem ngay việc nhà Tống, nhà Nguyên mới đây nói cho mà nghe: Vương Công Kiên¹ là người thế nào? Tỳ tướng của ông ta là Nguyễn Văn Lập² lại là người thế nào? Giữ thành Điếu ngư nhỏ mọn và đương đầu với trăm vạn quân oanh liệt của Mông Kha, làm cho nhân dân nhà Tống đến nay vẫn còn đội ơn. Cốt Ngại Ngột Lang³ là người thế nào? Tỳ tướng của ông ta là Càn Tu Tu⁴ lại là người thế nào? Xông vào nơi đường xa nước độc, mà trong khoảng vài tuần đánh bại được quân Nam Chiếu, làm cho vua quan Thất Đất, tiếng thơm mãi đến bây giờ. Huống chi, ta với các người, sinh ra trong buổi nhiễu nhương, trưởng thành trong lúc đau khổ, nay trông thấy sứ thần của giặc đi rộn rịp ở ngoài đường, uốn giọng lưỡi cú vọ mà sỉ nhục triều đình⁵, đem cái thân chó dê mà khinh nhờn tế phụ⁶; dựa vào mệnh lệnh Hốt Tất Liệt⁷ để đòi hỏi ngọc lụa⁸, sách nhiễu không biết thế nào là cùng; mượn uy quyền Vân Nam vương để bắt nộp bạc vàng, làm khánh kiệt kho tàng hữu hạn; không khác gì ném thịt cho hổ đói, làm thế nào mà thoát được tai nạn về sau!

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm quên ngủ, nước mắt chứa chan, ruột đau như cắt, lúc nào cũng tức bực rằng chưa sao sả thịt, lột da, ăn gan, uống máu chúng được.

"Nay ta soạn những binh pháp các nhà, làm ra một bộ sách đặt tên là *Binh pháp yếu lược*. Các người! Nếu người nào biết chuyên tâm học tập sách này, nghe lời ta dạy bảo, thế là tình nghĩa thầy trò muôn đời; nếu người nào vứt bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, tức là kẻ thù muôn đời. Tại sao vậy? Bởi vì giặc Mông Thát với nước ta là cái thù không thể đội trời chung được, nếu các người cứ lơ là không nghĩ đến việc rửa nhục cho nước, lại không luyện tập quân lính, như thế là quay giáo xin hàng, tay không chịu chết, để sau khi bình lỗ, xấu xa để đến muôn đời, thì còn mặt mũi nào mà đứng ở trong vòng trời che đất chở này được"

Quốc Tuấn lại tập hợp binh pháp các nhà làm ra trận đồ bát quái cứu cung⁹, gọi là sách *Vạn Kiếp tông bí truyền*, sách ấy Nhân Huệ vương Khánh Dư có để tựa.

Đến nay Quốc Tuấn mất, được tặng tước Thái sư thượng phụ thượng quốc công Nhân vũ Hưng Đạo đại vương. Nhân dân ở châu Lạng Giang lập đền thờ.

Lời chua - Đền thờ Hưng Đạo vương: **Nay ở xã Vạn An, huyện Lục Ngạn, phủ Lạng Giang¹⁰.**

¹ Xem "lời chua" của *Cương mục*.

² -nt-

³ -nt-

⁴ -nt-

⁵ Bài hịch nhắc lại việc sứ nhà Nguyên là Sài Xuân, khi vào đến cửa Dương Minh vẫn ngạo nghễ không xuống ngựa; khi thượng tướng Trần Quang Khải đến sứ quán tiếp, Sài Xuân vẫn nằm dài không dậy.

⁶ Tế phụ là những viên quan quyền cao chức trọng, giúp vua điều khiển công việc trong cả nước.

⁷ Thế tổ nhà Nguyên tên là Hốt Tất Liệt.

⁸ Bài hịch nhắc lại việc Mông Cổ sai sứ sang bắt nước ta phải hàng năm cống nộp tiền tệ; sau lại sai sứ thần là Lương Tăng sang dụ vua Nhân Tông sang châu, nếu không sang phải nộp vàng ngọc thay thế và cống nộp người hiền tài, người thợ, v.v...

⁹ Bát quái: tám quẻ trong kinh Dịch: Càn, khôn, tốn, khảm, chấn, đoài, ly, cấn. Các danh tướng đời cổ như Khương Thượng, Tôn Tẫn, Hàn Tín, Khổng Minh, Lý Tĩnh dựa vào tám quẻ bày ra trận đồ, mỗi quẻ là một cung theo hướng tám phương, còn trung ương là cung của thần Thái Ất đóng, hợp lại thành cứu cung.

¹⁰ Tức đền Kiếp Bạc, nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thành Bình Lỗ: Không thấy chép trong Sử cũ, duy sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi chua rằng: "Triều nhà Lý đào sông Bình Lỗ, để tiện đường đi lại Thái Nguyên". Như thế thành Bình Lỗ có lẽ thuộc địa phận Thái Nguyên.

Người mở dê tên là Duyệt: Thiên "Nhượng vương" trong sách Trang tử chép: Chiêu vương nước Sở phải tránh nạn, người mở dê tên là Duyệt đi theo. Khi Chiêu vương trở về nước, định thưởng công cho những người theo mình, trong ấy có kể cả đến người mở dê tên là Duyệt. Duyệt nói: "Trước kia đại vương mất nước, Duyệt này mất nghề nghiệp mở dê, như thế là tước lộc của tôi đã được khôi phục lại rồi, còn việc gì lại ban thưởng nữa".

Thành Điều ngư: Tức thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điều ngư, nên nhân tên núi mà gọi tên thành, nay thuộc phủ Trùng Khánh tỉnh Tứ Xuyên nhà Thanh. Khi Mông Kha nhà Nguyên đánh nhà Tống, đem quân vây hãm thành này, viên Tri châu là Vương Kiên cố sức chống giữ trong năm tháng trời, quân nhà Nguyên không sao phá được thành, phải giải vây kéo về.

Wương Công Kiên: Trong Nguyên sử chép là Vương Kiên.

Nguyễn Văn Lập: Có bản khác chép là Nguyễn Sơn Lập.

Nam Chiếu: Xem thuộc Đường, Vũ Tông, năm Hội Xương thứ 6 (Tb. IV, 35).

Cốt Ngại Ngột Lang: Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai; sách Thông giám tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cấp Đạt.

Vân Nam vương: Sau khi nhà Nguyên bình định được đất Đại Lý, chia đất ấy làm quận huyện, Thế tổ nhà Nguyên phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để trấn trị.

Tháng 10, mùa đông. Định thể lệ áo mũ quan văn, quan võ.

Theo thể lệ trước, quan văn đội khăn màu thâm, kiểu chữ "đinh"; tụng quan¹ đội khăn "thanh toàn hoa"². Đến nay, nhà vua hạ lệnh chế thứ khăn kiểu mới cho quan võ đội để có phân biệt. Về áo mặc, kích thước tay áo của quan văn quan võ từ một thước đến chín tấc. Quan văn quan võ không được mặc thứ "áo phủ phía trước"; tụng quan không được mặc xiêm. Về khăn đội, sau lại cho phép các quan đều đội khăn chữ "đinh", đội thêm cái hộ cân màu tía pha màu biếc; tước vương, tước hầu người nào tóc dài đội khăn "triều thiên"³, người nào tóc ngắn đội "bao cân"⁴.

Lời chua - Khăn chữ đinh: Kiểu khăn này rất què, sở dĩ gọi tên như thế, vì hình dáng khăn này giống như chữ "đinh". Cuối đời nhà Lê phần nhiều còn dùng kiểu khăn này.

Thanh toàn cân: Khăn này có hai vòng vàng đính vào hai bên khăn.

Áo phủ phía trước: Nguyên văn: (thiếu): thứ áo che ở đằng trước; lại có nghĩa là dưới nách áo.

Cái hộ cân màu tía pha màu biếc (nguyên văn: tử tu gián biếc): Chữ "tu" nghĩa là cái dải bằng lụa, dùng để buộc ở chân tóc, bỏ rỏ cái giọt thừa ra đằng sau. Còn các khăn khác, kiểu chế như thế nào, không rõ.

Tân Sửu, năm thứ 9 (1301). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 5).

¹ Các viên quan châu chức trong cung điện, các viên quan có văn học ở liền gần với vua.

² Ba thứ khăn này không rõ kiểu chế thế nào, chúng tôi đã tra trong các từ thư đều không thấy có, nên cứ dịch theo nguyên âm của nguyên văn: Thanh toàn hoa cân, triều thiên cân, - bao cân.

³ -nt-

⁴ -nt-

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trần Kiến làm Tham tri chính sự.

Trước đây, Trần Kiến làm Giám nghị, can tội ẩn lậu dân đinh, bị bãi chức; nhà vua nghĩ việc ấy không phải cố ý phạm tội, nên đến nay lại bổ dụng.

Tháng 3. Thượng hoàng sang chơi Chiêm Thành.

Thượng hoàng xuất gia ở núi Yên Tử, thường muốn đi chơi xem khắp núi sông trong nước, nhân du lịch đến một địa phương, tiện đường sang chơi Chiêm Thành.

Nước Ai Lao đem quân sang cướp ở Đà Giang, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, phá tan được.

Ngũ Lão đem quân đánh nhau với giặc ở động Mường Mai, bắt được rất nhiều tù binh. Khi Ngũ Lão đem quân về, nhà vua phong làm Thân vệ đại tướng quân và ban cho quy phù¹.

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Mường Mai: Tên một động của người Mán xưa, nay đổi là châu Mai thuộc tỉnh Hưng Hóa².

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Xét tội các tù phạm. Mưa.

Tháng 11, mùa đông. Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Dân bị nạn đói to.

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1302). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Chiêu Văn vương Nhật Duật là Thái úy quốc công.

Theo chế độ cũ, người nào là thân vương mà vào triều làm tướng quốc, lại xưng là quốc công; người nào là thượng vị hầu mà vào làm quan trong nội đình, được gia phong tước quan nội hầu. Nhật Duật lấy danh nghĩa là Thái úy vào làm tướng quốc trong triều, nên được phong là Quốc công.

Nhà vua cho phép người đạo sĩ³ Trung Quốc là Hứa Tôn [Tông] Đạo đến ở phường An Hoa.

Tôn (Tông) Đạo từ Trung Quốc theo thuyền buôn đến nước ta; nhà vua cho phép cư trú ở phường An Hoa. Các khoa cúng về phù thủy⁴ và làm chay làm tiểu⁵ thịnh hành ở nước ta bắt đầu từ đây.

Lời chua - Phường An Hoa: Bây giờ là phường Yên Phụ thuộc huyện Vĩnh Xương, tỉnh Hà Nội⁶.

Quý Mão, năm thứ 11 (1303). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Thượng hoàng đến cung Trùng Quang, làm tiểu ở chùa Phố Minh.

¹ Bình phù hình con rùa. Có ý mong cho được phù thủy sống lâu.

² Nay là huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

³ Những người tôn sùng đạo giáo Lão Đam gọi là đạo sĩ.

⁴ Những đạo sĩ tự xưng là có pháp thuật sai sử được quỷ thần, họ dùng mực và son viết thứ chữ riêng của đạo Lão theo lối chữ triện, chữ trụ, tục gọi là phù. Khi chữa bệnh thì họ cầm nén hương đã châm lửa viết thứ chữ ấy lên trên miệng cái bát có đựng nước, gọi là thư phù, rồi cho bệnh nhân uống nước ấy, gọi là phù thủy.

⁵ Trai: Chai khiết. Tiểu: Cúng bái. Trước khi cúng bái để cầu đảo việc gì, người chủ sự phải ăn chay, ở riêng một nhà tĩnh mịch, răn chữa những việc dâm tà, ... đến ngày cúng, người đạo sĩ đặt dàn tràng cúng bái cầu đảo, gọi là trai tiểu.

⁶ Nay thuộc quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Thượng hoàng từ Chiêm Thành về đến phủ Thiên Trường, nhân mở hội vô lượng phật pháp; phát vàng, bạc, tiền, lụa chẩn cấp cho dân nghèo các nơi và trao cho kinh Giới thí.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Nhập nội Hành khiển¹.

Chức Nhập nội Hành khiển chỉ bổ dụng hoạn quan, là theo chế độ nhà Lý. Thời đại Trần Thánh Tông, Quang Khải lấy danh nghĩa là thân vương được kiêm giữ chức ấy. Quang Khải tâu rằng: tôi là quan ở ngoài vào triều làm tướng, nên thêm hai chữ "nhập nội", còn như trung quan² giữ chức ấy thì xin bỏ chữ "nhập" đi, để có phân biệt. Thánh Tông y theo. Tự đấy chỉ gọi là nội Hành khiển, nhưng cũng chỉ có trung quan được bổ dụng. Đến nay Thượng hoàng bổ Khắc Chung làm Hành khiển, lại thêm chữ "nhập" như cũ. Từ nay chức Hành khiển mới bổ xen cả những người trong hàng sĩ phu.

Bổ Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Nhữ Hài vâng mệnh lệnh vua sang sứ Chiêm Thành. Đến yết kiến thượng hoàng ở chùa Yên Tử, thượng hoàng cùng Nhữ Hài nói chuyện, rất lấy làm hài lòng, bảo với tả hữu rằng: "Nhữ Hài là người có phẩm hạnh, nên được quan gia tin dùng là phải". Trước đây sứ thần nước ta sang sứ, đều lạy chúa Chiêm Thành trước, rồi mới mở đọc chiếu thư; lần này khi Nhữ Hài sang đến nơi, vào thẳng trước án để tờ chiếu yên ổn xong, nhân bảo chúa Chiêm Thành rằng: "Từ khi tôi vâng mệnh triều đình đem thiên chiếu³ sang đây, đã lâu không được chiêm vọng thanh quang⁴ nay mở chiếu thư ra, không khác gì đứng trước thiên nhan⁵". Nói xong, liền lạy thẳng vào tờ chiếu thư, đầu chúa Chiêm Thành có đứng ở bên cạnh, nhưng lấy danh nghĩa là lạy chiếu thư, để tỏ rõ ý không chịu khuất. Sau này, các sứ thần sang sứ Chiêm Thành mà không phải lạy chúa Chiêm, là từ Nhữ Hài trước. Khi Nhữ Hài trở về nước, nhà vua rất khen ngợi, nên cho giữ chức này.

Giáp Thìn, năm thứ 12 (1304). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Người đàn bà ở kinh thành sinh con gái hai đầu.

Tháng 3. Bổ dụng Bùi Mộc Đặc làm Chi hâu bạ thư chính chương.

Mộc Đặc nguyên là họ Phí, tên là Mộc Lạc, Thượng hoàng thấy họ Phí không phải là họ có danh vọng, và tên gọi có điềm không hay⁶, nhân đổi lại, để sớm hôm châu chực; đến nay nhà vua bổ sung chức này, để hầu hạ ở cung Thánh Từ⁷.

Tháng 3. Mở khoa thi Thái học sinh⁸.

Phép thi: Trước hết cho ám tả truyện Mục thiên tử⁹ và thiên Y quốc¹⁰ để rữ bớt những kẻ học kém; thứ hai thi kinh nghi¹¹, kinh nghĩa¹² và thơ phú¹; thứ ba thi chiếu², chế³, biểu⁴; sau cùng thi một bài

¹ Tức là Tế tướng.

² Tức hoạn quan.

³ Theo chế độ đẳng cấp thời phong kiến, vua nước lớn đối với vua nước nhỏ tự xưng là thiên tử (con trời), nên tờ chiếu của nước lớn đưa đến nước nhỏ cũng xưng là thiên chiếu (tờ chiếu của trời).

⁴ Bóng sáng trong trẻo mát mẻ, ví như nghi dung đức độ của vua mình.

⁵ Mặt trời, tượng trưng dung nhan thiên tử.

⁶ "Mộc lạc" nghĩa đen là cây rụng, cây đổ, nên cho là tên có điềm không hay.

⁷ Cung điện thượng hoàng ở. Xem thêm Chính biên, quyển VI, tờ 9.

⁸ Tức khoa tiến sĩ, xem thêm Chính biên, quyển VI, tờ 12.

⁹ Xem "lời chua" của Cương mục.

¹⁰ -nt-

¹¹ -nt-

¹² Quan trường lấy một câu trong ngũ kinh hoặc tứ thư ra đầu đề, thí sinh theo đầu đề ấy mà phô bày rộng ra cho rõ nghĩa, sau cũng gọi là bát cổ hoặc chế nghệ.

bài văn sách⁵, để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp. Khoa này lấy đỗ thái học sinh 44 người; ba người đỗ đầu được từ cửa Phượng Thành ra đi du lịch phổ xá ba ngày. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi ban cho Thái học sinh hòa dưỡng thủ, sung chức Nội thư gia; bảng nhỡn Bùi Mộ ban cho mạo sam Chi hậu bạ thư và được sung chức Nội lệnh thư gia; thám hoa Trương Phóng ban cho mũ quyền miện hiệu thư và được sung chức Nhị tư. Còn từ hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn trở xuống đều được bổ quan chức, tùy theo thứ tự đỗ cao hay thấp.

Lời chua - Truyện Mục thiên tử: Sách đào được ở một ngôi mộ thuộc huyện Cáp, sách này do Tuân Húc nhà Tấn hiệu đính và Quách Phác chú thích.

Y quốc thiên: Chưa rõ lai lịch và nội dung thế nào.

Kinh nghi: Hỏi những nghĩa có nghi ngờ trong năm kinh, cách thức hành văn theo như cổ văn.

Thơ: Theo thể thơ ngũ ngôn trường thiên.

Phú: Dùng thể phú tám vần.

Mạc Đĩnh Chi: Người ở Chí Linh thuộc Sách Giang⁶.

Bùi Mộ: Người ở Thanh Oai thuộc Sơn Nam⁷.

Trương Phóng: Người Thanh Hóa.

Nguyễn Trung Ngạn: Người Thiên Thi thuộc Khoái Châu⁸.

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu dùng bầy khoa để thi học trò.

Lời chua - Bầy khoa: Không rõ cách thức thi thế nào.

Tháng 12. Sao chổi xuất hiện.

Bổ Đoàn Nhữ Hải giữ việc viện Xu Mật.

Từ năm Kiến Trung⁹ đến nay, người đại thần cầm quyền trong chính phủ đều dùng họ tôn thất. Nay Nhữ Hải xuất thân là học trò, được cất lên một chức quan trọng trong chính phủ, do đấy con đường dùng người không phân biệt kẻ thân, người sơ nữa.

Ất Tị, năm thứ 13 (1305). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Mạnh làm Đông cung¹⁰ thái tử.

¹ Xem "lời chua" của Cương mục.

² Chiếu chi: như tờ chiếu cầu hiền, tờ chiếu ân xá, v.v... thí sinh phải làm thay lời của vua ban chiếu chỉ cho cả nước.

³ Chế sách: như chế sách hỏi về việc binh (khoa quý sửu đời Lê Hồng Đức); chế sách hỏi về mệnh lệnh, chính sự (khoa mậu thìn đời Lê Cảnh Hưng). Đầu đề chế sách tất phải có chữ "Hoàng đế chế sách viết" đứng ở trên đầu.

⁴ Bài biểu của bầy tôi dâng lên vua: như biểu tạ ân vua đã ban ân cho mình, biểu dâng sách đã biên soạn xong hoặc dâng phẩm vật địa phương, v.v... Thí sinh phải theo đầu bài làm thay lời người đứng tên dâng biểu.

⁵ Quan trường dùng một đề mục nào đó trong thư tịch, rồi viện dẫn những sự việc cổ đại, cận đại và hiện đại đặt ra nhiều nghi vấn để thí sinh trả lời. Đầu bài nào cũng hỏi cả cổ văn, kim văn, sự việc nước ngoài và sự việc bản quốc.

⁶ Nay là thôn Lũng Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách, Hải Dương.

⁷ Nay là thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

⁸ Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

⁹ Niên hiệu Trần Thái Tông (1225-1232).

¹⁰ Xem thêm chữ "đông cung" chua ở Chính biên quyển V tờ 16.

Trước đây, những người con do phi tần hậu cung sinh ra, phần nhiều không nuôi được. Đến khi sinh con thứ tư tên là Mạnh, nhà vua nhờ Thụy Bảo công chúa nuôi giúp, Thụy Bảo lại ký thác Nhật Duật nuôi, Nhật Duật hết lòng nuôi nấng. Nay lập làm Đông cung thái tử, nhà vua thân làm bài "Dược thạch châm"¹ ban cho.

Lời chầu - Thụy Bảo: Là con gái Thái Tông, và là em gái Nhật Duật.

Bính Ngọ, năm thứ 14 (1306). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Tá Thiên đại vương là Trần Đức Việp mất.

Tháng 6, mùa hạ. Gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành là Chế Mân, Chế Mân đem dâng đất châu Ô và châu Lý.

Trước đây, Thượng hoàng đi du lịch đến một địa phương, nhân tiện sang chơi Chiêm Thành, hẹn gả con gái cho chúa Chiêm. Sau Chế Mân sai bày tội là bọn Chế Bồ Đà đệ tử biểu dâng vàng, bạc, kỳ hương và các phẩm vật lạ để xin cưới. Quần thần trong triều đều nói là không nên gả, chỉ có Văn Túc vương Đạo Tái chủ trương nên gả, và Trần Khắc Chung tán thành. Chế Mân lại xin đem châu Ô, châu Lý để làm lễ cưới, lúc ấy ý vua mới quyết cho Huyền Trân công chúa về với vua Chiêm. Về việc này, có nhiều văn nhân mượn chuyện nhà Hán gả con gái cho Hung Nô và Ô Tôn², làm thơ để chế giễu.

Hạ lệnh cho Thiên chương học sĩ là Nguyễn Sĩ Cố giảng dạy năm kinh³.

Sĩ Cố khéo khôi hài, người ta thường ví với Đông Phương Sóc⁴. Sĩ Cố lại tài làm thơ phú bằng quốc âm; nhiều người bắt chước.

Đinh Mùi, năm thứ 15 (1307). (Nguyên, năm Đại Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Đổi tên châu Ô, châu Lý là Thuận châu, Hóa châu. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đi phủ dụ dân hai châu ấy.

Chế Mân đã dâng đất hai châu, người các thôn La Thủy, Tác Hồng và Đà Bông không chịu thần phục. Nhà vua sai Nhữ Hài đi tuyên dương uy đức ý chí của nhà vua, kén chọn lấy người của họ bổ cho làm quan, cấp ruộng đất cho dân như cũ và xá tô thuế cho ba năm.

Tháng 3. Mặt trời có hai ánh sáng chập chồng với nhau.

Hình dáng như hai cầu vồng giao lại với nhau.

Tháng 9, mùa thu. Nước to.

Sứ thần Chiêm Thành sang nước ta.

Chúa Chiêm là Chế Mân mất, thế tử là Chế Đa Gia sai bày tội là Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng và báo cáo tin buồn.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Hành khiển Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành, đưa Huyền Trân công chúa về nước.

Theo tục Chiêm Thành, mỗi khi chúa trong nước mất, thì vợ chúa phải lên đàn thiêu để chết theo. Nhà vua được tin đó, sai Trần Khắc Chung mượn cơ sang thăm, và nói rằng: "Công chúa hỏa táng,

¹ Nguyên văn là "dược thạch châm". **Dược:** Vị thuốc bằng loại thảo mộc. - **Thạch:** Vị thuốc bằng chất kim thạch. - **Châm:** Tên một thể văn. Nội dung bài châm trình bày lời hay lẽ phải để khuyên răn, cũng như vị thuốc để chữa bệnh nên gọi là "Dược thạch châm".

² Tế quân là con gái Giang Đô vương, Hán Vũ đế đem vào trong cung trang sức làm công chúa, để gả cho chúa Ô Tôn là Côn Mạc. Vương Tường tên tự là Chiêu quân, cung nữ của Hán Nguyên đế. Nguyên đế đem gả cho chúa Hung Nô. Hai việc này đều cốt cầu hòa thân với hai nước kia để khỏi quấy nhiễu. Theo quan điểm thời phong kiến, con gái Trung Quốc mà gả cho Hung Nô, Ô Tôn là những nước mọi rợ, vì thế nên bị học giả phong kiến mỉa mai là kết hôn với bọn không phải loài giống mình là nhục nhã.

³ Kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Xuân thu, kinh Thư và kinh Thi.

⁴ Người thời Hán Vũ đế, có tài biện luận, nói khôi hài, làm nhiều người thích nghe.

thì không có ai làm chủ đàn chay, chi bằng công chúa ra ngoài bãi biển chiêu hồn chúa công cùng về, lúc ấy sẽ lên đàn thiêu là tiện hơn cả". Người Chiêm Thành nhận lời. Khi đã ra ngoài biển rồi, Khắc Chung dùng chiếc thuyền nhỏ cướp lấy công chúa đưa về. Sau hai người tư thông với nhau, trùng trùng ở trên mặt biển, lâu lắm mới về đến kinh sư. Hưng Nhượng vương Quốc Tảng lấy làm ghét lắm, hễ thấy Khắc Chung liền mắng rằng: "Họ tên người này là "Trần Khắc Chung", đối với nước nhà có điều không tốt, có lẽ nhà Trần sẽ mất về người này chăng?". Khắc Chung thường phải sợ mà lánh mặt.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ IX

Từ Mậu Thân, Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 16 (1308), đến Kỷ Sửu, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 9 (1349), gồm 42 năm.

*

Mậu Thân, năm thứ 16 (1308). (Nguyên, Vũ Tông, năm Chí Đại thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Trương Hán Siêu làm Hàn Lâm Học Sĩ.

Hán Siêu trước kia là môn khách¹ Hưng Đạo vương, được Hưng Đạo vương tiến cử. Nhà vua vẫn nhận thấy là người có văn học, nên bổ dụng vào chức này.

Lời chua - Hán Siêu: Người làng Phúc Am, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 11, mùa đông. Mặt trời có hai quầng.

Thượng hoàng mất ở chùa núi Yên Tử.

Thượng hoàng sau khi xuất gia, lên ở trong am Ngọa Vân trên ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ². Lúc Thiên Thụy công chúa bị bệnh nặng, Thượng hoàng xuống dưới núi để thăm, khi trở về núi, đem công việc sau khi mất dặn lại người thị giả³ là Pháp Loa, dặn xong thì mất. Pháp Loa dùng phép hóa hóa. Tôn tự hiệu là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hoa Dân Long Tử Hiển Huệ Thánh Văn Thần Vũ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng đế. Thượng hoàng ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 13 năm, hưởng thọ 51 tuổi.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nhân Tông mất ở Sơn Am⁴, là một việc trọng đại trong nước, thế mà chỉ có một nhà sư đảm nhận, còn bấy giờ người làm con, người làm tôi cũng đều điềm nhiên như không! Xem thế thì việc Anh Tông thờ cha và việc nhà Trần sùng bái đạo Phật, chẳng phải là một sự đáng lấy làm kỳ dị lắm sao?

Lời chua - Yên Tử: Tên núi. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (Chb. VI, 18).

Thiên Thụy công chúa: **Chị ruột của Thượng hoàng.**

Pháp Loa: **Tên thầy chùa, người ở Chí Linh thuộc Hải Dương.**

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Vũ Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là An Lỗ Uy sang báo cáo. Nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng.

¹ Người tân khách nuôi ở trong nhà để bàn hỏi về mưu kế. Còn có một nghĩa nữa: nuôi người văn học để dạy bảo con cháu trong nhà cũng gọi là môn khách.

² Sau này truyền đến Pháp Loa và Huyền Quang gây thành thiền tông Trúc Lâm, đời gọi là Trúc Lâm tam tổ:

- Đệ nhất tổ: Trần Thái Tông là Tái Thế Thích Ca;

- Đệ nhị tổ: Pháp Loa là Ca Diếp;

- Đệ tam tổ: Huyền Quang là Át Nan.

³ Theo tục nhà chùa, vị tăng nào ở liền với sư trưởng, để sư trưởng sai phái, gọi là thị giả.

⁴ Cái nhà nhỏ trên núi. Nhà nhỏ thờ Phật thông thường đều gọi là "am".

Lời chua - An Lỗ Uy: Nguyên sử chép là A Lý Hôi.

Kỷ Dậu, năm thứ 17 (1309). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Mạnh là Hoàng thái tử. Lập hoàng hậu là Trần Thị. Hạ chiếu đại xá.

Hậu là con gái Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng, khi mới lấy gọi là Thánh Tư phu nhân; đến đây lập làm Thuận Thánh hoàng hậu.

Truy tôn Khâm Tử Bảo Thánh thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - "Thái hoàng thái hậu" là danh hiệu để tôn xưng bà nội khi còn sống. Khâm Tử là hoàng hậu của Nhân Tông, thế mà Anh Tông lại truy tôn là thái hoàng thái hậu, danh vị không chính đáng đến như thế dư! Huống hồ linh cữu Nhân Tông còn quản chưa chôn, mà nào là lập thái tử, lập hoàng hậu, cử hành một cách tự nhiên, thật là không biết lễ nghĩa gì cả.

Canh Tuất, năm thứ 18 (1310). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 3).

Tháng 9, mùa thu. An táng linh cữu Nhân Tông ở Đức Lăng.

Lời chua - Đức Lăng: Ở phủ Long Hưng.

Có nạn thủy tai. Dân bị đói.

Tân Hợi, năm thứ 19 (1311). (Nguyên, năm Chí Đại thứ 4).

Đặt thêm quân hiệu.

Đặt thêm quân hiệu gọi là đô Toàn Kim Cương, thích ba chữ ấy vào trán, theo như thể lệ đô Chân Thượng; lại chia quân Thiên Thuộc ra làm hai đô: Thượng Phủ Đồ và Hạ Phủ Đồ.

Lấy con gái người Hồ tăng là Du Chi Bà Lam sung vào hậu cung.

Về triều đại Nhân Tông, người thầy chùa này đã thường đến nước ta, dung mạo cổ kính. Ông ta tự nói đã sống ba trăm tuổi, có thể xếp chân vòng tròn ngồi nổi trên mặt nước; lại có thể co rút ngũ tạng¹ vào khoảng chỗ dưới ngực và trên hoành cách mô² làm cho bụng trống rỗng; chỉ ăn lưu hoàng, rau cải, rau hẹ. Ông ta ở nước ta được vài năm rồi trở về, đến nay lại sang, nhà vua cho đem người con gái của ông ta là Đa La Thanh sung vào hậu cung. Sau người thầy chùa ấy chết ở kinh sư nước ta.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nhà Trần sùng Phật kính sư để cầu được phúc, sự mê hoặc không cần phải nói. Nay Anh Tông lấy con gái thầy chùa sung làm phi tần thì nhằm nhí quá!

Lời chua - Hồ Tăng: Người thầy chùa này ở Trung Quốc, vì nhà Trần gọi nhà Nguyên là Hồ, nên gọi người thầy chùa là Hồ tăng.

Tháng 12, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng sang đánh Chiêm Thành.

Nước Chiêm Thành từ khi Chế Mân mất, Chế Chí lên thay, thường hay phản trắc, nên nhà vua mới đem quân sang đánh.

Nhâm Tý, năm thứ 20 (1312). (Nguyên, Nhân Tông, năm Hoàng Khánh thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Mặt trời dao động.

Tháng 5, mùa hạ. Sai người dụ bắt được chúa Chiêm Thành là Chế Chí đưa về nước ta và phong cho em Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm làm Á Hâu trấn thủ đất Chiêm, rồi đem quân về.

¹ Tim, gan, lá lách, phổi và trái cật.

² Vị trí hoành cách mô: phía trên giáp với phổi, phía dưới liền với buồng gan.

Trước đây, Chế Chí sai chủ trại (không có tên) Câu Chiêm sang dâng lễ cống, nhà vua bảo Nhữ Hải bí mật hẹn với chủ trại dụ chúa Chiêm đầu hàng. Đến nay nhà vua thân làm tướng sang đánh. Khi quân tiến đến Lâm Bình, nhà vua sai chia quân làm ba đạo: Huệ Vũ vương Quốc Trấn đi theo đường núi; Nhân Huệ vương Khánh Dư đi theo đường biển, còn nhà vua đem quân đi theo đường bộ, ba đạo quân cùng tiến. Đoàn Nhữ Hải được sung chức Chiêu Dụ sứ đem quân đi trước. Khi đến trại Câu Chiêm, nhà vua đóng dinh ở đó. Nhữ Hải sai người đến nhắc lại với chủ trại những điều đã đính ước ngày trước. Chủ trại dụ bảo Chế Chí; Chế Chí nhận lời, rồi đem theo gia thuộc đi theo đường biển để ra hàng. Khánh Dư liền đuổi theo. Nhữ Hải thấy thế, lập tức phi tấu với nhà vua rằng: "Khánh Dư có ý chực cướp thiên công"¹. Nhà vua giận lắm, sai bắt người giữ chức giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngổ phải chịu tội chặt chân. Khánh Dư sợ, thân đến ngự dinh² tạ tội và tâu rằng: "Tôi sợ ở biển, chúa Chiêm lại có ý nghĩ gì thay đổi chẳng, nên phải theo sát đằng sau". Nhà vua nguôi giận, tha tội cho Khánh Dư, rồi hạ chiếu chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm bảo nhau tụ họp, có ý chực xâm phạm thẳng ngự dinh. Lúc nghe tiếng voi hí đến gần, quân sĩ có nét mặt lo sợ; trong khi ấy thì quân của Quốc Tuấn chợt kéo đến, người Chiêm liền chạy tan tác. Nhà vua sai bắt Chế Chí đem về nước, phong cho em hắn là Chế Đà A Bà Niêm là Á Hầu để trấn giữ lấy đất ấy, rồi đem quân về.

Lời phê³ - Việc này xuất phát từ lòng dụ dỗ đánh lừa, không thể làm phép cho người sau bắt trước được.

Lời chua - Lâm Bình: Tức Địa lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhân Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Hoàng Khánh, sai Mã Hợp Ngạt sang báo cáo với nước ta, và ban cho lịch mới, nên nhà vua sai sứ sang chúc mừng.

Nhà vua về đến Long Hưng, làm lễ hiến tiệp⁴ ở các lăng miếu rồi trở về cung.

Thuyền nhà vua đi đến sông Sâm Thị, bỗng gặp mưa, gió, sấm, sét, đương ban ngày trời tối mù mịt, dầu cách gang tấc mà trông cũng không rõ. Quai chèo, dây kéo đều bị đứt, thuyền của nhà vua bị đắm giữa dòng sông. Nhà vua leo lên mũi thuyền, ngồi trên trốc mũi, sai quân sĩ sửa lại thuyền và nghỉ trượng để đi. Khi trở về đến kinh, áo giáp và khí giới đều bị ướt. Quần thần vào bái yết đều mặc áo ngắn đến đầu gối (bình tất phục). Khi bấy giờ Thái tử trông coi việc nước, vì tuổi còn nhỏ, nên nhà vua cho Chiêu Văn vương Nhật Duật và Tuyên Vũ hầu Quốc Tú ở lại kinh sư giúp Thái tử giữ nước. Lúc xét công, nhà vua hạ chiếu cho người ở kinh giữ nước công trạng cũng ngang với người đi theo xa giá đánh giặc. Tuy thế, nhưng sau này việc ban tước hoặc thưởng công chung quy đều không thi hành cả.

Lời phê⁵ - Quan quân đi theo hầu, làm thế nào mà đến nỗi như thế, người làm thần tử có yên lòng được không?

Lời chua - Sông Sâm Thị: Ở xã Sâm Thị, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội⁶.

Bình tất phục: Áo ngắn.

Tháng 6, phong cho Chế Chí tước hiệu Trung vương, sau lại đổi là Hiệu Thuận vương.

Chưa được bao lâu, Chế Chí chết ở Gia Lâm, dùng phép hỏa táng.

Tôn thêm thụy hiệu cho các vua và các hoàng hậu đời trước.

¹ Công của nhà vua.

² Doanh trại vua đóng quân.

³ Chỉ việc Anh Tông dụ dỗ chúa Chiêm Thành đầu hàng rồi bắt đem về nước.

⁴ Báo tin chiến thắng và dâng tù binh đã bắt được.

⁵ Chỉ việc thuyền bị đắm, Anh Tông phải trèo lên ngồi ở trốc mũi thuyền.

⁶ Nay thuộc Thành phố Hà Nội.

Truy tôn để hiệu cho các tiên tổ.

Truy tôn Chiêu Vương Lý làm Nguyên Tổ hoàng đế, Cung Vương Hấp làm Ninh Tổ hoàng đế, Ý Vương Kinh là Mục Tổ hoàng đế.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Vũ Vương nhà Chu khi đã làm vua, truy tôn hai ông tổ¹; Thái Tổ nhà Tống khi đã lập quốc, truy tôn để hiệu từ ông tổ bốn đời². Vì nghĩ đến công tu nhân tích đức của tổ tông, thì việc truy tôn huy hiệu là việc cần phải làm. Nhà Trần lấy được thiên hạ, lên ngôi hoàng đế, mà dùng tước vương để truy phong ba ông tổ, đã là sự không thỏa mãn được bụng của người làm con cháu; đến đây mới truy tôn để hiệu, thì lại lỗi đạo ở chỗ truy tôn quá muộn.

Lời chua - Việc truy tôn tước vương cho tiên tổ, không thấy Sử cũ chép ở năm nào, chỉ thấy chép ở đây.

Quý Sửu, năm thứ 21 (1313). (Nguyên, năm Hoàng Khánh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hiệu hoàng hậu cho các phu nhân của tổ tiên.

Truy tôn phu nhân của Ninh Tổ làm Ninh Từ hoàng hậu, phu nhân của Mục Tổ làm Mục Từ hoàng hậu.

Lời cần án - Vợ ông Nguyên Tổ không thấy chép tôn hiệu ở đâu, là do Sử cũ bỏ sót.

Tháng 3. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào viện Tam ti bị cháy.

Theo phép cũ, phàm cung điện, miếu đường hoặc lang vũ bị cháy, có lễ cầu đảo và lễ tạ. Lúc ấy sét đánh vào viện Tam ti bị cháy, người viện lại là Lương Lang bị chết, nhà vua sai quan sửa lễ cúng tế để khu trừ tai nạn.

Lời chua - Viện tam ti: Tức các viện Phụng Tuyên, Thanh Túc và Hiến Chính. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 19 (Chb. VI, 33).

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi quân hiệu.

Đổi tên quân Vũ Tiệp làm quân Thiết Ngạch. Bỏ tước Đại liên ban là Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân để quản lĩnh.

Bổ Đỗ Thiên Thữ làm kinh lược sứ³ Nghệ An và Lâm Bình.

Lúc ấy, Chiêm Thành thường bị người nước Tiêm sang cướp, nhà vua hạ lệnh cho An phủ sứ là Đỗ Thiên Thữ đi kinh lược hai lộ Nghệ An và Lâm Bình để cứu viện.

Lời chua - Tiêm: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IX, 43).

Cùng với nhà Nguyên định lại bờ cõi về phía bắc cho được rõ ràng.

Lúc ấy, viên Tri châu Trấn An nhà Nguyên là Triệu Giác bắt người châu Tư Lang nước ta, lấy mất một lạng vàng, và lẫn hơn một nghìn khoảng ruộng. Nhà vua bèn sai quân sang đánh châu Quy Thuận và châu Dưỡng Lợi nhà Nguyên, nói rõ là cốt sang đánh để báo thù. Nhà Nguyên sai viên thiên hộ Lưu Nguyên Hanh sang dò xét. Nguyên Hanh đến Du Thôn xem xét địa thế, rồi đưa công điệp sang ta nói: "Trước kia, nhà Hán đặt ra chín quận⁴, nhà Đường lập ra năm quận¹, thì An Nam thực là nơi mà thanh

¹ Chu Vũ Vương Phát lên ngôi thiên tử, truy tôn tăng tổ là Cổ Công Đán Phủ làm Thái Vương ông nội là Quý Lịch làm Vương Quý.

² Tống Thái Tổ là Khuông Dận lên làm vua, truy tôn cao tổ là Thiên làm Hi Tổ Văn Hiến hoàng đế, tăng tổ là Đĩnh làm Thuận Tổ Huệ Nguyên hoàng đế, ông nội là Kính làm Dục tổ Giản Cung hoàng đế, cha là Hoảng Ân làm Tuyên Tổ Chiêu Vũ hoàng đế.

³ Chức quan không đặt thường xuyên. Nhà Trần chỉ đặt chức Kinh lược sứ khi có việc.

⁴ Xem cửu quận ở Tiền Biên, quyển II, tờ 3.

đanh giáo hóa của Trung Quốc đã tràn lan tới. Huống chi, An Nam đối với Trung Quốc, nào là dăng địa đồ, nào là nộp lệ cống, danh phận trên dưới đã phân minh, Trung Quốc đối với An Nam, thì ban cho một cách đây đặng không kể đến việc đáp lại đơn sớ, cái ơn huệ yên ủi người phương xa thật là hết sức. Như thế thánh triều có phụ bạc gì quý quốc đâu! Thế mà bây giờ sao lại tự nhiên gây ra sự không yên lành, dùng sức công cưỡng để mở rộng bờ cõi. Tuy nói riêng về đất ở Du Thôn, thì việc quan hệ rất nhỏ, nhưng nói chung về dư đồ nhà nước, thì quan hệ rất to. Hơn nữa, những người bị giết, bị cướp đều là những dân, những hộ đã ghi vào sổ của triều đình. Vậy người chủ trương làm việc ấy không rõ là ai?". Nhà vua trả lời: "Đấy là những người nhỏ mọn ở ngoài biên giới tự làm việc không yên lành, nước tôi biết thế nào được việc ấy". Nhân thế, Nguyên Hanh dâng thư lên nói với vua Nguyên: "Trước kia An Nam đã từng xâm phạm vào đất Vĩnh Bình, nay lại quen thói cũ; nghĩ nên sai quan đến tuyên truyền dụ bảo, định lại bờ cõi và nghiêm sức quan lại ở biên giới không được xâm phạm lẫn nhau như thế mới giữ được sự yên ổn lâu dài ở ngoài biên giới". Vua Nguyên y theo lời tâu, sai người đem sắc thư đến dụ bảo. Do đấy, nhà vua mới cho bãi binh.

Lời cần án - Việc này có quan hệ đến việc lớn biên giới của hai nước, mà *Sử cũ* bỏ sót không chép; nay theo sách *Nguyên sử loại biên* bổ thêm vào.

Lời chua - Tư Lang: *Tên châu*, xem *Lý Thái Tông*, năm *Kiên Phù Hữu Đạo* thứ 3 (Chb. III, 3).

Du Thôn: Ở xã Bảo Lâm, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay có cửa ải Du Thôn.

Vĩnh Bình: Xem *Trần Thái Tông*, năm *Thiên Ứng* chính bình thứ 10 (Chb. VI, 21).

Giáp Dần, năm thứ 22 (1314). Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Trần Minh Tông, năm Đại Khánh thứ 1. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 1).

Tháng 3, mùa xuân. Hạ chiếu truyền ngôi cho Thái tử là Mạnh.

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Ninh Hoàng; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thế Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng đế (tức là Minh Tông). Suy tôn vua cha là Quang Nghiêu Duệ Vũ thái thượng hoàng đế, và tôn Thuận Thánh hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu.

Gặp khi ấy có sứ thần nhà Nguyên đến, nhà vua mặc áo giao lĩnh² bằng sa vàng, đội thứ mũ có thao rủ để hội kiến. Sứ giả trông thấy, khen rằng: "Hình dáng nhẹ nhàng không khác gì một vị thần tiên". Khi sứ thần trở về nước, mô tả hết thần thái thanh lịch đẹp đẽ của nhà vua cho mọi người biết. Ít lâu sau, người sứ thần khác đến, có nhắc hỏi lại, sứ thần nước ta trả lời: "Đúng như lời khen ấy. Nhưng đây cũng là tiêu biểu cho nghi dung một nước".

Tháng 10, mùa đông. Thi Thái học sinh.

Ai trúng tuyển bắt đầu được bổ chức Bạ Thư Lệnh; cử viên cực chính là Nguyễn Bính dạy bảo luyện tập, để sau này sẽ dùng đến.

Đặt đô Phù Liễn.

Tuyển lấy con những người Cấm Quân và trong hàng quân Thiết Ngạch người nào có thích chữ "Kim cương", sung làm đô Phù Liễn, gọi là Long Vệ tướng, sau đổi tên là Khẩu Mã quân.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Sau khi đã được vua cha truyền ngôi, nhà vua sai bọn Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Ngộ sang báo cáo với nhà Nguyên.

¹ Xem ngũ quân ở *Tiền biên*, quyển V, tờ 1.

² Tục gọi là áo tràng vạt hoặc áo cổ tràng, vì cổ áo dài, khi mặc thì cổ áo hai bên khép vào với nhau. Áo này chỉ dùng trong lúc nghi lễ.

Lời chua - Phạm Ngộ: Trước là người họ Chúc, người ở Kinh Chủ thuộc Giáp Sơn, cùng với em là Mỗi, đều đậu Thái học sinh.

Ất Mão (1315), Minh Tông hoàng đế, năm Đại Khánh thứ 2. (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 2).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cấm trong một nhà cha con, vợ chồng và nô tì tố cáo lẫn nhau.

Tháng 6. Đại hạn.

Bấy giờ Khắc Chung giữ chức Hành khiển, Ngự sử đài¹ dâng sớ nói: "Nhiệm vụ của người giữ chức Tế phụ², việc cần nhất là điều hòa âm dương; nay Khắc Chung giữ chức Thủ tướng, không có kế gì giúp đỡ việc nuôi dưỡng muôn vật để đón rước lấy hòa khí, đến nỗi mưa nắng trái thời, như thế là làm quan không có công trạng gì cả". Khắc Chung nói: "Khắc Chung này lạm dự vào hàng cận phụ³ chỉ biết làm hết chức trách của mình phải làm, còn như năm bị đại hạn thì phải hỏi Long Vương⁴, chứ Khắc Chung này có làm gì nên tội?".

Ít lâu sau, nước sông lên to, nhà vua thân đi xem sửa chữa đê, Ngự sử đài tâu: "Bê hạ cần sửa sang đức chính, còn như việc đắp đê là việc nhỏ mọn, cần gì phải tự mình trong nom đến". Khắc Chung nói: "Lúc dân gặp nước lụt hoặc đại hạn, người làm vua cần phải cứu giúp ngay. Đây, việc sửa sang đức chính không còn gì trọng đại hơn việc ấy cả, chứ có phải đâu cứ ngồi chĩnh chện một chỗ, cố giữ tinh thần thật vững mới gọi là sửa sang đức chính?".

Về việc này, dư luận thời bấy giờ nói: Khắc Chung đổ việc đại hạn cho Long Vương, Ngự sử đài bảo việc sửa đê là việc nhỏ, lập luận của hai bên đều không đúng.

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh nạn hoàng trùng, kéo dài mãi đến tháng 10, mùa đông.

Bính Thìn, năm thứ 3 (1316). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 3).

Tháng 3, mùa xuân. Xét định cấp bậc các quan văn, quan võ, cấp cho sổ hộ và nhân khẩu nhiều ít khác nhau.

Trước kia, về thời Nguyên Phong⁵, quân Nguyên sang xâm lấn, Thái Tông giục xa giá chạy ra ngoài kinh thành lánh nạn; viên quan giữ ấn vò vàng đem bảo tì⁶ cất giấu vào trên cái xà nhà trong điện Đại Minh chỉ đem theo được quả ấn nội mật; dọc đường lại đánh mất, phải sai khắc ấn bằng gỗ để dùng trong quân thứ. Đến đầu đời Anh Tông, xét công các quan văn võ, nếu viên quan nào không có giấy tờ đóng dấu bằng ấn gỗ sẽ phải giảm một tu⁷. Có lẽ cho rằng người đến tham dự tòng quân trong khi vua lánh nạn là có công hơn. Đến nay xét định cấp bậc, có người xuất trình giấy tờ đóng bằng ấn gỗ, viên quan giữ việc xét định ngờ là giả mạo; Thượng hoàng nghe tin, nói: "Đó là giấy tờ việc quan thời Nguyên Phong đấy". Nhân thế, Thượng hoàng hiểu bảo các viên quan giữ chính quyền rằng: "Phàm người giữ một địa vị trong chính phủ, mà không am hiểu điển chương cũ, thì công việc phần nhiều sai lầm".

¹ Viên quan chuyên giữ việc đàn hạch các quan trong triều và ngoài quận, đầu chức lớn hay chức nhỏ, nếu phạm lỗi, thì Ngự sử đài có quyền đem việc ấy ra đàn hạch.

² Xem chữ "tế phụ" chua ở Chính biên, quyển VIII, tờ 35.

³ Cũng như tế phụ

⁴ Ông vua trong loài rồng. Theo kinh Hoa nghiêm: có rất nhiều Long Vương, Long Vương vào cũng có thần lực làm mây, làm mưa. Cho nên đời sau cần mưa, thường phải cầu đảo đến Long Vương.

⁵ Niên hiệu Trần Thái Tông (1251-1258).

⁶ Quả ấn của vua gọi là tì. Bảo tì: quả ấn quý báu (lời tôn kính).

⁷ Xem chua ở Chính biên, quyển VII, tờ 4.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho vương, hầu, trăm quan gặt lúa ruộng tịch điền¹.

Lời cần án - Việc cày hoặc gặt lúa ruộng tịch điền là một lễ lớn trước không thấy chép cày, đây lại chép gặt, là do **Sử cũ** bỏ sót.

Đinh Tị, năm thứ 4 (1317). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 4).**Tháng 3, mùa xuân. Bổ dụng Phí Trực làm An Phủ Sứ phủ Thiên Trường.**

Thượng hoàng về chơi Thiên Trường. Trực lấy danh nghĩa là Hình bộ lang trung theo hầu xa giá, vì thế mới bổ dụng chức này.

Gặp lúc ấy có toán trộm nổi lên, có người tự nói bắt được người cầm đầu kẻ trộm là Văn Khánh, giải nộp. Khi quan hỏi người bị bắt thú nhận hết. Người ngoài ai cũng bảo là đúng, chỉ có Trực lấy làm ngờ, thành ra vụ án này mãi không kết liễu. Thượng hoàng hỏi, Phí Trực thưa rằng: "Kẻ kia (trò người bị bắt) không bị roi vọt tra tấn mà tự thú nhận, tôi trộm thấy làm ngờ, không dám quyết đoán càn bậy". Sau quả nhiên bắt được một người khác đúng là Văn Khánh thực. Thượng hoàng khen Phí Trực là người có tài.

Lời chua - Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1318). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 5).**Tháng 8, mùa thu. Tuyên Từ thái hoàng thái hậu² mất.**

Trước đây, Nhân Tông thường dặn bảo Thượng hoàng³ rằng: "Mai sau, khi đi⁴ chết, nên đem phụ táng với mộ của ta". Nhân tiện, vẽ địa đồ vẽ cả huyệt táng thành hình thước thợ giao cho. Đến nay thái hậu mất, Thượng hoàng theo đúng như lời di chúc. Các quan tâu rằng: "Lăng tẩm của tiên đế không nên động chạm đến". Thượng hoàng nói: "Ta không dám trái lời di chúc của tiên đế, nếu có xảy ra sự không hay thì ta tự đảm đương lấy". Sau cùng phụ táng Tuyên Từ ở Đức Lăng⁵.

Sai Huệ Vũ Vương Quốc Trấn đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Chế Chí mất đi rồi, thường hay giáo giở, nên nhà vua sai đi đánh. Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến đánh nhau với quân Chiêm, bị thua, chết. Phạm Ngũ Lão, quản lĩnh hiệu quân Thiên Thuộc, tung quân ra đánh tập hậu; quân Chiêm bị thau, chúa Chiêm là Chế Năng chạy sang nước Qua Oa cầu viện. Quốc Trấn xin lập người tù trưởng nước Chiêm là A Nan làm Hiệu Thành A Vương, rồi đem quân về. Khi về triều, nhà vua cho Phạm Ngũ Lão tước quan nội hầu, ban cho binh phù phi ngư⁶ và bổ dụng người con làm quan.

Lời chua - Tất Kiến: Người họ nhà Lý trước còn sót lại.

¹ Đời cổ, vua chúa đều có ruộng tịch điền, thiên tử một ngàn mẫu, vua chư hầu một trăm mẫu, lấy hoa lợi ruộng ấy cúng tế nhà tôn miếu. Vua chúa thường nhân mùa xuân ra cày mấy luống ở ruộng ấy làm mẫu mực, còn toàn nhờ vào sức dân, vì thế chữ "tịch" nhiều sách viết chữ "tạ" nghĩa là nhờ.

² Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức di ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với di ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm **Chính biên**, quyển VIII, tờ 23).

³ Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức di ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với di ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm **Chính biên**, quyển VIII, tờ 23).

⁴ Thượng hoàng đây là Trần Anh Tông, con Trần Nhân Tông và Khâm Từ thái hậu. Tuyên Từ thái hậu là em ruột Khâm Từ, tức di ruột Anh Tông, hai chị em cùng là hoàng hậu của Nhân Tông. Sau khi mẹ đẻ của Anh Tông là Khâm Từ mất, Anh Tông đối với di ruột là Tuyên Từ rất có hiếu thảo (xem thêm **Chính biên**, quyển VIII, tờ 23).

⁵ Lăng của Trần Nhân Tông.

⁶ Binh phù hình con phi ngư. Phi ngư có tên riêng là cá vằn dao, ta thường gọi là cá chuồn. Giống cá ở biển, vây ở bụng rất dài, dùng làm "mái chèo" bay trên mặt nước.

Qua Oa: Tên nước. Xem Lý Thánh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1319). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Canh Thân, năm thứ 7 (1320). (Nguyên, năm Diên Hựu thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thượng hoàng mất.

Thượng hoàng là người tính khí khiêm tốn, đối với người cùng họ rất hòa thuận, thờ vua cha là Nhân Tông rất kính cẩn. Lúc trước, Thượng hoàng thường hay uống rượu¹, Nhân Tông răn bảo về việc ấy, liền chừa hẳn không uống nữa. Trước kia, Thượng hoàng phong thưởng quan tước triều ban có phần hơi nhiều. Nhân Tông xem sổ, phê vào đầu quyển sổ rằng: "Một nước to bằng bàn tay, mà sao lại có triều ban nhiều đến thế này!". Từ đấy, Thượng hoàng quý trọng tước thưởng, ban cho một cách dè dặt, không bao giờ dám coi thường.

Bọn Nguyễn Sĩ Cổ và Chu Bộ là bày tội cũ ở nơi tiệm để² vì không có hạnh kiểm, nên chỉ dùng vào chức nhàn tản mà thôi.

Phép tắc về cấp bậc trong cung giữ rất cẩn thận: Bảo Từ hoàng hậu thường đem xe của mình được dùng theo với cấp bậc ban cho Huy Tư hoàng phi, Thượng hoàng nhận thấy rằng hoàng phi mà đi xe của hoàng hậu là tiếm lạm, nên không cho.

Khi tuổi già, lại càng cẩn thận về hình phạt: Có một lần, người quan nô³ là Hoàng Học kiện nhau với người khác, Hoàng Học dùng cách xảo trá được thoát tội. Thượng hoàng biết chuyện, bảo viên quan xử kiện rằng: "Tên Học là đứa gian ngoan kiệt liệt như thế, mà không biết tra xét cho ra tình ra lý là không làm hết chức phận".

Sau khi đã nhường ngôi rồi, vẫn tự mình quyết đoán các công việc, đối với điển chương cũ, vẫn kính cẩn noi theo, không dám khinh thường thay đổi. Lúc nào rảnh việc, lại lưu tâm đến văn mực; rất có tài về viết chữ và vẽ.

Lúc ốm nặng, Bảo Từ hoàng hậu cho tìm thầy chữa là Phổ Tuệ bày đàn cúng lễ, thầy chữa xin vào yết kiến để tâu bày việc sống chết. Thượng hoàng từ chối, nói: "Thầy chữa chưa chết, làm gì biết việc chết mà bảo người ta?". Bao nhiêu những bức viết, bức họa ngày thường và tập sách đã trứ tác là tập Thủy vân tùy bút, Thượng hoàng đều bắt đốt đi cả. Rồi mất ở cung Trung Quang. Tên thụy là Hiến Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng đế, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, hưởng thọ 54 tuổi.

Tháng 6, mùa hạ. Có thủy tai lớn.

Tháng 8, mùa thu. Gió bão to.

Tháng 11, mùa đông. Điện soái thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng ngũ quân lính, khảng khái, có chí khí lớn, rất chăm đọc sách và hay ngâm thơ. Đối với việc vũ từa hồ không để ý đến, nhưng chỉ huy quân rất có kỷ luật. Đối đãi với tướng tá như người nhà, đồng cam cộng khổ với sĩ tốt; đội quân của Ngũ Lão thống lĩnh đều thân yêu nhau như cha con một nhà, nên đánh đâu được đấy. Những thứ tước được trong khi đánh giặc đều sung vào kho tàng trong quân, coi tiền của thoảng như không. Thực là bậc danh tướng lúc bấy giờ. Khi mất thọ 66 tuổi. Nhà vua thương tiếc lắm, không thiết triều luôn năm ngày. Nhân dân làng ông lập đền thờ ngay tại chỗ nhà ông vẫn ở.

¹ Xem Chính biên, quyển VIII, tờ 27-28.

² Chỗ ở khi còn làm thái tử, chưa lên ngôi vua.

³ Người nô bộc nhà quan.

Lời phê¹ - Đây là chỗ đặc lực của những người làm tướng nghìn xưa.

Lời chua - Đền thờ Ngũ Lão: Nay là xã Phù Ủng, huyện Đường Hào².

Tháng 12, an táng Anh Tông ở Thái Lăng.

Lời chua - Thái Lăng: Ở núi Yên Sinh, huyện Đông Triều.

Phụ lục - Sử cũ chép: Lúc Thượng hoàng bị bệnh, Thái học sinh Đặng Tảo thường châu chực ở bên giường ngự, viết tờ di chiếu: kịp khi Thượng hoàng mất, nhà vua thân thủ liệm vào quan tài, lúc ấy chỉ có Quốc Trấn, Đặng Tảo và người gia nhi chủ đô là Lê Chung tham dự vào việc ấy. Khi an táng ở Thái Lăng rồi, Đặng Tảo và Lê Chung đều châu chực ở lăng tẩm. Khi nhà vua về lăng tẩm bái yết, Đặng Tảo thường lánh mặt, trong bụng chỉ để chí vào việc châu chực lăng tẩm mà thôi, không yêu cầu gì cả. Nhà vua thương là nghèo, ban cho hai mươi mẫu ruộng. Sai Trần Thế Hiến đem tờ "thiếp"³ đến ban cho. Nguyên ruộng này trước nhà vua đã cho người thứ phi là Thiên Xuân, Thiên Xuân cứ giữ "thiếp" cũ mà cày cấy. Đặng Tảo cũng không hề tranh. Nhà vua biết chuyện, lập tức hủy bỏ tờ "thiếp" cho Thiên Xuân trước đi, mà lấy ruộng ấy cho Đặng Tảo; Tảo cũng không lấy thế làm mừng. Còn về phần Lê Chung thì dời cả mồ mả tiên tổ, bán cả ruộng và nhà, đem gia quyến đến ở Yên Sinh, cùng với Đặng Tảo đều chết già ở đó. Sau, Nghệ Tông nghĩ thương hai người này, sai sửa lại chùa cũ, cấp ruộng để cúng tế, ban cho tên chùa gọi là Trung Tiết.

Lời phê⁴ - Nguyễn Trung Ngạn từ chối nhận bài thơ "Chiêu ẫn"⁵, có phải là người để chí công danh không?

Dân bị nạn đói.

Tân Dậu, năm thứ 8 (1321). (Nguyên, Anh Tông, năm Chí Trị thứ 1).

Mùa xuân. Tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm hoàng thái hậu, Huy Tư hoàng phi làm hoàng thái phi.

Bảo Từ là mẹ cả của nhà vua, Huy Tư là mẹ đẻ ra nhà vua. Trước đây, rước quan tài Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường đi đường thủy về để ở cung Thánh Từ. Theo thể lệ thì thuyền của Bảo Từ được một đoàn tám chiếc kéo dây, thuyền của Huy Tư được một đoàn hai chiếc kéo dây; lính cấm quân có ý tâng công, đem dây kéo buộc thêm vào thuyền Huy Tư. Tướng quân là Trần Hựu nói: "Thuyền của thái hậu được một đoàn tám chiếc kéo dây, là chế độ nhà Trần, cốt để phân biệt kẻ trên người dưới". Nói rồi, liền lấy gươm chặt ngay dây kéo không hợp lệ đi. Nhà vua khen Trần Hựu là người trung thực.

Tháng 12. Dân bị nạn đói.

Mỗi thăng gạo trị giá một quan tiền.

Tháng 5, mùa hạ. Được mùa.

Tháng 10, mùa đông. Thi các thày chùa.

Thi các nhà sư bằng kinh Kim cương.

¹ Chỉ việc Phạm Ngũ Lão đối xử với binh sĩ.

² Nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

³ Tờ chứng thực về sở hữu ruộng đất.

⁴ Chỉ về việc Đặng Tảo chuyên chí châu chực lăng tẩm, không yêu cầu gì. Ý nói chỉ Đặng Tảo và chỉ Nguyễn Trung Ngạn trái ngược nhau.

⁵ Lúc Anh Tông định xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẫn" (rủ nhau đi ẫn) đưa cho Nguyễn Trung Ngạn. Trung Ngạn từ chối không phụng mệnh.

Lời chầu - Kim cương: Kinh nhà Phật, chương "Kinh tịch chí" trong Tùy thư chép: Kinh này là thuyết pháp của Thích Ca Mâu Mi, do đệ tử là Đại Ca Diếp soạn thuật ra.

Sai sứ sang nhà Nguyên.

Anh Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Thượng thư là Giáo Hóa sang báo cáo, nên nhà vua sai sứ thần sang chúc mừng.

Nhâm Tuất, năm thứ 9 (1322). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Sét đánh cây tháp ở chùa Báo Thiên.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Long¹, tháp này bị gió đánh đổ mất ngọn, đến nay sét đánh sạt mất hai tầng về góc phía đông.

Lời chầu - Chùa Báo Thiên: Tức chùa Sùng Khánh. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy Thái Bình thứ 3 (Chb. III, 22).

Mùa hạ. Sai Doãn Bang Hiến sang bên Nguyên biện luận về việc cương giới.

Bấy giờ, người nhà Nguyên tranh lấn bờ cõi nơi biên giới, nên nhà vua sai Hình Bộ thượng thư là Doãn Bang Hiến sang nhà Nguyên để cùng nhau biện luận về biên giới. Bang Hiến sau bị mất ở dọc đường, nhà vua rất lấy làm thương tiếc.

Lời cần án - Nguyên sử chép việc ở Du Thôn², vào niên hiệu Hoàng Khánh thứ 2 đời Nguyên Nhân Tông ngang với niên hiệu Hưng Long thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, nhưng **Sử cũ** không chép, chỉ chép có việc tranh địa giới ở đây, mà cũng không chép rõ là tranh chỗ đất nào. Có lẽ việc tranh địa giới chỉ có một, mà chép trước sau khác nhau. Vì thế cũng chép cả lại để phòng khi tham khảo.

Quý Hợi, năm thứ 10 (1323). (Nguyên, năm Chí Trị thứ 3).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đến nhà Thái học thi Thái học sinh.

Bấy giờ có người trong quân Thiên Thuộc³ tên là Mặc ứng thí, được trúng cách; nhà vua hạ chiếu trả về quân tịch và cho sung vào làm chức lại điển trong quân Thiên Đinh.

Lời phê - Thiên lịch!

Kén quân ngũ.

Theo tục trước, quân sĩ đều xăm hình rồng ở lưng và hai vế đùi; nhưng kỳ tuyển duyệt này lấy người nào béo trắng là hơn, nên từ đây quân sĩ không xăm hình rồng như trước nữa.

Tháng 11, mùa đông. Đúc tiền kẽm, rồi lại bãi bỏ ngay.

Tháng 12. Lập hoàng hậu là Trần Thị.

Hậu là con gái Huệ Vũ đại vương Quốc Trấn, được sách phong là Lệ Thánh hoàng hậu.

Bổ dụng Uy Giản hầu giữ chức Tham Thị Triều Chính⁴, quản trị việc quân việc nước (Uy Giản hầu không rõ tên).

Uy Giản hầu trước kia lấy Huy Chân công chúa. Mẹ công chúa là Trần Thị, cung tần của Anh Tông, thường chiếm ruộng của dân. Có người tố cáo, nhà vua triệu Uy Giản hầu đến bảo rằng: "Trẫm

¹ Niên hiệu Trần Thánh Tông (1258-1272).

² Xem thêm Chính biên, quyển IX, tờ 9.

³ Xem thêm Chính biên, quyển VII, tờ 23.

⁴ Cũng như chức Tham tri chính sự. Người nào được phong chức Tham tri chính sự mà là Thân vương thì gọi là Tham thị triều chính.

không giao việc chiếm ruộng này cho quan lại trừng trị, là sợ điểm nhục đến phi tần của tiên đế, nhà người nên thể theo đức ý ấy của trẫm". Uy Giản về, phàm những ruộng nào mà Trần Thị đã chiếm đoạt đều trả hết lại cho dân; nhà vua tỏ lòng khen. Đến nay bổ dụng vào chức này. Thân thuộc của Uy Giản hầu có người phàn nàn rằng được phong chức ấy vẫn còn là thấp. Uy Giản hầu nói: "Phàm những người bầy tôi đã được vua để ý quyền luyễn đến, thì việc lựa chọn bổ dụng là tự lòng vua, chứ sức người không thể ước mong được, khi nào lại dám nảy ra bụng nghĩ càn. Tôi may được ơn vua ban cho, rất sợ là quá nguyện vọng, có đâu dám kể đến chức cao hay thấp?". Nhà vua nghe thấy lời nói ấy, cho Uy Giản là người biết điều.

Giáp Tí, năm Khai Thái thứ 1 (1324). (Nguyên, Thái Định đế, năm Thái Định thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Phong Huệ vũ vương Quốc Trấn chức Quốc Phụ Thượng Tế.

Lời phê - Danh vị không chính đáng thì nói không thuận lý, đã nói không thuận lý thì mọi việc không xong¹.

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Thái Định đế nhà Nguyên mới lên ngôi, sai Mã Hợp Muu và Dương Tôn Thụy sang báo cáo và ban lịch mới; lại dụ nhà vua không nên cho quan lại ở biên giới sang xâm nhiễu Chiêm Thành. Hợp Muu cưỡi ngựa đến cái cầu ở ao Tây Thấu vẫn không xuống ngựa. Những người hiểu tiếng Trung Quốc vâng chỉ dụ nhà vua ra bảo sứ thần xuống ngựa, tranh luận mãi vẫn không thể giải quyết được. Nhà vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón tiếp, Trung Ngạn dùng lý lẽ bẻ bác, Hợp Muu không cãi lại được, mới chịu xuống ngựa; nhà vua rất hài lòng. Khi Hợp Muu về, nhà vua sai Mạc Đĩnh Chi sang chúc mừng.

Lời chua - Đĩnh Chi: Nguyên sử chép là Tiết Phu. Tiết Phu là biểu tự của Đĩnh Chi.

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn; hoàng trùng; trâu bò gia súc phần nhiều bị toi.

Ất Sửu, năm thứ 2 (1325). (Nguyên, năm Thái Định thứ 2).

Mùa xuân. Đặt chức Liêm Phỏng Sứ ở các lộ.

Tháng 8, mùa thu. Đổi Hành Khiển Ti làm Môn Hạ Sảnh².

Theo chế độ cũ, Hành Khiển ti ở hai cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng với Nội thư hỏa cục, đều gọi là Nội Mật viện. Đến đây đổi Hành khiển ti làm Môn Hạ Sảnh, còn Nội thư hỏa cục vẫn gọi là Nội Mật viện.

Bính Dần, năm thứ 3 (1326). (Nguyên, năm Thái Định thứ 3).

Từ tháng 2, mùa xuân. Đến tháng 6, mùa hạ, không mưa.

Tháng 3. Trung Thư Thị Lang³ cai quản Thẩm Hình viện là Bùi Mộc Đạc mất.

Trước đây, lúc Thượng hoàng sắp mất, bảo nhà vua rằng: "Mộc Đạc từng trải thờ ba triều vua, là người khiêm tốn kính cẩn, có cả văn lẫn chữ, nên đổi đãi đặc biệt, đừng để bị người ta chèn ép". Nhân đấy, nhà vua sai vẽ tượng Mộc Đạc để ở thư phủ, có ý dùng vào chức trọng đại, nhưng chưa kịp thăng chức thì Mộc Đạc đã mất.

¹ Quốc Trấn là bố đẻ Lê Thánh hoàng hậu (vợ Minh Tông). Lời phê này ý nói bố hoàng hậu mà phong Quốc Phụ Thượng Tế là không chính đáng, vì thế nên sau này Quốc Trấn nói về việc lập hoàng tử, không được Minh Tông nghe theo, và cũng nhân nói về việc lập hoàng tử, mà gây ra tai nạn đến nỗi Quốc Trấn phải chịu tử hình. (Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 26). Câu phê này dùng nguyên câu của Khổng Tử bảo học trò là Tử Lộ: "Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành". (Luận ngữ đại toàn, quyển XIII, tờ 5).

² Cơ quan giữ ấn của nhà vua. Có nhiệm vụ chuyển lệnh của vua tới các quan, tâu trình lên vua sự thi hành về việc chuyển lệnh của sảnh này, cùng điều khiển những công việc liên quan tới lễ nghi trong cung.

³ Chức phó của Trung thư sảnh. Có nhiệm vụ giúp vua ý kiến, lời khuyên những việc trọng đại, tuyên phạt mệnh lệnh.

Bổ dụng Trần Khắc Chung làm Thiếu Bảo, gia hàm Đồng Trung Thư môn hạ Bình Chương Sự¹.

Trước đây, theo phép nhà Lý, chức quan Hành khiển gia hàm Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự. Đến khi Thượng tướng Quang Khải giữ ngôi Tể tướng, thường bản khoản về việc Hành khiển cùng Tể tướng ngang hàm nhau, nên tâu xin đổi hàm của Hành khiển làm "Trung Thư môn hạ công sự" để cho phân biệt. Đến nay, nhà vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm công việc Hành khiển, được đặc biệt ưu đãi, nên vẫn theo như cũ, gia phong hàm Trung thư môn hạ bình chương sự.

Giáng chức Nguyễn Trung Ngạn làm An Phủ Sứ ở Thanh Hóa.

Trước đây, Trung Ngạn làm Ngự sử, bàn việc trái ý vua, phải ra tri châu Viêm Laãng; khi tri châu, Trung Ngạn có tiếng giỏi về chính trị, vì thế nên lại được cất lên làm Thiêm tri giữ công việc cung Thánh Từ. Khi bấy giờ, có Bảo Vũ vương (không rõ tên) tước Thượng vị hầu, về hàng được ban cho áo đen, Trung Ngạn sơ suất biên vào trong sổ thuyên tuyền, lại liệt tên Bảo Vũ vương vào hàng áo tía. Nhà vua yêu Trung Ngạn là người có tài, và lại việc ấy là do lầm lỡ, cho nên chỉ bắt giáng chức.

Lời chua - Quan chế nhà Trần, các màu sắc về đồ mặc, lấy màu tía là hơn cả. Còn sự cất nhắc bổ dụng phần nhiều do ở Thượng hoàng. Trung Ngạn vì giữ công việc ở cung Thánh Từ, nên chịu trách nhiệm về việc ghi sổ thuyên tuyền.

Châu Viêm Laãng: Chưa rõ ở đâu.

Bổ dụng Phạm Ngộ làm Tham tri Chính Sự đồng tri Thượng Thư Tả Ti sự.

Trương Hán Siêu giữ chức Hành khiển, tâu về việc hình quan là Phạm Ngộ và Lê Duy ăn của đút lót; nhà vua liền sai người xét hỏi, Hán Siêu nói riêng với người khác rằng: "Hán Siêu này đã tội² trong chính phủ, thấy "chúa thượng tin yêu, nên mới nói, biết đâu lại có xét hỏi như thế?". Nhà vua nghe được câu ấy, nói rằng: "Hành khiển là quan ở sảnh³, Thẩm hình là quan ở viện⁴, đều là những người mà ta tin dùng, có lẽ nào ta tin sảnh quan mà nghi viện quan bao giờ?". Kịp khi xét hỏi, Hán Siêu đuối lý, phải phạt tiền 300 quan. Còn Phạm Ngộ, sau đó được bổ lên chức vị này, chức vị ngang với Hán Siêu.

Lời chua - Lê Duy: Người huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Sai Huệ Túc vương là Đại Niên đem quân sang đánh Chiêm Thành, nhưng đánh không được.

Huệ Túc vương đi đánh Chiêm Thành không thành công, khi trở về, nhà vua nói: "Trước kia, tiên đế⁵ gọi gió tắm mưa, mới bắt được chúa Chiêm Thành, sau Quốc Phụ⁶ là bậc trọng thần, vâng mệnh đi đánh, cũng làm cho chúa nước ấy phải chạy trốn. Nay Huệ Túc vương danh vọng không bằng Quốc Phụ, mà ta cứ yên nhiên ở chỗ thâm cung, ủy thác cho y chuyên trách về việc đánh dẹp, như thế mà muốn bắt chúa Chiêm, thì làm thế nào mà thành công được?". Câu nói ấy là nhà vua có ý tự trách mình.

Đinh Mão, năm thứ 4 (1327). (Nguyên, năm Thái Định thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sét đánh vào lăng tẩm (không rõ lăng nào).

¹ Tức Tể tướng, quan đầu triều.

² Lời nói khiêm tốn của những người làm quan đời xưa. Ý nói tài đức kém, nên dễ mắc sai lầm tội lỗi, cũng như nói chỉ chờ một ngày nào đó sẽ vướng vào tội lỗi.

³ Quan chế nhà Trần có Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh. Chức Hành khiển trước gia hàm Trung thư môn hạ Bình chương sự, sau lại đổi Hành khiển là Trung thư sảnh, nên Hành khiển gọi là sảnh quan.

⁴ Viên chức ở Thẩm hình viện giữ việc xét xử kiện tụng hình ngục.

⁵ Chỉ vào Trần Anh Tông, xem thêm việc bắt chúa Chiêm Thành ở Chính biên, quyển IX, tờ 5.

⁶ Chỉ Quốc Trấn. Xem thêm việc đánh Chiêm Thành ở Chính biên, quyển IX, tờ 15.

Sau ngày sét đánh, nhà vua hạ chiếu cho bầy tôi họp bàn về việc này. Trần Khắc Chung nói pha trò đùa, mọi người đều cười, trừ có Đoàn Nhữ Hài đứng phắt dậy đi ra chỗ khác. Ngự sử đài hặc tâu, nhà vua hạ lệnh xét hỏi về việc đó. Nhữ Hài nói: "Khi mọi người cười cợt, tôi đã đi chỗ khác rồi". Nhà vua nói: "Nhữ Hài nghe người ta cười cợt, không biết can ngăn, lại bỏ đi chỗ khác, thế là có ý làm cho người ta mắc vào sự lỗi, chỉ tìm kế giữ lấy thân mình". Bèn phạt Khắc Chung và Nhữ Hài theo với tội nặng nhẹ của hai người.

Mậu Thân, năm thứ 5 (1328). (Nguyên, năm Trí Hòa thứ 1. Từ tháng 9 trở về sau, thuộc năm Thiên Lịch thứ 1 đời Nguyên Văn Tông).

Tháng 3, mùa xuân. Giết Quốc Phụ thượng tế Huệ Vũ vương là Quốc Trấn.

Trước đây, Thượng hoàng vẫn trông mong nhiều vào Quốc Trấn, muốn phó thác nhà vua cho ông ta; đến lúc thượng hoàng bị bệnh, mỗi khi nhà vua đến thăm, Thượng hoàng bắt phải đi cùng với Quốc Trấn, để khỏi sinh lòng hiềm nghi gián khích. Đến nay nhà vua tuổi đã nhiều mà chưa quyết định ngôi trừ phó¹. Quốc Trấn tự nhận mình là cố mệnh đại thần, vả lại là bố đẻ ra hoàng hậu, nên cố chấp là: "Đợi khi nào hoàng hậu sinh con trai trưởng sẽ lập làm thái tử". Văn Hiến hầu (không rõ tên) muốn đánh đổ hoàng hậu mà lập hoàng tử tên là Vượng, bèn lấy một trăm lạng vàng đúc lót cho gia thần của Quốc Trấn tên là Trần Phẫu, để Trần Phẫu vu cáo Quốc Trấn âm mưu làm phản. Nhà vua tin lời Trần Phẫu, bắt Quốc Trấn giam ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung về bè đảng với Văn Hiến, lại là người cùng làng với mẹ đẻ của Vượng, hơn nữa, Khắc Chung từng giữ chức sư phó để dạy Vượng, vì thế Khắc Chung liền tâu ngay bằng câu thành ngữ: "Tróc hổ dị, phóng hổ nan" (bắt hổ thì dễ, thả hổ ra thì nguy). Nhà vua bèn cấm tuyệt không cho Quốc Trấn ăn uống, để bắt phải tự tử. Hoàng hậu phải tắm nước vào áo đưa vào cho uống. Quốc Trấn uống xong thì mất. Những người bị bắt lây đến hơn trăm người, mỗi khi tra hỏi thì đều kêu gào là oan.

Về sau, vợ cả, vợ lẽ Trần Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến hầu đúc lót vàng ra tố cáo. Nhà vua giao việc này cho quan giữ việc hình ngục là Lê Duy xét hỏi, Lê Duy là người cương trực, lập tức tra xét và phán đoán. Trần Phẫu phải tội lăng trì², nhưng chưa kịp hành hình, thì người gia nô nhà Thiệu Vũ (không rõ tên) đã xẻo thịt Trần Phẫu ăn sống gần hết. Còn Văn Hiến hầu được tha tội chết, giáng xuống làm thứ dân, tước bỏ danh tịch.

Lời chua - Văn Hiến: Con Nhật Duật.

Thiệu Vũ: Con Quốc Trấn.

Mẹ đẻ của tên Vượng: Minh Từ thái phi Lê Thị, cùng với Khắc Chung đều là người ở Giáp Sơn.

Kỷ Tị, năm thứ 6 (1329). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Trần Hiến Tông, năm Khai Hựu thứ nhất. - Nguyên, năm Thiên Lịch thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Lập con là Vượng làm Hoàng thái tử và hạ chiếu truyền ngôi; thái tử lên ngôi vua.

Thái tử đã lên ngôi vua, xưng là Triết Hoàng, bầy tôi dâng tôn hiệu là Thế Thiên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu hoàng đế (tức là Hiến Tông). Tôn vua cha làm Chương Nghiêu Văn Triết thái thượng hoàng đế và tôn Lê Thánh hoàng hậu làm Huệ Từ thái thượng hoàng hậu.

Thượng hoàng về ở hành cung phủ Thiên Trường.

Sau khi đã nhường ngôi, Thượng hoàng lui về ở hành cung phủ Thiên Trường, mỗi khi các hoàng tử vào chầu, Thượng hoàng thường bình luận đến nhân vật bản triều. Uy Túc vương Văn Bích nói: "Phàm bàn luận nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nói đến việc của người hay, còn việc người dở hãy gạt bỏ đi,

¹ Người trừ bị để sau này sẽ nối ngôi vua.

² Một thứ hình phạt nặng nhất: Trước hết chặt hai chân, hai tay, con trai thì xẻo ngoại thận đi, con gái thì đóng cọc vào âm hộ rồi mổ bụng, moi hết ruột gan ra, làm cho thân thể không mảnh nào dính vào nhau - có khi lại còn đem ngâm thành mắm. Ta gọi tội này là "tùng xẻo".

không nên nói để người nghe bắt chước". Thượng hoàng nói: "Việc làm của kẻ hay, người dở đều nên bàn đến cả, không thể gác bỏ thiên lệch được; nếu con ta quả là người hiền, thì nghe việc hay tất theo mà bắt chước, nghe việc dở tất ghét mà tránh đi, thế thì kẻ hay người dở đều có thể làm gương cả; nếu con ta quả không hiền, thì cứ gì phải thấy việc dở rồi sau mới bắt chước. Cứ xem như Thái Khang¹ là người thất đức, thì có phải vì ông vua đời trước chơi bởi buông tuồng mà Thái Khang bắt chước đâu? Dượng Đế nhà Tùy² miêng nói việc của Nghiêu Thuấn³, mà việc làm thì bạo ngược hơn Kiệt, Trụ⁴; thế có phải là người hay mà bắt chước đâu?". Uy Túc nghe lời Thượng hoàng nói, cúi đầu xin tạ tội.

Một hôm, Thượng hoàng cho mời Huệ Túc vương là Đại Niên vào nhà ngủ bảo ngồi chơi. Thượng hoàng ăn cơm chay, Huệ Túc vương vốn hay bài bác đạo Phật, đạo Lão, nhân nói: "Tôi không biết ăn chay có ích lợi gì?". Thượng hoàng dụ rằng: "Ông cha ngày trước ăn chay, nên cũng bắt chước, còn như bảo rằng ăn có ích lợi hay không, thì trẫm không biết". Huệ Túc vương yên lặng đi ra.

Có một lần, người tô tên là Hiệu Khả khen Thượng hoàng giỏi hơn vua Anh Tông. Thượng hoàng thay đổi ngay nét mặt, gạt đi mà nói rằng: "Phàm người nào khen ngợi người khác, mà bảo người ta giỏi hơn cha, thì người ấy thường bất hiếu đối với cha mẹ". Thượng hoàng nói câu này là vì Hiệu Khả không biết làm cho cha mẹ vui lòng, nên nhân việc ấy mà răn bảo.

Gia phong Nhật Duật tước Chiêu Văn đại vương.

Mùa đông. Mán Ngưu Hống làm phản, Thượng hoàng tự làm tướng đi đánh.

Thời đại Nhân Tông, Mán Ngưu Hống thường vào châu, đến nay làm phản, xông rữ cướp bóc ở miền Đà Giang. Thượng hoàng bàn định thân hành đi đánh. Trần Khắc Chung can rằng: "Đà Giang là nơi lam chướng, và lại nước thác chảy xiết quá không thể đem quân đi được. Đất Chiêm Thành không phải nơi lam chướng, các triều trước đi đánh, phần nhiều bắt được chúa nước ấy, bây giờ không bằng đem quân sang đánh Chiêm Thành là hơn". Thượng hoàng nói: "Trẫm làm cha mẹ dân, thấy dân bị lầm than, cần phải cứu ngay, chứ có suy bì gì nơi hiểm trở, nơi bình dị, việc thuận lợi, việc khó khăn". Khắc Chung lạy tạ, nói: "Độ lượng thánh nhân bao dung rộng rãi; ngu dại như tôi không thể nào nghĩ tới được". Thượng hoàng bèn hạ chiếu xuất quân; sai Thiêm tri là Nguyễn Trung Ngạn chuyên việc giữ sổ nhật lịch⁵.

Trong bọn Mán Ngưu Hống, có người ở trại Chiêm Chiêu đến cung khuyết dâng thư, đính ước xin đem cả trại đầu hàng, thì khắc phù tín giao cho để làm tin. Thượng hoàng muốn phỏng theo việc "Hán Vũ dăng đài"⁶ ngày trước, dùng uy lực chế trị phương xa, bèn sai Chiêu Nghĩa hầu là Phụ Minh đem quân theo đường Thanh Hóa xuất phát trước, để làm thanh thế tiếp ứng cho quan quân. Thượng hoàng nhân dụ bảo Phụ Minh rằng: "Trại Chiêm Chiêu đã có đính ước xin hàng, khi đến nơi, phải đợi quan quân đến sẽ hay, không được hành động càn rỡ".

Thượng hoàng đem quân đến động Mang Việt, đóng ngự doanh ở đấy, và đặt tên chỗ đóng ngự doanh ấy là phủ Thái Bình, chỗ ấy có suối Bác Tử, đặt tên cho là suối Thanh Thủy.

Phụ Minh đem quân đi tắt đến trại Chiêm Chiêu, tự đem một bộ quân của mình ra đánh, bị thua. Tuyên Uy tướng quân là Vũ Tư Hoành cố sức đánh, bị chết trận. Thượng hoàng nghe tin nói: "Thôi làm

¹ Tên một ông vua đời nhà Hạ. Thái Khang là cháu Hạ Vũ, con Hạ Khải. Vũ và Khải đều là vua hiền, đến Thái Khang là người thất đức, chơi bởi vô độ, bị Hậu Nghệ đánh đuổi đi.

² Tên là Quảng, giết anh, giết bố để cướp ngôi vua, khi làm vua làm nhiều điều tàn ác, sau bị Vũ Văn Hóa Cật giết.

³ Hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, tương truyền là hai vị thánh quân đời Đường và Ngu.

⁴ Kiệt: vua cuối cùng đời nhà Hạ; Trụ: vua cuối cùng đời nhà Thương, là hai ông vua tàn bạo nổi tiếng.

⁵ Quyển lịch chuyên chép các công việc hằng ngày.

⁶ Hán Vũ Đế (140 - 88 tr.c.ng.), một ông vua có tài cao mưu giỏi về thời Tây Hán. Năm Nguyên Phong thứ 1 (110 tr.c.ng.), Vũ Đế kéo quân ra Trường Thành, lên lầu đài của Thuyền Vu (lầu đài này do chúa Thuyền Vu là Mạc Lạc dựng lên), rồi kéo quân đến Sóc Phương, tới Bắc Hà, số quân mười tám vạn, cờ quạt cắm suốt hơn ngàn dặm, sai sứ bảo chúa Thuyền Vu rằng: "Nếu dám chống cự lại, thì Thiên tử đã tự làm tướng, sẵn sàng đợi ở biên giới, nếu không thì phải đến thần phục ngay, sao lại cứ ẩn núp ở nơi Mạc Bắc cho rét mướt khổ sở làm gì?".

rồi!". Trận này do Thượng hoàng tự làm tướng, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang động, mán Ngưu Hống nghe tiếng phải chạy trốn, bèn đem quân về.

Lời chua - Ngưu Hống: Tên dân tộc mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Chiêm Chiêu: Tên trại, chưa rõ ở đâu.

Mang Việt: Động mán xưa, nhà Lê đổi làm Việt Châu; bây giờ đổi là Yên Châu, thuộc tỉnh Hưng Hóa¹.

Phụ Minh và Tư Hoành: Đều không rõ người ở đâu.

Bổ dụng Vũ Nghiêu Tá làm Nhập Nội Hành Khiển môn hạ Hữu Ti Lang Trung.

Nghiêu Tá với em là Nông đều thi đậu, nổi tiếng về văn học. Trước đây, Thượng hoàng bổ Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội Mật Viện sự, nay nhà vua trao cho chức này.

Lời chua - Nghiêu Tá: Người làng Mộ Trạch, huyện Đường An², tỉnh Hải Dương.

Canh Ngọ, Hiến Tông hoàng đế, năm Khai Hựu thứ 2 (1330). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 1).

Tháng 7, mùa thu. Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu là Trần Thị mất.

Thái hậu tính nhân từ, yêu các con vợ thứ cũng như con mình đẻ ra, đối với các phi tần, rất có ân huệ, đối với họ hàng riêng của mình, có ý dè dặt giữ gìn, không ban ơn lạm. Người bấy giờ xưng tụng Thái hậu là bậc đứng đầu những người mẹ có đức tốt.

Sau khi Anh Tông mất, thái hậu tự giữ mình chay khiết, duy không nhận pháp giới nhà Phật và nói: "Người vị vong³ này không thể trông mặt thầy chùa, nói chuyện với thầy chùa được, chỉ cốt chay sạch đợi đến ngày chết, còn dùng y bát⁴ làm chi?". Thái hậu ở chùa được 10 năm thì mất.

Lời phê - Rất phải đạo đàn bà, nghìn xưa ít có.

Lời cần án - Thuận Thánh Bảo Từ thái hậu là đích mẫu của Minh Tông, đến đời Hiến Tông, theo điều lệ, đáng lẽ nên chép là thái hoàng thái hậu, thế mà **Sử cũ** vẫn chép là hoàng thái hậu có lẽ là vì Hiến Tông mới lên ngôi vua, chưa kịp truy tôn; hay là vì **Sử cũ** bỏ sót. Nay tạm theo **Sử cũ**, sẽ khảo sau.

Lời chua - Yêu con vợ thứ: Huệ Chân công chúa là con gái vợ thứ, thế mà thái hậu yêu quý, phàm có ban cho thức gì, cũng được ngang phần với Thiên Chân công chúa.

Đối đãi với phi tần: Cung tần là Vương Thị được vua yêu, có thai, thái hậu cho nhà Song hương để làm chỗ sinh nở.

Đối với họ hàng riêng của mình: Bảo Huệ quốc mẫu là mẹ đẻ thái hậu, muốn dâng cháu gái là Nguyễn Huy vào cung, thái hậu không bằng lòng.

Thái sư Chiêu Văn đại vương Nhật Duật mất.

¹ Nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

² Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

³ Nguyên văn chép: "Vị vong nhân", nghĩa đen là "người chưa chết". Theo quan niệm ngày xưa, người đàn bà góa chồng tự xưng là vị vong nhân (**Tả truyện**), ý nói chưa chết theo chồng được.

⁴ Áo cà sa để mặc và cái bát để đựng thức ăn, hai bảo vật quan trọng nhất của nhà chùa. Đời sau dùng chữ "y bát" để tượng trưng thầy chùa truyền kinh pháp cho đệ tử.

Nhật Duật học qua Ngũ kinh và Chư sử, tinh thông lời huyền diệu của Đạo gia, hiểu biết âm nhạc, đời bấy giờ khen là người học thức rộng rãi, lại hiểu tiếng các nước. Nhân Tông thường nói: "Chú Chiêu Văn¹ có lẽ là hậu thân của người bộ lạc Phiên". Mỗi khi nói chuyện giao thiệp với sứ thần nhà Nguyên, không cần dùng người thông ngôn, thường tay cầm tay, uống rượu với nhau, vui vẻ như bạn quen biết. Sứ nhà Nguyên nói: "Ông hẳn là người ở Chân Định sang làm quan bên này?". Nhật Duật cố chối không nhận, họ vẫn không tin, vì họ thấy hình dáng và tiếng nói của Nhật Duật đều giống hệt người Chân Định.

Nhật Duật là người có độ lượng, hòa nhã, dù mừng hay giận không bao giờ lộ ra nét mặt; lại còn không ưa những sự thịnh thác; lúc gặp việc thì tùy cơ ứng biến, rất mạnh dạn về việc đánh giặc. Cuối niên hiệu Thiệu Bảo², Nhật Duật trấn thủ Tuyên Quang, quân Nguyên đến xâm phạm, Nhật Duật đem quân theo dòng sông trở xuôi. Thấy quân đuổi theo ở hai bên bờ sông đi thông thả, biết chắc hẳn mặt trước lại có toán quân nữa, vội vàng sai người dò xem, thì quân giặc đã đến đón chặn ngang ở khúc sông bên dưới rồi, Nhật Duật bèn dẫn quân lên đi bộ, mới thoát được nạn. Chiến dịch Hàm Tử Quan đánh cho quân Toa Đô bị thua to; trận thắng này là một chiến công đứng đầu đời Trùng hưng. Nhật Duật, nói về quyền quý, là bậc thân vương, từng thờ bốn triều vua, ba lần lĩnh chức trấn thủ ở trấn lớn, trong nhà không ngày nào là không chèo hát, yến ẩm, mà không ai chê cười. Có người thường ví Nhật Duật với Quách Tử Nghi nhà Đường³. Khi mất, hưởng thọ 77 tuổi.

Lời phê - Phúc đức.

Lời chua - Chân Định: Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Trực Lệ nhà Thanh.

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 30).

Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 39).

Tân Mùi, năm thứ 3 (1331). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 2).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

Văn Tông nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Tán Chỉ Ngõa sang báo cáo. Nhà vua sai Đoàn Tử Trinh sang chúc mừng.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1332). (Nguyên, năm Chí Thuận thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Đưa quan tày Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu táng chung ở Thái Lăng⁴.

Trước đây, nhà vua sai các quan chọn ngày lành sẽ an táng; lúc ấy có người bác đi, lấy cớ rằng năm nay an táng sẽ không lợi cho tế chủ. Thượng hoàng sai người hỏi lại người ấy rằng: "Ta tất nhiên không chết à?". Người ấy thưa rằng: "Điều ấy tôi không dám biết". Thượng hoàng nói: "Nếu ta không tránh khỏi chết, thì lo việc tang mẫu hậu cho xong xuôi, chả còn hơn để khỏi chết uống hay sao? Nay, việc vui mừng, việc buồn rầu, theo điển lễ phải chọn ngày, là để cho việc được trịnh trọng đấy thôi, chứ có phải như thuyết nhà âm dương⁵ câu nệ về việc họa phúc đâu?". Bèn cử hành lễ hợp táng.

Lời phê - Có kiến thức.

Tháng 7, mùa thu. Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn giữ việc ở viện Thẩm Hình⁶.

¹ Nhật Duật là con Trần Thái Tông, bằng vai với Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là chú.

² Niên hiệu Trần Nhân Tông (1279-1284).

³ Một danh tướng nhà Đường trong thời Đại Tông và Túc Tông. Chiến công của Tử Nghi đứng đầu các hàng tướng tá, giữ việc Tiết Độ Sứ ở Sóc Phương, được phong tước là Phần Dương vương; trong nhà lúc nào cũng đàn hát. Khi mất hưởng thọ 88 tuổi.

⁴ Lăng tẩm Trần Anh Tông, Thuận Thánh là vợ Anh Tông.

⁵ Những người chuyên môn về việc suy tính tướng số, nhâm, cầm, độn, toán, xem ngày, xem thiên văn, v.v... Theo thuyết nhà âm dương thì việc chọn ngày là quan hệ, vì cùng một việc, nếu chọn được ngày tốt thì công việc sẽ thuận lợi mà người chủ sự cũng gặp nhiều điều hay, nếu chọn phải ngày xấu thì sẽ trái lại.

⁶ Cơ quan coi về việc hình án như Toà án ngày nay.

Trung Ngạn lập nhà Bình Doãn để xét xử ngục tụng. Những người bị can, không ai bị oan uổng hoặc bị xử quá đáng. Nhà vua tỏ ý khen ngợi.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1333). (Nguyên, Thuận Đế, năm Nguyên Thống thứ nhất).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thủy tai; dân bị đói.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1334). (Nguyên, năm Nguyên Thống thứ 2).

Mùa xuân. Đặt thêm chức tả hữu Chính Ngôn Tham Nghị.

Thượng hoàng tự làm tướng sang đánh Ai Lao. Ai Lao trốn chạy đi nơi xa, Thượng hoàng bèn đem quân trở về.

Thượng hoàng hạ lệnh cho Nguyễn Trung Ngạn sung chức Phát vận xứ Thanh Hóa, tải lương đi trước, rồi đem đại quân kéo đi sau. Khi quân đến Kiềm Châu, thanh thế vang động, Ai Lao nghe tiếng, chạy trốn. Thượng hoàng sai Trung Ngạn đục núi ghi công rồi đem quân trở về.

Lời phê - Chỉ làm nhọc quân lính thôi, chứ có công trạng gì đáng ghi chép. Nguyễn Trung Ngạn sao lại a dua thế?

Lời cần án - Chỗ đục núi ghi công bây giờ ở quả núi thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, nét chữ viết to bằng bàn tay, nét tạc vào đá sâu đến hơn một tấc. Lời văn như sau¹:

"Hoàng Việt², triều nhà Trần, vua trị vì thứ 6, là Chương Nghiêu Văn Triết thái thượng hoàng đế, được trời thương yêu cho thống trị đất đai rộng lớn, các nơi xa gần, đầu đầu cũng thần phục; thế mà Ai Lao là một nước nhỏ mọn, dám ngang ngạnh giáo hóa triều đình. Năm Ất Hợi (1335), tháng quý thu (tháng 9 âm lịch), hoàng đế thân đem lục quân³ đi tuần thứ⁴ đến biên thùy mặt tây, thì thế tử Chiêm Thành và nước Chân Lạp, nước Tiêm, đạo thần tù trưởng Mán là Quý Cầm, Xa Lặc, những bộ lạc mới phụ thuộc thì tù đạo mán Bôi Bôn và mán Thanh Xa, đều tranh nhau đến triều yết, dâng nộp phẩm vật địa phương; chỉ có một nghịch tặc tên là Bổng cố giữ thói u mê, sợ bị tội lỗi, không đến triều yết ngay. Tháng quý đông (tháng 12 âm lịch), hoàng đế đóng ngự doanh ở cánh đồng Cự Đồn thuộc Mật Châu, hạ lệnh cho các tướng cùng binh lính man di kéo vào nước ấy, tên nghịch tặc Bổng nghe tiếng chạy trốn, bèn hạ chiếu đem quân về".

Ngày tháng 12 nhuận, mùa đông, năm Ất Hợi (1335), niên hiệu Khai Hựu thứ 7".

Năm tháng chép ở bài văn này, so với năm chép trong *Sử cũ*, không phù hợp với nhau⁵, nhưng cứ chép cả để đề phòng khi khảo cứu.

Lời chua - Ai Lao: Tên nước. Xem *Triệu Việt Vương* năm thứ 2 (Tb. IV, 9-10).

Bổng: Tên tù trưởng Ai Lao. Việc tên Bổng ngang ngạnh như thế nào, *Sử cũ* không chép rõ.

Kiềm Châu: Tức đất Mật Châu, bây giờ là huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Ất Hợi, năm thứ 7 (1335). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 1).

Sứ thần nhà Nguyên sang.

¹ Nguyên văn bằng chữ Hán, đây là bản dịch ra tiếng Việt.

² Hoàng là lớn, là đẹp. Hoàng Việt là nước Việt to lớn, tươi đẹp.

³ Binh chế thời cổ, mỗi quân 12.500 người, thiên tử mới có sáu quân, còn vua các chư hầu, nước lớn được ba quân, nước vừa được hai quân, nước nhỏ có một quân.

⁴ Tuần: tuần hành; thú; trấn thủ. Vua các chư hầu trấn thủ đất đai do thiên tử phong cho. Thiên tử đi tuần hành đến đất đai đã phong cho vua chư hầu trấn thủ để quan sát, gọi là "tuần thú". Khi thiên tử đi tuần đến địa phương nào, thì vua các nước chư hầu ở địa phương ấy phải đến hành tại triều yết và dâng phẩm vật địa phương mình.

⁵ *Sử Toàn thư* VII, 6 chép việc đi đánh Ai Lao vào năm Giáp Tuất (1334); còn bài Bia ghi là năm Ất Hợi (1335).

Thuận đế nhà Nguyên mới lên ngôi vua, sai Lại bộ Thượng thư là Thiết Trụ (Nguyên Sử cũ chép là Thiếp Trụ) sang báo cáo, và ban cho lịch mới.

Tháng 9, mùa thu. Thượng hoàng lại tự làm tướng sang đánh Ai Lao, bị thua. Đốc tướng Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Lời phê - Sính dùng binh là sự không hay, tự kiêu căng tất bị thất bại. Thế thì việc đục đá ghi công lần trước tỏ ra là việc hào huyền!

Từ khi ở Kiềm Châu đem quân về, Thượng hoàng định thân đi đánh Ai Lao lần nữa, nhưng chưa quả quyết. Nay nghe tin Ai Lao kéo xuống xâm lấn ấp Nam Nhung thuộc Nghệ An, nên lại bàn thân chinh, trong lúc ấy Thượng hoàng bị đau mắt, có người xin hoãn lại. Thượng hoàng nói: "Việc này năm trước đã bàn rồi lại thôi, bây giờ nếu vì đau mà hoãn lại, thiên hạ sẽ cho ta là người rút rút; vạn nhất giặc phương Bắc kéo sang xâm lấn bao vây, thì ta sẽ trông cậy vào đâu?". Bèn quyết ý thân chinh. Hạ lệnh cho viên quan quản lĩnh hai hiệu quân Thần Vũ và Thần Sách kiêm giữ chức kinh lược Đại sứ Nghệ An là Đoàn Nhữ Hài sung làm đốc tướng, các quân đều phải nghe theo hiệu lệnh.

Nhữ Hài tự nghĩ rằng: Ai Lao đóng giữ ở ấp Nam Nhung, quân của chúng vừa ít vừa yếu, quân ta đánh thế nào cũng được. Và lại, đồn trại của chúng đóng liền con sông lớn Tiết La, sau khi ta đã đánh thắng rồi, sẽ đem tù binh bắt được và chiến lợi phẩm tước được đi theo dòng sông mà kéo tràn xuống, đi đến đâu sẽ diễu võ dương uy, nhân đó chiêu dụ các nước Chiêm Thành, Chân Lạp vào châu, như thế có thể lập được công lao phi thường. Vì thế, Nhữ Hài liền đem quân Nghệ An và hiệu quân Thần Vũ tiến lên trước. Khi đến ấp Nam Nhung, gặp quân giặc, hai bên giao chiến. Lúc ấy sương mù mờ mịt, quân giặc đã mai phục sẵn voi ngựa từ trước, hai cánh quân giặc đánh khép lại. Quan quân bị ngã xuống sông, chết mất quá nửa, trong số đó có cả Đoàn Nhữ Hài.

Thượng hoàng được tin, nói: "Nhữ Hài nhân tình thế tất thắng, dùng mưu kế tất thắng, đã gần được công to mà lại bị mắc vào mối của giặc, không phải vì y không liệu biết thế giặc, chỉ vì y dùng quá cái sức của mình đẩy thôi! Thế mới biết sự mong muốn của người ta không thể quá hạn định được".

Lời phê¹ - Sực sùi khóc lóc, cũng chả kịp nào!

Lời cần án - Trận đánh này, Thượng hoàng tự làm tướng, mà địa điểm đóng quân, *Sử cũ* không chép rõ. Đến khi Nhữ Hài bị thua chết, *Sử cũ* lại không chép lúc ấy mưu tính thế nào. Đến tháng 2 năm sau, mới chép: "Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao về nước". Chép như thế, không thể hiểu được, nay không rõ việc ấy thế nào, sẽ phải khảo cứu sau.

Lời chua - Nam Nhung: Tên ấp, thuộc huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Sông Tiết La: Ở ấp Nam Nhung.

Viên tướng quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ là Đỗ Thiên Thữ mất ở nơi quân thứ.

Khi Thượng hoàng đi thân chinh, Thiên Thữ quản lĩnh hiệu quân Khoái Hộ, đương bị bệnh nặng, Thượng hoàng cho ở lại. Thiên Thữ bắt người nhà khiêng mình đến ngoài cửa cung Vĩnh An, cố xin đi theo xe vua và nói rằng: "Tôi thà chết ở ngoài cửa doanh trại, chứ không chịu chết ở trong giường nằm". Thượng hoàng khen là trung nghĩa, cho theo đi, khi đến đất giặc thì mất. Thượng hoàng thương tiếc, đặc cách cho khi tế được dùng nhạc Thái Thường.

Lời chua - Quân Khoái Hộ: Tức quân Thần Sách. Chế độ nhà Trần, chỉ có chức Hành khiển khi tế mới được dùng nhạc Thái Thường, nay cho Thiên Thữ được dùng, đây là đặc biệt gia ơn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Bính Tý, năm thứ 8 (1336). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ chỗ đánh Ai Lao trở về nước.

¹ Chỉ việc Minh Tông tỏ ý thương tiếc Đoàn Nhữ Hài.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Đinh Sửu, năm thứ 9 (1337). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 3).

Tháng 6, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông bắc.

Xét duyệt quan văn, quan võ, đặt các thuộc viên ở sảnh, ở viện.

Tháng 9, mùa thu. Hạ chiếu cho các quan trong triều và ngoài khảo hạch các ti thuộc.

Các quan trong triều và ngoài các lộ, hàng năm, xét những thuộc viên do mình quản đốc, người nào siêng năng, cẩn thận, có chứng cứ rõ ràng thì lưu lại, người nào không làm việc thì truất bãi đi.

Hạ chiếu cho các lộ lập kho tào thương.

Nguyễn Trung Ngạn làm tào vận sứ ở Khoái Lộ, đề nghị xin lập kho tào thương, chứa thóc thuế để chẩn cấp cho dân đói. Nhà vua y theo và hạ chiếu cho các lộ khác phỏng theo thể thức ấy mà thi hành.

Lời chua - Khoái Lộ: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hạ lệnh cho Hưng Hiếu vương đi đánh Ngư Hống, dẹp yên được. (Hưng Hiếu vương không rõ tên).

Hưng Hiếu vương đem quân vào trại Trịnh Kỳ, phá tan quân Mán, chém tù trưởng là Xa Phần. Khi đem quân về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu vương viện dẫn việc Nhân Huệ vương¹ bình định đất Nam Nhung ngày trước, xin thưởng cả cho người giữ thuyền nữa. Thượng hoàng nói: "Trước kia, Khánh Dư đi đánh Nam Nhung², xuất phát từ Nghệ An, phải đi mấy ngày mới đến Nam Nhung, thế mà người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải là người giữ thuyền ở đất Nghệ An; còn như người giữ thuyền lần này thì lại khác hẳn lần trước. Và lại, sự thưởng phạt cốt phải chính đáng mà thôi; bây giờ người giữ thuyền dựa vào người đánh thắng giặc để nhận phần thưởng, nếu người đi chiến trận bị chết, thì người giữ thuyền cũng bị chết hay sao?". Hưng Hiếu vương thưa: "Nếu không có người giữ thuyền mà thuyền bị giặc bắt mất, thì quân sĩ liệu có kiên tâm mà chiến đấu được không?". Thượng hoàng nói: "Nếu vậy thì trước hết phải thưởng cho các quan ở lại giữ triều đình mới phải, vì rằng nếu kinh sư mà không yên tĩnh thì quân sĩ có thể hăng hái đánh giặc được không?". Bèn không thưởng cho người giữ thuyền.

Lúc ấy người gia đồng của Hưng Hiếu vương là Phạm Ngải cũng dự có công đánh giặc. Thượng hoàng nói: "Gia nô đâu có chiến công, cũng không được dự vào quan tước triều đình". Vì thế mới hạ chiếu cấp ruộng cho Phạm Ngải.

Lời phê³ - Biện luận một cách khiên cưỡng, hai bên đều không phải cả.

Lời phê⁴ - Việc này thì hợp thể.

Lời chua - Việc Nhân Huệ vương đi đánh Nam Nhung, Sử cũ không chép, chỉ ghi phụ việc ấy ở đây thôi.

Ngư Hống: Tên Mán. Xem Lý Thánh Tông, năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (Chb. III, 27).

Trại Trịnh Kỳ: Chưa rõ ở đâu.

Mậu Dần, năm thứ 10 (1338). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 4).

¹ Tước phong của Trần Khánh Dư.

² Theo Toàn thư chép: "Thượng hoàng nói: Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, đi đường bộ từ Nghệ An, mấy ngày mới đến sông Nam Nhung, bèn phạt gỗ đóng thuyền, thế là người giữ thuyền ở trong đất giặc, chứ không phải ...". Như thế có lẽ Hưng Hiếu vương xin thưởng cho quân sĩ giữ thuyền ở Nghệ An, vì thế Minh Tông mới nói người giữ thuyền lần này khác hẳn lần trước.

³ Chỉ việc Trần Minh Tông và Hưng Hiếu vương tranh luận về việc có hay không thưởng cho người giữ thuyền.

⁴ Chỉ việc không thưởng quan tước cho gia nô.

Tháng 8, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Gió bão to.

Phần nhiều nhà cửa, cây cối ở dân gian bị đổ.

Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác tham dự triều chính, Cung Định vương là Phủ làm Phiêu Kỳ thượng tướng quân, quản lĩnh trấn Tuyên Quang.

Lời chua - Nguyên Trác và Phủ: Đều là con vợ thứ Minh Tông.

Kỷ Mão, năm thứ 11 (1339). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 5).

Mùa xuân. Đổi lịch "Thụ thì" làm lịch "Hiệp Kỷ".

Viên Hậu Nghi lang Thái sử cục lệnh là Đặng Lộ thấy tên lịch từ trước đến nay đều gọi là lịch "Thụ thì", tâu xin đổi gọi là lịch "Hiệp Kỷ"; nhà vua y cho. Đặng Lộ chế ra thứ đồ xem thiên văn gọi là "lung linh nghi" khảo nghiệm khí tượng trên trời không việc gì là không đúng.

Lời chua - Đặng Lộ: Người huyện Sơn Minh thuộc Sơn Nam.

Sao Huỳnh Hoặc mọc chen vào sao Nam Đẩu.

Vừa một tháng, sao Huỳnh Hoặc mới lui ra.

Canh Thìn, năm thứ 12 (1340). (Nguyên, năm Chí Nguyên thứ 6).

Tân Tị, năm thứ 13 (1341). (Tháng trở về sau, thuộc Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 1). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 1).

Mùa xuân, bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Đại Doãn¹ ở kinh sư.

Ở kinh sư, trước kia đặt chức Đại An phủ sứ, đến đây, đổi thành Đại Doãn.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua mất.

Miếu hiệu là Hiến Tông, ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 23 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Hiến Tông là người thiên tư tốt, nhưng vì ít tuổi lên nối ngôi², nên quyền chính trong nước đều ở trong tay Thượng hoàng. Trong sách³ có câu: "Cha còn, thì con không được tự chuyên", thế thì còn chê trách vào đâu nữa?

Tháng 8, mùa thu. Hoàng đế là Hạo lên ngôi vua.

Trước đây, nhà vua (Hiến Tông) là con cả của người vợ thứ, lên nối ngôi; đến sau bà đích mẫu là Huệ Từ hoàng thái hậu mới sinh con trai: con trưởng, Cung Túc vương tên là Dục; con thứ, tên là Hạo. Nay nhà vua mất, không có con trai. Thượng hoàng (Minh Tông) thấy Dục có tính ngông cuồng, không thể gánh vác được công việc trọng đại; lúc ấy Hạo⁴ mới 6 tuổi, bèn cho nối ngôi. Khi đã lên ngôi, xưng là Dụ Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thế Đạo Nhân Minh Quang Hiếu hoàng đế (tức là Dụ Tông).

Sai Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu biên soạn Triều điển và Hình thư.

Nhâm Ngọ, Dụ Tông hoàng đế năm Thiệu Phong thứ 2 (1342). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác làm Thái Úy.

¹ Chức quan đứng đầu cấp địa phương ở kinh sư thời xưa. Trước gọi là An phủ sứ.

² Lúc lên ngôi vua mới mười tuổi.

³ Bài bàn ở tập chú trong thiên "Học Nhi" sách Luận ngữ.

⁴ Hạo là con thứ mười của Minh Tông.

Tháng 5. Sứ Chiêm Thành sang.

Chúa Chiêm Thành là Chế A Nam mất, con rể là Trà Hoà Bồ Đế tự lập làm chúa, sai sứ sang cáo phó¹.

Tháng 7, mùa thu. Tôn Huệ Từ thái thượng hoàng hậu làm hoàng thái hậu.

Lời cần án - Huệ Từ là vợ Minh Tông, mẹ Dụ Tông. Bấy giờ Minh Tông hãy còn, mà vợ tôn phong Huệ Từ làm hoàng thái hậu, như thế thì đạo thờ cha và nghĩa vợ theo chồng đều lỗi cả.

Bổ dụng Nguyễn Trung Ngạn làm Hành khiển, quản trị công việc viện Xu Mật.

Theo chế độ cũ, cấm quân thuộc vào Thượng thư sảnh; đến đây, cho viện Xu Mật quản lĩnh. Trung Ngạn tuyển đình tráng các lộ sung vào ngạch cấm quân hiện khuyết, đặt ra sổ sách để ghi chép. Viện Xu Mật quản lĩnh cấm quân bắt đầu từ đây.

Lời chua - Trước đây chế độ nhà Trần: Xu Mật viện là chức cơ yếu, cùng với Thượng thư sảnh, và Trung thư sảnh đều được tham dự triều chính.

Giám Sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi bị bãi chức.

Thượng hoàng sáng sớm đến Ngự sử đài, Giám sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi chưa đến, chỉ có Ngự sử Trung Tán là Lê Duy theo hầu. Khi Thượng hoàng về cung rồi, bọn Doãn Định mới đến, bèn dâng sớ đối kháng, nói: Thượng hoàng không nên vào Ngự sử đài. Lại hặc Lê Duy về lỗi không biết can ngăn. Lời lẽ trong sớ rất là khích thiết. Thượng hoàng hiểu dụ trước mặt bọn ấy rằng: "Ngự sử đài là một trong những cung điện, có lẽ nào thiên tử lại không được vào? Và, trong đài ấy trước kia có chỗ để thiên tử giảng luận học tập, ở đây lại có chức Chi hậu bạ thư hầu hạ bút nghiên. Đây là việc cũ "Thiên tử nhập đài" đấy. Ngày trước, vua Thái Tông nhà Đường từng xem cả sách Thực lục kia, huống chi là việc nhập đài". Bọn Doãn Định còn cố sức can mãi, Thượng hoàng dụ bảo đến hai ba lần cũng không thôi, bèn bị bãi chức.

Quý Mùi, năm thứ 3 (1343). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 3).

Ngày mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đại hạn từ tháng 5 đến mãi tháng 6. Xuống chiếu tha cho một nửa thuế nhân đinh năm nay.

Tháng 11, mùa đông. Dân bị nạn đói.

Năm ấy mất mùa, đói kém. Dân gian phần nhiều người nổi lên làm trộm cướp, nhất là gia nô các nhà vương hầu.

Giáp Thân, năm thứ 4 (1344). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Giặc cướp khởi lên ở huyện Trà Hương.

Người huyện Trà Hương là bọn Ngô Bệ họp tập nhiều người ở núi Yên Phụ khởi lên làm giặc cướp. Nhà vua sai quân đi bắt. Bọn Ngô Bệ liền trốn tránh tan rã.

Lời chua - Trà Hương: Tên huyện. Xem Tiền biên, ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Núi Yên Phụ: Ở xã Yên Phụ, huyện Giáp Sơn.

Đổi đặt lại danh hiệu các quan chức.

Hành Khiển ti ở cung Thánh Từ nay đổi làm Thượng Thư sảnh; Hành Khiển ti ở cung Quan Triều vẫn để nguyên là Môn Hạ sảnh¹ như cũ.

¹ Báo cáo tin buồn: Chúa Chiêm Thành mất.

Viện Tuyên Huy đặt chức đại sử và phó sử;
 Kiểm Pháp quan ở viện Đăng Văn² nay đổi là Đình Úy, Tự Khanh và Thiệu Khanh;
 Ti Khuyến nông đặt chức Đồn điền sử và phó sử;
 Tổng lộ đặt An phủ sử và phó sử;
 Thuộc châu đặt chức Thông Phán;
 Lộ nhỏ đặt ti Đề Hình và ti Tào Vận;
 Phủ Thiên Trường đặt chức Thái phủ và Thiệu phủ.

Lời chua - Trung thư, Thượng thư, môn hạ: Đều là tên quan ba sảnh, để tham dự bàn luận chính sự trong triều. Đó là chức Tế tướng thứ hai.

Tuyên Huy sử: Chức này đặt từ đời nhà Đường, có nam viện và bắc viện, các viện đều có chánh sử và phó sử, quản lĩnh hết những việc tế trời đất, việc triều hội và yến hưởng; chức này rất trọng đại. Đến nhà Tống, thường dùng quan xu mật kiêm lĩnh, chỉ để đãi những bậc huân cựu đại thần mà đã thôi làm việc chính phủ; do đó, nhiệm vụ chức này đã có phần hơi nhẹ. Nhà Trần đặt chức này, không biết phỏng theo đời nào.

Truy khai quan tước cho Quốc Phụ Thượng Tế Huệ Vũ vương Quốc Trấn.

Trước kia, Quốc Trấn vì việc Trần Phẫu vu cáo, bị giết, đoạt mất cả quan tước³; đến nay, mới cho truy phục lại.

Tháng 8, mùa thu. Đặt hai mươi đô Phong đoàn ở các lộ.

Bấy giờ dân gian bị đói, phần nhiều nổi lên làm giặc cướp, nên đặt quân đoàn để đi bắt.

An táng Hiến Tông ở An Lăng.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Sau khi thiên tử mất, bảy tháng thì làm lễ an táng. Hiến Tông mất đã bốn năm, đến nay mới táng, mà trong triều không nghe thấy ai đem tang lễ ra tranh luận cả!

Lời chua - An Lăng: Ở phủ Kiến Xương.

Dân bị nạn đói.

Bấy giờ, mấy năm mất mùa, đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đi làm thầy chùa và làm gia nô cho các thế gia.

Ất Dậu, năm thứ 5 (1345). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 5).

Tháng 3, mùa xuân. Thi thái học sinh.

Phép thi: viết ám tả cổ văn và làm bài kinh nghĩa, thơ phú.

Lời cần án - Phép thi nhà Trần có bốn kỳ⁴, đây không nói đến kỳ thi văn sách, hoặc bảy giờ đổi lại hay là **Sử cũ** bỏ sót, sẽ đợi khảo sau.

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

¹ Xem thêm Chính biên, quyển IX, tờ 22.

² Trong sách Cương mục này chỉ chép "Đăng viên kiểm pháp quan" nhưng theo Toàn thư và mục "Quan chức chi" trong Lịch triều hiến chương đều chép "Đăng văn viện kiểm pháp quan", nên chúng tôi theo hai bộ sách dưới mà dịch là "Viện Đăng Văn".

³ Xem Chính biên, quyển IX, tờ 25-26.

⁴ Nguyên văn là "tứ trường".

Đại hạn từ tháng 4 đến mãi tháng 5. Nhà vua xuống chiếu xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ tội cho những người can phạm tội thường.

Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới cột đồng ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang Nguyên biện bạch việc này.

Lời chua - Cột đồng: Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (Tb. II, 12-14).

Phạm Sư Mạnh: Người huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Bính Tuất, năm thứ 6 (1346). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 6).

Ngày mồng một, tháng 2, mùa xuân. Nhật thực.

Sai sứ sang Chiêm Thành.

Chiêm Thành từ khi Bồ Đề tự lập làm chúa, không sang triều cống. Nhà vua sai Phạm Nguyên Hảng sang hỏi, bấy giờ Chiêm Thành lại sang cống, lễ vật rất là đơn bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Nước Ai Lao cướp ngoài biên giới. Nhà vua sai Bảo Uy vương là Hoàn đi đánh, phá tan được quân ấy.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Phạm Sư Mạnh giữ Bạ thư kiêm chức Xu mật tham chính.

Đinh Hợi, năm thứ 7 (1347). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 7).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Bảo Uy vương là Hoàn có tội; truất ra làm Phiêu Kỵ tướng quân ở Diễn Châu, rồi sai người giết đi.

Trước đây, thuyền buôn người nhà Tống sang, dâng một tấm vải "hỏa cán"¹, nhưng vẫn để dành làm của quý: sau đem may áo cho vua, nhưng vì hơi ngắn, nên xếp để ở kho nội phủ. Hoàn tư túi với cung nhân lấy trộm. Một hôm, Hoàn vào chầu, tâu việc ở trước mặt vua, cửa tay áo bị hở ra; Thượng hoàng trông thấy, lấy làm nghi, sai kiểm lại xem, quả nhiên cái áo cất khi trước đã mất rồi. Cung nhân lên ra đem áo ấy về dâng nộp. Thượng hoàng giận lắm, truất Hoàn ra ngoài biên trấn. Khi Hoàn đi đến sông Trinh Nữ, Thượng hoàng sai vũ sĩ chở chiếc thuyền nhỏ đuổi theo, giết đi.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tb. IV, 20).

Sông Trinh Nữ: Tức sông Vạn Nữ xưa, bây giờ ở địa giới huyện An Mô, tỉnh Ninh Bình.

Mậu Tý, năm thứ 8 (1348). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Đỗ Tử Bình làm thị giảng².

Tử Bình trước giữ chức ngự tiền học sinh, nay được bổ dụng chức này.

¹ Thứ vải chịu được lửa. Có nhiều thuyết:

- Vải hỏa cán lúc giặt phải dùng bằng lửa, khi ở trong lửa đem ra giữ đi, trông óng ánh như tuyết (Liệt Tử);
- Một thứ lá cây hoặc vỏ cây bị "lửa thiên nhiên" thiêu, nhưng không nát, người ta lấy lá ấy hoặc bóc lấy vỏ ấy ngâm đi dẹt thành vải cũng có thể giặt bằng lửa được (Bảo Phác Tử);
- Dệt bằng lông con Hoả thử (Chuột lửa) (Thập Châu Ký).
- Dệt bằng một thứ nhung đá ở núi Biệt Khiết Xích (Thú vật đi danh số).

² Một chức quan làm việc trong Viện Hàn lâm, có nhiệm vụ soạn thảo những chiếu, chế, cáo, chỉ của nhà vua.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Nước đến khi sắp mất, tất nhiên trời sinh ra một người để mà phá hoại. Việc Tử Bình được tiến cử, là lúc mỗi hấn khích ở biên giới Nhật Nam đã chớm nảy nở, cái nguy cơ tai họa của Duệ Tông đã ngấm ngấm phục sẵn¹, mà từ đó, dần dần gây ra mối suy sụp cho cơ nghiệp nhà Trần.

Lời chua - Tử Bình: Chưa rõ người ở đâu. Sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép: "Ở huyện Cổ Lan có vườn Tử Bình, trong vườn có mai, trúc, khe suối và hồ ao, là một chỗ thắng cảnh trong huyện để du thưởng". Như thế có lẽ Tử Bình là người huyện Cổ Lan? Huyện Cổ Lan tức là Đông Quan, nay thuộc tỉnh Nam Định².

Tháng 5, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 7, mùa thu. Nước to.

Kỷ Sửu năm thứ 9 (1349). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 9).

Tháng 5, mùa hạ. Nước Qua Oa sang cống.

Nước Qua Oa đem vật phẩm địa phương sang cống và dâng chim anh vũ biết nói.

Lời chua - Qua Oa: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

Tháng 10, mùa đông. Lập Trần Thị làm hoàng hậu.

Hậu là con gái Huệ Túc vương Đại Niên, nay lập thành Nghi Thánh hoàng hậu.

Ngày mồng một, tháng 11. Nhật thực.

Bắt đầu đặt chức Sát Hải sứ và Bình Hải quân ở Vân Đồn.

Trước kia, về thời nhà Lý, thuyền buôn của các nước ngoài đến nước ta, đều đi từ các cửa biển Diển Châu đi vào; đến nay, lòng sông cạn, thuyền buôn dời đến tụ tập ở hải trang³ Vân Đồn. Lúc ấy có nhiều người mò trộm ngọc trai bán cho thuyền buôn, vì thế đặt quan quân để trấn thủ địa phương này.

Lời chua - Vân Đồn: Tên trang, một địa điểm sản sinh ngọc trai. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chb. IV, 43).

¹ Xem thêm Chính biên quyển X, tờ 39-41, việc chúa Chiêm Thành dâng 10 mâm vàng, Đổ Tử Bình ăn chặn, trảm đi, lại tâu với Trần Duệ Tông là chúa Chiêm Thành ngạo mạn. Duệ Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành bị tử trận.

² Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

³ Tên gọi những nơi có phố xá buôn bán. Phẩm vật tập trung ở trang rồi mới tiêu thụ đi nơi khác.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ X

Từ Canh Dần, Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 10 (1350) đến Quý Hợi, Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 7 (1383), gồm 34 năm.

*

Canh Dần, năm [Thiệu Phong] thứ 10 (1350). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Người nhà Nguyên là Đinh Bàn Đức sang quy phụ nước ta.

Khi bấy giờ, nước Nguyên loạn, bốn phương giặc cướp như ong, các quan lại không thể chế trị được. Có người phường trò, tên là Đinh Bàn Đức, đem cả gia quyến sang quy phụ ta, được nhà vua dung nạp. Nước ta có trò leo dây bắt đầu từ đây.

Tân Mão, năm thứ 11 (1351). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Châu Thái Nguyên và lộ Lạng Giang giặc cướp nổi dậy. Dẹp yên ngay.

Lời chua - Châu Thái Nguyên: Bây giờ là tỉnh Thái Nguyên.

Lộ Lạng Giang: Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Cả hai, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19-20, 31-32).

Ngày mồng một, tháng năm, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Dùng Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Làng Thiên Cương có người con gái hóa ra con trai.

Lời chua - Thiên Cương: Tên làng (hương), thuộc Nghệ An.

Tên Trâu Canh có tội, được tha, không trừng trị.

Trâu Canh, là con trai Trâu Tôn, người nhà Nguyên. Khoảng năm Nguyên Phong (1251-1257), quân Nguyên vào lấn cướp, Trâu Tôn đi tòng quân sang nước ta. Khi giặc Nguyên thua, Tôn bị bắt. Vì biết nghề làm thuốc, Tôn được tha. Trâu Canh nối nghiệp cha, cũng do nghề làm thuốc mà nổi tiếng. Khi nhà vua mới lên bốn tuổi, đêm tết Trung thu, đi thuyền chơi Hồ Tây, bị ngã xuống nước, người ta vớt được ở chỗ bờ đập chắn nước để đơm cá thì đã gần tắt hơi. Thượng hoàng sai Trâu Canh chữa thuốc. Trâu Canh nói rằng dùng lối châm cứu thì sống lại được, nhưng chỉ sợ liệt dương thôi. Châm cứu rồi, quả nhiên như thế. Từ đó người ta khen Trâu Canh là tay thầy thuốc thần diệu. Canh được thăng dần lên tước quan phục hầu, kiêm Thái y sứ. Đến khi nhà vua đã lớn, Canh lại dâng bài thuốc thì chứng liệt dương liền khỏi. Canh càng được nhà vua cưng chiều đặc biệt, cho ngày đêm được hầu thuốc thang ở trong cung. Canh, do đó, tư thông với cung nữ. Việc bị phát giác. Thượng hoàng muốn khép Canh vào tội tử hình, nhưng nhà vua cho Canh là người có công, nên tha tội cho.

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập Nội Hành Khiển, vẫn cứ giữ việc Xu mật viện.

Tháng 11, mùa đông. Điểm duyệt cấm quân ở điện Thiên An.

Nhà vua ngự ở điện Thiên An để duyệt cấm quân, cho Nguyễn Trung Ngạn mặc áo chiến bào, đội khăn quan võ, đeo cái nghiên thành gỗ vuông bốn cạnh và thép vàng (lăng kim nghiên), đi duyệt binh, nhật xét kẻ hơn, người kém.

Lời chua - Cái nghiên...: Làm bằng mảnh gỗ vuông bốn cạnh và thếp vàng, nên gọi là "lăng kim nghiên"; đeo vào đai lưng, để tiện việc ghi chép.

Nhâm Thìn, năm thứ mười hai (1352). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Người Chiêm Thành là Chế Mỗ chạy sang ta.

Trước kia, vua Chiêm Thành là Chế A Nan khi còn sống, con là Chế Mỗ làm bố điền¹, con rể là Trà Hoà Bồ Để làm bố đễ², hễ Bồ Để nói câu gì hoặc bàn kế gì, chúa Chiêm cũng đều nghe theo. Khi nào Chế Mỗ phải quở trách, Bồ Để lại liệu bài gỡ cho. Bề ngoài Bồ Để làm ra thân thiết với Chế Mỗ, nhưng bề trong thì ngầm gây bè đảng, mua chuộc người trong nước, thế mà Chế Mỗ vẫn không biết. Kịp lúc A Nam mất rồi, người trong nước không theo Chế Mỗ. Bồ Để mới đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Đến đây Chế Mỗ chạy sang ta, dâng một con ngựa bạch, một con voi trắng, một con kiến càn khổng lồ, dài một thước chín tấc³ và các đồ sản vật địa phương, cầu xin dung nạp.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức là Lâm ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Bố Điền: Nghĩa là Đại vương.

Bố Đề: Nghĩa là tể tướng.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Nước lên to, vỡ đê Bát, Khối, lúa má bị ngập; Khoái Châu, Hồng Châu và phủ Thuận An bị thiệt hại hơn cả.

Lời chua - Bát: Bát Tràng; Khối: Thổ Khối, tên hai xã, bây giờ thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 32).

Thuận An: Tên phủ, bây giờ là Thuận Thành, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Quý Tị, năm thứ 13 (1353). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho các vương hầu chế tạo chiến cụ, rèn luyện quân sĩ.

Dùng Cung Định vương Phủ làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 6, mùa hạ. Dùng quân đội đưa Chế Mỗ về nước Chiêm Thành, không được, phải rút về.

Trước kia, Hưng Hiếu vương vào trấn giữ Hóa Châu, Chế Mỗ mất ngôi vua, chạy sang nước ta, lâu mãi chưa xin được đưa về để lấy lại quyền vị, nhân đó mới kể cho Tước Tê nghe một câu chuyện cổ tích Chiêm Thành: "Xưa có một vua, nuôi một con khỉ lớn, rất yêu thích nó, muốn dạy cho nó học nói, bèn tìm khắp lấy người khéo nuôi dạy nó thì cho muôn nén vàng. Có một người tình nguyện xin nuôi dạy con khỉ ấy. Nhà vua lấy làm mừng. Người kia nói: Mỗi tháng phí tổn tiền thuốc đến trăm nén vàng, trong ba năm mới có công hiệu. Vua theo như lời. Người này có lẽ có ý cho rằng ông vua với mình và con khỉ kia, trong vòng ba năm chắc có một sẽ chết, nhưng hẳn hãy được hưởng số vàng của vua mà chẳng lo công việc có thành hay không nữa. Chế Mỗ tới nay theo về với chúa thượng là thực bởi Hưng Hiếu vương chủ trương đấy; vậy mà tháng lại ngày qua, nay lần mai nữa, chưa biết bao giờ được về! Ấy, việc này

¹ Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

² -nt-

³ Thước cổ.

cũng chẳng khác gì câu chuyện cổ tích kia". Bấy giờ nhà vua mới sai đưa Chế Mỗ về nước. Bộ binh đến Cổ Lũy, thủy quân tải lương không kịp, bèn trở về. Chế Mỗ ở lại nước ta, chưa được bao lâu thì chết.

Lời chua - Tước Tê: Họ và tên người. Tước Tê là một bầy tôi hạ cấp của Trần Minh Tông, vẫn hay đi lại với Chế Mỗ.

Cổ Lũy: Xưa là địa phận quận Nhật Nam; từ đời Đường trở về sau là đất Chiêm Thành; nhà nhuận Hồ¹ lấy đất ấy đặt làm châu Tư và châu Nghĩa; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Tư Nghĩa; bây giờ là tỉnh Quảng Ngãi.

Hóa Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chb. I, 28).

Dùng Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tả tướng quốc.

Tháng 9, mùa thu. Nước Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu. Quan quân đi đánh, bắt lợi. Nhà vua sai Trương Hán Siêu quản lĩnh quân đội, trấn giữ Hóa Châu.

Vua nước Chiêm là Bồ Đề thấy việc đưa Chế Mỗ về không thành, lại càng kiêu rông ngang ngạnh, liền vào lấn cướp đất Hóa Châu. Quan quân đi đánh, bắt lợi. Nhà vua vời Hán Siêu để bàn mưu. Hán Siêu thưa rằng: "Vi không nghe lời tôi nói, nên đến nỗi thế". Bấy giờ vua mới sai Hán Siêu quản lĩnh các quân Thần Sách, đi trấn thủ Hóa Châu.

Lời cần án - Về việc đối với Chiêm Thành, Hán Siêu mưu tính thế nào, Sử bỏ không chép, nay không thể khảo được.

Giáp Ngọ, năm thứ 14 (1354). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 14).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Ở Lạng Châu và Nam Sách, giặc cướp nổi dậy.

Năm bấy giờ đói kém. Dân gian khổ về giặc cướp. Có kẻ tên là Tê, tự xưng là cháu ngoại Hưng Đạo đại vương, tụ họp những kẻ đi trốn trong số các gia nô của các nhà vương hầu, nổi lên làm giặc cướp, cướp bóc các vùng Lạng Giang và Nam Sách

Lời chua - Lạng Châu: Bây giờ là tỉnh Lạng Sơn. Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb. I, 14).

Nam Sách tức là Nam Sách. Xem ngang đời nhà Tấn, Tê vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Tháng 9, mùa thu. Có nạn sâu cắn lúa. Xướng chiếu xá một nửa thuế ruộng.

Tháng 11, mùa đông. Có con hổ đen xuất hiện ở trong thành.

Tham tri chính sự Trương Hán Siêu mất.

Hán Siêu là người chính trực, hay bài bác dị đoan, có tài làm văn. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy, chứ không gọi tên. Nhưng ông hay khinh bỉ các bạn đồng liệt², không chịu giao du, chỉ chơi với bọn trung quan³ và y quan⁴, đều là những kẻ không phải đồng điều với mình. Tông chính Thái Khanh Lê Cư Nhân thường gọi ông là "thôn cầu cước"⁵, ý nói người thôn quê đá cầu không trúng mảy, để ví với Hán Siêu liệu tính công việc có nhiều điều không thích đáng. Do chức tham tri chính sự, ông vào trấn ở Hóa Châu:

¹ Cũng như nguy Hồ hoặc nghịch Hồ (chỉ cha con Hồ Quý Ly). Nhà Hồ không được kể là chính thống, theo quan điểm sử gia phong kiến.

² Những người làm quan cùng hàng với mình.

³ Chỉ các hoạn quan.

⁴ Những thầy thuốc làm việc ở tòa Thái y.

⁵ Chân đá cầu "nhà quê" (dịch theo giọng của Lê Cư Nhân).

nơi biên giới lại được yên ổn. Đến đây, ông xin về, nhà vua y cho. Chưa đến kinh đô, ông mất, được tặng phong Thái Bảo.

Ất Mùi, năm thứ 15 (1355). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Núi Kính Chủ lở.

Lời chua - Kính Chủ: Xưa gọi là Thánh Chúa, ở xã Kính Chủ, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương.

Động đất.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 6, mùa hạ.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 9. Sét đánh cổng Triều Nguyên và cửa nách hai bên tả, hữu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Tháng 8 đã là mùa không có sấm, thế mà ở đây tháng 9 hầy còn sét đánh, và sét đánh có phải một chỗ đâu, thực là một sự lạ lắm! Trần Dụ Tông lên ngôi đến đây mới 15 năm, đã sáu lần nhật thực, ba lần thủy tai, ba lần hạn hán, một lần sâu cắn lúa, lại luôn năm mất mùa đói kém. Đến đây, từ mùa xuân đến mùa thu, nào là núi lở, nào đất động, không tháng nào không có tai biến! Ý chừng lòng trời phạt tội đại ác đại dâm, răn mằm biếng nhác chính sự. Thế mà trong đám cha con vua tôi vẫn cứ nhờn nhờn không hề lo âu: kẻ trên thì không chịu thật lòng xét mình, kẻ dưới thì không có mưu chước gì để cứu đời giúp nước; coi thường điềm trời mà không biết sợ, khinh bỏ việc người mà không lo toan! Qua năm sau, Trần Minh Tông mất, Dụ Tông rông rỡ chơi bời; giặc cướp từng đàn nổi lên, xui nên vận hội không thịnh đạt nữa, rồi ngôi báu nhà Trần suýt mất vào tay phường trò họ Dương! Đạo trời nào có xa đâu?

Lời chua - Cổng Triều Nguyên: Tức là cổng chòi ở trước điện Thiên An.

Dùng Nguyễn Trung Ngạn làm nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật, kiêm tri Xu Mật viện sự, sung Kinh Diên đại học sĩ trụ quốc khai huyệt bá.

Trung Ngạn giữ chức trọng yếu, bảo toàn được tiếng tốt, nhưng tính hay khoe khoang, có làm bài thơ đại ý nói: Giới Hiên¹ tiên sinh là bậc có tài tế phụ, tuổi trẻ đã có chí khí hăng hái như con cọp non nhăm nhăm chực nuốt tươi trâu. Mười hai tuổi đỗ thái học sinh; mười sáu tuổi vào thi đình; hai mươi bốn tuổi làm quan đài gián giữ việc can ngăn vua, hai mươi sáu tuổi đi sứ Yên Kinh². Đến đây, Trung Ngạn được cất lên giữ chức trong chính phủ; khi mất, 82 tuổi, có Giới Hiên thi tập lưu hành ở đời.

Lời cần án - Trung Ngạn là bậc đại thần, theo thể lệ của Cương mục (Trung Quốc), thì lúc mất, được chép vào sử, nhưng Sử cũ bỏ sót không chép, mà nay không biết rõ Trung Ngạn chết vào bao giờ, vậy xin chép phụ vào đây.

Bính Thân, năm thứ 16 (1356). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 16).

Tháng 3, mùa xuân. Hai mặt trời rập rờn nhau.

Nhà vua rước Thượng hoàng đi tuần nơi biên giới, đến Nghệ An. Tháng 5, mùa hạ, trở về cung.

Tháng 8, mùa thu. Thượng hoàng se mình.

Thượng hoàng đến chơi đền Huệ Vũ Vương Quốc Trấn; lúc trở về, có con ong vàng đốt phải má bên tả, do đó năm bệnh.

Lời chua - Đền Quốc Trấn: Ở núi Kiệt Đặc, huyện Chí Linh³ bây giờ vẫn còn.

¹ Tên tự của Nguyễn Trung Ngạn.

² Tức Bắc Kinh Trung Quốc ngày nay.

³ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đinh Dậu, năm thứ 17 (1357). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 17).**Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng mất.**

Trước kia, Thượng hoàng là con vợ thứ lên nối ngôi, rồi người đích mẫu là Bảo Từ thái hậu sinh được người con trai, Thượng hoàng hờn hờ, có ý muốn trả lại ngôi vua cho con của đích mẫu. Khi bấy giờ Anh Tông vắng mặt vì đang đi tuần ở nơi biên giới, gặp ngày đầy tuổi tôi của người con đích mẫu ấy, Thượng hoàng sai làm theo lễ đầy năm của thái tử, các quan lấy làm khó nghĩ. Thượng hoàng nói rằng: "Cứ phải lễ mà làm, việc gì mà khó nghĩ?". Được một năm nữa, người con đích mẫu ấy chết, Thượng hoàng thương tiếc một cách quá đặc biệt.

Thượng hoàng thường dạy các hoàng tử rằng: "Ai mà trì khu làm giàu, co cò bóp sén, thì không phải là con ta. Thà rằng hào phóng mà phải nghèo, dầu không khỏi túng thiếu đấy thật, nhưng vẫn không phi tiếng là con nhà sang".

Thượng hoàng lại thường nói: "Ông vua dùng người, không phải có thiên vị với ai đâu. Nếu ta thực là người hiền, thì những người mình dùng được cũng hiền; ấy như Nghê, Thuấn với Tắc, Tiết, Quy, Long đấy. Nếu như không phải là người hiền, thì những người mình dùng cũng không phải là hiền; ấy như Kiệt, Trụ với Phi Liêm, Ác Lai đấy. Đó là cái lẽ thanh ứng khí cầu, loài nào đi thứ ấy, chứ có tây vị ai được đâu?".

Khi ngài se mình, có người xin dâng thuốc và cầu cúng, Thượng hoàng đều từ chối cả. Nhân bấy giờ các hoàng tử đang ngồi hầu ở bên, ngài phán bảo: "Cứ xem việc làm của cổ nhân, điều hay thì bắt chước, điều dở thì tránh xa, chứ cần gì phải phiền cha phải dạy bảo?". Khi bệnh kịch, ngài sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo những thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn chần chừ. Ngài dụ bảo rằng: "Các vật đáng tiếc còn không tiếc được thay, huống chi những thơ ấy còn tiếc làm gì!".

Thượng hoàng mất ở cung Bảo Nguyên. Tên thụy là Chương Nghê Văn Triết hoàng đế, miếu hiệu là Minh Tông, ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi.

Lời phê - Thiên lệch một chiều¹.

Lời bàn của Phan Phu Tiên - Minh Tông có tư chất nhân hậu, nổi nghiệp thái bình, không thay đổi phép tắc của ông cha đã định. Khi bấy giờ có người học trò dâng sớ nói rằng: "Dân gian nhiều kẻ du thủ du thực, đến tuổi già vẫn không có tên trong sổ hộ, mà lại không đóng góp phú thuế và sưu dịch". Ngài bảo: "Nếu không như thế thì sao gọi là cảnh đời thái bình? Nhà ngươi lại muốn ta bắt chúng nó làm nên trò trống gì nữa!". Triều thần là Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh đều muốn thay đổi chế độ. Ngài nói: "Nước nhà đã có nền nếp sẵn rồi, nếu nghe mưu kế muốn cho lời mình được đặt của bạch diện thư sinh² kia thì sẽ sinh rồi ren đấy!". Có điều đáng tiếc là ngài nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc Trấn: đó là một điều làm vấp cho trí thông minh của ngài.

Tháng 4, mùa hạ. Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín vương.**Đào sông ở Nghệ An và Thanh Hóa.**

Lời chua - Nghệ An, Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20-23).

Tháng 9, mùa thu. Tôn Huệ Từ thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Huệ Từ là mẹ Dụ Tông. Tôn mẹ làm thái hoàng thái hậu, ấy là điển lễ ở đâu? Không biết kê cứu lễ xưa đến thế là cùng! Vậy mà các nho thần ở triều đình bấy giờ không có một ai nói đến, là cố sao?

Tháng 11, mùa đông. Táng [Minh Tông] ở Mọc lẳng.

¹ Chỉ việc Trần Minh Tông khuyên các con không nên trì khu làm giàu.

² Chỉ Lê Bá Quát và Phạm Sư Mạnh. Vì không những Trần Minh Tông đã gọi họ là "bạch diện thư sinh", mà đến sau đây, Trần Nghệ Tông cũng gọi bọn làm quan ở khoảng niên hiệu Đại Trị (1358-1369) là "bạch diện thư sinh" (Tòan thư VII, 33).

Lời chua - Mục lảng: Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều¹.

Đói lớn.

Liên mấy năm nay, luôn bị mất mùa, đói kém, một thưng gạo trị giá một tiền.

Mậu Tuất, năm Đại Trị thứ 1 (1358). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tặng Huệ Vũ vương Quốc Trấn làm đại vương.

Tháng 3. Hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu.

Tháng 8. Hạ chiếu cho nhà giàu các lộ bỏ thóc ra phát chẩn cho dân nghèo.

Luôn năm đói kém, lắm người nghèo túng. Nhà vua hạ chiếu cho các quan sở tại khuyên những nhà giàu phát thóc ra để chẩn cấp cho dân, nhưng vẫn trị giá mà trả tiền.

Dùng Phạm Sư Mạnh làm nhập nội Hành khiển, giữ việc viện Xu Mật.

Ngô Bệ lại tụ họp quân gia làm phản.

Ngô Bệ, sau khi tan tác trốn tránh, lại thu lượm những quân còn sót lại, tụ tập ở núi Yên Phụ, kéo lá cờ lớn ở trên núi, tiếm xưng ngụy hiệu, yết bảng rằng để "cứu tế dân nghèo"². Từ xã Thiên Liâu đến huyện Chí Linh, Bệ đều chiếm giữ được cả.

Lời chua - Núi Yên Phụ: Xem Thiệu Phong năm thứ 4 (Chb. IX, 43).

Thiên Liâu: Tên xã.

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Tháng 11, mùa đông. Hạ chiếu cho An Phủ sứ các lộ đem Phong Đoàn quân đi càn bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1359). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Nguyên.

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn. Thái Tổ nhà Minh khởi binh ở Trừ Châu, rồi chiếm giữ cả đất Kim Lăng, bọn Trần Hữu Lượng và Trương Sĩ Thành cũng đều dấy binh nổi loạn, đánh phá tranh giành lẫn nhau, được thua chưa ngã ngũ. Nhà vua sai Lê Kính Phu sang bên Nguyên, chừng có ý để thăm dò hư thực.

Tháng 4, mùa hạ. Huy Tư hoàng thái phi mất. Truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu.

Lời cần án - Bà Huy Tư là mẹ đẻ vua Minh Tông; đến đây, vẫn còn gọi là thái phi, đến lúc mất chỉ được tôn làm hoàng thái hậu! Nhà Trần làm việc phần nhiều trái lễ đại loại như thế, hay là **Sử cũ** sơ sót chẳng, đợi sẽ khảo sau.

Tháng 7, mùa thu. Cho Đỗ Tử Bình giữ việc viện Xu Mật.

Tháng 8. Mưa to, nước ngập.

Luôn nhiều ngày mưa to, nước đầy, tràn ngập, làm trôi cả cửa nhà của cư dân, lúa má đều ngập mất.

Canh Tí, năm thứ 3 (1360). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Đúc tiền "Đại Trị thông bảo".

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

¹ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

² Nguyên văn là: Yết bảng viết "chẩn cứu bần dân".

Quan quân lùng bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Ngô Bệ trốn chạy, muốn về kinh đô để ra thú, nhưng bị quan quân bắt được luôn với đồ đảng Bệ 30 người, đều bị đóng cũi giải về kinh, chém chết cả.

Ngày mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Tháng 12, mùa đông. Sai cấm quân đi tuần, lùng bắt những giặc cướp ở các lộ.

Nhà vua hạ chiếu: phạm gia nô các nhà vương, hầu và công chúa đều phải có thích chữ ở trán theo "phẩm hàm" của mình¹ và phải kê khai vào sổ hộ tịch. Nếu ai không thích chữ và khai sổ thì là hạng trộm cướp. Hễ bắt được, kẻ lớn thì trị tội; người bé thì sung công. Đó là vì cơ gia nô các nhà vương, hầu và công chúa bấy giờ phần nhiều trốn đi làm giặc cướp.

Lời chua - Theo chế độ nhà Trần, phạm hạng gia nô sau đây đều có chữ thích vào trán: Thích chữ "Quan trung khách", ấy là gia nô các nhà quan; thích chữ "Toạ thượng nô", ấy là người hầu cận của nhà vua; còn thì không thích chữ gì cả.

Tân Sửu, năm thứ 4 (1361). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi mọc ở phương đông bắc.

Nhà vua lánh, không ngự ở toà Chính Điện².

Tháng 3. Chiêm Thành vào cướp phủ Lâm Bình. Quan quân đánh bại được địch.

Chiêm Thành vượt biển đến lấn cướp cửa Dĩ Lý phủ Lâm Bình. Quan quân đi đánh, địch thua chạy. Triều đình dùng Phạm A Song làm tri phủ Lâm Bình để trấn giữ đất ấy.

Lời chua - Lâm Bình: Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Cửa biển Dĩ Lý: Bấy giờ là xã Lý Hoà, huyện Bồ Trạch³.

Nhâm Dần, năm thứ 5 (1362). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Ra lệnh bảo các nhà vương, hầu và công chúa cho diễn các trò tạp hí để dâng vua coi.

Hồi đầu niên hiệu Thiệu Bảo (1279-1284), quan quân đánh phá quân Nguyên, bắt được vai kép Lý Nguyên Cát là người ca hay, hát giỏi. Rồi những nữ tì ít tuổi ở các nhà quyền quý đua nhau học hát theo lối Bắc (Trung Quốc). Nguyên Cát làm trò cổ tích, có những tích như "Tây vương mẫu dâng bàn đào", v.v... Khi diễn có đến 12 người đóng các vai. Ai nấy đều mặc bào gấm, áo thêu, kẻ đánh trống, người thổi kèn, thay đổi nhau mà tấu khúc. Người xem, lúc vui mừng, lúc thương buồn, cảm động tùy theo từng quãng trong truyện cổ tích. Nước ta có lối trò cổ tích bắt đầu từ đây. Đến đây, nhà vua bảo các vương hầu cho làm trò để dâng vua xem, rồi nhà vua nhận định đám nào biểu diễn tội hơn thì ban thưởng.

Nhà vua lại chiêu tập những nhà giàu trong nước, như người làng Đình Bảng ở Bắc Giang⁴, người Nga Đình ở Quốc Oai⁵, vào cung đánh bạc, mỗi tiếng bạc ăn thua đến 300 quan tiền.

Lại sai các tư nô ra khai khẩn ở bờ bên bắc sông Tô Lịch, để trồng hành, tỏi và các thứ rau; gọi chỗ phường ấy là "Toán viên" (vườn Tỏi)¹.

¹ Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

² Tô ý khiêm tốn khi gặp điềm gỡ là có sao chổi.

³ Thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁴ Nay là xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

⁵ Xem Lời chua của Cương mục.

Nhà vua còn sai làm quạt để bán cho dân nữa.

Lời bàn của Ngô [Thì] Sĩ - Trần Minh Tông đã từng răn con về sự bủn xỉn làm giàu, thế mà Trần Dụ Tông công nhiên gá bạc để vét tiền, bán rau để kiếm lợi, một mai cơ đồ về tay con người phường trò họ Dương thì số tiền Đình Bảng, Nga Đình thua bạc và món lời vườn rau, quạt giấy bán đắt kia phỏng có làm gì!

Lời chua - Bắc Giang: Tức là Kinh Bắc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18-19, 28-29).

Quốc Oai: Tên phủ, bây giờ thuộc tỉnh Sơn Tây.

Đình Bảng, Nga Đình: Tên hai làng (hương); ở đây nhiều nhà giàu.

Sông Tô Lịch: Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31, 32).

Tháng 2, sao Chối mọc ở phương bắc.

Tháng 5, mùa hạ. Sai Đỗ Tử Bình điếm duyệt quân đội ở Lâm Bình và Thuận Hóa, sửa đắp thành Hoá Châu.

Vì có người Chiêm Thành nhiều lần thường vào lấn cướp.

Tháng 5. Sét đánh điện Thiên An.

Tháng này (tháng 5) hạn hán đến mãi tháng 7, mùa thu. Lục xét các tù phạm. Mưa to. Xuống chiếu miễn một nửa thuế đinh, thuế điền năm nay.

Tháng 8. Dùng Phạm Sư Mạnh giữ việc viện Xu Mật.

Đói lớn. Nhà vua xuống chiếu cho các nhà giàu quyên thóc, phát chẩn cho dân nghèo, rồi ban cho phẩm tước có tầng bậc khác nhau.

Tháng 9. Phủ Thiên Trường có bệnh dịch. Nhà vua xuống chiếu bảo đem thuốc, tiền và gạo của nhà nước chẩn cấp cho dân nghèo.

Nhà vua về chơi phủ Thiên Trường, gặp khi dân gian có bệnh dịch, bèn xuống chiếu phát cho nhà nghèo mỗi người: thuốc hai viên, tiền hai tiền² và gạo hai thưng.

Tháng 10, mùa đông. Núi Thiên Kiện lở.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Có tên nữa là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội bây giờ³.

Tháng 12. Dùng Đỗ Tử Bình làm đông tri Môn Hạ Bình Chương Sự.

Quý Mão, năm thứ 6 (1363). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Tuyển lựa dân đinh bổ sung vào quân đội các lộ.

Tháng 3. Thi nho sĩ và lại viên.

Thi nho sĩ lựa lấy những người giỏi văn nghệ để bổ vào nơi quán, các⁴. Thi lại viên kén lấy những người viết tốt và giỏi toán để sung vào làm thuộc lại ở các sảnh¹, các viện².

¹ Nay là phường Láng Thượng và phường Láng Hạ thuộc quận Đống Đa, Hà Nội, chuyên nghề trồng rau, trong đó có thứ húng Láng là nổi tiếng nhất.

² Đơn vị trong một quan tiền, mỗi quan gồm có mười tiền.

³ Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

⁴ Theo "Quan chức chi" trong Lịch triều hiến chương, thì quán, các là những cơ quan trọng yếu của nhà nước phong kiến, như Lục Bộ (bộ Lại, bộ Binh, bộ Lễ, bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ) và Tông Chính Phủ (tức là Tông Nhân phủ, trông coi công việc thuộc về hoàng tộc).

Tháng 10, mùa đông. Sửa sang vườn Hậu Uyển.

Đào hồ lớn ở vườn ngự nơi hậu cung, trong hồ chất đá làm núi, bên bờ hồ trồng thông, trúc và nhiều thứ cây khác, thêm vào đấy nào là cỏ lạ, nào hoa thơm, nào muông kỳ, nào chim quý. Bồn mặt khai sông cho nước thông vào, gọi hồ ấy là Lạc Thanh Trì. Về phía Tây hồ này trồng hai cây quế, dựng một tòa điện gọi là điện Lạc Thanh. Lại đào một cái hồ nhỏ khác, bắt người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào hồ ấy, để nuôi các hải sản như đồi mồi, cá biển và loại ba ba. Rồi bắt người Hoá Châu chở cá sấu thả vào đấy. Lại có hồ Thanh Ngự để nuôi cá thanh phụng³. Mọi thứ trên đây đều do chức khách đô được nhà vua đặt ra để coi giữ.

Lại làm dãy khách lang ở Tây Điện thẳng đến cửa Hoàng Phúc, dựng một dãy trường lang từ gác Nguyên Huyền thẳng đến cửa Đại Triều phía Tây. Nay xây cất, mai tu tạo, không lúc nào ngớt việc.

Lời chua - Thanh phụng: Cá giếc, đuôi đỏ, vảy biếc.

Giáp Thìn, năm thứ 7 (1364). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 24).

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua bị bệnh.

Nhà vua buông tuồng chơi bời vô độ. Tính nghiện rượu, thường với quan chính chưởng phụng ngự ở cung Vĩnh An là Bùi Khoan đến cùng uống rượu. Bùi Khoan dùng kế giả vờ uống hết trăm thưng rượu, được thưởng tước hai tư⁴. Nha vua nhân lúc quá say, ra sông tắm, do đấy bị bệnh; sai bọn Trâu Canh ngày đêm hầu hạ thuốc thang, dần lại lành mạnh.

Lời phê - Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga và tường vách chạm trổ, lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?

Tháng 8, mùa thu. Sắp xếp quân đội.

Tuyển lựa dân đinh lấy những người khoẻ mạnh, đặt làm ba hạng quân, sai sửa chiến cụ và chiến thuyền, để phòng ngừa hoạn nạn do ngoài biên giới gây ra.

Tháng 10, mùa đông. Cung Túc vương Nguyên Dục mất.

Ất Tị, năm thứ 8 (1365). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 25).

Tháng giêng, mùa xuân. Chiêm Thành cướp bắt dân Hoá Châu.

Tục ở Hóa Châu, hàng năm, cứ đến đầu xuân, mở hội nam nữ đánh đu ở đất Bà Dương. Người nước Chiêm Thành, từ tháng chạp năm trước, đã ngầm mai phục ở nơi đầu nguồn, rình lúc không ngờ, ập ra cướp bắt lấy người.

Tháng 11, mùa đông. Sai phòng ngự sứ ở Lạng Giang là Thiều Thốn quản lĩnh quân đội trấn thủ biên giới miền Bắc.

Khi bấy giờ, nhà Nguyên đang loạn, dân nơi biên giới náo động hoang mang, cho nên nhà vua sai Thiều Thốn đem các quân Sơn Lạp⁵ ở Lạng Giang đi phòng giữ một cách nghiêm ngặt. Thiều Thốn khéo phủ dụ quân sĩ. Trong đám quân sĩ ai cũng vui lòng. Sau, vì có người em kiêu ngạo, kiệt kiệt, Thiều Thốn phải tội lây, bị cách chức. Trong đám quân sĩ vì Thiều Thốn mà đặt câu này: "Trời không thấu oan,

¹ Như Thượng thư sảnh, Môn Hạ sảnh (theo Lịch triều hiến chương).

² Như Nội Xu Mật viện, Hàn Lâm viện, Thăm Hình viện, Quốc Sử viện, Quốc Tử giám, Thái Y viện và Thái Chúc viện (theo Lịch triều hiến chương).

³ Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

⁴ Cũng như một thứ điểm mà các triều đại phong kiến xưa dùng để ghi thưởng hay ghi phạt các quan lại. Khi thưởng thì ban cho một hay nhiều tư; khi phạt thì giáng xuống một hay nhiều tư. Rồi đến cuối khóa một hạn là ba hay sáu năm, bấy giờ mới tính cộng số tư thưởng hoặc trừ số tư phạt, còn lại bao nhiêu, sẽ căn cứ vào đó mà thăng hay giáng.

⁵ Người Lạp ở miền núi.

ông Thiệu mất quan!". Kịp khi Thiệu Thốn sửa hành trang để về, họ lại đặt ra câu này: "Ông Thiệu ra về, lòng tôi tái tê!". Triều đình nghe biết việc ấy, lại cho Thiệu Thốn khai phục quan chức. Họ lại có câu rằng: "Trời đã thấu oan, ông Thiệu lại được làm quan". Không bao lâu, Thiệu Thốn chết.

Lời chua - Thiệu Thốn: Người làng Triệu Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bính Ngọ, năm thứ 9 (1366). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Chiêm Thành lại lần cướp phủ Lâm Bình. Tri phủ là Phạm A Song đánh phá được địch. A Song được lên chức Đại Tri phủ Hành Quân Thủ Ngự sứ ở Lâm Bình.

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua đến chơi làng (hương) Mễ Sở.

Nhà vua đi chiếc thuyền nhỏ, đêm đến chơi nhà riêng của thiếu úy Trần Ngô Lang, nửa đêm đi về, khi đến bãi Chử Gia, bị kẻ trộm lấy mất cả ấn báu và gươm báu. Tự biết là điếm chướng lành, nhà vua lại càng buông thả ăn chơi dâm dật.

Lời chua - Làng Mễ Sở: Bây giờ thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

Bãi Chử Gia: Bây giờ là bãi Chử Xá, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Đinh Mùi, năm thứ 10 (1367). (Nguyên, năm Chí Chính thứ 27).

Tháng 12, mùa đông. Sai Trần Thế Hưng và Đỗ Tử bình đi đánh Chiêm Thành, bị thua.

Thế Hưng làm thống quân, Tử Bình làm phó, kéo quân đến Chiêm Động. Người Chiêm đặt quân mai phục, ập ra đánh: quan quân tan vỡ nặng nề. Thế Hưng bị giặc bắt; Tử Bình rút về.

Lời chua - Chiêm Động: Xưa là đất quận Nhật Nam; từ nhà Đường trở về sau là đất Chiêm Thành. Hồ Hán Thương lấy đất này, đặt làm châu Thăng và châu Hoa; nhà Lê hợp lại làm một, gọi là phủ Thăng Hoa, tức là phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bây giờ.

Dùng Cung Định vương Phủ làm tả tướng quốc, gia phong đại vương.

Mậu Thân, năm thứ 11 (1368). (Minh, Thái tổ, năm Hồng Vũ thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao Chổi mọc ở phạm sao Mão.

Tháng 2. Sứ Chiêm Thành đến.

Vua nước Chiêm Thành sai bày tội là Mục Bà Ma sang đòi đất cũ Hóa Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang tạ. Tháng 8, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Minh Thái Tổ đã đại định thiên hạ, lên ngôi vua ở Kim Lăng, sai tri phủ Hán Dương là Dịch Thế Dân đem tờ chiếu thư sang tạ. Đại lược nói: "Chính sự nhà Nguyên không còn kỷ cương gì nữa. Thiên hạ nổi lên tranh giành đến 15 năm. Các nơi xa gần, do đấy, tin tức không thông. Bản triều¹ gây dựng cơ nghiệp để vương ở Giang Tả², quét sạch các hùng trưởng, dẹp yên chốn hoa hạ, được quần thần và nhân dân suy tôn, đã lên làm chủ Trung Quốc. Vậy đâu đấy đều nên ở yên, đừng sinh sự gì để chung hưởng hạnh phúc thái bình". Nhà vua liền sai Lễ Bộ thị lang, Đào Văn Địch, sang Minh đáp lễ.

Tháng 11, mùa đông. Vời đạo sĩ Huyền Vân ở Chí Linh đến Kinh Đô.

Huyền Vân tu ở núi Yên Tử, huyện Chí Linh. Nhà vua cho vời đến triều đình, để hỏi về phép tu luyện, đặt tên cho chỗ đạo sĩ ở là động Huyền Thiên.

Lời chua - Chí Linh: Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

¹ Chỉ nhà Minh (1368-1662).

² Miền đấy từ Trường Giang trở về phía đông, tức là các xứ Giang Tô (Trung Quốc) ngày nay.

Núi Yên Tử: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Kỷ Dậu, năm thứ 12 (1369). (Tháng 6 trở về sau thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 2).

Ngày mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Nhà vua mất. Tháng 6. Huệ Từ thái hậu lập Dương Nhật Lễ làm vua.

Trước kia, người phường trò, tên là Dương Khương, diễn tích Tây vương mẫu dâng quả bàn đào, vợ hãm đóng vai Tây vương mẫu. Cung Túc vương Nguyên Dục cảm nàng đẹp, lấy làm vợ. Khi ấy nàng đang có mang; rồi sinh ra Nhật Lễ. Nguyên Dục nhận làm con mình. Kịp khi Dụ Tông mất, không có con kế tự, có để di chiếu cho Nhật Lễ nối ngôi. Quần thần bàn rằng: "Cung Định vương Phủ là người rất hiền, nhưng anh không lẽ lại kế tự em". Thái hậu bảo quần thần: "Nguyên Dục là con trưởng ngành đích, không được làm vua, mà lại mất sớm¹; vậy Nhật Lễ chẳng phải là con của Nguyên Dục dư?". Bèn đón lập Nhật Lễ. Nhật Lễ đã lên ngôi, truy tôn Nguyên Dục làm hoàng thái bá.

Tháng 8, mùa thu. Dương Nhật Lễ tôn bà Huệ Từ hoàng thái hậu làm Huệ Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, bà Nghi Thánh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu; lập con gái Cung Định vương Phủ làm hoàng hậu.

Tháng 11, mùa đông. Táng (Trần Dụ Tông) ở Phụ Lăng.

Trước đây, ta sai sứ sang thăm hỏi nhà Minh; nhà Minh sai bọn Hàn Lâm thị độc học sĩ Trương Dĩ Ninh và điển bạ Ngưu Lượng đem sắc phong sang với một quả ấn, nũm ấn đúc hình con lạc đà mạ vàng. Khi đến nơi, thì Trần Dụ Tông đã mất, Ngưu Lượng có làm thơ viếng rồi về.

Lời chua - Phụ Lăng: Ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều.

Dùng Cung Tĩnh vương Nguyên Trác làm Thượng Tướng quốc Thái Tể, Cung Định vương Phủ làm Thái sư tả tướng quốc và Cung Tuyên vương Cảnh làm Hữu Tướng quốc.

Tháng 12. Dương Nhật Lễ giết bà Huệ Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu.

Khi Nhật Lễ đã lên ngôi rồi, bà Huệ Từ hoàng hậu thường hối hận rằng nó không phải là con Cung Túc vương. Nhật Lễ bèn ngậm đầu độc giết chết bà.

Bà Huệ Từ có tính nhân từ. Cung Tĩnh vương Nguyên Trác là con vợ thứ. Có kẻ thù dệt cho rằng Nguyên Trác yếm bùa và nguyên rủa Dụ Tông. Nguyên Trác suýt bị hãm hại. Nhờ có bà cố sức cứu giúp, nên mới được khỏi tội. Đương thời khen bà là người hiền đức. Song phải nổi là bà chực tây vị cho con Cung Túc vương mà lập Nhật Lễ, đến nối ngôi báu nhà Trần suýt bị chuyển dời. Thế mới biết đàn bà chủ trương việc lớn thì gây tai hại cũng ghê gớm đấy!

Canh Tuất, Trần Nghệ Tông hoàng đế, năm Thiệu Khánh thứ 1 (1370). (Từ tháng 10 trở về trước, thuộc Dương Nhật Lễ, năm Đại Định thứ 2. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh sai sứ sang ta, tế các thần núi sông.

Trước kia, bầy tôi thuộc Lễ Bộ nhà Minh xin đem các thần núi sông ở nước ta phụ tế vào đàn Nhạc Độc², vua Minh y theo. Đến đây, vua Minh sai đạo sĩ ở cung Triều Thiên là Diêm Nguyên Phục kính đem bài văn ngự chế sang tế các thần núi, sông. Lại sai rập những bài ở bia đá vuông và bia đá tròn, chép lấy các đồ thư điển tịch đem về, rồi lại tạc bia ghi việc làm này.

Tháng 9, mùa thu. Cung Tĩnh vương là Nguyên Trác, mưu giết Nhật Lễ, không được, bị chết.

¹ Nguyên Dục mất năm Giáp Thìn (1364), xem Chính biên, quyển X, 19.

² Đàn thờ thần núi lấy núi Ngũ Nhạc (năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc, tùy theo vị trí kinh đô của từng triều đại mà định: Tung sơn ở giữa, Thái sơn ở phía đông, Hoa sơn ở phía tây, Hành sơn ở phía nam và Hằng sơn ở phía bắc) làm đại biểu và thần sông lấy Tứ Độc (bốn con sông ở Trung Quốc xưa chảy thẳng ra biển: Giang, Hà, Hoài và Tề) làm đại biểu.

Nhật Lễ, khi đã được làm vua, ngày ngày rượu chè, dâm dật, chăm sự chơi bời, hay bày ra các trò tạp kỹ, thân cận suông sã với lũ tiểu nhân. Nhật Lễ có ý muốn đổi lại lấy theo họ Dương và ngầm mưu trừ bỏ hết những người họ Trần có danh vọng. Tôn thất nhà Trần và trăm quan ai cũng thất vọng. Nguyên Trác với con là Nguyên Tiết và hai người con (không rõ tên) của Thiên Ninh công chúa, đêm đến, đem mọi người trong họ tôn thất vào thành để giết Nhật Lễ. Nhưng Nhật Lễ trèo tường ra ngoài, nằm núi dưới cầu mới. Mọi người sục sạo không bắt được; giải tán về cả. Trời gần sáng, Nhật Lễ trở vào cung, cho quân đi lùng bắt tất cả 18 người đã dự mưu vào việc này. Bọn Nguyên Trác đều bị hại cả.

Lời chua - Thiên Ninh: Con gái vua Minh Tông, do bà Huệ Từ sinh ra.

Tháng 10, mùa đông. Cung Định vương Phủ chạy lên Đà Giang.

Trước đây, Nhật Lễ tiếm ngôi, lấy con gái Cung Định vương lập làm hoàng hậu. Cung Định vương thường sợ vợ lây đến mình. Kịp khi công cuộc của Nguyên Trác đã thất bại, Chi hậu nội nhân phó chương là Nguyễn Nhiên biết Nhật Lễ muốn giết Cung Định vương, mới khuyên vương sao không liệu cơ mà sớm lánh đi. Vương vốn không có chí làm vua; đến đây tình thế bức bách quá, mới bàn mưu với thiếu úy Trần Ngô Lang. Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha cũng bảo vương rằng: "Thiên hạ này là của ông cha chúng ta, lẽ nào lại vất bỏ cho người khác? Anh hãy cứ đi đi! Em sẽ đem gia nô đẹp nó cho!"¹. Cung Định vương bấy giờ mới chạy lên Đà Giang bí mật cùng Cung Tuyên vương Cảnh, Chương Túc hầu Nguyên Đán và Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hẹn nhau hội ở Đại Lại giang để khởi binh. Khi ấy, Nhật Lễ dùng Trần Ngô Lang làm việc, nhưng không biết Ngô Lang vẫn đồng mưu với Cung Định vương: mỗi khi sai quân đi lùng bắt Cung Định vương thì Ngô Lang lại mật bảo quân được sai đi ấy ở lại theo vương, đừng về. Nhiều lần sai Nam Bắc quân đi, cũng không thấy một ai quay về cả, Ngô Lang cũng giả vờ xin đi, Nhật Lễ không cho.

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 27, 30).

Đại Lại giang: Một chi lưu sông Lương Giang thuộc địa phận Thanh Hóa, sông Đại Lại chảy qua huyện Vĩnh Lộc và huyện Hậu Lộc rồi đổ ra biển.

Tháng 11. Cung Định vương lên ngôi hoàng đế ở phủ Kiến Hưng, tiến lấy kinh thành, bắt Dương Nhật Lễ, giết chết.

Cung Định vương đến động mán ở Đà Giang, lưu lại đấy được mười hôm; các người họ tôn thất và trăm quan cùng nhau kéo đến, khuyên Cung Định vương nên sớm về để dẹp yên nội nạn. Vương cứ nghẹn ngào từ tạ. Mọi người hai ba lần cố mời vương lên kiệu, ra khỏi núi. Khi vương về đến phủ Kiến Hưng, xa gần kéo đến như mây dày đặc, tiếng vui mừng vang trời. Mọi người xin ra lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức công. Vương lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá, xưng là Nghĩa Hoàng; bầy tôi dâng tôn hiệu là Thể Thiên Kiến Cực Thuần Hiếu hoàng đế (ấy là Trần Nghệ Tông). Ngự giá ra đi, tiến đóng ở bến Đông Bộ Đầu. Trần Ngô Lang khuyên Nhật Lễ viết bức thủ thư nhận tội, lánh ngôi, ra đón tận ngoài thành. Nhật Lễ phủ phục xuống đất, tạ tội. Nhà vua cũng ôm lấy Nhật Lễ, khóc lóc mà rằng: "Không ngờ sự thể ngày nay đến thế này!". Cung Tuyên vương Cảnh tuốt gươm quát lên rằng: "Nay vâng mạng trời, đánh kẻ có tội. Tên tội nhân kia sao còn được nói lời thôi! Bệ hạ há nên vì lòng nhân từ bịn rịn mà bỏ mất nghĩa lớn sao!". Rồi thét những kẻ ở tả hữu lôi Nhật Lễ ra, giam ở phường Giang Khẩu. Nhật Lễ lừa Ngô Lang vào màn nói chuyện, bóp cổ giết chết. Việc đó đến tai vua. Nhà vua sai đánh chết ngay Nhật Lễ và con nó là Liễu; truy tặng Ngô Lang làm tư mã, ban cho tên thụy là Trung Mẫn á vương. Vào thành, bái yết nhà Thái miếu, nhà vua nói: "Việc ngày nay thật vượt ngoài ý tôi định liệu. Chỉ vì cố nghĩ đến xã tắc, nên không thể từ chối được. Xét mình lỗi đạo hiểu trung, lòng những hải hùng hổ thẹn. Vậy xin giảm bỏ sự cao sang để gọi là đáp lại sơ tâm đôi chút". Nhà vua bèn ra lệnh: phạm các xe kiệu và đồ dùng đều sơn đen, không được trang sức bằng vàng son, châu báu và màu đỏ. Nhà vua lại dụ bảo quần thần rằng: "Bản triều dựng nước có chế độ riêng. Khoảng niên hiệu Đại Trị (1358-1369) thay đổi lung tung đến nỗi

¹ Cung Định là con vợ cả, Thiên Ninh là con vợ thứ của Trần Minh Tông.

rồi ren phiền nhiễu! Nay nên trừ bỏ những chính sự tệ hại. Mọi việc đều tuân theo điều lệ Khai Thái" (1324-1328)¹.

Lời cần án - Về việc khoảng năm Đại Trị (1358-1369) thay đổi chế độ, **Sử cũ** chỉ nói chẳng hạn như áo mặc và nhạc chương; vân vân, nhưng ở đoạn sử chép về Trần Dụ Tông, không thấy nói rõ, nay hãy để đó, đợi sẽ khảo sau.

Lời chua - Kiến Hưng: Xưa là phủ Hiến Khánh; nhà Trần gọi là Kiến Hưng; nhà Lê đổi làm Nghĩa Hưng; nay cũng để theo tên cũ, thuộc tỉnh Nam Định.

Trần Nhật Hạch có tội, bị giết.

Nhật Hạch là người họ tôn thất nhà Trần, trước đây từng đảng với Nhật Lễ, định mưu lật đổ xã tắc. Nhà vua sai bắt giết chết.

Chu An, Quốc Tử giám tư nghiệp², trí sĩ, mất.

Chu An tính cương trực, thanh cảnh, giữ tiết khắc khổ thanh tu, không cầu danh lợi hiển đạt. Ở nhà, đọc sách, học nghiệp tinh thâm thuần túy. Gần xa nghe tiếng, đến học rất đông. Học trò nhiều người thi đậu cao, làm quan to, như Phạm Sư Mạnh và Lê Bá Quát đã làm đến Hành Khiển, thời thường lui tới thăm hỏi, vẫn cứ thục lạy ở bên giường thày, hễ được thày nói chuyện một chút thì họ lấy làm mừng lắm. Hễ kẻ nào làm gì lầm lỗi trái ý thì thày quở trách ráo riết, có khi đến quát mắng đuổi ra. Ấy tính Chu An nghiêm nghị là như vậy. Dưới triều Trần Minh Tông, ông được vời làm Quốc Tử Tư nghiệp, dạy thái tử học. Đến Trần Dụ Tông ham mê chơi bời, xao lãng chính sự, bọn quyền thần làm nhiều sự trái phép. Chu An can không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ có thể lực và được cương chiếu cả. Bấy giờ gọi là "Thất trảm sớ"³. Sớ dâng lên, không được trả lời, Chu An liền treo trả mũ áo, trở về điền viên. Yêu phong cảnh núi Chí Linh, ông đến ở ẩn tại đấy. Những ngày đại triều hội thì vào kinh triều cận. Dụ Tông muốn ủy thác công việc chính trị cho ông, nhưng ông từ chối không nhận. Bà Huệ Từ thái hậu nói rằng: "Đối với kẻ sĩ thanh tu, thiên tử còn không bắt làm bầy tôi được, nữa là chức đem chính sự ép người ta làm?". Mỗi khi nhà vua có ban thưởng gì, ông lạy tạ xong rồi, lại đưa cho người khác. Thiên hạ đều khen là người có khí tiết cao. Kịp khi Trần Dụ Tông mất, quốc thống⁴ hầu đứt. Được tin Trần Nghệ Tông lên làm vua, Chu An mừng lắm, chống gậy đến bái yết, xong lại xin về, rồi mất ở nhà. Nhà vua sai quan đến tế viếng. Đặt cho tên thụy là Văn Trinh, được thờ phụng ở Văn Miếu.

Lời chua - Chu An: Người làng Quang Liệt⁵, huyện Thanh Đàm⁶.

Núi Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 3 (Chb. VIII, 3).

Tân Hợi, năm thứ 2 (1371). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn mẹ đẻ là Lê Thị làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2. Thết yến quần thần ở điện Thiên An; ban thưởng cho họ có hơn kém khác nhau.

Phong Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha làm Lạng Quốc thái trưởng công chúa.

Phong Sư Hiên, người họ tôn thất, làm Cung Chính vương. Dùng Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Trừ bỏ phép "sa châu tiệt cước"¹ và lệnh điểm kiểm tài sản.

¹ Niên hiệu Trần Minh Tông, cha Trần Nghệ Tông.

² Như chức phó hiệu trưởng trường Đại học bây giờ.

³ Tờ sớ xin chém bảy tên

⁴ Đây chỉ dòng vua họ Trần.

⁵ Tục gọi làng Quang.

⁶ Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Trước đây, bà Chiêu Từ thái hậu đặt ra phép "sa châu tiết cước", để cắt lấy những bãi phù sa mới bồi ở ven sông, chiếm làm của mình. Trần Dụ Tông lại ra lệnh điểm kiểm tài sản: các nhà quyền quý có đồ quý báu, khi chết đi rồi, phải điểm kiểm đem nộp nhà nước, không được chia cho con cháu. Phàm những chính sự tệ hại ấy đều bởi bọn bầy tôi "tụ liễm"² bày ra cả. Đến đây, bãi bỏ hết.

Tháng 3 nhuận. Chiêm Thành vào cướp kinh đô. Nhà vua chạy sang huyện Đông Ngàn.

Dương Nhật Lễ đã bị giết rồi, mẹ nó trốn sang nước Chiêm Thành, xui Chiêm Thành vào lấn cướp. Bấy giờ, từ khi Trần Dụ Tông rông rờ chơi bời, việc võ không sửa sang, biên giới chẳng phòng bị, quân Chiêm Thành do cửa biển Đại An thẳng tiến, xâm phạm kinh đô. Cánh du binh của địch đến bến Thái Tổ, không ai chống cự được. Nhà vua phải chạy sang huyện Đông Ngàn để lánh giặc. Người Chiêm bắt lấy con trai, con gái, cướp bóc ngọc lụa, của cải, thiêu đốt cung điện, đồ thư và sổ sách. Kinh thành, vì thế, hết sạch sành sanh. Từ đấy, năm nào, Chiêm Thành cũng thường vào xâm lấn khuấy nhiễu; do đó biên giới mới xảy ra lăm việc.

Lời chua - Đông Ngàn: Tức là đất Cổ Pháp. Xem Lê Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Cửa biển Đại An: Tức là cửa biển Đại Nha: Xem Lý Hậu đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Bến Thái Tổ: Bấy giờ là phường Phục Cổ, thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội.

Nhà vua từ huyện Đông Ngàn trở về kinh đô.

Tháng 4, mùa hạ. Lập em là Cung Tuyên vương Cảnh làm hoàng thái tử; ban cho 14 chương Hoàng Huân³.

Cảnh, là con vợ thứ vua Minh Tông.

Lời cần án - Nghệ Hoàng⁴ lên ngôi đến đây đã 2 năm, chính các con vua như Húc và Ngạc, tuổi cũng đã lớn, thế mà vội lập ngay em, là nghĩa gì? Chẳng qua chỉ vì phần nhiều nhờ sức người em chiêu tập quân lính nổi dậy mà lấy lại được nước, nên mới nghĩ đến công ấy, muốn cùng nhau được hưởng giàu sang đó thôi, chứ không phải cốt để trọng việc nối dõi thờ cúng và sáng nghĩa thế thứ trao quyền. Huống chi, lấy em làm con, sự đó lại càng sai trái.

Tháng 5. Dùng người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Xu mật đại sứ.

Ông tổ nhà Quý Ly là Hồ Hưng Dật, người tỉnh Chiết Giang, về đời Ngũ Quý (907-959), sang bên ta, lập ấp ở tại làng (hương) Bào Đột thuộc Diển Châu. Về sau, Hồ Liêm di cư sang Thanh Hóa, làm con nuôi Lê Huân, do đấy, đổi theo họ Lê. Quý Ly là cháu bốn đời. Quý Ly có hai người cô đều được Trần Minh Tông lấy vào hậu cung: Một người, là bà Sinh Từ, sinh được nhà vua đây; một người, là bà Đôn Từ, sinh được Duệ Tông. Cho nên nhà vua tin dùng Quý Ly, cho Quý Ly do Chi hậu chánh chương thăng lên chức này; lại gả cho Quý Ly người em gái mới góa là Huy Ninh công chúa.

Lời chua - Làng Bào Đột: Bấy giờ là xã Bào Đột, huyện Quỳnh Lưu⁵.

Huy Ninh: Vợ Nhân Vinh, người họ tôn thất. Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết.

Nhà vua xuống chiếu: phàm việc xây dựng cung thất đừng có phiền nhiễu đến dân.

¹ Xắn lấy chân bãi bên sông có phù sa mới bồi.

² Ráo riết bắt dân đóng góp để làm giàu cho người trên.

³ Lời dạy của vua cha.

⁴ Tức Trần Nghệ Tông.

⁵ Nay thuộc Nghệ An.

Bấy giờ cung thất đều bị Chiêm Thành đốt phá. Nhà vua hạ chiếu cho xây dựng và sửa sang lại, nhưng việc doanh tạo chỉ cốt mộc mạc, đơn giản, do những chức tann quan¹ trong họ tôn thất đứng làm, chứ không dùng đến sức dân.

Tháng 9, mùa thu. Gia phong cho Lê Quý Ly tước Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Trước đây, sai Quý Ly đi vào Nghệ An, vỗ về nhân dân, chiêu an nơi biên giới, nên có mệnh lệnh gia phong này.

Tháng 10, mùa đông. Sai Phan Nghĩa, lang trung bộ Lễ, đặt ra thông chế và các lễ nghi².

Nhâm Tí, năm thứ 3 (1372). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Xét thành tích các quan.

Tháng 4, mùa hạ. Dùng Đỗ Tử Bình làm Hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5. Dùng Nguyễn Nhiên kiêm chức Xu Mật viện.

Nhà vua khi mới lên ngôi, vì thấy Nguyễn Nhiên có công³, nên cho làm hành khiển rồi thăng tả tham tri chính sự. Nhưng Nguyễn Nhiên ít chữ, lúc phê sổ sách, nhà vua thường phải dạy cho viết chữ. Đến đây, lại có mệnh lệnh cho kiêm giữ chức Xu Mật viện này.

Lời chầu - Nguyễn Nhiên: Người huyện Tiên Du⁴, lộ Bắc Giang.

Tháng 8, mùa thu. Hạ chiếu cho các lộ làm sổ hộ tịch.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi Thiên Trường, sửa tắm miếu ở các lăng.

Tháng 11. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử Cảnh.

Thái tử lên ngôi, xưng là Khâm Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Kế Thiên Ứng Vận Nhân Minh Khâm Ninh hoàng đế (ấy là Trần Duệ Tông). Vua Nghệ Tông làm bài châm, gồm 150 chữ, ban cho.

Truy tôn mẹ là Lê Thị làm Đôn Từ Hoàng Thái phi.

Cho Trương Hán Siêu được thờ phụng vào Văn Miếu.

Quý Sửu, Trần Duệ Tông hoàng đế, năm Long Khánh thứ 1 (1373). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Tôn thượng hoàng làm Quang Hoa Anh Triết thái thượng hoàng đế; truy tôn Thục đức hoàng hậu làm Thuận từ hoàng thái hậu.

Thượng hoàng khi thoát mới về nước, bà nguyên phi là Huệ Ý phu nhân mất ở phủ Kiến Xương, sau truy phong làm Thục Đức hoàng hậu; đến đây, nhà vua được nhường ngôi, lại truy tôn làm hoàng thái hậu.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Vợ vua Thái Tổ nhà Trần⁵ tên thụy là Thuận Từ; vợ vua Nghệ Tông cũng gọi là Thuận Từ. Bấy giờ bàn đặt tên thụy không cho thế là trái,

¹ Xem chú thích chữ "tann lang" ở Chb. VI, 26.

² Quy định các tiết mục về pháp chế và lễ nghi dùng chung cho cả nước ở đương thời. Đời Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (1230), đã có việc khảo cứu các thể lệ đời trước, rồi quy định làm Quốc triều thông chế và hình luật lễ nghi gồm 20 quyển (Toàn thư V, 6a).

³ Nguyễn Nhiên biết tin bí mật về việc Nhật Lễ định giết Cung Định vương Phủ (Trần Nghệ Tông), đã bảo cho Cung Định biết trước mà trốn thoát (Chb. X, 25).

⁴ Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁵ Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông.

hay là đời đã xa rồi, không cần kiêng nữa? Nhưng mà cháu dâu với bà cụ tổ trùng tên thụy nhau: thật trái lẽ lắm!

Tháng 2. Đặt ra sổ sách các quan văn, quan võ.

Lập bà phi họ Lê làm hoàng hậu.

Hoàng hậu là em con nhà chú (tụng muội) của Quý Ly, trước kia đã phong làm Hiến Trinh thần phi, đến đây lập làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 8, mùa thu. Bổ sung quân đội, tu tạo thuyền chiến.

Nhà vua thấy người Chiêm Thành hay vào xâm lấn, nên sai sửa sang việc võ, ý muốn chính mình cầm quân đi đánh.

Ra lệnh cho quân và dân quyên thóc, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau.

Thi lại viên, bổ làm duyet lại ở Nội Lệnh sử.

Giáp Dần, năm thứ 2 (1374). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Bắt đầu đặt khoa thi tiến sĩ.

Trước đây, khoa thái học sinh, cứ 7 năm một lần thi, số đậu chỉ lấy 30 người thôi. Đình thi¹, số lấy đỗ không có lệ đặt nhất định. Phàm tam quán thuộc quan học sinh², thị thần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phong đều được vào thi cả. Đến đây mới bắt đầu gọi là khoa tiến sĩ; ban cho Đào Sư Tích đậu trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đậu bảng nhãn, Trần Đình Thâm đậu thám hoa, La Tu đậu hoàng giáp, cập đệ và các đồng cập đệ³ gồm 50 người, đều cho ăn yến và ban áo mũ, xuất thân có đẳng hạng khác nhau.

Lời chua - Đào Sư Tích: Người huyện Tây Chân⁴, phủ Thiên Trường⁵.

Lê Hiến Phủ: Người huyện Đông Kết, phủ Khoái Châu⁶.

Trần Đình Thâm: Người huyện Đông Triều, phủ Sách Giang⁷.

La Tu: Người huyện Thuận Hựu, thuộc Thanh Hóa.

Tháng 3, đào các sông ở Thanh, Nghệ.

Ra lệnh cho dân ở Thanh, Nghệ đào các sông, đến cửa biển Hà Hoa thì thôi.

Lời chua - Cửa biển Hà Hoa: Bây giờ ở xã Kỳ La, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 5, mùa hạ. Hạn hán đến mãi tháng 6.

Tháng 8, mùa thu. Đặt thêm quân hiệu.

¹ Tức là thi lấy trạng nguyên (theo Toàn thư VII, 41a)

² Toàn thư VII, 41a và Sử ký VIII, 12b đều chép là "thái học sinh" (Cương mục không có chữ "thái").

³ Về chế độ thi giáp đình ở đời Trần bấy giờ, tam khôi (trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) và hoàng giáp là hạng "cập đệ", còn các Tiến sĩ thì là hạng "đồng cập đệ". Đến đời sau, như triều Tự Đức (1848-1884) chẳng hạn, chia Tiến sĩ làm tam giáp; Trạng nguyên là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, Bảng nhãn là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh, Thám hoa là đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh; Hoàng giáp là đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; các ông nghề dưới Hoàng giáp đều là đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân cả. Ấy là không kể các phó bảng là những người chỉ đỗ thi hội, không được vào thi đình, tên được xếp vào Ất bảng, kém tiến sĩ ở giáp bảng. Như vậy thấy rằng lối chia "cập đệ" và "đồng cập đệ" của đời Trần có hơi khác với đời sau.

⁴ Sau đổi là Nam Trực, nay thuộc tỉnh Nam Định.

⁵ Nay gồm một phần đất các huyện Xuân Thủy, Nam Trực, Trực Ninh, Thành phố Nam Định thuộc tỉnh Nam Định.

⁶ Phủ Khoái Châu nay gồm các huyện Ân Thi, Kim Động, Phù Tiên, Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

⁷ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Trước kia. Túc vệ chỉ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Đến đây, đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Thần Dực, Diển Hậu. Tuyển những dân đinh khoẻ mạnh, phân ra ba hạng, sung vào các quân hiệu ấy. Ai cũng phải xăm trán để làm dấu ghi, như: quân Túc vệ thì trán xăm hoa; quân mới đặt thêm thì xăm trán đồ đen. Còn Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Bình, và Thuận Hóa đều có quân hiệu, đặt đại đội trưởng và đại đội phó để cai quản.

Ất Mão, năm thứ 3 (1375). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Sai Quý Ly tuyển trong họ tôn thất và trong các quan viên lấy những người am tường võ nghệ, tinh thông thao lược, bổ làm quân tướng¹.

Đặt lại các lộ, các phủ ở Hoan Châu, Diển Châu và Lâm Bình.

Đổi Hoan Châu làm lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung; đổi Diển Châu làm lộ Diển Châu, phủ Lâm Bình làm phủ Tân Bình. Sai Đào Lực Đình và Hà Tử Công đem dân sổ tại sửa sang đường sá, từ lộ Cửu Chân đến huyện Hà Hoa, ba tháng làm xong.

Lời chua - Hoan Châu: Tức là Nghệ An. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuần thứ 10 (Chb. XXI, 23).

Diển Châu: Xem thuộc Đường. Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tb. IV, 20).

Lâm Bình: Tức là đất Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chb. III, 29).

Lộ Nhật Nam và các lộ Nghệ An Nam, Bắc, Trung: Địa giới ra sao, không rõ.

Cửu Chân: Xưa là bộ Cửu Chân đời Hùng Vương; nhà Đinh, nhà Lê gọi là Ái Châu; niên hiệu Thiệu Phong (1341-1357) nhà Trần đổi làm lộ, chia đặt ba phủ Thanh Hóa, Cửu Chân và Ái Châu.

Hà Hoa: Tên huyện được đặt ra từ nhà Trần trở về trước; nhà Lê gọi là Kỳ Hoa; bây giờ đổi là Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 6, mùa hạ. Sao thái bạch mọc ban ngày.

Tháng 8, mùa thu. Tuyển lính.

Binh lính, người nào già yếu thì thải ra; chọn lấy những dân đinh khỏe mạnh để bổ sung. Phàm những người ngụ cư làm thuê (hộ xá, tá công) ở Thanh Hoá và Nghệ An đều lấy vào quân đội.

Lời chua - Hộ xá, tá công: Những người các nơi không có tên trong sổ hộ tịch, quần tụ ở làm một phường, đi làm thuê ở mướn để lấy tiền công, tức là đám dân siêu giạt tha phương cầu thực.

Hạ chiếu cho những nhà giàu ở các lộ nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho phẩm tước có đẳng hạng khác nhau

Bính Thìn, năm thứ 4 (1376). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 9).

Tháng 4, mùa hạ. Quy định chế độ về thuyền, xe, kiệu, tàn, áo, mũ và đồ nghi trượng.

Vì cơ sắp làm lễ hội thề ở đền Đồng Cổ.

Tháng 5. Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua duyệt binh ở Bạch Hạc giang.

¹ Ông tướng cầm quân.

Thấy người Chiêm Thành hay vào lấn cướp, nhà vua bàn định chính mình cầm quân đi đánh. Ngự sử trung tán là Lê Tích dâng sớ can rằng: "Bình đao là thứ hung dữ, không nên tự chính nhà vua dẫn quân đi đánh, huống chi bây giờ nội nạn vừa mới được yên, Chiêm Thành dầu không giữ lễ làm tôi, nhưng cũng chỉ nên sai tướng đi hỏi tội, chứ nếu xa giá thân chinh, thì theo ngu kiến, thần tướng không nên". Ngự sử đại phu là Trương Đổ cũng can rằng: "Chiêm Thành chống lại mệnh lệnh nhà vua, tội nó đáng phải giết, không dong thứ được; nhưng nước nó ở tí tít cõi tây, có núi sông hiểm trở. Ngày nay, bệ hạ mới lên ngôi, chính lệnh và giáo hóa chưa thấm khắp đến phương xa, tướng nên trau sửa văn đức để cho nó theo về với mình. Nếu nó không theo, bấy giờ sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn nào". Trương Đổ ba lần dâng sớ lên can, nhưng cuối cùng nhà vua vẫn không nghe. Liên đó nhà vua sai quân và dân ở Thanh Hoá và Nghệ An tải năm vạn thạch¹ lương thực đến tích trữ ở Hoá Châu. Lại rước Thượng hoàng đi điểm duyệt quân đội ở Bạch Hạc giang. Mọi việc này đều là chuẩn bị để đánh Chiêm Thành.

Lời chua - Bạch Hạc giang: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb. VII, 4-5).

Tháng 12. Nhà vua tự làm tướng, đi đánh Chiêm Thành.

Trước đây, Đổ Tử Bình vào trấn giữ Hóa Châu; chúa Chiêm là Chế Bồng Nga đưa 10 mâm vàng để dâng triều đình. Tử Bình ăn chặn, trảm đi, lại nói dối rằng: Bồng Nga kiêu ngạo, khinh nhờn, vô lễ, nên đem quân đi đánh. Bấy giờ nhà vua mới quyết tâm thân chinh. Thống lĩnh 12 vạn quân từ kinh đô xuất phát, nhà vua sai Lê Quý Ly đốc sức dân ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Châu và Hóa Châu vận tải lương thực để cung cấp cho quân sĩ. Khi đến cửa biển Di Luân, nhà vua sai các quân sĩ vượt biển mà đi, còn mình thì đem bộ binh tiến theo ven bờ biển. Khi đến cửa biển Nhật Lệ, đóng doanh trại ở đấy hơn một tháng để luyện tập quân sĩ.

Lời chua - Cửa biển Di Luân: Ở xã Di Luân, huyện Bình Chánh, tỉnh Quảng Bình bây giờ.

Cửa biển Nhật Lệ: Ở xã Động Hải, huyện Phong Lộc bây giờ. Động Hải là nơi sở tại tỉnh lỵ Quảng Bình.

Đình Tị, năm thứ 5 (1377). (Từ tháng 5 trở về sau, là triều Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua kéo quân vào đánh Chà Bàn², bị thua, mất ở vòng trận. Bọn đại tướng là Đổ Lễ và Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển là Phạm Huyền Linh đều chết trận cả. Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành.

Quan quân đến Thị Nại cảng, tiến lên Cầu Đá (Thạch Kiêu), đóng lại ở động Ý Mang. Bồng Nga dựng lũy bằng tre gỗ ở ngoài thành Chà Bàn, sai bày tội là Mục Bà Ma ra trả hàng, nói rằng Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ để thành bỏ ngỏ đó thôi, nên mau tiến quân kéo lại lờ cơ hội. Nhà vua tin lời, sai gấp tiến quân. Đại tướng Đổ Lễ can rằng: "Theo Binh pháp, đánh lấy thành là sự bất đắc dĩ. Kẻ kia đã nói xin hàng, thì ta nên lấy việc cho nước nó được an toàn là hơn cả. Vậy ta hãy cho một tay thuyết khách cầm thư đi hỏi tội để dò hư thực, theo như mưu chước Hàn Tín đánh phá nước Yên³ ngày trước, chẳng phải khó nhọc mà được nên công. Và, tình ý của kẻ địch khó suy lường được. Vậy tôi xin bệ hạ hãy xét kỹ". Nhà vua nói rằng: "Ta mặc áo giáp bền, cầm võ khí sắc, gội gió, tắm mưa, trèo non, lội suối, len lỏi đi sâu vào đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp ta đó. Huống chi bây giờ vua nước nó sợ bóng sợ gió, chạy trốn xa, không có tinh thần chiến đấu. Việc binh quý hồ lạnh chóng, nếu để chậm trễ không tiến quân thì là trời cho mà mình không nhận; rồi ra nếu nó tráo trở, dù có ăn năn thì sự đã rồi! Nhà ngươi thực là kiến thức đàn bà!". Nhà vua liền sai lấy áo đàn bà mặc cho Đổ Lễ⁴. Rồi đoàn

¹ Đơn vị đo lường xưa.

² Cũng đọc là "Đô Bàn".

³ Xem chú giải ở Chb. VII, 34.

⁴ Có ý chê cười Đổ Lễ nhút nhát.

quân cứ nổi đuôi nhau như râu cá mà tiến lên. Giặc nhân cái đà thuận tiện, thành linh đổ ra tập kích, cắt ra từng tốp: Quan quân tan vỡ nặng nề. Nhà vua bị vây hãm, chết tại trận. Bọn đại tướng Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hoà cùng hành khiển Phạm Huyền Linh đều bị chết cả. Ngự câu vương, tên là Húc, đầu hàng giặc, được giặc gả cho con gái. Đỗ Tử Bình cầm hậu quân, không đến cứu viện. Lê Quý Ly nghe tin bại trận, vội trốn về. Ngày hôm ấy, ở kinh đô đương ban ngày, trời tối sầm lại; chợ búa, hàng quán phải đốt đèn đuốc mà mua bán. Thượng hoàng sai đem chiếc xe tù đi bắt Tử Bình. Khi Tử Bình về qua phủ Thiên Trường, người ta đua nhau chửi mắng, lấy gạch ngói ném vào xe tù Tử Bình. Thượng hoàng xuống chiếu trị tội hãn, miễn cho tử hình, nhưng phạm tội đồ, bắt đi làm lính.

Lời phê - Tội hai người này¹ đáng giết, không dong tha được; thế mà lại còn vẫn dùng²! Chính sự nhà Trần không có kỷ cương gì cả, trách nào chẳng bại vong.

Lời chua - Thành Chà Bàn: Tức là đô thành của nước Chiêm. Ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định bây giờ vẫn còn vết thành cũ.

Thi Nại cảng: Ở địa giới hai thôn Hương Mai và Chánh Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bây giờ.

Động Ý Mang: Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ, duy còn Cầu Đá. Ở trên núi về thôn Phú Hoà có một cái đôn xưa, có lẽ đây là động Ý Mang.

Tháng năm, mùa hạ. Hoàng tử Hiện lên ngôi.

Thượng hoàng thấy nhà vua (Duệ Tông) chết vì việc nước, bèn cho con trưởng nhà vua là Kiến Đức đại vương Hiện lên nối ngôi, xưng là Giản Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khâm Minh nhân hiếu hoàng đế (ấy là Đế Hiện).

Tháng 6. Chiêm Thành vào cướp kinh đô.

Hay tin giặc đến, Thượng hoàng sai Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết ở đó có phòng bị, bèn từ cửa biển Thần Phù tiến vào, xâm phạm thẳng kinh đô, mặc sức cướp bóc vợ trẻ. Chúng ở lại một ngày rồi mới rút lui. Khi ra đến cửa biển Đại An, gặp cơn phong ba, chúng chết đuối nhiều lắm.

Lời chua - Cửa biển Đại An: Tên cũ là Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ 1 (Tb. IV, 13).

Thần Phù: Tên cũ là Thần Đầu. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Tháng 9, mùa thu. Lập con gái Thượng hoàng là Thiên Huy công chúa làm hoàng hậu.

Sai thị lang tòa Trung Thư là Trần Đình Thâm sang nhà Minh.

Sau khi lên nối ngôi, nhà vua sai Đình Thâm sang cáo phó với nhà Minh, và nói vua Duệ Tông đi tuần nơi biên giới, bị chết đuối ở biển. Người Minh từ chối không sang viếng, lấy cớ rằng theo Lễ, có ba điều không nên thăm là: vì phạm tội mà chết ở trong ngục (úy), hoặc vì bị đê chệt mà chết bẹp (áp), hoặc vì ngã xuống nước mà chết đuối (nich). Đình Thâm tranh luận, cãi rằng: "Người Chiêm chống nghịch, quấy nhiễu nơi biên giới, vua Duệ Tông có công chống ngoại hoạn, cứu nhân dân: vậy sao không nên viếng?". Nhà Minh mới sai sứ sang điếu tang. Bấy giờ nhà Minh đương muốn nhân kế hở, tính chuyện xâm nhiễu nước ta. Thái sư Lý Thiệt Trường nói rằng: "Thấy em chết vì việc nước, anh lại lập con của em lên ngôi; xem nhân sự [xử tốt với nhau] như thế, thì đủ biết lòng trời [hãy còn tựa nức người ta]". Do đấy, việc định xâm nhiễu ấy mới thôi.

Mậu Ngọ Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 2 (1378). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 11).

¹ Chỉ Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly.

² Đỗ Tử Bình tuy sau khi Trần Duệ Tông chết trận ở Chiêm Thành, có bị tội đồ, nhưng rồi lại được phục chức, cho nên đến năm Mậu Ngọ, Xương Phù thứ 2 (1378) đã thấy chép Tử Bình là hành khiển rồi (Chb. X, 43-44). Còn Lê Quý Ly chẳng những không bị quả phạt gì, mà lại ngày càng lên to mãi.

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển các vệ sĩ cai quản các quân.

Trần Ngoạn quản lĩnh quân Thiên Đinh, Bùi Hấp quản lĩnh quân Thiên Uy, Hoàng Phụng Thế quản lĩnh quân Thánh Dực, Trần Thế Đăng quản lĩnh quân Thần Dực, Bùi Bá Ngang quản lĩnh quân Thần Sách, Nguyễn Kim Ngao quản lĩnh quân Thần Vũ, Trần Trung Hiếu quản lĩnh quân Bảo Tiếp, Trần Bang quản lĩnh quân Long Tiếp. Lê Mật Ôn quản lĩnh quân Hoa Ngạch¹, Đỗ Dã Kha quản lĩnh quân Thị Vệ, Nguyễn Tiểu Luật quản lĩnh quân Thiên Trường. Lại tuyển trong các quân lấy những người khoẻ mạnh, biết võ nghệ, cho vào làm vệ sĩ [ở hoàng thành].

Dùng Nguyễn Bát Sách quản lĩnh quân Thiết Sang, Nguyễn Vân Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp, Nguyễn Hồ và Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm, Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hồ, Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đờ².

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành lại vào cướp kinh đô. Đại Doãn là Lê Giốc (Giác) chết vì việc nước.

Trước đây, Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành. Đến đây, người Chiêm đưa Húc về cướp Nghệ An, tiếm xưng tôn hiệu để chiêu dụ nhân dân. Có nhiều kẻ ra nhận nguy chức. Liên sau đó quân giặc xâm phạm đến Đại Hoàng giang. Nhà vua sai hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ, nhưng chống không nổi! Quân giặc bèn xâm phạm kinh đô: cướp của, bắt người, rồi rút về. Kinh Doãn³ Lê Giốc bị giặc bắt, giặc ép phải thục lạy, nhưng Lê Giốc nói: "Ta đây là một ông quan ở nước lớn, đâu phải lạy mày!". Rồi mắng nó mãi. Giặc giận lắm, giết chết. Nhà vua nghe biết việc này, truy tặng Lê Giốc là Mạ tặc Trung Vũ hầu⁴, cho con Giốc là Nhuế làm cận thị chi hậu chánh chưởng.

Lời chua - Lê Giốc: Người làng Phú Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Giốc là con Lê Quát.

Tử Bình: Trước bị tội đồ, đến đây đã làm hành khiển. Sử cũ không chép rõ Tử Bình được khai phục quan chức từ ngày nào, đợi sẽ khảo sau.

Đại Hoàng giang: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 11 (Chb. I, 37).

Tháng 7, mùa thu. Có thủy tai lớn.

Bắt đầu đánh thuế đinh.

Theo phép cũ, dân đinh khi đã vào sổ thành sổ ngạch hẳn hoi rồi, thì sinh thêm không kể, chết đi không trừ. Hạng binh lính thì đời này qua đời khác phải làm lính mãi, không được ra làm quan. Nhân đinh nào có ruộng đất, mới phải nộp tiền, không có ruộng đất thì được miễn. Gặp lúc có việc dấy quân cũng chỉ những người có ruộng bãi dâu, đâm cá thì phải tùy có nhiều hay ít mà nộp tiền, thóc, bạc, lụa để cung cấp cho việc quân. Đến đây việc quân đương tới tấp, kho tàng trống rỗng, Đỗ Tử Bình kiến nghị xin làm theo phép đánh thuế "dung" đời Đường: bắt đinh nam mỗi năm phải nộp ba quan tiền. Từ đó, thuế đinh mới thêm nặng.

Lời chua - Hồi đầu đời Trần, dẫu có thuế đinh, nhưng thực ra chỉ hạng người có ruộng mới phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, thầy đều phải chịu thuế cả, chỉ binh lính được miễn.

Kỷ Mùi, năm thứ 3 (1379). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Dùng Lê Quý Ly làm Tư không kiêm chức Xu mật đại sứ.

Quý Ly, khi còn nhỏ, học võ nghệ ở Nguyễn Sư Tề. Nhân thế, Quý Ly tiến cử con Sư Tề là Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận thường hay vẽ mưu bày kế cho

¹ Quân hiệu có xăm trán thành hoa. Xem Chb. X, 36.

² Một tên khác trong Hán văn để gọi con hổ. Đây có ý ví quân hiệu này khoẻ như hùm.

³ Tức là chức Đại Doãn ở kinh sư, như Nguyễn Trung Ngạn đã làm ở đời Trần Dụ Tông (Chb. IX, 40).

⁴ Hầu tước Trung Vũ mắng giặc.

Quý Ly, cũng được Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Bấy giờ người ta thường bảo Quý Ly có "Phương viên tá lự"¹.

Lời chua - Phương viên: Chỉ Đa Phương và Cự Luận.

Quyền đô sự: Chưa rõ là chức gì. Có lẽ còn sót chữ chẳng.

Mùa hạ. Hạng Hán. Đới to.

Tháng 8, mùa thu. Nguyễn Bồ ở Bắc Giang nổi loạn, bị giết chết.

Nguyễn Bồ tự xưng là Đường Lang tử y, mê hoặc người ta bằng phép thuật, rồi tự tiếm hiệu xưng vương. Quan quân bắt được giết chết.

Tháng 8. Đem giấu tiền của ở núi Thiên Kiện và ở tầng dưới tháp Khả Lãng. (Khả Lãng khảm).

Sai quân sĩ vậ tải tiền đồng đem giấu ở núi Thiên Kiện và chứa ở tầng dưới cái tháp ở xã Khả Lãng. Đó vì sợ người Chiêm Thành thường vào cướp bóc.

Lời chua - Núi Thiên Kiện: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb. X, 17).

Khả Lãng: Tên xã, thuộc phủ Lạng Giang; bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Khảm: Chỗ để chứa đựng. Đây nghĩa là tầng dưới trên nền cái tháp nhà chùa.

Canh Thân, năm thứ 4 (1380). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lần cướp Nghệ An, Thanh Hóa. Tháng 5, mùa hạ. Lê Quý Ly kéo quân đến đánh ở sông Ngu Giang: đánh bại được quân Chiêm.

Người Chiêm dụ dỗ dân ở Tân Bình và Thuận Hoá đến lần cướp Nghệ An: bắt người đem đi. Rồi lại lần cướp Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly quản lĩnh thủy quân, Đỗ Tử Bình quản lĩnh bộ quân đi đánh. Khi đến Ngu Giang, đóng cọc trong sông, cầm cự với quân Chiêm. Quý Ly sai Nguyễn Kim Ngao, tướng Thần Vũ quân, và Đỗ Dã Kha, tướng Thị Vệ quân, ra đánh. Kim Ngao quay thuyền lại để tránh giặc. Quý Ly liền chém Kim Ngao, cho lấy đầu đem rao trong quân. Các quân đánh trống hò reo, tiến lên trước. Chúa Chiêm là Chế Bồng Nga thua trận, trốn về.

Tử Bình từ đó cáo ốm, xin thôi, không giữ binh quyền; duy còn Quý Ly chuyên giữ chức nguyên nhung, làm Hải Tây đô thống chế.

Lời chua - Ngu Giang: Một nhánh sông Mã ở về địa phận huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

Đạo Hải Tây: Từ thời Trần trở về trước, chưa có tên này. Đến Lê, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) mới đặt Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa làm đạo Hải Tây. E rằng Sử cũ lầm chẳng².

Tháng 11, mùa đông. Dùng Đỗ Tử Bình làm nhập nội Hành khiển, tả tham tri chính sự, lĩnh chức kinh lược sứ ở Lạng Giang.

Tử Bình là người không học theo chính đạo, chỉ a dua với đời, lại hay bày đặt thuế khóa bắt dân đóng góp nặng để nịnh hót người trên; cho nên được nhà vua tin dùng. Từ khi Tử Bình đi đánh Chiêm Thành không nên công trạng gì, xin thôi không giữ binh quyền, đến đây lại có mệnh lệnh cho lên chức này. Chưa bao lâu, Tử Bình mất, được thờ phụng vào văn miếu.

¹ Có người phò tá nghĩ giúp mưu kế cả mặt vuông (chỉ tên Phương là vuông) lẫn mặt tròn (chỉ chữ Luận có chữ "luân" ở bên nghĩa là tròn).

² Vì, đến năm 1428, tên gọi "Hải Tây Đạo" mới xuất hiện, thế mà đây mới là năm 1380 đã chép "làm Hải Tây đô thống chế". Dầu vậy, ta hãy thử đặt lại vấn đề: Hải Tây dưới triều Trần đây cũng có thể là tên chỉ miền đất thời bấy giờ (vì địa điểm ở về ven biển Đông, nếu kể từ Đông Hải vào thì là phía tây, nên gọi Hải Tây) nhưng không phải là một đạo (đạo Hải Tây) như thời Lê Thái Tổ đã đặt.

Tân Dậu, năm thứ 5 (1381). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 14). Tháng 3, mùa xuân. Sai thiên sư Đại Than đem các nhà sư đi đánh Chiêm Thành.

Chiêm Thành thường sang xâm lấn quấy nhiễu, binh lực của nhà Trần bấy giờ đã mỗi một, kiệt quệ. Nhà vua bèn sai thiên sư Đại Than lựa lấy những người khoẻ mạnh trong các nhà sư trong nước và những nhà sư ở rừng núi không có độ điệp¹, tạm làm binh lính để đi đánh giặc.

Lời phê² - Không sợ làm nhục quốc thể!

Lời chua - Đại Than: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bây giờ.

Thiên sư: Không rõ tên.

Tháng 5. Dùng Đào Sư Tích làm nhập nội Hành khiển tả ti lang trung, Đào Toàn Bân làm tri Thẩm hình viện sự³.

Lời chua - Toàn Bân: Cha của Sư Tích.

Tháng 6. Rước thần tượng các lãng về An Sinh.

Rước thần tượng các lãng ở Quắc Hương, ở Thái Đường, ở Long Hưng, và ở Kiến Xương đưa về An Sinh, cốt để tránh nạn người Chiêm thường sang xâm lấn quấy nhiễu.

Lời chua - Quắc Hương: Bây giờ đổi là xã Thành Thị thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Thái Đường: Tên xã, bây giờ thuộc huyện Hưng Nhân, tỉnh Hưng Yên⁴.

An Sinh: Tên xã. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Long Hưng, Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Tháng 10, mùa đông. Bà Gia Từ hoàng hậu Lê Thị mất.

Duệ Tông đi Nam chinh, không trở về; hoàng hậu cắt tóc làm sư ni. Thấy Nghệ Tông lập Đế Hiên lên nối ngôi, hoàng hậu từ chối cho con không được, bèn khóc lóc nói với những người thân tín rằng: "Con tôi kém phúc đức, không đáng được cái ngôi rất quý trọng ấy đâu, chẳng qua chỉ tổ do đầy mà chuốc lấy vạ vào mình! Tiên quân⁵ đã tạ thế, người vị vong⁶ này chỉ muốn thác đi cho rồi, chứ chẳng muốn ngó đến việc đời nữa, huống chi lại nữ nhĩn thấy con mình sắp bị nguy hại ư!". Hoàng hậu mất rồi, Đế Hiên rồi cũng bị phế. Người nào nghe biết chuyện này cũng phục bà là người biết trước.

Lời chua - Gia Từ: Là mẹ Đế Hiên. Đế Hiên lên ngôi tới đây đã là 5 năm thế mà vẫn còn xưng mẹ vua là hoàng hậu. Lý do vì sao, không thể biết được, đợi sẽ khảo sau.

Giết Quan Phục Hầu đại vương tên là Húc.

Húc là con của Thượng hoàng.

Lời cần án - Sử cũ chép nhà vua dụ Quan Phục Hầu đại vương Húc mà giết chết, và chép liền với sự việc trên (việc Gia Từ mất); nhưng lý do vì sao mà dụ sát thì bỏ qua không chép. Nay xin chép riêng ra một việc, đợi sẽ khảo sau.

¹ Tờ điệp chứng thực đã được độ, tức là cái bằng mà nhà nước cấp cho các tăng ni, sau khi xuất gia, có đủ tiêu chuẩn được cấp. Theo chế độ đối với nhà chùa xưa, hễ nhà sư nào có độ điệp rồi thì được miễn thuế má và đao dịch.

² Chỉ việc bắt sư đi đánh giặc.

³ Giữ việc viện Thẩm Hình.

⁴ Nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

⁵ Chỉ Trần Duệ Tông.

⁶ Xem chú giải số 1 ở Chb. IX, 30.

Nhâm Tuất, năm thứ 6 (1382). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Chiêm Thành lại vào cướp Thanh Hóa. Quan quân đánh bại được giặc.

Quý Ly đóng ở núi Long Đại, tướng Thần Khôi quân là Nguyễn Đa Phương đem quân thuyền (chu sừ) đi giữ những hàng cọc cắm cừ ở cửa biển Thần Đầu, quân Chiêm thủy bộ đều kéo đến: Bộ binh địch lên chiếm trên núi trước, lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị tổn hại nhiều mà không còn nấp tránh vào đâu. Thủy quân của địch lại đương tiến đến sát gần. Đa Phương không đợi mệnh lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc cắm cừ, kéo ra thẳng xông vào quân thủy Chiêm Thành. Thủy quân của địch giở tay không kịp. Các quân của ta nhân đà thẳng lợi, đổ xô ra đánh, ném đồ hỏa khí vào thuyền giặc, thiêu đốt gần hết. Còn bộ quân của địch thì chạy tán mát vào rừng núi. Quan quân lùng bắt giặc trong núi đến ba ngày. Quân giặc nhiều đũa bị chết đói. Những kẻ còn sót lại thì chạy trốn. Quan quân đuổi đến Nghệ An rồi về. Được tin thắng trận, nhà vua cho Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ Đại tướng quân.

Lời chua - Núi Long Đại: Ở địa phận huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa bây giờ.

Thần Đầu: Tên cửa biển. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Tháng 7, mùa thu. Có nạn thủy tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Đào mấy con sông ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa.

Quý Hợi, năm thứ 7 (1383). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Lê Quý Ly quản lĩnh chu sừ đi đánh Chiêm Thành, chưa đến nơi đã quay về.

Quý Ly quản lĩnh các thuyền chiến lớn mới đóng, gồm những hiệu như Diễm Trì¹, Ngọc Đột, Nha Tiệp, kéo đến vũng biển Lại Bộ Nương và eo biển Ô Tôn, bị sóng gió làm thuyền gãy vỡ hư hỏng, bèn rút quân về.

Lời chua - Vũng biển Lại Bộ Nương: Tức là cửa biển Nương Loan bây giờ, ở địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Eo biển Ô Tôn: Bây giờ là eo Vĩnh Sơn, ở huyện Bình Chánh thuộc tỉnh Quảng Bình giáp với huyện Kỳ Anh (thuộc tỉnh Hà Tĩnh).

Tháng 6, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp phủ Quảng Oai. Nhà vua sai tướng Hoa Ngạc quân là Lê Mật Ôn đi chống giữ, nhưng bị thua. Thượng hoàng phải tránh sang Đông Ngàn.

Chiêm Thành từ đời nhà Lê, nhà Lý trở về trước, quân chúng của họ rất là nhút nhát. Hễ quan quân ta kéo đến thì họ đem cả nhà đi trốn, có khi xúm lại khóc lóc, xin đầu hàng. Kịp khi Chế Bông Nga lên làm vua, phần thì sinh sôi đông đúc, phần thì được dạy dỗ tôi rèn, dần dần sửa bỏ được những thói dờ cũ, quân và dân họ trở thành những người mạnh bạo, chịu đựng gian khổ. Cho nên họ thường sang quấy nhiễu nước ta. Bấy giờ Bông Nga cùng với tướng nó là La Ngai đem quân đi tắt đường xuyên sơn, đổ ra đóng đồn ở sách Khổng Mục thuộc Quảng Oai. Kinh đô xao xuyên kinh hãi. Thượng hoàng sai Mật Ôn đem quân đi chống giữ. Mật Ôn đến Tam Kỳ châu², còn đương bày trận để chống cự, bỗng đâu quân phục của địch nổi dậy, voi trận của địch lồng lên: quan quân ta xô bồ giày đạp lên nhau, thua thiệt nặng nề. Mật Ôn bị giặc bắt. Thượng hoàng nghe tin, sai Nguyễn Đa Phương đem quân dựng hàng rào lũy bằng tre gỗ ở kinh thành, ngày đêm canh giữ. Rồi sai sửa soạn xa giá để sang Đông Ngàn lánh giặc.

¹ Đại Việt sử ký VIII, 24 chép là Diễm Dã.

² Toàn thư và Đại Việt sử ký đều in chữ "châu" là bãi (Tam Kỳ châu: bãi Tam Cờ); riêng Cương mục này in chữ "châu" là châu quận.

Nguyễn Mộng Hoa, là một kẻ sĩ, thấy vậy, mũ áo chỉnh tề, tới bến sông, tay níu thuyền ngự, khấu đầu xin Thượng hoàng ở lại đánh giặc, nhưng Thượng hoàng không nghe.

Lời chua - Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chb. V, 38-39).

Đông Ngàn: Tức châu Cổ Pháp xưa. Xem Tiền Lê Đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chb. II, 6).

Khổng Mục sách, Tam Kỳ châu: Đều thuộc Quảng Oai. Bây giờ đổi lại ra sao, không rõ.

Tháng 12, mùa đông. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hòa.

Quân Chiêm Thành đã rút lui. Thượng hoàng sang chơi cung Bảo Hòa, sai bọn Thiêm tri Nội Mật viện sự là Nguyễn Mậu Tiên và Lễ Bộ lang trung là Phan Nghĩa thay đổi phiên nhau túc trực, tới bữa, ban cho ăn, để hỏi han những chuyện cũ, hằng ngày giữ việc ghi chép, biên thành 8 quyển, đặt nhan sách là Bảo Hòa dư bút, bảo Đào Sư Tích đề tựa.

Lời chua - Cung Bảo Hòa: Ở núi Lạn Kha (nay đổi là Phật Tích), huyện Tiên Du¹. Theo sách An Nam chí của Cao Hùng Trưng đời Minh, nhà Trần có dựng ra Lạn Kha thư viện, dùng danh nho Trần Tôn làm viện trưởng, dạy các sinh đồ. Nhà vua thời thường đến chơi. Vậy cung Bảo Hòa tức là ở đó.

¹ Nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XI

Từ Giáp Tí, Trần Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (1384) đến Nhâm Ngọ, Hồ Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2 (1402), gồm 19 năm.

*

Giáp Tí, năm [Xương Phù] thứ 8 (1384). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 17).

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Minh sang ta.

Nhà Minh, trước kia đi đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn và Hứa Nguyên sang trưng cầu lương thực để cung cấp cho lính trấn giữ ở Lâm An. Nhà vua sai Hành khiển là Trần Nghiêu Du vận tải năm nghìn thạch lương đưa đến đầu địa phận châu Thủy Vĩ¹. Quan quân ta bị chết vì lam sơn chướng khí trong việc tải lương này rất nhiều.

Lời chua - Thủy Vĩ²: Tên châu. Bây giờ thuộc phủ Quy Hóa, tỉnh Hưng Hóa, giáp với tỉnh Vân Nam.

Ất Sửu, năm thứ 9 (1385). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 18).

Tháng 3, mùa xuân. Sứ thần nhà Minh sang yêu cầu ta dâng nộp các nhà sư.

Trước đây, ta đưa sang nhà Minh những hoạn quan là bọn Nguyễn [Tông] Đạo và Nguyễn Toán. Nhà Minh dùng họ làm chức nội quan, đối xử rất hậu. Nguyễn [Tông] Đạo nhân nói với vua Minh rằng: Phép thuật sư Nam giỏi hơn sư Bắc (Trung Quốc). Đến đây, Minh sai sứ sang yêu cầu. Nhà vua sai tuyển lấy 20 vị sư, đưa sang Kim Lăng.

Tháng 7, mùa thu. Tư đồ Chương Túc hầu là Nguyên Đán xin trí sĩ, được nhà vua y cho.

Nguyên Đán là bậc đại thần, người họ tôn thất, thấy quyền chính trong nước ngày một rơi vào tay kẻ quyền thần, nên không để ý đến việc kinh bang tế thế nữa, bèn xin cáo lão, về núi Côn Sơn, để vui cùng khóm trúc và đá núi; đặt tên hiệu là Băng Hồ. Thượng hoàng đã từng đến chơi nhà, hỏi han việc mai sau. Nguyên Đán đều không nói, chỉ dặn: "Xin Bệ hạ kính trong nước Minh như cha, yêu thương Chiêm Thành như con, thì nước nhà sẽ được vô sự. Tôi dù có chết cũng được bất hủ". Nguyên Đán biết Quý Ly thế nào rồi cũng cướp ngôi, nên tìm cách để tránh khỏi vạ, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, và xin kết làm thông gia. Quý Ly đem con gái của Nhân Vinh³, người họ tôn thất nhà Trần, gả cho Mộng Dữ; rồi cất làm đồng cung phán thủ. Em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh cũng đều được làm tướng quân. Về sau, Quý Ly cướp ngôi, giết hại gần hết các tôn thất nhà Trần, chỉ riêng con cháu Nguyên Đán là được toàn hoạt. Nguyên Đán có Băng Hồ thi tập, có nhiều bài mượn sự vật để tỏ ý cảm khái thời thế. Nhưng đó cũng chỉ là nói suông, lo hão, mà đối với nước của dòng dõi nhà mình còn hay mất, cứ bỏ mặc, không nói qua. Thế thực là người bất trung lắm đấy.

Lời phê - Nghiêm thay, ngòi bút sử! Trội hơn **Sử cũ** nhiều lắm.

¹ Nay, Thủy Vĩ thuộc tỉnh Lào Cai.

² Nay, Thủy Vĩ thuộc tỉnh Lào Cai.

³ Nhân Vinh, vợ là Huy Ninh công chúa, sau khi Nhân Vinh mất, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly. Người con gái này gọi Quý Ly bằng bố dượng.

Lời chua - Côn Sơn: Ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương bây giờ, trên có động Thanh Hư, dưới có núi cầu Thấu Ngọc.

Bính Dần, năm thứ 10 (1386). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 19).

Tháng 2, mùa xuân. Sứ giả nhà Minh lại sang.

Nguyễn [Tông] Đạo¹ lại nói nước ta có nhiều thứ cây quý. Nhà Minh sai Lâm Bột sang yêu cầu. Nhà vua bèn sai viên ngoại lang là Phạm Đình đưa sang các cây: cau, vải, nhãn và mít², nhưng các thứ cây ấy không quen chịu lạnh, dọc đường, đều chết héo cả. Nhà Minh lại sai Lý Anh sang hỏi nhờ đường nước ta để đi đánh Chiêm Thành và đòi lấy 50 thớt voi nữa. Ta bèn sắp xếp từ Nghệ An đổ ra, cứ theo dọc đường, dựng các cung trạm, chứa sẵn lương thảo, luân chuyển đưa đến Vân Nam.

Lời phê - Minh Thái Tổ, còn làm như vậy³, huống chi người khác?

Dùng Hồ Tôn [Tông] Thốc⁴ làm quan Hàn lâm viện Học sĩ phụng chỉ.

Thốc, tuổi trẻ đỗ sớm, nổi tiếng về văn học. Khi làm An phủ sứ, Thốc ăn lễ của dân. Sự phát giác, Nghệ Tông lấy làm lạ, có đòi hỏi, Thốc lạy tạ mà rằng: "Một người được ơn vua thì cả nhà hưởng lộc nước"⁵. Nghệ Tông tha tội cho. Đến đây, được trao cho chức này, lại kiêm cả chức Thẩm hình viện sứ. Thốc có làm Thảo nhàn hiệu tằm⁶ thi⁷, ngụ ý cảm khái về việc Quý Ly chuyên chính. Tuổi ngoài 80, Thốc mất.

Lời chua - Hồ Tôn [Tông] Thốc: Người huyện Đông Thành, thuộc Diễn Châu.

Đinh Mão, năm thứ 11 (1387). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 20).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về triều đường.

Tháng 3. Dùng Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự⁸.

Thượng hoàng ban cho Quý Ly lá cờ và thanh kiếm có đề những chữ: "Văn vũ toàn tài, quân thần đồng đức"⁹. Quý Ly làm thơ bằng quốc âm để tạ ơn Thượng hoàng.

Nhâm Thìn, năm thứ 12 (1388). (Từ tháng 11 trở về sau, là triều Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 1. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 21).

Tháng 5, mùa hạ. Dùng Trần Đổ làm chức cung lệnh¹⁰.

Trần Đổ là con Thượng vì hầu Tung, mẹ Đổ cải giá lấy Quý Ly, nên có mệnh lệnh dùng Đổ làm chức này. Về sau, Đổ đổi theo họ Hồ.

Tháng 6. Dùng Lê Quý Tì làm chức Phán thủ, Tri tả Hữu ban sự¹.

¹ Một hoạn quan do ta tiến sang nhà Minh.

² Nguyên văn là "ba la mật". Đây theo Nhật dụng thường đàm (tờ 30), Hoàng Việt địa dư chí (quyển I, tờ 3a), Từ nguyên và Từ Hải mà dịch là mít. Còn Mô phạm pháp hoa từ điển, trang 27, thì cho là "dứa".

³ Chỉ việc Minh Thái Tổ cho sứ sang ta đòi các thứ cây như trên đã chép.

⁴ Theo Toàn thư VIII, 9, chính tên là Hồ Tông Thốc; còn Cương mục vì kiêng húy triều Nguyễn, nên đổi là Hồ Tôn Thốc.

⁵ Giống ý câu tục ngữ: "Một người làm quan, cả họ được nhờ".

⁶ Thảo nhàn: Tự tìm lấy cảnh nhàn rồi. Hiệu tằm: theo sách Trang Tử, Tây Thi đau bụng, nhãn nhỏ; một chị người làng, mặt mũi xấu xí, thấy Tây Thi nhãn nhỏ, cho là đẹp, về cũng ôm bụng bắt chước nhãn nhỏ. Do điển này, người ta dùng danh từ "hiệu tằm" để chỉ sự "học đòi một cách vụng về".

⁷ Sử ký VIII, 27 chép là ... thi tập.

⁸ Tức Tế tướng.

⁹ Văn võ gồm tài, vua tôi một dạ.

¹⁰ Đứng đầu một cung. Là một chức hầu cận vua.

Quý Tì là em Quý Ly.

Bổ ĐỀ: Nghĩa là tế tướng.

Tháng 8, mùa thu. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 12, mùa đông. Trung tuyên Quốc thượng hầu là Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng truất ngôi nhà vua, giáng làm Linh đức đại vương rồi giết chết ở chùa Tư Phúc. Lại giết cả bọn Ngự sử đại phu là Lê Á Phu, các Tướng quân là Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, Nguyễn Ha, Nguyễn Bát Sách, Lê Lạc và học sinh là Lưu Thường.

Trước đây, thấy có điềm sao chổi, nhà vua bàn với bọn Thái úy Ngạc và Lê Á Phu rằng: "Thượng hoàng yêu nông họ ngoại, Quý Ly càn rỡ, việc gì cũng làm theo ý muốn của hắn, nếu chúng ta không lo tính trước, sau này khó mà khống chế được". Vương Nhữ Mai hầu vua đọc sách, làm tiết lộ mưu ấy. Quý Ly biết chuyện. Nguyễn Đa Phương khuyên Quý Ly nên lánh ra núi Đại Lại, để nghe ngóng tình thế biến chuyển ra sao, Phạm Cự Luận nói: "Không nên. Một khi bước chân ra ngoài, thì khó mà toan tính vẹn toàn được". Quý Ly nói: "Nếu không có mưu kế gì, thì tôi phải tự tử, chứ không để lọt vào tay người khác". Cự Luận nói: "Mới rồi nhà vua dụ giết Quan phục hầu Đại vương Húc², việc ấy Thượng hoàng vẫn còn căm giận lắm. Hiện nay chỉ có một mình đại nhân³ vào yết kiến Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại: Thượng hoàng trước kia bỏ con mà lập cháu⁴, thì nên đem câu ngạn ngữ này làm rung động lòng Thượng hoàng: "Chỉ thấy người ta bán cháu nuôi con, chứ chưa thấy ai lại bán con nuôi cháu!". Nói như thế, chắc chắc Thượng hoàng nghe theo. Lúc bấy giờ đổi lập Chiêu Định⁵ lên làm vua thì xoay họa ra phúc dễ dàng như trở bàn tay". Quý Ly nghe theo kế ấy, liền theo lời Cự Luận đã nói, vào tâu kín với Thượng hoàng. Thượng hoàng rất lấy làm phải lẽ.

Đến đây, Thượng hoàng giả vờ đi chơi đất An Sinh⁶, cho bày tiệc trong nội điện triều nhà vua. Khi nhà vua đã đến, Thượng hoàng nói: "Đại vương⁷ đã đến", liền sai người dẫn ra nhà giam ở chùa Tư Phúc. Rồi ban tờ nội chiếu nói: "Trước đây Duệ Tông vào đánh trong Nam, không trở về⁸, cho nên dùng người cháu trưởng nối ngôi vua là theo đạo đời cổ. Nhưng từ ngày quan gia⁹ lên ngôi đến nay, chưa bỏ hết tính nết trẻ con, chưa giữ được đức độ vững chắc, thân cận với bọn tiểu nhân như bọn Lê Á Phu, Lê Dĩ Nghị, lập tâm hãm hại người bày tôi có công¹⁰, làm dao động cả xã tắc¹¹. Vậy cho giáng làm Linh Đức đại vương".

"Lại xét: nhà nước không thể không có người chủ trương, ngôi vua không thể để trống mãi được, chuẩn y cho rước Chiêu Định vương là Ngung vào triều, nối giữ đại thống. Vậy ban bố chiếu thư cho trong kinh thành, ngoài các lộ ai nấy đều biết".

Lúc ấy, viên tướng đội quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái và Nguyễn Văn Nhi, viên tướng đội quân Thiết Giáp là Nguyễn Ha và Lê Lạc, viên tướng đội quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách toan đem quân

¹ Cũng là một chức hầu cận, ở gần nhà vua.

² Xem thêm Chính biên, quyển X, tờ 49.

³ Một danh từ người dưới xưng hô một viên quan nào đó. Chữ "đại nhân" ở đây chỉ Hồ Quý Ly.

⁴ Đế Hiện, con trưởng Trần Duệ Tông, cháu Trần Nghệ Tông, xem thêm Chính biên, quyển X, tờ 41.

⁵ Con út Trần Nghệ Tông, tên là Ngung, được phong làm Chiêu Định vương.

⁶ Tên một xã thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

⁷ Theo tục lệ nhà Trần, đáng lẽ Trần Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia" mới đúng, đây gọi thẳng bằng "đại vương" là có ý gay gắt, không nhận cho được nối ngôi vua nữa.

⁸ Chỉ việc Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành bị chết tại trận. Xem Chính biên quyển X, tờ 40.

⁹ Chỉ Đế Hiện.

¹⁰ Chỉ Hồ Quý Ly.

¹¹ Tức là nhà nước.

phá nhà tù để cướp lấy nhà vua ra ngoài. Nhà vua viết hai chữ "giải giáp"¹ đưa cho các tướng ấy và dặn rằng: "Không được trái ý vua cha". Các tướng bấy giờ mới thôi. Một lúc sau, Thượng hoàng sai người phủ nhà vua xuống phủ Thái Dương, thắt cổ cho chết. Bọn Lê Á Phu, Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi và Lưu Thường đều bị giết, còn Lê Dữ Nghi bị đày đi trại đầu (?).

Lời chua - Dữ Nghi: Anh họ của Á Phu.

Núi Đại Lại: Nay ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, sau Quý Ly đổi là Kim Âu.

Phong cho Thái úy Trang Định vương là Ngạc làm đại vương.

Ngạc là con Thượng hoàng. Sau khi Đế Hiện đã bị truất ngôi, Quý Ly nói phao lên rằng sẽ lập Ngạc lên nối ngôi vua. Ngạc từ chối không nhận, nhân đấy Quý Ly nói với Thượng hoàng rằng: "Quan Thái úy biết chối từ không nhận ngôi vua, là người có đức độ lớn". Thượng hoàng lấy làm phải. Vì thế, nên mới có mệnh lệnh phong tước này.

Lập Chiêu Định vương Ngung lên làm vua.

Chiêu Định vương là con út Thượng hoàng. Khi đã lên ngôi vua, xưng là Nguyên Hoàng (tức là Thuận Tông).

Kỷ Tị (1389), Thuận Tông hoàng đế, năm Quang Thái thứ 2 (Minh, năm Hồng Vũ thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con gái Quý Ly làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu, con gái lớn Quý Ly, sau khi đã sách lập, đặt tên chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 4, mùa hạ. Bỏ dụng Phạm Cự Luận làm Thiêm Thư Xu mật viện sự².

Quý Ly hỏi Cự Luận: "Liêu thuộc trong viện Xu Mật, những người nào có thể dùng được?". Cự Luận tiến cử người em hần là Phạm Phiếm và bọn Đỗ Tử Mẫn, Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Chân, đều có danh vọng, đức độ có thể dùng được, nhưng có Đỗ Tử Mẫn là hơn cả. Quý Ly bèn dùng Khả Tuân quản lĩnh đội quân Thần Dực, Chương Dương quản lĩnh đội quân Thần Dũng. Quý Ly bỏ dụng như thế, là cốt để cho thêm vây cánh của mình.

Tháng 8, mùa thu. Giặc cướp ở Thanh Hóa nổi lên.

Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa, tự xưng là Linh Đức vương, trốn tránh tai nạn, tụ họp nhiều người ở sông Lương, dân chúng đều hưởng ứng. Lúc ấy lại có Nguyễn Kỳ, người Nông Cống, tự xưng là Lỗ Vương, tụ họp binh lính đi cướp bóc.

Lời chua - Thanh Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16).

Sông Lương: Phát nguồn từ huyện Lang Chánh, hạ lưu hợp với sông Mã.

Nông Cống: Huyện Tư Nông xưa. Khi thuộc Minh đổi tên này; từ đời Lê đến nay vẫn theo tên ấy, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 10, mùa đông. Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. Sai Quý Ly đem quân đi chống cự. Bị thua, Quý Ly trốn về.

Quân Chiêm Thành xâm phạm vào làng Cổ Vô. Quan quân đóng cọc gỗ ở sông, đem thuyền vây xung quanh. Hai bên cầm cự nhau hơn hai mươi ngày. Quân giặc đắp đập chắn nước ở thượng lưu sông Lương, để mai phục quân và voi, rồi giả vờ dọn dẹp doanh trại để kéo quân về. Quý Ly chọn quân tinh nhuệ đứng cầm đuổi theo, đại quân mở cọc gỗ đã đóng, rồi quân thủy quân bộ nhất tề xông ra. Bên giặc bèn phá bờ đập, lùa voi xông ra trận. Quân tinh nhuệ đứng cầm của Quý Ly không thể quay lại ứng cứu

¹ Giải tán giáp binh.

² Một chức quan ở viện Xu mật, được tham gia bàn bạc những việc cơ mật của triều đình.

được, thuyền chở quân chiến đấu ở dưới sông thì bị nước chảy xiết dồn vào một chỗ, bao nhiêu quân bộ bị giết hết, nên bị thua to. Viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt, ngoài ra bảy mươi viên tướng cầm quân đều bị chết. Quý Ly bỏ trốn về, để tì tướng là Phạm Khả Vĩnh và viên tướng quyền quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Nguyễn Đa Phương ở lại cầm cự với giặc ở Ngu Giang. Đêm hôm ấy, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh rằng: "Thế giặc mạnh như thế, mà quân chúng ta ít ỏi, khó có thể cầm cự lâu dài được, nếu bây giờ muốn kéo quân về, tất nhiên giặc thừa cơ đuổi theo". Họ bèn hạ lệnh cho các quân lính phong ra rất nhiều cờ, buộc thuyền lớn vào cột gỗ ở sông, canh phòng nghiêm mật, đến đêm dùng thuyền nhỏ trốn về. Giặc thừa thế, tung quân ra cướp bóc. Khi Quý Ly trốn về đến khuyết đình, xin cho xuất phát thuyền chiến để thêm sức mạnh. Thượng hoàng không chuẩn y. Nhân đây Quý Ly xin thôi không giữ binh quyền, không đem quân ra đánh Chiêm Thành nữa.

Lời phê - Việc làm của Quý Ly trước sau đều như thế¹, thế mà Nghệ Tông tin dùng, có lẽ cũng như câu ngạn ngữ nói "hoạ lai thần ám" chẳng?

Lời chua - Nguyễn Chí: Có một thuyết nói là Trần Đình Quý.

Cổ Võ: Tên làng.

Ngu Giang: Tức Lương Giang. Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 4 (Chính biên X, 47).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên 20-21)

Tháng 11. Quân Chiêm Thành xâm phạm đến Hoàng Giang. Nhà vua sai đô tướng² là Trần Khát Chân đem quân ra chống cự.

Được phụng mạng đem quân đánh giặc, Khát Chân kháng khái, khóc lạy Thượng hoàng để từ biệt. Thượng hoàng cũng khóc, mắt vẫn nhìn theo để tiễn đưa Khát Chân. Khi kéo quân đến Hoàng Giang, gặp quân giặc, Khát Chân xem xét địa thế, thấy không có chỗ bố trận, liền lui quân đóng giữ ở sông Hải Triều. Lúc ấy tôn thất Nguyên Diệu, là em Đế Hiện, muốn báo thù, bèn đem quân đầu hàng Chiêm Thành.

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Sông Hải Triều: Nay là khúc sông giáp với hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên³.

Trần Khát Chân: Người ở Vĩnh Ninh thuộc Thanh Hóa. Khát Chân là dòng dõi Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng.

Quý Ly gièm pha giết Nguyễn Đa Phương là người bè đảng với hãn.

Lời phê - "Chỉ có người quân tử mới có bằng đảng"⁴, câu nói ấy thật đúng.

Từ khi ở Ngu Giang trốn về, Đa Phương tự cho mình là có công giữ được quân trọn vẹn, thường chê bai Quý Ly là bất tài.

Vì thế, Quý Ly gièm pha với Thượng hoàng rằng việc đánh Chiêm Thành thất bại là do ở Đa Phương, bèn thu lấy binh quyền do Đa Phương giữ. Đa Phương vẫn có nét mặt kiêu ngạo. Thượng hoàng nói: "Cần phải bắt chịu tội nhẹ để răn bảo hãn". Quý Ly nói: "Đa Phương là người mạnh khoẻ, tôi sợ hãn sẽ chạy sang phương Bắc với nhà Minh hay là chạy vào phương Nam với Chiêm Thành, thả cợ ra sẽ để hoạ về sau, chi bằng giết đi là xong". Bèn hạ lệnh bắt Đa Phương phải tự tử. Đa Phương phàn nàn rằng:

¹ Chỉ việc Quý Ly trước bị thua bỏ trốn về, sau xin giải tán binh quyền, không đem quân ra đánh nữa.

² Một chức quan chỉ huy quân đội thời cuối Trần.

³ Nay huyện Tiên Lữ vẫn thuộc tỉnh Hưng Yên, huyện Hưng Nhân thuộc tỉnh Thái Bình.

⁴ Câu này trích trong bài "Bằng đảng luận" của Âu Dương Tu: "Tiên nhân vô bằng, duy quân tử tắc hữu bằng".

"Tôi vì có tài mà được sang, cũng vì có tài mà phải chết, chỉ ân hận là không được chết ở nơi chiến trận mà thôi".

Tháng 12. Người thầy chùa có yêu thuật là Phạm Sư Ôn nổi lên làm loạn. Nhà vua sai viên tướng quản lĩnh đội quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp tan được.

Sư Ôn hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai, lạm xưng danh hiệu lớn. Dùng Nguyễn Mại, Nguyễn Khả Hành giữ chức Hành khiển, chiêu tập những kẻ vô lại¹ đặt làm các hiệu quân Thần Kỳ, Dũng Đấu và Vô Hạn. Sư Ôn đem quân xâm phạm thẳng vào kinh sư, nhà vua và Thượng hoàng phải lánh sang Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh thành ba ngày, rồi kéo ra đóng ở Nộn Châu. Nhà vua sai Hoàng Phụng Thế đem quân đi đánh. Lúc ấy, Phụng Thế đương cùng La Ngai, tướng Chiêm Thành, cầm cự nhau ở Hoàng Giang. Khi đã nhận được lệnh, Phụng Thế từ Miệt Giang tiến quân. Bấy giờ gặp mùa đông, nước sông cạn, Phụng Thế vội mở đường thủy, thuyền chiến tiến xông vào. Quân giặc bị đánh bất thành linh, liền bị vỡ. Quân nhà Trần bắt được Sư Ôn cùng lũ Nguyễn Mại và Khả Hành đem giết đi.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 18-19).

Miệt Giang: Từ phân lưu sông Hát, qua các huyện Chương Đức, Hoài An, thông với Hoàng Giang.

Nộn Châu: Thuộc lộ Quốc Oai, nay thay đổi không rõ ở chỗ nào.

Phụng Thế: Người Cổ Đằng, thuộc Thanh Hóa.

Canh Ngọ, năm thứ 3 (1390). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 23).

Tháng giêng, mùa xuân. Đô tướng Trần Khát Chân đánh cho quân Chiêm Thành bị thua to ở Hải Triều, giết được chúa nước ấy là Chế Bồng Nga.

Bồng Nga cùng với hàng tướng Nguyên Diệu, quản lĩnh hơn trăm thuyền chiến, đến xem xét tình hình quan quân. Lúc các thuyền chưa kịp họp tập thì một tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê bị Bồng Nga quả trách, hăn sợ phải tội, mới chạy sang bên quan quân, chỉ chiếc thuyền sơn màu lục bảo với quan quân rằng: "Đây là thuyền chúa Chiêm Thành". Khát Chân lên sai hỏa pháo² cùng bắn một loạt, đạn bay trúng giữa thân Bồng Nga suốt vào ván thuyền, Bồng Nga bị chết ngay. Quân giặc sợ hãi tan vỡ. Nguyên Diệu nhân lúc ấy cắt lấy thủ cấp Bồng Nga, chạy về với quan quân. Viên đại đội phó trong đội quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và người đầu ngũ là Dương Ngang giết Nguyên Diệu, cướp lấy thủ cấp Bồng Nga đem dâng nộp. Khát Chân sai bỏ vào hòm, cho phi ngựa đem đến hành tại³ ở Bình Than, tâu việc đánh được giặc. Lúc ấy giọt nước đông hồ đã xuống đến trống canh ba, Thượng hoàng giật mình thức dậy, tưởng là giặc kéo đến, khi nghe biết tin thắng trận, mới cả mừng, liền triệu trăm quan đến xem cho kỹ, trăm quan đều chúc mừng. Thượng hoàng nói: "Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được thấy mặt nhau, không khác gì Hán Cao Tổ trông thấy đầu Hạng Vũ. Từ nay trong nước sẽ bình định".

La Ngai, tướng Chiêm Thành, thu thập tàn quân, hỏa táng hài cốt Bồng Nga, ngày đêm đi lẫn chân núi, bắc ngang cây làm giàn để nấu cơm, vừa đi vừa ăn, chỗ nào gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung của ra, để làm kẻ ngăn cản, nên đem quân về nước được trọn vẹn.

¹ Vô lại: có nhiều nghĩa, nhưng có hai nghĩa này thông dụng: Người không có nghề nghiệp, không làm gì lợi cho gia đình; người hung hãn giết người.

² Một chiến cụ thời cổ, có máy để bắn đạn bằng đá. Người chế ra súng này là Phạm Lãi, người thời Xuân Thu, qua đời Hán đến đời Tống đều dùng chiến cụ này, đến đời nhà Nguyên mới chế bằng sắt, nặng 5, 6 trăm cân, dài 5, 6 thước, trang bị bằng thuốc có chất này lửa và đạn bằng đá, để bắn quân địch.

³ Nơi vua đặt ngự doanh ở ngoài kinh thành, gọi là hành tại.

Lúc ấy, dân ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa, nhiều người làm phản, đi theo Chiêm Thành, duy thổ hào Phạm Mạnh và Phạm Thế Căng đem dân chúng thuận theo về triều đình. Thượng hoàng khen ngợi, lại thấy Mạnh là người có tài lược, cho thăng ngay lên chức Minh uy tướng quân, quản lĩnh quân Tân Bình và Thuận Hóa để chống cự với giặc Chiêm Thành.

Lời phê¹ - Cũng may đấy thôi, không có gì là tài giỏi.

Lời chua - Nghệ An: Đất Hoan Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-24).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thuận Hóa: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chính biên I, 28).

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Long Hưng, Kiến Xương và An Sinh, bãi yết các lăng tẩm.

Bọn Trần Nguyên Đĩnh và Trần Tôn phạm tội, phải chịu tội chết.

Trước đây, Chiêm Thành vào lấn cướp, tư đồ Nguyên Đĩnh và thiếu bảo Trần Tôn ngầm ngầm giao thông với Chiêm Thành, đến lúc quân Chiêm Thành rút lui, nhà vua hạ chiếu bắt để trị tội, bọn Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống nước chết, bè đảng của chúng là Trần Khang chạy sang Lão Qua.

Lời chua - Nguyên Đĩnh: Con Cung Tĩnh vương Nguyên Trác.

Lão Qua: Tên dân tộc Mán, tục gọi là Qua Gia. Đất này phía đông nam giáp với địa giới nước ta; phía tây giáp địa giới nước Bát bá tức phụ; phía bắc giáp địa giới Xa Lý. Nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405) mới đặt Tuyên Uy ty. Nay là nước Nam Chường.

Hạ chiếu định công trạng những người đánh được Chiêm Thành, ban tước có từng cấp bậc khác nhau.

Trần Khát Chân làm Long tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết quan nội hầu; Phạm Khả Vĩnh làm Xa kỵ thượng tướng quân, phong tước quan phục hầu; Phạm Lặc và Dương Ngang được ban tước năm tư, lại gia phong cho Lặc quản lĩnh Cẩm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng; còn những người khác đều được ban tước cao thấp khác nhau.

Tháng 4, mùa hạ. Gia tôn huy hiệu cho tiên đế và tiên hậu.

Tháng 6. Gió dữ, mưa to, nước lớn.

Bổ dụng Chương Tĩnh vương Nguyên Hi làm Nhập nội kiểm hiệu hữu tướng quốc bình chương sự².

Nguyên Hi là em Nguyên Diệu. Nguyên Diệu đã chết³, Nguyên Hi trong bụng không được yên, vì thế mới có lệnh bổ dụng này để cho yên tâm.

Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, cùng em hă là Chế Sơn Na chạy sang nước ta.

Tướng Chiêm Thành là La Ngai dẫn quân về, bèn chiếm giữ lấy nước, tự lập làm chúa. Hai con của Bồng Nga sợ bị giết, nên chạy sang nước ta. Nhà vua phong cho Ma Nô Đã Nan làm hiệu chính hầu, Sơn Na làm á hầu.

Tháng 10, mùa đông. Khởi sâu sông Thiên Đức.

¹ Chỉ việc may được Ba Lậu Kê chỉ bảo, nên mới giết được chúa Chiêm Thành.

² Chức tương đương với Tể tướng.

³ Diệu bị bọn Phạm Nhữ Lặc và Dương Ngang giết năm Canh Ngọ, 1390 (Chính biên XI, 11-12).

Lời chua - Sông Thiên Đức: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 11).

Tân Mùi, năm thứ 4 (1391). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly đi tuần đến Hóa Châu, bị Chiêm Thành đánh, phải thua, bèn trở về.

Quý Ly nhận thấy đất Hóa Châu tiếp giáp với Chiêm Thành, nên đem quân đi tuần đất ấy, xét định hàng ngũ quân lính, sửa sang xây dựng thành hào, rồi sai viên tướng quản lĩnh đội quân Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần tiểu đến địa giới Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt quân mai phục để chờ đợi: quân Phụng Thế tự tan vỡ. Phụng Thế bị giặc bắt, sau tìm kế thoát ra được; khi đem quân về, lại được giữ chức như cũ. Còn 30 người đại đội phó trong bộ thuộc Phụng Thế thì bị Quý Ly đem chém hết.

Tháng 5, mùa hạ. Quý Ly giết Thái úy là Trang Định đại vương Ngạc.

Trước đây, Đế Hiền bị truất, Thượng hoàng muốn lập Ngạc nối ngôi, Quý Ly dùng kế làm cho Thượng hoàng mê hoặc¹, do đấy Ngạc và Quý Ly sinh ra hiềm khích, nhiều lần Ngạc bị Quý Ly gièm pha, sinh lòng nghi ngờ lo sợ, bèn trốn ra Vạn Ninh. Thượng hoàng sai viên tướng quản lĩnh đội quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt đuổi theo bảo trở về. Quý Ly ngầm sai Nhân Liệt đánh chết Ngạc. Khi trở về kinh đô, Nhân Liệt nói dối là vì Ngạc đối với người Vạn Ninh một cách bạo ngược, nên bị họ giết. Thượng hoàng giận, truất Ngạc làm Mẫn vương, sau tình ngộ ăn năn, mới hỏi người nào đuổi bắt Mẫn vương. Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Lời chua - Vạn Ninh: Từ đời Trần trở về trước là tên châu; lúc thuộc Minh đổi làm huyện; nhà Lê lại đặt làm châu; nay là phủ Hải Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên.

Tháng 8, mùa thu. Quý Ly giết hai tướng quản lĩnh quân Hóa Châu là Phan Mãnh và Chu Bình Khuê; dùng Đặng Tất làm châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chánh hình viện đại phu.

Uy quyền Quý Ly ngày một to lớn, các tướng ở Hoá Châu cùng nhau bàn luận. Phan Mãnh nói: "Trời không bao giờ có hai mặt trời, dân không bao giờ có hai vua". Chu Bình Khuê nói: "Dương Liễu lắm điều, mọi người đều khoá miệng"². Tất và Hối Khanh ngầm viết thư mách Quý Ly. Quý Ly cho là Mãnh và Bình Khuê ngầm ngầm làm điều trái phép, bèn giết hai người ấy, mà bổ dụng bọn Đặng Tất giữ chức quan này. Viên ngự sử Đỗ Tử Trừng không nói gì đến việc này, Quý Ly đưa bài thơ để quở trách.

Lời phê³ - Con đường xuất thân của Đặng Tất như thế, so với việc làm sau này, có phải là một người mà hai nhân cách khác nhau hay không?⁴

Lời chua - Phan Mãnh, Bình Khuê: Người Hóa Châu.

Đặng Tất: Người ở Thiên Lộc, thuộc Nghệ An, có thuyết nói Đặng Tất là người Hóa Châu.

Hoàng Hối Khanh: Người ở An Định, thuộc Thanh Hóa.

Dương liễu lắm điều: Sử cũ chua là "không rõ nghĩa". Đại ý nói Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 6.

² Nguyên văn là: "Dương Liễu đa ngôn, chúng giai bế khẩu". Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

³ Chỉ việc Đặng Tất đưa thư tố cáo với Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Bình Khuê.

⁴ Câu phê này có 10 chữ: "Đặng Tất xuất thân như thử, thị nhị nhân da?". Ý nói: Đặng Tất viết thư mách Quý Ly về lời đàm luận của Phan Mãnh và Chu Bình Khuê, làm cho hai người này bị giết, mà mình được xuất thân làm quan, đây là nhân cách kém. Thế mà sau này lại biết phò Đế Ngỗi, đánh quân Minh xâm lược, thì lại là nhân cách tốt. (Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 22, 28).

Nhâm Thân, năm thứ 5 (1392). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 25).

Tháng 2, mùa xuân. Giết tôn thất Trần Nhật Chương.

Nhật Chương lập mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là người mang lòng phản bội, nên giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn. Nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói trung thực.

Bùi Mộng Hoa dâng sớ, đại lược nói: "Tôi nghe được câu đồng dao rằng "thâm tai Lê sư"¹, xem như thế thì tất nhiên Quý Ly có ý dòm ngó đến ngôi báu". Thượng hoàng xem lời tâu, rồi lại bảo cho Quý Ly biết. Sau này Quý Ly chuyên giữ chính quyền trong nước, Mộng Hoa trốn đi ở ẩn, không ra làm quan.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Kinh Dịch nói: "Vua mà không cẩn mật thì làm hại đến bầy tôi"². Nay đã trưng cầu lời nói trung thực, rồi lại vội đem lời nói trung thực ấy bảo với người bị chỉ trích, thì có đời nào lại hành động như thế bao giờ? Nghệ Tông già nua lẫn lộn đến thế là cùng. Mộng Hoa không gặp được vua sáng suốt, là tự lòng trời, mà cũng là việc không may cho nhà Trần.

Tháng 10, mùa đông. Đặt đồn ở các cửa sông cửa ải và đi tuần để canh giữ.

Bấy giờ, Chiêm Thành thường vào xâm lấn, nhiều nơi trộm giặc hàng đàn khởi lên, cướp bóc giữa ban ngày, pháp luật không sao ngăn cấm được. Nay Quý Ly giữ chính quyền, mới đặt đồn ở các cửa sông, cửa ải để đi tuần và canh giữ, dò bắt trộm cướp, tùy theo địa thế xung yếu mà đặt hoặc 3 đồn, hoặc 4 đồn, hoặc 5 đồn³.

Tháng 12. Định tội những quân và dân trốn tránh sai dịch.

Phạm quân và dân trốn tránh sai dịch đều phải phạt 10 quan tiền, thích 4 chữ vào gáy. Nếu người trốn tránh ấy là hạng đầu mục trong quân và dân, sẽ bị tội chết chém, ruộng đất và tài sản bị sung công.

Đày viên Quốc tử trợ giáo là Đoàn Xuân Lô đi cận châu⁴, giáng chức viên Hành khiển Đào Sư Tích làm Trung thư thị lang đồng tri Thẩm hình viện sự.

Quý Ly làm 14 thiên Minh Đạo dâng lên vua. Đại lược nhận định Chu Công⁵ là tiên thánh, Khổng Tử⁶ là tiên sư; sắp xếp ngôi thứ thờ ở Văn Miếu⁷: đặt bài vị Chu Công ngồi giữa, mặt hướng nam⁸; bài vị Khổng Tử ngồi bên, mặt hướng tây.

Trong sách Luận ngữ có 4 chỗ, Quý Ly lấy làm ngờ, như: Khổng Tử đến yết kiến nàng Nam Tử⁹; Khổng Tử bị hết lương ăn ở nước Trần¹⁰; Công Sơn triệu, Phất Hất triệu, Khổng Tử đều muốn đến giúp¹

¹ Thâm hiểm thay quan thái sư họ Lê! - Lê Quý Ly sau này xưng là Phụ quốc thái sư, nên chúng tôi cho "Lê sư" là quan thái sư họ Lê. Nhưng theo Đại Việt sử ký bản kỷ, thì có chỗ (quyển 9 từ 23) tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) lại chua là lời sấm Lê Thái Tổ khởi binh, thì chữ "Lê sư" lại có nghĩa là binh lính của Lê Lợi. Câu đồng dao thời đại phong kiến phần nhiều có tính chất huyền bí, khó hiểu thế nào cho thật đúng được.

² Nguyên văn là "Quân bất mật tắc thất thân", một câu trong "Hệ từ thượng" kinh Dịch, dùng để giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

³ Mỗi đồn 80 người. Xem thêm Chính biên quyển VII từ 10 về việc định quân ngũ.

⁴ Những châu ở gần.

⁵ Tên là Đán, con Văn vương, định quan chế, dựng lễ pháp; đời sau nói đến lễ nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

⁶ Tên là Khâu, tự là Trọng Ni, người đời Xuân thu, sửa lại 6 kinh, để tuyên dương phép tắc của đế vương đời trước, là một ông tổ về nho giáo.

⁷ Nước ta có Văn Miếu bắt đầu từ đời Lý Thánh Tông (1070), trong Văn Miếu thờ Chu Công, Khổng Tử và bốn vị phối hưởng, bày mười hai vị hiền (Xem thêm Chính biên quyển III từ 30).

⁸ Tượng trưng vị chính của thiên tử.

⁹ Con gái nước Tống, vợ Linh công nước Vệ, là người tà dâm, việc chép trong thiên Ung Dã.

¹⁰ Khổng Tử ở nước Vệ sang nước Tân, bị hết lương ăn, người đi theo bị đói, không đứng dậy được, việc chép ở thiên Vệ Linh công.

... Về Hàn Dũ², Quý Ly cho là "đạo nho"³; còn các người hiền như Chu Mậu Thúc⁴, hai họ Trình⁵, Dương Quy Sơn⁶, La Trọng Tố⁷, Lý Diên Bình⁸ và Chu Tử⁹, thì Quý Ly cho là học rộng mà ý nghĩ viển vông, không sát với tình hình sự việc, chỉ chăm bề cập nhật. Mười bốn thiên Minh Đạo dâng lên, Thượng hoàng ban tờ chiếu khen ngợi và phủ dụ. Đoàn Xuân Lô dâng thư nói: "Không nên như thế". Vì thế, phải phát vãng đi cận châu. Án từ việc này liên can đến Sư Tích, vì Sư Tích đã thường xem đến bức thư ấy, do đấy, Sư Tích cũng bị giáng truất.

Lời phê¹⁰ - Chưa phải đã hoàn toàn sai.

Lời chua - Đoàn Xuân Lô: Người ở Tân Phúc, thuộc Bắc Giang, thi đỗ thái học sinh năm Xương Phù thứ 8 (1384), niên hiệu Trần Đế Hiện.

Quý Dậu, năm thứ 6 (1393). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 26).

Tháng giêng, mùa xuân. Bổ dụng Hồ Cương quản lĩnh quân Tả Thánh Dực.

Quý Ly tự nhận gốc tích họ mình là Hồ, có ý muốn lại theo họ cũ, nên đem Hồ Cương là người thân thích ruột thịt nhà mình giữ chức quan này.

Lời chua - Hồ Cương: Người Diễn Châu.

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 8, mùa thu. Động đất, thủy tai.

Tháng 9. Hoàng trùng.

Tháng 10, mùa đông. Đem vợ Đế Hiện là Trần thị gả cho thái bảo Trần Nguyên Hàng.

Hậu, tức là Thiên huy công chúa, con gái Thượng hoàng. Sau khi Đế Hiện đã bị giết, Thượng hoàng thường muốn cho hậu cải giá. Nhân một hôm đi chơi hồ Tây, hậu tư bôn với phủ quân ti là Nguyên Uyên; Thượng hoàng giận, đem gả lại cho Nguyên Hàng là em Nguyên Uyên, để cho nhục nhã.

Lời chua - Uyên, Hàng: Đều là con Cung Tín vương Nguyên Trạch.

Giáp Tuất, năm thứ 7 (1394). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 27).

Tháng 2, mùa xuân. Thượng hoàng ban cho Quý Ly bức tranh "tứ phụ"¹.

¹ Họ Công Sơn Phất Nhiếu là quan thái tử của họ Quý nước Lỗ, giữ ấp Phí để chống lại họ Quý: Phất Hất là quan thái tử ấp Trung Mâu. Hai việc này đều chép ở thiên Dương Hóa.

² Hàn Dũ người ở Nam Dương, tự Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, vì tiên tổ Hàn Dũ người ở Xương Lê. Hàn là một danh nho đời Đường.

³ Theo bài tán ở truyện Lý Phùng Cát trong Đường thư thì người nào ngoài miệng nói đạo nghĩa thánh hiền mà việc làm như kẻ cắp chợ, gọi là "đạo nho". Có lẽ vì Hàn Dũ làm bài "Phật cốt biểu" cực lực bài bác đạo Phật, sau bị giáng chức ra Triều châu, lại giao du thân mật với nhà sư Đại Diên, lời nói và hành động trái ngược nhau, nên Quý Ly cho là "đạo nho".

⁴ Chính tên là Chu Đôn Di, tự Mậu Thúc, cũng gọi là Liêm Khê tiên sinh, có làm thuyết Thái Cực đồ và sách Thông thư, Chu là ông tổ trong phái lý học đời Tống.

⁵ Trình Hiệu và Trình Di, hai anh em đều là học trò Chu Mậu Thúc. Trình Hiệu, đời gọi là Minh Đạo tiên sinh, Hiệu có sửa định lại sách Tính Lý và thuyết Thái Cực đồ. Trình Di, em Trình Hiệu, tên tự là Chính Thúc, đời gọi là Y Xuyên tiên sinh. Di có làm truyện kinh Dịch và truyện kinh Xuân Thu.

⁶ Tên là Thê, tự là Trung Lập, đời gọi là Quy Sơn tiên sinh, Dương là học trò Trình Di, chuyên tâm về việc trữ tác và giảng dạy.

⁷ Tên là Tùng Ngạn, tự là Trọng Tố, cũng gọi là Dự Chương tiên sinh, La là học trò Dương Quy Sơn, ở ẩn để đọc sách, không có chí về công danh. La thường nói: "Sĩ phu ra làm quan, căn bản là phải chính trực, trung hậu".

⁸ Tên là Đồng, tự Nguyên Trung, cũng gọi là Diên Bình tiên sinh, tinh thông về lý học. Diên Bình là học trò La Trọng Tố và là thầy học Chu Hi.

⁹ Xem chú thích số 2 ở Cương mục, quyển đầu, tờ 13.

¹⁰ Chỉ việc Hồ Quý Ly phê bình các tiên nho như bọn Hàn Dũ, Chu Tử,...

Thượng hoàng sai vẽ tranh Chu Công giúp Thành vương², Hoắc Quang giúp Chiêu Đế³, Gia Cát Lượng giúp Hậu Chúa⁴, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông⁵ gọi là "tứ phụ đồ", ban cho Quý Ly và dặn bảo rằng: "Khanh giúp quan gia⁶ cũng nên theo như những người ấy".

Có một đêm, Thượng hoàng nằm mộng thấy Duệ Tông⁷ đọc bài thơ rằng: "Trung gian duy hữu xích chủy hầu, ân cần tiêm thưởng bạch kê lâu, khẩu vương dĩ định hưng vong sự, bất tại tiền đầu tại hậu đầu"⁸. (Đại ý nói: trung gian có một người xích chủy, lăm le lần bước lên cái lâu bạch kê, việc nước còn hay mất cũng đã định sẵn rồi, sau này sẽ biết rõ). Khi tỉnh dậy, thượng hoàng dùng lối "triết tự"⁹ để phân tích, biết chắc chắn là Quý Ly thế nào cũng cướp mất ngôi vua, lấy làm lo lắng, nhưng tình thế lúc bấy giờ khó có thể chống đỡ lại được nữa.

Tháng tư, sau khi hội họp tuyên thệ xong¹⁰, Thượng hoàng triệu Quý Ly vào cung bảo rằng: "Bình chương là họ thân thích nhà vua¹¹, hết thảy công việc nhà nước đều ủy thác cho khanh cả, nay thế nước suy yếu, mà trẫm đã đến tuổi già rồi, sau khi trẫm qua đời, nếu quan gia có thể giúp được thì giúp, nếu là người hèn kém ngu tối, thì khanh tự nhận lấy ngôi vua". Quý Ly tháo bỏ mũ¹², lạy sát đầu xuống đất vừa khóc vừa tạ tội, rồi chỉ lên trời thề rằng: "Nếu tôi không làm thế nào hết trung hết sức để phò tá quan gia, thì dòng dõi nhà tôi sau này sẽ bị trời chán ghét". Quý Ly lại nói: "Lúc Linh Đức vương¹³ làm điều bất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì tôi đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được đến ngày nay nữa? Tôi dầu nát thịt nát xương cũng chưa thể báo đáp ơn bệ hạ lấy một phần trong muôn phần, còn đâu dám mưu đồ sự khác, xin bệ hạ soi xét tấm lòng ấy cho hạ thần, không nên lo nghĩ quá".

Lời phê¹⁴ - Chỉ có kẻ tiểu nhân thì không sợ trời, không nghĩ gì đến lời nói. Bọn giặc cướp lúc bấy giờ đều thế cả, còn người quân tử thì không như thế.

Lời chua - Xích chủy: **Chỉ Quý Ly¹⁵**.

¹ Bức tranh vẽ bốn quan to ở bốn triều đại đã từng giúp vua khi mới lên ngôi.

² Chu Công tên là Đán, giữ chức chủng tể nhà Chu. Khi Chu Vũ vương Phát mất, con là Tụng nối ngôi (tức là Thành vương) mới 13 tuổi, Chu Công thay Thành vương trông coi mọi việc, nhờ có Chu Công mà xã tắc nhà Chu mới yên.

³ Hoắc Quang giữ chức đại tư mã đại tướng quân dưới triều Hán Vũ đế. Khi Hán Vũ đế mất, con là Phất Lăng mới 9 tuổi lên nối ngôi (tức là Hán Chiêu đế), Hoắc Quang một tay nắm hết quyền bính trong nước để giúp Chiêu đế.

⁴ Gia Cát Lượng, tức Khổng Minh, giữ chức thừa tướng dưới triều Chiêu Liệt đế, nhà Hậu Hán (tức Lưu Bị). Khi Lưu Bị mất, con là Lưu Thiện tuy đã trưởng thành, nhưng rất ngu hèn. Gia Cát Lượng phải giúp Lưu Thiện về mọi việc mới chống chọi được với nước Ngụy và nước Ngô.

⁵ Tô Hiến Thành giữ chức thái úy dưới triều Lý Cao Tông. Khi Cao Tông mất, con là Long Cán mới 3 tuổi lên nối ngôi. Hiến Thành thay Long Cán điều khiển công việc trong nước. Nhiều lần vợ Lý Cao Tông muốn thay đổi người khác làm vua, Hiến Thành nhất định không nghe.

Bức tranh tứ phụ này, về ba người trên theo điển ở sử Trung Quốc, về Tô Hiến Thành theo điển ở triều Lý nước ta.

⁶ Chỉ Trần Thuận Tông.

⁷ Em Nghệ Tông, bị tử trận khi đi đánh Chiêm Thành.

⁸ Bốn câu thơ chữ Hán này, sách **Cương mục** đã chua ở dưới.

⁹ Một phương pháp riêng của nhà thuật số dùng để tàn tự, họ đem những danh từ huyền bí tách ra từng nét, hoặc hợp nét nọ vào với nét kia, chữ nọ vào với chữ kia, hoặc gán ghép vào các giống vật, các câu thành ngữ để đoán mọi sự việc.

¹⁰ Theo tục nhà Trần, hằng năm, vua hội họp bày tỏ làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ (xem thêm **Chính biên** quyển VI, tờ 5).

¹¹ Quý Ly có hai người cô đều lấy Trần Minh Tông, một người sinh ra Nghệ Tông, một người sinh ra Duệ Tông. Vợ Quý Ly lại là Huy Ninh công chúa, một tôn nữ nhà Trần.

¹² Thời đại phong kiến, mỗi khi bày tỏ biết mình có lỗi thì tháo bỏ mũ đương đội trên đầu để tạ tội.

¹³ Một tước phong cho Đế Hiến khi bị giáng truất. Xem thêm **Chính biên** quyển XI, tờ 5-6.

¹⁴ Chỉ việc Quý Ly chỉ tay lên trời thề nguyện.

¹⁵ Sách **Cương mục** chua chữ "xích chủy" chỉ Quý Ly. Chua như thế có phần đúng, nhưng chưa được rõ. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì chữ "chủy" nghĩa đen là mỏ loài chim, mõm loài thú, hay cũng có thể là miệng của người. Nghĩa chữ "chủy" cũng như nghĩa chữ "khẩu". Trong **Từ thư** không có danh từ "xích chủy", chúng tôi tưởng nghĩa "xích chủy" cũng như nghĩa "xích

Bạch kê: Chỉ Nghệ Tông, vì Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, cho nên gọi là "bạch kê"¹.

Khẩu vươngng: Chữ "quốc" ____²

Tại hậu đầu: Về việc nước còn hay mất, sau này sẽ thấy rõ.

Tháng 7, mùa thu. Bỏ Phùng Cự làm quan doãn ở Trung Đô.

Trước gọi là quan doãn Kinh Su³, đến nay đổi là quan doãn Trung Đô.

Tháng 11, mùa đông. Bỏ Nguyên Trường, con cả Quý Ly, xét đoán công việc ở Thượng lâm tự⁴.

Trước kia, đặt viện Đăng Văn kiểm pháp⁵ để xét hỏi việc ngục tụng trong nước, đến nay đổi viện làm tự, bỏ Nguyên Trường giữ việc xét xử công việc trong tự ấy.

Tháng 12. Thượng hoàng mất, mai táng ở Nguyễn Lăng.

Đặt tên thụy là Quang Nghiêu anh triết hoàng đế, miếu hiệu là Nghệ Tông, ở ngôi vua ba năm, nhường ngôi hai mươi bảy năm, hưởng thọ 74 tuổi.

Lời bàn của Ngô Sĩ Liên - Nghệ Tông tính tình hòa nhã, giữ lòng kính cẩn lo sợ, nhưng thiếu uy vũ để đánh lui giặc ngoài⁶, không đủ sáng suốt để phân biệt lời gièm pha⁷, ủy thác chính quyền cho ngoại thích⁸, khiến xã tắc nhà Trần đi đến chỗ suy vong! Ấy chính như lời xưa đã nói: "Đăng trước có kẻ sàm nịnh mà không thấy, đăng sau có giặc mà không hay"⁹.

Lời cần án - Ngày mất và ngày táng cùng trong một tháng là trái lẽ, hoặc Sử cũ chép lầm, hoặc là Quý Ly chuyên giữ chính quyền, công việc không theo đúng lễ? Việc này sẽ xét sau.

Lời chua - Nguyễn Lăng: Ở xã An Sinh, huyện Đông Triều¹⁰.

Ất Hợi, năm thứ 8 (1395). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 28).

khẩu". "Xích khẩu độc thiết" là nói những người miệng lưỡi thâm độc. Quý Ly là người làm điều (Dương liễu đa ngôn) gièm pha giết hết người này người khác, nên câu thơ này dùng chữ bí ẩn để ám chỉ Quý Ly, còn chữ "hầu" ở cuối câu này, có thể cắt nghĩa là người nào đó, như quân hầu chẳng hạn, vì thế, chúng tôi dịch chữ "hầu" là "người".

¹ Bạch kê: nghĩa đen là gà trắng. Theo về thuật số học, 12 hàng chi từ tí đến hợi, mỗi chi đều cầm tinh một giống vật, như tuổi tí cầm tinh con chuột, tuổi hợi cầm tinh con lợn, ... Nghệ Tông tuổi Tân Dậu, "tân" thuộc hành kim, loàn kim sắc trắng, "dậu" cầm tinh con gà, vì thế mới dùng chữ "bạch kê" để ám chỉ tuổi Tân Dậu.

² Chữ "vươngng" ở trong lòng chữ "khẩu" thành chữ ____ "quốc" (lỗi viết đơn giản của ta xưa). Theo quan điểm phong kiến, nước là của vua, nên mới đặt chữ "vươngng" trong một ô vuông, để tượng trưng ông vua là chủ trong một chu vi rộng lớn ấy. Nhưng theo lối viết đơn giản bây giờ, đặt chữ "ngọc" ____ ở trong một ô vuông, chỉ thêm một nét chấm, mà nghĩa chữ "quốc" bây giờ khác hẳn với chữ "quốc" thời phong kiến.

³ Tức là chức Kinh Sư đại doãn, như Nguyễn Trung Ngạn đã được làm năm Tân Tị (1341) dưới triều Trần Dụ Tông (Chính biên IX, 40).

⁴ Tự đây là nơi quan tự ở thời phong kiến, như Thái thường tự, Hồng lô tự... tuy cùng một chữ nhưng khác nghĩa với "tự" là chùa.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển IX, tờ 44.

⁶ Chỉ Chiêm Thành.

⁷ Chỉ lời gièm pha của Quý Ly.

⁸ Chỉ Quý Ly. Xem thêm chú thích số 6 ở Chính biên quyển XI, tờ 20.

⁹ Nguyên văn là "tiên hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu nhi bất tri". Lời Đồng Trọng Thư trong Hán Thư.

¹⁰ Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly sai giết tôn thất là Nguyên Uyên, Nguyên Dận và sĩ nhân là Nguyễn Phù.

Quý Ly nhận thấy Nguyên Uyên và Nguyên Dận, đương khi để tang Nghệ Tông, thường cùng với Nguyễn Phú bàn tán về việc Nhật Chương¹, nên tước họ tôn thất của Uyên và Dận mà đổi là họ Mai, rồi giết đi.

Lời chua - Nguyên Dận: Con Cung Chính vương Sư Hiền. Chế độ cũ nhà Trần, người trong họ tôn thất mà có tội nặng, thì phải tước họ tôn thất mà gọi là họ Mai².

Bổ dụng Quý Ly giữ chức Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung Vệ quốc đại vương.

Lời phê - Hình tích hành động của Quý Ly gần giống Vương Mãng³.

Cho Quý Ly đeo phù hiệu kim lân⁴, lại được ở tại phía hữu sảnh và đài, đặt tên chỗ ở là "Hoạch Lư"⁵. Nhân đấy, Quý Ly biên dịch thiên "Vô dật"⁶ ra quốc ngữ⁷ để dạy quan gia⁸. Mệnh lệnh ban ra thì xưng là phụ chính cai giáo hoàng đế⁹.

Lời chua - Sảnh: Trung thư sảnh.

Đài: Ngự sử đài.

Sứ thần nhà Minh sang.

Nhà Minh đem quân đánh người Mán bội bạn ở Long châu, sai Nhâm Hanh Thái sang nước ta xin giúp cho 5 vạn người, 50 thớt voi, và 50 vạn thạch lương thực để tiếp tế cho quân. Thâm tâm nhà Minh muốn giả thác việc này để chộp bắt người nước ta. Lúc Hanh Thái đến, đem thâm tâm ấy nói kín cho triều đình biết. Vì thế nước ta không giúp cho lính và voi, chỉ sai quan đưa số gạo, lương đến Đồng Đăng giao nhận xong rồi trở về. Số gạo ấy cũng không được bao nhiêu.

Lời chua - Đồng Đăng: Tên xã, nay thuộc châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Bính Tuất, năm thứ 9 (1396). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Sa thải một số tăng đạo.

Những sư chưa đến 50 tuổi trở lên đều phải hoàn tục. Lại thi người nào thông hiểu đạo Phật, trao cho chức Tăng đường đầu mục¹⁰ và tri cung, tri quán, tri tự, ngoài ra gọi là tu nhân¹¹, hoặc thị giả¹.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 16-17 việc Quý Ly giết Nhật Chương (việc năm Nhâm Thân, 1392).

² Xem thêm Chính biên quyển VIII, tờ 14: việc Trần Kiên, Trần Văn Lộng.

³ Giữ chức đại tư mã dưới triều Bình Đế nhà Tây Hán, sau giết Bình Đế. Lập nhụ tử Anh, Vương Mãng nắm hết chính quyền trong nước, tự xưng là Hoàng đế già, cuối cùng cướp ngôi vua nhà Hán, đặt tên nước là Tân.

⁴ Phù hiệu có chạm hình con lân bằng vàng.

⁵ Nguyên văn chữ Hán là _____. Riêng chữ ____ có hai âm: "Hoạch" và "họa" nên hai chữ này có thể đọc là "hoạch lư" cũng có thể đọc là "họa lư". Theo chú thích trong Từ nguyên thì danh từ này có nhiều nghĩa: a) nhà ở của người bày tôi thân cận với nhà vua để định kế hoạch trong nước; b) nhà có chạm trổ; c) nhà có vẽ hình các vua hiền đời trước; d) nhà của một chức quan về triều nhà Hán.

⁶ Một thiên trong sách Thượng thư, do Chu Công Đán làm ra để khuyên răn Thành vương nhà Chu. Trong sách phần nhiều nhấn mạnh về việc làm vua phải biết việc cày cấy của dân khó nhọc, không nên đánh thuế nặng, ... Hai chữ "vô dật" nghĩa là chớ có ở đứng, chớ có chơi bời làm lãng phí thì giờ.

⁷ Tức là quốc âm.

⁸ Chỉ Trần Thuận Tông.

⁹ Sáu chữ này nghĩa là giúp vua giữ chính quyền trong nước kiêm cả việc dạy bảo vua.

¹⁰ Có lẽ một chức đứng đầu nhà sư.

¹¹ Người tu luyện pháp môn cửa Phật.

Tháng 3. Duyệt binh.

Tháng 4, mùa hạ. Bắt đầu ban hành tiền "thông bảo hội sao".

Thiếu bảo Vương Nhữ Chu đề nghị đổi lại chế độ. Quý Ly nghe theo, mới định chế độ tiền giấy như sau: loại 10 đồng vẽ rau rong; loại 30 đồng vẽ thủy ba; loại một tiền vẽ đám mây, loại hai tiền vẽ con rùa; loại ba tiền vẽ con lân; loại 5 tiền vẽ con phượng; loại một quan vẽ con rồng. Người nào làm giả phải tội tử hình, tịch thu điền sản sung công. Khi tiền giấy đã in xong, hạ lệnh cho dân được đem tiền thực đổi lấy tiền giấy: cứ một quan tiền thực chất đổi lấy tiền giấy một quan hai tiền. Cấm chỉ dân gian không được dùng tiền đồng, bao nhiêu tiền đồng đều nộp vào quan, nếu như người nào tàng trữ riêng hoặc tiêu dùng riêng cũng phải tội như người làm giả tiền giấy.

Định thể lệ thi cử.

Hồi đầu đời Trần thi học trò, thể văn không được nhất định, đến nay mới định ra thể văn bốn kỳ thi, bỏ lối ám tả cổ văn, năm trước thi hương, năm sau thi hội, người nào trúng tuyển thì thi một bài văn sách để định thứ tự đỗ cao, đỗ thấp.

Lời chua - Thể văn bốn kỳ (tứ trường văn thể): Kỳ đệ nhất: thi một bài kinh nghĩa, có đoạn phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, chúc kết, bài làm hạn trên năm trăm chữ. Kỳ đệ nhị: thi một bài thơ và một bài phú. Thể thơ dùng luật Đường; phú dùng cổ thể, hoặc thể Ly Tao, thể Văn tuyển, riêng bài phú cũng hạn trên năm trăm chữ. Kỳ đệ tam: thi chiếu, chế và biểu mỗi thể một bài, bài chiếu dùng văn thể đời Hán, bài chế và bài biểu dùng văn thể tứ lục đời Đường. Kỳ đệ tứ: thi một bài văn sách, quan trường dùng điển tích ở sách kinh, sách sử và thời sự để ra đầu bài, hạn trên một ngàn chữ.

Tháng 6. Quy định thể lệ mũ và áo.

Về áo mặc: viên quan nhất phẩm mặc áo màu tía, nhị phẩm màu đại hồng, tam phẩm màu hồng điều, tứ phẩm màu lục, ngũ phẩm và thất phẩm màu biếc, bát và cửu phẩm màu xanh. Người không có phẩm cấp và hạng hoành nô² đều dùng màu trắng. Về khăn hoặc mũ: hàng quan văn từ lục phẩm trở lên đội khăn cao sơn, hàng quan võ từ lục phẩm trở lên khăn chiết xung; họ tôn thất đội khăn phượng thẳng màu đen, người nào chức cao mà không có tước đội khăn giác đỉnh; viên quan thất phẩm đội khăn thái cổ, tòng thất phẩm đội khăn toàn hoa, vương hầu đội khăn viễn du, ngự sử đội khăn khước phi. Thể lệ mũ áo này là theo lời kiến nghị của thiếu bảo Vương Nhữ Chu.

Lời chua - Mũ viễn du: Theo "Du phục chí" trong Hậu Hán thư, thì kiểu mũ này cũng chế như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ đứng thẳng lên, đỉnh mũ hơi lõm vào, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang ở trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để có thể tháo vòng sắt ra hoặc tra vào được.

Mũ cao sơn: Cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.

Mũ khước phi: Chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.

Mũ thái cổ: Theo Lễ ký, thì mũ thái cổ là mũ của người mới gia quan, mũ vải thâm.

Còn các mũ khác kiểu chế như thế nào không rõ.

Đinh Sửu, năm thứ 10 (1397). (Minh, năm Hồng Vũ thứ 30).

¹ Xem Chính biên, quyển XI, tờ 1, chú thích số 1 về chữ "thị giả".

² Xem lời chua ở Chính biên quyển VI, tờ 9.

Tháng giêng, mùa xuân. Quý Ly sai Lại bộ thượng thư¹ Đỗ Tĩnh (có chỗ chép là Mẫn) đi Thanh Hoá dựng kinh đô mới.

Trước đây, Quý Ly kiến nghị muốn dời kinh đô đến Yên Tôn, Hành khiển Phạm Cự Luận can ngăn. Quý Ly nói: "Chí ta đã quyết định từ trước, nhà ngươi còn nói làm gì nữa?". Đến nay, Quý Ly sai Đỗ Tĩnh đến Yên Tôn xem xét đo đạc, đắp thành, đào hào, lập nhà tôn miếu, đàn thờ thần xã², mở phố xá, đường ngõ, có ý muốn dời kinh đô đến đấy. Viên xu mật chủ sự thị sử là Nguyễn Nhữ Thuyết lại dâng thư can, đại lược nói: "Ngày trước nhà Chu, nhà Ngụy thiên đô, sau đều không sao ngóc lên được. Nay đất Long Đỗ³, có núi Tản Viên, có sông Nhị Hà, cao sâu phẳng rộng, từ trước, các đời đế vương mở cơ nghiệp dựng nước, không đời nào không lấy đất này làm nơi căn bản, vì thế mà mặt bắc chống giặc Nguyên thì quân Nguyên bị giết, mặt nam đánh Chiêm Thành thì giặc Chiêm nộp đầu, những việc ấy chẳng phải nhờ ở địa thế tiện lợi mới được như thế là gì? Dám xin nghĩ lại một chút, để làm kế vững vàng cho nước nhà. Còn như Yên Tôn địa thế nhỏ hẹp hẻo lánh, chỗ này là nơi sơn cùng thủy tận, không thể định cư được, trồng cây vào nơi hiểm trở, thì có ích gì? Cổ ngữ có câu: "Cần ở đức, không cần nơi hiểm trở". Quý Ly không nghe. Sau, đến kỳ xét công trạng các quan, khi trông thấy tên Nhữ Thuyết, Quý Ly nói anh này là người nói "cần ở đức, không cần ở nơi hiểm trở" đây, rồi truất bỏ, không dùng nữa.

Lời chua - Động Yên Tôn: Nay ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, nền cũ của thành vẫn còn, bên tả bên hữu thành đều sát với núi đá, hai con sông Lương và sông Mã hợp lưu ở đằng trước, vì thế nên Nguyễn Nhữ Thuyết nói là địa thế nhỏ hẹp, hẻo lánh, thủy tận sơn cùng.

Long Đỗ: Tức thành Đại La. Lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành này, thấy thần nhân hiện lên tự xưng là thần Long Đỗ, vì thế mới thành tên⁴.

Tản Viên: Tên núi. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chính biên I, 34).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Đổi gọi các lộ, các phủ là trấn.

Quý Ly muốn dời kinh đô vào Thanh Hóa, mới đổi Thanh Hóa làm Thanh Đô trấn, lại đổi Quốc Oai lộ làm Quảng Oai trấn, Đà Giang lộ làm Thiên Hưng trấn, Nghệ An lộ làm Lâm An trấn, Trường Yên lộ làm Thiên Quan trấn, Diển Châu lộ làm Vọng Giang trấn, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn, Tân Bình phủ làm Tân Bình trấn. Bãi bỏ chức đại tiểu ti xã⁵, duy chức quản giáp⁶ vẫn đặt như cũ.

Lời cần án - Về việc này, tên đất theo cũ hay đổi mới, chia ra hay hợp lại, không thể hiểu rõ được, hoặc giả chỉ đổi có bấy nhiêu nơi gọi là trấn, còn các nơi khác vẫn gọi là lộ, hoặc đổi tất cả làm trấn mà tên đất vẫn theo như cũ, **Sử cũ** không trình bày rõ ràng, tất cả đều không có chứng cứ đích xác, sẽ khảo cứu sau.

Lời chua - Thanh Hóa, Đà Giang, Nghệ An, Lạng Sơn: **Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-23, 30, 31).**

Quốc Oai: Xem Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chính biên II, 11).

¹ Bộ quan trọng nhất trong sáu bộ, phụ trách công việc tuyển bổ cất nhắc, bãi miễn các quan.

² Đàn thờ thần thổ địa. Theo tục xưa, từ vua đến dân đều lập đàn thờ thần thổ địa để cầu phúc.

³ Tức Thăng Long, nay là Hà Nội. Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Xem thêm Tiền biên quyển V, tờ 10-11.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển VI, tờ 21-22.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển II, tờ 24-25.

Diễn Châu¹: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điền Lộ thứ nhất (Tiền biên IV, 20).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ nguyên niên (Chính biên III, 29).

Quy định chức quan giữ việc ở lộ, phủ, châu và huyện.

Ở lộ đặt An phủ sứ và chức phó, ở phủ đặt trấn phủ sứ và chức phó, ở châu đặt thông phán và thiêm phán, ở huyện đặt lệnh úy và chủ bạ. Quan chức ở lộ thống trị phủ, phủ thống trị châu, châu thống trị huyện. Phạm những sổ hộ, tiền, thóc, ngục tụng ở phủ, châu, huyện đều tổng hợp lại làm sổ trong một lộ, cứ đến cuối năm báo cáo lên sảnh², để tiện tra khảo. Lại đặt các chức đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản, thái thú để quản trị công việc. Bổ dụng phó tướng Lê Hán Thương quản lĩnh Đô hộ phủ ở lộ Đông Đô, Thái bảo Trần Nguyên Hàng quản lĩnh thống phủ ở lộ Bắc Giang, Trần Nguyên Trữ quản lĩnh đô thống phủ ở lộ Tam Giang, Thiếu bảo Vương Nhữ Chu coi giữ công việc quân dân ở lộ Thiên Trường phủ, Hành khiển Hà Đức Lân làm thái thú ở lộ Tân An phủ.

Lời cần án - Ở lộ đã có chức an phủ, mà lại còn đặt đô hộ và đô thống, ở phủ đã có chức trấn phủ, mà lại còn đặt tri phủ và thái thú, có lẽ cốt để cho công việc được thống nhất mà các viên quan đứng đầu phải kiêm việc trông coi, vì thế, nên đều dùng các viên đại thần giữ những chức ấy. Chẳng qua lúc bấy giờ Quý Ly sắp cướp ngôi vua nhà Trần, cho nên đặt ra các chức quan trọng đại, để phân phối công việc cho các người trong đảng mình.

Lời chua - Đông Đô: Tức thành Thăng Long. Lúc ấy gọi Thanh Hóa là Tây đô, Thăng Long là Đông đô.

Tam giang: Từ đời Lý trở về trước, là những đất ở châu Phong và châu Chân Đẳng; đến đời Trần mới đặt làm lộ Tam Giang, vì địa thế ở đấy có ba con sông: Lô, Thao và Đà, cho nên nhân đất mà đặt tên; nhà Lê chia ra làm các phủ Thao Giang, Đà Giang và Đoan Hùng; nay là địa phận các phủ Lâm Thao³, Đoan Hùng⁴ và Quảng Oai thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hóa và Sơn Tây.

Sảnh: Tức Thượng thư. Trung thư môn hạ sảnh.

Tháng 5. Đặt chức học quan ở các lộ, cấp cho ruộng hoặc nhiều hoặc ít có khác nhau.

Tờ chiếu nói: "Đời cổ⁵ ở trong nước có nhà quốc học⁶, ở đảng⁷ có nhà tự⁸, ở toại⁹ có nhà trường¹⁰, chủ ý cốt làm cho giáo hóa được sáng tỏ, phong tục được thuần hậu, chính sách ấy trầm rất âm mộ. Nay thể lệ về nhà học của nước đã đầy đủ, nhưng ở châu ở huyện hãy còn thiếu sót, thì làm thế nào mà mở rộng được đạo dạy dân? Vậy hạ lệnh cho phủ và châu thuộc các lộ Sơn Nam, Kinh Bắc và Hải Đông đều đặt một viên quan giáo thụ giữ về việc học, cấp cho ruộng theo đẳng cấp sau này: phủ và

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXI, 21-22: chỗ chú thích về Nghệ An.

² Xem lời chua của Cương mục ở dưới.

³ Hai phủ này bây giờ đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁴ Hai phủ này bây giờ đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁵ Chỉ đời tam đại: Hạ, Thương và Chu ở Trung Quốc.

⁶ Nhà học của cả nước, từ đời nhà Tùy trở về sau gọi là Quốc Tử giám.

⁷ Đời cổ cứ 500 nhà ở chung một nơi gọi là "đảng".

⁸ Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự" nhà Chu gọi là "tường". Về sau, trường huyện học cũng gọi là "tường", như trường ở một ấp, gọi là ấp tường; trường một huyện gọi là huyện tường...

⁹ Những địa phận ở nơi biên viễn xa kinh kỳ ngày xưa gọi là "toại".

¹⁰ Tên trường hương học, nhà Hạ gọi là "hiệu", nhà Thương gọi là "tự", nhà Chu gọi là "tường", như trường ở một ấp, gọi là ấp tường; trường một huyện gọi là huyện tường...

châu hạng lớn 15 mẫu, hạng trung bình 12 mẫu, hạng nhỏ 10 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy mà chi dùng vào việc học trong phủ hoặc châu. Viên quan cai trị ở lộ đôn đốc viên quan giữ việc học phải dạy bảo học trò, cho thành người tài năng văn nghệ. Hằng năm, cứ đến cuối năm, lựa chọn người nào ưu tú tiến cống vào triều, trẫm sẽ thân hành thi lại rồi cất nhắc bổ dụng".

Lời chua - Hải Đông: Tức An Bang¹.

Sơn Nam, Kinh Bắc: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 26-28).

Tháng 6. Lập phép hạn điền.

Trước đây, các nhà tôn thất thường sai nô tì đắp đê ngăn nước mặn ở địa phận những nơi ven biển, hai ba năm khai khẩn thành ruộng, lập làm trang trại riêng. Đến nay lập phép hạn điền, chỉ có đại vương và trưởng công chúa² thì ruộng không bị hạn định, còn thứ nhân không được quá 10 mẫu ruộng. Người nào ruộng quá hạn định thì phải nộp vào quan, người nào phạm tội được phép đem ruộng chuộc tội.

Tháng 10, mùa đông. Quý Ly bắt em nhà vua rời kinh đô vào Thanh Hóa và giết hai người cung nữ.

Nhà vua đi An Sinh để bái yết lăng tẩm, Quý Ly bắt ép xa giá cùng đi đến sông Đại Lại; lúc ấy cung nhân là Trần Ngọc Kỳ và Trần Ngọc Kiềm nói kín với nhà vua là nếu thiên đô, tất nhiên có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe biết chuyện cho rằng viên miếu lệnh là Lê Hợp và viên phụ đạo ở Cổ Lũng là Lương Ông đều đồng mưu, nên giết cả mấy người này. Rồi sai Hành khiển Lương Nguyên Bưu dỡ các điện Thụy Chương và Thiên An bắt dân các châu Từ Liêm và Nam Sách chở gạch ngói và gỗ đến kinh đô mới: khi đi đường thủy, gặp gió bão, bị chìm đắm mất quá nửa.

Lời chua - Cổ Lũng: Tên huyện. Nhà Lê đổi là Hữu Lũng; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh³.

Phụ đạo: Tên quan thổ tù.

Từ Liêm: Tên huyện, đặt từ thời nhà Đường; nhà Trần gọi là châu; nhà Lê lại đặt làm huyện; nay theo như cũ, thuộc tỉnh Hà Nội⁴.

Nam Sách⁵: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 14 (Chính biên X, 6).

Sông Đại Lại: Xem Trần Nghệ Tông, năm Đại Khánh thứ nhất (Chính biên X, 26).

Mậu Dần, năm thứ 11 (1398). (Từ tháng 3 trở về sau, thuộc Thiệu Đế năm Kiến Tân thứ nhất. - Minh, năm Hồng Vũ thứ 31).

Tháng 3, mùa xuân. Nhà vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử An⁶. Thái tử lên ngôi, tôn Khâm thánh hoàng hậu làm hoàng thái hậu. Quý Ly tự xưng là đại vương, thay vua giữ chính quyền trong nước.

Quý Ly có chí cướp ngôi vua đã lâu, nhưng trót thề với Nghệ Tông⁷, nay trái lời thề cũng có ý ngại, bèn ngầm sai đạo sĩ¹ Nguyễn Khánh ra vào trong cung, khuyên nhà vua rằng: "Cảnh tiên thanh

¹ Xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 29.

² Chị hoặc em ruột vua.

³ Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

⁴ Nay là đất huyện Từ Liêm (Hà Nội) và Hoài Đức (Hà Tây).

⁵ Xem thêm Tiền biên quyển V, tờ 22.

⁶ Nguyên văn trong Cương mục chép là ___ và chua ở dưới rằng "đã khảo cứu trong Tự điển, và Bị khảo Bỏ đi đều không có chữ này, không rõ âm là gì". Ở đây chúng tôi chỉ căn cứ vào tự dạng có chữ "an" ở trên, nên phiên là An cho đủ âm mà thôi.

⁷ Xem thêm Chính biên quyển XI tờ 20.

thú, khác hẳn trần gian, các thánh đế triều ta chỉ ham chuộng về Phật giáo, chưa có vị nào giao du với người tiên đấng đạo. Nay bệ hạ ở nơi cửu ngũ² tôn nghiêm, nhọc lòng với muôn việc, chi bằng truyền ngôi cho đông cung theo tiên tu đạo để cho cái đức khiêm cung thuần hoà ngày thêm sáng sủa". Nhà vua nhận lời, bèn tâu lục văn³ phụng lĩnh đạo giáo ghi tên vào sổ tu tiên. Quý Ly dựng cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, rước vua ra ở. Nhà vua bèn hạ chiếu truyền ngôi, đại lược tờ chiếu nói: "Trẫm lúc trước vẫn mến tướng phong vị thanh tao, không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc⁴. Và lại, trẫm là người không có đức, làm nhục đến ngôi vua, thực không sao đương nổi công việc. Nay truyền ngôi để nghiệp lớn được lâu dài. Hoàng thái tử An cần được lên ngôi vua (tức là Thiếu Đế), phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh nghĩa là quốc tổ⁵ thay giữ chính quyền, trẫm tự xưng là Thái thượng nguyên quân hoàng đế, bồi dưỡng lòng trai khiết ở cung Bảo Thanh, để thoả được ý muốn trước kia của trẫm".

Lúc ấy Thái tử mới 3 tuổi, khi nhận tờ chiếu truyền ngôi, không biết lay. Quý Ly sai Thái hậu lay đàng trước để Thái tử theo sau. Quý Ly tự xưng là Khâm đức Hưng liệt đại vương. Bảng văn⁶ nói "Trung thư, Thượng thư sảnh phụng Nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ"⁷. Ngày hôm ấy lên ngự điện ở kinh đô mới, làm lễ khánh thành, ban yến cho các quan từ hàng ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai con gái được ngày đêm dạo chơi ngắm cảnh ở cửa nam kinh thành.

Lời chua - Núi Đại Lại: Xem Đế Hiện, năm Xương Phù thứ 12 (Chính biên XI, 6).

Đo đạc ruộng cho dân. Giáng chức Hành khiển Hà Đức Lân làm Thượng thư bộ Hộ.

Hạ lệnh cho dân, người nào có ruộng phải cung khai báo cáo số mẫu ruộng, trên mặt ruộng phải cắm thẻ tiêu đề họ tên của mình, các quan ở lộ, phủ, châu và huyện phải hội đồng kiểm xét đo đạc, làm thành sổ sách 5 năm mới xong. Ruộng nào không có người cung khai đoan nhận, thì nhà nước lấy làm ruộng công. Lúc ấy, Đức Lân nói kín với người nhà rằng: "Đặt ra phép này chỉ để ăn cướp ruộng của dân đấy thôi". Quý Ly nghe biết, liền giáng chức Đức Lân.

Kỷ Mão, Thiếu Đế năm Kiến Tân thứ 2 (1399). (Minh, năm Kiến Văn thứ 1).

Quý Ly giết Thượng hoàng ở quán Ngọc Thanh.

Sau khi đã truyền ngôi vua, Thuận Tông dời ra ở quán Ngọc Thanh. Quý Ly ngầm sai nội tể học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông nom coi sóc. Thuận Tông hỏi Cẩn: "Anh đi theo ta, ý muốn làm gì?". Cẩn không nỡ nói rõ. Quý Ly làm thơ bảo Cẩn rằng: "Nếu nguyên quân⁸ không chết, thì nhà ngươi phải chết". Cẩn dâng thuốc độc, Thuận Tông không chết, lại dâng nước dứa và không cho ăn, cũng không chết. Quý Ly bèn sai Xa kỵ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh đem thắt cổ cho chết.

Lời chua - Quán Ngọc Thanh: Nay ở thôn Đạm Thủy, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương.

¹ Người tôn sùng đại giáo của Lão tử. Xem thêm chú thích số 4 ở Chính biên quyển VIII, tờ 39.

² Tượng trưng ngôi vua, do hào Cửu Ngũ trong quẻ Kiêu là một quẻ thuần dương, ở kinh Dịch: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân". Ý nói rồng bay trên trời, thì thiên hạ thấy có ông vua đức độ to lớn.

³ Nguyên văn chép là "tấu lục". Những bí quyết của nhà đạo giáo đều gọi là "lục". Người thụ đạo, lúc bắt đầu được nhận năm ngàn lục văn, sau được nhận tam động lục. Lục văn đều viết chữ trắng, ghi tên các thiên tào, quan thuộc và tá lại.

⁴ Đờn xưa xe của vua, ngoài bọc lụa sắc vàng, nên gọi là hoàng ốc, sau người ta dùng chữ hoàng ốc để tượng trưng ngôi vua.

⁵ Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly, Thái tử An gọi Quý Ly bằng ông ngoại.

⁶ Tờ yết thị dán vào cái bảng treo ở cửa kinh thành cho mọi người biết.

⁷ Năm chữ "Trung thư, Thượng thư sảnh" là nêu rõ chức quan có trách nhiệm làm tờ yết thị dán trên bảng. Cả 14 chữ này nghĩa là: quan chức trong sảnh Trung thư, Thượng thư vâng theo thánh chỉ của vị nhiếp chính cai giáo hoàng đế (tức Quý Ly). - Riêng hai chữ "Thánh chỉ" nghĩa là chỉ dụ của thánh ban ra, theo chế độ phong kiến chỉ có vua mới được dùng hai chữ này.

⁸ Theo Đạo đức kinh thì những người tu hành thành tiên, con trai gọi là chân nhân, con gái là nguyên quân. Chữ "nguyên quân" ở đây chỉ Trần Thuận Tông vì Thuận Tông sau khi truyền ngôi cho con, tự xưng là Thái Thượng Nguyên quân hoàng đế.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không xong, lại bị Quý Ly giết.

Bọn Thái bảo Trần Nguyên Hàng và thượng tướng quân Trần Khát Chân bàn định đến ngày hội họp tuyên thệ¹ sẽ giết Quý Ly. Đến ngày ấy, hội thề ở Đồn Sơn, Quý Ly lên trên lầu nhà Khát Chân để xem, nghi vệ y như thiên tử đi tuần du. Lúc ấy Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm vũng tay kiếm muốn xông lên, Khát Chân trừng mắt nhìn, hai người bèn không quả quyết tiến lên nữa. Quý Ly thấy chột dạ, liền đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ để xuống. Ngưu Tất quăng thanh kiếm xuống đất, nói: "Cả lũ chỉ chết uống mất thôi!". Việc ấy bị tiết lộ, Thái bảo Nguyên Hàng, trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, thượng thư Hà Đức Lâm, Hành khiển Lương Nguyên Bưu và bọn Phạm Ông Thiện, Phạm Tổ Thu, Phạm Ngưu Tất cùng người thân thích liêu thuộc hơn ba trăm bảy mươi người đều bị hại, gia sản bị tịch thu. Những người liên can bị bắt, hết năm này sang năm khác chưa xong. Ở ngoài đường sá, người ta chỉ lấy mắt nhìn nhau, dầu hai người cũng không dám nói chuyện. Lễ hội thề từ đây bãi bỏ.

Lời chua - Đồn Sơn: Nay ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, còn có miếu thờ Khát Chân².

Tháng 6. Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ chương hoàng.

Quý Ly ở cung Nhân Thọ, bảng văn đề là "phụng nhiếp chính quốc tổ chương hoàng", mặc áo sắc bồ hoàng (sắc vàng), khi đi ra đi vào dùng 12 cây lọng vàng, y như nghi trượng thiên tử, nhưng còn xưng là "dư"³ chưa dám xưng là "trẫm"⁴. Còn con Hán Thương xưng quyền chức Thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên; Nguyên Trưng làm Tư đồ.

Tháng 7, mùa thu. Quý Ly bắt giam Nguyễn Dụng Phủ, rồi lại tha.

Dụng Phủ dâng thư lên Quý Ly đại lược nói: "Chương hoàng là hiệu gì? Bồ hoàng là sắc gì? Đối với việc tiên đế⁵ phó thác thì sao?". Quý Ly nổi giận, bắt giam mấy ngày, sau lại tha ra.

Lời chua - Dụng Phủ: Người ở Hoảng Hóa thuộc Thanh Hóa.

Tháng 8. Quân ở Đà Giang nổi dậy. Tháng 12, mùa đông. An phủ sứ ở lộ Đông Đô là Nguyễn Bằng Cử dẹp yên được.

Trước đây, Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang, trốn đến Thiết Sơn làm bảo sao (tiền giấy) giả, gặp lúc Thuận Tông bị hại, Khát Chân bị chết, Nhữ Cái liền chiêu dụ dân lành, được hơn một vạn người, đi lại quấy rối cướp bóc ở quãng sông Đáy, sông Đà, núi Tản, núi Lịch; châu, huyện không thể chống cự nổi. Quý Ly sai Bằng Cử điều binh đi đánh, dẹp yên được.

Lời chua - Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Đông Đô: Xem Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Sông Đáy: Phát nguyên từ núi Tam Đảo, chảy qua địa phận các huyện Tam Dương và Lập Thạch thuộc tỉnh Sơn Tây⁶, đổ vào sông Bạch Hạc.

Núi Tản: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 32).

¹ Xem thêm chú thích số 4 ở Chính biên quyển XI, tờ 20.

² Theo Đại Nam nhất thống chí thì Đồn Sơn là gia hương Trần Khát Chân. Khi bị hành hình, Khát Chân đứng trên Đồn Sơn kêu ba tiếng thật to rồi chết, ở địa phương này có 29 đền thờ Khát Chân.

³ Chữ "dư" ___ và chữ "trẫm" ___ theo Việt Nam đều nghĩ là ta, nhưng theo chế độ phân biệt đẳng cấp đời phong kiến thì chữ "dư" dùng chung cho người trên đối với người dưới, chữ "trẫm" để riêng cho vua xưng với thần dân.

⁴ Chữ "dư" ___ và chữ "trẫm" ___ theo Việt Nam đều nghĩ là ta, nhưng theo chế độ phân biệt đẳng cấp đời phong kiến thì chữ "dư" dùng chung cho người trên đối với người dưới, chữ "trẫm" để riêng cho vua xưng với thần dân.

⁵ Chỉ Trần Nghệ Tông.

⁶ Hai huyện này nay đều thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Núi Lịch: Ở địa phận huyện Sơn Dương, tỉnh Sơn Tây¹.

Thiết Sơn: Nay không rõ ở đâu.

Canh Thìn, năm thứ 3 (1400). (Từ tháng 3 trở về sau thuộc Hồ Quý Ly, năm Thánh Nguyên thứ 1. - Minh, năm Kiến Văn thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Quý Ly truất nhà vua làm Bảo Ninh đại vương, Quý Ly tự xưng hoàng đế.

Quý Ly nói thác ra rằng nhà vua truyền ngôi cho. Bầy tôi khuyên mời lên ngôi vua. Quý Ly giả vờ thoái thác nói: "Ta sắp đến ngày xuống lỗ rồi², nếu làm như thế, thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế³ ở dưới đất được?". Bầy tôi ba lần dâng tờ biểu, mới nhận lời, xưng là hoàng đế, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi quốc hiệu là Đại Ngu và đổi họ mình là họ Hồ, truất Thiệu Đế làm Bảo Ninh đại vương, vì Thiệu Đế là cháu ngoại⁴, nên không giết chết.

Lời chua - Quý Ly⁵ gốc tích họ Hồ, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn⁶. (Con Ngu Yên là Vĩ Mẫn, được Chu Vũ vương phong cho ở đất Trần, gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm họ), cho nên đổi họ là Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu.

Quý Ly đặt chức liêm phóng sứ⁷ ở các lộ.

Quý Ly sai liêm phóng sứ chia nhau đến các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở về quan lại, việc lợi hại ở dân gian, để thi hành việc giáng truất hay cất nhắc bọn quan lại. Điều lệ này định làm thể thức lâu dài. Từ đây, chức thứ⁸ chức lệnh⁹ mới luôn luôn thay đổi.

Tháng 8, mùa thu. Thi thái học sinh¹⁰.

Lưu Thúc Kiệm, Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiễn, Nguyễn Thành, Bùi Ứng Đẩu, tất cả 20 người đều dự trúng tuyển.

Lời chua - Thúc Kiệm: Người huyện Gia Định thuộc Bắc Giang¹¹.

Nguyễn Trãi: Người huyện Thường Phúc thuộc Sơn Nam¹².

Vũ Mộng Nguyên: Người huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa.

Hoàng Hiễn: Người huyện Tiên Du, thuộc Bắc Giang¹³.

Nguyễn Thành: Người huyện Thần Khê¹.

¹ Nay thuộc tỉnh Tuyên Quang. Lúc toàn quốc kháng chiến gọi là Châu Tự do.

² Năm ấy Quý Ly đã 65 tuổi.

³ Chỉ Trần Nghệ Tông.

⁴ Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển XI, tờ 32.

⁵ Xem thêm tiểu sử Hồ Quý Ly: Chính biên quyển X, tờ 31-32.

⁶ Một vua đời thượng cổ Trung Quốc, Ngu Thuấn được Đường Nghiêu truyền ngôi cho. Sau thường gọi đời ấy là đời Đường - Ngu, hay đời Nghiêu - Thuấn.

⁷ Như chức thanh tra bây giờ.

⁸ Thứ: thái thứ; lệnh: lệnh doãn. Những chức quan đứng đầu ở phủ, ở châu hoặc ở huyện.

⁹ Thứ: thái thứ; lệnh: lệnh doãn. Những chức quan đứng đầu ở phủ, ở châu hoặc ở huyện.

¹⁰ Túc khoa thi tiến sĩ.

¹¹ Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

¹² Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

¹³ Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ứng Đẩu: **Người huyện Sơn Vi².**

Quý Ly sai tướng là bọn Trần Tùng, Đỗ Mẫn đem quân đánh Chiêm Thành, nhưng không thắng, rút quân về.

Chúa Chiêm Thành là La Ngại mất, con là Ba Đích Lại mới lập làm chúa, Quý Ly muốn nhân cơ hội ấy để cầu lợi, mới dùng Đỗ Mẫn làm đô tướng thủy quân Trần Văn làm chức phó, Trần Tùng làm Đô tướng bộ quân, Đỗ Nguyên Thác làm chức phó, quản lĩnh mười lăm vạn quân, tiến đến biên cảnh Chiêm Thành. Tùng nghe lời Đinh Đại Trung, dẫn đạo quân bộ đi ven theo chân núi, cách xa với đạo quân thủy, lúc ấy nước lũ đã xô đến, ba ngày tướng sĩ không có lương, phải nướng mai rùa, da thú để ăn³, bèn kéo quân về. Quý Ly cho rằng Tùng đi con đường hiểm trở, làm trái mất quân cơ, đáng phải tội chết chém, nhưng vì có công trong lúc ở nơi hiểm đẽ⁴, nên đem công chuẩn tội, miễn cho tội chết, phải đày làm lính.

Lời chua - Tùng, Văn: Sau đều được cho đổi họ là họ Hồ (họ Quý Ly).

Quý Ly truyền ngụy vị⁵ cho con là Hán Thương, tự xưng là thái thượng hoàng, cùng giữ chính quyền trong nước. Hán Thương lập vợ là Trần Thị làm hoàng hậu.

Hán Thương là con thứ của Quý Ly và là em Nguyên Trừng. Mẹ Hán Thương, Huy Ninh công chúa, là con gái Trần Minh Tông. Trước kia Quý Ly vẫn có ý muốn lập Hán Thương nối ngôi, nhưng chưa quả quyết, bèn ngụ ý vào cái nghiên đá, ra một câu đối cho Nguyên Trừng đối lại, để dò xét khí khái Nguyên Trừng: "Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thời vi vân, vi vũ, dĩ nhuận sinh dân"⁶. (Viên đá nhỏ bằng nắm tay, có lúc làm mây, làm mưa, để thấm nhuận cho nhân dân). Nguyên Trừng đối lại: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đồng, tác lương, dĩ phù xã tắc"⁷. (Cây thông nhỏ chừng ba tấc, sau này làm cột, làm xà, để phù trì xã tắc). Quý Ly bèn lập Hán Thương nối ngôi.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh nói dối là dòng dõi họ Trần đã tuyệt tự, xin lấy danh nghĩa là cháu ngoại tạm quản lý công việc trong nước.

Đánh thuế thuyền buôn.

Chia các thuyền buôn làm ba hạng: thượng đẳng, trung đẳng và hạ đẳng. Thượng đẳng mỗi chân chèo nộp thuế 5 quan, trung đẳng 4 quan, hạ đẳng 3 quan.

Tân Tị (1401). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ nhất. (Minh, năm Kiến Văn thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương đổi tên lịch Hiệp kỷ⁸ nhà Trần làm lịch Thuận thiên.

Tháng 3. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương.

¹ Nay là xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

² Nay thuộc huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

³ Nguyên văn câu này: "Chính giáp, bì dĩ vi thực". Chữ "giáp" nghĩa đen là con rùa, con ba ba; chữ "bì" nghĩa đen là loài thú đã chết mà da còn cả lông. Có lẽ lúc ấy đạo quân của Trần Tùng phải vào núi tìm kiếm thức ăn, nhưng chỉ tìm được mai rùa và da loài thú chưa thối nát đem nướng ăn.

⁴ Tiềm: Nấu hình, ẩn nấp. Đễ: Một danh từ để gọi dinh thự các vương hầu. Thời đại phong kiến, nhà ở của tước vương khi chưa lên ngôi vua gọi là "tiềm đễ", lấy nghĩa chữ "long tiềm tại uyên" (rồng nương mình dưới vực) trong kinh Dịch.

⁵ Ngụy vị nghĩa đen là ngôi vua giả dối. Theo quan điểm của nho gia phong kiến, thì bầy tôi cướp ngôi vua, không được liệt vào chính thống, vì thế, nên chép ngôi vua của Quý Ly là "ngụy vị".

⁶ Theo truyện **Công dương** thì hơi đá bốc lên trên không thành mây, mây tụ lại thành mưa.

⁷ Xã tắc là một danh từ tượng trưng cho quốc gia.

Theo Ngô Thì Sĩ, thì Nguyên Trừng biết chắc mình không được nối ngôi, nên ngụ ý vào cây gỗ thông để nói tài mình chỉ đáng giúp nước, không đáng làm vua. Ngô lại phê phán thêm: Bỏ con Quý Ly đều là dùng trí thuật lừa dối lẫn nhau.

⁸ Xem thêm **Chính biên** quyển IX, tờ 39-40.

Lúc ấy sét đánh chết 3 người.

Tháng 4, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Trước đây, Quý Ly bàn mưu với bày tôi rằng: "Làm thế nào có được trăm vạn quân để đối địch với giặc phương bắc?". Đồng tri xu mật sứ Hoàng Hối Khanh nhân xin họp nhân số lại làm thành sổ hộ: từ 2 tuổi trở lên đều ghi vào sổ; người ở kinh kỳ đến trú ngụ các nơi phiên trấn bắt phải về nguyên quán, kê tên vào sổ, không được ẩn lậu. Khi sổ hộ làm xong, kiểm điểm người từ 15 đến 60 tuổi, được gấp bội hơn số trước. Từ đấy, tuyển quân lính được thêm nhiều hơn.

Lập phép hạn chế dùng gia nô.

Lúc ấy, bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hi Chu và Đồng Thức lựa theo ý họ Hồ, nên thường khuyên Hán Thương giết con cháu nhà Trần, giảm bớt số điền nô, để đè nén thế lực họ Trần. Hán Thương mới lập ra phép hạn chế gia nô. Những người được phép dùng gia nô, cứ theo cấp bậc của mình mà dùng nhiều dùng ít khác nhau; số gia nô thừa phải đem sung công. Gia nô đều ghi dấu hiệu vào trán.

Lời chua - Ghi dấu hiệu vào trán: Quan nô làm hình dáng "hỏa châu"¹; gia nô của công chúa ghi hình dáng "dương đường" (chưa rõ hình thế nào); gia nô của đại vương ghi "khoanh đỏ", của quan nhất hay nhị phẩm đều ghi "một khoanh đen", của quan tam phẩm trở xuống ghi "hai khoanh đen".

Sửa đắp thành Tây Đô.

Trước đây, bên ngoài thành tại kinh đô mới, Quý Ly bắt dân Thanh Hóa trồng tre gai làm như cái thành bao la ở ngoài và bắc cầu cống, đặt hàng quán, đào khe cừ, để tiện đi lại. Còn thành Tây Đô thì thân thành đều xây bằng đá, sau lại bị đổ. Nay Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để sửa đắp lại.

Quy định quan chế và hình luật.

Tháng 10, mùa đông. Hán Thương bổ dụng Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm viện học sĩ.

Phi Khanh trước tên là Ứng Long, đỗ thái học sinh triều nhà Trần, lấy con gái Nguyên Đán, Trần Nghệ Tông lấy cố là dòng dõi hàn vi mà lại lấy con gái tông thống nhà vua², nên bỏ không dùng. Đến nay Hán Thương mới cất nhắc bổ dụng và cho đổi tên là Phi Khanh.

Lời chua - Phi Khanh: Thân phụ Nguyễn Trãi.

Nhâm Ngọ (1402). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2. (Minh, năm Kiến Văn thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương duyệt quân đội.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng Đồng Thức làm Ngự sử trung tán.

Đồng Thức cũng đỗ thái học sinh triều nhà Trần. Hán Thương ví Đồng Thức như Ngụy Trưng nhà Đường³, nên ban cho họ là họ Ngụy.

Lời chua - Thức: Người ở Chí Linh, Nam Sách⁴.

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương sai tướng là Đỗ Mãn đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành dâng đất xin hàng, Đỗ Mãn đem quân về.

¹ Theo Tùý Đường gia hoặi và truyện Nam Man trong Đường thư thì hỏa châu là một viên ngọc có sắc óng ánh, sản ở Lâm Ấp, viên lớn bằng quả trứng gà. Có lẽ lúc bấy giờ theo hình dáng viên ngọc này ghi vào trán những người quan nô.

² Trần Nguyên Đán là tăng tôn (chắt) Trần Quang Khải, tôn thất nhà Trần.

³ Ngụy Trưng, một tế tướng nhà Đường. Ngụy hình dáng thấp bé, nhưng can ngăn vua một cách mạnh bạo. Thời Đường Thái Tông, Ngụy dâng hơn hai trăm tờ sớ can ngăn, đều là đích đáng, Thái Tông phải kính sợ.

⁴ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Hán Thương thấy bọn Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành không thành công, phải rút về¹, lại dùng Đỗ Mẫn làm đô tướng, Nguyễn Vị và Nguyễn Bằng Cử làm chiêu thảo sứ, đem đại quân sang đánh. Khi đại binh kéo đến biên giới Chiêm Thành, Đinh Đại Trung làm tiên phong, gặp tướng Chiêm Thành là Chế Thất Nan², hai bên giao chiến đều bị chết. Chúa Chiêm Thành là Ba Đích Lại hoảng sợ, sai người cầu là Bồ Điền đem dâng các sản vật địa phương và dâng đất Chiêm động; để xin cho rút quân. Khi Bồ Điền đến nơi, Quý Ly bắt ép thay làm tờ biểu khác dâng cả đất Cổ Lũy nữa. Rồi đem hai đất ấy chia làm 4 châu là: Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa, đặt chức An phủ sứ lộ Thăng Hoa để trấn trị, còn ở đầu nguồn thì đặt làm trấn Tân Ninh.

Lời chua - Chiêm Động: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chính biên X, 20).

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên X, 5).

Tân Ninh: Nay là các đất Chiêm Đàn, Ô Da và Thu Bồn tỉnh Quảng Nam.

Bổ dụng Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa.

Cảnh Chân dâng thư xin theo việc cũ nhà Hán, nhà Đường, hiệu triệu nhân dân nộp thóc để việc phòng bị biên giới được đầy đủ; những người đã nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc tha tội cho, tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít. Quý Ly phê vào thư ấy rằng: "Biết được mấy chữ mà dám nói những việc đời Hán, đời Đường, thật đúng như lời cổ ngữ: "Người ngọng hay nói chỉ tỏ làm trò cười mà thôi".

Bổ dụng Chế Ma Nô Đã Nan, người Chiêm Thành, làm Cổ Lũy thượng hầu.

Lúc còn triều nhà Trần, Ma Nô Đã Nan chạy sang nước ta, trao cho làm hiệu chính hầu; đến nay đổi phong chức này, sai trấn trị hai châu Tư và Nghĩa, để chiêu tập khuyên bảo những người thuộc về dòng giống Chiêm Thành. Việc này là có ý mưu đồ tiến lấy đất Chiêm.

Lời chua - Ma Nô Đã Nan: Con chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga.

Tháng 8, mùa thu. Hán Thương cử hành lễ tế giao, chưa đến lúc lễ thành đã thôi.

Theo phép cũ³, nghi vệ lễ tế giao⁴ rất long trọng, chia ra 3 hạng lễ là: lễ lớn, lễ trung bình và lễ nhỏ.

Lễ lớn: 3 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi xe thái bình⁵, khắc gỗ làm hình 40 người tiên mặc áo gấm năm màu, cầm cờ tinh dẫn đường đi trước, hoặc thiên tử đi thuyền ở hồ Chu Tước⁶ dùng gấm làm dây kéo thuyền.

Lễ trung bình: 2 năm một lần cử hành, thiên tử ngồi cỗ ý bách cầm.

Lễ nhỏ: hằng năm cử hành một lần, thiên tử ngồi cỗ ý nhỏ.

Lễ tế giao này suốt đời nhà Trần chưa cử hành lần nào, đến nay Hán Thương mới đắp đàn giao ở Đồn Sơn, chọn ngày lành, đi xe vân long, ra cửa nam thành, trăm quan và cung tần, mạng phụ⁷ theo

¹ Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 37-38.

² Sách Toàn thư và Đại Việt sử ký bản kỷ đều chép là Chế Cha Nan.

³ Phép cũ ở đây không nói rõ là phép của triều nào, có lẽ đặt từ triều nhà Lý, không phải của nhà Trần. Vì phần dưới đoạn văn này chép rằng: "Suốt đời triều Trần, chưa cử hành lễ tế này".

⁴ Giao là một nơi xa kinh thành phỏng trăm dặm. Đời cổ, gặp tiết đông chí, vua tế trời ở Nam Giao, gặp tiết hạ chí, tế đất ở Bắc Giao, nên tế trời đất gọi là lễ tế giao.

⁵ Xe thái bình chế từ triều Lý, xem Chính biên quyển III, tờ 12.

⁶ Hồ Chu tước thuộc phường Bích Câu, xem Chính biên quyển XXVI, tờ 29.

⁷ Đàn bà được vua phong hiệu cho gọi là mạng phụ. Có 2 hạng mạng phụ là: nội mạng phụ và ngoại mạng phụ. Nội mạng phụ là những người được phong hiệu ở trong cung, như bọn phi tần, ngoại mạng phụ là công chúa, vợ tước vương và đàn bà nhờ chồng mà được phong, như quận quân, hiệu quân, phu nhân, nhụ nhân, ...

thứ tự đi sau. Mũ áo đàn bà, kém mũ áo của chồng một bậc, người đàn bà nào chính bản thân làm nên sang hiển, thì mũ áo không phải kém mũ áo của chồng. Lúc làm lễ, Hán Thương vì dâng chén rượu, run tay, rượu đổ xuống đất, nên thôi không làm trọn lễ.

Quy định lại phép đánh thuế tô¹ và thuế dung².

Trước kia, về triều nhà Trần, tư điền của dân cứ mỗi mẫu thu thóc 3 thăng; đất bãi trồng dâu, mỗi mẫu thu tiền 9 quan hoặc 7 quan. Đinh nam mỗi năm nộp tiền 3 quan³. Đến nay Hán Thương thay đổi lại cho thi hành: mỗi mẫu ruộng thu thóc 5 thăng; đất bãi trồng dâu chia ra 3 bậc: bậc cao nhất mỗi mẫu thu 5 quan, bậc trung bình mỗi mẫu 4 quan, bậc thấp nhất mỗi mẫu 3 quan. Thuế đinh nam thì căn cứ vào số ruộng để đánh thuế: người nào có ruộng từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu tiền 3 quan; người nào ruộng kém số ấy sẽ được giảm bớt dần; người không có ruộng cùng trẻ mồ côi và đàn bà góa mà có ruộng đều được miễn thuế dung.

¹ Thuế ruộng đất.

² Thuế lực dịch.

³ Xem thêm Chính biên quyển V, tờ 22-23 về phép thuế khóa triều nhà Trần.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XII

Từ Quý Mùi (1403), Hồ Hán Thương năm Khai Đại thứ nhất, đến hết Đinh Dậu (1417), thuộc Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15, gồm 15 năm.

*

Quý Mùi (1403). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ nhất; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ nhất).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương dời dân đi Thăng Hoa.

Trước đây, Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy, họ dời hết dân đi nơi khác mà bỏ đất không; Quý Ly chia đất ấy làm lộ Thăng Hoa¹. Đến nay mới đem dân các lộ, người nào không có ruộng mà có của đến đây để ở. Người mới đến cùng với người cũ của lộ ấy còn sót lại đều biên tên vào quân ngũ, nhưng thích hai chữ tên châu hiện ở² vào cánh tay. Năm sau, lại cho vợ con những người đã đi đến khi trước đi theo. Những người này, lúc đi đường biển gặp gió bão, bị chết đuối nhiều. Lòng dân rất là oán động.

Đặt tứ phụ³ ở kinh kỳ.

Cơ sở ở Tây Đô đã xây dựng xong, Hán Thương lại đổi phủ Thanh Đô làm phủ Thiên Xương, phủ Diển Châu làm phủ Linh Nguyên, hợp với Cửu Chân, Ái Châu gọi là "tứ phụ", đổi tên núi Đại Lại làm núi Kim Âu.

Lại đặt chức Thị giám⁴ ở kinh kỳ, ban phát cân, thước, thương, đấu, định giá trị tiền giấy để buôn bán được lưu thông. Lúc ấy những người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy nát, nên lập điều luật để bắt tội người nào chê bai tiền giấy, làm cao giá hàng hoặc đóng cửa hàng và người nào giúp đỡ bên vực những việc ấy.

Lời chua - Cửu Chân: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chính biên XI, 37).

Ái Châu: Tức Thanh Hóa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).

Diển Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ nhất (Tiền biên IV, 20).

Hán Thương lập nhà Thái Miếu và các Tẩm Miếu⁵.

Hán Thương hạ lệnh ở kinh thành đặt Đông thái miếu để thờ phụng tiên tổ nhà mình, Tây thái miếu để thờ phụng thần thích bên ngoài là Minh Tông, Nghệ Tông nhà Trần; mồ mà các tiên tổ ở phủ Thiên Xương và Linh Nguyên đều gọi là lăng, thiết lập tẩm miếu.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 42, việc đặt lộ Thăng Hoa.

² Lộ Thăng Hoa thống hạt bốn châu là Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, nay dân ở châu nào thích hai chữ tên châu vào cánh tay, như chữ "Thăng Châu, Nghĩa Châu", ...

³ Dời cổ, những địa điểm ở gần kinh kỳ gọi là "phụ", ý nói những địa điểm ấy có trách nhiệm giúp đỡ kinh kỳ.

⁴ Một chức giữ việc trông coi các nơi buôn bán.

⁵ Quy chế về tôn miếu đời cổ, ngôi nhà dựng đằng trước gọi là miếu, đằng sau gọi là tẩm.

Sứ thần nhà Minh sang.

Thành tổ nhà Minh mới lên ngôi vua, Hán Thương sai sứ sang mừng việc đăng quang và xin phong tước. Nhà Minh sai hành nhân¹ là Dương Bột đem sắc thư sang dụ bồi thần² và phụ lão trong nước phải xét xem dòng dõi nhà Trần có còn hay không, lời tâu của Hán Thương³ thực hay giả, đều phải tâu bày sự thực. Hán Thương lại sai sứ theo sang triều đình nhà Minh đệ nộp tờ trạng cam đoan của bồi thần và phụ lão nhận là đúng như lời tâu trước của Hán Thương. Vua nhà Minh tin là thực, phong Hán Thương làm An Nam quốc vương. Từ đây, sứ thần nhà Minh đi lại nước ta như mắc cửi, nào yêu cầu, nào hạch sách, Hán Thương phải khổ sở về sự ứng tiếp.

Sai Phạm Nguyên Côi và Đỗ Mẫn sang đánh Chiêm Thành, không được thắng lợi, rút quân về.

Hán Thương đã lấy được đất Chiêm Động và Cổ Lũy, có ý muốn lấy hết cả đất của người Chiêm Thành, dự định chia các đất ở phía nam châu Tư, châu Nghĩa là Bản Đạt Lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha làm châu huyện. Mới bổ dụng Phạm Nguyên Côi làm đô tướng quân thủy, Hồ Vấn làm phó; Đỗ Mẫn làm đô tướng quân bộ, Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy, quân bộ tất cả 20 vạn, đều phải chịu dưới quyền điều khiển của Nguyên Côi; người nào ra trận mà nhút nhát sẽ xử trảm, diên sản và vợ con sung công. Khi quân đã đến Chiêm Thành, sắm sửa nhiều khí giới chiến đấu, bao vây thành Chà Bàn⁴, vì quân đi đã chín tháng, bị hết lương ăn, lại không hạ được thành, nên phải kéo về.

Trước đây, người Chiêm Thành cầu cứu với nhà Minh, nhà Minh dùng 9 chiếc binh thuyền vượt biển sang cứu, gặp đạo quân của bọn Nguyên Côi, người nhà Minh bảo Nguyên Côi rằng: "Nên rút quân về ngay, không nên ở lại nữa". Khi bọn Nguyên Côi về đến kinh thành, Quý Ly quở trách về tội không sao giết hết được quân nhà Minh, còn Nguyên Trác vì trái tướng lệnh, nên phải tội đày làm lính.

Lời chua - Thành Chà Bàn: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Bản Đạt Lang, Hắc Bạch, Sa Li Nha: Vì sự thay đổi, nay không rõ ở đâu.

Bắt đầu đặt quan chức và liêu thuộc trong bộ thự⁵ Quảng Tế.

Người phương sĩ⁶ là Nguyễn Đại Năng biết dùng lối châm cứu để chữa bệnh. Hán Thương bổ dụng Đại Năng giữ chức tá nhị ở bộ thự Quảng Tế. Bộ thự Quảng Tế có đặt quan chức và liêu thuộc bắt đầu từ đây.

Lời chua - Bộ thự Quảng Tế: Túc tở⁷ thuộc về ngành y tế.

Đại Năng: Người ở Giáp Sơn⁸, thuộc Hải Dương.

Giáp Thân (1404). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 2).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương sai sứ sang nhà Minh.

¹ Tên quan, giữ việc lễ nghi, triều yết và giao thiệp với nước ngoài.

² Đời cổ, bầy tôi của vua nước chư hầu đối với thiên tử Trung Quốc tự xưng là "bồi thần".

³ Hán Thương sai sứ sang nhà Minh tâu là dòng dõi họ Trần bị tuyệt tự, Hán Thương tự lấy tư cách là cháu ngoại tạm giữ công việc trong nước. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 39.

⁴ Cũng gọi là Đồ Bàn.

⁵ Nguyên văn chép chữ "thự", nghĩa là một đơn vị hành chính.

⁶ Người dùng phương thuật chữa bệnh theo phương pháp ngoại khoa.

⁷ Nguyên văn chép chữ "tử", chữ này đến triều nhà Nguyễn gọi là "tở", đơn vị hành chính của tỉnh, như tở phiên, tức bộ phận của bố chính; tở niết, tức bộ phận của án sát.

⁸ Cũng đọc là Hiệp Sơn.

Trước đây, Chiêm Thành dâng nước ta hai thớt voi để xin hoãn binh, sau dùng lời trí trá tâu với nhà Minh rằng: "Bị nhà Hồ lấn đất và đòi lấy voi của nước ấy định làm lễ cống nhà Minh". Đến nay, nhà Minh sai sứ sang hỏi, Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem con voi mà Chiêm Thành đã dâng khi trước đưa sang cho nhà Minh.

Định lại phép thi.

Hán Thương phỏng theo phép ba kỳ thi ở thời nhà Nguyên, chia làm bốn kỳ, lại thêm một kỳ thi viết chữ và tính, cộng thành năm kỳ thi. Cứ ba năm một lần mở khoa thi, năm nay thi hương, người nào trúng tuyển được miễn dao đài tạp dịch, đến năm sau thi ở bộ Lễ, người nào trúng tuyển được lựa chọn bổ dụng, lại năm sau nữa thi hội, người nào trúng tuyển được sung vào Thái học sinh. Lúc ấy sĩ tử mới do bộ Lễ thi, gồm 170 người được trúng tuyển, chưa kịp thi hội, sau vì việc quân nhà Minh sang xâm lấn, nên thôi không thi nữa.

Lời chua - Theo Thông giám tập lãm thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) đời Nhân Tông nhà Nguyên mới định phép thi, cứ tháng 8 năm trước, các quan quận huyện trong nước đề cử những người hiền tài trong quận huyện mình lên triều đình, đến tháng 2 năm sau, thi hội ở kinh sư, người nào trúng tuyển sẽ được vua thân hành ra bài thi: kỳ đệ nhất, thi hai bài minh kinh và kinh nghi; kỳ đệ nhị, thi các bài phú, chiếu, cáo, chương và biểu theo cổ thể; kỳ đệ tam, thi một bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

Định lại hiệu quân.

Trước đây, xét định quân ngũ, chọn người nào mạnh khoẻ mà nhà nghèo sung vào quân trợ dịch, sau đổi làm quân bồi vệ. Đến nay chia quân ra tả và hữu, dùng tên loài lân, loài phượng để đặt tên hiệu quân, chọn các quan văn võ người cùng họ với họ Hồ để quản lĩnh.

Đào Liên Cảng, không thành công.

Quý Ly sai đào Liên Cảng từ Tân Bình đến giáp giới Thuận Hóa, để việc chuyên chở được tiện lợi, nhưng vì bùn cát cứ nổi bênh lên, nên không thành công, phải bỏ.

Lời chua - Liên Cảng: Nay ở xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Đóng thuyền chiến.

Lúc ấy, nhà Minh muốn gây việc binh đao. Hán Thương hạ lệnh đóng thuyền đinh sắt, đặt hiệu thuyền là "tài lương cổ lâu". Thuyền ấy ở bên trên bắc tre làm đường đi lại, bên dưới hai người chèo một mái chèo, có thể tiện lợi cho việc chiến đấu; tuy mượn tiếng vận tải để đặt tên thuyền, nhưng thực ra là để phòng bị quân nhà Minh.

Sứ thần nhà Minh sang.

Trước đây, Trần Khang¹, gia nô nhà Trần Nguyên Huy, vì là bè đảng của Trần Tôn², nên trốn sang Lão Qua. Nay Trần Khang theo đường Vân Nam đến Yên Kinh, đổi tên là Thiêm Bình và nói dối là con Trần Nghệ Tông, tố cáo công việc lấn cướp, bạo nghịch và lừa dối của Quý Ly. Vua nhà Minh sai ngự sử Lý Kỳ sang nước ta tra hỏi. Khi Lý Kỳ đã sang qua quan ải, đánh đập những người hộ tống, bắt phải đi thật nhanh cho được đường, không kể gì nhậm trình đã định; khi đến quán sứ, lại đi xem xét tình thế khắp nơi rồi trở về. Quý Ly sợ lộ việc sai người đuổi theo để giết đi; lúc theo đến Lạng Sơn, thì Kỳ đã sang qua quan ải bên kia rồi. Kỳ về triều, đem hết cả tình trạng gian dối của Hán Thương tâu bày cho vua nhà Minh biết.

¹ Trần Tôn nguyên trước giữ chức thiếu bảo triều nhà Trần, lúc quân Chiêm Thành sang lấn cướp, Tôn ngầm thông mưu với giặc, khi giặc rút lui, Trần Thuận Tông hạ chiếu bắt để trị tội, Tôn nhảy xuống nước tự tử, còn bè đảng là Trần Khang chạy sang Lão Qua. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 13.

² Trần Tôn nguyên trước giữ chức thiếu bảo triều nhà Trần, lúc quân Chiêm Thành sang lấn cướp, Tôn ngầm thông mưu với giặc, khi giặc rút lui, Trần Thuận Tông hạ chiếu bắt để trị tội, Tôn nhảy xuống nước tự tử, còn bè đảng là Trần Khang chạy sang Lão Qua. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 13.

Lời chua - Thiêm Bình: Sử nhà Minh chép là Thiên Bình.

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Ất Dậu, (1405). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 3; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh cắt đất nhường cho nhà Minh.

Trước đây, Hoàng Quảng Thành, thổ quan châu Tư Minh, tâu với vua Minh rằng Lộc Châu nguyên là đất cũ của châu Tư Minh. Vua nhà Minh sai người sang nước ta dụ bảo trả lại đất ấy cho châu Tư Minh, nhưng Quý Ly không nghe. Nay lại sai sứ thần sang đòi, Quý Ly cho Hối Khanh sung làm cát địa sứ¹. Hối Khanh đem đất 59 thôn ở Cổ Lâu trả cho nhà Minh; sau Quý Ly quở trách Hối Khanh về tội trả đất quá nhiều. Những thổ quan do nhà Minh đặt ra để giữ đất mới nhường ấy, Quý Ly ngầm sai người bần thổ đánh thuốc độc cho chết.

Lời chua - Tư Minh: Nay thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh. Sách Việt thuật nói: "Lộc châu thuộc về Tư Minh, sau bị mất về Giao Chỉ, gần đây lại khám xét rõ ràng, lấy lại như cũ, nay lệ thuộc vào châu Tây Long² và huyện Tây Lâm³ là nơi mới đặt". Thế thì đất Cổ Lâu mà Quý Ly cắt ra để nhường cho nhà Minh có lẽ là chỗ này.

Có nạn đói. Hạ lệnh cho dân các lộ phải bán thóc.

Các quan ở lộ, phủ, châu và huyện kiểm tra số thóc của nhà giàu, bảo họ bán cho dân theo giá hai bên cùng thỏa thuận. Bán nhiều hay ít tùy theo số thóc hiện có.

Tháng 6, mùa hạ. Sét đánh vào đông cung của Hán Thương. Hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng; Ân xá.

Đặt bốn kho quân khí.

Dân đình người nào có tài nghệ khéo, đều sung vào làm việc công, sửa chữa chế tạo khí giới để đồ quân dụng được đầy đủ.

Tháng 7, mùa thu. Hán Thương đi tuần du xem xét núi sông ở kinh lộ và các cửa biển; tháng 8, trở về kinh đô.

Trước đây, Hán Thương sai đóng cọn gỗ ở nơi xung yếu tại các cửa biển và sông cái để phòng bị chống cự quân giặc; đến nay lại thân đi xem xét việc này, là có ý muốn biết được nơi nào hiểm trở, nơi nào bình thường.

Nhà Minh sai bọn hoạn quan Nguyễn Toán sang nước ta.

Trước kia, Thái tổ nhà Minh sai người sang nước ta bắt phải nộp người thầy chùa, người hỏa giả⁴ và gái đẹp đấm bóp⁵, Đễ Hiện nhà Trần sai tìm những hạng người ấy đem nộp. Trong số đó có hoạn giả là bọn Nguyễn Toán, Nguyễn [Tông] Đạo, Từ Cá và Ngô Tín. Sau nhà Minh cho bọn thầy chùa và tú nữ trở về, chỉ để lại bọn hỏa giả sung vào chức nội quan. Nay nhà Minh cho rằng bọn Nguyễn Toán am hiểu núi sông nước ta, nên sai sang để dòm dòm tình thế trong nước.

Tháng 9. Hán Thương định lại quy chế quân ngũ.

Quân ngũ: nam và bắc chia làm 12 vệ, đông và tây chia làm 8 vệ, mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người, đại quân 30 đội, trung quân 20 đội, doanh 15 đội, đoàn 10 đội, cấm vệ đô 5 đội; có đại tướng quân thống lĩnh.

¹ Sứ thần nhận trách nhiệm cắt đất nhường cho nhà Minh.

² Nay đều là huyện và đều thuộc đạo Diên Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

³ Nay đều là huyện và đều thuộc đạo Diên Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

⁴ Người bị thiên mắt bộ phận sinh dục.

⁵ Nguyên văn chép là "án ma tú nữ".

Sai sứ sang nhà Minh.

Hán Thương thường bị nhà Minh tra hỏi, nên sai tả ti lang trung Phạm Canh, thông phán Lưu Quang Đình sang nhà Minh dâng lễ cống và tạ lỗi. Việc này là có ý muốn dập tắt việc binh hỏa. Nhà Minh giữ Canh ở lại mà cho Quang Đình về.

Ban tước cho phụ lão các lộ và cho hội họp uống rượu.

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, nên ban ơn cho phụ lão các lộ, những người từ 70 tuổi trở lên, đàn ông được ban tước một t¹, đàn bà được ban cho tiền giấy; phụ lão ở kinh thành được ban tước và được hội họp uống rượu.

Đắp thành Đa Bang.

Hán Thương nhận thấy nếu quân nhà Minh kéo sang, thì Đa Bang chính là địa điểm xung yếu nhất, nên sai Hoàng Hối Khanh đắp thành để hãm giữ; lại phân phối các vệ quân ở Đông Đô² đi đóng cọc ở sông Bạch Hạc để hãm giữ cánh quân nhà Minh từ mặt Tuyên Quang tiến sang.

Lời chua - Thành Đa Bang: Nay ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

Sông Bạch Hạc: Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chính biên VII, 4-5).

Hội họp các quan văn võ trong kinh thành và ngoài các lộ bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hòa.

Hán Thương hạ lệnh các viên An phủ sứ ở các lộ về triều để cùng với các quan trong kinh bàn về kế hoạch nên đánh hay nên hòa. Lúc ấy có người khuyên nên đánh, nói: "Không nên để quân Minh kéo vào nước sẽ làm mối lo sau này". Nguyễn Quân, trấn thủ Bắc Giang, cho rằng hãy nên tạm hòa, chiều theo ý muốn bên địch, để hoãn binh, thì hơn. Tả Tướng quốc là Trùng nói: "Tôi không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân có theo hay không theo mà thôi". Quý Ly đem cái hộp bằng vàng ban cho Trùng.

Bính Tuất (1406). (Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 4).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai đốc tướng là bọn Hàn Quan và Hoàng Trung đem quân hộ tống Trần Thiêm Bình về nước ta; Hán Thương sai người đón đường giết đi.

Trước đây, Thiêm Bình nói dối vua nhà Minh rằng: "Dòng dõi họ Trần chỉ còn một mình tôi, tôi cùng giặc nhà Hồ không đội trời chung được, dám xin nhà vua xuất phát ngay sáu quân³ đánh kẻ có tội để tỏ rõ oai trời".

Sau khi Lý Kỳ trở về Trung Quốc⁴, Hán Thương liền sai Nguyễn Cảnh Chân dâng tờ biểu tạ tội và xin đón Thiêm Bình về tôn lên làm chúa. Vua nhà Minh sai hành nhân⁵ là Niếp Thông đem tờ sắc sang dụ Hán Thương: "Nếu quả đón Thiêm Bình về tôn làm chúa, thì sẽ ban cho khanh tước thượng công và phong cho một quận lớn". Hán Thương lại sai Cảnh Chân theo Niếp Thông sang báo cáo về việc đón Thiêm Bình.

Đến nay, vua nhà Minh sai bọn Hàn Quan đem 5000 quân hộ tống Thiêm Bình về nước. Hàn Quan đóng ở lại địa đầu biên giới không tiến quân, chỉ một mình Hoàng Trung đem quân đánh vào cửa ải Linh Kênh. Quân nhà Hồ bị thua, đại tướng Phạm Nguyên Côi và tướng quân Chu Bình Trung đều tử trận. Gặp lúc ấy viên tướng quản lĩnh quân Thánh Dực là Hồ Văn từ Vũ Cao bất thành lĩnh dẫn quân đến,

¹ Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển VII, tờ 4.

² Tức Thăng Long.

³ Xem chú thích số 3 ở Chính biên quyển IX, tờ 34.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 6.

⁵ Xem chú thích số 3 ở Chính biên quyển XII, tờ 2.

thành ra quân nhà Minh bị thua to, nửa đêm bỏ trốn. Trước đấy viên tướng trong quân Thánh Dực là Hồ Xạ và Trần Đĩnh đã đem quân chặn cửa ải Chi Lăng, quân nhà Minh không sao tiến lên được. Hoàng Trung sai người thầy thuốc trong quân ngũ là Cao Cảnh Chiêu đưa thư và giải Thiêm Bình sang bên quân nhà Hồ. Trong thư nói: "Theo lời Thiêm Bình, hãn chính là con vua An Nam, nếu đưa hãn về nước, thì đi đến đâu không ai là không hưởng ứng. Thế mà từ khi đưa hãn về nước đến nay, trong nước không một người nào theo cả, như thế tỏ ra là gian dối. Nay đưa Thiêm Bình trả lại, xin để cho quân lính được ra khỏi quan ải". Hồ Xạ nhận lời, bèn giải nộp Thiêm Bình để tâu công chiến thắng. Hán Thương sai chém Thiêm Bình, thưởng cho người có công đều được tước ba tư¹. Hồ Xạ vì cố không bắt được Hoàng Trung nên chỉ được thưởng tước 2 tư. Các quan văn võ dâng biểu mừng, Hán Thương từ chối không nhận.

Lời chua - Chi Lăng: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chính biên I, 17, 18).

Linh Kênh²: Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chính biên III, 47).

Vũ Cao: Không rõ ở đâu.

Hán Thương sai sứ thần sang nhà Minh.

Sau khi Hán Thương đã giết Thiêm Bình, liền dùng An phủ sứ ở Tam Giang là Trần Cung Túc làm chánh sứ và thông phán ở Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán là Tường Tư làm tòng sự, cùng đi sang nhà Minh biện bạch việc gian trá giả mạo của Thiêm Bình và xin được đi lại cống nạp như cũ. Nhà Minh giữ cả sứ giả lại, không cho về.

Mộ thêm quân lính.

Hán Thương cho rằng quân nhà Minh bị thua một trận, tất nhiên sẽ lại kéo sang, nên hạ lệnh cho người có phẩm tước chiêu mộ những người trốn tránh phiêu lưu làm quân dũng hãn, đặt chức thiên hộ, bá hộ để cai quản. Lại sai đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Nhị Hà nối tiếp nhau suốt hơn bảy trăm dặm; ở các sông và cửa biển đều hạ cây xuống để ngăn cản. Lại hạ lệnh cho dân Bắc Giang và Tam Đái dựng nhà cửa ở nơi đất hoang rậm rạp về bờ phía nam sông Cái, dự bị làm chỗ di cư trong khi phải rút lui.

Lời chua - Bắc Giang: Túc Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 1 (Chính biên XXI, 28-29).

Tam Đái: Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29-30).

Tháng 9, mùa thu. Nhà Minh sai đại tướng quân Chu Năng, phó tướng quân là bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân sang đánh Hồ Hán Thương.

Trước kia, bọn hoạn giả Nguyễn Toán nói nước ta giàu có phồn thịnh; người nhà Minh đã có ý muốn chiếm lấy. Đến lúc Hán Thương lẩn cướp ngôi vua nhà Trần, làm việc thí nghịch, nhà Minh thường sai người tra hỏi, muốn mượn cớ để gây việc binh đao. Nay Hán Thương lại giết Thiêm Bình, nên vua nhà Minh quyết kế cho quân sang đánh, bèn dùng Thành Quốc công Chu Năng làm đại tướng, Tân Thành hầu Trương Phụ, Tây Bình hầu Mộc Thạnh làm tả hữu phó tướng, Phong Thành hầu Lý Bân, Vân Dương bá Trần Húc làm tả hữu tham tướng, chia quân làm hai đạo, hẹn ngày cùng xuất phát. Khi tiến quân đến Long châu, Chu Năng chết, Trương Phụ được bổ lên thay. Phụ bèn theo đường Bằng Tường thuộc Quảng Tây tiến quân đến quan ải Pha Lũy, kéo thẳng đến sông Phú Lương; tả phó tướng Thạnh cũng từ đường Mông Tự thuộc Vân Nam tiến quân đánh quan ải Phú Lệnh, kéo thẳng đến sông Thao. Hai đạo quân cùng hội họp ở sông Bạch Hạc, đóng từng hàng đồn ở bờ phía bắc sông. Hán Thương hạ lệnh cho tả tướng quốc Nguyên Trừng³, đại tướng Hồ Đổ đem quân thủy, quân bộ ra chống cự.

¹ Xem chú thích số 2 ở Chính biên quyển VII, tờ 4.

² Chính biên quyển III, tờ 47 chép là Lãnh Kênh.

³ Tả tướng quốc Nguyên Trừng ở đây với tả tướng quốc Trừng ở tờ 10 ở trên là một người, tức là con trưởng của Quý Ly. Ở đây, Cương mục in lầm là Nguyễn Trừng.

Trước đây, quân nhà Minh tiến vào biên giới nước ta, đã dự bị treo bảng văn kể tội nhà Hồ, lại nói phao lên là sẽ lập con cháu họ Trần để nối lại tông thống đời đã mất mà cứu vớt lấy dân. Đến nay bọn Phụ và Thạnh chia ra viết những lời lẽ ở bảng văn ấy vào nhiều miếng ván gỗ, rồi thả xuống sông cho nước thuận dòng trôi xuống. Vì thế quân lính của Hán Thương trông thấy, không ai có chí khí chiến đấu. Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân đều là những người bất mãn với nhà Hồ, đón quân Minh để đầu hàng; người nhà Minh đều trao cho quan tước.

Lời phê¹ - Minh Yên Lê² với Hồ Quý Ly cũng chẳng khác gì nhau. Tự thân mình đã không chính trực, đâu có mệnh lệnh cũng không thi hành được. Sao không tự xét mình xem sao đã? Hai người này đều là bọn tham tàn mà thôi.

Lời chua - Long châu, Bằng Tường: Thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây nhà Thanh, đều tiếp giáp với biên giới tỉnh Lạng Sơn nước ta.

Mộng Tự: Tên huyện, thuộc phủ Lâm An, tỉnh Vân Nam, tiếp giáp với tỉnh Hưng Hóa³ nước ta.

Pha Lũy quan: Ở xã Đồng Đăng, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, nay là Nam Quan⁴.

Phú Lệnh quan: Thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Mạc Địch, Nguyễn Huân: Đều người ở Chí Linh thuộc Nam Sách.

Tháng 12, mùa đông. Quân nhà Minh đánh phá được thành Đa Bang⁵, liền chiếm lấy Đông Đô⁶.

Quân của Hán Thương cầm cự với quân nhà Minh, muốn cố thủ nơi hiểm trở, không ra đánh, để làm cho quân nhà Minh mòn mỏi. Mộc Thạnh bàn với Trương Phụ rằng: "Những hàng rào gỗ mà bên địch⁷ dựng lên đều sát liền sông, quân ta không thể tiến lên được; chỉ có Đa Bang là nơi đất cát bằng phẳng có thể đóng quân, chỗ ấy tuy thành đất khá cao, bên dưới có mấy tầng hào, nhưng khí giới đánh thành của ta đều đầy đủ, đánh mà chiếm lấy cũng có phần dễ". Phụ bèn hạ lệnh rằng: "Quân giặc⁸ chỉ cậy có thành này, mà chúng ta lập công cũng ở một trận này; tướng sĩ nào trèo lên thành được trước, sẽ đặc cách hậu thưởng không câu nệ theo thứ bậc thông thường". Hạ lệnh xong, sai quân nhân đêm tối đánh úp thành, dùng cách đốt lửa sáng và thổi tù và để báo hiệu với nhau. Trương Phụ chỉ huy đô đốc Hoàng Trung đánh mặt tây bắc, Mộc Thạnh chỉ huy đô đốc Trần Tuấn đánh mặt đông nam, dùng vân thê⁹ để sát vào thành mà trèo lên. Quân nhà Hồ chống cự không được, rút lui vào thành. Sáng hôm sau, quân nhà Hồ khoét thành lùa voi ra đánh. Quân nhà Minh dùng những bức vẽ có hình sư tử trùm cho ngựa để xông vào, lại có súng thần cơ hỏa khí yểm hộ: voi phải co vòi lùi về, quân nhà Minh theo voi tiến

¹ Chỉ việc vua nhà Minh tra hỏi việc Quý Ly lấn cướp thí nghịch.

² Con thứ tư Minh Thái Tổ, được phong là Yên vương ở Bắc Bình, nên gọi là Yên Lê. Sau khi Minh Thái Tổ mất, Kiến Văn đế lên nối ngôi, Lê đem quân vào kinh sư, đouổi Kiến Văn đế, cướp ngôi vua, tức là Minh Thành Tổ, một tên vua đã sai binh tướng sang đánh chiếm nước ta.

³ Bây giờ là biên giới Lào Cai.

⁴ Bây giờ là Mục Nam quan.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 9, về địa điểm thành Đa Bang.

⁶ Tức Thăng Long.

⁷ Chỉ quân nhà Hồ.

⁸ Chỉ quân nhà Hồ.

⁹ Vân thê nghĩa đen là thang mây, một quân khí đời cổ dùng để đánh thành, sở dĩ gọi tên là vân thê, ý nói cái thang cao lắm, có thể trèo lên đến mây được. Theo sách **Vũ bị chí**, cách chế tạo vân thê như thế này: Dùng phiến gỗ lớn làm cái bàn, dưới cái bàn có sáu bánh xe, trên cái bàn đặt hai cái thang, mỗi cái dài hơn hai trượng, hai cái thang đều có trục chuyển động, có thể dựng cao lên hoặc hạ thấp xuống được. Khi đã đem vân thê đến thành bên địch, thì kéo trục cho hai cái thang đứng ngược lên, rồi quân sĩ trèo lên thang ấy để dòm ngó vào trong thành.

vào. Thành bị vỡ, các đạo quân khác của nhà Hồ ở ven sông đều tan rã, lui về giữ sông Hoàng Giang. Quân nhà Minh nhân thế thẳng, cứ theo dọc sông Phú Lương kéo xuống. Đi đến đâu, chúng đốt những hàng rào bằng gỗ, tiến thẳng đến Đông Đô, bắt cướp con gái, vàng, lụa, tính toán lương thực tích trữ, phân phối chức quan giữ việc, chiêu tập dân phiêu lưu, làm kế đóng giữ lâu dài.

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Đinh Hợi (1407). (Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1. Từ tháng 10 trở về trước thuộc về Hán Thương, năm Khai Đại thứ 5. - Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Mộc Thạnh nhà Minh đánh cho quân nhà Hồ bị thua to ở sông Mộc Hoàn; quân nhà Hồ rút lui, giữ cửa biển Đại An.

Mộc Thạnh, tả phó tướng nhà Minh, nghe biết Hồ Nguyên Trừng đóng quân ở Hoàng Giang, bèn đem quân thủy, quân bộ đều tiến, đến sông Mộc Hoàn, đóng dinh trại đối ngạn với sông Hoàng Giang. Nguyên Trừng dùng ba trăm chiếc thuyền lớn tung quân ra đánh, quân của Thạnh ở hai bên bờ sông đánh khé lại: quân của Nguyên Trừng bị thua to, lui về giữ cửa Muộn Hải. Hồ Đổ và Hồ Xạ bỏ bến Bình Than, cũng chạy đến cửa Muộn, hết sức đắp đồn lũy, để tính kế cầm cự lâu dài, gặp lúc quân nhà Minh đuổi đến nơi, lại phải lui giữ cửa biển Đại An. Thị trung Trần Nguyên Chỉ, Trung thư lệnh Trần Sư Hiền và người ở Kiến Hưng¹ là Nguyễn Nhật Kiên cũng tụ tập dân chúng, bắt giết viên trấn phủ² rồi đều đầu hàng quân nhà Minh.

Quân hai bên đối lũy, ngày đêm đánh nhau, gặp lúc ấy mưa nắng thất thường, sinh ra tật dịch. Quân nhà Minh thấy rằng cửa Muộn Hải đất ẩm thấp, không thể đóng quân lâu được, giả vờ đem quân rút lui, đến cửa Hàm Tử, đóng dinh trại kiên cố để đợi quân địch. Hồ Nguyên Trừng cũng đón Quý Ly và Hán Thương từ Tây Đô đến, lại tiến quân đóng ở Hoàng Giang, để cầm cự với quân nhà Minh.

Lời chua - Sông Mộc Hoàn: Ở xã Mộc Hoàn³, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Nội⁴. Sông này tiếp giáp với Hoàng Giang.

Cửa Muộn Hải: Ở địa phận huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, nay bị bồi lấp.

Bình Than: Tên bến đò. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Cửa Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chính biên VII, 39).

Cửa biển Đại An: Tức cửa biển Đại Nha. Xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tiền biên IV, 13).

Tây Đô: Ở địa phận Xuân (trước là Hoa) Giai, Phương Giai và Tây Giai thuộc huyện Vĩnh Lộc (trước là Phúc), tỉnh (trước là trấn) Thanh Hóa, có một tên nữa là Thành nhà Hồ, do Quý Ly đắp, nay vẫn còn.

Tháng 3. Hồ Nguyên Trừng tiến quân đến cửa Hàm Tử, quân nhà Minh đón đánh, quân của Nguyên Trừng bị thua to.

¹ Kiến Hưng: Nay gồm các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lúc ấy Phan Hòa Phủ làm trấn phủ sứ ở Kiến Hưng. Theo *Toàn thư* thì chỉ có Nguyễn Nhật Kiên đem dân chúng giết trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ, còn Trần Nguyên Chỉ và Trần Sư Hiền đã đầu hàng quân Minh từ trước.

² Kiến Hưng: Nay gồm các huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lúc ấy Phan Hòa Phủ làm trấn phủ sứ ở Kiến Hưng. Theo *Toàn thư* thì chỉ có Nguyễn Nhật Kiên đem dân chúng giết trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ, còn Trần Nguyên Chỉ và Trần Sư Hiền đã đầu hàng quân Minh từ trước.

³ Xã Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

⁴ Xã Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Nguyên Trùng, Hồ Đổ và Đổ Mẫn lại đem quân thủy, quân bộ nhất tề từ Hoàng Giang tiến lên. Hồ Xạ, Trần Đĩnh quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía nam; Đổ Nhân Giám, Trần Khắc Trang quản lĩnh đạo quân đóng ở bờ phía bắc; Đổ Mẫn và Hồ Vấn quản lĩnh đạo thủy quân, tất cả bảy vạn người, nói phao là hai mươi một vạn, cùng nhau tiến đến cửa Hàm Tử. Thuyền chiến nối liền nhau hơn mười dặm, chắn ngang giữa sông. Nhà Minh đặt quân mai phục, rình khi quân nhà Hồ trể nải, đem hai cánh quân thủy và bộ xông ra. Quân bộ của nhà Hồ không thể đối địch được, cùng nhau trốn chạy, gặp phục binh nhà Minh, đều quay dóng, nhảy xuống sông chết, chỉ có cánh quân thủy được thoát thân. Thuyền tải lương chìm đắm hầu hết. Lúc ấy đạo quân của Hồ Xạ còn ở lại sau, biết mặt trước có quân mai phục, không chịu tiến lên, Hồ Đổ sai người trách móc, Hồ Xạ mới tiến quân, cũng đều bị thua. An phủ sứ Bắc Giang là Nguyễn Hi Chu bị bắt, Hi Chu mắng nhiếc Trương Phụ là giặc tàn bạo, Phụ sai giết đi.

Tháng 4, mùa hạ. Quân nhà Minh tiến đánh Lỗi Giang, quân của Hán Thương tự tan vỡ.

Bị thua trận ở Hàm Tử, Quý Ly và Hán Thương đem liêu thuộc do đường biển chạy lui vào Thanh Hóa. Quân nhà Minh đuổi theo, đến Lỗi Giang, quân nhà Hồ không đánh nhau mà tự tan vỡ. Ngụy Thúc¹ xin hai bố con nhà Hồ tự thiêu mình cho chết và nói: "Nước mất rồi, người vua chúa không nên chết ở tay người khác". Quý Ly giận, chém chết Ngụy Thúc, rồi chạy vào Nghệ An.

Lời chua - Lỗi Giang: Tức phân lưu của sông Mã, ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu con sông này thông với sông Đại Lại.

Tháng 5. Quân nhà Minh kéo đến cửa biển Kỳ La, bắt được Quý Ly, Hán Thương cùng con cháu, liêu thuộc của hắn.

Trương Phụ biết Hán Thương trốn chạy vào Nghệ An, bèn cùng tả phó tướng Thạnh theo đường bộ tiến quân, lại phân phái Liễu Thăng đem chu sư² do đường thủy đuổi theo, khi đuổi đến cửa biển Kỳ La, đánh cho quân nhà Hồ phải thua to, bắt được Quý Ly, hôm sau lại bắt được Hán Thương cùng con hắn là Nhuế ở núi Cao Vọng. Những tướng tá sau này đều bị bắt: Hữu tướng quốc Quý Tì và con hắn là Phán trung đô Vô Cữu, Tả tướng quốc Nguyên Trùng, tướng quân Hồ Đổ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Nghiện Quang và Đoàn Bồng. Còn những người khác như Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn và Đổ Mẫn thì đã đầu hàng quân Minh từ trước rồi. Duy viên Hành khiển hữu tham tri chính sự Ngô Miễn và viên trực trưởng Kiều Biểu nhảy xuống sông tự tử, vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị cũng chết theo.

Lúc hai cha con nhà Hồ chạy đến Kỳ La, có phụ lão ra bái yết, nói: "Chỗ này tên là "Ky Lê"³, ở trên kia có núi "Thiên Cầm"⁴, đây đều là điềm không tốt, xin đừng lưu ở đây". Hai họ Hồ nổi giận, chém chết người phụ lão ấy; đến nay, quả nhiên Hán Thương bị bắt ở đây.

Trước kia, Hán Thương bổ Hối Khanh giữ chức tuyên úy sứ lộ Thăng Hoa, Hối Khanh dùng viên quan bản thổ là đại tri châu Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm chân tay. Tất cùng viên châu phán Nguyễn Lỗ ghen ghét nhau về công trạng. Khi nhà Hồ bị thua chạy, sắc phong cho Chế Ma Nô Đả Nan làm Thăng Hoa quận vương để phủ dụ người Chiêm Thành, lại sai Hối Khanh đem số dân đã dời đến ở khi trước và dân bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh để đem đi viện trợ⁵. Hối Khanh đều ẩn giấu việc ấy đi, không tuyên bố ra. Gặp lúc quân của Chiêm Thành đến tranh lại đất cũ, bọn dân đã dời đến khi trước sợ hãi tan rã. Hối

¹ Ngụy Thúc giữ chức ngự sử trung tán triều Hồ Hán Thương. Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 41.

² Quân lính đi thuyền, dùng vào trận thủy chiến.

³ Chữ "Ky Lê" theo Hán văn viết Ky: trời, buộc, giàng đầu ngựa. Lê: có nhiều nghĩa, có danh từ riêng là tên của một họ (Tiên tổ Quý Ly làm con nuôi Lê Huấn mới đổi là Lê).

⁴ Thiên cầm nghĩa đen là trời bắt. Vì tên chỗ đất này một chỗ có nghĩa bóng là trời họ Lê (Ky Lê), một chỗ có nghĩa là trời bắt (Thiên cầm), nên mới nói là điềm không tốt.

⁵ Đoạn văn này sử Cương mục chép không rõ ràng, như hai chữ cuối câu chép là phó viện, nghĩa là đem đến viện trợ. Không rõ đem đến đâu và viện trợ đạo quân nào? Theo Toàn thư và Sử Ký bản kỷ đều chép Hán Thương viết thư bảo Hối Khanh lấy một phần ba số dân mới dời đến và quân lính ở bản thổ giao cho Lỗ quản lĩnh làm quân "cần vương".

Khanh trốn về Hóa châu, Tất và Lỗ cũng đem quân thủy, quân bộ kế tiếp đến đó. Chỉ có một mình Đã Nan chống nhau với quân Chiêm Thành, thế lực trợ yếu đuối, bị quân Chiêm Thành giết chết.

Lỗ và Tất đánh nhau hơn một tháng, Lỗ bị thua, chạy sang Chiêm Thành. Đến khi nhà Hồ mất, Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, cướp Hóa Châu; nhà Minh trao quan chức cho Tất để chống cự. Quân Chiêm Thành phải rút về. Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Đan Thai, thì Hối Khanh tự vẫn, Trương Phụ đem thủ cấp bêu tại chợ Đông Đô.

Lời phê¹ - Mấy lần lật lọng lời thề nguyện, tính toán lẫn cướp ngôi vua một cách xảo quyệt! Đến bây giờ có thể xảo trá để thoát thân được không? Đạo trời báo ứng, rõ ràng không sai, chả đáng sợ lắm sao?

Lời chua - Trực trưởng: Tên quan.

Núi Cao Vọng, cửa biển Kỳ La: Nay ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Kỳ Lê: Tức cửa biển Kỳ La.

Thiên Cầm²: Nguyên tên là Thiên Cầm³. Tương truyền ngày trước Lạc Hùng vương đi chơi đến chỗ này, nghe thấy có tiếng sáo trời, nên đặt tên là Thiên Cầm⁴. Người phụ lão không muốn cho Hán Thương lưu lại ở đây, nên nhân thanh âm gần với nhau mà nói trịch đi để truyệt Hán Thương: "Kỳ La" gọi trịch là "Kỳ Lê", chữ "cầm" là đàn đổi ra chữ "cầm" là bắt.

Cửa biển Đan Thai: Ở chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân và Chân Lộc thuộc tỉnh Nghệ An, nay là cửa biển Hội Thống.

Tháng 6. Nhà Minh đổi An Nam làm Giao Chỉ, lập phủ, huyện, đặt quan lại, miễn tô thuế ba năm.

Bố con Hồ Quý Ly đã bị bắt, nhà Minh hạ chiếu tìm con cháu nhà Trần lập làm vua. Quan lại và kỳ lão⁵ đều nói: "Họ Trần không còn người nào có thể thừa kế được. An Nam nguyên trước là Giao Châu, xin khôi phục lại chế độ quận huyện, cho dân được đổi mới". Bấy giờ nhà Minh bèn đổi An Nam làm Giao Chỉ. Cách sắp đặt như thế này:

- Đặt 17 phủ, là: Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Lạng Sơn, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hóa, Kiến Bình, Trấn Man, Tam Giang, Tuyên Hóa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa và Thăng Hoa. Mười bảy phủ này lệ thuộc thẳng vào ti Bồ Chính.

- Đặt năm châu, là: Quảng Oai, Tuyên Hóa, Quy Hóa, Gia Bình và Diễn Châu.

- Còn những nơi xung yếu khác thì đặt 12 vệ để khống chế.

- Về phần quan chức thì đặt ba ti⁶, bổ dụng thượng thư Hoàng Phúc kiêm giữ công việc hai ti Bồ Chính và Án Sát, Lữ Nghi giữ công việc Đô Ti⁷, Hoàng Trung làm chức phó trong Đô Ti.

- Công việc cai trị cấm việc sai dịch và miễn thu các thứ thuế trong ba năm.

¹ Chỉ việc Quý Ly bị quân nhà Minh bắt ở cửa biển Kỳ La.

² Trời bắt.

³ Đàn trời.

⁴ Tham khảo sách *Đại Việt sử ký bản kỷ*, tác giả (có thuyết nói là Ngô Thì Sĩ) chua: Lúc hai họ Hồ bị bắt, núi này chưa có tên là "Thiên Cầm". Đến triều nhà Lê, viên tư mã Lê Khôi lên chơi núi này, nghe thấy trên không có tiếng như tiếng đàn, cho nên đặt tên núi là "Thiên Cầm".

⁵ Có lẽ chỉ một số quan lại đã đầu hàng quân Minh và một số kỳ lão bị quân Minh dụ dỗ hoặc dọa nạt, chứ không phải quan lại và kỳ lão cả nước.

⁶ Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển XII, tờ 4.

⁷ Tức Đô chỉ huy sứ ti.

Trương Phụ nhà Minh bắt giải Quý Ly, Hán Thương và họ hàng đồ đảng đưa về Kim Lăng.

Trương Phụ sai bọn hoành hải tướng quân Lỗ Lân, đô đốc thêm sự Liễu Thăng bắt giải Quý Ly và con là Hán Thương, Nguyên Trưng, Triệt, Ôn, cháu là Nhuế, Mỗ, Phạm, em là Quý Tì, con Quý Tì là Vô Cửu, ngụ¹ tướng quân Hồ Đổ, Đoàn Bồng, ngụ² Hành khiển Nguyễn Nghiện Quang, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng hiến tiếp. Vua nhà Minh ngự điện nhận tù binh và hỏi Quý Ly rằng: "Giết vua, cướp nước, như thế có phải là đạo người bầy tôi không?". Quý Ly không trả lời được, bèn giao cả xuống giam vào ngục tù, chỉ tha cho con là Trưng, cháu là Nhuế. Sau, Quý Ly ở trong ngục được tha ra, bắt đi thú thú ở Quảng Tây; Trưng vì lành nghề chế binh khí, dâng phép chế súng lên vua Minh, nên được tha ra để dùng.

Lời phê³ - Rất đáng tiếc Quý Ly không được như Khánh Phong⁴ nước Tề, đối đáp với Công tử Vi⁵, để làm sướng tai mắt ngàn đời.

Lời cần án - Sử cũ chép: "Khi Quý Ly đến Kim Lăng, vua nhà Minh giả vờ trao cho chức tham chính, sai người hộ tống đến nơi làm việc, rồi giết chết ở dọc đường". Có lẽ nào đánh bắt được người đầu sỏ của giặc, không đem làm tội một cách đường hoàng mà lại phải dùng kế giả dối để giết bao giờ? Thật là vô lý! Nay theo sách Minh sử kỹ sự cải chính lại.

Nhà Minh hạ chiếu trưng cầu những nhân sĩ có tài đức văn học ẩn dật ở núi rừng cùng những người am hiểu thông thạo tạp nghệ.

Vua nhà Minh sai bọn Trương Phụ tìm tòi dò hỏi những người ẩn dật ở núi rừng, có tài, có đức, thông suốt năm kinh, văn hay, học rộng, thạo việc, am hiểu thư toán, nói năng hoạt bát, hiểu để, chăm làm ruộng, tướng mạo khô ngô, gân sức cứng rắn, cùng những người hiểu biết nghề cầu cúng, làm thuốc, xem bói, đều đưa sang Kim Lăng, sẽ trao cho quan chức, rồi cho về trấn trị các phủ, châu, huyện. Lệnh ấy ban ra, những bọn bon chen đua nhau hưởng ứng, chỉ có Bùi Ứng Đầu cáo từ là bị bệnh đau mắt và mấy người nữa như bọn Hạ Trai học sinh là Lý Tử Cầu trốn ẩn không ra mà thôi. Lúc ấy người ta có câu ngạn ngữ rằng: "Dục hoạt, nhập ẩn lâm san; dục tử, Minh triều tở quan" (muốn sống, ẩn ở núi rừng; muốn chết, hãy làm quan với nhà Minh). Sau đến lúc nhà Lê khởi nghĩa, những người làm quan với nhà Minh mà có tiếng tàn ác đều bị giết. Câu ngạn ngữ trên thành ra câu sấm.

Lời chua - Hạ Trai: Triều đình nhà Trần trước, học sinh chia ra 3 bậc, là: thượng trai, trung trai và hạ trai.

Đô chỉ huy sứ của Minh là Nguyễn Đại phạm tội, Trương Phụ bắt giết đi.

¹ Sứ thần nhà Nguyễn cho rằng nhà Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, không phải là triều chính thống, nên những quan tước của bầy tôi triều ấy họ đều ghép chữ "ngụy" lên trên, là có ý để phân biệt với bầy tôi triều chính thống.

² Sứ thần nhà Nguyễn cho rằng nhà Hồ cướp ngôi vua nhà Trần, không phải là triều chính thống, nên những quan tước của bầy tôi triều ấy họ đều ghép chữ "ngụy" lên trên, là có ý để phân biệt với bầy tôi triều chính thống.

³ Chỉ việc vua nhà Minh hỏi tội, Quý Ly không trả lời được.

⁴ Khánh Phong, người thời Xuân Thu, một quyền thần nước Tề, giết Tề Trang Công để chuyên quyền. Khi Tề Cảnh Tông lên ngôi, toan giết Khánh Phong; Phong chạy sang nước Ngô. Công tử Vi, con thứ hai Sở Cung Vương, khi Cung Vương mất. Công tử Vi đuổi con người anh cả của mình mà cướp ngôi, tức là Sở Linh vương. Linh vương muốn làm ơn với nước Tề, đem quân đánh nước Ngô, bắt Khánh Phong. Linh vương ra lệnh cho Khánh Phong thân đeo xiềng xích đứng trước mặt các quân tướng mà rao to lên rằng: "Từ rầy đừng ai bắt chước như Khánh Phong này giết vua mà chuyên quyền bính". Khánh Phong liền đứng trước mặt tướng sĩ, rao to lên rằng: "Đừng có ai bắt chước Công tử Vi kia đuổi con nhà anh để cướp ngôi vua". Khánh Phong rao dứt lời, tướng sĩ đều cười ò. - Lời phê này ý nói tiếc rằng Quý Ly không biết đem việc "đuổi Kiến Văn đế, cướp lấy ngôi vua" hỏi vặn lại Minh Thành tổ. Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển XII, tờ 14.

⁵ Khánh Phong, người thời Xuân Thu, một quyền thần nước Tề, giết Tề Trang Công để chuyên quyền. Khi Tề Cảnh Tông lên ngôi, toan giết Khánh Phong; Phong chạy sang nước Ngô. Công tử Vi, con thứ hai Sở Cung Vương, khi Cung Vương mất. Công tử Vi đuổi con người anh cả của mình mà cướp ngôi, tức là Sở Linh vương. Linh vương muốn làm ơn với nước Tề, đem quân đánh nước Ngô, bắt Khánh Phong. Linh vương ra lệnh cho Khánh Phong thân đeo xiềng xích đứng trước mặt các quân tướng mà rao to lên rằng: "Từ rầy đừng ai bắt chước như Khánh Phong này giết vua mà chuyên quyền bính". Khánh Phong liền đứng trước mặt tướng sĩ, rao to lên rằng: "Đừng có ai bắt chước Công tử Vi kia đuổi con nhà anh để cướp ngôi vua". Khánh Phong rao dứt lời, tướng sĩ đều cười ò. - Lời phê này ý nói tiếc rằng Quý Ly không biết đem việc "đuổi Kiến Văn đế, cướp lấy ngôi vua" hỏi vặn lại Minh Thành tổ. Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển XII, tờ 14.

Đại, trước là bày tội nhà Hồ, sau đầu hàng nhà Minh, vì có công dẫn dắt cha con nhà Hồ, Trương Phụ làm trát văn trao cho chức Đô chỉ huy sứ. Từ đấy, Đại kiêu căng, làm nhiều điều phi pháp, hoang dâm, nghiện rượu, lại có chí ngấm ngấm phản lại. Trương Phụ bèn giết đi.

Quân nhà Minh rút về nước.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân về nước, để viên giữ ti Đô chỉ huy sứ là Lữ Nghị và viên giữ hai ti Bồ chính và Ân sát là Hoàng Phúc ở lại trấn thủ nước ta. Phụ dâng lên vua Minh địa đồ bờ cõi đã mở rộng được, mặt đông và mặt tây cách nhau 1760 dặm, mặt nam và mặt bắc cách nhau 2700 dặm, đặt nha môn¹ vừa lớn vừa nhỏ 472 sở. Vua nhà Minh ban khen, thưởng cho tướng sĩ tùy theo công trạng của từng người.

Tháng 10, mùa đông. Giản Định vương nhà Trần là Ngỗi khởi binh ở Tràng An, tự lập làm vua.

Ngỗi, con thứ của Trần Nghệ Tông, trước phong là Giản Định vương, nhà Hồ đổi phong Nhật Nam quận vương. Khi nhà Hồ bị bại, Trương Phụ yết bảng tìm bắt con cháu họ Trần, Ngỗi phải trốn tránh lẩn lút đến bến Yên Mô ở Tràng An. Người ở Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem dân chúng theo, Ngỗi bèn xưng làm Giản Định hoàng đế, đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Người nhà Minh đem quân đến đánh, vì quân mới họp tập, nên chưa đánh nhau mà tự tan vỡ, Ngỗi phải chạy vào Nghệ An. Viên đại tri châu ở Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, liền giết quan nhà Minh, đem quân đến họp. Tất dâng con gái cho Giản Định, Giản Định phong cho Tất làm quốc công, cùng nhau mưu tính việc khôi phục.

Lời chua - Bến Yên Mô: Nay ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Trần Nguyệt Hồ xưng vương ở Bình Than; quân nhà Minh đánh, bắt được.

Phạm Chấn, thổ hào Đông Triều, khởi binh ở Bình Than, lập Trần Nguyên Hồ làm chúa, tự gọi là quân Trung nghĩa. Nhà Minh sai quân đến đánh, Nguyệt Hồ bị bắt, Phạm Chấn chạy trốn.

Trước đây, Bùi Bá Kỳ, tì tướng Trần Khát Chân, tự xưng là "Nam triều trung nghĩa thần" (người tôi trung nghĩa nước Nam) chạy trốn sang nhà Minh, báo cáo nạn nước. Bá Kỳ nói: "Tổ phụ tôi trước đều là đại thần giữ chính quyền triều nhà Trần, mẹ tôi là người họ thân với họ Trần, lúc bé tôi được vào chầu quốc vương, làm quan đến ngũ phẩm; vì cha con Quý Ly giết vua, cướp nước, nên tôi phải bỏ quan đi trốn, nương náu trong hang núi, trong bụng vẫn nghĩ phải đến khuyết đình², phơi bày gan dạ, giãi giọc lo lắng hàng mấy năm, nay mới được trông thấy mặt trời³. Tôi trộm nghĩ: cha con Quý Ly làm việc cướp nước bạo nghịch, không kính trọng mệnh lệnh triều đình, xin hoàng đế cử đạo quân thương dân đánh kẻ có tội, trừ khử bọn hung bạo gian tà, lập con cháu nhà Trần, để tôn nghiêm cái nghĩa làm cho đời đã mất được kể tục lại. Được như thế, thì tôi dầu chết cũng không nát xương. Nay tôi xin học theo lòng trung nghĩa của Bao Tư⁴, thương khóc kêu gào dưới cửa khuyết, xin hoàng đế rủ lòng thương soi xét cho". Vua nhà Minh nhận được lời tâu, lấy làm cảm động, sai viên quan có trách nhiệm cấp cho cơm áo. Gặp lúc ấy Trần Thiêm Bình từ Lão Qua sang, người nhà Minh hỏi Bá Kỳ có biết người này không. Bá Kỳ trả lời không biết. Đến lúc nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước ta, hỏi nên dùng bao nhiêu người hộ tống. Thiêm Bình nói: "Chỉ độ vài ngàn người là đủ, hễ về đến nơi tự khắc người ta phục tùng". Bá Kỳ nói: "Không nên". Vua nhà Minh giận, bèn đem an trí Bá Kỳ ở Cam Túc. Đến lúc Thiêm Bình bị bại, vua nhà Minh cho triệu Bá Kỳ về, dụ dỗ là sẽ lập con cháu họ Trần, mà Bá Kỳ sẽ được làm bày tội phụ tá. Khi Trương Phụ đem quân sang nước ta, cho Bá Kỳ đi theo trong quân ngũ, do đấy trao cho chức tham nghị. Bá Kỳ nhận chức, nhưng không cùng bạn đồng liêu bàn tính công việc, chỉ ở nhà riêng, lại thu nạp những viên quan cũ triều Trần hiện bị sa cơ lỡ bước. Nay Nguyệt Hồ khởi binh, người nhà Minh ngờ là Bá Kỳ đem lòng phản lại, liền bắt Bá Kỳ đưa sang Kim Lăng.

¹ Một sở công, đơn vị hành chính, nơi các viên chức làm việc.

² Cung khuyết của triều đình nhà Minh.

³ Tượng trưng dung nghi một vị thiên tử. Ở đây chỉ vua nhà Minh.

⁴ Người thời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Sở, khi nước Ngô diệt nước Sở, Bao Tư sang cầu cứu với nước Tần, đứng dựa vào tường khóc suốt 7 ngày không ngớt tiếng; vua nước Tần cảm động, mới cho quân sang cứu, đánh lui được quân nước Ngô.

Lời chua - Đông Triều: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Bá Kỳ: Người ở Phù Nội thuộc Thanh Miện, Hồng Châu¹.

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ tư (Chính biên VII, 28).

Tháng 12. Đế Ngỗi sai bọn Trần Nguyên Tôn thu thập quân lính ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh úp, quân của bọn Trần Nguyên Tôn bị tan vỡ, chạy vào Nghệ An.

Toán quân của Nguyệt Hồ tan rã, Giản Định để sai bọn Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, Trần Nghiệm Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu thập số quân còn lại, hội họp ở Bình Than. Quân nhà Minh đến đánh, lại tan vỡ, bèn cùng nhau chạy vào Nghệ An.

Đế Ngỗi bắt giết những người đầu hàng nhà Minh là bọn Trần Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu cùng đồ đảng của chúng hơn sáu trăm người.

Thúc Dao và Nhật Chiêu đều là tôn thất nhà Trần, trước kia đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ cho Thúc Dao giữ Diễn Châu, Nhật Chiêu giữ Nghệ An. Nay quân của Giản Định kéo đến, lấy cớ rằng bọn này không ra đón rước trước, nên bắt giết đi.

Dân bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Mậu Tí (1408). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh hạ chiếu đại xá.

Quân của Giản Định nổi dậy, nhiều người hưởng ứng đi theo, nhà Minh cho rằng người trong nước vẫn nhớ vua cũ, nên giả vờ dùng chính sách khoan hồng để thu phục lòng dân, bèn hạ tờ chiếu, đại lược nói: "Trẫm nghĩ những dư dân² vì lòng vẫn ngu muội, hoặc nhân nghèo đói bức bách, hoặc bị bọn cường bạo xua đuổi, hoặc bị bọn gian trá đồ đảng, bắt đả đĩ mà phải làm liều, tình cũng đáng thương, nếu nhất luật bắt tội, lòng trẫm thực không nỡ. Vậy ngày nào tờ chiếu này đến nơi, thì những người có tội đều tha bổng. Các quan lại nên thể theo lòng nhân của trẫm, đối với dân không được nghiêm khắc, không được vợ vét của dân, tất cả mọi việc không cần cấp đều tạm đình bãi".

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Tất nhà Trần đánh tan được quân Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, chém được Phạm Thế Căng.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến cửa biển Bồ Chính, Thế Căng đón đường xin hàng, Phụ cấp trát văn trao cho giữ chức tri phủ ở Tân Bình. Thế Căng tự tiện tác oai tác phúc, tự xưng là Duệ Vũ đại vương, tụ họp nhiều người chiếm giữ đất Tân Bình. Đặng Tất đem quân đến đánh, phá tan được ở cửa biển Nhật Lệ, bắt chém được Thế Căng.

Lời chua - Cửa biển Nhật Lệ: Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chính biên X, 39).

Cửa biển Bồ Chính: Nay ở địa giới 2 huyện Bình Chính và Bồ Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình, tức là cửa sông Gianh.

Tháng 12. Đế Ngỗi phá tan được quân nhà Minh ở bến Bô Cô.

Đế Ngỗi sai Tất điều động quân ở các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hóa, tiến ra đánh thành Đông Đô. Khi quân kéo đến Trảng An, quan thuộc cũ cùng hào kiệt các nơi rủ nhau hưởng ứng vui theo, Tất đều tùy theo tài năng từng người trao cho quan chức. Lòng người phấn khởi, thế quân mạnh thêm.

Trước đây, lúc Đế Ngỗi khởi binh, viên thủ tướng nhà Minh đã đem việc ấy tâu cho triều đình nhà Minh biết. Vua nhà Minh lại sai Kiêm Quốc công Mộc Thạnh đem bốn vạn quân, theo đường Vân Nam tiến sang nước ta. Đến đây, Mộc Thạnh cùng quân của đô chỉ huy Lữ Nghị hội họp ở Bô Cô, gặp lúc ấy

¹ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

² Những dân không chịu phục tùng với triều mới.

Đế Ngỗi cũng đem quân từ Tràng An đi. Quân hai bên gặp nhau, bên nào cũng chia quân thủy, quân bộ để cầm cự với nhau. Đế Ngỗi cầm dùi thúc trống, bắt quân sĩ nhân cơ hội đánh tung ra, đánh nhau từ giờ tị đến giờ thân¹, quân nhà Minh thua chạy, quân ta chém được Lữ Nghị và thượng thư Lưu Tuấn², chỉ có một Mộc Thạnh thoát thân chạy đến thành Cổ Lộng, Đế Ngỗi hạ lệnh cho các quân sĩ rằng: "Bây giờ nhân thế chẻ tre³, đánh quét một trận ruổi dài, làm cho chúng không kịp bịt tai khi gặp sét đánh mạnh, rồi ta tiến lên lấy thành Đông Đô, thì thế nào cũng phá được". Đặng Tất nói: "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mỗi lo về sau". Vua tôi mưu tính dùng dăng mãi không quả quyết. Gặp lúc ấy viện binh nhà Minh kéo đến đón tiếp Mộc Thạnh về thành Đông Quan. Tất bèn chia quân bao vây các thành ở các châu, phủ, đưa tờ hịch đi các lộ hội họp binh sĩ, rồi sẽ tiến đánh.

Lời phê⁴ - Đặng Tất để nhờ cơ hội, rước lấy tai họa, chả đáng tiếc lắm sao?

Lời chua - Thành Đông Quan: Tức thành Đông Đô, nhà Minh đem Đông Đô làm phủ lỵ Giao Châu, gọi là thành Đông Quan.

Bồ Cô: Tên bến đò, ở địa phận huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định, đổi diện với tỉnh thành Ninh Bình, trước gọi là Bồ Cô, nay đổi là xã Hiếu Cổ.

Thành Cổ Lộng: Nhà Minh đắp, nay ở xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, nền cũ hãy còn, tục gọi là thành Cách.

Kỷ Sửu (1409). (Trần, năm Hưng Khánh thứ 3. Từ tháng 3 trở về sau, thuộc về Đế Quý Khoáng, năm Trưng Quang thứ 1. - Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Ngỗi giết quốc công Đặng Tất và tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Người hoạn giả Nguyễn Quỹ và học sinh Nguyễn Mộng Trang nói kín với Đế Ngỗi rằng: "Tất và Cảnh Chân chuyên quyền bổ dụng người này, cất chức người khác, nếu không liệu tính sớm đi, sau này khó lòng mà chế phục được". Đế Ngỗi tin lời. Chu sư của Đế Ngỗi tiến đến đóng ở Hoàng Giang, cho triệu hai người ấy đến, Đế Ngỗi sai người đánh chết Đặng Tất, Cảnh Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Lời phê - Đương lúc điên bái lưu ly, vua tôi cùng lòng cùng sức với nhau, còn e rằng không làm nổi công việc, thế mà tự tàn hại lẫn nhau, làm mất cả tay chân, như thế, tránh sao khỏi bại vong được?

Lời chua - Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Tháng 3. Bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Nhu rước Trần Quý Khoáng đến Nghệ An, lập làm vua.

Quý Khoáng là con Mẫn vương Ngạc và là cháu Nghệ Tông, trước kia Quý Khoáng làm quan nhập nội thị trung.

Cảnh Dị, con Nguyễn Cảnh Chân; Đặng Dung, con Đặng Tất. Hai người này bực tức về việc cha họ không có tội gì mà bị giết, nên đem binh lính Thuận Hóa về Thanh Hóa, rước Quý Khoáng đến Nghệ An lập làm vua. Quý Khoáng lên ngôi vua ở Chi La, đổi niên hiệu là Trưng Quang, dùng Nguyễn Súy làm Thái phó, Cảnh Dị làm Thái bảo, Dung làm Đồng bình chương sự, Nguyễn Chương làm Tư mã.

¹ Phóng từ 11 giờ đến 16 giờ.

² Theo Toàn thư thì Lưu Tuấn làm thượng thư bộ binh nhà Minh. Nhưng Cương mục in lầm chữ "thượng thư" thành "thượng tạn", nên có người hiểu "thượng tạn" là tên người, rồi nhận lầm là "Thượng Tạn" bị quân ta giết cùng một lúc cùng với Lữ Nghị và Lưu Tuấn.

³ Chẻ tre chỉ khó khăn ở mấy giống gốc, đã bửa đôi được mấy giống gốc, thì những giống kia có thể bỏ dao ra mà dùng tay để róc đôi ra được. Nhà binh dùng thế chẻ tre để ví với việc đánh giặc, đã thẳng được một đầu, thừa thế thẳng mà đánh, thì trận sau cũng có thể giải quyết một cách dễ dàng như người chẻ tre.

⁴ Chỉ việc Đặng Tất dùng dăng mãi không quả quyết tiến quân.

Bấy giờ Đế Ngỗi ở thành Ngự Thiên, chống cự với quân nhà Minh; bọn Nguyễn Súly ngầm họp quân đến đánh úp, bắt được Đế Ngỗi. Mẹ Đế Ngỗi và bầy tôi là bọn Lê Tiết, Lê Nguyên Đĩnh bàn nhau khởi binh đánh úp lại Đế Quý Khoáng. Việc bị tiết lộ. Đế Quý Khoáng bắt giết bọn Tiết và Nguyên Đĩnh, còn thì tha cả. Gặp khi ấy Nguyễn Súly đưa Đế Ngỗi đến Nghệ An, Đế Quý Khoáng thay mặc mũ áo thường ra đón tiếp. Lúc ấy trời u ám đã lâu, bỗng quang đấng, ở trên không bốn mặt đầy sắc mây vàng, mọi người đều kinh ngạc. Đế Quý Khoáng bèn tôn Đế Ngỗi làm thượng hoàng, cùng nhau mưu tính việc khôi phục.

Lời chua - Ngự Thiên: Tên huyện, tức làng Đa Cương xưa, mộ tổ nhà Trần ở đây, cho nên gọi là Ngự Thiên; nhà Lê theo gọi tên ấy; nay đổi là Hưng Nhân thuộc tỉnh Hưng Yên¹.

Chi La: Tên huyện, nay là La Sơn, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 7, mùa thu. Quân nhà Minh đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi nhà Trần, đưa về Kim Lăng.

Quân của Mộc Thạnh bị thua², vua nhà Minh lại sai Trương Phụ làm tổng binh, Thanh Viễn hầu Vương Hữu làm phó tướng, đem quân sang cứu. Lúc ấy Đế Ngỗi cùng Đế Quý Khoáng tiến quân, đánh chiếm các châu huyện. Quân của Đế Ngỗi đóng ở Hạ Hồng, quân của Đế Quý Khoáng đóng ở Bình Than, hào kiệt các lộ đều hưởng ứng. Người nhà Minh đóng chặt cửa thành, cố giữ. Lúc quân Trương Phụ đã kéo đến, thế quân nhà Minh lại mạnh. Đế Ngỗi đi thuyền chạy đến trấn Thiên Quan; Phụ chia quân đuổi theo, khi đuổi đến Mỹ Lương, bắt được Đế Ngỗi và Thái bảo Trần Hi Cát, đưa về Kim Lăng.

Lời chua - Mỹ Lương: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Tây³, giáp giới với Nho Quan.

Tháng 8. Quân nhà Minh tiến đánh cửa Hàm Tử, Đế Quý Khoáng nhà Trần rút quân giữ Nghệ An.

Trước đây, Đế Ngỗi chạy đến Thiên Quan, Đế Quý Khoáng ngờ Đế Ngỗi có bụng gì khác, sai người đuổi theo không kịp, bèn sai Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử để chống với quân nhà Minh. Quân của Dung thiếu lương ăn, chia nhau đi gặt lúa sớm để làm lương ăn. Người nhà Minh dò biết, đem quân thủy tiến đánh, quân của Dung bị vỡ. Đế Quý Khoáng nghe tin Dung bị thất thủ, tự liệu sức mình không thể chống được, bèn bỏ Bình Than, dẫn quân lui về Nghệ An. Trương Phụ thẳng trận, đi đến đâu chém giết thả cửa, hoặc xếp thây người làm quả núi, hoặc bôn ruột người quấn vào cây, hoặc rán thịt người lấy mỡ, hoặc làm nhục hình bào lạc⁴ để mua vui, thậm chí có người theo lệnh giặc, mổ bụng người chữa, cắt lấy hai tai⁵ của mẹ và con để dâng cho giặc. Những phủ huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc, trước kia Đế Quý Khoáng đã đánh phá, nay lại đặt quan chức để trấn trị. Trong nước ai có chiêu dụ được nhân dân yên phận phục tùng và ai cướp của giết người đắc lực đều được Trương Phụ làm trát văn trao cho quan chức để yên ủi lòng những người ấy. Trương Phụ lại tâu với vua Minh xin thăng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Hóa lên làm phủ.

Lời phê⁶ - Trương Phụ học được thủ đoạn tàn khốc "một người có tội dây dưa đến mười họ" của Minh Thành Tổ¹, nên dám bạo ngược làm tuyệt diệt dân của trời; bắt

¹ Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

² Xem thêm Chính biên quyển XII, tờ 27-28.

³ Nay là một phần huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hoà Bình).

⁴ Nhục hình bào lạc do chúa Trụ nhà Thương đặt ra. Hình phạt ấy như thế này: Dùng cái cột đồng có bôi mỡ sẵn, hơ vào lửa cho nóng, xung quanh cột đồng đều có đốt lửa. Bọn hung ác bắt người ta phải đi lên trên cột đồng, nếu rơi xuống thì rơi vào đồng lửa, chúng thấy thế cùng nhau vui cười.

⁵ Đời cổ, binh sĩ đi đánh trận khi giết được địch thì xẻo lấy cái tai bên trái của địch, dâng lên chủ súly để tính công, cứ mỗi cái tai tính là một mạng người. Ở đây, quân của Trương Phụ mổ bụng người chữa, rồi xẻo lấy tai mẹ và tai con (đều tai bên trái) dâng lên cho Phụ; dâng cả tai mẹ và tai con như thế, vừa tỏ ra là tay giết người táo bạo, vừa được tính là hai mạng người.

⁶ Chỉ việc Trương Phụ tàn sát nhân dân.

nghĩa như thế, tất nhiên cuối cùng sẽ rước lấy cái chết, chứ dùng sức mạnh để lấy nước người ta thế nào được?

Lời chua - Cửa Hàm Tử: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 39).

Tuyên Hóa: Tức Tuyên Quang.

Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31-32).

Canh Dần (1410). (Trần, năm Trùng Quang thứ 2; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Trương Phụ nhà Minh đặt đồn điền.

Trương Phụ cho rằng việc quân nhu tốn phí rất nhiều, bèn ra lệnh cho thuộc hạ đặt đồn điền ở nơi gần thành; lại thu thóc lúa ở các phủ Tuyên Hóa, Thái Nguyên và Tam Giang để làm lương trữ bị cho quân lính.

Lời chua - Tam Giang: Tên phủ. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tháng 5, mùa hạ. Đế Quý Khoáng đánh nhau với quân nhà Minh ở Hồng Châu, bị thua.

Đế Quý Khoáng đem bọn Nguyễn Cảnh Dị lại tiến quân đến Hồng Châu, phá vỡ được đạo quân của Giang Hạo, đô đốc nhà Minh; nhân thế thẳng, tiến thẳng đến Bình Than. Hào kiệt nghe tiếng, nhiều người hưởng ứng. Đồng Mặc, người Thanh Hóa, hiệu là Lỗ Lược tướng quân, tung quân ra đánh quân nhà Minh, bắt được chỉ huy Tả Địch. Đế Quý Khoáng trao cho Mặc quản trị phủ Thanh Hóa. Lại có bọn Nguyễn Ngân Hà, Lê Nhi, Lê Khang, Đỗ Cối và Nguyễn Hiêu cũng đều đem dân chúng đánh giết quân nhà Minh. Nhưng vì quân không có người thống lãnh, hiệu lệnh không thống nhất, nên quân nhà Minh đi đến đâu, thì quân sĩ ở nơi ấy liền bị tan vỡ. Đế Quý Khoáng lại dẫn quân về Nghệ An.

Tân Mão (1411). (Trần, năm Trùng Quang thứ 3; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh lại hạ chiếu đại xá.

Đại lược tờ chiếu nói: "Nay Giao Chỉ đã thuộc về quan chức - phương², mà trăm họ chưa được yên nghỉ, nghĩ thương dân ấy sau khi khổ sở, nên đặc cách ban bố ơn huệ khoan nhân, ngõ hầu làm cho nhân dân được thấm nhuần đức trạch". Vua nhà Minh lại dụ bọn quan lại, quân và dân rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, nay đã cai trị chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Những người ấy một lúc đi theo giặc, trẫm nghe tin chúng phải chịu tội chết, thực lấy làm đau đớn trong lòng, có lẽ nào lại nở để cho chúng như thế? Gây ra tội ác chỉ có mấy người mà thôi, còn trăm họ thì có tội gì đâu? Dân ở ven biển, ở hang núi, vì sự ức hiếp, hoặc giúp lương thực, hoặc bị đem đi theo, đến đâu làm giặc cướp ở đấy, đều do sự bất đắc dĩ, bị người khác làm cho lầm lẫn, chứ không phải bản tâm chúng định làm càn. Vậy nếu biết đổi lỗi ngay thì đều được cùng hưởng phúc mới. Trong những người biết đổi lỗi ấy, người nào có dũng cảm, có kiến thức, biết bắt nạt được vài ba người gây ra tội ác, thì tất nhiên ban cho chức trọng quan cao. Còn những người bị bắt nạt, nếu biết rửa bỏ hết ý nghĩ cũ, tự nguyện đi theo con đường mới, thì không những được tha tội, mà lại còn được quan tước hiển vinh là khác nữa".

Tháng 9, mùa thu. Đế Quý Khoáng sai sứ sang nhà Minh xin phong tước.

Trước đây, Đế Quý Khoáng sai Hành khiển Nguyễn Nhật Ti và Thẩm hình Lê Ngân sang nhà Minh xin phong tước; vua nhà Minh giận, bắt giam hai người ấy rồi giết đi. Đến nay lại sai Hành khiển Hồ

¹ Minh Thành Tổ đem quân vào Nam Kinh, Kiến Văn để tự nhảy vào đồng lửa, Thành Tổ lên ngôi vua, sai Phương Hiếu Nhụ thảo tờ chiếu, Hiếu Nhụ vừa khóc vừa mắng lại, Thành Tổ nói: "Nhà ngươi không nghĩ đến chín họ à?". Hiếu Nhụ nói: "Đến mười họ cũng chả làm gì?". Hiếu Nhụ bị Thành Tổ giết, họ hàng bạn bè của Hiếu Nhụ đây đưa chết đến vài trăm người. Hình pháp thảm khốc nhất đời xưa, một người phải tội, chỉ đây đưa đến chín họ là cùng, Thành Tổ giết đến cả học trò của Hiếu Nhụ, nên gọi là mười họ.

² Quan chức - phương giữ sổ sách, ghi đất đai thuộc phạm vi cai trị của một nước. Ở đây ý nói đất Giao Chỉ đã thuộc về nhà Minh, đã ghi vào sổ sách nhà Minh, do quan chức - phương nhà Minh giữ.

Nghiên Thần sung chức chánh sứ cầu phong, Thẩm hình Bùi Nột Ngôn làm phó, sang nhà Minh, đem dâng tờ biểu và phẩm vật địa phương cùng người vàng, người bạc thế mạng, mỗi thứ một người. Khi bọn Nghiên Thần đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Nguyên Trừng mượn cớ là tình nghĩa cố cựu, hỏi về tình hình trong nước mạnh yếu hư thực thế nào, Nghiên Thần nói hết cho Nguyên Trừng biết. Nột Ngôn không chịu khuất phục. Vua nhà Minh giả vờ phong cho Để Quý Khoáng làm Bồ chánh sứ ở Giao Chỉ, Nghiên Thần làm tri phủ Nghệ An. Khi về đến nước, Nột Ngôn đem việc Nghiên Thần tiết lộ tình hình trong nước và nhận quan chức do nhà Minh phong trình bày hết cho Để Quý Khoáng biết, Để Quý Khoáng bèn bắt giam Nghiên Thần rồi giết đi.

Lời phê¹ - Sự thế đã đến như thế, mà còn thỉnh cầu càn dỡ mãi, thật là mù quáng về thời cơ, không còn hiểu gì cả!

Lời chua - Nghiên Thần: Năm Khai Đại thứ 3 (1405) đời Hồ Hán Thương, Nghiên Thần được dự trúng khoa thi cử nhân do bộ Lễ mở, sung vào Thái học sinh lý hành². Nhà Hồ mất, Để Quý Khoáng khởi binh, Nghiên Thần lại ứng nghĩa đi theo.

Người nhà Minh bắt giáo thụ Lê Cảnh Tuân đưa sang Kim Lăng.

Trước kia, Lê Cảnh Tuân là hạ trai học sinh³ nhà Hồ. Đầu niên hiệu Hưng Khánh⁴, Cảnh Tuân dâng cho tham nghị Bùi Bá Kỳ một bức "thư vạn ngôn" có ba phương sách: thượng sách, trung sách và hạ sách. Đại lược ba kế sách nói: "Nhà Minh đã ra sắc lệnh cho Các hạ⁵ theo quân nhà Minh đi đánh dẹp, đợi khi bắt được nhà Hồ, sẽ chọn con cháu họ Trần lập làm vua. Nay nhà Minh đặt ti Bồ chính, trao chức tước cao cả cho Các hạ, mà chỉ cấp người quét dọn ở nhà tôn miếu họ Trần. Nay nếu Các hạ biết tâu bày rõ với nhà Minh là con cháu họ Trần hãy còn, để nhà Minh tuyên bố tờ chiếu khác, lại phong họ Trần làm vua, đấy là thượng sách. Nếu không được như thế, thì từ bỏ quan chức, xin làm người giữ từ đường nhà họ Trần, đấy là trung sách. Còn như cứ quỵến luyến quan cao lộc hậu thì là hạ sách.

"Nếu Các hạ làm được thượng sách, thì tôi đây cũng như nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì chứa đầy trong bồ thuốc, mặc sức cho Các hạ sử dụng. Nếu làm trung sách, thì tôi xin giữ đồ tế khí, lui tới ở trong từ đường họ Trần, mặc sức cho Các hạ sai bảo. Nếu làm hạ sách, thì tôi đi câu ở chỗ vắng, đi cày ở nội rậm, cho trọn hết cái tuổi già mà thôi".

Đến khi nhà Minh tịch thu nhà Bá Kỳ⁶, bắt được bức thư này, sai người đi bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, nhưng gặp lúc loạn lạc, không rõ đi đâu. Đến nay, nhân mới đặt trường học ở Giao Châu, mới tìm được Cảnh Tuân, bèn bắt đưa sang Kim Lăng, giam vào ngục cùng với con là Thái Diên, sau hai cha con đều bị bệnh chết.

Nhâm Thìn (1412), (Trần, năm Trùng Quang thứ 4; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 10).

Tháng 6, mùa hạ. Đặng Dung và Nguyễn Súly nhà Trần đánh nhau với quân nhà Minh ở bến Yên Mô, bị thua, chạy.

Trương Phụ và Mộc Thạnh dẫn quân tiến đánh Nghệ An, gặp quân của Súly và Dung ở bến Yên Mô, hai bên đều liều chết đánh nhau. Súly và Cảnh Dị chạy trước ra biển, quân của Dung bị cô lập, không có cứu viện, cũng phải dùng thuyền nhỏ vượt ra biển để trốn.

Tháng 7, mùa thu. Nhà Minh sai Hàn Quan sang trấn thủ.

Vua nhà Minh sai Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan vận tải một vạn斛 lương ở Quảng Đông sang tiếp tế cho quân ăn, rồi để luôn Hàn Quan ở lại trấn thủ Giao Châu.

¹ Chỉ việc Quý Khoáng cầu phong.

² Mới được dự vào hàng tiến sĩ, chưa phải đã đỗ thật.

³ Xem lời chua ở Chính biên quyển XII, tờ 22.

⁴ Niên hiệu Trần Đế Ngổ.

⁵ Ngày trước, người dưới nói với người trên không dám nói rõ tên, nên xưng là "các hạ", tỏ sự tôn kính.

⁶ Xem thêm Chính biên quyển XII tờ 25, việc Bá Kỳ bị bắt.

Nhà Minh hạ chiếu huấn dụ quan lại.

Đại lược tờ chiếu nói: "Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ cốt làm cho dân trong thiên hạ đều được yên ổn làm ăn. Giao Chỉ ở xa ngoài bãi biển, đất ấy trước kia thuộc về Trung Quốc, nay đã khôi phục lại được, quân và dân quy phục đức hóa, đến nay kể hàng mấy năm rồi, hiện triều đình đã đặt chức mục, bá, thú, lệnh cùng ti quân vệ, kén chọn người trung lương hiền tài để vỗ về cai trị dân. Thế mà trẫm vẫn ngày đêm canh cánh trong lòng, nghĩ đến nơi ấy đất thì xa, dân thì nhiều, sợ giáo hóa không thấm khắp, còn có người không được thấm nhuần ơn trạch yêu nuôi giáo dưỡng của quốc gia. Nay các người đều là bầy tôi trung lương, cần phải thể theo lòng vâng mệnh trời, yên nhân dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân, mà bỏ hết lòng gian tham tệ hại, khuyên dân cày cấy, trồng dâu, để khỏi trái thời làm ruộng, thì dân sẽ có áo mặc cơm ăn; đem hiếu để, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ để dạy dỗ dân, thì phong tục sẽ được thuần hậu; khuyên dân gặp lúc tang ma hoạn nạn, điên bái lưu ly thì thương xót lẫn nhau, giúp đỡ cho nhau, người già dạy bảo người trẻ, người dưới phục tòng người trên, đều theo tính trời, không trái với lễ, chớ làm việc trộm cướp, chớ làm điều gian tà. Các người chớ có điên đảo giấy tờ làm sai lệch phép tắc, chớ có theo lòng riêng làm mất lễ công, cần làm thế nào cho dân được yên nghiệp làm ăn, để cùng hưởng hạnh phúc đời thái bình. Như thế là các người làm đầy đủ chức trách của mình, biết vâng theo đức ý thay trời nuôi dân của trẫm, sự nghiệp các người sánh với người quan lại hiền tài đời cổ, tên tuổi các người ghi mãi ở sử xanh, như thế chẳng cũng đẹp để lắm sao?".

Quý Tị (1413). (Trần, năm Trùng Quang thứ 5; Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 11). (Năm này nhà Trần mất).

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ nhà Minh đánh Nghệ An; Đế Quý Khoáng chạy đến Hóa Châu.

Trước đây, Đế Quý Khoáng thấy rằng quân mình bị thua luôn, lương thực lại không được kể tiếp, mới đem bọn Nguyễn Súy, Đặng Dung theo đường biển ra tuần tiễu ở Hải Đông, Vân Đồn cùng các bãi biển để lấy lương ăn, và đánh bọn lính thú nhà Minh, rồi lại kéo về Nghệ An, số quân chỉ còn độ ba, bốn phần mười. Đến nay Trương Phụ lại đem quân đến đánh, bèn chạy đến Hóa Châu, sai bầy tôi là Nguyễn Biểu sung làm sứ cầu phong. Khi đem phẩm vật đến Nghệ An, Biểu bị Phụ giữ lại. Biểu giận, mắng Phụ rằng: "Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại nhân dân, mày thật là thẳng giặc bạo ngược". Phụ giận, sai giết đi.

Lời chua - Nguyễn Biểu: Người ở Bình Hồ, La Sơn, Nghệ An.

Tháng 6. Trương Phụ nhà Minh đánh Hóa Châu.

Trước đây, quân của Trương Phụ kéo đến Nghệ An, Thái bảo nhà Trần là Phan Quý Hựu xin hàng, Phụ mừng lắm, trong độ một tuần, Quý Hựu bị bệnh chết, Phụ trao cho con của Hựu là Liêu làm tri phủ Nghệ An, lại thưởng cho gia đình Liêu rất hậu. Liêu đem tình hình tướng tá nhà Trần kẻ hay người dở, núi sông trong nước chỗ hiểm chỗ bằng và số quân nhiều ít nói hết cho Phụ biết, bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh lấy Hóa Châu. Phụ họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Mộc Thạnh nói: "Hóa Châu núi cao, biển rộng, chưa dễ mà lấy được đâu". Phụ nói: "Tôi có sống được là ở Hóa Châu, tôi có chết cũng là ở Hóa Châu, Hóa Châu mà chưa bình định xong, thì tôi còn mặt mắt nào trông thấy chúa thượng nữa?". Phụ bèn đem chu sư tiến đánh Hóa Châu.

Lời chua - Phan Quý Hựu: Người ở Thạch Hà thuộc Nghệ An.

Tháng 9, mùa thu. Đặng Dung, quan Bình Chương nhà Trần, đánh nhau với Trương Phụ nhà Minh ở Thái (Sái Già) cảng, quân của Đặng Dung bị tan vỡ, phải chạy.

Quân của Phụ kéo đến Thuận Châu. Nguyễn Súy, Đặng Dung cùng giữ sông Thái Gia, đặt phục binh, nhân đêm đánh úp dinh Trương Phụ, Đặng Dung nhảy lên thuyền Trương Phụ toan bắt sống,

nhưng không rõ hình dáng người thế nào. Phụ vội vàng nhảy xuống chiếc thuyền nhỏ¹, chạy thoát thân. Quân nhà Minh một lần nữa bị tan vỡ, thuyền bè, quân khí phần nhiều bị đốt cháy và phá hủy. Lúc ấy quân của Nguyễn Sứ không đến tiếp ứng ngay. Phụ thấy quân của Dung có ít, quay quân đánh quật lại. Dung bị thua, phải chạy.

Lời phê² - Trời nuông Trương Phụ!

Lời chua - Thuận Châu: Xem Lê Đại Hành, năm Hưng Thống thứ 4 (Chính biên I, 27-28).

Sông Thái Gia: Không rõ ở đâu. Theo Minh sử và Minh sử kỷ sự của Cốc Ứng Thái chép về việc này đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Thái Gia tức là chỗ này.

Tháng 12, mùa đông. Đế Quý Khoáng cùng các tướng Đặng Dung, Nguyễn Sứ, Nguyễn Cảnh Dị bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Từ khi quân của Đế Quý Khoáng bị thua, phải ẩn núp trong núi rừng, tàn quân không sao tập hợp lại được, Cảnh Dị và Đặng Dung muốn chạy sang Tiêm La, Phụ đuổi theo bắt được. Cảnh Dị mắng chửi Phụ rằng: "Chính ta muốn giết mày, bây giờ lại bị mày bắt!". Mắng chửi mãi không ngớt mồm, Phụ đem giết đi, lấy gan ăn. Đế Quý Khoáng chạy sang Lão Qua, Nguyễn Sứ chạy sang Minh Linh cũng đều bị quân nhà Minh bắt.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43-44).

Lão Qua: Tên nước. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Minh Linh: Tức Ma Linh xưa. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Đây trở lên, nhà Trần từ Bính Tuất (1226), Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2, đến Kỷ Mão (1399), Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2, gồm 12 vua, 174 năm. Phụ thêm: Hồ Quý Ly một năm, Hán Thương 6 năm (1400-1406). Hậu Trần Đế Ngỗi 3 năm (1407-1409), Đế Quý Khoáng 4 năm (1410-1413), gồm 2 vua, 7 năm, hợp cộng 188 năm.

Giáp Ngọ (1414). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Minh làm sổ dân đinh ở Tân Bình và Thuận Hóa.

Trương Phụ đã lấy được Tân Bình và Thuận Hóa, bèn đặt quan chia ra đóng giữ, để chiêu tập yên ủi nhân dân, khám xét từng người, hợp lại làm thành sổ hộ. Rồi lại cho rằng đất ấy giáp giới Chiêm Thành, đất đai vừa rộng vừa xa, cần phải khống chế, nên xin nói với vua nhà Minh đặt vệ, sở³, ghi tên lính bản thổ để phòng ngự đất ấy.

Tháng 4, mùa hạ. Trương Phụ đưa Đế Quý Khoáng sang Yên Kinh, chưa đến nơi thì Quý Khoáng mất, bình chương Đặng Dung, thái phó Nguyễn Sứ đều chết theo.

Trương Phụ đã bắt được Đế Quý Khoáng và Dung, Sứ, bèn dẫn quân về thành Đông Quan, sai người đưa vua tôi Quý Khoáng sang Yên Kinh. Khi đi đến giữa đường, Đế Quý Khoáng nhảy xuống sông chết; Dung nhảy theo. Duy còn Sứ bị người lính canh bắt giữ lại, Sứ bèn ngày ngày cùng người lính canh đánh cờ, dần dà làm thân, sau lấy bàn cờ đánh chết người canh, rồi cũng nhảy xuống sông chết.

¹ Chữ này nguyên văn trong sách Cương mục chép là "thủy thuyền". Tham khảo sách Đại Việt sử ký bản kỷ chép là "tiểu thuyền" thì đúng nghĩa hơn, nên dịch là thuyền nhỏ theo sách Đại Việt sử ký bản kỷ.

² Chỉ việc Trương Phụ không bị Đặng Dung bắt sống.

³ Vệ: quân vệ, như Nghệ An vệ, Thuận Hóa vệ, ... Sở: thủ ngữ thiên hộ sở, như Diễn Châu thủ ngữ thiên hộ sở, Tân Bình thủ ngữ thiên hộ sở, ...

Lời phê - Lúc đầu nhà Trần may mà gặp Thoát Hoan nhà Nguyên, lúc cuối đời Trần không may mà gặp Trương Phụ nhà Minh. Sự được hay thua, hưng thịnh hay suy vong là do ở trời mà cũng do ở người. Nhưng vua tôi biết chết theo xã tắc¹, làm sáng tỏ đến ngàn đời.

Tháng 8, mùa thu. Trương Phụ nhà Minh về nước.

Phụ chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu, rồi cùng bọn Mộc Thạnh, Trần Hiệp về nước. Trước đây, Phụ làm trát sức cho các quân nhân ai đã bắt được phụ nữ làm việc hầu hạ, thì đưa nộp ở cửa quân; lúc ấy, các quan châu, phủ theo ý Phụ, bắt nhiều những dân nghèo phải phiêu lưu đem nộp. Nay Phụ về, đem cả những người ấy đi theo.

Tháng 9. Nhà Minh lập Văn Miếu và đàn thờ bạch thân.

Hoàng Phúc xin với vua nhà Minh cho lập Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, núi sông, gió mưa, ở các phủ, châu và huyện, theo thời tiết cúng tế.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện.

Tham nghị Bành Đạo Tường xin với vua nhà Minh đặt trường học ở các phủ, châu và huyện, tìm hỏi những người học về nghề thầy cúng, thầy thuốc, thầy chùa và đạo sĩ, trao cho quan chức để giữ việc dạy học ở các trường. Lại cấm con trai con gái không được cắt tóc²; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, theo y như thói ăn mặc phương Bắc.

Nhà Minh định phép đánh thuế.

Từ lúc nhà Minh chia đặt châu, huyện, việc thu thuế nhân đinh, điền sản chưa có ngạch nhất định, vì cứ rằng số dân còn lộn xộn, lúc tăng lúc giảm bất thường. Đến nay mới định thành ngạch thuế, cứ mỗi mẫu³ ruộng thu 5 thăng thóc, mỗi mẫu đất bãi thu một lượng tơ, mỗi một cân tơ thu một tấm lụa.

Ất Mùi (1415). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà Minh sai quan chia nhau đến đóng ở bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa.

Trước kia, nhà Hồ đặt bốn châu Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa⁴, dùng Đặng Tất, Nguyễn Súly trấn giữ. Đến lúc Giản Định đế và Đế Quý Khoáng khởi binh, Tất và Súly đi theo, thì người Chiêm Thành lại chiếm cứ đất ấy. Đến nay, Trương Phụ lại viết thư đưa dụ người Chiêm Thành, rồi lại đặt chức tri châu, đồng tri châu, phân phối quan lại đến đóng giữ. Nhưng chỗ đất ấy Chiêm Thành vẫn có người trưởng quản, nhà Minh chỉ chép tên sông vào sổ sách mà thôi, việc thuế khóa, sai dịch và việc đóng góp khác chưa thi hành ở đây được.

Lời chua - Thăng, Hoa: Tên 2 châu, trước là đất Chiêm Động. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 10 (Chính biên XI, 20-21).

Tư, Nghĩa: Tên 2 châu, trước là đất Cổ Lũy. Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên XI, 5).

Tháng 8, mùa thu. Nhà Minh mở trường thu vàng bạc.

¹ Xã: đàn thờ thần thổ địa. Tắc: đàn thờ thần bách cốc, vì trong một nước phải nhờ đất để ở, nhờ thóc để ăn, nên ngày xưa thiên tử và vua chư hầu đều tế thần xã tắc. Danh từ xã tắc tượng trưng cho quốc gia, xã tắc còn thì nước còn, xã tắc mất thì nước mất, cho nên ngày xưa nước nọ diệt nước kia thì phá hủy đàn xã tắc của nước bị bại đi, để đánh dấu là nước ấy đã mất.

² Theo lời chua trong Đại Việt sử ký bản kỷ thì, từ đời nhà Trần trở về trước, nước ta vẫn có tục cắt tóc, vẽ mình. Đến đời nhà Trần, nhân dân ở mạn hạ lưu thích mạnh mẽ, nên vẫn cắt tóc xăm trán, nhất là những đồ vật ở huyện Giao Thủy không thay đổi tục cũ, vì họ thấy như thế là mạnh mẽ.

³ Theo Đại Việt sử ký toàn thư và Đại Việt sử ký bản kỷ, lúc ấy nhà Minh bắt mỗi hộ phải khai 10 mẫu, mà diện tích mỗi mẫu chỉ có 3 sào, tiếng là 10 mẫu, mà thực chỉ có 3 mẫu.

⁴ Xem thêm Chính biên quyển XI, tờ 42.

Phàm chỗ đất nào sản ra vàng bạc, đều lập trường cục, đặt quan cai quản, mỗi năm sai nội quan¹ và quan giữ trường cục đốc thúc dân đinh khai đào để lấy vàng bạc. Khi dân làm xong công việc, các viên quan hội đồng kiểm điểm niêm phong để nộp. Lại bắt dân ở trên rừng dưới biển đi bắt tê, voi, mò ngọc trai. Lúc ấy thuế khóa cao, đóng góp nặng, sức lực và của cải của dân đều bị kiệt quệ.

Lời phê - Cái tệ khai mỏ, có phải đến tận thế mới có đâu? Gây ra tai hại đã bắt đầu từ đây rồi.

Đặt quy chế về việc nấu muối và bán muối.

Các trường muối ở ven biển cũng đều đặt quan để cai quản, bắt những người nấu muối, mỗi tháng số muối nấu được bao nhiêu đem nộp ti Đền Cũ thu trữ, rồi chiêu mộ lái buôn lấy giấy khám hợp² ở ti Bộ Chính, mới được lĩnh muối đem bán³. Người nào nấu lậu hoặc bán lậu đều phải tội như nhau. Các phủ, huyện và châu đều đặt quan giữ công việc ti Thuế khóa và sở Hà bạc⁴.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh lại sai Trương Phụ sang.

Đặt trạm giao thông.

Trương Phụ nói từ châu Khâm thuộc Quảng Đông rồi theo đường châu Vạn Ninh nước ta để đến thành Đông Quan, phần nhiều đi theo đường thủy, về phần đường bộ chỉ có 291 dặm; con đường này so với con đường cũ Khâu Ôn gần hơn được 7 trạm, nên đặt từng trạm để đi lại cho tiện. Vua nhà Minh theo lời. Vì thế, từ Vạn Ninh, Đông Triều, Chí Linh đều đặt trạm đường thủy; còn ở Từ Sơn, Gia Lâm đều đặt trạm đi bằng ngựa.

Lời chua - Vạn Ninh: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chính biên XI, 16).

Khâu Ôn: Tên huyện. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 36).

Từ Sơn: Đất châu Cổ Pháp xưa; thuộc Minh gọi là huyện Từ Sơn; triều nhà Lê thăng làm phủ, nay theo như cũ, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 25).

Bính Thân (1416). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 14).

Tháng giêng. Mùa xuân. Nhà Minh bổ Nguyễn Huân làm bố chính sứ⁵; Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm tham chính⁶.

Trước đây, bọn tên Huân đầu hàng nhà Minh, Trương Phụ làm trát văn trao cho Huân làm tham nghị, Nhữ Hốt làm tri châu Thanh Hóa, Duy Trung làm tri phủ Tam Giang. Đến nay, bọn này đem vàng bạc cùng phẩm vật địa phương sang Yên Kinh vào châu bái yết; vua nhà Minh khen ngợi. Những trát văn bổ dụng trước nay đổi dùng giấy vàng của bộ Lại viết sắc phong cho, bọn này đều được thăng chức. Nhân đấy vua Minh dụ bảo chúng rằng: "Trước kia, lúc bình định được Giao Chỉ, chúng bay đã hết lòng thành theo việc nghĩa, quy thuận với triều đình, nay lại đến cửa khuyết triều yết, trẫm nghĩ đến lòng thành ấy, nên đặc ân ban khen. Chúng bay càng phải cố gắng trung cần hơn nữa, kính giữ tiết tháo làm

¹ Theo quan chế các triều đại xưa ở Trung Quốc thì nội quan mỗi triều một khác, riêng triều nhà Minh gọi hoạn quan là nội quan.

² Giấy tờ chứng nhận có đóng dấu, khi cần phải xuất trình để khám xem dấu đóng trong giấy tờ có hợp với dấu công không.

³ Theo **Toàn thư** thì lái buôn phải nộp vàng mới được lĩnh giấy khám hợp. Ai có giấy khám hợp hạng lớn được lĩnh 10 cân, hạng nhỏ được lĩnh một cân.

⁴ Sở Hà bạc đặt ở ven sông ven biển để đánh thuế buôn bán.

⁵ Tức chức quan Tham tri chính sự thời Trần, có trách nhiệm tham dự bàn bạc việc triều chính.

⁶ Một chức quan nằm trong Ty Bộ chính.

tôi; đối với dân thì yên ủi yêu đương, để cho dân một phương đều an nghiệp làm ăn, cùng hưởng phúc thái bình. Như thế thì trời sẽ phù hộ cho chúng bay hưởng nhiều tước lộc, để mãi mãi đến con cháu không bao giờ hết". Sau đó bọn tên Huân lại sai người sang Yên Kinh xây dựng cung điện, vua nhà Minh thấy rằng người ở phương xa phải khó nhọc khổ sở, nên hậu thưởng rồi cho về.

Lời phê¹ - Mất hết lương tâm, nay một lũ người Nam Kỳ cũng giống như thế²!

Lời chua - Nguyễn Huân: Người ở Biển Khả, thuộc Chí Linh, Hải Dương.

Lương Nhữ Hốt: Người ở Trạo Vịnh, thuộc Hoảng Hóa, Thanh Hóa.

Đỗ Duy Trung: Người ở Ký Chế³ thuộc Cẩm Khê, Sơn Tây⁴.

Tháng 2. Nhà Minh tuyển lính.

Các hộ ở dân gian cứ ba người lấy một người, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 3 suất đinh, duy từ Thanh Hóa trở vào nam, số nhân đinh ít, mỗi hộ tính theo tiêu chuẩn là 2 suất. Số lính này đem chia ra cho phụ thuộc vào vệ, sở. Chỗ nào dù không phải vệ, sở, nhưng là chỗ xung yếu cũng lập thành đồn lũy, lấy lính ở dân sung vào việc canh giữ.

Lời chua - Nhà Minh đặt quân ngũ, có sở thủ ngữ thiên hộ, như các sở ở Tân Bình.

Đinh Dậu (1417). (Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh triệu trấn thủ Trương Phụ về nước, dùng Phong Thành hầu Lý Bân sang thay.

Nội quan là Mã Kỳ nói Trương Phụ tuyển lấy những người khoẻ mạnh hùng dũng ở bản thổ làm "tay vi tử"⁵. Vua nhà Minh sinh lòng nghi ngờ, triệu Phụ về nước, dùng Bân sang trấn thủ thay và dùng Kỳ giữ chức giám quân⁶. Từ đấy nhà Minh mới sai giám sát ngự sử chia ra từng ti đi tuần phòng xem xét.

Lúc ấy quan lại nhà Minh tham lam sách nhiễu không biết thế nào là cùng, tên Mã Kỳ lại càng làm nhiều việc phi pháp, bắt dân nộp châu báu quá nhiều, dân không sao kham được sự khổ sở. Vì thế lòng người náo động, binh lính bốn phương nổi lên, mà người nhà Minh không thể nào chống lại được.

Nhà Minh định thể lệ hằng năm cống nộp sinh viên.

Trước đây, các trường học ở châu và huyện, học sinh vào học không cứ năm tháng nhiều hay ít, chỉ cần chọn người nào có học vấn và hạnh kiểm, thì sung vào việc cống nạp hằng năm, để bổ vào Quốc Tử Giám. Trường học ở phủ mỗi năm cống nạp 2 người; ở châu cứ hai năm cống nạp 3 người; ở huyện mỗi năm cống nạp 1 người. Sau định lại: Trường ở phủ mỗi năm cống 1 người; trường ở châu ba năm cống 2 người, trường ở huyện hai năm cống 1 người.

Nhà Minh xét quan lại bằng cách sát hạch công việc đã làm.

Ngự sử Hoàng Tái nói nước ta mới sáp nhập bản đồ Trung Quốc, việc yên ủi giúp đỡ dân cần phải ở người quan lại tốt, nên hạ lệnh cho ngự sử phải xét thực một cách nghiêm ngặt rồi tâu về triều để định việc thăng giáng. Vua nhà Minh theo lời, bèn hạ lệnh cho những người đã làm chức việc lâu năm ở

¹ Chỉ bọn Nguyễn Huân.

² Lời phê này chúng tôi dịch thật sát với nguyên văn. "Người Nam Kỳ" đây là chỉ một số người đã đầu hàng giặc Pháp hồi Tự Đức.

³ Ký chế là dịch theo âm Hán - Việt, thực ra dân ở địa phương này gọi là Cây Chấy.

⁴ Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

⁵ Nguyên văn chép là "vi tử tử". Theo chú thích trong Cương mục Chính biên XXXV, 14, vi tử là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Trương Phụ chọn những người khoẻ mạnh hùng dũng đem vào dinh thự cho ở xung quanh mình để đề phòng sự bất trắc.

⁶ Chức quan coi về quân lính.

hai ti Bồ Chính, Án Sát và phủ, châu, huyện đều đến Yên Kinh triều yết, chiếu theo các hạng hộ, khẩu, điền, lương trong 3 năm, làm thành "sách tu tri"¹ dâng nộp để tiện tra xét.

Nhà Minh chiếm cứ nước ta từ Giáp Ngọ (1414), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 12, đến Đinh Dậu (1417), Thành Tổ, năm Vĩnh Lạc thứ 15, cộng 4 năm.

¹ Quyển sổ căn để khảo cứu cho biết tình hình số hộ số khẩu, ruộng đất và thuế lương.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XIII

Từ Mậu Tuất (1418), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1 đến Bính Ngọ (1426), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 9, gồm 9 năm.

*

Mậu Tuất (1418). (Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 1. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Lê Lợi, người Thanh Hóa, dấy quân ở Lam Sơn, tự lập làm Bình Định vương.

Vương, người làng Lam Sơn, huyện Lương Giang thuộc Thanh Hóa, sinh ngày tháng 8¹ năm Ất Sửu, niên hiệu Xương Phù thứ 9 (1385) đời Trần, tại làng Chủ Sơn, huyện Lô Dương. Sinh ra đời rồi, Vương là người tuần tú, tiếng nói như tiếng chuông lớn, đi như rồng đi, bước như hổ bước. Trước mắt những người có kiến thức, Vương được coi là bậc phi thường.

Sau cuộc thất bại của nghịch Hồ², người Minh xâm lược chiếm cứ: pháp luật dữ dội, hình phạt hà khắc, thuế nặng, sưu cao. Nghe biết Vương có tài trí và kiến thức, người Minh muốn dụ dỗ Vương bằng chức nọ quan kia; nhưng Vương không chịu khuất, kháng khái có chí dẹp loạn và nói: "Trượng phu ở đời phải nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm hàng nghìn thuở, chứ đâu lại xun xoe đi phục dịch kẻ khác!". Rồi Vương ẩn náu ở nơi rừng núi, mời đón những bậc có mưu trí, có sức mạnh, chiêu tập võ về những kẻ xiêu dạt lưu ly. Cùng với các tướng tá là bọn Lê Thạch, Lê Liễu mưu tính nhằm mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), dấy quân. Vương chia đặt các quan chức và liêu thuộc, truyền hịch đi các nơi xa gần: hẹn ngày trừ diệt giặc Minh.

Lời phê³ - Như thế mới đáng là anh hùng. Lê Lợi mở được nền chính thống cho nghìn năm: thật đáng là bậc nổi gót Hán Cao Tổ⁴.

Lời cần án - Bình Định vương ban đầu dấy lên ở Lam Sơn, tức cũng như Bái Công⁵, với một thanh kiếm, nổi lên ở Bái Trung. Vậy, nên theo thể lệ của **Cương Mục** [Trung Quốc] chép về liệt quốc mà chưa ở dòng chữ nhỏ⁶; thế mà **Sử cũ** liệt vào chính thống, chép "nguyên niên" (năm thứ nhất) [của Bình Định vương] bằng chữ lớn. Nay khắp với thể lệ của **Cương Mục** [Trung Quốc] chép về "Lưu Bang, người nước Sở, dấy quân ở đất Bái, tự lập làm Bái công" thì thấy chưa hợp, vậy xin chép lại để tỏ nghĩa chính thống⁷.

¹ Toàn thư Bản kỷ chép rõ là ngày mồng 6, tháng 8, năm Ất Sửu (1385) (quyển X, tờ 1b).

² Chỉ cha con nhà Hồ Quý Ly. Theo quan điểm sử học xưa, phàm những triều đại nào làm chuyện cướp ngôi, đều bị liệt vào hàng tiếm nghịch, nên **Cương mục** thường gọi nhà Hồ là "nghịch Hồ" hoặc "ngụy Hồ" hoặc "nhuận Hồ".

³ Chỉ Lê Lợi không chịu khuất phục người Minh, nói những lời kháng khái và cuối cùng khởi nghĩa, đánh dẹp quân xâm lược.

⁴ Tên là Lưu Bang, tự là Quý, người đất Bái, cuối đời Tần, do chân đình trường nổi lên làm Bái Công, rồi được lập làm Hán vương. Sau dẹp yên Tam Tần, lật đổ Hạng Vũ, thống nhất được đất nước, sáng lập triều Hán; khi mất, miếu hiệu là Hán Cao Tổ.

⁵ Tên là Lưu Bang, tự là Quý, người đất Bái, cuối đời Tần, do chân đình trường nổi lên làm Bái Công, rồi được lập làm Hán vương. Sau dẹp yên Tam Tần, lật đổ Hạng Vũ, thống nhất được đất nước, sáng lập triều Hán; khi mất, miếu hiệu là Hán Cao Tổ.

⁶ Xem điều thứ 5 và thứ 19 trong "Phàm lệ" của **Cương mục** (Tiền biên, tập 1, trang 23, 25-26).

⁷ Xem điều thứ 5 và thứ 19 trong "Phàm lệ" của **Cương mục** (Tiền biên, tập 1, trang 23, 25-26).

Lời chua - Thanh Hóa: Tức Ái Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16).

Lam Sơn: Tên làng (hương), nay là huyện Thụy Nguyên thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lương Giang: Tên huyện, nay là huyện Thụy Nguyên thuộc phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Lôi Dương: Tên huyện, nay thuộc phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ Sơn: Tên xã, nay là Thủy Chú, thuộc huyện Lôi Dương.

Vương đánh và thắng được Mã Kỳ nhà Minh.

Mã Kỳ, nội quan Minh, được tin Bình Định vương dấy quân ở Lam Sơn, bèn kéo quân đến bức bách. Vương lui đóng ở Lạc Thủy, đặt quân phục sẵn để đợi giặc. Khi Mã Kỳ đến, quân phục đổ ra đánh. Các tướng Lê Thạch, Lê Ngân và Lê Lý đua nhau xung phong, phá trận địch: chém hơn nghìn thủ cấp, bắt được quân nhu và khí giới kể đến hàng nghìn.

Cách vài ngày sau, tên Ái (không rõ họ) phụ đạo ở sách¹ Nguyệt Ấn, dắt quân Minh đi đường tắt đến đánh úp: quân của Vương bị vỡ, chạy tan tấu; vợ và con gái của Vương bị địch bắt. Vương thu thập số quân tan vỡ còn sót lại, rồi cùng với các tướng Đinh Lễ, Đỗ Bí và Lê Xí lạng lẽ rút vào ẩn náu ở núi Chí Linh.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Lạc Thủy: Tức Cử Long. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chính biên I, 34-35).

Sách² Nguyệt Ấn: Nay thuộc tổng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên.

Núi Chí Linh: Ở địa phận mừng Giao Lão, nay thuộc đất phủ Trấn Định, Nghệ An.

Tháng 7, mùa thu. Người Minh thiết lập trường sở thu hộ trai.

Hải phận Tĩnh An và Vân Đồn sản nhiều ngọc trai. Người Minh lập nên trường sở để coi giữ việc lật lượm ngọc trai. Hằng ngày, chúng bắt đến hàng nghìn người dân làm việc lực dịch ấy. Bấy giờ người Minh yêu sách đòi hỏi không biết thế nào là chán. Phàm những địa phương có hồ tiêu, hương liệu, hươu trắng, voi trắng, rùa chín đuôi, chim vẹt³, vượn bạc má và con trăn, vân vân, chúng đều buộc dân phải đi kiếm, đi bắt đem nộp để đưa về Yên Kinh. Dân tình, do đấy, nháo nhác nôn nao!

Lời phê - Than ôi! Dân ta lại mắc phải một ách vận này!

Lời chua - Tĩnh An: Châu Vĩnh An xưa. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuần Thiên thứ 14 (Chính biên II, 23-24).

Vân Đồn: Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43).

Kỷ Hợi (1419). (Bình Định vương năm thứ 2. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 17).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà Minh ban phát sách vở để dùng cho các trường học hàng phủ, hàng châu và hàng huyện. Lại sai thày chùa truyền bá kinh Phật.

¹ Khu vực hành chính của dân tộc thiểu số xưa, giống như đơn vị thôn, xã của người Kinh.

² Khu vực hành chính của dân tộc thiểu số xưa, giống như đơn vị thôn, xã của người Kinh.

³ Nguyên văn là "Đào quái điều".

Trước kia, vua Minh, dưới sự định đoạt của mình, cho in ra các sách Ngũ Kinh¹, Tứ thư² và Tính lý đại toàn³. Khi sách xong, hạ chiếu cho ban phát khắp trong và ngoài nước. Vua Minh dụ bảo Bộ Lễ rằng: "Nghĩa lý tinh túy của thánh hiền ở cả trong sách này. Đó thật là căn bản cho người theo học. Các người khá thể theo ý chỉ của trẫm, hiểu dụ những người theo học hết lòng giảng luận nghiên cứu, chứ đừng nên coi chỉ là lời suông mà thôi". Đến đây, vua Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang Nam, ban phát sách vở nói trên cho những người nho học ở các phủ, các châu, các huyện. Lại sai các thầy chùa truyền bá kinh Phật ở các Tăng, Đạo ti. Còn các sự tích và sử sách của nước ta từ đời Trần trở về trước đều tịch thu đưa về Kim Lăng⁴.

Lời chua - Tăng, Đạo ti: Theo Minh sử, khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), nhà Minh đặt ra ti Tăng Cương và ti Đạo Kỷ.

Sử sách: Theo phần "Văn tịch chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì từ đời Trần trở về trước, các đời thường có điển chương và sử sách:

Hình thư	3 quyển	Lý Thái Tông ⁵
Quốc triều thông lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Hình luật	1 quyển	Trần Thái Tông
Kiến trung thường lễ	10 quyển	Trần Thái Tông
Khoá hư tập ⁶	1 quyển	Trần Thái Tông
Ngự thi ⁷	1 quyển	Trần Thái Tông
Di hậu lục	2 quyển	Trần Thánh Tông
Cơ cừu lục	1 quyển	Trần Thánh Tông
Thi tập ⁸	1 quyển	Trần Thánh Tông
Trần triều đại điển	2 quyển	Trần Dụ Tông ⁹
Trùng hưng thực lục ¹⁰	2 quyển	Trần Nhân Tông
Thi tập ¹	1 quyển	Trần Nhân Tông

¹ Năm kinh của nhà nho: Dịch, Thi, Thư, Lễ và Xuân Thu.

² Bốn sách của nhà nho: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử.

³ Bộ sách do bọn Hồ Quảng, vâng lệnh vua Minh, soạn ra. Nội dung dựa vào học thuyết của các Tống nho, chia làm 13 mục, gồm 70 cuốn.

⁴ Nay là địa phận thành phố Nam Kinh và huyện Giang Kinh Trung Quốc.

⁵ Trong bảng thống kê này có những sách về loại điển chương hoặc pháp luật như Hình thư, Quốc triều thông lễ, v.v..., tuy đứng tên một vua nào đó, nhưng thực tế không phải vua ấy là tác giả, chẳng qua Lịch triều hiến chương chỉ nêu ra để đánh dấu thời đại mà thôi.

⁶ Một kinh nói về đạo lý nhà Phật. Hiện nay hãy còn.

⁷ Toàn tập không còn; hiện nay có sót lại một bài thơ có chép trong Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển, ...

⁸ Nay còn độ dăm bài như có chép trong Toàn thư Bản kỷ (quyểnV, tờ 58: bài chơi Hành cung Thiên Trường), Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển, ...

⁹ Cương mục không sắp xếp theo đúng thứ tự niên đại, nên đã đặt Trần Dụ Tông lên trước Trần Nhân Tông, cũng như đặt Trần Minh Tông lên trên Trần Anh Tông, và đặt Chu Văn Trinh lên trên Trần Quốc Tụy, Trần Quang Khải, ... nhưng nay chúng tôi buộc phải dịch theo thứ tự xếp đặt của nguyên thư, chứ không xếp lại.

¹⁰ Nội dung chép việc đánh dẹp giặc Nguyên (theo Lịch triều hiến chương) và ghi rõ thành tích những người đã lập được kỳ công xung phong phá trận trong khi kháng chiến Mông Cổ xâm lược (theo Toàn thư Bản kỷ V, 57b).

	Thi tập ²	1 quyển	Trần Minh Tông
	Thủy vân tùy bút ³	2 quyển	Trần Anh Tông
	Bảo Hòa điện dư bút ⁴	8 quyển	Trần Nghệ Tông
	Thi tập ⁵	1 quyển	Trần Nghệ Tông
Tuấn	Binh gia yếu lược	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc
Tuấn	Vạn kiếp bí truyền	1 bộ	Trần Hưng Đạo đại vương Quốc
	Tứ thư thuyết ước	1 bộ	Chu Văn Trinh ⁶
	Tiêu ẩn ⁷ thi	1 tập	Chu Văn Trinh
	Sâm lâu ⁸ tập	1 quyển	Uy Văn vương Trần Quốc Tụy
Khải	Lạc đạo tập ⁹	1 quyển	Chiêu Minh Vương Trần Quang
	Băng Hồ ¹⁰ ngọc hức tập	1 quyển	Tư đồ Trần Nguyên Đán
	Giới Hiền ¹¹ thi tập	1 quyển	Nguyễn Trung Ngạn
	Hiệp Thạch ¹² tập	1 quyển	Phạm Sư Mạnh
	Cúc Đường di thảo	2 quyển	Trần Nguyên Đào
	Thảo nhàn hiệu tần	1 quyển	Hồ Tôn [Tông] Thốc ¹³

¹ Thơ của Trần Nhân Tông, theo Lịch triều hiến chương, nay còn hơn 20 bài.

² Thơ của Trần Minh Tông, theo Lịch triều hiến chương, nay còn hơn 10 bài. Cương mục Chính biên X, 10 chép Trần Minh Tông, khi sắp mất, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem đốt bản thảo những thơ mà mình đã làm (ngự chế thi thảo).

³ Sử chép Trần Anh Tông, khi sắp mất, sai đem đốt những tác phẩm của mình: những chữ đã viết, những bức tranh đã vẽ và tập Thủy vân tùy bút (Cm. Chính biên IX, 16). Theo Lịch triều hiến chương, thì toàn tập Thủy vân tùy bút nay không còn, chỉ sót lại 8, 9 bài thơ.

⁴ Bảo Hòa, tên một cung điện làm ở núi Lạn Kha, huyện Tiên Du (nay thuộc Bắc Ninh) mà Trần Nghệ Tông (1370-1372) thường lui tới, nên mới dùng chỗ ở để đặt tên cho sách. Cương mục Chính biên quyển X, 52 chép là Bảo Hòa cung (không phải điện) và tên sách là Bảo Hòa dư bút (không có chữ điện).

⁵ Nay còn một vài bài như thấy trong Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt thi tuyển.

⁶ Tên thụy của Chu An (mất năm 1370, nay thường gọi là Chu Văn An). Theo Lịch triều hiến chương, ông còn có Quốc ngữ thi tập 1 quyển.

⁷ Khi về ẩn ở núi Chí Linh (thuộc Hải Dương), Chu An lấy hiệu là Linh Sơn tiểu ẩn. Xem thêm Chính biên X, 28-29.

⁸ Sâm Lâu, tên hiệu của Trần Quốc Tụy, là chồng Thụy Bảo công chúa, và là con rể Trần Thái Tông. Tụy học giỏi, thơ hay, khi chết mới 24 tuổi (Toàn thư Bản kỷ V, 36b-37a)

⁹ Khi về ẩn ở núi Chí Linh (thuộc Hải Dương), Chu An lấy hiệu là Linh Sơn tiểu ẩn. Xem thêm Chính biên X, 28-29.

¹⁰ Băng Hồ, tên hiệu của Trần Nguyên Đán (1320-1390), ông ngoại Nguyễn Trãi (xem thêm Chính biên XI, 2).

¹¹ Giới Hiền, tên hiệu của Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370). Xem thêm Chính biên X, 8.

¹² Chữ "Hiệp" nhiều người quen đọc là Giáp. Hiệp Thạch, biệt hiệu của Phạm Sư Mạnh, học trò Chu An, có đi sứ Trung Quốc năm 1345. Xem thêm Chính biên IX, 46; X, 28.

¹³ Xem thêm Chính biên XI, 3.

Việt Nam thế chí	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Việt sử cương mục	1 bộ	Hồ Tôn Thốc
Đại Việt sử ký	30 quyển	Lê Văn Hưu
Nhị Khê thi tập	1 quyển	Nguyễn Phi Khanh
Phi sa tập ¹	1 quyển	Hàn Thuyên
Việt điện u linh tập	1 quyển	Lý Tế Xuyên

Những sách kê trên mà người Minh tịch thu mất, nay không biết nội dung ra sao.

Lời phê - Phần nhiều những sách này bây giờ không thấy có nữa: đáng tiếc!

Nhà Minh cấp phát "hộ thiếp" cho các châu, các huyện.

Lý Bân nhà Minh tâu với vua Minh xin Hộ Bộ ban phát hộ thiếp cho Giao châu, ra lệnh cho các châu, các huyện làm sổ "hoàng sách" quy định về việc phú thuế sưu dịch, lập thành những "bản đồ chu niên" về việc cắt đất lý trưởng và giáp thủ. Đại khái thế này: cứ mỗi 110 hộ là một lý, mỗi năm một người làm lý trưởng, mười người làm giáp thủ, đứng lên cáng đáng việc công, cứ luân chuyển hết lượt thì lại trở lại lượt khác. Những người ra làm lý trưởng hoặc giáp thủ ấy thường bị đòn vọt không sao kể xiết nổi khổ!

Lời chua - Hộ thiếp: Theo Đại Minh hội điển, Hộ Bộ làm sổ hộ khẩu khắp trong thiên hạ và đặt ra các hộ thiếp. Mỗi tấm hộ thiếp có viết rõ quê quán, tên tuổi và số đinh trong một hộ. Mỗi hộ thiếp có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiểm để phòng những khi khám nghiệm: sổ hộ khẩu thì để ở Hộ Bộ, còn hộ thiếp thì cấp phát cho nhân dân. Khi quan lại được lệnh kiểm soát so sánh, hễ thấy hộ thiếp nào không phù hợp thì người hộ ấy phải phát vãng làm lính.

Hoàng sách: Theo sách Thông giám tập lãm² thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381), vua nhà Minh hạ chiếu bắt suất trong nước làm sổ "hoàng sách" kê khai về việc phú thuế sưu dịch: phạm mỗi "hương"³ cứ 110 hộ là một "lý", mỗi lý có người lý trưởng; 10 hộ là một giáp, mỗi giáp có một người giáp thủ. Hằng năm, dùng một người lý trưởng để gánh công việc trong một lý, hạn làm việc là một năm. Hết một năm là một lượt gọi là "bài niên". Thứ tự trước sau là tùy theo số đinh và số lương của từng lý nhiều hay ít. Các khu vực hành chính khác như ở đô thành gọi là "phường", ở gần thành đô gọi là "sương"⁴. Về chức dịch và việc công, phường và sương cũng như lý. Mỗi lý phải làm một quyển sổ gọi là "sách"; trong "sách" có kê số đinh và số điền, lấy từng hộ làm chủ chốt. Đầu "sách" có vẽ bản đồ. Hạng quan⁵, quả⁶, cô⁷, độ⁸ không phải làm chức dịch thì cho phụ thuộc ở sau các giáp, gọi là loại "lẻ loi". Sổ "sách" đóng làm bốn bản: một bản đưa lên Hộ Bộ (bìa đóng bằng giấy vàng, nên gọi là "hoàng sách"); còn ba bản (bìa đóng bằng giấy xanh) thì

¹ Hàn Thuyên, người đầu đời Trần (thế kỷ thứ XIII), quê ở huyện Thanh Lâm thuộc Hải Dương. Theo Lịch triều hiến chương, thì trong tập Phi sa của Hàn Thuyên có nhiều thơ nôm. Xem thêm Chính biên VII, 26.

² Cũng gọi là Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm, sách làm năm Thanh Kiên Long thứ 32 (1767), căn bản dựa theo bộ Lịch đại thông giám toàn yếu của nhà Minh soạn hồi niên hiệu Chính Đức (1506-1521), rồi có sửa đổi và bổ sung mà làm thành sách này: bắt đầu từ thời Phục Hi đến đời Minh, gồm 116 quyển.

³ Khu vực ở ngoài đô thành hoặc thị trấn đều gọi là "hương". Mỗi "hương" xưa gồm có 12500 nhà.

⁴ Cũng đọc là "tương", tức như ta gọi "ngoại ô" hoặc "ngoại châu thành".

⁵ Đàn ông không vợ.

⁶ Đàn bà góa chồng.

⁷ Con mồ côi cha.

⁸ Người già không có con.

lưu lại ở ti Bồ Chính Sứ, ở phủ và ở huyện mỗi nơi một bản. Cứ mỗi 10 năm, quan trên lại soát lại các "sách": nhắc lên bậc trên hay hạ xuống bậc thấp là tùy theo số đinh lương ghi trong "sách" ấy có tăng thêm hay là sút kém.

Lại theo sách Hội điển nhà Minh, vua Minh hạ chiếu cho khắp nước: các phủ, các châu và các huyện phải làm "hoàng sách" kê khai về phú thuế sưu dịch. Cứ 110 hộ là một "lý" (làng nhỏ). "Lý" nào nhiều đinh thì cho 10 người làm lý trưởng; còn thì cứ mỗi 100 hộ đặt làm 10 giáp, có 10 người làm giáp thủ. Hằng năm, do một người lý trưởng cai quản công việc trong một lý, phải chịu trách nhiệm về việc công. Khu vực trong thành gọi là "phường"; khu vực gần thành gọi là "sương"; khu vực "hương", "đô"¹ gọi là "lý". Cứ mười năm là một lượt. Khi luân lưu hết một lượt, chỗ nào nên trước hay nên sau là tùy theo số đinh nhiều hay ít mà sắp xếp thứ tự. Mỗi "lý" làm thành một "sách". Đầu "sách" nào cũng có một bản đồ. Những hạng quan, quả, cô, độc không gánh vác nổi việc công thì cho phụ thuộc ở ngoài số 110 hộ mà liệt kê ở sau bản đồ gọi là loại "lẻ loi". Khi các "sách" làm xong, phải đưa một bản lên Hộ Bộ và lưu lại ở ti Bồ Chính, ở phủ, ở châu, ở huyện mỗi chỗ một bản.

Lại theo Toàn tạo hoàng sách cách thức, thì quan trên trước hết làm hẳn một hộ để ra mẫu nhất định, bấy giờ mới cho viết chân phương tinh tường, sai khắc in, rồi phát cho phường trưởng, sương trưởng, lý trưởng và các giáp thủ khiến người chủ hộ cứ theo mẫu sẵn mà khai số đinh và nghề nghiệp từng người trong hộ của mình, rồi giao cho người giáp thủ thuộc giáp mình. Người giáp thủ bèn đem hộ trong giáp mình gộp với mười hộ nữa làm thành bản "văn sách" rồi chuyển lên các phường trưởng, sương trưởng và lý trưởng. Những người này lại sẽ đem các bản "văn sách" do các giáp thủ đã làm kia họp lại một chỗ, đưa lên trên huyện mình. Quan lại ở huyện sẽ đem các sách nhận được ấy so sánh đối chiếu, rồi theo thể thức mà chia loại và điền vào bản đồ.

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương đánh đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao. Rồi Vương lại lui giữ núi Chí Linh. Quân Minh kéo đến bức bách. Đô tổng quản² Lê Lai chịu chết thay Vương.

Vương tấn công đồn Nga Lạc, bắt được chỉ huy Minh, Nguyễn Sao, đem chém. Nhưng bấy giờ thế lực của giặc còn đang mạnh; về phía Vương, tướng còn hiếm, quân còn ít, lại đánh nữa, không thắng được địch. Vương chạy vào Trịnh Cao, rồi lui giữ núi Chí Linh³. Quân Minh thường đến đánh úp: tình hình phía Vương khốn quẫn quá! Vương phải nhóm họp các tướng, dụ bảo họ rằng: "Bây giờ ai có thể làm như Kỳ Tín⁴ xưa, để ta ẩn náu trong rừng núi, mưu tính cử sự về sau?". Trong các tướng chẳng ai dám đáp ứng cả. Riêng có Lê Lai khảng khái xin vâng, tình nguyện trao đổi đồ mặc với Vương để đi chết thay.

Lê Lai liền cho sắp xếp nghi trượng chỉnh tề, chính mình đem quân và voi, hướng ra phía địch, chỉ huy các tướng chia đường khiêu chiến. Tướng Minh lấy thêm quân bao vây Lê Lai. Lai chiến đấu kiệt sức, bị người Minh bắt và giết chết. Địch bèn rút quân về Tây Đô.

Lời phê⁵ - Vua nhà Lê đã có tài như vua nhà Hán là Cao Tổ, tôi nhà Lê lại cũng trung liệt như tôi nhà Hán là Kỳ Tín: nghìn năm bất hủ!

Lời chua - Nga Lạc: Tên huyện. Nay là huyện Nga Sơn, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, thì cửa ải Nga Lạc thuộc huyện Nga Lạc.

¹ Đô có nhiều nghĩa. Đây có nghĩa là đơn vị một khu vực lớn hơn ấp.

² Một chức coi giữ quân lính ở bên trong (nội quân) ở dưới chức Đại Tổng quản là chức đứng đầu quân đội.

³ Đứng lẫn núi Chí Linh ở Thanh Hóa này với núi Chí Linh ở Hải Dương. Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Trung thần của Hán Cao Tổ. Khi Cao Tổ bị Hạng Vũ vây ở núi Huỳnh Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), tình hình nguy ngập quá, Tín phải ăn mặc giả làm Cao Tổ, thay Cao Tổ ra đầu hàng: bị Hạng Vũ đốt chết. Còn Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.

⁵ Chỉ việc Lê Lai chịu chết thay cho Lê Lợi.

Trịnh Cao: Tên châu xưa, lệ thuộc vào phủ Ngọc Ma; nay là đất phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Núi Chí Linh: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 3).

Tháng 5. Vương đóng quân ở Lô (Lư) sơn. Ai Lao đem quân sang giúp Vương.

Trước kia, Vương sai bọn Trịnh Đồ và Trịnh Khả liên kết với Ai Lao, nhờ Ai Lao giúp cho quân lính và lương thực. Đến đây, Vương tiến quân đóng ở Lô Sơn, được Ai Lao đem quân sang giúp.

Lời chua - Lô Sơn: Cách châu Quan Hóa 97 dặm về phía tây.

Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Trịnh Đồ: Người làng Kim Bôi¹, sau được nhà vua cho lấy theo họ Lê.

Tháng 7, mùa thu. Phan Liêu, tri phủ Nghệ An, phản lại người Minh, chạy sang Ai Lao.

Nhà Minh dùng nội quan Mã Kỳ làm chức thái biện sứ. Mã Kỳ sang yêu sách những đồ báu, của quý. Liêu không chịu nổi được sự hà nhục của Mã Kỳ, bèn thống suất mọi người, đánh giết quan lại nhà Minh. Bấy giờ quân chủ lực của Minh đóng ở thành Nghĩa Liệt thuộc Nghệ An, bị Phan Liêu đánh úp: thành suýt bị phá vỡ. Lý Bân từ Đông Quan² kéo đến: Phan Liêu phải chạy sang Ai Lao. Bân đuổi đến Ngọc Ma, không kịp, quay về.

Khi Bân vào đánh Phan Liêu, có sai chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiên phong. Văn Luật hoang mang: vừa ngờ vực, vừa lo sợ, bèn lẩn trốn. Rồi tụ họp mọi người, chiếm giữ Thạch Thất, phản lại người Minh. Bân đến đánh, phá được Văn Luật. Luật cũng chạy sang Lào: làm người đứng chủ bày mưu lập kế cho Ai Lao. Vì thấy Bình Định vương là bậc có uy quyền và danh vọng, Văn Luật đem lòng đổ kỵ, nên tìm nhiều cách ly gián giữa Vương và Ai Lao. Từ đó, Ai Lao tuyệt giao với ta.

Lời chua - Nghệ An: Tức Hoan Châu xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Phan Liêu: Người làng Tôn Lỗ thuộc huyện Thạch Hà³. Theo An Nam truyện trong Minh sử, Phan Liêu là con của Phan Quý Hựu, tri phủ Nghệ An trước. Khi kế chân cha làm tri phủ, Phan Liêu không chịu nổi sự bạo ngược của Mã Kỳ, nên phản lại người Minh.

Nghĩa Liệt thành: Còn tên nữa là Lam Thành, do người Minh xây đắp, ở xã Nghĩa Liệt, huyện Hưng Nguyên.

Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Nhuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Ngọc Ma: Tên một châu xưa, nhà Lê đặt làm phủ; nay là phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Lộ Văn Luật: Người huyện Thạch Thất, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11, mùa đông. Các vùng Hạ Hồng, Tân Minh, Khoái Châu và Hoàng Giang dấy quân khởi nghĩa, bị Lý Bân nhà Minh đánh bại.

Trịnh Công Chứng và Lê Hành ở Hạ Hồng, Phạm Thiện ở Tân Minh, Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cầu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan suy yếu trống rỗng, nên kéo nhau cùng nổi dậy, xông thẳng đến Nhị Hà, đánh vào phía cầu phao, nhưng bị Lý Bân nhà Minh đánh bại.

¹ Thuộc huyện Vĩnh Lộc (xưa là Vĩnh Ninh), tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là Hà Nội.

³ Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Lại có Lê Nga, người huyện Thủy Đường¹, trạng mạo khôi ngô, tầm vóc đầy đà, là gia nô của Trần Thiên Lại ngày trước. Bấy giờ Lê Nga đổi tên là Dương Cung, giả làm người hầu của Mã Kỳ, hống hách nô nạt các châu, các huyện. Khi thấy bọn Công Chứng, Phạm Ngọc và Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Lê Nga bảo những người quen biết mình rằng: "Chúng bay có muốn giàu sang không? Đứa nào muốn thì đi theo ta đây!". Nga bèn đi lên Đan Ba thuộc Lạng Sơn, mạo xưng là chú² của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua³, trở về nước. Thổ tù Lạng Sơn, Bế Thuấn, gả con gái cho Nga, lập Nga làm minh chủ. Khoảng độ một tuần, một tháng, tụ họp được đến vài vạn quân. Sau khi bọn Công Chứng và Phạm Thiện đã thất bại, những đồ đảng còn sót lại đều theo về với Lê Nga, do đấy, quân gia của Nga ngày một đông thêm. Nga tự xưng là Thiên Thượng hoàng đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, sắp xếp quan lại, đúc tiền tệ, kéo quân đi thiêu đốt vùng Xương Giang và cướp bóc miền Bình Than.

Có người biết "vua Vĩnh Thiên" này chính là Lê Nga, nhưng cũng không dám nói. Trần Thiên Lại đến thăm Lê Nga, khi ra rồi, nói: "Đó là gia nô của ta ngày trước!". Rồi Thiên Lại dời thuyền đi nơi khác. Nga sai người đuổi theo, nhưng không kịp.

Trần Thiên Lại truyền hịch đi các quận huyện, tự xưng là Hưng Vận quốc thượng hầu, dấy quân đánh nhau với Nga, bị Nga giết chết.

Lý Bân nhà Minh nói: "Thiên Lại và Lê Nga chỉ như hai con thú thôi!". Nhân khi họ đã nhược rồi, Lý Bân bấy giờ mới đánh: Lê Nga và Bế Thuấn đều thua, đang đêm phải chạy trốn.

Việc này lên đến triều đình nhà Minh, vua Minh ra hạn nghiêm ngặt cho đi lùng bắt. Bọn Bân ức hiếp bắt Phạm Luận, sinh viên ở Giáp Sơn⁴, mạo khai là Dương Cung⁵. Viên tri huyện là Đặc Khiêm cho là không phải Dương Cung, nhưng bọn Bân không nghe, cứ cho giải sang Yên Kinh.

Lời chua - Hạ Hồng: Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Tân Minh: Nay là huyện Tiên Minh⁶.

Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chính biên V, 32).

Hoàng Giang: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Long thứ 7 (Chính biên VI, 44).

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Cầu Phao: Theo Đại Thanh Nhất thống chí, đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), bọn Trương Phụ làm cầu phao ở bến Đông Tân sông Nhị.

Phạm Ngọc: Người An Lão⁷, xuất gia đi tu làm sư, rồi tụ họp dân chúng nổi loạn.

Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19).

Đan Ba: Tức Đan Dĩ. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 4 (Chính biên VIII, 8-9).

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

¹ Trước thuộc Hải Dương, về sau đổi thuộc Kiến An. Nay là huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng.

² Nguyên văn là "huyền tôn", tức là cháu năm đời.

³ Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Ta quen đọc là "Giáp". Còn Từ Nguyên thì âm là "Hiệp".

⁵ Tức Lê Nga.

⁶ Tục gọi là Tiên Miêng, nay là huyện Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng.

⁷ Nay thuộc thành phố Hải Phòng.

Xương Giang: Theo Bắc Ninh tỉnh sách¹, thành Xương Giang, do người Minh đắp, ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh².

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Giáp Sơn: Tên huyện. Nay do phủ Kinh Môn kiêm lý thuộc tỉnh Hải Dương.

Phạm Luận: Người làng Ngự Uyên, huyện Giáp Sơn.

Canh Tí (1420). (Bình Định vương năm thứ 3. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 18).

Tháng 6, mùa hạ. Nhà Minh sai Trần Trí đến trấn thủ Phụng Hóa.

Lời chua - Phụng Hóa: Tức Thiên Trường. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên V, 28).

Tháng 10, mùa đông. Bình Định vương đóng quân ở Ba Lãm, đánh úp và phá được quân Minh ở trại Quan Du.

Vương tiến quân đóng ở thôn Thôi. Lý Bân nghe tin ấy, kéo quân từ Tây Đô vào chực đánh úp. Vương đặt quân mai phục ở Thi Lang, đánh bại được địch. Vương tiến đóng ở sách³ Ba Lãm thuộc Lỗi Giang. Bọn tướng Minh, Tạ Phượng và Hoàng Thành, chia quân đóng đồn ở Nga Lạc và Quan Du để phòng thủ cho Tây Đô. Vương ngày đêm đánh gấp: bọn Phượng đóng chặt đồn lũy, cố thủ, không dám ra. Sau đó, chúng bỏ Nga Lạc, lui giữ Quan Du. Vương sai các tướng Lê Sát và Lê Hào đánh úp quân Minh ở trại Quan Du: cả phá được địch, chém hơn nghìn thủ cấp, tước được chiến cụ và nghi trượng của địch không biết bao nhiêu mà kể. Người Minh, do đó, tinh thần sút kém quá đổi!

Lời chua - Ba Lãm: Thay đổi ra sao, không rõ. Theo sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, thì cửa ải Ba Lãm thuộc huyện Lỗi Giang.

Quan Du: Tên trại xưa. Bây giờ là châu Quan Hóa thuộc Thanh Hóa.

Thôi: Tên thôn xưa. Bây giờ là huyện Man Xuy, thuộc phủ Trấn Man⁴.

Thi Lang: Thay đổi ra sao, không rõ.

Lỗi Giang: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 17-18).

Tân Sửu (1421). (Bình Định vương năm thứ 4. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 19).

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Tam Giang có nạn nước to.

Lời chua - Tam Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tháng 9, mùa thu. Nước sông Đáy⁵ tràn ngập.

Lời chua - Sông Đáy: Xem Trần Thiếu Đế, năm Kiến Tân thứ 2 (Chính biên XI, 36).

Tháng 11, mùa đông. Bình Định vương đánh bại được Trần Trí nhà Minh ở Úng Ải. Lại đánh và phá được quân Ai Lao.

Bấy giờ Vương đóng doanh trại ở Ba Lãm. Trần Trí, tham tướng Minh, đem hơn mười vạn quân đến đánh. Trời đã về chiều, địch đóng lại cách Ba Lãm 50 dặm. Hội họp các tướng, Vương bàn rằng:

¹ Xem chú giải ở Cương mục Chính biên I, 9.

² Nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

³ Đơn vị một khu vực hành chính của miền núi xưa. Xem thêm chú giải số 3 ở Chính biên I, 1.

⁴ Phủ này ở về phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Nguyên văn chép là "Đế Giang".

"Quân của địch dẫu đông, nhưng chúng phải lặn lội từ xa đến. Chúng ta đem cái thể thông thả chờ đợi để đối phó với địch đang nhọc nhằn, bấy giờ thành linh đổ ra mà đánh thì tất thế nào cũng phá được địch". Đêm đến, bèn đánh úp trại giặc: chém hơn nghìn thủ cấp. Trần Trí tức giận lắm, hôm sau, mở đường tiến quân. Vương sẵn sàng đặt trước quân phục ở Úng Ai. Trưa đến, quân Trần Trí vượt hiểm trở, kéo đến cửa ải. Chúng leo trèo, bám như đàn kiến mà lên: quân phục thành linh nổi dậy xung kích, đánh bại được địch. Trần Trí rút lui.

Bấy giờ Mãn Sát, tù trưởng Ai Lao, đem ba vạn quân và một trăm thốt voi thành linh ập đến, nói phao lên rằng sang cứu viện ta. Vương không ngờ nó nói dối, đương đêm bị nó đánh úp. Vương, với vẻ bình tĩnh, không động binh vôi, mới chia cắt tướng sĩ lên ra phía sau địch: trong và ngoài đánh khép lại, cả phá được quân giặc, chém hơn một vạn thủ cấp, tước được mười bốn thốt voi. Nhân đà thắng lợi, ruổi dài đuổi theo. Mãn Sát cùng quần, sợ dúm lại, xin hòa, nhưng Vương không ưng thuận. Bình chương Lê Thạch xung phong, dẫn đầu quân sĩ, gấp đánh địch, bị chết vì giẫm phải chông.

Lời phê - Về việc Ai Lao đánh úp này, **Sử cũ** chép không rõ. Khi làm Cương mục, tuy đã sửa lại rồi, nhưng cũng vẫn chưa thấy hợp tình hợp lý. Vì rằng quân Ai Lao đông đến ba vạn thì bên ít địch lại làm sao được với bên nhiều! Chắc là do sự ghi chép thất thực.

Lời chua - Úng Ai: Thay đổi ra sao, không rõ. Bấy giờ tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa¹ có Úng Quan, có lẽ là Úng Ai này.

Mãn Sát: Tên của tù trưởng Ai Lao.

Nhâm Dần (1422). (Bình Định vương năm thứ 5. Minh, Vĩnh Lạc năm thứ 20).

Ngày mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Tổng binh Minh, Lý Bân, chết. Nhà Minh dùng Trần Trí lên thay, cai quản quân đội.

Tháng 12, mùa đông. Bình Định vương đại thắng quân Minh ở sách Khôi. Vương chuyển quân về núi Chí Linh².

Wương từ Ba Lãm tiến đến Quan Da. Mã Kỳ nhà Minh lại ước hẹn với Ai Lao, hợp sức với nhau, hai mặt trước sau đánh khép lại. Quân của Vương không lợi, phải lui đóng ở sách Khôi. Địch tập hợp cả quân lại để bao vây. Vương khóc lóc bảo các tướng sĩ: "Giặc đang bao vây và bức bách cả bốn mặt. Chúng ta cố đánh nhanh thì sống; nếu không đánh nhanh thì tất phải bại vong". Mọi người đều cảm kích, đua nhau liều chết cố đánh. Các tướng Lê Lĩnh, Phạm Vãn, Lê Hào và Lý Triện chính mình xông pha lên trước, đánh phá trận địch; chém tham tướng Minh, Phùng Quý, và hơn nghìn thủ cấp quân lính địch. Mã Kỳ và Trần Trí đều phải chạy; quân Ai Lao cũng lẫn trốn.

Wương chuyển quân về núi Chí Linh. Bấy giờ quân ta tuy thắng trận, nhưng chưa có cơ thuận tiện để tiến thủ, phải đóng ở trong trại miền núi: sự tiếp tế không được liên nối, phải cạn lương đến hơn hai tháng, chỉ ăn rau dưa mà thôi, đến nỗi Vương phải giết cả voi và ngựa để thết quân đội. Tướng sĩ đều mỏi mệt nhọc nhằn, muốn tạm nghỉ ngơi, ai nấy đều khuyên Vương nên hòa với người Minh. Vương bất đắc dĩ sai bọn Lê Trần đến chỗ quân Minh, xin hòa.

Lời chua - Sách Khôi: Thay đổi ra sao, không rõ.

Quan Da: Tức trại Quan Du. Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chính biên XIII, 13).

Quý Mão (1423). (Bình Định vương năm thứ 6. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 21).

Tháng 4, mùa hạ. Bình Định vương quay về Lam Sơn.

¹ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

² Ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hóa.

Bấy giờ bọn Trần Trí và Sơn Thọ nhà Minh thường hay đưa biểu Vương: trâu, ngựa, cá, muối, nông cụ và thóc lúa... Vương sai lũ Lê Trần đem vàng bạc đáp lại. Bọn Trí, sau đó, ngờ rằng Vương bề ngoài giả cách giảng hòa thân thiện, nhưng bề trong vẫn ấp ủ cái chí đánh úp, nên chúng bắt giam lũ Trần lại, không cho về¹. Vương nổi giận, liền tuyệt giao với bọn Trí.

Giáp Thìn (1424). (Bình Định vương năm thứ 7. Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 22).

Tháng 9, mùa thu. Bình Định vương đánh và hạ được đồn Đa Căng.

Wương đóng quân ở Lô (Lư) sơn, nhóm họp các tướng hỏi về sách lược tiến thủ, nên đánh thành nào trước. Thiếu úy² Lê Chích thưa: "Nghệ An là nơi hiểm yếu: đất rộng, người đông, tôi đã từng qua lại Nghệ An, nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta nên trước hãy nên đánh lấy Trà Long, chiếm giữ bình định cho được Nghệ An để làm chỗ đất đứng chân, rồi dựa vào đấy mà lấy tiền tài sức lực, sau sẽ quay cờ trở ra Đông Đô thì có thể tính xong được việc dẹp yên thiên hạ". Vương khen là phải. Liền đó kéo quân ra phía nam, đánh úp đồn Đa Căng: Lương Như Hốt, tham chính bên Minh, thua chạy. Ta chém chết địch và bắt được của địch vô kể.

Lời chua - Đa Căng: Thay đổi ra sao, chưa rõ. Theo sách Sĩ hoạn tu tri lục của Nguyễn Công Tiệp, thì huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có động Bất Căng, có lẽ tức là Đa Căng này.

Trà Long: Tức Trà Lân, nay là phủ Tương Dương thuộc Nghệ An.

Nhà Minh vời Hoàng Phúc về nước, dùng Trần Hiệp sang thay.

Trước kia, do chân Công Bộ thượng thư kiêm giữ công việc hai ti Bồ, Án tại Giao châu, Hoàng Phúc ở Giao Châu mười tám năm, coi dân như con đẻ. Từ chính sự đến mệnh lệnh đều sắp xếp có đầu mối, có kế hoạch, công việc không cứ lớn hay nhỏ, Phúc đều hết lòng cả. Vua Minh vì thấy Phúc đã lâu năm khó nhọc ở ngoài, nên triệu Phúc về nước, dùng Binh Bộ thượng thư Trần Hiệp sang thay.

Wương đi tuần hành ở Nghệ An, gặp quân Minh và đánh bại được địch. Tháng 11, mùa đông, quân ta vây Trà Long. Tháng 12, tri phủ Cầm Bành đầu hàng và dâng cả châu Trà Long.

Bình Định vương, sau khi đã hạ được đồn Đa Căng, cho ghi vào sổ lấy những trai tráng, rồi sắp xếp hàng ngũ bộ thuộc một cách nghiêm chỉnh, thẳng rảo đến Nghệ An. Dọc đường, khi qua Bồ Liệp thuộc Quỳnh châu, gặp bọn chỉ huy Sư Hựu, tham tướng Trần Trí và Phương Chính nhà Minh đón đường chẹn cả mặt trước lẫn mặt sau. Chiều đến, Vương đặt quân mai phục ở khoảng rừng rú, như địch đến, đánh bại được giặc: chém đô ti Minh, Trần Trung, và hơn hai nghìn thủ cấp quân địch, tước được hơn một trăm ngựa. Quân Minh phải lùi chạy. Ngày hôm sau, Vương tiến quân đến châu Trà Long, gặp địch lần nữa, lại cả phá được giặc. Bọn Trần Trí chạy về Nghệ An.

Wương sai dụ hàng tên Cầm Bành, tri phủ, quyền giữ công việc châu Trà Long, nhưng Bành không theo, cứ cố thủ, đợi quân cứu viện. Vương đốc thúc các tướng bao vây Trà Long. Bọn Trần Trí và Phương Chính sợ hãi, không dám tiến quân. Bấy giờ Sơn Thọ lấy cớ là đến để chiêu an, bèn thả trả sứ bộ Lê Trần³ về với Bình Định vương để xin hòa⁴. Còn Cầm Bành, quân gia ngày một phản lại và ly tán, tự biết thế cô, lại không có quân cứu, đành phải đầu hàng. Vương tha tội cho Bành. Quân sĩ ta không tơ hào gì đến của dân ở Trà Long. Sau đó Cầm Bành lại mưu làm phản, bị giết chết. Vương vỗ về yên ủi các bộ lạc, ai nấy đều vui vẻ làm công việc do Vương sử dụng. Vương sai tuyển lấy hơn năm nghìn người ưu tú và khoẻ mạnh cho lệ thuộc vào sổ quân nhân. Thế lực quân đội của ta bấy giờ rất là hùng hậu.

¹ Qua năm sau (Giáp Thìn, 1424) bọn Sơn Thọ nhà Minh phải trả lại Lê Trần về với nghĩa quân.

² Một chức quan võ cao cấp hồi đầu Lê.

³ Lê Trần bị bọn Trần Trí giam giữ từ năm Quý Mão (1423). Xem Cương mục Chính biên XIII, 16.

⁴ Điều đình với Bình Định vương, xin giải vây cho Trà Long.

Hay tin Trà Long đã mất, thượng thư Minh, Trần Hiệp, liền đem tình hình tâu lên triều đình. Vua Minh hạ sắc chỉ nghiêm trách bọn Trần Trí và Phương Chính, ra lệnh cho chúng phải mau dẹp cho yên. Bọn chúng sợ hãi, vội kéo quân thủy và quân bộ đi tấn công.

Được tin báo về việc quân này, Vương sai các tướng Đinh Liệt đem hơn nghìn quân, đi đường tắt đến đóng giữ huyện Đổ Gia để chiếm trước lấy ưu thế. Còn Vương thì tự đốc suất các tướng sĩ, kế tiếp tiến lên mạn thượng du cửa ải Khả Lưu, chiếm giữ nơi hiểm yếu để chờ đợi địch. Sau đó vài hôm, người Minh quả nhiên kéo đến, đóng đồn ở mạn hạ lưu cửa ải Khả Lưu. Vương làm kế nghi binh: ban ngày cho quân mở cờ khua trống, ban đêm cho đốt lửa làm như thổi nấu, nhưng ngầm sai quân và voi lặng lẽ qua sông, mai phục. Mờ sớm hôm sau, địch tiến quân để bức bách ta, gặp quân mai phục nổi dậy, chúng thua thiệt nặng nề, phải lui giữ mạn hạ lưu. Rồi chúng lựa theo thế núi, đắp đồn, lập lũy, cày có nhiều lương thực, chực đóng cửa đồn, cố thủ kéo dài. Vương đặt quân phục khắp cả bốn bề ở mặt thượng lưu, rồi đốt doanh trại, giả vờ làm như lẩn trốn. Địch kéo đến chiếm cứ: phục binh của ta thành linh nổi dậy, xung kích. Các tướng Lê Sát và Đinh Lễ đua nhau xung phong, đi đầu sĩ tốt, đánh phá trận địch: bắt sống được đô ti Minh, Chu Kiệt, chém tướng tiền phong Minh, Hoàng Thành. Ngoài ra, giết chết và bắt được vô kể. Khí giới của địch quân quăng bỏ bừa bãi ở núi và ở hang. Bọn Trần Trí thu lượm những quân còn sót, kéo về Nghệ An.

Lời cần án - Theo Minh sử, khi Vương đánh phá châu Trà Long, thổ tri phủ¹ là Cầm Bành bị chết. Sử cũ chép Cầm Bành đầu hàng. Nay xét Lam sơn thực lục chép Cầm Bành tự biết mưu chước đã cùng, quân cứu viện lại không có, nên Bành mở cửa đầu hàng. Thông sử của Lê Quý Đôn chép Bành thấy viện binh không đến, bèn đầu hàng. Bài "Chí Linh sơn phú" của Nguyễn Trãi cũng viết²: "Cầm Bành sụp lạy mà dâng đất". Như vậy, Minh sử chép như thế là không đúng sự thực. Nay xin cải chính.

Lời chua - Cầm Bành: Theo mục "An Nam nhân vật" trong Đại Thanh Nhất thống chí, Cầm Bành là người Giao Châu, hồi giữa niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), do tri phủ Nghệ An, quyền giữ công việc châu Trà Long. "An Nam truyện" trong Minh sử chép: "Lê Lợi cướp châu Trà Long, đánh bại quân của Phương Chính, giết chỉ huy Ngũ Vân; Lợi cướp bóc mãi không thôi. Chinh Di phó tướng quân Trần Trí vốn không có tài làm tướng, lại sợ giặc, bèn mượn tiếng chiêu an để đánh lừa triều đình [nhà Minh]. Và, Trần Trí lại hục hặc với Phương Chính, nên mới đóng lại, không chịu tiến quân. Giặc càng không kiêng nể gì, lại vây châu Trà Long. Bọn Trí ngồi nhìn, không cứu. Trải qua bảy tháng, trong thành cạn lương, châu Trà Long bèn bị hạ; tri châu Cầm Bành chết theo thành. Thượng thư Trần Hiệp dâng thư lên triều đình [nhà Minh] nói Lê Lợi vẫn hai lòng, thế lực ngày càng lan rộng, xin triều đình sai quan tổng binh mau sang đánh dẹp trừ diệt. Nhà vua³ xuống chiếu nghiêm trách, hẹn đến mùa xuân năm tới phải dẹp yên. Trần Trí phát sợ, vội cùng Phương Chính kéo quân đi vây cửa ải Khả Lưu, bị thua, rút quân quay về".

Quỳ Châu: Tên phủ nay thuộc tỉnh Nghệ An.

Bồ Liệp: Tên núi, cũng gọi là Bồ Cự hoặc Bồ Đẳng, thuộc Quỳ Châu.

Đổ Gia: Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Hương Sơn, thuộc Nghệ An.

Khả Lưu: Tên cửa ải xưa, ở bờ phía bắc sông Lam thuộc huyện Lương Sơn, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Ất Tị (1425). (Bình Định vương năm thứ 8. Minh, Nhân Tông, năm Hồng Hi thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đến huyện Thổ Du. Cầm Quý đem quân bàn bộ quy thuận. Vương bèn vây Nghệ An.

¹ Người Nam mà làm tri phủ với nhà Minh.

² Nguyên văn bằng chữ Hán.

³ Chỉ vua Minh.

Vương kéo quân đến Đa Lô thuộc huyện Thổ Du. Trẻ già đua nhau đem rượu và trâu bò đến đón tiếp khao quân. Họ nói: "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy oai nghi cổ quốc". Cầm Quý, tri phủ Ngọc Ma, đem quân và voi đến quy thuận, được Vương phong làm thái úy.

Vương ra lệnh rằng: "Bấy lâu dân bị đau khổ vì chính sự bạo ngược. Bây giờ hể thấy đến đâu, quân sĩ không được động chạm tơ hào của dân chúng. Trâu bò thóc lúa nếu không phải là của tàng trữ của người Minh thì không được lấy". Bấy giờ Vương mới chia quân đi lấy các đất đai. Quân thấy đến đâu, có nhiều châu, nhiều huyện đầu hàng, người ta đều tình nguyện xin góp sức đánh thành Nghệ An. Vương lựa lấy số quân tinh nhuệ thẳng kéo đến chân thành này. Người Minh đóng chặt cửa thành cố giữ, không dám thò ra. Vương dạy bảo các tướng sĩ sửa sang khí giới, chuẩn bị để đánh thành. Vừa đây hai tuần¹, chiến cụ xong xuôi đầy đủ. Bấy giờ tham tướng Minh, Lý An, từ Đông Quan vượt biển vào cứu; bọn Trần Trí hợp quân lại, xông ra chiến đấu. Vương đặt quân phục ở cửa sông Đổ Gia, cả phá được địch: Trần Trí chạy về Đông Quan; bọn Lý An rút vào thành, liều chết cố giữ.

Lời chua - Thổ Du: Tên huyện xưa. Bây giờ là huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An.

Cầm Quý: Nổi đời làm thổ tù² huyện Ngọc Ma.

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Đa Lô: Theo Nghệ An Cổ tích chí, thì thôn Trung Hội, xã Nam Kim, huyện Thanh Chương, có giáp Xuân Lô, có lẽ tức là Đa Lô này.

Tháng 5, mùa hạ. Tư không Đinh Lễ đánh bại được tướng Minh, Trương Hùng, ở Diễn Châu. Hùng chạy về Tây Đô. Vương cho thêm quân đi đánh.

Vương sai Đinh Lễ đi tuần Diễn Châu. Khi kéo quân đến gần thành, Lễ đặt quân mai phục. Bấy giờ đô ti Minh, Trương Hùng đem ba trăm thuyền lương thực từ Đông Quan đến. Trong thành Diễn Châu kéo ra đón lương thực: gặp phục binh nổi dậy, chúng đều thua chạy. Đinh Lễ cướp được thuyền lương, rồi đuổi Hùng đến tận Tây Đô.

Vương được tin thắng trận, liền tuyển quân và voi, sai Lê Sát và Lưu Nhân Chú kế theo, đi tiếp ứng cho Đinh Lễ. Cánh nghĩa quân này đi đến đâu cũng không có sức gì ngăn cản được cả. Họ tiến sát đến Tây Đô. Người Minh đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Đối với cư dân ở ngoài thành, các tướng Đinh Lễ đến chiêu an vỗ về. Bấy giờ những người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa trại quân, xin đầu hàng. Bọn Lễ bèn bao vây lấy thành.

Lời chua - Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tiền biên VI, 20).

Lưu Nhân Chú: Người Yên Thượng, huyện Đại Từ³; sau được cho lấy theo họ Lê.

Tháng 7, mùa thu. Vương sai tư đô Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đi tuần các xứ Tân Bình và Thuận Hóa: đều hạ được cả mấy xứ này.

Vương liệu trước rằng Tân Bình, Thuận Hóa bị đứt liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã từ lâu, bèn dụ bảo các tướng: "Người giỏi chiến trận thường bỏ chỗ kiên cố, đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ vững chắc, đánh vào chỗ trống rỗng; như thế thì chỉ dùng sức một phần mà thành công gấp bội". Vương bèn sai tư đô Trần Hãn và thượng tướng Lê Nỗ đem hơn nghìn quân đi đánh giặc và vỗ về nhân dân. Khi đến Bồ Chính, gặp tướng Minh, Nhâm [Nhậm] Năng, bọn Hãn giữ chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi tìm kế nhử địch. Tên Năng lừa hết quân tiến lên. Phục binh nổi dậy, đánh khép lại: quân Minh thua vỡ tan tành, bị chém và bị bắt rất nhiều.

¹ Mỗi tuần mười ngày.

² Tù trưởng một địa phương.

³ Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Trước đó, Vương sai bọn Lê Ngân đem bảy mươi chiếc chiến thuyền từ Nghệ An vượt biển vào hội quân với các tướng Trần Hãn để tiêu giặc. Đến đây, các đạo quân ấy tề tựu đông đủ, quân thủy và quân bộ cùng tiếp ứng nhau, tấn công hai thành Tân Bình và Thuận Hóa, đều hạ được cả. Quân ta thấy đến đâu, quân và dân ở đó đều ra hàng. Trần Hãn lựa lấy vài vạn người tinh nhuệ để bổ sung quân đội, rồi đặt quan trấn thủ, còn mình thì kéo quân về.

Các tướng tôn Bình Định vương lên làm "Đại Thiên hành hóa"¹. Từ đó về sau, phàm có bảng văn niêm yết những lời cáo dụ đều nêu trên đầu là "Đại Thiên hành hóa".

Lời phê² - Về sau, những đồ bất lương thường mượn danh từ "Đại Thiên hành hóa" này để làm mê hoặc mọi người, vậy thì việc Bình Định vương làm đây chẳng phải đúng như người xưa nói rằng "do lòng tham mà đặt ra pháp độ"³ đó sao?

Lời chua - Tân Bình: Tức Lâm Bình. Xem Lý Thái Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chính biên III, 34)⁴.

Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 23).

Trần Hãn: Có chỗ chép là Trần Nguyên Hãn, người làng Sơn Đông huyện Lập Thạch⁵, là dòng dõi Trần Nguyên Đán, sau được lấy theo họ Lê.

Bổ Chính: Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Bính Ngọ (1426). (Bình Định vương năm thứ 9. Minh, Tuyên Tông, năm Tuyên Đức thứ 1).

Tháng 8, mùa thu. Bình Định vương sai các tướng chia nhau đi tuần các lộ ở Đông Đô.

Vương cho rằng quân tinh nhuệ của nhà Minh ở cả Nghệ An, Đông Đô trở thành yếu ớt trống rỗng bèn sai:

Bọn Thái úy Lý Triện, Xu mật Phạm Văn Xảo, thái giám Trịnh Khả và Đổ Bí ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Quốc Oai, Quảng Oai, Gia Hưng, Quy Hóa, Đà Giang, Tam Đái và Tuyên Quang để diệt đạo viện binh nhà Minh từ Vân Nam kéo xuống;

Bọn Thiệu úy Lưu Nhân Chú và Bùi Bị ra từ Thiên Quan, đi tuần vùng Thiên Trường, Kiến Xương, Tân Hưng, Thượng Hồng, Hạ Hồng, Bắc Giang và Lạng Sơn để diệt đạo viện binh từ Lương Quảng⁶ kéo xuống;

Bọn Tư đồ Đinh Lễ và Lê Xí thống suất toán quân tinh nhuệ kế tiếp xuất phát, thọc ngay vào Đông Quan để phô trương thanh thế, rồi sau mới thừa cơ mà tiến thủ.

Các tướng thấy đến đâu cũng giữ quân luật nghiêm túc, không tơ hào xâm phạm đến của nhân dân. Bấy giờ các lộ ở Đông Đô và các thổ tù ở ven biên giới chẳng ai là không vui vẻ hả hê.

Cánh quân của các tướng Lý Triện từ mạn Quốc Oai và Tam Đái đe dọa bức bách thành Đông Quan. Tham tướng Minh, Trần Trí dốc hết quân ra mạn Ninh Kiều và Ứng Thiên để chống cự. Triện cùng bọn Xảo, Khả và Bí hợp sức đánh hăng, quân của Trí phải thua chạy. Bọn Triện tiến đóng ở bờ phía tây sông Ninh Giang.

¹ Thay Trời làm việc giáo hóa nhân dân.

² Chỉ việc Lê Lợi dùng hiệu là "Đại Thiên hành hóa" trong các bản công văn, khi đánh dẹp giặc Minh.

³ Lời Hồn Hãn đời Xuân Thu chê Tử Sán nước Trịnh (Xuân thu ngữ truyện XIII, 51).

⁴ Xem thêm Chính biên III, 29.

⁵ Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

⁶ Quảng Đông và Quảng Tây.

Chợt được tin hơn vạn quân cứu viện của nhà Minh sang từ Vân Nam, sắp đến thành Tam Giang, mà đạo quân do Lễ và Xí chỉ huy chưa kịp đến, bọn Triện e rằng hai đạo quân của địch¹ nếu phối hợp được với nhau thì mình khó chế trị được. Triện bèn chia cho Xảo và Khả hơn nghìn quân, đi thẳng lên trước và đón đường chặn đánh địch; còn mình và bọn Xí đem vài nghìn quân tinh nhuệ, thừa thắng đuổi theo cánh quân của Trí. Khi đến Nhân Mục, bắt sống được đô ti Minh, Vi Lượng, và chém được hơn nghìn thủ cấp địch, rồi lại quay về Ninh Giang, làm thanh thế tiếp ứng cho bọn Xảo.

Còn cánh quân của bọn Xảo, khi đến cầu Xa Lộ, gặp đạo quân của Vương An Lão, đô ti Vân Nam của Minh: quân ta đón đánh, cả phá được địch, chém và bắt được không biết bao nhiêu mà kể. Số quân còn sót lại của địch phải rút vào giữ thành Tam Giang.

Lời chua - Phạm Văn Xảo: Người Kinh Lộ, sau được cho lấy theo họ Lê.

Thiên Quan: Tên trấn, nay là phủ, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Quảng Oai: Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8 (Chính biên V, 38-39).

Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Bùi Bị: Người làng Hào Kiệt, huyện Thiên Bản², sau được cho lấy theo họ Lê.

Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Tân Hưng: Tên một lộ, nay là phủ Tiên Hưng³.

Thượng Hồng: Xưa thuộc Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 28).

Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XX, 31).

Ninh Kiều: Ở phía tây phủ Giao Châu.

Ứng Thiên: Nay là phủ Ứng Hòa⁴.

Ninh Giang: Phía trên liền với cửa sông Hát, phía dưới đổ vào sông Xá⁵ rồi thông với Châu Giang. Hạ lưu sông Ninh Giang này hợp làm một với sông Hoàng Giang.

Nhân Mục: Tên xã. Nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội⁶.

¹ Quân thành Đông Quan và viện binh ở Vân Nam mới sang.

² Nay là huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

³ Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

⁴ Thuộc tỉnh Hà Tây.

⁵ Tục gọi là "Thá", tức là chỗ Ngã ba Thá.

⁶ Tức làng Mọc, nay là phường Nhân Chính quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Câu Xa Lộc: Thanh đổi ra sao, không rõ.

Tháng 9. Vương để các tướng Lê Ngân và Lê Văn An ở lại vây thành Nghệ An, còn mình tự đem quân đi tuần Tây Đô¹.

Trần Trí nhà Minh thấy thành Đông Quan bị cô lập và nguy khốn, vội sai người gấp rút đem thư vào Nghệ An cáo cấp với bọn Phương Chính, để bọn này quay về cứu lấy chỗ căn bản.

Bọn Trí bèn để Thái Phúc ở lại giữ Nghệ An, còn chúng thì vượt biển trở ra Đông Quan. Vương liền cho các tướng Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Thận và Lê Văn Linh lưu lại, góp sức với nhau vây thành Nghệ An, còn Vương chính mình thống suất đại quân, cả thủy lẫn bộ cùng tiến, đuổi theo Phương Chính. Đến Thanh Hóa, Phương Chính phóng thuyền ra khơi, lẩn trốn tận ra xa. Vương bèn đi tuần Tây Đô. Tri châu La Thông đóng chặt cửa thành, không chịu đầu hàng.

Wương đóng quân ở Lỗi Giang, ủy lạo các tướng sĩ, ban thưởng cho các bà con và những người cố cựu ở quê nhà². Nhân sĩ và dân chúng ở Thanh Hóa đều tình nguyện tòng quân.

Tháng 10, mùa đông. Các tướng Đinh Lễ, Lê Xí và Lý Triện cả phá quân của Vương Thông nhà Minh ở Tốt Động. Bình Định vương bèn tiến quân đến Thanh Đàm, đánh thành Đông Quan.

Bấy giờ nhà Minh sai Thành Sơn hầu Vương Thông làm chinh di tướng quân, và đô đốc Mã Anh làm tham tướng, đem năm vạn quân sang cứu Đông Quan, bóc hết chức tước của bọn Trần Trí và Phương Chính, cho sung làm sự quan³, lệ thuộc trong quân để lập công chuộc tội; còn Trần Hiệp thì vẫn cho làm tham tán quân vụ. Tất cả đều ở dưới quyền chỉ huy của Thông.

Thông mới đến, tinh thần rất hăng, điều động tất cả mười vạn quân, cùng bọn Hiệp chia làm ba đường, đồng thời xuất phát. Thông đóng ở bến Cổ Sở; Phương Chính đóng ở Sa Đồi; Mã Kỳ đóng ở Thanh Oai. Doanh trại của chúng đàng dằng đến vài mươi dặm, cờ xí rợp cả đồng nội. Chúng tự cho rằng chỉ một chuyến này có thể dẹp yên được.

Các tướng Triện và Bí từ Ninh Kiều tiến đến Sớm⁴, chia quân và voi cho mai phục sẵn để đợi giặc. Họ cho toán du binh⁵ xông xáo đến sát trại Mã Kỳ, khiêu chiến, giả cách thua chạy. Mã Kỳ lừa hết quân đuổi theo. Khi chúng đến cầu Ba La⁶: quân phục của ta nổi dậy, đánh cắt ngang trận địch. Quân Minh tan vỡ, chạy bừa, sa lầy, bị chém hơn nghìn thủ cấp. Quân ta ruổi dài đến cống Mộc⁷, bắt được hơn năm trăm địch. Thây giặc rải rác đến vài mươi dặm. Mã Kỳ chỉ kịp một người một ngựa trốn về.

Các tướng Lý Triện thừa thắng, muốn chẹn phía sau Phương Chính, nhưng Phương Chính đã rút quân lui rồi. Bấy giờ trời đã chiều hôm, các tướng bên ta phải đem quân quay về. Bọn Kỳ và Chính nhân lúc ban đêm, lén đem quân đến hội với Vương Thông.

Ngày hôm sau, các tướng Lý Triện đến bến Cổ Sở, bố vây quân Thông. Trước đó, Thông đã đặt quân mai phục, và đã đan tre làm cái khiên, phía trong khiên có cài chông sắt. Khi thoát giao chiến, quân của Thông đã quăng bỏ khiên, giả vờ chạy. Bọn Triện đuổi theo: voi giẫm phải chông, không lợi. Bọn Triện bèn thu quân vào giữ Cao Bộ.

¹ Tức Thanh Hóa.

² Tức làng Lam Sơn, quê của Lê Lợi.

³ Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Hán văn là Cổ Lãm.

⁵ Quân lưu động.

⁶ Nguyên văn là "Tam La kiều". Cái cầu chổ giáp giới ba làng La, tức là La Khê, La Cà và La Nội, nay thuộc xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

⁷ Nguyên văn là "Nhân Mục kiều". Nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Nghe nói các tướng Đinh Lễ và Lê Xí đang đóng quân ở Thanh Đàm, Triệu liền sai báo gấp cho họ đến tiếp ứng. Bọn Lễ và Xí lựa lấy ba nghìn quân tinh nhuệ và hai thớt voi, tức tốc ngay ban đêm, đến hội quân ở Cao Bộ. Họ chia quân đặt phục ở Tốt Động và Chúc Động.

Bắt được gián điệp của địch, ta biết rằng Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh¹ đi rào đến phía sau quân Triệu, còn chính binh² của Thông thì sẽ qua sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau rằng hễ nghe nổ pháo³ thì các đạo quân địch đồng thời đánh khé lại. Hồi trống canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân nổ pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa địch. Địch nghe tiếng pháo, mọi đứa đều đổ xô đi chiếm lấy thuận lợi. Chúng lừa quân đi tấp vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội. Chúng kéo đến Tốt Động, bị quân phục của ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá được địch: chém thượng thư Trần Hiệp và nội quan Lý Lượng. Ta lại đuổi kẻ chạy, dượt kẻ thua, hoặc giết chết, hoặc bắt sống. Quân Minh cùng giày đạp chồng chất lên nhau, chết đến hơn năm vạn. Số quân địch chết đuối cũng rất nhiều, làm nghẽn cả khúc sông Ninh Giang. Ta bắt sống được hơn một vạn địch, tước được quân nhu và khí giới vô kể.

Bọn Chính và Kỳ chạy trốn. Thông bị thương, chạy về Đông Quan, đóng chặt cửa thành, cố giữ. Thông sai phá hủy chuông Quy Điền⁴ và vạc Phổ Minh⁵ để làm chiến xa và vũ khí.

Các tướng Đinh Lễ thừa thắng, tiến vây Đông Quan.

Tin thắng trận báo đến hàng doanh Lỗi Giang. Bình Định vương sai gióng trống trảy ra. Khi Vương đến Thanh Đàm, các tướng đều ra đón mừng. Vương sai:

Các tướng Trần Hãn điều động thủy quân và hơn một trăm chiếc thuyền theo Lung Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Nhị Hà;

Các tướng Bùi Bị đem hơn một vạn bộ binh, ngầm tiến đến cầu Tây Dương.

Wương tự làm tướng, chỉ huy đạo quân chủ lực, tiến vây thành Đông Quan, bắt được rất nhiều chiến thuyền của địch.

Người Minh làm thêm rào lũy, liều chết cố giữ.

Bấy giờ Vương đến Đông Đô, các hào kiệt ở Kinh Lộ và các tù trưởng ở biên trấn đều xút xít đến cửa quân doanh, tình nguyện xin trở sức, dù chết cũng không quản. Vương vỗ về yên ủi, hiểu dụ cho họ biết rõ cái nghĩa nên lui nên tới⁶; phạm nhân sĩ và thứ dân hễ ai đến yết kiến cũng đều được Vương tiếp đãi bằng lời nhũn nhặn và lễ ưu hậu, rồi tùy tài cao thấp của từng người mà cất đặt vào mọi chức sự. Dùng tước lộc khen thưởng để người ta được khuyến khích, lại dùng hình phạt nghiêm minh để người ta biết răn chừa. Vì thế mọi người đều cảm kích. Vương trẩy đến đâu cũng thu được công hiệu đến đó.

Lời cảnh án - Chiến dịch Tốt Động, bọn Vương Thông thống suất hàng mười vạn quân, tinh thần sắc bén gấp hàng trăm lần. Các tướng Lý Triệu chỉ có vài nghìn người. Một đám cô quân vào sâu trong trận địch, thế mà nhiều lần thừa thắng, đánh được giặc một cách độc nhất. Như vậy không khỏi có điều đáng ngờ. Bọn Lưu Nhân Chú và Bùi Bị được phân phối đi tuần đường khác, không kịp tiếp ứng: nói thế cũng còn xuôi xuôi. Đến như Đinh Lễ, Lê Xí vâng lệnh cầm quân, thực tế là phải đương đầu với cả phía chính diện của thành Đông Quan. Bấy lâu đang đóng ở Thanh Đàm, vốn không có sự cách trở vì thành lũy cao hay mặt trận vững của địch, thế mà lần đầu thì thắng ở Ninh Kiều và Xa Lộ, lần thứ hai lại thắng ở Ba La, trước sau không hề được một tên quân nào đến tiếp

¹ Toán quân xuất kỳ bất ý, ập đánh đối phương khi không phòng bị hoặc không lường tính được trước.

² Toán quân đường đường chính chính ra trận đánh nhau với đối phương.

³ Một thứ súng ở đương thời.

⁴ Hai thứ của quý trong bốn đồ cổ của Việt Nam (An Nam tứ khí). Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁵ Hai thứ của quý trong bốn đồ cổ của Việt Nam (An Nam tứ khí). Xem thêm "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁶ Ý nói nên bỏ đường phi chính nghĩa, theo đường chính nghĩa.

ứng cả. Kịp khi bọn Triệu đánh giặc không lợi, sai người cấp báo, bấy giờ mới có cuộc hội quân ở Cao Bộ. Tình hình đương thời ra sao, thực có điều không thể hiểu được. Chỉ vì sử sách thiếu sót, không thể chất chính vào đâu cả. Nay xin kính cẩn chép theo **Sử cũ**, còn thì xin để khuyết nghi¹.

Lời phê - Điều không thể hiểu được còn nhiều, chứ chẳng những việc này. Có lẽ vì tập sử **Lê Ký** là do các bầy tôi nhà Lê biên soạn, cho nên tuy gọi là "thực lục", nhưng có nhiều lời lẽ quá khoe khoang, không đủ tin là chứng cứ xác thực được.

Lời chua - Tốt Động: Tên xã. Nay thuộc huyện Mỹ Lương².

Thanh Đàm: Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 14 (Chính biên VI, 26).

Sự quan: Theo sách Hội Điển nhà Minh, phạm người phạm luật, bị bóc chức, phải đái tội đi tòng chinh thì gọi là sự quan.

Cổ Sở: Tên xã. Có bến đò Phùng, nay thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Sa Đồi: Theo Bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên, huyện Từ Liêm có Bãi Sa Đồi, có lẽ tức là Sa Đồi này.

Thanh Oai: Tên huyện. Nay thuộc tỉnh Hà Nội³.

Cổ Lãm: Tên xã. Nay là xã Thăng Lãm⁴, thuộc huyện Thanh Oai.

Tam La: Tức là chỗ có quán Ba La ở giáp giới giữa huyện Từ Liêm và huyện Thanh Oai thuộc Hà Nội⁵.

Cao Bộ: Tên xã. Nay đổi là Cao Bộ thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội⁶.

Chúc Động: Tên xã. Nay là xã Chúc Sơn, thuộc huyện Chương Đức⁷.

Chuông Quy Điền: Thôn Thanh Bảo, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội có chùa Một Cột. Tục truyền rằng đời Lý đúc quả chuông lớn, để ở trong chùa, đánh không kêu, bèn đem bỏ chuông ấy ở ruộng Quy Điền. Ruộng này trũng thấp ẩm ướt, có sản nhiều rùa, nên gọi tên như vậy.

Phổ Minh: Tên chùa. Năm Thiệu Long thứ 5 (1262) đời Trần Thánh Tông làm chùa này, có đúc cái vạc và khắc bài minh vào vạc.

Cửa sông Hát: Ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây.

Đông Bộ Đầu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng⁸ thứ 5 (Chính biên V, 33).

Cầu Tây Dương và Lung Giang: Không rõ bây giờ là đâu.

Vương bắt đầu chia Đông Đô làm bốn đạo, cất đặt các chức quan văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn.

¹ Nguyên văn Cương mục in lầm là "quan nghi".

² Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

³ Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

⁴ Sau đổi Phú Lãm. Tục gọi là Sốm. Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

⁵ Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

⁶ Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.

⁷ Nay thuộc huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây.

⁸ Cương mục in lầm là "Chính Bình Long Ứng".

Vương bắt đầu chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, đặt quan chức và liêu thuộc văn võ ở trong kinh và ngoài các lộ, các trấn. Còn ở các cửa biển thì đặt chức tuần kiểm, ra lệnh kiểm soát những người qua lại và những kẻ đem thư sang Trung Quốc.

Lời chua - Bốn đạo: Theo "Địa dư chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì:

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng thuộc Tây Đạo;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các lộ, các trấn Bắc Giang, Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các lộ Khoái Châu, Lý Nhân¹, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo.

Chức quan: Theo Kiến văn lục² của Lê Quý Đôn, Thái Tổ khi mới ra Đông Đô, có chia các lộ và các trấn làm bốn đạo, đặt các quan liêu văn võ trong kinh và ngoài các đạo, đồng thời cũng đặt các thị vệ tướng quân. Lại đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển. Còn vệ quân ở các lộ, các phủ thì đặt dưới sự cai quản của những đại thần được bổ làm kiêm tri, tổng tri, đồng tri. Các viên chấp lệnh và giám quân cũng đều thuộc dưới quyền những đại thần này. Các nơi trấn thủ thì có chức quan sát và chức phòng ngự; các khe động³ thì có chức thủ ngự, chức đoàn luyện; các lộ thì có chức an phủ.

Lại theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ tiến quân ra Đông Đô, cất đặt các chức quan, chia các lộ Đông Đô làm bốn đạo, sắp xếp các chức văn võ ở trong kinh và ngoài các đạo, mới có những chức như bộc xạ, thị trung, thiếu bảo, hành khiển, thượng thư và hàn lâm, v.v...

Có các quan ở bốn đạo (viên chánh, hàm tổng tri, coi quản các sự vụ về quân và dân; viên phó, kiêm việc trông coi các sổ sách quân và dân. Thí dụ như nhập nội thiếu bảo Lê Lựu làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang; thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Quốc Oai, Tam Đái và Quảng Oai; Bùi Ư Đãi làm Kiêm tri coi quản sổ sách và công việc quân, dân ở Đông Đạo).

Có các quan mật viện (viên chánh giữ chức đại sử, viên phó kiêm làm công việc của viện; dưới đó có các chức thêm tri, thêm sự, v.v...).

Có các quan các bộ (thí dụ như Lại Bộ thượng thư Nguyễn Trãi, Lễ Bộ thượng thư môn hạ Bùi Ư Đãi; dưới đó có các chức lang trung, viên ngoại,..).

Có các quan các sảnh (thí dụ như thượng thư môn hạ sảnh tả hỏa và hữu hỏa... Bấy giờ nhà Lê vẫn theo quan hiệu cũ của nhà Trần, chia gọi môn hạ sảnh làm tả hỏa và hữu hỏa; sau mới đổi làm tả ti và hữu ti).

Có các quan viện Hàn Lâm (như thừa chỉ học sĩ, đãi chế, chủ thư thị sử, chủ thư sử, nội lệnh sử, quốc tử bác sĩ, v.v...).

Có các quan ở hình viện (như Thẩm hình viện sử, Thẩm hình viện phó sử, phán đại lý chánh, v.v...).

¹ Khoái Châu nay thuộc Hưng Yên, Lý Nhân nay thuộc Hà Nam, Tân Hưng và Kiến Xương nay thuộc Thái Bình.

² Cũng gọi là Kiến văn tiểu lục.

³ Miền núi.

Có các quan ở quân vệ (như Thiết đột trung quân, Thiết đột tiền quân, Thiết đột hậu quân, Thiết đột tả quân, Thiết đột hữu quân, mỗi quân đều có chức tổng lĩnh đứng đầu. Lại đặt ra mười bốn vệ Thiết đột).

Có các quan cầm quân¹ (có những chức như đốc quản, chánh đốc, chấp lệnh, giám quân, v.v...).

Danh sách các quan chức đại khái là thế.

Còn các quan chức ở ngoài các đạo thì có: quan sát sứ, phòng ngự sứ, tuyên úy sứ, an phủ sứ, v.v... đều là các chức to ở các trấn các huyện và các châu. (Lại đặt các chức tuần kiểm ở các cửa biển. Và trao cho các tù trưởng ở các nơi phiên thuộc những chức như thủ ngự, đoàn luyện, v.v... Thịnh thoảng có những tù trưởng ở phiên thuộc nào theo về với triều đình mà lập được công to thì cũng ban cho chức trọng, như: nhập nội tư không bình chương sự, thượng tướng quân, đại tướng quân, v.v... Nếu ai dâng sách lược mà hợp với ý chỉ của nhà vua thì đặc biệt được phong là quân sư, chẳng hạn như Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bồ Chính đã được). Còn đối với các đại thần văn võ thân tín thì, trên cái chức quan đã được, còn ban thêm hai chữ "nhập nội" nữa (như: nhập nội tư mã, nhập nội hành khiển, v.v... Về quan chế thêm chữ "nhập nội" này, đời sau vẫn còn theo dùng).

Tháng 11. Bình Định vương lập Hồ Ông làm chúa nhà Trần, đổi tên là Trần Cao (Sử cũ chép chữ "Cao": "nhật" trên, "cao" dưới)².

Bấy giờ Vương Thông nhà Minh nhiều lần bị giập gãy, biết rằng không thể nào chiếm được thắng lợi cuối cùng. Muốn bãi chiến, rút quân về, nhưng ngại rằng không dựa vào danh nghĩa nào được, hẳn bèn vin vào lời chiếu của vua Minh ở đầu niên hiệu Vĩnh Lạc³ bảo tìm lập con cháu họ Trần, nên mới ngầm khuyên Bình Định vương vin vào danh nghĩa lập con cháu họ Trần ấy để xin bãi binh. Bình Định vương cũng cho rằng trong nước bấy lâu phải đau khổ vì nạn binh đao, cũng mong cất gánh nặng để dân được nghỉ ngơi, nên cũng ưng thuận.

Trước kia, có một người là Hồ Ông, ẩn náu ở nơi Cầm Quý, thổ quan châu Ngọc Ma, mạo xưng là cháu ba đời của Trần Nghệ Tông (1370-1372). Để đáp ứng ý muốn của người Minh, Vương bàn tính cho đón Hồ Ông về, đổi tên là Trần Cao, lập làm chúa nhà Trần, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Vương xưng là Vệ quốc công, thay Cao làm bài biểu đưa sang nhà Minh cầu xin phong tước.

Trần Cao, sau khi được lập làm chúa nhà Trần, đóng ở núi Không Lộ. Vương sai Lê Quốc Hưng đến làm người giúp việc để giám sát Trần Cao.

Lời phê⁴ - Lê Lợi đã tự nhận là trượng phu⁵, cần gì phải làm việc giả dối lập Trần Cao này!

Lời chua - Núi Không Lộ: Ở huyện Thạch Nhất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là chỗ hoá thân của thiền sư Không Lộ, nên gọi tên như vậy.

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Wương điều động phân phái các tướng sủng đi đánh phá và tập kích các thành.

¹ Nguyên văn là "điển binh".

² Tức là chữ "Cao" ____ (Toàn thư bản kỷ, X, 24b, 44b, 45a-b). Cương mục vì kiêng tên húy triều Nguyễn, nên không dám viết rõ mặt chữ.

³ Niên hiệu Minh Thành Tổ (1403-1424). Xem thêm Chính biên XII, 20.

⁴ Chỉ việc lập Trần Cao.

⁵ Có ý nhắc lại lời Lê Lợi nói trước khi khởi nghĩa: "Trượng phu ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, v.v..." (Xem Chính biên XIII, 1).

Trước kia, Vương cho người đánh gấp thành Đông Quan. Bọn Vương Thông và Sơn Thọ đánh nhau với quân ta, nhiều lần bị thua trận, tình thế của chúng ngày một cùng quẫn. Chúng sai người đem thư đến xin hòa, mong được toàn quân để rút về nước. Bình Định vương nói: "Không đợi phải đánh mà khuất phục được quân của người ta: chúc hay, là ở đây". Rồi Vương ưng thuận, hẹn ngày cho Thông phải mau điều động tất cả người và ngựa ở các thành phải đến họp tập ở Đông Đô, sẽ cho về nước hết cả.

Thông, do đấy, sai gấp đưa thư đến các thành Nghệ An, Diễn Châu và Thanh Hóa, hạ lệnh đình chiến rút quân.

Bấy giờ bọn thổ quan¹ Trần Phong² và Lương Nhữ Hốt³ vốn làm tay sai cho người Minh, sợ rằng, sau khi quân Minh rút lui, sẽ bị chu diệt, mới trả lời rằng: "Xưa, Ô Mã Nhi nhà Nguyên thua trận, đầu hàng nhà Trần, bị Hưng Đạo vương Quốc Tuấn lập mưu giết chết, không còn một mống nào sống sót mà về". Tin lời của bọn Lương Nhữ Hốt, Thông bề ngoài tuy nói xin hòa, nhưng vẫn đảo hào, thả công, ngầm sai người đem thư bọc kín trong sấp chực đưa về nước để xin quân cứu viện. Bình Định vương bắt được mật thư của Thông, ghét hẳn tráo trở, bèn tuyệt giao với Thông. Vương chia sai các tướng lại khởi thế công:

Lê Quốc Hưng đánh Điêu Diêu và Thị Cầu;

Trịnh Khả và Lê Khuyển đánh Tam Giang;

Lê Sát và Lê Thụ đánh Xương Giang;

Trần Lựu và Lê Bôi đánh Khuru Ôn⁴.

Lời chua - Trần Phong: Người làng Ma Lộng, huyện Chí Linh⁵.

Ô Mã Nhi: Việc này xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 5 (Chính biên VIII, 11).

Điêu Diêu: Tên thành, ở huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh.

Thị Cầu: Tên thành, ở huyện Vũ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Khuru Ôn: Tên thành. Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36).

Trần Lựu: Người Lam Sơn, thuộc Thụy Nguyên⁶, sau được cho lấy theo họ Lê.

Wương dùng bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ, là những kẻ sĩ mới trúng tuyển, làm An phủ sứ và Viên ngoại lang⁷.

Bấy giờ Vương đóng ở hành doanh Bồ Đề, thi những kẻ sĩ văn học bằng đầu đề là làm bài văn yết bảng "hiếu dụ thành Đông Quan". Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Vĩ 36 người được trúng tuyển. Bấy

¹ Người bản quốc làm quan với người Minh.

² Trần Phong, theo giặc Minh, làm đến đô ti. Xem thêm "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

³ Lương Nhữ Hốt theo giặc Minh, làm đến tham chính. Sau khi giặc Minh đã bị quét sạch, Nhữ Hốt cùng với các tên Trần Phong, An Vinh, Trung, Tôn, Sĩ Văn, Xác và Sùng Lễ đầu hàng nghĩa quân, được Bình Định vương tha tội; nhưng sau chúng lại mưu phản, định cấu kết với Minh để làm nội ứng, nên ngày 24, tháng 11, năm Mậu Thân (1428), đều bị giết cả (theo Toàn thư Bản kỷ X, 25a, 62a-b).

⁴ Cũng đọc: Kheo Ôn.

⁵ Thuộc tỉnh Hải Dương.

⁶ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁷ Một chức quan ở hàm tòng lục phẩm không có chức năng cố định, được quyền tham dự bàn chính sự.

giờ những người được bổ dùng làm An phủ sứ ở các lộ và Viên ngoại lang ở lục bộ¹ đều là lớp người mới trúng tuyển này.

Lời chua - Đào Công Soạn: Người làng Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ².

Nguyễn Ví: Người làng Vĩnh Khang thuộc Nghệ An.

Dinh Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

¹ Tức là Lại Bộ, Binh Bộ, Lễ Bộ, Công Bộ, Hộ Bộ và Hình Bộ.

² Nay là xã Thiện Phiến, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XIV

Từ tháng giêng đến tháng 12, Đinh Mùi (1427), Bình Định vương Lê Lợi năm thứ 10, gồm một năm.

*

Năm Đinh Mùi (1427). (Bình Định vương năm thứ 10. Minh, năm Tuyên Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bình Định vương đóng quân ở bên sông Nhị Hà, phân phái các tướng tiến sát đến thành Đông Quan để đánh thành này.

Vương tiến quân đóng ở bờ bên bắc sông Nhị Hà: đồn lũy đối ngang với thành Đông Quan. Vương sai bọn Trịnh Khả đóng quân ở phía cửa Đông, Đinh Lễ đóng quân ở phía cửa Nam, bọn Lê Cực đóng quân ở phía cửa Tây, Lý Triện đóng quân ở phía cửa Bắc: tất cả đều bao vây nhằm đánh thành Đông Quan. Vương lại sai đóng chiến thuyền, tập thủy chiến, điểm duyệt võ khí, bổ sung quân đội, chế thứ xe đánh thành.

Lời chua - Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Vương sai tu bổ đền thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn.

Quốc Tuấn là danh tướng đời Trần. Khoảng niên hiệu Trùng Hưng (1285-1292), ông có công to nhất trong việc đánh đuổi quân Nguyên. Khi ông mất, người ta lập đền thờ ở núi Vạn Kiếp¹. Đền này vẫn có tiếng là thiêng lạ. Bình Định vương sai Dương Thái Nhất sửa lại đền, cấm không được dẫn phạt cây cối ở đền. Rồi Vương lại hạ lệnh cho các lộ theo đúng lễ nghi thờ cúng đền từ các công thần các đời trước.

Lời chua - Núi Vạn Kiếp: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chính biên VII, 31).

Vương hạ lệnh cho dò hỏi tìm kiếm những người có tài trí, mưu lược và dũng cảm có thể làm được tư mã, thượng tướng.

Bây giờ thành Đông Quan chưa hạ được, đang cần dùng nhân tài giúp việc bày mưu lập kế, nên Vương ra lệnh cho các tướng hiệu và quan các lộ ai nấy đều được tiến cử một người.

Vương ra lệnh cho dân nộp thóc vào nhà nước, rồi ban cho tước phong có thứ bậc khác nhau.

Vương cho nhân dân các lộ được nộp thóc để cung cấp lương thực cho quân đội, rồi được phong tước có thứ bậc khác nhau.

Bọn Thái Phúc và Tiết Tự, thủ tướng² Minh ở thành Nghệ An và thành Diễn Châu, đều đầu hàng.

¹ Tục gọi đền Kiếp hoặc đền Kiếp Bạc.

² Viên tướng trấn giữ một địa điểm quân sự. Các chỗ khác trong Chính biên quyển thứ 14 này hễ chép là "thủ tướng" đều là cùng một nghĩa này cả.

Sau khi hai thành Nghệ An và Diễn Châu đã bị hạ, tình thế người Minh ngày càng cô lập.

Lời chua - Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Diễn Châu: Xem thuộc Đường, Cao Tông, năm Điều Lộ thứ 1 (Tiền biên IV, 20).

Vương sai Hà Vượng, bá hộ Minh, đi dụ hàng Vương Thông.

Thông đóng chặt cửa thành, liều chết cố giữ. Bấy giờ nhân Hà Vượng đầu hàng quân ta, Bình Định vương sai Vượng đem thư vào thành Đông Quan chiêu dụ Thông.

Vương dùng Nguyễn Trãi làm Lại Bộ thượng thư nhập nội hành khiến kiêm giữ công việc viện Xu Mật.

Trước kia, Vương đóng ở Lỗi Giang, Nguyễn Trãi, "tay cầm roi ngựa"¹, đến yết kiến Vương, dâng sách lược dẹp giặc Ngô, được Vương khen và tiếp nhận, phong làm Tuyên phụng đại phu hàm thừa chỉ, tham dự bàn mưu ở nơi màn trướng. Phàm những lời Trãi bàn nói đều được Vương nghe theo. Đến đây, Vương dùng Trãi làm thượng thư nhập tướng².

Trãi có tài kinh bang tế thế. Bấy giờ Vương làm cái chòi trong doanh trại Bồ Đề ở bên sông Nhị Hà, ngày ngày lên chòi ngắm động tĩnh của địch ở trong thành Đông Quan. Vương cho Trãi ngồi hầu ở tầng chòi thứ hai, vâng lĩnh ý chỉ, thảo các thư trát qua lại giao thiệp với người Minh.

Bức thư gửi cho Vương Thông³, đại lược nói: "Tôi nghe: Kẻ lấy thành thực mà làm cảm phục người ta thì người ta tất cũng lấy thành thực mà cảm phục lại. Cái đạo thành thực rất mực còn có thể làm cảm động được trời đất và quỷ thần, huống chi là người ta! Nay đại nhân⁴ vâng theo chiếu chỉ, cầm binh quyền ở ngoài cửa ải⁵, đáng lý nên đối đãi người ta bằng thành thực mới phải; vậy mà lại đi ôm ấp dối trá, lừa gạt người ta, rồi tự cho mình là cao, thì đức tin thực ở đâu nhỉ?..."

"Nếu đại nhân nói lời mà giữ lấy lời, cho rút quân để làm trọn tình giao hảo trước đây, thì tôi cũng sẽ trả đủ tất cả số người ở các thành đã đầu hàng và các binh sĩ đã bị bắt làm tù binh. Nếu không thể thì xin đại nhân cứ đem những binh sĩ ở các thành đang ngậm hờn nuốt giận [vì bị đánh lừa không được cho về] kia mà quần nhau với ba mươi vạn quân thân tín của tôi ở dưới thành Đông Quan, bấy giờ sẽ xem đại nhân truyền bảo đối xử ra sao nhỉ!".

Bức thư dụ các thổ quan⁶ ở thành Điều Diêu, đại lược nói: "Các khanh là người Giao Việt, cùng nòi cùng giống nhà ta. Mới đây, vì họ Hồ⁷ thất đức, người Minh lăng loàn, cho nên các khanh hoặc sa chân vào triều đình giặc, hoặc mắc danh vào chức ngục quan: đó là bất đắc dĩ, chứ có phải là bản tâm đâu. Nếu biết bỏ tà quy chính thì chẳng những ta để cho các khanh rửa được điều hổ thẹn trước, mà các khanh lại còn được đội ơn ưu đãi lục dụng là khác nữa"⁸.

¹ Nguyên văn là "trượng sách", lấy điển trong *Hậu Hán thư*, Đặng Vũ nghe biết Hán Quang Vũ đã thu phục được Hà Bắc, bèn cầm roi ngựa đến cửa trại quân, khuyên Quang Vũ nên mời đón các bậc anh hùng ra giúp việc. Đây chỉ có ý nói Nguyễn Trãi từ xa tìm đến Lỗi Giang, bày kế cứu nước, chứ thực tế chưa chắc bấy giờ Nguyễn Trãi có đi ngựa và cầm roi ngựa hay không.

² Vào làm tể tướng, tức là nhập nội hành khiến.

³ Bức thư này cũng như hai bức thư sau, nguyên văn đều bằng chữ Hán, chúng tôi cứ theo bản *Cương mục* đã trích lược mà dịch ra; nếu muốn biết toàn văn thì xem *Úc Trai dị tập* quyển IV (phần *Quân Trung từ mệnh*).

⁴ Chỉ Vương Thông.

⁵ Nguyên văn là "xuất khốn". Ý nói được cử làm tướng ở ngoài, cầm nắm toàn quyền về quân sự.

⁶ Người bản quốc theo giặc Minh để làm quan.

⁷ Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

⁸ Toàn văn bằng chữ Hán có in trong *Úc Trai dị tập* quyển IV, tờ 24.

Bức thư dụ các tướng hiệu ở Giang Bắc thế này: "Nước An Nam ta tuy xa ở ngoài Ngũ lĩnh, nhưng vẫn có tiếng là một nước Thi, Thu¹. Những bậc có tài trí, có kiến thức, có mưu mô, đời nào cũng chẳng thiếu gì người.

"Trước đây, quan tổng binh Thành Sơn hầu², từ sau trận thua cay ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư ước hẹn xin hòa. Nay lại đắp thêm rào lũy, sửa sang khí giới, tự cho thế là chức giỏi mưu tài! Bội ước thất tín đến thế là cùng! Vậy tính chức cho các người bây giờ: chi bằng kéo ra khỏi thành, nhất quyết cùng toán quân của Thái đô đốc (Thái Phúc) rút lui về nước để cứu cho vài nghìn người trong thành được toàn hoạt tính mạng. Bằng chẳng thì trong khoảng nay mai, các người sẽ biết nhau thôi. Các người nên nghĩ kỹ, đừng để sau phải ăn năn"³.

Từ lệnh của Nguyễn Trãi đại loại là như vậy.

Lời chua - Lỗi Giang: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 17-18).

Dinh Bồ Đề: Theo Bắc Ninh tỉnh chí, dinh cũ Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, trong thôn ấy có hai cây bồ đề, nên gọi tên như vậy.

Điêu Diêu⁴: Tên thành. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 35).

Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu đánh thành Khuru Ôn. Tôn Tụ thủ tướng nhà Minh, lần trốn.

Bọn Lựu ngày đêm đánh gấp thành Khuru Ôn. Người Minh liệu không thể chống nổi, bỏ thành, đương đêm, lần trốn.

Lời chua - Khuru Ôn: Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chính biên VII, 36). Minh sử thông giám ký sự chép: "Lê Lợi đánh Khuru Ôn, đô chỉ huy Tôn Tụ chống giữ".

Vương sai tư mã Cao Ngự đánh thành Cổ Lộng.

Người Minh đóng chặt cửa thành, liệu chết cố giữ Cổ Lộng; quân ta bao vây, đánh mãi không hạ được.

Lời chua - Thành Cổ Lộng: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chính biên XII, 28).

Bọn Trương Lân, thủ tướng Minh ở thành Điêu Diêu, đầu hàng.

Trước kia, Lê Quốc Hưng đánh thành Điêu Diêu, đến đây thành này phải đầu hàng.

Vương hạ lệnh trao quan tước cho các thổ tù ở miền ven biên giới.

Trước kia, Vương đến Đông Đô, các thổ tù ở miền ven biên giới đều xúm xít theo đến cửa quân; đến đây, Vương sai trao cho họ các chức đoàn luyện, thủ ngự và ban cho tước phong.

Lời chua - Đoàn luyện, thủ ngự: Đều là chức quan. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 33).

Tháng 2. Phương Chính nhà Minh đánh úp huyện Từ Liêm: thái úy Lý Triện tử trận.

¹ Ý nói là một nước có văn hóa tốt đẹp, đã từng thông hiếu kinh Thi, kinh Thư của nhà Nho.

² Chỉ Vương Thông.

³ Toàn văn bằng chữ Hán có in trong *Ức Trai dị tập* quyển IV, tờ 24b-26a.

⁴ Cương mục in là "Đao doanh".

Các tướng Lý Triện, Đỗ Bí đóng quân ở huyện Từ Liêm, bị Phương Chính bí mật ra quân đánh úp. Triện cố sức chiến đấu, chết tại trận; Bí bị bắt, kịp khi việc giảng hòa đã xong, được người Minh lấy lễ độ mời về.

Lời chua - Từ Liêm: Tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 31).

Chiêm Thành đến tiến cống.

Chiêm Thành sai sứ đến cống các sản vật địa phương. Bình Định vương thết yến sứ giả, lại ban cho ngựa và lụa rồi cho về. Để đáp lễ lại, Vương sai Hà Lật, Thiêm tri Xu mật viện, sang thăm Chiêm Thành.

Lời chua - Chiêm Thành: Nước Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục Đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Đường Bảo Trinh, thủ tướng Minh ở thành Thị Cầu, đầu hàng.

Trước kia, Vương vời Lê Chích ở Nghệ An ra, cho làm tổng tri Hồng Châu và Tân Hưng lộ, dồn lực lượng đánh Thị Cầu; đến đây, thành này đầu hàng.

Bấy giờ tướng tá nhà Minh đầu hàng ngày một đông. Vương sai phân tán chúng ra, cho ở tại Lam Sơn, Thanh Hóa, Tân Bình và Nghệ An.

Lời chua - Thành Thị Cầu: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 35).

Hồng Châu: Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tiền biên V, 14).

Thanh Hóa: Châu Ái xưa. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).

Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Tân Bình: Tức là Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Vương sai tu bổ lăng miếu để vương các triều đại trước.

Trong số lăng miếu để vương các triều đại trước, cái nào bị phá hủy vì nạn binh lửa thì Vương sai tu sửa lại, tùy từng lăng miếu mà cấp cho số phu phục dịch về việc thờ cúng có khác nhau.

Tháng 3. Vương duyệt binh ở huyện Vĩnh Động; chém Nguyễn Liên để rao trong quân.

Khí giới và hàng ngũ của toán quân do chánh đốc Nguyễn Liên cai quản phần nhiều không chỉnh tề, Vương sai chém Liên đem rao trong quân để làm gương răn kẻ khác.

Lời chua - Vĩnh Động: Tên huyện, nay là Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Chánh đốc: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan võ đời Lê có chức chánh đốc, phẩm trật ở dưới chức đốc quản.

Dùng Bùi Ư Đài làm Lễ Bộ thượng thư¹ kiêm trông coi sổ sách quân và dân ở Đông Đạo.

Lưu Thanh, thủ tướng Minh ở thành Tam Giang, đầu hàng.

Vương chia sai các tướng Trịnh Khả đi đánh các thành. Người Minh ban đầu còn đóng chặt cửa thành, đợi quân cứu viện; về sau, bị quân ta bao vây đánh phá, lâu dần chúng càng cùng quẫn kiệt quệ. Các thành Nghệ An, Diễn Châu, Thị Cầu và Diêu Diêu đều lần lượt đầu hàng.

¹ Bộ Lễ trông coi việc thi cử, lễ nghi, điển chương, tiệc yến, ấn phủ. Thượng thư là quan đứng đầu một bộ, hàm tòng nhị phẩm.

Vương sai Nguyễn Trãi đem theo viên chỉ huy họ Tăng, là người Minh đã đầu hàng ta, đến dụ thành Tam Giang: thành này đầu hàng.

Trước kia, khi Vương còn ở Thanh Hóa, người bản thổ thành Tam Giang theo quân Minh, bị điều động đi trận, khi thua rút về, có kẻ nói ra những lời láo xược phạm thượng, Lưu Thanh bèn mắng ngay rằng: "Quân mán xá này vô lễ! Người¹ là vua của các nị đấy!". Đến đây, Lưu Thanh đầu hàng. Sau đó ít lâu, nhiều người ở các thành khác đầu hàng vì âm mưu làm phản đều bị giết cả, riêng có thành Tam Giang này không dính líu gì đến việc làm phản ấy.

Lời chua - Tam Giang: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Tăng: Sử cũ không chép tên.

Các nị: Chúng mày.

Tư không Đinh Lễ và thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với người Minh ở Mi Động: bị thua, Lễ tử tiết.

Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành lên đánh Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Bình Định vương sai các tướng Lễ và Xí đi cứu. Khi đến Mi Động, Thông thấy bọn Lễ ít quân, bèn chia binh đánh kẹp lại. Bọn Lễ thống lĩnh hơn năm trăm quân Thiết Đột, cố sức chiến đấu: voi bị sa lầy, Lễ và Xí đều bị bắt về thành Đông Quan. Đinh Lễ không chịu khuất phục, bị giặc giết chết. Còn Xí, nhân một đêm mưa gió, dùng mẹo trốn thoát được.

Vương cho rằng các tướng Đinh Lễ và Lý Triện² đều có công lớn, chết vì việc nước, bèn phong em Lễ là Đinh Liệt làm nhập nội thiếu úy, phong cha của Triện là Lý Ba Lao làm quan sát sứ và cấp cho hơn một trăm mẫu ruộng, con của Triện là Lăng làm phòng ngự sứ.

Lời chua - Mi Động: Tên xã. Nay là Hoàng Mai thuộc huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội³.

Tây Phù Liệt: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 30).

Lý Ba Lao, Lý Lăng: Đều là người làng Bái Đô, huyện Lô Dương⁴, sau được cho lấy theo họ Lê.

Nhà Minh sai các tướng chia đường sang cứu thành Đông Quan.

Trước kia, chiến dịch Tốt Động, Trần Hiệp thua trận, bị chết; Vương Thông xin với nhà Minh cho thêm quân. Vua Minh được tin, vô cùng sợ hãi, bèn sai:

Tổng binh chinh lỗ phó tướng quân thái tử thái phó An Viễn hầu là Liễu Thăng, tham tướng Bảo Định bá là Lương Minh, đô đốc là Thôi Tự, Binh bộ thượng thư là Lý Khánh, Công bộ thượng thư là Hoàng Phúc và hữu bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân⁵ thống lĩnh mười vạn quân, hai vạn ngựa, do đường Quảng Tây tiến đánh cửa ải Pha Lũy⁶;

¹ Chỉ Bình Định vương Lê Lợi.

² Lý Triện hy sinh ở trận Từ Liêm (Chính biên XIV, 6).

³ Hoàng Mai nay thuộc phường Hoàng Văn Thụ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

⁴ Huyện Lô Dương nay không còn: Đất huyện Lô Dương cũ, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Sử ký chép Nguyễn Đức Huân là thổ quan hữu bố chính sứ (quyển X, tờ 48a); như vậy tên Huân này là người bản quốc, làm quan với nhà Minh, lên đến chức hữu bố chính sứ.

⁶ Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

Chinh nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công là Mộc Thạnh, tham tướng Hưng An bá là Từ Hanh và Tân Ninh bá là Đàm Trung, do đường Vân Nam, tiến đánh cửa ải Lê Hoa¹.

Lời chua - Quảng Tây, Vân Nam: Đều là tên hai tỉnh ở đời Minh². Theo sách Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm của nhà Thanh, thì vua Minh khi được tin Vương Thông thất bại, sợ hãi quá chừng, bèn sai Liễu Thăng làm Tổng binh quan, Bảo Định bá Lương Minh làm chức phó, đô đốc Thôi Tự làm tham tướng, thượng thư Lý Khánh làm tham tán quân vụ. Tất cả đều do đường Quảng Tây kéo quân sang đánh. Vua Minh lại sai Mộc Thạnh, Hưng An bá Từ Hanh và Tân Minh bá Đàm Trung do đường Vân Nam tiến quân sang. Lại sai Vương Thông phải cố giữ lấy thành để đợi quân cứu viện. Vua Minh lại cho Hoàng Phúc vẫn cứ kiêm giữ công việc hai ty Bồi chính và Án sát ở Giao Chỉ, cùng với bọn Thăng cùng đi sang.

Cửa ải Pha Lũy: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chính biên XII, 14).

Cửa ải Lê Hoa: Theo Tuyên Quang tỉnh chí, tương truyền rằng, xưa kia, Lê Hoa thuộc tỉnh Tuyên Quang, về sau bị lấn mất vào Mông Tự thuộc Vân Nam. Vậy chưa biết có đúng không³.

Vương sai các lộ tiến cử những người hiền lương, chân chính, trí dũng và hào kiệt, vờ đến xét hỏi mà liệu cất nhắc bổ dùng. Quan ở lộ nào hễ che dấu người hiền thì sẽ bị luận vào tội mà giáng chức truất quyền. Vương ra lời dụ về việc này rằng: "Ta không có tài trí gì khác đâu, vậy mà phải gánh vác trách nhiệm nặng nề này e không kham nổi, cho nên sẵn sàng khiêm tốn cầu hiền cùng lo mưu toan việc lớn để cứu vớt nhân dân. Vậy hễ thấy có những người hiền lương, chân chính, trí dũng siêu quần thì cho phép mọi người được làm việc tiến cử hoặc chính người hiền ấy được tự tiến lấy⁴, ta tất sẽ ban cho quan to và tước lớn".

Vương lại dụ bảo các hào kiệt trong nước rằng: "Các thành đã thu phục được rồi, riêng còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được; ngày đêm ta những sốt ruột nóng lòng, vì rằng chưa tìm được người giúp ở tả hữu, chưa đặt được Tướng quốc, Thái phó và Thái bảo, mà Thái úy và đô nguyên súy thì cũng còn khuyết. Vậy nên ta vẫn hạ mình khiêm tốn, mở rộng lòng thành thực, rắp mong các bậc hào kiệt đồng lòng hợp sức cứu giúp nhân dân, chứ đừng giấu tài ẩn tích, khiến cho thiên hạ phải sa mã vào cảnh lâm than cực khổ. Có ai nếu cao thượng như Tứ hạo⁵ và ở ẩn hợp với chính đạo như Nghiêm Tử Lăng⁶, hãy cứ cố gắng trỗi dậy, trừ hại cho dân; sau khi thành công, muốn về ở ẩn trong rừng núi cho thỏa chí vẫn ôm ấp thì ta cũng không ngăn cấm nào".

Lời phê - Làm được nên việc, là vì thế đó⁷.

Wương dụ bảo các quan quân quan⁸ chớ có tự tiện giết người.

Vương dụ bảo các thiếu úy và chấp lệnh: đối với quân nhân can phạm luật trong lúc thường, không được tự tiện chuyên quyền mà giết chết, chỉ trừ khi kẻ nào ra trận mà trái lệnh, thì được phép xử trí bằng quân pháp¹.

¹ Xem "Lời chua" của Cương mục và chú giải của dịch giả ở sau.

² Ngày nay Trung Quốc vẫn để tên hai tỉnh này như trước.

³ Theo Sử ký X, 48a, thì cửa ải Lê Hoa thuộc Tuyên Quang. Như vậy tức là thuộc tỉnh Lào Cai ngày nay, vì hồi bấy giờ địa bàn Tuyên Quang gồm cả Lào Cai.

⁴ Cũng như ngày nay nói "tự giới thiệu" hoặc "xung phong".

⁵ Cũng gọi Thương Sơn Tứ hạo, bốn nhà ẩn sĩ hồi đầu đời Hán: Đông viên công, Ý lý quý, Hạ hoàng công và Lộ lý tiên sinh.

⁶ Tên tự của Nghiêm Quang, người Dư Diêu đời Đông Hán, thuở nhỏ cùng học với Hán Quang Vũ (25-57). Khi Quang Vũ lên làm vua, Tử Lăng đổi họ, thay tên, di ẩn, không chịu gặp mặt nhà vua. Sau bị Quang Vũ lùng tìm được bổ làm quan, nhưng Tử Lăng nhất định không chịu nhận, cứ cày ruộng ở núi Phú Xuân.

⁷ Ý nói Bình Định vương sở dĩ thành công trong việc bình Ngô là vì biết khiêm tốn cầu hiền.

⁸ Các tướng cai quản quân đội như Thiếu úy và Chấp lệnh, ... ở đương thời.

Lời chua - Thiếu úy, chấp lệnh: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì trong các chức quan cầm quân của đương thời có thiếu úy, phẩm trật ở dưới đại tư mã, và có chấp lệnh, phẩm trật ở dưới chánh đốc.

Vương ra chỉ dụ cấm tà đạo.

Cấm những kẻ vu cố², tà đạo³ mượn tiếng tà thần, tung ra những lời nhảm nhí để làm dao động mê hoặc người ta.

Vương ra chỉ dụ cho những người xiêu dạt lưu ly ai nấy lại về quê cũ.

Bây giờ nhân dân gặp loạn, xiêu dạt tan tác. Vương hạ lệnh cho tất cả đều về quê cũ làm ăn cho khỏi thất nghiệp.

Tháng 4, mùa hạ. Vương ra chỉ dụ cho tu sửa cửa ải Lê Hoa.

Sai phòng ngự sứ Trần Ban tu sửa cửa ải này, là vì có đề phòng viện binh nhà Minh kéo sang.

Vương ban bố mười điều hiến chương trong quân cho các tướng sĩ.

Vương nhóm học tất cả các tướng sĩ, ban bố cho biết mười điều hiến chương:

- 1- Ở trong quân, làm huyền não, không nghiêm túc;
- 2- Kinh sợ một cách hão huyền, làm hoang mang mọi người;
- 3- Khi ra trận, nghe trống hiệu thúc, thấy cờ hiệu phất, còn chần chờ không chịu tiến;
- 4- Thấy phất cờ ngừng quân, không chịu ngừng;
- 5- Nghe tiếng chiêng thu quân, không chịu lui;
- 6- Phòng thủ không cẩn mật, lạc lỏng hàng ngũ, thoát ly ngôi vị;
- 7- Chỉ riêng bịn rịn vợ con, không làm quân dịch;
- 8- Bán đi hoặc buông thả quân lính, mập mờ che giấu số tên quân nhân;
- 9- Theo ý riêng yêu ghét của mình, làm mờ công lao hay tội lỗi của người khác;
- 10- Gian lận, trộm cắp;

Mười điều trên đây, kẻ nào vi phạm thì phải chết chém.

Vương dụ các tướng hiệu trong đội quân Thiết đột rằng "Đồng lòng liều mạng để phá giặc: đó là công sức của các người. Còn như sắp xếp quy mô kế hoạch, lo liệu áo mặc, lương ăn, ban thưởng, ban tước thì ở cả một mình ta đây. Các người nên một lòng một dạ đánh giặc, đừng ngại nhọc nhằn".

Lại dụ quân và dân rằng: "Giặc mạnh chưa trừ diệt hết, dân sinh chưa được thỏa thuê, các người có yên tâm không? Xưa kia, họ Hồ⁴ lổi đạo, người Minh thừa cơ kéo sang xâm lược, bắt dân ta phải chịu thuế nặng, sưu cao, hình phạt hà khắc. Các người đều mắc vào vòng bạo ngược của chúng, nên mới cùng nhau đứng dậy, chống kẻ thù địch. Bây giờ công việc đã gần thành tựu, các người nên cố gắng đập tròn quả núi, đừng để thiếu một sọt đất mà núi phải dở dang! Vả, chỉ phải dùng sức khó nhọc một năm mà được hưởng vui sướng thái bình muôn thuở. Các người hãy cố gắng lên!".

Vương răn dạy các quan gồm có ba điều.

¹ Pháp luật nhà binh. Ý nói khi hành quân, kẻ nào không tuân theo mệnh lệnh cấp chỉ huy thì tất phải chết.

² Hạng bà đồng, bà cốt làm tà thuật để nguyên rửa người ta. Đây nói chung những kẻ đồng cốt phao tin nhảm hoặc tung ra những lời mê tín có nguy hại đến công cuộc kháng chiến và kiến quốc ở đương thời.

³ Đây chỉ những kẻ theo tà thuật dị đoan có những ngôn ngữ, hành động làm cho dân chúng hoang mang.

⁴ Chỉ cha con Hồ Quý Ly.

Lời chua - Ba điều: 1- Chớ vô tình¹; 2- Chớ khinh nhờn; 3- Chớ gian tham.

Tháng 5. Vương đặt luật lệnh trong quân.

Ra lệnh cho các tướng hiệu: hễ nghe một tiếng pháo² nổ mà không có tiếng chiêng thì phải đến ngay để nghe mệnh lệnh. Khi nào có hai, ba tiếng pháo và hai ba tiếng chiêng nổi lên thì là có động gấp rút, bấy giờ chấp lệnh thì mau mau sắp xếp hàng ngũ cho chỉnh tề, thiếu úy thì tới quân doanh để nghe mệnh lệnh. Các quân khi đi trận, mà lùi chạy, hoặc bỏ không cứu quân đoạn hậu thì phải chém. Nhưng khi biết góp sức khiêng ra được bạn đồng ngũ không may chết trận thì được miễn tội chạy trốn ấy.

Wương hạ lệnh tuyển lấy những người tinh nhuệ và cường tráng để bổ sung vào hạng thân quân.

Bấy giờ sổ thị vệ thân quân chưa được bổ sung, Vương sai quan thiếu úy tuyển trong dân gian lấy những người thân thể tráng kiện, tinh thông võ nghệ, mỗi thiếu úy tuyển lấy hai trăm người để bổ sung vào.

Wương sắc sai miền Nam đạo thu nuôi những người đã đầu hàng.

Bấy giờ những người đã đầu hàng ở các thành cả nam lẫn nữ gồm hơn 6000 người. Vương sai các lộ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân và Tân Hưng thu lấy mà nuôi dưỡng, đừng để cho họ long đong, không yên chỗ.

Đặt rõ thể lệ chuộc tội bằng tiền cho vợ con và gia quyến của ngục quan. Các người trong gia quyến và các nô tì của các ngục quan từ bố chính sứ ti xuống đến sinh viên đều được chuộc tiền có tầng bậc khác nhau.

Lời chua - Nam Đạo: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32).

Thiên Trường, Kiến Xương: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Lý Nhân: Xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 1 (Chính biên III, 3).

Tân Hưng: Xem Bình Định vương, năm thứ 9 (Chính biên XIII, 26).

Thể lệ chuộc tội bằng tiền: Vợ con của gia quyến của bố chính sứ ti: 70 quan; vợ con gia quyến của sinh viên hoặc thổ quan: 10 quan; còn các nô tì cả trai lẫn gái: 5 quan.

Thổ tù ở Mộc Châu là Xa Khả Sâm³ đem quân lính ở bản châu đến quy phụ, được phong làm nhập nội tư không và cho lấy theo họ Lê.

Xa Khả Sâm, thổ tù Mộc Châu thuộc Gia Hưng, đem quân lính trong châu đến quy phụ. Vương hạ chiếu phong làm nhập nội tư không tri Đà Giang trấn thượng bạn, cho các con của Sâm là bọn Lộc, Khát, Bàn, Điểm đều làm đại tướng quân, cho được đổi theo họ Lê.

Lời chua - Xa Khả Sâm: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính⁴, thì tiên tổ Xa Khả Sâm là con thứ vua Mang Chân nước Ai Lao. Vua Mang Chân yêu người con ấy, ban cho Mộc Châu làm thái ấp. Từ đó, đời này qua đời khác, họ Xa làm chức phụ đạo ở Mộc Châu⁵.

¹ Ý nói làm việc nhẩn tằm, không hợp tình hợp lý.

² Pháo, theo nghĩa cổ, là một thứ chiến cụ của người xưa: cái "máy" bắn đá. Đây có thể là một thứ pháo ở đời Bình Định vương dùng để ra hiệu lệnh hoặc báo động...

³ Cũng có âm là Tham.

⁴ Xem chú giải số 3 ở Chính biên III, 27.

⁵ Nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Mộc Châu: Nay thuộc tỉnh Hưng Hóa.

Đà Giang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 27).

Tháng 6. Trần Viễn hầu nhà Minh là Cố Hưng Tổ xâm phạm cửa ải Pha Lũy. Tướng trấn giữ của ta là Trần Lựu đón đánh: địch phải chạy.

Nhà Minh sai Trần Viễn hầu Cố Hưng Tổ, tổng binh Quảng Tây, đem năm vạn quân, năm nghìn ngựa, sang cứu Đông Đô. Khi đến cửa ải Pha Lũy, bị các thủ tướng của ta là Trần Lựu và Lê Bôi đón đánh: giặc phải bỏ chạy.

Tháng 7, mùa thu. Vương ra chỉ dụ cho làm hộ tịch.

Vương sai các lộ cứ chiếu theo sổ người "kiến tại"¹, làm sổ hộ tịch. Từ đó về sau, ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch. Đó là vẫn theo chế độ nhà Trần.

Lời chua - Hộ tịch: Theo Lữ trung tạp thuyết² của Bùi Bích³, thì đầu đời Lê⁴ vẫn theo lối cũ của nhà Trần, cứ ba năm lại một lần làm sổ hộ tịch; xuống đến hồi Trung Hưng (1593-1789), phép làm hộ tịch này cũng không thay đổi, gọi là "kế tu"⁵.

Tháng 9. Các tướng Trần Hãn và Lê Sát đánh thành Xương Giang: hạ được.

Xương Giang là đường lối quân Minh tất phải qua lại. Bọn chỉ huy Minh là Kim Dận và Lý Nhâm (Nhậm) bị vây hàng hơn sáu tháng, liêu chết cố giữ để đợi viện binh; quan quân không hạ được. Đến đây, các tướng Trần Hãn khoét đất thành đường hầm đi xuyên vào thành, đánh kẹp lại, mới phá được thành này. Bọn Kim Dận đều bị chết.

Lời chua - Thành Xương Giang: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 12).

Vương sai Chủ thư thị sử Trần Hồ đi tuyên dụ về châu Ninh Viễn: hạ được châu này. Thổ tù ở Ninh Viễn là Đèo Cát Hãn đem quân lính trong châu đến quy phụ.

Trước kia, Cát Hãn đi với Minh, lâu mãi không quy thuận. Vương sai Trần Hồ đi chiêu dụ: Cát Hãn bèn đem quân và voi đến theo Vương. Vương cho hãn lại cứ cai quản công việc trong châu.

Lời chua - Ninh Viễn: Tên châu xưa, sau đổi làm Phục Lễ, nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa⁶.

Đèo Cát Hãn: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính, họ Đèo đời này qua đời khác làm phụ đạo ở Lai Châu.

Vương sai các tướng Lê Sát và Trần Lựu đón đánh viện binh của Minh ở Chi Lăng, cả phá được quân địch, chém tổng binh Liễu Thăng, bắt sống đô đốc Thôi Tụ và thượng thư

¹ Theo sự cư trú ở đâu thì kẻ là người ở đó, chứ không căn cứ vào nguyên quán.

² Sách gồm hai quyển, tựa của tác giả viết năm 1789.

³ Tức Bùi Huy Bích (1744-1818), tự Hi Chương, hiệu Tôn Am hoặc Tôn Ông, người xã Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay, cư trú tại xã Thịnh Liệt (Sét) thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, đỗ nhị giáp tiến sĩ (1769), làm quan với Lê đến chức đốc đồng, tức Kế liệt hầu. Tác phẩm có Lữ trung tạp thuyết, Tôn Am văn tập, Nghệ An thi tập. Ngoài ra Tôn Am còn sưu tập được các thơ văn chữ Hán của thi nhân và văn gia Việt Nam qua các thời đại mà soạn thành hai tập là Hoàng Việt thi tuyển và Hoàng Việt văn tuyển.

⁴ Nguyên văn là "quốc sơ", vì Bùi Huy Bích nhận mình là bầy tôi nhà Lê, nên gọi triều Lê là "quốc" (nước).

⁵ Nổi tiếp mà tu sửa lại.

⁶ Ngày nay là tỉnh Lai Châu.

Hoàng Phúc. Đại tướng Minh, Mộc Thạnh, phải chạy trốn. Vương Thông bèn phải xin hòa. Tháng 11, mùa đông, Bình Định vương và Thông hội thề ở phía nam thành Đông Quan¹.

Trước kia, các tướng sĩ ta được tin quân cứu viện của Minh sắp kéo sang, phần đông đều khuyên Vương nên đánh gấp Đông Đô để diệt địch ở trong làm nội ứng. Vương bảo rằng: "Đánh thành, là mưu thấp; chi bằng nuôi sức quân, tích lũy lấy tinh thần sắc bén, đợi giặc đến, ta đánh phá ngay. Một khi viện binh đã bị tuyệt diệt thì thành Đông Đô tất phải đầu hàng. Đó là mưu chước vạn toàn: làm một việc mà được lợi cả hai".

Wương bèn sắp xếp việc phòng thủ một cách nghiêm mật, ra lệnh cho các lộ Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang và Quy Hóa làm cho đồng ruộng sạch quang² để tránh mũi dùi sắc bén của địch. Đến đây, hay tin bọn Thăng đã kéo nhau đến đầu biên giới. Vương nhóm họp các tướng, bàn rằng: "Quân địch cậy mạnh lẫn yếu, ý đông hiệp phía ít người. Ý chúng chỉ cốt chạy theo mỗi lợi chứ không đoái nghĩ gì đến chuyện gì khác. Chúng đi gấp suốt ngày đêm từ hàng nghìn dặm sang đây để cứu viện. Thế là đúng như Binh pháp đã nói: "Quân đi hàng năm trăm dặm mà chỉ vội nhằm lấy lợi thì viên thượng tướng tất phải kiệt quệ!". Bây giờ thừa cơ chúng nó mới đến, người mệt, ngựa mỏi, chúng ta với cái thế lấy sức thông thả chờ đợi quân giặc đang nhọc nhằn, đánh ngay cho đòn phủ đầu để làm bạt tinh thần của chúng thì không còn chệch đâu mà không thắng nữa".

Wương liền sai các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh³, Đinh Liệt và Lê Thụ đem hơn một vạn quân và năm thớt voi trước đặt phục binh ở cửa ải Chi Lăng để đợi giặc. Lại sai Lê Lý và Lê Văn An lĩnh ba vạn quân, lục tục tiến lên.

Bấy giờ Trần Lựu phòng thủ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa Ải Lưu. Giặc tràn đến, giành lấy Ải Lưu, Trần Lựu lại lui giữ cửa ải Chi Lăng. Phía trước cửa ải này cứ cách từng quãng lại có rào lũy để chống giữ. Liễu Thăng thừa thắng đánh gấp, phá luôn được: tiến đến đâu cũng không còn ai dám chống cự nữa. Thăng rất đắc ý.

Wương sai người đem thư đến cửa quân của Thăng, cầu xin nhà Minh làm theo cái ý "tiếp nối cho dòng vua một họ đã bị tuyệt diệt" do Minh Thành Tổ (1403-1424) đề xướng trước và cho lập Trần Cao làm chủ trong nước, bãi việc binh đao, khiến dân được yên nghỉ. Thăng nhận thư, không mở xem, liền cho chạy trạm đem về tâu với vua Minh, còn mình thì cứ kéo quân ruổi dài thẳng tiến. Khi Thăng đến chỗ còn cách Chi Lăng vài dặm, các tướng Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh, giả cách thua chạy. Thăng hí hửng mừng, chính hấn cầm đầu hơn trăm quân kỵ⁴ xông vào trước, xa lìa toán quân hậu đội, rồi hấn, vì lẫm lữ, sa xuống lũy. Phục binh của ta thành linh nổi dậy: đánh cho quân địch phải thua xiểng liểng, chém Thăng ở sườn núi Đào Mã và hơn vạn thủ cấp quân Minh.

Đạo quân của các tướng Lê Lý vừa vặn kéo đến, hội với đạo quân của các tướng Lê Sát. Bấy giờ quân phục lại trở sức đánh khép lại: chém Lương Minh ở vòng trận và làm cho Lý Khánh phải tự vẫn chết. Thôi Tụ và Hoàng Phúc sắp xếp lại quân đội, rào thẳng xuống Xương Giang. Các tướng Lê Sát đón đánh: phá được địch. Bọn Tụ thu lượm số quân còn sót, gượng gạo tiến lên. Kịp khi biết tin Xương Giang đã bị phá, chúng cả sợ, phải đắp lũy đất ở ngoài đồng để tự vệ. Vương sai quân thủy và quân bộ bao vây chúng. Rồi ra lệnh cho Trần Hãn cắt đứt đường vận tải lương thực của địch, các tướng Phạm Văn, Lê Khôi và Lê Xí thống lĩnh ba nghìn quân Thiết đột đi tiếp ứng. Mặt trận quân Minh rối loạn. Quan quân

¹ Cuộc hội minh này là một chiến thắng lịch sử vô cùng vẻ vang của Việt Nam, mà cũng là một lỗi "đầu hàng không điều kiện" vô cùng nhục nhã của quân Minh xâm lược. Vì rằng, theo lối chiến tranh thời xưa, khi giao chiến, một bên cố giữ thành, một bên hạ được thành, buộc chủ tướng đối phương phải ra hội thề ngay ở bên thành mà mình đã cố thủ, đó là một điều rất sỉ nhục theo quan niệm của các danh tướng xưa, nhất là những tướng ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Cho nên đối với những cuộc hội minh ngay ở bên thành sau khi hai bên đã giao chiến, thời Xuân Thu cho là một việc rất đáng hổ thẹn.

² Nguyên văn là "thanh dã", có ý dọn sạch cả đồng nội, không để lại một tí thóc lúa hoa màu gì để giặc có thể lợi dụng làm lương thực được. Đó tức như lối "tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống" ở đời sau.

³ Đây theo Cương mục viết "chăm thủy bên chữ lệnh" nên phiên âm là "Linh" còn *Sử ký* X, 49 in "chăm băng" bên chữ lệnh thì lại là "Lãnh".

⁴ Quân cưỡi ngựa, vì đi nhanh hơn, nên đội quân sau (hậu đội) không theo kịp để liên lạc cứu ứng cho nhau.

chém hơn năm vạn thủ cấp địch, bắt sống bọn Tụ, Phúc và ba vạn quân Minh. Thôi Tụ không chịu khuất phục, Vương sai giết chết.

Bấy giờ Mộc Thạnh đang cầm cự với các tướng Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả ở cửa ải Lê Hoa. Vương liệu trước rằng Mộc Thạnh là tay lão luyện, tất còn phải nghe ngóng cánh quân Liễu Thăng được thua ra sao đã, chứ không chịu vội vã tiến quân một cách khinh thường. Vương bèn sai mật dặn các tướng Văn Xảo và Trịnh Khả đừng giao chiến với địch vội. Kịp khi Liễu Thăng thua trận, Vương sai đem những tù tướng nhà Minh đã bị bắt làm tù binh và những sắc thư, phù tín, ấn chương đã bắt được đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh cho Thạnh biết. Thạnh quá kinh hãi. Quân Thạnh tự tan vỡ, lẩn chạy. Các tướng Trịnh Khả nhân đà đang sắc bén, tung quân ra đánh phá; chém hơn vạn thủ cấp, bắt được hơn một nghìn quân địch và hơn một nghìn ngựa. Mộc Thạnh chỉ kịp một người một ngựa chạy thoát.

Wương lại sai giải Hoàng Phúc đến thành Đông Quan và kèm theo chiếc song hồ phù¹ của Chinh lỗ phó tướng quân² với hai quả ấn bạc của chức Thượng thư³. Bọn Thông cả sợ, liền sai người đem thư đến xin hòa. Vương ưng thuận, bèn hội thề ở phía nam thành Đông Quan, hẹn đến tháng chạp⁴ thì Thông rút hết quân về nước. Vương sai chạy thư đi các thành Tây Đô, Cổ Lộng⁵ và Chí Linh truyền cho các tướng cởi vòng vây, kéo quân về.

Lời phê⁶ - Bình Định vương là bậc tài trí sáng suốt, lại giỏi dụng binh, các tướng chẳng ai sánh kịp. Vì thế cho nên chiến thắng được quân địch mạnh lớn, khai sáng được cơ nghiệp, dõng truyền được quốc thống: đáng lắm thay!

Lời chua - Cửa ải Chi Lăng: Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 2 (Chính biên I, 17).

Lạng Giang: Tức Lạng Sơn. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31).

Bắc Giang: Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 28).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29-30).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Cửa ải Ái Lưu: Ở phía bắc tỉnh Lạng Sơn. Thông giám tập lãm chép: "Liễu Thăng vâng mạng vua Minh, chờ đợi đã lâu để các quân tập hợp lại. Đến đây, Thăng mới trở về cửa Ái Lưu. Lê Lợi đã có lời ước hẹn với Vương Thông từ trước, bấy giờ mới giả mạo làm bức thư của người trong nước nói họ Trần còn có con cháu, rồi sai bộ hạ đưa thư đến cửa quân của Thăng xin bãi binh, lập dòng dõi họ Trần. Thăng không mở thư xem, sai ngay sứ giả đem việc ấy tâu lên vua Minh, rồi vội vã tiến quân, phá luôn được vài mươi chặng quan ải, thẳng tiến đến cửa ải Trấn Di. Thăng tỏ ý rất khinh địch. Lang

¹ Bình phù để làm tin trong quân.

² Chức của Liễu Thăng.

³ Vì trong toán viện binh bị bại vong của Minh có Lý Khánh là Binh Bộ thượng thư và Hoàng Phúc là Công Bộ thượng thư, sau khi Khánh chết và Phúc bị bắt, hai quả ấn bạc của chúng mới lọt vào tay quân ta.

⁴ Sử ký X, 51 chép ngày 12, tháng 12 năm Đinh Mùi (1427) là ngày Thông rút quân về nước.

⁵ Nay ở địa phận huyện Ý Yên, Nam Định (Xem Chính biên XII, 28).

⁶ Chỉ việc Bình Định vương chủ trương trước hãy tiêu diệt quân cứu viện thì tự khắc thành Đông Quan phải đầu hàng, chứ không nghe theo mưu kế của số đông tướng hiệu bàn đánh thành trước.

Trung Sử An và chủ sự Trần Dong e rằng phía địch¹ bề ngoài làm ra yếu kém để nhử quan quân², vội nói với Lý Khánh khuyên Thăng nên thận trọng, đừng có khinh suất tiến quân. Bây giờ Lý Khánh và Lương Minh đang ốm nặng, gương bệnh trở dậy, đi khuyên bảo Thăng; còn đô sự Phan Nhân thì nhắc lại trận thua ở Ninh Kiều³ để răn bảo Thăng. Thăng không để ý đến những lời can ngăn ấy, xông xáo ngay đến sườn núi Đào Mã, cùng với hơn một trăm quân kỵ giông ruổi lên trước, định vượt qua cầu: cầu hồng! Cánh quân hậu đội không tiến lên được. Thăng sa lầy. Quân phục nổi dậy: Thăng bị trúng lao⁴ chết. Những kẻ tùy tùng đều bị chết sạch. Buổi tối hôm ấy Lương Minh chết. Qua hôm sau Khánh cũng chết. Thôi Tụ sắp quân tề chỉnh, kéo xuống Xương Giang. Gặp địch, bọn Tụ liều chết cố chiến đấu. Địch lừa voi trận ủa ạt đến: mặt trận [của quân Minh] rối loạn, Tụ bị bắt. Địch dụ hàng, Tụ không chịu khuất phục, bèn bị giết⁵.

An Nam truyện trong Minh sử chép: "Mộc Thạnh kéo quân đến Thủy Vĩ⁶, làm thuyền bè, sửa soạn để chức tiến quân. Được tin Thông đã nghị hòa, Thạnh cũng rút lui. Địch thừa thắng đổ ra đánh: Thạnh thua to".

Minh sử thông giám ký sự chép: "Thôi Tụ thống suất quan quân tiến đánh Xương Giang, gặp địch, bọn Tụ hăng hái liều chết cố đánh. Tụ là viên tướng kỳ cựu, nhưng vì trong lúc bối rối, nguyên súy⁷ mới bị tử trận, quan lại và quân sĩ nao núng, nhận nhạo, nên khi bị địch lừa voi ra đánh thì quan quân đổ vỡ tan tành: Tụ bị bắt. Công bộ thượng thư Hoàng Phúc bị địch bắt làm tù binh".

Sườn núi Đào Mã: Có tên nữa là núi Mã Yên, ở xã Mai Sao⁸, châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn.

Tây Đô: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Lời phê⁹ - Sử Tập lãm thì thiên vị nước mình, sử đời Lê thì thiên vị vua mình, cho nên trong sử ghi chép, đảng thì kiêng nể giấu giếm, đảng thì văn sức khoe khoang, cả hai đều không đủ tin.

Vương sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, Vương lập Trần Cao làm chúa, có sai người đem tờ biểu, do Cao đứng tên, sang Minh cầu phong, nhưng nhà Minh không trả lời. Đến đây đã giảng hòa với nhà Minh, Vương mới dùng bọn Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh và chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thăm hình viện sứ, và bọn Quốc tử bác sĩ Lê Đức Huy làm Thăm hình viện phó sứ, đem tờ biểu và sản vật địa phương cùng với một số văn quan, võ chức do Vương Thông sai đi cùng sang Yên Kinh. Đồng thời lại đưa trả nhà Minh chiếc song hồ phũ

¹ Đây là lời của sử Thông giám tập lãm (1767, dưới triều Mãn Thanh), cũng như Minh sử và Minh sử thông giám ký sự dưới đây, đứng trên lập trường của phong kiến Minh và phong kiến Thanh mà chép về Việt Nam, nên gọi phía nghĩa quân Lam Sơn là "địch", kêu tướng và quân của tập đoàn phong kiến Minh là "quan quân".

² Đây là lời của sử Thông giám tập lãm (1767, dưới triều Mãn Thanh), cũng như Minh sử và Minh sử thông giám ký sự dưới đây, đứng trên lập trường của phong kiến Minh và phong kiến Thanh mà chép về Việt Nam, nên gọi phía nghĩa quân Lam Sơn là "địch", kêu tướng và quân của tập đoàn phong kiến Minh là "quan quân".

³ Xem Chính biên XIII, 24-25.

⁴ Nguyên văn là "phiêu", một thứ binh khí xưa, hình giống đầu cái mâu, có cán dài bằng tre hoặc gỗ, cuối cán có vòng và dây để người cầm lao khi phóng xong thì giật lại. Người sử dụng lao có thể từ xa mà phóng để giết chết địch.

⁵ Xem "Lời phê" của Tự Đức ở dưới.

⁶ Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

⁷ Chỉ Liễu Thăng.

⁸ Sao, cũng có âm là "tiêu".

⁹ Chỉ việc chép về Liễu Thăng trong sử Thông giám tập lãm (Xem "Lời chua" về cửa ải Ải Lưu ở trên).

của chinh lỗ phó tướng quân, hai quả ấn bạc của chức thượng thư và sổ quan, quân, người, ngựa nhà Minh đã bị bắt, bị tước, làm thành văn bản danh sách đưa sang tâu trình. Bài biểu ấy¹ đại lược nói:

"Thái tổ Cao hoàng đế² khi mới lên ngôi, tổ tiên của thần là Nhật Khuê³ trước tiên dâng lễ triều cống, được ơn đặc biệt khen thưởng và ban cho tước vương⁴. Từ đó, đời đời giữ gìn bờ cõi, không hề thiếu sót lễ nghi triều cống. Mới đây, nhân họ Hồ⁵ soán nghịch, Thái tông Văn hoàng đế⁶ dấy quân hỏi tội. Sau khi dẹp yên, nhà vua hạ chiếu tìm kiếm con cháu họ Trần để cho giữ việc thờ cúng. Bấy giờ tổng binh quan Trương Phụ chưa kịp tìm kiếm rộng khắp, đã vội xin đặt nước tôi làm quận huyện.

"Thần, trước đây, vì nước rối loạn, phải chạy trốn sang Lão Qua⁷, chỉ muốn cho chút hơi tàn được tạm kéo dài ra thôi. Dè đâu người nước quan thói tục man di, xa nghĩ đến ơn trạch của tổ tiên nhà thần, ép thần phải về nước. Bất đắc dĩ thần phải gượng theo. Dầu rằng việc làm hấp tấp này là do người nước ép buộc, nhưng cũng là cái tội bởi thần không biết đắn đo suy lường.

"Vừa đây, đã đến cửa quân tạ tội, nhưng không được đâu để ý lắng nghe. Người nước bấy giờ sợ bị giết chết, mới phải đem nhau đi giữ những nơi quan ải để làm cái chước tự vệ lấy mình; nào ngờ quan quân từ xa đến, thấy voi, hoảng sợ, tự cùng nhau lánh chạy, tan vỡ. Việc đã đến thế, tuy là do sự bất đắc dĩ của người nước, mà cũng là tội lỗi của thần. Nhưng, sổ quan quân và ngựa bị bắt đều đã thu lượm nuôi dưỡng, không dám tơ hào xâm phạm.

"Nếp mong hoàng thượng⁸ dựa theo lời chiếu của Thái Tông Văn hoàng đế cho tìm kiếm con cháu họ Trần, nghĩ đến lòng thành thực của ông cha nhà thần đã dâng lễ triều cống trước tiên, tha cho thần cái tội to như đồng gò, miễn cho thần khỏi bị giết chết bằng rìu búa, khiến thần được nối dõi ở cõi Nam, triều cống cửa trời.

"Ngoài sự riêng sai bởi thần⁹ thân tín đem dâng tạ biểu và đưa đến kinh đô nộp trả ấn tín và người ngựa, nay xin đem danh sách và sổ mục kính cẩn tâu lên để nhà vua soi xét".

Vua Minh xem biểu, trong lòng vẫn biết là giả dối, nhưng muốn mượn cớ đó để nghỉ việc binh đao, nên mới đem tờ biểu ấy bảo cho quần thần biết. Bọn Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh hết sức tán thành.

Vua Minh bèn sai bọn Lễ Bộ thị lang Lý Kỳ đem tờ chiếu sang phong cho Trần Cao làm An Nam quốc vương, dụ bảo vỗ về người nước và tha tội cho. Lại ra lệnh cho người trong nước phải khai báo đầy đủ về sự thực con cháu họ Trần để tâu trình lên vua Minh. Đồng thời lại bãi bỏ ti Bồi Chính sứ ở Giao Châu, sai rút quân về nước.

Lời phê - Lê Thái Tổ làm việc tòng quyền, Minh Tuyên Tông cũng theo quyền nghi mà xử sự. Đó đều vì tình hình lúc bấy giờ có chỗ không thể không xong, việc này không thể theo luận điệu khắc nghiệt của tục nho mà chê trách được. Còn như việc Thanh Cao Tông¹⁰ bao dung ngục Huệ¹¹ mới là việc xảo trá, kiêu căng, đáng khinh bỉ!

¹ Nguyên văn bằng chữ Hán và nội dung làm lời Trần Cao. Đây là bản trích lược.

² Vua đầu triều Minh, niên hiệu là Hồng Vũ (1368-1398).

³ Một tên khác của Trần Dụ Tông (1341-1369), dùng để ngoại giao với Minh.

⁴ Chỉ việc sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang sứ nhà Minh năm Mậu Thân, 1368 (Chính biên X, 21).

⁵ Cha con Hồ Quý Ly.

⁶ Tức Minh Thành Tổ, niên hiệu là Vĩnh Lạc (1403-1424).

⁷ Xem "Lời chua" ở dưới của Cương mục.

⁸ Chỉ Minh Tuyên Tông, niên hiệu Tuyên Đức (1426-1435).

⁹ Xem chú giải về "bồi thần" ở Chính biên XII, 2.

¹⁰ Niên hiệu là Kiến Long (1736-1795).

¹¹ Tức là Quang Trung (1788-1792) Nguyễn Huệ. Vì Tự Đức coi Nguyễn Huệ là kẻ thù và triều Tây Sơn không phải là chính thống, nên mới kêu là "ngục".

Lời chua - Lê Thiếu Dĩnh: Người làng Mộ Trạch¹ thuộc huyện Đường An.

Sản vật địa phương:

Người vàng thể mạng	2 pho
Lư hương bằng bạc	1 chiếc
Bình hoa bằng bạc	1 đôi
Lụa ta (thổ quyển)	30 tấm
Ngà voi	14 đôi
Hương xông (huân hương)	12 bình
Hương vòng (tuyến hương)	20000 vòng
Trầm hương và tốc hương ²	24 cân

Lão Qua: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3 (Chính biên XI, 13).

Tháng 12. Vương Thông nhà Minh tự rút quân về Bắc.

Bấy giờ vua Minh cho phép rút quân về Bắc, chiếu thư chưa sang đến nơi thì Thông đã tự ý kéo bộ binh qua Nhị Hà rút về trước, quân thủy theo sau.

Người nước ta vốn căm giận quân Minh tàn ngược, nên khuyên Vương giết chết chúng đi. Nhưng Vương dụ bảo mọi người rằng: "Trả thù, báo oán, là thường tình người ta; nhưng không muốn giết người, ấy là bản tâm của bậc nhân đức. Và, người ta đã hàng mà mình giết đi thì chẳng còn gì ghê gớm hơn việc làm không lành ấy. Nếu cốt để hả nỗi lòng căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, chi bằng hãy cho hàng ức hàng vạn người được toàn tính mạng để dập tắt mỗi chiến tranh về sau, sử xanh ghi chép, nghìn thừa còn thơm, há chẳng tốt đẹp sao?".

Vương bèn sai: về mặt thủy, cấp cho 500 trăm chiếc thuyền, giao cho bọn Phương Chính và Mã Kỳ quản lĩnh; về mặt bộ, cấp cho lương thực và cỏ ngựa, cho bọn Sơn Thọ và Hoàng Phúc quản lĩnh. Số bị bắt và đầu hàng gồm hơn 2 vạn người, số ngựa bị tước gồm 2 vạn đều giao cho Mã Anh quản lĩnh. Tất cả bọn người Minh được thả dây đều tới quân doanh Bồ Đề lạy tạ Bình Định vương. Bọn Phương Chính vừa cảm động vừa hổ thẹn đến ứa nước mắt. Thông quản lĩnh bộ binh, làm đốc hậu, ở lại suốt cả buổi tối nói chuyện từ biệt với Vương rồi mới lên đường. Vương tiễn tặng Thông một cách ưu hậu. Người Minh trong ba thành Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh lục tục rút theo.

Bọn Thông về đến Yên Kinh, bị quần thần nhà Minh đàn hặc: Thông bị tống giam vào ngục Cẩm Y, được tha tội chết, nhưng phải tước tên trong sổ làm quan và tịch thu gia sản.

Lời chua - Về Bắc: Sử Thông giám tập lãm có ba đoạn chép về việc này:

Đoạn trước chép: "Được tin Liễu Thăng thua và chết trận, Thông sợ, lại nhờ cho Lê Lợi giảng hòa và bảo Lê Lợi tìm lập con cháu họ Trần. Thông bèn lập đàn, với quần, dân và quan lại dưới quyền mình, làm lễ minh thệ với Lê Lợi về việc rút quân. Nhân đó, Thông vì Lê Lợi mà đạo đạt tờ biểu³ dâng lên vua Minh. Rồi Thông bèn rút quân về nước".

Đoạn thứ hai chép: "Vua Minh sắc sai Vương Thông, Mã Anh luôn với quan lại ba ti⁴, các vệ, các sở và các phủ, châu, huyện phải rút hết quân và dân về Bắc. Chiếu thư

¹ Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

² Thứ gỗ thơm lấy ở cây trầm tươi hoặc cây trầm mục để đốt cho thơm. Trầm hương khác với tốc hương ở chỗ: bỏ xuống nước mà chìm, gọi là "trầm"; không chìm, gọi là "tốc".

³ Tức tờ biểu do Trần Cao đứng tên như trên đã chép.

⁴ Ti đô chỉ huy sứ giữ về quân sự, ti bố chính giữ về phú thuế và tài chính, ti án sát giữ về pháp luật hình ngục.

chưa sang đến nơi, Thông đã do đường bộ kéo về Quảng Tây; bọn Trần Trí, Mã Kỳ và Sơn Thọ do đường thủy về Khâm Châu. Số quan lại, quân, dân nhà Minh được về nước là hơn 86000 người; còn số bị Lê Lợi bắt sống và giam giữ không biết bao nhiêu mà kể¹.

Đoạn sau chép: "Đình thần nhà Minh bàn luận cho rằng Vương Thông thì bỏ mất đất, tự tiện giảng hòa; Mã Kỳ thì rông rở bạo ngược, gây nên biến cố; cả hai đều nặng tội nhất. Nhà vua đều không quở trách, chỉ tống giam dài hạn để đợi ngày xử tử mà thôi".

Minh sử thông giám kỷ sự chép: "Thông đến kinh đô² rồi, quần thần nhà Minh tới tập dưng tấu sớ lên đàn hặc Thông và bọn Mã Anh, Mã Kỳ, Sơn Thọ. Hình quan trong triều làm việc xét hỏi, bọn Thông đều thú nhận cả. Định nghị cho rằng Thông thì phạm tội không giữ quân luật, làm thiệt quân và bỏ mất đất; Sơn Thọ thì phạm tội che chở bênh vực cho bọn phản nghịch³, Mã Kỳ thì làm kích động gây biến ở nơi phiên thuộc. Tất cả đều đáng luận vào tội xử tử. Vua Minh xuống chiếu: tống giam Thông vào ngục và tịch thu gia sản; còn bọn Mã Anh cũng đều phạt tội có nặng nhẹ khác nhau. Sau đó Lê Lợi sai đưa trả 157 quan lại, 15170 lính thú, và 1200 ngựa; còn số người bị giữ không cho về nước không biết bao nhiêu mà kể".

Vương bá cáo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc cả nước đã được yên hẳn.

Làm bài Đại cáo bảo cho mọi người trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết về việc người Minh đã giảng hòa, rút về nước, Nam Bắc đã thôi việc binh đao, trong thiên hạ đã được đại định. Bài ấy⁴ đại lược thế này⁵:

Việc làm nhân nghĩa, cốt ở yên dân. Quân thương dân, đánh kẻ có tội, nước phải trừ lũ bạo tàn.

Nay nghĩ: Đại Việt ta thực là một nước văn hiến⁶. Từ Triệu (207-11 tr.c.ng.), Đinh (968-979), Lý (1010-1224), Trần (1225-1399) gây dựng nước ta, cùng với Hán⁷, Đường (618-907), Tống (960-1279), Nguyên (1260-1368) mỗi đấng làm vua một nước.

Mới đây, vì chính sự họ Hồ (1400-1407) phiền nhiễu hà khắc đến nỗi làm cho lòng dân oán giận chia lìa, người Minh dòm được kẻ hở, nhân đó mới sang rảch độc khắp dân ta. Đàng ác ôm lòng gian tà, rút cục cũng chỉ để bán nước. Chúng gạt trời, lừa dân, bày mưu quỷ quyết hàng muôn hình nghìn trạng; luôn luôn gây hấn, dấy binh đao, hàng hai mươi năm đây tội ác! Làm bại hoại thương tổn nhân nghĩa, khiến cho khí sống trong trời đất hầu như muốn ngừng! Sưu cao, thuế nặng, vét vợ của nả chằm núi không bỏ sót tí gì! Thần và người đều cảm giận, trời đất không thể dung tha.

Ta đây, nổi lên từ Lam Sơn, nấu thân nơi đồng hoang cỏ rậm. Lòng đau, đầu nhức [vì thương dân lo nước] hàng hơn mười năm; nắm gai, ném mật [để mưu diệt thù, phục quốc] không phải chỉ có

¹ Trong Minh sử (của Phó Duy Lân, in năm 1936), truyện Vương Thông (tr. 3098-3099) có ghi rõ con số đầy đủ là: các quan lại văn võ và quân sĩ nhà Minh được về cộng 86 640 người; còn đến vài vạn người nữa thì bị giữ lại không được về.

² Yên Kinh.

³ Minh sử thông giám kỷ sự chỉ phía Bình Định vương.

⁴ Tức là bài "Bình Ngô đại cáo".

⁵ Nguyên văn bằng chữ Hán, viết theo thể biên ngẫu đối nhau. Cương mục chỉ chép sơ lược. Muốn biết toàn văn, xin xem Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử (của Lê Quý Đôn) và Hoàng Việt văn tuyển, ...

⁶ Văn: sử sách điển chương; hiến: người hiền.

⁷ Tiền Hán: 204-8 tr.c.ng., Hậu Hán: 25-220 s.c.ng.

một ngày. Khi cờ nghĩa kéo lên, chính là thể giặc đang mở rộng. Hồi ở Linh Sơn¹, lương cạn hàng mấy tuần². Khi đóng tại Côi Huyện³, quân không còn một lữ⁴!

Giơ sào lên làm cờ⁵ quân lính là do nhân dân từ bốn phương họp lại. Coi quân sĩ như tình cha con, một lòng khăng khít, dù có một vò rượu cũng cho hòa với nước sông để mọi người cùng hưởng⁶.

Cho nên, cuối cùng có thể dùng nghĩa cả mà thắng hung tàn, đem chí nhân mà thay cường bạo. Quân Minh kia, trí thuật đã cùng, sức lực lại kiệt, bó tay đợi bại vong. Chúng ta mưu tính đánh giặc cốt là chinh phục lòng người, nên không cần đánh mà chúng phải tự khuất phục. Những tên đầu sỏ của giặc đã bị bắt sống, chúng đã trở thành đám tàn quân, ngoe nguẩy đuôi, xin thương xót. Là bậc thần võ không muốn giết người, ta cũng làm theo lòng hiếu sinh của Thượng đế⁷.

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ trước được cấp hơn 500 chiếc thuyền, đã qua sông mà còn hồn xiêu phách lạc! Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh lại được cấp hơn vài nghìn ngựa, đã về đến nước mà còn chột dạ, sờn gai! Giặc đã tham sống sợ chết, thành thực xin hòa; ta cốt giữ quân vẹn toàn, muốn cùng nhân dân yên nghỉ.

Than ôi! Với chiếc hung y⁸, dẹp yên cả nước, công lao lập được, không gì sánh tày! Bốn biển êm mãi từ đây, nay tuyên bố bài Đại cáo đổi mới.

Lời chua - Côi huyện: Theo Sách Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư của nhà Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), đặt ti tuần kiểm ở Côi huyện thuộc châu Ninh Hóa; năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419) lại cho Côi huyện sáp nhập châu Ninh Hóa; năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422) sai Sơn Thọ đem sắc thư sang dụ Bình Định vương; nhưng Vương không theo, trốn sang Lão Qua, rồi lại quay về châu Ninh Hóa.

Nay xét Lê sử và Lam Sơn thực lục: Năm ấy⁹, Vương từ Ba Lãm¹⁰ và Quan Da¹¹ dời đi Khôi Sách. Vậy châu Ninh Hóa có lẽ thuộc Thanh Hóa, mà Côi huyện thì do châu Ninh Hóa này kiêm lỵ chẳng? Thay đổi hay theo cũ, sự thực ra sao, không rõ. Có người ngờ rằng Côi huyện có lẽ tức là Khôi Sách, nhưng chưa biết có đúng không.

¹ Cũng gọi Chí Linh Sơn, một núi ở địa phận châu Lang Chánh thuộc Thanh Hóa.

² Mười ngày là một tuần. Khi đóng ở Chí Linh Sơn, nghĩa quân hết lương ăn đến hơn hai tháng (xem Chính biên XII, 16).

³ Xem "Lời chua" ở sau của Cương mục.

⁴ Theo binh chế xưa, một lữ gồm 500 quân.

⁵ Nguyên văn là "yết can vì kỳ", ý nói trong lúc vội vàng cử sự, chỉ kịp giơ cây sào lên để hiệu triệu mọi người.

⁶ Nguyên văn là "đầu giao hưởng sĩ", do điển ngày xưa có một tướng giỏi, khi cầm quân đi trận, có người đem biếu một bầu rượu, tướng ấy sai trút cả xuống sông để cho quân sĩ múc lấy dòng nước sông mà cùng uống. Ý nói người làm tướng có đức công bằng và tình thân mật, từ một miếng ăn miếng uống cũng chia sẻ cho quân đội dưới quyền mình.

⁷ Ý nói: Bình Định vương thể theo tấm lòng rộng rãi bao la của Trời muốn cho muôn vật đều được sinh sống, nên để cho người Minh được toàn hoạt về nước sau khi chúng đã đầu hàng.

⁸ Thứ quân phục mặc khi đi trận.

⁹ Tức năm Nhâm Dần (1422).

¹⁰ Xem "Lời chua" của Cương mục ở Chính biên XIII, 13.

¹¹ Tức là Quan Du. Xem Chính biên XIII, 13, 16-18.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XV

Từ Mậu Thân, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đến Quý Sửu, Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), gồm 6 năm.

*

Mậu Thân, Lê Thái Tổ Cao hoàng đế, năm Thuận Thiên thứ 1 (1428). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần chúa, tên là Cao, lén đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi kịp. Cao uống thuốc độc, chết.

Cao, khi đã được lập làm chúa, đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời đi Ninh Giang, rồi lại thiên đi thành Cổ Lộ. Quần thần đều nói với Bình Định vương rằng: "Cao không có công cán gì, sao lại để cho ăn trên ngồi trước người ta! Xin trừ khử hẳn đi". Nhà vua không nỡ, đãi ngộ lại càng hậu hơn. Cao tự biết người nước không theo mình, bèn cất lén vượt biên, trốn đi Ngọc Ma. Quan quân đuổi theo, bắt được. Khi về đến thành Đông Quan, Cao uống thuốc độc, chết.

Sử cũ chua về việc Trần Cao: "Có thuyết cho rằng Cao tự biết người nước không phục, bèn dùng bọn Văn Nhuệ lén vượt biển, trốn đến ải Cổ Lộ. Nhà vua sai người đuổi theo, giết chết".¹

Lời chua - Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Núi Không Lộ: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 34).

Ninh Giang: Theo sách của nhà Minh, thì năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) đặt ti Tuần kiểm ở cửa sông Ninh Giang thuộc Mỹ Lộc; nay thuộc huyện Vụ Bản, Thượng Nguyên và Mỹ Lộc.

Cổ Lộ: Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 2 (Chính biên XII, 28).

Đông Quan: Tức Đông Đô. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chính biên XI, 29).

Lập trường học.

Nhà vua khi mới lập quốc, để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài: trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa con cháu nhà các quan và những người tuần tú trong nhân dân sung làm giám sinh; ngoài các lộ thì lập trường học ở từng lộ, lựa các con em những nhà lương thiện trong dân gian sung làm lộ hiệu sinh²; cử những nhà nho đáng làm thầy đứng ra dạy dỗ.

Lời cần án - Sự việc này, **Sử cũ** không chép. Nay theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) đời Lê Thái Tổ có lập trường học, lại theo bài "**Tiến sĩ đề danh bi**" của Thân Nhân Trung, thì Thái Tổ khi đã dẹp yên cả nước, võ công đã hoàn thành, có hạ chiếu thiết lập trường học, gây dựng nhân tài. Và theo bài "**Tiến sĩ đề danh bi**" của Đỗ Nhuận, thì khi đặt niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), bắt tay ngay vào công việc học chính. Vậy (nay căn cứ vào những tài liệu trên đây) xin bổ sung thêm.

¹ Trên phần "mục" này, **Cương mục** có đặt một đoạn cuối của "Lời phê" nhưng thiếu sót một đoạn đầu, nên chúng tôi bỏ hẵng đi, không dịch vì nó dở dang không thành văn.

² Học sinh trường lộ.

Tháng 2. Ghi chép công trạng những công thần đã theo khởi nghĩa từ đất Lũng Nhai. Cho họ được phong tước có thứ bậc hơn kém khác nhau và được lấy theo họ Lê.

Nhà vua ra sắc lệnh rằng các tướng sĩ trong quân Thiết Đột là những người vất vả theo đòi từ lúc mới khởi nghĩa ở Lũng Nhai, nay được ghi chép công lao, sắp xếp thành thứ bậc gồm 221 người¹:

Thứ nhất bọn Lê Vãn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ồ 52 người được phong Vinh lộc đại phu, Tả Kim Ngô vệ đại tướng quân, tước thượng trí tự.

Thứ hai, bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khả 72 người được phong Trung lượng đại phu, Phụng thần vệ tướng quân, tước đại trí tự.

Thứ ba, bọn Lê Trễ, Lê Nghiễn 94 người được phong Trung vũ đại phu, Câu kiểm vệ tướng quân, tước trí tự.

Tất cả những người trên đây đều được ban cho quốc tính² và thưởng tấm biển đề chữ "công thần".

Lời phê - Bầy tôi có công được ban quốc tính là Hán Cao tổ ban cho Lâu Kính trước tiên. Việc làm ấy tuy cốt để tỏ ý thân mật trung hậu đối với công thần, nhưng đã mang tiếng là làm rối cả họ hàng nhà vua, không đủ để làm gương mẫu cho đời sau; huống chi nhà Lê lại cho quốc tính nhiều quá thế này thì nhảm lắm!

Lời cần án - Sử cũ chép "Hành khiển Lê Cảnh Phụng trích"³, nay tra tự điển thì âm là trích⁴, nghĩa là hẹp. Lại như **Tấn ngữ** (trong sách **Quốc ngữ**) có chép: "Tội nhẹ hơn thì dùng phép toàn trích"⁵. Rồi tài liệu của **Tấn ngữ** này chú thích rằng "tức là thứ tội bị thích chữ". Như thế là ý nghĩa không ăn hợp gì với việc phong thưởng công thần ở đây. Có người nói triều Thuận Thiên (1428-1433) tưởng lụy công thần, ban cho mỗi người một tấm biển. Sử cũ cũng chép đời Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), tước hết những chữ "công thần" của bọn Lê Văn Linh⁶. Như vậy có thể lấy đó làm chứng cứ. Lại xét: Năm Quang Thuận thứ 2 (1461), khắc chữ vào tấm biển đề biểu dương Nguyễn Dương là người "hiếu đễ". Vậy thì việc khắc chữ vào biển, đương thời chép chữ Hán là "tạc".

Lời chua - Lũng Nhai: Nay đổi là thôn Lũng Mi, thuộc xã Lam Sơn, chỗ Lê Thái Tổ khởi nghĩa.

¹ Con số này của **Cương mục** cũng giống **Toàn thư** (quyển X, tờ 56b), trong cả hai đều không ăn khớp với những con số đã nêu ở dưới, vì 52+72+94=218, e có sự kể sót hay chém lăm chằng.

² Được lấy theo họ Lê cùng họ với Lê Lợi. Xem thêm chú giải số 3 ở Chính biên V, 22.

³ Nghĩa là quan hành khiển Lê Cảnh vâng mạng nhà vua, khắc biển ban cho các công thần (xem **Toàn thư** X, 56b-57a).

Về chữ này có âm là "trích", nghĩa là "hẹp", nhưng lại có âm là "tạc", nghĩa là đục hay khắc. Chỉ vì **Cương mục** không tra cứu kỹ, chưa nắm hết toàn diện đã vội hạ "Lời cần án" ngay, nên cả một đoạn văn này mới có sự ngô nghê ngờ ngẩn như vậy. Nếu **Cương mục** chọn lấy âm "tạc" mà cắt nghĩa là đục hay khắc thì đúng ngay với nghĩa khắc chữ vào biển ban cho các công thần, đâu còn có nạn dài dòng, khó hiểu nữa.

⁴ Nghĩa là quan hành khiển Lê Cảnh vâng mạng nhà vua, khắc biển ban cho các công thần (xem **Toàn thư** X, 56b-57a).

Về chữ này có âm là "trích", nghĩa là "hẹp", nhưng lại có âm là "tạc", nghĩa là đục hay khắc. Chỉ vì **Cương mục** không tra cứu kỹ, chưa nắm hết toàn diện đã vội hạ "Lời cần án" ngay, nên cả một đoạn văn này mới có sự ngô nghê ngờ ngẩn như vậy. Nếu **Cương mục** chọn lấy âm "tạc" mà cắt nghĩa là đục hay khắc thì đúng ngay với nghĩa khắc chữ vào biển ban cho các công thần, đâu còn có nạn dài dòng, khó hiểu nữa.

⁵ Ở trường hợp này, đáng phải học là toàn tạc mới đúng, nhưng vì đây theo **Cương mục**. Thực ra, "toàn tạc" nghĩa là "xăm" hay "thích chữ".

⁶ Xem **Toàn thư** XI, 42b.

Thiết Đột: Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ có tổ chức 14 vệ Thiết Đột, trong có vệ Kim Ngô, vệ Phụng Thần, vệ Châu Kiềm,...

Thượng trí tự: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú; thì năm Thuận Thiên thứ 1 (1428) phong tước có thượng trí tự, đại trí tự và trí tự khác nhau.

Tháng 3. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang Minh xin lập con cháu họ Trần lên làm vua. Nhà Minh sai bọn Lễ Bộ tả thị lang Lý Kỳ, Công bộ hữu thị lang La Nhữ Kính, Hữu thông chính Hoàng Ký và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đem tờ dụ và bài văn ân xá sang ta. Khi họ đến nơi thì Trần Cao đã chết rồi, bọn Lý Kỳ bèn cáo tử về nước. Nhà vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí và Phạm Thành sang Minh đáp tạ, còn bọn Xu mật thêm sự Hà Phủ và Hà Liễu đi cáo phó về việc Trần Cao chết.

Lời chua - Lê Quốc Khí: Người làng Chủ Sơn, huyện Lô Dương¹.

Phong tước cho con là Nguyễn Long làm Lương quận công.

Sắp xếp ngôi thứ các công thần: Gia phong Nguyễn Trãi tước Quan phục hầu, Trần Hãn² làm Tả tướng quốc, Phạm Văn Xảo làm Thái úy. Mấy người này đều được cho lấy theo họ Lê.

Nhà vua nhóm họp tất cả các bầy tôi và quan liêu, sắp xếp thứ bậc cao thấp tùy theo công nhiều hay ít. Gia phong Nhập nội đại hành khiển Nguyễn Trãi tước quan phục hầu, tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc, xu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái úy.

Chia trong nước làm 5 đạo. Thiết lập các vệ quân, đặt Tổng quản và Hành khiển chia giữ sổ sách về quân và dân.

Trước kia, nhà vua ra Đông Đô, chia trong nước làm bốn đạo. Đến đây, trong nước đã yên hẳn rồi, lại đặt thêm đạo Hải Tây, cho Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều lệ thuộc vào đó. Ở đạo thì đặt vệ quân, ở vệ thì đặt Tổng quản. Đơn vị to và nhỏ cùng gìn giữ cho nhau, cấp bậc trên và dưới cùng ràng buộc lẫn nhau. Lại đặt Hành khiển³ ở các đạo, chia giữ sổ sách quân và dân.

Lời chua - Năm đạo: Theo Địa dư chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì:

Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo;

Các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các trấn và các lộ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo;

Các lộ Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều thuộc Tây Đạo;

Vệ quân: Các vệ Hồng Châu, Nam Sách và An Bang đều thuộc Đông Đạo;

Các vệ Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng đều thuộc Tây Đạo;

Các vệ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường đều thuộc Nam Đạo;

¹ Thuộc Thanh Hóa.

² Tức Trần Nguyên Hãn.

³ Chức Hành khiển này phẩm hàm thấp hơn chức Hành khiển ở trong triều.

Các vệ Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên đều thuộc Bắc Đạo;

Các vệ Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đều thuộc Hải Tây đạo.

Tổng quản: "Chức quan chỉ" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Ở vệ, đặt chức Tổng quản". Và chua: "Có các chức tổng quản, đô tổng quản, đồng tổng quản,...".

Hành khiển: "Chức quan chỉ" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép: "Hành khiển ở năm đạo chia giữ các việc về sổ sách, đơn từ và kiện tụng quân sự, dân sự. Chức vị hành khiển (ở đạo) này ở vào hàng nhập nội đại hành khiển (trong triều), kém dưới tể tướng. Các quan chức ở đạo: đầu là hành khiển, thứ đến tham tri, đồng tri, chủ bạ và đạo thuộc,...

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thuần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20, 21, 23, 24).

Nhà vua sai các quan chia nhau đi làm lễ cúng tế lăng tẩm các triều đại trước, thần linh các đền miếu và các núi sông.

Sai các quan chia đi cúng tế để khẩn cáo với thần linh về việc cả nước đã được bình định.

Truy tôn các tổ khảo nhà vua.

Truy tôn ông là Thịnh làm Hiển Tổ Chiêu đức Trạch hoàng đế, cha là Khoáng làm Tuyên tổ Hiến Văn Phúc hoàng đế, bà là Nguyễn Thị và mẹ là Trịnh Thị đều làm Hoàng hậu.

Trước kia, đời người cụ (tăng tổ), tên là Hối, nhà ở thôn Như Áng, giỏi về thuật phong thủy. Từng đi chơi Lam Sơn, thấy bầy chim bay lượn bên dưới núi này, Hối nói: "Đây là chỗ cảnh đẹp". Rồi dời nhà ở tại đó. Chính mình siêng năng làm việc cày cấy, Hối giàu có mà hào phóng, trở thành đàn anh ở ấp này. Hối lấy vợ họ Nguyễn, sinh ra Thịnh, tức là Hiển Tổ. Thịnh nối được nghiệp nhà, trong tay có đến nghìn gia nhân. Lấy vợ họ Nguyễn, Thịnh có hai trai: Con trưởng là Tòng, con thứ là Khoáng, tức là Tuyên Tổ. Khoáng lấy vợ họ Trịnh, sinh ba trai: Trưởng là Học, thứ hai là Trừ, rốt là nhà vua.

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Như Áng: Tên thôn, nay thuộc xã Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa¹.

Tháng tư, mùa hạ. Lê Lợi lên ngôi ở Đông Đô. Quốc hiệu là Đại Việt.

Nhà vua từ dinh Bồ Đề tiến vào thành Đông Quan, đóng đô tại đó. Bầy tôi dâng biểu khuyên mời lên ngôi Hoàng đế cho vị hiệu được chính thức. Nhà vua ban sắc dụ rằng: "Các vua Vũ, Thang, Văn, Vũ ngày xưa công đức lớn là thế, vậy mà chỉ xưng là vương thôi, hưởng chi trăm nay, công đức nhỏ mọn mong manh, dám đâu nói đến Hoàng đế làm một tôn hiệu to tát?". Rồi, đúng ngày rằm tháng 4 ấy, nhà vua lên ngôi ở điện Kính Thiên, xưng là Thuận Thiên thừa vận duệ văn anh vũ đại vương, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, quốc hiệu là Đại Việt.

Ra sắc dụ rằng: Phàm ai dâng thư bàn nói việc gì và các giấy tờ kế hoạch đều phải tuân theo phép nước, viết đúng niên hiệu và quốc hiệu. Kẻ nào vi phạm, sẽ bị phạt trọng và biếm truất.

Lời chua - Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

Đại xá.

Ban chiếu cho trong nước:

¹ Nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Tha hẳn hai năm điền tô và các thứ thuế vàng, bạc, đầm nước, đôi ruộng và bãi dâu. Nhân dân từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch. Hạng con hiếu thảo, hạng vợ trinh tiết do quan hàng lộ tâu lên vua biết sẽ được biểu dương khen thưởng. Những nhà nào có người đi lính thì một suất trong nhà ấy được miễn sưu dịch.

- Phàm lăng tẩm các đế vương và đền thờ, phần mộ công thần các triều đại trước đều được tùy số cần mà cắt người làm việc quét tước.

- Trong các lộ hể lộ nào bị thiệt hại vì binh hỏa thì do quan lộ sở tại đến khám xét điều tra cho rõ ràng, sẽ tùy liệu mà miễn tô thuế, tha sưu dịch thêm.

Sông Nhị có sản ra vàng.

Bầy tôi dâng biểu chúc mừng.

Lời phê - Tâm bậy! Dù có sản vàng đi nữa cũng chẳng quan hệ gì đến cuộc thống trị của đế vương.

Lời chua - Sông Nhị: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tặng phong Bình chương Lê Thạch là Trung Vũ vương, cho phụ thờ ở miếu đình nhà vua.

Thạch, là con người anh nhà vua, tính hiền hậu, ham đọc sách, có sức khỏe tuyệt vời, khi ra trận, thường làm tiên phong, đánh đâu được đấy, lập được công to nhất trong trận chém Nguyễn Sao, đánh bật Trần Trí. Về sau khi chiến đấu với Ai Lao, Thạch giẫm phải chông, bị tử trận¹. Nhà vua vô cùng thương tiếc. Khi trong nước đã yên hẳn, tướng lục công thần ở Lũng Nhai, Thạch được tặng phong Nhập nội kiểm hiệu Thái úy bình chương quân quốc trọng sự, rồi lại truy phong tước vương, cho phụ thờ ở miếu đình. Bấy giờ nghĩ đến những tướng đã chết vì việc nước, truy phong Lê Lễ làm Nhập nội tư đồ, Lê Triện làm Nhập nội tư mã.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Hạ chiếu cho các đại thần cử những người có thể làm nổi chức chuyển vận và chức trấn thủ nơi xung yếu, khai tên dâng lên cho vua biết.

Sắc sai các đại thần phải hết lòng xem xét, tiến cử và kê tên cho nhà vua biết để tuyển lấy chức huyện lệnh ở các lộ và trấn thủ những nơi xung yếu ở đầu nguồn và các cửa biển. Những chức quan này phải dùng hạng người tinh thực, tài năng, thanh liêm, chính trực.

Đúc ấn "Thuận Thiên".

Sát hạch các viên thuộc ở trong Kinh đô và ngoài các lộ, chia làm ba bậc.

Sai đại thần sát hạch các viên thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ: Bậc nhất là những người có tài cả văn lẫn võ; bậc nhì là người có học thức, minh mẫn; bậc ba là những người tinh thông phép viết và phép toán.

Quy định luật lệ.

Hạ lệnh cho quần thần bàn về chức vụ của các quan ở các lộ và các trấn. Lại quy định luật lệ về kiện tụng, điển lệ về tước phong và phẩm trật.

Lời chua - Chức quan ở các lộ, các trấn: Theo Lê sử lược đàm, thì Thái Tổ cắt đặt quan chức phần nhiều nơi theo phép cũ của nhà Trần và nhà Hồ, lại dùng xen cả điển lệ nhà Minh. Các quan ở trấn và lộ, vẫn có chức An phủ, võ có chức Trấn phủ, coi quản công việc thuộc về quân và dân. Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến

¹ Xem Chính biên XIII, 15.

chương của Phan Huy Chú, thì các quan nhận chức ở ngoài, hàng lộ có An phủ sứ và An phủ phó sứ, hàng trấn có Tuyên phủ đại sứ và Tuyên phủ sứ.

Luật lệ về kiện tụng: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hồi đầu đời Lê xen dùng cả luật pháp nhà Đường, đặt làm quy tắc và thể lệ hình danh: tội đánh bằng roi có 5 hạng; tội đồ có 3 hạng; tội lưu có 3 hạng, phân biệt ở chỗ là lưu đi cận châu (Nghệ An), viễn châu (Bố Chính) và ngoại châu (Tân Bình); tội xử tử có ba hạng.

Gặp trường hợp phạm nhân được vin vào một tiêu chuẩn trong bát nghị¹ thì trước hết phải tâu lên vua để xin cho bàn xét luận tội, bàn xét luận tội xong rồi, lại tâu lên vua để xin ý kiến định đoạt.

Hạng bầy tội kỳ cựu có công lao (như đã theo khởi nghĩa, đã chịu gian khổ ở núi Chí Linh, chưa từng lẩn trốn lần nào) mắc tội đồ hoặc lưu, mà từ ngũ phẩm trở lên thì được miễn giam giữ và miễn bắt làm việc. Còn mọi người khác đều không được hưởng lệ miễn này. Con cháu những nhà được liệt vào hạng "nghị công"² mà phạm tội thì được vin vào công lao của ông cha, sẽ cho giảm nhẹ.

Quan viên, quân, dân nếu phạm tội mà là sơ hở lầm lỡ, thì từ tội lưu trở xuống được phép chuộc tội.

Phạm kẻ phạm tội đồ tội lưu, khi đang phát vắng ở dọc đường mà gặp dịp ân xá thì cũng được tha đúng như pháp luật.

Phạm người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hoặc là phế tật³ mà phạm tội lưu trở xuống thì được phép chuộc tội. Người từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hoặc là hạng đốc tật⁴ thì được giảm nhẹ dần dần.

Phạm kẻ can phạm mà tội chưa phát lộ, đã tự thú trước thì được tha tội.

Phạm kẻ lấy trộm tiền tài hoặc đồ vật của người ta mà biết thú tội và trả lại cho tài chủ⁵ cũng được tha tội như đã lên quan mà tự thú.

Phạm kẻ lầm lỡ làm hỏng việc công mà biết tự kể ra, cũng được tha tội.

Phạm tố cáo được vua âm mưu làm phản, âm mưu làm những việc đại nghịch bất đạo và tố cáo kẻ nào đã tiết lộ việc trọng đại của nhà nước thì được thưởng tước ba tư⁶.

Phạm cáo tố được những vụ ẩn lậu ruộng đất và bãi phù sa thì được thưởng một phần ba mươi trong số ruộng đất và bãi đã phát giác ấy.

Phạm con cháu mà chịu đánh roi thay cho ông bà cha mẹ thì được giảm xuống một bậc.

¹ Tám điều đáng bàn xét lại để ân xá hoặc ân giảm cho phạm nhân: 1- **Nghị thân**, đáng bàn xét vì có họ thân với nhà vua; 2- **Nghị cố**, đáng bàn xét vì là chỗ cố cựu với nhà vua; 3- **Nghị hiển**, đáng bàn xét vì là bậc hiển đức; 4- **Nghị năng**, đáng bàn xét vì là bậc tài năng; 5- **Nghị công**, đáng bàn xét vì là người có công lao; 6- **Nghị quý**, đáng bàn xét vì là quan cao chức trọng từ nhị tam phẩm trở lên; 7- **Nghị cần**, đáng bàn xét vì là người siêng năng; 8- **Nghị tân**, đáng bàn xét vì là tân khách của nhà vua, chẳng hạn như người giữ hương hỏa thờ cúng các vua triều trước.

² Xem chỗ chú giải về "bát nghị" ở trên.

³ Tức là "bất cụ", như mù, què, câm, điếc,...

⁴ Những người tàn tật như đui, què, câm, điếc, hoặc mất trí khôn,...

⁵ Tức là chủ sở hữu.

⁶ Xem chú giải ở Chính biên VII, 4; X, 18.

Lại đặt thể lệ chuộc tội trượng¹, đồ, lưu bằng tiền có tầng bậc khác nhau. Lại quy định 32 điều luật trong chương "Điền sản".

Điều lệ tước phong và phẩm trật: Tức là chức quan văn võ. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32-33).

Hạ lệnh cho các đại thần ai nấy tiến cử những người hiền lương, chân phương, chính trực.

Nhà vua dụ bảo hễ ai tiến cử được người xứng đáng thì cho thăng chức và ban thưởng; nếu vì chuyện tây vị chạy vạy, tiến cử người dở, sẽ bị khép tội theo luật lệ.

Nhà vua ra sắc chỉ hỏi các văn võ đại thần: "Trẫm có tài đức gì mà được Trời tựa? Tại sao làm nên được sự nghiệp lớn này? Và lại, sự vụ trong triều bây giờ, việc nào nên trước, việc nào nên sau? Trong các bầy tôi ở triều đình, ai có thể gánh nổi trách nhiệm nặng nề, giao phó cho sứ mạng trọng đại ở ngoài nghìn dặm? Và ai có thể làm người phụ đạo Thái tử?"

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính và Từ Vĩnh Đạt lại đem sắc thư sang dụ bảo bên ta phải tìm lập con cháu họ Trần và đòi ta phải trả lại nhà Minh đủ cả số quan lại quân lính đã bị bắt và số vũ khí đã bị giữ lại. Khi bọn La Nhữ Kính trở về, nhà vua lại sai bọn Thiêm sự Hà Lật và Lang trung Đỗ Như Hùng đem biểu nhà Minh sản vật địa phương và người vàng thể mạng, tâu lại cho nhà Minh biết rằng con cháu họ Trần thực không còn ai nữa; đến như số quan quân nhà Minh bị bắt và số khí giới nghi trượng bị tước sẽ xin tiếp tục nộp trả.

Nhà vua, khi mới khởi binh, bị người Minh đánh úp, lạc mất một người con gái nhỏ, mới 9 tuổi. Nội quan Minh, Mã Kỳ, bắt được và nuôi người con gái ấy, rồi đem về Yên Kinh, tiến làm nữ tì nhà quan. Đến đây, nhà vua đưa biểu trần tình xin cho con về. Nhà Minh trả lời rằng người con gái ấy đã chết vì bệnh đậu mùa.

Tháng 11. Bọn Trần Phong và Lương Nhữ Hốt âm mưu làm phản, bị giết chết.

Bọn Trần Phong và Lương Nhữ Hốt đã đầu hàng với tư cách là người bản thổ, làm quan với Minh. Chúng đều được tha tội cả. Đến đây, chúng lại ngầm sai đồ đảng lén đi đường tắt, đem thư bí mật ước hẹn người Minh lại sang xâm lược để chúng làm nội ứng. Việc lộ liễu. Nhà vua cho bá cáo việc này với trong Kinh đô và ngoài các lộ rồi giết chết chúng.

Hạ chiếu cho làm sổ điền và sổ hộ; đặt chức xã quan².

Trước đây, nhà vua cho kiểm tra các thứ thổ sản như đồng, sắt, dâu, gai, tơ, lụa, keo, sơn, trám, sáp ong, dầu, muối, tiêu³, dây mây và những hạng điền sản đáng nên sung công như của các nhà ngục quan⁴, của những hộ tuyệt tự, và của hạng lính đào ngũ, hết thảy đều phải ghi rõ số mục kê trình đầy đủ để nhà vua biết. Đến đây, lại phê chuẩn cho quan lại các châu, các huyện, các trấn và các lộ khám xét từng hạng sản vật và thuế khóa về chằm, bãi, ruộng đất và vàng bạc luôn với các điền sản bị sung công, mỗi hạng số lượng bao nhiêu phải làm thành sổ: kể từ trung tuần tháng 2 năm tới là năm Kỷ Dậu (1429) phải đệ trình lên. Sổ hộ thì gia hạn cho đến tháng 4 năm Quý Sửu (1433). Khi sổ sách làm xong, sẽ bắt đầu đánh thuế.

Lại đặt xã quan: Xã lớn từ 100 người trở lên, có 3 xã quan; xã bậc trung từ 50 người trở lên, có 2 xã quan; xã nhỏ từ 10 người trở lên, có 1 xã quan.

¹ Đánh bằng gậy, to gấp đôi roi. "Trượng" là một hình phạt nặng hơn hình phạt đánh bằng roi.

² Chức quan đứng đầu một xã.

³ Một loại khoáng vật, kết tinh và thấu sáng như pha lê dùng làm thuốc súng và chế pha lê.

⁴ Chỉ những người bản quốc làm quan với Minh.

Tháng 12. Sửa điện Kính Thiên; làm điện Vạn Thọ, điện Cần Chính, điện Tả và điện Hữu.

Lời chua - Điện Kính Thiên: Theo Cổ Lê đã lục thì điện này ở trên đỉnh núi Nùng. Núi Nùng ở trong tỉnh thành Hà Nội ngày nay.

Đặt quy chế về các khí giới và nghi trượng trong quân.

Bấy giờ trong quân thủy và quân bộ chưa có quy chế hẳn hoi về cờ xí, khí giới, nghi trượng và thuyền bè.

Nhà vua bèn bàn luận rồi quy định:

Trung đội: Cờ vàng

Thượng đội: Cờ đỏ

Hạ đội: Cờ trắng

Vệ quân mỗi đạo:

Cờ lớn chủ tướng: 1 lá

Cờ vừa: 1 lá

Cờ đội: 10 lá

Cờ nhỏ: 40 lá

Chiến thuyền dùng vào việc hỏa công (hỏa chiến thuyền): 10 chiếc

Thuyền tuần liễn: 2 chiếc

Còn ống hỏa đồng, nỏ cứng, sào dài, áo giáp, lá chắn (cái mộc), thủ tiễn¹, câu liêm, thanh đao thì tùy theo quân số nhiều ít khác nhau.

Lại đổi hỏa đầu làm chánh ngũ trường và phó ngũ trường.

Lời chua - Hỏa đầu: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16 (Chính biên II, 25).

Đúc tiền "Thuận Thiên thông bảo".

Trước kia, khoảng niên hiệu Kiến Trung (1225-1231), nhà Trần quy định thể lệ: mỗi một tiền gồm có 69 đồng, là tiền "gián dụng"²; 70 đồng, là tiền "chính dụng"³. Đến đây, quy định cứ 50 đồng là một tiền.

Bấy giờ có nạn khan tiền¹, có người dâng thư kiến nghị xin dùng tiền giấy thay tiền đồng. Nhà vua bèn hạ chiếu cho các đại thần và trăm quan hội họp bàn luận để tìm cách thi hành. Bài chiếu đại lược thể này:

¹ Tên bản bằng tay. Theo *Bội văn vận phủ*, quyển 76, thượng, tờ 15b, thì bề dài của tên không đầy một vò tay, thường để trong áo giáp, khi gặp quân địch, bấy giờ người ta mới tung ra hàng trăm chiếc tên rồi vung roi cho bắn đi, có khi lấy ngón tay kẹp luôn mấy chiếc tên mà phóng ra.

² *Cương mục chính biên VI*, 4 chép là tiền "tính mạch" (mỗi tiền bớt một đồng) và tiền "thượng cung" (cung ứng cho bề trên tiêu dùng). Đến đây *Cương mục* lại chép là tiền "gián dụng" và tiền "chính dụng". Sở dĩ có sự không thống nhất như vậy, là vì *Cương mục* đã nhận lầm về lời chiếu này của Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (1226): "Dân gian dùng" (dân gian dụng) với nhau thì một tiền là 69 đồng: "dùng chính thức về việc công" (chính dụng) thì 70 đồng. (Xem *Toàn thư X*, 63b).

³ *Cương mục chính biên VI*, 4 chép là tiền "tính mạch" (mỗi tiền bớt một đồng) và tiền "thượng cung" (cung ứng cho bề trên tiêu dùng). Đến đây *Cương mục* lại chép là tiền "gián dụng" và tiền "chính dụng". Sở dĩ có sự không thống nhất như vậy, là vì *Cương mục* đã nhận lầm về lời chiếu này của Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 2 (1226): "Dân gian dùng" (dân gian dụng) với nhau thì một tiền là 69 đồng: "dùng chính thức về việc công" (chính dụng) thì 70 đồng. (Xem *Toàn thư X*, 63b).

"Thứ tiền đồng cổ đã bị người Hồ² tiêu hủy chỉ còn một phần trăm; đến nay trong mọi việc quân, việc nước, luôn luôn tỏ ra thiếu thốn eo hẹp. Bây giờ muốn tìm cách làm cho tiền tệ được lưu thông để cho nhân dân được tiện dùng, há chẳng khó khăn sao? Mới đây có người dâng thư xin dùng tiền giấy để thay tiền đồng. Trẫm từng sớm hôm suy nghĩ, vẫn chưa tìm được mấu chốt để làm việc này. Vì rằng tiền giấy là vật vô dụng mà đem lưu hành giữa nhân dân là những người hữu dụng thì thật không phải là lòng yêu dân và biết dùng tiền. Vậy hạ lệnh cho các khanh họp bàn kỹ càng tế nhị để cho việc làm được ổn thỏa".

Lời chua - Tiền giấy: Tống sử chép: "Nữ Chân³ vì khan đồng, nên theo phép "giao tử"⁴ của nhà Tống, làm ra tiền giấy gọi là "sao dẫn". Loại gọi là "đại sao" (tiền giấy lớn) có 5 hạng: 1 quan, 2 quan, 3 quan, 5 quan và 10 quan⁵; loại gọi là "tiểu sao" (tiền giấy nhỏ) cũng có 5 hạng: 100, 200, 300, 500 và 700⁶. Những tiền giấy này đồng thời cũng được lưu hành với các tiền đồng, cứ 7 năm là một hạn (lại đem nộp tiền giấy cũ đổi lấy tiền giấy mới)⁷.

Kỷ Dậu, năm thứ 2 (1429). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm rượu và cờ bạc.

Bây giờ nhiều người du thủ du thực thường hay uống rượu, đánh bạc nên nhà vua chỉ dụ nghiêm cấm: đánh bạc, bị chặt 3 đốt ngón tay, đánh cờ vây⁸, bị chặt một đốt, không có việc gì mà quần tụ uống rượu thì được giảm tội xuống một bậc.

Lập con là Tư Tề làm Quốc vương, Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Nhà vua sai Lê Vãn, Lê Ngân và Lê Văn Linh đem ban kim sách⁹ lập con trưởng là Tư Tề làm Quốc vương, tạm quyền coi quản việc nước; sai Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lý và Lê Quốc Hưng đem ban kim sách¹⁰ lập con thứ là Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Lại sắc sai các bầy tôi và liêu thuộc ở trong kinh đô và ngoài các lộ: hễ có công việc gì trình bày với Tư Tề thì tôn xưng là Quốc vương điện hạ. Còn Quốc vương và Thái tử có văn thư gì truyền ra thì gọi là "chỉ huy"¹¹.

¹ Nguyên văn là "tiền hoang", tức như ngày nay gọi là "khủng hoảng tiền tệ".

² Chỉ triều nhà Hồ.

³ Nữ Chân là tên một chủng tộc, cư trú ở một dải Tùng hoa giang về phía đông bắc Trung Quốc. Hồi cuối Bắc Tống (960-1126), Nữ Chân lập thành nước Kim, rồi diệt Liêu (916-1201), đánh Tống, thế lực rất cường thịnh; về sau bị diệt trước sức mạnh của nhà Nguyên.

⁴ Khoảng giữa niên hiệu Khánh Lịch (1041-1048) nhà Tống, người đất Thục vì thấy tiền sắt nặng quá, không tiện trong việc lưu thông, nên tự làm riêng một thứ khoản phiếu để tiêu với nhau, gọi là "giao tử". Khấu Hàm nhân đó mới sáng lập ra Giao Tử vụ ở Ích Châu, đó là bước đầu tiên của Trung Quốc phát hành và tiêu dùng tiền giấy (theo Từ Nguyên).

⁵ Tống sử dẫn trong Từ Nguyên trang 1519, thì loại "đại sao" chia làm 5 hạng: Từ 1 quan đến 5 quan, chứ không có hạng 10 quan.

⁶ Con số 5 hạng "tiểu sao" này, Cương mục, cũng như Lịch triều hiến chương và nhiều từ thư khác, chỉ chép trống là "nhất bách, nhị bách, tam bách, tứ bách, ngũ bách, thất bách", chứ không nói rõ đơn vị của từng hạng ấy là gì. Nhưng nay xét: Đó có lẽ là số đồng tiền, chứ không phải quan tiền, vì nó là "tiểu sao", tất phải nhỏ hơn "đại sao". Vậy có thể là 100 đồng, 200 đồng, 300 đồng, 500 đồng, 700 đồng.

⁷ Đây là "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, nên mới thêm mấy chữ trong hai ngoặc đơn để cho sáng nghĩa, chứ như Cương mục thì chỉ chép là "dĩ thất niên vi hạn" (cứ 7 năm là một hạn).

⁸ Cờ mỗi bên có 100 quân; khi đánh, đặt từng quân một để bao vây lẫn nhau.

⁹ Sách: Bài văn của vua dùng để biểu dương tư cách và bày tỏ lý do người được phong tước Kim sách: có nghĩa bài sách viết chữ vàng hoặc quý hơn vàng.

¹⁰ Sách: Bài văn của vua dùng để biểu dương tư cách và bày tỏ lý do người được phong tước Kim sách: có nghĩa bài sách viết chữ vàng hoặc quý hơn vàng.

Sau đó nhà vua ban chiếu đại lược nói: "Cha gây dựng, con làm theo: đạo nhà càng thêm thịnh vượng; anh kế thừa em tiếp tục: gốc nước càng được vững vàng. Những vua hiền triết xưa lo tính công việc thật là sâu sắc và trông xa.

"Trẫm đây chính mình đã mặc áo giáp, đội mũ trụ, tắm gió gội sương hàng mười ba năm, cũng đã nhọc lắm. Nay tuổi tác ngày cao, sức lực muốn kém, hàng ngày muôn việc bận bịu thật khó một mình làm xuể.

"Trẫm đã nghĩ kỹ: Người xưa chấp kinh mà có lúc tòng quyền, cũng hợp đường lối của thánh hiền, lập anh trước rồi truyền em sau, vẫn kéo dài được ngôi bảo tộ, cốt sao châm chước cho hợp thời, rồi đặt làm phép nhất định.

"Tư Tề, tuổi ngoài hai mươi², đã đủ tư cách thành nhân, dẫu suy nghĩ chưa được sáng suốt chu đáo, nhưng đối với sự vụ và cơ nghi, cũng rất biết học tập rạch ròi. Như vậy chính là đáng nên tạm quyền coi quản việc nước để giúp đỡ trẫm.

"Nguyên Long tính chất tuy thông sáng, nhưng tuổi còn non trẻ, hãy nên để cho gây nuôi ở chốn thanh cung, đợi ngày thành tài".

"Vậy nếu Tư Tề vào coi triều để xét xử chính sự, thì Nguyên Long làm việc coi giữ nhà nước, vỗ về quân đội, noi theo như chuyện Triệu Tống³ xưa".

Nhà vua lại còn làm bài Huấn phạm để răn bảo Tư Tề và Nguyên Long.

Lời phê - Việc Tống Thái Tổ (968-975) nghe theo lời tư vị⁴, gây nên tai vạ về sau⁵, có gì đáng làm gương mẫu!

Lời chua - Chuyện Triệu Tống xưa: Theo Tống sử thì Tống Thái Tổ (968-975) vâng theo lời Đỗ Thái Hậu⁶ dặn lại khi sắp chết, anh em theo thứ tự truyền ngôi cho nhau.

Hạ chiếu lựa con các quan văn võ vào hầu Thái tử học tập và đến nhà Quốc học để theo học.

Các con từ 9 đến 15 tuổi của quan võ từ chức Quản lĩnh và quan văn từ chức Hành khiển trở lên đều được vào hầu Hoàng thái tử học tập. Các con từ 9 đến 17 tuổi của quan võ từ Đồng tri xuống đến Đại đội trưởng, và của quan văn từ Thượng thư xuống đến Thất phẩm đều được vào nhà Quốc học theo đuổi việc học.

Lời chua - Thượng thư: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì đầu thời Lê, sự xếp đặt quan chức, mới chỉ có một bộ Lại và bộ Lễ⁷, ngôi vị chức Thượng thư của hai bộ này ở dưới Hành khiển.

¹ Trong Việt sử thực lục của nhà Lê, mỗi khi nói đến lời sắc hay lời dụ của vua Thuận Thiên bấy giờ, thường chép là "chỉ huy" có nghĩa là "ban bố mệnh lệnh". Đò chừng là vua Lê ban đầu khiêm tốn, chỉ xưng "đại vương" chứ không xưng "hoàng đế", nên mới dùng hai chữ "chỉ huy" để thay cho "sắc" hay "dụ". Có lẽ vì thói quen của đương thời, nên đây cũng dùng danh từ "chỉ huy" để dành cho quốc vương và hoàng tử.

² Nguyên văn là "nhược quán". Theo lễ xưa, con trai đến 20 tuổi, làm lễ đội mũ (quán), tỏ ra là có tư cách thành nhân, nhưng vì thể chất hãy còn chưa cường tráng, nên mới gọi "nhược".

³ Vua đầu nhà Tống là Triệu Khuông Dận, nên mới gọi là Triệu Tống (nhà Tống họ Triệu).

⁴ Chỉ lời thiên vị của Chiêu Hiến thái hậu dặn lại: Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông, Thái Tông truyền ngôi cho Đinh Mỹ rồi đến Đức Chiêu bắt đặc kỳ tử, Đức Phương chết non; còn Tần Vương Đinh Mỹ thì bị Tống Thái Tông nghi kỵ, biếm truất ra Phòng Châu rồi lo buồn mà chết, điển thành một tấm thảm kịch trong hoàng gia triều Tống!

⁵ Chỉ lời thiên vị của Chiêu Hiến thái hậu dặn lại: Tống Thái Tổ truyền ngôi cho Thái Tông, Thái Tông truyền ngôi cho Đinh Mỹ rồi đến Đức Chiêu bắt đặc kỳ tử, Đức Phương chết non; còn Tần Vương Đinh Mỹ thì bị Tống Thái Tông nghi kỵ, biếm truất ra Phòng Châu rồi lo buồn mà chết, điển thành một tấm thảm kịch trong hoàng gia triều Tống!

⁶ Tức Chiêu Hiến thái hậu.

⁷ Xem thêm Chính biên XIX, 1.

Quản lãnh, Đại đội trưởng: Theo Chức quan chí trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì hạng võ từ Quản lãnh, Đồng tri đến Đại đội trưởng đều là chức cao.

Quy định phép chia ruộng.

Nhà vua cho rằng những kẻ dong chơi lười biếng phần nhiều chiếm hữu ruộng đất; còn những người chiến đấu thì không có một tấc đất nào. Thế là giàu nghèo chênh lệch không đều, lấy gì để khuyến khích hạng người siêng năng làm việc được. Nhà vua bèn ra lệnh cho các đại thần bàn định về việc cấp ruộng: từ đại thần xuống đến hạng người già yếu, mồ côi, góa bụa đều phân ra từng hạng mà chia ruộng, rồi tâu vua biết.

Lời phê - Công cuộc sáng nghiệp (của vua Lê) có quy mô hãn hoi, tuy chưa đến được bậc có văn hiến¹ rõ ràng, nhưng đã làm được nhiều việc khả quan, dần dần đã biến đổi được những thói què kệch của nhà Lý, Trần. Nhà Lê được hưởng ngôi báu lâu dài, chính vì thế đó.

Lời cần án - Theo "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê chế độ ruộng đất chia theo cấp bậc ra sao, không thể biết tường tận được. Nhưng đại khái thế này: những ruộng đem chia cấp ấy đều là số ruộng công cả, còn những ruộng tư ở dân gian có lẽ chưa từng thu lấy mà chia cấp.

Lại theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì, hồi đầu Lê, chế độ cấp ruộng lộc điền thế nào, không thể khảo cứu được, nhưng thấy người cháu xa đời của Chiêu Huân công² Nguyễn Công Duẩn³ xuất trình gia phả họ Nguyễn trong có chép một bài chiếu về việc cấp ruộng lộc điền cho khai quốc công thần để năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), trong bài chiếu này nói cho phép thu lấy các trang trại và ruộng tuyệt tự của nhà thế gia triều đại trước cùng với số ruộng đất bỏ hoang ở các xã thuộc huyện Tống Sơn⁴ để ban cho Công Duẩn làm tư sản cộng 470 mẫu. Đó là chứng cứ ít khi thu lấy những ruộng công đang cày cấy đã đóng thuế mà chia cấp.

Nay kết hợp cả hai thuyết trên mà xem xét, thì có thể biết đại khái rằng sự cấp ruộng cho dân đầu đời Lê là chỉ lấy ruộng đất công, còn lộc điền của công thần cũng lấy ở di sản những nhà thế gia tuyệt tự hay là những ruộng lậu ngoài sổ điền và những ruộng bỏ hoang mà thôi.

Tháng 2. Thao diễn quân đội một cách vĩ đại. Chia quân cho về làm ruộng.

Trước kia, khi ra Đông Đô, nhà vua có dụ bảo tướng sĩ rằng: "Số quân hiện tại của ta nay có 35 vạn, đợi khi nào khôi phục được Đông Đô, bấy giờ sẽ cho 25 vạn về làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn quân ở lại làm việc phòng thủ và bảo vệ đất nước. Đến đây, sắc sai các vệ quân ở 5 đạo⁵ đều diễn tập thủy chiến và lục chiến. Việc xong rồi, chia quân làm năm phiên: một phiên lưu lại tại ngũ, còn bốn phiên cho về làm ruộng.

Sắc sai Đại thần và Hành khiển: hể thấy điều lệ và mệnh lệnh có gì bất tiện, nên đem tâu ngay.

Ra sắc dụ các Đại thần và chức Hành khiển: "Hể thấy có điều lệ và mệnh lệnh của trẫm có gì bất tiện cho quân đội và nước nhà hoặc bắt làm những việc sai dịch không cần thiết, hoặc đánh thuế nặng sưu cao thì nên tâu động⁶ ngay để sửa chữa lại".

¹ Đây là nghĩa cổ: văn, chỉ sách vở, kinh điển; hiến, chỉ những người hiền tài.

² Tước của Nguyễn Công Duẩn.

³ Về chữ "Duẩn" này, Hán văn viết "ngọc bên chữ Duẩn là mắng". Cương mục cứ cho rằng: "Xét trong Tự điển và cả phần Bị khảo lẫn phần Bồ di đều không thấy có chữ này, vậy không rõ âm gì". Nay dịch giả xin tạm phiên là Duẩn cho tiện đọc.

⁴ Nay là huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Năm Bính Ngọ (1426) Bình Định vương Lê Lợi chia Đông Đô làm bốn đạo, tức là Tây đạo, Đông đạo, Bắc đạo, Nam đạo (xem Chính biên XIII, 32); đến năm Mậu Thân (1428) lại đặt thêm Hải Tây đạo, gồm thành năm đạo (xem Chính biên XV, 5).

⁶ Tàu động: Tiếng cổ, có nghĩa như tâu trình.

Đặt chức quan Ngự sử đài¹.

Đây là nơi theo chế độ nhà Trần: chức Trung thừa, Phó trung thừa thì dùng An phủ ở lộ sung vào; chức Điện trung thị ngự sử thì dùng chuyển vận ở huyện và giáo thụ ở lộ sung vào; chức Giám sát ngự sử² thì dùng thuộc quan ở tòa Trung thư sung vào.

Nhà vua dụ rằng: "Hễ thấy trăm có chính sự hà khắc làm hại dân, thường phạt không đúng phép và quan lại lớn bé không giữ phép công thì nên kíp dâng giấy tờ lên đàn hặc. Nếu ai tư vị nể nang, buông thả dong tủng hoặc chỉ chăm nhằm những việc nhỏ nhặt hay là bắt bóng nói càn thì đều phải tội".

Ra lệnh bắt Hữu tướng quốc Lê Hãn để giao quan lại xét hỏi. Lê Hãn tự sát.

Là dòng dõi tư đồ Trần Nguyên Đán, Hãn có học thức, giỏi binh pháp, giúp Lê Thái Tổ khởi nghĩa, ngày càng được yêu thương hậu đãi, thường được dự bàn những việc bí mật; theo đi trận mạc, đến đâu cũng lập được chiến công đấy.

Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1 (1428), tướng lục công thần, Hãn được gia phong Hữu tướng quốc, cho lấy theo họ Lê. Công lao và danh vọng của Hãn thật cao tột. Hãn có nói riêng với người thân tín rằng: "Nhà vua có tướng như Việt vương Câu Tiễn: không thể cùng hưởng yên vui sung sướng được!".

Hãn xin về hưu, được nhà vua ưng thuận; nhưng vì là dòng dõi nhà Trần nên bị nghi kỵ. Khi đã về ấp Sơn Đông, sống trong cảnh quê hương, Hãn xây dựng phủ đệ, đóng thuyền không giữ gìn hình tích. Những kẻ tăng công gièm pha với nhà vua rằng Hãn mưu toan làm phản. Nhà vua tin lời, ra lệnh cho lực sĩ đến bắt. Khi thuyền đi đến bến Sơn Đông, Hãn tự trầm chết.

Lời chua - Sơn Đông: **Tên ấp, nay thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây³.**

Tháng 5, mùa hạ. Phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần.

Bây giờ có 93 người được phong tước:

Huyện Thượng hầu, 3 người: Lê Văn, Lê Sát, Lê Văn Xảo.

Á Thượng hầu, 1 người: Lê Ngân.

Hương Thượng hầu, 3 người: Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng.

Đình Thượng hầu, 14 người: Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Miễn, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đính, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Như Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Bật.

Huyện hầu, 14 người: Lê Bị, Lê Bì, Lê Phủ, Lê Náo⁴, Lê Thụ, Lê Lôì, Lê Khả, Lê Bồi, Lê Lang⁵, Lê Xí, Lê Khuyến, Lê Bí, Lê Quốc Trinh, Lê Bật;

Á hầu, 26 người: Lê Lạn, Lê Trãi, v.v...;

Quan nội hầu, 16 người: Lê Thiệt, Lê Chương,...

Quan phục hầu, 12 người: Lê Cuống, Lê Dao (Diêu)...

Thượng trí tự trước phục hầu, 4 người: Lê Khắc Phục, Lê Hải, v.v...

¹ Có quan có nhiệm vụ can gián nhà vua và đàn hặc các quan. Trung thừa, Phó trung thừa, Thị ngự sử đều là các chức quan trực thuộc Ngự sử đài.

² Nhà Lê đặt mỗi đạo một giám sát ngự sử, như vậy có 13 giám sát ngự sử.

³ Bây giờ là huyện Lập Thạch thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

⁴ Toàn thư X, 67 chép là Nào (chữ Nôm).

⁵ Toàn thư X, 67 chép là Lê Khả Lang.

Quy định rõ về phẩm trật quan giai văn võ: hàng văn từ quan nội hầu, đại hành khiển, và quan phục hầu trở lên, hàng võ từ thượng tướng, tước trí tự, và trước phục hầu trở lên đều được phép mặc phẩm phục màu lụa pha đỏ¹.

Nhà vua ra tờ dụ: "Trẫm, khi mới dấy nghĩa binh, phải lặn suối trèo non, trải bao hiểm trở; bấy giờ ai đã đem gia quyến đi theo trẫm từ Mường Thôi², Bồ Đẳng, Chí Linh và Khả Lam thì tên họ được ghi trong Ký công sách³, con cháu trừ số đã làm quan, còn nếu không can án phạm pháp, đều được miễn sai dịch".

Lời cần án - Về việc này, **Sử cũ** chép là "Khắc biển công thần 93 người". Theo **Thông sử** của Lê Quý Đôn thì, năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) tướng lục các công thần, theo thứ bậc cao thấp khác nhau là: huyện Thượng hầu, á Thượng hầu, hương Thượng hầu, đình Thượng hầu, quan nội hầu, quan phục hầu, ... Vậy nay xin đính chính theo **Thông sử** (của Lê Quý Đôn).

Lời chừa - Liệt hầu: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, khi Thái Tổ đã dẹp yên đất nước, phong mọi tước hầu (liệt hầu) cho các công thần, gồm có 9 bậc:

Thứ nhất: Huyện thượng hầu.

Thứ hai: Á thượng hầu.

Thứ ba: Hương thượng hầu.

Thứ tư: Đình thượng hầu.

Thứ năm: Huyện hầu.

Thứ sáu: Á hầu.

Thứ bảy: Quan nội hầu.

Thứ tám: Quan phục hầu.

Thứ chín: Trước phục hầu.

Lại theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì, đầu đời Lê, sự ban chức tước có nhiều cấp bậc, gồm 12 hạng:

1. Trí tự
2. Đại trí tự
3. Thượng trí tự
4. Trước phục hầu
5. Quan phục hầu
6. Quan nội hầu
7. Á hầu
8. Huyện hầu
9. Hương hầu
10. Đình thượng hầu

¹ Nguyên văn là "phi". Đây dịch theo định nghĩa của **Cương mục**. Còn theo **Từ Hải** (trang 1052) thì "phi" là màu đỏ; theo từ điển tứ giác (trang 109), là màu đỏ tươi.

² Hán văn in là "Mang Thôi" (chữ mang: bộ tâm bên chữ vàng).

³ Bản ghi công lao.

11. Hương thượng hầu

12. Á thượng hầu

Nay xin trình bày cả hai để tham khảo.

Phi: Màu lục pha đỏ. Theo phần "Xa phục chí" trong Đường thư thì chế độ lễ phục¹ quy định là: từ ngũ phẩm trở lên đều được dùng màu lục pha đỏ (phi).

Mường Thôi: Xem Bình Định vương năm thứ 3 (Chính biên XIII, 13-14).

Bồ Đằng: Có tên là Bồ Liệp. Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chính biên XIII, 20-21).

Chí Linh: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 3).

Khả Lam: Không rõ ở đâu.

Hạ chiếu cho tiến cử những người hiền năng còn bị bỏ sót.

Nhà vua hạ chiếu: "Những bậc hào kiệt trong thiên hạ vì sót lọt chìm lịm không ai tiến cử, hoặc có kẻ thù hấn chèn ép mà bị che đậy dập vùi, không bởi đâu lộ mình ra được. Vậy ai nấy đều được phép đến chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh để xét rõ sự thực rồi tâu lên để bổ dụng, chứ không câu nệ là nguy quan, là nhân sĩ hay thứ dân, miễn chỉ chuộng lấy người có tài có đức.

Thi minh kinh.

Trước kia, sắc sai các quan văn võ trong kinh đô và ngoài các lộ từ tứ phẩm trở xuống, văn thì thông kinh sử, võ thì thông Vũ kinh: đến tháng 5, năm sau, tất cả đều họp tập đông đủ ở Đông Kinh để dự kỳ khảo thí theo môn học của mình. Đến đây, nhà vua mở khoa minh kinh, lại sắc sai quân nhân các lộ và những người ẩn dật ở rừng núi để có ai thông kinh sử và giỏi văn nghệ thì đều đến đô sảnh đường, chờ đợi quan trên cùng sát hạch một thể.

Lời chua - Đô sảnh đường: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì đầu đời Lê có đặt ra ba sảnh là Trung thư, Môn hạ và Hoàng môn. Đây chép "đô sảnh đường" có lẽ tức là chỗ nha môn của ba sảnh này.

Lại theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, đầu đời Lê, noi theo chế độ đời Trần, đặt ra ba sảnh: Thượng thư sảnh thì giữ về vụ quan chức; Trung thư sảnh thì thương lượng bàn bạc mọi việc rồi mới ban bố thi hành.

Vậy nay xin trình bày ra cả đây để tham khảo.

Tháng 6. Thi các tăng đạo.

Sắc sai các tăng đạo: để ai thông kinh điển, cẩn thận giữ được giới hạnh thì đến sảnh đường² để sát hạch: nếu trúng tuyển thì sẽ được cấp cho tờ thiếp³ chứng nhận làm sư; còn thì phải hoàn tục.

Hạ chiếu cho các quan từ tam phẩm trở lên được phép tiến cử người hiền tài.

Tờ chiếu đại lược nói: "Trẫm nghĩ: làm được thịnh trị cốt ở kiếm được người hiền; muốn được người hiền, phải do mọi người tiến cử. Vì thế, người cầm quyền trong thiên hạ tất phải cho việc này là cần kíp trước nhất.

"Trẫm nay phải gánh trọng trách, sớm hôm kính cẩn lo sợ như người đứng bên vực sâu! Đó chính vì cơ chưa tìm được người hiền tài để giúp việc trị nước.

¹ Nguyên văn là "khóa tập", có nghĩa là áo mặc của kỵ sĩ (kỵ phục) hoặc áo mặc đi trận (nhung y). Nhưng theo Từ Nguyên trang 1.346 thì thứ áo này, đời Nam triều (420-589) dùng làm lễ phục, nên dịch là "lễ phục" cho dễ hiểu.

² Xem Lời chua về "đô sảnh đường" của Cương mục ở Chính biên XV, 23.

³ Tức như cái thẻ.

"Vậy ra lệnh cho các đại thần văn võ, các công hầu và các đại phu từ tam phẩm trở lên: ai nấy được để cử một người. Còn ai hoặc có tài kinh tế¹ mà phải chèn ép ở cấp dưới, hoặc là hào kiệt tài giỏi mà bị vùi dập ở nơi đồng nội thì cũng cho phép tự tiến cử lấy mình.

"Xưa, Mao Toại xuất đầu lộ diện, tự tiến mình để theo giúp Bình Nguyên quân². Ninh Thích gõ sừng trâu, mượn bài hát để tỏ khí mà cảm được Tề Hoàn công phải trọng dụng. Như thế người xưa có từng câu nệ ở tiểu tiết đâu? Vậy các bậc hiền giả chớ ngại mang tiếng đem ngọc bán rao để trẫm khỏi phải than phiền về việc thiếu nhân tài!"

Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ nhà Minh lại sai bọn Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt đến Đông Đô dụ bảo nhà vua cho lục tìm con cháu họ Trần. Kịp khi sứ nhà Minh trở về, nhà vua ra lệnh cho các đầu mục và các kỳ lão họp nhau làm tờ trạng nói rõ đầu đuôi sự việc, rồi sai bọn Hoàng môn thị lang Đào Công Soạn và Thẩm hình viện sứ Lê Đức Huy đem đồ vàng bạc, theo sứ nhà Minh sang Yên Kinh đệ trình bản trạng văn. Đại lược nói: "Người trong nước chúng tôi đã tìm khắp mọi nơi, nhưng con cháu họ Trần không còn ai cả. Lê Lợi, đại đầu mục của bản quốc, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết đường lối vỗ về yên ủi nhân dân, rất được lòng dân yêu mến, có thể đáng coi quản công việc đất nước".

Vua Minh bảo các thị thần: "Lời lẽ trong bản trạng này chưa vội tin được; phải lại nên cho tìm kiếm con cháu họ Trần". Rồi vua Minh lại sai bọn Công Soạn đem tờ sắc về dụ bảo nhà vua và các đầu mục cùng các kỳ lão lại cứ lòng kiếm con cháu họ Trần, nếu hiện nay quả không còn ai, bấy giờ sẽ lại làm bản tâu trình, mọi người liên danh ký tên để đợi xử trí.

Lời phê³ - Minh Tuyên Tông (1426-1435) xử trí việc này rất đặc thể. Phải lựa chiều đối xử với Minh như thế, Lê Thái Tổ (1428-1433) thật cũng khổ tâm!

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua vào Tây Đô.

Nhà vua đi vào Tây Đô, bái yết các lăng tẩm. Thường cho các tướng hiệu đi hộ giá: mỗi người, về phong tước được thêm một tư⁴.

Lời chua - Tây Đô: Xem Trần Đế Ngổ, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chính biên XII, 16).

Tháng 12. Tặng phong Thiếu úy Lê Lai làm Thái úy.

Trước kia, nhà vua bị quân Minh bao vây bức bách, phải long đong lao đao ở nơi hang núi. Nhà vua có hội họp các tướng, bàn việc thay đổi áo bào như chuyện Kỳ Tín ngày xưa⁵. Riêng có Lê Lai hăng hái nói: "Nay bị quân địch bức bách nguy khốn như thế này, ta cứ ngồi yên ở chỗ hiểm nghèo, e chẳng ích gì; nếu làm chước này may ra có thể hòa hoãn tình thế được đôi chút thì, vì lòng yêu vua, người trung thần còn có tiếc gì!". Nhà vua ngược lên trời, nguyện rằng: "Lê Lai đổi áo bào, chịu chết thay để lo tròn báo đáp. Mai sau nếu ta không nhớ nghĩ đến công ấy thì nguyện nơi hành điện sẽ hóa rừng núi, quả ấu bấu sẽ hóa thành cục đồng, thanh thần kiếm sẽ hóa đao binh".

Lê Lai liền quản lãnh quân và voi, xông pha hướng về phía địch, bị giặc bắt và bị giết.

¹ Danh từ "kinh tế" đây theo nghĩa cổ: Có tài trị nước giúp đời (kinh bang tế thế).

² Mao Toại, người thời Chiến Quốc, là khách ăn ở tại nhà Bình Nguyên quân nước Triệu. Khi Triệu bị Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình để cùng đi với Bình Nguyên quân sang Sở cầu cứu. Kết quả là nhờ có Mao Toại uy hiếp thuyết phục được vua Sở nên lời giao ước "hợp tung" để chống Tần được thực hiện, cứu nước Triệu thoát khỏi hiểm nguy.

³ Về việc vua Minh dụ bảo tìm lập con cháu họ Trần và việc Lê Thái Tổ ngoại giao với Minh.

⁴ Xem chú giải ở Chính biên VII, 4 và X, 18.

⁵ Xem chú giải ở Chính biên XIII, 8.

Kịp khi trong nước đã yên, nhà vua tặng phong Lê Lai là Thiếu úy Lũng Nhai công thần. Đến đây, lại tặng phong thêm chức Thái úy, sai Lê Trãi¹ chép lời thề nguyện của nhà vua cất vào trong hòm bằng vàng để tỏ ý ghi nhớ không quên.

Canh Tuất, năm thứ 3 (1430). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 5).

Tháng 6, mùa hạ. Đặt lệ ngạch về thuế khóa. Ban hành luật lệ.

Sai Tổng quản Lê Khôi vào trấn giữ Hóa Châu.

Hóa Châu gần kề Chiêm Thành, nên phải sai người bày tôi có họ thân² đi trấn thủ vỗ về để phòng giữ đất ấy.

Lời chua - Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Chiêm Thành: Xưa là Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên VIII, 20-21).

Đổi Đông Đô làm Đông Kinh, Tây Đô làm Tây Kinh.

Tháng 11, mùa đông. Thổ tù Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh.

Bọn Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái, thổ tù châu Thạch Lâm thuộc Thái Nguyên, mưu định làm phản. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh, tuyển bộ binh ở hành doanh³ Bồ Đề.

Lời chua - Thái Nguyên: Tức Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuần thứ 10 (Chính biên XXI, 19).

Thạch Lâm: Tức Thông Nông. Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 6 (Chính biên IV, 41).

Giết Thái úy Lê Văn Xảo, tịch thu cả nhà.

Văn Xảo là người trộm cả về tài lẫn trí, rất được nhà vua tin dùng. Đã từng làm tướng cầm quân đi đánh dẹp: làm cho An Lão⁴ và Mộc Thạnh⁵ đều phải thua chạy, Văn Xảo lập được nhiều chiến công vẻ vang. Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ 1 (1428), nhận định công lao để ban thưởng: gia phong Văn Xảo làm Thái bảo, ban cho lấy theo họ Lê, rồi lại gia phong làm Thái úy.

Bấy giờ nhà vua đã hơi cao tuổi, lại nhiều tật bệnh. Quốc vương Tư Tê thì nông cuồng càn bậy, Thái tử Nguyên Long thì còn thơ ấu. Thấy Văn Xảo là người Kinh lộ, có danh vọng đối với mọi người, nhà vua sợ rằng, một ngày kia, có lẽ khó kiềm chế được, cho nên đem lòng nghi kỵ. Bọn Trình Hoàn Bá và Lê Quốc Khí đón biết ý ấy, muốn tâng công, nên dâng mật sớ cáo tố rằng Văn Xảo âm mưu làm việc trái phép. Nhà vua tin lời, bắt Văn Xảo phải chết và tịch thu cả nhà.

Tân Hợi, năm thứ 4 (1431). (Minh, Tuyên Đức năm thứ 6).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua tiến quân đến châu Thạch Lâm, thắng trận: Khắc Thiệu phải chạy rồi chết; bắt được Đắc Thái. Kéo quân về.

Châu Thạch Lâm đã dẹp yên. Đem tội trạng của Khắc Thiệu và Đắc Thái báo cáo cho trong kinh đô và ngoài các lộ đều biết.

¹ Tức Nguyễn Trãi, vì đây theo "Quốc tính", nên chép là Lê Trãi.

² Lê Khôi, họ đồng tông với Lê Lợi.

³ Quân Doanh đóng ở dọc đường khi vua đi trận.

⁴ Hai tướng nhà Minh.

⁵ Hai tướng nhà Minh.

Tháng 3. Nhà vua về cung.

Mở khoa thi hoành từ.

Nhà vua ngự ở hành cung Bồ Đề, thi các sĩ tử. Bọn Nguyễn Thiên Tích trúng tuyển, được bổ làm ngự tiền học sinh.

Lời cần án - Về khoa thi hoành từ, **Sử cũ** không chép; còn **Đăng khoa lục** và **Lịch triều hiến chương Khoa mục chí** đều chép cả, nhưng không ghi tháng. Nay xét: thi cử có quan hệ đến điển lễ trọng đại về việc lựa chọn nhân tài, không nên bỏ sót và chép sơ lược, nên nay xin chép vào tháng 3 năm này (Tân Hợi, 1431).

Lời chúa - Khoa thi hoành từ: Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chính biên XXI, 8-9).

Bồ Đề: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 4).

Nguyễn Thiên Tích: Người làng Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du¹.

Tháng 11, mùa đông. Sứ nhà Minh sang.

Trước đây, nhà vua sai bọn Lê Hữu Lãm đem sang Minh tờ biểu của các kỳ mục² và xin phong tước. Vua Minh ưng thuận việc này, sai bọn Hữu thị lang Chương Xưởng và Hữu thông chính Từ Kỳ đem sắc sang phong nhà vua tạm quyền coi quản việc nước An Nam. Khi bọn Xưởng về, nhà vua sai bọn Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyền sang Minh đáp lễ và tạ ơn, giải nộp lễ cống hàng năm là 5 vạn lạng vàng, rồi xin theo thể lệ thuế cống đã đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3 (1370). Từ đó, sứ giả về việc bang giao đi lại không ngắt.

Lời phê - Bấy giờ vì phải lựa xử với nhà Minh cho được việc, nên lễ cống mới phí tổn quá nặng, chứ không được nhẹ như ngày nay³.

Lời chúa - Lệ cống đặt từ năm Hồng Vũ thứ 3: Theo sách Hội điển nhà Minh thì lệ cống gồm có: Các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lụa bạch, hương xông, hương giáng chân⁴, trầm hương, tấc hương⁵, mộc hương, hương vòng đen và quạt giấy.

Tháng 12. Sách Lam Sơn thực lục làm xong.

Trước kia, nhà vua sai cho thần soạn cuốn Lam Sơn thực lục, trình bày công đức chứa chất của ông cha và những nỗi gian nan gây dựng cơ nghiệp đế vương. Đến đây, sách làm xong, nhà vua để tựa đặt ở đầu sách, tự hiệu là Lam Sơn động chủ.

Đèo (Điêu) Cát Hãn, thổ tù châu Ninh Viễn, làm phản. Nhà vua sai Quốc vương Tư Tế và Tư khấu⁶ Lê Sát đi đánh.

Liên kết với Kha Lại, bày tội phản nghịch của Ai Lao, Đèo Cát Hãn lẫn lượt khuấy nhiễu nhân dân ở nơi biên giới. Việc này lên đến triều đình, nhà vua sai tướng đi đánh; kế đó lại định chính mình cầm quân đi dẹp.

Lời chúa - Ninh Viễn: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 17).

Nhâm Tí, năm thứ 5 (1432). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 7).

¹ Nay là xã Nội Duệ thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

² Tờ biểu do các kỳ mục nước ta đứng khai về việc con cháu họ Trần không còn, Lê Lợi được người nước yêu mến, xứng đáng coi quản việc nước (Chính biên XV, 25).

³ Tác giả lời phê này có ý so sánh cống phẩm đời Lê Thái Tổ với đời Tự Đức (1848-1883).

⁴ Cũng gọi "giáng hương", một thứ gỗ thơm, gốc rắn chắc, sắc tía mà nhuần mỡ: khi đốt làm hương, ban đầu không thơm lắm, nhưng được hòa với các mùi hương khác thì nó mới ngào ngạt thơm. Sở dĩ gọi là hương "giáng chân", là vì người xưa theo duy tâm đốt hương này có thể cầu thần linh giáng lâm.

⁵ Xem chú giải ở Chính biên XIV, 24.

⁶ Chức quan trông coi về việc đánh bắt giặc.

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh châu Ninh Viễn, thắng trận: Kha Lại chạy rồi chết, Đèo Cát Hãn lẩn trốn. Nhà vua đặt đất Ninh Viễn là châu Phục Lễ. Tháng 3, trở về cung, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Quan quân chia hai đường thủy bộ cùng tiến, thẳng tới châu Ninh Viễn: cả phá được địch. Kha Lại phải chạy về Lự Động thuộc Ai Lao. Nhà vua ra lệnh cho Lê Sát tiến quân đến đầu địa giới Ai Lao. Người Lào sợ, bèn giết Kha Lại, rồi đến xin hàng tại cửa trại quân ta. Cát Hãn trốn xa. Nhà vua sai bắt hết làm tù binh các bè đảng của hắn. Đặt đất Ninh Viễn làm châu Phục Lễ; rồi hạ chiếu rút quân về, dâng tù binh ở nhà Thái miếu.

Lời phê¹ - Với oai quyền và danh tiếng của Lê Thái Tổ, cần gì phải điều võ dương uy với đám giặc cỏ, tép nhẹp khoe khoang như vậy?

Lời chua - Phục Lễ: Nay là Lai Châu thuộc tỉnh Hưng Hóa².

Lự Động: Thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 11, mùa đông. Đèo Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng. Nhà vua tha tội cho Cát Hãn và phong làm Tư mã.

Quý Sửu, năm thứ 6 (1433). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 8).

Tháng 4, mùa hạ. Sổ hộ tịch đã hoàn thành.

Trước kia, nhà vua sai làm hộ tịch; đến đây, sổ sách đã xong, dâng lên triều đình.

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua đi vào Tây Kinh. Cùng tháng ấy, trở về cung.

Nhà vua đi Tây Kinh, thăm các lăng tẩm.

Quốc vương Tư Tê có tội bị giáng xuống làm Quận vương.

Tư Tê làm nhiều điều cuồng dại, trái nghịch. Nhà vua lấy làm lo lắng, bèn ban dụ rằng:

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu. Thế mà Tư Tê ngang ngược với thần, khinh lờn cả trời, không hiếu thảo với cha mẹ, không noi theo đường lối của các hiền triết xưa. Vậy nay giáng Tư Tê xuống làm Quận vương".

Nhà vua sai Thái tử Nguyên Long coi quản việc nước.

Tờ chiếu đại lược nói: "Trẫm đây tài mọn, đức mỏng, kính vâng mạng trời, ở ngôi đến nay đã được sáu năm. Bây giờ đã đến lúc mệt mỏi, không siêng chăm được chính sự.

"Hoàng thái tử, tuổi tuy thơ ấu, nhưng tính nhân từ hiếu thảo bấy lâu đã thấy tỏ lộ ra ngoài, được mọi người hòa thuận tin theo, đáng hưởng ngôi báu. Vậy có thể trao cho kiểm và ấn để thay trẫm coi quản việc nước".

Phong Lê Sát làm Đại tư đồ³.

Bấy giờ nhà vua đau nặng. Thái tử còn nhỏ tuổi, coi quản việc nước. Lê Sát là bậc công thần, được nhà vua tin cậy, định giao cho công việc nhận lãnh di chiếu làm phụ chính để giúp chúa nhỏ, cho nên nay có mệnh lệnh phong cho chức này.

Tháng 8 nhuận. Sao chổi mọc ở phương tây.

Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi 6 năm, thọ 49 tuổi. Trước kia, nhà vua trở dậy, khởi nghĩa, dẹp yên giặc Minh, trải mười năm trong nước được bình định. Kịp khi lên ngôi, quy định thuế khóa, chia ruộng đất, ban hành

¹ Chỉ việc Lê Thái Tổ đi đánh Đèo Cát Hãn.

² Nay thuộc tỉnh Lai Châu.

³ Đây là chức hàm gia thêm để phong cho đại thần.

luật lệnh, mở khoa thi, tổ chức quân cấm vệ, cất đặt quan chức, tướng lục công thần, dựng trường học... Quy mô sáng nghiệp có thể gọi là rộng lớn; nhưng hay nghi kỵ, đa sát: đó là chỗ kém của nhà vua.

Lời cần án - Theo **Thông sử** của Lê Quý Đôn, nhà vua thọ 49 tuổi: còn **Sử cũ** và mục "Nhân vật chí" trong **Lịch triều hiến chương** của Phan Huy Chú đều chép nhà vua thọ 51 tuổi. Thế là hai thuyết khác nhau. Nay xét: Nhà vua sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1433), vậy thì **Thông sử** là đúng. Nay theo **Thông sử**.

Tháng 9. Thái tử Nguyên Long lên ngôi (tức là Thái Tông).

Nguyên Long mới 11 tuổi.

Đại xá cho cả nước.

Ban chiếu đại xá. Kể từ sang năm (Giáp Dần, 1434) là niên hiệu Thiệu Bình thứ 1.

Tháng 11, mùa đông. Táng (Lê Thái Tổ) ở Vĩnh Lăng.

Đưa về táng ở Vĩnh Lăng trong Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ. Bầy tôi dâng thụ hiệu là: Thống niên, khai vận thánh đức thần công duệ văn anh vũ khoan minh dũng trí hoằng nghĩa chí minh đại hiếu Cao hoàng đế. Sai sứ sang cáo phó với nhà Minh.

Xây điện Lam Kinh.

Lời chua - Điện Lam Kinh: Theo Hoàng Việt địa dư chí thì điện này ở xã Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, phía sau dựa vào núi làm gối, phía trước hướng mặt ra sông.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XVI

Từ Giáp Dần, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434) đến Bính Thìn, năm Thiệu Bình thứ 3 (1436). Gồm 3 năm.

*

Giáp Dần, Thái Tông Văn hoàng đế, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 9).

Mông 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi bái yết thái miếu.

Tết Nguyên đán, nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem sắc văn sang hỏi về số người Minh còn bị giam giữ và số vàng trong lệ tuế cống¹. Đến đây, nhà vua sai bọn Môn hạ thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền) và Lang trung Phạm (Thì) Trung đem sang đưa cho nhà Minh².

Sắc sai trăm quan tiến cử người hiền.

Nhà vua dụ rằng: "Các người là quan liêu đã được trăm tin dùng. Trước đây, vì lòng cầu hiền để lo trị nước, đã ra lệnh cho ai nấy được tiến cử một người; đến nay vẫn chưa thấy đáp ứng mệnh lệnh, là có làm sao?".

Lại dụ: "Những người được tiến cử mới đây đều là hạng tầm thường cả. Từ nay về sau, các người nên lưu tâm xem xét dò tìm: Hoặc giả còn có những người ẩn tích ở nơi đồng nội rừng rú nếu quả thực là bậc tài đức đều trội thì các người nên cùng nhau đứng lên đề cử chung để làm thỏa ý thiết tha cầu hiền của trẫm".

Điểm duyệt quân đội và chiếu dụ.

Sắc sai các quân Ngự tiền và vệ quân năm đạo đúng ngày 20 tháng này³ phải nhất tề tập hợp ở Đông Kinh để thao diễn. Chỉ có các quân ở Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa được phép tới bản trấn⁴ ở địa phương mình để điểm duyệt. Ai trái lệnh, phải trị tội.

Lời chừa - Các quân Ngự tiền: Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ có đặt ra sáu quân Ngự tiền, như:

1. Ngự tiền võ sĩ;
2. Ngự tiền trung quân;
3. Tả, Hữu, Tiền, Hậu, Dực thánh quân⁵;

¹ Lễ tiến cống hàng năm. Xem thêm Chính biên XV, 29.

² Về việc này, Cương mục cũng như Toàn thư (quyển XI, tờ 1b-2a) không chép rõ là đưa trả nhà Minh số người còn bị giữ lại hay là số vàng tuế cống.

³ Tức tháng giêng năm Giáp Dần (1434).

⁴ Chỗ trấn mình ở. Thí dụ như quân ở Thanh thì gọi Thanh Hóa là bản trấn, quân ở Nghệ thì gọi Nghệ An là bản trấn.

⁵ Quân hiệu này nếu chia tách ra thì là Tả Dực thánh quân, Hữu Dực thánh quân, Tiền Dực thánh quân và Hậu Dực thánh quân.

4. Phủng thánh quân;

5. Thời lỗi quân;

6. Bảo ứng quân.

Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Đông Kinh: Tức Thăng Long. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 10).

Tân Bình: Tức Địa Lý. Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 (Chính biên III, 29).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17).

Hạ lệnh cho con cháu về ngành đích của các quan văn võ từ lục phẩm trở lên được vào học ở Quốc Tử Giám.

Nhà vua ra lệnh cho con cháu về ngành đích của trăm quan từ lục phẩm trở lên, ngoài những công việc đề điều và báo tin có động ở biên giới không được vin lệ xin miễn ra, còn tiền thuế thân và tạp dịch khác đều được tha cả. Hạng con cháu này đều được khai tên vào học trong Quốc Tử Giám để đợi bổ dụng.

Nhà vua đến trường đua¹, xem quần thần hội thề.

Hồi đầu thời Lý, hằng năm, cứ đến tháng trọng xuân², hội họp quần thần ăn thề ở đền thờ thần Đồng Cổ. Nhà Trần vẫn làm theo. Đến đời Hồ Quý Ly, vì có vụ Trần Khát Chân³, nên lễ minh thệ này mới phế bỏ. Đầu đời Lê, lễ này cũng bỏ qua, không nói tới. Đến đây, bọn Lê Sát mới xin với nhà vua, lập đàn thờ ở trường đua, khẩn cáo với thần linh trên trời dưới đất, tập hợp trăm quan văn võ trong kinh đô và ngoài các đạo, cắt tiết ngựa bạch làm lễ ăn thề. Nhà vua tới xem.

Lời phê⁴ - Lê Thái Tổ là bậc hiền triết sáng suốt, cẩn thận trong việc lựa chọn tôi hiền để giúp vua nhỏ, thế mà lại dùng bọn Lê Sát là những kẻ vô học, chẳng biết chính luật là gì, nên mới noi theo quy chế hội thề là thói hủ lậu của Lý, Trần. Sau này Lê Thái Tông buông tuồng rộng rãi đến nỗi chuốc lấy tai vạ⁵, chưa chắc đã không phải vì cố giúp rập không có người tốt. Vậy đức tốt của Lê Thái Tổ so với Hán Cao Tổ (206-195 tr.c.ng.)⁶ và Hán Văn Đế (179-157 tr.c.ng.)⁷ còn kém xa.

Lời chua - Trường đua: Có thuyết nói phía tây thành Đông Kinh; thuyết khác lại cho là ở Trung Hà thuộc huyện Vĩnh Thuận.

Đền Đồng Cổ⁸: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 19 (Chính biên II, 29-30).

Tháng 2. Bọn Hoàng Nguyên Ý, thổ tù Lạng Sơn, định làm phản, dẹp yên được.

¹ Có thể là trường đua ngựa hoặc bãi tập bắn ở đương thời.

² Tháng 2 âm lịch.

³ Trần Khát Chân cùng các đồng đảng mưu giết Hồ Quý Ly nhưng thất bại. Xem Chính biên XI, 34.

⁴ Về việc Lê Thái Tổ tin dùng Lê Sát.

⁵ Chỉ việc Lê Thái Tông chết ở Lệ Chi Viên.

⁶ Chỉ việc Hán Cao Tổ, khi sắp mất biết rõ trong các bầy tôi có người hiền như Tào Tham, Vương Lăng, Trần Bình và nhất là Chu Bột, người có thể giữ cho họ Lưu (họ Hán Cao Tổ) được vững vàng yên ổn, nên đặt lại cho Chu Bột làm Thái úy.

⁷ Chỉ việc Hán Văn Đế biết Chu Á Phu là một tướng tài giỏi, nên phong làm Trung úy, và dận lại Cảnh Đế nên dùng Chu Á Phu khi có việc nguy cấp.

⁸ Hiện nay đền này vẫn còn ở Hà Nội.

Trước kia, Nguyên Ý cùng bọn Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh và Nguyễn Công Đình lấy tư cách là thổ tù quy thuận triều đình. Vì có công, họ đều được phong chức quản lãnh, vẫn cứ coi quản dân chúng ở bản thổ. Bọn Tuyên úy Lê Đồ không biết cách vỗ về chế ngự, nên bọn Ý đều oán, chực làm loạn. Nhân bấy giờ có tên Phi Báo, gia nô của Nguyên Ý phạm tội với chủ, bèn cáo tố với bọn Lê Bồ về tình trạng Nguyên Ý mưu phản. Bọn Lê Bồ tâu việc này lên triều đình. Nhà vua sai Lê Văn An, tư mã Bắc đạo, đem quân Thiết Đột và quân bản đạo¹ đi đánh. Kịp khi Văn An đến nơi, Văn Ngạc đã bị thổ binh giết chết. Bọn Nguyên Ý đều bỏ vợ con, trốn sang nhà Minh. Văn An bèn bắt bố thân thuộc bọn Nguyên Ý và hơn nghìn thổ dân đem về. Nhà vua tha cho thổ dân được về làm ăn như cũ, còn thân thuộc của bọn Nguyên Ý thì bắt làm nô, chia cấp cho các nhà công thần.

Lời chua - Lạng Sơn: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 31).

Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình: Theo phần Liệt truyện trong Minh sử thì Thế Ninh và Công Đình đều đem bộ thuộc sang quy phụ nhà Minh, xin cư trú tại đất Đồng Châu thượng và hạ thuộc Long Châu.

Bắc đạo, Thiết Đột: Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 3-5).

Khảo hạch học sinh các lộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ có hạ chiếu cho trong nước về việc dựng nhà học, gây nhân tài, lựa lấy con em các nhà lương thiện ở dân gian sung làm hiệu sinh các lộ, rồi cất đặt các nhà nho học làm thầy để dạy dỗ. Đến đây, nhà vua ra lệnh cho tập hợp ở dinh quan bản đạo để quan trên sát hạch xem sự tiến tới ra sao, lấy trúng tuyển hơn một nghìn người, chia làm ba bậc: bậc nhất và bậc nhì được bổ vào Quốc Tử Giám, bậc ba cho về trường hàng lộ để đọc sách. Cả ba bậc này đều được miễn sai dịch.

Giết Tư khấu Lê Nhân Chú. Biếm truất Nam đạo hành khiển Lê Khắc Phục xuống làm đại tông chánh. Đày Nguyễn Đức Minh đi châu xa².

Lê Sát làm thủ tướng, mọi việc đều quyết định theo ý mình. Sát thấy Nhân Chú không ăn cánh, nên gièm pha rồi giết chết. Lại biếm truất em Nhân Chú là Khắc Phục. Sau đó có bức thư nặc danh dán ở vách tường một ngôi đền bên đường rằng:

"Đại tư đồ Sát đồng mưu với đô đốc Văn giết chết Ông Sĩ". Ông Sĩ là tên tự của Nhân Chú. Giám sinh Nguyễn Đức Minh gọi mọi người đến xem rồi bóc ném ngay xuống nước. Bọn Sát ngờ rằng thư nặc danh ấy do Đức Minh làm ra. Trải qua nhiều lần tra hỏi, Đức Minh vẫn không nhận. Toan đem chém, nhưng tòa pháp ti cho là một án còn đáng ngờ, nên đày Đức Minh đi châu xa, tịch thu cả nhà.

Sai sứ đi tuyển thêm binh lính.

Bấy giờ số quân không được đầy đủ. Nhà vua sai bọn Đại Tư đồ Lê Sát, Tư khấu Lê Ngân, Tư mã Lê Liệt và Lê Bôi tuyển lựa đình tráng các đạo làm binh lính. Các danh sắc³ như viên tử là con các quan võ từ lục phẩm trở lên và như giám sinh ở Quốc Tử Giám, lại như các công nô và tư nô do vua ban cho ở các nhà quan đều được miễn quân dịch. Trong quân và dân nhà nào có ba con trai thì một con được miễn. Còn ngoài ra đều phải tuyển mộ cả.

Xóa tên Trình Hoàn Bá trong sổ làm quan bắt sung làm lính.

Trước kia, vua Thái Tổ thường hay đau yếu, Quận vương Tư Tề ngưng cuồng rông rở, nhà vua hãy còn trẻ thơ. Còn Trần Hãn là dòng dõi họ Trần, Phạm Văn Xảo là người Kinh lộ, họ đều có công giúp rập khai quốc, được dân chúng để ý trông cậy. Vua Thái Tổ đem lòng nghi kỵ vì sợ họ có ý gì khác. Trình Hoàn Bá cùng bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Nguyễn (Tông) Chí và Lê Đức Dư đón biết ý muốn bề

¹ Tức là quân ở Bắc đạo thuộc quyền Lê Văn An.

² Châu Bố Chính (Xem Chính biên XV, 10).

³ Những người có chức vị ở trong xã hội phong kiến, cũng như đời sau gọi là "chức sắc" hoặc "cước sắc".

trên như thế, bèn đua nhau dâng mật sớ tâu xin trừ diệt họ. Hễ có người nào không vừa ý chúng thì chúng lại buộc là bè đảng của hai nhà Trần, Phạm; do đấy số người bị liên lụy rất nhiều. Về sau, Lê Thái Tổ xét rõ biết rằng bọn Hoàn Bá đều là tiểu nhân xảo trá đảo điên, đã ruồng rẫy chúng rồi; nhưng vẫn lo chúng sẽ lại ngóc lên được, nên đã răn dạy là đừng dùng chúng nữa. Đến đây, Lê Sát cho rằng Hoàn Bá có tài, đáng tiếc, nên lại muốn dùng Hoàn Bá. Các quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Tiên đế¹ đã có chỉ dụ dặn không nên dùng bọn Hoàn Bá nữa mặc dầu chúng có tài; thế mà nay lại cất dùng, đó là trái ý Tiên đế". Vì vậy, nay mới xóa tên Hoàn Bá và bắt sung làm lính.

Lời chua - Nguyễn Thiên Tích: Người Nội Duệ thuộc huyện Tiên Du², đỗ khoa hoàng tử năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Bùi Cầm Hổ: Người Độ Liêu thuộc huyện Can Lộc³.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân đến Đông Kinh⁴ để đảo vũ.

Bấy giờ trời mãi không mưa. Nhà vua sai rước tượng Phật đến Đông Kinh, để làm lễ cầu đảo. Quan giữ việc can ngăn là Nguyễn Thiên Hựu tâu rằng: "Xin Bệ hạ tu đức, xét tù oan úc, thái bớt cung nữ, nếu mà trời còn không mưa thì chém tôi để tạ tội với thiên hạ". Tờ sớ của Thiên Hựu dâng lên, Lê Sát ghét rằng nói thẳng. Gặp bấy giờ có mưa nhỏ, Lê Sát bèn gọi Thiên Hựu đến hỏi: "Tối hôm qua chẳng mưa nhỏ đấy ư?". Lại có tin báo có mưa từ các lộ Thanh Hóa, Tuyên Quang gửi đến tâu trình, Lê Sát liền đem cả mọi tin này bảo cho Thiên Hựu biết, Thiên Hựu không đối đáp ra sao được.

Lời chua - Chùa Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 31-32).

Tuyên Quang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 30).

Ân xá.

Vì cơ hạn hán, nhà vua ân xá cho vài mươi người tù phạm tội nhẹ.

Giáng chức Nhập nội thiếu bảo Lê Khả xuống làm Tuyên úy đại sứ ở Lạng Sơn⁵.

Lê Khả không ưa nhau với thủ tướng Lê Sát, xin rút lui, bèn bị giáng xuống làm chức Tuyên úy đại sứ ở Lạng Sơn. Sau đó lại bổ làm Đồng quản lãnh⁶ ở quân vệ Nam Sách hạ⁷.

Lời chua - Nam Sách (chữ Sách là sách lược): Tức Nam Sách (chữ sách là sổ sách). Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu.

¹ Chỉ Lê Thái Tổ.

² Thuộc tỉnh Bắc Ninh.

³ Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Tức Đông Đô được đổi làm Đông Kinh từ năm Canh Tuất, 1430 (xem Chính biên XV, 26).

⁵ Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

⁶ Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

⁷ Cũng như Cương mục, toàn thư XI, 7b chép việc Lê Khả làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn này vào tháng 4 năm Giáp Dần (1434), nhưng đến việc Lê Khả nhậm chức quân vệ ở Nam Sách hạ thì chép là đồng tổng quản, chứ không phải là đồng quản lãnh, và đặt vào chỗ tháng 6 năm Đinh Tị, 1437 (Toàn thư XI, 40a)

Bổ Đê, chúa Chiêm Thành, hay tin vua Lý Thái Tổ mới mất, nhà vua nhỏ tuổi, lên nối ngôi, bèn chính mình đem quân ra gần ngoại thành rồi sai thuyền chiến lén vào cửa Việt thuộc Hóa Châu, cướp bắt vài người sở tại để dò hỏi tình hình hư thực trong nước ta. Nhân dân Hóa Châu đuổi đánh, bắt được hai tên lính Chiêm, giải ra Kinh đô. Nhà vua sai điều võ dương uy ở trường đua, cho dẫn tù binh Chiêm Thành đến xem rồi tha cho về.

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục để năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Cửa Việt: Ở huyện Đăng Xương 26 dặm về phía đông bắc, thuộc đạo Quảng Trị ngày nay. Nguyên trước tên là cửa biển An Việt, năm Minh Mạng thứ 1 (1820) đổi gọi là Việt An.

Lập đàn cúng ở điện Cần Chính.

Bấy giờ vì hạn hán lâu ngày có tổn hại đến nghề nông, lại vì chiếc thuyền ngự do Nghệ An dâng tiến bị sét đánh, nên làm đàn cúng để trừ tai.

Thái sử Bùi Hanh mật tâu rằng ngày mồng 1 tháng 5 có tinh con vượn đen hút khí mặt trời, nên có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu giết con vượn thật để yếm trừ thì tai biến có thể qua khỏi. Lê Sát tin lời, bèn tâu xin ra lệnh cho dân ở miền núi thuộc Tuyên Quang và Thái Nguyên săn bắt vượn, đưa đến Kinh đô. Tới ngày đã được vượn, nhà vua nghĩ thiết trào, làm phép yếm trừ ở trong cấm cung, trăm quan không dự biết việc này.

Lời phê¹ - Càn bậy quá lắm!

Lời chua - Tuyên Quang, Thái Nguyên (tức Ninh Sóc): Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 30, 31, 32).

Tháng 5. Quy định rõ ngạch thuế bãi dâu.

Đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433), đã quy định các ngạch thuế khóa, nhưng chỉ mới làm kỹ về thuế dân đinh, thuế đầm và thuế ao, còn thuế bãi dâu hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng lại để làm luật lệ lâu dài.

Sai bọn Tư mã Lê Liệt đi kinh lược Tân Bình và Thuận Hóa.

Vì Chiêm Thành vào lấn cướp, nên nhà vua sai Lê Liệt thống suất các quân Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa đi kinh lược nơi biên giới. Nhà vua ra mệnh lệnh rằng: "Khi ra trận đánh giặc, từ tướng hiệu trở xuống hễ ai dám trái lệnh và thụt lùi thì cho Lê Liệt được phép chém trước tâu sau". Nhà vua lại sai bọn Nhập nội thiếu úy Lê Khôi và Tổng quản Lê Truất liền đó xuất quân đi tiếp ứng.

Khi họ kéo quân đến Hóa Châu thì Bổ Đê² đã rút lui từ trước rồi. Họ định kéo quân về, bỗng gặp việc tên Thành (không rõ họ), phụ đạo người Mán Hóa Châu, bị xâm lấn bởi tên Luận (không rõ họ), cũng là phụ đạo, đến xin cứu viện, bọn Lê Liệt liền kéo quân đến giúp. Tên đầu sỏ dân Mán được tin đại quân đã đến, tức thì đang đêm trốn mất. Bọn Liệt bắt được hơn nghìn người và đem vài mươi thớt voi đem về.

Lời chua - Thành, Luận: Đều là tên người, làm chức phụ đạo.

Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Trụ và Hoàng môn thị lang Thái (Sái) Quân Thực đem biểu văn và sản vật địa phương sang Minh cầu xin phong vương.

¹ Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen hút khí mặt trời và xin yếm bằng con vượn thật.

² Chúc Chiêm Thành (xem Chính biên XVI, 8).

Bài biểu tấu về việc này do Đại hành khiển Lê Trãi soạn; Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước muốn sửa đổi vài chữ. Trãi nổi giận, nói: "Bọn các người là hạng bày tôi tỵ liếm¹. Nạn hạn hán ngày nay đều do các người gây ra cả!". Thúc Huệ đem chuyện này mách Lê Sát và Lê Vấn. Lê Vấn nổi giận, trách Lê Trãi rằng: "Những cơ gây nên tai nạn và hạn hán là do nhà vua và thủ tướng đó thôi, chứ không phải lỗi tại bọn này². Sao ông trách nhau quá lắm thế!". Lê Trãi xin lỗi, nói: "Thúc Huệ là hạng tài mọn, chỉ chăm đục khoét vợ vét, thế mà hấn giữ chức then chốt trong nước, hể có tâu bày điều gì, hấn chỉ muốn làm thiệt dân, đem lợi về nhà quan để đua nịnh bề trên; cho nên tôi mới nhân việc này mà nói ra đó thôi, chứ không phải có ý phúng thứ và dị nghị nhà vua và thủ tướng gì đâu". Lê Sát vẫn không nguôi giận. Cuối cùng bài tấu vẫn không sửa đổi.

Có bảy tên trộm đều là tái phạm, đáng bị tử hình. Bọn Lê Sát và Lê Ngân lấy làm khó nghĩ, vì e phải giết nhiều quá! Nhà vua đem việc này hỏi Thừa chỉ Lê Trãi. Trãi thưa: "Hình phạt không bằng nhân nghĩa, thì rõ ràng rồi, bây giờ một chốc giết bảy mạng người thì e không phải là việc làm có đức cao cả. Kinh thư có nói: "An nhữ chi"³, nghĩa là phải làm cho được đúng chỗ. Thí dụ như trong cung là đúng chỗ của bệ hạ, thỉnh thoảng có đi tuần du chỗ khác, thì không thể thường được thoải mái; đến khi trở về cung, mới thật được đúng chỗ. Ông vua đối với nhân nghĩa cũng vậy". Bọn Sát bèn bảo Lê Trãi: "Ông là người nhân nghĩa, có thể cảm hóa người ác trở nên người thiện, thì đây, xin giao cho ông bọn trộm này". Rồi bọn Sát đem bảy tên tù phạm này giao cho Trãi đứng bảo quản⁴. Trãi nói: "Bọn chúng là đồ hung ác gian xảo. Pháp luật và chế độ của triều đình cũng không răn chữa được chúng, nữa là Trãi này có đức độ gì mà cảm hóa nổi!". Do đấy, chỉ chém hai tên cầm đầu còn thì khép vào tội lưu.

Lời phê⁵ - Trãi là bậc có tài, vậy mà vẫn không khỏi có tính kiêu căng, cho nên sau này mới chuốc lấy tai vạ⁶. Thế mới biết Trương Tử Phòng là bậc cao kiến⁷, đời sau ít ai sánh kịp.

Có khí sắc xanh đỏ như cầu vòng xuất hiện ở phía đông bắc.

Sương sa.

Sửa chữa chùa Báo Thiên, giết người thợ tên là Cao Sư Đăng.

Bấy giờ điều động thợ sơn làm ở chùa Báo Thiên. Sư Đăng phải nhọc nhằn làm việc, có nói vụng rằng: "Thiên tử thì kém đức để đến nỗi có nạn hạn hán; đại thần thì ăn hối lộ, cất dùm kẻ nọ người kia chẳng làm được công trạng gì cả! Có hay gì mà còn nịnh Phật?". Có người đem chuyện này cáo tố với Lê Sát. Sát nổi giận, sai bắt Sư Đăng giao cho quan coi hình ngục xét xử. Thẩm hình là Nguyễn Đình Lịch khép Sư Đăng vào tội thả lời yêu quái can bậy, đáng phải chết chém. Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cẩm Hồ tâu xin giảm tội tử hình cho Sư Đăng. Nhà vua toan nghe theo. Lê Sát nói: "Trước kia, Nguyễn Đức Minh làm thư nặc danh, đáng phải tội giết chết để rao cho mọi người biết⁸, trở đi nghe lời Thiên Hựu, giảm nhẹ tội cho Đức Minh. Nay nếu lại tha Cao Sư Đăng thì răn kẻ khác thế nào được?". Bèn sai chém Sư Đăng.

Lời chua - Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thái bình thứ 3 (Chính biên III, 22).

Tháng 6. Ai Lao sai sứ đến triều cống.

¹ Đánh thuế nặng để làm giàu cho bề trên.

² Chỉ bọn Nguyễn Thúc Huệ và Lê Cảnh Xước.

³ Chữ trong thiên Ích tắc, kinh Thư, lời Hạ Vũ khuyên vua Thuấn, ý nói thuận theo chính đạo mà đứng chính chỗ chỉ thiện.

⁴ Chịu trách nhiệm nhận lĩnh và bảo đảm.

⁵ Chỉ việc Trãi giận mắng bọn Nguyễn Thúc Huệ góp ý kiến xin sửa lại vài chữ trong bài tấu.

⁶ Chỉ việc sau này Trãi bị tru di tam tộc vì vụ án trại Vải (Lệ Chi Viên).

⁷ Trương Lương, tên tự là Tử Phòng, giúp mưu bày kế cho Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ. Khi Hán Cao Tổ làm vua, vì có công, Trương Lương được phong Lưu hầu; về sau, đi tu tiên, thoát ra ngoài vòng danh lợi.

⁸ Xem Chính biên XVI, 5.

Ai Lao và Bồn Man sai sứ giả đến cống sản vật địa phương. Nhà vua ban cho lụa bạch và áo dệt kim tuyến, rồi cho về.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 10).

Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Mù sa dày đặc cả khoảng không.

Nước biển tràn ngập.

Mưa.

Sắc sai trăm quan làm lễ tạ.

Đày Bùi Ư Đài, Đồng tri Bắc đạo, đi châu xa¹.

Bùi Ư Đài thấy tai biến và điềm gở đồn dập xảy đến, bèn dâng tờ sớ gồm bốn điều, trong đó:

"1- Ở trong, nên lựa lấy những chỗ hoàng huynh, quốc cữu mà là bậc lão thành am tường thông thuộc các điển lệ và việc cũ, khiến cho ở bên tả hữu để dạy nhà vua. Ở ngoài, nên cất đặt người hiền giữ chức sư phó để làm cột trụ cho nhà nước, gương mẫu cho trăm quan.

"2- Đầu quốc triều ta², những quan văn võ can phạm tội lỗi đều phải phạt tội đồ, tội lưu, thế là tiên đế³ có ý răn dạy những kẻ gian tà. Nay lại cho họ được khai phục, làm việc cai quản quân và dân. Như vậy là làm trái với ý tiên đế⁴, không hợp với đạo trời đất".

Thấy tờ sớ này, Lê Sát giận lắm, sai chép ra hai điều trên đây để dâng lên vua và tâu: "Tiên đế⁵ cho rằng bọn thần đều là chỗ tội con lâu đời theo hầu trận mạc, vạn tử nhất sinh để lập được triều đình, lại xét rõ rằng bọn thần là người mộc mạc và lành, cho nên khi sắp băng hà, mới phó thác bệ hạ cho bọn thần. Nay những lời Ư Đài nói đó có ý ngờ vực bọn thần lừa dối che dấu bệ hạ điều gì, nên mới khuyên bệ hạ tìm chỗ họ hàng mà có công lao để phòng ngừa bọn thần. Vậy xin giao Ư Đài xuống cho pháp t⁶ xét xử. Nếu Ư Đài quả có ý ly gián vua và tôi thì nên theo pháp luật nhà nước mà trị tội, không nên tha".

Nhà vua ngẫm nghĩ hồi lâu, nói: "Những lời Ư Đài nói đầy đầu đến như vậy!". Lê Sát vẫn cứ cố chấp tâu mãi đến vài bốn lần, nhưng nhà vua không nghe.

Bọn Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Ư Đài khuyên bệ hạ không nên ủy nhiệm đại thần, thế là trái với lời chiếu để lại của tiên đế⁷. Việc này không thể không xét hỏi được". Nhà vua bèn đày ải Ư Đài đi châu xa.

Lời phê⁸ - Bầy tôi trung thực có lẽ lại nên như thế sao? (Bọn Nguyễn Thiên Hựu) cầm roi ngựa hầu Cặp Trường nhụ⁹ cũng chưa xứng đáng.

¹ Xem Chính biên XV, 10 và XVI, 5.

² Tức đầu triều Lê.

³ Chỉ Lê Thái Tổ.

⁴ Chỉ Lê Thái Tổ.

⁵ Chỉ Lê Thái Tổ.

⁶ Tức tòa tư pháp giữ việc xét xử hình ngục.

⁷ Chỉ Lê Thái Tổ.

⁸ Chỉ việc Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ về hòa với Lê Sát, buộc tội Bùi Ư Đài.

⁹ Tên tự của Cặp Âm, người Bộc Dương đời Hán. Dưới triều Hán Vũ đế (140-87 tr.c.ng.). Cặp Âm được vời làm cửu khanh, rất cương trực trong những việc can ngăn và đàn hặc ở triều đình, khiến cho vua cũng phải e dè kiêng nể. Hán Vũ đế thường nói: "Đời xưa có hạng bầy tôi làm trụ cột cho xã tắc, xem như Cặp Âm bây giờ có thể gần bằng đấy".

Lời chua - Đồng tri: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Lê Thái Tổ đặt chức Hành khiển ở năm đạo¹ chia giữ công việc sổ sách quân và dân, đứng đầu là Hành khiển, thứ đến Tham tri và Đồng tri.

Truy tôn mẹ là Phạm Thị làm Cung từ quốc thái mẫu.

Trước kia, Lê Thái Tổ không lập hoàng hậu, chỉ đặt mấy người làm phi như Trịnh Thần phi, Phạm Huệ phi... mà thôi. Thái mẫu² đây cũng là vợ lẽ Thái Tổ, đã mất từ trước; đến đây, mới truy tôn và lập miếu riêng để thờ ở Lam Kinh.

Lời chua - Lam Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 33).

Tháng 7, mùa thu. Cấm dân không được vượt bậc mà khiếu nại kiện cáo.

Nhà vua hạ chiếu: "Đường lối trị dân cốt làm cho không phải dùng đến hình phạt. Gần đây, thấy quân dân thường hay vượt bậc kêu thưa kiện cáo, làm phải bắt bớ liên lụy đến nhiều người, trầm chán lắm.

"Vậy, từ nay, phạm vụ kiện tụng nào là việc trọng đại thì mới cho phép tâu thẳng lên triều đình, còn những việc kiện nhỏ trước phải thưa ở xã quan xét xử rồi mới lên huyện; huyện không xử xong, bấy giờ mới lên lộ, lên phủ, lên đạo, cứ theo bậc mà làm. Việc ruộng đất cũng vậy".

Mở hội Vu Lan. Tha tù phạm.

Tha cho 50 người tù vào hạng tội nhẹ. Ban 220 quan tiền cho các sư.

Lời chua - Hội Vu Lan: Kinh Phật chép rằng: Mục Liên có mẹ phải sống trong ngục Ngạ Quỷ. Phật bảo Mục Liên làm hội Vu Lan bồn vào ngày rằm tháng bảy, dùng bách vị ngũ quả đựng trong bồn để cúng giàng chư Phật mười phương, rồi sau mẹ của Mục Liên mới ăn uống được³. Thích thị yếu lắm chép rằng: "Vu Lan, là tiếng Phạn, cũng như Hoa văn nói là cứu đảo huyền"⁴.

Tháng 8. Bàn mở khoa thi tiến sĩ.

Nhà vua hạ chiếu rằng: "Muốn có công hiệu về việc tìm người hiền, trước phải kén lấy kẻ sĩ; đường lối kén lấy kẻ sĩ, đầu tiên phải mở khoa thi. Khi đức Thái Tổ mới lập quốc, bắt tay ngay vào mở trường học, thờ Khổng Tử bằng lễ thái lao⁵, tỏ ra rất mực sùng nho trọng đạo; nhưng đến khoa thi tiến sĩ vẫn chưa kịp mở.

"Trẫm nay nối trí tiên đế, mong tìm được những người hiền tài cho thoả ý trẫm bấy lâu vẫn chờ đợi bằng cách để trống chỗ ngồi bên tả⁶.

"Điều lệ về khoa cử và trường thi đặt như thế này: Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 (1438), ở các đạo, mở khoa thi hương; đến năm thứ 6 (1439) thi hội ở đô sảnh đường⁷. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm thành lệ lâu dài. Ai trúng tuyển, đều được cho là tiến sĩ xuất thân.

"Phép thi:

¹ Xem việc năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

² Tức Phạm Thị, tên là Trần, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

³ Theo kinh nhà Phật, khi mẹ của Mục Liên ở nơi địa ngục, hễ đồ ăn vừa vào đến miệng liền hóa thành lửa bỏng, nên không ăn được gì cả.

⁴ Nghĩa là cứu người bị treo ngược, ý nói cấp cứu người đang ở trong cảnh vô cùng đau khổ.

⁵ Lễ tế tam sinh gồm có bò, dê và lợn.

⁶ Một nghi thức xưa để tỏ ý trọng đãi người hiền.

⁷ Xem "Lời chua" của Cương mục ở Chính biên XV, 23.

"Kỳ thứ nhất, kinh nghĩa một bài, Tứ thư nghĩa¹ mỗi sách một bài, tất cả đều phải 300 chữ trở lên;

"Kỳ thứ hai, bài chiếu, bài chế và bài biểu;

"Kỳ thứ ba, thơ và phú;

"Kỳ thứ tư, văn sách một bài, hạn từ 1000 chữ trở lên".

Đặt phép khảo hạch công trạng các quan văn võ.

Sắc sai các quan văn võ đều phải do trưởng quan mà mình tùy thuộc đứng ra sát hạch;

Quan văn ở huyện, ở lộ, ở trấn thì do Hành khiển bản đạo sát hạch;

Tướng hiệu và võ biên ở các trấn thì do Tổng quản bản đạo sát hạch;

Các viên thuộc ở sảnh, ở viện và ở các cục thì do Thiếu bảo và Hữu bật sát hạch;

Các viên thuộc ở Tả, Hữu ban thì do Áp nha và Nội Mật viện sát hạch.

Tất cả đều phải kê khai thành bản sự trạng về nét tốt và về lầm lỗi, chia làm ba bậc, cần được rõ ràng, thỏa đáng, không được thiên lệch, tư vị.

Lời chua - Hành khiển, Tổng quản: **Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 6).**

Sảnh viện cục, Nội mật viện, Tả, Hữu ban, Áp nha: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì, đầu đời Lê Thái Tổ cất đặt quan chức, văn ban có Trung thư sảnh, Hoàng môn sảnh, Hạ môn sảnh, Nội thị sảnh, Hàn lâm viện, Ngũ hình viện, Quốc sử viện, Thái sử viện và Ngự tiền tam cục; võ ban có Tả, Hữu ban, Điện tiền đô Áp nha. Tất cả các chức trên đây đều là quan ở kinh đô.

Thiếu bảo, Hữu bật: Trong Đại Việt bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên cũng có chép đến mấy chức này, như: Nhập nội thiếu bảo Trần Lựu làm tổng tri coi quản công việc quân và dân ở Lạng Sơn và An Bang; Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh sung làm tham đốc. Còn Thiếu bảo và Hữu bật giữ chức vụ gì, không khảo cứu được.

Ngự sử phó trung thừa Nguyễn Thiên Hựu xin trí sự². Nhà vua ưng cho.

Thiên Hựu làm chức gián quan, bàn nói tấu bày thường thường trái ý vua, nên xin về hưu; sau đó, được khai phục làm An phủ sứ ở Thanh Hóa.

Xuất quân đi cứu Ai Lao, rồi lại bãi binh.

Trước kia, bàn gia (vua) Ai Lao là Côn Cô bị Nữu Tại, là bày tôi, đánh và bức bách. Côn Cô sai sứ giả đến cầu cứu. Nhà vua sai quản hạt³ Lê Bạt đến hiệu dụ và dàn xếp. Đến đây, Ai Lao lại sai bày tôi đến dâng sản vật địa phương và xin quân cứu. Nhà vua sắc sai Thiếu úy Xa Miên ở Mộc Châu đem quân Mán Nam mã đến cứu viện. Khi đến nơi thì Nữu Tại đã giết Côn Cô mà lập Dụ Quần, người trong họ của Côn Cô, làm bàn gia (vua) rồi. Ai Lao lại đem dâng ba thốt voi và vàng bạc để xin hàng. Triều đình bỏ qua việc Ai Lao, không xét hỏi đến nữa, hạ lệnh cho Xa Miên kéo quân về.

Lời chua - Bàn gia: **Tiếng gọi vua nước Ai Lao.**

Côn Cô: **Tên chúa nước Ai Lao.**

Nữu Tại: **Có lẽ là tên quan Ai Lao.**

¹ Tứ thư, tức là bốn sách của nhà nho: Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử.

² Như hưu trí.

³ Một chức quan ở đương thời.

Mộc Châu: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 15).

Xa Miên: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính thì họ Xa nổi đời làm thổ tù ở Mộc Châu.

Nam mã: Tên châu, cũng gọi là Mã Nam. Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính thì đầu đời Lê chia từ phía nam sông Mã vào đến đống Trình Hăng là Mã Châu; nay gộp cả vào với huyện Trình Cố¹.

Chiêm Thành sai sứ đến xin hòa.

Sứ giả Chiêm Thành đem dâng sản vật địa phương, xin hòa và thân thiện. Lê Sát hỏi sứ Chiêm rằng: "Nước ngươi lên vào biên giới, cướp bóc và bắt người ở Hóa Châu, là cứ làm sao?". Sứ Chiêm thưa: "Quốc vương tôi được tin tiên hoàng đế² băng hà và hoàng đế ngày nay lên ngôi, nhưng vì giữa hai nước không có sứ giả thông tin, nên quốc vương tôi mới sai tướng quân đem quân đi thăm dò tin tức. Chẳng dè viên tướng này lại làm trái ý chỉ đã dặn bảo, dám lên bắt sáu người Hóa Châu đem về. Quốc vương tôi nổi giận, xử phạt tử đại tướng trở xuống phải tội chặt chân, còn số người bị bắt kia đều hộ tống về trả Hóa Châu, không dám xâm phạm gì cả".

Triều đình tuy biết sứ Chiêm chống chế dối trá nhưng thấy rằng Chiêm Thành biết tự ý cho sứ đến xin hòa trước, nên cũng dẫn lòng dung thứ.

Sai sứ đi Chiêm Thành.

Bấy giờ Chiêm Thành lại xin hòa thân thiện; nhà vua sai bọn Chuyển vận sứ Lê Thọ Lão và Khởi cư xá nhân Thái Huệ Trù đi đáp lễ.

Tháng 10, mùa đông. Sâu cắn lúa.

Hoàng trùng cắn hại lúa má. Nhà vua sai các quan chia đường đi khám xét tại chỗ.

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Sứ nhà Minh là bọn Quách Tế và Chu Bật cùng sang với bọn Lê Vĩ là sứ bộ ta đi cáo phó³ quay về. Sứ Minh sang làm lễ tế diếu (vua Thái Tổ).

Nhà vua sai bọn Ngự tiền học sĩ Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp lễ và tạ ơn.

Bấy giờ các sứ Minh, là bọn Từ Vinh Đạt⁴, Chương Xưởng⁵ và Quách Tế, nối tiếp nhau, vâng mạng vua Minh, sang sứ ta. Triều đình (nhà Lê) tặng tiền thức gì, thầy đều không chịu nhận cả. Chỉ có những người tùy tùng sứ bộ mang theo nhiều thứ hàng tàu, yêu cầu ta mua với một giá đắt.

Điện Lam Kinh⁶ bị hòa tai.

Có băng.

Rét quá, mặt đất đóng băng, cây cối trên núi héo chết.

Lời phê - Lại!

Truy phong ông và cha của Đại tư đồ Lê Sát.

Nhân tiết vạn thọ, tha tô thuế.

¹ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

² Chỉ Lê Thái Tổ.

³ Lê Vĩ sang Minh cáo phó (tin Lê Thái Tổ mất), tháng 11, năm Giáp Dần, 1434 (theo Toàn thư XI, 17b-19a).

⁴ Từ Vinh Đạt sang sứ ta năm Kỷ Dậu, 1429 (Chính biên XV, 25).

⁵ Chương Xưởng sang ta năm Tân Hợi, 1431 (Chính biên XV, 29).

⁶ Điện này làm từ cuối năm Quý Sửu, 1433 (Chính biên XV, 33).

Nhân gặp ngày lễ sinh nhật nhà vua, tha tô ruộng và thuế đinh.

Tháng 12. Lê Thụ, Tổng quản Tiên quân, có tội. Nhà vua giao cho pháp ti¹ bàn xét. Sau đó, tha cho Lê Thụ.

Lê Thụ, trong khi đang có quốc tang², lấy vợ lẽ và bắt binh lính làm việc riêng cho mình: xây cất nhà cửa đồ sộ. Thụ lại giao thông với người nước ngoài về việc mậu dịch. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước đàn hặc Thụ về những việc ấy.

Bấy giờ các đại thần phần nhiều cũng sai binh lính làm việc tư: xây dựng nhà cửa cho mình. Nhà vua sai Thiên Tước đi khắp nơi để xem xét cho đúng sự thật. Khi Thiên Tước trở về, nhà vua vặn hỏi: "Các đại thần khác không làm những việc ấy ư? Sao khanh lại chỉ đàn hặc một mình Lê Thụ?". Thiên Tước thưa: "Lê Thụ là đại thần nhận lãnh mệnh lệnh tiên đế đã phó thác, đáng lẽ phải nên giữ mình cho thẳng thắn để làm gương cho trăm quan. Xem mấy việc mà Thụ đã làm tỏ ra khinh miệt phép nước quá lắm! Vây thần đâu dám nín tiếng im hơi? Nay thần vâng theo sắc sai đi xem xét khắp cả các nhà đại thần, thần đâu dám không làm hết chức trách?". Thiên Tước lại dâng sớ nói cả những ai có làm nhà mới, chẳng hạn như bọn Tham tri Đông đạo là Lê Định xuống đến Quản lãnh gồm hơn 20 người. Nhà vua đều không xét hỏi, chỉ giao Lê Thụ xuống cho pháp ti bàn xét. Bọn Lê Văn và Lê Ngân đều tìm cách bào chữa cho Thụ.

Nhà vua tha tội cho Thụ, chỉ sắc sai Thụ phải bỏ người vợ lẽ mới cưới và phải truy nộp 15 lạng vàng và 100 lạng bạc là số tiền đã buôn bán riêng.

Lời phê³ - Người có trách nhiệm can ngăn và chính lệnh đương thời đều sai trái cả!

Lời chua - Vàng bạc do buôn bán riêng: Bản kỷ thực lục của Ngô Sĩ Liên chép: "Bản triều⁴ cấm bày tôi và nhân dân không được lén lút buôn bán với ngoại quốc". Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, phạm kẻ nào lén lút bán muối cho người ngoại quốc thì phải phạt lưu đi châu xa.

Phong Đào Mạnh Vượng, thổ tù châu Phục Lễ, làm Nhập nội tư mã, coi quản công việc quân và dân ở bản châu như cũ.

Mạnh Vượng là con Cát Hãn. Trước kia, Cát Hãn làm phản, Lê Thái Tổ đi đánh, Cát Hãn cùng Mạnh Vượng đều trốn xa; sau đó xin hàng, được tha tội, phong Tư mã, coi quản công việc trong châu. Đến đây, Cát Hãn chết, Mạnh Vượng lên thay cha, nối chức cũ, có vào châu. Nhà vua sắc phong cho Mạnh Vượng làm Nhập nội tư mã, vẫn coi quản công việc quân và dân ở trong châu, tước quan phục hầu.

Lời chua - Phục Lễ: Tức châu Ninh Viễn, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chính biên XV, 30).

Rước thần chủ Thái Tổ và thần chủ quốc thái mẫu⁵ lên nhà thái miếu làm lễ tế "phụ"⁶.

Nhà vua sai Nhập nội thái bảo Lê Quốc Hưng và Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh làm lễ cáo nhà thái miếu, rước thần chủ Thái Tổ lên làm lễ "phụ", lại rước thần chủ bà Cung từ quốc thái mẫu lên cùng thờ cúng tại đó.

¹ Xem chú giải ở Chính biên XVI, 13.

² Tang vua Lê Thái Tổ. Xem thêm chú giải ở Chính biên V, 19.

³ Chỉ việc Thiên Tước đàn hặc Lê Thụ và việc Lê Thái Tông đối xử với một số đại thần phạm lỗi.

⁴ Ngô Sĩ Liên là người triều Lê, nên gọi Lê là bản triều.

⁵ Tức bà Cung Từ, mẹ đẻ Lê Thái Tông.

⁶ Xem chú giải số 3 ở Chính biên IV, 25.

Nhà vua sai các văn võ hội họp ở đô sảnh đường, bàn việc bỏ đồ tang. Bọn Hành khiển Lê Trãi cùng bàn rằng nên mặc đồ trắng trong 27 ngày nữa rồi sẽ bỏ đồ trở.

Trước đó, thần chủ Thái Tổ còn để ở điện Kiền Đức, nhà vua mỗi khi coi châu, vẫn đứng ở cột trụ về phía đông của điện Hội An để xét xử chính sự. Đến đây, khi ra, khi vào, có tiền hô hậu hét, coi triều thì ngồi cổ ỷ sơn son, tuy có đặt nhã nhạc nhưng không tấu nhạc. Bầy tôi dâng biểu yên ủi nhà vua.

Lời cần án - Theo lễ, để trở cha, xô gai ba năm, không cứ kẻ sang người hèn đều như nhau cả. Từ Hán Văn đế¹ có đặt ra lối để tang ngắn hạn, do đây người đời mới sau nối gót làm theo. Ở đây, tang Lê Thái Tổ vừa mới được giỗ đầu, đã vội bàn bỏ đồ trở, có lẽ cho rằng để tang một năm là đã đủ báo hiếu rồi chăng?

Nguyễn Trãi là bậc tôi hiền làm việc giúp rập ở thời bấy giờ, không biết giảng rõ điển lễ sửa đổi điều sai trái của nhà vua, lại đi khuyên bảo hãy mặc áo trắng 27 ngày rồi sẽ bỏ đồ tang. Thế là lễ gì? Thật là vô căn cứ quá!

Lời chua - Điện Kiền Đức, điện Hội An: **Đều ở trong thành Đông Kinh.**

Châu Nam Mã cầu xin phụ thuộc nước ta. Nhà vua ưng thuận.

Châu Nam Mã trước kia thuộc nước Ai Lao; đến đầu đời Lê, thổ tù là Đạo Miện hâm mộ chính nghĩa, theo về với nước ta. Đến đây, Đạo Miện sai con vào châu, cầu xin phụ thuộc bản quốc. Nhà vua ban khen, trao cho chức Đại tri châu và ban mũ áo. Sau đó, nhà vua cho rằng Nam Mã là dân Mán, mới quy phụ, tráo trở bất thường, nên bàn đặt chức lưu quan², dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sứ để coi quản châu Nam Mã.

Ất Mão, năm thứ 2 (1435). (Minh, năm Tuyên Đức thứ 10).

Mông 1, tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua coi triều. Cử nhạc.

Tết Nguyên đán. Nhà vua dẫn đầu trăm quan đi bái yết thái miếu. Lúc trở về cung, nhà vua mặc đồ trắng³, ra coi châu, tiền hô hậu hét. Cử nhạc. Bầy tôi đều mặc áo phục⁴, dâng biểu yên ủi nhà vua.

Lời phê⁵ - Đều trái lễ cả! Làm vậy không phải là cách để phòng ngừa gìn giữ cho vua trẻ.

Dụ Quần, vua Ai Lao, sai sứ đến triều cống.

Bàn gia (vua) Ai Lao là Dụ Quần sai bầy tôi là bọn San Mạc, Nại Mẫu đến dâng lễ cống: đồ uống rượu bằng vàng bạc⁶ và voi.

Mở yến tiệc linh đình.

Cho trăm quan văn võ ở kinh đô và ngoài các lộ ăn yến 5 ngày.

¹ Hán Văn đế (179-157 tr.c.ng.), trước khi mất, còn để tờ chiếu lại, đại ý nói: Phàm những chỗ họ thân phải trở 9 tháng thì rút xuống chỉ để 15 ngày, phải trở 5 tháng thì để 14 ngày, sau khi chôn cất. Còn quan lại và nhân dân trong nước thì kể từ sau khi ban bố mệnh lệnh theo lời di chiếu, chỉ để tang ba ngày. Mãn tang rồi, phàm những việc lấy vợ, gả chồng, cúng tế, uống rượu, ăn thịt đều không cấm (Theo Tư trị thông giám, của Tư Mã Quang) quyển XV, trang 508-509.

² Về việc này, Toàn thư XI, 25b chép rõ hơn: "Dùng Lê Thiêm làm Phòng ngự sứ, coi quản công việc quân và dân ở châu Nam Mã, châu Tầm thượng, châu Tầm hạ và huyện Lan Hòa". Và: "Nhân bấy giờ các Mường Ai Lao bề ngoài tuy quy thuận, nhưng vẫn tráo trở bất thường, nên triều đình phải đặt quan để cai quản". Như vậy hai chữ "lưu quan" đây là do Cương mục đặt thêm sau, chứ Toàn thư không có. Lưu quan, Từ nguyên (trang 871), nghĩa là quan lại do chính phủ trung ương ủy nhiệm ở những địa phương thông thường, đối lại với thổ quan là người bản thổ trong các dân tộc như Miêu, Dao, nổi đời giữ chức. Theo Hưng Hóa ký lược của Phạm Thận Duật thì lưu quan là chức quan được luân lưu thay đổi.

³ Vì theo đề nghị của Nguyễn Trãi, trước khi bỏ tang, còn mặc đồ trắng trong 27 ngày (Chính biên XVI, 22).

⁴ Đồ mặc của người không có tang.

⁵ Về việc Lê Thái Tông mặc đồ trắng ra coi triều v.v...

⁶ Nguyên văn là "Kim ngân tửu khí", chép như vậy không được sáng nghĩa, nên mấy chữ này cũng có thể dịch là "vàng, bạc, đồ dùng uống rượu...".

Giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Ra lệnh cho vệ quân các đạo đều đến điểm duyệt tại bàn trấn; các quân Ngự tiền thì giảng tập võ nghệ ở sân rồng nơi cung điện.

Nhà vua đến đất Bạo Động, duyệt quân đội tập phép chiến trận.

Nhà vua đi Bạo Động, xem vệ quân năm đạo tập trận lục chiến. Khi trở về, lại duyệt thủy binh tập thủy chiến ở Nhị Hà.

Lời chua - Bạo Động¹: Nay không rõ ở đâu.

Nhị Hà: Tức sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên II, 13).

Tháng 2. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Lễ Bộ Hữu thị lang Chương Xưởng đem sắc sang, cho nhà vua tạm quyền coi giữ việc nước An Nam. Nhà vua sai bọn Quản lãnh Phan Tử Viết và đại phu Trình Nguyên Hi sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

Sai quan làm lễ thích điện² cúng tiên sư là Khổng Tử.

Chọn lấy ngày đình³, sai Lê Quốc Hưng làm lễ thích điện ở Văn Miếu. Hằng năm đặt làm lệ thường.

Thái Quân Thực và Nguyễn Trụ⁴ có tội, bị đày.

Trước kia, khi sai sứ sang nhà Minh, các quan theo thứ tự trước sau, xin để Trụ sung vào sứ bộ, còn Quân Thực làm kỳ nhân⁵. Quân Thực có ý bất bình. Khi đến Yên Kinh, nhà Minh theo cấp bậc, ban áo: Quân Thực được thứ áo không có hoa dệt kim tuyến, trong lòng lại càng hậm hực tức tối, mắng chửi bừa lên. Trụ cũng nổi xung, cãi nhau, đánh lộn: Trụ bị thương ở mặt. Rồi hai bên thừa nhau ở Hồng lô tự nhà Minh. Trụ lại đi riêng đến Long Châu, nhận đồ tặng tiễn của nội quan nhà Minh. Trụ còn nói vụng với quan bạn Tống là Lữ Hồi nhà Minh về chuyện tiên đế nghe lời gièm pha, dùng hình phạt không đúng mức⁶. Những việc này bị phát giác. Nhà vua giao Quân Thực và Trụ xuống cho pháp ti bàn xét. Đình thần đều cho rằng hai người vâng mạng đi sứ làm việc ngoại giao, vì tức giận đánh nhau, làm nhục quốc thể: Tội đáng chết; nhưng nghĩ vì họ trước kia đã có công lao, nên cho giảm nhẹ. Nhà vua bèn đày Quân Thực đi châu xa⁷, đày Trụ đi châu gần⁸.

Lời chua - Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chính biên VII, 17).

Tháng 3. Sáu quả bảo ấn đã đúc xong.

Trước kia, dùng vàng bạc đúc sáu quả bảo ấn:

1- Thuận Thiên thừa vận chi bảo, để dùng vào việc truyền ngôi;

¹ Tên đất.

² Làm lễ đặt chén rượu ở trước thần vị để tế tiên sư.

³ Ngày "thượng đình" gọi tắt, tức nhảy đứng vào ngôi thứ tư trong mười thiên can (như giáp, ất, bính, đinh, ...) thuộc thượng tuần (từ mồng 1 đến mồng 10) tháng 2 hay tháng 8 âm lịch.

⁴ Toàn thư XI, 24a chép là Nguyễn Tông Trụ.

⁵ Kỳ nhân, nghĩa đen, là người già, trạc 60 tuổi. Còn cương vị và nhiệm vụ của kỳ nhân trong sứ bộ đương thời thế nào, chưa rõ.

⁶ Chỉ việc Lê Thái Tổ giết Lê Hãn (tức Trần Nguyên Hãn) và Lê Văn Xảo (tức Phạm Văn Xảo). Xem Chính biên XV, 20, 27.

⁷ Châu BỐ chính. Xem Chính biên XV, 10 và XVI, 5.

⁸ Châu Nghệ An. Xem Chính biên XV, 10.

- 2- Đại thiên hành hóa chi bảo, để dùng vào việc đánh dẹp;
- 3- Chế cáo chi bảo, để dùng đóng vào bài chiếu hoặc bài chế;
- 4- Sắc mệnh chi bảo, để dùng vào việc ra hiệu lệnh, thưởng hay phạt;
- 5- Ngự tiền chi bảo, để dùng đóng vào sổ sách;
- 6- Ngự tiền tiểu bảo, để dùng vào việc cơ mật;

Đến nay, sáu ấn báu này đã đúc xong, nhà vua sai Hữu bật Lê Văn Linh làm lễ cáo nhà thái miếu.

Lộ Lạng Sơn và lộ Nam Sách có bệnh dịch.

Xứ La La Tư sai sứ sang triều cống.

Xứ La La Tư giáp với Vân Nam, ăn mặc cũng như Vân Nam.

Lời chua - La La Tư: Theo Nguyên sử loại biên thì La La Tư tuyên úy ti do nhà Nguyên thiết lập, thuộc lộ Vân Nam, đến đời Minh, thuộc vệ Vĩnh Xương.

Tháng 4, mùa hạ. Sâu cắn lúa.

Ra lệnh cho xã quan các lộ làm lễ cúng trừ tai.

Hạ lệnh cho các quan không được coi thường việc dùng sức dân chúng.

Vì bấy giờ việc canh nông đang cần kíp, nhà vua ra sắc bảo các tướng và các quan ở lộ, huyện, trấn thuộc các đạo không được động dụng sức dân một cách khinh thường.

Bọn đại tư đồ Lê Sát xin nhà vua kén lựa những bậc nho thần vào hầu đọc sách ở tòa Kinh Diên. Sự tâu xin này không được trả lời.

Nhà vua ở trong cung, chơi đùa với bọn hầu cận sẵn sàng. Các đại thần tâu xin dùng bọn Lê Trãi và Trình Thuấn Du để cùng với vài ba đại thần, thay đổi phiên nhau, vào hầu nhà vua ở tòa Kinh Diên. Nhà vua trả lại tờ tâu, không nhận.

Nguyễn Cung, một tên tiểu thụ¹ lại càng được nhà vua cưng chiều. Bọn Lê Sát xin giết Nguyễn Cung, nhà vua không nghe. Bọn Sát bèn cáo bệnh, không vào chầu. Quan giữ việc can ngăn là Phan Thiên Tước tâu rằng: "Bậc thánh, chẳng ai bằng Nghiêu, Thuấn, thế mà còn phải lấy Quân Trụ và Thành Chiêu làm thầy. Từ xưa, các bậc đế vương sở dĩ tăng tiến được thánh đức, chưa từng có ai không nhờ ở học vấn, huống chi bệ hạ ngày nay, đương lúc tuổi sức còn mạnh, đối với đường lối trị nước xưa nay, nào đã có thể biết khắp được đâu? Bọn đại tư đồ Lê Sát xin lựa các nho thần ở bên tả hữu, chùng có ý muốn cho bệ hạ trở nên như Nghiêu, Thuấn đó thôi. Vậy sao bệ hạ lại coi thường mưu chước quan trọng làm vì lợi ích xã tắc ấy mà nỡ trái ý trung thành của bọn Lê Sát khiến họ đâm ra đau buồn, không vào chầu được? Nguyên xin bệ hạ nghĩ lại, coi trọng mệnh lệnh gửi gắm của tiên đế thì bốn biển được nhờ phúc của bệ hạ đấy".

Nhà vua lại cười voi, cho lồng chạy ở trong sân hậu cung. Nhân bấy giờ có người tiến con dê rừng. Nhà vua cho voi chọi nhau với dê rừng. Con dê vùng lên, xông vào húc: voi sợ, lùi về phía sau, sa xuống giếng. Bọn Thiên Tước và Lê Sát lại dâng lời can ngăn. Nhà vua lặng im.

Thiên Tước lại cùng bọn Lương Thiên Phúc và Nguyễn Chiêu Phủ dâng sớ, nói: "Đức tiên đế gọi gió, chính mình mặc áo giáp, đội mũ trụ, nhọc tinh thần, mệt thể chất hàng hơn 10 năm, mới dẹp yên được thiên hạ. Bệ hạ được nối cơ nghiệp sẵn sàng, đáng nên lưu tâm vào học thuật, chăm cầu người hiền để lo toan cho nước được thêm thịnh trị. Thế mà nay đại thần xin lựa văn thần vào hầu học tập ở Kinh Diên, bệ hạ lại bỏ qua, không xét! Đó là một điều không nên.

¹ Hạng bầy tôi bé nhỏ ở trong cung.

"Tiên đế chọn người làm mẫu sư¹ để khuyên dạy ở trong cung, thế mà bệ hạ lại khinh nhường quả mãng, không nghe! Đó là hai điều không nên.

"Thần phi và Huệ phi² vào cung để khuyên răn dạy bảo thì bệ hạ vội trước sai đóng cửa, không cho vào. Đó là ba điều không nên.

"Trong đám bệ vệ quản lãnh³ thấy bệ hạ không đọc sách, lại cầm cung đi bắn chim, có người đứng ra can ngăn, nhưng bệ hạ không nghe, lại giữ cung để bắn người ta! Đó là bốn điều không nên.

"Tiên đế lựa lấy con em các công thần để hầu bệ hạ học tập, nhưng bệ hạ đều nhạt nhẽo, xa lánh; chỉ chơi đùa với những kẻ hầu cận sẵn sàng. Đó là năm điều không nên.

"Phàm người làm vua tất phải tìm kiếm bậc hiền tài, thưởng cho những người biết nói thẳng, cố can ngăn và có công lao; thế mà nay bệ hạ lại chơi đùa và ban thưởng cho hoạn quan. Đó là sáu điều không nên.

"Thần đang giữ chức can ngăn, sợ hãi đợi tội, dám chẳng hết lòng tâu bày. Nguyên xin bệ hạ những khi ra coi triều, hoặc tiếp các đại thần, hoặc nghe bày tâu tâu bày chính sự, phải nên giữ vẻ tôn nghiêm, bình tĩnh, ngay thẳng. Bằng dung nghi hòa nhã của thiên tử, bệ hạ kính trọng bậc đại thần, yên ủi người có công, dung nạp những người can ngăn thẳng thắn để mở rộng đường ngôn luận, thấu suốt tình hình kẻ dưới, như vậy chính nhà vua cũng sẽ trở nên được bậc đại hiếu, biết nổi chí và noi theo việc làm của vua cha, chứ chẳng riêng vì Thành Vương nhà Chu và Thái Giáp nhà Thương được độc chiếm tiếng khen ấy đâu".

Thấy tờ sớ này, nhà vua giận lắm, sắc sai bọn tả hữu bọn Lê Cảnh Xước và hoạn quan Đinh Hối đến khắp nhà bọn Thiên Tước vặn hỏi xem tên họ những ai đã mách bảo Thiên Tước những chuyện trên đây. Thiên Tước thưa rằng: "Đó là Lê Lãnh, Đồng tổng quản ở vệ quân Bắc Giang hạ, đã bảo cho biết. Chúng tôi chỉ cốt hết lòng yêu vua, làm tròn chức vụ, dù chết cũng chẳng lo gì!". Bọn Cảnh Xước bèn trở về.

Ngày hôm sau, Thiên Tước vào chầu tâu: "Ngu Thuấn⁴ là bậc thánh nhân, thế mà Bá Ích còn khuyên răn đừng có buông tuồng biếng nhác. Đường Thái Tông⁵ là bậc vua hiền, thế mà Ngụy Trưng⁶ còn khuyên phải đề phòng mười điều sai lầm có thể đi dần đến chỗ xấu⁷. Chúng tôi lạm giữ chức can ngăn, sợ nhà vua mắc lỗi, nên mới trở sức, giải lòng ngu dại điên rồ. Nếu bệ hạ tiếp nhận những lời can ngăn này thì hạng người cắt cỏ, kiểm củi hoặc làm thợ thuyền sẽ đều cởi mở mà trình bày được hết điều ắp ủ và đức thánh minh của bệ hạ sẽ càng thêm sáng tỏ lớn lao". Nhà vua có ý nghe ra.

¹ Người nữ sư vừa sẵn sóc vừa dạy dỗ hạng vua trẻ tuổi.

² Tước là Trần Thị và Phạm Huệ Phi, hai người vợ lẽ Lê Thái Tổ, đều là dì ghê của Lê Thái Tông.

³ Chức quan võ gần vua ở đương thời.

⁴ Cương mục in là Nghiêu, Thuấn. Đây theo Toàn thư XI, 22b chép là "Ngu Thuấn" đúng hơn, vì bấy giờ Bá Ích khuyên răn Ngu Thuấn đừng biếng nhác, đừng buông tuồng (vô đại, vô hoang) thì Nghiêu đã chết rồi (xem Thiên đại vũ mô trong Kinh thư).

⁵ Tên là Thế Dân, con Đường Cao Tổ, trị vì từ năm 627 đến năm 649.

⁶ Ngụy Trưng, tên tự là Huyền Thành, người Khúc Thành đời Đường, khi làm quan dưới triều Đường Thái Tông, Trưng có dâng đến hơn hai trăm bản tấu để can ngăn, lời lẽ thiết tha thành khẩn, được nhà vua kính sợ.

⁷ Nguyên văn là "Thập tiêm", tức là mười điều Đường Thái Tông tỏ ra dần dần không được tốt bằng khi mới lên ngôi: 1- Sai sứ đi xa hàng muôn dặm để lùng tuần mã và kiểm đồ bầu lạ; 2- Do lòng xa xỉ kiêu rông, định dùng nhân lực vào việc doanh tạo; 3- Buông thả lòng ham muốn, làm nhục người ta; 4- Suông sã với tiểu nhân, xa lánh quân tử; 5- Thích nhận những của hiếm có, ham làm những sự để chơi; 6- Yêu hay ghét ai chỉ tùy theo ý riêng của mình; 7- Ham thú săn bắn; 8- Nét mặt không có thái độ để tiếp người dưới và hay vặn hỏi lỗi nhỏ của người ta; 9- Gây to kiêu ngạo, dùng nhằm việc võ; 10- Làm cho dân khổ vì điều dịch đến nhục mệnh, xơ xác, oán thán, chia lìa.

Lời chua - Trình Thuấn Du: Người Tân Hưng thuộc huyện Duy Tiên¹, đỗ khoa minh kinh năm Kỷ Dậu, Thuận Thiên thứ 2 (1429).

Sắc sai trăm quan phải tu tỉnh, chăm lo làm tròn chức vụ.

Nhà vua ra sắc dụ bảo các quan văn võ trong kinh và ngoài các lộ: "Gần nay ít kẻ biết giữ phép công, tuân theo pháp luật: Người giữ tiền bạc, để bê trễ đọng lại, cố ý làm khó khăn; kẻ coi quân đội, không thương xót binh lính. Còn cai trị dân, thì không lo chăn dắt nuôi dạy, chỉ buông tha cho bọn giàu có, riêng trút sai dịch vào hạng bần cùng; xử kiện thì không giữ công bằng, chỉ nghĩ đến bè đảng và ăn hối lộ; làm việc thì không cần mẫn, chỉ chèn chén và tiệc tùng. Những kẻ canh giữ quan ải, không nghĩ đến việc kiểm tra xét hỏi, chỉ mưu tính buôn bán để làm giàu.

"Các người cùng hưởng lộc trời, chăn dân của trời, thế mà làm việc như vậy há chẳng trái nghịch với trời sao? Từ nay các người nếu biết sửa đổi lỗi trước, noi theo đường thiện, hết lòng trung ái, thương yêu quân và dân, hòa thuận giữa bạn đồng僚, công bằng xét xử việc hình ngục và kiện tụng, khuyến khích canh nông và tằm tang, dẹp yên trộm cướp, trao đổi đức hiển vinh, con cháu sẽ được hưởng phúc. Nếu không thể thì nhà nước đã có pháp luật đây".

Bắt đầu đặt ra thể lệ cấp phát giấy tờ "lộ dẫn". Phàm quân và dân ở các lộ vào kinh đô vì có việc công hoặc vì buôn bán, hay là các nha thuộc kinh đô có việc đi ra các lộ đều phải do quan trên, mà mình thuộc quyền, cấp phát cho giấy tờ chứng nhận. Các nơi quan ải và bến sông phải kỹ càng kiểm tra xét hỏi giấy tờ rồi mới cho phép đi lại thông đồng.

Lời phê² - Bầy tôi vừa mới can ngăn, vua đã tức thì ban ra sắc lệnh: cả hai đều không phải có ý thành thực tu tỉnh khuyên răn lẫn nhau. May mà trong nước được vô sự, là vì nhờ công đức của Lê Thái Tổ còn để lại đó thôi.

Thăm dò xét hỏi về thực trạng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ, rồi cho thăng chức hoặc biếm truất có khác nhau.

Trước kia, nhà vua bí mật sai đi dò hỏi về thực trạng thanh liêm hay tham nhũng của các quan lại ở trong kinh đô và ngoài các lộ để tâu vua biết. Đến đây, ban thường cho những người làm việc lâu năm mà siêng năng chịu khó, chia làm hai bậc:

Bậc nhất, thường tước 1 tư³ tiền 5 quan;

Bậc nhì, thường tước 1 tư⁴.

Còn những kẻ tham ô, làm trái phép nước, từ Tuyên úy, tướng hiệu đến Tuyên phủ, Chuyển vận và Tuần sát gồm 53 người đều bắt giao cho quan pháp ti xét hỏi.

Ban cho sư Huệ Hồng áo phẩm phục màu lục pha đỏ (phi).

Lời chua - Huệ Hồng: Sư chùa Báo Thiên.

Áo màu lục pha đỏ (phi): Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chính biên XV, 22).

Tháng 8. Sâu cắn lúa.

Đúc tượng Thái Tổ và tượng Quốc thái mẫu⁵ bằng vàng.

Đúc tượng xong, sai nhà sư làm phép điểm nhỡn, rồi sau mới rước lên nhà thái miếu để thờ.

¹ Thuộc tỉnh Hà Nam.

² Về việc ra sắc lệnh khuyên bảo trăm quan tu tỉnh, chăm lo làm tròn chức vụ.

³ Xem chú giải số 2 ở Chính biên VII, 4.

⁴ Xem chú giải số 2 ở Chính biên VII, 4.

⁵ Túc bà Cung Từ, mẹ Lê Thái Tông.

Lời phê - Tâm bậy¹!

Mở kỳ thi tại Tập Đường để sát hạch những giáo chức và những người quân và dân có học.

Bấy giờ các giáo quan phần nhiều không xứng đáng với chức vụ, lại hay chê bai nói xấu lẫn nhau. Việc này lên đến triều đình. Nhà vua sai các giáo chức ở Quốc Tử Giám và ở các lộ cùng với những người quân và dân có học vấn đều tập hợp để thi ở Văn Tập Đường, rồi căn cứ vào đấy sẽ xét kỹ để bổ dụng hoặc sa thải. Chân giáo chức nào khuyết sẽ lấy những người quân và dân đã thi đỗ mà bổ dụng vào.

Giảm thuế.

Bấy giờ bàn việc giảm nhẹ ngạch thuế khóa. Sắc sai: phạm đất bãi công ở sở tại đều chia cấp cho quân và dân làm sản nghiệp đời đời: quân thì 5 sào, dân thì 4 sào, đều được miễn thuế. Còn riêng hạng quan, quả² đều không được miễn. Phan Thiên Tước nói: "Chính sự của vương giả, đối với những người quan, quả, phải thương xót trước, nay ơn huệ chỉ nhuần thấm đến quân và dân, còn hạng quan, quả phải riêng chịu khô héo! Thế thống chính sự há nên như vậy ư?". Do đấy, hạn người quan, quả cũng được miễn tô 3 sào.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua đi đến Đông Tân, xem thi bơi³.

Lời chua - Đông Tân: Ở bờ sông Nhị, phía đông thành Đông Kinh.

Điểm duyệt quân đội và chiến cụ.

Sắc sai các quân: Hạn đến ngày 15 tháng 11⁴ đều tới điểm duyệt tại chỗ đã xác định.

Mùng 1, tháng 11. Nhật thực, nhưng không cứu chữa⁵.

Theo lời mật tấu của Bùi (Thì) Hanh, không cứu chữa khi có nhật thực.

Có sấm sét. Cầu vòng mọc.

Trời có tiếng kêu như sấm sét. Kinh đô động đất.

Bồn Man đến triều cống.

Bồn Man giáp với châu Ngọc Ma, thấy Cầm Quý ở Ngọc Ma không giữ lễ cống (nhà Lê), sợ vạ lây đến mình, nên phải quy phục trước, và đem dâng cống các sản vật địa phương, gà voi, sừng tê. Nhà vua ban khen, thưởng cho áo dệt kim tuyến.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Nhà vua sai bọn Tổng quản Lê Bôi và Tham đốc⁶ Lê Văn Linh đi đánh châu Ngọc Ma, bắt được Cầm Quý, giải về Kinh đô, giết chết.

Cầm Quý có hơn vạn quân. Khi Thái Tổ mới khởi nghĩa Quý đem quân đi theo, được trao chức Thái úy; sau đó, Quý ngờ vực và hối hận, tự ý rút lui. Nhưng cậy chỗ ở là nơi hiểm trở xa khơi, Quý

¹ Chỉ việc sai sự điểm nhỡ cho hai pho tượng vàng.

² Quan: đàn ông không vợ. Quả: đàn bà góa chồng.

³ Toàn thư XI, 31b chép rõ là "xem năm quân (ngũ quân) thi bơi". Như vậy cuộc thi bơi này chỉ riêng có quân đội được dự thôi.

⁴ Năm Ất Mão, 1435.

⁵ Theo mê tín xưa, nhật thực là một tai biến, nên gặp khi nhật thực, người ta thường cứu chữa bằng mọi hình thức như gõ mâm, nổi, đập nong, mẹt, v.v...

⁶ Chức quan nằm trong một vệ ở đầu thời Lê. Đứng đầu mỗi vệ là Đề đốc, Tham đốc đứng thứ hai.

không dâng nộp cống phú. Hãn là người tham lam tàn bạo, thê thiếp có đến hàng trăm, cung thất làm rất đồ sộ, cột nhà bằng đồng. Hãn bắt dân dưới quyền mình đóng góp nặng nề. Lê Thái Tổ đã định đi đánh, nhưng vì bận nhiều việc khác, nên chưa rảnh làm đến việc này. Đến đây, nhà vua sai bọn Lê Bôi đem các quân và binh lính ở trấn Nghệ An chia các đường tiến đánh: đến đâu thẳng đấy, bắt được Quý, đóng cũi giải về kinh đô, giết chết.

Vét sông Đông Ngàn.

Điều động các quân vét sông Đông Ngàn để sự chuyển chở binh lương được thông đồng.

Lời chua - Đông Ngàn: Tức Cổ Pháp. Xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thụy thứ 2 (Chính biên II, 6).

Bính Thìn, năm thứ 3 (1436). (Minh, Anh Tông, năm Chính Thống thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ sang nhà Minh.

Nhà vua sai Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang nhà Minh, cầu xin phong vương.

Tháng 5, mùa hạ. Ân xá.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XVII

Từ Đinh Tị, Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) đến Đinh Mão, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 5 (1447), gồm mười một năm.

*

Đinh Tỵ, năm Thiệu Bình thứ 4 (1437). (Minh, năm Chính Thống thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Quy và Thang, thổ tù ở Gia Hưng, làm phản. Dẹp yên được.

Bọn Đạo Quy và Đạo Thang (không rõ họ hai người này) thổ tù mỗi châu thuộc trấn Gia Hưng, nổi lên làm phản, bắt giết Đại tri châu Đạo Lễ (cũng không rõ họ), rồi chiếm giữ bản châu. Chiêu thảo sứ Hà An Lược đem lính thổ đi đánh, bắt được bọn Quy và hơn trăm đồ đảng, giải về kinh đô, giết chết.

Nhà vua dùng An Lược làm Chiêu thảo đại sứ. Lại dùng Đạo Xa (không rõ họ), con của Quy, làm Hoài viễn tướng quân, coi quản công việc trong châu, ban cho mũ áo và đai.

Lời chua - Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Mỗi châu: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, thì Thuận Châu¹ thổ âm gọi là Mường Muối. Lại theo Gia phả họ Bạc trong Hưng Hóa tỉnh sách thì Đạo Chương chiêu tập võ về những người Mường Muối cư trú tại đó. Mường Muối nay là Thuận Châu. Sử cũ cho chữ "Muối" là tiếng nôm², nên gọi là Mỗi Châu hoặc châu Thuận Mỗi³.

Đạo: Tức là chức Phụ đạo⁴.

Quy, Thang, Lễ, Xa: Có người nói bốn tên này đều là dòng dõi họ Xa.

Hà An Lược: Người Mai Hạ thuộc Mai Châu. Theo Gia phả⁵, thì An Lược đem lính thổ đến Mộc Châu, bắt được bọn Quy, Thang và đồ đảng của chúng, giải về kinh đô, giết chết. Triều đình phong An Lược làm Chiêu thảo đại sứ.

Sứ nhà Minh sang.

Trước kia, nhà vua sai bọn Lễ bộ Thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang Minh cầu xin phong vương⁶. Đến đây, nhà Minh sai bọn Binh Bộ Thượng thư là Lý Úc và Thông Chính sứ ti hữu thông chính sứ là Lý Hanh đem chiếu sắc và ấn vàng sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

¹ Thuận Châu (nay là huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La) này khác với Thuận Châu là tên đất cùng với Hóa Châu do nhà Trần đặt cho Ô Lý của Chiêm Thành cũ, khoảng năm 1293-1331 (Xem Chính biên I, 28).

² Nguyên văn chép là "tục tự".

³ Xem Chính biên XVII, 20 và XXIII, 28.

⁴ Thổ quan ở miền dân tộc thiểu số.

⁵ Cương mục không chép rõ Gia phả này là của nhà họ Bạc trên đây hay là của nhà Hà An Lược.

⁶ Việc năm Bính Thìn, 1436 (xem Chính biên XVI, 33).

Nhà vua sai bọn Hùng Tiệp hữu quân quản lĩnh là Thái Sĩ Minh, Thẩm hình viện sự là Hà Phủ và Hữu hình viện Đại phu là Nguyễn Nhật Thăng sang Minh đáp tạ.

Sai Nhập nội hành khiển Lê Trãi và hoạn quan Lương Đăng cùng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc.

Trãi dâng bản đồ vẽ khánh đá¹ và nhân đó tâu rằng: "Dẹp loạn, dùng võ, thái bình dùng văn. Ngày nay chế định lễ nhạc, chính là đúng lúc. Nhưng cội gốc nếu không vững thì lễ nhạc không dựa vào đâu mà đứng được; văn hiến nếu không có lễ nhạc không bởi đâu mà thực hành được. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Tôi, vâng theo chiếu chỉ, thẩm định nhã nhạc, không dám không hết lòng; ngặt vì học thức kém cỏi, khó lòng điều hòa được luật điệu âm nhạc là món thần diệu tinh vi. Nguyên xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng dân đen để nơi làng xóm quê thôn không còn có tiếng sầu than oán giận. Thế mới không lỗi mất căn bản của nhã nhạc". Nhà vua ban khen và tiếp nhận lời tâu của Trãi.

Lời phê - Lời tâu bày tụy nói đúng được căn bản của nhạc, nhưng khi thi hành ra chính sự thì khó đấy.

Truy tôn thêm thụy hiệu để hậu cho các tổ khảo.

Vì có việc nhà Minh ban sắc phong vương, nên sửa lễ cáo nhà thái miếu, truy tôn thêm các tôn hiệu.

Hiển tổ Chiêu Đức Trạch hoàng đế làm Hiển tổ Chiêu đức Chí nhân Trạch hoàng đế².

Hiển từ Gia thực hoàng thái hậu làm Hiển từ Gia thực Khâm thuận hoàng thái hậu³.

Tuyên tổ Hiến văn Phúc hoàng đế làm Tuyên tổ Hiến văn Duệ triết Phúc hoàng đế⁴.

Trình từ Ý văn hoàng thái hậu làm Trình từ Ý văn Trang hiến hoàng thái hậu⁵.

Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ hoàng đế làm Thái tổ Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ Đại hiếu hoàng đế⁶.

Cung Từ Quốc Thái mẫu làm Cung Từ Quang Mục Hoàng Thái hậu⁷.

Thăng trật cho bách thần.

Gia phong cho các thần linh trong nước, sai các quan đến làm lễ tế, khẩn cáo về việc nhà vua được sắc phong vương.

Khảo thí võ nghệ.

Khảo thí và điểm duyệt võ nghệ của các tướng hiệu trong các quân vệ. Phép thi thế này: trước thi cung tên, thứ đến tiến thủ¹, thứ nữa đến sử dụng áo giáp và lá chắn. Ba món thi trên đây, nếu đều

¹ Nguyên văn chép **Cương mục** là "Thạch khánh đồ" (Chính biên XVII, 2). Nhưng đến Chính biên XX, 14, **Cương mục** lại chép là "Thạch bản đồ". Và nhiều sách khác cũng chép là "Thạch bản đồ". Đó có lẽ là vì chữ "khánh" và chữ "bản" tự dạng chữ Hán hơi giống nhau, nên dễ gây ra lầm lẫn. Nay theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì chữ "khánh" có lẽ đúng hơn: một là vì Nguyễn Trãi khi dâng "Thạch khánh đồ" (bản đồ vẽ khánh đá) gắn liền với việc tâu bày về nguyên lý âm nhạc, sau khi Nguyễn Trãi vâng chiếu chỉ soạn nhã nhạc; hai là vì chính **Việt sử thực lục** (nằm trong bộ **Toàn thư**) là bản sử tương đối xưa hơn, chép rõ là "Thạch khánh đồ" (quyển XI, tờ 35b). Vậy có thể tạm khẳng định rằng những chỗ chép là "Thạch bản đồ" đều không đúng.

² Tên là Thịnh, cụ (tăng tổ) của Lê Thái Tông.

³ Tức Nguyễn Thị, là vợ của Thịnh và là cụ bà của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XV, 6-7.

⁴ Tên là Khoáng, ông nội của Lê Thái Tông.

⁵ Tức là Trịnh Thị, là vợ của Khoáng và là bà nội của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XV, 6-7.

⁶ Tức Thái Tổ Lê Lợi, cha của Lê Thái Tông.

⁷ Tức Phạm Thị Trần, người làng Quần Lai thuộc huyện Lôi Dương, Thanh Hóa, là vợ lẽ của Lê Lợi và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Xem thêm Chính biên XVI, 14; **Toàn thư** XI, 1.

trúng cách thì được cấp cả toàn bổng; nếu không trúng thì lương bổng phải giảm dần xuống. Phép thi này đặt làm thành lệ mãi mãi.

Tháng 3. Biểu dương người tiết phụ họ Lê ở Quốc Oai.

Lê Thị Liễu, người Phúc Lâm thuộc Quốc Oai², là vợ Lương Thiên Tích, Túc vệ nhà nhuận Hồ³, có nhan sắc. Goá bụa sớm, không có con, bà vẫn ở lại nhà chồng, giữ việc thờ cúng đến trọn đời. Thiếu bảo Lê Quốc Hưng đem việc này tâu lên triều đình, nên nhà vua ban cho bà tấm biển treo ở nhà để biểu dương.

Lời chầu - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Phúc Lâm: Thay đổi ra sao, không rõ.

Hạ hán.

Nhà vua ra lệnh cho các lộ làm lễ đảo vũ.

Nhà vua đi xem đánh cá ở Hồ Tây.

Lời chầu - Hồ Tây: Túc Lăng Bạc. Xem thuộc Hán, Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tiền biên II, 11).

Tháng 4, mùa hạ⁴. Từ tháng 3 đến tháng này không mưa.

Làm lễ đảo vũ ở cung Cảnh Linh.

Lời chầu - Cung Cảnh Linh: Xem Lê Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chính biên IV, 21).

Tháng 5. Nhà vua đi báii yết thái miếu. Bãi bỏ trò chèo hát⁵.

Trước kia, nhà vua sai Lê Trãi là Lương Đăng cùng làm việc hiệu đính và quy định nhã nhạc. Những điều bàn luận của Trãi phần nhiều không hợp với Đăng, nên Trãi dâng sớ xin từ việc, được nhà vua ưng thuận. Đăng nhân đó dâng kiến nghị, nói: "Trong lễ, có lễ đại trào và lễ châu thường. Các lễ tế giao, các nhà thái miếu, ngày sinh nhật nhà vua và tết nguyên đán đều là lễ đại trào, hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, lên ngự bảo tọa; trăm quan đều đội mũ và mặc áo đại trào. Ngày mồng một và ngày rằm, hoàng đế mặc áo hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự bảo tọa; trăm quan đều mặc công phục, đội mũ phước đầu⁶. Gặp lễ châu thường, hoàng đế mặc hoàng bào, đội mũ xung thiên, lên ngự kim đài; trăm quan mặc thường phục cổ tròn, đội mũ lượt thâm (ô sa mạo).

"Nhã nhạc thì có: nhạc tế giao, nhạc tế thái miếu, nhạc ngũ tự⁷, nhạc cứu nhật thực và nguyệt thực, nhạc dùng trong lễ đại trào, nhạc dùng trong lễ châu thường, nhạc chín lần tấu trong bữa đại yến, nhạc dùng trong cung. Tất cả không thể dùng chung như nhau được".

¹ Hai chữ "tiển thù" đây có lẽ là "thù tiễn" mà Cương mục in lầm. Vì tham khảo các sách chỉ thấy có "thù tiễn" nghĩa là tên bản bằng tay. Xem chú giải ở Chính biên XV, 14.

² Thuộc tỉnh Hà Tây.

³ Theo quan niệm sử thuần phong kiến, nhà Hồ (1400-1406) không được kể là chính thống nên bị chép là nhuận Hồ hoặc ngục Hồ. Xem thêm chú giải số 2 ở Chính biên XIII, 1.

⁴ Trong tháng 4 mùa hạ này có việc rất quan trọng mà Cương mục lược bỏ là: "nhà vua muốn xem thú chiểu và thơ văn của họ Hồ (tức Hồ Quý Ly). Nguyễn Trãi lật lượm sao lục được vài mươi bài thơ văn bằng nôm của họ Hồ, đem dâng vua" (Toàn thư XI, 38).

⁵ Nguyên văn là "bãi ưu hí".

⁶ Xem chú giải số 2 ở Chính biên III, 23.

⁷ Thờ năm thần. Về ngũ tự, có nhiều thuyết, đây chỉ nêu hai thuyết căn hơn: thuyết thứ nhất, ngũ tự là: câu mang (thần cây cối), nhục du (thần loài kim), huyền minh (thần nước), chức dung (thần lửa), và hậu thổ (thần đất). Thuyết thứ hai, ngũ tự là: thần công, thần giếng, thần cửa, thần bếp và thần nhà giữa.

Nhà vua ứng theo kiến nghị của Lương Đăng. Rồi cuối cùng ra lệnh cho thi hành.

Tháng 6. Hạng hán và hoàng trùng¹.

Nhà vua ra lệnh cho các lộ và các trấn làm lễ đảo vũ.

Ở kinh đô có mưa.

Bây tôi vào chúc mừng. Nhà vua sai họ đi các lộ xem có mưa không.

Hạ chiếu giảm bớt hình phạt, đánh nhẹ thuế khóa.

Tờ chiếu có nói: "Gần nay, hạng hán, hoàng trùng, lệ khí và tai nạn dồn dập xảy đến! Vậy nay nên giảm bớt hình ngục, nới nhẹ thuế khóa để yên ủi lòng dân".

Dùng Lê Khả làm Hành quân tổng quản², coi giữ cấm quân, Bóc chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Tha Bùi Ư Đài và cho khai phục quan chức. Biếm truất Tây đạo tham tri³ Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn; rồi tống giam vào ngục, giết chết.

Bấy giờ nhà vua đã khôn lớn, xét xử và quyết định công việc ngày càng sáng suốt. Lê Sát còn cứ tham quyền cố vị. Nhà vua chán ghét Lê Sát, bèn mưu tính với những người ở bên tả hữu, cho rằng Lê Sát và Lê Hươu là bà con của Sát, Lê Khả vốn có hiềm khích với Sát. Nhà vua bèn đuổi bọn Ê ra ngoài, dùng Khả giữ quân cấm vệ. Sát còn cố chấp, cho là không nên. Nhà vua nổi giận, đứng dậy, đi vào trong cung, mật sai báo việc này cho mấy viên quan giữ việc can ngăn là bọn Đinh Cảnh An và Nguyễn Vĩnh Tích biết. Bọn Cảnh An liền cùng nhau dâng thư hạch Sát về tội chuyên quyền.

Nhà vua giao xuống cho tòa pháp ti xét hỏi vụ Lê Sát. Bọn Lê Văn Linh và Lê Ngân đều bào chữa cho Sát, nhưng nhà vua không nghe, bèn bóc hết chức tước của Sát. Hạ chiếu rằng: "Lê Sát ghen ghét người tài năng, tự tiện cầm quyền oai phúc, kể đã lâu ngày. Hãm giết Nhân Chú⁴, truất giáng Lê Khả⁵, đày Tư Đày⁶, ruồng bỏ Cầm Hồ⁷. Xét những việc hãm làm đó đều là trái đạo làm tôi. Nay muốn khép hãm vào tội để giải tỏ phép nước, lại nghĩ Sát là đại thần nhận lãnh mạng lệnh tiên đế dặn lại, nên rộng ban ơn, đặc cách tha cho tội chết, nhưng phải cách chức".

Tha Bùi Ư Đài, cho khai phục quan chức, cất làm Tham tri coi giữ sổ sách quân và dân ở Tây đạo.

Biếm truất Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch và Đặng Đắc xuống làm An phủ sứ ở Lạng Sơn, sau đó tống giam vào ngục, ra lệnh chém để rao cho mọi người biết. Đó vì Đặng Đắc là kẻ bày mưu lập kế cho Lê Sát.

Lời phê⁸ - Lê Thái Tông cũng không phải là ông vua sáng suốt.

Đại Tư mã, tham dự triều chính, Đình thượng hầu, Lê Văn An, chết.

Văn An là người hòa nhã, dễ dãi, tiếp đón các nho sĩ và đại phu bao giờ cũng giữ lễ độ. Đến đây, Văn An chết, đặt tên thụy là Trung Hiến.

Sét đánh cửa Đông Thành (Đông Kinh).

¹ Sâu cắn lúa.

² Một chức quan đặt không thường xuyên.

³ Một chức quan coi giữ sổ sách quân dân ở một đạo.

⁴ Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

⁵ Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

⁶ Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

⁷ Xem Chính biên XVI, 5, 7, 13 và Chính biên XVII, 8.

⁸ Về việc Lê Thái Tông nổi giận với Lê Sát, rồi vào cung, sai mật báo cho chọn Đinh Cảnh An biết việc Lê Sát cố chấp, không theo ý vua.

Giáng Tham đốc Lê Văn Linh xuống làm Tả bộc xạ¹, giáng Điện tiền đô kiểm điểm Lê Ê xuống làm Đông tổng quản lộ Quy Hóa.

Vì bọn Văn Linh và Lê Ê là chỗ thân tình của Lê Sát, nên đều phải biếm truất và truy đoạt tẩm biển "công thần" được ban cho từ triều Thuận Thiên².

Lời chua - Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Dùng Lê Ngân làm Nhập nội đại đô đốc, đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti.

Lại dùng Bùi Cầm Hổ làm Trung thừa.

Trước kia, Cầm Hổ làm Trung thừa vì hặc Lê Sát, nên bị đày ra làm An phủ sứ lộ Lạng Sơn; đến đây, Lê Sát bị đổ, Cầm Hổ được nhà vua khen là cương trực, nên có mạng lệnh cho làm chức này.

Tháng 7, mùa thu. Lê Sát có tội, cho phép được tự tử. Gia sản bị tịch thu. Nguyên phi Lê Thị, con gái của Sát, bị phế làm thứ nhân³.

Bấy giờ có người cáo tố rằng Lê Sát nuôi bọn võ sĩ Lê Thảo, Lê Khả và Lê Khắc Hải làm thích khách, mưu toan làm hại Lê Ngân. Nhà vua nổi giận, hạ chiếu rằng: "Sát nay nuôi dưỡng những tay liều chết để mưu hại người trung lương, dấu tích gian ác của hắn ngày một lộ liễu. Vậy đáng nên chém để rao cho mọi người biết".

Bọn Lê Ngân và Bùi Cầm Hổ tâu rằng: "Tội Sát đáng chết đấy thật, nhưng Sát đã từng làm đến đại thần, nên phanh thây làm nhục, e để đời sau chê cười!".

Nhà vua bèn cho phép Sát được tự tử. Tịch thu các đồ vật của Sát, chia ban cho quần thần. Vợ con và tài sản của Sát đều bị sung công. Nguyên phi Ngọc Dao, con gái của Sát, sau khi Sát phải tội, cũng bị phế.

Sách phong chiêu nghi⁴ Lê thị lên làm Huệ phi.

Phi, là con gái Lê Ngân, sau khi Ngọc Dao bị phế, được lên bậc này.

Phía tây nam có tiếng như sấm. Gió to, mưa lớn.

Tháng 8. Dùng Lê Khả làm Thiếu úy.

Nguyễn Văn Lô xin cho mò ngọc trai. Nhà vua không cho phép.

Văn Lô tâu xin cho mò hạt trân châu ở Đông Hải để sung vào việc tiêu dùng trong nước. Nhà vua không nghe.

Lời chua - Đông Hải: Trấn An Bang thuộc Đông đạo, có hải phận Vân Đồn, trong hải phận này có sản ngọc trai.

Hạ chiếu răn bảo pháp ti đoán hình ngục phải theo đúng luật pháp.

Nhà vua dụ rằng: "Phàm người giữ việc xét đoán ngục tụng phải nên căn cứ vào điều chính trong minh văn của luật pháp. Khi tội danh đã phù hợp với luật rồi thì trước phải tường trình với các đại thần,

¹ Chức Tả bộc xạ được đặt từ thời Trần hàm nhị phẩm, tương đương với Hành khiển thượng thư tức là chỉ dưới Tể tướng. Đầu thời Lê gọi là Thị trung bộ xạ chỉ dành cho Đại thần giữ then chốt rất quan trọng. Cương mục chép Lê Văn Linh đang làm Tham đốc bị giáng xuống làm Tả bộc xạ có lẽ chép nhầm. Bởi vì Tham đốc là chức quan võ nằm trong một vệ dưới chức Đề đốc hàm nhị phẩm.

² Niên hiệu Lê Thái Tổ, 1428-1433. Xem thêm Chính biên XV, 20-22.

³ Người dân thường, không có chức tước phẩm trật gì.

⁴ Chiêu Nghi là một cấp bậc vợ lẽ của vua, ở trong hàng tam chiêu (chiêu nghi, chiêu dung và chiêu viên) thuộc bậc cửu tần (chín cung tần), dưới hậu và hoàng phi (xem Chính biên XVIII, 16-17).

thái giám và đài quan¹ cùng nhau công đồng xem xét, rồi sau mới kết án tâu lên vua, chứ không được thiên vị vì tình riêng, cứ theo ý mình mà tăng nặng hay giảm nhẹ như kiểu Lê Sát đã làm ngày trước".

Lời chua - Thái giám: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn, Lê Thái Tổ cất đặt quan lại, có chức thái giám, dùng những người họ thân có công lao đứng làm, chức vị ở dưới Nhập nội hành khiển và Xu mật đại sứ.

Dùng Lê Đổ làm Chính sự viện đồng tham nghị.

Trung thừa Bùi Cầm Hổ can rằng: "Tham nghị là chức giúp rập chính sự, nếu không phải là bậc lão thành thì không nên dùng. Nay Lê Đổ có nhiều lầm lỗi, thế mà cho lên làm chức này, e không thể khuyến khích người khác được". Nhà vua không nghe.

Lời chua - Chính sự viện đồng tham nghị: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới lập ra chính sự viện, có những chức tham tri chính sự, tham nghị và đồng tham nghị để nắm giữ công việc then chốt.

Tháng 9. Hoạn quan Lương Đàng dương nhả nhạc mới.

Nhạc mới này, mô phỏng nhạc khí của nhà Minh mà làm ra. Nhạc tấu ở trên nhà, có: trống cái, bộ khánh², bộ chuông³, đàn cầm⁴, đàn sắt⁵, sinh⁶, tiêu⁷, quản⁸, thước⁹, chúc¹⁰, ngũ¹¹, huân¹², trì¹³. Nhạc tấu ở dưới thêm, có: phương hưởng¹⁴, không hầu¹, đàn tì bà² và quản địch³ dùng.

¹ Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

² Nguyên văn "biên khánh", thứ nhạc khí gồm 16 chiếc khánh cùng treo vào một giá bề dài và bề ngang đều giống nhau, chỉ khác là có cái mỏng, cái dày để hợp với 12 chính luật và 4 bội luật (theo Từ Nguyên, trang 1175).

³ Nguyên văn "biên chung". Thứ nhạc khí gồm 16 cái chuông cùng treo vào một giá, chia làm hai đợt, ăn khớp với 12 chính luật và 4 bội luật. Chuông lớn và chuông nhỏ đều hình chày, phía dưới phẳng miệng. Cứ theo dày hay mỏng mà xếp thứ tự, cao độ 7 tắc 5 phân thời xưa (theo Từ Nguyên, trang 1175).

⁴ Đàn cầm xưa có 5 dây, sau dùng 7 dây: dài 3 thước, 6 tắc cổ. Dùng ngón tay mà gảy theo 13 ký hiệu, phát ra 13 âm thanh (theo Từ Nguyên, trang 997).

⁵ Đàn sắt, xưa có 50 dây, sau đổi làm 25 dây; mỗi dây có một trụ. Khi đánh đàn thì làm di động ở trên hay dưới để cho âm thanh phát ra trong, đục, bổng, trầm khác nhau (theo Từ Nguyên).

⁶ Thứ nhạc khí xưa làm bằng vỏ quả bầu, trong xếp 13 chiếc ống nhỏ, thành hàng quay tròn, thổi ở một cái vòi có cựa (theo Từ Nguyên, trang 1127).

⁷ Cái tiêu xưa làm bằng trúc, hạng lớn: 23 ống, hạng nhỏ: 16 ống, khác với cái tiêu ngày nay chỉ có một ống (theo Từ Nguyên, trang 1141).

⁸ Nhạc khí xưa, thất truyền đã lâu. Mỗi thuyết một khác: người nói có 6 lỗ, người nói có 8 lỗ, người nói có đáy, người nói không đáy, người nói có một ống, người nói có cả hai ống để thổi... (theo Từ Nguyên).

⁹ Nhạc khí xưa, giống cái đàn địch (sáo ngắn) có ba lỗ (theo Từ Nguyên).

¹⁰ "Chúc" làm bằng gỗ, đóng như cái đầu vuông, trên thách, dưới thu sâu 1 thước 5 tắc cổ, ba mặt đều bung ván gỗ, đáy ván giữa làm lõm lên như mặt trống để đập gỗ. Khi đánh, dùng cái ván có cán dài, gọi là cái "chì" mà rập thành tiết tấu. Nhạc khí này dùng để giáo đầu trước khi tấu nhạc (theo Từ Nguyên, trang 759).

¹¹ Thứ nhạc khí, làm giống hình con hổ đang phục, trên lưng có 27 cạnh khía khắp khểnh để gõ bằng dùi gỗ, điểm xen khi ngừng khúc nhạc (theo Từ Nguyên, trang 664).

¹² Cái huân, nặn bằng đất, to bằng quả trứng ngỗng, trên thót dưới phình, trong rỗng miệng có một lỗ để thổi, thành phía trước có 4 lỗ, thành phía sau có 2 lỗ (theo Từ Nguyên, trang 353).

¹³ Trì, một nhạc khí xưa, thổi ra tiếng để hòa hợp nhịp nhàng với cái "huân" (theo Từ Nguyên).

¹⁴ Nhạc khí xưa, chế bằng kim loại, gồm có 16 tấm hình chữ nhật, xếp nghiêng thành hai hàng cùng treo chung vào một giá. Khi dùng chiếc dùi đồng nhỏ mà gõ thì tùy theo từng tấm dày mỏng phát ra âm thanh trong, đục khác nhau (Từ Nguyên, trang 681).

Xe loan làm xong. Nhà vua phong hoạn quan Lương Đăng làm Đô giám.

Trước kia, Lương Đăng tâu xin quy định nghi trượng lỗ bộ⁴: Khi vua trẩy một cách trọng thể, xe loan thì có xe lớn (đại lộ), xe voi, xe ngựa, kiệu cửu long⁵, kiệu thất long⁶, bộ liễn⁷, phi liễn⁸. Nhà vua nghe theo. Đến đây làm xong, Đăng được phong làm Đô giám trung thừa.

Bùi Cầm Hồ tâu rằng: "Bệ hạ từ khi lên ngôi đến giờ, thay đổi nhiều việc của tiên đế đã làm. Kia như Lễ Bộ ti đồng giám là Lương Đăng, tiên đế thấy hẳn biết chút chữ nghĩa, cho làm nội nhân phó chưởng, nhưng rồi thấy hẳn chỉ khúm núm bề ngoài, không thẳng thắn, không thể gần gũi được, nên mới cho hẳn ra làm văn đội. Thế mà nay lại cho lên làm chức quan to. Vậy xin bệ hạ nghĩ lại".

Người thợ là Cao Liệt dâng hai chiếc mũ cỏ, và xin mộ dân sung vào làm việc ở Quan tác cục⁹. Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích can rằng: "Người làm vua xưa không quý những đồ kỳ lạ khéo léo, nên vua Thuần chỉ mới dùng thứ đồ sơn, thế mà có đến hơn mười người can ngăn. Vậy xin bệ hạ nghĩ đến tiên đế đã từng tắm gội mưa, cũng chưa hề dùng đến thứ mũ ấy".

Khi đã bãi trào, nhà vua gởi cái mũ cỏ lên cho các đại thần và đài quan¹⁰ xem và nói: "Của này có gì đáng gọi là kỳ lạ, thế mà đài quan đã phải can ngăn". Vĩnh Tích thưa rằng: "Tôi muốn làm để nhà vua trở nên hiền hơn Nghiêu, Thuần, nên mới can ngăn từ lúc chưa chớm nảy điều quấy đó thôi". Nhà vua làm thình.

Lời chua - Văn đội: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ có đặt ra Ngự Tiền Văn đội, trong đội có ti Thánh hậu chuyên giữ việc sai phải điều bát.

Nguyễn Vĩnh Tích: Người La Phù, thuộc huyện Thượng Phúc¹¹.

Lê Cảnh Xước, Nội mật viện sứ, phạm tội ăn hối lộ, bị bãi chức; sau đó lại được khai phục.

Cảnh Xước ăn hối lộ 20 lạng bạc. Theo luật đáng phải tội chết. Nhà vua cho rằng Cảnh Xước hầu ở tòa Kinh Diên đã lâu, nên ruồng bỏ, bắt làm thứ dân. Được hơn một tháng, nhà vua lại dùng làm Hàn Lâm viện thị giảng, Ngự tiền học sinh cục phó.

Lời chua - Ngự tiền học sinh cục phó: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thái Tổ mới đặt ra Ngự tiền học sinh cục, trong cục có cục trưởng và cục phó.

Tháng 11, mùa đông. Thi hành lễ mới.

¹ Thứ đàn cổ, thất truyền đã lâu. Thuyết cũ cho rằng nó giống cây đàn sắt nhưng nhỏ hơn, gảy bằng phím gỗ (theo Từ Nguyên, trang 1135).

² Đàn tì bà có 4 dây, đầu cong, cổ dài, mặt phẳng, lưng tròn, bụng trên thót dưới phình như hình lá đề. Mặt đàn có bốn "tượng" và 13 "phẩm" để theo đó mà điều tiết thanh âm trong hay đục (theo Từ Nguyên, trang 998).

³ Ống sáo xưa, làm bằng trúc, dài 1 thước 8 tấc cổ (theo Từ Nguyên, trang 1127).

⁴ Về nghĩa "lỗ bộ", có nhiều thuyết khác nhau nhưng có thể nói tóm là những nghi trượng khi vua trẩy như áo giáp và lá chắn để quân lính dùng đi dàn trước mặt mà hộ vệ, hay là nước muối dùng rảy đường cho khỏi bụi. Những thứ này đều được ghi chép vào sổ, nên gọi lỗ bộ. Ở Việt Nam, những đồ như dùi đồng, phủ việt và bát bửu đều gọi là lỗ bộ.

⁵ Kiệu chạm chín con rồng.

⁶ Kiệu chạm bảy con rồng.

⁷ Xe người kéo.

⁸ Xe đi nhanh.

⁹ Sở làm mũ.

¹⁰ Chức quan ở Ngự sử đài, giữ việc can ngăn.

¹¹ Làng La Phù nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Lương Đăng dâng kiến nghị mới về các tiết mục nghi thức của các lễ coi châu hoặc yến tiệc trong những ngày sinh nhật nhà vua, tết nguyên đán, mừng một, ngày rằm. Lễ mới này khi đặt xong, nhà vua sai viết ra treo ở cửa Thừa Thiên. Đến đây, nhà vua đi bái yết thái miếu, bắt đầu mặc áo cổn, đội mũ miện; trăm quan mặc triều phục, làm lễ. Khi nhà vua coi châu, lúc ra lúc vào đều có tiền hô hậu hét.

Bọn Lê Trãi, Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền, và Nguyễn Liễu tâu rằng: "Lễ nhạc là cốt ở người, mới đặt ra được. Phải là bậc tài đức như Chu Công¹ rồi sau mới không thể chê trách về việc đặt lễ, chế nhạc. Nay nhà vua để cho hạng bầy tôi nhỏ mọn ở trong cung chuyên việc sắp đặt lễ nhạc, như vậy chẳng tui nhục cho nước nhà lắm sao? Và lại, việc làm của Đăng đều là dối vua, lừa dưới không căn cứ vào đâu cả. Thí dụ như xưa kia, khi trống đánh thì người ta truyền báo lễ châu buổi sớm; nay vua đã ngự triều ban, yên chỗ rồi, bấy giờ mới đánh trống! Xưa kia, khi vua đi ra, thì bên tả đánh chuông hoàng chung², bên hữu có 5 chuông³ cùng rền lên để hưởng ứng lại. Khi vua đi vào thì người ta đánh chuông di tân⁴ và cũng họa lại bằng năm chuông khác. Ngày nay, khi vua ra coi châu, đánh 108 tiếng chuông. Số 108 đó là số đếm khi lần tràng hạt⁵ của các hòa thượng.

"Nếu theo chế độ nhà Minh, khi vua ngồi, ở cửa Phụng Thiên thì có kim đài⁶, ở điện Phụng Thiên thì có bảo tọa. Bấy giờ chỉ có một điện Hội An, lại có kim đài thường di chuyển không để yên một chỗ; nếu đặt hai kim đài ở cả hai chỗ thì lại không nên. Đó là những lễ nghi gì?"

"Còn về xe vua dùng, phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa, thế mà bây giờ mở cửa phía trước! Lối xưa có như vậy không?"

"Vua, khi ra, khi vào có tiền hô hậu hét, đó là lệ thường. Bấy giờ, khi cấp môn sứ đã xướng đến tiết mục "tâu việc xong rồi", trăm quan đã lui gót, thế mà vua còn ngồi lại, người coi nghĩ lễ mới bắt đầu hô: "nhập tất"⁷. Thế là nghĩa gì?"

"Lương Đăng là tên bầy tôi nhỏ mọn, ra vào nơi cung cấm, hầu hạ ở bên vua. Như vậy chúng tôi trộm lấy làm ngờ lắm!"

Lương Đăng tâu: "Thần là kẻ vô học, không biết chế độ thời xưa ra sao. Những việc bây giờ làm đó chỉ là biết thế nào, làm thế ấy thôi".

Nguyễn Liễu tâu: "Từ xưa đến nay, chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên, làm nát thiên hạ như vậy!"

Đinh Thăng từ trong nội đi ra, mắng rằng: "Hoạn quan làm gì mà nát thiên hạ? Nếu nát thiên hạ thì phải nát đầu mày".

Nhà vua bèn giao Nguyễn Liễu cho hình quan xét hỏi. Khi án đã kết, Liễu bị tội đáng chết chém. Nhưng nhà vua ra chiếu chỉ cho đặc cách giảm xuống tội thích chữ vào mặt, đày đi châu xa.

Lời chua - Phía trước có mái vẩy, phía sau có cửa: Ở phần Xa dư loại trong Uyên giám loại hàm, Trần Tượng Đạo có nói: "Về chế độ xe, theo hình tượng trời để làm mui, theo hình tượng đất để làm thùng xe, theo sao đầu để làm trụ cắm gọng mui và ổ bánh xe, theo chòm sao nhị thập bát tú để làm gọng mui xe, theo mặt trời và mặt trăng

¹ Xem chú giải ở Chính biên I, 9.

² Một trong mười hai luật mà người xưa dựa vào thời tiết để đánh dấu mười hai tháng. Hoàng chung thuộc tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch).

³ Tức là thanh chung (chuông xanh), xích chung (chuông đỏ), hoàng chung (chuông vàng), cảnh chung (chuông ghi công) và hắc chung (chuông đen). Theo Từ Nguyên trang 76.

⁴ Một trong mười hai luật tính theo thời tiết mười hai tháng âm lịch. Di tân thuộc tháng trọng hạ (tháng 5 âm lịch).

⁵ Theo nhà Phật số 108 là số lượng phiền não. Khi lần tràng hạt, mỗi lượt gần hết 108, tức là qua được 108 cái phiền não.

⁶ Chỗ ngồi cao, có trang sức bằng vàng, hoặc thiếp vàng.

⁷ Cấm mọi người qua lại, dành đường để vua trở vào cung.

để làm bánh xe và tay hoa xe. Phía trước có thanh gỗ chắn ngang, phía sau cửa lên xuống; gờ ngang ở đằng trước; gờ ngang ở đằng sau.

Nước Tiêm La sai sứ sang cống.

Tiêm La sai bọn Trai Cương Thích đến triều cống. Nhà vua ban cho sắc thư để sứ giả đem về. Lại gửi tặng quốc vương và vương phi Tiêm La các thức như lụa mùa¹, đĩa, bát.

Lời chua - Tiêm La: Tên nước. Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10 (Chính biên IV, 43, 44).

Tháng 12. Giết Nhập nội đại đô đốc Lê Ngân, tịch thu cả nhà. Giáng truất Huệ phi Lê Thị, con gái Lê Ngân, xuống làm tu dung².

Có người cáo tố rằng nhà Lê Ngân thờ phật Quan Âm để cầu khẩn cho con gái là Huệ phi được vua yêu chiều. Bấy giờ nhà vua đang ngự ở cửa Đông trong thành, bèn sai thái giám Đỗ Đại đem 50 võ sĩ đến khám nhà Lê Ngân, soát thấy có pho tượng Phật để thờ, vàng, bạc và lụa màu³. Nhà vua sai bắt nô tì của Lê Ngân để xét hỏi.

Hôm sau, Lê Ngân vào chầu, bỏ mũ ra, tạ tội rằng: "Tôi từ trẻ, theo đi khởi nghĩa Lam Sơn, may được trông thấy cảnh thanh bình; về già, vì dồn chứa nhọc nhằn vất vả đã lâu, nên sinh lắm bệnh. Thầy bói đoán rằng chỗ đất nhà tôi ở là ngôi chùa cổ đã hoang phế, nay sinh yêu ma làm cho động trệ, không yên, nên sùng mộ đạo Phật để cầu âm phúc. Chẳng ngờ nay bị người vợ lẽ mà tôi đã bỏ, cùng với Trần Thị, là vợ lẽ của Lê Sát ngày trước mà nhà vua ban cho nhà tôi⁴ xui xiểm, kết hợp với tên đầy tớ gian ngoan, nhân dịp theo dật cho thành tội lỗi. Nếu được nhà vua soi xét định đoạt thì buông tha cho tôi về điền viên để được trót đời tàn rạc này".

Nhà vua chưa nguôi giận, giao Lê Ngân cho tòa pháp ti luận tội. Khi án đã thành, nhà vua cho phép Lê Ngân được chết, tịch thu cả nhà, phế Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân xuống làm tu dung. Bà đồng⁵ cũng bị đày đi châu xa.

Lời phê - Lê Ngân: Trước đây, đã bào chữa cho Lê Sát, dường cùng bè đảng với kẻ ác, sao không ngay lúc bấy giờ trị tội luôn cả đi, mà lại cho vượt bậc thăng chức? Đến đây, chỉ vì cơ nhỏ nhặt⁶, lại giết Lê Ngân: hình phạt sao quá lạm thế!

Mậu Ngọ, năm thứ 5 (1438), (Minh, năm Chính Thống thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Tập trận thủy chiến.

Trước kia, sai sắc bọn Đô tổng quản ở năm đạo⁷ chỉnh lý các thuyền chiến và cờ xí; đến đây diễn tập thủy chiến.

Vét các sông ở Trường Yên, Thanh Hóa và Nghệ An.

¹ Nguyên văn "sắc quyển". Riêng chữ "quyển" theo Từ Nguyên trang 1166, tả lại đồ dệt bằng tơ sống, dày, thô và rã; còn theo Việt Nam tự điển, trang 460, thì là lụa mỏng mà trắng.

² Một chức vị của vợ lẽ vua. Theo chế độ đời Tùy Văn Đế, thì tu dung được xếp vào hàng chín cung tần. Ở Việt Nam, dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497), tu dung là một trong tam tu (tu nghi, tu dung, tu viện) chức vị ở dưới tam chiêu (chiêu nghi, chiêu dung, chiêu viện) và trên tam sung (sung nghi, sung dung, sung viện). Cả ba cấp tam chiêu, tam tu và tam sung này để kể là cửu tần (xem thêm Chính biên XXIII, 16, 17).

³ Nguyên văn là "sắc quyển". Xem chú giải ở trên (Chính biên XVII, 14).

⁴ Trần thị cùng gia quyến Lê Sát đều bị sung công làm nô tì khi Lê Ngân phải tội, do đó nàng bị nhà vua chia phát cho nhà Lê Ngân.

⁵ Nguyên văn là "nữ vu", tức là bà đồng trông nom về việc thờ phật Quan âm ở nhà Lê Ngân mà Cương mục ở đoạn trên (chỗ khám nhà Lê Sát) bỏ sót, không chép.

⁶ Ý Tự Đức muốn chỉ về việc nhà Lê Ngân thờ Phật để cầu phúc cho con gái là Huệ phi Nhật Lệ.

⁷ Xem Chính biên XV, 5.

Bấy giờ đường thủy ở các lộ dần dần cạn nghẽn; nhà vua ra lệnh cho dân khu ở bốn đạo¹ làm việc khơi vét.

Lời chua - Trường Yên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên II, 11).

Thanh Hóa, Nghệ An: Điều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16, 117, 20, 23).

Phế quận vương Tư Tê xuống làm thứ dân.

Trước kia, Tư Tê hay nói những lời quái gở càn bậy, bị kẻ hầu cận cáo tở, nhà vua đã sắc sai trăm quan không được đi lại với Tư Tê; đến nay phế hẳn làm thứ dân.

Đại xá. Hạ chiếu cho trăm quan điều trần việc nước.

Vì cơ thường xảy ra tai biến và diềm gỡ, nhà vua hạ chiếu tự trách mình. Bài chiếu thế này:

"Luôn năm lại đây, nào hạn hán, nào hoàng trùng, tai nạn và diềm gỡ dồn dập xảy đến. Mấy cây trước cửa nhà thái miếu ở Lam Kinh² nhiều lần cũng bị sét đánh. Xét xem tại sao xảy ra diềm xấu như vậy, tất là phải có lý do. Có lẽ vì những cơ này:

"Trẫm không tu sửa đức tính, bỏ bề trể mọi chính sự chẳng?

"Những bậc tể phụ không phải là người hiền tài, sự quản lý nhà nước có điều sai trái không đúng mức chẳng?

"Bổ dụng không được người tốt, vàng thau lẫn lộn chẳng?

"Có nạn hối lộ công khai, việc hình ngục kiện tụng có điều oan uổng, quá lạm chẳng?

"Nhiều phen dấy việc thổ mộc doanh tạo làm cho sức dân mỗi mệt khổn đồn chẳng?

"Sưu cao, thuế nặng, nhân dân phải thiếu thốn về tiền tài chẳng?

"Vậy nay đại xá cho thiên hạ. Trăm quan văn võ các người ai nấy đều nên điều trần bày tỏ những điều thiếu sót lầm lỗi trong mọi chính sự, cứ nói thẳng, đừng giấu giếm. Nếu có điều gì đáng lượm dùng, thì trẫm thế nào cũng cất nhắc thêm lên chức cao; dầu rằng có vấp phải những điều ngu ngốc viển vông đi nữa, cũng chẳng bắt tội gì đâu. Như vậy ngõ hầu mới có thể cảm lại được lòng Trời, ngừng được tai biến khiến cho nước nhà dài hưởng phúc lành vô cùng".

Lời phê³ - Cũng là văn bản nói suông nói đó thôi.

Tháng 12, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình thuộc phủ Thái Bình nhà Minh và Nông Kính, Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, đều vượt bờ cõi, xâm lấn đất đai của nhau.

Ti Bồ chính sứ Quảng Tây tâu vua Minh rằng quan sở tại ở Hạ Tư Lang tranh chiếm hai động An Bang và Hóa Long thuộc châu An Bình. Nhưng đến việc quan sở tại ở châu An Bình ấy thôn tính bờ cõi, xâm chiếm các động Vũ Đức của ta thì Bồ Chính sứ Quảng Tây lại im đi, không tâu vua Minh biết. Vua Minh sai bọn Cấp sự trung là Thang Nãi sang dụ bảo ta trả lại những đất ta đã xâm chiếm. Nhà vua sai bọn Lê Bá Kỳ, Đồng tri Trung Quân, và Bùi Cầm Hổ, Trung thừa sang Minh, phúc tấu về việc này. Lại xin vua Minh ra sắc dụ bảo bày tôi trấn thủ Quảng Tây phải nghiêm sức cho quan lại nhà Minh ở nơi biên giới không được gây hấn sinh sự.

Lời chua - Thái Bình: Tên phủ. Xưa là đất nước Nam Việt¹; đời Hán gọi là Lê Giang thuộc quận Giao Chỉ; đời Đường đặt làm một châu chỉ có tính cách ràng buộc lỏng

¹ Xem Chính biên XIII, 32.

² Nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

³ Về việc Lê Thái Tông hạ chiếu tự trách mình, cho trăm quan điều trần việc nước.

lèo². Đời Tống, Thái Bình là một trong năm trại lập ở Lĩnh Nam sau khi đã bình định được. Đời Nguyên đặt làm lộ Thái Bình thuộc đạo Tả Giang. Đời Minh, là phủ Thái Bình thuộc ti Bồ Chính sứ tỉnh Quảng Tây. Đời Thanh để theo như cũ.

An Bình: Tên châu, thuộc phủ Thái Bình.

Hạ Tư Lang: Tên châu. Xưa là đất châu Tư Lang. Xem Lý Thái Tông, năm Kiền Phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

An Bang, Hóa Long, Vũ Đức: Đều là tên động. Thay đổi ra sao không rõ.

Kỷ Mùi, năm thứ 6 (1439). (Minh, năm Chính Thống thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Chăm Man đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh dẹp.

Cương Nương ở Chăm Man làm phản, khuấy nhiễu cướp bóc dân chúng ở nơi biên giới. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai tuyên bố tội trạng và cho quân đến đánh. Cương Nương sợ, cầu cứu với nước Ai Lao. Ai Lao sai bày tôi là Nữ Hoa đem quân và voi đến xâm lấn khuấy nhiễu các châu Phục Lễ. Nhà vua chính mình đem sáu quân³ đi đánh: Nữ Hoa phải rút lui.

Lời chua - Chăm Man: Theo Hưng Hóa lục của Hoàng Trọng Chính⁴, thì các châu Phù Yên⁵, Sơn La⁶, Tuần Giáo⁷ và Mai Sơn⁸, hồi đầu Lê, đều là các động, giáp giới với Ai Lao và liền với châu Phục Lễ. Họ Chăm nổi đời làm phục đạo. Có lẽ Chăm Man tức là ở đó.

Cương Nương: Tên người của Chăm Man⁹.

Tháng 3. Đặt mọi quy thức về tiền đồng và đô hàng tấm.

Nhà vua hạ chiếu quy định:

Tiền đồng: Một tiền là 60 đồng.

Lụa: Một tấm vải dài 30 thước¹⁰, ngang 1 thước 5 tấc trở lên.

Vải gai nhỏ¹¹: một tấm dài 24 thước, ngang 1 thước 3 tấc.

Vải gai tiêu ma¹²: một tấm dài 24 thước.

Vải bông: một tấm dài 22 thước.

Giấy: một trăm là 100 tờ.

¹ Quốc hiệu của Triệu Đà.

² Nguyên văn là "cơ mi". Xem chú giải số 3 ở Tiền biên IV, 24.

³ Nguyên văn là "lục sự". Xem chú giải số 3 ở Chính biên IX, 34.

⁴ Xem chú giải số 3 ở Chính biên III, 27.

⁵ Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

⁶ Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

⁷ Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

⁸ Nay đều thuộc tỉnh Sơn La.

⁹ Đây dịch theo nghĩa của nguyên văn **Cương mục**. Còn **Toàn thư** XI, 51b chép là "... Chăm Man, Cương Nương đảng...". Như vậy, Cương Nương cũng như Chăm Man, là một dân thiểu số ở đương thời.

¹⁰ Thước cổ Việt Nam. Hiện nay, 1 thước ta độ 40 công phân (0m40); còn thước đời Lê thế nào, không rõ.

¹¹ Nguyên văn là "tế ma bố". Theo **Cương mục**, chỉ là một thứ vải gai nhỏ. Nhưng theo **Toàn thư** XI, 52a thì là vải nhỏ và vải gai vì chép: "Tế ma bố tịnh trường nhị thập tứ xích".

¹² Nguyên văn là "tiêu bố". Theo **Từ Nguyên**, tiêu ma là một thứ gai, có thể dệt làm vải.

Tháng 4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương tây.

Tháng 10, mùa đông. Sinh hoàng tử Nghi Dân.

Tháng 11. Đại xá. Ban tiệc rượu mừng.

Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu. Người dân từ 70 tuổi trở lên được thưởng tước một tu¹ và uống rượu mừng.

Canh Thân, năm Đại Bảo thứ 1 (1440). (Minh, năm Chính Thống thứ 5).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Hạ chiếu cho quần thần cứ thẳng thắn bàn nói về những chính sự còn thiếu sót.

Chiếu rằng: "Đại thần và bách quan văn võ ăn lộc của vua, nên lo điều lo của vua. Phàm những chính sự và mệnh lệnh nếu có hại cho quân và dân, những việc làm của trăm lờ có điều gì không được thích đáng, thì ai nấy đều nên tranh luận cho rõ ràng, can ngăn cho vớ vạc, giúp đỡ cho những điều trăm không nghĩ tới. Như thế thì, từ trước đến sau, vua và tôi mới giữ toàn vẹn được công danh sự nghiệp, cùng nhau chung hưởng vinh hiển. Há chẳng tốt lắm sao?".

Hà Lai, thổ tù châu Thu Vật, làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được và giết chết Hà Lai. Trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Thổ tù châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang là Hà Lai làm phản. Nhà vua tự làm tướng, thân đi đánh bắt được con của Lai là Mậu; ngày hôm sau, lại bắt được Lai, chém chết. Rút quân về, làm lễ ở nhà thái miếu, dâng tù binh.

Lời phê - Đối với những đồ nhãi nhép, làm gì mà phải khoe khoang như thế? Vô vị quá lắm!

Lời chua - Thu Vật: Tên châu. Nay là Thu Châu thuộc phủ Yên Bình³.

Lập con là Nghi Dân làm thái tử.

Tháng 3. Tên Nghiễm, thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, đem người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua tự làm tướng đi đánh. Tháng 5, mùa hạ. Nghiễm xin hàng. Nhà vua rút quân về.

Thổ tù châu Thuận Mỗi thuộc trấn Gia Hưng, tên là Nghiễm (không rõ họ), làm phản, dắt người Ai Lao đến xâm lấn biên giới. Nhà vua hạ chiếu chính mình cầm quân đi đánh. Khi đại quân tiến đến trấn Gia Hưng, gặp lúc bấy giờ thời tiết đang nắng dữ và nắng mưa, nhà vua thấy Nghiễm dâng tiến trâu và voi, xin hàng, thì ưng thuận, rút quân về.

Lộ Thanh Hóa có thủy tai lớn.

Tân Dậu, năm thứ 2 (1441). (Minh, năm Chính Thống thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Nghiễm lại làm phản. Nhà vua chính mình cầm quân đi đánh, bắt được Nghiễm, trở về cung, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu.

Tên Nghiễm lại dắt người Ai Lao vào cướp nơi biên giới. Nhà vua nổi giận, tự làm tướng, cầm quân đi đánh, thẳng tiến đến biên giới Thuận Châu. Tướng Ai Lao là Đạo Mông lui giữ La Động. Nhà vua sai đuổi kỳ cùng, bắt sống được Đạo Mông, lại bắt được con của Nghiễm là Sinh Tượng, Chàng Đồng. Nghiễm cùng quân, phải xin hàng. Nhà vua sai bắt đem về, làm lễ dâng tù ở nhà thái miếu.

Lời chua - La Động: Thay đổi ra sao, không rõ.

¹ Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

² Ý nói ở đời Lê, trước kia, đã chép Lê Thái Tông chính mình đi đánh Chăm Man (Kỳ Mùi, 1439, xem Chính biên XVII, 18); đến đây lại chép đi đánh và giết được Hà Lai.

³ Hồi kháng chiến (1946-1954), thuộc tỉnh Tuyên Quang. Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển lấy các tú nữ đem vào cung.

Tháng 11, mùa đông. Giáng truất thái tử Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm thái tử.

Thần phi Dương Thị, mẹ Nghi Dân, tính cả ghen, sau khi thấy con được lập làm thái tử, lại càng kiêu rông. Nhà vua nổi giận, giáng xuống làm chiêu nghi¹. Dương Thị, do đấy, ngày càng ăm ức oan trách; nhà vua giáng xuống làm "thứ phụ"².

Vì thấy người mẹ không có hiền đức thì chắc con cũng chẳng ra gì, nhà vua bèn hạ chiếu giáng Nghi Dân xuống làm Lạng Sơn vương, đổi lập Bang Cơ làm thái tử.

Lập hoàng tử Khắc Xương làm Tân Bình vương.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1442). (Minh, năm Chính Thống thứ 7).

Tháng 3, mùa xuân. Thi đôi sách để tuyển lấy tiến sĩ.

Trước kia, đã bàn đặt khoa tiến sĩ, đến đây, cho vào điện đình để thi đôi sách, ban cho từ Nguyễn Trực trở xuống 33 người đỗ tiến sĩ cập đệ³, xuất thân⁴, đồng xuất thân⁵ có khác nhau. Lại sai dựng bia khắc bài văn nói về việc mở khoa thi tiến sĩ và đề tên những người đã đỗ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây.

Lời chua - Nguyễn Trực: Người làng Bồi Khê thuộc Thanh Oai⁶.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi tuần phía đông, vào chơi chùa núi Côn Sơn⁷, nơi Nguyễn Trãi ở.

Nhà vua tuần hành phía đông, duyệt võ ở Chí Linh, Lê Trãi đón mời, nhà vua đến chơi chùa núi Côn Sơn, nơi ở của Lê Trãi.

Trước kia, Nguyễn Đán, Tư đồ đời Trần, về hưu ở núi Côn Sơn. Núi này có chùa gọi là Tư Quốc, phong cảnh rất đẹp, và u tĩnh. Trãi là cháu ngoại Nguyễn Đán⁸. Năm 60 tuổi, Trãi nghỉ việc, về ở tại Côn Sơn.

Lời chua - Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Côn Sơn: Thuộc xã Chi Ngại, huyện Chí Linh⁹.

Tư Quốc: Tên chùa, ở phía nam Côn Sơn, tương truyền chùa này do sư Pháp Loa¹⁰ làm.

Tháng 8. Nhà vua về đến huyện Gia Định, mất.

¹ Xem chú giải ở Chính biên XVI, 9.

² Theo các từ thư, "thứ phụ" chỉ có nghĩa là vợ của hàng con thứ. Đây có thể có nghĩa là người đàn bà thường dân, không còn chức tước phẩm trật thuộc hàng vợ vua ở hàng cung nữa.

³ Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

⁴ Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

⁵ Xem chú giải số 5 ở Chính biên VI, 30.

⁶ Nay là thôn Bồi Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

⁷ Tục gọi núi Hun.

⁸ Thân mẫu Nguyễn Trãi tên là Thái, con gái của Trần Nguyên Đán.

⁹ Nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

¹⁰ Tổ thứ hai trong Trúc lâm tam tổ, dưới Điều ngự giác hoàng, trên sư Huyền Quang. Xem thêm chú giải số 2 ở Chính biên IX, 1.

Nhà vua ở ngôi 9 năm thọ 20 tuổi. Trước kia, Nguyễn Thị Lộ, vợ lẽ Lê Trãi, người đẹp mà lại hay chữ. Nhà vua nghe tiếng, vời đến, phong làm Lễ nghi học sĩ, ngày đêm cho hầu ở bên, nhân đó, sàm sỡ với Thị Lộ. Đến đây, đi tuần phía đông, xa giá quay về đến trại Vải¹, làng Đại Lại, huyện Gia Định, thì mắc chứng sốt rét. Thị Lộ vào hầu suốt đêm, nhà vua mất. Trăm quan giấu kín việc này, lẳng lẽ rước ngự giá về kinh đô. Nửa đêm vào đến trong cung, mới phát tang. Người ta đều nói Thị Lộ giết vua, bèn bắt giết Thị Lộ.

Lời chua - Gia Định: Tên huyện. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chính biên III, 34).

Nguyễn Thị Lộ: Người Hải Triều thuộc huyện Ngự Thiên².

Đại Lại: Tên xã, thuộc huyện Gia Bình³.

Trại Vải (Lệ Chi Viên): Theo Bắc Kỳ tạp biên của Ngô Cao Lãng, trại Vải ở xã Đại Lại. Bắt đầu có từ bao giờ, không rõ.

Thái tử Bang Cơ lên ngôi.

Nhà vua mới hai tuổi, do các đại thần là Lê Khả và Lê Xí... cùng lập lên (tức là Lê Nhân Tông).

Đại xá.

Đại xá cho cả nước. Kể từ năm sau, đổi niên hiệu làm Thái Hòa năm thứ 1 (1443).

Giết Thừa chi nhập nội đại hành khiển, trí sĩ Lê Trãi tru di cả họ⁴.

Trãi phải tội liên lụy vì người vợ lẽ Thị Lộ. Người ta đều cho là oan.

Lời phê - Đời Lê Thái Tông, vua thì bụng tuồng, bày tôi thì chuyên quyền. Trãi nếu là người hiền, thì nên sớm liệu rút lui, ẩn nấu tung tích để cho danh tiếng được toàn vẹn. Thế mà lại đi đón trước ngự giá, thả lỏng cho vợ làm việc hoang dâm, vô liêm sỉ. Vậy thì cái vạ tru di cũng là tự Trãi chuốc lấy. Như thế sao được gọi là người hiền?

Sai sứ sang nhà Minh.

Bây giờ, Triệu Nhân Chính, tri châu Long Châu, ủy thác cho bọn đầu mục là Lữ Thông quản lĩnh hơn nghìn quân, vượt qua biên giới, xâm lấn châu Hạ Tư Lang, cướp bóc lung tung người và súc vật. Bầy tôi trấn thủ Thái Nguyên tâu việc này lên triều đình. Các đại thần xin sai Thị ngự sử Triệu Thái sang nhà Minh tâu bày về việc này. Lại dùng bọn Hải Tây đạo Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ, Tham tri Nguyễn Đình Lịch và Lê Phó sung vào sứ bộ cáo phó⁵ và sứ bộ cầu phong⁶.

Lời cần án - Sử cũ chép Triệu Thái tâu về sự việc địa phương Khâm Châu⁷. Nay xét *Bang Giao bị lãm* của Giáp Trưng và "*Bang Giao chí*" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Đại Bảo thứ 3 (Nhâm Tuất, 1442) tức năm Chính Thống thứ 7 nhà Minh, nước ta có đưa công văn sang Bồ Chính sứ Quảng Tây nói, vừa đây, chiếu theo lời khải⁸ của Phan Giam Dực, bày tôi trấn thủ Thái Nguyên, trình rằng Thái Nguyên bị thổ quan Long châu là Triệu Nhân Chính sai bọn đầu mục Lê Thông đem hơn nghìn

¹ Hán văn là Lệ Chi Viên.

² Hải Triều: tên làng. Nay là xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

³ Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Nguyễn Trãi (Cương mục theo quốc tính chép là Lê Trãi), mất ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất, Đại Bảo thứ 3, tức ngày 19 tháng 9 năm 1442.

⁵ Báo tin buồn về việc Lê Thái Tông chết.

⁶ Xin phong vương cho Lê Nhân Tông.

⁷ Xem Toàn thư XI, 56.

⁸ Lời tâu bày sự việc bằng giấy tờ.

quân đánh thôn Nhung thuộc châu Hạ Tư Lang, cướp bắt người và trâu bò đem đi. Nay xét Minh sử cũng chép nước ta sai bày tội sang tố cáo về việc thổ quan ở An Bình xâm lấn và cướp bóc; còn sự việc Khâm Châu ra sao, không hề nói đến. Về sau, đến năm Diên Ninh thứ 3 (1456), nhà Minh cũng vì cơ xảy việc Long Châu, sắc sai hai bên hội họp với nhau để khám xét. Như vậy Sử cũ chép là Khâm Châu, e có lẽ lầm. Nay xin cải chính. Đến như trước chép Triệu Nhân Chính là thổ quan An Bình, sau lại chép là thổ quan Long Châu, có lẽ vì An Bình kiêm lý cả Long Châu hoặc vì Triệu Nhân Chính sau đổi đi Long Châu: điều đó chưa rõ. Vậy xin trình bày cả ra đây để tham khảo.

Lời chua - Triệu Thái: Người Hoàng Chung thuộc Lập Thạch¹.

Táng (Lê Thái Tông) ở Hựu Lăng.

Ngày 16 tháng ấy² làm lễ táng Đại hành hoàng đế³ ở phía tả Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, gọi là Hựu Lăng, đặt tên thụy là Văn hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông.

Quý Hợi, Nhân Tông Tuyên hoàng đế, năm Thái Hòa thứ 1 (1443). (Minh, năm Chính Thống thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sao sa.

Quần thần mời Hoàng thái hậu⁴ cùng tham dự xét xử chính sự.

Tháng 2. Động đất.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua và quần thần đều bỏ đồ trở.

Bấy giờ tai biến và điềm gở luôn luôn xảy ra. Thái sử Bùi Hanh nêu thuyết âm dương xung khắc làm hại lẫn nhau, xin mặc đồ cát phục⁵ để cúng trừ tai giải ách. Quần thần xin làm theo như lời Hanh đã tâu. Nhà vua bèn bỏ đồ trở, mặc áo hoàng bào, ngự nơi chính điện. Bầy tôi mặc áo, đội mũ theo lễ châu thường, đứng hầu theo ban thứ.

Lời phê - Lời nói của thái sử⁶ đã là vô căn cứ lắm rồi, đến cả quần thần cũng lại không biết nốt, thì còn giúp vua thế nào được? Huống chi bấy giờ vua mới lên hai, thế mà nói nào mặc hoàng bào, nào ngự chính điện: đều là những lời hão huyền cả.

Tháng 11. Sứ nhà Minh sang.

Nhà Minh sai Hành nhân ti hành nhân là Trình Cảnh sang làm lễ tế diếu, và sai Quang lộc tự thiếu khanh là Tống Kiệt và Bình khoa cấp sự trung là Tiết Kiên sang phong nhà vua là An Nam quốc vương.

Khi sứ Minh về nước, nhà vua dùng bọn Ngự sử trung thừa là Hà Phủ, Hàn lâm viện tri chế cáo là Nguyễn Như Đổ và Ngự tiền học sinh là Lương Như Hộc sung vào sứ bộ sang Minh đáp tạ về việc tế diếu; bọn tham tri bạ tịch là Trình Dục, Nội mật viện chánh chưởng là Trình Thanh và Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Khắc Hiếu sung vào sứ bộ đi đáp tạ về việc phong vương.

Lời chua - Nguyễn Như Đổ: Người làng Đại Lan thuộc huyện Thanh Trì¹, khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông đỗ hội nguyên², khi thi đình đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ.

¹ Làng Hoàng Chung nay thuộc xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

² Tháng 8, năm Nhâm Tuất (1442).

³ Xem chú giải ở Chính biên I, 37.

⁴ Tức là Tuyên từ hoàng thái hậu, tên là Nguyễn Thị Anh, người Bồ Vệ, huyện Sơn Đông thuộc Thanh Hóa, là vợ lẽ của Lê Thái Tông được phong Thần phi, và là mẹ của Lê Nhân Tông (xem thêm Chính biên XIX, 7).

⁵ Đồ mặc tốt lành, trái với tang phục.

⁶ Chức quan của Bùi Hanh.

Lương Như Hộc: Người làng Hồng Lục thuộc huyện Gia Lộc³, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

Trình Thanh: Người làng Lương Xá thuộc huyện Chương Đức⁴, đỗ khoa hoành từ, năm Tân Hợi, Thuận Thiên thứ 4 (1431) đời Lê Thái Tổ.

Nguyễn Khắc Hiếu: Người huyện Bình Lục⁵.

Giáp Tí, năm thứ hai (1444). (Minh, năm Chính Thống thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Tuyển lính.

Tháng 5, mùa hạ. Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu. Triều đình sai Thái bảo Lê Bôi và Tổng quản Lê Khả đi đánh.

Bí Cai, chúa của Chiêm Thành, lần cướp Hóa Châu. Triều đình sai bọn Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh.

Lời chúa - Chiêm Thành: Túc Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Tháng 7, mùa thu. Bắt giam Thái phó Lê Liệt vào ngục.

Bấy giờ những kẻ quyền gian kiêu hạnh⁶ được dùng làm việc. Có người gièm pha Lê Liệt với thái hậu, nên mới có lệnh bắt bỏ tù Lê Liệt và vợ con gia quyến ông.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Ất Sửu, năm thứ 3 (1445). (Minh, năm Chính Thống thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Đào sông ở Thanh Hóa.

Triều đình sai văn thần đôn đốc quân các lộ khơi vét sông ở Thanh Hóa.

Lời chúa - Thanh Hóa: Xưa là Ái Châu. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 20-21).

Tháng 4, mùa hạ. Chiêm Thành lần cướp Hóa Châu. Triều đình sai Tư đồ Lê Thận và Đô đốc Lê Xí đi đánh.

Tháng 6. Phong hoàng đệ là Tư Thành làm Bình Nguyên vương.

Lời chúa - Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên II, 18).

Tháng 10, mùa đông. Hạ chiếu giảm phú thuế và nhẹ hình phạt.

Bài chiếu đại lược nói: "Trẫm, thơ ấu nối ngôi, chưa am tường việc đời. Gần đây, tai biến dồn dập, sấm sét luôn xảy, mưa không thuận, đê vỡ, nước lụt, sâu cắn hại lúa. Có lẽ vì chính sự có điều thiếu sót sai lầm, việc ngục tụng hình luật không được đúng mức mà xui nên thế chẳng? Vậy nên giảm thuế khóa, nhẹ hình phạt để cầu phúc trời?"

¹ Nay là thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Đỗ đầu thi hội.

³ Nay là thôn Thanh Liễu, xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

⁴ Lương Xá nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

⁵ Nay là huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

⁶ Hú họa ưa may, không có thực tài.

Nhập nội Đô đốc Lê Xí bị miễn chức.

Nhà vua còn nhỏ tuổi, hoàng thái hậu coi giữ triều chính, cất nhắc những người thân thích họ hàng lên làm việc. Vì thấy Lê Xí không ăn cánh với mình, nên ghét bỏ ông.

Bấy giờ có việc đi đánh Chiêm Thành, Xí đã vâng lĩnh mạng lệnh nhưng chưa đi, bị kẻ quyền thần tố cáo, buộc vào tội chết. Triều đình cho rằng Xí là bậc kỳ cựu, có công lao, đáng nên chiếu cố theo bát nghị¹ trong luật, vì vậy mới cho Xí được miễn chức, về nhà.

Có thủy tai lớn.

Nước sông lên to, tràn ngập. Kinh thành ngập nước sau đến 3 thước². Lúa má bị hư hại.

Bính Dần, năm thứ 4 (1446). (Minh, năm Chính Thống thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Triều đình sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Thụ, Lê Khả và Thiếu phó Lê Khắc Phục đi đánh Chiêm Thành.

Vì Bí Cai, chúa Chiêm Thành, thường hay xâm phạm biên giới, nên triều đình bàn đem đại binh đi đánh, tập hợp đông đảo các quân chuyển lương thực tích trữ ở Hà Hoa.

Lời chúa - Hà Hoa: Tên phù. Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chính biên X, 37).

Tháng 2. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ thổ ti ở Long Châu (nhà Minh) là Triệu Nhân Chính nhiều lần xâm lấn cướp bóc thổ dân Thái Nguyên, và chúa Chiêm Thành là Bí Cai thường hay lấn cướp Hóa Châu. Triều đình bèn sai bọn Hải Tây đạo tham tri bạ tịch³ là Nguyễn Thúc Huệ và Đồng tri thẩm hình viện sự là Trình Thanh sang nhà Minh để tâu bày về những việc này.

Lời chúa - Long Châu: Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chính biên VII, 17).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Thụ và Lê Khả đánh thành Chà Bàn: hạ được thành này, bắt được vua Chiêm Thành là Bí Cai đem về, làm lễ dâng tù binh ở nhà thái miếu. Lập Ma Ha Quý Lai làm vua nước Chiêm Thành.

Bọn Thụ và Khả kéo quân từ Ly Giang, Đa Lang và Cổ Lũy để tiến lên, giao chiến với quân Chiêm: Địch đại bại. Nhân đà thắng lợi, bọn Khả thắng tiến đến cửa biển Thi Nại. Quân Chiêm lui giữ thành Chà Bàn. Khả dẫn đầu quân tinh nhuệ, làm tiên phong.

Dụ dỗ Ma Ha Quý Lai, cháu của Bồ Đề là vua Chiêm Thành cũ, đến minh thệ với ta, Khả xui hẳn làm nội ứng. Kế đó, đạo quân của Thụ cũng đến. Hai đạo quân hợp sức lại, vây đánh thành Chà Bàn. Thành này bị phá; quan quân bắt được vua Chiêm là Bí Cai với cung phi, cung tần và người trong bộ lạc Chiêm Thành. Lại còn tước được voi, ngựa, khí giới, nghi trượng vô kể. Các tướng Lê Thụ và Lê Khả bèn rút quân về.

Nhà vua sai làm lễ dâng tù binh là Bí Cai ở nhà thái miếu. Ban chiếu đại xá cho cả nước.

Quý Lai sai bày tội là bọn Chế Cửu Ma Nô Bà Bị dâng biểu xưng thần, xin làm vua nước Chiêm Thành. Nhà vua cho lập Quý Lai làm chúa, để Bí Cai và phi tần của Bí Cai ở lại kinh đô, còn những người Chiêm khác đã đầu hàng đều cho đưa về nước.

Sau đó có tên Phan Mỗ đem hơn ba trăm người nước Chiêm, cả nam lẫn nữ, đến đầu hàng. Nhà vua hạ chiếu chỉ họ ở tản ra các đạo.

¹ Xem chú giải ở Chính biên XV, 10.

² Xem chú giải số 7 ở Chính biên XVII, 19.

³ Chức Tham tri coi giữ sổ sách công việc quân và dân ở đạo Hải Tây.

Lời chua - Ly Giang: Tên đất. Nhà Lê đổi gọi Lê Giang; nay là huyện Lễ Dương thuộc phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.

Đa Lang: Thay đổi ra sao, không rõ.

Thành Chà Bàn, cửa Thi Nại: Đều xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 5 (Chính biên X, 41).

Cổ Lũy: Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 13 (Chính biên X, 5).

Minh sử chép: "Tuấn¹ sai tướng đi xâm lấn Chiêm Thành, cướp lấy Tân Châu cảng, bắt sống vua Chiêm là Ma Ha Bí Cai đem về. Vua Minh² bèn vì Chiêm Thành mà lập vua mới là Ma Ha Quý Lai, sắc sai sứ giả An Nam dụ bảo Tuấn thả cho vua cũ Chiêm Thành trở về, nhưng Tuấn không vâng theo chiếu chỉ". Những lời chép trong Minh sử như vậy có khác với đây. Nay xin trình bày ra cả để tham khảo³.

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ, đã đánh được Chiêm Thành, quân ta bắt Bí Cai, vua Chiêm, làm tù binh, đem về. Người Chiêm bèn sang tố cáo với nhà Minh.

Vua Minh sắc sai nhà vua thả cho vua cũ Chiêm Thành về nước. Nhà vua sai bọn Hải Tây đạo Tham tri bạ tịch Nguyễn Nhân và Chính sự viện Đồng tham nghị Trình Hoảng Nghị sang Minh tâu bày về việc Chiêm Thành thường hay xâm phạm biên giới.

Đinh Mão, năm thứ 5 (1447). (Minh, năm Chính Thống thứ 12).

Tháng 7, mùa thu. Ban chiếu thu các cung nữ và sai quan các đạo dò hỏi xem xét những ẩn tình đau khổ của dân để tâu lên triều đình.

Bài chiếu rằng: "Nhận lỗi, trách mình, phải rất mực thành thực thì mới cảm cách được trời đất. Chính sự nhân đức, trước nhất phải cứu giúp tai nạn cho dân. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, thiên tai dồn dập, trăm họ khó kiếm ăn. Gần đây, đã ra lệnh cho các quan điều trần những điều tiện lợi cho quân và dân để trẫm thu lượm lựa chọn thi hành. Nay lại hạ lệnh buông thả các cung nữ và sai quan các đạo xem xét những điều đau khổ của dân sở tại để tâu lên trẫm biết".

¹ Một tên khác của Lê Nhân Tông dùng để ngoại giao với Minh.

² Minh Anh Tông (1436-1449).

³ Đoạn này đáng lẽ đặt riêng vào "Lời cần án" mới phải, nhưng Cương mục lại đặt liền ngay dưới chỗ "Lời chua" về Cổ Lũy.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XVIII

Từ Mậu Thìn, Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (1448) đến Kỷ Mão, Lê Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 6 (1459), gồm mười hai năm.

*

Mậu Thìn, năm (Thái Hòa) thứ 6 (1448). (Minh, năm Chính Thống thứ 13).

Tháng 2, mùa xuân. Đèo Mạnh Vượng, tri châu Phục Lễ, có tội. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi trao chức Chiêu thảo sứ cho em hãn là Dao.

Mạnh Vượng là người tham lam, tàn bạo, ngầm dùng thuốc độc giết chết người trong bộ lạc của hãn. Nhiều người oán giận. Việc đến triều đình. Triều đình cho phép Mạnh Vượng được chết, rồi tịch thu cả nhà, phong cho em hãn là Dao làm chức Chiêu thảo sứ¹, vẫn cứ coi quản công việc Phục Lễ.

Lời chua - Phục Lễ: Tức châu Ninh Viễn. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 17).

Miền Đông đạo² đồn ngoa rằng sứ nhà Minh sang ta. Triều đình sai bọn Lê Khắc Phục đi lên biên giới.

Bấy giờ Đông đạo đồn ngoa rằng sứ nhà Minh đến nơi biên giới để hội đồng với ta làm việc khám nghiệm. Triều đình sai Trình Dục, Đông đạo tham tri, đến tận nơi để thăm dò. Dục vừa mới đến biên giới, đã vội quay về tâu rằng quan khâm sai nhà Minh kết hợp với các quan trấn thủ Quảng Đông đem nhiều binh mã đến. Triều đình liền sai bọn Tư khấu Lê Khắc Phục, tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân và Nguyễn Văn Phú, Hữu thị lang Đào Công Soạn, Trung thừa Hà Lật cùng với Tây Đạo³ Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ đi lên biên giới, chờ đợi để hội khám. Lại sai Nam Sách lộ⁴ Đồng tri Lê Thiết đem hơn vạn quân kết hợp với quân sĩ ở trấn An Bang làm việc tuần phòng biên giới. Mọi người đều được ban cho tiền nhiều ít có khác nhau. Lại sắc sai miền Đông đạo chuẩn bị làm việc khao quân. Vì thế, trăm họ nôn nao nhộn nhạo.

Khi đến biên giới, mọi người ở lại hàng tuần⁵, hàng tháng, chẳng hề thấy có tin tức gì cả. Ai nấy mua các hàng hóa Trung Quốc rồi về, nói thác ra rằng quan khâm sai nhà Minh vì có riêng, không đến được. Quan Ngự sử đài là Hà Lật, vì bè đảng, không chịu nói. Triều đình cũng bỏ qua, không xét hỏi đến việc này nữa.

Lời phê - Còn ra thể thống gì nữa!

Lời chua - Nguyễn Mộng Tuân: Người làng Viên Khê, huyện Đông Sơn⁶.

Đông đạo, Tây đạo: **Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).**

¹ Một chức quan ở trong ty Quân dân chiêu thảo do nhà Lê đặt trông coi việc đánh bắt trộm cướp.

² Gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách thượng, Nam Sách hạ và trấn An Bang (Xem Chính biên XV, 5).

³ Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Tây, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

⁴ Nay thuộc Hải Dương.

⁵ Mười ngày là một tuần.

⁶ Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

An Bang: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 29).

Mưa đá.

Nhà vua hầu Hoàng Thái hậu đi vào Lam Kinh.

Sai bọn Lê Thận và Lê Bí ở lại trấn giữ Đông Kinh, còn các vương đều cho đi hộ giá, nhà vua hầu Hoàng Thái hậu vào Thanh Hóa, bái yết các lăng tẩm, ban cho các quan tùy tùng ăn yến ở hành điện¹ và thưởng cho họ tiền bạc nhiều ít có khác nhau.

Lời phê - Bấy giờ nhà vua còn thơ ấu, đi xa sao được! Về việc này, chính Lê thái hậu và các đại thần khó chối trách nhiệm.

Lời chua - Lam Kinh: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 33).

Bồn Man² đến dâng lễ cống.

Bồn Man đến cống: sừng tê, vàng bạc và một con voi có ba ngà. Nhà vua hạ chiếu ban cho sứ giả Bồn Man: đoạn hồng, lụa, đồ sứ, rồi cho về.

Gác Thừa Thiên đã hoàn thành.

Trước kia, sai sửa chữa gác Thừa Thiên; đến đây làm xong. Quy chế lần này lại càng rộng rãi tráng lệ hơn trước.

Tháng 4, mùa hạ. Ra lệnh cấm chiếm ruộng đất công làm của riêng.

Cấm quan, quân và dân không được chiếm ruộng đất công để làm vườn, ao.

Cho Lê Xí được khai phục quan chức, làm Thiếu bảo tri quân dân sự.

Thái phó Lê Văn Linh chết.

Văn Linh là bậc khai quốc công thần, là vị nguyên lão đã giúp ba triều đại³, có mưu trí, có tài cán, biết sự việc một cách đại thể. Khi ở triều đường, có nhiều kiến nghị sáng suốt. Vụ án Lê Sát, Văn Linh vẫn cứ thẳng thắn can ngăn, không a dua, được dư luận đồng tình. Nhưng phải cái là tham của, ăn hối lộ, tin sùng các thầy chùa. Cũng vì những điều đó, người ta đánh giá ông kém đi một chút. Thọ 72 tuổi.

Lời phê - Lê Văn Linh là kẻ về bè với Lê Sát. Nay sử lại chép như thế này, còn biết đâu là tà với chính nữa?

Bắt đầu ra lệnh cho thân quân thay đổi phiên nhau, vào làm túc vệ.

Lê Thái Tổ khi mới dẹp yên cả nước, có đặt ra Ngự tiền võ đội, từ chức Quản lĩnh trở xuống đều phải túc trực thường xuyên, không được thay đổi. Đến đây, triều đình bàn rằng gần nay luôn năm có nạn hạn hán và sâu cắn lúa, từ nhà nước đến tư gia đều túng thiếu, thế mà vệ sĩ ngày một tăng thêm, làm phí phạm lương bổng cung cấp; do đó mới chia làm ba phiên, lần lượt thay nhau vào làm túc vệ.

Lời chua - Võ đội: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, tướng hiệu ở các vệ quân hễ ai có phạm lầm lỗi gì thì sung làm võ đội túc vệ, trong đội có chức Quản lĩnh.

Giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân.

¹ Cung điện để nhà vua nghỉ ngơi ở dọc đường.

² Xem "Lời chua" của Cương mục (Chính biên XVIII, 8).

³ Tức là triều Lê Thái Tổ (1428-1433), triều Lê Thái Tông (1434-1442) và triều Lê Nhân Tông (1443-1459).

Theo thể chế cũ, thì trong các quân Ngự tiền, mỗi quân có tám tướng hiệu; trong năm quân Thiết đột, mỗi quân có bốn tướng hiệu. Đến đây, các đại thần bàn rằng số võ biên có nhiều, chỉ tổ làm thêm gánh nặng cho dân, vậy xin giảm bớt, mỗi quân chỉ đặt hai tướng hiệu thôi. Nhà vua nghe theo.

Lời chua - Các quân Ngự tiền: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (Chính biên XVI, 2).

Thiết đột: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 3).

Răn dạy các quan lại.

Lời dụ răn bảo văn võ trăm quan: "Nhà nước đã cấp bổng lộc theo thường lệ để gây nuôi đức tính thanh êm, lại có pháp luật chung để cho mọi người tuân giữ. Thế mà ngày nay còn có những kẻ không giữ phép nước, ăn hối lộ, làm việc riêng tây. Những khách qua đường chẳng ai là không than oán. Đó không phải chuyện nhỏ đâu. Từ nay mà đi, ai nấy phải nên giữ mình cho trong sạch, chấp hành phép công. Kẻ nào còn cứ mê man không chừa, nếu việc lộ ra thì sẽ khệp vào tội nặng hơn mức bình thường. Cấp trên không biết răn dạy cấp dưới, bạn đồng liêu không biết khuyên bảo lẫn nhau, sẽ đều bị tội đúng như pháp luật đã định".

Hạn hán. Nhà vua chính mình đi lễ cầu đảo. Tha những tù phạm bị tình nghi.

Trước kia, quan Ngự sử đài là bọn Hà Lật và Đồng Hành Phát đàn hạch các Thảm hình đại phu là bọn Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt và Lê Bá Viễn về việc đề động hình ngục. Nhà vua sai bọn Lật đến viện Ngũ hình để kiểm soát, thấy còn đọng lại đến 125 bản án chưa xét xử dứt khoát. Bấy giờ các đại thần mới tâu xin nhà vua sai các quan ở Ngự sử đài năm đạo¹ kết hợp với ti Tường hình duyệt hết các bản án, đừng để cho việc hình ngục phải ứ đọng, gây đau khổ cho dân. Biếm truất bọn Trình Mân và Văn Kiệt mỗi người xuống một t².

Đến đây, hạn hán. Nhà vua đem trăm quan đến cung Cảnh Linh và chùa Báo Ân, làm lễ cầu mưa. Rồi rước tượng phật Pháp Vân đến chùa Báo Thiên, hạ lệnh cho sư tụng kinh cầu đảo. Nhà vua hầu hoàng thái hậu đến dự lễ. Ngày ấy, tha cho 24 người tù bị tình nghi.

Lời phê - E rằng chưa nắm được sự thực³.

Lời chua - Cung Cảnh Linh: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 1 (Chính biên IV, 21).

Pháp Vân: Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 2 (Chính biên III, 32).

Chùa Báo Thiên: Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chính biên IV, 32).

Hạ chiếu cho bày tội và dân chúng tiến cử người hiền lương, chân phượng, ngay thẳng và dám nói.

Nhà vua hạ chiếu cho các quan ở Kinh Diên, ở Ngự sử đài, ở Trung thư sảnh và ở Hàn lâm viện ai nấy điều trần về những lý do gây nên hạn hán. Các đại thần là bọn Lê Thụ đều dâng biểu chương tự đàn hạch mình và cầu xin miễn chức. Nhà vua ban sắc dụ không ưng thuận. Nhân đó có lời chiếu rằng:

"Mấy năm vừa đây, nào lụt, nào hạn, nào hoàng trùng, tai biến dồn dập xảy đến! Có lẽ vì chính sự và mệnh lệnh của trẫm trên không thuận theo lòng trời, dưới không ăn hợp với ý dân, hay là những đại thần phụ chính làm việc giúp rập điều lý có sai trái để gây nên nông nổi thế chẳng?

¹ Tức Ngự sử đài của từng đạo, như Tây đạo Ngự sử đài, Đông đạo Ngự sử đài, Bắc đạo Ngự sử đài, Nam đạo Ngự sử đài và Hải tây đạo Ngự sử đài. Các viên quan ngự sử này đều tập trung ở kinh đô, mỗi người có nhiệm vụ phải giám sát các quan ở hàng đạo của mình, hễ thấy họ có gì sai trái làm lỗi thì đàn hạch ngay tại triều đình để trung ương xét xử: đồng thời cũng bàn nói những việc hưng lợi trừ hại cho dân bản đạo.

² Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

³ Chỉ việc bọn Ngự sử Hà Lật đàn hạch bọn Thảm hình Trình Mân, ...

"Vậy, thần dân các người ai nấy đều nên trình bày cho trẫm biết rõ những điều sai trái thiếu sót. Hễ thấy có người hiền lương, chân phượng, thẳng thắn và dám nói thì cho phép tiến cử ngay. Các người phải căn cứ vào sự thực mà điều trần, chứ đừng vin dẫn những lời văn suông của người xưa làm gì".

Lời phê¹ - Nhà vua bấy giờ nào đã biết gì², chẳng qua chỉ là lời văn suông thôi.

Tháng 6. Tha thái phó Lê Liệt ra khỏi ngục³.

Bấy giờ vụ án Lê Liệt để kéo dài đến bốn năm, không xử dứt khoát. Đến đây, tông chánh Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan xin lựa uốn phép nước, mở rộng ơn trên, bèn tha cho Lê Liệt, rồi lại tha cả vợ con của Liệt.

Tháng 7, mùa thu. Miền Tây Đạo⁴ đói kém lớn. Triều đình xuất thóc trong kho nhà nước ra cho dân vay.

Tri Tây đạo là Nguyễn Phú tâu trình rằng địa phận ba trấn Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng và các lộ Đà Giang thuộc miền rừng núi, ruộng đất cứng rắn xấu kém, luôn năm hạn hán và hoang trũng, nhân dân phải nheo nhóc đói kém. Vậy xin xuất thóc gạo trong kho nhà nước ở sở tại để phát chẩn và cho dân vay. Nhà vua hạ chiếu y theo.

Lời chua - Tuyên Quang, Đà Giang: Điều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 27, 30).

Quy Hóa: Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chính biên VI, 41).

Gia Hưng: Tức Lâm Tây. Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Sao Huỳnh Hoạch đóng ở phận sao Tâm.

Hai sao lấp ló vào giới phận của nhau, lẫn quẩn (câu dĩ) đến hơn một tuần⁵.

Lời chua - Huỳnh hoạch: Phần "Thiên quan thư" trong Sử ký (Trung Quốc) chép: Sao Huỳnh Hoạch, ở phương nam, thuộc hành hỏa, chủ về mùa hạ. Ngày bính đinh (tức ngày hỏa), người làm vua mà thiếu sót về lễ phép và không sáng suốt về sự nhìn nhận thì bị trời phạt bằng cách có sao Huỳnh hoạch xuất hiện. Sao Huỳnh hoạch mọc thì có binh lửa, lặn thì tan binh đao. Huỳnh hoạch là điềm rối loạn, tàn phá, tật bệnh, tang tóc, đói kém, binh đao.

Sao Tâm: Chòm sao Tâm là nơi minh đường⁶: ngôi sao lớn ở giữa là chính vị thiên vương, ngôi sao ở phía trước là chỉ thái tử, ngôi sao ở phía sau là chỉ con thứ của vua. Mục "Chính nghĩa" trong phần "Thiên quan thư" của Sử ký trên đây chép rằng: "Khi đóng ở phận sao khác, gọi là thù". Đây có nghĩa là sao Huỳnh hoạch xuất hiện mà đóng ở phận sao Tâm.

Câu dĩ (lẫn quẩn): Theo phần "Thiên văn chí" trong sách Quân khuy tập yếu, thì "câu" có nghĩa là quanh về tả, lại vòng về hữu, như hình chữ "câu"; "dĩ" có nghĩa là đi rồi lại lại, lại rồi lại đi, quanh co như hình chữ "dĩ".

¹ Về lời chiếu của Lê Nhân Tông.

² Bấy giờ Lê Nhân Tông mới lên bày.

³ Năm Giáp Tý (1444), Liệt đang làm thái phó, vì có người gièm pha, nên bị Lê thái hậu bắt giam vào ngục, đến đây (1448) mới được tha: cách hai năm sau, vợ con của Liệt mới được phóng thích (theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn và Chính biên XVII, 27).

⁴ Gồm các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng (xem Chính biên XV, 5).

⁵ Một tuần là mười ngày.

⁶ Tượng trưng nơi cung ở của thiên vương để ban bố chính sự và mệnh lệnh.

Tôn Bồn Man cầu xin phụ thuộc về ta. Triều đình đem đất của Tôn Bồn Man đặt làm châu Quy Hợp.

Lời chua - Tôn Bồn Man: Đất này ở về phía tây tỉnh Nghệ An, đông nam giáp miền thượng du Nghệ An và phần rừng rú thuộc Quảng Bình, tây bắc giáp châu Ninh Biên thuộc Hưng Hóa và miền thượng du thuộc Thanh Hóa, phía dưới tiếp giáp với Quy Châu và Tương Dương thuộc Nghệ An.

Tôn Bồn Man còn tên nữa là Bồn Man, Cầm Lư thị nổi đời làm thổ tù. Khi Lê Thái Tổ đã khai quốc, Bồn Man mới bắt đầu đến triều cống. Dưới triều Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 5 (1447), Bồn Man đến tiến cống voi và xin phụ thuộc về ta. Nhà vua xuống chiếu cho đổi Bồn Man làm châu Quy Hợp lệ thuộc vào phủ Lâm An.

Theo Nhất thống chí của Lê Định¹ thì châu Quy Hợp có 12 sách và động, đều là dân người Mán cả. Có quan quân đóng ở đó để phòng thủ. Từ đồn Quy Hợp này đi lên phía tây thì đến phủ Trấn Ninh, đường dài 1.929 tầm². Đó là con đường mà nước Vạn Tượng sang ta triều cống tất phải đi qua.

Các đại phu ty Tường hình là bọn Lê Bá Viễn và Phạm Phúc đều bị bãi chức.

Trước kia, Bá Viễn khám xét việc kiện tụng, lời lẽ trong án văn có liên quan đến Ngự sử trung thừa là Hà Lật. Hà Lật căm giận, bèn chấp nhật những lời phao đồn mà hặc bọn Bá Viễn sử dụng pháp luật quá nghiêm khắc, không đáng cho giữ pháp ty.

Nhà vua sai quan [Ngự sử đài] năm đạo³ tra xét việc đó. Bọn Bá Viễn cũng dâng biểu hặc lại Hà Lật rằng, trước kia, Hà Lật phạm tội, bây giờ lại giữ chức Ngự sử. Vậy xin đổi chất với Lật.

Hà Lật lại tâu: "Từ Tam đại⁴ trở đi, chưa từng nghe nói bao giờ có chuyện người bị hặc trở kiện lại người đàn hặc. Nay bọn Bá Viễn tranh kiện với thần, thế là họ coi khinh người làm tai mắt của bệ hạ. Vậy thần nếu nhân đó mà phải bãi chức thì cố nhiên là không có gì đáng tiếc cả, nhưng chỉ sợ, sau đây, hễ ai giữ chức Ngự sử này, sẽ phải im hơi nín tiếng, không dám nói".

Bấy giờ bọn Lê Khả và Lê Khắc Phục tâu: "Bọn Bá Viễn dám hặc lại quan Ngự sử đài! Vậy xin nên bãi chức họ đi". Nhà vua nghe theo.

Cấm dân gian không được mặc quần áo và dùng đồ đạc trái với quy chế đã định.

Bấy giờ thói tục đua chuộng xa xỉ và tiếm lẫn. Nhà vua bèn ra lệnh cho Lễ bộ định rõ điều cấm: dân gian không được mặc áo màu vàng, đi hài, mang giày và dùng đồ đạc chạm rồng, vẽ phượng.

Tháng 8. Bãi miễn chức quan Giám sát ngự sử của Cao Mô.

Cao Mô, trước kia, khi mới vào Ngự sử đài giữ chức can ngăn, có dâng sớ nói không thể để cho quốc cữu Nguyễn Phụ Lỗ tham dự chính sự được. Việc này làm trái ý hoàng thái hậu. Cao Mô bèn cáo bệnh, xin bãi chức. Nhà vua ưng thuận.

Lời chua - Nguyễn Phụ Lỗ: Người Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

¹ Tức là Nhất thống dư địa chí của Lê Quang Định (1760-1813). Quang Định, tự là Tri Chỉ, hiệu là Tấn Trai, nguyên quán ở huyện Phú Vinh, thuộc Thừa Thiên, vào ngụ tại Gia Định (thuộc Nam Bộ), đỗ năm 1788, làm đến thượng thư triều Gia Long. Ông viết tốt, vẽ khéo. Năm 1802, sang sứ Trung Quốc, đi đến đâu ông cũng thường làm thơ và vẽ cảnh đến đó. Bộ Nhất thống dư địa chí này soạn xong năm 1806, gồm có 10 quyển và 1 quyển đầu. Nội dung nói về cương giới, phong tục, thổ sản và đặc biệt là đường sá giao thông.

² Đơn vị đo lường xưa, 8 thước cổ là một tầm (theo Từ Nguyên, trang 467).

³ Xem chú giải ở Chính biên XVIII, 5.

⁴ Ba triều đại Trung Quốc xưa: Hạ, Thương, Chu.

Môn hạ sảnh Hữu ti lang trung thiêm tri Tây đạo¹ là Bùi Hanh có tội, bị miễn chức.

Bùi Hanh tâu rằng ngày 16 tháng 8 ấy có nguyệt thực, nhưng không đúng. Ngự sử Đồng Hanh Phát hặc tội Bùi Hanh. Bùi Hanh cứ thản nhiên, không có vẻ lo sợ, khi lên điện tâu việc, vẫn cứ như không. Đồng Hanh Phát tâu rằng: "Tôi, thẹn mình giữ chức can ngăn, đối với chính sự và việc dùng người, hễ thấy nên hay chẳng, được hay hỏng, đều phải tranh luận. Cổ ngữ có nói: "Lời gì có động đến nhà vua thì thiên tử thay đổi nét mặt, việc gì có quan hệ đến triều đình thì tể tướng phải chờ đợi nhận tội. Nay Bùi Hanh không biết hối lỗi, vẫn cứ như như tự đắc. Như vậy há những chỉ khinh nhờn hạng bầy tôi can ngăn thôi đâu, rất đối lại còn khinh miệt cả phép nước nữa. Vả, Bùi Hanh vốn là kẻ tiểu nhân gian tà dối trá. Thời vua Thái Tổ, Bùi Hanh đã bị phế bỏ vì nói càn bậy. Đến triều vua Thái Tông, Bùi Hanh lại dùng tà thuật để phô ngón lừa gạt. Bệ hạ² lúc mới cư tang, tình cờ gặp phải tai biến, dịch lệ. Bùi Hanh bèn mượn chuyện âm dương xung khắc để giải thích, rồi tâu xin để tang ngắn hạn cho khỏi thiên tai. Truy nguyên những việc Bùi Hanh đã làm phần nhiều đều là lừa dối phỉnh gạt. Tôi sợ đời sau cho rằng dùng nhà âm dương³ làm chức Tham tri và kẻ bói toán làm chức An phủ là bắt đầu từ bệ hạ trước. Vậy không thể không xét kỹ được". Nhà vua bèn bãi chức Bùi Hanh, cho xuống làm Thái sử lệnh.

Bạch Khuê, An phủ sứ lộ Quốc Oai, nghe biết việc này, phát sợ, vội xin từ chức. Trước kia, Bùi Hanh và Thái chức Bạch Khuê đều nhờ có ngón thuật số, dần dà quen biết và làm thân với các nhà đại thần. Bùi Hanh thì xin làm Môn hạ Hữu ti lang trung thiêm tri Tây Đạo; Bạch Khuê thì xin làm An phủ sứ. Các đại thần đều đứng bảo cử⁴ cho hai người này. Hạng sĩ phu thấy vậy, lấy làm hổ thẹn vì phải đứng cùng hàng quan với họ. Có kẻ đề chữ vào bên cửa Đông rằng: "Thiên địa bị, lộ an phủ; nhật nguyệt khuy, đạo tham tri". Nghĩa là trời đất gặp vận bị, hàng lộ có quan an phủ; mặt trời mặt trăng khuyết; hàng đạo có quan tham tri⁵. Đến đây, cùng một ngày, Bùi Hanh và Bạch Khuê đều bị truất. Dư luận lấy làm hả.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Thổ tinh xâm phạm vào Thái âm⁶.

Lời chua - Thổ tinh: Phần "Thiên văn chí" trong *Quản khuy tập yếu* chép rằng: Sao Trấn Tinh⁷ ở trung ương, thuộc hành thổ, lẫn vào giới phận của Thái âm, quanh quẩn không đi khỏi. Xâm nhập từ 7 tấc trở vào, gọi là "phạm", tia sáng bắn vào nhau, cũng gọi là "phạm".

Tháng 9. Tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

Ra lệnh cho Lê Khả đôn đốc phu và thợ tu sửa đền miếu ở Lam Kinh.

Lục dụng con của Lê Ngân, Đại đô đốc cũ.

Lê Ngân là công thần khai quốc, bị chết một cách vô tội; con là Nho Tôn bấy lâu phải chìm đắm nơi hàng ngũ quân lính. Triều đình thương xót, bèn trao cho Nho Tôn chức Đại đội trưởng trong Bảo ứng quân.

Lời chua - Lê Ngân: Người Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên thuộc Thanh Hóa.

¹ Xem Chính biên XV, 5 và chú giải ở Chính biên XVIII, 1.

² Chỉ Lê Nhân Tông.

³ Tức là ông đồng ông bóng.

⁴ Cũng như ngày nay gọi là "bảo đảm".

⁵ Âm chỉ bấy giờ gặp thời vận đen tối, không ra sao, nên mới có chuyện Bạch Khuê làm an phủ sứ ở lộ và Bùi Hanh làm tham tri ở đạo.

⁶ Tức mặt trăng.

⁷ Một tên khác của Thổ tinh.

Bảo ứng quân: Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì Bảo ứng quân thuộc trong sáu quân Ngự tiền.

Tháng 11, mùa đông. Gả Vệ quốc trưởng công chúa cho Lê Quát.

Quát là con Thái úy Lê Thụy. Công chúa mới lên mười. Nhà vua hạ chiếu cho Tư khấu Lê Khắc Phục đứng chủ trương về việc hôn nhân.

Bấy giờ Lê Thụy lo liệu việc sắm lễ. Những kẻ bon chen xu phụ đua nhau đem lễ đến dâng. Lê Thụy lại nhờ các trấn, các lộ lo kiểm tra để dùng vào việc cưới. Các trấn, các lộ nhân đó bắt dân đóng góp cung ứng để mua lòng Lê Thụy. Ngự sử Đồng Hành Phát có đàn hặc về việc này. Lê Thụy bỏ mũ, tạ tội với nhà vua; nhưng, những đồ người ta đưa biểu, Thụy vẫn đều nhận cả, không từ chối. Hành Phát không đề cập đến việc đó nữa, rồi lại đem đồ lễ đến nhà Lê Thụy và nói xin lỗi. Những người thức giả đều chê cười Hành Phát.

Các thổ tù ở Tuyên Quang là bọn Nông Thế Ôn, Dương Thăng Kim và Nguyễn Châu Quốc làm phản. Dẹp yên và giết chết cả.

Trước kia, bọn Thế Ôn ở Bảo Lạc, Thăng Kim ở Thám Già và Châu Quốc ở An Phú đều cậy có địa thế hiểm trở xa khơi, không chịu cung nộp phú thuế và sưu dịch. Đến đây, chúng định mưu cùng nhau liên hợp quân lại, giữ lấy bản châu, nổi lên làm phản. Việc lên đến triều đình. Nhà vua sai Lê Luân, Tổng quản Tuyên Quang, đem quân bản trấn đi đánh dẹp, bắt được bọn Thế Ôn và Thăng Kim, giải về kinh đô, giết chết.

Lời chúa - Bảo Lạc: Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ chiếu thăng thứ 9 (Chính biên III, 44, 45).

Thám Già: Tên sách¹ xưa.

An Phú: Tên đất xưa, thay đổi ra sao, không rõ.

Tháng 12. Nhập nội Đô đốc đình thượng hầu là Lê Chích chết.

Hồi mới khởi nghĩa, Lê Chích dâng sách lược bàn đánh lấy Trà Long trước. Lê Thái Tổ nghe theo². Do đó, hạ được Trà Long, hàng được Ngọc Ma, vây được thành Nghệ An, lược định được Tân Bình và Thuận Hóa, thu nạp được vài vạn quân, quay cờ trở ra Tây Đô, chia quân đi lấy các đất đai khác. Người ta đều phục Lê Chích là người nhìn xa được sự việc và bày mưu được đúng sát.

Khoảng niên hiệu Thiệu Bình (1434-1439), Lê Chích, vào trấn thủ Hóa Châu, Chiêm Thành hai lần vào lấn cướp, ông đánh phá được. Oai danh của ông lừng lẫy cả cõi nam. Về sau, vì có công đi đánh Chiêm Thành, ông được thăng Nhập nội đô đốc. Đến đây, ông mất, tặng phong là Nhập nội tư không Bình chương sự, đặt tên thụy là Trinh Vũ.

Lời chúa - Trà Long: Xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chính biên XIII, 17).

Nghệ An: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16, 17, 21-23).

Tân Bình: Tức Lâm Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 3 (Chính biên III, 34).

Thuận Châu, Hóa Châu: Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 23-24).

Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp xưa. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

¹ Xem chú giải ở Chính biên I, 1.

² Xem Chính biên XIII, 17.

Kỷ Ty, năm thứ 7 (1449). (Minh, năm Chính Thống thứ 14). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc. Biểu diễn nhã nhạc "Bình Ngô phá trận".

Trước kia, Lê Thái Tổ dùng việc vỗ dẹp yên thiên hạ, Lê Thái Tông nhớ nghĩ đến công đức đời trước, có đặt ra nhã nhạc "bình Ngô phá trận". Đến đây, nhân dịp yến tiệc, triều đình sai tấu nhạc này: trong đám công thần có người cảm động đến phát khóc.

Đặt lại phép thi lại điển.

Theo lối cũ, thi lại điển bằng ám tả, viết chữ, làm toán và kinh nghĩa. Ai trúng cách thì được sung vào làm việc ở các cục. Đến đây, triều đình bàn bỏ bớt ám tả và kinh nghĩa, chỉ chuyên thi có môn viết và môn toán thôi. Phép thi lại điển bỏ ám tả và kinh nghĩa là bắt đầu từ đây.

Định rõ thể lệ cho những người có thân ấm được miễn đi lính.

Theo thể lệ cũ, về việc tuyển lính, chỉ có con quan lục phẩm mới được miễn, còn từ thất phẩm trở xuống đều không được. Đến đây, nghị định lại: từ lục phẩm trở lên, đời cháu cũng cho hưởng ấm, được miễn; con các quan thất phẩm và bát phẩm cũng được dự miễn. Còn các hoạn quan ai nấy đều được miễn cho một người thân thích của mình.

Đào sông Bình Lỗ.

Sai Tư khấu Lê Khắc Phục đôn đốc các cục Bách Tác, vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai và quân dân Thái Nguyên đào sông Bình Lỗ từ Lãnh Canh tới cầu Phù Lỗ, thông suốt đến Bình Than để sự đi lại ở Thái Nguyên được tiện lợi.

Lời chúa - Sông Bình Lỗ: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 8 (Chính biên VIII, 36).

Vệ quân Tứ Xương, Thiên Khai: Không khảo được.

Thái Nguyên: Tức là Ninh Sóc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 32).

Lãnh Canh: Tức Lãnh kinh. Xem Lý Nhân Tông, năm Quảng Hựu thứ 5 (Chính biên III, 47).

Phù Lỗ: Tên đất xưa. Nay đổi là xã Phù Lỗ, thuộc huyện Kim Anh, tỉnh Bắc Ninh¹.

Bình Than: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Quý Do, em vua nước Chiêm Thành, giết vua Chiêm là Ma Ha Quý Lai, tự lập làm vua, sai sứ sang ta dâng lễ cống, nhưng triều đình khước từ, không nhận.

Quý Do, sau khi tự lập làm vua, sai bày tội là bọn Giáo Nễ Mộc Bàn Thoạ dâng tiến sản vật địa phương. Nhà vua nói: Là tôi mà giết vua, là em mà giết anh, Quý Do thật là tên đại ác từ xưa đến giờ. Vậy nên khước từ mọi đồ dâng cống, không nhận. Nhân đó nhà vua sai bọn Nguyễn Hữu Quang, Đồng tri Hữu ti sự và Trình Ngự, Điện trung thị ngự sử, đem tờ dụ sang Chiêm Thành vặn hỏi về việc này.

Trước kia, Hữu Quang đi sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm giữ lại; đến khi Quý Lai lên làm vua, Hữu Quang được về. Vì vậy, nay mới có mệnh lệnh cho Hữu Quang đi Chiêm Thành.

Tháng 4, mùa hạ. Nhập nội thị trung² đình thượng hầu Lê Lễ chết.

Lê Lễ, sức vóc khoẻ hơn người, nổi đời làm thần bộc nhà Lê Thái Tổ. Khi mới khởi nghĩa, Lễ có nhiều công trong việc giúp Bình Định vương thoát khỏi vòng vây, vượt qua nguy hiểm. Ông làm đến Nhập nội thị trung, tước Đình thượng hầu. Lê Thái Tổ, khi sắp mất, có khóc bảo ông rằng: "Trẫm nếu không còn sống, thì ai người biết khạnh nữa!". Về sau, ông bị Nguyễn Thị Lộ gièm pha, phải giáng xuống

¹ Nay là xã Phù Lỗ thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

² Tức là chức Hành khiển ở cung quan, hay ở Trung thư sảnh được dự bàn những việc lớn của triều đình.

làm Thái tử thiếu bảo. Đến đây, 82 tuổi, khi bệnh nặng, ông được khai phục quan chức. Liền đó ông chết, được đặt tên thụy là Trung tiết.

Hạn hán. Nhà vua hạ chiếu tự xét mình. Buổi tối hôm ấy, mưa.

Đại hạn. Nhà vua đảo vũ ở cung Cảnh Linh; lại sai Bùi Cầm Hổ đến núi Tản Viên và núi Tam Đảo làm lễ cầu mưa, nhưng đều không ứng nghiệm. Nhà vua bèn hạ chiếu xét mình.

Bài chiếu đại lược nói: "Luôn mấy năm nay hạn hán, thóc lúa hỏng, không thu hoạch được; dân tình sầu oán!

"Có lẽ vì trẫm không hết sức thành thực để cảm cách lòng trời, không tròn đạo hiếu để kính thờ tông miếu? Lại không biết sử dụng người hiền năng, còn những người mình dùng đó đều là hạng người mờ tối nhỏ nhen mà nên nổi chẳng?

"Hay là nạn hồi lộ thịnh hành và việc nữ sắc quá nhiều chẳng?

"Hay là không cẩn thận tiết độ trong việc tiêu dùng, làm hao hại tiền tài của dân chẳng?

"Hay là đại thần giúp rập chưa làm hết phận sự điều hòa xoay chuyển trời đất chẳng?

"Tướng sủng và bầy tôi nơi phiên trấn chưa biết yêu thương quân dân, làm nhiều việc xà xẻo bóc lột chẳng?

"Các chức thú lệnh không biết vỗ về chăn nuôi dân, chỉ chăm bề xâm phạm đục khoét của dân mà đến nổi thế chẳng?

"Hay là quan coi hình ngục không biết giữ sự công bằng, chỉ rông rở tham lam khắc nghiệt, khiến cho oán khí bốc xông lên trên đến nổi thế chẳng?

"Hay là các quan thừa hành chỉ chuyên ưa chuộng giấy tờ hư văn, làm cho ơn trách không nhuần thấm xuống dưới, tình hình kẻ dưới không đề đạt được lên trên chẳng?

"Những nhà quyền quý cậy thế ra oai làm cho người dân nhỏ mọn phải chịu oan uổng chẳng?

"Người làm chủ sủng đạo lộn công lao của quân nhân, làm hại đến phép công chẳng?

"Chăm đã khô cạn không có cá, thế mà ngạch thuế vẫn chưa giảm bớt, dân còn phải nộp thuế khổng¹ chẳng?

"Con cháu các nhà công thần kỳ cựu chưa lục dụng được hết chẳng?

"Những lỗi lầm dồn dập chứa chất ấy làm thương tổn đến khí hòa thuận của trời đất. Vậy nay nếu không kê cứu lời xưa dạy bảo sửa lỗi và tìm hết đường lối xét mình thì làm thế nào để trên có thể xoay lại lòng trời, dưới có thể cứu chữa đau khổ cho dân được?".

Tờ chiếu vừa ban xuống, thì buổi tối hôm ấy, trời mưa.

Lê Thụ và Lê Khả dâng sớ, đại lược nói: "Cô già, những đời thịnh trị hễ gặp có tai biến tất biết răn sợ: vua thì xét mình, đại thần thì nhận tội, trên dưới đồng lòng kính cẩn sợ hãi để làm cho thiên tai qua khỏi. Quốc triều ta, từ niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433) đến khoảng Thiệu Bình (1434-1439) và Đại Bảo (1440-1442), thóc lúa luôn được phong đăng, phúc trời nhuần thấm. Ngày nay, từ khi bệ hạ nổi ngôi đến giờ, việc làm chưa có gì là lỗi lầm, thế mà nước lụt và hạn hán vẫn tiếp diễn, tai biến luôn xảy ra. Đó đều vì bọn thần không biết tuyên dương đức ý của nhà vua, và làm lầm lỡ về việc điều hòa khí âm khí dương. Thật đúng như lời trong tờ chiếu sáng suốt đã vạch ra đó.

"Vậy, cúi mong nhà vua cho vời bọn thần đến Chính sự đường để xét hỏi về việc quân, việc nước: điều gì nên làm, điều gì nên bỏ, chỉ cốt sát với sự thực, chứ không làm chuyện giấy tờ hư văn".

¹ Nguyên văn Cương mục là "bồi nạp", có nghĩa là phải nộp thuế để bồi thường hoặc đền bù. Còn Toàn thư XI, 79, chép là "bội nạp" thì có nghĩa là nộp gấp đôi, đóng thuế gấp hai lần.

Thái hậu hạ chiếu đáp rằng: "Những chính sự tệ hại ngày nay có lẽ là sự tiến cử không công bằng, hoặc là cậy công mà gủi gắm nhau, hoặc là buông rộng thả dài cho bọn nô tỳ làm bậy, khuấy nhiễu làm hại dân lành. Những tệ hại đó đều nên sửa đổi".

Lê Khả, một hôm, nhân lúc bãi triều, lui gót, thấy phía trước nhà Vân tập đường có tấm lưới sắt, liền sai cất đi và nói: "Đừng để hoàng thượng trông thấy kéo gọng cho mai sau say đắm về việc đi săn".

Lời chua - Núi Tản Viên: Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chính biên I, 34).

Tam Đảo: Tên núi, ở huyện Tam Dương, phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây¹.

Bắt đầu xây dựng các đàn thờ cúng ở kinh đô.

Ra lệnh cho xem đất ở kinh đô, chọn chỗ để lập các đàn thờ Thành hoàng kinh đô, thần Gió, thần Mây, thần Sét, thần Mưa và bách linh cô hồn để theo mùa mà thờ cúng.

Giảm nhẹ thuế đầm.

Bọn Ngự sử trung thừa Hà Phủ dâng thư nói rằng: "Biết lỗi, không phải khó; sửa lỗi, mới là khó; nói đến điều thiện, không phải khó; làm được điều thiện, mới là khó. Nay trời làm hạn hán, bệ hạ đã ban chiếu trong có nói: "Chăm khô cạn, không có cá, dân phải nộp thuế khổng. Vậy xin giảm thuế đầm để tỏ ơn huệ thực sự". Triều đình nghe theo.

Tháng 5. Cấp phu quét tước cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ.

Nguyễn Hữu Phu, An phủ sứ lộ Khoái Châu, xin cấp cho Văn Miếu và các trường học ở các lộ mỗi nơi 20 người phu quét tước và cho các giáo thụ mỗi viên hai người phu, để làm bồng thường. Triều đình nghe theo.

Lời chua - Khoái Châu: Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình long ứng thứ 4 (Chính biên V, 32).

Nguyễn Hữu Phu: Người làng Sơn Đồng, huyện Đan Phượng², đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo³.

Sao Kim Tinh xuyên qua giới phận mặt trăng.

Lời chua - Sao Kim Tinh xuyên qua giới phận mặt trăng: Theo phần "Thiên văn chí" trong Quán khuy tập yếu⁴ thì Kim tinh Thái bạch là sao đóng ở phương tây. Khi ông vua đối với ngũ thường⁵ có thiếu sót về nghĩa và đối với ngũ sự⁶ có lầm lỗi về lời nói, làm trái nghịch với tiết lệnh mùa thu và thương tổn đến khí hành kim⁷ thì sự trừng phạt của trời sẽ tỏ ra ở điểm có sao Thái Bạch xuất hiện. Khi mặt trăng chuyển vần, hể sao Thái Bạch đi vào giới phận mặt trăng mà suốt qua thì gọi là "quán".

Mưa. Đại xá cho cả nước.

¹ Nay Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Phúc - Theo Đại Nam nhất thống chí, thì huyện Tam Dương trước thuộc phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây, nhưng đến năm Minh Mạng thứ 11 (1830) đã đổi thuộc phủ Vĩnh Tường (trước kia thuộc tỉnh Vĩnh Yên, hiện nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc).

² Nay là thôn Sơn Đồng, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

³ Tức năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đời Lê Thái Tông.

⁴ Đây dịch theo Cương mục. Còn theo Vận phủ thập di quyển IV, tờ 15b thì là phần "Thiên văn chí" trong Hán thư (Hán thư Thiên văn chí).

⁵ Năm đạo thường phải tuân giữ theo quan niệm luân lý của nhà nho: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

⁶ Tức là mạo (nét mặt), ngôn (lời nói), thị (sự trông), thính (sự nghe), tư (sự suy nghĩ).

⁷ "Kim", là một trong năm hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), thuộc về mùa thu.

Giáng Thị ngự sử¹ Lưu Thúc Khiêm xuống làm Yên Lãng Chuyển vận phó sứ và giáng Giám sát ngự sử² Nguyễn Cư Đạo xuống làm Quốc tử giám trực giảng³.

Trước kia, bọn Thúc Khiêm và Cư Đạo đàn hặc bọn Chính sự viện đồng tham nghị là Cao Doãn Cung, Trình Hoảng Nghi, Nguyễn Bá Thanh và Mai Tử Kiệt rằng họ làm đại thần ở Chính sự viện mà chỉ ngồi không, ăn hại, chẳng hề làm được việc gì, tuổi đã bảy mươi hầy còn tham lam bổng lộc và ngôi vị. Vậy nên bắt họ phải về hưu để kích lệ lòng liêm sỉ. Bọn Doãn Cung bèn xin thôi việc cả. Nhà vua ưng thuận.

Bấy giờ Tả hữu nạp ngôn là bọn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Phó và Nguyễn Viết vào hầu vua học tập ở tòa Kinh Diên. Bọn Đào Công Soạn và Nguyễn Tử Tấn, theo lệ, cũng đến tuổi cáo lão, thế mà vẫn cứ luyến tiếc địa vị, không có ý về hưu, e rằng không được dư luận dung thứ. Họ, vì thế, đều xin hưu trí. Nhà vua cố giữ lại. Họ bèn đem nhau đến lạy tạ, rồi lại giữ chức như cũ. Nhưng vì bọn Thúc Khiêm hay bới việc mà đàn hặc, nên trong lòng bọn Đào Công Soạn vẫn căm.

Đến đây, bọn Thúc Khiêm đều bị biếm truất.

Lời chua - Yên Lãng: Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây⁴.

Nguyễn Cư Đạo: Người Đông Khôi thuộc huyện Gia Định⁵, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo.

Dùng Nguyễn Thúc Huệ làm Môn hạ hữu nạp ngôn và Bùi Hanh làm Tham nghị chính sự.

Quan giữ việc can ngăn là Đồng Hanh Phát dâng sớ nói rằng: "Chức quan cao trọng ở bản triều⁶ chỉ là Tế tướng và Hành khiển thôi. Thúc Huệ xuất thân từ một tiểu lại, trước kia làm Tham tri Bắc đạo⁷, lấy nê việc này việc khác, bòn rút vợ vét của dân làm cho một lộ xác xơ, hết cả tiền của! Khi vâng mạng đi sứ ngoại quốc, Thúc Huệ bày chước quý quyệt, kinh doanh việc tư, đến nỗi người ngoài phải coi là một tên "đầu quý", làm nhục đến cả quốc thể là thế đó. Vậy còn dùng hắn làm gì! Bùi Hanh thì dùng tà thuật làm mê hoặc bề trên⁸ khiến cho chúa thượng giảm theo con đường lầm lỗi là để tang ngăn hạn⁹ đã từng vì tội phỉng gạt mà bị bãi chức. Thế mà nay lại cho Bùi Hanh thăng lên Chính sự viện tham nghị! Và lại, "chính" là ngay thẳng. Bản thân người làm chính sự nếu không ngay thẳng thì làm việc ngay thẳng thế nào được? Hào "Lục tam" trong quẻ Giải¹⁰ nói rằng: "Phụ thả thừa, trí khấu chi"¹¹, có lẽ đúng như Thúc Huệ và Bùi Hanh đó chẳng?".

Hoàng thái hậu bèn đem việc này hỏi ý kiến Tế tướng. Bọn Lê Khả thưa rằng: "Dùng người, không nên cầu toàn trách bị quá. Bọn thần thăm dò, chưa kiếm được người nào khác, chỉ thấy bọn Thúc

¹ Chức quan đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm.

² Chức quan trong Ngự sử đài hàm thất phẩm.

³ Một chức quan trong Quốc tử giám đứng dưới Tư nghiệp.

⁴ Đất huyện Yên Lãng cũ nay thuộc huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

⁵ Sau đổi là Gia Bình, nay là Gia Lương thuộc tỉnh Bắc Ninh.

⁶ Chỉ triều Lê.

⁷ Nay gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên.

⁸ Chỉ việc Bùi Hanh nói tinh vượn đen ăn mặt trời và bày việc giết vượn thật để làm bùa ếm ở trong cung (xem Chính biên XVI, 8-9).

⁹ Chỉ việc Bùi Hanh đưa ra cái thuyết âm dương khắc hại nhau để xin bỏ đồ trở và cúng trừ tai biến (xem Chính biên XVII, 25-26).

¹⁰ Dịch kinh đại toàn, quyển X, tờ 29.

¹¹ Ý nói hào "Lục tam" (quẻ Giải trong kinh Dịch) thuộc về âm, bản chất mềm yếu, đáng phải ở dưới, lại nhoi lên trên, ở không đúng chỗ; cũng như kẻ tiểu nhân đáng phải ở dưới để gánh vác, vậy mà lại đi xe, thế nào rồi cũng gây nên cái nạn tranh giành cướp giật (theo lời Truyện trong kinh Dịch). Đây dùng để chỉ bọn Thúc Huệ và Bùi Hanh là hạng người xấu, không xứng đáng làm chức to.

Huệ đang tại chức đều làm chạy việc. Còn đối với hạng tân tiến, bọn thần chưa biết rằng họ có là người hiền năng hay không, nên không dám đề cử một cách khinh suất". Do đó hoàng thái hậu quyết ý cứ dùng.

Lời chua - Bắc đạo: Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chính biên XIII, 32).

Tháng 7, mùa thu. Đặt lại quân hiệu.

Đổi quân hiệu Hòa đồng¹ làm Thần lôi, Thần điện; quân hiệu Thiện trạo² làm Hải hồng, Hải mã, Hải kinh, Hải thu; quân hiệu Bát nhiêu³ làm Hải hoạt.

Lời chua - Hòa đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu: Theo "Bình chế chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì Lê Thái Tổ, khi đã lấy được thiên hạ, đặt các quân hiệu, có những danh hiệu như: Hòa đồng, Thiện trạo, Bát nhiêu, v.v...

Sai sứ đi Chiêm Thành.

Trước kia, triều đình sai Nguyễn Hữu Quang đem tờ dụ đi vận hỏi Chiêm Thành (về việc giết vua cũ là Ma Ha Quý Lai). Chúa Chiêm sai bày tội là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt theo Hữu Quang đến nước ta. Nhà vua vận hỏi về tội thí nghịch⁴. Sứ Chiêm không trả lời được. Đến đây, triều đình sai bọn Thượng thư Trình Dục vâng mạng đem thư sang dụ bảo Chiêm Thành và đòi lại những người nước ta còn ở lại Chiêm Thành. Người Chiêm vâng theo, tiễn đưa bọn Trình Nguyên Đĩnh 70 người trở về nước.

Tháng 10, mùa đông. Một người ở kinh đô đẻ ra đứa con có hai đầu.

Tháng 11. Dùng bọn giám sinh Lỗ Thuần làm Duyên lại.

Trước kia, dùng bọn giám sinh Nguyễn Cương Trung và Nguyễn Tự Đặc làm Chuyển vận phó sứ ở các lộ. Đến đây, dùng bọn Lỗ Thuần và Phạm Công Niêm 30 người làm Duyên lại ở các đạo. Giám sinh bổ làm thuộc lại là bắt đầu từ đây.

Lê Quán Chi có tội, nhưng được tha, không trừng trị.

Quán Chi là con Lê Khuyển, đang đêm, tụ họp đám đông đánh chết người. Việc phát giác, Quán Chi bị bắt bỏ ngục. Khi cung khai, Quán Chi tiêu xưng đến các con em của một số nội quan và nhà quyền quý hàng hơn mười đứa. Án đã kết. Hoàng thái hậu cho rằng Lê Khuyển là bậc đại thần, cầm quân cấm vệ, nên bà mới buông lỏng pháp luật mà tha Quán Chi. Bà ra lệnh chỉ thu lấy tiền đền mạng. Các quan trong Ngự sử đài là bọn Lê Lâm không dám nói... Trong đám con trẻ ở kinh đô đến nỗi có kẻ phải nằm tay một cách tức bực mà rằng: "Tôi chỉ giận mình không được làm ngự sử!".

Lời phê - Nhân chuyện này, có thể biết được thời sự bấy giờ ra sao.

Lời chua - Lê Lâm: Người làng Hạ Bì, huyện Bất Bạt⁵.

Quy định rõ ràng về luật hộ.

Trước kia, Lê Thái Tổ muốn làm việc chia ruộng, nên về chế độ công điền công thổ, có đặt ra điều lệ và cấm lệnh một cách đặc biệt tường tận, còn đối với điền sản tư gia, chương trình hãy còn sơ lược. Đến đây, quy định rõ ràng thành mười bốn điều về điền sản, đặt thành luật lệnh hẳn hoi.

Lời chua - Mười bốn điều: Theo "Hình luật chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì khoảng năm Thái Hòa (1443-1453) có bổ sung thêm chương "Điền sản" gồm mười bốn điều.

¹ Binh chủng sử dụng những ống hỏa hổ (ống chứa thuốc nổ) để đánh trận.

² Binh chủng giỏi bơi thuyền.

³ Binh chủng phụ trách việc bơi chèo thuyền chiến.

⁴ Xem Chính biên III, 15.

⁵ Nay là xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Điều thứ 1 - Khi chồng chết, mà vợ trước có con, vợ sau không con thì điền sản của nhà chồng chia làm ba phần: con người vợ trước được hai phần; bản thân người vợ sau được một phần để ăn gầy¹. Người vợ sau nếu chết đi hay cải giá thì điền sản lại phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm sẽ phải phạt 50 roi.

Điều thứ 2 - Người con có vợ rồi, khi chết mà vô tự² thì điền sản của người con đó trừ khi cha mẹ hầy còn, sẽ để cha mẹ quản lý, bằng không sẽ chia đều làm hai phần: một phần để lại ở bản tông³ dùng vào việc hương hỏa thờ cúng; một phần chia cho người vợ để ăn gầy đến trọn đời. Nếu người vợ đi cải giá thì phải truy hoàn. Kẻ nào vi phạm, sẽ phải phạt 50 roi.

Điều thứ 3 - Người vợ chết đi mà không có con, thì điền sản của bản thân người vợ ấy chia làm ba phần: một phần trả về gia đình nhà người vợ ấy nhận lấy mà quản lý; hai phần để cho người chồng ăn gầy đến trọn đời. Khi người chồng chết đi thì hai phần điền sản ấy lại phải truy hoàn cho bà con bên họ người vợ. Kẻ nào vi phạm sẽ bị phạt 50 roi.

Điều thứ 4 - Chồng đã chết, con còn bé, người mẹ đi cải giá mà lén lút bán điền sản của con thì phạt 50 roi; truy lại số tiền đã bán ấy trả lại cho chủ mua, còn ruộng trả về cho người con. Nếu người chồng sau đứng tên con của người chồng trước mà lén lút bán tài sản ấy thì phạt 60 trượng. Kẻ tri tình⁴ mà còn cứ mua thì phạt 80 trượng, và mất cả số tiền đã mua.

Điều thứ 5 - Khi cha mẹ hầy còn, mà con trai con gái bán vụng trộm điền sản thì con trai phải phạt 60 trượng, con gái 50 roi. Truy số tiền đã bán trả lại chủ mua, còn điền sản hoàn lại cha mẹ.

Điều thứ 6 - Ông bà, cha mẹ đều chết cả, con cháu hầy còn nhỏ bé, thế mà người họ đồng tông tự tiện đem bán điền sản của các người con cháu ấy thì phải phạt 60 trượng.

Điều thứ 7 - Dưỡng tử có đủ giấy tờ làm con nuôi hẳn hoi và trong giấy tờ nói rõ là sẽ chia cho điền sản, thì khi chia điền sản, được phép chiếu theo đầu con mà quân phân, nhưng phải kém một phần để tỏ ra có khác với con đẻ. Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 50 roi.

Điều thứ 8 - Kẻ đã làm con nuôi họ khác, khi thấy có số ruộng tuyệt tự của người họ mình mà lại cầu xin chia cho suất mình thì phải chịu kém người họ đồng tông một nửa phần. Kẻ nào vi phạm sẽ phạt 60 trượng.

Điều thứ 9 - Bán vụng trộm điền thổ của người khác, từ 10 mẫu trở lên phải khép vào tội đồ. Kẻ tri tình mà vẫn cứ mua thì phải phạt 80 trượng.

Điều thứ 10 - Ruộng đất đã cầm đợ rồi, sau không xin chuộc lại theo số tiền đã đợ ấy mà lại đem bán đợ hay bán đứt cho người khác thì phạt 50 roi, truy lấy số tiền trả lại cho chủ mua đợ.

Điều thứ 11 - Bán đợ ruộng đất, muốn chuộc mà không cho chuộc mà ngược lại, không muốn chuộc mà cưỡng ép bắt chuộc, đều phạt 80 trượng. Nếu để quá kỳ hạn rồi, chủ bán mới cưỡng ép đòi chuộc thì cũng phải tội như thế (kỳ hạn, nghĩa là ruộng mùa, lấy tháng 3 làm kỳ hạn; ruộng chiêm, lấy tháng 9 làm kỳ hạn).

¹ Hưởng phần giữ lại để dưỡng lão.

² Không người nối dõi, tức là không con.

³ Họ đồng tông nhà mình.

⁴ Người biết rõ sự tình.

Điều thứ 12 - Kẻ nào tranh chiếm ruộng đất của người ta rồi bán chạy cho người khác thì phạt 50 roi.

Điều thứ 13 - Nô tì bán vụng trộm ruộng đất của người gia trưởng thì phạt 90 trượng, thích chữ vào mặt, đày đi châu gần¹. Ruộng đất, hoàn lại người chủ. Kẻ tri tình mà cứ mua thì phạt 50 roi, truy lại số tiền đã mua bán ấy nộp vào quan.

Điều thứ 14 - Con trai đã từ 16 tuổi và con gái đã từ 20 tuổi trở lên, ruộng đất của phần mình bị người trong họ hay người ngoài cày cấy hoặc cư trú đã quá kỳ hạn rồi mới tranh nhận (kỳ hạn nghĩa là người trong họ thì 30 năm, người ngoài thì 20 năm) thì phạt 80 trượng và mất hẳn ruộng đất ấy. Nếu vì cơ gặp cơn binh lửa hoặc phiêu bạt rồi sau mới về thì không câu nệ theo lệ luật này.

Canh Ngọ, năm thứ 8 (1450). (Minh, Cảnh Đế, năm Cảnh Thái thứ 1).

Tân Mùi, năm thứ 9 (1451). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Vì có nhiều tai biến, nhà vua hạ chiếu rộng ban ơn điển võ về thương xót.

Tờ chiếu nói rằng: "Luôn mấy năm nay, nào tai biến, nào hạn hán dồn dập xảy đến! Nếu không ban ơn huệ một cách thực sự để yên ủi lòng dân thì lấy gì đáp ứng được trời cao mà làm ngừng được tai biến? Vậy nay tha thuế; quân và dân người nào bấy lâu phải đi trốn tránh thì cho phép ra thú, sẽ được miễn tội; những vụ án ngục kiện tụng nào còn để đọng thì cho phép những quan coi giữ về các vụ ấy tâu lên cho đầy đủ để nhà vua xét".

Tháng 7, mùa thu. Giết Thái úy Lê Khả và con là Quát luôn với Tư khấu Lê Khắc Phục và con là Bá Nhai.

Lê Khả, khi làm tể tướng, đảm nhiệm lấy việc giúp vua sửa đổi điều lỗi và tiếp nhận những lời khuyên can, nhưng Khả sử dụng pháp lệnh một cách quá nghiêm khắc, không hề nể nang hay khoan gượng gì cả. Do đấy, triều đình ai cũng len lét sợ Khả. Có kẻ gièm pha với thái hậu rằng Lê Khả cùng với cha con Khắc Phục ngầm kết vây cánh bè đảng. Thái hậu tin lời, bèn giết luôn cha con Lê Khả và cả cha con Khắc Phục.

Tháng 10, mùa đông. Sứ nhà Minh sang ta.

Trước kia, Minh Anh Tông (1436-1449)² đi tuần phía bắc³, em là Thành vương Kỳ Ngọc trông coi việc nước, nhân đó tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Thái⁴ và sai bọn hành nhân trong ti Hành nhân là Biên Vĩnh và Tiến sĩ là Trình Huệ sang ta báo cáo về việc Cảnh Thái mới lên ngôi. Nhà vua sai bọn Đồng tri Đông Đạo⁵ là Trình Chân và Trung thư thị lang là Nguyễn Đình Mỹ sang Minh chúc mừng.

Lời chầu - Nguyễn Đình Mỹ: Người Chi Long thuộc huyện Kim Hoa.

Nhâm Thân, năm thứ 10 (1452). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Giam Thái úy Lê Thụ vào ngục.

Lê Thụ phải tội vì không biết dạy con là Lê Thị để hẳn làm việc phù chú bùa ếm.

Tháng 7, mùa thu. Vì có tai biến, nhà vua lại hạ chiếu răn mình và đôn đốc bách quan.

¹ Châu Nghệ An (xem Chính biên XV, 10).

² Đây dịch theo nguyên văn là "bắc thú", nhưng thực tế thì Minh Anh Tông bị Dã Tiên, một tù trưởng ở phương Bắc Trung Quốc bắt giữ, khi đi đánh viên tù trưởng này. Về sau, được thả về, Minh Anh Tông lại làm vua lần thứ hai (1457-1464) nữa.

³ Đây dịch theo nguyên văn là "bắc thú", nhưng thực tế thì Minh Anh Tông bị Dã Tiên, một tù trưởng ở phương Bắc Trung Quốc bắt giữ, khi đi đánh viên tù trưởng này. Về sau, được thả về, Minh Anh Tông lại làm vua lần thứ hai (1457-1464) nữa.

⁴ Tức là Minh Cảnh Đế (1450-1456).

⁵ Xem Chính biên XV, 5.

Bài chiếu nói rằng: "Luôn mấy năm đây, tai biến dồn dập xảy đến, dân chúng ít được sinh sống thỏa thuê, trầm lắng làm lo sợ lắm. Bây giờ muốn nghĩ cách làm để qua khỏi tai biến, gây được vui hòa, thì há chẳng nên tuân theo hiến chương đã lập thành và sửa bỏ những chính sự có tệ hại hay sao? Vậy nên cất dùng những người thanh liêm, tài năng, sa thải những kẻ đần độn, đốn kém, thi hành việc thăng chức và giáng chức cho xứng đáng, tha thuế khóa, xét xử án ngục oan uổng, chấn tế cứu giúp những người quan, quả, cô, độc¹".

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bây giờ Minh Cảnh đế (1450-1456) lập Hoàng thái tử, có sai Hình bộ lang trung là Trần Kim và Hành nhân ti hành nhân là Quách Trọng Nam sang ta báo cáo và ban cho các cây hàng tẩm màu sắc và có hoa. Nhà vua sai bọn Thẩm hình viện là Phạm Du, Hàn lâm viện trực học sĩ là Nguyễn Bá Ký, chỉ huy là Lê Thượng và Thị ngự sử là Lê Chuyên sang Minh để đáp tạ và đưa đồ mừng.

Lời chua - Nguyễn Bá Ký: Người làng Vân Nội thuộc huyện Chương Đức², đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa³.

Quý Dậu, năm thứ 11 (1453). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Ân xá.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua bắt đầu chính mình cầm chính quyền. Đại xá cho cả nước. Đổi lại niên hiệu.

Kể từ năm sau (1454) là niên hiệu Diên Ninh thứ 1. Ban bố những điều đại xá cho cả nước. Truy tặng các công thần Lê Lễ, Lê Bị và Lê Triện mỗi người thêm tước một tư⁴. Cấp cho bọn Lê Sát, Lê Ngân, Lê Khả và Lê Khắc Phục mỗi người 100 mẫu ruộng quan. Thường thời vỗ về thăm hỏi những người quan, quả, cô độc⁵. Biểu dương những nghĩa phu⁶, tiết phụ⁷ do các quan địa phương đã tâu trình.

Lời phê⁸ - Thì ra những việc trước đây đều là vẽ vờ hảo cả. Cứ xem trong Quang Thuận trung hưng ký⁹ mà Sử cũ đã chép phụ đó¹⁰ thì đủ biết. Rồi đây, Lê Nhân Tông mắc phải nạn lớn¹¹, thì ra trong đám tôi con đây rầy ở triều đình bấy giờ đều không có người nào là hiền đức cả. Đáng trách biết bao!

Giáp Tuất, năm Diên Ninh thứ 1 (1454). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Đúc tiền Diên Ninh.

¹ Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chính biên XIII, 6.

² Nay thuộc xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

³ Tức là năm Thái Hòa thứ 6 đời Lê Nhân Tông.

⁴ Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

⁵ Xem chú giải các số 1, 2, 3, 4 ở Chính biên XIII, 6.

⁶ Người chồng giữ tình chung thủy đối với vợ.

⁷ Người đàn bà trinh tiết.

⁸ Về việc Lê Nhân Tông từ nay chính mình cầm quyền, chứ không như trước đây phàm các chiếu chỉ và chính lệnh đều do bọn quyền thần bày đặt ra toàn là chuyện hảo huyền cả.

⁹ Nội dung tập Quang Thuận trung hưng ký này đại ý nói: Lê Nhân Tông bấy giờ còn bé, thái hậu Nguyễn Thị cầm quyền, triều thần hầu hết là vô học, bất tài, tham ô, thói nát, hối lộ công khai, văn giáo mịt mờ bế tắc, làm cho dân tình xao xuyên, đường sá nôn nao, trình bày một cảnh tượng đầy suy đốn!

¹⁰ Xem Toàn thư bản kỷ XI, 96-97.

¹¹ Chỉ việc Lê Nhân Tông bị Nghi Dân giết hồi tháng 10 năm Kỷ Mão, 1459 (Xem Chính biên XVIII, 34).

Ất Hợi, năm thứ 2 (1455). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 6). Sai Quốc tử bác sĩ Phan Phu Tiên sửa lại¹ bộ Việt sử (Sử cũ không chép tháng).

Bộ Việt sử này chép từ đời Trần Thái Tông (1225-1257) đến lúc người Minh rút về nước (1427), gồm 10 quyển.

Lời chua - Phan Phu Tiên: Người làng Đông Ngạc², huyện Từ Liêm, đỗ khoa minh kinh năm Kỷ Dậu (1429), niên hiệu Thuận Thiên³.

Tháng 10, mùa đông. Châu Ngọc Ma có con chuột lớn bằng con lợn.

Lời chua - Ngọc Ma: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 10).

Bính Tý, năm thứ 3 (1456). (Minh, năm Cảnh Thái thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Mở yến tiệc linh đình. Tháng 2. Phong Cẩm Công, thổ tù châu Quy Hợp, làm Trấn viễn tướng quân.

Nhà vua sai viên ngoại lang Trịnh Dao đem sắc thư đến yên ủi dụ bảo Cẩm Công và ban cho áo dệt kim tuyến, mũ cao sơn, yên ngựa và bàn ghế.

Lời cần án - Sử cũ chép là Hợp Châu. Nay xét Nghệ An chí thì châu Quy Hợp là đất Bồn Man xưa⁴, Cẩm thị nổi đời làm thổ tù. Vậy xin cải chính.

Nhà vua đi Lam Kinh.

Nhà vua đi Tây Kinh⁵ bái yết lăng tẩm, dùng bọn Lê Hiên và Lê Lựu sung chức Lưu thủ Đông Kinh⁶.

Lời chua - Lam Kinh: Tức Tây Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chính biên XV, 26)⁷.

Mưa đá.

Nhà vua đến Lam Kinh. Đêm hôm ấy, mưa đá.

Nhằm ngày rằm, nhà vua đem các quan đi bái yết sơn lăng, sắm đủ lễ vật để cáo miếu, đánh trống đồng, tấu đại nhạc: hàng võ thì biểu diễn điệu múa "bình Ngô phá trận", hàng văn thì biểu diễn múa "chư hầu đến châu". Cách đó vài ngày, nhà vua ban yến và tặng phẩm cho các quan đi hộ giá⁸ có hơn kém khác nhau. Rồi bàn đặt tên cho các cung điện ở Lam Kinh; chính điện gọi là Quang Đức, điện phía trước gọi là Sùng Hiếu, điện phía sau gọi là Diển Khánh.

Nhà vua từ Lam Kinh về đến kinh đô.

Mặt trời có quầng.

Có cái quầng, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, như hình cầu vồng, bao quanh mặt trời.

¹ Nguyên văn là "tu".

² Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

³ Xem thêm chú giải số 3, "Lời tổ Biên dịch", ở Cương mục tập I, trang 6.

⁴ Xem lời chua của Cương mục ở Chính biên XVIII, 8.

⁵ Tức Thanh Hóa (xem thêm Lời chua ở dưới của Cương mục).

⁶ Tức Thăng Long, nay là Hà Nội.

⁷ Xem thêm Thuận Thiên năm thứ 6 (Chính biên XV, 33).

⁸ Đi theo hầu xa giá nhà vua.

Tháng 3. Nhà vua sai bọn Nhập nội đô đốc Lê Ê và Nhập nội hành khiển Đào Công Soạn đi lên địa giới Thái Nguyên để hội đồng với người Minh làm việc khám xét về biên giới, nhưng tam ti¹ nhà Minh không đến. Bọn Lê Ê bèn trở về.

Trước kia, bọn Triệu Nhân Chính, Tri châu châu An Bình nhà Minh, và Nông Hồng Nguyên², Tri châu châu Hạ Tư Lang thuộc trấn Thái Nguyên bên ta, cùng xâm lấn bờ cõi của nhau³. Việc này bên ta đã tâu lên vua Minh để tranh biện cho rõ rệt. Vua Minh sắc sai bọn tổng binh quan An Viễn hầu là Liễu Truyền kết hợp với ba ti Đô⁴, Bổ⁵, Án⁶ ở Quảng Tây đến tận nơi biên giới để hội đồng với các kỳ mục nước ta, đem bọn Nhân Chính và Hồng Nguyên ra đối chất, rồi tâu các lý do một cách đầy đủ và minh bạch để vua Minh nghe.

Nhà vua bèn sai bọn Lê Ê đi lên đầu địa giới Thái Nguyên để chờ đợi, nhưng ba ti nhà Minh không đến, bọn Lê Ê quay về.

Lời chúa - An Bình: ên châu, xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 5 (Chính biên XVII, 17).

Hạ Tư Lang: Xem Lý Thái Tông, năm Kiến phù hữu đạo thứ 3 (Chính biên III, 3).

Tháng 5, mùa hạ. Ban chiếu răn dạy trăm quan phải cẩn thận làm tròn chức vụ.

Tờ chiếu nói rằng: "Người làm tôi phải nên giữ trọn chức vụ.

"Đại thần thì giúp vua, điều hòa xoay chuyển trời đất, tiến cử người hiền, gạt bỏ những kẻ không tốt để mưu tính cho việc chính trị được hay.

"Người cai quản quân đội thì vỗ về thương yêu binh sĩ, luyện tập võ nghệ, không nên bắt quân lính làm việc riêng cho mình và xâm phạm xà xẻo của công.

"Các Hành khiển ở năm đạo⁷ phải nên trình bày điều lợi và điều hại, phân biệt cái tốt và cái xấu; cần phải làm cho xong xuôi ổn thoả tất cả những việc nên làm ở địa phương.

"Các quan ở Ngự sử đài thì nên giúp vua sửa điều lỗi, chữa điều lầm, trừ bỏ điều ác, biểu dương điều thiện.

"Nội mật viện thì nên tuân giữ điển chương pháp độ, giải bày tâu trình một cách tường tận rõ ràng.

"Quan giữ hình ngục thì nên xét xử công bằng, cởi gỡ oan uổng, cốt sao cho thấu được dân tình.

"Các chức ở phủ, ở lộ, ở châu, ở huyện thì nên biểu dương ý tốt của nhà vua, vỗ về dân chúng.

"Các học quan thì nên cẩn thận gìn giữ quy luật việc học, dạy dỗ lớp người hậu tiến khiến cho ai nấy đều được thành tài.

"Cho đến những người coi kho tàng hay là làm việc ở các cục, các thự cũng đều phải nên kính cẩn gìn giữ phận sự mình, chớ để thiếu sót chức vụ".

Nước đâm ở Lam Kinh ngầu đỏ.

¹Tức là Đô chỉ huy, Bổ Chính ty và Án sát ty.

²Cương mục Chính biên XVII, 17 chép là Nông Kính.

³Xem Chính biên XVII, 17.

⁴Đô chỉ huy ty coi về quân sự.

⁵Bổ chính ty coi về tài chính và thuế khóa.

⁶Án sát ty coi về tư pháp.

⁷Xem Chính biên XIII, 32 và XV, 5, 6.

Lời chua - Đầm: Theo "Địa dư chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì phía sau Lam Kinh có cái hồ cực rộng lớn, hứng nhiều dòng nước dồn vào. Đầm đây, có lẽ là cái đầm này.

Cấp phát tiền bổng hàng năm cho trăm quan.

Trước kia, các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan đều chiếu theo phẩm trật cao hay thấp mà được hưởng số hộ để ăn lộc nhiều hay ít. Đến đây, lại cấp thêm cho tiền bổng hàng năm có hơn kém khác nhau.

Lê Lưu, Đô đốc Tây đạo, tâu rằng: "Tôi không có công trạng gì, được ăn lộc đến năm mươi hộ đã là quá phận mong ước rồi, thế mà nay lại được cấp cho tiền bổng hàng năm nhiều gấp đôi! Vạy xin từ, không dám nhận".

Lời chua - Hộ ăn lộc, tiền bổng: Theo Kiến văn lục của Lê Quý Đôn thì đầu đời Lê, chế độ bổng lộc để nuôi dưỡng thế này: hoặc ban cho năm mươi hộ hay một trăm hộ để người được hưởng cứ lấy thuế ở các hộ ấy mà ăn. Cũng có khi ban thêm lộc điền nữa. Lại quy định: phàm các vương, các công chúa và các đại thần văn võ bách quan, hàng năm, được cấp tiền bổng có hơn kém khác nhau. Ngoài ra, không khảo được hơn nữa.

Biểu dương người tiết phụ họ Nguyễn ở Nam Sách.

Nguyễn Thị (không rõ tên), người làng Đào Cốc, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách¹, là vợ xã quan Nguyễn Văn Điều. Từ khi chồng chết, bà ở góa, không có điều tiếng gì. Việc lên đến triều đình. Nhà vua hạ chiếu ban cho tấm biển màu vàng biểu dương ở chỗ cổng nhà bà. Con cháu được miễn sai dịch để ở nhà hầu hạ phụng dưỡng bà.

Lời chua - Nam Sách: Tức Nam Sách: Xem thuộc Tân², Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Chí Linh: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chính biên VII, 28).

Tháng 6. Tha Thái úy Lê Thụ ra khỏi ngục³.

Tháng 10, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ sứ nhà Minh sang ban cho áo cổn và mũ miện. Nhà vua sai bọn Trung thư thị lang Nguyễn Đình Mỹ sang nhà Minh dâng lễ tuế cống và tạ ơn về việc ban mũ áo.

Tháng 11. Có con hổ lọt vào trong thành.

Hổ vào chùa Diên Hựu ở trong thành. Nhà vua sai võ sĩ đâm chết.

Lời chua - Chùa Diên Hựu: Xem Lý Thái Tông, năm Sùng Hưng đại bảo thứ 1 (Chính biên III, 14).

Đình Sửu, năm thứ 4 (1457). (Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 1).

Tháng 9, mùa thu. Sai sứ sang nhà Minh.

Bấy giờ Minh Anh Tông lại làm vua, lập con là Kiến Thâm làm Hoàng thái tử. Vua Minh sai bọn Thượng bảo khanh⁴ Hoàng Giám sang ta báo cáo về việc đó và ban cho các cây hàng tấm màu sắc và có hoa. Nhà vua sai bọn Tả nạp ngôn Lê Hy Cát, Hàn lâm viện thị giảng Trịnh Thiết Trường và khởi cư xá nhân Nguyễn Thiên Tích sang Minh đáp tạ và dâng đồ mừng.

¹ Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

² Đây dịch theo nguyên văn, Đàng phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.

³ Về việc Lê Thụ bị tội, xem thêm Chính biên XVIII, 27.

⁴ Chức quan do nhà Minh đặt, có nhiệm vụ giữ các bảo tì, ấn tín, v.v...

Lời chua - Lê Hy Cát: Người Lam Sơn, huyện Lương Giang¹.

Trịnh Thiết Trường: Người làng Đông Lý, huyện An Định² đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), năm Đại Bảo.

Gió to từ tháng 8 đến tháng 9 này.

Mậu Dần, năm thứ 5 (1458). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 2).

Kỷ Mão, năm thứ 6 (1459). (Từ tháng 10 trở đi là Nghi Dân năm Thiên Hưng thứ 1 - Minh, năm Thiên Thuận thứ 3).

Tháng 10, mùa đông. Lạng Sơn vương Nghi Dân giết nhà vua và Hoàng thái hậu mà tự lập làm vua. Thị hậu phó chương³ Đào Biểu tử tiết.

Nhà vua ở ngôi được 17 năm thì bị giết, thọ 19 tuổi.

Trước kia, Dương Thị, mẹ Nghi Dân, phạm tội với vua Thái Tông, nên bị phế. Vì mẹ như vậy, Nghi Dân không được lập, ngầm có ý khác, ngấp nghé nom dòm ngôi báu. Cùng với chỉ huy Lê Đặc Ninh mưu cuộc nổi loạn, Nghi Dân, đang đêm, đem đồ đảng là bọn Phạm Đôn, Phan Ban và Trần Lăng hơn trăm tên vô lại bắc thang trèo vào thành. Đặc Ninh, đêm ấy, đứng phiên túc trực, đem Cấm quân làm nội ứng. Nghi Dân bèn giết nhà vua ở trong cung cấm. Ngày hôm sau, Hoàng thái hậu cũng bị hại. Thị hậu phó chương Đào Biểu tử tiết.

Nghi Dân liền tiếm ngôi, xưng đế, đổi niên hiệu là Thiên Hưng, đại xá cho cả nước, ban cho văn võ bách quan mỗi người được tước một tư⁴, sai bọn Thị chế Trần Phong, Lương Như Hộc và Trần Bá Linh sang Minh cầu xin phong vương.

Lời chua - Phạm Đôn, Phạm Ban: Đều là người huyện Thanh Lâm⁵.

Trần Phong: Người huyện Tiên Lữ⁶, đỗ khoa hoành tử năm Tân Hợi (1431) niên hiệu Thuận Thiên.

Trần Bá Linh: Người Thị Cầu, huyện Võ Giàng⁷, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442), niên hiệu Đại Bảo.

¹ Thuộc Thanh Hóa.

² Thuộc Thanh Hóa.

³ Một chức quan ở trong nội cung, hầu cận nhà vua.

⁴ Xem chú giải số 2 ở Chính biên X, 18.

⁵ Nay thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

⁶ Nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên.

⁷ Nay là phường Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XIX

Từ Canh Thìn, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (1460) đến Ất Dậu, Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 6 (1465), gồm sáu năm.

✽

Canh Thìn, Thánh Tông Thuần hoàng đế, năm Quang Thuận thứ nhất (1460). (Nghị Dân, năm Thiên Hưng thứ 2. - Minh, Anh Tông, năm Thiên Thuận thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Có sao Bọt xuất hiện ở vị trí sao Dực.

Lời chua - Bọt: Theo Hán thư âm nghĩa¹ ngôi sao khác thường, gọi là sao Bọt; tia sáng của sao tỏa ra bốn mặt gọi là bọt, cũng gọi là sao Sầm Sang.

Dực: Theo Đại thanh nhất thống chí, sao Dực và sao Chấn đứng về vị trí thuận vĩ, thuộc dã phận nước An Nam.

Nghị Dân chia đặt quan chức làm sáu bộ, sáu khoa, lại bàn đặt chức ở phủ, huyện và châu.

Quan chức hồi đầu triều Lê: ở trong kinh chỉ đặt hai bộ: Lại bộ và Lễ bộ, còn các bộ Hộ, Binh, Hình, Công và sáu khoa chưa sắp đặt được đầy đủ. Năm đạo² ở ngoài kinh sư đều đặt chức Hành khiển giữ việc quân và dân; lại chia đặt quan chức ở phủ, lộ, trấn, huyện, châu, để lệ thuộc vào quan Hành khiển. Đến nay Nghị Dân mới đặt thêm bốn bộ: Hộ, Binh, Hình, Công cùng với hai bộ Lại và Lễ làm thành sáu bộ. Lại đặt sáu khoa là: Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Về chức quan ở ngoài thì Nghị Dân bàn đặt lại quan chức ở phủ, huyện và châu.

Lời chua - Hành khiển năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Chức quan ở lộ, phủ, trấn, châu và huyện hồi đầu triều Lê: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7³ (Chính biên XX, 7).

Sáu bộ, sáu khoa: Quan chức và nhiệm vụ, xem Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 12-26)⁴.

Nghị Dân đổi đặt lại chức quan ở phủ huyện châu: Sự sắp xếp thế nào nay không khảo cứu được.

Tháng 5, mùa hạ. Sao Xuy Vưu kỳ⁵ xuất hiện, chiều dài chạy suốt trên không.

¹ Theo phần Kinh tịch chí trong Tùng thư thì sách Hán thư âm nghĩa có hai bộ: một bộ 7 quyển, tác giả Vi Chiêu, một bộ 12 quyển, tác giả Tiêu Cai. Ở đây Cương mục không nói rõ tên tác giả, nên không rõ câu này đã dẫn ở sách Hán Thư âm nghĩa nào.

² Xem thêm Chính biên quyển XV, tờ 5.

³ Nguyên văn trong Cương mục in lầm chữ "thất" ra chữ "lục".

⁴ Xem thêm Chính biên quyển VII tờ 30-31.

⁵ Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

Sao Xuy Vưu bạch kỳ¹ chiếu dài từ đông sang tây tỏa ánh sáng ngang trời.

Lời chua - Xuy Vưu kỳ: Theo phần "Thiên quan thư" trong Sử ký thì cờ xí Xuy Vưu² giống cái chổi mà đằng sau cong, hình dáng giống lá cờ thường. Nếu sao Xuy Vưu kỳ xuất hiện thì vua chúa sẽ phải đi đánh dẹp bốn phương.

Tháng 6. Đại thần, bọn Lê Xí, giết đảng phản nghịch là tên Đôn³, tên Ban, truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, rồi giết đi.

Cướp ngôi vua được 8 tháng, Nghi Dân tin nuông bọn gian tà, giết hại đại thần, thay đổi hết phép tắc của tiên tổ. Người trong nước ai cũng oán giận. Ngày 6 tháng 6, các đại thần là:

- Thái bảo Lê Xí và Lê Liệt.
- Nhập nội Đĩnh kiểm Bình chương quân quốc trọng sự Lê Lăng.
- Nhập nội Đại hành khiển Lê Vĩnh Trường.
- Xa kỵ vệ đồng tổng tri Lê Niệm.
- Ngự tiền hậu quân tổng tri Lê Nhân Thuận.
- Ngự tiền trung quân tổng tri Lê Nhân Khoái.
- Ngự tiền thủy quân tổng tri Trịnh Văn Sái.
- Bắc đạo thiêm tri Trịnh Đạc.
- Điện tiền đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung.
- Thiết đột tả quân đại đội trưởng Nguyễn Yên.

- Điện tiền ti chỉ huy Lê Yên và Lê Giải bàn định với nhau rằng: "Lạng Sơn vương⁴ câu kết với tên Đôn, tên Ban, dám làm việc giết vua cướp ngôi tức là hạng ác nghịch nhất nước; chúng ta mang danh nghĩa là những bầy tôi công lao với nước, cố cựa trong triều, thế mà đứng ở triều đình với kẻ giết vua cướp ngôi, thì còn mặt mắt nào trông thấy tiên đế⁵ ở dưới đất được nữa!".

Sau khi ở trong triều lui ra, các đại thần đều ngồi cả tại nhà nghị sự, bọn Lê Xí đứng đầu xướng suất việc nghĩa, trước hết giết tên Đôn, tên Ban ở ngay trước nhà nghị sự, sau đóng các cửa thành lại, rồi sai bọn Nhân Thuận thống lĩnh cấm binh bắt đảng phản nghịch là lũ Trần Lăng hơn một trăm người đều giết hết. Các đại thần định nghị: truất Nghi Dân làm Lệ Đức hầu, bắt phải thắt cổ tự tử.

Lời phê - Việc làm của bọn Lê Xí, so với việc Chu Bột giết bọn họ Lữ mà lập Hán Văn đế⁶ cũng không hổ thẹn gì cả. Trong nước có người trọng thần, chính cần ở lúc này.

Lời cần án - Sử cũ chép quan, tước của bọn Lê Xí, Lê Liệt và Lê Niệm như thế này: "Bình chương quân quốc trọng sự á quận hầu Lê Xí và Lê Liệt; Tư mã tham dự triều chính Đĩnh thượng hầu Lê Niệm". Nhưng tra trong **Thông sử**⁷: Lúc giết Nghi Dân thì Lê Xí và Lê Liệt cùng giữ chức Thái bảo; Lê Niệm giữ chức Xa kỵ đồng tổng tri, còn tước Á

¹ Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

² Xuy Vưu: tên người. Theo truyền thuyết thì đời thượng cổ Trung Quốc, Xuy Vưu pháp thuật cao cường, đánh nhau với Hoàng đế ở đất Trác Lộc, Xuy Vưu kỳ nghĩa đen là cờ của Xuy Vưu nhưng ở đây là tên một ngôi sao khác thường.

³ Có một âm nữa là Truân.

⁴ Tước cũ của Nghi Dân. Xem **Chính biên** quyển XVII, tờ 21.

⁵ Chỉ Lê Thái Tổ.

⁶ Sau khi Hán Cao Tổ mất, vợ là Lữ hậu chuyên quyền, Lữ Lộc và Lữ Sản toan cướp ngôi vua nhà Hán. Thái úy nhà Hán là Chu Bột đem quân giết Lữ Lộc, Lữ Sản cùng đồ đảng họ Lữ, lập con Hán Cao Tổ làm vua, tức Hán Văn đế.

⁷ Tức **Đại Việt thông sử** của Lê Quý Đôn biên soạn ngày tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749).

quận hầu của Xí và Liệt, tức Đĩnh thượng hầu của Niệm là sau khi nhà vua [Thánh Tông] lên ngôi rồi mới phong cho. Vì thế nay cải chính lại.

Lời chua - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn;

Lê Lăng: Con của Lê Triện. Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 9).

Nguyễn Đức Trung: Người làng Gia Miêu ngoại, huyện Tống Sơn¹.

Lê Niệm: Người làng Đức Giang, huyện Lương Giang².

Theo mục "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú chép về quan chế hồi đầu triều Lê:

Thái bảo: Một chức trọng yếu trong hàng đại thần.

Điểm kiểm binh chương quân quốc trọng sự: Chức tể tướng.

Đại hành khiển: Chức tể tướng thứ hai.

Những đại thần nào vào hạng thân cận với vua hoặc được vua tin dùng đều được thêm chữ "nhập nội"³.

Xa kỵ vệ: Một vệ trong 14 vệ của Thiết đột quân.

Ngự tiền quân: Có các danh hiệu: Trung quân, Tiến quân, Tả quân, Hữu quân và Hậu quân.

Ngự tiền thủy quân: Gọi là quân Thiện trạo (quân lành nghề bơi thuyền).

Các quân kể trên đều có đặt chức quan đứng đầu là Tổng tri, Đồng tổng tri.

Lịch triều hiến chương lại chép: Hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, các lộ Bắc Giang, Lạng Sơn và Thái Nguyên thuộc về Bắc đạo. Ở đạo có chức Hành khiển đứng đầu, thứ nhì đến chức thêm tri. Hai chức quan này chia nhau giữ sổ sách quân và dân.

Điện tiền ti: Có chức đô chỉ huy sứ và chức chỉ huy sứ, những chức quan này đều là tướng hiệu châu chực ở trong nội điện.

Thiết đột: Chia ra năm hiệu quân là: trung, tiền, hậu và tả, hữu, mỗi quân có đặt chức Tổng quản đứng quản lĩnh, mỗi đội đều có đặt một Đại đội trưởng.

Các đại thần rước Bình Nguyên vương⁴ Tư Thành vào cung điện lên ngôi vua. Đại xá cho cả nước.

Các đại thần cùng nhau bàn rằng: "Ngôi vua rất trọng đại, người giữ ngôi vua là rất khó khăn, nếu không phải người có đức độ lớn không thể nào đương nổi. Nay Gia vương⁵ là người sáng suốt, có tài trí, có đạo đức, các vương khác không thể so bì kịp, lòng người ai cũng trông mong, như thế có thể biết được ý trời đã định". Rồi các đại thần liền dùng xa giá rước vương ở Gia đê⁶, vương vào trong cung, lên ngôi vua ở điện Tường Quang, đổi niên hiệu là Quang Thuận, đại xá cho cả nước.

¹ Nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

² Huyện Lương Giang cũ nay là các huyện Đông Sơn, Lang Chánh, Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

³ Trên phần hiện hàm được đề thêm hai chữ "nhập nội". Ví dụ nhập nội tư mã, nhập nội hành khiển, nhập nội thiếu bảo, v.v...

⁴ Xem Lời căn án và Lời chua của Cương mục ở dưới.

⁵ Xem Lời căn án và Lời chua của Cương mục ở dưới.

⁶ Phủ đệ của Gia vương.

Lời cần án - Sử cũ chép: "Đại thần bàn định rước Gia vương lập làm vua". Nay xét: Vua Thánh Tông trước được phong là Bình Nguyên vương, đến lúc Nghi Dân cướp ngôi, đổi phong là Gia vương. Vì thế, ở đây đổi đi mà chép tước cũ của nhà vua là "Bình Nguyên vương". Chép như thế là có ý không tán thành việc Nghi Dân phong tước cho nhà vua.

Lời chua - Vương: Tên húy là Tư Thành, lại một tên húy nữa là Hạo, con thứ tư của Lê Thái Tông, sinh ngày 20 tháng 7 năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 2 (1441). Năm Thái Hòa¹ thứ 3 (1445), được phong Bình Nguyên vương; năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Nghi Dân cướp ngôi vua, đổi phong là Gia vương.

Gia vương: Theo quan chế triều Lê, hoàng tử được phong vương thì dùng tên một phủ làm hiệu để phong, chữ "gia" ở đây tức là phủ Gia Hưng.

Bình Nguyên: Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên II, 18).

Gia đế: Sử cũ chua: "Có một thuyết nói là Tây đế". Về việc này Sử cũ chua thế này: "Sau khi đã giết Nghi Dân, đại thần đi rước Cung vương Khắc Xương, Cung vương cố ý từ chối, mới đến rước nhà vua ở Tây đế".

Truy tặng tước cho nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào Biểu và giết tên Lê Đắc Ninh.

Trước kia, Nghi Dân mưu tính việc khởi loạn, bí mật câu kết với Điện tiền đô chỉ huy Lê Đắc Ninh làm tay ứng viện ở trong nội thành. Lúc Nghi Dân cất lên vào trong cung thành, gặp Đắc Ninh đương phiên châu chực, Ninh đem cấm binh giúp Nghi Dân làm việc bạo nghịch, nên Nhân Tông và Thái hậu đều bị hại. Lúc ấy nội quan Thị hậu phó chưởng là Đào Biểu tử tiết theo vua² sau gia sản của Biểu bị tịch thu sung công. Khi nhà vua đã lên ngôi, truy tặng Đào Biểu tước một tư³ và ban cho 5 mẫu tự điền⁴, trả lại điền sản bị tịch thu từ trước cho vợ con, để nêu gương trung nghĩa của Đào Biểu. Một mặt địn tội giúp việc bạo nghịch của Đắc Ninh rồi đem giết đi.

Lời chua - Một tư: Cũng như một bậc. Theo quan chế trong nội điện triều nhà Lê, thì người nào giữ chức Thị hậu chánh chưởng ở cung Thiên Hòa được hàm tòng lục phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là mật lâm tá lang; người nào giữ chức Thị hậu phó chưởng, được hàm chánh thất phẩm, trong tờ cáo thụ được phong là cẩn sự lang. Nay truy tặng cho Đào Biểu tước một tư, tức là chức thị hậu chánh trưởng, hàm tòng lục phẩm, cáo thụ mật lâm tá lang.

Từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa. Ngày Quý Dậu. Truy tôn miếu hiệu Nhân Tông và tôn thụy Hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy có mưa.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, cáo phó việc tang Nhân Tông và Thái hậu cho mọi người biết, lại làm lễ phụ tế⁵ Nhân Tông ở nhà thái miếu, dâng tôn hiệu là Khâm văn nhân hiếu tuyên minh hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông; truy dâng tôn thụy Thái hậu họ Nguyễn là Tuyên từ nhân ý chiêu túc hoàng thái hậu. Chiều hôm ấy mới mưa.

Lời chua - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn thì: Tuyên từ hoàng thái hậu: họ Nguyễn, tên húy là Anh, người làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hóa,

¹ Niên hiệu Lê Nhân Tông.

² Xem thêm Chính biên quyển XVIII, tờ 34-35.

³ Xem Lời chua của Cương mục ở dưới.

⁴ Hoa lợi ruộng này dùng vào việc cúng tế giỗ chạp.

⁵ Người chết đầu là con cháu, nhưng cứ sau ngày chết một trăm ngày rước bài vị người ấy lên nhà Thái miếu để được phụ thờ với tiên tổ gọi là lễ phụ.

được tuyển vào châu Thái Tông phong là thần phi¹, sinh ra Nhân Tông, sau khi Thái Tông mất, Nhân Tông tôn làm Hoàng thái hậu, hậu bị hại trong lúc Nghi Dân khởi loạn.

Tôn mẹ là Tiệp Du² họ Ngô làm Hoàng thái hậu.

Thái hậu, họ Ngô, người làng Đông Bàn huyện An Định, bố là Ngô Từ, thờ Lê Thái Tổ, vì có công được phong hàm Thái bảo. Trước kia, Thái hậu được tuyển vào hầu Thái Tông, phong làm Tiệp Du³, sinh nhà vua ở cung Khánh Phương. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, tôn làm Hoàng thái hậu.

Lời chua - An Định: Tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ra sắc lệnh: Từ nay, những việc trong cung cấm không ai được tiết lộ ra bên ngoài.

Nhà vua răn sợ về việc khởi loạn đời Diên Ninh⁴, bèn ra sắc lệnh cho bọn quan chức trong Nội mật và người trong cung: phạm có chiếu chỉ của vua và các việc trong cung không được tiết lộ trước cho những thân thích hoặc người ngoài biết.

Nhà vua lại ra sắc lệnh cho những người bói rùa, bói cỏ thi, người theo đạo Lão, đạo Thích không được giao thiệp với người trong cung cấm.

Ra sắc lệnh cho các quân hiệu giảng tập về quân sự.

Nhà vua ra sắc dụ cho các viên Tổng quản ở các vệ quân 5 đạo và ở phủ, ở trấn: Phạm đã có quốc gia, tất phải có quân sự để phòng bị. Vậy từ nay các viên Tổng quản phải dựa theo trận đồ, nghiêm ngặt đốc sức các đội ngũ luyện tập, để quân sĩ học tập được thành thuộc, không được quên phòng bị về mặt quân sự.

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Ở vệ đặt chức Tổng quản. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Tháng 8. Hạ chiếu: Đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ húy của Cung tử hoàng thái hậu.

Nhà vua lấy cố rằng: Cung tử hoàng thái hậu họ Phạm, tên húy là Ngọc Trần, nên yết thị cho trong kinh thành, ngoài các đạo, phạm nơi nào có họ "Trần" đổi chép làm chữ "Trình".

Lời chua - Cung tử hoàng thái hậu: Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, hậu, tên húy là Ngọc Trần, người làng Quần Lai⁵ huyện Lôi Dương là vợ Lê Thái Tổ và là mẹ đẻ của Lê Thái Tông. Lúc Thái Tổ khởi nghĩa, hậu bị mất trước. Đến lúc Thái Tổ mất, Thái Tông nối ngôi vua, truy tôn hậu làm Cung tử hoàng thái hậu.

Hạ chiếu cho quân và dân nộp thóc, sẽ trao cho quan tước.

Phạm quân và dân, người nào tình nguyện nộp thóc, sẽ tùy theo số thóc nộp nhiều hay ít trao cho quan tước: người nộp 200 hộc thóc sẽ ban cho hàm chánh thất phẩm, chức tãn quan⁶; nộp 150 hộc sẽ ban cho hàm tòng thất phẩm, chức tãn quan; nộp 100 hộc sẽ ban cho hàm tòng bát phẩm, chức tãn quan; con trai các viên tãn quan này đều được miễn tuyển làm lính; người nào nộp 70 hộc sẽ ban cho hàm tòng cửu phẩm, chức tãn quan, viên quan này chỉ có bản thân mình được miễn đao đài tạp dịch.

¹ Cũng như quý phi, một danh hiệu của phi tần, vợ vua chúa đời phong kiến.

² Danh hiệu một nữ quan ở trong cung, cũng là vợ vua, nhưng cấp bậc thấp hơn các hàng phi tần.

³ Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454-1459).

⁴ Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454-1459).

⁵ Nay thuộc xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

⁶ Viên quan giữ chức nhàn tản, hoặc viên quan không có nhiệm vụ nhất định, khi nào có việc gì cần sẽ dùng đến, khác với viên quan giữ việc phiên kịch như hành chính, việc hình ngục, việc quân sự, v.v...

Tháng 10, mùa đông. Định thứ tự trên dưới những bầy tôi có công: tiến phong¹ Á quận hầu Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Đĩnh thượng hầu Lê Niệm tước Kỳ quận công, còn bọn Lê Lăng đều tùy theo công trạng lớn nhỏ được phong tước cao thấp khác nhau.

Nhà vua mới lên ngôi; bổ dụng Lê Xí, Lê Liệt làm Nhập nội Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, phong tước Á quận hầu; Lê Niệm làm Nhập nội Tư mã, phong tước Đĩnh thượng hầu. Đến nay lại sai bọn Lê Xí, Lê Liệt xét những bầy tôi có công đánh giết đảng phản nghịch kê riêng từng loại công lao theo thứ tự trên dưới tâu lên nhà vua.

Theo thứ tự thì, Lê Thân Nhuận là người đầu tiên cùng các đại thần xướng suất việc nghĩa, lại chém ngay tên phản nghịch Trần Lăng trước tiên, nên công được đứng hàng thứ nhất, rồi đến Trịnh Đạc, Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Yên, Lê Vĩnh Trường, Lê Bô và Lê Giải đứng hàng thứ nhì; bọn Lê Bảo, Lê Quyết Trung, Lê Nhân Quý và Lê Lật 49 người đều có tham dự bàn định mưu kế đứng hàng thứ ba. Ngoài ra, còn bọn Nguyễn Trợ, Nguyễn Ngôn, Lê Sư Lộ 6 người đều được sắp xếp thứ tự theo công lao của từng người.

Tiến phong Lê Xí tước Quỳ quận công, Lê Liệt tước Lân quận công, Lê Niệm làm Thái phó, tước Kỳ quận công, Lê Lăng làm Thái bảo, Lê Thọ Vực làm Tả đô đốc và Lê Khang làm Văn Chấn hầu.

Lời chua - Lê Thọ Vực: Theo tập Vĩnh Lộc huyện chí của Lưu Công Đạo, thì Lê Thọ Vực người làng Thái đường, huyện Vĩnh Lộc² là con của Thái bảo Lê Sao.

Lê Lỗi: Theo lời chua của Sử cũ, thì Lê Lỗi là con của Lê Nhữ Lãm.

Quan chế triều Lê, bầy tôi có công được liệt vào hạng phong tước là quốc công hoặc quận công, thì dùng chữ tên của một phủ hoặc một huyện để làm hiệu phong tước: Quỳ quận công tức phủ Quỳ Châu; Lân quận công tức phủ Trà Lân; Kỳ quận công tức huyện Kỳ Sơn.

Hạ lệnh: viên quan nào không có con, chuẩn y cho một người con thừa kế được thừa ấ.

Phàm quan viên trong kinh sư, ngoài các đạo, theo thể lệ con được ấ sung, mà viên quan ấy không có con trai, thì được phép nuôi một người con của thân thích trong họ mình làm thừa kế để tập ấ.

Lời chua - Ấm sung: Theo Thiên nam dư hạ tập của Lê Hồng Đức³ thì thể lệ ấ tử của các quan viên như thế này:

- Con trưởng và các con thứ của quan văn quan võ hàm nhất nhị phẩm;

- Con trưởng của viên quan hàm tam phẩm: nếu người con trưởng ấy, là người không biết chữ thì sung vào ngạch tuần sĩ vệ cấm y, nếu là người thông hiểu nghĩa sách, thì khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch nho sinh quán Sùng văn;

- Các con thứ của viên quan hàm tam phẩm và con trưởng của các viên quan hàm tứ, ngũ, lục, thất và bát phẩm: những người này, nếu người nào không thông hiểu nghĩa sách, thì lựa chọn để bổ sung vào vệ Vũ Lâm; nếu người nào thông hiểu nghĩa sách thì cho sung vào ngạch nho sinh cục Tú Lâm; người nào có tài làm lại, thì khảo hạch, rồi cho sung vào ngạch lại điển⁴ ở các nha môn trong kinh đô hoặc ngoài các đạo.

Biểu dương người có đức hiếu và để là Nguyễn Liêm.

¹ Được phong chức tước cao hơn chức tước cũ.

² Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

³ Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470-1497).

⁴ Những chức có nhiệm vụ thảo thiện giấy tờ như trát về công văn, như bọn thơ lại, thông lại, để lại hoặc thừa phái, lục sự sau này.

Nguyễn Liêm, người làng Mỗ Xá, phủ Ứng Thiên, nổi tiếng là người hiếu hạnh với cha mẹ, hòa thuận với anh em. Nhà vua ban cho biển ngạch¹ hạ lệnh cho sở tại dựng một cái lầu cao ở ngoài cổng² để biểu dương cho mọi người biết và tha dao đài tạp dịch cho bản thân Nguyễn Liêm.

Lời chầu - Ứng Thiên: Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chính biên II, 18).

Ra sắc lệnh: những người ở ven biên giới không được giao thông với người nước ngoài.

Nhà vua chú ý về việc phòng bị ngoài biên giới, nên ra sắc lệnh cho các lộ, phàm người nào ở biên giới, phải canh giữ cửa ải cẩn thận, không được đi lại giao thiệp với người nước ngoài.

Dem ruộng ban cho cấp bầy tôi có công.

Ban cấp ruộng thế nghiệp cho 30 người bầy tôi có công: Lê Xí và Lê Liệt mỗi người đều được 350 mẫu; Lê Lăng 300 mẫu; Lê Niệm 200 mẫu; Lê Nhân Thuận 150 mẫu; bọn Lê Thọ Vực, Nguyễn Sư Hồi và Lê Nhân Khoái mỗi người đều 130 mẫu. Còn từ Trịnh Văn Sái trở xuống 22 người đều được cấp ruộng nhiều ít khác nhau.

Lời chầu - Nguyễn Sư Hồi: Con của Lê Xí, Sư Hồi cũng được dự vào hạng có công trong lúc trung hưng³, được phong chức Tả đô đốc, nhưng chưa được ban cho quốc tính⁴.

Hạ lệnh cho bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính cùng con những người ấy có người nào chưa được cất nhắc, rồi tâu bày.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các tể thần⁵ là bọn Lê Xí kê khai chi tiết những bầy tôi có công cả người hãy còn sống lẫn người đã mất, người nào đáng được hoặc không đáng được ban cho quốc tính, cùng con những người ấy có ai chưa được cất nhắc, tâu bày lên để vua hiểu rõ. Nhân đấy Lê Xí xin cho bọn Lê Ê, Lê Thụ, Đỗ Bí và Lê Ngang được đối xử theo như thể lệ bầy tôi có công đã bị mất. Nhà vua nói: "Khoảng niên hiệu Diên Ninh⁶, Đỗ Bí và Lê Ê giữ chức vụ quan trọng, cầm cân trong nước; Lê Ngang và Lê Thụ trong tay thống lĩnh quân cấm lữ, đáng lẽ ngay lúc Nghi Dân khởi loạn, các viên ấy phải tiểu trừ bọn loạn tặc, biến nguy cơ thành trị an, mới là phải. Thế mà các viên ấy chỉ tráo mắt ngồi nhìn, không có mưu kế gì cả, để cho con cá dữ được lọt khỏi lưới; đến khi mưu tính việc khởi nghĩa lại không cẩn mật rồi bị giết chết, như thế là trong tội lỗi lại thêm một tầng tội lỗi nữa. Các viên ấy so bì thế nào được với người bầy tôi có công?".

Lời chầu - Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, thì lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, các tể phụ đại thần⁷ là bọn Đỗ Bí, Lê Ê, Lê Ngang và Lê Thụ bàn mưu giết Nghi Dân, vì việc tiết lộ, nên bọn này đều bị hại.

Định thể lệ xét đoán kiện tụng.

¹ Dùng một phiến gỗ hình chữ nhật, trên mặt phiến gỗ ấy khắc những chữ mà vua chúa đã ban ân cho một người nào đó. Thông thường thì xung quanh phiến gỗ ấy có trạm chỗ và sơn son thếp vàng, những chữ khắc vào phiến gỗ ấy thì sơn then.

² Nhà nào được vua chúa biểu dương, thì ngoài cổng nhà ấy dựng một cái chòi cao, mặt ngoài cái chòi quay ra đường treo cái khung hình vuông có đề chữ, để người qua lại trông thấy. Ví dụ: những chữ "Tiết nghĩa môn" hoặc "Hiếu đức môn", v.v...

³ Chỉ vào lúc quân thần giết được Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi vua.

⁴ Theo quan niệm đời phong kiến, cho họ của vua chúa đương thời là họ quý (hoàng gia quý phái), nên người bầy tôi nào có công được vua chúa tin yêu, thì vua ban ân cho được mang theo họ của vua, nhưng chỉ ban ân cho bản thân người ấy thôi, còn con cháu vẫn mang theo họ cũ của mình.

⁵ Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng thứ nhất, thứ nhì trong triều.

⁶ Niên hiệu Lê Nhân Tông (1444-1459).

⁷ Cũng như tể thần đã chầu ở trên.

Các quan giữ việc hình ngục xét hỏi kiện tụng: việc kiện nào đã quyết đoán xong thì phải tâu trình, mỗi tháng ba lần. Thể lệ này sẽ thi hành vĩnh viễn.

Nhà vua lại ra sắc lệnh từ nay những việc sau này nhất thiết nghiêm cấm: một là việc nào quan trên đã quyết đoán xong mà người đương sự lại còn khiếu tố một cách khiên cưỡng; hai là hai bên kiện nhau tranh ruộng đất, mà một bên thấy mình đuối lý rồi tự tiện đem ruộng đất tương tranh ấy bán chạy cho người thế gia.

Tháng 12. Hạ lệnh cho bọn Lê Liệt đi đánh Bồn Man.

Thị tộc Lư Cầm¹ làm tù trưởng ở Bồn Man, chiếm cứ núi rừng khe động, không dâng lễ cống theo chức phận. Nhà vua hạ lệnh cho Thái phó Lê Liệt làm đốc tướng, Thái phó Lê Lựu và Thái bảo Lê Lăng làm phó đốc tướng, thống lĩnh các đạo quân chia đường đi đánh Bồn Man.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

Tuyển lính.

Theo chế độ cũ, về việc lựa chọn quân ngũ, thì: con của các quan văn, quan võ từ hàm lục phẩm trở lên cùng giám sinh ở Quốc tử giám đều được miễn, ngoài ra, con các viên quan từ hàm thất phẩm trở xuống, cùng các sắc² quân và dân, người nào có từ 3 con trai trở lên, chỉ miễn cho một người, còn đều tuyển lấy sung vào quân ngũ. Đến nay nhà vua hạ lệnh việc tuyển đình tráng để bổ sung quân ngũ vẫn theo như chế độ cũ.

Lời chua - Chế độ cũ: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chính biên XVI, 5).

Làm sổ hộ.

Lê định cứ 6 năm một kỳ làm sổ hộ, các quan phủ, huyện và châu phái người dẫn xã quan vào kinh sư, xã quan đều đem tên và số về hộ khẩu của xã mình đăng ký vào sổ mới theo đúng sự thực.

Bổ dụng Nguyễn Như Đổ làm Lại bộ thượng thư.

Nguyễn Như Đổ thấy Đổ Bất Một tuổi đã già, xin cho được thôi việc quan. Nhà vua nói: "Trước kia, nhà ngươi nhận lời thỉnh thác, xin bổ Bất Một làm Tổng tri vệ Bắc Bình, lúc ấy trong triều đã xô xao bàn tán; bây giờ nhà ngươi lại xin cho Bất Một được lấy chức Tổng binh để thôi việc. Nhà ngươi thật là người gian dối quá độ từ nay phải cẩn thận răn chừa mới được".

Nhà vua lại bảo Nguyễn Như Đổ rằng: "Trong triều đình, nếu quân tử được tiến dụng, là gốc rễ tiến lên đời thịnh trị, nếu tiểu nhân tiến dụng, là đường ngõ bước vào đời loạn lạc, trăm cùng các khanh phải khuyến miễn nhau luôn luôn, để mong đưa nước nhà đến đời thịnh trị".

Nhà vua dụ bảo quần thần rằng: "Bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ và Phạm Du đều là phường a dua nịnh hót, cốt sao làm đẹp lòng người ta, đến khi bàn luận công việc triều đình thì chúng khóa miệng thìn thít chẳng nói câu gì; chỉ có bọn Nguyễn Mậu, Trần Thốc và Nguyễn Thiện là những người trung thành với vua và yêu nước, gặp việc gì họ cũng nói hết lời. Hôm trước đây, Nguyễn Mậu nói việc không được đúng sự thật, mà trăm không buộc vào pháp luật, là có ý để báo đáp lại Nguyễn Mậu hay tâu bày những lời phải trái".

¹ Thị tộc này, nguyên văn trong sách *Cương mục* chép hai chỗ có đôi chút khác nhau. Ở đây chép Lư Cầm, ở quyển XVIII tờ 8 chép Cầm Lư. Chúng tôi tham khảo những sách hiện có, thì *Phương đình địa chí* (quyển 4 tờ 27) của Nguyễn Văn Siêu chép Lư Cầm; *Đại Nam nhất thống chí* (quyển 14 tờ 10) của Cao Xuân Dục chép Cầm Lư. *Đại Việt sử ký toàn thư* (quyển 12 tờ 6) chỉ chép có một chữ Cầm. Vì thế, không rõ tên thị tộc này thế nào là đúng, sẽ khảo cứu sau.

² Vì quân và dân có nhiều hạng người: quân thì có quân thủy, quân bộ, quân điều khiển ngựa voi, ...; dân thì có người làm thợ, người làm ruộng, người đi buôn... nên gọi chung là các sắc.

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Mậu rằng: "Nhà ngươi luôn luôn hết lòng với nước, việc gì tốt thì nói là công của vua, tuy nhà ngươi không kịp được họ Phòng, họ Đỗ¹, nhưng xử trí việc khó khăn, trấn trị nơi bận rộn như Đái Trụ², tâu bày tường tận như Nghiện Bác³, thì nhà ngươi so với hai người kia cũng không hổ thẹn gì. Vậy ban cho bạc lạng để khen thưởng khuyến miễn. Nhà ngươi càng phải mài giũa đức tính hơn nữa, làm thế nào kỳ vọng cho ta tiến lên đời thịnh trị. Đối với trẫm nếu có điều gì lầm lỗi, nhà ngươi cứ nói thẳng, không nên giấu giếm".

Lời chúa - Nguyễn Như Đỗ: Người làng Đại Lan, huyện Thanh Đàm⁴, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh⁵ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo⁶.

Nguyễn Mậu: Người làng Bích Du, huyện Thụy Anh⁷ đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1447) niên hiệu Thái Hòa⁸.

Tân Ty, năm thứ 2 (1461). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Lời chúa - Tây Kinh: Tức Lam Kinh. Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chính biên XV, 31, 33).

Tháng 3. Sét đánh vào cửa Thừa Thiên.

Vì có tai dị sét đánh, nhà vua mặc đồ thường phục thân dẫn bày tội đến điện Thừa Thiên, lạy tạ trời đã ra oai quở trách.

Lời chúa - Cửa Thừa Thiên: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chính biên XVII, 12).

Hạ lệnh cho các quan phủ huyện khuyến bảo đốc giục nhân dân làm ruộng và trồng dâu.

Nhà vua ra sắc lệnh cho các quan ở phủ, huyện và ở xã khuyến bảo đốc giục quân và dân đều phải siêng năng về nghề nghiệp mưu sinh, để đủ ăn đủ mặc, không được bỏ việc gốc⁹ theo việc ngọn¹⁰, không được mượn cớ là làm công nghệ để chây lười. Những người có nghề nghiệp làm ruộng, nếu không siêng năng cày cấy trồng trọt sẽ phải tội.

Tháng 7, mùa thu. Động đất.

Cấm dựng chùa quán mới.

Lúc ấy, dân gian tôn sùng đạo Phật, phần nhiều dựng chùa quán để cầu mong công đức một cách càn dỡ. Nhà vua ra sắc lệnh phàm các chùa quán, chỗ nào không có gạch cũ, thì không thiện tiện dựng mới.

Tháng 11, mùa đông. Đại xá cho trong nước.

¹ Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối, hai người danh nhân dưới triều Thái Tông nhà Đường.

² Một viên quan giữ chức Dân bộ thượng thư dưới triều Đường Thái Tông, Đái Trụ là một người minh mẫn, quả quyết.

³ Một hiền thần đời Tống, thờ bốn triều vua, ở triều đình giữ chức tướng văn, ra ngoài biên cương giữ chức tướng võ, danh tiếng lừng lẫy cả lân bang.

⁴ Nay là thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁵ Tức bảng nhãn.

⁶ Niên hiệu Lê Thái Tông.

⁷ Nay là thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

⁸ Niên hiệu Lê Nhân Tông.

⁹ Chỉ việc làm ruộng.

¹⁰ Chỉ việc buôn bán và công nghệ.

Vì cơ mới sinh được Hoàng trưởng tử Tranh.

Tháng 12. Ban phát "Huấn dân đại cáo"¹.

Ban phát "Huấn dân đại cáo" cho cả nước, từ phủ đến châu, huyện, mỗi nơi một bản.

Lời chua - Huấn dân đại cáo: **Nay không thể khảo cứu được.**

Bổ dụng Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự.

Lời cần án - Quan chế hồi đầu triều Lê: Chức **Đô đốc** đứng đầu về võ ban; Bình chương quốc quân trọng sự là chức của tể tướng. Hai chức này đều bổ dụng hàng đại thần văn võ sung vào. Nay Lê Lộng làm Đô đốc Bình chương quân quốc trọng sự, có lẽ là lấy danh nghĩa đứng đầu võ ban mà kiêm giữ chức tể tướng.

Nhâm Ngọ, năm thứ 3 (1462). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 6). Tháng giêng, mùa xuân. Tế Giao.

Từ năm nay trở đi, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ tế Giao. Việc này hàng năm sẽ cử hành theo lệ thường.

Nhà vua dụ bảo Ngự sử Ngô Sĩ Liên và Khiên Nhân Thọ rằng: Trẫm mới lên ngôi vua giữ chính quyền, đầu mùa xuân tế Giao là nơi theo điển lễ cũ của tiên tổ, mà các khanh lại cho là không phải, thế là các khanh coi nước ta cũng như các nước phiến thần đời cổ. Và lại, trong lúc Lê Đức hầu² cướp ngôi, Sĩ Liên có nhiệm vụ chấn chỉnh phong hóa và phép tắc trong nước, Nhân Thọ có nhiệm vụ tham tán mưu kế ở nơi màn trướng của vua, nói về phần tín nhiệm và đãi ngộ kể cũng đã hậu. Nay Lê Đức hầu mất nước, các người không biết chết theo với người đã cho mình ăn lộc ngày trước. Các người thật là bầy tôi gian tà bán nước".

Lời chua - Theo Lê triều hội điển thì lễ tế Giao hồi đầu triều Lê như thế này:

Đắp đàn ở phía nam kinh thành: đàn chính giữa chiều dài 15 thước, chiều cao 5 tấc, đàn này tế chung cả trời đất; hai đàn bên tả và bên hữu, mỗi đàn chiều dài 16 thước, chiều cao 3 tấc, hai đàn này chia ra tế các vì sao và thần núi, sông. Bốn xung quanh đàn trồng cây, mặt trước đàn mở ba cửa.

Ngô Sĩ Liên: Người làng Chúc Sơn, huyện Chương Đức³, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo⁴.

Tháng 2. Cho phép trong nước được hội họp uống rượu.

Tháng 3. Nguyễn Sư Hồi có tội, được nhà vua tha cho, không bắt trừng trị.

Sư Hồi cùng bọn Lê Niệm, Trịnh Văn Sái, Lê Thọ Vực và Nguyễn Lỗi không hòa hợp với nhau. Muốn hãm hại bọn Lê Niệm, Sư Hồi tự làm bài thơ nặc danh vu khống cho bọn này chực làm nghiêng đổ nguy hại đến xã tắc. Bài thơ ấy chưa kịp truyền bá ra ngoài thì bị phát giác, mọi người đều xin bắt tội Sư Hồi. Nhà vua bảo bầy tôi trong triều rằng: "Sư Hồi có công trong lúc trung hưng⁵, cha hắn là Xí lại có công lao lớn đối với nước⁶, nên tha tội chết cho hắn". Nhà vua lại dụ bảo bọn Lê Thọ Vực rằng: "Bài thơ yêu quái ấy chưa chắc đã phải Sư Hồi soạn ra, các khanh không nên vin vào việc ấy mà hận thù lẫn nhau". Bọn Thọ Vực đều đập đầu lạy tạ.

¹ Lời cáo giới trọng đại của vua chúa để dạy bảo dân.

² Chỉ Nghi Dân.

³ Nay là thôn Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

⁴ Niên hiệu Lê Thái Tông.

⁵ Sư Hồi cùng các đại thần bắt giết Nghi Dân, rước Thánh Tông, lập làm vua.

⁶ Nguyễn Xí theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, lập được nhiều chiến công, sau khi trong nước đã bình định, xét công đánh giặc, chiến công của Xí đứng vào hàng thứ năm, được ban cho quốc tính. Xí lại giúp Thái Tông, Nhân Tông và sau lại cùng các thần bắt giết Nghi Dân lập Thánh Tông làm vua.

Dương Quốc Minh tâu với nhà vua rằng: "Sư Hồi cùng cha hấn là Xí nhận của đút lót của người ta 80 lạng bạc". Nhà vua sai viên Tư Lễ giám Nguyễn Áng đem tờ sắc đến quở trách Sư Hồi để lấy lại số bạc đã ăn đút lót ngày trước và răn bảo rằng: "Nhà người có lỗi chớ ngại đối, may ra sẽ không có sự ăn năn sau này". Ngay lúc ấy lại nhận được lá thư nặc danh nói Sư Hồi sắp làm việc phản quốc. Nhà vua dụ bảo Sư Hồi rằng: "Trẫm ngự ngôi báu đến nay đã bốn năm, cha con người trong một nhà được ban ân thụ khuê¹, ấn thụ² hết lần này đến lần khác, vinh hiển sung sướng như thế, không một người bầy tôi nào sánh kịp. Nay trẫm đang đặt tin nhiệm vào nhà người, dầu có lá thư này, lòng tin nhiệm của trẫm cũng không kém trước; nhưng sau khi nhận được lá thư này, về phần nhà người, chẳng lại cần phải giữ cái đạo phòng thân một cách sâu sắc hơn nữa hay sao?".

Tháng 4, mùa hạ. Định phép thi hương.

Học trò trong nước, không kể các hạng quân hoặc dân, người nào xin thi, đều cho phép viên quan bản quản và xã trưởng làm giấy cam đoan người ấy thực có đạo đức, hạnh kiểm, mới cho ứng thi. Còn những hạng người bất hiếu, bất mục, loạn luân và xui nguyên giục bị đều không được dự thi; người làm nghề chèo hát và người đã từng can tội vào bè đảng và bọn phản nghịch làm quan ở triều đình cướp nước, mà có tai tiếng là người gian ác, thì bản thân những người ấy và con cháu đều không được dự thi.

Những người được dự thi, thì trên mặt quyển thi phải đề đủ họ, tên, căn cước, niên canh, quán chỉ của bản thân và của cha mẹ mình, lại phải kê rõ mình chuyên trị về kinh sách nào³.

Phép thi: Trước hết có một kỳ ám tả, để loại bỏ bớt những người học kém. Còn những người không bị loại thì phải thi bốn kỳ: kỳ đệ nhất, thi năm bài kinh nghĩa và truyện nghĩa; kỳ đệ nhị, thi bài chiếu, bài chế và bài biểu; kỳ đệ tam, thi thơ, phú; bài thơ dùng luận Đường, bài thơ dùng cổ thể, hoặc thể ly tao, thể văn tuyển; kỳ đệ tứ, thi một bài văn sách, đầu bài hỏi về sách Kinh, sách Sử và thời sự.

Thời gian thi: Tháng tám năm nay học trò vào thi, người nào được trúng tuyển sẽ được kê vào danh sách trình lên bộ Lễ, đến trung tuần tháng giêng năm sau những người ấy sẽ được vào thi hội.

Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung thực.

Lúc ấy nhân có mưa đá và gió sấm, nhà vua hạ chiếu trưng cầu lời nói thẳng. Môn hạ sảnh hữu ty lang trung là Hoàng Thanh dâng thư tâu bày việc:

1. Thuận theo lẽ âm dương để đón lấy khí hòa của trời đất.
2. Thân ra giảng sách ở Kinh Diên để tôn sùng đạo học chính thống.
3. Chú trọng việc lập ngôi trừ tự⁴ để gốc rễ của nước được vững bền.
4. Tiết kiệm dùng tiền tài để việc kinh phí được đầy đủ.
5. Thận trọng chọn người làm thú tế⁵ để trao cho trách nhiệm chăn nuôi nhân dân.
6. Thời thường luyện tập quân ngũ, để việc võ bị được nghiêm chỉnh.
7. Đặt sở đồn điền, để thức ăn tích trữ ở biên giới được dồi dào.

Trong bày điều này, được nhà vua nhận lời sẽ lựa chọn lấy những điều cần thiết.

Lời chầu - Hoàng Thanh: Người làng Lương Xá, huyện Chương Đức¹, đỗ khoa hoàng tử năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) đời Lê Thái Tổ.

¹ Một thứ ngọc quý.

² Một thứ dây thao dùng để buộc quả ấn. Hai thứ này chỉ người bầy tôi nào có công to, giữ chức trọng, mới được vua chúa ban cho. Kịch thước ngọc khuê và màu sắc dây thao, đã có thể lệ định sẵn.

³ Trong *Tứ thư* và *Ngũ kinh*, học trò đã chuyên môn nghiên cứu về kinh nào phải khai rõ trên mặt quyển thi.

⁴ Tức hoàng thái tử để sẽ nối ngôi vua sau này.

⁵ Danh từ để gọi chung các viên quan gần gũi với nhân dân như những viên đứng đầu ở lộ, phủ, châu hoặc huyện.

Môn hạ hữu ty lang trung: Xem quan chế chép ở năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 32).

Tháng 8, mùa thu. Giết Thái úy là Lê Lăng.

Sau khi cùng các đại thần giết được bè đảng bọn nghịch, Lăng bàn nên lập Cung vương Khắc Xương, nhưng vì Lê Xí không đồng ý mới đón lập nhà vua. Nhà vua nghe biết việc này, có ý không bằng lòng. Đến khi lên ngôi, Lăng lấy tư cách là công thần giúp việc chính trị, nhưng Lăng cương cường bộc trực làm cho nhà vua phải nề ngại, thường sai Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến cho và dụ bảo rằng: "Nhà người phải cẩn thận, trước thế nào sau thế ấy, một mực thanh khiết công bằng, tính khí nhà người cương trực quá, bên ngoài làm ra nghiêm nghị mà trong bụng thì nhu ác, người nào có điều không vừa ý mình, thì đẩy xuống tận đất đen, người nào không trái ý mình thì âu yếm ẵm lên trên đùi, chả phải vì thế mà nghị luận bên ngoài lấy làm chưa thỏa mãn đó sao? Nhà người nên răn chừa mới được".

Lê Lăng được tiến dần lên đến chức Thái úy. Nay có người tố cáo là Lăng ngấm ngấm mưu toan làm việc trái phép; nhà vua giận, sai giết đi, tịch thu nhà cửa và đem tội trạng của Lăng báo cáo cho trong kinh thành, ngoài các đạo được biết. Người ta đều cho là Lăng bị giết oan.

Lời phê - Vua Thánh Tông còn như thế, có lẽ vì đạo đức chưa được tinh thuần chăng? Thế mà cứ sính văn chương, thích biện bác, thì có làm gì?

Lời cần án - Lê Lăng không đáng tội phải chết. **Sử cũ** chép lầm là "Lê Lăng ngấm ngấm mưu toan làm việc trái phép". Nay tham khảo tiểu truyện Lê Lăng chép ở **Đại Việt thông sử** của Lê Quý Đôn, cải chính lại.

Định thể lệ về tuổi trí sĩ² cho các quan văn quan võ.

Các quan văn quan võ, người nào 65 tuổi muốn xin trí sĩ³; những giám sinh, nho sinh, sinh đồ được bổ sung làm lại điển ở các nha môn, nay đã quá 60 tuổi muốn về hưu dưỡng, đều phải do bộ Lại tâu bày rõ ràng đầy đủ.

Lời chua - Giám sinh: Người nào thi hương bốn kỳ, đều trúng tuyển, được sung vào học tại Quốc tử giám, gọi là giám sinh.

Nho sinh: Con cháu quan viên được sung vào học ở Chiêu văn quán hoặc Tú lâm cục, gọi là nho sinh.

Sinh đồ: Người nào thi hương trúng được ba kỳ gọi là sinh đồ. Hồi đầu triều Lê, lại điển ở các nha môn, phần nhiều bổ dụng giám sinh, nho sinh hoặc sinh đồ.

Định thể lệ về việc các quan dâng tờ đề bản và tấu bản.

Phàm tờ đề bản hoặc tấu bản của các quan trong kinh đô, ngoài các đạo, thì chính viên quan phải thân thủ tự mình ký tên, không được mượn lại điển viết thay.

Nhà vua ra sắc lệnh định thể lệ về đề bản và tấu bản:

- 1) Phàm các nha tâu việc, những bản giấy tâu về việc tuân theo chỉ dụ thi hành, gọi là đề bản;
- 2) Tất cả các việc công và tư do quan lại hoặc bách tính tâu bày, gọi là tấu bản.

Trung thư sảnh bí thư giám học sĩ Lương Như Hộc tâu rằng: "Các bản chương tấu của các nha môn, nếu gặp lúc viên quan chính thức hiện khuyết hoặc công xuất, thì viên quan tá nhệ thừa lệnh giữ ấn tín được phép ký tên ở dưới chỗ đề năm tháng". Nhà vua theo lời tâu này.

¹ Nay là xã Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

² Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

³ Thôi làm quan, về ở nhà riêng. Danh từ "trí sĩ" trước kia dùng riêng cho các quan, sau này quan hoặc lại điển thôi làm việc về, đều gọi chung là hưu trí.

Lời chua - Trung thư sảnh: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê, ở Trung thư sảnh có chức Bí thư giám học sĩ.

Tháng 12, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai bọn Đinh Lan, Nguyễn Phục và Nguyễn Đức Do sang nhà Minh báo cáo về việc Nhân Tông mất; bọn Nguyễn Nhật Thăng, Phan Duy Trinh và Nguyễn Tự sang xin phong tước. Nhà Minh sai Lưu Trật, hành nhân trong ty Hành nhân, sang dụ bảo việc tế Nhân Tông; bọn Tiền Phổ, Hàn lâm viện thị độc học sĩ, và Vương Dự, Lễ khoa cấp sự trung, đem sách mệnh tuyên phong nhà vua làm An Nam quốc vương. Đến nay, nhà vua sai các sứ thần sang Minh: Lê Công Lộ tạ ơn về việc dụ tế; Trần Bàn tâu bày công việc, Bùi Hựu tạ ơn việc sách phong; lại sai bọn Lê Văn Hiến, Hoàng Văn Ngộ và Tạ Tử Điền sung vào việc cống nạp hàng năm và xin nhà Minh ban cho mũ áo.

Lời chua - Nguyễn Phục: Người làng Đoàn Lâm, huyện Trường Tân.

Lê Công Lộ: Người làng Kim Bôi, huyện Vĩnh Ninh¹. Lộ là con thái úy Lê Khả, nguyên gốc là họ Trịnh, được ban cho quốc tính là họ Lê.

Trần Bàn: Người làng Từ Sơn, huyện Quế Dương², đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Bùi Hựu: Người làng Lam Điền, huyện Chương Đức³, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tạ Tử Điền: Người làng Ý La, huyện Từ Liêm⁴, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Lập con là Tranh làm Thái tử, hạ chiếu đại xá.

Bổ dụng Lê Xí làm Nhập nội Hữu tướng quốc.

Lời chua - Hữu tướng quốc: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều nhà Lê, Tả Hữu tướng quốc là chức Tể tướng, bổ dụng các quan văn võ đại thần.

Quý Mùi, năm thứ 4 (1463). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn việc hội họp điểm duyệt cho các quân.

Theo quy chế cũ, hằng năm cứ đầu mùa xuân, các quân ở năm đạo đều hội họp ở kinh sư để kiểm điểm tập duyệt. Đến nay được miễn, vì năm trước có chiếu chỉ đại xá.

Lời chua - Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Tháng 2. Bắt đầu định ba năm thi đại tị một lần.

Theo quy chế cũ, cứ 5 năm hoặc 6 năm một lần thi hội, chưa có thời gian nhất định; đến nay nghị định dùng những năm Sửu, Thìn và Tuất, cứ ba năm thi đại tị một lần.

Biểu dương nhà người đàn bà trinh tiết là Nguyễn Thị⁵.

¹ Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

² Nay là xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

³ Nay thuộc xã Lan Điền, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

⁴ Nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây.

⁵ Toàn thư chép là Nguyễn Thị Bờ.

Nguyễn Thị người làng Đại hữu lệ, huyện Thanh Đàm, có tiếng là trinh tiết; nhà vua ban cho biển ngạch treo ở nhà để biểu dương trinh tiết của Nguyễn Thị, lại miễn dao dịch cho một người con hoặc cháu để hầu hạ phụng dưỡng.

Lời chua - Thanh Đàm: Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chính biên VI, 26).

Tháng 3. Môn hạ hữu ty lang trung Hoàng Thanh mất.

Thanh, tên tự là Trực Khanh, đỗ khoa hoành từ năm Thuận Thiên đời Lê Thái Tổ. Lúc bắt đầu Thanh được sung vào Ngự tiền học sinh, sau thờ Lê Thái Tông, được thăng dần đến Hàn lâm viện thị độc; năm Quang Thuận thứ 3 (1462), được cất nhắc lên chức Môn hạ hữu ty lang trung, dâng tờ sớ tâu bày bày việc¹, nhà vua ngợi khen và thu nhận. Đến nay mất, hưởng thọ 53 tuổi.

Hoàng Thanh là người quang minh, tiết tháo, tinh thuần, ngay thẳng. Sĩ phu đều suy tôn. Lương Như Hộc có làm bài tán để di tượng² Hoàng Thanh rằng: "Nói về đạo lý, thì uẩn súc bên trong được đầy đủ, thi thố ra ngoài được chu đáo; nói về bốn phận, thì làm con giữ hết đạo hiếu, làm tôi giữ hết đạo trung, từng trải thờ bốn triều vua, tiết tháo một lòng, trước sau không bao giờ thay đổi".

Lời chua - Môn hạ sảnh: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 32).

Tháng 4, mùa hạ. Định cấm lệnh ở trong hoàng thành.

Phàm người nào giả mạo quân sắc mang kiếm đội mũ để vào trong hoàng thành đều phải luận vào tử hình.

Tháng 7, mùa thu. Đại hạn, nhà vua lánh đến ở cung điện nhỏ, bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc.

Động đất.

Nhà vua dụ bảo bày tâu trong triều rằng: "Trước đây, trời làm hạn hán lâu ngày, Nguyễn Phục khuyên trăm nên tĩnh tâm để xem xét tai biến, sau giữ gìn được, không xảy ra sự gì. Tuy thế, những bậc thánh nhân xem hiện tượng trên không để suy xét sự biến thiên của thời tiết; xem văn hóa của dân gian để thay đổi phong tục cho thiên hạ, chứ có thể nào nhân lúc trong nước không có việc gì đáng lo ngại mà những quên việc răn sợ được hay sao?".

Giáp Thân, năm thứ 5 (1464). (Minh, năm Thiên Thuận thứ 8). Tháng giêng, mùa xuân. Định lễ phẩm tế thần cô hồn.

Phàm quý thần nào không có chủ cúng tế, đều được tế cả, chia ra ba bậc là thượng, trung, hạ, lễ phẩm đều dựa theo lễ phẩm tế bách thần. Hàng năm, nhà vua sai quan phủ đến kính tế. Lễ này ghi làm điều lệ nhất định.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du đến Tây Kinh.

Tháng 7, mùa thu. Truy tặng Lê Trãi tước Tán trù bá và bổ dụng người con của Nguyễn Trãi.

Trước kia, Nguyễn Trãi bị tru di cả họ, lúc ấy người vợ thiếp của ông là Phạm Thị đương có mang, trốn đi Bồn Man, sinh con là Anh Vũ. Lớn lên, Anh Vũ thi đỗ hương cống. Đến nay, nhà vua thương Nguyễn Trãi phải tội oan, truy tặng tước Tán trù bá, cấp trả lại một trăm mẫu tự điền, hạ chiếu lục dụng người con, bổ Anh Vũ chức Đồng tri châu.

Lời chua - Bồn Man: Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chính biên XVIII, 8).

¹ Xem thêm Chính biên XIX, 20 ở trên.

² Tượng truyền thần, để di truyền lại cho con cháu.

Nguyễn Đình Mỹ, Thượng thư bộ Binh¹, vì phạm tội, biếm chức làm Tả thị lang bộ Binh².

Lúc bấy giờ Đình Mỹ làm Thượng thư bộ Binh, Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiện hặc tâu: "Đình Mỹ là người siểm nịnh không thể giao phó cho giữ công việc xu mật được". Nhà vua dụ bảo Đình Mỹ rằng: "Dùng đồ thì cần đồ mới, dùng người thì nên tìm người cũ. Nho thần kỳ cựu như bọn nhà người bây giờ không có mấy người. Nay nhà người phạm tội đáng phải bãi chức, nhưng trầm yêu tài nhà người nên chỉ biếm chức thôi. Nay, pháp lệnh là của chung của nhà nước, trầm cùng các Khanh đều phải theo cả. Nhà người phải nghĩ cho kỹ mới được!"

Nhà vua lại dụ bảo Nguyễn Thiện rằng: "Khoảng năm Thái Hòa (1443-1453) và Diên Ninh (1454-1459)³ trên từ tế tướng, dưới thì trăm quan, thi nhau tranh giành tư lợi, ăn của đút và đưa đón một cách công khai. Nhà người thấy thế, bảo Nguyễn Đình Mỹ là tiểu nhân không thể tin dùng được, nhưng từ khi trầm lên ngôi báu đến nay đã 5 năm, Đình Mỹ đem hết tâm lực lui tới nhanh nhẹn, phục dịch siêng năng, xét ra Đình Mỹ trước thì siểm nịnh, sau thì tốt lành, như thế thì có hại gì đâu? Trước kia Lê Đức hầu⁴ yêu chuộng những thứ kỳ dị, lúc ấy Nguyễn Như Đổ và Trần Phong nhân có việc sang Trung Quốc, mua chuộc ngàn kể, khép mở trăm chiều, thì có ai tin được không?"

Lời chua - Nguyễn Thiện: Người Hương Quất, huyện Tứ Kỳ⁵, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ sang nhà Minh.

Trước đây, nhà Minh sai Thượng bảo tự Khanh là Tô Lăng Tín sung chức chánh sứ và viên hành nhân trong Hành nhân ti là Thiệu Chấn sang nước ta báo cáo việc Hiến Tông (nhà Minh) lên ngôi vua và ban cho sắc dụ cùng mũ, áo, lụa hoa. Đến nay nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh:

- Phạm Bá Khuê giữ việc dâng hương;
- Lê Hữu Trực, Dương Hải và Phạm Khánh Dung giữ việc mừng Hiến Tông lên ngôi vua;
- Lê Vinh, Phạm Cư và Trần Văn Chân giữ việc tạ ơn vua Minh ban cho lụa hoa.

Lời chua - Phạm Bá Khuê: Người làng Nhân Lý, huyện Thanh Lâm⁶.

Dương Hải: Người làng My Sơn, huyện Thủy Đường⁷. Phạm Bá Khuê và Dương Hải đều đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Phạm Cư: Người làng La Phù, huyện Thượng Phúc⁸ đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tháng 12. Hạ chiếu cho các quan giữ việc hình ngục: phạm người nào phạm tội mà tình lý còn đáng ngờ, thì xét tội giảm xuống một bậc.

Hạ chiếu: Những người công thần nào đã được ban cho quốc tính, đến đời con cháu lại giữ nguyên họ cũ của mình.

¹ Tương đương với Bộ trưởng Bộ quốc phòng bây giờ, hàm nhị phẩm.

² Tương đương Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, hàm tam phẩm.

³ Đều là niên hiệu Lê Nhân Tông.

⁴ Một tước mà Nghi Dân bị phế truất.

⁵ Nay là thôn Phương Quất, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương.

⁶ Nay là thôn Nhân Lý, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Thanh, Hải Dương.

⁷ Nay là thôn My Sơn, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

⁸ Nay thuộc xã La Phù, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Nhà vua hạ dụ bảo bày tôi rằng: "Đức Thái Tổ ta, gọi gió tắm mưa để bình định thiên hạ, lúc ấy bày tôi có công giúp việc sáng nghiệp, cùng chịu sự khó nhọc khổ sở, nghĩa là vua tôi, ân như cha con, hai bề đều đủ; vì cố ấy nên đặc ân ban cho quốc tính để tỏ lòng quyến ái khác thường. Nhưng nếu con cháu các người, đời nọ truyền đời kia cứ theo quốc tính, e rằng sẽ bỏ mất dòng họ của tổ tiên gốc rễ nhà mình, thì có phần trái với đạo dùng chữ hiếu để dạy thiên hạ. Vậy từ nay người công thần nào đã được ban cho quốc tính, chỉ dùng cho bản thân mình, đến đời con cháu lại đều theo về họ cũ".

Lời phê - Phải lắm¹.

Ất Dậu, năm thứ sáu (1465). (Minh, Hiếu Tông, năm Thành Hóa thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ thăng giáng các viên quan xét hỏi việc hình ngục.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan giữ việc kiện tụng bàn định liệt kê các viên đại phu trong năm viên hình: người nào xét xử kiện tụng, không oan uổng, không quá đáng, thì liệt vào một hạng; người nào bình thường, liệt vào một hạng; người kém cỏi, liệt vào một hạng. Người xét kiện không oan uổng, không quá đáng, sẽ được khen thưởng; người bình thường, được giữ chức như cũ; người kém cỏi, sẽ bỏ đi giữ chức Chuyển vận.

Lời chua - Ngũ hình viện: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Thẩm hình, Tường hình, Tả hình, Hữu hình và Tư hình gồm 5 viện, đều đặt chức đại phu.

Định ngày tế Văn miếu ở các lộ.

Văn miếu ở các lộ tế vào hai ngày đình² về mùa xuân, mùa thu chỉ được tế Thập triết³. Việc này là theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ.

Tháng 2. Hạ lệnh cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực tuyển duyệt dân đình.

Nhà vua dụ bảo Thọ Vực rằng: "Nhà ngươi là người bày tôi hiền có công dẹp loạn, nay trẫm đặc mệnh giữ việc tuyển duyệt dân đình, nhà ngươi nên hết lòng thành, nén lòng tham, để không phụ lòng trẫm ký thác, đây là trẫm rất trông mong ở nhà ngươi đấy".

Lời cần án - Theo mục "Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú thì phép tuyển duyệt dân đình, cứ ba năm làm sổ hộ một lần, gọi là tiêu điển; 6 năm một lần, gọi là đại điển. Nơi sở tại đều đặt trường tuyển duyệt, nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ đại thần mỗi ban một người chịu trách nhiệm đôn đốc về việc này; các viên quan ấy sức bắt các tổng xã chia loại để kê khai chính hộ, khách hộ⁴. Khi tuyển duyệt, trước hết tra xét hạng chức sắc, bỏ bớt những người mạo nhận cầu may; sau duyệt đến nhân đình, chia ra 6 hạng là: hạng tráng, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng.

Nhà nào có 3 suất đình: 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 1 người sung vào hạng dân; nhà có 4 suất đình: 1 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân và 2 người sung vào hạng dân; nhà có 5 suất trở lên: 2 người sung vào hạng tráng, 1 người sung vào hạng quân, còn thì sung vào hạng dân. Lão

¹ Chỉ việc Lê Thánh Tông không để cho con cháu quần thần bị mất gốc rễ của tổ tông.

² Chữ "đình" thuộc về một hàng trong mười hàng can, can chi phối hợp với nhau, thành những ngày đình sừ, đình mảo, đình ty, đình mùi, đình dậu và đình Hợi. Mỗi mùa 90 ngày thì 9 ngày có chữ "đình", vì thế nên mỗi năm cứ đến mùa xuân và mùa thu, thì mỗi mùa chọn lấy một ngày có chữ "đình" để làm lễ tế Văn miếu. Sở dĩ dùng ngày "đình" là lấy ý rằng "đình" thuộc hàng hòa, hòa là tượng trưng cho văn chương.

³ Mười người lỗi lạc trong môn đồ Khổng Tử, tức là Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tế Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ và Tử Trương.

Theo lễ giáo thời phong kiến, ở kinh sư và các lộ đều có Văn miếu thờ Khổng Tử, Tứ phối và Thập triết, nhưng có lẽ về thời Lê sơ, các lộ chỉ được thờ Thập triết, còn Khổng Tử là bậc thánh sư, Tứ phối là bậc đại hiền, thì do kinh sư thờ tế.

⁴ Những hộ khẩu nào bỏ quê quán cũ của mình, mà đến trú ngụ ở một xã khác gọi là khách hộ.

nhieu, đốc tật¹, phế tật² và hạng cố, hạng cùng thì kê thành một loại riêng. Người phiêu lưu và người bỏ làng trốn tránh không rõ tông tích thì để ngoài không kê vào sổ. Dân đinh trưởng thành đến 18 tuổi, kê tên vào sổ, trong sổ người này trước hết chọn lấy người mạnh khoẻ làm lính, còn thì loại ra làm hạng dân. Người nào lậu tên trong sổ sẽ phải tội sung quân³.

Lời chua - Tráng hạng: Người sung vào quân ngũ để làm việc gọi là tráng hạng.

Quân hạng: Người ở nhà làm ruộng, khi nào khuyết ngạch lính, thì theo thứ tự để bổ sung, gọi là quân hạng.

Cố hạng: Người nghèo đói túng thiếu, phải đi làm thuê cho người khác, gọi là cố hạng.

Tháng 3. Bắt đầu đặt sáu viện, sắp xếp lại tên quan.

Hồi đầu triều Lê, sắp xếp quan chức, phần nhiều theo như triều Trần khi trước, trên có Tả Hữu tướng quốc Bình chương quân quốc trọng sự, thứ đến bộ Lễ, bộ Lại, viện Nội mật và ba sảnh là Trung thư, Hoàng môn và Môn hạ. Viên chức trong bộ, viện, sảnh chia nhau nắm chính quyền trong nước. Lại đặt chức Hành khiển ở năm đạo, kiêm giữ sổ sách quân và dân ở các đạo ngoài kinh sư. Còn tên quan ở sáu bộ và sáu khoa vẫn chưa đặt đủ. Đến lúc Nghi Dân cướp ngôi vua, mới sắp xếp riêng sáu bộ là: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Công, Hình; lại đặt thêm sáu khoa là: Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Đến nay, đổi sáu bộ làm sáu viện, mỗi viện đều đặt chức Thượng thư và Tả Hữu thị lang, đổi Trung thư khoa làm Lại khoa, Hải khoa là Hộ khoa, Đông khoa làm Lễ khoa, Nam khoa làm Binh khoa, Tây khoa làm Hình khoa, Bắc khoa làm Công khoa, đặt chức Đô cấp sự trung; bãi bỏ chức Hành khiển ở các đạo, đặt ty Tuyên chính sứ, mỗi ty đều đặt chức Tuyên chính sứ.

Lời chua - Sáu viện: Theo "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, năm Quang Thuận mới đặt sáu viện. Sách ấy lại chua rằng: Như viện Nghi lễ, viện Ty bình và viện Khâm hình, còn ba viện nữa đều chưa khảo cứu được".

Quan chế hồi đầu triều Lê, đại lược lấy chức Tả Hữu tướng quốc Điểm kiểm Bình chương quân quốc trọng sự làm chức trọng yếu của văn vũ đại thần, thứ nhì đến chức Thượng thư hai bộ Lại và Lễ, liêu thuộc trong hai bộ có chức Lang trung, Viên ngoại lang và Chủ sự.

Viện Nội mật: Đứng đầu là viên Tri viện sự, thứ nhì đến viên Thiêm tri viện sự, Đồng tri viện sự.

Trung thư sảnh: Đứng đầu là viên Trung thư lệnh, thứ nhì đến Thị lang.

Hoàng môn sảnh: Đứng đầu là chức Thị lang.

Liêu thuộc ở Trung thư sảnh và Hoàng môn sảnh đều có các chức Trước tác và Xá nhân.

Môn hạ sảnh: Chia ra tả ty và hữu ty. Đứng đầu là chức Tri ty sự, thứ nhì đến Thị lang, dưới nữa có chức Lang trung và Khởi cư xá nhân.

Hành khiển ở năm đạo: Đều dùng chức quan trong kinh kiêm giữ.

Lê Thánh Tông mới đặt sáu viện: đứng đầu trong một viện là chức Thượng thư, thứ nhì đến Tả Hữu thị lang, dưới nữa có các chức lang trung, viên ngoại lang và tư vụ.

Sáu khoa: Đứng đầu trong một khoa là chức Đô cấp sự trung, thứ nhì đến Cấp sự trung.

¹ Hai mắt bị mù, hai chi thể bị hỏng.

² Một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

³ Một tội đầy đi nơi cực xa hoặc chung thân hoặc một kỳ hạn lâu dài.

Ty Tuyên chính sứ ở năm đạo: Đứng đầu là chức Tuyên chính sứ, thứ nhì đến Tham chính và Tham nghị, dưới nữa có viên Chủ sự. Sở xét hỏi ngục tụng thì viên suy quan là chức thủ lĩnh.

Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5).

Sửa điện Kính Thiên.

Lời chúa - Điện Kính Thiên: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 13).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua đi tuần du đến Xương Giang, khi trở về cung, ban thưởng cho người theo hầu xa giá mỗi người một tư.

Lời chúa - Xương Giang: Xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chính biên XIII, 12).

Hạ sắc lệnh: phạm quan chức ở ngoài các đạo, nếu viên quan nào can tội cần cứu xét, thì quan trên không được phép tiện tiện bắt hỏi.

Lê Cảnh Huy, Thượng thư viện Ty Binh, tâu: "Phạm các kiện về quan chức ở ngoài các đạo can phạm mà cần phải cứu xét: nếu là việc thường thì quan trên làm giấy tư đi cho viên quan can phạm biết, để viên quan ấy cung khai rõ ràng, rồi xét nghĩ; nếu là việc trọng đại, thì tâu bày lên cho vua biết, rồi mới được đòi hỏi cứu xét". Lời tâu của Cảnh Huy được nhà vua chuẩn y.

Hạ lệnh cho quan chức bộ Lễ đôn đốc sửa đổi phong tục ở dân gian.

Lúc ấy phong tục ở dân gian khinh bạc: nhà có việc tang, mê hoặc về đạo Phật, thường nhân đến tiết trung nguyên¹, đặt đàn làm chay, phần nhiều đủ cả rượu nhằm để mời tân khách, thêm vào đấy bày ra hát xướng, chơi đùa và các trò tạp kỹ khác; mượn tiếng là báo hiếu, mà thực ra là một chỗ để mua vui. Vậy hạ lệnh từ nay ở dân gian, những nhà có tang đều phải tuân theo lễ phép, không được theo lệ tục cũ, để phong hóa được thuần hậu; nếu ai trái lệnh sẽ bị tội nặng.

Hoàng thái tử bắt đầu đi học.

Lúc ấy thái tử mới lên 5 tuổi.

Dựng điện Cẩn Đức.

Lời chúa - Điện Cẩn Đức: Nay không rõ ở đâu.

Tháng 9, mùa thu. Trần Phong, Thượng thư viện Khâm hình, có tội, phải giáng chức làm Tuyên chính sứ Tây Đạo².

Lúc ấy, Phong làm Thượng thư viện Khâm hình. Nhà vua dụ bảo bầy tôi trong triều rằng: "Trần Cẩn là em của Phong, Cẩn phạm tội, trẫm thường đem việc ấy hỏi Phong, thì Phong nhân tiện đấy mà thêu dệt thêm cái sở đoản của Cẩn, không có gì là tình nghĩa anh em cả. Nay hãy giáng chức, nếu Phong biết nghĩ mà gột rửa được lỗi trước, một niềm giữ được điều trung điều hiếu, thì trẫm cũng mong đợi hiệu quả của Phong sau này".

Lời chúa - Việc Trần Cẩn can tội, nay không khảo cứu được.

Tháng 10, mùa đông. Hữu tướng quốc Quý quận công Lê Xí mất.

Xí là bậc công thần khai quốc, trải thờ bốn triều vua, công nghiệp đức vọng làm chỗ dựa chắc chắn của triều đình. Sau khi nhà vua đã lên ngôi, Xí là người có công, được phong lên chức Thái phó, tước Á quận hầu, giúp vua giữ việc chính trị trong nước, rồi lại được gia phong lên tước Quý quận công, càng ngày càng được nhà vua tin dùng.

¹ Ngày rằm tháng 7 âm lịch. Theo truyền thuyết hôm ấy là ngày "vong nhân xá tội".

² Các trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa và Gia Hưng thuộc về Tây đạo. Nay gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Tây, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La.

Xí thường tâu cất nhắc người làm Trấn phủ sứ, nhà vua không chuẩn y và dụ bảo rằng: "Nhà ngươi muốn đem người vũ bèn làm trấn phủ, nghĩa chữ "trấn phủ", người vũ bèn có thể hiểu được à? Nay, Tang Văn Trọng còn mang tiếng chê là người thiết vị¹ đấy, huống hồ bây giờ lại lấp mất đường tiến thân của người hiền tài, mà khơi cái nguồn cho những kẻ kiêu hãnh cầu may hay sao?".

Lê Xí sau lại được gia chức Nhập nội Hữu tướng quốc, nhà vua dụ bảo rằng: "Xã tắc² an hay nguy là ở mấy người các người. Vậy phàm các người có tâu bày chính sự, thì trẫm ở trong triều quyết đoán, bọn các người ở ngoài thừa hành, phải hết lòng hết sức, mong cho ta tiến đến đời thịnh trị". Sau đó, Xí được tiến đến chức Thái úy.

Đến nay Xí bị bệnh, nhà vua ban cho sắc dụ nói: "Trước kia, trẫm ở nơi phiên đê³, không có bụng gì đi xe hoàng ốc⁴, các người trừ diệt được đồ đảng nghịch tặc, cùng lòng suy tôn ủng hộ trẫm lên ngôi vua⁵. Trẫm ngự ngôi vua đến nay đã 5 năm, chưa kịp báo đền công giúp rập của nhà ngươi, vậy nhà ngươi nên nghĩ đến việc nước mà cố gắng ăn cơm cháo, uống thuốc thang, để bảo dưỡng lấy tính mệnh trọng đại của mình, đây là điều mà trẫm mong muốn". Nhà vua lại bảo Sư Hồi rằng: "Người ngày trước cầu trời đất, tế quỷ thần, cũng có thể trừ được đại họa. Vậy người phải hết lòng thành vì cha cầu phúc". Ấy Lê Xí được vua tin yêu quyền luyến đến như thế. Khi mất, hưởng thọ 69 tuổi, nhà vua thương xót mãi, truy tặng chức Thái sư, đặt tên thụy là Nghĩa Võ, sau được gia phong tước Cương quốc công.

Tháng 11. Hạ chiếu đại xá.

Lấy cơ là khánh thành hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức.

Lời phê - Phiếm lạt, không thiết thực.

Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ⁶ Nguyễn Bá Kỳ mất.

Bá Kỳ đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1448) đời Lê Nhân Tông, ban đầu được bổ chức Hàn lâm tri chế cáo, sau thăng lên Trực học sĩ, vâng mạng triều đình sang sứ bên nhà Minh, khi trở về nước, được gia chức Tả ty lang trung ở Trung thư sảnh, vào châu Kinh diên⁷. Lúc nhà vua đã lên ngôi, càng ngày Bá Kỳ càng được vua thân yêu tin dùng, sau được gia phong chức Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ.

Nhà vua làm văn, có phần sơ lược bỏ mất nghĩa trong kinh, sử, Bá Kỳ ngỏ lời can, nhà vua khen là người trung. Đến nay Bá Kỳ mất, nhà vua sai Phạm Hồ, Ty lễ giám, đem sắc văn đến dụ cáo rằng: "Nhà ngươi thờ vua thì trung thành, giữ mình thì chính trực, sớm hôm giúp rập đã sáu năm nay, lòng trung thành yêu nước của nhà ngươi giữ mãi được đến lúc chết". Ấy Bá Kỳ được vua quyền luyến thương nhớ như thế đấy.

Ban bố phép tập trận đồ của quân thủy, quân bộ đã được nhà vua xét duyệt⁸.

¹ Tang Văn Trọng: Một viên đại phu giỏi giang ở nước Lỗ về thời Xuân Thu, Tang Văn Trọng biết Liễu Hạ Huệ là người hiền, mà không cất nhắc để dùng, nên Khổng Tử chê là "thiết vị". Ý nói không xứng đáng với ngôi mình hiện giữ, không khác gì người đi ăn trộm được của mà giữ một cách thâm vụng.

² Tượng trưng cho quốc gia.

³ Chế độ đời phong kiến, phủ đệ của các tước vương tước hầu ở bên ngoài kinh thành gọi chung là "phiên đê". Chữ "phiên" nghĩa đen là cái phen, cái giậu, ý nói nhà của vương hầu như cái phen, cái giậu ở ngoài để bảo vệ kinh thành của vua ở trong. Lê Thánh Tông lúc chưa lên ngôi vua, được phong làm Bình Nguyên vương, rồi lại đổi phong là Gia vương. Chỗ ở của Gia vương lúc ấy gọi là Tây đê.

⁴ Xe của thiên tử đi, ngoài bọc lục màu vàng, nên sau dùng chữ "hoàng ốc" để tượng trưng xe của thiên tử.

⁵ Xem thêm Chính biên quyển XIX tờ 2-6, việc Lê Xí giết Nghi Dân, phò lập Thánh Tông.

⁶ Một chức quan có nhiệm vụ và chức năng gần giống như Hàn lâm viện và Đông các học sĩ.

⁷ Nơi vua chúa đọc sách, ở đây ý nói Bá Kỳ được vào Kinh Diên cùng vua giảng bàn nghĩa sách.

⁸ Câu này, nguyên văn trong Cương mục chép không rõ nghĩa. Ở đây chúng tôi dịch theo Toàn thư cho dễ hiểu hơn.

Thủy trận có các phép: trung hư, thường sơn, xà mẫn, thiên tinh, nhạn hàng, liên châu, ngư đội, tam tài, thất môn, và yển nguyệt; bộ trận có các phép: trương cơ, tương kích và kỳ binh... Nhà vua lại ban bố 31 điều quân lệnh về thủy trận¹, 32 điều quân lệnh về tượng trận², 27 điều quân lệnh về mã trận³, 42 điều về bộ trận của quân túc vệ kinh sư⁴.

Nhà vua lại dụ bảo các vệ quân ở năm đạo và bọn Tổng quản, Tổng tri rằng: "Phàm đã có quốc gia, tất phải có vũ bị, vậy thì nên nhân lúc nhà nông nhàn rỗi, tạm hoãn những việc không cần, mỗi tháng cứ đến ngày rằm là ngày binh lính đến phiên thay đổi, thì lượng lưu lại một số để canh giữ, còn bao nhiêu người thì một hai ngày đầu, Tổng quản, Tổng tri được phép dựa vào trận đồ, điều chỉnh dốc sức chia thành từng đội, từng ngũ, dạy chúng biết phép ngồi đứng tiến lui, nghe rõ tiếng hiệu lệnh về chiêng trống, làm cho quân sĩ tập quen việc bắn cung tên, không quên việc vũ bị, đến ngày thứ tư trở đi mới được sai phái. Nếu người nào không biết dụng tâm dạy bảo luyện tập, dám làm điều phiến tạp những nhiều, sẽ luận vào tội giáng chức hoặc bãi chức".

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

¹ Quân chiến đấu ở dưới nước.

² Quân chiến đấu bằng voi. Lê Thánh Tông có đặt 4 vệ Tuần tượng.

³ Quân chiến đấu bằng ngựa. Lê Thánh Tông có đặt 4 vệ Mã nhân.

⁴ Lê Thánh Tông có đặt 2 vệ Kim Ngô và Cẩm Y, 4 vệ Hiệu lực, 4 vệ Thần võ, là quân túc vệ trong kinh thành.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Chính Biên

Quyển thứ XX

Từ Bính Tuất, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đến tháng 9 mùa thu, năm Đinh Hợi, Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (1467), gồm một năm lẻ.

*

Bính Tuất, năm [Quang Thuận] thứ 7 (1466). (Minh, năm Thành Hòa thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy thu tô thuế.

Trước đây nhà vua hạ chiếu ân xá: Phàm tô thuế về đình và điền đều được miễn cả. Đến nay vì có việc tiêu dùng cần kíp, nên lại truy thu.

Lời phê - Chính lệ đồ nát, mất tín nhiệm với dân.

Lời chua - Tô thuế đình điền: Theo mục "Quốc Dụng chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, Lê Thánh Tông định thuế lệ nhân đình, đồng niên mỗi người nộp 8 tiền; thuế lệ ruộng đất và bãi trồng dâu thì liệu lượng số mẫu chia làm ba hạng: hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, mỗi hạng nộp tiền nhiều ít khác nhau.

Tháng 3. Nhà vua thân hành thi công sĩ, cho bọn Dương Như Châu được xuất thân cao thấp khác nhau.

Trước đây nghị định về việc thi tiến sĩ, định kỳ hạn vào những năm Sửu, Thìn, Mùi và Tuất. Đến nay thi hội, lấy 27 người trúng cách. Nhà vua ra ngự ở cửa Kính Thiên, thân hành ra bài sách, cho bọn Dương Như Châu 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Nhân Thiếp 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Họ tên và thứ tự những người mới đỗ được đem truyền lộ và yết bảng ở ngoài cửa Đông Hoa. Nhà vua ban cho những người ấy được ân mạng và được vinh quy. Lệ định 3 năm một lần thi bắt đầu từ đây.

Lời chua - Dương Như Châu: Người làng lạc thổ, huyện Siêu Loại¹.

Nguyễn Nhân Thiếp: Người làng Kim Đô, huyện Vũ Ninh².

Tháng 4, mùa hạ. Thay đổi xếp đặt lại quân ở 5 phủ và định quân hiệu.

Hồi đầu triều Lê, đặt vệ quân năm đạo, ở vệ đặt các chức Tổng quản, Đô tổng quản và Chánh phó đội trưởng, Chánh phó ngũ trưởng. Đến nay thay đổi xếp đặt lại quân năm phủ.

- Thanh Hóa và Nghệ An thuộc phủ Trung quân;
- Nam Sách và An Bang thuộc phủ Đông quân;
- Thiên Trường và Thuận Hóa thuộc phủ Nam quân;
- Quốc Oai và Hưng Hóa thuộc phủ Tây quân;
- Bắc Giang và Lạng Sơn thuộc phủ Bắc quân.

Còn hai đạo Thái Nguyên và Tuyên Quang thuộc quân Phụng Trục.

Mỗi phủ sáu vệ, mỗi vệ năm sở hoặc sáu sở, định lệ quân mỗi sở đều 400 người.

¹ Nay thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

² Nay thuộc xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

Phủ đặt các chức Tả Hữu đô đốc, Đô đốc đồng tri và Đô đốc thêm sự; ở vệ đặt các chức Tổng tri, Đồng tổng tri và Thêm tổng tri; ở sở đặt các chức Quản lãnh, Phó quản lãnh, Chánh võ úy và Phó võ úy, mỗi ngũ đặt một chức Tổng kỳ.

Dem cục Thân Tùý thẳng làm tả hữu Vũ Lâm quân. Theo chế độ cũ, Nội thị sảnh có cục Thân Tùý, bổ dụng con quan viên từ lục phẩm trở lên đến tam phẩm; đến nay thẳng cục ấy làm Điện Tiền tả hữu Vũ Lâm quân.

Lời chua - Vệ quân năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 5-6).

Thanh Hóa, Nghệ An, An Bang, Thuận Hóa, Hưng Hóa, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang: **Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-35).**

Nam Sách¹: Túc Nam Sách². Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).

Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập, thì quân 5 phủ như sau:

Phủ Trung quân 6 vệ:

- Vệ Phụng Thánh có 5 sở là: Thiên Định, Thiên Oai, Thiên Hùng, Thiên Khôi và Thiên Tiết.

- Vệ Phụng Thần có 5 sở là: Hám Hồ, Oai Hồ, Thần Hồ, Mạnh Hồ và Hùng Hồ.

- Vệ Can Ngư có 5 sở là: Minh Nghĩa, Hiệu Nghĩa, Oai Nghĩa, Tín Nghĩa và Kính Nghĩa.

- Vệ Hồ Bôn có 5 sở là: Lục Đình, Thần Đình, Tráng Đình, Nghĩa Đình và Hỏa Đình.

- Vệ Xạ Kỳ có 5 sở là: Cường Vũ, Thần Vũ, Hưng Vũ, Kiêu Vũ và Tín Vũ.

- Vệ Chấn Oai có 6 sở là: Lôi Hỏa, Điện Hỏa, Oai Hỏa, Tiệp Hỏa, Nhuệ Hỏa và Xuyên Vân.

Phủ Đông quân 6 vệ:

- Vệ Minh Nghị có 5 sở là: Kiêu Kỳ, Huyền Ngạch, Khai Sơn, Trung Oai và Định Oai.

- Vệ Quảng Vũ có 5 sở là: Tam Phụ, Giải Phân, Oai Dũng, Vân Kỳ và Hiệu Thắng.

- Vệ Ngọc Kiềm có 5 sở là: Chương Vũ, Khống Quyền, Tráng Dũng, Kiện Vũ và Phê Cang.

- Vệ Anh Đức có 5 sở là: Vũ Oai, Thiết Hồ, Đầu Đổng, Huyền Quan và Chấn Viễn.

- Vệ Lâm Khang có 5 sở là: Trực Đãng, Ứng Bình, Loan Hồ, Bác Trạo và Kiêu Hùng.

- Vệ Phấn Oai có 6 sở là: Chu Điện, Oai Điện, Mạnh Điện, Liệt Điện, Phấn Điện và Lăng Tiêu.

¹ Nam Sách theo âm Việt thì một âm, nhưng theo tự dạng trong Hán văn thì hai chữ sách khác nhau.

² Nam Sách theo âm Việt thì một âm, nhưng theo tự dạng trong Hán văn thì hai chữ sách khác nhau.

Phủ Nam quan 6 vệ:

- Vệ Bảo Trung có 5 sở là: Thần Loan, Vân ĐỀ, Thần Dực, Dũng Tiệp và Định Vũ.
- Vệ Kiến Huân có 5 sở là: Tráng Phong, Vũ Kỳ, Thần Lực, Mao Đầu và Loan Liễn.
- Vệ Chế Thăng có 5 sở là: Chiêu Vũ, Chế Kỳ, Thiên Trường, Tráng Tạo và Sâm Kỳ.
- Vệ Tráng Tiết có 5 sở là: Phi Ứng, Quả Cảm, Hoành Dã, Trần Lỗ và Khắc Địch.
- Vệ Lạc Xương có 5 sở là: Siêu Quan, Trinh Kiện, Hiệp Luân, Tì Túc và Đầu Tì.
- Vệ Hùng Oai có 6 sở là: Trấn Địch, Chế Địch, Hùng Lực, Trấn Biên, Tĩnh Tái và Ấm Vũ.

Phủ Tây quân 6 vệ:

- Vệ Kiêu Tiệp có 5 sở là: Oai Viễn, Nhân Oai, Tín Oai, Quy Nghĩa và Quyết Kỳ.
- Vệ Nghiêm Dũng có 5 sở là: Thuận Quốc, Bách Ngạch, Hùng Thăng, Chấp Kích và Hoành Hải.
- Vệ Ứng Dương có 5 sở là: Ninh Sóc, Lăng Vân, Đột Kỳ, Thiết Sơn và Vạn Tiệp.
- Vệ Báo Thao có 5 sở là: Chấn Vũ, Kiêu Thăng, Tinh Việt, Thiết Ngạch và Tồi Kiên.
- Vệ Chiêu Công có 5 sở là: Chấp Di, Phù Tấn, Kiến Kỳ, Át Khẩu và Thích Xà.
- Vệ Lôi Oai có 5 sở là: Xiết Điện, Oanh Thiên, Lôi Oanh, Đình Khu và Xung Chấn.

Phủ Bắc quân 6 vệ:

- Vệ Ninh Quốc có 5 sở là: Đại Thăng, Tinh Kỳ, Ngử Địch, Bình Khẩu và Hùng Dũng.
- Vệ Dực Thuận có 5 sở là: Nghĩa Dũng, Lăng Giang, Bạt Sơn, Tồi Phong và Quyết Thăng.
- Vệ Khai Sơn có 5 sở là: Diệu Võ, Nghĩa Thăng, Trứ Dũng, Vạn Thăng và Tĩnh Biên.
- Vệ Thanh Sóc có 5 sở là: Quyết Bài trung sở, Chiêu Thăng tiền sở, Vạn Thăng hữu sở, Tĩnh Biên hậu sở, còn một sở nữa không rõ tên.
- Vệ Hoảng Tĩnh có 5 sở là: Lạc Hoan, Thước Kích, Tiển Hùng, ĐỀ Khu và Phục Hùng.
- Vệ Tuyên Oai có 6 sở là: Mãnh Đột, Khước Địch, Vô Địch, Quán Giáp, Chấn Hồ và Quán Cách.

Thân Tùy cục: Theo mục "Chức quan chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, thì quan thuộc trong cục Thân Tùy có các chức Đô tri, Chánh giám và Phó giám, còn số viên chức này không thể khảo cứu được.

Vũ Lâm quân: Xem năm Quang Thuận thứ 8 (Chính biên XX, 33).

Phụng Trực quân: Nay không khảo cứu được.

Bãi bỏ sáu viện, đặt sáu bộ và sáu tự.

Trước đây đặt sáu viện, quan chức trong sáu viện chia nhau giữ mọi việc chính trị trong nước, đến nay bãi bỏ đi, đổi đặt làm sáu bộ là bộ Lại, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công mỗi bộ đặt chức

Thượng thư và Tả Hữu thị lang, quan thuộc có các chức Lang trung, Viên ngoại lang và Tư vụ. Lại đặt sáu tự là Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự, mỗi tự đặt chức Tự khanh, Thiếu khanh và Tự thừa.

Lời phê - Do cái bệnh sinh thay đổi.

Lời chua - Sáu viện: Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chính biên XIX, 30-31).

Tháng 5. Phân phối cho các quân sĩ về nhà làm ruộng.

Thái bộc tự Thiếu khanh Lê Đình Tuấn tâu nói: Việc làm ruộng là gốc rễ trong nước, không nên để lỗi thời, xin để các quân sĩ một nửa ở lại làm việc, còn thì cho về làm ruộng. Nhà vua chuẩn theo lời tâu ấy.

Lời chua - Lê Đình Tuấn: Người làng Thanh Lăng, huyện Tế Giang¹, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

Tháng 6. Định màu sắc áo mặc của các quan văn quan võ.

Các quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm khi vào chầu mặc màu hồng, tứ ngũ phẩm mặc màu lục, từ lục phẩm đến cửu phẩm mặc màu xanh.

Nhà vua ban bức vẽ về hình dáng cái bồ tử². Phàm bồ tử được dùng hình dáng chim muông để làm tượng trưng: bồ tử của tước công, tước hầu, tước bá và phò mã³ cùng quan văn võ về hàng chánh phẩm vẽ một con, hàng tòng phẩm vẽ hai con; về Phong Hiến đường thi⁴ thượng ti vẽ một con, phân ti vẽ hai con. Còn hình dáng mây, sông, núi, nước, hoa, cây vẽ nhiều hay ít đều không câu nệ. Màu sắc cái bồ tử cần dùng năm vẽ để làm nổi bật năm sắc áo; sợi chỉ dùng để thêu hình dáng chim muông núi sông v.v... vào bồ tử thì dùng tơ màu hoặc kim tuyến đều được tùy ý.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan văn võ trong kinh thành, ngoài các đạo mỗi khi thường tham⁵ hoặc bệ tử⁶ được mặc áo cổ tròn.

Định chế độ áo mặc khi tiến triều: mặc áo dài cách mặt đất hai tấc, tay áo rộng một thước ba tấc.

Chia trong nước làm 12 đạo.

Hồi đầu triều Lê chia trong nước làm năm đạo, đem phủ, lộ, trấn, châu, huyện và xã chia thành khu vực để lệ thuộc vào đạo. Ở các đạo, chia từng trách nhiệm mà đặt chức hành khiển cùng Chánh Tuyên phủ sứ; Phó tuyên phủ sứ; ở phủ đặt chức Tri phủ; ở lộ và trấn đặt các chức An phủ sứ và Trấn phủ sứ. Đặt chức quan ở phủ, ở lộ, ở trấn như vậy là có ý để họ liên lạc với nhau mà thông hiểu tình hình trong từng khu vực. Ở châu đặt chức Phòng ngự sứ; ở huyện đặt các chức Chuyển vận sứ và Tuần sát sứ; ở xã đặt chức Xã quan.

Khi nhà vua lên ngôi, đổi chức Hành khiển làm Tuyên chính sứ, liêu thuộc của Tuyên chính sứ có các chức Tham chính, Tham nghị, Chủ sự và Suy quan. Đến nay chia trong nước làm 12 đạo thừa tuyên là: 1) Thanh Hóa, 2) Nghệ An, 3) Thuận Hóa, 4) Thiên Trường, 5) Nam Sách, 6) Quốc Oai, 7) Bắc Giang,

¹ Nay là thôn Hương Lăng, xã Minh Hải, huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.

² Theo Nghi lễ đời phong kiến, mỗi khi bầy tâu vào chầu vua thì mặc triều phục, triều phục có nhiều màu: như màu tía, màu hồng, màu lục, màu lam, màu xanh... tùy theo phẩm trật cao thấp. Triều phục nào ở đằng trước ngực và sau lưng cũng đều có một bức lụa hoặc dạ hoặc nỉ hình vuông dính thêm vào gọi là bồ tử. Trên bồ tử có thêu các hình chim muông để làm tượng trưng. Thí dụ về hàng quan văn thì bồ tử thêu chim công, chim hạc; về hàng quan võ thì bồ tử thêu con hổ, con sư tử...

³ Một tên gọi để dành riêng cho những người lấy công chúa.

⁴ Một danh từ riêng để chỉ Ngự sử đài, vì các quan trong Ngự sử đài có nhiệm vụ giữ về phong hóa hiến chương trong nước, nếu ai làm điều gì trái với phong hóa hiến chương thì ngự sử có quyền đàn hạch, nên gọi Ngự sử đài là Phong Hiến đường.

⁵ Bầy tâu vào triều yết vua theo một thời kỳ nhất định để quy định từ trước, gọi là thường tham.

⁶ Bầy tâu được phái đi sứ ở nước ngoài, hoặc được cử đi công cán đặc biệt, trước khi đi làm nhiệm vụ vào sân rồng bái mạng để ra đi, gọi là bệ tử.

8) An Bang, 9) Hưng Hóa, 10) Tuyên Quang, 11) Thái Nguyên, 12) Lạng Sơn. Mỗi đạo đều đặt hai ti: Đô ti và Thừa ti. Quan chức ở Đô ti đặt chức Tổng binh và phó Tổng binh. Đối Tuyên chính sứ ti làm Thừa chính sứ ti. Đặt chức Thừa chính sứ và Thừa chính phó sứ. Bãi bỏ chức Tuyên phủ chánh sứ và Tuyên phủ phó sứ ở các đạo. Lại đem hai huyện ở kinh kỳ¹ đặt làm phủ Trung Đô, quan chức trong phủ này có các chức Phủ doãn, Thiếu doãn và Trị Trung. Bãi bỏ tên các lộ, các trấn, và đều đặt tên là phủ, đổi tên An phủ sứ làm Trị phủ; Trấn phủ sứ làm Đồng trị phủ; Phòng ngự sứ làm Trị châu; Chuyển vận sứ làm Trị huyện; Tuần sát sứ làm Huyện thừa; Xã quan làm Xã trưởng.

Lời chua - Năm đạo: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chính biên XV, 5-6).

Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Trung đô phủ: **Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-35).**

Thiên Trường: Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 15 (Chính biên VI, 28).

Nam Sách: **Tức Nam Sách²: Xem ngang với Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tiền biên V, 22).**

Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chính biên X, 16).

Tháng 7, mùa thu. Bổ nhiệm Nguyễn Thiện làm Thừa chính phó sứ ở Thanh Hóa.

Nguyễn Thiện, trước đây, giữ chức Ngự sử, gặp việc trái phép thì nói một cách quả cảm, nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo rằng: "Nhà ngươi làm bầy tôi, hết lòng thành lo việc nước, thường dâng lời nói phải, có lúc trẫm dùng uy quyền để trấn áp cũng chưa thấy nhà ngươi nao núng. Thật là đáng khen. Vậy đặc cách sai viên Ti lễ giám đem sắc dụ đến ban khen và thưởng cho lượng bạc".

Đến nay Nguyễn Thiện được bổ ra giữ chức Thừa chính, nhà vua lại dụ bảo rằng: "Trước kia nhà ngươi giữ nhiệm vụ can ngăn, những lời nghị luận thiết thực thẳng thắn; nay bổ ra ngoài để vỗ về yên ủi trăm họ, bảo vệ che chở cho dân một phương, nhà ngươi nên giữ phép công, lo việc dân, răn chữa lòng tức giận, bỏ hết lòng tham muốn, để khỏi hổ thẹn với chức trách mà trẫm đã ủy thác cho".

Nhà vua dụ bảo Thiêm đô ngự sử Đào Tuyến rằng: "Khoảng niên hiệu Thái Hòa - Diên Ninh³, chức Ngự sử không lọt vào tay bọn ngoại thích⁴, thì lọt vào tay bọn quyền thần; vì thế mà làm rối loạn cả lời nghị luận công bằng, không phân biệt được con ngựa hay con hươu⁵, chính trị trong nước không có lúc nào tệ hại quá như lúc ấy. Nay nhà ngươi giữ việc phong hiến, tự ý làm càn lại sơ suất cả về lời nói, thật là một người quan lại giáo hoạt".

Lời chua - Đào Tuyến: Người làng Sùng Sơn, huyện Chương Đức⁶, đỗ đồng tiến sĩ Mậu Thìn (1448) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thay đổi xếp đặt ti thuộc bộ Hình.

Theo chế độ cũ, viện Ngũ hình có: Tả hình, Hữu hình, Thẩm hình, Tường hình và Ti hình, mỗi viện đều đặt chức Đại phu. Đến nay sắp xếp lại bộ Hình, đổi viện Tả hình làm ti Thanh hình, viện Hữu

¹ Theo Phương đình địa chí loại của Nguyễn Văn Siêu thì triều Lê đặt hai huyện phụ thuộc vào kinh kỳ là Quảng Đức và Thọ Xương.

² Xem chú thích số 3, 4 Chính biên quyển XX từ 3.

³ Đầu niên hiệu Lê Nhân Tông (1443-1459).

⁴ Anh em, con cháu về họ vợ của vua lúc đương thời.

⁵ Ý nói không phân biệt được trái phải. Câu này dùng điển trong *Sử ký* đời Tần. Thừa tướng Triệu Cao dâng con hươu lên Tần Nhị Thế, lại nói đây là con ngựa. Nhị Thế hỏi những người bên cạnh, thì người nói là hươu, người nói là ngựa, sau Triệu Cao dùng kế làm hại người nào đã nói là hươu.

⁶ Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

hình làm ti Thận hình, ba viên Thẩm hình, Tường hình và Ti hình chia làm hai ti Minh hình, Tường hình. Mỗi ti đều đặt chức Lang trung, còn chức Đại phu ở viện Ngũ hình đều bãi bỏ.

Nhà vua lấy cố rằng khoảng niên hiệu Thái Hòa (1443-1453), ở Hình ti chỉ đặt hai viên Đại phu, xét đoán việc hình ngục phần nhiều chậm trễ; đến nay hạ sắc lệnh cho bộ Lại đặt thêm ở Hình ti 3 người giữ chức Viên ngoại lang. Chức này chọn các quan trong kinh sư và ngoài các đạo người nào có đức độ vừa cương vừa nhu dung hòa với nhau và có tài sở trường về việc hỏi kiện để sung bổ.

Không mưa.

Đinh Hợi, năm thứ 8 (1467). (Minh, năm Thành Hóa thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân xá.

Đại lược trong tờ dụ ân xá nói: "Năm ngoài từ mùa thu đến mùa đông, trời nắng mãi không mưa, nhân dân phải khổ sở về gạo ăn, trầm là cha mẹ dân, trong bụng thực đau xót như dao cắt. Vậy gia ân khoan xá để tỏ chí ý thương yêu nhân dân của trẫm".

Lời phê - Thể lệ ân xá thế nào không rõ, lấy gì để chứng thực?

Bắt đầu cử hành lễ mừng thọ ở điện Cần Chính.

Trước đây, mỗi năm cứ đến đầu mùa xuân, xa giá nhà vua đến nhà thái miếu làm lễ bảo thần, người ãy cúng đọc chúc từ để cầu thần ban phúc lành. Khi lễ đã hoàn thành, nhà vua tạm nghỉ ở hành điện, trăm quan vào làm lễ mừng thọ. Đến nay nhà vua hạ nghị định cứ hàng năm, đầu mùa xuân, làm lễ bảo thần xong, nhà vua trở về cung, các quan mới vào làm lễ mừng thọ ở điện Cần Chính. Thể lệ này từ sau theo làm lệ thường.

Lời chua - Điện Cần Chính: Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chính biên XV, 13).

Lễ bảo thần: Theo mục "Lễ nghi chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, lễ bảo thần cử hành ở nhà tông miếu để cầu thần ban phúc lành.

Nhà vua đi tuần du đến Lam Kinh.

Nhà vua hạ sắc lệnh từ nay phàm có đi tuần du, thì quan triều tham¹ đeo thẻ bài theo đi hộ giá, trên mặt thẻ bài chua rõ những chữ "hỗ tụng", để tiện nhận ghi dấu. Việc này làm theo lời tâu của Trần Phong.

Ngày mồng một tháng 2. Nhật thực.

Nhà vua đến Văn Miếu làm lễ tế Tiên Sư.

Không mưa.

Nhà vua thấy trời mãi không mưa, sai thái bảo Nguyễn Lỗi đến cầu đảo ở đền Chí Linh và Hoảng Hựu.

Lời chua - Đền Chí Linh: Ở châu Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa².

Đền Hoảng Hựu: Ở huyện Lương Giang³.

Hạ lệnh khám xét đất công ở Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công, người được nhiều được ít khác nhau.

Lúc ấy đất công ở Lam Kinh phần nhiều bị nhà quyền thế chiếm làm của riêng. Nhà vua hạ lệnh cho Trần Phong, Thượng thư bộ Hộ, cùng với Phan Sư Tôn, Thừa chính sứ Thanh Hóa, khám xét đất

¹ Một danh từ để chỉ một viên quan vào châu yết kiến vua, chứ không phải tên một chức quan.

² Nay là huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

³ Huyện Lương Giang cũ, nay thuộc hai huyện Đông Sơn và Ngọc Lặc.

công ở làng Lam Sơn, ban cấp cho bầy tôi có công từ nhất phẩm đến thất phẩm mỗi người được số đất nhiều ít khác nhau. Nhân đấy, nhà vua dụ bảo trăm quan và kỳ lão rằng: "Lam Kinh là làng của vua, không thể ví như chỗ khác được; gần đây nhà quyền thế trái lễ giáo, khinh pháp độ, chiếm riêng đất công để làm sở hữu của mình, trăm nghĩ nếu buộc ngay những người ấy vào pháp luật, không bằng trước dạy bảo họ biết lễ giáo. Vậy từ nay lập giới hạn nhất định, người nào còn dám trái lễ, phạm phép sẽ bị trị tội".

Lời chua - Lam Sơn: Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chính biên XIII, 2).

Quốc Oai và Tam Đái phát sinh chứng dịch, nhà vua cấp thuốc để điều trị cho dân.

Lúc ấy nhân dân ở Quốc Oai và Tam Đái phần nhiều bị tật dịch, nhà vua hạ lệnh cho Lưu thủ Lê Niệm cấp phát tiền trong kho, sai Tế Sinh đường sứ mua thuốc để điều trị cho dân. Từ nay về sau, phàm dân ở phủ nào có phát sinh chứng ôn dịch đều sai quan đến điều trị.

Lời chua - Quốc Oai: Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5¹ (Chính biên X, 16).

Tam Đái: Xem ngang với Tống, năm Kiến Đức thứ 4 (Tiền biên V, 29).

Lưu thủ: Lúc ấy nhà vua đi tuần du ở Tây Kinh, sai Lê Niệm ở lại giữ Đông Kinh.

Tế Sinh đường sứ: Thuộc viện Thái ý, xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 18, 22).

Nhà vua về đến Thiên Trường, hạ lệnh cho các quân sĩ diễn tập phép đánh trận.

Nhà vua từ Lam Kinh về đến Thiên Trường, ban phép trận đồ, hạ lệnh cho quân sĩ tập trận trung hư ở Lỗ Giang, tập trận tam tài và thất môn ở Vi Giang. Lúc ấy bọn Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, vì trái lệnh trong khi duyệt tập, phải trói chặt hai tay lại đằng sau, điệu đến cửa dinh chịu tội, sau lại được tha.

Trước đây, bọn Chuyển vận sứ Hán Đình và Thái chúc thừa Nguyễn Đức dâng trận đồ: một là trận trung hư, hai là trận mẫn thiên tinh, ba là trận thường sơn xà, nhà vua ban khen và thu nạp, phong cho hai người này là Trấn điện phó tướng quân, rồi sai họ dạy quân năm phủ diễn tập, nhưng tập mãi không thành thuộc, nhà vua phạt tội trượng và bãi chức hai người này.

Lời phê - Xem thế² có thể biết được những việc tập trận đều là trang sức danh tiếng hão.

Lời chua - Lô Giang: Ở huyện Nam Xang, nay thuộc tỉnh Hà Nội³.

Vi Giang: Tức sông Ông Vi, ở huyện Vũ Tiên (Chính biên XX, 14) nay thuộc tỉnh Nam Định⁴.

Nhà vua trở về cung.

Tháng 3. Khảo hạch học sinh, giám sinh và nho lại, người nào trúng tuyển được trao quan chức.

Theo chế độ cũ, con cháu quan viên được lựa chọn để bổ sung vào làm học sinh ở Ngự Tiễn cận thị cục; sinh đồ, tức là những người thi hương trúng được bốn kỳ, đều được sung bổ làm giám sinh ở Quốc Tử Giám; giám sinh, người nào có tài làm lại, được bổ sung làm lại điển ở các nha môn. Đến nay, nhà vua sai bộ Lại khảo xét kỹ lại. Những người trúng tuyển: nếu là Cận thị cục học sinh, sẽ được cất nhắc làm Huyện thừa ở các huyện; nếu làm giám sinh ở Quốc Tử Giám và là lại điển ở các nha môn, sẽ được bổ giữ giáo chức ở các phủ.

¹ Sử Cương mục chép lầm là năm thứ nhất.

² Chỉ việc hai viên tướng dạy quân sĩ diễn tập trận đồ mãi không thành thuộc.

³ Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

⁴ Nay ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nhà vua hạ lệnh tìm di tập thơ và văn của Lê Trãi¹.

Ông Trãi, giúp Lê Thái Tổ khai quốc, rồi lại giúp Lê Thái Tông, tài trí, phép tắc, mưu mô, đạo đức, đều vượt hơn hết mọi người lúc bấy giờ; ngoài ra, ông lại có những tác phẩm như Quân trung từ mệnh², Dư địa chí³, Ngọc đường di tập, Giao tự đại lễ, Thạch bản đồ⁴ và văn thơ⁵. Đến khi bị giết, di thảo của ông phần nhiều bị mất mát, chỉ còn sót lại được chút ít, nhà vua xem đến, đặc biệt ngợi khen, cho nên hạ lệnh sưu tầm.

Chiêm Thành sai sứ sang cống.

Trước đây, nhà vua đi tuần Tây Kinh, xa giá đến hành điện⁶, sứ thần Chiêm Thành là Trầm Phác Sa đến cống nạp, nhà vua cho phép sứ thần vào triều yết ở hành tại⁷. Đến nay sứ thần được ban yến ở Bắc Sứ quán, nhà vua lại sai viên nội quan hỏi sứ thần về lễ thờ nước lớn. Sứ thần thưa rằng: "Nước Chiêm Thành đối với thánh triều cũng như con thờ cha mẹ, một mực nghe theo mệnh lệnh; như mệnh lệnh thiên tử ban ra, ngoài lễ vật cống nạp thường hằng năm, lại trách đến khoản tích cống⁸, đây là thể lệ mới, tôi không dám thiên tiện ứng đối".

Lời chua - Chiêm Thành: Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục để, năm Vĩnh Hòa thứ 9 (Tiền biên III, 20-21).

Bổ Trần Phong làm Thượng thư bộ Hình, Nguyễn Cư Đạo làm Đô ngự sử⁹ trong Ngự sử đài, quyền Thượng thư bộ Hộ, giữ công việc ở Kinh Diên¹⁰.

Nhà vua dụ bảo Trần Phong rằng: "Trẫm nghe cổ nhân nói: "Trị nước mà không dùng thưởng phạt, thì dầu đời Đường đời Ngu cũng không thể nào trị được thiên hạ"¹¹. Nay trẫm trình trọng ký thác ở nhà người, nhà người chỉ làm thế nào giữ được 4 chữ "cần, thành, đôn, xác"¹² thôi. Như thế thì nhà người có lẽ nào lại không cố gắng dùi mài đọc sách để hiểu rõ được đạo lý sáng khôn giữ mình hay sao?". Nhà vua dụ bảo Nguyễn Cư Đạo rằng: "Trẫm từ thuở bé cùng nhà người giao du, dịp khi trẫm lên ngự ngôi báu, nhà người châu chực ở Kinh Diên, nói về nghĩa là vua với tôi, nói về tình như cá với nước, nhà người phải hết lòng hết sức, cố mong báo đền ơn nước, chí công vô tư, ngăn ngừa hết sự đút lót; như thế trẫm sẽ là một ông vua biết người, mà nhà người được là một bầy tôi tận trung với nước, bản thân được hiển vinh, danh tiếng được vang dội, sáng tỏ mãi trong sử sách, chẳng cũng tốt đẹp lắm sao? Nếu không thế, thì trẫm là một ông vua không biết người, mà nhà người là một người bầy tôi chỉ có danh

¹ Ông Trãi chính là họ Nguyễn, vì có công giúp Lê Thái Tổ diệt quân Minh xâm lược khôi phục lại đất nước, nên được theo họ vua là họ Lê. Ở đây, Cương mục chép theo họ mà Lê Thái Tổ ban cho ông.

² Tham khảo *Ức trai di tập*, *Quân trung từ mệnh* của Nguyễn Trãi có 42 bức thư, phần nhiều là thư từ trao đổi với nhà Minh và một số thư chiếu dụ các thành ra hàng.

³ Cũng gọi là *An Nam vũ cống*, vì sách *Dư địa chí* này trình bày theo thể văn thiên Vũ Cống trong kinh *Thượng thư*.

⁴ *Ức trai di tập* chép là "Thạch khánh đồ", trong sách *Cương mục* này *Chính biên* quyển XVII tờ 2 cũng chép "Thạch khánh đồ". Xem thêm chú giải số 4 ở *Chính biên* quyển XVII tờ 3 (tập IX, trang 60).

⁵ Theo *Ức trai di tập* thì văn thơ của Nguyễn Trãi hiện nay còn sót lại một tập thơ, phú và ca bằng chữ Hán và một tập thơ bằng chữ Nôm.

⁶ Vua chúa khi ra ngoài kinh thành đóng ở nơi nào, thì nơi ấy gọi là hành điện hoặc hành tại.

⁷ Vua chúa khi ra ngoài kinh thành đóng ở nơi nào, thì nơi ấy gọi là hành điện hoặc hành tại.

⁸ Phẩm vật gì không phải là thứ thường dùng, cho nên không liệt vào sổ cống phẩm hàng năm, chỉ khi nào vua cho lệnh đem cống mới được cống nạp, gọi là tích cống.

⁹ Tức quan đứng đầu Ngự sử đài, hàm tam phẩm, giống như Thị ngự sử thời Trần.

¹⁰ Xem chú thích số 4, *Chính biên* quyển XIX, tờ 36.

¹¹ Trích một câu trong tờ phong sự của Ngụy Nguyên Trung dâng lên Đường Cao Tông (*Tư trị thông giám* quyển 202, tờ 6387).

¹² Bốn chữ này nghĩa đen là: siêng năng, thành thật, đôn hậu, cẩn thận.

vị hảo huyền mà không làm được việc gì cả. Ấy hai đường ấy, muốn theo đường nào cốt ở nhà người lựa chọn".

Lời chua - Nguyễn Cư Đạo: Người làng Đông Khối, huyện Gia Định, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442) năm Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Cầm Đồng, thổ tù ở châu Thuận, đem người Ai Lao sang cướp Hưng Hóa; nhà vua hạ lệnh cho Tổng binh Khuất Đà đem quân đi đánh, dẹp yên được.

Người Ai Lao chiếm ở Lộ Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ lẫn nhau, xâm chiếm cướp bóc dân biên giới. Nhà vua hạ lệnh cho Tổng binh Khuất Đà làm Đốc tướng, Đồng tổng binh Nguyễn Động làm phó tướng, Khiên Nhân Thọ giữ chức Tán lý quân vụ, thống lĩnh hơn năm ngàn quân, hội hợp với quân trấn thủ phủ Gia Hưng để đi đánh. Khi quân sĩ tiến đến châu Mộc thuộc phủ Gia Hưng, hợp sức với ba trăm lính thổ kéo thẳng đến sách Câu Lộ vùng sông Mã. Khuất Đà phân phối cho viên Tổng tri vệ Gia Hưng là Lê Miễn đem quân của vệ mình đến Khâu Chúc, hợp lực với lính thổ châu Việt và châu Mỗi đón chặn các đường hiểm yếu, nói phao lên là đem quân đánh giặc. Giặc nghe tiếng, bỏ chạy tan vỡ. Khuất Đà sai người dụ dỗ về đường lợi hại, bọn phụ đạo Cầm Đồng đến cửa dinh xin hàng. Khuất Đà bèn sai Xa Man, Kinh lược sứ châu Mộc, sửa sang nơi hiểm yếu cũ cho được trọn vẹn, rồi cho Xa Man cùng quan bản thổ là Cầm La đem lính thổ đóng giữ phòng bị; Khuất Đà dẫn quân về.

Trận này, vừa đi lẫn về chỉ có 18 ngày, những nơi binh sĩ đi qua, không làm kinh động đến con gà, con chó. Đến ngày làm lễ hiến phù¹, nhà vua muốn đem tù binh hành hình ở địa phương mà chúng đã xâm phạm để làm gương răn người khác. Bọn Thái bảo Lê Liệt tâu rằng: "Nếu Cầm Đồng quả thực lòng phục tội, xin đến đầu hàng, thì nên cho hắn được khỏi tội chết, để khuyến khích người sau này; nếu vì bức bách mà sau mới xin quy phục để mong khỏi chết, thì giết đi cũng là phải". Nhà vua ra lệnh đem giam Cầm Đồng vào ngục.

Trận này, viên Hiệu úy Hoàng Liễu đem lính thổ phủ An Tây đánh nhau với bộ lạc Ai Lao ở Khâu Lao chém giết được rất nhiều người, châu Thuận liền bắt giải vợ con Cầm Đồng cùng tù binh và những tai đã xẻo được² của quân Ai Lao nộp về kinh sư.

Lời cần án - Sử cũ chép: "Khuất Đà chiêu hàng được giặc Ai Lao là bọn Đạo Đồng". Nay tham khảo các sách sau này thì thấy:

- Sách **Thái bình hoàn vũ ký** của Nhạc Sử đời Tống chép: "Tiên tổ nước Ai Lao ở núi Lao Sơn, phía tây thông với Đại Tần³, phía nam thông với Giao Chỉ, từ đời này kế tiếp đời khác, mới chia đặt các tiểu vương, thường ở rải rác tại các nơi khe núi".

- Sách **Dư địa chí** của Nguyễn Trãi chép: "Bộ lạc Ai Lao rất nhiều, ở rải rác ra nhiều nơi, đều gọi là Lào".

- Sách **Hưng hóa phong thổ lục** của Hoàng Trọng Chính chép: "Hưng Hóa phía trên tiếp giáp với các đất Mán của Ai Lao"... Sách ấy lại chép: "Ba châu Sơn La, Tuần Giáo và Mai Sơn, hồi đầu triều Lê gọi là ba động, đều thuộc về châu Thuận; họ Cầm, đời này qua đời khác, giữ chức phụ đạo".

Theo các sử liệu đã dẫn ở trên, thì Ai Lao tự vượt qua biên cảnh chiếm ở Lộ Động, viên phụ đạo châu Thuận là Cầm Đồng cùng họ giao thông viện trợ, xâm phạm cướp bóc dân ở biên giới, đến khi quan quân tiến đánh, Ai Lao bị tan vỡ, Cầm Đồng mới ra hàng, bị giam ở ngục. Người châu Thuận đem vợ con Cầm Đồng cùng tù binh và tai giặc xẻo được đưa nộp về kinh sư. Như thế đủ biết Cầm Đồng không phải là bộ lạc Ai Lao: chữ "đạo" tức là "phụ đạo", chữ "đồng" tức là "Cầm Đồng". **Sử cũ** chép lầm "Đạo Đồng" là giặc Ai Lao, nay cải chính lại.

¹ Xem chú thích số 2, Chính biên quyển VIII, tờ 8.

² Nguyên văn chép chữ "quắc", xin xem chú thích số 4 ở Chính biên quyển XII, tờ 31.

³ Xem chú thích số 4 ở Tiền biên quyển IV, tờ 9.

Lời chua - Ai Lao: Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tiền biên IV, 9-10).

Phụ Đạo: Xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 6).

Phủ Gia Hưng: Đất Lâm Tây xưa, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thụy thứ 4 (Chính biên II, 41).

Mộc Châu: Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chính biên XIV, 15).

Mã Giang: Thượng lưu sông này ở địa phận châu Quan Hóa thuộc Thanh Hóa, bên tả giáp với phía nam tỉnh Hưng Hóa, hạ lưu hợp dòng với sông Lương.

Việt Châu: Xưa gọi tên là Mường Việt; nhà Lê đổi làm Việt Châu; năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi làm An Châu.

Thuận Châu: Nay thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa¹.

Mỗi Châu: Xem Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 4 (Chính biên XVII, 1).

Phủ An Tây: Xem năm Hồng Đức thứ 10 (Chính biên XXIII, 28).

Kinh lược sứ, Hiệu úy: Đều là tên quan, đều xem năm Hồng Đức thứ 2 (Chính biên XXII, 19, 20).

Họ Cầm, họ Xa: Đều là họ của dân tộc Thổ Mán.

Câu Lộng: Tên một sách.

Lộng Động, Khâu Chúc, Khâu Lao: Đều tên động, nay thay đổi thế nào không thể tra cứu được.

Bắt đầu đặt chức Bác sĩ dạy năm kinh.

Lúc ấy, giám sinh nhiều người chuyên trị kinh Thi, kinh Thư, ít người học tập sách Lễ Ký, Chu Dịch và Xuân Thu, cho nên nhà vua đặt chức Bác sĩ năm kinh, mỗi viên Bác sĩ chuyên nghiên cứu một kinh để dạy các học trò.

Giảm bớt thuộc viên ở hai phủ Bắc Bình và Thông Hóa.

Trước đây hai phủ Bắc Bình và Thông Hóa, mỗi phủ đặt chức Tri phủ và Đồng tri phủ; ở châu đặt chức Tri châu và Đồng Tri châu; ở huyện đặt chức Tri huyện và Huyện thừa, mỗi chức đều đặt một người đến nay giảm bớt đi, chỉ đặt Tri phủ, Tri châu, Tri huyện mỗi chức một người mà thôi.

Lời chua - Bắc Bình: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập: Bắc Bình là tên phủ, nguyên trước thuộc Thừa tuyên Thái Nguyên, sau đổi là Cao Bằng; khoảng niên hiệu Vĩnh Trị² đổi làm trấn; nay là tỉnh.

Thông Hóa: Tên phủ, nay vẫn thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Sâm Tố Đức, người thổ mán nhà Minh, xâm phạm vào phủ Bắc Bình. Viên Phó tổng tri Lê Lục và viên Đồng tổng tri Nguyễn Lượng vì phạm tội phải đây đi một châu ở nơi biên viễn³.

Sâm Tố Đức, người thổ ở phủ Trấn An nhà Minh, đem quân của hắn hơn ngàn người óng ở Âm Động, nói phao lên là để bắt giặc trốn là Sâm Vọng, nhân đây cướp trâu và súc vật của biên dân châu Thông Nông phủ Bắc Bình mang đi. Sau Tố Đức lại chiếm cứ châu Bảo Lạc, rồi xin với triều đình đuổi người phạm tội là Sâm Vọng ra khỏi biên cảnh. Triều đình bàn luận, cho rằng lời nói của Tố Đức đều là man trá. Nhà vua hạ lệnh cho viên Trung thư làm tờ tư di cho ti Bố chính sứ tỉnh Quảng Tây, xin súc cho Tố Đức phải trả lại người và súc vật mà y đã cướp bóc của nhân dân. Một mặt khác nhà vua sai Phan

¹ Nay là huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

² Niên hiệu Lê Hi Tông (1676-1680).

³ Nguyễn văn chép là viễn châu: Theo hình luật đời Lê Thái Tổ, viễn châu tức châu Bố Chính.

Tiến, Giám sát ngự sử Bắc Đạo, đến Bắc Bình xét hỏi việc này, bắt Lê Lục và Nguyễn Lượng giao xuống cho pháp ti nghị trị tội. Hai người đều phải đày đi viễn châu, vì tội đóng giữ phòng bị không cẩn thận, để đến nỗi biên giới bị cướp bóc.

Nhà vua hạ sắc dụ bảo các viên Tổng binh và thổ quan ở Lạng Sơn, An Bang và Bắc Bình rằng: "Người bày tôi giữ đất đai của triều đình, chức phận là phải bảo toàn cảnh thổ, yên ủi nhân dân, bẻ gãy những mũi nhọn tiến công, chống cự những kẻ khinh rẻ nước mình. Thế mà mới đây, người nước ngoài xâm phạm cướp bóc, trẫm không nghe thấy các người có công hiệu gì về việc đánh giặc giữ đất cả! Nếu nay cứ mỗi một việc lại buộc vào pháp luật, thì lòng trẫm có điều không nở. Vậy bọn các người phải cố gắng hết lòng hết sức, nghĩ làm thế nào để gột rửa tội lỗi trước kia". Nhân đấy, nhà vua ban bố 11 điều khoa lệnh.

Lời chua - Phủ Trấn An: Theo Đại Thanh nhất thống chí, phủ Trấn An thuộc tỉnh Quảng Tây.

Âm Động: Ở châu Tiểu Trấn An thuộc phủ Trấn An.

Thông Nông: Tên châu, xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 6 (Chính biên IV, 41).

Bảo Lạc: Tên châu, xem Lý Nhân Tông, năm Anh vũ chiêu thắng thứ 9 (Chính biên III, 45).

Quảng Tây: Mặt Tây Nam tỉnh này giáp giới với địa phận hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn nước ta.

Lạng Sơn, An Bang: Đều xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 19, 29, 31).

Tháng 4, mùa hạ. Ban phát bản in ngũ kinh cho Quốc Tử Giám.

Việc này là theo lời tâu của viên Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh.

Lời chua - Vũ Vĩnh Trinh: Người làng Thiết Khoán, huyện Thiên Bản¹, Vĩnh Trinh đỗ minh kinh khoa Kỷ Dậu (1429) năm Thuận Thiên thứ 2 đời Lê Thái Tổ.

Hạ lệnh cho các quân sĩ đọc sách.

Nhà vua hạ lệnh cho Dương Hải, quyền Thượng bảo tự khanh và Khiên Nhân Thọ, Thông chính tả thừa, dạy bảo luyện tập về việc đọc sách cho các hàng quân bộ binh, kỵ binh có tiếng mạnh khỏe dũng cảm.

Lúc bấy giờ nhà vua hạ lệnh cho quân ở ngũ phủ chế tạo binh khí theo hình dạng mới, được ít lâu lại bắt đổi theo hình dạng khác. Trong bọn quân nhân có người phàn nàn than thở. Văn Lư, một quân nhân trong vệ Oai Lôi² dâng thư nói: "Tháng giêng năm nay, bệ hạ đã ban ra hình dạng mới về binh khí, bắt quân chế tạo, nay lại thay đổi hình dạng khác, như thế là chính lệnh bất thường". Nhà vua sai bộ Lại dụ bảo Văn Lư rằng: "Binh khí cùng một hình dạng ấy cả, lời nhà người nói chỉ là nói càn mà thôi". Viên Thị lang Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư rằng: "Nhà người không phải là người giữ chức ngôn luận, sao lại dám nói càn đến việc nước?". Văn Lư trả lời: "Nước lấy dân làm gốc rễ, mà lính là để bảo vệ dân; nay hiệu lệnh trước sau bất nhất, quân và dân đều sầu oán, thế mà ông là người bày tôi thân cận của nhà vua, lại ngậm miệng, không nói gì, nay Lư này nói ra là yêu vua đấy". Bọn Như Hộc nghe lời của Văn Lư, yên lặng không nói gì cả.

¹ Nay là huyện Vụ Bản, thuộc tỉnh Nam Định.

² Một vệ trong 6 vệ của Tây quân phủ. Theo Chính biên XX tờ 5 ở trên chép là "Lôi Oai vệ" mà ở đây chép là "Oai Lôi vệ" không rõ bên nào là đúng.

Lời phê¹ - Xem việc này có thể rõ được: vua thì mắc bệnh hay thay đổi; bầy tôi chỉ quen thói bợ đỡ đón trước cái ý của nhà vua.

Lời chua - Dương Hải: Nguyên tên là Mỗi, sau đổi là Hải người làng Mi Sơn, huyện Thủy Đường², đỗ tiến sĩ khoa Quý Dậu (1453) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Ngũ phủ quân, Oai Lôi vệ: **Đều** xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 2, 5).

Đỗ (Tông) Nam và Nguyễn Như Đỗ phạm tội, giao xuống cho hình phạt quan xét nghị.

Đô cấp sự trung là bọn Trịnh Thiết Trường hặc tâu: "Đỗ (Tông) Nam, Thượng thư bộ Hình, làm quan mà ăn của đút; Nguyễn Như Đỗ, Thượng lại bộ Lại giữ việc tuyển cử mà làm mất sự chính đáng. Xin đều giao xuống pháp ti xét xử trị tội theo luật định". Nhà vua chuẩn y.

Lời chua - Trịnh Thiết Trường: Người làng Đông Lý, huyện An Định³, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh khoa Mậu Thìn (1448) năm Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Bổ Nguyễn Phục làm Tham chính⁴ trong ti Thừa chính sứ⁵ ở Thanh Hóa.

Nguyễn Phục, trước đi sứ Trung Quốc về, từng làm quan đến chức Tham nghị ở Chính sự viện, đến nay đổi làm Tham chính ở Thanh Hóa. Nhà vua dụ bảo rằng: "Nhà người trước kia sung vào sứ bộ sang Trung Quốc, đã phải khó nhọc về việc công, kịp khi về triều làm quan lại thường tiến dâng lời nói chính đáng, thật là đáng khen! Vậy đặc mệnh Giám thừa là Nguyễn Lỗi đem ban cho bạc lạng, để biểu dương lòng trung thành của nhà người".

Lời chua - Thanh Hóa: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 16-17, 20-21).

Chính sự viện: Theo mục "Quan chức chí" trong Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, quan chế hồi đầu triều Lê có Chính sự viện để giữ then chốt chính trị trong nước. Quan chức trong viện có các chức Thượng thư, Tham tri, Tham nghị và Đồng tham nghị.

Tháng 5. Tống Thiệu, thổ tù nhà Minh, xâm phạm cửa ải Toà Thoát.

Tống Thiệu, thổ quan phủ Trấn An nhà Minh, xâm phạm cửa ải Toà Thoát, cướp ruộng của dân, tiện tiện bắt lấy trâu và súc vật. Viên Tri phủ Bắc Bình và Đào Phục Lễ đem việc này tâu về triều, nhà vua hạ chiếu cho triều thần thảo luận về kế phòng bị. Thái sư là bọn Lê Liệt đều cho rằng rợ mọi ở nơi biên viễn tự đánh cướp lẫn nhau là tập tục của họ; bây giờ ta chỉ nên giữ vững lấy cương giới, không gây hấn khích ở ngoài biên cương, hễ chúng kéo đến thì mình chống cự lại mà thôi.

Lời chua - Cửa ải Toà Thoát: Ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng, nay là cửa ải qua Thoát.

Hạ chiếu cho bầy tôi: Người nào trước đã được "tứ quốc tính"⁶, nay lại theo về họ cũ của mình.

¹ Chỉ việc Lê Thánh Tông sai bộ Lại dụ bảo và lời Lương Như Hộc nói riêng với Văn Lư.

² Dương Hải, vốn tên là Mỗi, khi vào thi đình vua Nhân Tông đổi cho là Hải, người làng Mi Sơn, nay thuộc xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

³ Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁴ Tham chính là chức quan đứng hàng thứ 2 ở Ty Thừa chính, thuộc hàm tứ phẩm. Ty Thừa chính là cơ quan kiểm sát của Trung ương đặt tại địa phương.

⁵ Tham chính là chức quan đứng hàng thứ 2 ở Ty Thừa chính, thuộc hàm tứ phẩm. Ty Thừa chính là cơ quan kiểm sát của Trung ương đặt tại địa phương.

⁶ Xem chú thích số 3, Chính biên quyển V, tờ 22.

Phạm Công Nghị, Thượng thư bộ Lễ, dâng sớ nói: "Đời xưa một nước mới thành lập, thì thiên tử nhân nơi sinh mà cho một chữ gì đó để đặt làm họ: Ông Tiết lúc mới phong ở đất Thương, vua Nghiêu cho đặt họ là Tử; Ông Tắc lúc mới phong ở đất Thanh, vua Nghiêu cho đặt họ là Cơ, thế là dùng đất được phong để đặt làm họ, nhân họ để lập thành tông tộc riêng. Phàm đã làm người, ai cũng có họ riêng của mình; ngày trước như cửu quan, tam công, ngũ thần, thập loạn, đều là những người có công lao lớn với nước, mà chưa từng thấy người nào được tứ quốc tính cả. Đến Hán Cao tổ cho phép Lâu Kính đổi là họ Lưu, Đường Cao tổ cho phép Thế Tích được đổi là họ Lý, đây chẳng qua chỉ là cái thuật dùng để chép ngự trong nhất thời mà thôi¹. Những người ấy không biết rõ rằng họ nào có dòng dõi của họ ấy, không thể nào lẫn lộn được. Và lại, lấy thân phận người bầy tôi mà làm hỗn loạn quốc tính là bất kính, lấy bốn phận người làm con mà quên mất họ gốc rễ của ông cha là bất hiếu, việc ấy không thể dùng để dạy đời được, cần phải sửa đổi lại cho được chính đáng. Phàm người bầy tôi nào đã được tứ quốc tính, nay đều đổi theo về họ cũ của mình, để cho chi phái của thiên hoàng² được trong sạch, cội gốc của tộc tính được phân minh". Nhà vua chuẩn y lời tâu ấy.

Tháng 6. Làm bản đồ địa dư.

Nhà vua hạ lệnh cho 12 quan Thừa tuyên thân hành đi khám xét núi sông hiểm trở, nơi bình thản và sự tích đời xưa, đời nay trong địa hạt mình cai quản, vẽ thành đồ bản, ghi chú rõ ràng, đệ nộp bộ Hộ để sáng tác bản đồ địa dư.

Đặng Thiệm, Tham nghị trong ti Thừa chính sứ ở Hóa Châu dâng sớ nói 5 điều tiện lợi nên làm: 1. Lập đồn trấn thủ cửa biển Tư Dong; 2. Lắp cửa biển Nhuyễn Hải; 3. Khơi vét Liên Cừ; 4. Bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn; 5. Chiêu mộ dân lưu vong khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố Chính.

Lời phê - Năm điều này không rõ triều đình có theo hay không?

Lời chua - Hóa Châu: Xem Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 15 (Chính biên VIII, 44).

Đặng Thiệm: Người làng Mạo Bồ, huyện Sơn Vi³, đỗ tiến sĩ khoa Quý Dậu (1553) niên hiệu Thái Hòa đời Lê Nhân Tông.

Tư Dong: Tên cửa biển, ở phía Đông Nam huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên, nhà Lý gọi là Ô Long, nhà Trần đổi là Tư Dong; Ngụy Mạc⁴ đổi là Tư Khách; nay là Tư Hiền.

Cửa biển Nhuyễn Hải: Ở huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, nay là cửa biển Thuận An.

Liên Cừ: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 2 (Chính biên XII, 5).

Đông cung Thị Giảng⁵ là Vũ Nguyên Tiềm và Tạ Bưu phạm tội, bị bãi chức.

Nhà vua ra chơi Đông cung, hỏi Thái tử về nghĩa sách, Thái tử đem nghĩa sách mà Nguyên Tiềm đã dẫn giải cho từ trước để thừa lại. Nhà vua triệu bọn Nguyên Tiềm và Bưu đến phượng nghi đường bắt làm ba bài thi thể văn chiếu, chế và biểu, ba bài của Tiềm và Bưu đều bất thành văn lý. Nhà vua bèn quở trách bọn Nguyễn Như Đổ, Trần Phong và Trần Thốc về tội bảo cử không phải người xứng đáng và bãi chức bọn Nguyên Tiềm và Bưu.

¹ Câu này nguyên văn trong Cương mục có nêu hai chữ "Ngự điểm". Xem thêm chú thích số 2, Chính biên quyển III, tờ 34, về chữ "ngự điểm".

² Cũng như Thiên Trì, nghĩa đen là cái ao của trời, nghĩa bóng là dòng dõi họ nhà vua. Theo quan niệm đời phong kiến, họ nhà vua chia ra nhiều chi nhiều phái, đều bắt nguồn từ ao trời.

³ Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

⁴ Nhà Mạc cướp ngôi vua nhà Lê, sử phong kiến cho là không phải triều chính thống, nên họ chép là Ngụy Mạc. Vua đầu tiên của triều Mạc là Mạc Đăng Dong, vì kiêng chữ "Dong", nên đổi "Tư Dong" làm "Tư Khách".

⁵ Theo chế độ phong kiến, khi Thái tử khôn lớn, vua cha cho ra ở riêng một cung điện gọi là đông cung, cho nên mới dùng danh từ "đông cung" để tượng trưng cho Thái tử. Ở đông cung có các văn thần châu chực để dẫn giải nghĩa sách cho Thái tử, chức quan của bọn văn thần gọi là đông cung thị giảng.

Lê Thiệt, Tây quân đô đốc, phạm tội, bị bãi chức.

Thiệt, giữ chức Tây quân đô đốc, cho binh sĩ dưới quyền chỉ huy của mình đi tuần ngoài biên giới, dọa nạt người châu Thoát để lấy bạc, việc này phát giác, cho nên bị bãi chức.

Lời chua - Châu Thoát: Ở phủ Trương Định, tỉnh Lạng Sơn. Từ Minh thuộc trở về trước là Châu Thoát; hồi đầu triều Lê đổi làm Châu Thoát Lãng; nay vẫn theo tên ấy.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chọn những lại điển để đi xét hỏi cận kề về sự đau khổ của dân, dân và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Nhà vua hạ lệnh cho các quan trong lục bộ, lục tự, lục khoa¹ chọn những nha lại biết chữ và có hạnh kiểm, mỗi bộ, mỗi tự, mỗi khoa đều phải chọn lấy hai người để phân phái đi xét hỏi cận kề về sự đau khổ ở dân gian và chính sự ở địa phương tốt hay xấu.

Lời phê - Công việc xét hỏi cận kề mà dùng bọn này², thật là không hợp thể.

Hạ lệnh cho sử quan³ Lê Nghĩa dâng Nhật lịch⁴.

Nhà vua muốn xem Quốc sử, sai trung quan đến viện Hàn Lâm dụ bảo sử quan⁵ Lê Nghĩa rằng: "Ngày xưa Phòng Huyền Linh giữ chức sử quan, Đường Thái Tông⁶ muốn xem Thực lục⁷, Huyền Linh không cho xem. Nay nhà ngươi so sánh với Huyền Linh xem ai giỏi hơn?". Lê Nghĩa trả lời: "Sự biến xảy ra ở cửa Huyền Vũ⁸, Huyền Linh không chép thẳng, vì có lệnh của Đường Thái Tông rồi sau mới chép, như thế, e rằng chưa chắc đã giỏi". Trung quan nói: "Ý nhà vua muốn xem Nhật lịch từ năm Quang Thuận thứ nhất đến nay". Nghĩa nói: "Làm ông vua mà xem Quốc sử như việc Đường Thái Tông và Huyền Linh đã làm ngày trước, đời sau thường chê cười đấy". Trung quan nói: "Nhà vua cho rằng xem Nhật lịch để biết trước kia có làm việc gì lầm lỗi, thì nay có thể nhận xét được để mà sửa đổi". Nghĩa nói: "Bệ hạ cứ cố gắng làm điều thiện mà thôi, hà tất phải xem Quốc sử?". Nhà vua sai trung quan dụ bảo hai ba lần nữa. Nghĩa nói: "Nếu thánh thượng thực lòng biết đổi lỗi, là hạnh phúc vô cùng cho xã tắc⁹, thì việc dâng Nhật lịch này dù không can ngăn mà chính là can ngăn đấy". Bèn dâng Nhật lịch.

Lời phê¹⁰ - Lòng hiếu danh của Lê Thánh Tông cũng giống với Đường Thái Tông, nên mới muốn xem Quốc sử.

Lời phê¹¹ - Lê Nghĩa giữ đạo lý không vững vàng.

Lời chua - Lê Nghĩa: Người làng Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận.

¹ Xem thêm Chính biên quyển XIX, tờ 31 và quyển XX, tờ 6.

² Chỉ bọn nha lại.

³ Tên một chức quan giữ việc ghi chép về chính trị trong nước, về lời nói việc làm của vua chúa đương thời, dầu hay, dầu dở, đều ghi chép đầy đủ để sau chép vào sách sử.

⁴ Tức quyển Nhật ký, hàng ngày vua cùng bày tôi bàn luận hoặc thi hành công việc trong nước hoặc lời nói việc làm của vua, thì viên Khởi cư lang ghi chép tường tận, hết ngày, niêm phong sổ lại giao cho sử quan giữ.

⁵ Tên một chức quan giữ việc ghi chép về chính trị trong nước, về lời nói việc làm của vua chúa đương thời, dầu hay, dầu dở, đều ghi chép đầy đủ để sau chép vào sách sử.

⁶ Tên là Thế Dân làm vua 23 năm (627-649).

⁷ Một tên gọi riêng của sách sử. Theo nghĩa của nó, thì Thực lục là phải chép sự thực không bịa đặt, không giấu giếm. Thời đại phong kiến, triều vua nào cũng đều có một Thực lục riêng của triều vua ấy.

⁸ Thế Dân và Kiến Thành, Nguyên Cát, ba anh em tranh giành ngôi vua. Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ giết chết Kiến Thành và Nguyên Cát.

⁹ Xem chú thích số 3, Chính biên quyển VIII, tờ 9.

¹⁰ Chỉ việc Lê Thái Tông viện dẫn điển tịch Đường Thái Tông để xem Nhật lịch.

¹¹ Chỉ việc Lê Nghĩa cuối cùng đem Nhật lịch dâng Lê Thánh Tông.

Giặc cỏ xâm phạm vào An Bang, bọn Đốc tướng Khuất Đà và Tổng binh Lê Hồi đánh nhau với giặc, bị bại trận. Nhà vua sai bắt hai viên này giao cho Hình quan trị tội.

Trước đây, giặc cỏ xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang, nhà vua hạ lệnh cho Đô đốc thêm sự Khuất Đà thống lĩnh năm trăm quân trong ngũ phủ đi đánh. Vì không đuổi kịp giặc, nên rút quân về. Nhà vua bèn hạ lệnh cho quyền Lại khoa Cấp sự trung Khiên Nhân Thọ và Đông đạo quan sát ngự sử Thiều Duy Tinh đến An Bang xét hỏi việc về việc người tướng sủng nào đã làm chậm trễ trong khi hành quân [để đến nỗi quân quan không đuổi kịp giặc]. Nhà vua lại cho rằng: An Bang là đất xa xăm, mỗi khi nơi biên cảnh có báo động, quan quân tiếp ứng không sao kịp được, nghĩ đặt vệ quân ở trấn An Bang.

Đến nay, giặc cỏ lại xâm phạm vào đồn Khả Lặc ở An Bang. Nhà vua lại sai Khuất Đà thống lĩnh một ngàn quân trong ngũ phủ hội họp với Lê Hồi, Tổng binh trấn An Bang, đi đánh; một mặt nhà vua cho triệu bọn Đinh Liệt, Nguyễn Lỗi, Lê Niệm và Trịnh Văn Sái để cùng bàn định kế hoạch đánh dẹp; một mặt khác, hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đức Trung, Đô đốc đồng tri trong phủ Nam quân, đi giữ chức Giám quân và ban phát ba vạn thăng gạo để cung cấp cho quân ăn. Bọn Khuất Đà đánh nhau với giặc, bị bại trận.

Khiên Nhân Thọ hặc Lê Hồi không biết liệu tình thế giặc; Khuất Đà đuổi đánh giặc để nhờ mất cơ hội, để đến nỗi thua đau. Nhà vua hạ sắc lệnh cho Nhân Thọ đến nơi khám xét, nhân đấy bắt bọn Khuất Đà và Lê Hồi giải về kinh giao cho Hình quan trị tội.

Một hôm, sau khi bãi triều, nhà vua hỏi các đại thần rằng: "Khuất Đà trước kia tuy trái quân luật, việc này bộ Hình còn đương xét hỏi. Nay trẫm muốn dùng hẳn giữ việc binh, để trấn thủ Bắc Bình, thì thế nào?". Nguyễn Lỗi nói: "Để ai sống, giết ai chết, phong chức cho người nọ, cất chức của người kia, đây là quyền bính vua chúa, không phải việc thần hạ muốn luận bàn. Nhưng Khuất Đà đánh giặc vô công, bị quan chức trong lục khoa đàn hặc, hiện nay bộ Hình đương xét hỏi, tưởng hãy đợi việc hình ngục kết liễu, nếu quả Khuất Đà không có tội, bấy giờ sẽ dùng, cũng không lấy gì làm muộn". Nhà vua y theo lời tâu ấy.

Bọn Trần Phong, Thượng thư bộ Hình, đã tra hỏi xong việc hình ngục của Lê Hồi, muốn luận vào tội tương đương với quân pháp. Đô ngự sử Trần Thốc nói: "Lê Hồi, trước kia có công, nay vì trái quân luật mà phải tội, thì nên theo điều lệ "bát nghị"¹. Nhà vua nói; "Phép nước² chỉ có một lẽ mà không có hai lẽ, lời nói của Trần Thốc đem tách ra làm hai, không phải là quân pháp. Lời nói ấy chỉ là du thuyết³ mà thôi, nên buộc Trần Thốc vào tội du thuyết". Chưa được bao lâu, nhà vua lại dụ bảo Trần Thốc rằng: "Trước đây trẫm quả trách nhà ngươi là du thuyết, điều ấy có phần quá đáng; từ nay, những mưu hay chức lạ nhà ngươi nên vào trong cung điện tâu bày cho trẫm biết, ngõ hầu lời nói của nhà ngươi có thể ví như năm đại hạn mà gặp được mưa ngọt, như người qua sông mà có thuyền có chèo⁴, để báo đáp lại đức sáng".

Lời chua - Giặc cỏ: Ẩn nấp ở nơi đồng nội, không có danh hiệu gì để gọi tên, cho nên gọi là giặc cỏ.

Thành Khả Lặc: Tức sở Kim Lặc, thuộc sở Thủ ngữ kinh lược sứ ở đô ti An Bang.

Kinh sư bị nạn đói, nhà vua hạ chiếu giảm tô thuế và cho đóng thóc ở Nghệ An.

¹ Theo danh lệ trong hình luật đời phong kiến, có điều lệ bát nghị, người phạm tội mà được dự vào một điều trong "bát nghị" thì khi luận tội, hình quan được dựa vào tiêu chuẩn ấy mà luận tội nhẹ cho người can phạm. Ở đây, Trần Thốc muốn dựa vào tiêu chuẩn nghị công để luận tội nhẹ cho Lê Hồi.

² Đoạn văn này từ chữ "Phép nước" đến chữ "du thuyết", nguyên văn trong sử Cương mục chép không rõ ràng. Ở đây, chúng tôi dịch theo trong sách Toàn thư cho được rõ nghĩa hơn.

³ Dùng miệng lưỡi hoạt bát để biện luận, làm rung động cả người nghe gọi là du thuyết.

⁴ Hai câu này lấy điển ở thiên Duyệt Mạnh trong kinh Thượng Thư lời Cao Tông nhà Ân bảo Phó Duyệt.

Năm bấy giờ, trời nắng mãi không mưa, lúa ở đồng ruộng bị tổn hại, giá gạo ở kinh sư bỗng cao vọt lên. Nhà vua hạ chiếu giảm cho tô ruộng và thuế nhân đinh có từng bậc khác nhau; một mặt, hạ lệnh cho viên Thừa chính sứ ở Nghệ An trích tiền trong kho mua thóc ở Nghệ An nộp về kinh sư.

Lời chúa - Nghệ An: Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chính biên XXI, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua cho triệu Trịnh Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, về kinh, và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang.

Công Lộ, quyền Đô đốc phủ Đông quân, nay vì đánh giặc không thành công, nhà vua cho triệu về và hạ lệnh cho Nguyễn Đức Trung quyền Trấn thủ An Bang chỉ huy các quân sĩ. Trịnh Công Lộ từ An Bang trở về triều, dâng bốn điều tiện lợi: 1. Lập dinh trại ở châu Vạn Ninh và châu Tân Yên để chống cự người nước ngoài xâm lấn; 2. Kén chọn xếp đặt hương trưởng làm người giáp thủ để thống thuộc và giúp đỡ lẫn nhau; 3. Chọn người có tài cán văn võ để làm trấn thủ; 4. Lập các đường ở nơi quan ải, không để cho ai chém cây cối, mở đường sá, đến nỗi làm mất cả chỗ hiểm trở.

Lời chúa - Phủ Đông quân: Nam Sách và An Bang đều thuộc phủ Đông quân.

Vạn Ninh: Tên châu, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chính biên XI, 16).

Tân Yên: Tên châu, nay là châu Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Yên.

Xét định chế độ quân ngũ.

Trước đây đặt quân năm phủ, đến nay đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài các đạo, xét định chế độ quân ngũ: quân trong kinh có 66 ti, 51 vệ; quân ngoài các đạo có 26 vệ. Lệ định số quân: mỗi ti 100 người, mỗi vệ 5 sở hoặc 6 sở không nhất định, mỗi sở 20 đội, mỗi đội 20 người.

Nhà vua ra lệnh cho Đô đốc ngũ phủ là bọn Trịnh Văn Sái, Lê Hi Cát hội đồng với Nguyễn Vĩnh Tích, Thượng thư bộ Binh lựa chọn đại tổng kỳ, tiểu tổng kỳ ở các vệ trong ngũ phủ để bổ sung vào quân điện tiền ngũ vệ.

Lời chúa - Các quân trong kinh và ngoài các đạo: Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập thì:

Về phần quân trong kinh sư có các ti, các sở sau này:

- Lực sĩ các ti túc trực ở điện Kim Quang gồm 10 ti: Kim Dao, Bảo Dao, Hải Thanh, Hà Thanh, Kỳ Xạ, Súng Xạ, Minh Uy, Loan Giá, Hiệu Lệnh và Phụng Lệnh.

- Dũng sĩ các ti ở Cẩm Y vệ gồm 20 ti: Ngân Dao, Tróc Sinh, Nghi Vệ, Tài Quan, Hiệu Lệnh, Địch Vạn, Thiên Mã, Kỳ Thủ, Đình Úy, Thủ Ngử, Phục Ba, Ngân Thương, Hãn Vệ, Du Nỗ, Thần Uy, Phi Kỳ, Thần Xạ, Thanh Lộ, Xá Nhân và Kỳ Bài.

- Tráng sĩ các ti thuộc Cẩm Y gồm 18 ti: Địch Vạn, Phục Ba, Xá Nhân, Tuấn Sĩ, Thần Uy, Phi Kỳ, Ngoại Trực, Hiệu Lệnh, Đình Úy, Nghi Vệ, Minh Tiên, Kỳ Bài, Du Nỗ, Xuy Kim, Tráng Nỗ, Ngũ Thành bình mã, Tượng Cứu và Mã Cứu.

Các vệ sở thuộc Cẩm Y có bốn vệ tuần tượng:

- Tiền vệ gồm 5 sở: Chiết Xung, Hùng Lực, Oai Phong, Tráng Nghị và Phấn Mạnh.

- Tả vệ gồm 5 sở: Đại Tráng, Hoà Mạnh, Kính Uy, Thần Thăng và Phấn Nhuệ.

- Hữu vệ gồm 5 sở: Uy Nhuệ, Uy Dũng, Chấn Địch, Đô Lỗ và Khắc Tiệp.

- Hậu vệ gồm 5 sở: Tựu Lãng, Cầm Chí, Thành Nhạc, Cảng Hà và Quy Lâm.

- Mã Nhân có một vệ gồm 5 sở: Du Cảnh, Tống Hậu, Du Mĩ, Lãng Tiêu và Đạp Hà.

Vũ sĩ các ti ở Kim Ngô vệ gồm 14 ti: Trấn Điện, Lực Sĩ, Kỳ Thủ, Tài Lực, Trường Thương, Lăng Ba, Kính Nỗ, Hoàn Vệ, Đoàn Sáo, Định Lệnh, Hộ Vệ, Thần Tí, Định Uy và Thanh Đạo.

Tráng sĩ các ti thuộc Kim Ngô vệ có 4 ti: Tráng Sĩ, Lăng ba, Thần Tí và Chiêu Dũng.

Các vệ sở thuộc Kim Ngô có bốn vệ Thần Vũ:

- Tiền vệ gồm 5 sở: Phụng Thiên, Tiền Hưng, Dũng Hãn, Chu Lư và Hồ Viên.
- Tả vệ gồm 5 sở: Hiệu Trung, Uy Trảo, Hoàn Hồ, Toàn Hầu và Sâm Tài.
- Hữu vệ gồm 5 sở: Vũ Công, Thần Cự, Túc Quan, Chấp Sầm và Hiệp Lạc.
- Hậu vệ gồm 5 sở: Kính Tiết, Tráng Do, Bảo Tín, Hiệp Chính và Sư Can.

Bốn vệ Hiệu Lực là Tiền vệ, Tả vệ, Hữu vệ và Hậu vệ, không có quân hiệu riêng, mỗi vệ đều đặt 5 sở: Trung, Tiền, Tả, Hữu và Hậu.

Vũ Lâm vệ gồm 5 sở: Đề Kỳ, Tĩnh Nạn, Trường Kỹ, Trực Quang và Hắc Sáo.

Tuyên Trung vệ gồm 5 sở: Tồi Sơn, Phi Thạch, Kiêu Quan, Quệ Trương và Dực vệ.

Thiên Oai vệ gồm 6 sở: Thần Điện, Thần Tiến, Kính Nỗ, Thần Nỗ, Tấn Thạch và Tấn Phi.

Thủy Quân vệ gồm 6 sở: Hải Kinh, Hải Mã, Hải Côn, Hải Thu, Hải Hồng và Hải Bằng.

Thần Sách vệ gồm 5 sở: Tồi Kích, Phục Tàng, Vân Dực, Duẩn Kích và Thứ Phi.

Ứng Thiên vệ gồm 5 sở: Cung Thần, Dực Võ, Khống Hạc, Trực Quan và Phi Sơn.

Ba mươi vệ trong ngũ phủ: Xem năm Quang Thuận thứ 7 (Chính biên XX, 3-5).

Về phần quân ngoài các đạo có các ti vệ sau này:

Đô ti Thanh Hóa có 5 vệ:

- Thanh Hóa vệ gồm 6 sở: Kiến Nghĩa, Hùng Nghĩa, Bảo Nghĩa, Vũ Nghĩa, Chương Nghĩa và Súng Nỗ.

- Thanh Hóa Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Hãn Đột, Tồi Nhai, Khống Vân, Chế Hà, Chấn Uy và Súng Nỗ.

- Lưu Thủ vệ gồm 6 sở: Phấn Trung, Thần Dũng, Báo Quốc, Sùng Uy, Bảo Thuận và Súng Nỗ.

- Lưu Thủ Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Lược Hà, Hoa Xa, Xung Kiên, Hàm Tê, Mãnh Đột và Súng Nỗ.

- Quy Đức vệ gồm 6 sở: Huệ Địch, Bảo Cự, Mại Nghĩa, Nghi Hóa, Khâm Mại và Súng Nỗ.

Đô ti Nghệ An có 3 vệ:

- Nghệ An vệ gồm 6 sở: Thần Khôi, Thần Hùng, Thần Cương, Thần Lược, Thần Lực và Súng Nỗ.

- Nghệ An Tuần Tượng vệ gồm 6 sở: Đội Thắng, Khóa Sơn, Tiễn Địch, Trường Hồ, Lao Kiên và Súng Nỗ.

- Kiến An vệ gồm 6 sở: Thần Phong, Thần Kính, Thần Dũng, Thần Tích, Thần Hoạch và Súng Nỗ.

Đô ti Thuận Hóa có 4 vệ:

- Thuận Hóa vệ gồm 6 sở: Thần Qua, Thần Thăng, Thần Súng, Thần Kích, Thần Tráng và Súng Nổ.
- Trấn Bình vệ có 5 sở: Trực Kiêu, Du Phục, Vũ Tiêu, Thần Cán và Hãn Khương.
- Hải Khanh vệ gồm 5 sở: Khai Cương, Cổ Ngữ, Tuy Hà, Át Phương và Trúc Kinh.
- Giới Phiên vệ gồm 5 sở: Khoát Hải, Đoạn Ngạc, Thù Lai, Sưu Thanh và Tiết Bác.

Đô ti An Bang có một vệ:

- An Bang vệ gồm 6 sở: Trấn Hải, Trấn Viễn, Tĩnh Hải, Hùng Viễn, Tuy Viễn và Súng Nổ.

Đô ti Tuyên Quang có 4 vệ:

- Tuyên Quang vệ gồm 6 sở: Thủ Biên, Lăng Sơn, Thanh Tái, Khai Viễn, Diệu Vũ và Súng Nổ.
- Định Tây vệ gồm 6 sở: Tĩnh Man, Ninh Viễn, Hãn Biên, Chế Biên, Phục Viễn và Súng Nổ.
- Bình Sơn vệ gồm 6 sở: Bình Khương, Tĩnh Khương, Dương Võ, Tào Phân, Khôi Viễn và Súng Nổ.
- Tĩnh Tây vệ gồm 6 sở: An Biên, Thần Phong, Hùng Tiệp, Lược Tây, Hoài Di và Súng Nổ.

Đô ti Hưng Hóa có hai vệ:

- Gia Hưng vệ gồm 6 sở: Hiệu Vũ, Xạ Sinh, Tráng Tiệp, Tĩnh Nhung, Trấn Tây và Súng Nổ.
- Quy Hóa vệ gồm 6 sở: Bình Man, Uy Man, Định Uy, Quyết Thăng, Tồi Man và Súng Nổ.

Đô ti Thái Nguyên có 5 vệ:

- Thái Nguyên vệ gồm 6 sở: Ninh Tái, Định Tái, Sung Tráng, Bình Lỗ, Tồi Địch và Súng Nổ.
- Thái Nguyên Tuần Tượng vệ gồm 5 sở: Địch Phát, Cổ Quan, Xúc Phong, Công Kiên và Dụng Mãnh.
- Bình Địch vệ gồm 6 sở: Bình Nhung, Thanh Hoài, Phá Lỗ, Tĩnh Sóc, Vũ Địch và Súng Nổ.
- Bắc Bình vệ gồm 6 sở: Trấn Di, Hiệu Lỗ, Trù Biên, Khắc Địch, Tráng Uy và Súng Nổ.
- Ninh Sóc vệ gồm 6 sở: Tồi Phong, Tĩnh Viễn, Trấn Viễn, Thủ Tiến, Phi Dương và Súng Nổ.

Đô ti Lạng Sơn có 2 vệ:

- Lạng Sơn vệ gồm 6 sở: Bình Viễn, Trấn Nhung, Ngữ Lỗ, Chỉ Nổ, Chấn Dũng và Súng Nổ.
- Khánh Dương vệ gồm 6 sở: Hoàn Hải, Khống Viễn, Chế Sóc, Thảm Tiêu, Hãn Địch và Súng Nổ.